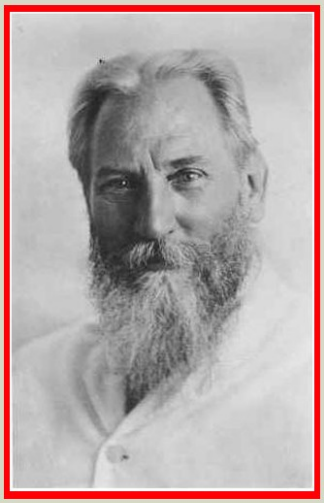
C.W. Leadbeater



MẶT ẨN DẤU CỦA SỰ VẬT

THE HIDDEN SIDE OF THINGS

minhtrietmoi.org

MẶT ẨN DẤU CỦA SỰ VẬT

The Hidden Side of Things

By

C. W. Leadbeater

Bản dịch minhtrietmoi.org

2024

MỤC LỤC

FOREWORD—MỞ ĐẦU....5

FIRST SECTION—PHẦN I....6

INTRODUCTORY—GIỚI THIỆU....6

CHAPTER I – OCCULTISM—HUYỀN BÍ HỌC....7

CHAPTER II - THE WORLD AS A WHOLE—THẾ GIỚI NHƯ MỘT TỔNG THỂ....15

SECOND SECTION—PHẦN II....24

HOW WE ARE INFLUENCED— CHÚNG TA BỊ ẢNH HƯỞNG NHƯ THẾ NÀO....24

CHAPTER III - BY PLANETS—BỞI CÁC HÀNH TINH....25

CHAPTER IV -BY THE SUN—BỞI MẶT TRỜI....36

CHAPTER V - BY NATURAL SURROUNDINGS—BỞI HOÀN CẢNH THIÊN NHIÊN....50

CHAPTER VI - BY NATURE-SPIRITS—BỞI TINH LINH THIÊN NHIÊN....65

CHAPTER VII - BY CENTRES OF MAGNETISM—BỞI CÁC TRUNG TÂM TỪ TÍNH....96

CHAPTER VIII - BY CEREMONIES—BỞI NGHI LỄ....117

CHAPTER IX -BY SOUNDS—BỞI ÂM THANH....146

CHAPTER X - BY PUBLIC OPINION—BỞI Ý KIẾN CÔNG CHÚNG....160

CHAPTER XI - BY OCCASIONAL EVENTS—BỞI CÁC SỰ KIỆN....181

CHAPTER XII -BY UNSEEN BEINGS—BỞI NHỮNG THỰC THỂ VÔ HÌNH....212

CHAPTER XIII - OUR ATTITUDE TOWARDS THESE INFLUENCES....249

THIRD SECTION—PHẦN III....263

HOW WE INFLUENCE OURSELVES— CHÚNG TA ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHÚNG TA NHƯ THẾ NÀO....263

CHAPTER XIV - BY OUR HABITS—BỞI THÓI QUEN....264

CHAPTER XV -BY PHYSICAL ENVIRONMENT—BỞI MÔI TRƯỜNG TRẦN GIAN....289

CHAPTER XVI - BY MENTAL CONDITIONS—BỞI CÁC ĐIỀU KIỆN TRÍ TUỆ....313

CHAPTER XVII -BY OUR AMUSEMENTS— BỞI NHỮNG TRÒ TIÊU KHIỂN CỦA CHÚNG TA....325

FOURTH SECTION—PHẦN IV....333

HOW WE INFLUENCE OTHERS—CHÚNG TA ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGƯỜI KHÁC NHƯ THẾ NÀO....333

CHAPTER XVIII - BY WHAT WE ARE— BỞI NHỮNG GÌ CHÚNG TA LÀ....334

CHAPTER XIX - BY WHAT WE THINK—BỞI NHỮNG GÌ CHÚNG TA NGHĨ....348

CHAPTER XX - BY WHAT WE DO—BỞI NHỮNG GÌ CHÚNG TA LÀM....370

CHAPTER XXI - BY COLLECTIVE THOUGHT—BỞI SUY NGHĨ CHUNG....392

CHAPTER XXII - BY OUR RELATION TO CHILDREN— BỞI MỐI QUAN HỆ CỦA CHÚNG TA VỚI TRẺ EM....407

CHAPTER XXIII - BY OUR RELATION TO LOWER KINGDOMS— BỞI MỐI QUAN HỆ CỦA CHÚNG TA VỚI CÁC GIỚI THẤP....431

FIFTH SECTION—PHẦN V....444

CONCLUSION—KẾT LUẬN....444

CHAPTER XXIV - THE RESULTS OF THE KNOWLEDGE— NHỮNG KẾT QUẢ CỦA KIẾN THỨC....445

CHAPTER XXV - THE WAY TO SEERSHIP—CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN TIẾN TRI.....453

FOREWORD—MỞ ĐẦU

THIS book has been in contemplation, and even in process of construction, for the last ten or twelve years, but only now has it been found possible to publish it. It has lost nothing by the delay, for a student of the occult never ceases to learn, and I know a good deal more in various ways now than I did twelve years ago, even though I see still more clearly than ever what an infinity of further knowledge stretches before us for our acquiring.

Cuốn sách này đã được suy ngẫm, và thậm chí đang trong quá trình xây dựng, trong mười hoặc mười hai năm qua, nhưng chỉ đến bây giờ mới có thể xuất bản nó. Nó không mất mát gì do sự chậm trễ, bởi vì một người nghiên cứu huyền bí học không bao giờ ngừng học hỏi, và tôi biết nhiều hơn về nhiều mặt bây giờ so với mười hai năm trước, ngay cả khi tôi vẫn thấy rõ ràng hơn bao giờ hết rằng một lượng kiến thức vô hạn đang trải dài trước mắt chúng ta để chúng ta tiếp thu.

Much of what is written here has appeared in the form of articles in *The Theosophist* and elsewhere; but all has been revised, and considerable additions have been made. I trust that it may help some brothers to realise the importance of that far larger part of life which is beyond our physical sight —to understand that, as the Lord Buddha Himself has taught us:

Phần lớn những gì được viết ở đây đã xuất hiện dưới dạng các bài báo trên Tạp chí Thông Thiên Học và những nơi khác; nhưng tất cả đã được sửa đổi, và bổ sung đáng kể. Tôi tin rằng nó có thể giúp một số huynh đệ nhận ra tầm quan trọng của phần lớn hơn nhiều của cuộc sống nằm ngoài tầm nhìn vật lý của chúng ta—để hiểu rằng, như chính Đức Phật đã dạy chúng ta:

The unseen things are more.

Những điều vô hình thì nhiều hơn.

C. W. LEADBEATER

FIRST SECTION—PHẦN I

INTRODUCTORY—GIỚI THIỆU

CHAPTER I – OCCULTISM—HUYỀN BÍ HỌC

THE term 'occultism' is one which has been much misunderstood. In the mind of the ignorant it was, even recently, synonymous with magic, and its students were supposed to be practitioners of the black art, veiled in flowing robes of scarlet covered with cabalistic signs, sitting amidst uncanny surroundings with a black cat as a familiar, compounding unholy decoctions by the aid of satanic evocations.

Thuật ngữ 'huyền bí học' là một thuật ngữ đã bị hiểu lầm rất nhiều. Trong tâm trí của những người thiếu hiểu biết, ngay cả gần đây, nó đồng nghĩa với huyền thuật, và những người nghiên cứu nó được cho là những người thực hành hắc thuật, che mình trong những chiếc áo choàng đỏ rực rỡ phủ đầy các dấu hiệu cabalist, ngồi giữa khung cảnh kỳ lạ với một con mèo đen làm bạn đồng hành, pha chế các loại thuốc độc hại bằng cách cầu khẩn ma quỷ.

Even now, and among those whom education has raised above such superstition as this, there still remains a good deal of misapprehension. For them its derivation from the Latin word *occultus* ought to explain at once that it is the science of the hidden; but they often regard it contemptuously as nonsensical and unpractical, as connected with dreams and fortune-telling, with hysteria and necromancy, with the search for the elixir of life and the philosopher's stone. Students, who should know better, perpetually speak as though the hidden side of things were intentionally concealed, as though knowledge with regard to it ought to be in the hands of all men, but was being deliberately withheld by the caprice or selfishness of a few; whereas the fact is that nothing is or can be hidden from us except by our own limitations, and that for every man as he evolves the world grows wider and wider, because he is able to see more and more of its grandeur and its loveliness.

Ngay cả bây giờ, và trong số những người được giáo dục đã vượt lên trên sự mê tín dị đoan như thế này, vẫn còn tồn tại rất nhiều hiểu lầm. Đối với họ, nguồn gốc của nó từ chữ *occultus* trong tiếng Latinh phải giải thích ngay rằng đó là khoa học về những điều ẩn giấu; nhưng họ thường coi thường nó như một điều vô nghĩa và không thực tế, liên quan đến những giấc mơ và bói toán, với chứng cuồng loạn và thuật chiêu hồn, với việc tìm kiếm thuốc trường sinh và hòn đá triết gia. Các học viên, những người đáng lẽ phải hiểu biết hơn, liên tục nói như thể khía cạnh ẩn giấu của vạn vật bị che giấu một cách cố ý, như thể kiến thức liên quan đến nó phải nằm trong tay tất cả mọi người, nhưng đang bị cố tình giữ lại bởi sự thất thường hoặc ích kỷ của một số ít người; trong khi sự thật là không có gì bị ẩn giấu hoặc có thể bị ẩn giấu khỏi chúng ta ngoại trừ bởi những hạn chế của chính chúng ta, và đối với mỗi người khi họ tiến hóa, thế giới ngày càng trở nên rộng lớn hơn, bởi vì họ có thể nhìn thấy ngày càng nhiều sự hùng vĩ và vẻ đẹp của nó.

As an objection against this statement may be cited the well-known fact that, at each of the great Initiations which mark the advance of the neophyte along the path of the higher progress, a definite new block of knowledge is given to him. That is quite true, but the knowledge can be given only because the recipient has evolved to the point at which he can grasp it. It is no more being withheld from ordinary humanity than the knowledge of conic sections is being withheld from the child who is still struggling with the multiplication-table. When that child reaches the level at which he can comprehend quadratic equations, the teacher is ready to

Như một sự phản đối đối với tuyên bố này có thể được viện dẫn một thực tế nổi tiếng rằng, tại mỗi Điểm đạo vĩ đại đánh dấu sự tiến bộ của người mới nhập môn trên con đường tiến bộ cao hơn, một khối kiến thức mới nhất định được ban cho họ. Điều đó hoàn toàn đúng, nhưng kiến thức chỉ có thể được ban cho bởi vì người nhận đã tiến hóa đến mức có thể nắm bắt được nó. Nó không còn bị giữ lại khỏi nhân loại bình thường nữa giống như kiến thức về các phần hình nón không bị giữ lại khỏi đứa trẻ vẫn đang vật lộn với bảng cửu chương. Khi đứa trẻ đó đạt đến trình độ mà nó có thể hiểu được các phương trình bậc hai, người thầy sẽ sẵn sàng giải thích cho nó các quy

explain to him the rules which govern them. In exactly the same way, when a man has qualified himself for the reception of the information given at a certain Initiation, he is forthwith initiated. But the only way to attain the capacity to imbibe that higher knowledge is to begin by trying to understand our present conditions, and to order our lives intelligently in view of the facts which we find.

tắc chi phối chúng. Theo cách tương tự, khi một người đã tự mình hội đủ điều kiện để tiếp nhận thông tin được đưa ra tại một Điểm đạo nhất định, thì ngay lập tức họ sẽ được điểm đạo. Nhưng cách duy nhất để đạt được khả năng tiếp thu kiến thức cao hơn đó là bắt đầu bằng cách cố gắng hiểu các điều kiện hiện tại của chúng ta và sắp xếp cuộc sống của chúng ta một cách thông minh theo quan điểm của những sự kiện mà chúng ta tìm thấy.

Occultism, then, is the study of the hidden side of nature; or rather, it is the study of the *whole* of nature, instead of only that small part of it which comes under the investigation of modern science. At the present stage of our development, by far the greater part of nature is entirely unknown to the majority of mankind, because they have as yet unfolded only a minute proportion of the faculties which they possess. The ordinary man, therefore, is basing his philosophy (so far as he has any) upon entirely inadequate grounds; his actions are moulded more or less in accordance with the few laws of nature which he knows, and consequently both his theory of life and his daily practice are necessarily inaccurate. The occultist adopts a far more comprehensive view; he takes into account those forces of the higher worlds whose action is hidden from the materialist, and so he moulds his life in obedience to the entire code of Nature's laws, instead of only by occasional reference to a minute fragment of it.

Do đó, Huyền bí học là nghiên cứu về mặt ẩn giấu của tự nhiên; hay đúng hơn, đó là nghiên cứu về toàn bộ tự nhiên, thay vì chỉ một phần nhỏ của nó thuộc phạm vi của khoa học hiện đại. Ở giai đoạn phát triển hiện tại của chúng ta, phần lớn tự nhiên hoàn toàn không được biết đến đối với phần lớn nhân loại, bởi vì họ vẫn chưa khai mở một phần nhỏ các năng mãnh lực mà họ sở hữu. Do đó, con người bình thường đang dựa trên triết lý của mình (nếu có) trên những nền tảng hoàn toàn không đầy đủ; hành động của họ được định hình ít nhiều phù hợp với một số ít quy luật tự nhiên mà họ biết, và do đó cả lý thuyết về cuộc sống và thực hành hàng ngày của họ chắc chắn là không chính xác. Nhà huyền bí học áp dụng một quan điểm toàn diện hơn nhiều; họ tính đến những mãnh lực của các thế giới cao hơn mà hành động của chúng bị ẩn giấu khỏi những người theo chủ nghĩa duy vật, và do đó, họ định hình cuộc sống của mình theo sự tuân theo toàn bộ bộ luật của các quy luật Tự nhiên, thay vì chỉ thỉnh thoảng tham khảo một phần nhỏ của nó.

It is difficult for the man who knows nothing of the occult to realise how great, how serious and how all-pervading are his own limitations. The only way in which we can adequately symbolise them is to suppose some form of consciousness still more limited than our own, and to think in what directions it would differ from ours. Suppose it were possible that a consciousness could exist capable of appreciating only solid matter—the liquid and gaseous forms of matter being to it as entirely non-existent as are the etheric and astral and mental forms to the ordinary man. We can readily see how for such a consciousness any adequate conception of the world in which we live would be impossible. Solid matter, which alone could be perceived by it, would constantly be found to be undergoing

Thật khó để người không biết gì về huyền bí học nhận ra những hạn chế của bản thân lớn lao, nghiêm trọng và bao trùm đến mức nào. Cách duy nhất mà chúng ta có thể biểu tượng hóa chúng một cách đầy đủ là giả sử một số dạng tâm thức vẫn còn hạn chế hơn tâm thức của chúng ta, và suy nghĩ xem nó sẽ khác với chúng ta theo hướng nào. Giả sử rằng có thể tồn tại một tâm thức chỉ có khả năng đánh giá cao vật chất rắn — các dạng vật chất lỏng và khí đối với nó hoàn toàn không tồn tại giống như các dạng dĩ thái, cảm dục và trí tuệ đối với người bình thường. Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy làm thế nào đối với một tâm thức như vậy, bất kỳ quan niệm đầy đủ nào về thế giới mà chúng ta đang sống sẽ là điều không thể. Vật chất rắn, thứ duy nhất có thể được nó nhận thức, sẽ liên tục được tìm thấy là đang

serious modifications, about which no rational theory could be formed.

trải qua những biến đổi nghiêm trọng, mà không có lý thuyết hợp lý nào có thể được hình thành.

For example, whenever a shower of rain took place, the solid matter of the earth would undergo change; it would in many cases become both softer and heavier when charged with moisture, but the reason of such a change would necessarily be wholly incomprehensible to the consciousness which we are supposing. The wind might lift clouds of sand and transfer them from one place to another; but such motion of solid matter would be entirely inexplicable to one who had no conception of the existence of the air. Without considering more examples of what is already so obvious, we see clearly how hopelessly inadequate would be such an idea of the world as would be attainable by this consciousness limited to solid matter. What we do not realise so readily, however, is that our present consciousness falls just as far short of that of the developed man as this supposed consciousness would fall short of that which we now possess.

Ví dụ, bất cứ khi nào có một trận mưa, vật chất rắn của trái đất sẽ trải qua sự thay đổi; trong nhiều trường hợp, nó sẽ trở nên mềm hơn và nặng hơn khi được tích điện với độ ẩm, nhưng lý do của sự thay đổi như vậy nhất thiết phải hoàn toàn không thể hiểu được đối với tâm thức mà chúng ta đang giả định. Gió có thể nâng những đám mây cát và chuyển chúng từ nơi này sang nơi khác; nhưng chuyển động như vậy của vật chất rắn sẽ hoàn toàn không thể giải thích được đối với người không có quan niệm về sự tồn tại của không khí. Không cần xem xét thêm các ví dụ về những gì đã quá rõ ràng, chúng ta thấy rõ ràng một ý tưởng về thế giới sẽ không đầy đủ đến mức nào nếu tâm thức này chỉ giới hạn ở vật chất rắn. Tuy nhiên, điều mà chúng ta không dễ dàng nhận ra là tâm thức hiện tại của chúng ta cũng kém xa tâm thức của con người phát triển giống như tâm thức được cho là này sẽ kém xa tâm thức mà chúng ta hiện đang sở hữu.

Theosophical students are at least theoretically acquainted with the idea that to everything there is a hidden side; and they also know that in the great majority of cases this unseen side is of far greater importance than that which is visible to the physical eye.

Các học viên Thông Thiên Học, ít nhất về mặt lý thuyết, đã quen thuộc với ý tưởng rằng mọi thứ đều có một mặt ẩn giấu; và họ cũng biết rằng trong đại đa số các trường hợp, mặt không nhìn thấy này có tầm quan trọng lớn hơn nhiều so với mặt có thể nhìn thấy bằng mắt thường.

To put the same idea from another point of view, the senses, by means of which we obtain all our information about external objects, are as yet imperfectly developed; therefore the information obtained is partial. What we see in the world about us is by no means all that there is to see, and a man who will take the trouble to cultivate his senses will find that, in proportion as he succeeds, life will become fuller and richer for him. For the lover of nature, of art, of music, a vast field of incredibly intensified and exalted pleasure lies close at hand, if he will fit himself to enter upon it. Above all, for the lover of his fellow-man there is the possibility of far more intimate comprehension and therefore far wider usefulness.

Để diễn đạt cùng một ý tưởng từ một quan điểm khác, các giác quan, nhờ đó chúng ta thu được tất cả thông tin của mình về các đối tượng bên ngoài, vẫn chưa được phát triển hoàn hảo; do đó thông tin thu được là một phần. Những gì chúng ta nhìn thấy trong thế giới xung quanh chúng ta không có nghĩa là tất cả những gì cần phải thấy, và một người chịu khó trau dồi các giác quan của mình sẽ thấy rằng, tỷ lệ thuận với thành công của mình, cuộc sống sẽ trở nên viên mãn và phong phú hơn đối với họ. Đối với người yêu thiên nhiên, nghệ thuật, âm nhạc, một lĩnh vực rộng lớn với niềm vui được tăng cường và nâng cao đáng kinh ngạc nằm ngay trong tầm tay, nếu họ tự trang bị cho mình để bước vào đó. Trên hết, đối với người yêu đồng loại của mình, có khả năng hiểu biết sâu sắc hơn nhiều và do đó có ích hơn nhiều.

We are only halfway up the ladder of evolution at present, and so our senses are only half-evolved.

Hiện tại, chúng ta mới chỉ đang ở nửa chặng đường của nấc thang tiến hóa, và do đó các giác

But it is possible for us to hurry up that ladder—possible, by hard work, to make *our* senses *now* what all men's senses will be in the distant future. The man who has succeeded in doing this is often called a seer or a clairvoyant.

quan của chúng ta mới chỉ phát triển được một nửa. Nhưng chúng ta có thể leo lên nấc thang đó nhanh hơn—có thể, bằng cách làm việc chăm chỉ, để biến các giác quan của chúng ta bây giờ trở thành các giác quan của tất cả mọi người trong tương lai xa. Người đã thành công trong việc này thường được gọi là nhà tiên tri hoặc người có khả năng thông nhãn.

A fine word that—clairvoyant. It means "one who sees clearly"; but it has been horribly misused and degraded, so that people associate it with all sorts of trickery and imposture—with gypsies who for sixpence will tell a maid-servant what is the colour of the hair of the duke who is coming to marry her, or with establishments in Bond Street where for a guinea fee the veil of the future is supposed to be lifted for more aristocratic clients.

Một từ ngữ đẹp—thông nhãn. Nó có nghĩa là "người nhìn thấy rõ ràng"; nhưng nó đã bị lạm dụng và hạ thấp một cách khủng khiếp, đến nỗi mọi người liên tưởng nó đến đủ loại trò lừa bịp và giả mạo—với những người du mục với sáu xu sẽ nói cho một người hầu gái biết màu tóc của công tước sắp đến cưới cô ấy, hoặc với các cơ sở ở Bond Street, nơi mà với một khoản phí là một đồng guinea, bức màn che tương lai được cho là sẽ được vén lên cho những khách hàng quý tộc hơn.

All this is irregular and unscientific; in many cases it is mere charlatanry and bare-faced robbery. But not always; to foresee the future up to a certain point *is* a possibility; it can be done, and it has been done, scores of times; and some of these irregular practitioners unquestionably do at times possess flashes of higher vision, though usually they cannot depend upon having them when they want them.

Tất cả những điều này là không chính thống và không khoa học; trong nhiều trường hợp, đó chỉ là trò bịp bợm và cướp bóc trắng trợn. Nhưng không phải lúc nào cũng vậy; việc thấy trước tương lai đến một mức độ nhất định là điều khả thi; nó có thể được thực hiện, và nó đã được thực hiện, hàng chục lần; và một số người hành nghề không chính thống này đôi khi sở hữu những tia sáng của tầm nhìn cao hơn, mặc dù thông thường họ không thể phụ thuộc vào việc có chúng khi họ muốn.

But behind all this vagueness there is a bed-rock of fact—something which can be approached rationally and studied scientifically. It is as the result of many years of such study and experiment that I state emphatically what I have written above—that it is possible for men to develop their senses until they can see much more of this wonderful and beautiful world in which we live than is ever suspected by the untrained average man, who lives contentedly in the midst of Cimmerean darkness and calls it light.

Nhưng đằng sau tất cả sự mơ hồ này là một nền tảng thực tế—một thứ có thể được tiếp cận một cách hợp lý và nghiên cứu một cách khoa học. Đó là kết quả của nhiều năm nghiên cứu và thử nghiệm như vậy mà tôi khẳng định một cách mạnh mẽ những gì tôi đã viết ở trên—rằng con người có thể phát triển các giác quan của mình cho đến khi họ có thể nhìn thấy nhiều hơn về thế giới tuyệt vời và xinh đẹp này mà chúng ta đang sống so với những gì mà người bình thường chưa được đào tạo từng nghi ngờ, người sống một cách bằng lòng giữa bóng tối Cimmerean và gọi đó là ánh sáng.

Two thousand and five hundred years ago the greatest of Indian teachers, Gautama the BUDDHA, said to His disciples: 'Do not complain and cry and pray, but open your eyes and *see*. The truth is all about you, if you will only take the

Hai nghìn năm trăm năm trước, vị thầy vĩ đại nhất của Ấn Độ, Đức Phật Gautama, đã nói với các đệ tử của Ngài: 'Đừng than thở, khóc lóc và cầu nguyện, mà hãy mở mắt ra và nhìn. Sự thật ở xung quanh tất cả các con, nếu các con chỉ cần gỡ

bandage from your eyes and look; and it is so wonderful, so beautiful, so far beyond anything that men have ever dreamt of or prayed for, and it is forever and forever.'

bỏ băng bịt mắt và nhìn; và nó thật tuyệt vời, thật đẹp đẽ, vượt xa bất cứ điều gì mà con người từng mơ ước hoặc cầu nguyện, và nó là mãi mãi và mãi mãi.'

He assuredly meant far more than this of which I am writing now, but this is a step on the way towards that glorious goal of perfect realisation. If it does not yet tell us quite *all* the truth, at any rate it gives us a good deal of it. It removes for us a host of common misconceptions, and clears up for us many points which are considered as mysteries or problems by those who are as yet uninstructed in this lore. It shows that all these things were mysteries and problems to us only because heretofore we saw so small a part of the facts, because we were looking at the various matters from below, and as isolated and unconnected fragments, instead of rising above them to a standpoint whence they are comprehensible as parts of a mighty whole. It settles in a moment many questions which have been much disputed—such, for example, as that of the continued existence of man after death. It explains many of the strange things which the Churches tell us; it dispels our ignorance and removes our fear of the unknown by supplying us with a rational and orderly scheme.

Chắc chắn Ngài muốn nói nhiều hơn những gì tôi đang viết bây giờ, nhưng đây là một bước trên con đường hướng tới mục tiêu vinh quang đó là nhận thức hoàn hảo. Nếu nó chưa cho chúng ta biết tất cả sự thật, thì ít nhất nó cũng cho chúng ta biết rất nhiều về nó. Nó loại bỏ cho chúng ta vô số quan niệm sai lầm phổ biến và làm sáng tỏ cho chúng ta nhiều điểm được những người chưa được hướng dẫn về truyền thuyết này coi là bí ẩn hoặc vấn đề. Nó cho thấy rằng tất cả những điều này là bí ẩn và vấn đề đối với chúng ta chỉ vì trước đây chúng ta đã nhìn thấy một phần rất nhỏ của sự thật, bởi vì chúng ta đã nhìn vào các vấn đề khác nhau từ bên dưới, và là những mảnh rời rạc và không liên quan, thay vì vươn lên trên chúng đến một quan điểm mà từ đó chúng có thể hiểu được như những phần của một tổng thể hùng mạnh. Nó giải quyết ngay lập tức nhiều câu hỏi đã được tranh luận nhiều—ví dụ như câu hỏi về sự tồn tại tiếp tục của con người sau khi chết. Nó giải thích nhiều điều kỳ lạ mà các Giáo hội nói với chúng ta; nó xua tan sự ngu dốt của chúng ta và loại bỏ nỗi sợ hãi của chúng ta về những điều chưa biết bằng cách cung cấp cho chúng ta một kế hoạch hợp lý và có trật tự.

Besides all this, it opens up a new world to us in regard to our every-day life—a new world which is yet a part of the old. It shows us that, as I began by saying, there is a hidden side to everything, and that our most ordinary actions often produce results of which without this study we should never have known. By it we understand the rationale of what is commonly called telepathy, for we see that just as there are waves of heat or light or electricity, so there are waves produced by thought, though they are in a finer type of matter than the others, and therefore not perceptible to our physical senses. By studying these vibrations we see how thought acts, and we learn that it is a tremendous power for good or for ill—a power which we are all of us unconsciously wielding to some extent—which we can use a hundredfold more effectively when we comprehend its workings. Further investigation reveals to us the method of

Bên cạnh tất cả những điều này, nó mở ra cho chúng ta một thế giới mới liên quan đến cuộc sống hàng ngày của chúng ta—một thế giới mới nhưng vẫn là một phần của thế giới cũ. Nó cho chúng ta thấy rằng, như tôi đã nói ban đầu, mọi thứ đều có một mặt ẩn giấu, và những hành động bình thường nhất của chúng ta thường tạo ra những kết quả mà nếu không nghiên cứu, chúng ta sẽ không bao giờ biết được. Nhờ nó, chúng ta hiểu được lý do của cái thường được gọi là thần giao cách cảm, vì chúng ta thấy rằng giống như có sóng nhiệt, sóng ánh sáng hoặc sóng điện, thì cũng có sóng do tư tưởng tạo ra, mặc dù chúng ở dạng vật chất tinh tế hơn những loại sóng khác, và do đó không thể cảm nhận được bằng các giác quan vật lý của chúng ta. Bằng cách nghiên cứu những rung động này, chúng ta thấy tư tưởng hoạt động như thế nào, và chúng ta biết rằng đó là một sức mạnh to lớn cho điều thiện hoặc điều ác—một sức mạnh mà tất cả chúng ta đều đang

formation of what are called 'thought-forms,' and indicates how these can be usefully employed both for ourselves and for others in a dozen different ways.

vô thức sử dụng ở một mức độ nào đó—mà chúng ta có thể sử dụng hiệu quả hơn gấp trăm lần khi chúng ta hiểu được hoạt động của nó. Nghiên cứu sâu hơn cho chúng ta thấy phương pháp hình thành cái gọi là 'hình tư tưởng' và chỉ ra cách chúng có thể được sử dụng hữu ích cho cả bản thân chúng ta và cho người khác theo hàng tá cách khác nhau.

The occultist studies carefully all these unseen effects, and consequently knows much more fully than other men the result of what he is doing. He has more information about life than others have, and he exercises his common-sense by modifying his life in accordance with what he knows. In many ways we live differently now from our forefathers in mediaeval times, because we know more than they did. We have discovered certain laws of hygiene; wise men live according to that knowledge, and therefore the average length of life is decidedly greater now than it was in the Middle Ages. There are still some who are foolish or ignorant, who either do not know the laws of health or are careless about keeping them; they think that because disease-germs are invisible to them, they are therefore of no importance; they don't believe in new ideas. Those are the people who suffer first when an epidemic disease arrives, or some unusual strain is put upon the community. They suffer unnecessarily, because they are behind the times. But they injure not only themselves by their neglect; the conditions caused by their ignorance or carelessness often bring infection into a district which might otherwise be free from it.

Nhà huyền bí học nghiên cứu cẩn thận tất cả những tác động vô hình này, và do đó biết rõ hơn nhiều so với những người khác về kết quả của những gì họ đang làm. Họ có nhiều thông tin về cuộc sống hơn những người khác, và họ sử dụng trí thông thường của mình bằng cách điều chỉnh cuộc sống của mình phù hợp với những gì họ biết. Theo nhiều cách, chúng ta sống khác với tổ tiên của chúng ta trong thời trung cổ, bởi vì chúng ta biết nhiều hơn họ. Chúng ta đã khám phá ra một số quy luật vệ sinh nhất định; những người thông thái sống theo kiến thức đó, và do đó tuổi thọ trung bình hiện nay chắc chắn cao hơn so với thời Trung cổ. Vẫn còn một số người ngu ngốc hoặc thiếu hiểu biết, những người không biết các quy luật sức khỏe hoặc bất cẩn trong việc tuân thủ chúng; họ nghĩ rằng vì vi trùng gây bệnh vô hình đối với họ nên chúng không quan trọng; họ không tin vào những ý tưởng mới. Đó là những người đầu tiên phải chịu đựng khi một dịch bệnh ập đến, hoặc một số căng thẳng bất thường đè nặng lên cộng đồng. Họ phải chịu đựng một cách không cần thiết, bởi vì họ lạc hậu. Nhưng họ không chỉ làm hại bản thân bằng sự thờ ơ của mình; các điều kiện do sự thiếu hiểu biết hoặc bất cẩn của họ gây ra thường mang mầm bệnh vào một khu vực mà nếu không có thể không có mầm bệnh.

The matter of which I am writing is precisely the same thing at a different level. The microscope revealed disease-germs; the intelligent man profited by the discovery, and rearranged his life, while the unintelligent man paid no attention, but went on as before. Clairvoyance reveals thought-force and many other previously unsuspected powers; once more the intelligent man profits by this discovery, and rearranges his life accordingly. Once more also the unintelligent man takes no heed of the new discoveries; once more he thinks that what he cannot see can have no importance for him; once more he continues to suffer quite unnecessarily,

Vấn đề mà tôi đang viết chính xác là điều tương tự ở một cấp độ khác. Kính hiển vi đã phát hiện ra vi trùng gây bệnh; người thông minh đã tận dụng khám phá này và sắp xếp lại cuộc sống của mình, trong khi người không thông minh không chú ý đến, mà vẫn tiếp tục như trước. Khả năng thông nhãn cho thấy sức mạnh tư tưởng và nhiều sức mạnh khác trước đây không bị nghi ngờ; một lần nữa người thông minh tận dụng khám phá này và sắp xếp lại cuộc sống của mình cho phù hợp. Một lần nữa, người không thông minh cũng không để ý đến những khám phá mới; một lần nữa, họ nghĩ rằng những gì họ không thể nhìn thấy không thể có tầm quan trọng đối với họ; một

because he is behind the times.

lần nữa, họ tiếp tục phải chịu đựng một cách không cần thiết, bởi vì họ lạc hậu.

Not only does he often suffer positive pain, but he also misses so much of the pleasure of life. To painting, to music, to poetry, to literature, to religious ceremonies, to the beauties of nature there is always a hidden side—a fullness, a completeness beyond the mere physical; and the man who can see or sense this has at his command a wealth of enjoyment far beyond the comprehension of the man who passes through it all with unopened perceptions.

Không chỉ thường xuyên chịu đựng nỗi đau tích cực, mà họ còn bỏ lỡ rất nhiều niềm vui trong cuộc sống. Đối với hội họa, âm nhạc, thơ ca, văn học, các nghi lễ tôn giáo, vẻ đẹp của thiên nhiên luôn có một mặt ẩn giấu—một sự đầy đủ, một sự trọn vẹn vượt ra ngoài thể chất đơn thuần; và người có thể nhìn thấy hoặc cảm nhận được điều này có trong tay một nguồn hưởng thụ phong phú vượt xa sự hiểu biết của người đi qua tất cả mà không mở ra nhận thức.

The perceptions exist in every human being, though as yet undeveloped in most. To unfold them means generally a good deal of time and hard work, but it is exceedingly well worthwhile. Only let no man undertake the effort unless his motives are absolutely pure and unselfish, for he who seeks wider faculty for any but the most exalted purposes will bring upon himself a curse and not a blessing.

Nhận thức tồn tại trong mỗi con người, mặc dù hầu hết vẫn chưa được phát triển. Việc khai mở chúng thường đồng nghĩa với việc mất rất nhiều thời gian và công sức, nhưng nó cực kỳ đáng giá. Chỉ cần đừng để ai nỗ lực trừ khi động cơ của họ hoàn toàn trong sáng và vị tha, vì người tìm kiếm năng mãnh lực rộng lớn hơn cho bất kỳ mục đích nào ngoài những mục đích cao cả nhất sẽ mang lại cho mình một lời nguyền chứ không phải một phước lành.

But the man of affairs, who has no time to spare for a sustained effort to evolve nascent powers within himself, is not thereby debarred from sharing in some at least of the benefits derived from occult study, any more than the man who possesses no microscope is thereby prevented from living hygienically. The latter has not seen the disease-germs, but from the testimony of the specialist he knows that they exist, and he knows how to guard himself from them. Just in the same way a man who has as yet no dawning of clairvoyant vision may study the writings of those who have gained it, and in this way profit by the results of their labour. True, he cannot yet see all the glory and the beauty which are hidden from us by the imperfection of our senses; but he can readily learn how to avoid the unseen evil, and how to set in motion the unseen forces of good. So, long before he actually *sees* them, he can conclusively prove to himself their existence, just as the man who drives an electric motor proves to himself the existence of electricity, though he has never seen it and does not in the least know what it is.

Nhưng người làm công việc, không có thời gian rảnh rỗi cho một nỗ lực bền bỉ để phát triển các sức mạnh non trẻ trong bản thân, không vì thế mà bị ngăn cản chia sẻ ít nhất một số lợi ích có được từ nghiên cứu huyền bí học, cũng giống như người không sở hữu kính hiển vi không vì thế mà bị ngăn cản sống một cách hợp vệ sinh. Người sau chưa nhìn thấy vi trùng gây bệnh, nhưng từ lời khai của chuyên gia, họ biết rằng chúng tồn tại và họ biết cách tự bảo vệ mình khỏi chúng. Cũng giống như vậy, một người vẫn chưa có tầm nhìn thông nhãn có thể nghiên cứu các tác phẩm của những người đã đạt được nó, và theo cách này, họ được hưởng lợi từ kết quả lao động của họ. Đúng vậy, họ vẫn chưa thể nhìn thấy tất cả vinh quang và vẻ đẹp bị ẩn giấu khỏi chúng ta bởi sự không hoàn hảo của các giác quan của chúng ta; nhưng họ có thể dễ dàng học cách tránh cái ác vô hình và cách thiết lập các mãnh lực thiện vô hình hoạt động. Vì vậy, rất lâu trước khi họ thực sự nhìn thấy chúng, họ có thể tự chứng minh một cách thuyết phục sự tồn tại của chúng, giống như người lái động cơ điện tự chứng minh sự tồn tại của điện, mặc dù họ chưa bao giờ nhìn thấy nó và hoàn toàn không biết nó là gì.

We must try to understand as much as we can of the world in which we live. We must not fall behind in the march of evolution, we must not let ourselves be anachronisms, for lack of interest in these new discoveries, which yet are only the presentation from a new point of view of the most archaic wisdom. “Knowledge is power” in this case as in every other; in this case, as in every other, to secure the best results, the glorious trinity of power, wisdom and love must ever go hand in hand.

Chúng ta phải cố gắng hiểu càng nhiều càng tốt về thế giới mà chúng ta đang sống. Chúng ta không được tụt hậu trong cuộc hành quân của sự tiến hóa, chúng ta không được để bản thân trở thành những điều lỗi thời, vì thiếu quan tâm đến những khám phá mới này, mà chỉ là sự trình bày từ một quan điểm mới về minh triết cổ xưa nhất. “Kiến thức là sức mạnh” trong trường hợp này cũng như trong mọi trường hợp khác; trong trường hợp này, cũng như trong mọi trường hợp khác, để đảm bảo kết quả tốt nhất, bộ ba vinh quang của sức mạnh, minh triết và tình yêu thương phải luôn song hành cùng nhau.

There is a difference, however, between theoretical acquaintance and actual realization; and I have thought that it might help students somewhat towards the grasp of the realities to have a description of the unseen side of some of the simple transactions of everyday life as they appear to clairvoyant vision—to one, let us say, who has developed within himself the power of perception through the astral, mental and causal bodies. Their appearance as seen by means of the intuitional vehicle is infinitely grander and more effective still, but so entirely inexpressible that it seems useless to say anything about it; for on that level all experience is within the man instead of without, and the glory and the beauty of it is no longer something which he watches with interest, but something which he feels in his inmost heart, because it is part of himself.

Tuy nhiên, có một sự khác biệt giữa sự hiểu biết về mặt lý thuyết và sự nhận thức thực tế; và tôi đã nghĩ rằng nó có thể giúp ích phần nào cho các học viên hướng tới việc nắm bắt thực tế khi có mô tả về mặt vô hình của một số giao dịch đơn giản trong cuộc sống hàng ngày khi chúng xuất hiện trước tầm nhìn thông nhãn—ví dụ, đối với một người đã phát triển trong bản thân sức mạnh của nhận thức thông qua thể cảm dục, thể trí và thể nguyên nhân. Sự xuất hiện của chúng khi được nhìn thấy bằng phương tiện trực giác thậm chí còn hùng vĩ và hiệu quả hơn vô cùng, nhưng hoàn toàn không thể diễn tả được đến nỗi dường như vô ích khi nói bất cứ điều gì về nó; vì ở cấp độ đó, tất cả kinh nghiệm đều nằm trong con người thay vì bên ngoài, và vinh quang và vẻ đẹp của nó không còn là thứ mà họ quan sát với sự thích thú, mà là thứ mà họ cảm nhận trong trái tim sâu thẳm nhất của mình, bởi vì nó là một phần của chính họ.

The object of this book is to give some hints as to the inner side of the world as a whole and of our daily life. We shall consider this latter in three divisions, which will resemble the conjugations of our youthful days in being passive, middle and active respectively—how we are influenced, how we influence ourselves, and how we influence others; and we shall conclude by observing a few of the results which must inevitably flow from a wider diffusion of this knowledge as to the realities of existence.

Mục đích của cuốn sách này là đưa ra một số gợi ý về mặt trong của thế giới nói chung và cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Chúng ta sẽ xem xét điều thứ hai này trong ba phần, giống như sự chia động từ thời trẻ của chúng ta, lần lượt là bị động, trung tính và chủ động—cách chúng ta bị ảnh hưởng, cách chúng ta tự ảnh hưởng đến bản thân và cách chúng ta ảnh hưởng đến người khác; và chúng ta sẽ kết luận bằng cách quan sát một số kết quả chắc chắn sẽ xuất hiện từ việc phổ biến rộng rãi hơn kiến thức này về thực tế của sự tồn tại.

CHAPTER II - THE WORLD AS A WHOLE—THẾ GIỚI NHƯ MỘT TỔNG THỂ

A WIDER OUTLOOK

WHEN we look upon the world around us, we cannot hide from ourselves the existence of a vast amount of sorrow and suffering. True, much of it is obviously the fault of the sufferers, and might easily be avoided by the exercise of a little self-control and common-sense; but there is also much which is not immediately self-induced, but undoubtedly comes from without. It often seems as though evil triumphs, as though justice fails in the midst of the storm and stress of the roaring confusion of life, and because of this many despair of the ultimate result, and doubt whether there is in truth any plan of definite progress behind all this bewildering chaos.

It is all a question of the point of view; the man who is himself in the thick of the fight cannot judge of the plan of the general or the progress of the conflict. To understand the battle as a whole, one must withdraw from the tumult and look down upon the field from above. In exactly the same way, to comprehend the plan of the battle of life we must withdraw ourselves from it for the time, and in thought look down upon it from above—from the point of view not of the body which perishes but of the soul which lives forever. We must take into account not only the small part of life which our physical eyes can see, but the vast totality of which at present so much is invisible to us.

Until that has been done we are in the position of a man looking from beneath at the underside of some huge piece of elaborate tapestry which is in process of being woven. The whole thing is to us but a confused medley of varied colour, of ragged hanging ends, without order or beauty, and we are unable to conceive what all this mad clatter of machinery can be doing; but when through our knowledge of the hidden side of nature we are able to look down from above, the pattern begins to unfold itself before our eyes, and the apparent chaos shows itself as orderly progress.

A more forcible analogy may be obtained by contemplating in imagination the view of life which would present itself to some tiny microbe

MỘT TẦM NHÌN RỘNG LỚN HƠN

Khi nhìn vào thế giới xung quanh, chúng ta không thể che giấu bản thân sự tồn tại của vô số nỗi buồn và đau khổ. Đúng vậy, phần lớn trong số đó rõ ràng là lỗi của những người đau khổ, và có thể dễ dàng tránh được bằng cách thực hiện một chút tự chủ và lương tri; nhưng cũng có nhiều điều không phải do tự gây ra ngay lập tức, mà chắc chắn đến từ bên ngoài. Thường có vẻ như cái ác chiến thắng, như thể công lý thất bại giữa bão tố và căng thẳng của sự nhầm lẫn ầm ầm của cuộc sống, và vì điều này, nhiều người tuyệt vọng về kết quả cuối cùng, và nghi ngờ liệu có thực sự có bất kỳ kế hoạch tiến bộ rõ ràng nào đằng sau tất cả sự hỗn loạn khó hiểu này.

Tất cả chỉ là vấn đề quan điểm; người đang ở trong trận chiến không thể đánh giá kế hoạch của tướng lĩnh hay tiến trình của cuộc xung đột. Để hiểu trận chiến nói chung, người ta phải rút lui khỏi sự hỗn loạn và nhìn xuống chiến trường từ trên cao. Theo cách tương tự, để hiểu được kế hoạch của trận chiến cuộc sống, chúng ta phải tạm thời rút lui khỏi nó, và trong suy nghĩ, hãy nhìn xuống nó từ trên cao—từ quan điểm không phải của thể xác sẽ diệt vong mà là của linh hồn sống mãi mãi. Chúng ta phải tính đến không chỉ phần nhỏ của cuộc sống mà mắt thường của chúng ta có thể nhìn thấy, mà còn tính đến toàn bộ rộng lớn mà hiện tại chúng ta không thể nhìn thấy được rất nhiều.

Cho đến khi điều đó được thực hiện, chúng ta đang ở vị trí của một người nhìn từ bên dưới vào mặt dưới của một tấm thảm khổng lồ phức tạp đang trong quá trình dệt. Toàn bộ sự việc đối với chúng ta chỉ là một mớ hỗn độn của màu sắc đa dạng, của những đầu dây treo lởm chởm, không có trật tự hay vẻ đẹp, và chúng ta không thể hình dung tất cả tiếng lạch cạch điên cuồng của máy móc này có thể làm gì; nhưng khi thông qua kiến thức của chúng ta về mặt ẩn giấu của tự nhiên, chúng ta có thể nhìn xuống từ trên cao, mô hình bắt đầu tự mở ra trước mắt chúng ta, và sự hỗn loạn rõ ràng cho thấy mình là sự tiến bộ có trật tự.

Một phép loại suy mạnh mẽ hơn có thể thu được bằng cách chiêm nghiệm trong trí tưởng tượng cái nhìn về cuộc sống sẽ tự thể hiện trước một số

whirled down by a resistless flood, such as that which rushes through the gorge of Niagara. Boiling, foaming, swirling, the force of that stream is so tremendous that its centre is many feet higher than its sides. The microbe on the surface of such a torrent must be dashed hither and thither wildly amidst the foam, sometimes thrown high in air, sometimes whirled backwards in an eddy, unable to see the banks between which he is passing, having every sense occupied in the mad struggle to keep himself somehow above water. To him that strife and stress is all the world of which he knows; how can he tell whither the stream is going?

vi khuẩn nhỏ bé bị cuốn trôi bởi một trận lụt không thể cưỡng lại, chẳng hạn như trận lụt đổ xuống qua hẻm núi Niagara. Sôi sục, sủi bọt, xoáy cuộn, mãnh lực của dòng nước đó mạnh đến mức tâm của nó cao hơn hai bên nhiều feet. Vi khuẩn trên bề mặt của một dòng nước xiết như vậy phải bị xô đẩy dữ dội giữa bọt nước, đôi khi bị ném lên cao trong không khí, đôi khi bị cuốn ngược trở lại trong một xoáy nước, không thể nhìn thấy bờ giữa nơi nó đang đi qua, mọi giác quan đều bị chiếm giữ trong cuộc đấu tranh điên cuồng để bằng cách nào đó giữ mình nổi trên mặt nước. Đối với nó, sự xung đột và căng thẳng đó là tất cả thế giới mà nó biết; làm sao nó biết được dòng suối đang chảy về đâu?

But the man who stands on the bank, looking down on it all, can see that all this bewildering tumult is merely superficial, and that the one fact of real importance is the steady onward sweep of those millions of tons of water downwards towards the sea. If we can furthermore suppose the microbe to have some idea of progress, and to identify it with forward motion, he might well be dismayed when he found himself hurled aside or borne backwards by an eddy; while the spectator could see that the apparent backward movement was but a delusion, since even the little eddies were all being swept onwards with the rest. It is no exaggeration to say that as is the knowledge of the microbe struggling in the stream to that of the man looking down upon it, so is the comprehension of life possessed by the man in the world to that of one who knows its hidden side.

Nhưng người đứng trên bờ, nhìn xuống tất cả, có thể thấy rằng tất cả sự hỗn loạn khó hiểu này chỉ là hời hợt, và sự thật thực sự quan trọng duy nhất là sự trôi dạt đều đặn xuống biển của hàng triệu tấn nước đó. Nếu chúng ta có thể giả định thêm rằng vi khuẩn có một số ý tưởng về sự tiến bộ và đồng nhất nó với chuyển động về phía trước, thì nó cũng có thể sẽ mất tinh thần khi thấy mình bị ném sang một bên hoặc bị một xoáy nước cuốn ngược trở lại; trong khi người xem có thể thấy rằng chuyển động lùi rõ ràng chỉ là một ảo tưởng, vì ngay cả những xoáy nước nhỏ cũng đều bị cuốn trôi đi cùng với phần còn lại. Không ngoa khi nói rằng giống như kiến thức của vi khuẩn đang vật lộn trong dòng nước so với kiến thức của người nhìn xuống nó, thì sự hiểu biết về cuộc sống của người trong thế giới cũng giống như sự hiểu biết của người biết mặt ẩn giấu của nó.

Best of all, though not so easy to follow because of the effort of imagination involved, is the parable offered to us by Mr. Hinton in his Scientific Romances. For purposes connected with his argument Mr. Hinton supposes the construction of a large vertical wooden frame, from top to bottom of which are tightly stretched a multitude of threads at all sorts of angles. If then a sheet of paper be inserted horizontally in the frame so that these threads pass through it, it is obvious that each thread will make a minute hole in the paper. If then the frame as a whole be moved slowly upwards, but the paper kept still, various effects will be produced. When a thread is perpendicular it will slip through its hole without difficulty, but when a thread is fixed at

Hay nhất, mặc dù không dễ để làm theo vì nỗ lực của trí tưởng tượng liên quan, là dụ ngôn do ông Hinton đưa ra trong cuốn Khoa học Lãng mạn của mình. Vì mục đích liên quan đến lập luận của mình, ông Hinton giả định việc xây dựng một khung gỗ thẳng đứng lớn, từ trên xuống dưới được kéo căng nhiều sợi chỉ ở tất cả các loại góc độ. Nếu sau đó một tờ giấy được chèn theo chiều ngang vào khung sao cho các sợi chỉ này đi qua nó, thì rõ ràng là mỗi sợi chỉ sẽ tạo ra một lỗ nhỏ trên giấy. Nếu sau đó toàn bộ khung được di chuyển chậm lên trên, nhưng tờ giấy vẫn giữ nguyên, thì các hiệu ứng khác nhau sẽ được tạo ra. Khi một sợi chỉ vuông góc, nó sẽ trượt qua lỗ của nó mà không gặp khó khăn, nhưng khi một sợi chỉ được cố định ở một góc, nó sẽ cắt một

an angle it will cut a slit in the paper as the frame moves.

đường rạch trên giấy khi khung di chuyển.

Suppose instead of a sheet of paper we have a thin sheet of wax, and let the wax be sufficiently viscous to close up behind the moving thread. Then instead of a number of slits we shall have a number of *moving holes,* and to a sight which cannot see the threads that cause them, the movement of these holes will necessarily appear irregular and inexplicable. Some will approach one another, some will recede; various patterns and combinations will be formed and dissolve; all depending upon the arrangement of the invisible threads. Now, by a still more daring flight of fancy, think not of the holes but of the minute sections of thread for the moment filling them, and imagine those sections as conscious atoms. They think of themselves as separate entities, they find themselves moving without their own volition in what seems a maze of inextricable confusion, and this bewildering dance is life as they know it. Yet all this apparent complexity and aimless motion is in fact a delusion caused by the limitation of the consciousness of those atoms, for only *one* extremely simple movement is really taking place—the steady upward motion of the frame as a whole. But the atom can never comprehend that until it realises that it is not a separated fragment, but *part of a thread.*

Giả sử thay vì một tờ giấy, chúng ta có một tấm sáp mỏng, và để cho sáp đủ nhớt để đóng lại phía sau sợi chỉ đang di chuyển. Sau đó, thay vì một số đường rạch, chúng ta sẽ có một số lỗ chuyển động, và đối với tầm nhìn không thể nhìn thấy các sợi chỉ gây ra chúng, chuyển động của các lỗ này nhất thiết sẽ xuất hiện không đều và không thể giải thích được. Một số sẽ tiếp cận nhau, một số sẽ rút lui; các mẫu và kết hợp khác nhau sẽ được hình thành và hòa tan; tất cả phụ thuộc vào sự sắp xếp của các sợi chỉ vô hình. Bây giờ, bằng một chuyến bay tưởng tượng táo bạo hơn nữa, đừng nghĩ về các lỗ mà hãy nghĩ về các phần nhỏ của sợi chỉ trong khoảnh khắc lấp đầy chúng, và hãy tưởng tượng các phần đó là những nguyên tử có tâm thức. Chúng tự coi mình là những thực thể riêng biệt, chúng thấy mình đang di chuyển mà không có ý chí của bản thân trong một mê cung dường như hỗn loạn không thể tách rời, và điệu nhảy hoang mang này là cuộc sống như chúng biết. Tuy nhiên, tất cả sự phức tạp rõ ràng và chuyển động không mục đích này trên thực tế là một ảo tưởng do sự hạn chế của tâm thức của những nguyên tử đó gây ra, vì chỉ có một chuyển động cực kỳ đơn giản đang thực sự diễn ra—chuyển động hướng lên đều đặn của toàn bộ khung. Nhưng nguyên tử không bao giờ có thể hiểu được điều đó cho đến khi nó nhận ra rằng nó không phải là một mảnh vỡ tách rời, mà là một phần của một sợi chỉ.

"Which things are an allegory," and a very beautiful one; for the threads are ourselves—our true selves, our souls—and the atoms represent us in this earthly life. So long as we confine our consciousness to the atom, and look on life only from this earthly standpoint, we can never understand what is happening in the world. But if we will raise our consciousness to the point of view of the soul, the thread of which the bodily life is only a minute part and a temporary expression, we shall then see that there is a splendid simplicity at the back of all the complexity, a unity behind all the diversity. The complexity and the diversity are illusions produced by our limitations; the simplicity and the unity are real.

"Những điều đó là một câu chuyện ngụ ngôn," và là một câu chuyện rất đẹp; vì các sợi chỉ là chính chúng ta—cái tôi thực sự của chúng ta, linh hồn của chúng ta—và các nguyên tử đại diện cho chúng ta trong cuộc sống trần gian này. Chừng nào chúng ta còn giới hạn tâm thức của mình trong nguyên tử và nhìn cuộc sống chỉ từ quan điểm trần gian này, chúng ta sẽ không bao giờ hiểu được điều gì đang xảy ra trên thế giới. Nhưng nếu chúng ta nâng cao tâm thức của mình đến quan điểm của linh hồn, sợi chỉ mà cuộc sống thể xác chỉ là một phần nhỏ và là biểu hiện tạm thời, thì chúng ta sẽ thấy rằng có một sự đơn giản tuyệt vời đằng sau tất cả sự phức tạp, một sự thống nhất đằng sau tất cả sự đa dạng. Sự phức tạp và đa dạng là ảo tưởng do những hạn chế của chúng ta tạo ra; sự đơn giản và thống nhất là có

thật.

The world in which we live has a hidden side to it, for the conception of it in the mind of the ordinary man in the street is utterly imperfect along three quite distinct lines. First, it has an extension at its own level which he is at present quite incapable of appreciating; secondly, it has a higher side which is too refined for his undeveloped perceptions; thirdly, it has a meaning and a purpose of which he usually has not the faintest glimpse. To say that we do not see the whole of our world is to state the case far too feebly; what we see is an absolutely insignificant part of it, beautiful though that part may be. And just as the additional extension is infinite compared to our idea of space, and cannot be expressed in its terms, so are the scope and the splendour of the whole infinitely greater than any conception that can possibly be formed of it here, and they cannot be expressed in any terms of that part of the world which we know.

Thế giới mà chúng ta đang sống có một mặt ẩn giấu, vì quan niệm về nó trong tâm trí của người bình thường trên phố là hoàn toàn không hoàn hảo theo ba đường lối hoàn toàn khác biệt. Thứ nhất, nó có một sự mở rộng ở cấp độ của chính nó mà hiện tại họ hoàn toàn không có khả năng đánh giá cao; thứ hai, nó có một mặt cao hơn quá tinh tế đối với nhận thức chưa phát triển của họ; thứ ba, nó có một ý nghĩa và mục đích mà họ thường không có cái nhìn mờ nhạt nhất. Nói rằng chúng ta không nhìn thấy toàn bộ thế giới của mình là nói quá yếu ớt về trường hợp này; những gì chúng ta nhìn thấy là một phần hoàn toàn không đáng kể của nó, mặc dù phần đó có thể đẹp. Và giống như sự mở rộng bổ sung là vô hạn so với ý tưởng của chúng ta về không gian và không thể được thể hiện bằng các thuật ngữ của nó, thì phạm vi và sự lộng lẫy của toàn bộ cũng lớn hơn vô hạn so với bất kỳ quan niệm nào có thể hình thành về nó ở đây, và chúng không thể được thể hiện bằng bất kỳ thuật ngữ nào của phần thế giới mà chúng ta biết.

THE FOURTH DIMENSION

CHIỀU KÍCH THỨ TƯ

The extension spoken of under the first head has often been called the fourth dimension. Many writers have scoffed at this and denied its existence, yet for all that it remains a fact that our physical world is in truth a world of many dimensions, and that every object in it has an extension, however minute, in a direction which is unthinkable to us at our present stage of mental evolution. When we develop astral senses we are brought so much more directly into contact with this extension that our minds are more or less forced into recognition of it, and the more intelligent gradually grow to understand it; though there are those of less intellectual growth who, even after death and in the astral world, cling desperately to their accustomed limitations and adopt most extraordinary and irrational hypotheses to avoid admitting the existence of the higher life which they so greatly fear.

Sự mở rộng được nói đến dưới tiêu đề đầu tiên thường được gọi là chiều kích thứ tư. Nhiều nhà văn đã chế giễu điều này và phủ nhận sự tồn tại của nó, nhưng mặc dù vậy, vẫn còn một thực tế là thế giới vật chất của chúng ta thực sự là một thế giới đa chiều, và mọi vật thể trong đó đều có một sự mở rộng, dù nhỏ đến đâu, theo một hướng mà chúng ta không thể tưởng tượng được ở giai đoạn tiến hóa trí tuệ hiện tại của mình. Khi chúng ta phát triển các giác quan cảm dục, chúng ta được tiếp xúc trực tiếp hơn nhiều với sự mở rộng này đến nỗi tâm trí của chúng ta ít nhiều bị buộc phải nhận ra nó, và những người thông minh hơn sẽ dần dần hiểu được nó; mặc dù có những người kém phát triển trí tuệ hơn, ngay cả sau khi chết và trong thế giới cảm dục, vẫn bám lấy một cách tuyệt vọng vào những hạn chế quen thuộc của họ và áp dụng những giả thuyết phi thường và phi lý nhất để tránh thừa nhận sự tồn tại của cuộc sống cao hơn mà họ vô cùng sợ hãi.

Because the easiest way for most people to arrive at a realisation of the fourth dimension of space is to develop within themselves the power of astral sight, many persons have come to suppose

Bởi vì cách dễ nhất để hầu hết mọi người nhận ra chiều kích thứ tư của không gian là phát triển trong bản thân sức mạnh của tầm nhìn cảm dục, nhiều người đã cho rằng chiều kích thứ tư là một

that the fourth dimension is an exclusive appanage of the astral world. A little thought will show that this cannot be so. Fundamentally there is only one kind of matter existing in the universe, although we call it physical, astral or mental according to the extent of its subdivision and the rapidity of its vibration. Consequently the dimensions of space—if they exist at all—exist independently of the matter which lies within them; and whether that space has three dimensions or four or more, all the matter within it exists subject to those conditions, whether we are able to appreciate them or not.

đặc quyền độc quyền của thế giới cảm dục. Một chút suy nghĩ sẽ cho thấy rằng điều này không thể như vậy. Về cơ bản, chỉ có một loại vật chất tồn tại trong vũ trụ, mặc dù chúng ta gọi nó là vật chất, cảm dục hay trí tuệ tùy theo mức độ phân chia của nó và tốc độ rung động của nó. Do đó, các chiều của không gian—nếu chúng tồn tại—tồn tại độc lập với vật chất nằm trong chúng; và cho dù không gian đó có ba chiều hay bốn chiều hay nhiều hơn, thì tất cả vật chất bên trong nó đều tồn tại tuân theo những điều kiện đó, cho dù chúng ta có thể đánh giá cao chúng hay không.

It may perhaps help us a little in trying to understand this matter if we realise that what we call space is a limitation of consciousness, and that there is a higher level at which a sufficiently developed consciousness is entirely free from this. We may invest this higher consciousness with the power of expression in any number of directions, and may then assume that each descent into a denser world of matter imposes upon it an additional limitation, and shuts off the perception of one of these directions. We may suppose that by the time the consciousness has descended as far as the mental world only five of these directions remain to it; that when it descends or moves outward once more to the astral level it loses yet one more of its powers, and so is limited to the conception of four dimensions; then the further descent or outward movement which brings it into the physical world cuts off from it the possibility of grasping even that fourth dimension, and so we find ourselves confined to the three with which we are familiar.

Có lẽ nó có thể giúp chúng ta một chút trong việc cố gắng hiểu vấn đề này nếu chúng ta nhận ra rằng cái mà chúng ta gọi là không gian là một sự giới hạn của tâm thức, và có một cấp độ cao hơn mà ở đó một tâm thức phát triển đầy đủ hoàn toàn thoát khỏi điều này. Chúng ta có thể đầu tư cho tâm thức cao hơn này sức mạnh biểu đạt theo bất kỳ số lượng hướng nào, và sau đó có thể giả định rằng mỗi lần đi xuống một thế giới vật chất dày đặc hơn sẽ áp đặt lên nó một giới hạn bổ sung và ngăn chặn nhận thức về một trong những hướng này. Chúng ta có thể giả sử rằng vào thời điểm tâm thức đã đi xuống đến tận thế giới trí tuệ thì chỉ còn lại năm hướng này đối với nó; rằng khi nó đi xuống hoặc di chuyển ra ngoài một lần nữa đến cấp độ cảm dục, nó lại mất thêm một sức mạnh nữa của mình, và do đó bị giới hạn trong quan niệm về bốn chiều; sau đó, sự đi xuống hoặc di chuyển ra ngoài xa hơn đưa nó vào thế giới vật chất sẽ cắt đứt khỏi nó khả năng nắm bắt ngay cả chiều kích thứ tư đó, và do đó chúng ta thấy mình bị giới hạn trong ba chiều mà chúng ta quen thuộc.

Looking at it from this point of view, it is clear that the conditions of the universe have remained unaffected, though our power of appreciating them has changed; so that, although it is true that when our consciousness is functioning through astral matter we are able to appreciate a fourth dimension which normally is hidden from us while we work through the physical brain, we must not therefore make the mistake of thinking that the fourth dimension belongs to the astral world only and that physical matter exists somehow in a different kind of space from the astral or mental. Such a suggestion is shown to be

Nhìn từ quan điểm này, rõ ràng là các điều kiện của vũ trụ vẫn không bị ảnh hưởng, mặc dù sức mạnh đánh giá cao chúng của chúng ta đã thay đổi; do đó, mặc dù đúng là khi tâm thức của chúng ta đang hoạt động thông qua vật chất cảm dục, chúng ta có thể đánh giá cao một chiều kích thứ tư mà thông thường bị ẩn giấu khỏi chúng ta trong khi chúng ta hoạt động thông qua bộ não vật chất, nhưng do đó chúng ta không được nhầm lẫn khi nghĩ rằng chiều kích thứ tư chỉ thuộc về thế giới cảm dục và vật chất vật lý bằng cách nào đó tồn tại trong một loại không gian khác với không gian cảm dục hay trí tuệ. Một gợi ý như vậy được chứng minh là không chính đáng bởi thực

unjustified by the fact that it is possible for a man using his physical brain to attain by means of practice the power of comprehending some of the four-dimensional forms.

tế là một người sử dụng bộ não vật chất của mình có thể đạt được bằng cách thực hành sức mạnh hiểu được một số dạng bốn chiều.

I do not wish here to take up fully the consideration of this fascinating subject; those who would follow it further should apply themselves to the works of Mr. C. H. Hinton—*Scientific Romances* and *The Fourth Dimension* — the former book for all the interesting possibilities connected with this study, and the latter for the means whereby the mind can realise the fourth dimension as a fact. For our present purposes it is necessary only to indicate that here is an aspect or extension of our world which, though utterly unknown to the vast majority of men, requires to be studied and to be taken into consideration by those who wish to understand the whole of life instead of only a tiny fragment of it.

Tôi không muốn ở đây đề cập đầy đủ đến việc xem xét chủ đề hấp dẫn này; những người muốn tìm hiểu thêm nên tự nghiên cứu các tác phẩm của ông C. H. Hinton—Khoa học Lãng mạn và Chiều kích thứ tư—cuốn sách trước đây dành cho tất cả các khả năng thú vị liên quan đến nghiên cứu này, và cuốn sách sau dành cho phương tiện mà nhờ đó tâm trí có thể nhận ra chiều kích thứ tư như một sự thật. Đối với mục đích hiện tại của chúng ta, chỉ cần chỉ ra rằng đây là một khía cạnh hoặc sự mở rộng của thế giới mà chúng ta, mặc dù hoàn toàn không được biết đến đối với đại đa số mọi người, cần phải được nghiên cứu và xem xét bởi những người muốn hiểu toàn bộ cuộc sống thay vì chỉ một phần nhỏ của nó.

THE HIGHER WORLD

THẾ GIỚI CAO HƠN

There is a hidden side to our physical world in a second and higher sense which is well known to all students of Theosophy, for many lectures have been delivered and many books have been written in the endeavour to describe the astral and mental worlds—the unseen realm which interpenetrates that with which we are all familiar, and forms by far the most important part of it. A good deal of information about this higher aspect of our world has been given in the fifth and the sixth of the Theosophical manuals, and in my own book upon *The Other Side of Death;* so here I need do no more than make a short general statement for the benefit of any reader who has not yet met with those works.

Có một mặt ẩn giấu đối với thế giới vật chất của chúng ta theo nghĩa thứ hai và cao hơn mà tất cả các học viên Thông Thiên Học đều biết rõ, vì nhiều bài giảng đã được thuyết trình và nhiều cuốn sách đã được viết ra để cố gắng mô tả thế giới cảm dục và trí tuệ—cõi giới vô hình xen kẽ với cõi giới mà tất cả chúng ta đều quen thuộc, và tạo thành phần quan trọng nhất của nó. Rất nhiều thông tin về khía cạnh cao hơn này của thế giới đã được đưa ra trong cuốn thứ năm và thứ sáu của bộ sách cẩm nang Thông Thiên Học, và trong cuốn sách của riêng tôi về Mặt kia của Cái chết; vì vậy ở đây tôi chỉ cần đưa ra một tuyên bố chung ngắn gọn vì lợi ích của bất kỳ độc giả nào chưa từng gặp những tác phẩm đó.

Modern physicists tell us that matter is interpenetrated by aether—a hypothetical substance which they endow with many apparently contradictory qualities. The occultist knows that there are many varieties of this finer interpenetrative matter, and that some of the qualities attributed to it by the scientific men belong not to it at all, but to the primordial substance of which it is the negation. I do not wish here to turn aside from the object of this

Các nhà vật lý hiện đại nói với chúng ta rằng vật chất bị adĩ thái xen vào—một chất giả thuyết mà họ ban cho nhiều phẩm chất dường như mâu thuẫn. Nhà huyền bí học biết rằng có rất nhiều loại vật chất xen kẽ tinh tế hơn này, và một số phẩm chất mà các nhà khoa học gán cho nó hoàn toàn không thuộc về nó, mà thuộc về chất nguyên thủy mà nó là sự phủ định. Tôi không muốn ở đây đi chệch khỏi mục tiêu của cuốn sách này để đưa ra một bài bình luận dài dòng về phẩm

book to give a lengthy disquisition upon the qualities of aether; those who wish to study this subject may be referred to the book upon *Occult Chemistry*, p. 93. Here it must suffice to say that the true aether of space exists, just as scientific men have supposed, and possesses most of the curious contradictory qualities ascribed to it. It is not, however, of that aether itself, but of matter built up out of the bubbles in it, that the inner worlds of finer matter are built, of which we have spoken just now. That with which we are concerned at the moment is the fact that all the matter visible to us is interpenetrated not only by aether, but also by various kinds of finer matter, and that of this finer matter there are many degrees.

chất của adĩ thái; những người muốn nghiên cứu chủ đề này có thể tham khảo cuốn sách về *Hóa học Huyền bí, trang* 93. Ở đây, chỉ cần nói rằng adĩ thái thực sự của không gian tồn tại, giống như các nhà khoa học đã giả định, và sở hữu hầu hết các phẩm chất mâu thuẫn kỳ lạ được gán cho nó. Tuy nhiên, không phải bản thân adĩ thái đó, mà là vật chất được tạo ra từ các bong bóng trong đó, mà các thế giới bên trong của vật chất tinh tế hơn được tạo ra, mà chúng ta vừa nói đến. Điều mà chúng ta quan tâm lúc này là thực tế là tất cả vật chất mà chúng ta nhìn thấy được đều bị xen vào không chỉ bởi adĩ thái, mà còn bởi nhiều loại vật chất tinh tế hơn, và có nhiều mức độ của vật chất tinh tế hơn này.

To the type which is nearest to the physical world occult students have given the name astral matter; the kind next above that has been called mental, because out of its texture is built that mechanism of consciousness which is commonly called the mind in man; and there are other types finer still, with which for the moment we are not concerned. Every portion of space with which we have to do must be thought of as containing all these different kinds of matter. It is practically a scientific postulate that even in the densest forms of matter no two particles ever touch one another, but each floats alone in its field of aether, like a sun in space. Just in the same way each particle of the physical aether floats in a sea of astral matter, and each astral particle in turn floats in a mental ocean; so that all these additional worlds need no more space than does this fragment which we know, for in truth they are all parts of one and the same world.

Các học viên huyền bí học đã đặt tên cho loại gần với thế giới vật chất nhất là vật chất cảm dục; loại tiếp theo ở trên đó được gọi là trí tuệ, bởi vì kết cấu của nó được xây dựng từ cơ chế tâm thức thường được gọi là tâm trí trong con người; và có những loại khác tinh tế hơn nữa, mà lúc này chúng ta không quan tâm. Mọi phần của không gian mà chúng ta phải làm đều phải được coi là chứa tất cả những loại vật chất khác nhau này. Về cơ bản, đó là một định đề khoa học rằng ngay cả trong các dạng vật chất dày đặc nhất, không có hai hạt nào chạm vào nhau, mà mỗi hạt trôi nổi một mình trong trường adĩ thái của nó, giống như một mặt trời trong không gian. Cũng giống như vậy, mỗi hạt của adĩ thái vật lý trôi nổi trong biển vật chất cảm dục, và đến lượt nó, mỗi hạt cảm dục lại trôi nổi trong đại dương trí tuệ; do đó, tất cả những thế giới bổ sung này không cần nhiều không gian hơn so với mảnh vỡ mà chúng ta biết, vì trên thực tế, tất cả chúng đều là một phần của cùng một thế giới.

Man has within himself matter of these finer grades, and by learning to focus his consciousness in it, instead of only in his physical brain, he may become cognisant of these inner and higher parts of the world, and acquire much knowledge of the deepest interest and value. The nature of this unseen world, its scenery, its inhabitants, its possibilities, are described in the works above mentioned. It is the existence of these higher realms of nature that makes occultism possible; and few indeed are the departments of life in which their influence has

Con người có trong mình vật chất của những cấp độ tinh tế hơn này, và bằng cách học cách tập trung tâm thức của mình vào đó, thay vì chỉ vào bộ não vật chất của mình, họ có thể nhận thức được những phần bên trong và cao hơn của thế giới, và có được nhiều kiến thức về sự quan tâm và giá trị sâu sắc nhất. Bản chất của thế giới vô hình này, cảnh quan của nó, cư dân của nó, khả năng của nó, được mô tả trong các tác phẩm được đề cập ở trên. Chính sự tồn tại của những cõi giới tự nhiên cao hơn này đã tạo nên khả năng huyền bí học; và thực sự có rất ít lĩnh vực của cuộc sống

not to be considered. From the cradle to the grave we are in close relation with them during what we call our waking life; during sleep and after we are even more intimately connected with them, for our existence is then almost confined to them.

mà ảnh hưởng của chúng không được xem xét. Từ lúc sinh ra cho đến khi chết, chúng ta có mối quan hệ mật thiết với chúng trong suốt thời gian mà chúng ta gọi là cuộc sống thức giấc; trong khi ngủ và sau đó, chúng ta thậm chí còn kết nối mật thiết hơn với chúng, vì sự tồn tại của chúng ta sau đó gần như chỉ giới hạn ở chúng.

Perhaps the greatest of the many fundamental changes which are inevitable for the man who studies the facts of life is that which is produced in his attitude towards death. This matter has been fully treated elsewhere; here I need state only that the knowledge of the truth about death robs it of all its terror and much of its sorrow, and enables us to see it in its true proportion and to understand its place in the scheme of our evolution. It is perfectly possible to learn to *know* about all these things instead of accepting beliefs blindly at secondhand, as most people do; and knowledge means power, security and happiness.

Có lẽ sự thay đổi lớn nhất trong số nhiều thay đổi cơ bản là điều không thể tránh khỏi đối với người nghiên cứu sự thật của cuộc sống là sự thay đổi được tạo ra trong thái độ của họ đối với cái chết. Vấn đề này đã được xử lý đầy đủ ở những nơi khác; ở đây tôi chỉ cần nói rằng kiến thức về sự thật về cái chết sẽ loại bỏ tất cả nỗi kinh hoàng và phần lớn nỗi buồn của nó, đồng thời cho phép chúng ta nhìn thấy nó theo đúng tỷ lệ của nó và hiểu được vị trí của nó trong kế hoạch tiến hóa của chúng ta. Hoàn toàn có thể học cách biết về tất cả những điều này thay vì chấp nhận một cách mù quáng những niềm tin từ người khác, như hầu hết mọi người vẫn làm; và kiến thức đồng nghĩa với sức mạnh, sự an toàn và hạnh phúc.

THE PURPOSE OF LIFE

MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC SỐNG

The third aspect of our world which is hidden from the majority is the plan and purpose of existence. Most men seem to muddle through life without any discernible object, except possibly the purely physical struggle to make money or attain power, because they vaguely think that these things will bring them happiness. They have no definite theory as to why they are here, nor any certainty as to the future that awaits them. They have not even realised that they are souls and not bodies, and that as such their development is part of a mighty scheme of cosmic evolution.

Khía cạnh thứ ba của thế giới mà chúng ta bị che giấu khỏi đa số là kế hoạch và mục đích của sự tồn tại. Hầu hết mọi người dường như sống một cách lộn xộn mà không có mục tiêu rõ ràng nào, ngoại trừ có thể là cuộc đấu tranh hoàn toàn về thể chất để kiếm tiền hoặc đạt được quyền mãnh lực, bởi vì họ mơ hồ nghĩ rằng những điều này sẽ mang lại hạnh phúc cho họ. Họ không có lý thuyết rõ ràng nào về lý do tại sao họ ở đây, cũng như không có sự chắc chắn nào về tương lai đang chờ đợi họ. Họ thậm chí còn không nhận ra rằng họ là linh hồn chứ không phải thể xác, và như vậy sự phát triển của họ là một phần của kế hoạch tiến hóa vũ trụ hùng vĩ.

When once this grandest of truths has dawned upon a man's horizon there comes over him that change which occidental religion calls conversion—a fine word which has been sadly degraded by improper associations, for it has often been used to signify nothing more than a crisis of emotion hypnotically induced by the surging waves of excited feeling radiated by a half-maddened crowd. Its true meaning is exactly what its derivation implies, 'a turning

Một khi chân lý vĩ đại nhất này đã ló dạng trên đường chân trời của một người, thì sự thay đổi mà tôn giáo phương Tây gọi là sự cải đạo sẽ đến với họ—một từ ngữ hay ho đã bị hạ thấp một cách đáng buồn bởi những liên tưởng không phù hợp, vì nó thường được sử dụng để biểu thị không gì khác hơn là một cơn khủng hoảng cảm xúc do thôi miên gây ra bởi những làn sóng cảm xúc dâng trào do một đám đông nửa điên cuồng tỏa ra. Ý nghĩa thực sự của nó chính xác là những gì

together with'. Before it, the man, unaware of the stupendous current of evolution, has, under the delusion of selfishness, been fighting against it; but the moment that the magnificence of the Divine Plan bursts upon his astonished sight there is no other possibility for him but to throw all his energies into the effort to promote its fulfilment, to 'turn and go together with' that splendid stream of the love and the wisdom of God.

mà nguồn gốc của nó ngụ ý, 'quay lại cùng với'. Trước đó, con người, không biết gì về dòng chảy tiến hóa to lớn, đã chiến đấu chống lại nó dưới ảo tưởng về sự ích kỷ; nhưng khoảnh khắc mà sự vĩ đại của Thiên Cơ hiện ra trước mắt họ, họ không còn khả năng nào khác ngoài việc dồn hết sức mãnh lực của mình vào nỗ lực thúc đẩy sự hoàn thành của nó, 'quay lại và đi cùng' với dòng chảy tuyệt vời đó của tình yêu thương và minh triết của Thượng đế.

His one object then is to qualify himself to help the world, and all his thoughts and actions are directed towards that aim. He may forget for the moment under the stress of temptation, but the oblivion can be only temporary; and this is the meaning of the ecclesiastical dogma that the elect can never finally fail. Discrimination has come to him, the opening of the doors of the mind, to adopt the terms employed for this change in older faiths; he knows now what is real and what is unreal, what is worth gaining and what is valueless. He lives as an immortal soul who is a Spark of the Divine Fire, instead of as one of the beasts that perish—to use a biblical phrase which, however, is entirely incorrect, inasmuch as the beasts do *not* perish, except in the sense of their being reabsorbed into their group-soul.

Khi đó, mục tiêu duy nhất của họ là tự mình hội đủ điều kiện để giúp đỡ thế giới, và tất cả suy nghĩ và hành động của họ đều hướng tới mục tiêu đó. Họ có thể quên đi trong giây lát dưới sức ép của cám dỗ, nhưng sự lãng quên chỉ có thể là tạm thời; và đây là ý nghĩa của giáo điều giáo hội rằng những người được chọn không bao giờ có thể thất bại cuối cùng. Sự phân biệt đã đến với họ, việc mở ra cánh cửa của tâm trí, để áp dụng các thuật ngữ được sử dụng cho sự thay đổi này trong các tín ngưỡng cũ; bây giờ họ biết điều gì là thật và điều gì là không thật, điều gì đáng để đạt được và điều gì là vô giá trị. Họ sống như một linh hồn bất tử, là một Tia Lửa của Lửa Thiêng, thay vì như một trong những con thú sẽ diệt vong—để sử dụng một cụm từ trong Kinh thánh mà tuy nhiên, hoàn toàn không chính xác, vì những con thú không bị diệt vong, ngoại trừ theo nghĩa là chúng được tái hấp thu vào linh hồn nhóm của chúng.

Most truly for this man an aspect of life has been displayed which erst was hidden from his eyes. It would even be truer to say that now for the first time he has really begun to live, while before he merely dragged out an inefficient existence.

Thực sự nhất đối với con người này, một khía cạnh của cuộc sống đã được hiển thị mà trước đây đã bị che giấu khỏi mắt họ. Thậm chí sẽ đúng hơn khi nói rằng bây giờ, lần đầu tiên họ thực sự bắt đầu sống, trong khi trước đây họ chỉ kéo lê một sự tồn tại kém hiệu quả.

SECOND SECTION—PHẦN II

HOW WE ARE INFLUENCED—
CHÚNG TA BỊ ẢNH HƯỞNG NHƯ THẾ NÀO

CHAPTER III - BY PLANETS—BỞI CÁC HÀNH TINH

RADIATIONS

THE first fact which it is necessary for us to realise is that everything is radiating influence on its surroundings, and these surroundings are all the while returning the compliment by pouring influence upon it in return. Literally everything—sun, moon, stars, angels, men, animals, trees, rocks—*everything* is pouring out a ceaseless stream of vibrations, each of its own characteristic type; not in the physical world only, but in other and subtler worlds as well. Our physical senses can appreciate only a limited number of such radiations. We readily feel the heat poured forth by the sun or by a fire, but we are usually not conscious of the fact that we ourselves are constantly radiating heat; yet if we hold out a hand towards a radiometer the delicate instrument will respond to the heat imparted by that hand even at a distance of several feet, and will begin to revolve. We say that a rose has a scent and that a daisy has none; yet the daisy is throwing off particles just as much as the rose, only in the one case they happen to be perceptible to our senses, and in the other they are not.

From early ages men have believed that the sun, the moon, the planets and the stars exercised a certain influence over human life. In the present day most people are content to laugh at such a belief, without knowing anything about it; yet anyone who will take the trouble to make a careful and impartial study of astrology will discover much that cannot be lightly thrown aside. He will meet with plenty of errors, no doubt, some of them ridiculous enough; but he will also find a proportion of accurate results which is far too large to be reasonably ascribed to coincidence. His investigations will convince him that there is unquestionably some foundation for the claims of the astrologers, while at the same time he cannot but observe that their systems are as yet far from perfect.

When we remember the enormous space that separates us from even the nearest of the planets, it is at once obvious that we must reject the idea

BỨC XẠ

Sự thật đầu tiên mà chúng ta cần nhận ra là mọi thứ đều bức xạ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, và môi trường xung quanh này luôn đáp lại bằng cách đổ ảnh hưởng trở lại nó. Theo nghĩa đen, mọi thứ — mặt trời, mặt trăng, các vì sao, thiên thần, con người, động vật, cây cối, đá — mọi thứ đều đang tuôn ra một dòng rung động không ngừng, mỗi loại đều có đặc điểm riêng; không chỉ trong thế giới vật chất, mà còn trong các thế giới tinh vi khác nữa. Các giác quan vật lý của chúng ta chỉ có thể cảm nhận được một số lượng hạn chế các bức xạ như vậy. Chúng ta dễ dàng cảm nhận được sức nóng tỏa ra từ mặt trời hoặc từ lửa, nhưng chúng ta thường không ý thức được rằng bản thân chúng ta cũng liên tục tỏa nhiệt; tuy nhiên, nếu chúng ta đưa tay về phía một máy đo phóng xạ, thiết bị tinh vi này sẽ phản ứng với sức nóng do bàn tay đó truyền đến ngay cả ở khoảng cách vài feet và sẽ bắt đầu quay. Chúng ta nói rằng hoa hồng có mùi thơm và hoa cúc thì không; tuy nhiên, hoa cúc cũng đang tỏa ra các hạt giống như hoa hồng, chỉ trong trường hợp này chúng có thể cảm nhận được bằng các giác quan của chúng ta, và trong trường hợp khác thì không.

Từ thời xa xưa, con người đã tin rằng mặt trời, mặt trăng, các hành tinh và các vì sao có ảnh hưởng nhất định đến cuộc sống của con người. Ngày nay, hầu hết mọi người đều bằng lòng cười nhạo một niềm tin như vậy, mà không biết gì về nó; tuy nhiên, bất cứ ai chịu khó nghiên cứu kỹ lưỡng và khách quan về chiêm tinh học sẽ khám phá ra nhiều điều không thể dễ dàng bỏ qua. Chắc chắn sẽ gặp phải rất nhiều sai lầm, một số trong số đó đủ nực cười; nhưng cũng sẽ tìm thấy một tỷ lệ kết quả chính xác lớn đến mức không thể hợp lý cho là trùng hợp ngẫu nhiên. Các cuộc nghiên cứu của sẽ thuyết phục rằng chắc chắn có một số cơ sở cho những tuyên bố của các nhà chiêm tinh, trong khi đồng thời không thể không nhận thấy rằng các hệ thống của họ vẫn còn lâu mới hoàn hảo.

Khi chúng ta nhớ đến khoảng không gian khổng lồ ngăn cách chúng ta với ngay cả hành tinh gần nhất, rõ ràng là chúng ta phải bác bỏ ý kiến cho

that they can exercise upon us any physical action worth considering; and furthermore, if there were any such action, it would seem that its strength should depend less upon the position of the planet in the sky than upon its proximity to the earth—a factor which is not usually taken into account by astrologers. The more we contemplate the matter the less does it seem rational or possible to suppose that the planets can affect the earth or its inhabitants to any appreciable extent; yet the fact remains that a theory based upon this apparent impossibility often works out accurately. Perhaps the explanation may be found along the line that just as the movement of the hands of a clock shows the passage of time, though it does not cause it, so the motions of the planets indicate the prevalence of certain influences, but are in no way responsible for them. Let us see what light occult study throws upon this somewhat perplexing subject.

rằng chúng có thể tác động lên chúng ta bất kỳ tác động vật lý nào đáng xem xét; hơn nữa, nếu có bất kỳ hành động nào như vậy, thì có vẻ như sức mạnh của nó phụ thuộc ít hơn vào vị trí của hành tinh trên bầu trời so với khoảng cách gần với trái đất — một yếu tố mà các nhà chiêm tinh thường không tính đến. Chúng ta càng suy ngẫm về vấn đề này thì dường như càng ít hợp lý hoặc có thể cho rằng các hành tinh có thể ảnh hưởng đến trái đất hoặc cư dân của nó ở bất kỳ mức độ đáng kể nào; tuy nhiên, thực tế vẫn là một lý thuyết dựa trên sự bất khả thi rõ ràng này thường có hiệu quả chính xác. Có lẽ lời giải thích có thể được tìm thấy theo hướng rằng giống như sự chuyển động của kim đồng hồ cho thấy thời gian trôi qua, mặc dù nó không gây ra điều đó, nên chuyển động của các hành tinh cho thấy sự phổ biến của những ảnh hưởng nhất định, nhưng không có cách nào chịu trách nhiệm cho chúng. Chúng ta hãy xem nghiên cứu huyền bí soi sáng điều gì về chủ đề có phần khó hiểu này.

THE DEITY OF THE SOLAR SYSTEM

Occult students regard the entire solar system in all its vast complexity as a partial manifestation of one great living Being, and all its parts as expressing aspects of Him. Many names have been given to Him; in our Theosophical literature He has often been described under the Gnostic title of the Logos—the Word that was in the beginning with God, and was God; but now we usually speak of Him as the Solar Deity. All the physical constituents of the solar system—the sun with its wonderful corona, all the planets with their satellites, their oceans, their atmospheres and the various aethers surrounding them—all these are collectively His physical body, the expression of Him in the physical realm.

THƯỢNG ĐẾ CỦA HỆ MẶT TRỜI

Các học viên huyền bí học coi toàn bộ hệ mặt trời với tất cả sự phức tạp rộng lớn của nó như là một sự biểu hiện một phần của một Đấng Vĩ Đại, và tất cả các thành phần của nó như biểu hiện các khía cạnh của Ngài. Nhiều danh xưng đã được đặt cho Ngài; trong các tài liệu Thông Thiên Học, Ngài thường được mô tả với danh hiệu Gnostic là Logos—Ngôi Lời vốn ở với Thượng Đế từ thuở ban đầu và là Thượng Đế; nhưng hiện nay chúng ta thường gọi Ngài là Thượng Đế của Hệ Mặt Trời. Tất cả các yếu tố vật lý của hệ mặt trời—mặt trời với vành nhật hoa kỳ diệu của nó, tất cả các hành tinh với các vệ tinh, đại dương, khí quyển và các tầng dĩ thái bao quanh chúng—tất cả đều là thể xác của Ngài, sự biểu hiện của Ngài trên cõi vật lý.

In the same way the collective astral worlds—not only the astral worlds belonging to each of the physical planets, but also the purely astral planets of all the chains of the system (such, for example, as planets B and F of our chain)—make up His astral body, and the collective worlds of the mental realm are His mental body—the vehicle through which He manifests Himself upon that particular level. Every atom of every world is a centre through which He is conscious, so that not only is it true that God is omnipresent,

Tương tự, các thế giới cảm dục tập hợp—không chỉ là các thế giới cảm dục thuộc về từng hành tinh vật lý, mà còn cả các hành tinh thuần túy cảm dục của tất cả các dãy hành tinh trong hệ thống (chẳng hạn như các hành tinh B và F của dãy hành tinh của chúng ta)—tạo thành thể cảm dục của Ngài, và các thế giới tập hợp của cõi trí tạo thành thể trí của Ngài—vận cụ mà Ngài tự biểu hiện trên cõi giới đó. Mỗi nguyên tử của mỗi thế giới là một trung tâm mà qua đó Ngài nhận thức, vì vậy không chỉ đúng khi nói rằng Thượng

but also that whatever is is God.

Thus we see that the old pantheistic conception was quite true, yet it is only a part of the truth, because while all nature in all its worlds is nothing but His garment, yet He Himself exists outside of and above all this in a stupendous life of which we can know nothing—a life among other Rulers of other systems. Just as all our lives are lived literally within Him and are in truth a part of His, so His life and that of the Solar Deities of countless other systems are a part of a still greater life of the Deity of the visible universe; and if there be in the depths of space yet other universes invisible to us, all of their Deities in turn must in the same way form part of One Great Consciousness which includes the whole.

DIFFERENT TYPES OF MATTER

In these 'bodies' of the Solar Deity on their various levels there are certain different classes or types of matter, which are fairly equally distributed over the whole system. I am not speaking here of our usual division of the worlds and their subsections—a division which is made according to the density of the matter, so that in the physical world, for example, we have the solid, liquid, gaseous, etheric, super-etheric, sub-atomic and atomic conditions of matter—all of them physical, but differing in density. The types which I mean constitute a totally distinct series of cross-divisions, each of which contains matter in all its different conditions, so that if we denote the various types by numbers, we shall find solid, liquid and gaseous matter of the first type, solid, liquid and gaseous matter of the second type, and so on all the way through.

These types of matter are as thoroughly intermingled as are the constituents of our atmosphere. Conceive a room filled with air; any decided vibration communicated to the air, such as a sound, for example, would be perceptible in every part of the room. Suppose that it were possible to produce some kind of undulation which should affect the oxygen alone without

Để hiện diện khắp nơi, mà còn đúng khi nói rằng bất cứ điều gì tồn tại đều là Thượng Đế.

Như vậy, chúng ta thấy rằng quan niệm cổ xưa về thuyết phiếm thần hoàn toàn đúng, nhưng đó chỉ là một phần của chân lý, bởi vì mặc dù toàn bộ thiên nhiên trong tất cả các cõi giới chỉ là y phục của Ngài, nhưng chính Ngài tồn tại bên ngoài và vượt lên trên tất cả những điều này trong một đời sống vĩ đại mà chúng ta không thể biết được—một đời sống giữa các Đấng Cai Quản của các hệ thống khác. Cũng như tất cả các đời sống của chúng ta thực sự được sống bên trong Ngài và thực sự là một phần của đời sống Ngài, đời sống của Ngài và của các Thượng Đế của vô số hệ thống khác là một phần của đời sống vĩ đại hơn của Thượng Đế của vũ trụ hữu hình; và nếu trong lòng không gian tồn tại những vũ trụ khác mà chúng ta không thể thấy, tất cả các Thượng Đế của những vũ trụ đó cũng tương tự như vậy tạo thành một phần của Một Đại Tâm Thức bao trùm tất cả.

CÁC LOẠI VẬT CHẤT KHÁC NHAU

Trong các "thể" của Thượng Đế của Hệ Mặt Trời trên các cõi giới khác nhau, có những loại vật chất hoặc các lớp vật chất khác nhau, được phân bố khá đồng đều trên toàn hệ thống. Tôi không nói đến sự phân chia thông thường của chúng ta về các cõi giới và các phân cấp của chúng—một sự phân chia dựa trên mật độ của vật chất, để trong cõi vật lý, chẳng hạn, chúng ta có các trạng thái vật chất đặc, lỏng, khí, dĩ thái, siêu dĩ thái, tiền nguyên tử và nguyên tử—tất cả đều thuộc cõi vật lý, nhưng khác nhau về mật độ. Các loại tôi muốn nói đến tạo thành một chuỗi phân chia hoàn toàn khác, trong đó mỗi loại chứa đựng vật chất ở tất cả các trạng thái khác nhau của nó, vì vậy nếu chúng ta đánh số các loại vật chất này, chúng ta sẽ tìm thấy vật chất đặc, lỏng và khí của loại thứ nhất, loại thứ hai, và cứ thế tiếp tục.

Những loại vật chất này được trộn lẫn hoàn toàn, giống như các thành phần của không khí mà chúng ta hít thở. Hãy hình dung một căn phòng đầy không khí; bất kỳ rung động nào được truyền đến không khí, chẳng hạn như âm thanh, sẽ được cảm nhận ở mọi phần của căn phòng. Giả sử có thể tạo ra một dạng sóng nào đó chỉ ảnh hưởng đến oxy mà không làm xáo trộn nitơ, sóng đó vẫn

disturbing the nitrogen, that undulation would still be felt in every part of the room. If we allow that, for a moment, the proportion of oxygen might be greater in one part of the room than another, then the oscillation, though perceptible everywhere, would be strongest in that part. Just as the air in a room is composed (principally) of oxygen and nitrogen, so is the matter of the solar system composed of these different types; and just as a wave (if there could be such a thing) which affected only the oxygen or only the nitrogen would nevertheless be felt in all parts of the room, so a movement or modification which affects only one of these types produces an effect throughout the entire solar system, though it may be stronger in one part than in another.

sẽ được cảm nhận ở mọi phần của căn phòng. Nếu chúng ta cho rằng tỷ lệ oxy ở một phần nào đó của căn phòng cao hơn các phần khác, thì dao động, dù được cảm nhận ở mọi nơi, sẽ mạnh nhất ở phần đó. Giống như không khí trong phòng chủ yếu được tạo thành từ oxy và nitơ, vật chất của hệ mặt trời được cấu thành từ các loại này; và giống như một làn sóng (nếu có thể) chỉ ảnh hưởng đến oxy hoặc nitơ, một chuyển động hoặc sự biến đổi chỉ tác động đến một trong những loại này vẫn tạo ra ảnh hưởng trên toàn bộ hệ mặt trời, mặc dù nó có thể mạnh hơn ở một phần nào đó.

This statement is true of all worlds, but for the sake of clearness let us for the moment confine our thought to one world only. Perhaps the idea is easiest to follow with regard to the astral. It has often been explained that in the astral body of man, matter belonging to each of the astral sub-sections is to be found, and that the proportion between the denser and the finer kinds shows how far that body is capable of responding to coarse or refined desires, and so is to some extent an indication of the degree to which the man has evolved himself. Similarly in each astral body there is matter of each of these types, and in this case the proportion between them will show the disposition of the man—whether he is devotional or philosophic, artistic or scientific, pragmatic or mystic.

Điều này đúng đối với tất cả các cõi giới, nhưng để rõ ràng hơn, chúng ta hãy giới hạn suy nghĩ vào một cõi giới duy nhất. Có lẽ ý tưởng này dễ hiểu nhất khi liên quan đến cõi cảm dục. Người ta thường giải thích rằng trong thể cảm dục của con người, có vật chất thuộc về từng phân cấp cảm dục, và tỷ lệ giữa các loại vật chất thô và tinh tế cho thấy khả năng của thể đó phản ứng với các dục vọng thô hay cao cả, và do đó phần nào phản ánh mức độ tiến hóa của con người. Tương tự, trong mỗi thể cảm dục có vật chất của từng loại này, và trong trường hợp này tỷ lệ giữa chúng sẽ cho thấy khuynh hướng của người đó—liệu y có tính cách sùng đạo, triết học, nghệ thuật, khoa học, thực tế hay thần bí.

THE LIVING CENTRES

CÁC TRUNG TÂM SỐNG

Now each of these types of matter in the astral body of the Solar Deity is to some extent a separate vehicle, and may be thought of as also the astral body of a subsidiary Deity or Minister, who is at the same time an aspect of the Deity of the system, a kind of ganglion or force-centre in Him. Indeed, if these types differ among themselves, it is because the matter composing them originally came forth through these different living Centres, and the matter of each type is still the special vehicle and expression of the subsidiary Deity through whom it came, so that the slightest thought, movement or alteration of any kind in Him is instantly reflected in some way or other in all the matter of

Mỗi loại chất liệu trong thể cảm dục của Thái Dương Thượng đế đến một mức độ nào đó là một thể riêng biệt, và có thể được xem như thể cảm dục của một Vị Thượng đế hoặc Bộ trưởng phụ thuộc, người đồng thời cũng là một khía cạnh của Thượng đế trong hệ thống, một loại hạch thần kinh hoặc trung tâm lực trong Ngài. Thật vậy, nếu các loại chất liệu này khác nhau, thì đó là bởi vì chất liệu tạo thành chúng vốn đã xuất phát từ những Trung tâm sống động khác nhau này, và chất liệu của mỗi loại vẫn là phương tiện và sự biểu hiện đặc biệt của Vị Thượng đế phụ thuộc qua đó nó được tạo ra, sao cho bất kỳ tư tưởng, chuyển động hoặc sự thay đổi nào dù nhỏ nhất trong Ngài đều lập tức được phản ánh bằng cách

the corresponding type. Naturally each such type of matter has its own special affinities, and is capable of vibrating under influences which may probably evoke no response from the other types.

nào đó trong toàn bộ chất liệu thuộc loại tương ứng. Tự nhiên, mỗi loại chất liệu này có những mối quan hệ đặc biệt riêng, và có khả năng rung động dưới những ảnh hưởng mà có thể sẽ không tạo ra bất kỳ phản ứng nào từ các loại khác.

Since every man has within himself matter of *all* these types, it is obvious that any modification in or action of any one of these great living Centres must to some degree affect all beings in the system. The extent to which any particular person is so affected depends upon the proportion of the type of matter acted upon which he happens to have in his astral body. Consequently we find different types of men as of matter, and by reason of their constitution, by the very composition of their astral bodies, some of them are more susceptible to one influence, some to another.

Bởi vì mỗi con người đều có trong mình chất liệu thuộc tất cả các loại này, rõ ràng rằng bất kỳ sự thay đổi hoặc hành động nào của một trong những Trung tâm sống động vĩ đại đó đều ở một mức độ nào đó ảnh hưởng đến tất cả các chúng sinh trong hệ thống. Mức độ mà một người cụ thể bị ảnh hưởng phụ thuộc vào tỷ lệ của loại chất liệu bị tác động mà người đó tình cờ có trong thể cảm dục của mình. Do đó, chúng ta nhận thấy có các loại người khác nhau như có các loại chất liệu khác nhau, và bởi vì bản chất của họ, bởi chính sự cấu thành thể cảm dục của họ, một số người dễ bị ảnh hưởng bởi một tác động nào đó hơn, trong khi những người khác lại nhạy cảm với một tác động khác.

The types are seven, and astrologers have often given to them the names of certain of the planets. Each type is divided into seven sub-types, because each 'planet' may be either practically uninfluenced, or it may be affected predominantly by any one of the other six. In addition to the forty-nine definite sub-types thus obtained, there are any number of possible permutations and combinations of influences, often so complicated that it is no easy matter to follow them. Nevertheless, this gives us a certain system of classification, according to which we can arrange not only human beings, but also the animal, vegetable and mineral kingdoms, and the elemental essence which precedes them in evolution.

Các loại chất liệu này gồm bảy loại, và các nhà chiêm tinh thường gán cho chúng tên của một số hành tinh nhất định. Mỗi loại lại được chia thành bảy phân loại phụ, bởi vì mỗi "hành tinh" có thể hoặc hầu như không chịu ảnh hưởng, hoặc chịu tác động nổi trội bởi bất kỳ một trong sáu hành tinh còn lại. Ngoài bốn mươi chín phân loại phụ rõ ràng được xác định theo cách này, còn có vô số các hoán vị và kết hợp có thể của các ảnh hưởng, thường phức tạp đến mức khó mà theo dõi. Tuy nhiên, điều này mang lại cho chúng ta một hệ thống phân loại nhất định, theo đó chúng ta có thể sắp xếp không chỉ loài người, mà còn cả các giới động vật, thực vật và khoáng vật, cùng với tinh chất hành khí đi trước chúng trong tiến trình tiến hóa.

Everything in the solar system belongs to one or other of these seven great streams, because it has come out through one or other of these great Force-Centres, to which therefore it belongs in essence, although it must inevitably be affected more or less by the others also. This gives each man, each animal, each plant, each mineral a certain fundamental characteristic which never changes—sometimes symbolised as his note, his colour or his ray.

Mọi thứ trong Thái Dương Hệ đều thuộc về một trong bảy dòng chảy vĩ đại này, bởi vì chúng đã xuất hiện thông qua một trong những Trung tâm Lực vĩ đại đó, và do đó thuộc về Trung tâm đó về bản chất, mặc dù không thể tránh khỏi việc bị ảnh hưởng ít nhiều bởi các dòng chảy khác. Điều này mang lại cho mỗi con người, mỗi loài động vật, mỗi loài thực vật, mỗi khoáng chất một đặc tính cơ bản nhất định không bao giờ thay đổi—đôi khi được biểu tượng hóa bằng nốt nhạc, màu sắc hoặc cung của họ.

This characteristic is permanent not only

Đặc tính này là bất biến không chỉ trong suốt một

through one chain-period, but through the whole planetary scheme, so that the life which manifests through elemental essence of type A will in the due course of its evolution ensoul successively minerals, plants, and animals of type A; and when its group-soul breaks up into units and receives the Third Outpouring, the human beings which are the result of its evolution will be men of type A and no other, and under normal conditions will continue so all through their development until they grow into Adepts of type A.

chu kỳ của dãy hành tinh mà còn xuyên suốt toàn bộ hệ hành tinh, sao cho sự sống biểu hiện thông qua tinh chất hành khí loại A trong quá trình tiến hóa sẽ lần lượt hoạt động trong các khoáng vật, thực vật và động vật loại A. Khi hồn nhóm của nó phân tách thành các đơn vị và nhận được Sự Tuôn Đổ lần thứ Ba, con người được sinh ra từ tiến trình tiến hóa của nó sẽ là những con người thuộc loại A, không thuộc loại nào khác, và trong điều kiện bình thường sẽ tiếp tục như vậy trong suốt quá trình phát triển của họ cho đến khi trở thành Chân Sư loại A.

In the earlier days of Theosophical study we were under the impression that this plan was carried out consistently to the very end, and that these Adepts rejoined the Solar Deity through the same subsidiary Deity or Minister through whom they originally came forth. Further research shows that this thought requires modification. We find that bands of egos of many different types join themselves together for a common object.

Trong những ngày đầu nghiên cứu Thông Thiên Học, chúng ta từng nghĩ rằng kế hoạch này được thực hiện một cách nhất quán đến tận cùng, và rằng những Chân Sư này quay trở lại với Thái Dương Thượng đế thông qua cùng một Vị Thượng đế phụ thuộc hoặc Bộ trưởng mà từ đó họ ban đầu được xuất hiện. Tuy nhiên, các nghiên cứu sâu hơn cho thấy rằng tư tưởng này cần được điều chỉnh. Chúng ta nhận thấy rằng các nhóm chân ngã thuộc nhiều loại khác nhau liên kết với nhau vì một mục đích chung.

For example, in the investigations connected primarily with the lives of Alcyone it was found that certain bands of egos circled round the various Masters, and came closer and closer to Them as time went on. One by one, as they became fit for it, these egos reached the stage at which they were accepted as pupils or apprentices by one or other of the Masters. To become truly a pupil of a Master means entering into relations with Him whose intimacy is far beyond any tie of which we know on earth. It means a degree of union with Him which no words can fully express, although at the same time a pupil retains absolutely his own individuality and his own initiative.

Chẳng hạn, trong các cuộc điều tra liên quan chủ yếu đến cuộc đời của Alcyone, người ta phát hiện rằng một số nhóm chân ngã xoay quanh các Chân sư khác nhau, và dần dần tiến gần hơn với Các Ngài theo thời gian. Từng người một, khi họ trở nên đủ khả năng, các chân ngã này đạt đến giai đoạn mà họ được chấp nhận làm đệ tử hoặc người học việc của một trong những Chân sư. Trở thành một đệ tử thực sự của một Chân sư có nghĩa là thiết lập một mối quan hệ với Ngài, một sự thân mật vượt xa bất kỳ mối ràng buộc nào mà chúng ta biết trên trần thế. Điều đó có nghĩa là đạt đến một mức độ hợp nhất với Ngài mà không từ ngữ nào có thể diễn tả đầy đủ, mặc dù cùng lúc đó, đệ tử vẫn hoàn toàn giữ được cá tính và sự tự chủ của mình.

In this way each Master becomes a centre of what may be truly described as a great organism, since his pupils are veritably members of Him. When we realise that He Himself is in just the same way a Member of some still greater Master we arrive at a conception of a mighty organism which is in a very real sense *one,* although built up of thousands of perfectly distinct egos.

Bằng cách này, mỗi Chân sư trở thành một trung tâm của một tổ chức sống mà có thể được miêu tả như một cơ thể vĩ đại, bởi vì các đệ tử của Ngài thực sự là những phần tử của Ngài. Khi chúng ta nhận ra rằng chính Ngài cũng là một Thành viên theo cách tương tự của một Chân sư vĩ đại hơn nữa, chúng ta có được một khái niệm về một cơ thể vĩ đại mà theo nghĩa rất thực là một, mặc dù được hình thành từ hàng ngàn chân ngã hoàn toàn riêng biệt.

Such an organism is the Heavenly Man who emerges as the result of the evolution of each great root-race. In Him, as in an earthly man, are seven great centres, each of which is a mighty Adept; and the Manu and the Bodhisattva occupy in this great organism the place of the brain and the heart centres respectively. Round Them—and yet not *round* Them, but *in* Them and part of Them, although so fully and gloriously ourselves—shall we, Their servants, be; and this great figure in its totality represents the flower of that particular race, and includes all who have attained Adeptship through it. Each root-race is thus represented at its close by one of these Heavenly Men; and They, these splendid totalities, will, as Their next stage in evolution, become Ministers Themselves of some future Solar Deity. Yet each one of these contains within Himself men of all possible types, so that each of these future Ministers is in truth a representative not of one line but of all lines.

Cơ thể vĩ đại đó chính là Đấng Thiên Nhân, được hình thành như kết quả của tiến trình tiến hóa của mỗi giống dân chánh. Trong Ngài, giống như trong một con người trần thế, có bảy trung tâm vĩ đại, mỗi trung tâm là một Chân Sư hùng mạnh; và Manu cùng với Bồ Tát chiếm giữ vị trí trung tâm não bộ và trung tâm trái tim tương ứng trong cơ thể vĩ đại này. Quanh Các Ngài—và không chỉ quanh Các Ngài, mà còn trong Các Ngài và là một phần của Các Ngài, mặc dù vẫn hoàn toàn và vinh quang là chính mình—chúng ta, những người phụng sự Các Ngài, sẽ hiện diện. Và hình tượng vĩ đại này trong tổng thể của nó đại diện cho đóa hoa của giống dân đặc thù ấy, và bao gồm tất cả những ai đã đạt đến Địa vị Chân Sư thông qua nó. Do đó, mỗi giống dân chánh được đại diện khi kết thúc bởi một trong những Đấng Thiên Nhân này; và Các Ngài, những tổng thể huy hoàng ấy, sẽ, như là giai đoạn tiếp theo trong tiến hóa của mình, trở thành những Bộ trưởng của một Thái Dương Thượng đế tương lai nào đó. Tuy nhiên, mỗi một trong Các Ngài chứa đựng trong mình những con người thuộc mọi loại, sao cho mỗi Bộ trưởng tương lai này thực sự là đại diện không phải cho một dòng duy nhất mà là cho tất cả các dòng.

When looked at from a sufficiently high level the whole solar system is seen to consist of these great living Centres or Ministers, and the types of matter through which each is expressing Himself. Let me repeat here for the sake of clearness, what I wrote some time ago on this subject in *The Inner Life,* vol. i, page 217

Khi được nhìn từ một mức độ đủ cao, toàn bộ Thái Dương Hệ được thấy là gồm các Trung tâm sống động vĩ đại hoặc các Bộ trưởng này, và các loại chất liệu thông qua đó mỗi Đấng biểu hiện chính mình. Tôi xin nhắc lại ở đây để làm rõ hơn điều tôi đã viết cách đây không lâu về chủ đề này trong *The Inner Life*, tập 1, trang 217:

Each of these great living Centres has a sort of orderly periodic change or motion of his own, corresponding perhaps on some infinitely higher level to the regular beating of the human heart, or to the inspiration and expiration of the breath. Some of these periodic changes are more rapid than others, so that a complicated series of effects is produced; and it has been observed that the movements of the physical planets in their relation to one another furnish a clue to the operation of these influences at any given moment. Each of these Centres has His special location or major focus within the body of the sun, and a minor exterior focus which is always marked by the position of a planet.

Mỗi một trong những Trung tâm sống động vĩ đại này có một dạng thay đổi hoặc chuyển động tuần hoàn có trật tự của riêng mình, có lẽ tương ứng ở một mức độ cao vô cùng với sự đập nhịp nhàng của trái tim con người, hoặc với sự hít vào và thở ra của hơi thở. Một số thay đổi tuần hoàn này nhanh hơn những thay đổi khác, tạo ra một chuỗi hiệu ứng phức tạp; và người ta đã quan sát thấy rằng các chuyển động của các hành tinh vật chất trong mối quan hệ lẫn nhau của chúng cung cấp một manh mối về sự vận hành của các ảnh hưởng này tại bất kỳ thời điểm nào. Mỗi Trung tâm này có vị trí hoặc tiêu điểm chính yếu của Ngài bên trong cơ thể của mặt trời, và một tiêu điểm phụ bên ngoài luôn được đánh dấu bởi vị trí của một hành tinh.

The exact relation can hardly be made clear in our three-dimensional phraseology; but we may perhaps put it that each Centre has a field of influence practically co-extensive with a solar system; that if a section of this field could be taken it would be found to be elliptical; and that one of the foci of each ellipse would always be the sun, and the other would be the special planet ruled by that Minister. It is probable that, in the gradual condensation of the original glowing nebula from which the system was formed, the location of the planets was determined by the formation of vortices at these minor foci, they being auxiliary points of distribution of these influences—ganglia, as it were, in the solar system.

Mối quan hệ chính xác này khó có thể được làm rõ trong ngôn ngữ ba chiều của chúng ta; nhưng có lẽ chúng ta có thể diễn đạt rằng mỗi Trung tâm có một trường ảnh hưởng hầu như đồng nhất với một Thái Dương Hệ; rằng nếu một phần của trường này được lấy ra, nó sẽ được phát hiện là có dạng elip; và rằng một trong hai tiêu điểm của mỗi elip sẽ luôn là mặt trời, và tiêu điểm còn lại sẽ là hành tinh đặc biệt do Bộ trưởng đó cai quản. Có khả năng rằng, trong quá trình ngưng tụ dần của đám mây tinh tú phát sáng ban đầu mà từ đó hệ thống được hình thành, vị trí của các hành tinh đã được xác định bởi sự hình thành các xoáy lốc tại các tiêu điểm phụ này, vì chúng là các điểm phụ trợ phân phối các ảnh hưởng này—giống như các hạch thần kinh trong Thái Dương Hệ.

It must of course be understood that we are referring here not to the curious astrological theory which considers the sun himself as a planet, but to the real planets which revolve round him.

Dĩ nhiên, cần phải hiểu rằng chúng ta đang đề cập đến đây không phải là lý thuyết chiêm tinh kỳ lạ coi mặt trời như một hành tinh, mà là về các hành tinh thực sự quay quanh Ngài.

THEIR INFLUENCE

ẢNH HƯỞNG CỦA CHÚNG

The influences belonging to these great types differ widely in quality, and one way in which this difference shows itself is in their action upon the living elemental essence both in man and around him. Be it ever remembered that this dominance is exerted in *all* worlds, not only in the astral, though we are just now confining ourselves to that for simplicity's sake. These mysterious agencies may have, and indeed must have, other and more important lines of action not at present known to us; but this at least forces itself upon the notice of the observer, that each Centre produces its own special effect upon the manifold varieties of elemental essence.

Các ảnh hưởng thuộc về những loại hình vĩ đại này khác nhau rất nhiều về phẩm chất, và một cách mà sự khác biệt này thể hiện chính là qua tác động của chúng lên tinh chất hành khí sống động cả trong con người và xung quanh y. Hãy luôn ghi nhớ rằng sự chi phối này được thực hiện trên *tất cả* các cõi, không chỉ riêng cõi cảm dục, mặc dù hiện tại chúng ta đang giới hạn mình ở đó để đơn giản hóa vấn đề. Những tác nhân huyền bí này có thể có, và chắc chắn phải có, những phương diện hành động khác quan trọng hơn mà hiện tại chúng ta chưa biết; nhưng ít nhất, điều này thu hút sự chú ý của người quan sát: mỗi Trung tâm tạo ra hiệu ứng đặc biệt của riêng mình lên vô vàn các dạng tinh chất hành khí.

One, for example, will be found greatly to stimulate the activity and the vitality of those kinds of essence which specially appertain to the Centre through which it comes, while apparently checking and controlling others; the sway of another type will be seen to be strong over a quite different set of essences which belong to its Centre, while apparently not affecting the previous set in the least. There are all sorts of combinations and permutations of these mystic powers, the action of one of them being in some

Chẳng hạn, một Trung tâm sẽ được nhận thấy kích thích mạnh mẽ hoạt động và sinh lực của những loại tinh chất đặc biệt thuộc về Trung tâm mà nó phát xuất, trong khi dường như kiềm chế và kiểm soát các loại khác; ảnh hưởng của một loại hình khác sẽ được thấy mạnh mẽ đối với một tập hợp tinh chất hoàn toàn khác thuộc về Trung tâm của nó, trong khi dường như không ảnh hưởng chút nào đến tập hợp trước đó. Có đủ loại kết hợp và hoán vị của những quyền năng huyền

cases greatly intensified and in others almost neutralised by the presence of another.

bí này, trong đó tác động của một quyền năng có thể được tăng cường mạnh mẽ trong một số trường hợp, hoặc gần như bị vô hiệu hóa bởi sự hiện diện của quyền năng khác trong những trường hợp khác.

Since this elemental essence is vividly active in the astral and mental bodies of man, it is clear that any unusual excitation of any of these classes of that essence—any sudden increase in its activity—must undoubtedly affect to some extent either his emotions or his mind, or both; and it is also obvious that these forces would work differently on different men, because of the varieties of essence entering into their composition.

Bởi vì tinh chất hành khí này hoạt động sống động trong thể cảm dục và thể trí của con người, rõ ràng rằng bất kỳ sự kích thích bất thường nào của bất kỳ lớp nào trong tinh chất ấy—bất kỳ sự gia tăng đột ngột nào trong hoạt động của nó—chắc chắn sẽ ảnh hưởng ở một mức độ nào đó đến cảm xúc hoặc trí tuệ của y, hoặc cả hai; và cũng rõ ràng rằng những lực này sẽ tác động khác nhau lên từng người, do sự đa dạng của các loại tinh chất cấu thành nên họ.

These influences neither exist nor are exercised for the sake of the man or with any reference to him, any more than the wind exists for the sake of the vessel which is helped or hindered by it; they are part of the play of cosmic forces of whose object we know nothing, though we may to some extent learn how to calculate upon them and to use them. Such energies in themselves are no more good nor evil than any other of the powers of nature: like electricity or any other great natural force they may be helpful or hurtful to us, according to the use that we make of them. Just as certain experiments are more likely to be successful if undertaken when the air is heavily charged with electricity, while certain others under such conditions will most probably fail, so an effort involving the use of the powers of our mental and emotional nature will more or less readily achieve its object according to the influences which predominate when it is made.

Những ảnh hưởng này không tồn tại hoặc được thực hiện vì con người hay với bất kỳ sự tham chiếu nào đến y, giống như gió không tồn tại vì con tàu được nó giúp đỡ hoặc cản trở; chúng là một phần của sự vận hành các lực vũ trụ mà mục đích của chúng ta hoàn toàn không biết, mặc dù chúng ta có thể học cách tính toán chúng và sử dụng chúng ở một mức độ nào đó. Những năng lượng này tự thân không thiện cũng không ác, giống như bất kỳ quyền năng nào khác của tự nhiên: giống như điện năng hay bất kỳ lực tự nhiên vĩ đại nào khác, chúng có thể hữu ích hoặc gây hại cho chúng ta, tùy thuộc vào cách chúng ta sử dụng chúng. Cũng giống như một số thí nghiệm có khả năng thành công cao hơn khi được thực hiện trong điều kiện không khí ngập tràn điện năng, trong khi một số thí nghiệm khác trong điều kiện đó rất có thể sẽ thất bại, một nỗ lực sử dụng các quyền năng của bản chất trí tuệ và cảm xúc của chúng ta sẽ đạt được mục tiêu dễ dàng hơn hoặc khó khăn hơn tùy thuộc vào những ảnh hưởng đang chi phối tại thời điểm đó.

LIBERTY OF ACTION

TỰ DO HÀNH ĐỘNG

It is of the utmost importance for us to understand that such pressure cannot dominate man's will in the slightest degree; all it can do is in some cases to make it easier or more difficult for that will to act along certain lines. In no case can a man be swept away by it into any course of action without his own consent, though he may evidently be helped or hindered by it in any effort

Điều tối quan trọng là chúng ta phải hiểu rằng áp lực như vậy không thể chi phối ý chí của con người dù chỉ một chút; tất cả những gì nó có thể làm, trong một số trường hợp, là khiến cho việc hành động theo một số hướng nhất định trở nên dễ dàng hơn hoặc khó khăn hơn đối với ý chí đó. Trong bất kỳ trường hợp nào, một người không thể bị cuốn vào bất kỳ hành động nào bởi những

that he chances to be making. The really strong man has little need to trouble himself as to the agencies which happen to be in the ascendant, but for men of weaker will it may sometimes be worth while to know at what moment this or that force can most advantageously be applied. These factors may be put aside as a negligible quantity by the man of iron determination or by the student of true occultism; but since most men still allow themselves to be the helpless sport of the forces of desire, and have not yet developed anything worth calling a will of their own, their feebleness permits these influences to assume an importance in human life to which they have intrinsically no claim.

ảnh hưởng này mà không có sự đồng thuận của chính mình, mặc dù rõ ràng y có thể được trợ giúp hoặc bị cản trở bởi chúng trong bất kỳ nỗ lực nào mà y đang thực hiện.

Người thực sự mạnh mẽ ít khi cần phải bận tâm về những tác nhân đang chi phối, nhưng đối với những người có ý chí yếu hơn, đôi khi biết được thời điểm mà lực này hay lực kia có thể được áp dụng một cách hiệu quả nhất có thể là điều đáng giá. Những yếu tố này có thể bị xem nhẹ hoặc bỏ qua bởi người có quyết tâm sắt đá hoặc bởi học viên chân chính của huyền bí học; nhưng vì hầu hết con người vẫn để bản thân trở thành trò chơi bất lực của các lực ham muốn và chưa phát triển được điều gì đáng gọi là ý chí của chính mình, sự yếu kém của họ khiến những ảnh hưởng này trở nên quan trọng trong đời sống con người hơn mức mà bản chất thực sự của chúng đáng có.

For example, a certain variety of pressure may occasionally bring about a condition of affairs in which all forms of nervous excitement are considerably intensified, and there is consequently a general sense of irritability abroad. That condition cannot cause a quarrel between sensible people; but under such circumstances disputes arise far more readily than usual, even on the most trifling pretexts, and the large number of people who seem to be always on the verge of losing their tempers are likely to relinquish all control of themselves on even less than ordinary provocation. It may sometimes happen that such influences, playing on the smouldering discontent of ignorant jealousy, may fan it into an outburst of popular frenzy from which wide-spread disaster may ensue.

Chẳng hạn, một loại áp lực nhất định đôi khi có thể tạo ra một trạng thái trong đó mọi dạng kích thích thần kinh đều được tăng cường đáng kể, dẫn đến một cảm giác cáu kỉnh lan rộng. Trạng thái đó không thể gây ra một cuộc cãi vã giữa những người hiểu biết, nhưng trong những hoàn cảnh như vậy, tranh cãi sẽ dễ dàng nổ ra hơn bình thường, ngay cả với những lý do tầm thường nhất, và số lượng lớn những người dường như luôn trong trạng thái sắp mất bình tĩnh có thể hoàn toàn mất kiểm soát chỉ vì những kích thích nhỏ hơn bình thường. Đôi khi, những ảnh hưởng như vậy, khi tác động lên sự bất mãn ngấm ngầm của lòng đố kỵ ngu muội, có thể khuấy động nó thành một cơn cuồng loạn tập thể, từ đó dẫn đến những thảm họa lan rộng.

Even in such a case as this we must guard ourselves against the fatal mistake of supposing the influence to be evil because man's passions turn it to evil effect. The force itself is simply a wave of activity sent forth from one of the Centres of the Deity, and is in itself of the nature of an intensification of certain vibrations—necessary perhaps to produce some far-reaching cosmic effect. The increased activity produced incidentally by its means in the astral body of a man offers him an opportunity of testing his power to manage his vehicles; and whether he succeeds or fails in this, it is still one of the

Ngay cả trong trường hợp như vậy, chúng ta cũng phải tự bảo vệ mình khỏi sai lầm tai hại khi cho rằng ảnh hưởng đó là ác độc chỉ vì đam mê của con người biến nó thành kết quả xấu. Bản thân lực này đơn thuần là một làn sóng hoạt động phát ra từ một trong những Trung tâm của Thượng đế, và tự bản chất của nó là sự tăng cường một số dao động nhất định—có lẽ cần thiết để tạo ra một hiệu ứng vũ trụ rộng lớn nào đó. Sự gia tăng hoạt động do nó gây ra một cách tình cờ trong thể cảm dục của con người mang lại cho y một cơ hội để thử nghiệm khả năng kiểm soát các thể của mình;

lessons which help in his evolution. Karma may throw a man into certain surroundings or bring him under certain influences, but it can never force him to commit a crime, though it may so place him that it requires great determination on his part to avoid that crime. It is possible, therefore, for an astrologer to warn a man of the circumstances under which at a given time be will find himself, but any definite prophecy as to his action under those circumstances can only be based upon probabilities—though we may readily recognise how nearly such prophecies become certainties in the case of the ordinary will-less man. From the extraordinary mixture of success and failure which characterise modern astrological predictions, it seems fairly certain that the practitioners, of this art are not fully acquainted with all the necessary factors. In a case into which only those factors enter which are already fairly well understood, success is achieved; but in cases where unrecognised factors come into play we have naturally more or less complete failure as the result.

và dù y thành công hay thất bại trong việc này, đó vẫn là một trong những bài học giúp ích cho sự tiến hóa của y. Nghiệp quả có thể đặt một người vào những hoàn cảnh nhất định hoặc khiến y chịu ảnh hưởng của những tác động nhất định, nhưng nó không bao giờ bắt buộc y phạm tội, mặc dù nó có thể đặt y vào tình huống đòi hỏi sự quyết tâm lớn lao để tránh tội lỗi đó. Vì vậy, một nhà chiêm tinh có thể cảnh báo một người về hoàn cảnh mà y sẽ gặp phải vào một thời điểm nhất định, nhưng bất kỳ tiên đoán cụ thể nào về hành động của y trong hoàn cảnh đó chỉ có thể dựa trên xác suất—mặc dù chúng ta dễ dàng nhận ra mức độ gần như chắc chắn của những tiên đoán này trong trường hợp của những người bình thường không có ý chí. Từ sự pha trộn bất thường giữa thành công và thất bại vốn đặc trưng cho các dự đoán chiêm tinh hiện đại, có vẻ khá chắc chắn rằng những người thực hành nghệ thuật này chưa hoàn toàn quen thuộc với tất cả các yếu tố cần thiết. Trong những trường hợp chỉ có các yếu tố đã được hiểu rõ tham gia, dự đoán thành công; nhưng trong các trường hợp có các yếu tố chưa được nhận diện, kết quả tự nhiên sẽ là thất bại một phần hoặc toàn bộ.

CHAPTER IV -BY THE SUN—BỞI MẶT TRỜI

THE HEAT OF THE SUN

THOSE who are interested in astronomy will find the occult side of that science one of the most fascinating studies within our reach. Obviously it would be at once too recondite and too technical for inclusion in such a book as this, which is concerned more immediately with such of the unseen phenomena as affect us practically in our daily life; but the connection of the sun with that life is so intimate that it is necessary that a few words should be said about him.

The whole solar system is truly the garment of its Deity, but the sun is His veritable epiphany—the nearest that we can come in the physical realm to a manifestation of Him, the lens through which His power shines forth upon us.

Regarded purely from the physical point of view, the sun is a vast mass of glowing matter at almost inconceivably high temperatures, and in a condition of electrification so intense as to be altogether beyond our experience. Astronomers, supposing his heat to be due merely to contraction, used to calculate how long he must have existed in the past, and how long it would be possible for him to maintain it in the future; and they found themselves unable to allow more than a few hundred thousand years either way, while the geologists on the other hand claim that on this earth alone we have evidence of processes extending over millions of years. The discovery of radium has upset the older theories, but even with its aid they have not yet risen to the simplicity of the real explanation of the difficulty.

One can imagine some intelligent microbe living in or upon a human body and arguing about its temperature in precisely the same way. He might say that it must of course be a gradually cooling body, and he might calculate with exactitude that in so many hours or minutes it must reach a temperature that would render continued existence impossible for him. If he lived long enough, however, he would find that the human

SỰ NÓNG BỨC CỦA MẶT TRỜI

Những ai quan tâm đến thiên văn học sẽ thấy khía cạnh huyền bí của khoa học này là một trong những lĩnh vực nghiên cứu hấp dẫn nhất mà chúng ta có thể tiếp cận. Rõ ràng rằng nó vừa quá sâu sắc vừa quá kỹ thuật để được đưa vào một cuốn sách như thế này, cuốn sách chủ yếu quan tâm đến những hiện tượng vô hình ảnh hưởng thực tế đến cuộc sống hàng ngày của chúng ta; nhưng mối liên hệ của mặt trời với cuộc sống đó lại quá mật thiết đến mức cần phải đề cập đôi chút về Ngài.

Toàn bộ Thái Dương Hệ thực sự là tấm áo của Thượng đế của nó, nhưng mặt trời chính là sự hiện thân thực sự của Ngài—sự biểu hiện gần nhất mà chúng ta có thể thấy được trong cõi vật lý, là thấu kính qua đó quyền năng của Ngài chiếu sáng xuống chúng ta.

Nếu chỉ nhìn từ quan điểm vật lý, mặt trời là một khối chất rực sáng khổng lồ ở nhiệt độ cao không thể tưởng tượng được, và ở một trạng thái điện hóa cực kỳ mãnh liệt, vượt xa kinh nghiệm của chúng ta. Các nhà thiên văn học, giả định rằng nhiệt lượng của mặt trời chỉ là kết quả của sự co lại, từng tính toán thời gian mà nó phải tồn tại trong quá khứ và thời gian nó có thể duy trì nhiệt lượng trong tương lai; và họ nhận thấy mình không thể cho phép con số vượt quá vài trăm nghìn năm ở cả hai chiều, trong khi các nhà địa chất lại tuyên bố rằng trên chính Trái Đất này, chúng ta có bằng chứng về các quá trình kéo dài hàng triệu năm. Việc phát hiện ra radium đã làm đảo lộn các lý thuyết cũ, nhưng ngay cả với sự hỗ trợ của nó, họ vẫn chưa đạt được sự đơn giản của lời giải thích thực sự về vấn đề này.

Chúng ta có thể tưởng tượng một vi sinh vật thông minh nào đó sống trong hoặc trên cơ thể con người, và cũng lập luận về nhiệt độ của nó theo cách tương tự. Nó có thể nói rằng cơ thể chắc chắn phải là một khối đang dần nguội đi, và nó có thể tính toán chính xác rằng trong một số giờ hoặc phút, cơ thể sẽ đạt đến nhiệt độ khiến sự tồn tại của nó không thể tiếp tục. Tuy nhiên, nếu sống đủ lâu, nó sẽ nhận thấy rằng cơ thể con

body did *not* cool, as according to his theories it should do, and no doubt this would seem to him very mysterious, unless and until he discovered that he was dealing not with a dying fire but with a living being, and that as long as the life remained the temperature would not sink. In exactly the same way if we realise that the sun is the physical manifestation of the Solar Deity, we shall see that the mighty life behind it will assuredly keep up its temperature, as long as may be necessary for the full evolution of the system.

người không nguội đi như lý thuyết của nó dự đoán, và điều này chắc chắn sẽ có vẻ rất bí ẩn đối với nó, trừ khi và cho đến khi nó phát hiện ra rằng nó đang không đối mặt với một ngọn lửa đang tàn mà là một thực thể sống, và rằng chừng nào sự sống còn tồn tại thì nhiệt độ sẽ không giảm. Cũng theo cách đó, nếu chúng ta nhận thức rằng mặt trời là sự biểu hiện vật lý của Thái Dương Thượng đế, chúng ta sẽ thấy rằng sự sống vĩ đại đằng sau Ngài chắc chắn sẽ duy trì nhiệt độ của Ngài, chừng nào điều đó còn cần thiết cho sự tiến hóa hoàn chỉnh của hệ thống.

THE WILLOW-LEAVES

A similar explanation offers us a solution of some of the other problems of solar physics. For example, the phenomena called from their shape the 'willow-leaves' or 'rice-grains,' of which the photosphere of the sun is practically composed, have often puzzled exoteric students by the apparently irreconcilable characteristics which they present. From their position they can be nothing else than masses of glowing gas at an exceedingly high temperature, and therefore of great tenuity; yet though they must be far lighter than any terrestrial cloud, they never fail to maintain their peculiar shape, however wildly they may be tossed about in the very midst of storms of power so tremendous that they would instantly destroy the earth itself.

Một lời giải thích tương tự mang đến cho chúng ta giải pháp cho một số vấn đề khác của vật lý mặt trời. Ví dụ, các hiện tượng được gọi theo hình dạng của chúng là 'lá liễu' hoặc 'hạt gạo', trong đó quang quyển của mặt trời được cấu tạo một cách thực tế, thường khiến các sinh viên ngoại môn bối rối bởi những đặc điểm dường như không thể dung hòa mà chúng thể hiện. Từ vị trí của chúng, chúng không thể là gì khác ngoài khối khí phát sáng ở nhiệt độ cực kỳ cao, và do đó rất loãng; tuy nhiên, mặc dù chúng phải nhẹ hơn bất kỳ đám mây nào trên mặt đất, nhưng chúng không bao giờ mất đi hình dạng đặc biệt của mình, cho dù chúng có bị xô đẩy dữ dội đến đâu ngay giữa những cơn bão có sức mạnh khủng khiếp đến mức chúng sẽ ngay lập tức hủy diệt chính trái đất.

When we realise that behind each of these strange objects there is a splendid Life—that each may be considered as the physical body of a great Angel—we comprehend that it is that Life which holds them together and gives them their wonderful stability. To apply to them the term physical body may perhaps mislead us, because for us the life in the physical seems of so much importance and occupies so prominent a position in the present stage of our evolution. Madame Blavatsky has told us that we cannot truly describe them as solar inhabitants, since the Solar Beings will hardly place themselves in telescopic focus, but that they are the reservoirs of solar vital energy, themselves partaking of the life which they pour forth.

Khi chúng ta nhận ra rằng đằng sau mỗi vật thể kỳ lạ này có một Sự Sống tuyệt vời — rằng mỗi vật thể có thể được coi là thể xác của một Thiên Thần vĩ đại — chúng ta hiểu rằng chính Sự Sống đó đã kết nối chúng lại với nhau và mang lại cho chúng sự ổn định kỳ diệu. Áp dụng thuật ngữ thể xác cho chúng có lẽ có thể khiến chúng ta hiểu lầm, bởi vì đối với chúng ta, sự sống trong thể xác dường như rất quan trọng và chiếm một vị trí nổi bật trong giai đoạn tiến hóa hiện tại của chúng ta. Bà Blavatsky đã nói với chúng ta rằng chúng ta không thể thực sự mô tả chúng là cư dân của mặt trời, vì các Sinh Vật Mặt Trời khó có thể tự đặt mình vào tiêu điểm của kính thiên văn, mà chúng là nơi chứa đựng năng lượng sống của mặt trời, bản thân chúng tham gia vào sự sống mà chúng tuôn ra.

Let us say rather that the willow-leaves are

Tốt hơn hết chúng ta nên nói rằng những chiếc lá

manifestations upon the physical level maintained by the solar Angels for a special purpose, at the cost of a certain sacrifice or limitation of their activities on the higher levels which are their normal habitat. Remembering that it is through these willow-leaves that the light, heat and vitality of the sun come to us, we may readily see that the object of this sacrifice is to bring down to the physical level certain forces which would otherwise remain unmanifested, and that these great Angels are acting as channels, as reflectors, as specialisers of divine power—that they are in fact doing at cosmic levels and for a solar system what, if we are wise enough to use our privileges, we ourselves may do on a microscopical scale in our own little circle, as will be seen in a later chapter.

liễu là những biểu hiện trên cõi trần được duy trì bởi các Thiên Thần mặt trời vì một mục đích đặc biệt, với cái giá phải trả là sự hy sinh hoặc hạn chế nhất định các hoạt động của họ trên các cõi cao hơn là nơi cư trú bình thường của họ. Nhớ rằng chính thông qua những chiếc lá liễu này mà ánh sáng, sức nóng và sinh lực của mặt trời đến với chúng ta, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng mục tiêu của sự hy sinh này là mang xuống cõi trần những mãnh lực nhất định mà nếu không sẽ vẫn không được biểu lộ, và rằng những Thiên Thần vĩ đại này đang hoạt động như những kênh dẫn, như những tấm phản chiếu, như những người chuyên biệt hóa quyền năng thiêng liêng — rằng trên thực tế, họ đang làm ở cấp độ vũ trụ và cho một hệ mặt trời những gì, nếu chúng ta đủ khôn ngoan để sử dụng các đặc quyền của mình, thì bản thân chúng ta có thể làm ở quy mô vi mô trong vòng tròn nhỏ bé của chính mình, như sẽ thấy trong một chương sau.

VITALITY

We all know the feeling of cheerfulness and well-being which sunlight brings to us, but only students of occultism are fully aware of the reasons for that sensation. Just as the sun floods his system with light and heat, so does he perpetually pour out into it another force as yet unsuspected by modern science—a force to which has been given the name 'vitality'. This is radiated on all levels, and manifests itself in each realm—physical, emotional, mental and the rest—but we are specially concerned for the moment with its appearance in the lowest, where it enters some of the physical atoms, immensely increases their activity, and makes them animated and glowing.

We must not confuse this force with electricity, though it in some ways resembles it. The Deity sends forth from Himself three great forms of energy; there may be hundreds more of which we know nothing; but at least there are three. Each of them has its appropriate manifestation at every level which our students have yet reached; but for the moment let us think of them as they show themselves in the physical world. One of them exhibits itself as electricity, another as vitality, and the third as the serpent-fire, of which I have already written in *The Inner Life*.

SINH LỰC

Chúng ta đều biết cảm giác vui vẻ và khỏe khoắn mà ánh sáng mặt trời mang lại, nhưng chỉ có những học viên huyền bí học mới nhận thức đầy đủ về nguyên nhân của cảm giác đó. Cũng như mặt trời tràn ngập hệ thống của Ngài với ánh sáng và nhiệt, Ngài liên tục tuôn đổ vào đó một năng lực khác mà khoa học hiện đại vẫn chưa nhận ra—một năng lực được gọi là "sinh lực". Năng lực này được bức xạ trên mọi cấp độ, và biểu hiện trong mỗi cõi—vật lý, cảm xúc, trí tuệ và các cõi khác—nhưng hiện tại chúng ta đặc biệt quan tâm đến sự biểu hiện của nó ở cấp độ thấp nhất, nơi nó thâm nhập vào một số nguyên tử vật lý, làm tăng đáng kể hoạt động của chúng, và khiến chúng trở nên sống động và phát sáng.

Chúng ta không nên nhầm lẫn năng lực này với điện năng, mặc dù nó có một số đặc điểm giống điện năng. Thượng đế tuôn đổ từ Ngài ba dạng năng lượng vĩ đại; có thể còn hàng trăm dạng khác mà chúng ta chưa biết; nhưng ít nhất, có ba dạng. Mỗi dạng trong số này có sự biểu hiện tương ứng ở mọi cấp độ mà các học viên của chúng ta đã tiếp cận được; nhưng bây giờ hãy tạm nghĩ về cách chúng biểu hiện trong thế giới vật lý. Một trong số đó thể hiện như điện năng, một dạng khác như sinh lực, và dạng thứ ba như lửa xà, mà tôi đã viết trong *The Inner Life*.

These three remain distinct, and none of them can at this level be converted into either of the others. They have no connection with any of the Three Great Outpourings; all of those are definite efforts made by the Solar Deity, while these seem rather to be results of His life—His qualities in manifestation without any visible effort. Electricity while it is rushing through the atoms, deflects them and holds them in a certain way—this effect being in addition to and quite apart from the special rate of vibration which it also imparts to them.

Ba dạng năng lượng này vẫn tách biệt, và ở cấp độ này, không dạng nào có thể chuyển hóa thành dạng nào khác. Chúng không có liên hệ với bất kỳ trong ba Sự Tuôn Đổ Lớn Lao nào; tất cả những Sự Tuôn Đổ đó là những nỗ lực rõ ràng được thực hiện bởi Thái Dương Thượng đế, trong khi ba năng lượng này dường như là kết quả của sự sống của Ngài—những phẩm chất của Ngài được biểu hiện mà không cần bất kỳ nỗ lực hữu hình nào. Điện năng, trong khi chảy qua các nguyên tử, làm lệch hướng chúng và giữ chúng ở một trạng thái nhất định—hiệu ứng này hoàn toàn độc lập với tần số rung động đặc biệt mà nó cũng truyền cho chúng.

But the action of vitality differs in many ways from that of electricity, light or heat. Any of the variants of this latter force cause oscillation of the atom as a whole—an oscillation the size of which is enormous as compared with that of the atom; but this other force which we call vitality comes to the atom not from without, but from within.

Tuy nhiên, tác động của sinh lực khác biệt rất nhiều so với tác động của điện, ánh sáng hay nhiệt. Bất kỳ biến thể nào của những năng lượng này đều gây ra dao động của toàn bộ nguyên tử—một dao động có kích thước lớn so với nguyên tử; nhưng lực khác này, mà chúng ta gọi là sinh lực, đến với nguyên tử không từ bên ngoài, mà từ bên trong.

THE VITALITY GLOBULE

HẠT SINH LỰC

The atom is itself nothing but the manifestation of a force; the Solar Deity wills a certain shape which we call an ultimate physical atom, and by that effort of His will some fourteen thousand million bubbles are held in that particular form. It is necessary to emphasise the fact that the cohesion of the bubbles in that form is entirely dependent upon that effort of will, so that if that were for a single instant withdrawn, the bubbles must fall apart again, and the whole physical realm would simply cease to exist in far less than the period of a flash of lightning. So true is it that the whole world is nothing but illusion, even from this point of view, to say nothing of the fact that the bubbles of which the atom is built are themselves only holes in koilon, the true aether of space.

Bản thân nguyên tử không là gì khác ngoài biểu hiện của một mãnh lực; Thái dương Thượng đế mong muốn một hình dạng nhất định mà chúng ta gọi là nguyên tử vật lý tối hậu, và bằng nỗ lực ý chí đó của Ngài, khoảng mười bốn nghìn triệu bong bóng được giữ trong hình dạng đặc biệt đó. Cần phải nhấn mạnh sự thật rằng sự kết dính của các bong bóng trong hình dạng đó hoàn toàn phụ thuộc vào nỗ lực ý chí đó, do đó nếu điều đó bị rút đi trong một khoảnh khắc, các bong bóng phải tách rời nhau ra, và toàn bộ cõi trần sẽ đơn giản là ngừng tồn tại trong thời gian ngắn hơn một tia chớp. Thật vậy, toàn bộ thế giới không là gì khác ngoài ảo ảnh, ngay cả từ quan điểm này, chưa nói đến sự thật rằng các bong bóng tạo nên nguyên tử chỉ là những lỗ hổng trong koilon, ête thực sự của không gian.

So it is the will-force of the Solar Deity continually exercised which holds the atom together as such; and when we try to examine the action of that force we see that it does not come into the atom from outside, but wells up within it—which means that it enters it from higher dimensions. The same is true with regard to this other force which we call vitality; it enters the

Vì vậy, chính mãnh lực ý chí của Thái dương Thượng đế liên tục được vận dụng đã giữ nguyên tử lại với nhau như vậy; và khi chúng ta cố gắng kiểm tra tác dụng của mãnh lực đó, chúng ta thấy rằng nó không đi vào nguyên tử từ bên ngoài, mà tuôn ra từ bên trong nó — có nghĩa là nó đi vào nguyên tử từ các chiều không gian cao hơn. Điều này cũng đúng đối với mãnh lực khác mà chúng

atom from within, along with the force that holds that atom together, instead of acting upon it entirely from without, as do those other varieties of force which we call light, heat or electricity.

ta gọi là sinh lực; nó đi vào nguyên tử từ bên trong, cùng với mãnh lực giữ nguyên tử đó lại với nhau, thay vì tác động lên nó hoàn toàn từ bên ngoài, như những loại mãnh lực khác mà chúng ta gọi là ánh sáng, nhiệt hoặc điện.

When vitality wells up thus within the atom it endows it with an additional life, and gives it a power of attraction, so that it immediately draws round it six other atoms, which it arranges in a definite form, this making what has been called in *Occult Chemistry a* hyper-meta-proto-element. But this element differs from all others which have so far been observed, in that the force which creates it and holds it together comes from the second Aspect of the Solar Deity instead of from the third This vitality-globule is drawn upon page 45 of *Occult Chemistry,* where it stands first at the left hand of the top line in the diagram. It is the little group which makes the exceedingly brilliant bead upon the male or positive snake in the chemical element oxygen, and it is also the heart of the central globe in radium.

Khi sinh lực tuôn ra như vậy bên trong nguyên tử, nó ban cho nguyên tử một sự sống bổ sung và mang lại cho nó sức mạnh hấp dẫn, do đó nó ngay lập tức hút sáu nguyên tử khác xung quanh nó, mà nó sắp xếp theo một hình dạng xác định, tạo nên thứ được gọi trong *Hóa Học Huyền Bí là siêu-siêu-nguyên tố*. Nhưng nguyên tố này khác với tất cả các nguyên tố khác đã được quan sát cho đến nay, ở chỗ mãnh lực tạo ra nó và giữ nó lại với nhau đến từ Khía Cạnh thứ hai của Thái dương Thượng đế thay vì từ Khía Cạnh thứ ba. Hạt sinh lực này được vẽ trên trang 45 của *Hóa Học Huyền Bí, nơi nó* đứng đầu tiên ở bên trái của dòng trên cùng trong biểu đồ. Nó là nhóm nhỏ tạo nên hạt cực kỳ sáng trên con rắn đực hoặc dương trong nguyên tố hóa học oxy, và nó cũng là trái tim của quả cầu trung tâm trong radium.

These globules are conspicuous above all others which may be seen floating in the atmosphere, on account of their brilliance and extreme activity—the intensely vivid life which they show. These are probably the fiery lives so often mentioned by Madame Blavatsky, though she appears to employ that term in two senses. In *The Secret Doctrine,* vol. ii, 709, it seems to mean the globule as a whole, in vol. i, 283, it probably means the original additionally-vitalised atoms, each of which draws round itself six others.

Những hạt này nổi bật hơn tất cả những hạt khác có thể được nhìn thấy trôi nổi trong khí quyển, do độ sáng và hoạt động cực độ của chúng — sự sống cực kỳ sống động mà chúng thể hiện. Đây có lẽ là những sự sống bốc lửa thường được bà Blavatsky nhắc đến, mặc dù bà dường như sử dụng thuật ngữ đó theo hai nghĩa. Trong Giáo Lý Bí Truyền, tập ii, 709, nó dường như có nghĩa là hạt nói chung, trong tập i, 283, nó có lẽ có nghĩa là các nguyên tử được bổ sung sinh lực ban đầu, mỗi nguyên tử hút sáu nguyên tử khác xung quanh nó.

While the force that vivifies the globules is quite different from light, it nevertheless appears to depend upon light for its power of manifestation. In brilliant sunshine this vitality is constantly welling up afresh, and the globules are generated with great rapidity and in incredible numbers; but in cloudy weather there is a great diminution in the number of globules formed, and during the night the operation appears to be entirely suspended. During the night, therefore, we may be said to be living upon the stock manufactured during the previous day, and though it appears practically impossible that it should ever be entirely exhausted, that stock evidently does run

Trong khi mãnh lực làm sống động các hạt hoàn toàn khác với ánh sáng, nhưng nó dường như phụ thuộc vào ánh sáng để có sức mạnh biểu lộ. Dưới ánh nắng rực rỡ, sinh lực này liên tục tuôn trào trở lại, và các hạt được tạo ra với tốc độ rất nhanh và với số lượng đáng kinh ngạc; nhưng trong thời tiết nhiều mây, số lượng hạt được hình thành giảm đi rất nhiều, và vào ban đêm, hoạt động này dường như bị đình chỉ hoàn toàn. Do đó, vào ban đêm, có thể nói rằng chúng ta đang sống dựa vào nguồn dự trữ được sản xuất trong ngày hôm trước, và mặc dù dường như trên thực tế không thể nào nó cạn kiệt hoàn toàn, nhưng nguồn dự trữ đó rõ ràng là cạn kiệt khi có một chuỗi ngày

low when there is a long succession of cloudy days. The globule, once charged, remains as a sub-atomic element, and does not appear to be subject to any change or loss of force unless and until it is absorbed by some living creature.

THE ABSORPTION OF VITALITY

This vitality is absorbed by all living organisms, and a sufficient supply of it seems to be a necessity of their existence. In the case of men and the higher animals it is absorbed through the centre or vortex in the etheric double which corresponds with the spleen. It will be remembered that that centre has six petals, made by the undulatory movement of the forces which cause the vortex. But this undulatory movement is itself caused by the radiation of other forces from the centre of that vortex. Imaging the central point of the vortex as the hub of a wheel, we may think of these last-mentioned forces as represented by spokes radiating from it in straight lines. Then the vortical forces, sweeping round and round, pass alternately under and over these spokes as though they were weaving a kind of etheric basket-work, and in this way is obtained the appearance of six petals separated by depressions.

When the unit of vitality is flashing about in the atmosphere, brilliant as it is, it is almost colourless, and may be compared to white light. But as soon as it is drawn into the vortex of the force-centre at the spleen it is decomposed and breaks up into streams of different colours, though it does not follow exactly our division of the spectrum. As its component atoms are whirled round the vortex, each of the six spokes seizes upon one of them, so that all the atoms charged with yellow rush along one, and all those charged with green along another, and so on, while the seventh disappears through the centre of the vortex—through the hub of the wheel, as it were. Those rays then rush off in different directions, each to do its special work in the vitalisation of the body. As I have said, however, the divisions are not exactly those which we ordinarily use in the solar spectrum, but rather resemble the arrangement of colours which we see on higher levels in the causal, mental and astral bodies.

nhiều mây kéo dài. Hạt, một khi được nạp năng lượng, vẫn là một nguyên tố hạ nguyên tử, và dường như không bị thay đổi hoặc mất mãnh lực trừ khi và cho đến khi nó được một sinh vật sống hấp thụ.

SỰ HẤP THỤ SINH LỰC

Sinh lực này được tất cả các sinh vật sống hấp thụ, và một nguồn cung cấp đầy đủ dường như là điều cần thiết cho sự tồn tại của chúng. Trong trường hợp của con người và các loài động vật bậc cao, nó được hấp thụ thông qua trung tâm hoặc xoáy trong thể dĩ thái tương ứng với lá lách. Cần nhớ rằng trung tâm đó có sáu cánh hoa, được tạo ra bởi chuyển động nhấp nhô của các mãnh lực gây ra xoáy lực. Nhưng chuyển động nhấp nhô này tự nó lại do sự bức xạ của các mãnh lực khác từ trung tâm của xoáy đó. Hình dung điểm trung tâm của xoáy như trục của bánh xe, chúng ta có thể nghĩ về những mãnh lực được đề cập cuối cùng này được đại diện bởi các nan hoa tỏa ra từ nó theo đường thẳng. Sau đó, các mãnh lực xoáy, quét vòng quanh, luân phiên đi qua dưới và trên các nan hoa này như thể chúng đang dệt một loại giỏ đan bằng dĩ thái, và theo cách này thu được hình dạng của sáu cánh hoa được ngăn cách bởi các chỗ lõm.

Khi đơn vị sinh lực lóe lên trong khí quyển, mặc dù rực rỡ nhưng nó gần như không màu và có thể so sánh với ánh sáng trắng. Nhưng ngay sau khi nó bị hút vào xoáy của trung tâm mãnh lực ở lá lách, nó bị phân hủy và vỡ ra thành các dòng có màu sắc khác nhau, mặc dù nó không hoàn toàn tuân theo sự phân chia quang phổ của chúng ta. Khi các nguyên tử thành phần của nó quay quanh xoáy, mỗi nan hoa trong số sáu nan hoa sẽ nắm lấy một trong số chúng, do đó tất cả các nguyên tử mang điện tích màu vàng lao dọc theo một nan hoa, và tất cả những nguyên tử mang điện tích màu xanh lục lao dọc theo một nan hoa khác, v.v., trong khi nguyên tử thứ bảy biến mất qua trung tâm của xoáy — qua trục của bánh xe, như người ta vẫn nói. Sau đó, những tia đó lao đi theo các hướng khác nhau, mỗi tia thực hiện công việc đặc biệt của mình trong việc tiếp thêm sinh lực cho cơ thể. Tuy nhiên, như tôi đã nói, các phân chia không hoàn toàn giống với những phân chia mà chúng ta thường sử dụng trong quang phổ mặt trời, mà giống với sự sắp xếp màu sắc mà chúng ta thấy trên các cõi cao hơn trong thể nguyên

nhân, thể trí và thể cảm xúc.

For example, what we call indigo is divided between the violet ray and the blue ray, so that we find only two divisions there instead of three; but on the other hand what we call red is divided into two—rose red and dark red. The six radiants are therefore violet, blue, green, yellow, orange, and dark red; while the seventh or rose red atom (more properly the first, since this is the original atom in which the force first appeared) passes down through the centre of the vortex. Vitality is thus clearly sevenfold in its constitution, but it rushes through the body in five main streams, as has been described in some of the Indian books,[11] for after issuing from splenic centre the blue and the violet join into one ray, and so do the orange and the dark red.

Ví dụ, cái mà chúng ta gọi là màu chàm được chia cho tia tím và tia lam, do đó chúng ta chỉ tìm thấy hai phân chia ở đó thay vì ba; nhưng mặt khác, cái mà chúng ta gọi là màu đỏ được chia thành hai — đỏ hồng và đỏ sẫm. Do đó, sáu tia bức xạ là tím, lam, lục, vàng, cam và đỏ sẫm; trong khi nguyên tử thứ bảy hoặc đỏ hồng (đúng hơn là nguyên tử đầu tiên, vì đây là nguyên tử ban đầu mà mãnh lực xuất hiện lần đầu tiên) đi xuống qua trung tâm của xoáy. Do đó, sinh lực rõ ràng có bảy phần trong cấu tạo của nó, nhưng nó chạy qua cơ thể theo năm dòng chính, như đã được mô tả trong một số sách Ấn Độ, vì sau khi phát ra từ trung tâm lá lách, màu lam và màu tím hợp nhất thành một tia, và màu cam và màu đỏ sẫm cũng vậy.

(1) The violet-blue ray flashes upwards to the throat, where it seems to divide itself, the light blue remaining to course through and vivify the throat-centre, while the dark blue and violet pass on into the brain. The dark blue expends itself in the lower and central parts of the brain, while the violet floods the upper part and appears to give special vigour to the force-centre at the top of the head, diffusing itself chiefly through the nine hundred and sixty petals of the outer part of that centre.

(1) Tia tím-lam lóe lên trên cổ họng, nơi nó dường như tự phân chia, màu lam nhạt vẫn chạy qua và tiếp thêm sinh lực cho trung tâm cổ họng, trong khi màu lam sẫm và màu tím đi vào não. Màu lam sẫm tự tiêu hao ở các phần dưới và trung tâm của não, trong khi màu tím tràn ngập phần trên và dường như tiếp thêm sức mạnh đặc biệt cho trung tâm mãnh lực ở đỉnh đầu, khuếch tán chủ yếu qua chín trăm sáu mươi cánh hoa của phần bên ngoài của trung tâm đó.

(2) The yellow ray is directed to the heart, but after doing its work there, part of it also passes on to the brain and permeates it, directing itself principally to the twelve-petalled flower in the midst of the highest force-centre.

(2) Tia màu vàng được hướng đến tim, nhưng sau khi thực hiện công việc ở đó, một phần của nó cũng đi vào não và thấm vào não, tự hướng chủ yếu đến bông hoa mười hai cánh ở giữa trung tâm mãnh lực cao nhất.

(3) The green ray floods the abdomen and, while centring especially in the solar plexus, evidently vivifies the liver, kidneys and intestines, and the digestive apparatus generally.

(3) Tia màu xanh lá cây tràn ngập bụng và, trong khi tập trung đặc biệt vào đám rối thần kinh mặt trời, rõ ràng là tiếp thêm sinh lực cho gan, thận và ruột, và nói chung là bộ máy tiêu hóa.

(4) The rose-coloured ray runs all over the body along the nerves, and is clearly the life of the nervous system. This is what is commonly

(4) Tia màu hồng chạy khắp cơ thể dọc theo các dây thần kinh, và rõ ràng là sự sống của hệ thần kinh. Đây là thứ thường được mô tả là sinh lực —

[1] "To them spoke the principal life: Be not lost in delusion I even, fivefold dividing myself, uphold this body by my support." —*Prashnopanishad*. ii, 3. "From this proceed these seven flames." —*Ibid*., iii, 5.—[1] "Sinh lực chính nói với họ: Đừng lạc lối trong ảo tưởng. Chính ta, chia làm năm phần, nâng đỡ cơ thể này bằng sự hỗ trợ của ta." —Prashnopanishad. ii, 3. "Từ đây phát ra bảy ngọn lửa này." —Ibid., iii, 5.

described as vitality—the specialised vitality which one man may readily pour into another in whom it is deficient. If the nerves are not fully supplied with this rosy light they become sensitive and intensely irritable, so that the patient finds it almost impossible to remain in one position, and yet gains but little ease when he moves to another. The least noise or touch is agony to him, and he is in a condition of acute misery. The flooding of his nerves with specialised vitality by some healthy person brings instant relief, and a feeling of healing and peace descends upon him. A man in robust health usually absorbs and specialises so much more vitality than is actually needed by his own body that he is constantly radiating a torrent of rose-coloured atoms, and so unconsciously pours strength upon his weaker fellows without losing anything himself; or by an effort of his will he can gather together this superfluous energy and aim it intentionally at one whom he wishes to help.

sinh lực chuyên biệt mà một người có thể dễ dàng đổ vào người khác khi người đó thiếu hụt. Nếu các dây thần kinh không được cung cấp đầy đủ ánh sáng hồng này, chúng sẽ trở nên nhạy cảm và cực kỳ dễ bị kích thích, do đó bệnh nhân thấy gần như không thể giữ nguyên một tư thế, nhưng lại không thấy dễ chịu hơn khi chuyển sang tư thế khác. Tiếng ồn hoặc va chạm nhỏ nhất cũng là nỗi thống khổ đối với họ, và họ đang ở trong tình trạng đau khổ tột độ. Việc tràn ngập các dây thần kinh của họ với sinh lực chuyên biệt bởi một người khỏe mạnh nào đó mang lại sự khuây khỏa ngay lập tức, và một cảm giác chữa lành và bình an giáng xuống họ. Một người có sức khỏe cường tráng thường hấp thụ và chuyên biệt hóa nhiều sinh lực hơn mức thực sự cần thiết cho cơ thể của chính họ, đến mức họ liên tục tỏa ra một dòng thác các nguyên tử màu hồng, và do đó vô thức đổ sức mạnh lên những người đồng loại yếu hơn của họ mà không mất mát gì cho bản thân; hoặc bằng một nỗ lực ý chí của mình, họ có thể tập hợp năng lượng dư thừa này lại và cố ý nhắm vào người mà họ muốn giúp đỡ.

The physical body has a certain blind, instinctive consciousness of its own, corresponding in the physical world to the desire-elemental of the astral body; and this consciousness seeks always to protect it from danger, or to procure for it whatever may be necessary. This is entirely apart from the consciousness of the man himself, and it works equally well during the absence of the ego from the physical body during sleep. All our instinctive movements are due to it, and it is through its activity that the working of the sympathetic system is carried on ceaselessly without any thought or knowledge on our part.

Thể xác có một tâm thức bản năng, mù quáng, nhất định của riêng nó, tương ứng trong thế giới vật chất với tinh linh cảm dục của thể cảm xúc; và tâm thức này luôn tìm cách bảo vệ nó khỏi nguy hiểm, hoặc kiếm cho nó bất cứ thứ gì cần thiết. Điều này hoàn toàn tách biệt với tâm thức của chính con người, và nó hoạt động tốt như nhau trong thời gian bản ngã vắng mặt khỏi thể xác khi ngủ. Tất cả các chuyển động theo bản năng của chúng ta là do nó, và chính thông qua hoạt động của nó mà hoạt động của hệ thống giao cảm được thực hiện không ngừng nghỉ mà không cần bất kỳ suy nghĩ hay hiểu biết nào từ phía chúng ta.

While we are what we call awake, this physical elemental is perpetually occupied in self-defence; he is in a condition of constant vigilance, and he keeps the nerves and muscles always tense. During the night or at any time when we sleep he lets the nerves and muscles relax, and devotes himself specially to the assimilation of vitality, and the recuperation of the physical body. He works at this most successfully during the early part of the night, because then there is plenty of vitality, whereas immediately before the dawn the vitality which has been left behind by the

Trong khi chúng ta đang ở trạng thái mà chúng ta gọi là thức, tinh linh hồng trần này liên tục bận rộn với việc tự vệ; nó ở trong tình trạng cảnh giác liên tục, và nó luôn giữ cho các dây thần kinh và cơ bắp căng thẳng. Vào ban đêm hoặc bất cứ lúc nào chúng ta ngủ, nó cho phép các dây thần kinh và cơ bắp thư giãn, và dành riêng cho việc đồng hóa sinh lực và phục hồi thể xác. Nó hoạt động hiệu quả nhất trong thời gian đầu của đêm, bởi vì lúc đó có rất nhiều sinh lực, trong khi ngay trước bình minh, sinh lực còn sót lại của ánh sáng mặt trời gần như cạn kiệt hoàn toàn. Đây là lý do cho

sunlight is almost completely exhausted. This is the reason for the feeling of limpness and deadness associated with the small hours of the morning; this is also the reason why sick men so frequently die at that particular time. The same idea is embodied in the old proverb that: "An hour's sleep before midnight is worth two after it." The work of this physical elemental accounts for the strong recuperative influence of sleep, which is often observable even when it is a mere momentary nap.

cảm giác uể oải và chết lặng gắn liền với những giờ đầu của buổi sáng; đây cũng là lý do tại sao những người ốm thường chết vào thời điểm cụ thể đó. Cùng một ý tưởng được thể hiện trong câu tục ngữ cổ rằng: "Ngủ một giờ trước nửa đêm đáng giá bằng hai giờ sau đó." Công việc của tinh linh hồng trần này giải thích cho ảnh hưởng phục hồi mạnh mẽ của giấc ngủ, điều này thường có thể quan sát được ngay cả khi nó chỉ là một giấc ngủ ngắn ngủi.

This vitality is indeed the food of the etheric double, and is just as necessary to it as is sustenance to the grosser part of the physical body. Hence when the body is unable for any reason (as through sickness, fatigue or extreme old age) to prepare vitality for the nourishment of its cells, this physical elemental endeavours to draw in for his own use vitality which has already been prepared in the bodies of others; and thus it happens that we often find ourselves weak and exhausted after sitting for a while with a person who is depleted of vitality, because he has drawn away from us by suction the rose-coloured atoms before we were able to extract their energy.

Sinh lực này thực sự là thức ăn của đối phần dĩ thái, và cũng cần thiết cho nó như thức ăn đối với phần thô hơn của thể xác. Do đó, khi cơ thể vì bất kỳ lý do gì (như do bệnh tật, mệt mỏi hoặc tuổi già sức yếu) không thể chuẩn bị sinh lực để nuôi dưỡng các tế bào của nó, tinh linh hồng trần này cố gắng hút vào để sử dụng cho riêng mình sinh lực đã được chuẩn bị sẵn trong cơ thể của những người khác; và do đó, chúng ta thường thấy mình yếu ớt và kiệt sức sau khi ngồi một lúc với một người bị cạn kiệt sinh lực, bởi vì họ đã hút đi từ chúng ta bằng cách hút các nguyên tử màu hồng trước khi chúng ta có thể chiết xuất năng lượng của chúng.

The vegetable kingdom also absorbs this vitality, but seems in most cases to use only a small part of it. Many trees draw from it almost exactly the same constituents as does the higher part of man's etheric body, the result being that when they have used what they require, the atoms which they reject are precisely those charged with the rose-coloured light which is needed for the cells of man's physical body. This is specially the case with such trees as the pine and the eucalyptus; and consequently the very neighbourhood of these trees gives health and strength to those who are suffering from lack of this part of the vital principle—those whom we call nervous people. They are nervous because the cells of their bodies are hungry, and the nervousness can only be allayed by feeding them; and often the readiest way to do that is thus to supply them from without with the special kind of vitality which they need.

Giới thực vật cũng hấp thụ sinh lực này, nhưng trong hầu hết các trường hợp dường như chỉ sử dụng một phần nhỏ của nó. Nhiều cây hút từ nó gần như chính xác các thành phần giống như phần cao hơn của thể dĩ thái của con người, kết quả là khi chúng đã sử dụng những gì chúng cần, các nguyên tử mà chúng loại bỏ chính xác là những nguyên tử mang điện tích ánh sáng màu hồng cần thiết cho các tế bào của thể xác con người. Điều này đặc biệt xảy ra với những cây như thông và bạch đàn; và do đó, vùng lân cận của những cây này mang lại sức khỏe và sức mạnh cho những người đang bị thiếu hụt phần này của nguyên lý sinh lực — những người mà chúng ta gọi là người thần kinh yếu. Họ thần kinh yếu vì các tế bào trong cơ thể họ đang đói, và sự căng thẳng thần kinh chỉ có thể được xoa dịu bằng cách cho chúng ăn; và thường thì cách dễ nhất để làm điều đó là cung cấp cho chúng từ bên ngoài loại sinh lực đặc biệt mà chúng cần.

(5) The orange-red ray flows to the base of the spine and thence to the generative organs, with which one part of its functions is closely

(5) Tia đỏ cam chảy đến đáy cột sống và từ đó đến các cơ quan sinh dục, mà một phần chức năng của nó có liên quan mật thiết. Tia này dường như

connected. This ray appears to include not only the orange and the darker reds, but also a certain amount of dark purple, as though the spectrum bent round in a circle and the colours began over again at a lower octave. In the normal man this ray energises the desires of the flesh, and also seems to enter the blood and keep up the heat of the body; but if a man persistently refuses to yield to his lower nature, this ray can by long and determined effort be deflected upwards to the brain, where all three of its constituents undergo a remarkable modification. The orange is raised into pure yellow, and produces a decided intensification of the powers of the intellect; the dark red becomes crimson, and greatly increases the power of unselfish affection; while the dark purple is transmuted into a lovely pale violet, and quickens the spiritual part of man's nature. The man who achieves this transmutation will find that sensual desires no longer trouble him, and when it becomes necessary for him to arouse the serpent-fire, he will be free from the most serious of the dangers of that process. When a man has finally completed this change, this orange-red ray passes straight into the centre at the base of the spine, and from that runs upwards along the hollow of the vertebral column, and so to the brain.

VITALITY AND HEALTH

The flow of vitality in these various currents regulates the health of the parts of the body with which they are concerned. If, for example, a person is suffering from a weak digestion, it manifests itself at once to any person possessing etheric sight, because either the flow and action of the green stream is sluggish or its amount is smaller in proportion than it should be. Where the yellow current is full and strong, it indicates, or more properly produces, strength and regularity in the action of the heart. Flowing round that centre, it also interpenetrates the blood which is driven through it, and is sent along with it all over the body. Yet there is enough of it left to extend into the brain also, and the power of high philosophical and metaphysical thought appears to depend to a great extent upon the volume and activity of this yellow stream, and the corresponding awakening of the twelve-petalled flower in the middle of the force-centre at the top of the head.

không chỉ bao gồm màu cam và màu đỏ sẫm hơn, mà còn có một lượng nhất định màu tím sẫm, như thể quang phổ uốn cong thành một vòng tròn và các màu bắt đầu lại ở một quãng tám thấp hơn. Ở người bình thường, tia này cung cấp năng lượng cho những ham muốn của xác thịt, và dường như cũng đi vào máu và giữ nhiệt độ cho cơ thể; nhưng nếu một người liên tục từ chối khuất phục trước bản chất thấp hèn của mình, thì bằng nỗ lực lâu dài và kiên quyết, tia này có thể bị lệch hướng lên trên não, nơi cả ba thành phần cấu tạo của nó đều trải qua một sự biến đổi đáng kể. Màu cam được nâng lên thành màu vàng tinh khiết, và tạo ra sự tăng cường rõ rệt sức mạnh của trí tuệ; màu đỏ sẫm chuyển thành màu đỏ thẫm, và làm tăng đáng kể sức mạnh của tình cảm vị tha; trong khi màu tím sẫm được chuyển hóa thành màu tím nhạt đáng yêu, và thúc đẩy phần tinh thần trong bản chất của con người. Người đạt được sự chuyển hóa này sẽ thấy rằng những ham muốn nhục dục không còn làm phiền họ nữa, và khi cần thiết phải đánh thức lửa rắn, họ sẽ thoát khỏi những nguy hiểm nghiêm trọng nhất của quá trình đó. Khi một người cuối cùng đã hoàn thành sự thay đổi này, tia đỏ cam này đi thẳng vào trung tâm ở đáy cột sống, và từ đó chạy lên trên dọc theo khoang cột sống, và đến não.

SINH LỰC VÀ SỨC KHỎE

Dòng chảy của sinh lực trong các dòng chảy khác nhau này điều chỉnh sức khỏe của các bộ phận trên cơ thể mà chúng có liên quan. Ví dụ, nếu một người bị khó tiêu, nó sẽ biểu hiện ngay lập tức với bất kỳ người nào có thị lực dĩ thái, bởi vì dòng chảy và hoạt động của dòng màu xanh lá cây hoặc trì trệ hoặc lượng của nó nhỏ hơn tỷ lệ so với bình thường. Khi dòng chảy màu vàng đầy đủ và mạnh mẽ, nó cho thấy, hoặc đúng hơn là tạo ra, sức mạnh và sự đều đặn trong hoạt động của tim. Chảy quanh trung tâm đó, nó cũng thấm vào máu được dẫn qua đó, và được gửi đi khắp cơ thể. Tuy nhiên, vẫn còn đủ để mở rộng vào não, và sức mạnh của tư duy triết học và siêu hình cao dường như phụ thuộc rất nhiều vào khối lượng và hoạt động của dòng chảy màu vàng này, và sự thức tỉnh tương ứng của bông hoa mười hai cánh ở giữa trung tâm mãnh lực ở đỉnh đầu.

Thought and emotion of a high spiritual type seem to depend largely upon the violet ray, whereas the power of ordinary thought is stimulated by the action of the blue mingled with part of the yellow. It has been observed that in some forms of idiocy the flow of vitality to the brain, both yellow and blue-violet, is almost entirely inhibited. Unusual activity or volume in the light blue which is apportioned to the throat-centre is accompanied by the health and strength of the physical organs in that part of the body. It gives, for example, strength and elasticity to the vocal chords, so that special brilliance and activity are noticeable in the case of a public speaker or a great singer. Weakness or disease in any part of the body is accompanied by a deficiency in the flow of vitality to that part.

Tư tưởng và cảm xúc thuộc loại tinh thần cao dường như phụ thuộc phần lớn vào tia màu tím, trong khi sức mạnh của tư tưởng thông thường được kích thích bởi tác động của màu lam pha trộn với một phần màu vàng. Người ta đã quan sát thấy rằng trong một số dạng thiểu năng trí tuệ, dòng chảy của sinh lực đến não, cả màu vàng và lam-tím, gần như bị ức chế hoàn toàn. Hoạt động hoặc khối lượng bất thường trong màu lam nhạt được phân bổ cho trung tâm cổ họng đi kèm với sức khỏe và sức mạnh của các cơ quan vật lý ở phần đó của cơ thể. Ví dụ, nó mang lại sức mạnh và sự đàn hồi cho dây thanh âm, do đó, sự rực rỡ và hoạt động đặc biệt đáng chú ý trong trường hợp của một diễn giả trước công chúng hoặc một ca sĩ vĩ đại. Sự yếu đuối hoặc bệnh tật ở bất kỳ bộ phận nào của cơ thể đều đi kèm với sự thiếu hụt trong dòng chảy của sinh lực đến bộ phận đó.

As the different streams of atoms do their work, the charge of vitality is withdrawn from them, precisely as an electrical charge might be. The atoms bearing the rose-coloured ray grow gradually paler as they are swept along the nerves, and are eventually thrown out from the body through the pores—making thus what was called in *Man Visible and Invisible* the health-aura. By the time that they leave the body most of them have lost the rose-coloured light, so that the general appearance of the emanation is bluish-white. That part of the yellow ray which is absorbed into the blood and carried round with it loses its distinctive colour in just the same way.

Khi các dòng nguyên tử khác nhau thực hiện công việc của chúng, điện tích sinh lực được rút ra khỏi chúng, giống như điện tích có thể bị rút ra. Các nguyên tử mang tia màu hồng dần dần nhạt màu hơn khi chúng quét dọc theo các dây thần kinh, và cuối cùng bị tống ra khỏi cơ thể qua các lỗ chân lông — tạo nên thứ được gọi trong Con Người Hữu Hình và Vô Hình là hào quang sức khỏe. Vào thời điểm chúng rời khỏi cơ thể, hầu hết chúng đã mất đi ánh sáng màu hồng, do đó, sự phát xạ nói chung có màu trắng xanh. Phần tia màu vàng được hấp thụ vào máu và mang theo nó cũng mất đi màu sắc đặc biệt của nó theo cách tương tự.

The atoms, when thus emptied of their charge of vitality, either enter into some of the combinations which are constantly being made in the body, or pass out of it through the pores, or through the ordinary channels. The emptied atoms of the green ray, which is connected chiefly with digestive processes, seem to form part of the ordinary waste material of the body, and to pass out along with it, and that is also the fate of the atoms of the red-orange ray in the case of the ordinary man. The atoms belonging to the blue rays, which are used in connection with the throat-centre, generally leave the body in the exhalations of the breath; and those which compose the dark blue and violet rays usually pass out from the centre at the top of the head.

Các nguyên tử, khi bị rút hết lượng sinh lực, hoặc tham gia vào một số kết hợp liên tục được tạo ra trong cơ thể, hoặc thoát ra khỏi cơ thể qua các lỗ chân lông, hoặc qua các kênh thông thường. Các nguyên tử đã cạn kiệt của tia màu xanh lá cây, có liên quan chủ yếu đến quá trình tiêu hóa, dường như tạo thành một phần của chất thải thông thường của cơ thể, và thoát ra ngoài cùng với nó, và đó cũng là số phận của các nguyên tử của tia đỏ cam trong trường hợp của người bình thường. Các nguyên tử thuộc tia lam, được sử dụng liên quan đến trung tâm cổ họng, thường rời khỏi cơ thể trong hơi thở ra; và những nguyên tử tạo nên tia lam sẫm và tia tím thường thoát ra từ trung tâm ở đỉnh đầu.

When the student has learnt to deflect the

Khi người học đã học cách làm chệch hướng các

orange-red rays so that they also move up through the spine, the empty atoms of both these and the violet-blue rays pour out from the top of the head in a fiery cascade, which is frequently imaged as a flame in ancient statues of the BUDDHA and other great Saints. When empty of the vital force the atoms are once more precisely like any other atoms; the body absorbs such of them as it needs, so that they form part of the various combinations which are constantly being made, while others which are not required for such purposes are cast out through any channel that happens to be convenient.

tia đỏ cam để chúng cũng di chuyển lên trên qua cột sống, các nguyên tử trống rỗng của cả hai tia này và tia tím-lam tuôn ra từ đỉnh đầu thành một dòng thác bốc lửa, thường được hình dung như một ngọn lửa trong các bức tượng cổ của Đức Phật và các Vị Thánh vĩ đại khác. Khi không còn mãnh lực sống, các nguyên tử lại giống hệt như bất kỳ nguyên tử nào khác; cơ thể hấp thụ những nguyên tử cần thiết, để chúng tạo thành một phần của các kết hợp khác nhau liên tục được tạo ra, trong khi những nguyên tử khác không cần thiết cho các mục đích đó sẽ bị tống ra ngoài qua bất kỳ kênh nào thuận tiện.

The flow of vitality into or through any centre, or even its intensification, must not be confused with the entirely different development of the centre which is brought about by the awakening of the serpent-fire at a later stage in man's evolution. We all of us draw in vitality and specialise it, but many of us do not utilise it to the full, because in various ways our lives are not as pure and healthy and reasonable as they should be. One who coarsens his body by the use of meat, alcohol or tobacco can never employ his vitality to the full in the same way as can a man of purer living. A particular individual of impure life may be, and often is stronger in the physical body than certain other men who are purer; that is a matter of their respective karma; but other things being equal, the man of pure life has an immense advantage.

Dòng chảy của sinh lực vào hoặc qua bất kỳ trung tâm nào, hoặc thậm chí là sự tăng cường của nó, không được nhầm lẫn với sự phát triển hoàn toàn khác của trung tâm được mang lại bởi sự thức tỉnh của lửa rắn ở giai đoạn sau trong quá trình tiến hóa của con người. Tất cả chúng ta đều hút sinh lực vào và chuyên biệt hóa nó, nhưng nhiều người trong chúng ta không sử dụng hết nó, bởi vì theo nhiều cách khác nhau, cuộc sống của chúng ta không được thuần khiết, lành mạnh và hợp lý như bình thường. Người nào làm thô cơ thể mình bằng cách sử dụng thịt, rượu hoặc thuốc lá thì không bao giờ có thể sử dụng hết sinh lực của mình giống như cách mà một người sống thuần khiết hơn có thể làm được. Một cá nhân cụ thể có cuộc sống không thuần khiết có thể, và thường mạnh mẽ hơn về thể chất so với những người khác thuần khiết hơn; đó là vấn đề về nghiệp của họ; nhưng nếu những thứ khác bình đẳng, người có cuộc sống thuần khiết có lợi thế rất lớn.

VITALITY NOT MAGNETISM

SINH LỰC KHÔNG PHẢI TỪ TÍNH

The vitality coursing along the nerves must not be confused with what we usually call the magnetism of the man—his own nerve-fluid, generated within himself. It is this fluid which keeps up the constant circulation of etheric matter along the nerves, corresponding to the circulation of blood through the veins; and as oxygen is conveyed by the blood to all parts of the body, so vitality is conveyed along the nerves by this etheric current. The particles of the etheric part of man's body are constantly changing, just as are those of the denser part; along with the food which we eat and the air which we breathe we take in etheric matter, and this is assimilated by the etheric part of the body. Etheric matter is

Sinh lực chạy dọc theo các dây thần kinh không được nhầm lẫn với thứ mà chúng ta thường gọi là từ tính của con người — dịch thần kinh của chính họ, được tạo ra bên trong họ. Chính dịch này duy trì sự tuần hoàn liên tục của vật chất dĩ thái dọc theo các dây thần kinh, tương ứng với sự tuần hoàn của máu qua các tĩnh mạch; và khi oxy được máu vận chuyển đến tất cả các bộ phận của cơ thể, thì sinh lực cũng được vận chuyển dọc theo các dây thần kinh bởi dòng điện dĩ thái này. Các hạt của phần dĩ thái trong cơ thể con người liên tục thay đổi, giống như các hạt của phần đặc hơn; cùng với thức ăn chúng ta ăn và không khí chúng ta thở, chúng ta hấp thụ vật chất dĩ thái, và điều này được đồng hóa bởi phần dĩ thái của cơ thể.

constantly being thrown off from the pores, just as is gaseous matter, so that when two persons are close together each necessarily absorbs much of the physical emanations of the other.

Vật chất Dĩ thái liên tục bị tống ra khỏi các lỗ chân lông, giống như vật chất dạng khí, do đó khi hai người ở gần nhau, mỗi người nhất thiết phải hấp thụ nhiều chất phát ra từ người kia.

When one person mesmerises another, the operator by an effort of will gathers together a great deal of this magnetism and throws it into the subject, pushing back his victim's nerve-fluid, and filling its place with his own. As the brain is the centre of this nervous circulation, this brings that part of the subject's body which is affected under the control of the manipulator's brain instead of the victim's, and so the latter feels what the mesmerist wishes him to feel. If the recipient's brain be emptied of his own magnetism and filled with that of the performer, the former can think and act only as the latter wills that he should think and act; he is for the time entirely dominated.

Khi một người thôi miên người khác, người thực hiện bằng một nỗ lực ý chí tập hợp một lượng lớn từ lực này và truyền nó vào đối tượng, đẩy lùi chất lỏng thần kinh của nạn nhân và thay thế bằng từ lực của mình. Vì não bộ là trung tâm của sự lưu thông thần kinh này, điều đó khiến phần cơ thể của đối tượng bị ảnh hưởng chịu sự kiểm soát của não bộ người thao tác thay vì của chính nạn nhân, và do đó nạn nhân cảm nhận những gì người thôi miên muốn y cảm nhận. Nếu não của đối tượng bị làm rỗng từ lực của chính y và được lấp đầy bởi từ lực của người thực hiện, y chỉ có thể suy nghĩ và hành động theo cách mà người thao tác mong muốn; trong thời gian đó, y hoàn toàn bị chi phối.

Even when the magnetiser is trying to cure, and is pouring strength into the man, he inevitably gives along with the vitality much of his own emanations. It is obvious that any disease which the mesmeriser happens to have may readily he conveyed to the subject in this way; and another even more important consideration is that, though his health may be perfect from the medical point of view, there are mental and moral diseases as well as physical, and that, as astral and mental matter are thrown into the subject by the mesmerist along with the physical current, these also are frequently transferred.

Ngay cả khi người thôi miên đang cố gắng chữa bệnh và đang đổ sức mạnh vào con người, thì họ chắc chắn sẽ truyền đi cùng với sinh lực nhiều chất phát ra từ chính họ. Rõ ràng là bất kỳ bệnh nào mà người thôi miên mắc phải đều có thể dễ dàng được truyền sang đối tượng theo cách này; và một điều cần xem xét thậm chí còn quan trọng hơn nữa là, mặc dù sức khỏe của họ có thể hoàn hảo theo quan điểm y tế, nhưng có những bệnh về tinh thần và đạo đức cũng như thể chất, và rằng, khi vật chất cảm xúc và trí tuệ bị người thôi miên ném vào đối tượng cùng với dòng điện vật lý, thì những thứ này cũng thường xuyên được chuyển giao.

Vitality, like light and heat, is pouring forth from the sun continually, but obstacles frequently arise to prevent the full supply from reaching the earth. In the wintry and melancholy climes miscalled the temperate, it too often happens that for days together the sky is covered by a funeral pall of heavy cloud, and this affects vitality just as it does light; it does not altogether hinder its passage, but sensibly diminishes its amount. Therefore in dull and dark weather vitality runs low, and over all living creatures there comes an instinctive yearning for sunlight.

Sinh lực, giống như ánh sáng và nhiệt, liên tục tuôn đổ từ mặt trời, nhưng thường xuyên có những chướng ngại cản trở nguồn cung cấp đầy đủ đến Trái Đất. Ở những vùng khí hậu u ám và lạnh giá, sai lầm gọi là ôn đới, hiện tượng bầu trời bị bao phủ bởi lớp mây dày như tấm màn tang lễ thường xuyên xảy ra trong nhiều ngày liên tiếp, và điều này ảnh hưởng đến sinh lực giống như ảnh hưởng đến ánh sáng; nó không hoàn toàn ngăn chặn sự truyền dẫn, nhưng làm giảm đáng kể lượng sinh lực. Do đó, trong thời tiết ảm đạm và tối tăm, sinh lực suy giảm, và tất cả sinh vật sống đều có một khao khát bản năng hướng tới ánh sáng mặt trời.

When vitalised atoms are thus more sparsely

Khi các nguyên tử được tiếp thêm sinh lực bị

scattered, the man in rude health increases his power of absorption, depletes a larger area, and so keeps his strength at the normal level; but invalids and men of small nerve-force, who cannot do this, often suffer severely, and find themselves growing weaker and more irritable without knowing why. For similar reasons vitality is at a lower ebb in the winter than in the summer, for even if the short winter day be sunny, which is rare, we have still to face the long and dreary winter night, during which we must exist upon such vitality as the day has stored in our atmosphere. On the other hand the long summer day, when bright and cloudless, charges the atmosphere so thoroughly with vitality that its short night makes but little difference.

phân tán thưa thớt như vậy, người có sức khỏe thô ráp sẽ tăng khả năng hấp thụ của mình, làm cạn kiệt một khu vực rộng lớn hơn, và do đó giữ sức mạnh của họ ở mức bình thường; nhưng những người bệnh tật và những người có mãnh lực thần kinh yếu, những người không thể làm được điều này, thường phải chịu đựng rất nhiều, và thấy mình ngày càng yếu hơn và cáu kỉnh hơn mà không biết tại sao. Vì những lý do tương tự, sinh lực ở mức thấp hơn vào mùa đông so với mùa hè, vì ngay cả khi ngày mùa đông ngắn ngủi có nắng, điều này rất hiếm, chúng ta vẫn phải đối mặt với đêm mùa đông dài và ảm đạm, trong thời gian đó chúng ta phải tồn tại dựa vào sinh lực mà ngày đã tích trữ trong khí quyển của chúng ta. Mặt khác, ngày hè dài, khi trời quang mây tạnh, sẽ nạp đầy sinh lực cho khí quyển đến mức đêm ngắn ngủi của nó chẳng tạo ra nhiều khác biệt.

From the study of this question of vitality, the occultist cannot fail to recognise that, quite apart from temperature, sunlight is one of the most important factors in the attainment and preservation of perfect health—a factor for the absence of which nothing else can entirely compensate. Since this vitality is poured forth not only upon the physical world but upon all others as well, it is evident that, when in other respects satisfactory conditions are present, emotion, intellect and spirituality will be at their best under clear skies and with the inestimable aid of the sunlight.

Từ việc nghiên cứu vấn đề sinh lực này, nhà huyền bí học không thể không nhận ra rằng, hoàn toàn tách biệt với nhiệt độ, ánh sáng mặt trời là một trong những yếu tố quan trọng nhất để đạt được và duy trì sức khỏe hoàn hảo — một yếu tố mà sự vắng mặt của nó không gì có thể bù đắp hoàn toàn. Vì sinh lực này không chỉ được tuôn ra trên thế giới vật chất mà còn trên tất cả các thế giới khác, nên rõ ràng là, khi có những điều kiện thỏa đáng khác, cảm xúc, trí tuệ và tinh thần sẽ ở trạng thái tốt nhất dưới bầu trời quang đãng và với sự trợ giúp vô giá của ánh sáng mặt trời.

All the colours of this order of vitality are etheric, yet it will be seen that their action presents certain correspondences with the signification attached to similar hues in the astral body. Clearly right thought and right feeling react upon the physical body, and increase its power to assimilate the vitality which is necessary for its well-being. It is reported that the Lord BUDDHA once said that the first step on the road to Nirvana is perfect physical health; and assuredly the way to attain that is to follow the Noble Eightfold Path which He has indicated. “Seek ye first the Kingdom of God and His righteousness, and all these things shall be added unto you”—yes, even physical health as well.

Tất cả các màu sắc của loại sinh lực này đều thuộc dĩ thái, nhưng người ta sẽ thấy rằng tác dụng của chúng thể hiện sự tương ứng nhất định với ý nghĩa gắn liền với các sắc thái tương tự trong thể cảm xúc. Rõ ràng là suy nghĩ đúng đắn và cảm xúc đúng đắn tác động đến thể xác, và tăng khả năng đồng hóa sinh lực cần thiết cho sức khỏe của nó. Người ta kể rằng Đức Phật đã từng nói rằng bước đầu tiên trên con đường đến Niết Bàn là sức khỏe thể chất hoàn hảo; và chắc chắn cách để đạt được điều đó là đi theo Bát Chánh Đạo mà Ngài đã chỉ ra. “Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Đàng và sự công bình của Ngài, rồi tất cả những thứ này sẽ được ban cho các ngươi” — vâng, thậm chí cả sức khỏe thể chất nữa.

CHAPTER V - BY NATURAL SURROUNDINGS—BỞI HOÀN CẢNH THIÊN NHIÊN

THE WEATHER

THE vagaries of the weather are proverbial, and though observation and study of its phenomena enable us to venture upon certain limited predictions, the ultimate cause of most of the changes still escapes us, and will continue to do so until we realise that there are considerations to be taken into account besides the action of heat and cold, of radiation and condensation. The earth itself is living; this ball of matter is being used as a physical body by a vast entity—not an Adept or an angel, not a highly developed being at all, but rather something which may be imagined as a kind of gigantic nature-spirit, for whom the existence of our earth is one incarnation. His previous incarnation was naturally in the moon since that was the fourth planet of the last chain, and equally naturally his next incarnation will be in the fourth planet of the chain that will succeed ours when the evolution of our terrestrial chain is completed. Of his nature or the character of his evolution we can know but little, nor does it in any way concern us, for we are to him but as tiny microbes or parasites upon his body, and in all probability he is unaware even of our existence, for nothing that we can do can be on a scale large enough to affect him.

For him the atmosphere surrounding the earth must be as a kind of aura, or perhaps rather corresponding to the film of etheric matter which projects ever so slightly beyond the outline of man's dense physical body; and just as any alteration or disturbance in the man affects this film of aether, so must any change of condition in this spirit of the earth affect the atmosphere. Some such changes must be periodic and regular, like the motions produced in us by breathing, by the action of the heart or by an even movement, such as walking; others must be irregular and occasional, as would be the changes produced in a man by a sudden start, or

THỜI TIẾT

Sự thất thường của thời tiết là điều ai cũng biết, và mặc dù việc quan sát và nghiên cứu các hiện tượng của nó cho phép chúng ta mạo hiểm đưa ra một số dự đoán hạn chế, nhưng nguyên nhân cuối cùng của hầu hết các thay đổi vẫn nằm ngoài tầm với của chúng ta, và sẽ tiếp tục như vậy cho đến khi chúng ta nhận ra rằng có những xem xét cần được tính đến ngoài tác động của nóng và lạnh, của bức xạ và ngưng tụ. Bản thân trái đất đang sống; quả cầu vật chất này đang được một thực thể rộng lớn sử dụng làm thể xác—không phải là một Chân Sư hay một thiên thần, hoàn toàn không phải là một sinh vật phát triển cao, mà là một thứ gì đó có thể được tưởng tượng như một loại tinh linh tự nhiên khổng lồ, mà sự tồn tại của trái đất của chúng ta là một lần nhập thể. Lần nhập thể trước đây của Ngài đương nhiên là ở mặt trăng vì đó là hành tinh thứ tư của dãy hành tinh trước đó, và cũng đương nhiên là lần nhập thể tiếp theo của Ngài sẽ là ở hành tinh thứ tư của dãy hành tinh sẽ kế tiếp chúng ta khi quá trình tiến hóa của dãy hành tinh trái đất của chúng ta hoàn thành. Về bản chất của Ngài hoặc đặc điểm tiến hóa của Ngài, chúng ta chỉ có thể biết rất ít, và nó cũng không liên quan gì đến chúng ta, bởi vì đối với Ngài, chúng ta chỉ như những vi khuẩn hoặc ký sinh trùng nhỏ bé trên cơ thể Ngài, và rất có thể Ngài không hề hay biết về sự tồn tại của chúng ta, bởi vì không có gì chúng ta có thể làm ở quy mô đủ lớn để ảnh hưởng đến Ngài.

Đối với Ngài, bầu khí quyển bao quanh trái đất hẳn phải giống như một loại hào quang, hay có lẽ đúng hơn là tương ứng với lớp vật chất dĩ thái nhô ra rất nhẹ bên ngoài đường viền của thể xác đậm đặc của con người; và giống như bất kỳ sự thay đổi hoặc xáo trộn nào trong con người ảnh hưởng đến lớp dĩ thái này, thì bất kỳ sự thay đổi điều kiện nào trong vị thần linh của trái đất này cũng phải ảnh hưởng đến bầu khí quyển. Một số thay đổi như vậy hẳn phải định kỳ và đều đặn, giống như các chuyển động được tạo ra trong chúng ta do hơi thở, do hoạt động của tim hoặc do một chuyển động đều đặn, chẳng hạn như đi bộ; những thay đổi khác hẳn phải không đều và

by an outburst of emotion.

thỉnh thoảng xảy ra, giống như những thay đổi được tạo ra trong một người do một sự giật mình đột ngột, hoặc do một sự bộc phát cảm xúc.

We know that violent emotion, astral in its origin though it be, produces chemical changes and variations of temperature in the human physical body; whatever corresponds to such emotion in the spirit of the earth may well cause chemical changes in *his* physical body also, and variations of temperature in its immediate surroundings. Now variations of temperature in the atmosphere mean wind; sudden and violent variations mean storm; and chemical changes beneath the surface of the earth not infrequently cause earthquakes and volcanic eruptions.

Chúng ta biết rằng cảm xúc mãnh liệt, mặc dù bắt nguồn từ cõi cảm dục [4], tạo ra những thay đổi hóa học và biến đổi nhiệt độ trong thể xác của con người; bất cứ điều gì tương ứng với cảm xúc như vậy trong vị thần linh của trái đất cũng có thể gây ra những thay đổi hóa học trong thể xác của Ngài, và những biến đổi nhiệt độ trong môi trường xung quanh ngay lập tức của Ngài. Giờ đây, những biến đổi nhiệt độ trong bầu khí quyển đồng nghĩa với gió; những biến đổi đột ngột và dữ dội đồng nghĩa với bão; và những thay đổi hóa học bên dưới bề mặt trái đất thường xuyên gây ra động đất và núi lửa phun trào.

No student of occultism will fall into the common error of regarding as evil such outbursts as storms or eruptions, because they sometimes destroy human life; for he will recognise that, whatever the immediate cause may be, all that happens is part of the working of the great immutable law of justice, and that He who doeth all things most certainly doeth all things well. This aspect of natural phenomena, however, will be considered in a later chapter.

Không người nghiên cứu huyền bí học nào sẽ rơi vào lỗi lầm phổ biến khi coi những sự bộc phát như bão tố hay núi lửa phun trào là xấu xa, bởi vì đôi khi chúng cướp đi sinh mạng con người; vì người đó sẽ nhận ra rằng, bất kể nguyên nhân tức thời có thể là gì, tất cả những gì xảy ra đều là một phần của hoạt động của định luật công lý vĩ đại bất biến, và rằng Đấng làm nên mọi sự chắc chắn làm nên mọi sự tốt đẹp. Tuy nhiên, khía cạnh này của các hiện tượng tự nhiên sẽ được xem xét trong một chương sau.

It cannot be questioned that men are much and variously affected by the weather. There is a general consensus of opinion that gloomy weather is depressing; but this is mainly due to the fact that in the absence of sunlight there is, as has already been explained, a lack of vitality. Some people, however, take an actual delight in rain or snow or high wind. There is in these disturbances something which produces a distinct pleasurable sensation which quickens their vibrations and harmonises with the key-note of their nature. It is probable that this is not entirely or even chiefly due to the physical disturbance; it is rather that the subtle change in the aura of the spirit of the earth (which produces or coincides with this phenomenon) is one with which their spirits are in sympathy. A still more decided instance of this is the effect of a thunder-storm. There are many people in whom it produces a curious sense of overwhelming fear entirely out of proportion to any physical danger that it can be supposed to

Không thể nghi ngờ rằng con người bị ảnh hưởng rất nhiều và theo nhiều cách khác nhau bởi thời tiết. Có một sự đồng thuận chung rằng thời tiết ảm đạm gây ra sự chán nản; nhưng điều này chủ yếu là do thực tế rằng khi không có ánh sáng mặt trời, như đã được giải thích, sẽ thiếu sinh lực. Tuy nhiên, một số người lại thực sự thích thú với mưa hoặc tuyết hoặc gió lớn. Trong những xáo trộn này có điều gì đó tạo ra một cảm giác dễ chịu rõ rệt, làm tăng rung động của họ và hài hòa với chủ âm của bản chất họ. Có thể điều này không hoàn toàn hoặc thậm chí chủ yếu là do sự xáo trộn về thể chất; đúng hơn là sự thay đổi tinh tế trong hào quang của Tinh thần của Trái đất (điều tạo ra hoặc trùng hợp với hiện tượng này) là điều mà tinh thần của họ đồng cảm. Một ví dụ rõ ràng hơn về điều này là ảnh hưởng của giông bão. Có nhiều người cảm thấy sợ hãi tột độ một cách kỳ lạ, hoàn toàn không tương xứng với bất kỳ mối nguy hiểm nào về thể chất mà người ta cho rằng nó có thể mang lại. Ngược lại, ở những người khác, bão điện lại tạo ra sự hân hoan tột độ. Ảnh hưởng của điện

bring. In others, on the contrary, the electrical storm produces wild exultation. The influence of electricity on the physical nerves no doubt plays a part in producing these unusual sensations, but their true cause lies deeper than that.

lên các dây thần kinh vật lý chắc chắn đóng một vai trò trong việc tạo ra những cảm giác bất thường này, nhưng nguyên nhân thực sự của chúng nằm sâu xa hơn thế.

The effect produced upon people by these various manifestations depends upon the preponderance in their temperament of certain types of elemental essence which, because of this sympathetic vibration, used to be called by mediaeval enquirers earthy, watery, airy or fiery. Exactly in the same way the effect of the various sections of our surroundings will be greater or less upon men according as they have more or less of one or other of these constituents in their composition. To the man who responds most readily to earth influences, the nature of the soil upon which his house is built is of primary importance, but it matters comparatively little to him whether it is or is not in the neighbourhood of water; whereas the man who responds most readily to the radiations of water would care little about the soil so long as he had the ocean or a lake within sight and within easy reach.

Ảnh hưởng tạo ra trên con người bởi những biểu hiện khác nhau này phụ thuộc vào sự trội hơn trong tính khí của họ về một số loại tinh chất hành khí nhất định, mà do sự rung động đồng cảm này, từng được các nhà nghiên cứu thời Trung cổ gọi là thuộc đất, nước, khí hoặc lửa. Cũng theo cách tương tự, ảnh hưởng của các khía cạnh khác nhau trong môi trường xung quanh chúng ta sẽ lớn hơn hoặc nhỏ hơn đối với con người tùy theo việc họ có ít nhiều một trong những thành phần này trong cấu tạo của họ. Đối với người dễ dàng hưởng ứng nhất với các ảnh hưởng của đất, bản chất của đất mà ngôi nhà của họ được xây dựng là điều tối quan trọng, nhưng việc nó có ở gần nước hay không thì lại không quan trọng lắm; trong khi người dễ dàng hưởng ứng nhất với các bức xạ của nước sẽ ít quan tâm đến đất miễn là họ có biển hoặc hồ trong tầm mắt và trong tầm tay.

ROCKS

ĐÁ

Influence is perpetually radiated upon us by all objects of nature, even by the very earth upon which we tread. Each type of rock or soil has its own special variety, and the differences between them are great, so that their effect is by no means to be neglected. In the production of this effect three factors bear their part—the life of the rock itself, the kind of elemental essence appropriate to its astral counterpart, and the kind of nature-spirits which it attracts. The life of the rock is simply the life of the Second Great Outpouring which has arrived at the stage of ensouling the mineral kingdom, and the elemental essence is a later wave of that same divine Life which is one chain-period behind the other, and has yet in its descent into matter reached only the astral world. The nature-spirit belong to a different evolution altogether, to which we shall refer in due course.

Ảnh hưởng luôn luôn được tỏa ra trên chúng ta bởi tất cả các vật thể của tự nhiên, ngay cả bởi chính trái đất mà chúng ta đang bước đi. Mỗi loại đá hoặc đất đều có loại ảnh hưởng đặc biệt riêng, và sự khác biệt giữa chúng là rất lớn, do đó ảnh hưởng của chúng không có nghĩa là không đáng kể. Trong việc tạo ra ảnh hưởng này, ba yếu tố đóng vai trò của chúng—sự sống của chính đá, loại tinh chất hành khí phù hợp với đối phần cảm dục của nó, và loại tinh linh tự nhiên mà nó thu hút. Sự sống của đá chỉ đơn giản là sự sống của Sự Tuôn Trào Vĩ Đại Thứ Hai đã đạt đến giai đoạn tiếp linh hồn cho giới kim thạch, và tinh chất hành khí là một làn sóng sau đó của cùng một Sự Sống thiêng liêng đó, là một chu kỳ dãy hành tinh sau chu kỳ kia, và trong quá trình giáng hạ vào vật chất của nó mới chỉ đạt đến cõi giới cảm dục. Các tinh linh tự nhiên thuộc về một sự tiến hóa hoàn toàn khác, mà chúng ta sẽ đề cập đến trong thời gian thích hợp.

The point for us to bear in mind for the moment is that each kind of soil—granite or sandstone, chalk, clay or lava, has its definite influence upon

Điều chúng ta cần ghi nhớ vào lúc này là mỗi loại đất—đá granit hay sa thạch, đá phấn, đất sét hay dung nham, đều có ảnh hưởng nhất định đến

those who live on it—an influence which never ceases. Night and day, summer and winter, year in and year out, this steady pressure is being exercised, and it has its part in the moulding of races and districts, types as well as individuals. All these matters are as yet but little comprehended by ordinary science, but there can be no doubt that in time to come these effects will be thoroughly studied, and the doctors of the future will take them into account, and prescribe a change of soil as well as of air for their patients.

những người sống trên đó—một ảnh hưởng không bao giờ ngừng nghỉ. Ngày và đêm, mùa hè và mùa đông, năm này qua năm khác, áp lực ổn định này đang được tác động, và nó có vai trò trong việc hình thành các chủng tộc và các vùng miền, các loại hình cũng như các cá nhân. Tất cả những vấn đề này cho đến nay vẫn chưa được khoa học thông thường hiểu rõ, nhưng chắc chắn rằng trong thời gian tới, những ảnh hưởng này sẽ được nghiên cứu kỹ lưỡng, và các bác sĩ của tương lai sẽ tính đến chúng, và kê đơn thay đổi đất cũng như không khí cho bệnh nhân của họ.

An entirely new and distinct set of agencies is brought into play wherever water exists, whether it be in the form of lake, river or sea—powerful in different ways in all of them truly, but most powerful and observable in the last. Here also the same three factors have to be considered—the life of the water itself, the elemental essence pervading it, and the type of nature-spirits associated with it.

Một tập hợp các tác nhân hoàn toàn mới và khác biệt được đưa vào hoạt động bất cứ nơi nào có nước, cho dù đó là dưới dạng hồ, sông hay biển—thực sự mạnh mẽ theo những cách khác nhau trong tất cả chúng, nhưng mạnh mẽ nhất và có thể quan sát được nhất ở biển. Ở đây cũng phải xem xét ba yếu tố tương tự—sự sống của chính nước, tinh chất hành khí tràn ngập nó, và loại tinh linh tự nhiên liên kết với nó.

TREES

CÂY CỐI

Strong influences are radiated by the vegetable kingdom also, and the different kinds of plants and trees vary greatly in their effect. Those who have not specially studied the subject invariably underrate the strength, capacity and intelligence shown in vegetable life. I have already written upon this in *The Christian Creed,* p. 51 (2nd edition), so I will not repeat myself here, but will rather draw attention to the fact that trees—especially old trees—have a strong and definite individuality, well worthy the name of a soul. This soul, though temporary, in the sense that it is not yet a reincarnating entity, is nevertheless possessed of considerable power and intelligence along its own lines.

Những ảnh hưởng mạnh mẽ cũng được tỏa ra bởi giới thực vật, và các loại cây và cây cối khác nhau rất khác nhau về tác dụng của chúng. Những người chưa nghiên cứu đặc biệt về chủ đề này luôn đánh giá thấp sức mạnh, năng mãnh lực và trí thông minh được thể hiện trong đời sống thực vật. Tôi đã viết về điều này trong *Tín Điều Cơ Đốc Giáo*, trang 51 (ấn bản thứ 2), vì vậy tôi sẽ không lặp lại ở đây, mà sẽ thu hút sự chú ý đến thực tế rằng cây cối—đặc biệt là cây cổ thụ—có cá tính mạnh mẽ và xác định, rất xứng đáng với tên gọi linh hồn. Linh hồn này, mặc dù tạm thời, theo nghĩa là nó vẫn chưa phải là một thực thể luân hồi, nhưng vẫn sở hữu sức mạnh và trí thông minh đáng kể theo con đường riêng của nó.

It has decided likes and dislikes, and to clairvoyant sight it shows quite clearly by a vivid rosy flush an emphatic enjoyment of the sunlight and the rain, and distinct pleasure also in the presence of those whom it has learnt to like, or with whom it has sympathetic vibrations. Emerson appears to have realised this, for he is quoted in Hutton's *Reminiscences* as saying of his trees: "I am sure they miss me; they seem to droop when I go away, and I know they brighten

Nó có những thứ thích và không thích rõ ràng, và đối với thị lực thông nhãn, nó thể hiện khá rõ ràng bằng một luồng sáng hồng rực rỡ, một niềm vui sướng rõ ràng đối với ánh sáng mặt trời và mưa, và cũng là niềm vui rõ ràng trước sự hiện diện của những người mà nó đã học cách yêu thích, hoặc những người mà nó có những rung động đồng cảm. Emerson dường như đã nhận ra điều này, bởi vì ông ấy được trích dẫn trong Hồi ký của Hutton khi nói về những cái cây của mình:

and bloom when I go back to them and shake hands with their lower branches."

"Tôi chắc chắn chúng nhớ tôi; chúng dường như ủ rũ khi tôi đi vắng, và tôi biết chúng vui vẻ và nở hoa khi tôi quay lại với chúng và bắt tay với những cành thấp hơn của chúng."

An old forest tree is a high development of vegetable life, and when it is transferred from that kingdom it does not pass into the lowest form of animal life. In some cases its individuality is even sufficiently distinct to allow it to manifest itself temporarily outside its physical form, and when that is so it often takes the human shape. Matters may be otherwise arranged in other solar systems for aught we know, but in ours the Deity has chosen the human form to enshrine the highest intelligence, to be carried on to the utmost perfection as His scheme develops: and because that is so, there is always a tendency among lower kinds of life to reach upwards towards that form, and in their primitive way to imagine themselves as possessing it.

Một cây cổ thụ trong rừng là một sự phát triển cao của sự sống thực vật, và khi nó được chuyển từ giới đó, nó không chuyển sang dạng sống động vật thấp nhất. Trong một số trường hợp, cá thể của nó thậm chí còn đủ khác biệt để cho phép nó biểu hiện tạm thời bên ngoài hình tướng vật lý của mình, và khi đó nó thường mang hình dạng con người. Các vấn đề có thể được sắp xếp khác nhau trong các hệ mặt trời khác theo như chúng ta biết, nhưng trong hệ mặt trời của chúng ta, Thượng Đế [Deity] đã chọn hình dạng con người để làm nơi tôn nghiêm cho trí thông minh cao nhất, được đưa đến sự hoàn hảo tối đa khi Thiên Cơ [Scheme] của Ngài phát triển: và bởi vì điều đó là như vậy, luôn có một xu hướng giữa các loại hình sống thấp hơn vươn lên hình dạng đó, và theo cách nguyên thủy của chúng, tưởng tượng mình sở hữu nó.

Thus it happens that such creatures as gnomes or elves, whose bodies are of fluidic nature, of astral or etheric matter which is plastic under the influence of the will, habitually adopts some approximation to the appearance of humanity. Thus also when it is possible for the soul of a tree to externalise itself and become visible, it is almost always in human shape that it is seen. Doubtless these were the dryads of classical times; and the occasional appearance of such figures may account for the widely-spread custom of tree-worship. *Omne ignotum pro magnifico;* and if primitive man saw a huge, grave human form come forth from a tree, he was likely enough in his ignorance to set up an altar there and worship it, not in the least understanding that he himself stood far higher in evolution than it did, and that its very assumption of his image was an acknowledgment of that fact.

Như vậy, những sinh vật như chú lùn (gnome) hay elve, với thể chất có bản chất lưu động, tạo thành từ chất liệu cảm dục hoặc dĩ thái, vốn dễ dàng biến đổi dưới tác động của ý chí, thường có xu hướng mang hình dạng gần giống với con người. Cũng vì vậy, khi linh hồn của một cái cây có thể ngoại hiện và trở nên hữu hình, nó gần như luôn luôn được nhìn thấy dưới hình dạng con người. Chắc chắn đây chính là những nữ thần cây (dryads) trong thời cổ đại; và sự xuất hiện lẻ tẻ của những hình dạng này có thể giải thích cho tập tục thờ cây phổ biến rộng rãi. Omne ignotum pro magnifico (Điều gì không biết thì cho là vĩ đại); và nếu con người nguyên thủy nhìn thấy một hình dạng người to lớn, uy nghiêm xuất hiện từ một cái cây, thì do sự thiếu hiểu biết của mình, họ có thể sẽ lập một bàn thờ ở đó và thờ phụng nó, mà không hề hiểu rằng bản thân họ đứng ở vị trí tiến hóa cao hơn nhiều so với nó, và chính việc nó mang hình ảnh của con người là một sự thừa nhận thực tế đó.

The occult side of the instinct of a plant is also exceedingly interesting; its one great object, like that of some human beings, is always to found a family and reproduce its species; and it has certainly a feeling of active enjoyment in its

Mặt huyền bí học của bản năng của một loài thực vật cũng cực kỳ thú vị; mục tiêu lớn duy nhất của nó, giống như mục tiêu của một số người, luôn là lập gia đình và sinh sản giống loài của mình; và nó chắc chắn có cảm giác thích thú tích cực khi

success, in the colour and beauty of its flowers and in their efficiency in attracting bees and other insects. Unquestionably plants feel admiration lavished upon them and delight in it; they are sensitive to human affection and they return it in their own way.

thành công, trong màu sắc và vẻ đẹp của những bông hoa của nó và trong hiệu quả của chúng trong việc thu hút ong và các loài côn trùng khác. Không nghi ngờ gì nữa, thực vật cảm nhận được sự ngưỡng mộ được dành cho chúng và thích thú với điều đó; chúng nhạy cảm với tình cảm của con người và chúng đáp lại nó theo cách riêng của chúng.

When all this is borne in mind, it will readily be understood that trees exercise much more influence over human beings than is commonly supposed, and that he who sets himself to cultivate sympathetic and friendly relations with *all* his neighbours, vegetable as well as animal and human, may both receive and give a great deal of which the average man knows nothing, and may thus make his life fuller, wider, more complete.

Khi tất cả những điều này được ghi nhớ, người ta sẽ dễ dàng hiểu rằng cây cối tạo ra nhiều ảnh hưởng đối với con người hơn những gì người ta thường nghĩ, và rằng người tự mình trau dồi mối quan hệ đồng cảm và thân thiện với tất cả những người hàng xóm của mình, cả thực vật cũng như động vật và con người, có thể vừa nhận được vừa cho đi rất nhiều thứ mà người bình thường không biết gì, và do đó có thể làm cho cuộc sống của mình đầy đủ hơn, rộng lớn hơn, trọn vẹn hơn.

THE SEVEN TYPES

BẢY LOẠI

The classification of the vegetable kingdom adopted by the occultist follows the line of the seven great types mentioned in our previous chapter on planetary influences, and each of these is divided into seven sub-types. If we imagine ourselves trying to tabulate the vegetable kingdom, these divisions would naturally be perpendicular, nor horizontal. We should not have trees as one type, shrubs as another, ferns as a third, grasses or mosses as a fourth; rather we should find trees, shrubs, ferns, grasses, mosses of each of the seven types, so that along each line all the steps of the ascending scale are represented.

Việc phân loại giới thực vật được nhà huyền bí học áp dụng tuân theo dòng của bảy loại lớn được đề cập trong chương trước của chúng ta về ảnh hưởng của hành tinh, và mỗi loại này được chia thành bảy loại phụ. Nếu chúng ta tưởng tượng mình đang cố gắng lập bảng giới thực vật, thì những phân chia này đương nhiên sẽ là theo chiều dọc, không phải chiều ngang. Chúng ta sẽ không có cây cối là một loại, cây bụi là một loại khác, dương xỉ là loại thứ ba, cỏ hoặc rêu là loại thứ tư; đúng hơn, chúng ta sẽ tìm thấy cây cối, cây bụi, dương xỉ, cỏ, rêu thuộc mỗi loại trong số bảy loại, để dọc theo mỗi dòng, tất cả các bước của thang tăng dần đều được thể hiện.

One might phrase it that when the Second Outpouring is ready to descend, seven great channels, each with its seven subdivisions, lie open for its choice; but the channel through which it passes gives it a certain colouring—a set of temperamental characteristics—which it never wholly loses, so that although in order to express itself it needs matter belonging to all the different types, it has always a preponderance of its own type, and always recognisably belongs to that type and no other, until after its evolution is over it returns as a glorified spiritual power to the Deity from whom it originally emerged as a mere undeveloped potentiality.

Người ta có thể diễn đạt rằng khi Lần Tuôn Trào Thứ Hai sẵn sàng giáng hạ, bảy kênh lớn, mỗi kênh với bảy phân nhánh, mở ra cho sự lựa chọn của nó; nhưng kênh mà nó đi qua sẽ tạo cho nó một màu sắc nhất định—một tập hợp các đặc điểm tính khí—mà nó không bao giờ hoàn toàn mất đi, do đó, mặc dù để biểu đạt chính mình, nó cần vật chất thuộc về tất cả các loại hình khác nhau, nhưng nó luôn có một ưu thế về loại hình của chính nó, và luôn luôn được nhận ra là thuộc về loại hình đó chứ không phải loại hình nào khác, cho đến khi quá trình tiến hóa của nó kết thúc, nó trở lại như một sức mạnh tinh thần được vinh quang hóa với Thượng Đế, từ nơi mà ban đầu

nó xuất hiện như một tiềm năng chưa phát triển.

The vegetable kingdom is only one stage in this stupendous course, yet these different types are distinguishable in it, just as they are among animals or human beings, and each has its own special influence, which may be soothing or helpful to one man, distressing or irritating to another, and inert in the case of a third, according to *his* type and to his condition at the time. Training and practice are necessary to enable the student to assign the various plants and trees to their proper classes, but the distinction between the magnetism radiated by the oak and the pine, the palm tree and the banyan, the olive and the eucalyptus, the rose and the lily, the violet and the sunflower, cannot fail to be obvious to any sensitive person. Wide as the poles asunder is the dissimilarity between the 'feeling' of an English forest and a tropical jungle, or the bush of Australia or New Zealand.

Giới thực vật chỉ là một giai đoạn trong quá trình to lớn này, nhưng những loại khác nhau này có thể phân biệt được trong đó, giống như chúng ở động vật hoặc con người, và mỗi loại đều có ảnh hưởng đặc biệt riêng của mình, có thể làm dịu hoặc hữu ích cho người này, gây đau khổ hoặc khó chịu cho người khác, và trơ đối với người thứ ba, tùy theo loại của y và tình trạng của y vào thời điểm đó. Việc rèn luyện và thực hành là cần thiết để cho phép người nghiên cứu phân loại các loại cây và cây cối khác nhau vào đúng lớp của chúng, nhưng sự khác biệt giữa từ mãnh lực được tỏa ra bởi cây sồi và cây thông, cây cọ và cây đa, cây ô liu và cây bạch đàn, hoa hồng và hoa loa kèn, hoa violet và hoa hướng dương, không thể không rõ ràng đối với bất kỳ người nhạy cảm nào. Sự khác biệt giữa 'cảm giác' của một khu rừng ở Anh và một khu rừng nhiệt đới, hoặc bụi rậm của Úc hoặc New Zealand cũng rộng như hai cực.

ANIMALS

ĐỘNG VẬT

For thousand of years man has lived so cruelly that all wild creatures fear and avoid him, so the influence upon him of the animal kingdom is practically confined to that of the domestic animals. In our relations with these our influence over them is naturally far more potent than theirs over us, yet this latter is by no means to be ignored. A man who has really made friends with an animal is often much helped and strengthened by the affection lavished upon him. Being more advanced, a man is naturally capable of greater love than an animal is; but the animal's affection is usually more concentrated, and he is far more likely to throw the whole of his energy into it than a man is.

Trong hàng ngàn năm, con người đã sống tàn nhẫn đến mức tất cả các sinh vật hoang dã đều sợ hãi và tránh xa họ, vì vậy ảnh hưởng của giới động vật lên con người thực tế chỉ giới hạn ở các loài động vật nuôi trong nhà. Trong mối quan hệ của chúng ta với chúng, ảnh hưởng của chúng ta đối với chúng tự nhiên mạnh hơn nhiều so với ảnh hưởng của chúng đối với chúng ta, tuy nhiên điều thứ hai này cũng không thể bỏ qua. Một người thực sự kết bạn với một con vật thường được giúp đỡ và củng cố rất nhiều bởi tình cảm mà con vật dành cho anh ta. Vì tiến hóa hơn, con người tự nhiên có khả năng yêu thương lớn hơn động vật; nhưng tình cảm của động vật thường tập trung hơn, và nó có nhiều khả năng dồn toàn bộ năng lượng của mình vào đó hơn con người.

The very fact of the man's higher development gives him a multiplicity of interests, among which his attention is divided; the animal often pours the entire strength of his nature into one channel, and so produces a most powerful effect. The man has a hundred other matters to think about, and the current of his love consequently cannot but be variable; when the dog or the cat develops a really great affection it fills the whole of his life, and he therefore keeps a

Chính sự phát triển cao hơn của con người đã mang lại cho y nhiều mối quan tâm, trong đó sự chú ý của y bị phân chia; động vật thường dồn toàn bộ sức mạnh của bản chất của nó vào một kênh, và do đó tạo ra một hiệu ứng mạnh mẽ nhất. Con người có hàng trăm vấn đề khác phải suy nghĩ, và do đó, dòng chảy tình yêu thương của y không thể không thay đổi; khi con chó hoặc con mèo nảy sinh một tình cảm thực sự lớn lao, nó sẽ lấp đầy toàn bộ cuộc sống của nó, và do đó,

steady stream of force always playing upon its object—a factor whose value is by no means to be ignored.

Similarly the man who is so wicked as to provoke by cruelty the hatred and fear of domestic animals becomes by a righteous retribution the centre of converging forces of antipathy; for such conduct arouses deep indignation among nature-spirits and other astral and etheric entities, as well as among all right-minded men, whether living or dead.

HUMAN BEINGS

Since it is emphatically true that no man can afford to be disliked or feared by his cat or dog, it is clear that the same consideration applies with still greater force to the human beings who surround him. It is not easy to overestimate the importance to a man of winning the kindly regard of those with whom he is in constant association—to overrate the value to a schoolmaster of the attitude towards him of his pupils, to a merchant of the feeling of his clerks, to an officer of the devotion of his men; and this entirely apart from the obvious effects produced in the physical world. If a man holding any such position as one of these is able to arouse the enthusiastic affection of his subordinates, he becomes the focus upon which many streams of such forces are constantly converging. Not only does this greatly uplift and strengthen him, but it also enables him, if he understands something of the working of occult laws, to be of far greater use to those who feel the affection, and to do much more with them than would otherwise be possible.

To obtain this result it is not in the least necessary that they should agree with him in opinion; with the particular effect with which we are at present concerned their mental attitude has no connection whatever; it is a matter of strong, kindly feeling. If the feeling should unfortunately be of an opposite kind—if the man is feared or despised—currents of antipathy are perpetually flowing towards him, which cause weakness and discord in the vibrations of his

nó giữ một dòng sức mạnh ổn định luôn tác động đến đối tượng của nó—một yếu tố mà giá trị của nó không được phép bỏ qua.

Tương tự như vậy, con người xấu xa đến mức kích động sự thù hận và sợ hãi của động vật nuôi trong nhà bằng sự tàn ác sẽ phải chịu sự trừng phạt chính đáng là trung tâm của các mãnh lực ác cảm hội tụ; bởi vì hành vi như vậy khơi dậy sự phẫn nộ sâu sắc giữa các tinh linh tự nhiên và các thực thể cảm xúc và dĩ thái khác, cũng như giữa tất cả những người có suy nghĩ đúng đắn, dù còn sống hay đã chết.

CON NGƯỜI

Vì điều chắc chắn là không con người nào có thể để cho con mèo hoặc con chó của mình ghét bỏ hoặc sợ hãi, nên rõ ràng là sự xem xét tương tự cũng áp dụng với mãnh lực mạnh mẽ hơn đối với những người xung quanh y. Không dễ để đánh giá quá cao tầm quan trọng đối với một người trong việc giành được sự quan tâm tử tế của những người mà y thường xuyên kết giao—để đánh giá quá cao giá trị đối với một hiệu trưởng về thái độ của học sinh đối với y, đối với một thương gia về cảm xúc của các nhân viên của y, đối với một sĩ quan về lòng tận tâm của những người lính của y; và điều này hoàn toàn tách biệt với những ảnh hưởng rõ ràng được tạo ra trong thế giới vật lý. Nếu một người giữ bất kỳ vị trí nào như một trong những vị trí này có thể khơi dậy tình cảm nhiệt thành của cấp dưới của mình, thì y sẽ trở thành tiêu điểm mà nhiều dòng chảy của những mãnh lực như vậy liên tục hội tụ. Điều này không chỉ nâng cao và củng cố y rất nhiều, mà còn cho phép y, nếu y hiểu một số điều về hoạt động của các quy luật huyền bí học, trở nên hữu ích hơn nhiều đối với những người cảm thấy tình cảm đó, và làm được nhiều việc hơn với họ so với những gì có thể có.

Để đạt được kết quả này, hoàn toàn không cần thiết họ phải đồng ý với y về ý kiến; với hiệu ứng cụ thể mà chúng ta hiện đang quan tâm, thái độ tinh thần của họ hoàn toàn không liên quan gì; đó là vấn đề của cảm xúc mạnh mẽ, tử tế. Nếu thật không may, cảm xúc lại thuộc loại đối lập—nếu con người bị sợ hãi hoặc coi thường—thì những dòng chảy ác cảm sẽ liên tục chảy về phía y, gây ra sự yếu đuối và bất hòa trong những rung động của các thể cao hơn của y, và cũng cắt đứt y khỏi

higher vehicles, and also cut him off from the possibility of doing satisfactory and fruitful work with those under his charge.

khả năng thực hiện công việc thỏa đáng và hiệu quả với những người dưới quyền y.

It is not only the force of the feeling sent out by the person; like attracts like in the astral world as well as the physical. There are always masses of vague thought floating about in the atmosphere, some of them good and some evil, but all alike ready to reinforce any decided thought of their own type. Also there are nature-spirits of low order, which enjoy the coarse vibrations of anger and hatred, and are therefore very willing to throw themselves into any current of such nature. By doing so, they intensify the undulations, and add fresh life to them. All this tends to strengthen the effect produced by the converging streams of unfavourable thought and feeling.

Không chỉ là sức mạnh của cảm xúc được gửi đi bởi người đó; giống như thu hút giống như trong cõi cảm dục cũng như thế giới vật lý. Luôn có vô số suy nghĩ mơ hồ trôi nổi trong bầu khí quyển, một số tốt và một số xấu, nhưng tất cả đều sẵn sàng củng cố bất kỳ suy nghĩ rõ ràng nào thuộc loại của chúng. Ngoài ra còn có các tinh linh tự nhiên thuộc bậc thấp, chúng thích thú với những rung động thô thiển của sự tức giận và thù hận, và do đó rất sẵn lòng lao vào bất kỳ dòng chảy nào thuộc bản chất đó. Bằng cách làm như vậy, chúng tăng cường những dao động, và thêm sinh lực mới cho chúng. Tất cả những điều này có xu hướng củng cố hiệu ứng được tạo ra bởi các dòng chảy hội tụ của suy nghĩ và cảm xúc không thuận lợi.

It has been said that a man is known by the company he keeps. It is also to a large extent true that he is *made* by it, for those with whom he constantly associates are all the while unconsciously influencing him and bringing him by degrees more and more into harmony with such undulations as they radiate. He who is much in the presence of a large-minded and unworldly man has a fine opportunity of himself becoming large-minded and unworldly, for a steady though imperceptible pressure in that direction is perpetually being exerted upon him, so that it is easier for him to grow in that way than in any other. For the same reason a man who spends his time loafing in a public-house with the idle and various is exceedingly likely to end by becoming idle and vicious himself. The study of the hidden side of things emphatically endorses the old proverb that evil communications corrupt good manners.

Người ta đã nói rằng một người được biết đến bởi bạn bè mà y kết giao. Điều đó cũng đúng ở một mức độ lớn rằng y được tạo ra bởi nó, bởi vì những người mà y liên tục kết giao luôn luôn ảnh hưởng đến y một cách vô thức và dần dần đưa y ngày càng hòa hợp với những dao động mà họ tỏa ra. Người thường xuyên ở bên cạnh một người có đầu óc rộng lớn và không màng thế tục có cơ hội tuyệt vời để bản thân trở nên rộng lượng và không màng thế tục, bởi vì một áp lực ổn định mặc dù không thể nhận thấy theo hướng đó đang liên tục được tạo ra đối với y, do đó, y dễ dàng phát triển theo cách đó hơn bất kỳ cách nào khác. Vì lý do tương tự, một người dành thời gian la cà trong quán rượu với những người lười biếng và xấu xa rất có thể sẽ kết thúc bằng việc tự mình trở nên lười biếng và xấu xa. Nghiên cứu về mặt ẩn giấu của sự vật nhấn mạnh một cách rõ ràng câu tục ngữ cổ xưa rằng giao du với kẻ xấu làm hư hỏng thói quen tốt.

This fact of the enormous influence of close association with a more advanced personality is well understood in the East, where it is recognised that the most important and effective part of the training of a disciple is that he shall live constantly in the presence of his teacher and bathe in his aura. The various vehicles of the teacher are all vibrating with a steady and powerful swing at rates both higher and more

Sự thật về ảnh hưởng to lớn của việc kết giao chặt chẽ với một cá nhân tiến bộ hơn được hiểu rõ ở phương Đông, nơi người ta công nhận rằng phần quan trọng và hiệu quả nhất trong việc đào tạo một đệ tử là y sẽ sống liên tục trước sự hiện diện của người thầy của mình và tắm mình trong hào quang của người thầy. Các thể khác nhau của người thầy đều rung động với một nhịp điệu ổn định và mạnh mẽ ở tốc độ cao hơn và đều đặn hơn

regular than any which the pupil can yet maintain, though he may sometimes reach them for a few moments; but the constant pressure of the stronger thought-waves of the teacher gradually raises those of the pupil into the same key. A person who has as yet but little musical ear finds it difficult to sing correct intervals alone, but if he joins with another stronger voice which is already perfectly trained, his task becomes easier—which may serve as a kind of rough analogy.

bất kỳ nhịp điệu nào mà người học trò vẫn chưa thể duy trì, mặc dù y đôi khi có thể đạt được chúng trong vài phút; nhưng áp lực liên tục của những làn sóng tư tưởng mạnh mẽ hơn của người thầy dần dần nâng cao những làn sóng tư tưởng của người học trò lên cùng một nhịp điệu. Một người vẫn chưa có tai âm nhạc sẽ cảm thấy khó khăn khi hát các quãng chính xác một mình, nhưng nếu y hát cùng với một giọng hát mạnh mẽ hơn đã được đào tạo bài bản, thì nhiệm vụ của y sẽ trở nên dễ dàng hơn—điều này có thể được coi là một loại tương tự sơ bộ.

The great point is that the dominant note of the teacher is always sounding, so that its action is affecting the pupil night and day without need of any special thought on the part of either of them. Growth and change must of course be ceaselessly taking place in the vehicles of the pupil, as in those of all other men; but the powerful undulations emanating from the teacher render it easy for this growth to take place in the right direction, and exceedingly difficult for it to go any other way, somewhat as the splints which surround a broken limb ensure that its growth shall be only in the right line, so as to avoid distortion.

Điểm quan trọng là chủ âm của người thầy luôn luôn vang lên, do đó tác động của nó ảnh hưởng đến người học cả ngày lẫn đêm mà không cần bất kỳ suy nghĩ đặc biệt nào từ cả hai phía. Sự tăng trưởng và thay đổi tất nhiên phải diễn ra không ngừng trong các thể của người học, cũng như trong các thể của tất cả những người khác; nhưng những dao động mạnh mẽ phát ra từ người thầy giúp cho sự tăng trưởng này dễ dàng diễn ra theo đúng hướng, và vô cùng khó khăn để nó đi theo bất kỳ hướng nào khác, giống như những thanh nẹp bao quanh một chi bị gãy đảm bảo rằng sự tăng trưởng của nó sẽ chỉ theo đúng đường, để tránh bị biến dạng.

No ordinary man, acting automatically and without intention, will be able to exercise even a hundredth part of the carefully-directed influence of a spiritual teacher; but numbers may to some extent compensate for lack of individual power, so that the ceaseless though unnoticed pressure exercised upon us by the opinions and feelings of our associates leads us frequently to absorb without knowing it many of their prejudices. It is distinctly undesirable that a man should remain always among one set of people and hear only one set of views. It is eminently necessary that he should know something of other sets, for only in that way can he learn to see good in all; only thoroughly understanding both sides of any case can he form an opinion that has any right to be called a real judgment. The prejudiced person is always and necessarily an ignorant person; and the only way in which his ignorance can be dispelled is by getting outside his own narrow little circle, and learning to look at things for himself and see what they really are —not what those who know nothing about them suppose them to be.

Không một người bình thường nào, hành động một cách tự động và không có chủ ý, có thể tạo ra ngay cả một phần trăm ảnh hưởng được định hướng cẩn thận của một người thầy tinh thần; nhưng số lượng có thể ở một mức độ nào đó bù đắp cho sự thiếu hụt sức mạnh cá nhân, do đó, áp lực không ngừng mặc dù không được chú ý mà ý kiến và cảm xúc của những người mà chúng ta kết giao tạo ra đối với chúng ta thường khiến chúng ta tiếp thu nhiều định kiến của họ mà không hề hay biết. Rõ ràng là không mong muốn một người luôn ở giữa một nhóm người và chỉ nghe một tập hợp các quan điểm. Điều quan trọng là y nên biết một số điều về các nhóm khác, bởi vì chỉ bằng cách đó, y mới có thể học cách nhìn thấy điều tốt đẹp ở tất cả; chỉ khi hiểu rõ cả hai mặt của bất kỳ vấn đề nào, y mới có thể hình thành một ý kiến có quyền được gọi là phán xét thực sự. Người có định kiến luôn luôn và nhất thiết là một người thiếu hiểu biết; và cách duy nhất để xua tan sự thiếu hiểu biết của y là thoát ra khỏi vòng tròn nhỏ hẹp của chính mình, và học cách tự mình nhìn nhận sự vật và xem chúng thực sự là gì—chứ không phải là những gì mà

những người không biết gì về chúng tưởng tượng về chúng.

TRAVEL

The extent to which our human surroundings influence us is only realised when we change them for a while, and the most effective method of doing this is to travel in a foreign country. But true travel is not to rush from one gigantic caravanserai to another, consorting all the time with one's own countrymen, and grumbling at every custom which differs from those of our particular Little Pedlington. It is rather to live for a time quietly in some foreign land, trying to get really to know its people and to understand them; to study a custom and see why it has arisen, and what good there is in it, instead of condemning it off-hand because it is not our own. The man who does this will soon come to recognise the characteristic traits of the various races —to comprehend such fundamental diversities as those between the English and the Irish, the Hindu and the American, the Breton and the Sicilian, and yet to realise that they are to be looked upon *not* as one better than another, but as the different colours that go to make up the rainbow, the different movements that are all necessary, as parts of the great oratorio of life.

DU LỊCH

Mức độ mà môi trường xung quanh con người của chúng ta ảnh hưởng đến chúng ta chỉ được nhận ra khi chúng ta thay đổi chúng trong một thời gian, và phương pháp hiệu quả nhất để làm điều này là đi du lịch ở nước ngoài. Nhưng du lịch thực sự không phải là lao từ nhà trọ khổng lồ này sang nhà trọ khổng lồ khác, luôn kết giao với đồng hương của mình, và càu nhàu về mọi phong tục khác với phong tục của Little Pedlington cụ thể của chúng ta. Đúng hơn, đó là sống yên tĩnh một thời gian ở một vùng đất xa lạ nào đó, cố gắng thực sự tìm hiểu người dân của họ và hiểu họ; nghiên cứu một phong tục và xem tại sao nó lại phát sinh, và có gì tốt đẹp trong đó, thay vì lên án nó ngay lập tức vì nó không phải là của chúng ta. Người làm điều này sẽ sớm nhận ra những đặc điểm của các chủng tộc khác nhau—để hiểu được những sự khác biệt cơ bản như sự khác biệt giữa người Anh và người Ireland, người Hindu và người Mỹ, người Breton và người Sicily, nhưng vẫn nhận ra rằng chúng không được coi là tốt hơn chủng tộc khác, mà là những màu sắc khác nhau tạo nên cầu vồng, những chuyển động khác nhau đều cần thiết, như những phần của bản oratorio vĩ đại của cuộc sống.

Each has its part to play in affording opportunity for the evolution of egos who need just its influence, who are lacking in just its characteristics. Each race has behind it a mighty angel, the Spirit of the Race, who under the direction of the Manu preserves its special qualities and guides it along the line destined for it. A new race is born when in the scheme of evolution a new type a temperament is needed; a race dies out when all the egos who can be benefited by it have passed through it. The influence of the Spirit of a Race thoroughly permeates the country or district over which his supervision extends, and is naturally a factor of the greatest importance to any visitor who is in the least sensitive.

Mỗi chủng tộc đều có vai trò của mình trong việc tạo cơ hội cho sự tiến hóa của những chân ngã cần chính xác ảnh hưởng của nó, những người thiếu chính xác những đặc điểm của nó. Mỗi chủng tộc đều có đằng sau nó một thiên thần hùng mạnh, Tinh thần của Chủng tộc, người dưới sự chỉ đạo của Manu bảo tồn những phẩm chất đặc biệt của nó và hướng dẫn nó đi theo con đường dành cho nó. Một chủng tộc mới được sinh ra khi trong kế hoạch tiến hóa, một loại tính khí mới được cần đến; một chủng tộc chết đi khi tất cả những chân ngã có thể được hưởng lợi từ nó đã đi qua nó. Ảnh hưởng của Tinh Thần của một Chủng tộc thấm nhuần hoàn toàn đất nước hoặc khu vực mà sự giám sát của y mở rộng đến, và đương nhiên là một yếu tố có tầm quan trọng lớn nhất đối với bất kỳ du khách nào có một chút nhạy cảm.

The ordinary tourist is too often imprisoned in the triple armour of aggressive race-prejudice; he

Khách du lịch bình thường thường bị giam cầm trong bộ giáp ba lớp của định kiến chủng tộc

is so full of conceit over the supposed excellencies of his own nation that he is incapable of seeing good in any other. The wiser traveller, who is willing to open his heart to the action of higher forces, may receive from this source much that is valuable, both of instruction and experience. But in order to do that, he must begin by putting himself in the right attitude; he must be ready to listen rather than to talk, to learn rather than to boast, to appreciate rather than to criticise, to try to understand rather than rashly to condemn.

hung hăng; y quá tự phụ về những điều được cho là xuất sắc của quốc gia mình đến nỗi y không thể nhìn thấy điều tốt đẹp ở bất kỳ quốc gia nào khác. Người du lịch khôn ngoan hơn, người sẵn sàng mở lòng mình trước tác động của các mãnh lực cao hơn, có thể nhận được từ nguồn này nhiều điều quý giá, cả về kiến thức và kinh nghiệm. Nhưng để làm được điều đó, y phải bắt đầu bằng cách đặt mình vào đúng thái độ; y phải sẵn sàng lắng nghe hơn là nói, học hỏi hơn là khoe khoang, đánh giá cao hơn là chỉ trích, cố gắng hiểu hơn là vội vàng lên án.

To achieve such a result is the true object of travel, and we have a far better opportunity for this than was afforded to our forefathers. Methods of communication are so much improved that it is now possible for almost anyone to achieve quickly and cheaply journeys that would have been entirely impossible a century ago, except for the rich and leisured class. Along with these possibilities of intercommunication has come the wide dissemination of foreign news by means of the telegraph and the newspaper press, so that even those who do not actually leave their own country still know much more about others than was ever possible before. Without all these facilities there never could have been a Theosophical Society, or at least it could not have had its present character, nor could it have reached its present level of effectiveness.

Đạt được kết quả như vậy là mục đích thực sự của du lịch, và chúng ta có cơ hội tốt hơn nhiều so với những gì được dành cho tổ tiên của chúng ta. Các phương thức giao tiếp đã được cải thiện rất nhiều đến mức bây giờ hầu như ai cũng có thể thực hiện một cách nhanh chóng và rẻ tiền những chuyến đi mà một thế kỷ trước sẽ hoàn toàn không thể thực hiện được, ngoại trừ tầng lớp giàu có và nhàn hạ. Cùng với những khả năng giao tiếp này là sự phổ biến rộng rãi tin tức nước ngoài thông qua điện báo và báo chí, do đó, ngay cả những người không thực sự rời khỏi đất nước của họ vẫn biết nhiều hơn về những người khác so với trước đây. Nếu không có tất cả những điều kiện thuận lợi này, sẽ không bao giờ có Hội Thông Thiên Học, hoặc ít nhất nó không thể có đặc điểm hiện tại của nó, cũng như không thể đạt đến mức độ hiệu quả hiện tại của nó.

The first object of the Theosophical Society is the promotion of universal brotherhood, and nothing helps so much to induce brotherly feeling between nations as full and constant intercourse with one another. When people know one another only by hearsay, all sorts of absurd prejudices grow up, but when they come to know one another intimately, each finds that the other is after all a human being much like himself, with the same interests and objects, the same joys and sorrows.

Mục tiêu đầu tiên của Hội Thông Thiên Học là thúc đẩy tình huynh đệ phổ quát, và không có gì giúp ích nhiều cho việc tạo ra tình huynh đệ giữa các quốc gia bằng sự giao lưu đầy đủ và liên tục với nhau. Khi mọi người chỉ biết nhau qua lời đồn đại, thì đủ loại định kiến vô lý sẽ nảy sinh, nhưng khi họ hiểu biết rõ về nhau, thì mỗi người sẽ thấy rằng người kia xét cho cùng cũng là một con người giống như mình, với cùng những sở thích và mục tiêu, cùng những niềm vui và nỗi buồn.

In the old days each nation lived to a large extent in a condition of selfish isolation, and if trouble of some sort fell upon one, it had usually no resources but its own upon which it could depend. Now the whole world is so closely drawn together that if there is a famine in India help is sent from America; if an earthquake devastates

Ngày xưa, mỗi quốc gia phần lớn sống trong tình trạng cô lập ích kỷ, và nếu gặp rắc rối nào đó, thì thường chỉ có những nguồn mãnh lực của chính mình mà nó có thể dựa vào. Bây giờ, toàn thế giới đã xích lại gần nhau đến mức nếu có nạn đói ở Ấn Độ, thì viện trợ sẽ được gửi từ Mỹ; nếu một trận động đất tàn phá một trong những quốc gia châu

one of the countries of Europe, subscriptions for the sufferers pour in at once from all the others. However far away as yet may be the perfect realisation of universal brotherhood, it is clear that we are at least drawing nearer to it; we have not yet learnt entirely to trust one another, but at least we are ready to help one another, and that is already a long step upon the roads towards becoming really one family.

Âu, thì các khoản quyên góp cho những người bị nạn sẽ ngay lập tức đổ về từ tất cả các quốc gia khác. Dù cho việc nhận thức hoàn hảo về tình huynh đệ phổ quát vẫn còn xa vời đến đâu, thì rõ ràng là ít nhất chúng ta cũng đang tiến gần hơn đến nó; chúng ta vẫn chưa học được cách hoàn toàn tin tưởng lẫn nhau, nhưng ít nhất chúng ta đã sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau, và đó đã là một bước tiến dài trên con đường trở thành một gia đình thực sự.

We know how often travel is recommended as a cure for many physical ills, especially for those which manifest themselves through the various forms of nervous derangement. Most of us find it to be fatiguing, yet also undeniably exhilarating, though we do not always realise that this is not only because of the change of air and of the ordinary physical impressions, but also because of the change of the etheric and astral influences which are connected with each place and district. Ocean, mountain, forest or waterfall—each has its own special type of life, astral and etheric as well as visible; and, therefore, its own special set of impressions and influences. Many of these unseen entities are pouring out vitality, and in any case, the vibrations which they radiate awaken unaccustomed portions of our etheric double, and of our astral and mental bodies, and the effect is like the exercise of muscles which are not ordinarily called into activity—somewhat tiring at the time, yet distinctly healthy and desirable in the long run.

Chúng ta biết rằng du lịch thường được khuyến nghị như một phương pháp chữa trị nhiều bệnh tật về thể chất như thế nào, đặc biệt là đối với những bệnh biểu hiện thông qua nhiều dạng rối loạn thần kinh. Hầu hết chúng ta đều thấy nó mệt mỏi, nhưng cũng không thể phủ nhận là phấn khởi, mặc dù chúng ta không phải lúc nào cũng nhận ra rằng điều này không chỉ vì sự thay đổi không khí và những ấn tượng vật lý thông thường, mà còn vì sự thay đổi của các ảnh hưởng dĩ thái và cảm xúc kết nối với mỗi địa điểm và khu vực. Đại dương, núi non, rừng rậm hay thác nước—mỗi nơi đều có loại hình sự sống đặc biệt riêng của mình, cả cảm xúc và dĩ thái cũng như hữu hình; và do đó, có tập hợp các ấn tượng và ảnh hưởng đặc biệt riêng của nó. Nhiều thực thể vô hình trong số này đang tuôn trào sinh lực, và trong bất kỳ trường hợp nào, những rung động mà chúng tỏa ra sẽ đánh thức những phần không quen thuộc của thể dĩ thái của chúng ta, và của thể cảm xúc và thể trí của chúng ta, và hiệu quả giống như việc luyện tập các cơ bắp thường không được vận động—có phần mệt mỏi vào thời điểm đó, nhưng rõ ràng là lành mạnh và đáng mong muốn về lâu dài.

The town-dweller is accustomed to his surroundings, and usually does not realise the horror of them until he leaves them for a time. To dwell beside a busy main street is from the astral point of view like living on the brink of an open sewer—a river of fetid mud which is always throwing up splashes and noisome odours as it rolls along. No man, however unimpressionable, can endure this indefinitely without deterioration, and an occasional change into the country is a necessity on the ground of moral as well as physical health. In travelling from the town into the country, too, we leave behind us to a great extent the stormy sea of warring human passion and labour, and such human thoughts as

Người dân thành thị đã quen với môi trường xung quanh của mình, và thường không nhận ra sự kinh hoàng của chúng cho đến khi y rời bỏ chúng trong một thời gian. Sống bên cạnh một con phố chính nhộn nhịp, từ quan điểm cảm xúc, giống như sống bên bờ một cống lộ thiên—một dòng sông bùn hôi thối luôn bắn tung tóe và bốc mùi hôi thối khi nó cuồn cuộn chảy. Không con người nào, dù có vô cảm đến đâu, có thể chịu đựng điều này vô thời hạn mà không bị suy thoái, và việc thỉnh thoảng thay đổi ra vùng nông thôn là điều cần thiết vì lý do sức khỏe đạo đức cũng như thể chất. Khi di chuyển từ thị trấn ra vùng nông thôn, chúng ta cũng bỏ lại phía sau mình phần lớn biển cả bão táp của những đam mê và

still remain to act upon us are usually of the less selfish and more elevated kind.

lao động của con người, và những suy nghĩ của con người vẫn còn tác động đến chúng ta thường thuộc loại ít ích kỷ hơn và cao thượng hơn.

In the presence of one of nature's great wonders, such as the Falls of Niagara, almost everyone is for the time drawn out of himself, and out of the petty round of daily care and selfish desire, so that his thought is nobler and broader, and the thought-forms which he leaves behind him are correspondingly less disturbing and more helpful. These considerations once more make it evident that in order to obtain the full benefit of travel a man must pay attention to nature and allow it to act upon him. If he is wrapped up all the while in selfish and gloomy thoughts, crushed by financial trouble, or brooding over his own sickness and weakness, little benefit can be derived from the healing influences.

Trước sự hiện diện của một trong những kỳ quan thiên nhiên vĩ đại, chẳng hạn như Thác Niagara, hầu như ai cũng tạm thời thoát ra khỏi chính mình, và thoát khỏi vòng luẩn quẩn của những lo toan hàng ngày và ham muốn ích kỷ, do đó, suy nghĩ của y cao thượng hơn và rộng mở hơn, và những hình tư tưởng mà y bỏ lại phía sau cũng ít gây xáo trộn hơn và hữu ích hơn. Những xem xét này một lần nữa cho thấy rõ ràng rằng để có được lợi ích đầy đủ của du lịch, một người phải chú ý đến thiên nhiên và cho phép nó tác động đến mình. Nếu y luôn bị cuốn vào những suy nghĩ ích kỷ và ảm đạm, bị đè bẹp bởi những rắc rối tài chính, hoặc ấp ủ bệnh tật và yếu đuối của bản thân, thì y sẽ ít được hưởng lợi ích từ những ảnh hưởng chữa lành.

Another point is that certain places are permeated by certain special types of thought. The consideration of this matter belongs rather to another chapter, but we may introduce it so far as to mention that the frame of mind in which people habitually visit a certain place reacts strongly upon all the other visitors to it. Popular seaside resorts in England have about them an air of buoyancy and irresponsibility, a determined feeling of holiday life, of temporary freedom from business and of the resolution to make the most of it, from the influence of which it is difficult to escape. Thus the jaded and overworked man who spends his well-earned holiday in such a place, obtains quite a different result from that which would follow if he simply stayed quietly at home. To sit at home would probably be less fatiguing, but also much less stimulating.

Một điểm khác là một số địa điểm nhất định bị thấm nhuần bởi một số loại hình suy nghĩ đặc biệt nhất định. Việc xem xét vấn đề này đúng hơn là thuộc về một chương khác, nhưng chúng ta có thể giới thiệu nó trong chừng mực đề cập đến việc tâm trạng mà mọi người thường xuyên đến thăm một địa điểm nhất định sẽ phản ứng mạnh mẽ đối với tất cả những du khách khác đến đó. Các khu nghỉ dưỡng ven biển nổi tiếng ở Anh có không khí vui vẻ và vô tư, cảm giác kiên định về cuộc sống ngày lễ, sự tự do tạm thời khỏi công việc kinh doanh và quyết tâm tận dụng tối đa nó, điều mà khó có thể thoát khỏi ảnh hưởng của nó. Do đó, con người mệt mỏi và làm việc quá sức dành kỳ nghỉ xứng đáng của mình ở một nơi như vậy sẽ thu được kết quả hoàn toàn khác so với kết quả sẽ xảy ra nếu y chỉ ở nhà một cách yên tĩnh. Ở nhà có lẽ sẽ ít mệt mỏi hơn, nhưng cũng ít kích thích hơn nhiều.

To take a country walk is to travel in miniature, and in order to appreciate its healthful effect we must bear in mind what has been said of all the different vibrations issuing from various kinds of trees or plants, and even from different kinds of soil or rock. All these act as kind of massage upon the etheric, astral and mental bodies, and tend to relieve the strain which the worries of our common life persistently exert upon certain parts of these vehicles.

Đi dạo ở vùng nông thôn là du lịch thu nhỏ, và để đánh giá cao tác dụng có lợi cho sức khỏe của nó, chúng ta phải ghi nhớ những gì đã nói về tất cả những rung động khác nhau phát ra từ nhiều loại cây hoặc thực vật khác nhau, và thậm chí từ nhiều loại đất hoặc đá khác nhau. Tất cả những thứ này hoạt động như một loại hình xoa bóp lên thể dĩ thái, thể cảm xúc và thể trí, và có xu hướng làm giảm bớt căng thẳng mà những lo lắng trong cuộc sống thông thường của chúng ta liên tục tạo

Glimpses of the truth on these points may sometimes be caught from the traditions of the peasantry. For example, there is a widely-spread belief that strength may be gained from sleeping under a pine-tree with the head to the north. For some cases this is suitable, and the rationale of it is that there are magnetic currents always flowing over the surface of the earth which are quite unknown to ordinary men. These by steady, gentle pressure gradually comb out the entanglements and strengthen the particles both of the astral body and of the etheric part of the physical, and thus bring them more into harmony and introduce rest and calm. The part played by the pine-tree is, first, that its radiations make the man sensitive to those magnetic currents, and bring him into a state in which it is possible for them to act upon him, and secondly, that (as has already been explained) it is constantly throwing off vitality in that special condition in which it is easiest for man to absorb it.

ra đối với một số bộ phận nhất định của những thể này.

Đôi khi có thể nắm bắt được sự thật về những điểm này từ truyền thống của nông dân. Ví dụ, có một niềm tin phổ biến rộng rãi rằng có thể đạt được sức mạnh từ việc ngủ dưới gốc cây thông với đầu hướng về phía bắc. Đối với một số trường hợp, điều này là phù hợp, và lý do của nó là luôn có những dòng từ tính chảy trên bề mặt trái đất mà người bình thường hoàn toàn không biết đến. Bằng áp lực ổn định, nhẹ nhàng, chúng dần dần loại bỏ những rối rắm và củng cố các hạt của cả thể cảm xúc và phần dĩ thái của thể xác, và do đó đưa chúng vào sự hài hòa hơn và mang lại sự nghỉ ngơi và bình tĩnh. Vai trò của cây thông là, trước hết, bức xạ của nó làm cho con người nhạy cảm với những dòng từ tính đó, và đưa y vào trạng thái mà chúng có thể tác động đến y, và thứ hai, (như đã được giải thích) nó liên tục tỏa ra sinh lực trong điều kiện đặc biệt đó, điều kiện mà con người dễ dàng hấp thụ nó nhất.

CHAPTER VI - BY NATURE-SPIRITS—BỞI TINH LINH THIÊN NHIÊN

AN EVOLUTION APART

ANOTHER factor which exercises great influence under certain restrictions is the nature-spirit. We may regard the nature-spirits of the land as in a sense the original inhabitants of the country, driven away from some parts of it by the invasion of man, much as the wild animals have been. Just like wild animals, the nature-spirits avoid altogether the great cities and all places where men most do congregate, so that in those their effect is a negligible quantity. But in all quiet country places, among the woods and fields, upon the mountains or out at sea, nature-spirits are constantly present, and though they rarely show themselves, their influence is powerful and all-pervading, just as the scent of the violets fills the air though they are hidden modestly among the leaves.

The nature-spirits constitute an evolution apart, quite distinct at this stage from that of humanity. We are familiar with the course taken by the Second Outpouring through the three elemental kingdoms, down to the mineral and upward through the vegetable and animal, to the attainment of individuality at the human level. We know that, after that individuality has been attained, the unfolding of humanity carries us gradually to the steps of the Path, and then onward and upward to Adeptship and to the glorious possibilities which lie beyond.

This is our line of development, but we must not make the mistake of thinking of it as the only line. Even in this world of ours the divine life is pressing upwards through several streams, of which ours is but one, and numerically by no means the most important. It may help us to realise this if we remember that while humanity in its physical manifestation occupies only quite a small part of the surface of the earth, entities at a corresponding level on other lines of evolution not only crowd the earth far more thickly than man, but at the same time populate the enormous plains of the sea and the fields of the

MỘT DÒNG TIẾN HÓA RIÊNG BIỆT

Một yếu tố khác có ảnh hưởng lớn dưới những hạn chế nhất định là tinh linh tự nhiên. Chúng ta có thể coi các tinh linh tự nhiên của vùng đất theo một nghĩa nào đó là cư dân ban đầu của đất nước, bị xua đuổi khỏi một số vùng đất bởi sự xâm chiếm của con người, giống như các loài động vật hoang dã. Cũng giống như động vật hoang dã, các tinh linh tự nhiên hoàn toàn tránh xa các thành phố lớn và tất cả những nơi mà con người thường tụ tập đông nhất, do đó, ở những nơi đó, ảnh hưởng của chúng là không đáng kể. Nhưng ở tất cả những vùng nông thôn yên tĩnh, giữa rừng và đồng ruộng, trên núi hoặc ngoài biển khơi, các tinh linh tự nhiên luôn hiện diện, và mặc dù chúng hiếm khi xuất hiện, nhưng ảnh hưởng của chúng rất mạnh mẽ và lan tỏa khắp nơi, giống như mùi hương của hoa violet tràn ngập không khí mặc dù chúng được ẩn giấu một cách khiêm tốn giữa những chiếc lá.

Các tinh linh tự nhiên tạo thành một dòng tiến hóa riêng biệt, hoàn toàn khác biệt ở giai đoạn này với dòng tiến hóa của nhân loại. Chúng ta đã quen thuộc với lộ trình mà Lần Tuôn Trào Thứ Hai đi qua ba giới hành khí, xuống đến giới kim thạch và đi lên qua giới thảo mộc và động vật, để đạt được sự biệt ngã hóa ở cấp độ con người. Chúng ta biết rằng, sau khi đạt được sự biệt ngã hóa, sự khai mở của nhân loại dần dần đưa chúng ta đến các bậc của Thánh đạo, và sau đó tiến lên và hướng thượng đến cấp độ Chân Sư và những khả năng huy hoàng vượt xa hơn đó.

Đây là đường lối phát triển của chúng ta, nhưng chúng ta không được nhầm lẫn khi nghĩ rằng đó là đường lối duy nhất. Ngay cả trong thế giới của chúng ta, sự sống thiêng liêng đang thúc đẩy hướng thượng thông qua một số dòng chảy, mà dòng của chúng ta chỉ là một, và về mặt số lượng thì không phải là dòng quan trọng nhất. Điều này có thể giúp chúng ta nhận ra rằng trong khi nhân loại trong biểu hiện vật lý của mình chỉ chiếm một phần khá nhỏ trên bề mặt trái đất, thì các thực thể ở cấp độ tương ứng trên các dòng tiến hóa khác không chỉ tập trung trên trái đất dày đặc hơn con người nhiều, mà đồng thời còn cư trú

air.

trên những vùng đồng bằng rộng lớn của biển cả và những cánh đồng trên không.

LINES OF EVOLUTION

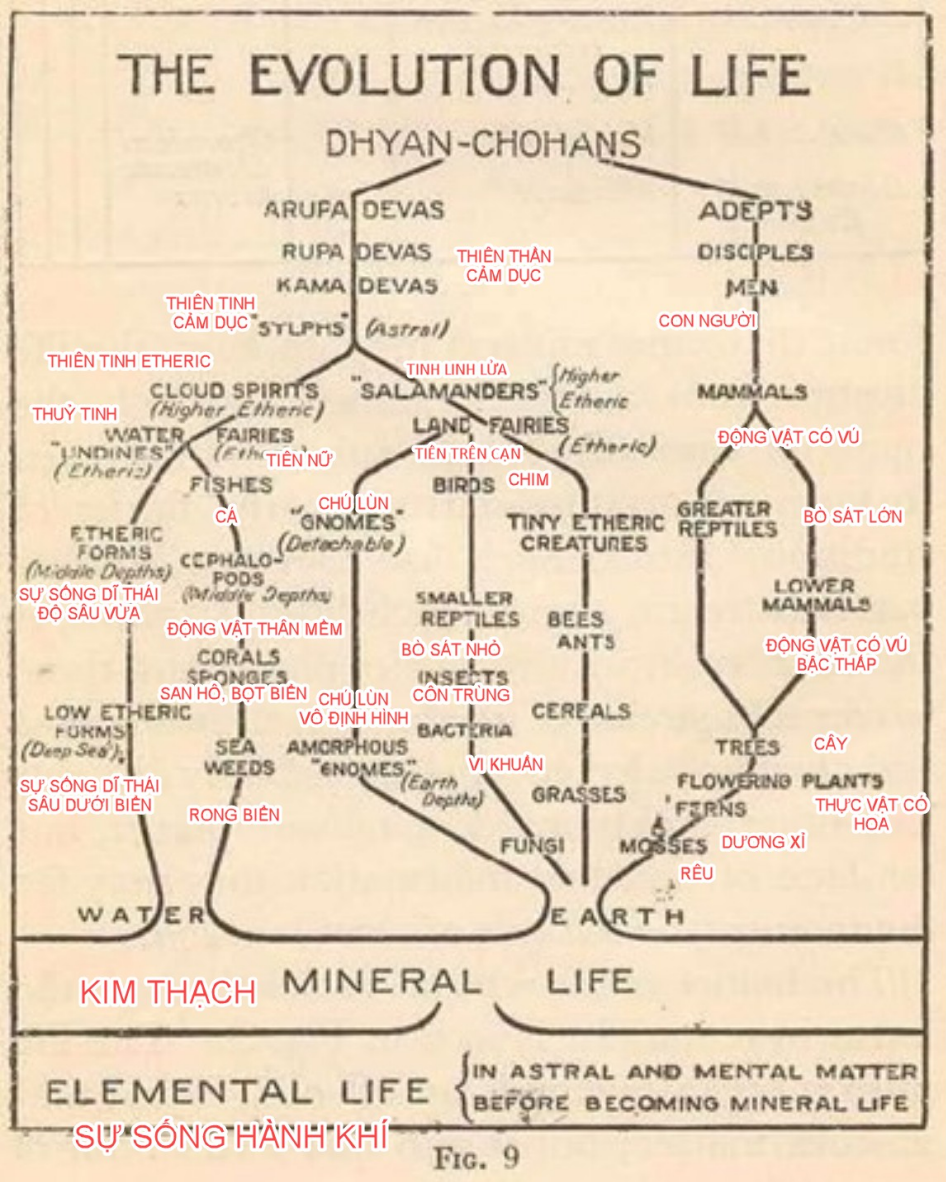


FIG. 9

At this present stage we find these streams running parallel to one another, but for the time quite distinct. The nature-spirits, for example, neither have been nor ever will be members of a humanity such as ours, yet the indwelling life of the nature-spirit comes from the same Solar

Ở giai đoạn hiện tại, chúng ta thấy những dòng chảy này song song với nhau, nhưng trong thời điểm này là khá riêng biệt. Ví dụ, các tinh linh tự nhiên chưa bao giờ và sẽ không bao giờ là thành viên của một nhân loại như chúng ta, nhưng sự sống nội tại của tinh linh tự nhiên đến từ cùng

Deity as our own, and will return to Him just as ours will. The streams may be roughly considered as flowing side by side as far as the mineral level, but as soon as they turn to commence the upward arc of evolution, divergence begins to appear. This stage of immetalisation is naturally that at which life is most deeply immersed in physical matter but while some of the streams retain physical forms through several of the further stages of their development, making them, as they proceed, more and more an expression of the life within, there are other streams which at once begin to cast off the grosser, and for the rest of their unfolding in this world use only bodies composed of etheric matter.

một Thái dương Thượng đế như chúng ta, và sẽ trở về với Ngài giống như chúng ta. Có thể tạm coi các dòng chảy này như đang chảy song song với nhau cho đến cấp độ kim thạch, nhưng ngay khi chúng quay đầu để bắt đầu vòng cung tiến hóa hướng lên, sự chia tách bắt đầu xuất hiện. Giai đoạn kim thạch hóa này tự nhiên là giai đoạn mà sự sống chìm sâu nhất vào vật chất hữu hình, nhưng trong khi một số dòng chảy vẫn giữ nguyên hình dạng vật lý qua một số giai đoạn phát triển tiếp theo của chúng, khiến chúng, khi tiến triển, ngày càng biểu hiện rõ hơn sự sống bên trong, thì có những dòng chảy khác ngay lập tức bắt đầu loại bỏ những gì thô thiển hơn, và trong phần còn lại của sự khai mở của chúng trong thế giới này chỉ sử dụng các thể được cấu tạo từ vật chất dĩ thái.

One of these streams, for example, after finishing that stage of its evolvement in which it is part of the mineral monad, instead of passing into the vegetable kingdom takes for itself vehicles of etheric matter which inhabit the interior of the earth, living actually within the solid rock. It is difficult for many students to understand how it is possible for any kind of creature thus to inhabit the solid substance of the rock or the crust of the earth. Creatures possessing bodies of etheric matter find the substance of the rock no impediment to their motion or their vision. Indeed, for them physical matter in its solid state is their natural element and habitat—the only one to which they are accustomed and in which they feel at home. These vague lower lives in amorphous etheric vehicles are not readily comprehensible to us; but somehow they gradually evolve to a stage when, though still inhabiting the solid rock, they live close to the surface of the earth instead of in its depths, and the more developed of them are able occasionally to detach themselves from it for a short time.

Ví dụ, một trong những dòng này, sau khi hoàn thành giai đoạn tiến hóa mà nó là một phần của chân thần kim thạch, thay vì đi vào giới thảo mộc, nó lấy cho mình những thể bằng chất liệu dĩ thái cư ngụ bên trong trái đất, thực sự sống bên trong đá cứng. Nhiều học viên khó hiểu làm thế nào bất kỳ loại sinh vật nào lại có thể sống trong chất rắn của đá hoặc lớp vỏ trái đất. Các sinh vật sở hữu thể bằng chất liệu dĩ thái thấy rằng chất rắn của đá không phải là trở ngại cho sự di chuyển hoặc tầm nhìn của chúng. Thật vậy, đối với chúng, vật chất hữu hình ở trạng thái rắn là yếu tố tự nhiên và môi trường sống của chúng – yếu tố duy nhất mà chúng quen thuộc và cảm thấy như ở nhà. Những dạng sống thấp kém mơ hồ này trong các thể dĩ thái vô định hình không dễ hiểu đối với chúng ta; nhưng bằng cách nào đó, chúng dần dần tiến hóa đến một giai đoạn mà mặc dù vẫn sống trong đá cứng, chúng sống gần bề mặt trái đất thay vì ở sâu trong lòng đất, và những dạng phát triển hơn trong số chúng thỉnh thoảng có thể tách mình ra khỏi đá trong một thời gian ngắn.

These creatures have sometimes been seen, and perhaps more frequently heard, in caves or mines, and they are often described in mediaeval literature as gnomes. The etheric matter of their bodies is not, under ordinary conditions, visible to physical eyes, so that when they are seen one of two things must take place; either they must materialise themselves by drawing round them a

Những sinh vật này đôi khi được nhìn thấy, và có lẽ thường xuyên được nghe thấy hơn, trong các hang động hoặc hầm mỏ, và chúng thường được mô tả trong văn học thời trung cổ là chú lùn (gnome). Chất liệu dĩ thái của cơ thể chúng, trong điều kiện bình thường, không thể nhìn thấy bằng mắt thường, vì vậy khi chúng được nhìn thấy, một trong hai điều phải xảy ra; hoặc chúng phải

veil of physical matter, or else the spectator must experience an increase of sensitiveness which enables him to respond to the wave-lengths of the higher aethers, and to see what is not normally perceptible to him.

tự hiện hình bằng cách kéo xung quanh mình một lớp vỏ bọc bằng vật chất hữu hình, hoặc người quan sát phải trải qua sự gia tăng độ nhạy cảm cho phép y phản ứng với các bước sóng của các tầng dĩ thái cao hơn, và nhìn thấy những gì thường không thể cảm nhận được đối với y.

The slight temporary exaltation of faculty necessary for this is not very uncommon nor difficult to achieve, and on the other hand materialisation is easy for creatures which are only just beyond the bounds of visibility; so that they would be seen far more frequently than they are, but for the rooted objection to the proximity of human beings which they share with all but the lowest types of nature-spirits. The next stage of their advancement brings them into the subdivision commonly called fairies—the type of nature-spirits which usually live upon the surface of the earth as we do, though still using only an etheric body; and after that they pass on through the air-spirits into the kingdom of the angels in a way which will be explained later.

Sự hưng phấn tạm thời nhẹ nhàng về năng lực cần thiết cho việc này không phải là rất hiếm hoặc khó đạt được, và mặt khác, việc hiện hình là dễ dàng đối với các sinh vật chỉ vừa vượt ra khỏi giới hạn của hữu hình; do đó, chúng sẽ được nhìn thấy thường xuyên hơn nhiều so với hiện tại, nếu không vì sự phản đối cố hữu đối với sự gần gũi của con người mà chúng chia sẻ với tất cả, ngoại trừ các loại tinh linh tự nhiên thấp nhất. Giai đoạn tiếp theo của sự tiến bộ của chúng đưa chúng vào phân khu thường được gọi là các nàng tiên—loại tinh linh tự nhiên thường sống trên bề mặt trái đất như chúng ta, mặc dù vẫn chỉ sử dụng thể dĩ thái; và sau đó, chúng đi qua các tinh linh không khí vào vương quốc của các thiên thần theo cách sẽ được giải thích sau.

The life-wave which is at the mineral level is manifesting itself not only through the rocks which form the solid crust of the earth, but also through the waters of the ocean; and just as the former may pass through low etheric forms of life (at present unknown to man) in the interior of the earth, so the latter may pass through corresponding low etheric forms which have their dwelling in the depths of the sea. In this case also the next stage or kingdom brings us into more definite though still etheric forms inhabiting the middle depths, and very rarely showing themselves at the surface. The third stage for them (corresponding to that of the fairies for the rock-spirits) is to join the enormous host of water-spirits which cover the vast plains of the ocean with their joyous life.

Làn sóng sự sống ở cấp độ khoáng vật đang biểu hiện không chỉ thông qua các loại đá tạo thành lớp vỏ rắn của trái đất, mà còn thông qua nước của đại dương; và giống như sự sống các loại đá có thể đi qua các dạng sống dĩ thái thấp (hiện tại con người chưa biết đến) trong lòng trái đất, thì sự sống trong nước cũng có thể đi qua các dạng sống dĩ thái thấp tương ứng sống ở sâu trong lòng biển. Trong trường hợp này, giai đoạn hoặc giới tiếp theo cũng đưa chúng ta đến những hình thể xác định hơn mặc dù vẫn là dĩ thái sống ở độ sâu trung bình, và rất hiếm khi xuất hiện trên bề mặt. Giai đoạn thứ ba đối với chúng (tương ứng với giai đoạn của các nàng tiên đối với các tinh linh đá) là gia nhập đội ngũ khổng lồ của các tinh linh nước bao phủ những vùng đồng bằng rộng lớn của đại dương bằng sự sống vui tươi của chúng.

Taking as they do bodies of etheric matter only, it will be seen that the entities following these lines of development miss altogether the vegetable and animal kingdoms as well the human. There are, however, other types of nature-spirits which enter into both these kingdoms before they begin to diverge. In the ocean, for example, there is a stream of life

Vì chỉ nhận các thể bằng vật chất dĩ thái, nên người ta sẽ thấy rằng các thực thể đi theo những con đường phát triển này hoàn toàn bỏ qua giới thực vật và động vật cũng như con người. Tuy nhiên, có những loại tinh linh tự nhiên khác đi vào cả hai giới này trước khi chúng bắt đầu phân kỳ. Ví dụ, trong đại dương, có một dòng chảy sự sống, sau khi rời khỏi cấp độ khoáng vật, sẽ chạm

which, after leaving the mineral level, touches the vegetable kingdom in the form of seaweeds, and then passes on, through the corals and the sponges and the huge cephalopods of the middle deeps, up into the great family of the fishes, and only after that joins the ranks of water-spirits.

vào giới thực vật dưới dạng rong biển, và sau đó đi qua san hô và bọt biển và các loài động vật chân đầu khổng lồ ở độ sâu trung bình, đi lên vào họ cá lớn, và chỉ sau đó mới gia nhập hàng ngũ các tinh linh nước.

It will be seen that these retain the dense physical body as a vehicle up to a much higher level; and in the same way we notice that the fairies of the land are recruited not only from the ranks of the gnomes, but also from the less evolved strata of the animal kingdom, for we find a line of development which just touches the vegetable kingdom in the shape of minute fungoid growths, and then passes onward through bacteria and animalculae of various kinds, through the insects and reptiles up to the beautiful family of the birds, and only after many incarnations among these joins the still more joyous tribe of the fairies.

Chúng ta sẽ thấy rằng những sinh vật này giữ lại thể xác đậm đặc làm phương tiện cho đến một mức độ cao hơn nhiều; và theo cách tương tự, chúng ta nhận thấy rằng các nàng tiên trên cạn được tuyển mộ không chỉ từ hàng ngũ của các chú lùn, mà còn từ các tầng lớp kém tiến hóa hơn của giới động vật, vì chúng ta tìm thấy một dòng phát triển chỉ chạm đến giới thảo mộc dưới hình dạng của các loài nấm nhỏ, và sau đó đi qua vi khuẩn và động vật nguyên sinh các loại, qua côn trùng và bò sát cho đến họ chim xinh đẹp, và chỉ sau nhiều lần nhập thể trong số này mới gia nhập bộ tộc nàng tiên vui vẻ hơn nữa.

Yet another stream diverges into etheric life at an intermediate point, for while it comes up through the vegetable kingdom in the shape of grasses and cereals, it turns aside thence into the animal kingdom and is conducted through the curious communities of the ants and bees, and then through a set of etheric creatures closely corresponding to the latter—those tiny humming-bird-like nature-spirits which are so continually seen hovering about flowers and plants, and play so large a part in the production of their manifold variations—their playfulness being often utilised in specialisation and in the helping of growth.

Tuy nhiên, một dòng chảy khác phân kỳ vào sự sống dĩ thái tại một điểm trung gian, bởi vì trong khi nó đi lên qua giới thực vật dưới dạng cỏ và ngũ cốc, thì nó lại chuyển hướng từ đó sang giới động vật và được dẫn qua các cộng đồng kỳ lạ của kiến và ong, và sau đó thông qua một tập hợp các sinh vật dĩ thái tương ứng chặt chẽ với loài ong—những tinh linh tự nhiên nhỏ bé giống chim ruồi thường xuyên được nhìn thấy bay lượn xung quanh hoa và cây cối, và đóng một vai trò lớn trong việc tạo ra vô số biến thể của chúng—sự vui tươi của chúng thường được sử dụng trong việc chuyên biệt hóa và giúp đỡ sự phát triển.

It is necessary, however, to draw a careful distinction here, to avoid confusion. The little creatures that look after flowers may be divided into two great classes, though of course there are many varieties of each kind. The first class may properly be called elementals, for beautiful though they are, they are in reality only thought-forms, and therefore they are not really *living* creatures at all. Perhaps I should rather say that they are only temporarily living creatures, for though they are very active and busy during their little lives, they have no real evolving, reincarnating life in them, and when they have done their work, they just go to pieces and dissolve into the surrounding atmosphere,

Tuy nhiên, cần phải phân biệt cẩn thận ở đây, để tránh nhầm lẫn. Các sinh vật nhỏ chăm sóc hoa có thể được chia thành hai loại lớn, mặc dù tất nhiên có nhiều loại khác nhau của mỗi loại. Loại thứ nhất có thể được gọi một cách chính xác là tinh linh, vì mặc dù chúng rất đẹp, nhưng thực tế chúng chỉ là các hình tư tưởng, và do đó chúng hoàn toàn không phải là sinh vật sống. Có lẽ tôi nên nói rằng chúng chỉ là những sinh vật sống tạm thời, vì mặc dù chúng rất năng động và bận rộn trong cuộc sống ngắn ngủi của mình, nhưng chúng không có sự sống tiến hóa, tái sinh thực sự trong chúng, và khi chúng đã hoàn thành công việc của mình, chúng sẽ vỡ vụn và tan biến vào bầu khí quyển xung quanh, giống hệt như các

precisely as our own thought-forms do. They are the thought-forms of the Great Beings or angels who are in charge of the evolution of the vegetable kingdom.

hình tư tưởng của chúng ta. Chúng là hình tư tưởng của các Đấng Vĩ đại hay các thiên thần phụ trách sự tiến hóa của giới thảo mộc.

When one of these Great Ones has a new idea connected with one of the kinds of plants or flowers which are under his charge, he often creates a thought-form for the special purpose of carrying out that idea. It usually takes the form either of an etheric model of the flower itself or of a little creature which hangs round the plant or the flower all through the time that the buds are forming, and gradually builds them into the shape and colour of which the angel has thought. But as soon as the plant has fully grown, or the flower has opened, its work is over and its power is exhausted, and, as I have said, it just simply dissolves, because the will to do that piece of work was the only soul that it had.

Khi một trong những Đấng Vĩ đại này có một ý tưởng mới liên quan đến một trong các loại cây hoặc hoa thuộc quyền phụ trách của Ngài, Ngài thường tạo ra một hình tư tưởng cho mục đích đặc biệt là thực hiện ý tưởng đó. Nó thường mang hình thức của một mô hình dĩ thái của chính bông hoa hoặc của một sinh vật nhỏ bé bám quanh cây hoặc bông hoa trong suốt thời gian mà các chồi đang hình thành, và dần dần xây dựng chúng thành hình dạng và màu sắc mà thiên thần đã nghĩ đến. Nhưng ngay khi cây phát triển hoàn toàn, hoặc bông hoa đã nở, thì công việc của nó đã kết thúc và sức mạnh của nó đã cạn kiệt, và như tôi đã nói, nó chỉ đơn giản là tan biến, bởi vì ý chí để làm công việc đó là linh hồn duy nhất mà nó có.

But there is quite another kind of little creature which is very frequently seen playing about with flowers, and this time it is a real nature-spirit. There are many varieties of these also. One of the commonest forms is, as I have said, something very much like a tiny humming-bird, and it may often be seen buzzing round the flowers much in the same way as a humming-bird or a bee does. These beautiful little creatures will never become human, because they are not in the same line of evolution as we are. The life which is now animating them has come up through grasses and cereals, such as wheat and oats, when it was in the vegetable kingdom, and afterwards through ants and bees when it was in the animal kingdom. Now it has reached the level of these tiny nature-spirits, and its next stage will be to ensoul some of the beautiful fairies with etheric bodies who live upon the surface of the earth. Later on they will become salamanders or fire-spirits, and later still they will become sylphs, or air-spirits, having only astral bodies instead of etheric. Later still they will pass through the different stages of the great kingdom of the angels.

Nhưng có một loại sinh vật nhỏ bé hoàn toàn khác thường được nhìn thấy đang chơi đùa với những bông hoa, và lần này nó là một tinh linh tự nhiên thực sự. Cũng có nhiều giống của những sinh vật này. Một trong những dạng phổ biến nhất, như tôi đã nói, là một thứ gì đó rất giống một con chim ruồi nhỏ xíu, và nó thường có thể được nhìn thấy bay vo ve quanh những bông hoa giống như cách mà một con chim ruồi hoặc một con ong làm. Những sinh vật nhỏ bé xinh đẹp này sẽ không bao giờ trở thành con người, bởi vì chúng không cùng một con đường tiến hóa với chúng ta. Sự sống hiện đang làm sống động chúng đã đi lên qua cỏ và ngũ cốc, chẳng hạn như lúa mì và yến mạch, khi nó ở trong giới thực vật, và sau đó qua kiến và ong khi nó ở trong giới động vật. Bây giờ, nó đã đạt đến cấp độ của những tinh linh tự nhiên nhỏ bé này, và giai đoạn tiếp theo của nó sẽ là ba linh hồn cho một số nàng tiên xinh đẹp với thể dĩ thái sống trên bề mặt trái đất. Sau đó, chúng sẽ trở thành kỳ nhông hoặc tinh linh lửa, và sau đó nữa, chúng sẽ trở thành tiên nữ không khí, chỉ có thể cảm xúc thay vì thể dĩ thái. Sau đó nữa, chúng sẽ đi qua các giai đoạn khác nhau của vương quốc vĩ đại của các thiên thần.

OVERLAPPING

In all cases of the transference of the life-wave from one kingdom to another great latitude is allowed for variation; there is a good deal of overlapping between the kingdoms. That is perhaps most clearly to be seen along our own line of evolution for we find that the life which has attained to the highest levels in the vegetable kingdom never passes into the lower part of the animal kingdom at all, but on the contrary joins it at a fairly advanced stage. Let me recall the example which I have already given; the life which has ensouled one of our great forest trees could never descend to animate a swarm of mosquitoes, nor even a family of rats or mice or such small deer; while these latter would be quite appropriate forms for that part of the life-wave which had left the vegetable kingdom at the level of the daisy or the dandelion.

The ladder of evolution has to be climbed in all cases, but it seems as though the higher part of one kingdom lies to a large extent parallel with the lower part of that above it, so that it is possible for a transfer from one to the other to take place at different levels in different cases. That stream of life which enters the human kingdom avoids altogether the lowest stages of the animal kingdom; that is, the life which is presently to rise into humanity never manifests itself through the insects or the reptiles; in the past it did sometimes enter the animal kingdom at the level of the great antediluvian reptiles, but now it passes directly from the highest forms of the vegetable life into the Mammalia. Similarly, when the most advanced domestic animal becomes individualised, he does not need to descend into the form of the absolutely primitive savage for his first human incarnation.

The accompanying diagram shows some of these lines of development in a convenient tabular form, but it must not be considered as in any way exhaustive, as there are no doubt other lines which have not yet been observed, and there are certainly all kinds of variations and possibilities of crossing at different levels from one line to another; so that all we can do is to give a broad outline of the scheme.

SỰ CHỒNG CHÉO

Trong mọi trường hợp chuyển dịch làn sóng sự sống từ giới này sang giới khác, người ta cho phép có sự thay đổi lớn; có rất nhiều sự chồng chéo giữa các giới. Có lẽ điều đó được nhìn thấy rõ ràng nhất trên con đường tiến hóa của chính chúng ta, bởi vì chúng ta thấy rằng sự sống đã đạt đến cấp độ cao nhất trong giới thực vật không bao giờ đi vào phần thấp hơn của giới động vật, mà ngược lại, nó gia nhập vào một giai đoạn khá tiên tiến. Hãy để tôi nhắc lại ví dụ mà tôi đã đưa ra; sự sống đã tiếp nhận linh hồn cho một trong những cây cổ thụ trong rừng của chúng ta không bao giờ có thể giáng xuống để làm sống động một đàn muỗi, hoặc thậm chí một gia đình chuột hoặc chuột nhắt hoặc những con hươu nhỏ như vậy; trong khi những loài sau này sẽ là những dạng khá phù hợp cho phần đó của làn sóng sự sống đã rời khỏi giới thực vật ở cấp độ của hoa cúc hoặc bồ công anh.

Bậc thang tiến hóa phải được leo lên trong mọi trường hợp, nhưng có vẻ như phần cao hơn của một giới phần lớn song song với phần thấp hơn của giới ở trên nó, do đó, có thể chuyển từ giới này sang giới khác ở các cấp độ khác nhau trong các trường hợp khác nhau. Dòng chảy sự sống đi vào giới con người hoàn toàn tránh xa các giai đoạn thấp nhất của giới động vật; nghĩa là, sự sống hiện đang vươn lên thành nhân loại không bao giờ biểu hiện thông qua côn trùng hoặc bò sát; trong quá khứ, nó đôi khi đã đi vào giới động vật ở cấp độ của các loài bò sát khổng lồ thời tiền sử, nhưng bây giờ nó chuyển trực tiếp từ các dạng sống cao nhất của thực vật sang động vật có vú. Tương tự như vậy, khi động vật nuôi trong nhà tiên tiến nhất được cá biệt hóa, nó không cần phải giáng xuống dạng người nguyên thủy hoàn toàn cho lần nhập thể đầu tiên của con người.

Biểu đồ kèm theo cho thấy một số con đường phát triển này ở dạng bảng thuận tiện, nhưng nó không được coi là đầy đủ theo bất kỳ cách nào, vì chắc chắn có những con đường khác vẫn chưa được quan sát, và chắc chắn có tất cả các loại biến thể và khả năng giao nhau ở các cấp độ khác nhau từ dòng này sang dòng khác; do đó, tất cả những gì chúng ta có thể làm là đưa ra một phác thảo

chung của kế hoạch.

As will be seen from the diagram, at a later stage all the lines of evolution converge once more; at least to our dim sight there seems no distinction of glory among those Lofty Ones, though probably if we knew more we could make our table more complete. At any rate we know that, much as humanity lies above the animal kingdom, so beyond and above humanity in its turn lies the great kingdom of the angels, and that to enter among the angels is one of the seven possibilities which the Adept finds opening before him. That same kingdom is also the next stage for the nature-spirit, but we have here another instance of the overlapping previously mentioned, for the Adept joins that kingdom at a high level, omitting altogether three of its stages, while the next step of progress for the highest type of nature-spirit is to become the lowest class of angel, thus beginning at the bottom of that particular ladder instead of stepping on to it half-way up.

Như có thể thấy từ biểu đồ, ở giai đoạn sau, tất cả các con đường tiến hóa lại hội tụ một lần nữa; ít nhất là đối với tầm nhìn mờ ảo của chúng ta, dường như không có sự phân biệt về vinh quang giữa những Đấng Cao cả đó, mặc dù có lẽ nếu chúng ta biết nhiều hơn, chúng ta có thể làm cho bảng của mình đầy đủ hơn. Dù sao đi nữa, chúng ta biết rằng, giống như nhân loại nằm trên giới động vật, thì vượt ra ngoài và trên cả nhân loại, đến lượt nó là vương quốc vĩ đại của các thiên thần, và việc gia nhập vào hàng ngũ các thiên thần là một trong bảy khả năng mà Chân Sư thấy mở ra trước mắt mình. Vương quốc đó cũng là giai đoạn tiếp theo cho tinh linh tự nhiên, nhưng ở đây chúng ta có một ví dụ khác về sự chồng chéo đã đề cập trước đó, bởi vì Chân Sư gia nhập vương quốc đó ở cấp độ cao, bỏ qua hoàn toàn ba giai đoạn của nó, trong khi bước tiến tiếp theo cho loại tinh linh tự nhiên cao nhất là trở thành thiên thần cấp thấp nhất, do đó bắt đầu từ dưới cùng của nấc thang cụ thể đó thay vì bước lên giữa chừng.

It is on joining the angel kingdom that the nature-spirit receives the divine Spark of the Third Outpouring, and thus attains individuality, just as the animal does when he passes into the human kingdom; and a further point of similarity is that just as the animal gains individualisation only through contact with humanity, so the nature-spirit gains it through contact with the angel—through becoming attached to him and working in order to please him, until at last he learns how to do angel's work himself.

Chính khi gia nhập vương quốc thiên thần, tinh linh tự nhiên mới nhận được Tia sáng thiêng liêng của Lần Tuôn Trào thứ Ba, và do đó đạt được cá tính, giống như động vật khi nó chuyển sang giới con người; và một điểm tương đồng nữa là giống như động vật chỉ đạt được cá tính thông qua tiếp xúc với con người, thì tinh linh tự nhiên cũng đạt được nó thông qua tiếp xúc với thiên thần—thông qua việc gắn bó với Ngài và làm việc để làm hài lòng Ngài, cho đến khi cuối cùng nó học được cách tự mình làm công việc của thiên thần.

The more advanced nature-spirit is therefore not exactly an etheric or astral human being, for he is not yet an individual; yet he is much more than an etheric or astral animal, for his intellectual level is far higher than anything which we find in the animal kingdom, and is indeed quite equal along many lines to that of average humanity. On the other hand, some of the earlier varieties possess but a limited amount of intelligence, and seem to be about on an equality with the humming-birds or bees or butterflies which they so closely resemble. As we have seen from our

Do đó, tinh linh tự nhiên tiến bộ hơn không hoàn toàn là một con người dĩ thái hoặc cảm xúc, bởi vì nó vẫn chưa phải là một cá nhân; tuy nhiên, nó còn hơn cả một loài động vật dĩ thái hoặc cảm xúc, bởi vì trình độ trí tuệ của nó cao hơn nhiều so với bất cứ thứ gì chúng ta tìm thấy trong giới động vật, và thực sự hoàn toàn ngang bằng trên nhiều phương diện với trình độ của nhân loại trung bình. Mặt khác, một số loại trước đó chỉ sở hữu một lượng trí thông minh hạn chế, và dường như ngang bằng với chim ruồi hoặc ong hoặc bướm mà chúng rất giống. Như chúng ta đã thấy

diagram, this one name of nature-spirit covers a large segment of the arc of evolution, including stages corresponding to the whole of the vegetable and animal kingdoms, and to humanity up to almost the present level of our own race.

từ biểu đồ của mình, tên gọi tinh linh tự nhiên này bao gồm một đoạn lớn của vòng cung tiến hóa, bao gồm các giai đoạn tương ứng với toàn bộ giới thực vật và động vật, và với nhân loại cho đến gần như cấp độ hiện tại của chủng tộc chúng ta.

Some of the lower types are not pleasing to the aesthetic sense; but that is true also of the lower kinds of reptiles and insects. There are undeveloped tribes whose tastes are coarse, and naturally their appearance corresponds to the stage of their evolution. The shapeless masses with huge red gaping mouths, which live upon the loathsome etheric emanations of blood and decaying flesh, are horrible both to the sight and to the feeling of any pure-minded person; so also are the rapacious red-brown crustacean creatures which hover over houses of ill-fame, and the savage octopus-like monsters which gloat over the orgies of the drunkard and revel in the fumes of alcohol. But even these harpies are not evil in themselves, though repulsive to man; and man would never come into contact with them unless he degraded himself to their level by becoming the slave of his lower passions.

Một số loại thấp kém hơn không làm hài lòng ý thức thẩm mỹ; nhưng điều đó cũng đúng với các loại bò sát và côn trùng cấp thấp. Có những bộ lạc kém phát triển có thị hiếu thô thiển, và đương nhiên vẻ ngoài của họ tương ứng với giai đoạn tiến hóa của họ. Những khối vô định hình với những cái miệng há hốc màu đỏ khổng lồ, sống nhờ những tỏa ra dĩ thái kinh tởm của máu và thịt đang phân hủy, thật kinh khủng đối với cả thị giác và cảm giác của bất kỳ người nào có tâm hồn trong sáng; cũng như những sinh vật giáp xác màu nâu đỏ hung dữ lơ lửng trên những ngôi nhà xấu xa, và những con quái vật giống bạch tuộc man rợ hả hê trước những cuộc chè chén say sưa của người say rượu và say sưa trong khói rượu. Nhưng ngay cả những con quỷ dữ này cũng không xấu xa trong chính bản thân chúng, mặc dù đáng ghét đối với con người; và con người sẽ không bao giờ tiếp xúc với chúng trừ khi tự hạ thấp mình xuống mức độ của chúng bằng cách trở thành nô lệ cho những đam mê thấp hèn của mình.

It is only nature-spirits of these and similar primitive and unpleasant kinds which voluntarily approach the average man. Others of the same sort, but a shade less material, enjoy the sensation of bathing in any specially coarse astral radiations, such as those produced by anger, avarice, cruelty, jealousy and hatred. People yielding themselves to such feelings can depend upon being constantly surrounded by these carrion crows of the astral world, who quiver in their ghastly glee as they jostle one another in eager anticipation of an outburst of passion, and in their blind, blundering way do whatever they can to provoke or intensify it. It is difficult to believe that such horrors as these can belong to the same kingdom as the jocund spirits next to be described.

Chỉ có các tinh linh tự nhiên thuộc những loại nguyên thủy và khó chịu này và những loại tương tự mới tự nguyện tiếp cận người bình thường. Những tinh linh khác cùng loại, nhưng ít vật chất hơn một chút, thích thú với cảm giác tắm mình trong bất kỳ bức xạ cảm xúc thô thiển đặc biệt nào, chẳng hạn như những bức xạ được tạo ra bởi sự tức giận, tham lam, tàn ác, ghen tị và thù hận. Những người đầu hàng những cảm xúc như vậy có thể tin tưởng rằng họ sẽ liên tục bị bao quanh bởi những con quạ ăn xác thối này của cõi cảm dục, chúng run rẩy trong niềm vui sướng khủng khiếp của mình khi chúng xô đẩy nhau để háo hức chờ đợi một sự bùng nổ đam mê, và theo cách mù quáng, vụng về của chúng, hãy làm bất cứ điều gì có thể để kích động hoặc tăng cường nó. Thật khó tin rằng những điều kinh hoàng như thế này có thể thuộc cùng một vương quốc với những linh hồn vui tươi sắp được mô tả.

FAIRIES

The type best known to man is that of the fairies, the spirits who live normally upon the surface of the earth, though, since their bodies are of etheric matter, they can pass into the ground at will. Their forms are many and various, but most frequently human in shape and somewhat diminutive in size, usually with a grotesque exaggeration of some particular feature or limb. Etheric matter being plastic and readily moulded by the power of thought, they are able to assume almost any appearance at will, but they nevertheless have definite forms of their own, which they wear when they have no special object to serve by taking any other, and are therefore not exerting their will to produce a change of shape. They have also colours of their own, marking the difference between their tribes or species, just as the birds have differences of plumage.

There are an immense number of subdivisions or races among them, and individuals of these subdivisions vary in intelligence and disposition precisely as human beings do. Again like human beings, these divers races inhabit different countries, or sometimes different districts of the same country, and the members of one race have a general tendency to keep together, just as men of one nation do among ourselves. They are on the whole distributed much as are the other kingdoms of nature; like the birds, from whom some of them have been evolved, some varieties are peculiar to one country, others are common in one country and rare elsewhere, while others again are to be found almost anywhere. Again like the birds, it is broadly true that the most brilliantly coloured orders are to be found in tropical countries.

NATIONAL TYPES

The predominant types of the different parts of the world are usually clearly distinguishable and in a sense characteristic; or is it perhaps that their influence in the slow course of ages has moulded the men and animals and plants who

TIÊN

Loại được con người biết đến nhiều nhất là tiên, những linh hồn thường sống trên bề mặt trái đất, mặc dù, vì cơ thể của chúng được làm bằng vật chất dĩ thái, nên chúng có thể đi vào lòng đất theo ý muốn. Hình dạng của chúng rất nhiều và đa dạng, nhưng thường có hình dạng con người và kích thước hơi nhỏ, thường với sự phóng đại kỳ quái của một số đặc điểm hoặc chi nhất định. Vì vật chất dĩ thái dễ uốn nắn và dễ dàng được tạo hình bởi sức mạnh của tư tưởng, nên chúng có thể tùy ý mang gần như bất kỳ hình dạng nào, nhưng chúng vẫn có những hình dạng xác định của riêng mình, mà chúng mang khi chúng không có mục đích đặc biệt nào để phục vụ bằng cách mang bất kỳ hình dạng nào khác, và do đó không sử dụng ý chí của chúng để tạo ra sự thay đổi hình dạng. Chúng cũng có màu sắc riêng của mình, đánh dấu sự khác biệt giữa các bộ lạc hoặc loài của chúng, giống như các loài chim có sự khác biệt về bộ lông.

Có vô số phân khu hoặc chủng tộc giữa chúng, và các cá nhân của những phân khu này khác nhau về trí thông minh và tính cách giống như con người. Cũng giống như con người, những chủng tộc đa dạng này sống ở các quốc gia khác nhau, hoặc đôi khi là các khu vực khác nhau của cùng một quốc gia, và các thành viên của một chủng tộc có xu hướng chung là sống cùng nhau, giống như những con người của một quốc gia làm giữa chúng ta. Nhìn chung, chúng được phân bố giống như các giới khác của tự nhiên; giống như các loài chim, mà từ đó một số loài trong số chúng đã tiến hóa, một số giống chỉ có ở một quốc gia, những giống khác phổ biến ở quốc gia này và hiếm gặp ở những nơi khác, trong khi những giống khác lại có thể được tìm thấy ở hầu hết mọi nơi. Cũng giống như các loài chim, nói chung là đúng khi các bộ có màu sắc rực rỡ nhất được tìm thấy ở các nước nhiệt đới.

CÁC KIỂU QUỐC GIA

Các kiểu chiếm ưu thế ở các khu vực khác nhau trên thế giới thường có thể phân biệt rõ ràng và theo một nghĩa nào đó là đặc trưng; hay có lẽ ảnh hưởng của chúng trong dòng chảy chậm chạp của thời đại đã định hình nên con người và động

lived near them, so that it is the nature-spirit who has set the fashion and the other kingdoms which have unconsciously followed it? For example, no contrast could well be more marked than that between the vivacious, rollicking, orange-and-purple or scarlet-and-gold mannikins who dance among the vineyards of Sicily and the almost wistful grey-and-green creatures who move so much more sedately amidst the oaks and the furze-covered heaths in Brittany, or the golden-brown “good people” who haunt the hill-sides of Scotland.

vật và thực vật sống gần chúng, do đó, chính tinh linh tự nhiên đã tạo ra kiểu người và các giới khác đã vô thức noi theo nó? Ví dụ, không có sự tương phản nào có thể rõ rệt hơn sự tương phản giữa những người tí hon hoạt bát, vui vẻ, màu cam tím hoặc đỏ vàng nhảy múa giữa những vườn nho ở Sicily và những sinh vật xám xanh gần như buồn bã di chuyển một cách trầm lắng hơn giữa những cây sồi và những vùng đất thạch nam phủ đầy cây kim tước ở Brittany, hoặc những "người tốt" màu nâu vàng ám ảnh sườn đồi của Scotland.

In England the emerald-green variety is probably the commonest, and I have seen it also in the woods of France and Belgium, in far-away Massachusetts and on the banks of the Niagara River. The vast plains of the Dakotas are inhabited by a black-and-white kind which I have not seen elsewhere, and California rejoices in a lovely white-and-gold species which also appears to be unique.

Ở Anh, giống màu xanh lục bảo có lẽ là phổ biến nhất, và tôi cũng đã nhìn thấy nó trong các khu rừng ở Pháp và Bỉ, ở Massachusetts xa xôi và trên bờ sông Niagara. Những vùng đồng bằng rộng lớn của Dakotas là nơi sinh sống của một loài đen trắng mà tôi chưa từng thấy ở nơi nào khác, và California vui mừng với một loài trắng vàng đáng yêu dường như cũng là duy nhất.

In Australia the most frequent type is a very distinctive creature of a wonderful luminous skyblue colour; but there is a wide diversity between the etheric inhabitants of New South Wales or Victoria and those of tropical Northern Queensland. These latter approximate closely to those of the Dutch Indies. Java seems specially prolific in these graceful creatures, and the kinds most common there are two distinct types, both monochromatic—one indigo blue with faint metallic gleamings, and the other a study in all known shades of yellow—quaint, but wonderfully effective and attractive.

Ở Úc, loại phổ biến nhất là một sinh vật rất đặc biệt có màu xanh da trời dạ quang tuyệt vời; nhưng có sự khác biệt lớn giữa cư dân dĩ thái của New South Wales hoặc Victoria và cư dân dĩ thái của vùng nhiệt đới Bắc Queensland. Những sinh vật sau này gần giống với những người ở Đông Ấn thuộc Hà Lan. Java dường như đặc biệt sinh sôi nảy nở những sinh vật duyên dáng này, và các loại phổ biến nhất ở đó là hai loại riêng biệt, cả hai đều đơn sắc—một loại màu xanh chàm với ánh kim loại mờ nhạt, và loại kia là sự nghiên cứu về tất cả các sắc thái vàng đã biết—kỳ lạ, nhưng hiệu quả và hấp dẫn một cách tuyệt vời.

A striking local variety is gaudily ringed with alternate bars of green and yellow, like a football jersey. This ringed type is possibly a race peculiar to that part of the world, for I saw red and yellow similarly arranged in the Malay Peninsula, and green and white on the other side of the Straits in Sumatra. That huge island also rejoices in the possession of a lovely pale heliotrope tribe which I have seen before only in the hills of Ceylon. Down in New Zealand their specialty is a deep blue shot with silver, while in the South Sea Islands one meets with a silvery-white variety which coruscates with all the colours of the rainbow, like a figure of mother-of-pearl.

Một giống địa phương nổi bật được khoanh tròn một cách lòe loẹt với các thanh màu xanh lá cây và vàng xen kẽ, giống như áo thi đấu bóng đá. Loại hình vòng này có thể là một chủng tộc đặc thù của khu vực đó trên thế giới, bởi vì tôi đã thấy màu đỏ và màu vàng được sắp xếp tương tự ở Bán đảo Mã Lai, và màu xanh lá cây và màu trắng ở phía bên kia Eo biển ở Sumatra. Hòn đảo rộng lớn đó cũng vui mừng vì sở hữu một bộ lạc màu hoa cà nhạt đáng yêu mà tôi chỉ từng thấy trước đây trên những ngọn đồi của Ceylon. Xuống New Zealand, đặc sản của họ là một màu xanh đậm pha chút bạc, trong khi ở Quần đảo Nam Thái Bình Dương, người ta bắt gặp một giống màu

trắng bạc lấp lánh với tất cả các màu sắc của cầu vồng, giống như một hình người bằng xà cừ.

In India we find all sorts, from the delicate rose-and-pale-green, or paleblue-and-primrose of the hill country to the rich medley of gorgeously gleaming colours, almost barbaric in their intensity and profusion, which is characteristic of the plains. In some parts of that marvellous country I have seen the black-and-gold type which is more usually associated with the African desert, and also a species which resembles a statuette made out of a gleaming crimson metal, such as was the orichalcum of the Atlanteans.

Ở Ấn Độ, chúng ta tìm thấy đủ loại, từ màu hồng nhạt và xanh lục nhạt, hoặc màu xanh lam nhạt và màu vàng anh thảo của vùng đồi núi đến sự pha trộn phong phú của màu sắc lấp lánh rực rỡ, gần như man rợ về cường độ và sự phong phú của chúng, đó là đặc điểm của vùng đồng bằng. Ở một số vùng của đất nước kỳ diệu đó, tôi đã nhìn thấy loại đen vàng thường được liên kết với sa mạc châu Phi, và cũng có một loài giống như một bức tượng nhỏ được làm từ kim loại đỏ thẫm lấp lánh, chẳng hạn như orichalcum của người Atlantis.

Somewhat akin to this last is a curious variety which looks as though cast out of bronze and burnished; it appears to make its home in the immediate neighbourhood of volcanic disturbances, since the only places in which it has been seen so far are the slopes of Vesuvius and Etna, the interior of Java, the Sandwich Islands, the Yellowstone Park in North America, and a certain part of the North Island of New Zealand. Several indications seem to point to the conclusion that this is a survival of a primitive type, and represents a sort of intermediate stage between the gnome and the fairy.

Gần giống với loài cuối cùng này là một giống kỳ lạ trông như được đúc từ đồng và đánh bóng; nó dường như làm tổ của mình trong vùng lân cận ngay lập tức của các xáo trộn núi lửa, vì những nơi duy nhất mà nó được nhìn thấy cho đến nay là sườn núi Vesuvius và Etna, bên trong Java, Quần đảo Sandwich, Công viên Yellowstone ở Bắc Mỹ, và một phần nhất định của Đảo Bắc của New Zealand. Một số dấu hiệu dường như chỉ ra kết luận rằng đây là sự tồn tại của một loại nguyên thủy, và đại diện cho một loại giai đoạn trung gian giữa elf đất và nàng tiên.

In some cases, districts close together are found to be inhabited by quite different classes of nature-spirits; for example, as has already been mentioned, the emerald-green elves are common in Belgium, yet a hundred miles away in Holland hardly one of them is to be seen, and their place is taken by a sober-looking dark-purple species.

Trong một số trường hợp, các khu vực gần nhau được phát hiện là nơi sinh sống của các lớp tinh linh tự nhiên hoàn toàn khác nhau; ví dụ, như đã đề cập, các elfe màu xanh lục bảo phổ biến ở Bỉ, nhưng cách đó một trăm dặm ở Hà Lan, hầu như không thể nhìn thấy một con nào trong số chúng, và vị trí của chúng được thay thế bởi một loài màu tím đậm trông có vẻ trầm lắng.

ON A SACRED MOUNTAIN IN IRELAND

TRÊN MỘT NGỌN NÚI THIÊNG Ở IRELAND

A curious fact is that altitude above the sea-level seems to affect their distribution, those who belong to the mountains scarcely ever intermingling with those of the plains. I well remember, when climbing Slieve-namon, one of the traditionally sacred hills of Ireland, noticing the very definite lines of demarcation between the different types. The lower slopes, like the surrounding plains, were alive with the intensely active and mischievous little red-and-black race which swarms all over the south and west of

Một sự thật gây tò mò là độ cao so với mực nước biển dường như ảnh hưởng đến sự phân bố của chúng, những người thuộc về núi non hầu như không bao giờ hòa lẫn với những người ở đồng bằng. Tôi nhớ rõ, khi leo lên Slieve-namon, một trong những ngọn đồi linh thiêng theo truyền thống của Ireland, tôi đã nhận thấy những ranh giới rất rõ ràng giữa các loại khác nhau. Những sườn dốc thấp hơn, giống như những vùng đồng bằng xung quanh, tràn ngập sự sống với chủng

Ireland, being especially attracted to the magnetic centres established nearly two thousand years ago by the magic-working priests of the old Milesian race to ensure and perpetuate their domination over the people by keeping them under the influence of the great illusion. After half-an-hour's climbing, however, not one of these red-and-black gentry was to be seen, but instead the hillside was populous with the gentler blue-and-brown type which long ago owed special allegiance to the Tuatha-de-Danaan.

tộc nhỏ bé màu đỏ đen cực kỳ năng động và tinh nghịch, chủng tộc này tập trung khắp miền nam và tây Ireland, đặc biệt bị thu hút bởi các trung tâm từ tính được thành lập gần hai nghìn năm trước bởi các linh mục làm phép thuật của chủng tộc Milesian cổ đại để đảm bảo và duy trì sự thống trị của họ đối với người dân bằng cách giữ họ dưới ảnh hưởng của ảo tưởng vĩ đại. Tuy nhiên, sau nửa giờ leo núi, không một sinh vật nào thuộc tầng lớp đỏ đen này được nhìn thấy, mà thay vào đó, sườn đồi đông đúc với loại xanh lam nâu hiền lành hơn, loại này từ lâu đã mang ơn trung thành đặc biệt với Tuatha-de-Danaan.

These also had their zone and their well-defined limits, and no nature-spirit of either type ever ventured to trespass upon the space round the summit, sacred to the great green angels who have watched there for more than two thousand years, guarding one of the centres of living force that link the past to the future of that mystic land of Erin. Taller far than the height of man, these giant forms, in colour like the first new leaves of spring, soft, luminous, shimmering, indescribable, look forth over the world with wondrous eyes that shine like stars, full of the peace of those who live in the eternal, waiting with the calm certainty of knowledge until the appointed time shall come. One realises very fully the power and importance of the hidden side of things when one beholds such a spectacle as that.

Những sinh vật này cũng có khu vực của chúng và giới hạn được xác định rõ ràng của chúng, và không một tinh linh tự nhiên nào thuộc hai loại này dám xâm phạm vào không gian xung quanh đỉnh núi, nơi linh thiêng đối với các thiên thần xanh vĩ đại đã canh giữ ở đó hơn hai nghìn năm, bảo vệ một trong những trung tâm của mãnh lực sống kết nối quá khứ với tương lai của vùng đất huyền bí Erin đó. Cao hơn nhiều so với chiều cao của con người, những hình dạng khổng lồ này, có màu sắc giống như những chiếc lá mới đầu tiên của mùa xuân, mềm mại, phát sáng, lung linh, không thể diễn tả được, nhìn ra thế giới bằng đôi mắt kỳ diệu tỏa sáng như những vì sao, tràn ngập sự bình yên của những người sống trong cõi vĩnh hằng, chờ đợi với sự chắc chắn bình tĩnh của kiến thức cho đến khi thời điểm được chỉ định đến. Người ta nhận ra rất rõ sức mạnh và tầm quan trọng của mặt ẩn giấu của sự vật khi người ta nhìn thấy một cảnh tượng như vậy.

But indeed it is scarcely hidden, for the different influences are so strong and so distinct that anyone in the least sensitive cannot but be aware of them, and there is good reason for the local tradition that he who spends a night upon the summit of the mountain shall awaken in the morning either a poet or a madman. A poet, if he has proved capable of response to the exaltation of the whole being produced by the tremendous magnetism which has played upon him while he slept; a madman, if he was not strong enough to bear the strain.

Nhưng thực sự nó hầu như không bị che giấu, bởi vì những ảnh hưởng khác nhau mạnh mẽ và khác biệt đến mức bất kỳ ai có một chút nhạy cảm cũng không thể không nhận thức được chúng, và có lý do chính đáng cho truyền thống địa phương rằng người dành một đêm trên đỉnh núi sẽ thức dậy vào buổi sáng hoặc là một nhà thơ hoặc là một người điên. Một nhà thơ, nếu y đã chứng tỏ có khả năng đáp lại sự thăng hoa của toàn bộ con người được tạo ra bởi từ mãnh lực to lớn đã tác động đến y trong khi y ngủ; một người điên, nếu y không đủ mạnh mẽ để chịu đựng sự căng thẳng.

FAIRY LIFE AND DEATH

The life-periods of the different subdivisions of nature-spirits vary greatly, some being quite short, others much longer than our human lifetime. The universal principle of reincarnation obtains in their existence also, though the conditions naturally make its working slightly different. They have no phenomena corresponding to what we mean by birth and growth; a fairy appears in his world full-sized, as an insect does. He lives his life, short or long, without any appearance of fatigue or need of rest, and without any perceptible signs of age as the years pass.

But at last there comes a time when his energy seems to have exhausted itself, when he becomes somewhat tired of life; and when that happens his body grows more and more diaphanous until he is left as an astral entity, to live for a time in that world among the air-spirits who represent the next stage of development for him. Through that astral life he fades back into his group-soul, in which he may have (if sufficiently advanced) a certain amount of conscious existence before the cyclic law acts upon the group-soul once more by arousing in it the desire for separation. When this happens, its pressure turns the stream of its energy outward once more, and that desire, acting upon the plastic astral and etheric matter, materialises a body of similar type, such as is suitable to be an expression of the development attained in that last life.

Birth and death, therefore, are much simpler for the nature-spirit than for us, and death is for him quite free from all thought of sorrow. Indeed, his whole life seems simpler—a joyous, irresponsible kind of existence, much such as a party of happy children might lead among exceptionally favorable physical surroundings. There is no sex among nature-spirits, there is no disease, and there is no struggle for existence, so that they are exempt from the most fertile causes of human suffering. They have keen affections and are capable of forming close and lasting friendships, from which they derive profound and never-

CUỘC SỐNG VÀ CÁI CHẾT CỦA TIÊN NỮ

Thời gian sống của các phân khu khác nhau của các tinh linh tự nhiên rất khác nhau, một số khá ngắn, những số khác dài hơn nhiều so với tuổi thọ của con người chúng ta. Nguyên tắc phổ quát của luân hồi cũng có trong sự tồn tại của chúng, mặc dù các điều kiện đương nhiên làm cho hoạt động của nó hơi khác một chút. Chúng không có hiện tượng tương ứng với những gì chúng ta gọi là sinh và lớn lên; một nàng tiên xuất hiện trong thế giới của mình với kích thước đầy đủ, như một loài côn trùng. Nó sống cuộc sống của mình, ngắn hay dài, mà không có bất kỳ biểu hiện nào của sự mệt mỏi hoặc nhu cầu nghỉ ngơi, và không có bất kỳ dấu hiệu tuổi tác nào có thể nhận thấy khi năm tháng trôi qua.

Nhưng cuối cùng cũng có lúc năng lượng của nàng dường như đã cạn kiệt, khi nó trở nên hơi mệt mỏi với cuộc sống; và khi điều đó xảy ra, cơ thể nó ngày càng trở nên trong suốt cho đến khi nó chỉ còn lại như một thực thể cảm xúc, để sống một thời gian trong thế giới đó giữa các tinh linh không khí, những người đại diện cho giai đoạn phát triển tiếp theo của nó. Qua đời sống cảm xúc đó, nó mờ dần trở lại linh hồn nhóm của mình, trong đó nó có thể có (nếu đủ tiến bộ) một lượng tồn tại có tâm thức nhất định trước khi luật tuần hoàn tác động lên linh hồn nhóm một lần nữa bằng cách khơi dậy trong nó mong muốn tách biệt. Khi điều này xảy ra, áp lực của nó lại một lần nữa chuyển dòng năng lượng của nó ra bên ngoài, và mong muốn đó, tác động lên vật chất cảm xúc và dĩ thái dễ uốn nắn, vật chất hóa một cơ thể thuộc loại tương tự, phù hợp để thể hiện sự phát triển đạt được trong kiếp sống vừa qua đó.

Do đó, sinh và tử đối với tinh linh tự nhiên đơn giản hơn nhiều so với chúng ta, và cái chết đối với nó hoàn toàn không có bất kỳ suy nghĩ nào về nỗi buồn. Thật vậy, toàn bộ cuộc sống của nó dường như đơn giản hơn—một kiểu tồn tại vui tươi, vô tư, giống như một nhóm trẻ em hạnh phúc có thể sống giữa môi trường vật chất đặc biệt thuận lợi. Không có giới tính giữa các tinh linh tự nhiên, không có bệnh tật, và không có đấu tranh sinh tồn, do đó, chúng được miễn trừ khỏi những nguyên nhân gây đau khổ cho con người màu mỡ nhất. Chúng có tình cảm mãnh liệt và có khả

failing joy. Jealousy and anger are possible to them, but seem quickly to fade before the overwhelming delight in all the operations of nature which is their most prominent characteristic.

năng hình thành tình bạn thân thiết và lâu dài, từ đó chúng có được niềm vui sâu sắc và không bao giờ cạn. Sự ghen tị và tức giận có thể xảy ra với chúng, nhưng dường như nhanh chóng biến mất trước niềm vui sướng tràn ngập trong tất cả các hoạt động của tự nhiên, đó là đặc điểm nổi bật nhất của chúng.

THEIR PLEASURES

NIỀM VUI CỦA CHÚNG

They glory in the light and glow of the sunshine, but they dance with equal pleasure in the moonlight; they share and rejoice in the satisfaction of the thirsty earth and the flowers and the trees when they feel the level lances of the rain, but they play just as happily with the falling flakes of snow; they are content to float idly in the calm of a summer afternoon, yet they revel in the rushing of the wind. Not only do they admire, with an intensity that few of us can understand, the beauty of a flower or a tree, the delicacy of its colour or the grace of its form, but they take ardent interest and deep delight in all the processes of nature, in the flowing of sap, in the opening of buds, in the formation and falling of leaves. Naturally this characteristic is utilised by the Great Ones in charge of evolution, and nature-spirits are employed to assist in the blending of colours and the arrangement of variations. They pay much attention, too, to bird and insect life, to the hatching of the egg and to the opening of the chrysalis, and they watch with jocund eye the play of lambs and fawns, of leverets and squirrels.

Chúng hân hoan trong ánh sáng và sự rực rỡ của ánh sáng mặt trời, nhưng chúng nhảy múa với niềm vui như nhau dưới ánh trăng; chúng chia sẻ và vui mừng trước sự thỏa mãn của đất khô cằn và hoa và cây cối khi chúng cảm nhận được những ngọn giáo của mưa, nhưng chúng cũng vui vẻ chơi đùa với những bông tuyết rơi; chúng bằng lòng trôi nổi một cách nhàn nhã trong sự yên bình của một buổi chiều mùa hè, nhưng chúng lại say sưa trong cơn gió ào ạt. Chúng không chỉ chiêm ngưỡng, với một cường độ mà ít người trong chúng ta có thể hiểu được, vẻ đẹp của một bông hoa hoặc một cái cây, sự tinh tế của màu sắc của nó hoặc vẻ duyên dáng của hình dạng của nó, mà chúng còn dành sự quan tâm tha thiết và niềm vui sâu sắc đến tất cả các quá trình của tự nhiên, trong dòng chảy của nhựa cây, trong việc mở ra những chồi non, trong việc hình thành và rụng lá. Đương nhiên, đặc điểm này được các Đấng Vĩ đại phụ trách sự tiến hóa sử dụng, và các tinh linh tự nhiên được sử dụng để hỗ trợ việc pha trộn màu sắc và sắp xếp các biến thể. Chúng cũng rất chú ý đến đời sống của chim chóc và côn trùng, đến việc nở trứng và đến việc mở kén, và chúng quan sát với ánh mắt vui tươi trò chơi của cừu non và nai con, của thỏ rừng và sóc.

Another inestimable advantage that an etheric evolution possesses over one which touches the denser physical is that the necessity of eating is avoided. The body of the fairy absorbs such nourishment as it needs, without trouble and without stint, from the aether which of necessity always surrounds it; or rather, it is not, strictly speaking, that nourishment is absorbed, but rather that a change of particles is constantly taking place, those which have been drained of their vitality being cast out and others which are full of it being drawn in to replace them.

Một lợi thế vô giá khác mà sự tiến hóa dĩ thái có được so với sự tiến hóa chạm đến vật lý đặc hơn là tránh được sự cần thiết phải ăn uống. Cơ thể của nàng tiên hấp thụ chất dinh dưỡng cần thiết, không gặp khó khăn và không bị hạn chế, từ dĩ thái nhất thiết phải luôn bao quanh nó; hay đúng hơn, nói một cách chính xác, không phải là chất dinh dưỡng được hấp thụ, mà là sự thay đổi các hạt liên tục diễn ra, những hạt đã bị rút cạn sinh lực sẽ bị tống ra ngoài và những hạt khác chứa đầy sinh lực sẽ được hút vào để thay thế chúng.

Though they do not eat, nature-spirits obtain from the fragrance of flowers a pleasure analogous to that which men derive from the taste of food. The aroma is more to them than a mere question of smell or taste, for they bathe themselves in it so that it interpenetrates their bodies and reaches every particle simultaneously.

Mặc dù chúng không ăn, nhưng các tinh linh tự nhiên có được từ hương thơm của hoa một niềm vui tương tự như niềm vui mà con người có được từ hương vị của thức ăn. Hương thơm đối với chúng không chỉ đơn thuần là vấn đề về khứu giác hoặc vị giác, bởi vì chúng tắm mình trong đó để nó thấm vào cơ thể chúng và đến được mọi hạt cùng một lúc.

What takes for them the place of a nervous system is far more delicate than ours, and sensitive to many vibrations which pass all unperceived by our grosser senses, and so they find what corresponds to a scent in many plants and minerals that have no scent for us.

Thứ thay thế cho hệ thống thần kinh của chúng tinh tế hơn nhiều so với hệ thống thần kinh của chúng ta, và nhạy cảm với nhiều rung động mà các giác quan thô thiển hơn của chúng ta hoàn toàn không cảm nhận được, và do đó, chúng tìm thấy thứ tương ứng với mùi hương ở nhiều loài thực vật và khoáng chất không có mùi hương đối với chúng ta.

Their bodies have no more internal structure than a wreath of mist, so that they cannot be torn asunder or injured, and neither heat nor cold has any painful effect upon them. Indeed, there is one type whose members seem to enjoy above all things to bathe themselves in fire; they rush from all sides to any great conflagration and fly upward with the flames again and again in wild delight, just as a boy flies again and again down a toboggan-slide. These are the spirits of the fire, the salamanders of mediaeval literature. Bodily pain can come to the nature-spirit only from an unpleasant or inharmonious emanation or vibration, but his power of rapid locomotion enables him easily to avoid these. So far as can be observed he is entirely free from the curse of fear, which plays so serious a part in the animal life which, along our line of evolution, corresponds to the level of the fairies.

Cơ thể của chúng không có cấu trúc bên trong nào hơn một vòng hoa sương mù, do đó chúng không thể bị xé toạc hoặc bị thương, và cả nóng lẫn lạnh đều không có tác dụng gây đau đớn đối với chúng. Thật vậy, có một loại mà các thành viên của nó dường như thích thú hơn tất cả những thứ khác là tắm mình trong lửa; chúng lao từ mọi phía đến bất kỳ đám cháy lớn nào và bay lên cùng với ngọn lửa hết lần này đến lần khác trong niềm vui hoang dại, giống như một cậu bé bay xuống cầu trượt tuyết hết lần này đến lần khác. Đây là những tinh linh của lửa, những salamander trong các tài liệu thời trung cổ. Nỗi đau thể xác có thể đến với tinh linh tự nhiên chỉ từ một phát xạ hoặc rung động khó chịu hoặc không hài hòa, nhưng khả năng di chuyển nhanh chóng của nó cho phép nó dễ dàng tránh được những điều này. Theo như có thể quan sát được, nó hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi lời nguyền của nỗi sợ hãi, thứ đóng một vai trò quan trọng trong đời sống động vật mà, trên con đường tiến hóa của chúng ta, tương ứng với cấp độ của các nàng tiên.

THE ROMANCES OF FAIRYLAND

NHỮNG CÂU CHUYỆN LÃNG MẠN CỦA XỨ SỞ THẦN TIÊN

The fairy has an enviably fertile imagination, and it is a great part of his daily play with his fellows to construct for them by its means all kinds of impossible surroundings and romantic situations. He is like a child telling stories to his playmates, but with this advantage over the

Nàng tiên có một trí tưởng tượng phong phú đáng ghen tị, và một phần lớn trong trò chơi hàng ngày của nó với đồng loại là xây dựng cho họ bằng phương tiện đó đủ loại môi trường không tưởng và những tình huống lãng mạn. Nó giống như một đứa trẻ kể chuyện cho bạn cùng chơi của

child that, since the playmates can see both etheric and lower astral matter, the forms built by his vivid thought are plainly visible to them as his tale proceeds.

mình, nhưng với lợi thế hơn đứa trẻ là, vì bạn cùng chơi có thể nhìn thấy cả vật chất dĩ thái và vật chất cảm xúc thấp hơn, nên những hình dạng được xây dựng bởi suy nghĩ sống động của nó hiển hiện rõ ràng với họ khi câu chuyện của nó tiếp diễn.

No doubt many of his narrations would to us seem childish and oddly limited in scope, because such intelligence as the elf possesses works in directions so different from our own, but to him they are intensely real and a source of never-ending delight. The fairy who develops unusual talent in fiction wins great affection and honour from the rest, and gathers round him a permanent audience or following. When some human being chances to catch a glimpse of such a group, he usually imports into his account of it preconceptions derived from his own conditions, and takes the leader for a fairy king or queen, according to the form which that leader may for the moment happen to prefer. In reality the realm of nature-spirits needs no kind of government except the general supervision which is exercised over it, probably unconsciously to all but its higher members, by the Devarajas and their subordinates.

Chắc chắn nhiều câu chuyện của họ đối với chúng ta sẽ có vẻ trẻ con và phạm vi hạn chế một cách kỳ lạ, bởi vì trí thông minh mà các elf sở hữu hoạt động theo những hướng rất khác với chúng ta, nhưng đối với họ, chúng cực kỳ chân thực và là nguồn vui thích vô tận. Các nàng tiên phát triển tài năng khác thường trong tiểu thuyết giành được tình cảm và danh dự lớn từ những người còn lại, và tập hợp xung quanh họ một lượng khán giả hoặc người theo dõi thường trực. Khi một số người tình cờ thoáng thấy một nhóm như vậy, y thường đưa vào lời kể của mình những định kiến xuất phát từ điều kiện của chính mình, và coi người lãnh đạo là vua hoặc nữ hoàng của các nàng tiên, tùy theo hình dạng mà người lãnh đạo đó có thể tình cờ ưa thích vào lúc này. Trên thực tế, cõi giới của các tinh linh tự nhiên không cần bất kỳ loại hình thức cai trị nào ngoại trừ sự giám sát chung được thực hiện đối với nó, có lẽ là vô thức đối với tất cả, ngoại trừ các thành viên cao hơn của nó, bởi các Devarajas và những người cấp dưới của Ngài.

THEIR ATTITUDE TOWARDS MAN

THÁI ĐỘ CỦA CHÚNG ĐỐI VỚI CON NGƯỜI

Most nature-spirits dislike and avoid mankind, and we cannot wonder at it. To them man appears a ravaging demon, destroying and spoiling wherever he goes. He wantonly kills, often with awful tortures, all the beautiful creatures that they love to watch; he cuts down the trees, he tramples the grass, he plucks the flowers and casts them carelessly aside to die; he replaces all the lovely wild life of nature with his hideous bricks and mortar, and the fragrance of the flowers with the mephitic vapours of his chemicals and the all-polluting smoke of his factories. Can we think it strange that the fairies should regard us with horror, and shrink away from us as we shrink from a poisonous reptile?

Hầu hết các tinh linh tự nhiên đều ghét bỏ và tránh xa loài người, và chúng ta không thể ngạc nhiên về điều đó. Đối với chúng, con người xuất hiện như một con quỷ tàn phá, phá hủy và làm hỏng mọi thứ ở bất cứ nơi nào y đến. Y tùy tiện giết chết, thường là bằng những hình thức tra tấn khủng khiếp, tất cả những sinh vật xinh đẹp mà chúng yêu thích ngắm nhìn; y chặt cây, y giẫm lên cỏ, y hái hoa và vứt chúng sang một bên một cách bất cẩn để chết; y thay thế tất cả sự sống hoang dã đáng yêu của tự nhiên bằng gạch và vữa thô kệch của y, và hương thơm của hoa bằng hơi độc của hóa chất của y và khói ô nhiễm của các nhà máy của y. Chúng ta có thể cho rằng thật kỳ lạ khi các nàng tiên coi chúng ta với sự kinh hoàng, và co rúm lại trước chúng ta như chúng ta co rúm lại trước một loài bò sát độc không?

Not only do we thus bring devastation to all that they hold most dear, but most of our habits and emanations are distasteful to them; we poison the sweet air for them (some of us) with loathsome fumes of alcohol and tobacco; our restless, ill-regulated desires and passions set up a constant rush of astral currents which disturbs and annoys them, and gives them the same feeling of disgust which we should have if a bucket of filthy water were emptied over us. For them to be near the average man is to live in a perpetual hurricane—a hurricane that has blown over a cesspool. They are not great angels, with the perfect knowledge that brings perfect patience; they are just happy and on the whole well-disposed children—hardly even that, many of them, but more like exceptionally intelligent kittens; again, I say, can we wonder, when we thus habitually outrage their best and highest feelings, that they should dislike us, distrust us and avoid us?

Chúng ta không chỉ mang đến sự tàn phá cho tất cả những gì chúng yêu quý nhất, mà hầu hết các thói quen và phát xạ của chúng ta đều khó chịu đối với chúng; chúng ta đầu độc không khí ngọt ngào đối với chúng (một số người trong chúng ta) bằng khói thuốc lá và rượu kinh tởm; những ham muốn và đam mê bồn chồn, không được kiểm soát của chúng ta tạo ra một dòng chảy cảm xúc liên tục, làm phiền và quấy rầy chúng, và mang lại cho chúng cảm giác ghê tởm giống như chúng ta sẽ có nếu một xô nước bẩn bị đổ lên người chúng ta. Đối với chúng, ở gần người bình thường là sống trong một cơn bão vĩnh viễn—một cơn bão đã thổi qua một bể phốt. Chúng không phải là những thiên thần vĩ đại, với kiến thức hoàn hảo mang lại sự kiên nhẫn hoàn hảo; chúng chỉ là những đứa trẻ hạnh phúc và nhìn chung có ý tốt —thậm chí nhiều đứa trong số chúng còn chưa được như vậy, mà giống những chú mèo con đặc biệt thông minh hơn; một lần nữa, tôi nói, chúng ta có thể ngạc nhiên không, khi chúng ta thường xuyên xúc phạm đến những cảm xúc tốt đẹp và cao quý nhất của chúng, rằng chúng ghét bỏ chúng ta, không tin tưởng chúng ta và tránh xa chúng ta?

There are instances on record where, by some more than ordinarily unwarranted intrusion or annoyance on the part of man, they have been provoked into direct retaliation and have shown distinct malice. It speaks well for their kingdom as a whole that even under such unendurable provocation such cases are rare, and their more usual method of trying to repel an intruder is by playing tricks upon him, childish and mischievous often, but not seriously harmful. They take an impish delight in misleading or deceiving him, in causing him to lose his way across a moor, in keeping him walking round and round in a circle all night when he believes he is going straight on, or in making him think that he sees palaces and castles where no such structures really exist. Many a story illustrative of this curious characteristic of the fairies may be found among the village gossip of the peasantry in almost any lonely mountainous district.

Có những trường hợp được ghi nhận, khi bị con người xâm nhập hoặc quấy rối một cách vô lý hơn bình thường, chúng đã bị kích động để trả đũa trực tiếp và đã thể hiện sự ác ý rõ ràng. Điều đó nói lên điều tốt đẹp cho toàn bộ vương quốc của chúng rằng ngay cả khi bị khiêu khích đến mức không thể chịu đựng được như vậy, những trường hợp như vậy rất hiếm, và phương pháp phổ biến hơn của chúng để cố gắng đẩy lùi kẻ xâm nhập là chơi khăm y, thường là trẻ con và tinh nghịch, nhưng không thực sự gây hại. Chúng thích thú một cách tinh quái khi đánh lạc hướng hoặc lừa dối y, khiến y lạc đường khi băng qua một bãi đất hoang, khiến y đi vòng tròn suốt đêm khi y tin rằng mình đang đi thẳng, hoặc khiến y nghĩ rằng mình nhìn thấy cung điện và lâu đài ở nơi không có công trình kiến trúc nào như vậy thực sự tồn tại. Nhiều câu chuyện minh họa cho đặc điểm kỳ lạ này của các nàng tiên có thể được tìm thấy trong những câu chuyện phiếm của dân làng ở hầu hết mọi vùng núi non vắng vẻ.

GLAMOUR

They are greatly assisted in their tricks by the wonderful power which they possess of casting a glamour over those who yield themselves to their influence, so that such victims for the time see and hear only what these fairies impress upon them, exactly as the mesmerised subject sees, hears, feels and believes whatever the magnetiser wishes. The nature-spirits, however, have not the mesmerist's power of dominating the human will, except in the case of quite unusually weak-minded people, or of those who allow themselves to fall into such a condition of helpless terror that their will is temporarily in abeyance.

The fairies cannot go beyond deception of the senses, but of that they are undoubted masters, and cases are not wanting in which they cast their glamour over a considerable number of people at once. It is by invoking their aid in the exercise of this peculiar power that some of the most marvellous feats of the Indian jugglers are performed, such as the celebrated basket trick, or that other in which a rope is thrown up towards the sky and remains rigid without support while the juggler climbs up it and disappears. The entire audience is in fact hallucinated, and the people are made to imagine that they see and hear a whole series of events which have not really occurred at all.

The power of glamour is simply that of making a clear, strong mental image, and then projecting that into the mind of another. To most men this would seem wellnigh impossible, because they have never made any such attempt in their lives, and have no notion how to set about it. The mind of the fairy has not the width or the range of the man's, but it is thoroughly well accustomed to this work of making images and impressing them on others, since it is one of the principal occupations of the creature's daily life.

It is not remarkable that with such constant practice he should become expert at the business,

ẢO ẢNH (SỰ MÊ HOẶC)

Chúng được hỗ trợ rất nhiều trong các trò lừa của mình bởi sức mạnh tuyệt vời mà chúng sở hữu để tạo ra ảo ảnh đối với những người đầu hàng ảnh hưởng của chúng, do đó, những nạn nhân đó trong thời gian đó chỉ nhìn thấy và nghe thấy những gì mà những nàng tiên này gây ấn tượng với họ, giống như người bị thôi miên nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận và tin tưởng bất cứ điều gì mà người thôi miên muốn. Tuy nhiên, các tinh linh tự nhiên không có sức mạnh chi phối ý chí của con người như người thôi miên, ngoại trừ trường hợp những người có đầu óc yếu đuối bất thường, hoặc những người cho phép mình rơi vào tình trạng kinh hãi đến mức bất mãnh lực, khiến ý chí của họ tạm thời không hoạt động.

Các nàng tiên không thể vượt ra ngoài sự lừa dối của các giác quan, nhưng chúng là bậc thầy không thể nghi ngờ về điều đó, và không thiếu những trường hợp mà chúng tạo ra ảo ảnh đối với một số lượng lớn người cùng một lúc. Chính bằng cách cầu khẩn sự giúp đỡ của chúng trong việc sử dụng sức mạnh đặc biệt này mà một số kỳ công tuyệt vời nhất của các nhà ảo thuật Ấn Độ được thực hiện, chẳng hạn như trò ảo thuật với chiếc giỏ nổi tiếng, hoặc trò ảo thuật khác mà một sợi dây được ném lên trời và vẫn cứng mà không cần hỗ trợ trong khi nhà ảo thuật trèo lên nó và biến mất. Trên thực tế, toàn bộ khán giả bị ảo giác, và mọi người được tạo ra để tưởng tượng rằng họ nhìn thấy và nghe thấy toàn bộ một loạt sự kiện mà thực ra hoàn toàn không xảy ra.

Sức mạnh của ảo giác đơn giản là tạo ra một hình ảnh trí tuệ rõ ràng, mạnh mẽ, và sau đó phóng chiếu hình ảnh đó vào tâm trí người khác. Đối với hầu hết mọi người, điều này dường như gần như không thể, bởi vì họ chưa bao giờ thực hiện bất kỳ nỗ lực nào như vậy trong đời, và không biết cách bắt đầu thực hiện nó. Tâm trí của các nàng tiên không có chiều rộng hoặc phạm vi như của con người, nhưng nó hoàn toàn quen với công việc tạo ra hình ảnh và gây ấn tượng với người khác, vì đó là một trong những công việc chính trong cuộc sống hàng ngày của sinh vật này.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi với việc thực hành liên tục như vậy, họ sẽ trở nên thành thạo

and it is still further simplified for him when, as in the case of the Indian tricks, exactly the same image has to be produced over and over again hundreds of times, until every detail shapes itself without effort as the result of unconscious habit. In trying to understand exactly how this is done, we must bear in mind that a mental image is a very real thing—a definite construction in mental matter, as has been explained in *Thought-Forms* (p. 37); and we must also remember that the line of communication between the mind and the dense physical brain passes through the astral and etheric counterparts of that brain, and that the line may be tapped and an impression introduced at any of these points.

trong công việc, và điều đó còn được đơn giản hóa hơn nữa đối với họ khi, như trong trường hợp các trò ảo thuật của Ấn Độ, chính xác cùng một hình ảnh phải được tạo ra lặp đi lặp lại hàng trăm lần, cho đến khi mọi chi tiết tự định hình mà không cần nỗ lực như kết quả của thói quen vô thức. Khi cố gắng hiểu chính xác cách thức thực hiện việc này, chúng ta phải ghi nhớ rằng một hình ảnh trí tuệ là một thứ rất thực—một cấu trúc xác định trong chất liệu trí tuệ, như đã được giải thích trong *Hình Tư Tưởng* (trang 37); và chúng ta cũng phải nhớ rằng đường giao tiếp giữa tâm trí và bộ não vật lý đậm đặc đi qua các đối phần cảm dục và dĩ thái của bộ não đó, và đường đó có thể được khai thác và một ấn tượng được đưa vào tại bất kỳ điểm nào trong số này.

Certain of the nature-spirits not infrequently exercise their talent for mimicry and mischief by appearing at spiritualistic séances held for physical phenomena. Anyone who has been in the habit of attending on such occasions will recollect instances of practical joking and silly though usually good-natured horse-play; these almost always indicate the presence of some of these impish creatures, though they are sometimes due to the arrival of dead men who were senseless enough during earth-life to consider such inanities amusing, and have not learnt wisdom since their death.

Một số tinh linh tự nhiên không thường xuyên sử dụng tài năng bắt chước và tinh nghịch của mình bằng cách xuất hiện tại các buổi gọi hồn được tổ chức cho các hiện tượng vật lý. Bất kỳ ai có thói quen tham dự những dịp như vậy sẽ nhớ lại những trường hợp đùa cợt thực tế và những trò hề ngớ ngẩn mặc dù thường có bản chất tốt; những điều này gần như luôn cho thấy sự hiện diện của một số sinh vật tinh quái này, mặc dù đôi khi chúng là do sự xuất hiện của những người đã chết, những người đủ vô cảm trong cuộc sống trần gian để coi những trò hề ngớ ngẩn đó là thú vị, và đã không học được sự khôn ngoan kể từ khi họ chết.

INSTANCES OF FRIENDSHIP

On the other hand there are instances in which some nature-spirits have made friends with individual human beings and offered them such assistance as lay in their power, as in the well known stories told of Scotch brownies or of the fire-lighting fairies of spiritualistic literature; and it is on record that on rare occasions certain favoured men have been admitted to witness elfin revels and share for a time the elfin life. It is said that wild animals will approach with confidence some Indian yogis, recognising them as friends to all living creatures; similarly elves will gather round one who has entered upon the Path of Holiness, finding his emanations less stormy and more agreeable than those of the man whose mind is still fixed upon worldly matters.

Occasionally fairies have been known to attach themselves to little children, and develop a strong attachment for them, especially for such as are dreamy and imaginative, since they are able to see and delight in the thought-forms with which such a child surrounds himself. There have even been cases in which such creatures took a fancy to some unusually attractive baby, and made an attempt to carry it away into their own haunts—their intention being to save it from what seems to them the horrible fate of growing up into the average human being! Vague traditions of such attempts account for part of the folk-lore stories about changelings, though there is also another reason for them to which we shall refer later.

There have been times—more often in the past than in the present—when a certain class of these entities, roughly corresponding to humanity in size and appearance, made it a practice frequently to materialise, to make for themselves temporary but definite physical bodies, and by that means to enter into undesirable relations with such men and women as chose to put themselves in their way. From this fact, perhaps, come some of the stories of fauns and satyrs in the classical period; though those sometimes also refer to quite a different sub-human evolution.

NHỮNG TRƯỜNG HỢP VỀ TÌNH BẠN

Mặt khác, có những trường hợp mà một số tinh linh tự nhiên đã kết bạn với những người riêng lẻ và hỗ trợ họ trong chừng mực có thể, như trong những câu chuyện nổi tiếng được kể về elf Scotland hoặc về những nàng tiên thắp lửa trong các tài liệu tinh thần; và có ghi chép rằng trong những dịp hiếm hoi, một số người được ưu ái đã được phép chứng kiến những cuộc vui chơi của elf và chia sẻ cuộc sống của elf trong một thời gian. Người ta nói rằng động vật hoang dã sẽ tiếp cận với sự tự tin một số yogi Ấn Độ, coi họ là bạn của tất cả các sinh vật sống; tương tự như vậy, các elf sẽ tập trung xung quanh người đã bước vào Thánh đạo, thấy rằng những phát xạ của y ít bão táp hơn và dễ chịu hơn so với những người có tâm trí vẫn còn tập trung vào những vấn đề trần tục.

Đôi khi, các nàng tiên được biết là gắn bó với trẻ nhỏ, và nảy sinh tình cảm mạnh mẽ đối với chúng, đặc biệt là đối với những đứa trẻ mơ mộng và giàu trí tưởng tượng, vì chúng có thể nhìn thấy và thích thú với những hình tư tưởng mà đứa trẻ đó bao quanh mình. Thậm chí đã có những trường hợp mà những sinh vật như vậy thích một em bé hấp dẫn bất thường nào đó, và cố gắng mang nó đi vào nơi ở của chúng—ý định của chúng là cứu nó khỏi cái mà chúng cho là số phận khủng khiếp khi lớn lên thành người bình thường! Những truyền thống mơ hồ về những nỗ lực như vậy giải thích cho một phần của những câu chuyện dân gian về những đứa trẻ bị đánh tráo, mặc dù cũng có một lý do khác cho chúng mà chúng ta sẽ đề cập sau.

Đã có những lúc—thường xuyên hơn trong quá khứ so với hiện tại—khi một lớp nhất định của những thực thể này, về kích thước và hình dáng gần giống với con người, thường xuyên thực hành việc hiện hình, tạo cho mình những thể xác tạm thời nhưng xác định, và bằng cách đó, để bước vào những mối quan hệ không mong muốn với những con người và phụ nữ như vậy, những người đã chọn đặt mình vào con đường của họ. Có lẽ từ thực tế này mà ra đời một số câu chuyện về thần rừng và thần đồng áng trong thời kỳ cổ điển; mặc dù những điều đó đôi khi cũng đề cập đến một sự tiến hóa hạ nhân hoàn toàn khác.

WATER-SPIRITS

Abundant as are the fairies of the earth's surface almost anywhere away from the haunts of man, they are far outnumbered by the water-spirits—the fairies of the surface of the sea. There is just as much variety here as on land. The nature-spirits of the Pacific differ from those of the Atlantic, and those of the Mediterranean are quite distinct from either; the types that revel in the indescribably glorious blue of tropical oceans are far apart from those that dash through the foam of our cold grey northern seas. Dissimilar again are the spirits of the lake, the river and the waterfall, for they have many more points in common with the land fairies than have the nereids of the open sea.

These, like their brothers of the land, are of all shapes, but perhaps most frequently imitate the human. Broadly speaking, they tend to take larger forms than the elves of the woods and the hills; the majority of the latter are diminutive, while the sea-spirit who copies man usually adopts his size as well as his shape. In order to avoid misunderstanding it is necessary constantly to insist upon the protean character of all these forms; any of these creatures, whether of land or sea or air, can make himself temporarily larger or smaller at will, or can assume whatever shape he chooses.

There is theoretically no restriction upon this power, but in practice it has its limits, though they are wide. A fairy who is naturally twelve inches in height can expand himself to the proportions of a man of six feet, but the effort would be a considerable strain, and could not be maintained for more than a few minutes. In order to take a form other than his own he must be able to conceive it clearly, and he can hold the shape only while his mind is fixed upon it; as soon as his thought wanders he will at once begin to resume his natural appearance.

Though etheric matter can readily be moulded

TINH LINH NƯỚC (THUỶ TINH)

Dù các nàng tiên trên bề mặt trái đất có nhiều đến đâu ở hầu hết mọi nơi cách xa nơi ở của con người, thì số lượng của chúng vẫn thua xa các tinh linh nước—những nàng tiên trên bề mặt biển. Ở đây cũng có nhiều loại giống như trên cạn. Các tinh linh tự nhiên của Thái Bình Dương khác với các tinh linh tự nhiên của Đại Tây Dương, và các tinh linh tự nhiên của Địa Trung Hải hoàn toàn khác biệt với cả hai; các loại hình say sưa trong màu xanh lam rực rỡ không thể diễn tả được của các đại dương nhiệt đới cách xa những loại hình lao qua bọt sóng của vùng biển phía bắc xám xịt lạnh giá của chúng ta. Cũng khác biệt là các tinh linh của hồ, sông và thác nước, bởi vì chúng có nhiều điểm chung hơn với các nàng tiên trên cạn so với các nữ thần biển cả.

Những tinh linh này, giống như huynh đệ của chúng trên cạn, có đủ hình dạng, nhưng có lẽ thường bắt chước con người nhất. Nói chung, chúng có xu hướng mang hình dạng lớn hơn so với elf của rừng và đồi; phần lớn những người sau này đều nhỏ bé, trong khi tinh linh biển bắt chước con người thường áp dụng kích thước cũng như hình dạng của y. Để tránh hiểu lầm, cần liên tục nhấn mạnh vào đặc điểm biến đổi của tất cả những hình dạng này; bất kỳ sinh vật nào trong số này, dù là trên cạn hay dưới biển hay trên không, đều có thể tùy ý tự biến mình thành lớn hơn hoặc nhỏ hơn, hoặc có thể mang bất kỳ hình dạng nào mà nó muốn.

Về mặt lý thuyết, không có hạn chế nào đối với sức mạnh này, nhưng trong thực tế, nó có những giới hạn của nó, mặc dù chúng rất rộng. Một nàng tiên cao 12 inch một cách tự nhiên có thể tự mở rộng ra kích thước của một người cao 6 feet, nhưng nỗ lực đó sẽ là một sự căng thẳng đáng kể, và không thể duy trì trong hơn vài phút. Để mang một hình dạng khác với hình dạng của chính mình, nó phải có khả năng hình dung nó một cách rõ ràng, và nó chỉ có thể giữ hình dạng đó trong khi tâm trí của nó tập trung vào nó; ngay khi suy nghĩ của nó lang thang, nó sẽ ngay lập tức bắt đầu khôi phục lại hình dạng tự nhiên của mình.

Mặc dù vật chất dĩ thái có thể dễ dàng được tạo

by the power of thought, it naturally does not obey it as instantaneously as does astral matter; we might say that mental matter changes actually *with* the thought, and astral matter so quickly after it that the ordinary observer can scarcely note any difference; but with etheric matter one's vision can follow the growth or diminution without difficulty. A sylph, whose body is of astral matter, *flashes* from one shape into another; a fairy, who is etheric, swells or decreases quickly but *not* instantaneously.

hình bởi sức mạnh của tư tưởng, nhưng nó đương nhiên không tuân theo nó một cách tức thời như vật chất cảm xúc; chúng ta có thể nói rằng vật chất trí tuệ thay đổi thực sự cùng với suy nghĩ, và vật chất cảm xúc thay đổi nhanh chóng đến mức người quan sát bình thường khó có thể nhận thấy bất kỳ sự khác biệt nào; nhưng với vật chất dĩ thái, tầm nhìn của một người có thể theo dõi sự phát triển hoặc thu nhỏ mà không gặp khó khăn. Tiên nữ không khí, có cơ thể được làm bằng vật chất cảm xúc, lóe lên từ hình dạng này sang hình dạng khác; một nàng tiên, là dĩ thái, phồng lên hoặc giảm đi nhanh chóng nhưng không tức thời.

Few of the land-spirits are gigantic in size, while such stature seems quite common out at sea. The creatures of the land frequently weave from their fancies scraps of human clothing, and show themselves with quaint caps or baldrics or jerkins; but I have never seen any such appearance among the inhabitants of the sea. Nearly all these surface water-spirits seem to possess the power of raising themselves out of their proper element and floating in or flying through the air for a short distance; they delight in playing amidst the dashing foam or riding in upon the breakers. They are less pronounced in their avoidance of man than their brethren on land—perhaps because man has so much less opportunity of interfering with them. They do not descend to any great depth below the surface - never, at any rate, beyond the reach of light; so that there is always a considerable space between their realm and the domain of the far less evolved creatures of the middle deeps.

Ít tinh linh trên cạn có kích thước khổng lồ, trong khi vóc dáng như vậy dường như khá phổ biến ngoài biển khơi. Các sinh vật trên cạn thường dệt từ trí tưởng tượng của chúng những mảnh quần áo của con người, và thể hiện mình với những chiếc mũ hoặc dây đeo hoặc áo khoác kỳ lạ; nhưng tôi chưa bao giờ thấy bất kỳ sự xuất hiện nào như vậy giữa những cư dân của biển cả. Gần như tất cả những tinh linh nước bề mặt này dường như sở hữu sức mạnh nâng mình ra khỏi nguyên tố thích hợp của chúng và trôi nổi hoặc bay trong không khí trong một khoảng cách ngắn; chúng thích thú chơi đùa giữa bọt sóng hoặc cưỡi trên những con sóng. Chúng ít rõ ràng hơn trong việc tránh né con người so với huynh đệ của chúng trên cạn—có lẽ vì con người có ít cơ hội can thiệp vào chúng hơn. Chúng không đi xuống độ sâu lớn nào dưới bề mặt - dù sao đi nữa, không bao giờ vượt quá tầm với của ánh sáng; do đó, luôn có một khoảng cách đáng kể giữa cõi giới của chúng và lãnh địa của những sinh vật kém tiến hóa hơn nhiều ở độ sâu trung bình.

FRESH-WATER FAIRIES

TIÊN NƯỚC NGỌT

Some very beautiful species inhabit inland waters where man has not yet rendered the conditions impossible for them. Naturally enough, the filth and the chemicals with which water is polluted near any large town are disgusting to them; but they have apparently no objection to the water-wheel in a quiet country nook, for they may sometimes be seen disporting themselves in a mill-race. They seem specially to delight in falling water, just as their brothers of

Một số loài rất đẹp sống ở vùng nước nội địa, nơi con người vẫn chưa làm cho điều kiện trở nên không thể đối với chúng. Đương nhiên, bụi bẩn và hóa chất làm ô nhiễm nước gần bất kỳ thị trấn lớn nào đều gây khó chịu cho chúng; nhưng chúng dường như không phản đối guồng nước ở một góc quê yên tĩnh, vì đôi khi người ta có thể thấy chúng đang vui đùa trong một cống dẫn nước. Chúng dường như đặc biệt thích thú với nước chảy, giống như huynh đệ của chúng trên

the sea revel in the breaking of foam; for the pleasure which it gives them they will sometimes even dare a nearer approach than usual to the hated presence of man. At Niagara, for example, there are almost always some still to be seen in the summer, though they generally keep well out towards the centre of the Falls and the Rapids. Like birds of passage, in winter they abandon those northern waters, which are frozen over for many months, and seek a temporary home in more genial climes. A short frost they do not seem to mind; the mere cold has apparently little or no effect upon them, but they dislike the disturbance of their ordinary conditions. Some of those who commonly inhabit rivers transfer themselves to the sea when their streams freeze; to others salt water seems distasteful, and they prefer to migrate considerable distances rather than take refuge in the ocean.

biển say mê với bọt sóng; vì niềm vui mà nó mang lại cho chúng, đôi khi chúng thậm chí còn dám đến gần hơn bình thường so với sự hiện diện đáng ghét của con người. Ví dụ, ở Niagara, gần như luôn luôn có thể nhìn thấy một số vào mùa hè, mặc dù chúng thường tránh xa trung tâm của Thác và Ghềnh. Giống như các loài chim di cư, vào mùa đông, chúng rời bỏ những vùng nước phía bắc đó, những vùng nước bị đóng băng trong nhiều tháng, và tìm kiếm một ngôi nhà tạm thời ở những vùng khí hậu dễ chịu hơn. Chúng dường như không bận tâm đến một đợt sương giá ngắn; cái lạnh dường như có rất ít hoặc không ảnh hưởng gì đến chúng, nhưng chúng không thích sự xáo trộn trong điều kiện bình thường của chúng. Một số trong số những người thường sống ở sông sẽ chuyển sang biển khi dòng sông của họ đóng băng; đối với những người khác, nước mặn dường như khó chịu, và họ thích di cư một khoảng cách đáng kể hơn là lánh nạn trong đại dương.

An interesting variety of the fairies of the water are the cloud-spirits—entities whose life is spent almost entirely among those “waters which be above the firmament”. They should perhaps be classified as intermediate between the spirits of the water and those of the air; their bodies are of etheric matter, as are the former, but they are capable of remaining away from the water for comparatively long periods. Their forms are often huge and loosely knit; they seem near of kin to some of the fresh-water types, yet they are quite willing to dip for a time into the sea when the clouds which are their favourite habitat disappear. They dwell in the luminous silence of cloudland, and their favourite pastime is to mould their clouds into strange, fantastic shapes or to arrange them in the serried ranks which we call a mackerel sky.

Một loại tiên nước thú vị là các tinh linh mây—những thực thể dành gần như toàn bộ cuộc sống của mình giữa những "vùng nước ở trên bầu trời". Có lẽ chúng nên được phân loại là trung gian giữa các tinh linh của nước và các tinh linh của không khí; cơ thể của chúng được làm bằng vật chất dĩ thái, giống như các tinh linh nước, nhưng chúng có khả năng sống xa nước trong thời gian tương đối dài. Hình dạng của chúng thường rất lớn và lỏng lẻo; chúng dường như có họ hàng gần với một số loại nước ngọt, nhưng chúng hoàn toàn sẵn sàng lao xuống biển trong một thời gian khi những đám mây là môi trường sống yêu thích của chúng biến mất. Chúng sống trong sự im lặng phát sáng của xứ sở mây, và trò tiêu khiển yêu thích của chúng là tạo hình cho những đám mây của mình thành những hình dạng kỳ lạ, kỳ quái hoặc sắp xếp chúng thành những hàng dài mà chúng ta gọi là bầu trời mây đốm.

SYLPHS

TIÊN NỮ KHÔNG KHÍ (THIÊN TINH)

We come now to the consideration of the highest type in the kingdom of the nature-spirits—the stage at which the lines of development both of the land and sea creatures converge—the sylphs, or spirits of the air. These entities are definitely raised above all the other varieties of which we

Bây giờ chúng ta đến với việc xem xét loại cao nhất trong vương quốc của các tinh linh tự nhiên—giai đoạn mà các con đường phát triển của cả sinh vật trên cạn và dưới biển đều hội tụ—tiên nữ không khí, hoặc các tinh linh của không khí. Những thực thể này chắc chắn được nâng lên

have been speaking by the fact that they have shaken themselves free from the encumbrance of physical matter, the astral body being now their lowest vehicle. Their intelligence is much higher than that of the etheric species, and quite equal to that of the average man; but they have not yet attained a permanent reincarnating individuality. Just because they are so much more evolved, before breaking away from the group-soul they can understand much more about life than an animal can, and so it often happens that they know that they lack individuality and are intensely eager to gain it. That is the truth that lies at the back of all the widely-spread traditions of the yearning of the nature-spirit to obtain an immortal soul.

trên tất cả các giống khác mà chúng ta đã nói đến bởi thực tế là chúng đã tự giải thoát khỏi gánh nặng của vật chất, thể cảm xúc bây giờ là phương tiện thấp nhất của chúng. Trí thông minh của chúng cao hơn nhiều so với các loài dĩ thái, và hoàn toàn ngang bằng với trí thông minh của người bình thường; nhưng chúng vẫn chưa đạt được cá tính luân hồi vĩnh viễn. Chính vì chúng tiến hóa hơn nhiều, nên trước khi tách khỏi linh hồn nhóm, chúng có thể hiểu nhiều hơn về cuộc sống so với động vật, và do đó, thường xảy ra trường hợp chúng biết rằng mình thiếu cá tính và vô cùng háo hức để có được nó. Đó là sự thật nằm sau tất cả những truyền thống phổ biến rộng rãi về khao khát của tinh linh tự nhiên để có được một linh hồn bất tử.

The normal method for them to attain this is by association with and love for members of the next stage above them—the astral angels. A domestic animal, such as the dog or the cat, advances through the development of his intelligence and his affection which is the result of his close relationship with his master. Not only does his love for that master cause him to make determined efforts to understand him, but the vibrations of the master's mind-body, constantly playing upon his rudimentary mind, gradually awaken it into greater and greater activity; and in the same way his affection for him arouses an ever-deepening feeling in return. The man may or may not definitely set himself to teach the animal something; in any case, even without any direct effort, the intimate connection between them helps the evolvement of the lower. Eventually the development of such an animal rises to the level which will allow him to receive the Third Outpouring, and thus he becomes an individual, and breaks away from his group-soul.

Phương pháp thông thường để chúng đạt được điều này là thông qua sự kết hợp và tình yêu thương đối với các thành viên của giai đoạn tiếp theo ở trên chúng—các thiên thần cảm xúc. Một loài động vật được thuần hóa, chẳng hạn như chó hoặc mèo, tiến bộ thông qua sự phát triển trí thông minh và tình cảm của nó, đó là kết quả của mối quan hệ gần gũi của nó với chủ nhân của nó. Tình yêu của nó dành cho chủ nhân đó không chỉ khiến nó nỗ lực quyết tâm để hiểu y, mà những rung động của thể trí của chủ nhân, liên tục tác động đến tâm trí sơ khai của nó, dần dần đánh thức nó hoạt động ngày càng nhiều; và theo cách tương tự, tình cảm của nó dành cho y khơi dậy một cảm xúc ngày càng sâu sắc để đáp lại. Con người có thể tự mình dạy cho con vật điều gì đó hoặc không; trong mọi trường hợp, ngay cả khi không có nỗ lực trực tiếp, thì mối liên hệ mật thiết giữa họ cũng giúp ích cho sự tiến hóa của loài thấp hơn. Cuối cùng, sự phát triển của một loài động vật như vậy sẽ tăng lên đến mức cho phép nó nhận được Dòng chảy thứ Ba, và do đó, nó trở thành một cá nhân, và tách khỏi linh hồn nhóm của nó.

Now all this is also exactly what happens between the astral angel and the air-spirit, except that by them the scheme is usually carried out in a much more intelligent and effective manner. Not one man in a thousand thinks or knows anything about the real evolution of his dog or cat; still less does the animal comprehend the possibility that lies before him. But the angel

Bây giờ, tất cả những điều này cũng chính xác là những gì xảy ra giữa thiên thần cảm xúc và tinh linh không khí, ngoại trừ việc chúng thường thực hiện kế hoạch một cách thông minh và hiệu quả hơn nhiều. Không một người nào trong số một nghìn người nghĩ hoặc biết bất cứ điều gì về sự tiến hóa thực sự của con chó hoặc con mèo của mình; con vật càng ít hiểu được khả năng nằm

clearly understands the plan of nature, and in many cases the nature-spirit also knows what he needs, and works intelligently towards its attainment. So each of these astral angels usually has several sylphs attached to him, frequently definitely learning from him and being trained by him, but at any rate basking in the play of his intellect and returning his affection. Very many of these angels are employed as agents by the Devarajas in their duty of the distributing of karma; and thus it comes that the air-spirits are often sub-agents in that work, and no doubt acquire much valuable knowledge while executing the tasks assigned to them.

trước mắt nó. Nhưng thiên thần hiểu rõ kế hoạch của tự nhiên, và trong nhiều trường hợp, tinh linh tự nhiên cũng biết mình cần gì, và làm việc một cách thông minh để đạt được nó. Vì vậy, mỗi thiên thần cảm xúc này thường có một số tiên nữ không khí gắn bó với y, thường xuyên học hỏi rõ ràng từ y và được y đào tạo, nhưng dù sao đi nữa, hãy tận hưởng trò chơi trí tuệ của y và đáp lại tình cảm của y. Rất nhiều thiên thần trong số này được các Devaraja sử dụng làm người đại diện trong nhiệm vụ phân phối nghiệp quả của họ; và do đó, các tinh linh không khí thường là những người đại diện phụ trong công việc đó, và chắc chắn sẽ thu được nhiều kiến thức quý giá trong khi thực hiện các nhiệm vụ được giao cho họ.

The Adept knows how to make use of the services of the nature-spirits when he requires them, and there are many pieces of business which he is able to entrust to them. In the issue of *Broad Views* for February, 1907, there appeared an admirable account of the ingenious manner in which a nature-spirit executed a commission given to him in this way.

Chân Sư biết cách sử dụng các phụng sự của các tinh linh tự nhiên khi Ngài cần chúng, và có nhiều công việc mà Ngài có thể giao phó cho chúng. Trong số ra của Broad Views tháng 2 năm 1907, đã có một bài viết đáng ngưỡng mộ về cách thức khéo léo mà một tinh linh tự nhiên thực hiện một nhiệm vụ được giao cho nó theo cách này.

He was instructed to amuse an invalid who was suffering from an attack of influenza, and for five days he kept up an almost continuous entertainment of strange and interesting visions, his efforts being crowned with the most gratifying success, for the sufferer wrote that his ministrations “had the happy effect of turning what under ordinary circumstances would have been days of unutterable weariness and discomfort into a most wonderfully interesting experience”.

Nó được hướng dẫn để mua vui cho một người bệnh đang bị cúm, và trong năm ngày, nó đã duy trì một màn giải trí gần như liên tục về những hình ảnh kỳ lạ và thú vị, những nỗ lực của nó đã đạt được thành công đáng mừng nhất, vì người bệnh đã viết rằng sự phục vụ của nó "có tác dụng làm thay đổi những gì trong hoàn cảnh bình thường sẽ là những ngày mệt mỏi và khó chịu không thể diễn tả thành một trải nghiệm thú vị tuyệt vời".

He showed a bewildering variety of pictures, moving masses of rock, seen not from the outside but from the inside, so that faces of creatures of various sorts appeared in them. He also exhibited mountains, forests and avenues, and sometimes great masses of architecture, portions of Corinthian columns, bits of statuary, and great arched roofs, often also the most wonderful flowers and palms, waving to and fro as if in a gentle breeze. Sometimes he seems to have taken the physical objects in the bedroom and woven them into a kind of magic transformation scene. One might indeed surmise, from the curious nature of the entertainment offered, the

Nó cho thấy vô số hình ảnh, những khối đá chuyển động, được nhìn thấy không phải từ bên ngoài mà từ bên trong, do đó, khuôn mặt của nhiều loại sinh vật xuất hiện trong đó. Nó cũng trưng bày những ngọn núi, khu rừng và đại lộ, và đôi khi là những khối kiến trúc đồ sộ, những phần của các cột Corinth, những mảnh tượng, và những mái vòm lớn, thường là cả những bông hoa và cây cọ tuyệt vời nhất, đung đưa qua lại như thể trong một làn gió nhẹ. Đôi khi, nó dường như đã lấy các vật thể trong phòng ngủ và dệt chúng thành một loại cảnh biến hình kỳ diệu. Thật vậy, người ta có thể phỏng đoán, từ bản chất

particular type to which belonged the nature-spirit who was employed in this charitable work.

kỳ lạ của trò giải trí được cung cấp, loại hình cụ thể mà tinh linh tự nhiên được sử dụng trong công việc từ thiện này thuộc về.

The Oriental magician occasionally endeavours to obtain the assistance of the higher nature-spirits in his performances, but the enterprise is not without its dangers. He must adopt either invocation or evocation—that is, he must either attract their attention as a suppliant and make some kind of bargain with them, or he must try to set in motion influences which will compel their obedience—an attempt which, if it fails, will arouse a determined hostility that is exceedingly likely to result in his premature extinction, or at the least will put him in an extremely ridiculous and unpleasant position.

Nhà ảo thuật phương Đông đôi khi cố gắng nhờ đến sự hỗ trợ của các tinh linh tự nhiên cao hơn trong các buổi biểu diễn của mình, nhưng việc làm này không phải là không có nguy hiểm. Y phải áp dụng hoặc cầu khẩn hoặc triệu hồi—nghĩa là, y phải thu hút sự chú ý của chúng như một người cầu xin và thực hiện một số loại thỏa thuận với chúng, hoặc y phải cố gắng tạo ra những ảnh hưởng sẽ buộc chúng phải vâng lời—một nỗ lực mà nếu thất bại, sẽ khơi dậy sự thù địch quyết liệt rất có thể dẫn đến sự diệt vong sớm của y, hoặc ít nhất sẽ đặt y vào một vị trí cực kỳ lố bịch và khó chịu.

Of these air-spirits, as of the lower fairies, there are many varieties, differing in power, in intelligence and in habits as well as in appearance. They are naturally less restricted to locality than the other kinds which we have described, though like the others they seem to recognise the limits of certain zones of elevation, some kinds always floating near the surface of the earth, while others scarcely ever approach it. As a general rule they share the common dislike to the neighbourhood of man and his restless desires, but there are occasions when they are willing to endure this for the sake of amusement or flattery.

Trong số các tinh linh không khí này, cũng như các nàng tiên cấp thấp hơn, có nhiều giống khác nhau, khác nhau về sức mạnh, trí thông minh và thói quen cũng như về ngoại hình. Chúng đương nhiên ít bị hạn chế về địa điểm hơn so với các loại khác mà chúng ta đã mô tả, mặc dù giống như những loại khác, chúng dường như nhận ra giới hạn của một số khu vực nhất định về độ cao, một số loại luôn trôi nổi gần bề mặt trái đất, trong khi những loại khác hầu như không bao giờ đến gần nó. Theo nguyên tắc chung, chúng có chung sự ác cảm với vùng lân cận của con người và những ham muốn bồn chồn của y, nhưng có những trường hợp chúng sẵn sàng chịu đựng điều này vì mục đích giải trí hoặc tâng bốc.

THEIR AMUSEMENT

TRÒ GIẢI TRÍ CỦA CHÚNG

They extract immense entertainment sometimes out of the sport of ensouling thought-forms of various kinds. An author in writing a novel, for example, naturally makes strong thought-forms of all his characters, and moves them about his miniature stage like marionettes; but sometimes a party of jocund nature-spirits will seize upon his forms, and play out the drama upon a scheme improvised on the spur of the moment, so that the dismayed novelist feels that his puppets have somehow got out of hand and developed a will of their own.

Đôi khi, chúng có được niềm vui to lớn từ trò chơi ban linh hồn cho nhiều loại hình tư tưởng khác nhau. Ví dụ, một tác giả khi viết tiểu thuyết, đương nhiên sẽ tạo ra những hình tư tưởng mạnh mẽ về tất cả các nhân vật của mình, và di chuyển họ trên sân khấu thu nhỏ của mình như những con rối; nhưng đôi khi, một nhóm tinh linh tự nhiên vui tươi sẽ nắm bắt lấy các hình dạng của y, và diễn vở kịch theo một kế hoạch được ứng biến ngay lập tức, do đó, nhà văn kinh hoàng cảm thấy rằng những con rối của mình bằng cách nào đó đã vượt khỏi tầm kiểm soát và tự mình hình thành ý chí.

The love of mischief which is so marked a characteristic of some of the fairies persists to a certain extent among at least the lower types of the air-spirits, so that their impersonations are occasionally of a less innocent order. People whose evil karma has brought them under the domination of Calvinistic theology, but who have not yet the intelligence or the faith to cast aside its blasphemous doctrines, sometimes in their fear make awful thought-forms of the imaginary devil to which their superstition gives such a prominent role in the universe; and I regret to say that certain impish nature-spirits are quite unable to resist the temptation of masquerading in these terrible forms, and think it a great joke to flourish horns, to lash a forked tail, and to breathe out flames as they rush about. To anyone who understands the nature of these pantomime demons no harm is done; but now and then nervous children happen to be impressionable enough to catch a glimpse of such things, and if they have not been wisely taught, great terror is the result.

Niềm yêu thích tinh nghịch là một đặc điểm nổi bật của một số nàng tiên vẫn tồn tại ở một mức độ nhất định giữa ít nhất là các loại tinh linh không khí cấp thấp hơn, do đó, sự giả danh của chúng đôi khi thuộc loại ít ngây thơ hơn. Những người mà nghiệp quả xấu xa đã đưa họ đến dưới sự thống trị của thần học Calvin, nhưng những người vẫn chưa có trí thông minh hoặc đức tin để gạt bỏ những học thuyết báng bổ của nó, đôi khi trong nỗi sợ hãi của họ đã tạo ra những hình tư tưởng khủng khiếp về con quỷ tưởng tượng mà sự mê tín của họ mang lại một vai trò nổi bật như vậy trong vũ trụ; và tôi rất tiếc phải nói rằng một số tinh linh tự nhiên tinh quái hoàn toàn không thể cưỡng lại sự cám dỗ giả dạng dưới những hình dạng khủng khiếp này, và cho rằng đó là một trò đùa tuyệt vời khi vung vẩy sừng, quất đuôi chẻ đôi và thở ra lửa khi chúng chạy xung quanh. Đối với bất kỳ ai hiểu được bản chất của những con quỷ kịch câm này, thì không có gì gây hại; nhưng thỉnh thoảng, trẻ em nhút nhát đủ nhạy cảm để thoáng thấy những thứ như vậy, và nếu chúng không được dạy dỗ một cách khôn ngoan, thì kết quả là nỗi sợ hãi tột độ.

It is only fair to the nature-spirit to remember that, as he himself is incapable of fear, he does not in the least understand the gravity of this result, and probably considers the child's fright as simulated, and as part of the game. We can hardly blame the nature-spirit for the fact that we permit our children to be bound by the chains of a grovelling superstition, and neglect to impress upon them the grand fundamental fact that God is love and that perfect love casteth out all fear. If our air-spirit occasionally thus terrifies the ill-instructed living child, it must on the other hand be set to his credit that he constantly affords the keenest pleasure to thousands of children who are what we call 'dead,' for to play with them and to entertain them in a hundred different ways is one of his happiest occupations.

Sẽ chỉ công bằng cho tinh linh tự nhiên khi nhớ rằng, vì bản thân nó không có khả năng sợ hãi, nên nó hoàn toàn không hiểu được mức độ nghiêm trọng của kết quả này, và có lẽ coi nỗi sợ hãi của đứa trẻ là giả vờ, và là một phần của trò chơi. Chúng ta khó có thể đổ lỗi cho tinh linh tự nhiên về việc chúng ta cho phép con cái mình bị trói buộc bởi xiềng xích của sự mê tín hèn hạ, và không ghi nhớ cho chúng sự thật cơ bản rằng Thượng Đế là tình yêu thương và tình yêu thương hoàn hảo xua tan mọi nỗi sợ hãi. Nếu tinh linh không khí của chúng ta đôi khi làm đứa trẻ sống chưa được dạy dỗ sợ hãi như vậy, thì mặt khác, phải ghi nhận cho nó rằng nó liên tục mang lại niềm vui tột độ cho hàng nghìn đứa trẻ mà chúng ta gọi là 'đã chết', bởi vì chơi với chúng và giải trí cho chúng bằng hàng trăm cách khác nhau là một trong những công việc hạnh phúc nhất của nó.

The air-spirits have discovered the opportunity afforded to them by the spiritualistic séance, and some of them become habitual attendants, usually under some such name as Daisy or Sunflower. They are quite capable of giving a

Các tinh linh không khí đã khám phá ra cơ hội dành cho chúng bởi buổi gọi hồn tinh thần, và một số trong số chúng trở thành người tham dự thường xuyên, thường dưới một cái tên nào đó như Daisy hoặc Hoa Hướng Dương. Chúng hoàn

very interesting séance, for they naturally know a good deal about astral life and its possibilities. They will readily answer questions, truly enough as far as their knowledge goes, and with, at any rate, an appearance of profundity when the subject is somewhat beyond them. They can produce raps, tilts and lights without difficulty, and are quite prepared to deliver whatever messages they may see to be desired—not in the least meaning in this way harm or deceit, but naively rejoicing in their success in playing the part, and in the wealth of awe-stricken devotion and affection lavished upon them as “dear spirits” and “angel helpers”. They learn to share the delight of the sitters, and feel themselves to be doing a good work in thus bringing comfort to the afflicted.

toàn có khả năng mang đến một buổi gọi hồn rất thú vị, bởi vì chúng đương nhiên biết rất nhiều về đời sống cảm xúc và những khả năng của nó. Chúng sẽ dễ dàng trả lời các câu hỏi, đủ đúng sự thật theo như kiến thức của chúng, và ít nhất là với vẻ ngoài uyên bác khi chủ đề có phần vượt quá khả năng của chúng. Chúng có thể tạo ra tiếng gõ, tiếng động và ánh sáng mà không gặp khó khăn, và hoàn toàn sẵn sàng gửi bất kỳ thông điệp nào mà chúng thấy là mong muốn—không hề có ý gây hại hoặc lừa dối theo cách này, mà ngây thơ vui mừng trước thành công của mình trong việc đóng vai, và trong sự giàu có của lòng sùng kính và tình cảm đầy sợ hãi được dành cho chúng như "những linh hồn thân yêu" và "những thiên thần giúp đỡ". Chúng học cách chia sẻ niềm vui của những người tham gia, và cảm thấy mình đang làm một công việc tốt đẹp bằng cách mang lại sự an ủi cho những người đau khổ.

Living astrally as they do, the fourth dimension is a commonplace fact of their existence, and this makes quite simple for them many little tricks which to us appear wonderful, such as the removal of articles from a locked box or the apport of flowers into a closed room. The desires and emotions of the sitters lie open before them, they quickly acquire facility in reading any but abstract thoughts, and the management of a materialisation is quite within their power when adequate material is provided. It will therefore be seen that without any exterior assistance they are competent to provide a varied and satisfactory evening’s entertainment, and there is no doubt that they have often done so. I am not for a moment suggesting that nature-spirits are the only entities which operate at séances; the manifesting ‘spirit’ is often exactly what he claims to be, but it is also true that he is often nothing of the kind, and the average sitter has absolutely no means of distinguishing between the genuine article and the imitation.

Sống trong thể cảm xúc như chúng, chiều kích thứ tư là một sự thật phổ biến trong sự tồn tại của chúng, và điều này làm cho nhiều trò lừa nhỏ mà đối với chúng ta dường như kỳ diệu trở nên khá đơn giản đối với chúng, chẳng hạn như lấy đồ vật ra khỏi hộp bị khóa hoặc mang hoa vào phòng kín. Những ham muốn và cảm xúc của những người tham gia nằm trước mắt chúng, chúng nhanh chóng có được khả năng đọc bất kỳ suy nghĩ nào trừ những suy nghĩ trừu tượng, và việc quản lý sự vật chất hóa hoàn toàn nằm trong khả năng của chúng khi vật chất đầy đủ được cung cấp. Do đó, người ta sẽ thấy rằng nếu không có bất kỳ sự hỗ trợ nào từ bên ngoài, chúng có đủ năng mãnh lực để cung cấp một buổi giải trí buổi tối đa dạng và thỏa mãn, và chắc chắn rằng chúng đã thường làm như vậy. Tôi không hề cho rằng các tinh linh tự nhiên là những thực thể duy nhất hoạt động tại các buổi gọi hồn; 'linh hồn' biểu hiện thường chính xác là những gì y tuyên bố là, nhưng cũng đúng là y thường không phải là như vậy, và người tham gia trung bình hoàn toàn không có cách nào để phân biệt giữa hàng thật và hàng giả.

AN ABNORMAL DEVELOPMENT

MỘT SỰ PHÁT TRIỂN KHÔNG BÌNH THƯỜNG

As has already been said, the normal line of advancement for the nature-spirit is to attain individuality by association with an angel, but

Như đã nói, con đường tiến bộ bình thường cho tinh linh tự nhiên là đạt được cá tính bằng cách kết hợp với một thiên thần, nhưng đã có những

there have been individuals who have departed from that rule. The intensity of affection felt by the sylph for the angel is the principal factor in the great change, and the abnormal cases are those in which that affection has been fixed upon a human being instead. This involves so complete a reversal of the common attitude of these beings towards humanity that its occurrence is naturally rare; but when it happens, and when the love is strong enough to lead to individualisation, it detaches the nature-spirit from his own line of evolution and brings him over into ours, so that the newly developed ego will incarnate not as an angel but as a man.

cá nhân đi chệch khỏi quy tắc đó. Cường độ tình cảm mà tiên nữ không khí dành cho thiên thần là yếu tố chính trong sự thay đổi lớn lao này, và những trường hợp bất thường là những trường hợp mà tình cảm đó được dành cho một con người. Điều này liên quan đến sự đảo ngược hoàn toàn thái độ chung của những sinh vật này đối với nhân loại nên việc xảy ra nó đương nhiên là hiếm; nhưng khi nó xảy ra, và khi tình yêu đủ mạnh để dẫn đến cá biệt hóa, nó sẽ tách tinh linh tự nhiên khỏi con đường tiến hóa của chính nó và đưa nó đến với chúng ta, do đó, chân ngã mới phát triển sẽ không đầu thai thành thiên thần mà là một con người.

Some tradition of this possibility lies at the back of all the stories in which a non-human spirit falls in love with a man, and yearns with a great longing to obtain an immortal soul in order to be able to spend eternity with him. Upon attaining his incarnation such a spirit usually makes a man of very curious type—affectionate and emotional but wayward, strangely primitive in certain ways, and utterly without any sense of responsibility.

Một số truyền thống về khả năng này nằm sau tất cả những câu chuyện mà một linh hồn không phải con người yêu một người, và khao khát với một khát khao lớn lao để có được một linh hồn bất tử để có thể sống vĩnh cửu với y. Khi đạt được sự nhập thể của mình, một linh hồn như vậy thường tạo ra một người thuộc loại rất kỳ lạ—tình cảm và dễ xúc động nhưng thất thường, nguyên thủy một cách kỳ lạ theo một số cách nhất định, và hoàn toàn không có bất kỳ tâm thức trách nhiệm nào.

It has sometimes happened that a sylph who was thus strongly attracted to a man or a woman, but just fell short of the intensity of affection necessary to ensure individualisation, has made an effort to obtain a forcible entrance into human evolution by taking possession of the body of a dying baby just as its original owner left it. The child would seem to recover, to be snatched back from the very jaws of death, but would be likely to appear much changed in disposition, and probably peevish and irritable in consequence of the unaccustomed constraint of a dense physical body.

Đôi khi, một tiên nữ không khí bị thu hút mạnh mẽ bởi một người hoặc một người phụ nữ, nhưng không đạt đến cường độ tình cảm cần thiết để đảm bảo cá biệt hóa, đã nỗ lực để xâm nhập một cách mạnh mẽ vào sự tiến hóa của con người bằng cách chiếm hữu cơ thể của một em bé sắp chết ngay khi chủ nhân ban đầu của nó rời bỏ nó. Đứa trẻ dường như sẽ hồi phục, được giật lại từ chính hàm răng của tử thần, nhưng có thể sẽ có vẻ thay đổi rất nhiều về tính cách, và có thể cáu kỉnh và dễ nổi cáu do sự ràng buộc không quen thuộc của một thể xác đặc.

If the sylph were able to adapt himself to the body, there would be nothing to prevent him from retaining it through a life of the ordinary length. If during that life he succeeded in developing affection sufficiently ardent to sever his connection with his group-soul he would thereafter reincarnate as a human being in the usual way; if not, he would fall back at its conclusion into his own line of evolution. It will be seen that in these facts we have the truth

Nếu tiên nữ không khí có thể thích nghi với cơ thể, thì sẽ không có gì ngăn cản nó giữ lại cơ thể đó trong suốt cuộc đời có độ dài bình thường. Nếu trong suốt cuộc đời đó, nó thành công trong việc phát triển tình cảm đủ mãnh liệt để cắt đứt mối liên hệ của nó với linh hồn nhóm của nó, thì sau đó nó sẽ luân hồi thành một con người theo cách thông thường; nếu không, nó sẽ quay trở lại con đường tiến hóa của chính nó khi kết thúc. Người ta sẽ thấy rằng trong những sự thật này, chúng ta

which underlies the widely disseminated tradition of changelings, which is found in all the countries of north-western Europe, in China, and also (it is said) among the natives of the Pacific slope of North America.

có sự thật làm nền tảng cho truyền thống phổ biến rộng rãi về những đứa trẻ bị đánh tráo, truyền thống này được tìm thấy ở tất cả các quốc gia Tây Bắc Âu, ở Trung Quốc, và cũng (người ta nói) giữa những người bản địa ở sườn Thái Bình Dương của Bắc Mỹ.

THE ADVANTAGE OF STUDYING THEM

LỢI ÍCH CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHÚNG

The kingdom of the nature-spirits is a most interesting field of study, to which but little attention has been paid. Though they are often mentioned in occult literature, I am not aware that any attempt has yet been made to classify them in scientific fashion. This vast realm of nature still needs its Cuvier or its Linnaeus; but perhaps when we have plenty of trained investigators we may hope that one of them will take upon himself this role, and furnish us as his life's work with a complete and detailed natural history of these delightful creatures.

Vương quốc của các tinh linh tự nhiên là một lĩnh vực nghiên cứu rất thú vị, nhưng ít được chú ý. Mặc dù chúng thường được đề cập trong các tài liệu huyền bí học, nhưng tôi không biết rằng đã có bất kỳ nỗ lực nào để phân loại chúng một cách khoa học. Cõi tự nhiên rộng lớn này vẫn cần Cuvier hoặc Linnaeus của nó; nhưng có lẽ khi chúng ta có nhiều nhà nghiên cứu được đào tạo bài bản, chúng ta có thể hy vọng rằng một trong số họ sẽ đảm nhận vai trò này, và cung cấp cho chúng ta như một công việc của đời mình một lịch sử tự nhiên đầy đủ và chi tiết về những sinh vật thú vị này.

It will be no waste of labour, no unworthy study. It is useful for us to understand these beings, not solely nor even chiefly because of the influence they exert upon us, but because the comprehension of a line of evolution so different from our own broadens our minds and helps us to recognise that the world does not exist for us alone, and that our point of view is neither the only one nor the most important. Foreign travel has the same effect in a minor degree, for it demonstrates to every unprejudiced man that races in every respect as good as his own may yet differ widely from it in a hundred ways. In the study of the nature-spirits we find the same idea carried much further; here is a kingdom radically dissimilar—without sex, free from fear, ignorant of what is meant by the struggle for existence—yet the eventual result of its unfoldment is in every respect equal to that attained by following our own line. To learn this may help us to see a little more of the many-sidedness of the Solar Deity, and so may teach us modesty and charity as well as liberality of thought.

Đó sẽ không phải là lãng phí công sức, không phải là nghiên cứu không xứng đáng. Việc hiểu biết những sinh vật này rất hữu ích cho chúng ta, không chỉ duy nhất hoặc thậm chí chủ yếu là vì ảnh hưởng mà chúng tạo ra đối với chúng ta, mà vì sự hiểu biết về một con đường tiến hóa khác biệt với con đường của chúng ta sẽ mở rộng tâm trí chúng ta và giúp chúng ta nhận ra rằng thế giới không chỉ tồn tại cho riêng chúng ta, và rằng quan điểm của chúng ta không phải là quan điểm duy nhất cũng không phải là quan trọng nhất. Du lịch nước ngoài cũng có tác dụng tương tự ở mức độ thấp hơn, bởi vì nó chứng minh cho mọi con người không có thành kiến thấy rằng các chủng tộc về mọi mặt đều tốt như chủng tộc của chính mình, nhưng vẫn có thể khác biệt rất nhiều với nó theo hàng trăm cách. Trong nghiên cứu về các tinh linh tự nhiên, chúng ta thấy ý tưởng tương tự được thực hiện xa hơn nhiều; đây là một vương quốc hoàn toàn khác biệt—không có giới tính, không sợ hãi, không biết đấu tranh sinh tồn là gì—nhưng kết quả cuối cùng của sự phát triển của nó về mọi mặt đều ngang bằng với kết quả đạt được bằng cách đi theo con đường của chúng ta. Học hỏi điều này có thể giúp chúng ta thấy rõ hơn một chút về tính đa chiều của Thái dương Thượng đế, và do đó có thể dạy chúng ta sự khiêm

tốn và bác ái cũng như sự phóng khoáng trong suy nghĩ.

CHAPTER VII - BY CENTRES OF MAGNETISM—BỞI CÁC TRUNG TÂM TỪ TÍNH

WE all recognise to some extent that unusual surroundings may produce special effects; we speak of certain buildings or landscapes as gloomy and depressing; we understand that there is something saddening and repellent about a prison, something devotional about a church, and so on. Most people never trouble to think why this should be so, or if they do for a moment turn their attention to the matter, they dismiss it as an instance of the association of ideas.

Tất cả chúng ta đều nhận ra ở một mức độ nào đó rằng môi trường xung quanh bất thường có thể tạo ra những hiệu ứng đặc biệt; chúng ta nói về một số tòa nhà hoặc phong cảnh ảm đạm và chán nản; chúng ta hiểu rằng có điều gì đó đáng buồn và đáng ghét về một nhà tù, điều gì đó sùng đạo về một nhà thờ, v.v. Hầu hết mọi người không bao giờ bận tâm suy nghĩ tại sao lại như vậy, hoặc nếu họ dành một chút thời gian để chú ý đến vấn đề này, họ sẽ gạt bỏ nó như một trường hợp của sự liên kết các ý tưởng.

Probably it *is* that, but it is also much more than that, and if we examine into its rationale we shall find that it operates in many cases where we have never suspected its influence, and that a knowledge of it may be of practical use in everyday life. A study of the finer forces of nature will show us not only that every living being is radiating a complex set of definite influences upon those about him, but also that this is true to a lesser degree and in a simpler manner of inanimate objects.

Có lẽ đúng là như vậy, nhưng nó còn hơn thế nữa, và nếu chúng ta xem xét lý do của nó, chúng ta sẽ thấy rằng nó hoạt động trong nhiều trường hợp mà chúng ta chưa bao giờ nghi ngờ ảnh hưởng của nó, và việc hiểu biết về nó có thể có ích lợi thiết thực trong cuộc sống hàng ngày. Nghiên cứu về các mãnh lực tinh tế hơn của tự nhiên sẽ cho chúng ta thấy không chỉ mọi sinh vật sống đều đang tỏa ra một tập hợp phức tạp gồm những ảnh hưởng xác định lên những người xung quanh họ, mà điều này còn đúng ở mức độ thấp hơn và theo cách đơn giản hơn đối với các vật thể vô tri vô giác.

OUR GREAT CATHEDRALS

NHỮNG NHÀ THỜ LỚN CỦA CHÚNG TA

We know that wood and iron and stone have their own respective characteristic radiations, but the point to be emphasised just now is that they are all capable of absorbing human influence, and then pouring it out again. What is the origin of that feeling of devotion, of reverential awe, which so permeates some of our great cathedrals that even the most hardened Cook's tourist cannot entirely escape it? It is due not only to the historical associations, not only to the *remembrance* of the fact that for centuries men have met here for praise and prayer, but far more to that fact itself, and to the conditions which it has produced in the substance of the fabric.

Chúng ta biết rằng gỗ, sắt và đá đều có bức xạ đặc trưng riêng, nhưng điểm cần nhấn mạnh bây giờ là tất cả chúng đều có khả năng hấp thụ ảnh hưởng của con người, và sau đó lại tuôn ra. Nguồn gốc của cảm giác sùng đạo, kính sợ, thứ thấm đẫm một số nhà thờ lớn của chúng ta đến mức ngay cả những khách du lịch cứng rắn nhất của Cook cũng không thể hoàn toàn thoát khỏi nó? Nó không chỉ do các liên tưởng lịch sử, không chỉ do sự tưởng nhớ đến sự thật rằng trong nhiều thế kỷ, con người đã gặp nhau ở đây để ca ngợi và cầu nguyện, mà còn hơn thế nữa là do chính sự thật đó, và do các điều kiện mà nó đã tạo ra trong chất liệu của cấu trúc.

To understand this we must first of all remember the circumstances under which those buildings were erected. A modern brick church, run up by

Để hiểu điều này, trước hết chúng ta phải nhớ lại hoàn cảnh mà những tòa nhà đó được dựng lên. Một nhà thờ gạch hiện đại, được xây dựng theo

contract in the shortest possible time, has indeed but little sanctity about it; but in mediaeval days faith was greater, and the influence of the outer world less prominent. In very truth men prayed as they built our great cathedrals, and laid every stone as though it had been an offering upon an altar. When this was the spirit of the work, every such stone became a veritable talisman charged with the reverence and devotion of the builder, and capable of radiating those same waves of sensation upon others, so as to stir in them similar feelings. The crowds who came afterwards to worship at the shrine not only felt these radiations, but themselves strengthened them in turn by the reaction of their own feelings.

hợp đồng trong thời gian ngắn nhất có thể, thực sự có rất ít sự thiêng liêng về nó; nhưng trong thời trung cổ, đức tin lớn hơn, và ảnh hưởng của thế giới bên ngoài ít nổi bật hơn. Thực sự, con người đã cầu nguyện khi họ xây dựng những nhà thờ lớn của chúng ta, và đặt từng viên đá như thể đó là một lễ vật trên bàn thờ. Khi đây là tinh thần của công việc, mỗi viên đá như vậy sẽ trở thành một lá bùa hộ mệnh thực sự được nạp đầy sự tôn kính và sùng đạo của người xây dựng, và có khả năng tỏa ra những làn sóng cảm giác tương tự lên những người khác, để khuấy động trong họ những cảm xúc tương tự. Đám đông đến sau để thờ phượng tại đền thờ không chỉ cảm nhận được những bức xạ này, mà bản thân họ còn củng cố chúng bằng phản ứng của chính cảm xúc của họ.

Still more is this true of the interior decorations of the church. Every touch of the brush in the colouring of a triptych, every stroke of the chisel in the sculpture of a statue, was a direct offering to God. Thus the completed work of art is surrounded by an atmosphere of reverence and love, and it distinctly sheds these qualities upon the worshippers. All of them, rich and poor alike, feel something of this effect, even though many of them may be too ignorant to receive the added stimulus which its artistic excellence gives to those who are able to appreciate it and to perceive all that it means.

Điều này càng đúng hơn với đồ trang trí nội thất của nhà thờ. Mỗi nét vẽ trong bức tranh tam liên, mỗi nhát đục trong bức tượng, đều là một lễ vật trực tiếp dâng lên Thượng đế. Do đó, tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh được bao quanh bởi một bầu không khí tôn kính và yêu thương, và nó rõ ràng tỏa ra những phẩm chất này lên những người thờ phượng. Tất cả họ, giàu nghèo như nhau, đều cảm nhận được điều gì đó về hiệu ứng này, mặc dù nhiều người trong số họ có thể quá ngu dốt để nhận được sự kích thích bổ sung mà sự xuất sắc về nghệ thuật của nó mang lại cho những người có thể đánh giá cao nó và nhận thức được tất cả ý nghĩa của nó.

The sunlight streaming through the splendid stained glass of those mediaeval windows brings with it a glory that is not all of the physical world, for the clever workmen who built up that marvellous mosaic did so for the love of God and the glory of His saints, and so each fragment of glass is a talisman also. Remembering always how the power conveyed into the statue or picture by the fervour of the original artist has been perpetually reinforced through the ages by the devotion of successive generations of worshippers, we come to understand the inner meaning of the great influence which undoubtedly does radiate from such objects as have been regarded as sacred for centuries.

Ánh sáng mặt trời chiếu qua những tấm kính màu lộng lẫy của những ô cửa sổ thời trung cổ mang theo một vẻ đẹp rực rỡ không hoàn toàn thuộc về thế giới vật chất, bởi vì những người thợ khéo léo đã xây dựng nên bức tranh ghép tuyệt vời đó đã làm như vậy vì tình yêu dành cho Thượng đế và vinh quang của các Vị Thánh của Ngài, và do đó, mỗi mảnh kính cũng là một lá bùa. Luôn ghi nhớ cách sức mạnh được truyền vào bức tượng hoặc bức tranh bởi lòng nhiệt thành của nghệ sĩ ban đầu đã được củng cố liên tục qua nhiều thời đại bởi sự sùng đạo của các thế hệ người thờ phượng kế tiếp, chúng ta hiểu được ý nghĩa bên trong của ảnh hưởng to lớn chắc chắn tỏa ra từ những vật thể như vậy đã được coi là thiêng liêng trong nhiều thế kỷ.

Such a devotional effect as is described in connection with a picture or a statue may be entirely apart from its value as a work of art. The

Hiệu ứng sùng đạo như được mô tả liên quan đến một bức tranh hoặc một bức tượng có thể hoàn toàn tách biệt với giá trị của nó như một tác phẩm

bambino at the Ara Coeli at Rome is a supremely inartistic object, yet it has unquestionably considerable power in evoking devotional feeling among the masses that crowd to see it. If it were really a work of art, that fact would add but little to its influence over most of them, though of course it would in that case produce an additional and totally different effect upon another class of persons to whom now it does not in the least appeal.

nghệ thuật. Bức tranh Bambino ở Ara Coeli ở Rome là một vật thể cực kỳ thiếu nghệ thuật, nhưng chắc chắn nó có sức mạnh đáng kể trong việc gợi lên cảm giác sùng đạo giữa đám đông đổ xô đến xem nó. Nếu nó thực sự là một tác phẩm nghệ thuật, thì thực tế đó sẽ chỉ thêm một chút ảnh hưởng của nó đối với hầu hết họ, mặc dù tất nhiên trong trường hợp đó nó sẽ tạo ra một hiệu ứng bổ sung và hoàn toàn khác đối với một nhóm người khác mà bây giờ nó không hề hấp dẫn.

From these considerations it is evident that these various ecclesiastical properties, such as statues, pictures and other decorations, have a real value in the effect which they produce upon the worshippers, and the fact that they thus have a distinct power, which so many people can feel, probably accounts for the intense hatred felt for them by the savage fanatics who miscalled themselves puritans. They realised that the power which stood behind the Church worked to a great extent through these objects as its channels, and though their loathing for all higher influences was considerably tempered by fear, they yet felt that if they could break up these centres of magnetism, that would to a certain extent cut off the connection. And so in their revolt against all that was good and beautiful they did all the harm that they could—almost as much perhaps as those earlier so-called Christians who, through sheer ignorance, ground up the most lovely Grecian statues to furnish lime to build their wretched hovels.

Từ những xem xét này, rõ ràng là các tài sản giáo hội khác nhau này, chẳng hạn như tượng, tranh ảnh và các đồ trang trí khác, có giá trị thực sự trong hiệu ứng mà chúng tạo ra đối với những người thờ phượng, và thực tế là chúng có một sức mạnh riêng biệt, mà rất nhiều người có thể cảm nhận được, có lẽ giải thích cho lòng căm thù dữ dội mà những kẻ cuồng tín man rợ tự xưng là người thanh giáo dành cho chúng. Họ nhận ra rằng sức mạnh đứng đằng sau Giáo hội hoạt động phần lớn thông qua các vật thể này như các kênh của nó, và mặc dù lòng căm thù của họ đối với tất cả các ảnh hưởng cao hơn đã bị kìm hãm đáng kể bởi nỗi sợ hãi, nhưng họ vẫn cảm thấy rằng nếu họ có thể phá vỡ các trung tâm từ tính này, thì điều đó ở một mức độ nào đó sẽ cắt đứt kết nối. Và do đó, trong cuộc nổi dậy của họ chống lại tất cả những gì tốt đẹp và xinh đẹp, họ đã làm tất cả những điều có hại mà họ có thể — có lẽ cũng nhiều như những người được gọi là Cơ đốc nhân trước đó, những người, do hoàn toàn thiếu hiểu biết, đã nghiền nát những bức tượng Hy Lạp đáng yêu nhất để cung cấp vôi để xây dựng những túp lều tồi tàn của họ.

In all these splendid mediaeval buildings the sentiment of devotion absolutely and literally exudes from the walls, because for centuries devotional thought-forms have been created in them by successive generations. In strong contrast to this is the atmosphere of criticism and disputation which may be felt by any sensitive person in the meeting-houses of some of the sects. In many a conventicle in Scotland and in Holland this feeling stands out with startling prominence, so as to give the impression that the great majority of the so-called worshippers have had no thought of worship or devotion at all, but only of the most sanctimonious self-righteousness, and of burning anxiety to discover some doctrinal flaw

Trong tất cả những tòa nhà thời trung cổ tráng lệ này, tình cảm sùng đạo hoàn toàn và theo nghĩa đen toát ra từ các bức tường, bởi vì trong nhiều thế kỷ, các hình thức tư tưởng sùng đạo đã được tạo ra trong đó bởi các thế hệ kế tiếp nhau. Trái ngược hoàn toàn với điều này là bầu không khí chỉ trích và tranh luận mà bất kỳ người nhạy cảm nào cũng có thể cảm nhận được trong các nhà hội họp của một số giáo phái. Trong nhiều hội thánh ở Scotland và Hà Lan, cảm giác này nổi bật một cách đáng kinh ngạc, đến mức tạo ấn tượng rằng đại đa số những người được gọi là người thờ phượng hoàn toàn không có ý nghĩ về sự thờ phượng hay sùng đạo, mà chỉ có sự tự cho mình là đúng đắn nhất, và lo lắng đến cháy bỏng để khám phá ra một số sai sót về mặt giáo lý trong

in the wearisome sermon of their unfortunate minister.

An absolutely new church does not at first produce any of these effects; for in these days workmen build a church with the same lack of enthusiasm as a factory. As soon as the bishop consecrates it, a decided influence is set up as the effect of that ceremony, but the consideration of that belongs to another chapter of our work. A few years of use will charge the walls very effectively, and a much shorter period than that will produce the result in a church where the sacrament is reserved, or where perpetual adoration is offered. The Roman Catholic or Ritualistic church soon becomes thoroughly affected, but the meeting-houses of some of the dissenting sects which do not make a special point of devotion, often produce for a long time an influence scarcely distinguishable from that which is to be felt in an ordinary lecture hall. A fine type of devotional influence is often to be found in the chapel of a convent or monastery, though again the type differs greatly according to the objects which the monks or the nuns set before themselves.

bài giảng dài dòng và mệt mỏi của vị mục sư bất hạnh của họ.

Một nhà thờ hoàn toàn mới lúc đầu không tạo ra bất kỳ hiệu ứng nào trong số này; bởi vì trong thời đại này, công nhân xây dựng một nhà thờ với sự thiếu nhiệt tình tương tự như một nhà máy. Ngay sau khi giám mục thánh hiến nó, một ảnh hưởng rõ rệt được thiết lập như là kết quả của nghi lễ đó, nhưng việc xem xét điều đó thuộc về một chương khác của tác phẩm của chúng ta. Một vài năm sử dụng sẽ nạp đầy năng lượng cho các bức tường một cách hiệu quả, và một khoảng thời gian ngắn hơn nhiều so với khoảng thời gian đó sẽ tạo ra kết quả trong một nhà thờ nơi bí tích được lưu giữ, hoặc nơi sự tôn thờ vĩnh viễn được dâng lên. Nhà thờ Công Giáo La Mã hoặc Nghi Lễ sớm bị ảnh hưởng hoàn toàn, nhưng các nhà hội họp của một số giáo phái bất đồng chính kiến không đặc biệt chú trọng đến sự sùng đạo, thường tạo ra trong một thời gian dài một ảnh hưởng khó có thể phân biệt được với ảnh hưởng mà người ta cảm nhận được trong một giảng đường thông thường. Một kiểu ảnh hưởng sùng đạo tốt đẹp thường được tìm thấy trong nhà nguyện của một tu viện, mặc dù một lần nữa kiểu này khác nhau rất nhiều tùy theo mục tiêu mà các nhà sư hoặc nữ tu đặt ra cho mình.

TEMPLES

I have been taking Christian fanes as an example, because they are those which are most familiar to me—which will also be most familiar to the majority of my readers; also perhaps because Christianity is the religion which has made a special point of devotion, and has, more than any other, arranged for the simultaneous expression of it in special buildings erected for that purpose. Among Hindus the Vaishnavite has a devotion quite as profound as that of any Christian, though unfortunately it is often tainted by expectation of favours to be given in return. But the Hindu has no idea of anything like combined worship. Though on great festivals enormous crowds attend the temples, each person makes his little prayer or goes through his little ceremony for himself, and so he misses the enormous additional effect which is produced by simultaneous action.

ĐỀN THỜ

Tôi đã lấy các ngôi đền Cơ đốc giáo làm ví dụ, bởi vì chúng là những ngôi đền quen thuộc nhất với tôi — cũng sẽ quen thuộc nhất với đa số độc giả của tôi; cũng có lẽ bởi vì Cơ đốc giáo là tôn giáo đặc biệt chú trọng đến sự sùng đạo, và hơn bất kỳ tôn giáo nào khác, đã sắp xếp để thể hiện đồng thời điều đó trong các tòa nhà đặc biệt được dựng lên cho mục đích đó. Trong số những người theo đạo Hindu, những người theo đạo Vaishnava có lòng sùng đạo sâu sắc không kém bất kỳ Cơ đốc nhân nào, mặc dù thật không may, nó thường bị vấy bẩn bởi sự mong đợi những ân huệ sẽ được đáp lại. Nhưng người theo đạo Hindu không có ý tưởng gì về bất cứ điều gì giống như sự thờ phượng kết hợp. Mặc dù vào các dịp lễ lớn, đám đông khổng lồ đến các đền thờ, mỗi người tự đọc lời cầu nguyện nhỏ hoặc thực hiện nghi lễ nhỏ của mình, và do đó, họ bỏ lỡ hiệu ứng bổ sung to lớn được tạo ra bởi hành động đồng thời.

Regarded solely from the point of view of

Chỉ xét từ quan điểm nạp đầy năng lượng cho các

charging the walls of the temple with devotional influence, this plan differs from the other in a way that we may perhaps understand by taking a physical illustration of a number of sailors pulling at a rope. We know that, when that is being done, a sort of chant is generally used in order to ensure that the men shall apply their strength at exactly the same moment; and in that way a much more effective pull is produced than would be achieved if each man put out exactly the same strength, but applied it just when he felt that he could, and without any relation to the work of the others.

bức tường của ngôi đền bằng ảnh hưởng sùng đạo, kế hoạch này khác với kế hoạch kia theo cách mà chúng ta có thể hiểu bằng cách lấy một minh họa vật lý về một số thủy thủ đang kéo một sợi dây. Chúng ta biết rằng, khi điều đó đang được thực hiện, một loại thánh ca thường được sử dụng để đảm bảo rằng những con người sẽ sử dụng sức mạnh của họ cùng một lúc; và theo cách đó, một sức kéo hiệu quả hơn nhiều được tạo ra so với việc mỗi người sử dụng chính xác cùng một mãnh lực, nhưng lại áp dụng nó ngay khi họ cảm thấy có thể, và không liên quan gì đến công việc của những người khác.

Nevertheless as the years roll by there comes to be a strong feeling in a Vaishnavite temple—as strong perhaps as that of the Christians, though quite different in kind. Different again in quite another way is the impression produced in the great temples dedicated to Shiva. In such a shrine as that at Madura, for example, an exceedingly powerful influence radiates from the holy of holies. It is surrounded by a strong feeling of reverential awe, almost of fear, and this so deeply tinges the devotion of the crowds who come to worship that the very aura of the place is changed by it.

Tuy nhiên, khi năm tháng trôi qua, sẽ có một cảm giác mạnh mẽ trong một ngôi đền Vaishnava — có lẽ mạnh mẽ như cảm giác của những người theo đạo Cơ đốc, mặc dù hoàn toàn khác về loại. Ấn tượng được tạo ra trong các ngôi đền lớn dành riêng cho Shiva lại khác theo một cách hoàn toàn khác. Ví dụ, trong một ngôi đền như ở Madura, một ảnh hưởng cực kỳ mạnh mẽ tỏa ra từ nơi thánh. Nó được bao quanh bởi một cảm giác kính sợ mạnh mẽ, gần như là sợ hãi, và điều này ảnh hưởng sâu sắc đến lòng sùng đạo của đám đông đến thờ phượng đến mức chính hào quang của nơi này đã bị thay đổi bởi nó.

Completely different again is the impression which surrounds a Buddhist temple. Of fear we have there absolutely no trace whatever. We have perhaps less of direct devotion, for to a large extent devotion is replaced by gratitude. The prominent radiation is always one of joyfulness and love—an utter absence of anything dark or stern.

Hoàn toàn khác biệt một lần nữa là ấn tượng bao quanh một ngôi chùa Phật giáo. Chúng ta hoàn toàn không tìm thấy dấu vết nào của sự sợ hãi ở đó cả. Có lẽ chúng ta ít có sự sùng đạo trực tiếp hơn, bởi vì ở một mức độ lớn, sự sùng đạo được thay thế bằng lòng biết ơn. Sự bức xạ nổi bật luôn là một trong những niềm vui và tình yêu thương — hoàn toàn không có bất cứ điều gì đen tối hay khắc nghiệt.

Another complete contrast is represented by the Muhammadan mosque; devotion of a sort is present there also, but it is distinctly a militant devotion, and the particular impression that it gives one is that of a fiery determination. One feels that this population's comprehension of their creed may be limited, but there is no question whatever as to their dogged determination to hold by it.

Một sự tương phản hoàn toàn khác được thể hiện bởi nhà thờ Hồi giáo Muhammadan; sự sùng đạo ở một dạng nào đó cũng hiện diện ở đó, nhưng rõ ràng là một sự sùng đạo hiếu chiến, và ấn tượng đặc biệt mà nó mang lại cho người ta là một quyết tâm mãnh liệt. Người ta cảm thấy rằng sự hiểu biết của dân số này về tín ngưỡng của họ có thể bị hạn chế, nhưng không có nghi ngờ gì về quyết tâm ngoan cường của họ trong việc giữ vững nó.

The Jewish synagogue again is like none of the others, but has a feeling which is quite distinct, and curiously dual—exceptionally materialistic on one side, and on the other full of a strong,

Giáo đường Do Thái một lần nữa không giống bất kỳ giáo đường nào khác, nhưng có một cảm giác khá khác biệt, và kỳ lạ là có hai mặt — một mặt là chủ nghĩa duy vật đặc biệt, mặt khác tràn đầy

pathetic longing for the return of vanished glories.

khát khao mạnh mẽ, thảm thiết cho sự trở lại của vinh quang đã mất.

SITES AND RELICS

ĐỊA ĐIỂM VÀ DI TÍCH

A partial recognition of another facet of the facts which we have been mentioning accounts for the choice of the site of many religious edifices. A church or a temple is frequently erected to commemorate the life and death of some saint, and in the first instance such a fane is built upon a spot which has some special connection with him. It may be the place where he died, the spot where he was born, or where some important event of his life occurred.

Một phần nhận thức về một khía cạnh khác của sự thật mà chúng ta đã đề cập đến giải thích cho việc lựa chọn địa điểm của nhiều công trình kiến trúc tôn giáo. Một nhà thờ hoặc một ngôi đền thường được dựng lên để tưởng nhớ cuộc đời và cái chết của một vị thánh nào đó, và trong trường hợp đầu tiên, một ngôi đền như vậy được xây dựng trên một địa điểm có mối liên hệ đặc biệt với vị thánh đó. Đó có thể là nơi vị thánh đó qua đời, nơi vị thánh đó sinh ra, hoặc nơi xảy ra một sự kiện quan trọng nào đó trong cuộc đời của vị thánh đó.

The Church of the Nativity at Bethlehem and that of the Crucifixion at Jerusalem are instances of this, as is also the great Stupa at Buddhagaya where the Lord Gautama attained His Buddhahood, or the temple of the 'Bishanpad' where it is supposed that Vishnu left His foot-mark. All such shrines are erected not so much from an historical sense which wishes to indicate for the benefit of posterity the exact spot where an important event happened, as with the idea that that spot is especially blessed, especially charged with a magnetism which will remain through the ages, and will radiate upon and benefit those who bring themselves within the radius of its influence. Nor is this universal idea without adequate foundation.

Nhà thờ Giáng sinh ở Bethlehem và nhà thờ Chúa bị đóng đinh trên thập tự giá ở Jerusalem là những ví dụ về điều này, cũng như Đại Tháp ở Bồ Đề Đạo Tràng, nơi Đức Phật Gautama đạt được Phật quả, hoặc ngôi đền 'Bishanpad' nơi người ta cho rằng Vishnu đã để lại dấu chân của mình. Tất cả những ngôi đền như vậy được dựng lên không quá nhiều từ ý nghĩa lịch sử muốn chỉ ra vì lợi ích của hậu thế địa điểm chính xác nơi một sự kiện quan trọng đã xảy ra, mà với ý tưởng rằng địa điểm đó được ban phước đặc biệt, được nạp đầy một từ tính sẽ tồn tại qua nhiều thời đại, và sẽ tỏa ra và mang lại lợi ích cho những người tự đưa mình vào trong bán kính ảnh hưởng của nó. Ý tưởng phổ quát này cũng không phải là không có cơ sở đầy đủ.

The spot at which the Lord BUDDHA gained the step which gives Him that august title is charged with a magnetism which causes it to glow forth like a sun for anyone who has clairvoyant vision. It is calculated to produce the strongest possible magnetic effect on anyone who is naturally sensitive to such influence, or who deliberately makes himself temporarily sensitive to such influence by putting himself in an attitude of heartfelt devotion.

Địa điểm mà Đức Phật đạt được bước tiến mang lại cho Ngài danh hiệu cao quý đó được nạp đầy từ tính khiến nó phát sáng như mặt trời đối với bất kỳ ai có thị lực thông nhãn. Nó được tính toán để tạo ra hiệu ứng từ tính mạnh nhất có thể đối với bất kỳ ai nhạy cảm một cách tự nhiên với ảnh hưởng đó, hoặc cố tình khiến bản thân tạm thời nhạy cảm với ảnh hưởng đó bằng cách đặt mình vào thái độ sùng đạo chân thành.

In a recent article on Buddhagaya in *The Lotus Journal* Alcyone wrote:

Trong một bài báo gần đây về *Bồ Đề Đạo Tràng* trên Tạp chí Hoa Sen, Alcyone đã viết:

> When I sat quietly under the tree for awhile with Mrs. Besant, I was able to see the Lord BUDDHA, as He had looked when He sat there.

> Khi tôi ngồi yên lặng dưới gốc cây một lúc với bà Besant, tôi đã có thể nhìn thấy Đức Phật, giống như Ngài đã trông như thế khi Ngài ngồi

Indeed, the record of His meditation is still so strong that it needs only a little clairvoyance to see Him even now. I had the advantage of having met Him in that life in 588 B.C., and become one of His followers, so that it was easier for me to see Him again in this present life. But I think almost anyone who is a little sensitive would see Him at Buddhagaya by staying quite quiet for a little time because the air is full of His influence, and even now there are always great Devas bathing in the magnetism, and guarding the place.

đó. Thật vậy, ghi chép về sự thiền định của Ngài vẫn còn mạnh mẽ đến mức chỉ cần một chút thông nhãn là có thể nhìn thấy Ngài ngay cả bây giờ. Tôi có lợi thế là đã gặp Ngài trong kiếp sống đó vào năm 588 trước Công nguyên, và trở thành một trong những người theo Ngài, vì vậy tôi dễ dàng gặp lại Ngài trong kiếp sống hiện tại này hơn. Nhưng tôi nghĩ rằng hầu hết bất kỳ ai có một chút nhạy cảm sẽ nhìn thấy Ngài ở Bồ Đề Đạo Tràng bằng cách ở yên lặng trong một thời gian ngắn vì không khí tràn ngập ảnh hưởng của Ngài, và ngay cả bây giờ, luôn có những vị Thiên Thần vĩ đại tắm mình trong từ tính, và canh giữ địa điểm đó.

Other churches, temples or dagobas are sanctified by the possession of relics of some Great One, and here again the connection of ideas is obvious. It is customary for those who are ignorant of these matters to ridicule the idea of paying reverence to the fragment of bone which once belonged to a saint; but though reverence paid to the bone may be out of place, the influence radiating from that bone may nevertheless be quite a real thing, and well worthy of serious attention. That the trade in relics has led, all the world over, to fraud on the one hand and blind credulity on the other, is not a thing to be disputed; but that by no means alters the fact that a genuine relic may be a valuable thing. Whatever has been part of the physical body of a Great One, or even of the garments which have clothed that physical body, is impregnated with his personal magnetism. That means that it is charged with the powerful waves of thought and feeling which used to issue from him, just as an electrical battery may be charged.

Các nhà thờ, đền thờ hoặc bảo tháp khác được thánh hóa bởi sự sở hữu di tích của một Đấng Vĩ đại nào đó, và ở đây một lần nữa mối liên hệ của các ý tưởng là rõ ràng. Những người không biết về những vấn đề này thường chế giễu ý tưởng tôn kính một mảnh xương từng thuộc về một vị thánh; nhưng mặc dù sự tôn kính dành cho mảnh xương có thể không đúng chỗ, nhưng ảnh hưởng tỏa ra từ mảnh xương đó có thể là một điều hoàn toàn có thật, và rất đáng được quan tâm nghiêm túc. Việc buôn bán di tích đã dẫn đến, trên toàn thế giới, sự gian lận ở một bên và sự cả tin mù quáng ở bên kia, không phải là điều cần phải tranh cãi; nhưng điều đó không có nghĩa là thay đổi sự thật rằng một di tích đích thực có thể là một thứ có giá trị. Bất cứ thứ gì đã từng là một phần của thể xác của một Đấng Vĩ đại, hoặc thậm chí là quần áo đã mặc trên thể xác đó, đều được tẩm vào từ tính cá nhân của Ngài. Điều đó có nghĩa là nó được nạp đầy những làn sóng tư tưởng và cảm xúc mạnh mẽ từng phát ra từ Ngài, giống như một cục pin có thể được sạc.

Such force as it possesses is intensified and perpetuated by the thought-waves poured upon it as the years roll by, by the faith and devotion of the crowds who visit the shrine. This when the relic is genuine; but most relics are not genuine. Even then, though they have no initial strength of their own, they acquire much influence as time goes on, so that even a false relic is by no means without effect. Therefore anyone putting himself into a receptive attitude, and coming into the immediate neighbourhood of a relic, will receive into himself its strong vibrations, and soon will be more or less attuned to them. Since

Mãnh lực mà nó sở hữu được tăng cường và duy trì bởi những làn sóng tư tưởng đổ vào nó khi năm tháng trôi qua, bởi niềm tin và lòng sùng đạo của đám đông đến thăm đền thờ. Điều này khi di tích là thật; nhưng hầu hết các di tích không phải là thật. Ngay cả khi đó, mặc dù bản thân chúng không có sức mạnh ban đầu, nhưng chúng có được nhiều ảnh hưởng theo thời gian, do đó ngay cả một di tích giả cũng không phải là không có tác dụng. Do đó, bất kỳ ai đặt mình vào thái độ tiếp thu, và đến gần một di tích, sẽ tiếp nhận vào bản thân những rung động mạnh mẽ của nó, và sẽ sớm hòa hợp với chúng ít nhiều. Vì những rung

those vibrations are unquestionably better and stronger than any which he is likely to generate on his own account, this is a good thing for him. For the time being it lifts him on to a higher level, it opens a higher world to him; and though the effect is only temporary, this cannot but be good for him—an event which will leave him, for the rest of his life, slightly better than if it had not occurred.

động đó chắc chắn tốt hơn và mạnh hơn bất kỳ rung động nào mà họ có thể tự tạo ra, nên đây là một điều tốt cho họ. Trong thời điểm hiện tại, nó nâng họ lên một cấp độ cao hơn, nó mở ra một thế giới cao hơn cho họ; và mặc dù hiệu ứng chỉ là tạm thời, nhưng điều này không thể không tốt cho họ — một sự kiện sẽ khiến họ, trong suốt quãng đời còn lại của mình, tốt hơn một chút so với khi nó không xảy ra.

This is the rationale of pilgrimages, and they are quite often really effective. In addition to whatever may have been the original magnetism contributed by the holy man or relic, as soon as the place of pilgrimage is established and numbers of people begin to visit it, another factor comes into play, of which we have already spoken in the case of churches and temples. The place begins to be charged with the devotional feeling of all these hosts of visitors, and what they leave behind reacts upon their successors. Thus the influence of one of these holy places usually does not decrease as time passes, for if the original force tends slightly to diminish, on the other hand it is constantly fed by new accessions of devotion. Indeed, the only case in which the power ever fades is that of a neglected shrine—as, for example, when a country is conquered by people of another religion, to whom the older shrines are as nothing. Even then the influence, if it has been originally sufficiently strong, persists almost without diminution for many centuries, and for this reason even ruins have often a powerful force connected with them.

Đây là lý do của các cuộc hành hương, và chúng thường thực sự hiệu quả. Ngoài bất cứ điều gì có thể là từ tính ban đầu do người thánh thiện hoặc di tích đóng góp, ngay sau khi địa điểm hành hương được thiết lập và nhiều người bắt đầu đến thăm nó, một yếu tố khác sẽ xuất hiện, mà chúng ta đã nói đến trong trường hợp của các nhà thờ và đền thờ. Địa điểm bắt đầu được nạp đầy cảm giác sùng đạo của tất cả những đám đông du khách này, và những gì họ để lại sẽ tác động đến những người kế nhiệm họ. Do đó, ảnh hưởng của một trong những địa điểm linh thiêng này thường không giảm đi khi thời gian trôi qua, bởi vì nếu mãnh lực ban đầu có xu hướng giảm đi một chút, thì mặt khác nó liên tục được nuôi dưỡng bởi những bổ sung mới của lòng sùng đạo. Thật vậy, trường hợp duy nhất mà sức mạnh phai mờ là trường hợp của một ngôi đền bị bỏ hoang — ví dụ, khi một quốc gia bị chinh phục bởi những người thuộc một tôn giáo khác, những người mà các ngôi đền cũ không là gì cả. Ngay cả khi đó, ảnh hưởng, nếu ban đầu nó đủ mạnh, vẫn tồn tại gần như không suy giảm trong nhiều thế kỷ, và vì lý do này, ngay cả những tàn tích cũng thường có một mãnh lực mạnh mẽ liên quan đến chúng.

The Egyptian religion, for example, has been practised little since the Christian era, yet no sensitive person can stand amidst the ruins of one of its temples without being powerfully affected by the stream of its thought. In this particular instance another force comes into play; the Egyptian architecture was of a definite type, intentionally so erected for the purpose of producing a definite impression upon its worshippers, and perhaps no architecture has ever fulfilled its purpose more effectively.

Ví dụ, tôn giáo Ai Cập đã ít được thực hành kể từ kỷ nguyên Cơ đốc giáo, nhưng không một người nhạy cảm nào có thể đứng giữa những tàn tích của một trong những ngôi đền của nó mà không bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi dòng tư tưởng của nó. Trong trường hợp cụ thể này, một mãnh lực khác xuất hiện; kiến trúc Ai Cập thuộc một kiểu nhất định, được cố ý dựng lên như vậy với mục đích tạo ra một ấn tượng nhất định đối với những người thờ phượng nó, và có lẽ không có kiến trúc nào từng hoàn thành mục đích của nó một cách hiệu quả hơn.

The shattered fragments which remain still produce that effect to no inconsiderable degree, even upon members of an alien race altogether

Những mảnh vỡ còn sót lại vẫn tạo ra hiệu ứng đó ở mức độ không nhỏ, ngay cả đối với những người thuộc chủng tộc xa lạ hoàn toàn không liên quan

out of touch with the type of the old Egyptian civilisation. For the student of comparative religion who happens to be sensitive, there can be no more interesting experience than this—to bathe in the magnetism of the older religions of the world, to feel their influence as their devotees felt it thousands of years ago, to compare the sensations of Thebes or Luxor with those of the Parthenon or of the beautiful Greek temples of Girgenti, or those of Stonehenge with the vast ruins of Yucatan.

đến kiểu văn minh Ai Cập cổ đại. Đối với sinh viên nghiên cứu tôn giáo so sánh, những người tình cờ nhạy cảm, không thể có trải nghiệm nào thú vị hơn điều này — đắm mình trong từ tính của các tôn giáo lâu đời hơn trên thế giới, cảm nhận ảnh hưởng của chúng như những tín đồ của họ đã cảm nhận nó hàng nghìn năm trước, để so sánh cảm giác của Thebes hoặc Luxor với cảm giác của Parthenon hoặc các ngôi đền Hy Lạp tuyệt đẹp của Girgenti, hoặc cảm giác của Stonehenge với những tàn tích rộng lớn của Yucatan.

RUINS

TÀN TÍCH

The religious life of the old world can best be sensed in this way through the agency of its temples; but it is equally possible in the same way to come into touch with the daily life of those vanished nations, by standing among the ruins of their palaces and their homes. This needs perhaps a keener clairvoyant sense than the other. The force which permeates the temple is powerful because it is to a considerable extent one-pointed—because all through the centuries people have come to it with one leading idea of prayer or devotion, and so the impression made has been comparatively powerful. In their homes, on the other hand, they have lived out their lives with all kinds of different ideas and warring interests, so that the impressions often cancel one another.

Cuộc sống tôn giáo của thế giới cũ có thể được cảm nhận rõ nhất theo cách này thông qua các ngôi đền của nó; nhưng cũng có thể theo cách tương tự để tiếp xúc với cuộc sống hàng ngày của những quốc gia đã biến mất đó, bằng cách đứng giữa những tàn tích của cung điện và nhà cửa của họ. Điều này có lẽ cần một giác quan thông nhãn nhạy bén hơn những thứ khác. Mãnh lực thấm vào ngôi đền rất mạnh mẽ bởi vì nó tập trung ở một mức độ đáng kể — bởi vì trong suốt nhiều thế kỷ, người ta đã đến với nó với một ý tưởng chủ đạo là cầu nguyện hoặc sùng đạo, và do đó, ấn tượng tạo ra tương đối mạnh mẽ. Mặt khác, trong nhà của họ, họ đã sống hết cuộc đời của mình với đủ loại ý tưởng khác nhau và những lợi ích xung đột, do đó, những ấn tượng thường triệt tiêu lẫn nhau.

Nevertheless there emerges, as years roll on, a sort of least common multiple of all their feelings, which is characteristic of them as a race, and this can be sensed by one who has the art of entirely suppressing those personal feelings of his own, which are so far nearer and more vivid to him, and listening earnestly to catch the faint echo of the life of those times so long ago. Such study often enables one to take a juster view of history; manners and customs which startle and horrify us, because they are so remote from our own, can in this way be contemplated from the point of view of those to whom they were familiar; and in seeing them thus, one often realises for the first time how entirely we have misconceived those men of the past.

Tuy nhiên, khi năm tháng trôi qua, một loại bội số chung nhỏ nhất của tất cả cảm xúc của họ xuất hiện, đó là đặc điểm của họ như một chủng tộc, và điều này có thể được cảm nhận bởi người có nghệ thuật hoàn toàn kìm nén những cảm xúc cá nhân của chính mình, vốn gần gũi và sống động hơn đối với họ, và lắng nghe một cách nghiêm túc để nắm bắt tiếng vọng mờ nhạt của cuộc sống của những thời đại xa xưa đó. Nghiên cứu như vậy thường cho phép người ta có cái nhìn công bằng hơn về lịch sử; phong tục tập quán khiến chúng ta giật mình và kinh hoàng, bởi vì chúng quá xa vời so với phong tục của chúng ta, theo cách này có thể được xem xét từ quan điểm của những người quen thuộc với chúng; và khi nhìn thấy chúng như vậy, người ta thường lần đầu tiên nhận ra rằng chúng ta đã hiểu sai về những con người trong quá khứ như thế nào.

Some of us may remember how, in our

Một số người trong chúng ta có thể nhớ lại cách

childhood, ignorant though well-meaning relations endeavoured to excite our sympathy by stories of Christian martyrs who were thrown to the lions in the Colosseum at Rome, or reprobated with horror the callous brutality which could assemble thousands to enjoy the combats between gladiators. I am not prepared to defend the tastes and amusements of the ancient Roman citizen, yet I think that any sensitive person who will go to the Colosseum at Rome and (if he can for the moment escape from the tourist) sit down there quietly, and let his consciousness drift backwards in time until he can sense the real feeling of those enormous, wildly-excited audiences, will find that he has done them a gross injustice.

mà, trong thời thơ ấu của chúng ta, những người họ hàng thiếu hiểu biết mặc dù có ý tốt đã cố gắng khơi dậy sự đồng cảm của chúng ta bằng những câu chuyện về các vị tử đạo Cơ đốc giáo bị ném cho sư tử ở Đấu trường La Mã, hoặc phản đối với sự kinh hoàng về sự tàn bạo nhẫn tâm có thể tập hợp hàng nghìn người để thưởng thức các trận chiến giữa các đấu sĩ. Tôi không sẵn sàng bảo vệ thị hiếu và thú vui của công dân La Mã cổ đại, nhưng tôi nghĩ rằng bất kỳ người nhạy cảm nào đến Đấu trường La Mã và (nếu họ có thể tạm thời thoát khỏi khách du lịch) ngồi xuống đó một cách lặng lẽ, và để cho tâm thức của họ trôi ngược thời gian cho đến khi họ có thể cảm nhận được cảm giác thực sự của những khán giả khổng lồ, phấn khích tột độ đó, sẽ thấy rằng họ đã đối xử bất công với họ.

First, he will realise that the throwing of Christians to the lions *because of their religious belief* is a pious falsehood of the unprincipled early Christians. He will find that the government of Rome was in religious matters distinctly more tolerant than most European governments at the present day; that no person was ever executed or persecuted on account of any religious opinion whatever, and that those so-called Christians who were put to death suffered not in the least because of their alleged religion, but because of conspiracy against the State, or of crimes which we should all join in reprobating.

Đầu tiên, họ sẽ nhận ra rằng việc ném những người theo đạo Cơ đốc cho sư tử vì niềm tin tôn giáo của họ là một sự dối trá đạo đức giả của những người theo đạo Cơ đốc ban đầu vô nguyên tắc. Họ sẽ thấy rằng chính phủ La Mã về các vấn đề tôn giáo rõ ràng khoan dung hơn hầu hết các chính phủ châu Âu hiện nay; rằng không một người nào từng bị hành quyết hoặc bức hại vì bất kỳ quan điểm tôn giáo nào, và rằng những người được gọi là Cơ đốc nhân bị xử tử hoàn toàn không phải chịu đựng vì tôn giáo bị cáo buộc của họ, mà vì âm mưu chống lại Nhà nước, hoặc các tội ác mà tất cả chúng ta nên cùng nhau phản đối.

He will find that the government allowed and even encouraged gladiatorial combats, but he will also find that only three classes of people took part in them. First, condemned criminals—men whose lives had been forfeited to the law of the time—were utilised to provide a spectacle for the people, a degrading spectacle certainly, but not in any way more so than many which receive popular approval at the present day. The malefactor was killed in the arena, fighting either against another malefactor or a wild beast; but he preferred to die fighting rather than at the hands of the law, and there was always just a possibility that if he fought well he might thereby contrive to earn the applause of the fickle population; and so save his life.

Họ sẽ thấy rằng chính phủ cho phép và thậm chí khuyến khích các trận chiến đấu sĩ, nhưng họ cũng sẽ thấy rằng chỉ có ba tầng lớp người tham gia vào chúng. Đầu tiên, những tên tội phạm bị kết án — những người mà mạng sống đã bị tước đoạt theo luật pháp thời đó — được sử dụng để cung cấp một cảnh tượng cho người dân, một cảnh tượng hạ cấp chắc chắn, nhưng không có cách nào hạ cấp hơn nhiều cảnh tượng nhận được sự tán thành của công chúng hiện nay. Kẻ ác bị giết trong đấu trường, chiến đấu chống lại một kẻ ác khác hoặc một con thú hoang; nhưng họ thà chết trong chiến đấu hơn là chết dưới tay luật pháp, và luôn có khả năng là nếu họ chiến đấu tốt, họ có thể giành được sự tán thưởng của dân chúng hay thay đổi; và do đó cứu mạng họ.

The second class consisted of such prisoners of war as it was the fashion of the time to put to

Tầng lớp thứ hai bao gồm những tù nhân chiến tranh mà theo phong tục thời đó là bị xử tử;

death; but in this case also these were people whose death was already decided upon, and this particular form of death utilised them for a certain form of popular entertainment, and also gave them a chance of saving their lives, at which they eagerly grasped. The third class were the professional gladiators, men like the prize-fighters of the present day, men who took up this horrible line of life for the sake of the popularity which it brought—accepting it with their eyes fully open to its danger.

nhưng trong trường hợp này cũng vậy, đây là những người mà cái chết đã được quyết định, và hình thức xử tử cụ thể này đã sử dụng họ cho một hình thức giải trí phổ biến nhất định, và cũng cho họ cơ hội cứu mạng mình, mà họ háo hức nắm lấy. Tầng lớp thứ ba là những đấu sĩ chuyên nghiệp, những người như những võ sĩ tranh giải hiện nay, những người đã chọn con đường sống khủng khiếp này vì sự nổi tiếng mà nó mang lại — chấp nhận nó với đôi mắt hoàn toàn mở to trước sự nguy hiểm của nó.

I am not for a moment suggesting that the gladiatorial show was a form of entertainment which could possibly be tolerated by a really enlightened people; but if we are to apply the same standard now, we shall have to admit that no enlightened nations have yet come into existence, for it was no worse than the mediaeval tournaments, than the cock-fighting and bear-baiting of a century ago, or than the bull-fight or prize-fight of the present day. Nor is there anything to choose between the brutality of its supporters and that of the people who go in vast crowds to see how many rats a dog can kill in a minute, or that of the noble sportsmen who (without the excuse of anything in the nature of a fair fight) go out to slaughter hundreds of inoffensive partridges.

Tôi không có ý nói rằng buổi biểu diễn đấu sĩ là một hình thức giải trí có thể được dung thứ bởi một dân tộc thực sự khai sáng; nhưng nếu chúng ta áp dụng cùng một tiêu chuẩn bây giờ, chúng ta sẽ phải thừa nhận rằng chưa có quốc gia khai sáng nào tồn tại, bởi vì nó không tồi tệ hơn các giải đấu thời trung cổ, hơn các trận chọi gà và đấu gấu của một thế kỷ trước, hoặc hơn trận đấu bò hoặc đấu võ đài của ngày nay. Cũng không có gì để lựa chọn giữa sự tàn bạo của những người ủng hộ nó và sự tàn bạo của những người đi xem chó có thể giết được bao nhiêu con chuột trong một phút, hoặc sự tàn bạo của những người thợ săn quý tộc (không có lời bào chữa cho bất cứ điều gì thuộc loại chiến đấu công bằng) ra ngoài để tàn sát hàng trăm con chim sẻ vô tội.

We are beginning to set a somewhat higher value on human life than they did in the days of ancient Rome; but even so I would point out that that change does not mark a difference between the ancient Roman race and its reincarnation in the English people, for our own race was equally callous about wholesale slaughter up to a century ago. The difference is not between us and the Romans, but between us and our very recent ancestors; for the crowds which in the days of our fathers went and jested at a public execution can hardly be said to have advanced much since the time when they crowded the benches of the Colosseum.

Chúng ta đang bắt đầu coi trọng mạng sống con người hơn một chút so với họ trong thời La Mã cổ đại; nhưng ngay cả như vậy, tôi muốn chỉ ra rằng sự thay đổi đó không đánh dấu sự khác biệt giữa chủng tộc La Mã cổ đại và sự tái sinh của nó trong người Anh, bởi vì chủng tộc của chúng ta cũng nhẫn tâm như nhau về việc tàn sát hàng loạt cho đến một thế kỷ trước. Sự khác biệt không phải là giữa chúng ta và người La Mã, mà là giữa chúng ta và tổ tiên rất gần đây của chúng ta; vì đám đông mà trong thời cha ông chúng ta đã đi và chế giễu một vụ hành quyết công khai khó có thể nói là đã tiến bộ nhiều kể từ thời họ chen chúc trên khán đài của Đấu trường La Mã.

It is true that the Roman Emperors attended those exhibitions, as the English Kings used to encourage the tournament, and as the Kings of Spain even now patronise the bull-fight; but in order to understand the varied motives which led them to do this we must make a thorough study of the politics of the time—a matter which

Đúng là các Hoàng đế La Mã đã tham dự những buổi triển lãm đó, cũng như các vị Vua Anh từng khuyến khích các giải đấu, và cũng như các vị Vua Tây Ban Nha thậm chí hiện nay vẫn bảo trợ cho các trận đấu bò; nhưng để hiểu được những động cơ khác nhau đã khiến họ làm điều này, chúng ta phải nghiên cứu kỹ lưỡng về chính trị

is quite outside the scope of this book. Here it must suffice to say that the Roman citizens were a body of men in a very curious political position, and that the authorities considered it necessary to provide them with constant entertainments in order to keep them in a good humour. Therefore they hit upon this method of utilising what they regarded as the necessary and customary execution of criminals and rebels, in order to provide for the proletariat a kind of entertainment which it enjoyed. A very brutal proletariat, you will say. One must certainly admit that they were not highly advanced, but at least they were far better than those much later specimens who took active part in the unspeakable horrors of the French Revolution, for these last felt an active delight in blood and cruelty, which were only unnoticed concomitants of the enjoyment in the case of the Roman.

của thời đại đó — một vấn đề hoàn toàn nằm ngoài phạm vi của cuốn sách này. Ở đây, chỉ cần nói rằng công dân La Mã là một tập hợp những con người ở vị trí chính trị rất kỳ lạ, và chính quyền cho rằng cần phải cung cấp cho họ những trò giải trí liên tục để giữ cho họ có tâm trạng tốt. Do đó, họ đã nghĩ ra phương pháp này để sử dụng những gì họ coi là việc hành quyết tội phạm và phiến quân cần thiết và theo thông lệ, nhằm cung cấp cho giai cấp vô sản một loại hình giải trí mà họ yêu thích. Một giai cấp vô sản rất tàn bạo, bạn sẽ nói. Chắc chắn người ta phải thừa nhận rằng họ không tiến bộ lắm, nhưng ít nhất họ vẫn tốt hơn nhiều so với những mẫu vật xuất hiện muộn hơn nhiều, những người đã tham gia tích cực vào những nỗi kinh hoàng không thể diễn tả được của Cách mạng Pháp, vì những người cuối cùng này cảm thấy thích thú với máu và sự tàn ác, vốn chỉ là những thứ đi kèm không được chú ý đến của sự hưởng thụ trong trường hợp của người La Mã.

Anyone who, standing in the Colosseum, as I have said, will really allow himself to feel the true spirit of those crowds of long ago, will understand that what appealed to them was the excitement of the contest and the skill exhibited in it. Their brutality consisted not in the fact that they enjoyed bloodshed and suffering, but that in the excitement of watching the struggle they were able to ignore it—which after all is very much what we do when we eagerly follow in the columns of our newspapers the news from the seat of war in the present day. Level for level, case for case, we of the fifth sub-race have made a slight advance from the condition of the fourth sub-race of two thousand years ago; but that advance is much slighter than our self-satisfaction has persuaded us.

Bất cứ ai, khi đứng trong Đấu trường La Mã, như tôi đã nói, thực sự cho phép bản thân cảm nhận được tinh thần thực sự của những đám đông từ rất lâu trước đây, sẽ hiểu rằng điều hấp dẫn họ là sự phấn khích của cuộc thi và kỹ năng được thể hiện trong đó. Sự tàn bạo của họ không nằm ở chỗ họ thích thú với đổ máu và đau khổ, mà là trong sự phấn khích khi xem cuộc đấu tranh, họ đã có thể phớt lờ nó — xét cho cùng thì đó cũng là điều chúng ta làm khi chúng ta háo hức theo dõi trên các cột báo những tin tức từ chiến trường trong thời đại ngày nay. Cấp độ này so với cấp độ khác, trường hợp này so với trường hợp khác, chúng ta thuộc phân chủng tộc thứ năm đã có một bước tiến nhỏ so với tình trạng của phân chủng tộc thứ tư của hai nghìn năm trước; nhưng bước tiến đó nhỏ hơn nhiều so với sự tự mãn của chúng ta đã thuyết phục chúng ta.

Every country has its ruins, and in all alike the study of the older life is an interesting study. A good idea of the wonderfully varied activities and interests of the mediaeval monastic life in England may be obtained by visiting that queen of ruins, Fountains Abbey, just as by visiting the stones of Carnac (not in Egypt but in Morbihan) one may watch the midsummer rejoicings round the *tantad* or sacred fire of the ancient Bretons.

Mọi quốc gia đều có những tàn tích của nó, và trong tất cả những tàn tích đó, nghiên cứu về cuộc sống cũ đều là một nghiên cứu thú vị. Có thể có được một ý tưởng hay về các hoạt động và sở thích đa dạng đáng kinh ngạc của đời sống tu viện thời trung cổ ở Anh bằng cách đến thăm nữ hoàng của những tàn tích đó, Tu viện Fountains, giống như bằng cách đến thăm những tảng đá Carnac (không phải ở Ai Cập mà ở Morbihan), người ta có thể xem lễ hội giữa mùa hè quanh ngọn lửa thiêng tantad của người Breton cổ đại.

There is perhaps less necessity to study the ruins of India, since daily life there has remained so unchanged throughout the ages that no clairvoyant faculty is required to picture it as it was thousands of years ago. None of the actual buildings of India go back to any period of appreciable difference, and in most cases the relics of the golden age of India under the great Atlantean monarchies are already deeply buried. If we turn to mediaeval times, the effect of environment and religion on practically the same people is curiously illustrated by the difference in feeling between any ancient city of the north of India and the ruins of Anuradhapura in Ceylon.

Có lẽ ít cần thiết hơn để nghiên cứu các tàn tích của Ấn Độ, vì cuộc sống hàng ngày ở đó vẫn không thay đổi trong suốt nhiều thời đại đến mức không cần khả năng thông nhãn để hình dung nó như cách đây hàng nghìn năm. Không có tòa nhà thực tế nào của Ấn Độ quay ngược lại thời kỳ có sự khác biệt đáng kể nào, và trong hầu hết các trường hợp, di tích của thời kỳ hoàng kim của Ấn Độ dưới thời các quốc vương Atlantean vĩ đại đã bị chôn vùi sâu. Nếu chúng ta quay trở lại thời trung cổ, ảnh hưởng của môi trường và tôn giáo đối với cùng một dân tộc được minh họa một cách kỳ lạ bằng sự khác biệt về cảm giác giữa bất kỳ thành phố cổ nào ở phía bắc Ấn Độ và tàn tích của Anuradhapura ở Ceylon.

MODERN CITIES

CÁC THÀNH PHỐ HIỆN ĐẠI

Just as our ancestors of long ago lived their ordinary lives in what was to them the ordinary commonplace way, and never dreamed that in doing so they were impregnating the stones of their city walls with influences which would enable a psychometer thousands of years afterwards to study the inmost secrets of their existence, so we ourselves are impregnating *our* cities and leaving behind us a record which will shock the sensibilities of the more developed men of the future. In certain ways which will readily suggest themselves, all great towns are much alike; but on the other hand there are differences of local atmosphere, depending to some extent upon the average morality of the city, the type of religious views most largely held in it, and its principal trades and manufactures. For all these reasons each city has a certain amount of individuality—and individuality which will attract some people and repel others, according to their disposition. Even those who are not specially sensitive can hardly fail to note the distinction between the feeling of Paris and that of London, between Edinburgh and Glasgow, or between Philadelphia and Chicago.

Giống như tổ tiên của chúng ta từ lâu đã sống cuộc sống bình thường của họ theo cách thông thường, phổ biến đối với họ, và không bao giờ mơ rằng khi làm như vậy, họ đang tẩm vào những viên đá của các bức tường thành phố của họ những ảnh hưởng sẽ cho phép một nhà tâm lý học hàng nghìn năm sau đó nghiên cứu những bí mật sâu kín nhất về sự tồn tại của họ, thì bản thân chúng ta cũng đang tẩm vào các thành phố của mình và để lại một ghi chép sẽ gây sốc cho sự nhạy cảm của những người phát triển hơn trong tương lai. Theo những cách nhất định sẽ dễ dàng gợi ý cho bản thân, tất cả các thị trấn lớn đều giống nhau; nhưng mặt khác, có những sự khác biệt về bầu không khí địa phương, phụ thuộc ở một mức độ nào đó vào đạo đức trung bình của thành phố, loại quan điểm tôn giáo được phổ biến rộng rãi nhất trong đó, và các ngành nghề và sản xuất chính của nó. Vì tất cả những lý do này, mỗi thành phố đều có một số cá tính nhất định — và cá tính sẽ thu hút một số người và đẩy lùi những người khác, tùy theo tính cách của họ. Ngay cả những người không đặc biệt nhạy cảm cũng khó có thể không nhận thấy sự khác biệt giữa cảm giác của Paris và cảm giác của London, giữa Edinburgh và Glasgow, hoặc giữa Philadelphia và Chicago.

There are some cities whose key-note is not of the present but of the past—whose life in earlier days was so much more forcible than it is now, that the present is dwarfed by its comparison. The cities on the Zuyder Zee in Holland are an

Có một số thành phố mà âm chủ đạo không phải của hiện tại mà là của quá khứ — mà cuộc sống trong những ngày trước đó mạnh mẽ hơn nhiều so với bây giờ, đến mức hiện tại bị lu mờ bởi sự so sánh của nó. Các thành phố trên biển Zuyder ở Hà

instance of this; S. Albans in England is another. But the finest example which the world has to offer is the immortal city of Rome. Rome stands alone among the cities of the world in having three great and entirely separate interests for the psychic investigator. First, and much the strongest, is the impression left by the astonishing vitality and vigour of that Rome which was the centre of the world, the Rome of the Republic and the Caesars; then comes another strong and unique impression—that of mediaeval Rome, the ecclesiastical centre of the world: third and quite different from either, the modern Rome of to-day, the political centre of the somewhat loosely integrated Italian kingdom, and at the same time still an ecclesiastical centre of widespread influence, though shorn of its glory and power.

Lan là một ví dụ về điều này; S. Albans ở Anh là một ví dụ khác. Nhưng ví dụ điển hình nhất mà thế giới phải đưa ra là thành phố bất tử Rome. Rome đứng một mình trong số các thành phố trên thế giới vì có ba lợi ích to lớn và hoàn toàn riêng biệt đối với nhà nghiên cứu tinh thần. Đầu tiên, và mạnh nhất, là ấn tượng còn lại bởi sinh lực và sức mạnh đáng kinh ngạc của Rome, nơi từng là trung tâm của thế giới, Rome của nền Cộng hòa và các Hoàng đế; sau đó là một ấn tượng mạnh mẽ và độc đáo khác — ấn tượng về Rome thời trung cổ, trung tâm giáo hội của thế giới: thứ ba và hoàn toàn khác với cả hai, Rome hiện đại ngày nay, trung tâm chính trị của vương quốc Ý hội nhập hơi lỏng lẻo, và đồng thời vẫn là một trung tâm giáo hội có ảnh hưởng rộng khắp, mặc dù đã bị tước bỏ vinh quang và quyền mãnh lực.

I first went to Rome, I confess, with the expectation that the Rome of the mediaeval Popes, with the assistance of all the world-thought that must for so long have been centred upon it, and with the advantage also of being so much nearer to us in time, would have to a considerable extent blotted out the life of the Rome of the Caesars. I was startled to find that the actual facts are almost exactly the reverse of that. The conditions of Rome in the Middle Ages were sufficiently remarkable to have stamped an indelible character upon any other town in the world; but so enormously stronger was the amazingly vivid life of that earlier civilisation, that it still stands out, in spite of all the history that has been made there since, as the one ineffaceable and dominating characteristic of Rome.

Tôi phải thú nhận rằng lần đầu tiên tôi đến Rome, tôi đã mong đợi rằng Rome của các Giáo hoàng thời trung cổ, với sự hỗ trợ của tất cả tư tưởng thế giới chắc chắn đã tập trung vào nó trong một thời gian dài như vậy, và với lợi thế là gần gũi với chúng ta hơn nhiều về thời gian, sẽ ở một mức độ đáng kể xóa bỏ cuộc sống của Rome của các Hoàng đế. Tôi đã giật mình khi thấy rằng sự thật thực tế gần như hoàn toàn trái ngược với điều đó. Điều kiện của Rome vào thời Trung cổ đủ đáng chú ý để in dấu một đặc điểm không thể phai mờ lên bất kỳ thị trấn nào khác trên thế giới; nhưng cuộc sống sống động đáng kinh ngạc của nền văn minh trước đó mạnh mẽ hơn rất nhiều, đến nỗi nó vẫn nổi bật, bất chấp tất cả lịch sử đã được tạo ra ở đó kể từ đó, như một đặc điểm không thể xóa nhòa và chi phối của Rome.

To the clairvoyant investigator, Rome is (and ever will be) first of all the Rome of the Caesars, and only secondarily the Rome of the Popes. The impression of ecclesiastical history is all there, recoverable to the minutest detail; a bewildering mass of devotion and intrigue, of insolent tyranny and real religious feeling; a history of terrible corruption and of world-wide power, but rarely used as well as it might have been. And yet, mighty as it is, it is dwarfed into absolute insignificance by the grander power that went before it. There was a robustness of faith in himself, a conviction of destiny, a resolute intention to live his life to the utmost, and a

Đối với nhà điều tra thông nhãn, Rome trước hết là (và sẽ mãi mãi là) Rome của các hoàng đế Caesar, và chỉ thứ yếu là Rome của các Giáo hoàng. Ấn tượng về lịch sử giáo hội đều có ở đó, có thể phục hồi đến từng chi tiết nhỏ nhất; một khối lượng đáng kinh ngạc của sự sùng đạo và mưu mô, của chế độ chuyên chế xấc xược và cảm giác tôn giáo thực sự; một lịch sử của sự tha hóa khủng khiếp và quyền lực trên toàn thế giới, nhưng hiếm khi được sử dụng tốt như nó có thể có. Và, tuy quyền lực là vậy, nhưng nó bị thu nhỏ lại thành sự tầm thường tuyệt đối bởi quyền lực vĩ đại hơn trước nó. Có một niềm tin mạnh mẽ vào bản thân, một niềm tin vào vận mệnh, một ý

certainty of being able to do it, about the ancient Roman, which few nationalities of to-day can approach.

PUBLIC BUILDINGS

Not only has a city as a whole its general characteristics, but such of the buildings in it as are devoted to special purposes have always an aura characteristic of that purpose. The aura of a hospital, for example, is a curious mixture; a preponderance of suffering, weariness and pain, but also a good deal of pity for the suffering, and a feeling of gratitude on the part of the patients for the kindly care which is taken of them.

The neighbourhood of a prison is decidedly to be avoided when a man is selecting a residence, for from it radiate the most terrible gloom and despair and settled depression, mingled with impotent rage, grief and hatred. Few places have on the whole a more unpleasant aura around them; and even in the general darkness there are often spots blacker than the rest, cells of unusual horror round which an evil reputation hangs. For example, there are several cases on record in which the successive occupants of a certain cell in a prison have all tried to commit suicide, those who were unsuccessful explaining that the idea of suicide persistently arose in their minds, and was steadily pressed upon them from without, until they were gradually brought into a condition in which there seemed to be no alternative. There have been instances in which such a feeling was due to the direct persuasion of a dead man; but also and more frequently it is simply that the first suicide has charged the cell so thoroughly with thoughts and suggestions of this nature that the later occupants, being probably persons of no great strength or development of will, have found themselves practically unable to resist.

More terrible still are the thoughts which still hang round some of the dreadful dungeons of mediaeval tyrannies, the *oubliettes* of Venice or the torture-dens of the Inquisition. Just in the same way the very walls of a gambling-house radiate grief, envy, despair and hatred, and those of the public-house, or house of ill-fame, absolutely reek with the coarsest forms of sensual and brutal desire.

định kiên quyết sống hết mình và một sự chắc chắn có thể làm được điều đó, về người La Mã cổ đại, mà ít quốc gia nào ngày nay có thể đạt được.

CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Không chỉ một thành phố nói chung có những đặc điểm chung của nó, mà những tòa nhà trong đó dành cho các mục đích đặc biệt luôn có hào quang đặc trưng cho mục đích đó. Ví dụ, hào quang của một bệnh viện là một hỗn hợp kỳ lạ; phần lớn là đau khổ, mệt mỏi và đau đớn, nhưng cũng có rất nhiều lòng thương hại đối với những người đau khổ, và cảm giác biết ơn từ phía các bệnh nhân vì sự chăm sóc tử tế mà họ nhận được.

Nên tránh xa khu vực lân cận của một nhà tù khi một người đang chọn nơi ở, bởi vì từ đó tỏa ra sự u ám, tuyệt vọng và chán nản tồi tệ nhất, xen lẫn với sự tức giận bất mãnh lực, đau buồn và thù hận. Nhìn chung, ít nơi nào có hào quang khó chịu hơn xung quanh chúng; và ngay cả trong bóng tối chung, thường có những điểm đen hơn những nơi khác, những phòng giam kinh hoàng khác thường mà xung quanh đó có một danh tiếng xấu xa. Ví dụ, có một số trường hợp được ghi nhận trong đó những người lần lượt chiếm giữ một phòng giam nhất định trong nhà tù đều đã cố gắng tự tử, những người không thành công giải thích rằng ý tưởng tự tử liên tục nảy sinh trong tâm trí họ, và liên tục bị ép buộc từ bên ngoài, cho đến khi họ dần dần rơi vào tình trạng dường như không có lựa chọn nào khác. Đã có những trường hợp mà cảm giác như vậy là do sự thuyết phục trực tiếp của một người chết; nhưng cũng có và thường xuyên hơn, đơn giản là vụ tự tử đầu tiên đã nạp đầy phòng giam với những suy nghĩ và gợi ý thuộc loại này đến mức những người ở sau, có lẽ là những người không có sức mạnh hoặc sự phát triển ý chí tuyệt vời, thấy mình thực tế không thể cưỡng lại.

Kinh khủng hơn nữa là những suy nghĩ vẫn còn treo lơ lửng quanh một số nhà ngục khủng khiếp của chế độ chuyên chế thời trung cổ, những *oubliette* của Venice hoặc những hang ổ tra tấn của Tòa án dị giáo. Cũng giống như vậy, chính những bức tường của một sòng bạc tỏa ra nỗi buồn, sự ghen tị, tuyệt vọng và thù hận, và những bức tường của quán rượu, hoặc nhà thổ, hoàn toàn bốc mùi với những hình thức thô thiển nhất

CEMETERIES

In such cases as those mentioned above, it is easy enough for all decent people to escape the pernicious influences simply by avoiding the place; but there are other instances in which people are placed in undesirable situations through the indulgence of natural good feeling. In countries which are not civilised enough to burn their dead, survivors constantly haunt the graves in which decaying physical bodies are laid; from a feeling of affectionate remembrance they gather often to pray and meditate there, and to lay wreaths of flowers upon the tombs. They do not understand that the radiations of sorrow, depression and helplessness which so frequently permeate the churchyard or cemetery make it an eminently undesirable place to visit. I have seen old people walking and sitting about in some of our more beautiful cemeteries, and nursemaids wheeling along young children in their perambulators to take their daily airing, neither of them probably having the least idea that they are subjecting themselves and their charges to influences which will most likely neutralise all the good of the exercise and the fresh air; and this quite apart from the possibility of unhealthy physical exhalations.

UNIVERSITIES AND SCHOOLS

The ancient buildings of our great universities are surrounded with magnetism of a special type, which does much towards setting upon its graduates that peculiar seal which is so readily distinguishable, even though it is not easy to say in so many words exactly of what it consists. Men attending the university are of many and various types—reading men, hunting men, pious men, careless men; and sometimes one college of a university attracts only one of these classes. In that case its walls become permeated with those characteristics, and its atmosphere operates to keep up its reputation. But on the whole the university is surrounded with a pleasant feeling of work and comradeship, of association yet of independence, a feeling of respect for the traditions of the *Alma Mater* and the resolve to uphold them, which soon brings the new

của ham muốn nhục dục và tàn bạo.

NGHĨA ĐỊA

Trong những trường hợp như đã đề cập ở trên, tất cả những người tử tế đều có thể dễ dàng thoát khỏi những ảnh hưởng tai hại chỉ bằng cách tránh xa nơi đó; nhưng có những trường hợp khác mà mọi người bị đặt vào những tình huống không mong muốn do sự nuông chiều cảm xúc tốt đẹp tự nhiên. Ở những quốc gia không đủ văn minh để hỏa táng người chết, những người sống sót thường xuyên lui tới những ngôi mộ nơi chôn cất những thi thể đang phân hủy; từ cảm giác tưởng nhớ trìu mến, họ thường tụ tập để cầu nguyện và thiền định ở đó, và đặt vòng hoa lên các ngôi mộ. Họ không hiểu rằng sự lan tỏa của nỗi buồn, sự chán nản và bất mãnh lực thường xuyên bao trùm nhà thờ hoặc nghĩa trang khiến nơi đây trở thành một nơi không nên lui tới. Tôi đã thấy những người già đi dạo và ngồi trong một số nghĩa trang đẹp hơn của chúng ta, và những người vú em đẩy những đứa trẻ nhỏ trên xe đẩy của họ để đi dạo hàng ngày, có lẽ cả hai đều không hề biết rằng họ đang khiến bản thân và những người được họ chăm sóc phải chịu những ảnh hưởng rất có thể sẽ vô hiệu hóa tất cả những lợi ích của việc tập thể dục và không khí trong lành; và điều này hoàn toàn tách biệt với khả năng phát ra khí độc hại về mặt thể chất.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ TRƯỜNG HỌC

Các tòa nhà cổ kính của các trường đại học lớn của chúng ta được bao quanh bởi từ tính thuộc một loại đặc biệt, góp phần tạo nên dấu ấn đặc biệt cho những sinh viên tốt nghiệp của nó, thứ dễ dàng phân biệt được, mặc dù không dễ để nói chính xác bằng lời về nó bao gồm những gì. Những người theo học đại học thuộc nhiều loại khác nhau — những người ham đọc sách, những người ham săn bắn, những người ngoan đạo, những người bất cẩn; và đôi khi một trường cao đẳng của một trường đại học chỉ thu hút một trong những lớp này. Trong trường hợp đó, các bức tường của nó trở nên thấm nhuần những đặc điểm đó, và bầu không khí của nó hoạt động để duy trì danh tiếng của nó. Nhưng nhìn chung, trường đại học được bao quanh bởi một cảm giác dễ chịu về công việc và tình đồng chí, về sự liên kết nhưng độc lập, một cảm giác tôn trọng các truyền thống của

undergraduate into line with his fellows and imposes upon him the unmistakable university tone.

Alma Mater và quyết tâm duy trì chúng, điều này sớm đưa sinh viên mới vào hàng ngũ với các đồng nghiệp của mình và áp đặt lên họ giọng điệu đại học không thể nhầm lẫn.

Not unlike this is the influence exerted by the buildings of our great public schools. The impressionable boy who comes to one of these soon feels about him a sense of order and regularity and *esprit de corps,* which once gained can scarcely be forgotten. Something of the same sort, but perhaps even more pronounced, exists in the case of a battleship, especially if she is under a popular captain and has been some little time in commission. There also the new recruit very quickly finds his place, soon acquires the *esprit de corps,* soon learns to feel himself one of a family whose honour he is bound to uphold. Much of this is due to the example of his fellows and to the pressure of the officers; but the feeling, the atmosphere of the ship herself undoubtedly bears a share in it also.

Ảnh hưởng của các tòa nhà của các trường công lập lớn của chúng ta cũng tương tự như vậy. Cậu bé dễ bị ảnh hưởng đến một trong những ngôi trường này sẽ sớm cảm thấy xung quanh mình tâm thức về trật tự, sự điều độ và tinh thần đồng đội, một khi đã có được thì khó có thể quên được. Điều gì đó tương tự, nhưng có lẽ thậm chí còn rõ rệt hơn, tồn tại trong trường hợp của một tàu chiến, đặc biệt nếu nó dưới quyền một thuyền trưởng nổi tiếng và đã hoạt động được một thời gian ngắn. Ở đó, tân binh cũng rất nhanh chóng tìm được vị trí của mình, sớm có được tinh thần đồng đội, sớm học cách cảm thấy mình là một thành viên của một gia đình mà họ có nghĩa vụ phải bảo vệ danh dự. Phần lớn điều này là do tấm gương của đồng đội và áp lực của các sĩ quan; nhưng cảm giác, bầu không khí của chính con tàu chắc chắn cũng góp phần vào đó.

LIBRARIES, MUSEUMS AND GALLERIES

THƯ VIỆN, BẢO TÀNG VÀ PHÒNG TRƯNG BÀY

The studious associations of a library are readily comprehensible, but those of museums and picture-galleries are much more varied, as might be expected. In both these latter cases the influence is principally from pictures or the objects shown, and consequently our discussion of it is part of a later chapter. As far as the influence of the actual buildings is concerned, apart from the objects exhibited in them, the result is a little unexpected, for a prominent feature is a quite overwhelming sense of fatigue and boredom. It is evident that the chief constituent in the minds of the majority of the visitors is the feeling that they know that they ought to admire or to be interested in this or that, whereas as a matter of fact they are quite unable to achieve the least real admiration or interest.

Mối liên hệ ham học hỏi của một thư viện rất dễ hiểu, nhưng mối liên hệ của bảo tàng và phòng trưng bày tranh ảnh thì đa dạng hơn nhiều, như mong đợi. Trong cả hai trường hợp sau này, ảnh hưởng chủ yếu đến từ tranh ảnh hoặc các đồ vật được trưng bày, và do đó, cuộc thảo luận của chúng ta về nó là một phần của chương sau. Xét về ảnh hưởng của các tòa nhà thực tế, ngoài các đồ vật được trưng bày trong đó, kết quả có một chút bất ngờ, vì một đặc điểm nổi bật là cảm giác mệt mỏi và buồn chán đến mức choáng ngợp. Rõ ràng là thành phần chính trong tâm trí của đa số du khách là cảm giác rằng họ biết rằng họ nên chiêm ngưỡng hoặc quan tâm đến điều này hay điều khác, trong khi thực tế là họ hoàn toàn không thể đạt được sự chiêm ngưỡng hoặc quan tâm thực sự dù là nhỏ nhất.

THE STOCK-YARDS OF CHICAGO

CÁC BÃI GIẾT MỔ GIA SÚC Ở CHICAGO

The awful emanations from the stock-yards in Chicago, and the effect they produce on those who are so unfortunate as to live anywhere near them, have often been mentioned in Theosophical literature. Mrs. Besant herself has

Những khí thải khủng khiếp từ các bãi giết mổ gia súc ở Chicago, và ảnh hưởng của chúng đối với những người không may sống ở bất cứ đâu gần đó, thường được đề cập đến trong các tài liệu Thông Thiên Học. Chính bà Besant đã mô tả cách

described how on her first visit she felt the terrible pall of depression which they cause while she was yet in the train many miles from Chicago; and though other people, less sensitive than she, might not be able to detect it so readily, there can be no doubt that its influence lies heavily upon them whenever they draw near to the theatre of that awful iniquity. On that spot millions of creatures have been slaughtered and every one of them has added to its radiations its own feelings of rage and pain and fear and the sense of injustice; and out of it all has been formed one of the blackest clouds of horror at present existing in the world.

mà trong lần đầu tiên đến thăm, bà cảm nhận được bầu không khí chán nản khủng khiếp mà chúng gây ra khi bà vẫn còn trên tàu cách Chicago nhiều dặm; và mặc dù những người khác, ít nhạy cảm hơn bà, có thể không dễ dàng phát hiện ra nó như vậy, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, ảnh hưởng của nó đè nặng lên họ bất cứ khi nào họ đến gần hiện trường của sự tàn ác khủng khiếp đó. Trên địa điểm đó, hàng triệu sinh vật đã bị giết thịt và mỗi sinh vật trong số chúng đều thêm vào bức xạ của nó những cảm xúc tức giận, đau đớn, sợ hãi và cảm giác bất công của chính nó; và từ tất cả những điều đó đã hình thành nên một trong những đám mây kinh hoàng đen tối nhất hiện đang tồn tại trên thế giới.

In this case the results of the influence are commonly known, and it is impossible for anyone to profess incredulity. The low level of morality and the exceeding brutality of the slaughterman are matters of notoriety. In many of the murders committed in that dreadful neighbourhood the doctors have been able to recognise a peculiar twist of the knife which is used only by slaughtermen, and the very children in the streets play no games but games of killing. When the world becomes really civilised men will look back with incredulous horror upon such scenes as these, and will ask how it could have been possible that people who in other respects seem to have had some gleams of humanity and common sense, could permit so appalling a blot upon their honour as is the very existence of this accursed thing in their midst.

Trong trường hợp này, kết quả của ảnh hưởng thường được biết đến, và không ai có thể tuyên bố là không tin. Mức độ đạo đức thấp kém và sự tàn bạo tột độ của người giết mổ là điều ai cũng biết. Trong nhiều vụ giết người xảy ra ở khu vực khủng khiếp đó, các bác sĩ đã có thể nhận ra một cú vặn dao đặc biệt chỉ được những người giết mổ sử dụng, và ngay cả những đứa trẻ trên đường phố cũng không chơi trò chơi nào khác ngoài trò chơi giết chóc. Khi thế giới thực sự trở nên văn minh, con người sẽ nhìn lại với sự kinh hoàng khó tin về những cảnh tượng như thế này, và sẽ tự hỏi làm thế nào mà những người mà trong các khía cạnh khác dường như có một số tia sáng của nhân loại và lẽ thường, lại có thể cho phép một vết nhơ kinh hoàng như vậy đối với danh dự của họ như chính sự tồn tại của điều đáng nguyền rủa này ở giữa họ.

SPECIAL PLACES

NHỮNG ĐỊA ĐIỂM ĐẶC BIỆT

Any spot where some ceremony has been frequently repeated, especially if in connection with it a high ideal has been set up, is always charged with a decided influence. For example, the hamlet of Oberammergau, where for many years at set intervals the Passion Play has been reproduced, is full of thought-forms of the previous performances, which react powerfully upon those who are preparing themselves to take part in a modern representation. An extraordinary sense of reality and of the deepest earnestness is felt by all those who assist, and it reacts even upon the comparatively careless tourist, to whom the whole thing is simply an exhibition. In the same way the magnificent

Bất kỳ địa điểm nào mà một số nghi lễ đã được lặp đi lặp lại thường xuyên, đặc biệt nếu liên quan đến nó, một lý tưởng cao cả đã được thiết lập, luôn được nạp đầy một ảnh hưởng nhất định. Ví dụ, thôn Oberammergau, nơi trong nhiều năm, vào những khoảng thời gian nhất định, Vở kịch *Cuộc khổ nạn* đã được tái hiện, tràn ngập những hình thức tư tưởng của các buổi biểu diễn trước đó, tác động mạnh mẽ đến những người đang chuẩn bị tham gia vào một buổi biểu diễn hiện đại. Tất cả những người hỗ trợ đều cảm thấy một cảm giác phi thường về thực tế và sự nghiêm túc sâu sắc nhất, và nó thậm chí còn tác động đến cả những khách du lịch tương đối bất cẩn, những người mà đối với họ, toàn bộ sự việc chỉ đơn giản

ideals of Wagner are prominent in the atmosphere of Bayreuth, and they make a performance there a totally different thing from one by identically the same players anywhere else.

là một cuộc triển lãm. Theo cách tương tự, những lý tưởng tuyệt vời của Wagner nổi bật trong bầu không khí của Bayreuth, và chúng khiến một buổi biểu diễn ở đó trở thành một điều hoàn toàn khác so với một buổi biểu diễn của cùng những người chơi đó ở bất kỳ nơi nào khác.

SACRED MOUNTAINS

NHỮNG NGỌN NÚI THIÊNG

There are instances in which the influence attached to a special place is non-human. This is usually the case with the many sacred mountains of the world. I have described in a previous chapter the great angels who inhabit the summit of the mountain of Slieve-na-Mon in Ireland. It is their presence which makes the spot sacred, and they perpetuate the influence of the holier magic of the leaders of the Tuatha-de-Danaan, which they ordained to remain until the day of the future greatness of Ireland shall come, and its part in the mighty drama of empire shall be made clear.

Có những trường hợp mà ảnh hưởng gắn liền với một địa điểm đặc biệt không phải là con người. Đây thường là trường hợp của nhiều ngọn núi thiêng trên thế giới. Tôi đã mô tả trong một chương trước về những thiên thần vĩ đại cư ngụ trên đỉnh núi Slieve-na-Mon ở Ireland. Chính sự hiện diện của Họ đã khiến nơi này trở nên thiêng liêng, và họ duy trì ảnh hưởng của huyền thuật thiêng liêng hơn của những người lãnh đạo Tuatha-de-Danaan, mà họ đã phong chức để tồn tại cho đến ngày vĩ đại trong tương lai của Ireland sẽ đến, và vai trò của nó trong vở kịch đế chế hùng mạnh sẽ được làm rõ.

I have several times visited a sacred mountain of a different type - Adam's Peak in Ceylon. The remarkable thing about this peak is that it is held as a sacred spot by people of all the various religions of the Island. The Buddhists give to the temple on its summit the name of the shrine of the Sripada or holy footprint, and their story is that when the Lord BUDDHA visited Ceylon in His astral body (He was never there in the physical) He paid a visit to the tutelary genius of that mountain, who is called by the people Saman Deviyo. Just as He was about to depart, Saman Deviyo asked Him as a favour to leave on that spot some permanent memory of His visit, and the BUDDHA in response is alleged to have pressed His foot upon the solid rock, utilising some force which made upon it a definite imprint or indentation.

Tôi đã nhiều lần đến thăm một ngọn núi thiêng thuộc loại khác - Đỉnh Adam ở Ceylon. Điều đáng chú ý về đỉnh núi này là nó được những người thuộc các tôn giáo khác nhau trên đảo coi là một địa điểm linh thiêng. Các Phật tử đặt cho ngôi chùa trên đỉnh núi này cái tên là đền thờ Sripada hay Dấu chân thiêng, và câu chuyện của họ là khi Đức Phật đến thăm Ceylon trong thể cảm xúc của Ngài (Ngài chưa bao giờ ở đó trong thể xácý), Ngài đã đến thăm vị thần hộ mệnh của ngọn núi đó, người được người dân gọi là Saman Deviyo. Ngay khi Ngài sắp rời đi, Saman Deviyo đã yêu cầu Ngài ban ơn để lại trên địa điểm đó một kỷ niệm vĩnh viễn về chuyến thăm của Ngài, và Đức Phật để đáp lại được cho là đã ấn chân Ngài lên tảng đá cứng, sử dụng một mãnh lực nào đó tạo ra trên đó một dấu ấn hoặc vết lõm nhất định.

The story goes on to say that Saman Deviyo, in order that this holy footprint should never be defiled by the touch of man, and that the magnetism radiating from it should be preserved, covered it with a huge cone of rock, which makes the present summit of the mountain. On the top of this cone a hollow has been made which roughly resembles a huge foot, and it seems probable that some of the more ignorant worshippers believe that to be the

Câu chuyện tiếp tục kể rằng Saman Deviyo, để dấu chân thiêng này không bao giờ bị ô uế bởi sự đụng chạm của con người, và để từ tính tỏa ra từ nó được bảo tồn, đã bao phủ nó bằng một khối đá hình nón khổng lồ, tạo nên đỉnh núi hiện tại. Trên đỉnh của hình nón này, một hốc đã được tạo ra giống với một bàn chân khổng lồ, và có vẻ như một số người thờ phượng thiếu hiểu biết hơn tin rằng đó là dấu vết thực sự do Đức Phật tạo ra; nhưng tất cả các nhà sư am hiểu đều phủ nhận

actual mark made by the Lord BUDDHA; but all the monks who know emphatically deny that, and point to the fact that this is not only enormously too large to be a human footprint, but that it is also quite obviously artificial.

điều đó một cách dứt khoát, và chỉ ra sự thật rằng điều này không chỉ quá lớn để trở thành dấu chân của con người, mà nó còn khá rõ ràng là nhân tạo.

They explain that it is made there simply to indicate the exact spot under which the true footprint lies, and they point to the fact that there is unquestionably a crack running all round the rock at some distance below the summit. The idea of a sacred footprint on that summit seems to be common to the various religions, but while the Buddhists hold it to be that of the Lord BUDDHA, the Tamil inhabitants of the Island suppose it to be one of the numerous footprints of Vishnu, and the Christians and the Muhammadans attribute it to Adam—whence the name Adam's Peak.

Họ giải thích rằng nó được tạo ra ở đó chỉ đơn giản là để chỉ ra chính xác vị trí mà dấu chân thực sự nằm bên dưới, và họ chỉ ra sự thật rằng chắc chắn có một vết nứt chạy xung quanh tảng đá ở một khoảng cách nào đó bên dưới đỉnh núi. Ý tưởng về một dấu chân thiêng trên đỉnh núi đó dường như phổ biến đối với các tôn giáo khác nhau, nhưng trong khi các Phật tử cho rằng đó là dấu chân của Đức Phật, thì cư dân Tamil trên đảo cho rằng đó là một trong những dấu chân của Vishnu, và những người theo đạo Cơ đốc và đạo Hồi gán nó cho Adam — do đó có tên là Đỉnh Adam.

But it is said that long before any of these religions had penetrated to the Island, long before the time of the Lord BUDDHA Himself, this peak was already sacred to Saman Deviyo, to whom the deepest reverence is still paid by the inhabitants—as indeed it well may be, since He belongs to one of the great orders of the angels who rank near to the highest among the Adepts. Although His work is of a nature entirely different from ours, He also obeys the Head of the Great Occult Hierarchy; He also is one of the Great White Brotherhood which exists only for the purpose of forwarding the evolution of the world.

Nhưng người ta nói rằng rất lâu trước khi bất kỳ tôn giáo nào trong số này thâm nhập vào đảo, rất lâu trước thời Đức Phật, đỉnh núi này đã là nơi linh thiêng đối với Saman Deviyo, người mà cư dân vẫn dành sự tôn kính sâu sắc nhất — thực sự có thể là như vậy, vì Ngài thuộc về một trong những bậc thiên thần vĩ đại gần với bậc cao nhất trong số các Chân Sư. Mặc dù công việc của Ngài có bản chất hoàn toàn khác với chúng ta, nhưng Ngài cũng tuân theo Người đứng đầu Huyền Giai Huyền Bí Vĩ đại; Ngài cũng là một trong những thành viên của Huynh đệ đoàn da trắng vĩ đại, tổ chức chỉ tồn tại với mục đích thúc đẩy sự tiến hóa của thế giới.

The presence of so great a being naturally sheds a powerful influence over the mountain and its neighbourhood, and most of all over its summit, so that there is emphatically a reality behind to account for the joyous enthusiasm so freely manifested by the pilgrims. Here also, as at other shrines, we have in addition to this the effect of the feeling of devotion with which successive generations of pilgrims have impregnated the place, but though that cannot but be powerful, it is yet in this case completely overshadowed by the original and ever-present influence of the mighty entity who has done His work and kept His guard there for so many thousands of years.

Sự hiện diện của một sinh mệnh vĩ đại như vậy đương nhiên tỏa ra một ảnh hưởng mạnh mẽ lên ngọn núi và vùng lân cận của nó, và trên hết là lên đỉnh núi, do đó, rõ ràng có một thực tế đằng sau để giải thích cho sự nhiệt tình vui vẻ được thể hiện một cách tự do bởi những người hành hương. Ở đây cũng vậy, như ở các đền thờ khác, ngoài điều này, chúng ta còn có ảnh hưởng của cảm giác sùng đạo mà các thế hệ người hành hương kế tiếp nhau đã tẩm vào nơi này, nhưng mặc dù điều đó không thể không mạnh mẽ, nhưng trong trường hợp này, nó hoàn toàn bị lu mờ bởi ảnh hưởng ban đầu và luôn hiện hữu của thực thể hùng mạnh, người đã thực hiện công việc của mình và giữ vai trò bảo vệ ở đó trong hàng nghìn năm.

SACRED RIVERS

There are sacred rivers also—the Ganges, for example. The idea is that some great person of old has magnetised the source of the river with such power that all the water that henceforth flows out from that source is in a true sense holy water, bearing with it his influence and his blessing. This is not an impossibility, though it would require either a great reserve of power in the beginning or some arrangement for a frequent repetition. The process is simple and comprehensible; the only difficulty is what may be called the size of the operation. But what would be beyond the power of the ordinary man might possibly be quite easy to some one at a much higher level.

NHỮNG DÒNG SÔNG THIÊNG

Cũng có những dòng sông thiêng — ví dụ như sông Hằng. Ý tưởng là một số nhân vật vĩ đại thời xưa đã từ hóa nguồn của dòng sông với sức mạnh đến mức tất cả nước từ đó chảy ra từ nguồn đó theo đúng nghĩa là nước thánh, mang theo ảnh hưởng và phước lành của họ. Đây không phải là điều không thể, mặc dù nó sẽ yêu cầu một nguồn dự trữ năng lượng lớn ngay từ đầu hoặc một số sắp xếp để lặp lại thường xuyên. Quá trình này đơn giản và dễ hiểu; khó khăn duy nhất là cái mà người ta có thể gọi là quy mô của hoạt động. Nhưng điều gì vượt quá khả năng của người bình thường thì có thể khá dễ dàng đối với một số người ở cấp độ cao hơn nhiều.

CHAPTER VIII - BY CEREMONIES—BỞI NGHI LỄ

IN considering the influence exerted by our cathedrals and churches we have hitherto concerned ourselves with that which radiates from their walls. That is, however, only one small part of the effect that they are intended to produce upon the community—only incidental to the great plan of the Founder of the religion; and even that plan in turn is only part of a still mightier scheme. Let me try to explain.

Khi xem xét ảnh hưởng do các nhà thờ và thánh đường của chúng ta tạo ra, cho đến nay chúng ta đã tự quan tâm đến những gì tỏa ra từ các bức tường của chúng. Tuy nhiên, đó chỉ là một phần nhỏ trong hiệu ứng mà chúng nhằm mục đích tạo ra đối với cộng đồng—chỉ là ngẫu nhiên đối với kế hoạch vĩ đại của Đấng Sáng Lập tôn giáo; và thậm chí kế hoạch đó đến lượt nó chỉ là một phần của một kế hoạch hùng mạnh hơn nữa. Hãy để tôi cố gắng giải thích.

THE HIERARCHY

THÁNH ĐOÀN

Theosophical students are familiar with the fact that the direction of the evolution of the world is vested in the Hierarchy of Adepts, working under one great Leader, and that one of the departments of this government is devoted to the promotion and management of religion. The official in charge of that department is called in the East the Bodhisattva, and is known to us in the West as the Christ, though that is really the title of only one of His incarnations. The plan of the government is that during each world-period there shall be seven successive Christs—one for each root-race. Each of these in succession holds this office of Bodhisattva, and during His term of office He is in charge of all the religious thought of the world, not only of that of His own special root-race; and He may incarnate many times.

Những người nghiên cứu Thông Thiên Học đã quen thuộc với thực tế rằng định hướng tiến hóa của thế giới được trao cho Thánh Đoàn các Chân Sư, làm việc dưới quyền một Vị lãnh đạo vĩ đại, và một trong những bộ phận của chính phủ này được dành riêng cho việc thúc đẩy và quản lý tôn giáo. Quan chức phụ trách bộ phận đó được gọi ở phương Đông là Bồ Tát, và được chúng ta ở phương Tây biết đến với cái tên Đức Christ, mặc dù đó thực sự là danh hiệu của chỉ một trong những lần nhập thể của Ngài. Kế hoạch của chính phủ là trong mỗi chu kỳ thế giới sẽ có bảy Đức Christ kế tiếp nhau—một cho mỗi chủng tộc gốc. Mỗi vị trong số này lần lượt nắm giữ chức vụ Bồ Tát này, và trong nhiệm kỳ của mình, Ngài phụ trách tất cả các tư tưởng tôn giáo của thế giới, không chỉ của chủng tộc gốc đặc biệt của Ngài; và Ngài có thể nhập thể nhiều lần.

To illustrate exactly what is meant, let us take the case of the previous holder of this office, whom we know as the Lord Gautama. He was technically the Bodhisattva of the Atlantean or fourth root-race, and in that He incarnated many times under different names through a period spreading over several hundreds of thousands of years; but though His special work thus lay with the fourth root-race, He was in charge of the religions of the whole world, and consequently He did not neglect the fifth root-race. In the earlier part of the history of each of its sub-races He appeared and founded a special religion. In the first sub-race He was the original Vyasa; the name which He bore in the second sub-race has not been preserved in history. In the third sub-race He was the original Zoroaster, the first of a

Để minh họa chính xác ý nghĩa của điều này, chúng ta hãy lấy trường hợp của người nắm giữ chức vụ này trước đây, người mà chúng ta biết đến với cái tên Đức Phật Gautama. Về mặt kỹ thuật, Ngài là Bồ Tát của chủng tộc gốc Atlantis hoặc chủng tộc gốc thứ tư, và trong đó, Ngài đã nhập thể nhiều lần dưới những cái tên khác nhau trong suốt thời kỳ kéo dài hàng trăm nghìn năm; nhưng mặc dù công việc đặc biệt của Ngài do đó gắn liền với chủng tộc gốc thứ tư, nhưng Ngài phụ trách các tôn giáo của toàn thế giới, và do đó, Ngài đã không bỏ bê chủng tộc gốc thứ năm. Trong phần đầu của lịch sử của mỗi phân chủng tộc của nó, Ngài đã xuất hiện và thành lập một tôn giáo đặc biệt. Trong phân chủng tộc thứ nhất, Ngài là Vyasa đầu tiên; tên mà Ngài mang trong phân chủng tộc thứ hai đã không được lưu giữ

long line who bore that name. For the great religion of Egypt He was Thoth—called by the Greeks Hermes Trismegistus, Hermes the Thrice-Greatest, and among the early Greeks of the fourth sub-race He was Orpheus the Bard, the founder of their mysteries.

trong lịch sử. Trong phân chủng tộc thứ ba, Ngài là Zoroaster đầu tiên, người đầu tiên trong một dòng dài mang tên đó. Đối với tôn giáo vĩ đại của Ai Cập, Ngài là Thoth—được người Hy Lạp gọi là Hermes Trismegistus, Hermes Ba Lần Vĩ đại Nhất, và giữa những người Hy Lạp sơ khai của phân chủng tộc thứ tư, Ngài là Orpheus the Bard, Đấng Sáng Lập ra các bí ẩn của họ.

In each of such births He drew round Him a number of earnest disciples, naturally in many cases the same egos over again in new bodies, although He was steadily adding to their number. The fourth root-race has by no means finished its evolution, for the majority of the earth's inhabitants still belong to it—the vast hosts of Chinese, Tartars, Japanese, Malays and all the undeveloped peoples of the earth; but it has long passed its prime, the time when it was the dominant race of the world, and when all the most advanced egos were incarnated in it. When the glory had finally passed from it the Bodhisattva prepared for the culminating act of His work, which involves for Him the attainment of that very high level of Initiation which we call the Buddha-hood and also the resigning of His office into the hands of His successor.

Trong mỗi lần sinh ra như vậy, Ngài đã thu hút xung quanh mình một số đệ tử tha thiết, đương nhiên trong nhiều trường hợp là cùng những chân ngã lặp đi lặp lại trong những thể xác mới, mặc dù Ngài liên tục bổ sung vào số lượng của họ. Chủng tộc gốc thứ tư hoàn toàn không kết thúc quá trình tiến hóa của nó, bởi vì phần lớn cư dân trên trái đất vẫn thuộc về nó—đám đông người Trung Quốc, người Tatar, người Nhật Bản, người Mã Lai và tất cả các dân tộc kém phát triển trên trái đất; nhưng nó đã qua thời kỳ hoàng kim của nó từ lâu, thời điểm mà nó là chủng tộc thống trị thế giới, và khi tất cả những chân ngã tiên tiến nhất đều đầu thai vào nó. Khi vinh quang cuối cùng đã rời khỏi nó, Bồ Tát đã chuẩn bị cho hành động đỉnh cao trong công việc của Ngài, điều này đòi hỏi Ngài phải đạt đến cấp độ Điểm đạo rất cao mà chúng ta gọi là Quả vị Phật và cũng từ bỏ chức vụ của Ngài vào tay người kế nhiệm.

The preparation required was to bring together into one country, and even to a great extent into part of that country, all the egos who had been His special followers in the different lives which lay behind Him. Then He Himself incarnated among them—or perhaps more probably one of His highest disciples incarnated among them and yielded up his body to the Bodhisattva when the appointed time drew near; and as soon as in that body He had taken the great Initiation and become the BUDDHA, He went forth to preach His Law. We must not attach to that word Law the ordinary English meaning, for it goes very much further than a mere set of commands. We must take it rather to signify His presentation of the Truth about humanity and its evolution, and His instructions, based upon that truth, as to how a man should act so as to co-operate in the scheme of that evolution.

Sự chuẩn bị cần thiết là tập hợp vào một quốc gia, và thậm chí ở một mức độ lớn vào một phần của quốc gia đó, tất cả những chân ngã đã từng là những người theo đặc biệt của Ngài trong những kiếp sống khác nhau nằm sau Ngài. Sau đó, chính Ngài đã đầu thai vào giữa họ—hoặc có lẽ đúng hơn là một trong những đệ tử cao nhất của Ngài đã đầu thai vào giữa họ và từ bỏ thể xác của mình cho Bồ Tát khi thời điểm đã định đến gần; và ngay khi trong thể xác đó, Ngài đã thực hiện Điểm đạo vĩ đại và trở thành Đức Phật, Ngài đã đi rao giảng Pháp của Ngài. Chúng ta không được gán cho từ Pháp ý nghĩa thông thường trong tiếng Anh, bởi vì nó vượt xa hơn nhiều so với một tập hợp các mệnh lệnh đơn thuần. Chúng ta phải hiểu nó là sự trình bày của Ngài về Sự thật về nhân loại và sự tiến hóa của nó, và những chỉ dẫn của Ngài, dựa trên sự thật đó, về cách con người nên hành động để hợp tác trong kế hoạch của sự tiến hóa đó.

Preaching this Law He drew round Him all the

Rao giảng Chánh Pháp, Ngài đã thu hút xung

hosts of His old disciples, and by the tremendous power and magnetism which belonged to Him as the BUDDHA He enabled large numbers of them to take that fourth step on the Path, to which is given the name of the Arhat. He spent the rest of His life on earth in preaching and consolidating this new faith, and when He passed away from physical life He definitely handed over His office of director of religion to His successor, whom we call the Lord Maitreya—the Great One who is honoured all through India under the name of Krishna and throughout the Christian world as Jesus the Christ. No Theosophical student will be confused by this last expression, for he knows that the Christ, who is the new Bodhisattva, took the body of the disciple Jesus, and held it for the last three years of its life in order to found the Christian religion. After its death He continued for some years to teach His more immediate disciples from the astral world, and from that time to this He has employed that disciple Jesus (now Himself a Master) to watch over and guide as far as may be the destinies of His Church.

quanh mình tất cả các đệ tử cũ của Ngài, và bằng sức mạnh và từ mãnh lực to lớn thuộc về Ngài với tư cách là Đức Phật, Ngài đã cho phép một số lượng lớn trong số họ thực hiện bước thứ tư trên Thánh đạo, bước này được đặt tên là A La Hán. Ngài đã dành phần đời còn lại của mình trên trái đất để thuyết giảng và củng cố đức tin mới này, và khi Ngài rời khỏi đời sống trần gian, Ngài đã chính thức trao lại chức vụ Lãnh Đạo tôn giáo của mình cho người kế nhiệm, người mà chúng ta gọi là Đức Maitreya—Đấng Vĩ đại được tôn kính trên khắp Ấn Độ với cái tên Krishna và trên khắp thế giới Cơ đốc giáo với cái tên Jesus Christ. Không một người nghiên cứu Thông Thiên Học nào sẽ bị nhầm lẫn bởi cách diễn đạt cuối cùng này, bởi vì y biết rằng Đức Christ, là Bồ Tát mới, đã nhận thể xác của đệ tử Jesus, và giữ nó trong ba năm cuối đời để thành lập Cơ đốc giáo. Sau khi chết, Ngài tiếp tục dạy dỗ những đệ tử gần gũi hơn của mình từ cõi cảm dục trong một số năm, và từ đó đến nay, Ngài đã sử dụng đệ tử Jesus đó (giờ là một Chân Sư) để giám sát và hướng dẫn càng nhiều càng tốt vận mệnh của Giáo hội của Ngài.

Immediately upon taking over the office, the Lord Maitreya availed Himself of the extraordinarily good conditions left behind Him by the BUDDHA to make several simultaneous attempts to promote the religious progress of the world. He not only descended into an almost immediate incarnation Himself, but He at the same time employed a number of those who had attained the Arhat level under the Lord BUDDHA, and were now ready to take rebirth at once. From this band of disciples came those whom we call Laotse and Confucius, who were sent to incarnate in China. From them also came Plato, and from among their followers Phidias and many another of the greatest of the Greeks.

Ngay sau khi tiếp quản chức vụ, Đức Maitreya đã tận dụng những điều kiện thuận lợi đặc biệt do Đức Phật để lại để thực hiện một số nỗ lực đồng thời nhằm thúc đẩy sự tiến bộ tôn giáo của thế giới. Ngài không chỉ tự mình giáng trần gần như ngay lập tức, mà đồng thời Ngài còn sử dụng một số người đã đạt đến cấp độ A La Hán dưới thời Đức Phật, và giờ đã sẵn sàng để tái sinh ngay lập tức. Từ nhóm đệ tử này đã xuất hiện những người mà chúng ta gọi là Lão Tử và Khổng Tử, những người đã được gửi đến để lâm phàm ở Trung Quốc. Từ các Ngài cũng xuất hiện Plato, và từ những người theo các Ngài là Phidias và nhiều vĩ nhân khác của Hy Lạp.

Within the same area of time came the great philosopher Pythagoras, who is now our Master K. H. He was not one of the immediate attendants of the Lord BUDDHA, as He had already attained the Arhat level and was needed for work elsewhere, but He travelled over to India to see Him and to receive His blessing. He also is upon the line of the Bodhisattva; and may be regarded as one of His foremost lieutenants.

Trong cùng khoảng thời gian đó, nhà triết học vĩ đại Pythagoras, hiện là Chân Sư K. H. của chúng ta, đã xuất hiện. Ngài không phải là một trong những người hầu cận trực tiếp của Đức Phật, vì Ngài đã đạt đến cấp độ A La Hán và được cần đến cho công việc ở nơi khác, nhưng Ngài đã đi đến Ấn Độ để gặp Đức Phật và nhận được phước lành của Ngài. Ngài cũng nằm trên dòng của Bồ Tát; và có thể được coi là một trong những phó tướng hàng đầu của Ngài.

Simultaneously with all these efforts the Lord

Đồng thời với tất cả những nỗ lực này, chính Đức

Maitreya Himself incarnated as Krishna, and led in India a very wonderful life, upon which is founded the devotional aspect of the religion of that country, which shows us perhaps the most fervent examples of utter devotion to be seen anywhere in the world. This great incarnation must not be confounded with that of the Krishna described in the *Mahabharata;* the latter was a warrior and a statesman, and lived some two thousand five hundred years before the time of which we are speaking.

Maitreya đã đầu thai thành Krishna, và sống một cuộc đời rất tuyệt vời ở Ấn Độ, trên đó nền tảng là khía cạnh sùng đạo của tôn giáo của đất nước đó, điều này có lẽ cho chúng ta thấy những ví dụ nhiệt thành nhất về sự tận tâm tuyệt đối có thể thấy được ở bất cứ đâu trên thế giới. Lần nhập thể vĩ đại này không được nhầm lẫn với lần nhập thể của Krishna được mô tả trong Mahabharata; người sau này là một chiến binh và một chính khách, và sống khoảng hai nghìn năm trăm năm trước thời điểm mà chúng ta đang nói đến.

Along with this came another great incarnation —not this time from the department of religion, but rather from one the departments of organisation—the great Shankaracharya, who travelled over India, founding the four chief monasteries and the Sannyasi order. Some confusion has been created by the fact that each of the long line of those who have since stood at the head of the monastic organisations has also taken the title of Shankaracharya, so that to speak of Shankaracharya is like speaking of the Pope without indicating which particular holder of the Papal Chair is intended. The great Founder to whom we have referred must not be confused with the better known holder of the office who some seven hundred years after Christ wrote a voluminous series of commentaries on the *Bhagavad-Gita* and some of the Upanishads.

Cùng với đó là một hóa thân vĩ đại khác— lần này không phải từ bộ phận tôn giáo, mà là từ một trong những bộ phận của tổ chức - Shankaracharya vĩ đại, người đã du hành khắp Ấn Độ, sáng lập bốn tu viện chính và dòng Sannyasi. Một số nhầm lẫn đã được tạo ra bởi thực tế là mỗi người trong dòng dõi dài những người kể từ đó đứng đầu các tổ chức tu viện cũng đã lấy danh hiệu Shankaracharya, do đó, nói về Shankaracharya giống như nói về Giáo hoàng mà không chỉ ra người nắm giữ cụ thể nào của Giáo hoàng. Đấng Sáng Lập vĩ đại mà chúng tôi đã đề cập không nên nhầm lẫn với người nắm giữ chức vụ nổi tiếng hơn, người khoảng bảy trăm năm sau Công nguyên đã viết một loạt các bài bình luận đồ sộ về Bhagavad-Gita và một số Upanishad.

THE THREE PATHS

BA CON ĐƯỜNG

These three great Teachers, who followed one another so quickly in India, furnished between them a fresh impulse along each of the three paths. The BUDDHA founded a religion giving minute directions for daily life, such as would be needed by those who should follow the path of action, while Shankaracharya provided the metaphysical teaching for those to whom the path is wisdom, and the Lord Maitreya (manifesting as Krishna) provided a supreme object of devotion for those to whom that is the most direct road to the truth. But Christianity must be considered as the first effort of the new Bodhisattva to build a religion which should go abroad into new countries, for His work as Krishna had been intended especially for India. For those who penetrate behind the external manifestation to the inner and mystical

Ba Vị thầy vĩ đại này, những người đã nối tiếp nhau rất nhanh chóng ở Ấn Độ, đã cùng nhau tạo ra một động mãnh lực mới trên mỗi con đường trong ba con đường. Đức Phật đã thành lập một tôn giáo đưa ra những chỉ dẫn chi tiết cho cuộc sống hàng ngày, chẳng hạn như những gì cần thiết cho những người sẽ đi theo con đường hành động, trong khi Shankaracharya đã cung cấp giáo lý siêu hình cho những người mà con đường là trí tuệ, và Đức Maitreya (biểu hiện là Krishna) đã cung cấp một đối tượng tối cao của lòng sùng kính cho những người mà đó là con đường trực tiếp nhất dẫn đến sự thật. Nhưng Cơ đốc giáo phải được coi là nỗ lực đầu tiên của Bồ Tát mới để xây dựng một tôn giáo sẽ được truyền bá ra nước ngoài, bởi vì công việc của Ngài với tư cách là Krishna đã được dành riêng cho Ấn Độ. Đối với những người thâm nhập vào đằng sau biểu hiện

meaning, it will be significant that the ray or type to which belong the Lord BUDDHA, the Bodhisattva and our Master K. H. is in a special sense a manifestation of the second aspect of the Solar Deity—the second person of the Blessed Trinity.

bên ngoài đến ý nghĩa bên trong và huyền bí, sẽ có ý nghĩa rằng cung hoặc loại mà Đức Phật, Bồ Tát và Chân Sư K. H. của chúng ta thuộc về, theo một nghĩa đặc biệt, là biểu hiện của khía cạnh thứ hai của Thái dương Thượng đế—hiện thân thứ hai của Ba Ngôi Chí Thánh.

Religion has an objective side to it; it acts not only from within by stirring up the hearts and minds of its votaries, but also from without by arranging that uplifting and refining influences shall play constantly upon their various vehicles. The temple or the church is meant to be not merely a place of worship, but also a centre of magnetism, through which spiritual forces can be poured out upon the district surrounding it. People often forget that even the Great Ones must do their work subject to the laws of nature, and that it is for them an actual duty to economise their force as much as possible, and therefore to do whatever they have to do in the easiest possible manner.

Tôn giáo có một mặt khách quan đối với nó; nó không chỉ tác động từ bên trong bằng cách khơi dậy trái tim và khối óc của những người sùng đạo, mà còn từ bên ngoài bằng cách sắp xếp để những ảnh hưởng nâng cao và tinh tế liên tục tác động đến nhiều thể khác nhau của họ. Ngôi đền hoặc nhà thờ không chỉ đơn thuần là nơi thờ cúng, mà còn là trung tâm của từ mãnh lực, thông qua đó các mãnh lực tinh thần có thể được tuôn ra trên khu vực xung quanh nó. Mọi người thường quên rằng ngay cả các Đấng Vĩ đại cũng phải làm công việc của mình tuân theo các quy luật của tự nhiên, và rằng đó là nhiệm vụ thực tế của các Ngài để tiết kiệm sức mạnh của mình càng nhiều càng tốt, và do đó, hãy làm bất cứ điều gì các Ngài phải làm theo cách dễ dàng nhất có thể.

In this case, for example, if the object be to let spiritual force shine forth over a certain district, it would not be economical to pour it down indiscriminately everywhere, like rain, since that would require that the miracle of its materialisation to a lower level should be performed in millions of places simultaneously, once for every drop, as it were, and each representing a mighty effort. Far simpler would it be to establish at certain points definite magnetic centres, where the machinery of such materialisation should be permanently set up, so that by pouring in only a little force from above it should instantly be spread abroad over a considerable area.

Trong trường hợp này, ví dụ, nếu mục tiêu là để cho mãnh lực tinh thần tỏa sáng trên một khu vực nhất định, thì sẽ không tiết kiệm nếu đổ nó xuống bừa bãi khắp mọi nơi, giống như mưa, vì điều đó sẽ yêu cầu phép màu của sự vật chất hóa của nó đến một cấp độ thấp hơn phải được thực hiện ở hàng triệu nơi cùng một lúc, một lần cho mỗi giọt, và mỗi giọt đại diện cho một nỗ lực to lớn. Sẽ đơn giản hơn nhiều nếu thiết lập tại một số điểm nhất định các trung tâm từ tính xác định, nơi mà bộ máy của sự vật chất hóa đó sẽ được thiết lập vĩnh viễn, để chỉ bằng cách đổ vào một ít mãnh lực từ trên cao, nó sẽ ngay lập tức lan rộng ra một khu vực rộng lớn.

This had been achieved in earlier religions by the establishment of strongly magnetised centres, such as are offered by the image or by the lingam in a Hindu temple, by the altar of the sacred fire among the Parsis, or by the statue of the Lord BUDDHA among the Buddhists. As each worshipper comes before one of these symbols and pours himself out in devotion or gratitude, he not only draws down the answering force upon himself, but also causes a certain radiation upon those for some distance round him.

Điều này đã đạt được trong các tôn giáo trước đó bằng cách thiết lập các trung tâm từ tính mạnh mẽ, chẳng hạn như được cung cấp bởi hình ảnh hoặc lingam trong một ngôi đền Hindu, bởi bàn thờ lửa thiêng giữa những người theo đạo Ba Tư, hoặc bởi bức tượng của Đức Phật giữa những người theo đạo Phật. Khi mỗi người thờ phượng đến trước một trong những biểu tượng này và dâng mình trong lòng sùng kính hoặc biết ơn, y không chỉ thu hút mãnh lực đáp lại về phía mình, mà còn gây ra một bức xạ nhất định đối với những người ở một khoảng cách nào đó xung

quanh y.

In founding the religion of Christianity the Bodhisattva tried a new experiment with the view of securing at least once daily a much more thorough and effective distribution of spiritual force. The fact that new experiments of this sort *may* be tried—that though the splendid system of the Hierarchy is unalterably founded upon the Rock of Ages, it yet permits so much of freedom to its Officials—is surely of deepest interest. It shows us that that organisation which is in all the world the most utterly conservative is yet at the same time amazingly liberal, and that the oldest form of government is also the most adaptable. It is only in reference to the august Head of the Hierarchy that we can use to the fullest extent those grand old words of a Collect of the Church of England: "In His service is perfect freedom."

Khi thành lập Cơ đốc giáo, Bồ Tát đã thử một thí nghiệm mới với mục đích đảm bảo ít nhất một lần mỗi ngày phân phối mãnh lực tinh thần một cách triệt để và hiệu quả hơn nhiều. Thực tế là những thí nghiệm mới thuộc loại này có thể được thử nghiệm—rằng mặc dù hệ thống tuyệt vời của Thánh Đoàn được thiết lập vững chắc trên Nền tảng của các Thời đại, nhưng nó vẫn cho phép các Quan chức của mình có rất nhiều tự do—chắc chắn là điều thú vị nhất. Nó cho chúng ta thấy rằng tổ chức bảo thủ nhất trên thế giới đó đồng thời cũng tự do một cách đáng kinh ngạc, và rằng hình thức chính phủ lâu đời nhất cũng là hình thức dễ thích nghi nhất. Chỉ khi đề cập đến Người đứng đầu đáng kính của Thánh Đoàn, chúng ta mới có thể sử dụng một cách đầy đủ nhất những từ ngữ cổ xưa tuyệt vời của một Bài kinh cầu nguyện của Giáo hội Anh: "Trong sự phụng sự của Ngài là sự tự do hoàn hảo."

Perhaps the most readily comprehensible way of explaining this new scheme will be to describe the way in which I myself was first enabled to see something of the details of its working. But first I must say a few words as to the present condition of the Christian Church.

Có lẽ cách dễ hiểu nhất để giải thích kế hoạch mới này là mô tả cách mà bản thân tôi lần đầu tiên có thể nhìn thấy một số chi tiết về hoạt động của nó. Nhưng trước tiên, tôi phải nói vài lời về tình trạng hiện tại của Giáo hội Cơ đốc giáo.

As we see that Church now, it is but a poor representation of what its Founder meant it to be. Originally it had its higher mysteries, like all other faiths, and its three stages of purification, illumination and perfection, through which its children had to pass. With the expulsion as heretics of the great Gnostic doctors this aspect of the truth was lost to the Church, and the only idea which it now places before its members is the first of the three stages, and even that not understandingly. Origen, one of the greatest men that it has ever produced, described very clearly the two kinds of Christianity—the somatic or physical, and the spiritual—saying that the former is meant only to attract the ignorant masses, but that the latter is for those who know. In these days the Church has forgotten that true spiritual and higher side of her teaching, and has busied herself with pitiful attempts to explain that there is somehow or other a spiritual side to the lower teaching which is practically all that she has left.

Như chúng ta thấy Giáo hội đó bây giờ, nó chỉ là một đại diện nghèo nàn về những gì Đấng Sáng Lập của nó muốn nó trở thành. Ban đầu, nó có những bí ẩn cao siêu hơn của nó, giống như tất cả các tín ngưỡng khác, và ba giai đoạn thanh lọc, soi sáng và hoàn thiện của nó, mà qua đó con cái của nó phải trải qua. Với việc trục xuất các bậc thầy Ngộ Đạo (Gnostics) vĩ đại với tư cách là những kẻ dị giáo, khía cạnh này của sự thật đã bị mất đối với Giáo hội, và ý tưởng duy nhất mà bây giờ nó đặt ra trước các thành viên của mình là giai đoạn đầu tiên trong ba giai đoạn, và ngay cả điều đó cũng không được hiểu một cách thấu đáo. Origen, một trong những vĩ nhân mà nó từng sản sinh ra, đã mô tả rất rõ ràng hai loại Cơ đốc giáo—loại thể xác hoặc vật lý, và loại tinh thần—nói rằng loại thứ nhất chỉ nhằm mục đích thu hút quần chúng thiếu hiểu biết, nhưng loại thứ hai là dành cho những người biết. Trong thời đại này, Giáo hội đã quên mất mặt tinh thần và cao siêu thực sự đó trong giáo lý của mình, và đã bận rộn với những nỗ lực đáng thương để giải thích rằng bằng cách

CHRISTIAN MAGIC

Nevertheless, and in spite of all this, the old magic which was instituted by her Founder is still working and effective; so even in these days of her decadence she is still definitely under guidance and control. There is still a real and a vital power in the sacraments when truly performed—the power of the Solar Deity Himself—and it comes through Him whom we call the Master Jesus, this being His special department.

It was not He, but the Christ—the Lord Maitreya—who founded the religion, but nevertheless the special charge of Christianity has been given into the hands of Him who yielded His body for the work of the Founder. Belief in His personal interest in the Christian Church has almost died out in many branches of it; the members think of him as a Teacher who lived two thousand years ago rather than as an active power in the Church to-day. They have forgotten that He is still a living force, a real presence—truly with us always, even to the end of the world, as He has said. Not God in the idolatrous sense, yet the channel through which the Divine power has reached many millions—the official in charge of the devotional department of the work of the Christ.

The Church has turned aside widely from the course originally marked out for it. It was meant to meet all types; now it meets only one, and that very imperfectly. The reconstruction of the links must come, and as intellectual activity is the sign of our time and of the latest sub-race, the intellectual revival which shows itself in the higher criticism has for its very purpose that of enabling religion to meet another type of mind. If only the priests and the teachers had the advantage of direct knowledge, they would be able to deal with and to help their people in this crisis—to guide their intellectual activity by means of their own knowledge of the truth, and to keep alive in the hearts of their flock the spirituality without which the intellectual effort

nào đó có một mặt tinh thần đối với giáo lý thấp kém hơn, điều này thực tế là tất cả những gì nó còn lại.

HUYỀN THUẬT CƠ ĐỐC GIÁO

Tuy nhiên, và bất chấp tất cả những điều này, huyền thuật cổ xưa được Đấng Sáng Lập của nó lập ra vẫn đang hoạt động và hiệu quả; do đó, ngay cả trong thời kỳ suy tàn của nó, nó vẫn chắc chắn nằm dưới sự hướng dẫn và kiểm soát. Vẫn có một sức mạnh thực sự và sống động trong các bí tích khi được thực hiện một cách chân chính—sức mạnh của chính Thái dương Thượng đế—và nó đến thông qua Ngài mà chúng ta gọi là Chân Sư Jesus, đây là bộ phận đặc biệt của Ngài.

Không phải Ngài, mà là Đức Christ—Đức Maitreya—người đã sáng lập ra tôn giáo, nhưng tuy nhiên, sự phụ trách đặc biệt của Cơ đốc giáo đã được trao vào tay Ngài, người đã từ bỏ thể xác của mình cho công việc của Đấng Sáng Lập. Niềm tin vào sự quan tâm cá nhân của Ngài đối với Giáo hội Cơ đốc giáo gần như đã biến mất trong nhiều nhánh của nó; các thành viên nghĩ về Ngài như một Vị thầy đã sống cách đây hai nghìn năm hơn là một sức mạnh tích cực trong Giáo hội ngày nay. Họ đã quên rằng Ngài vẫn là một mãnh lực sống, một sự hiện diện thực sự—thực sự luôn ở bên chúng ta, cho đến tận cùng thế giới, như Ngài đã nói. Không phải là Thượng Đế theo nghĩa thờ hình tượng, nhưng là kênh mà qua đó sức mạnh Thiêng liêng đã đến được với hàng triệu người—quan chức phụ trách bộ phận sùng đạo trong công việc của Đức Christ.

Giáo hội đã đi chệch khỏi con đường ban đầu được vạch ra cho nó. Nó được cho là để đáp ứng tất cả các loại; bây giờ nó chỉ đáp ứng một, và điều đó rất không hoàn hảo. Việc tái tạo các liên kết phải đến, và vì hoạt động trí tuệ là dấu hiệu của thời đại chúng ta và của phân chủng tộc mới nhất, nên sự phục hưng trí tuệ thể hiện trong sự phê bình cao hơn có mục đích chính là cho phép tôn giáo đáp ứng một loại tâm trí khác. Giá như các linh mục và các thầy giáo có lợi thế về kiến thức trực tiếp, thì họ sẽ có thể đối phó và giúp đỡ người dân của họ trong cuộc khủng hoảng này—để hướng dẫn hoạt động trí tuệ của họ bằng chính kiến thức của họ về sự thật, và giữ cho tinh thần sống động trong trái tim của đàn chiên của họ mà không có nỗ lực trí tuệ chỉ có thể là cằn cỗi.

can be but barren.

Not only has the Church almost entirely forgotten the original doctrine taught by her Founder, but most of her priests have now little conception of the real meaning and power of the ceremonies which they have to perform. It is probable that the Christ foresaw that this would happen, for He has carefully arranged that the ceremonies should work even though neither celebrants nor people have any intelligent comprehension of their methods or their results. It would be difficult to explain the outline of His plan to the average Christian; to the Theosophist it ought to be more readily comprehensible, because he is already familiar with some of the general ideas involved in it.

Giáo hội không chỉ gần như hoàn toàn quên mất học thuyết ban đầu do Đấng Sáng Lập của nó dạy, mà hầu hết các linh mục của nó hiện nay cũng ít quan niệm về ý nghĩa và sức mạnh thực sự của các nghi lễ mà họ phải thực hiện. Có thể Đức Christ đã thấy trước rằng điều này sẽ xảy ra, vì Ngài đã cẩn thận sắp xếp để các nghi lễ sẽ hoạt động ngay cả khi cả người cử hành lẫn người dân không hiểu biết gì về phương pháp hoặc kết quả của chúng. Sẽ rất khó để giải thích phác thảo kế hoạch của Ngài cho một Cơ đốc nhân bình thường; đối với nhà Thông Thiên Học, nó sẽ dễ hiểu hơn, bởi vì y đã quen thuộc với một số ý tưởng chung liên quan đến nó.

We who are students have often heard of the great reservoir of force which is constantly being filled by the Nirmanakayas in order that its contents may be utilised by members of the Adept Hierarchy and Their pupils for the helping of the evolution of mankind. The arrangement made by the Christ with regard to His religion was that a kind of special compartment of that reservoir should be reserved for its use, and that a certain set of officials should be empowered by the use of certain special ceremonies, certain words and signs of power, to draw upon it for the spiritual benefit of their people.

Chúng ta, những người đang học hỏi, thường nghe nói về kho dự trữ mãnh lực vĩ đại đang liên tục được lấp đầy bởi các Nirmanakaya để nội dung của nó có thể được các thành viên của Thánh Đoàn các Chân Sư và các học trò của các Ngài sử dụng để giúp đỡ sự tiến hóa của nhân loại. Sự sắp xếp được Đức Christ thực hiện liên quan đến tôn giáo của Ngài là một loại ngăn đặc biệt của kho dự trữ đó sẽ được dành riêng cho việc sử dụng nó, và một số quan chức nhất định sẽ được trao quyền bằng cách sử dụng một số nghi lễ đặc biệt nhất định, một số từ ngữ và dấu hiệu quyền năng nhất định, để khai thác nó vì lợi ích tinh thần của người dân của họ.

The scheme adopted for passing on the power is what is called ordination, and thus we see at once the real meaning of the doctrine of the apostolic succession, about which there has been so much of argument. I myself held strongly to that doctrine while officiating as a priest of the Church; but when through the study of Theosophy I came to understand religion better and to take a far wider view of life, I began to doubt whether in reality the succession meant so much as we of the ritualistic party had supposed. With still further study however, I was rejoiced to find that there was a real foundation for the doctrine, and that it meant even much more than our highest schools had ever taught.

Kế hoạch được áp dụng để truyền sức mạnh được gọi là phong chức, và do đó, chúng ta thấy ngay ý nghĩa thực sự của học thuyết về sự kế vị tông đồ, điều mà đã có rất nhiều tranh luận. Bản thân tôi đã rất ủng hộ học thuyết đó trong khi làm linh mục của Giáo hội; nhưng khi thông qua nghiên cứu Thông Thiên Học, tôi hiểu rõ hơn về tôn giáo và có cái nhìn rộng hơn nhiều về cuộc sống, tôi bắt đầu nghi ngờ liệu trên thực tế sự kế vị có ý nghĩa nhiều như chúng ta thuộc đảng nghi lễ đã cho là hay không. Tuy nhiên, với nghiên cứu sâu hơn nữa, tôi vui mừng khi thấy rằng có một nền tảng thực sự cho học thuyết này, và rằng nó thậm chí còn có ý nghĩa nhiều hơn những gì các trường cao nhất của chúng ta từng dạy.

THE MASS

THÁNH LỄ

My attention was first called to this by watching

Sự chú ý của tôi lần đầu tiên được hướng đến điều

the effect produced by the celebration of the Mass in a Roman Catholic Church in a little village in Sicily. Those who know that most beautiful of islands will understand that one does not meet with the Roman Catholic Church there in its most intellectual form, and neither the priest nor the people could be described as especially highly developed; yet the quite ordinary celebration of the Mass was a magnificent display of the application of occult force.

này bằng cách quan sát hiệu ứng được tạo ra bởi việc cử hành Thánh lễ trong một Nhà thờ Công giáo La Mã ở một ngôi làng nhỏ ở Sicily. Những người biết đến hòn đảo đẹp nhất đó sẽ hiểu rằng người ta không gặp Giáo hội Công giáo La Mã ở đó ở dạng trí tuệ nhất của nó, và cả linh mục lẫn giáo dân đều không thể được mô tả là phát triển đặc biệt cao; tuy nhiên, việc cử hành Thánh lễ khá bình thường là một minh chứng tuyệt vời về việc áp dụng mãnh lực huyền bí học.

At the moment of consecration the Host glowed with the most dazzling brightness; it became in fact a veritable sun to the eye of the clairvoyant, and as the priest lifted it above the heads of the people I noticed that two distinct varieties of spiritual force poured forth from it, which might perhaps be taken as roughly corresponding to the light of the sun and the streamers of his corona. The first rayed out impartially in all directions upon all the people in the church; indeed, it penetrated the walls of the church as though they were not there, and influenced a considerable section of the surrounding country.

Vào thời điểm thánh hiến, Mình Thánh Chúa phát sáng với độ sáng chói lọi nhất; trên thực tế, nó trở thành một mặt trời thực sự đối với con mắt của người thông nhãn, và khi linh mục nâng nó lên trên đầu mọi người, tôi nhận thấy rằng hai loại mãnh lực tinh thần khác biệt tuôn ra từ nó, có lẽ có thể được coi là gần giống với ánh sáng của mặt trời và các tia sáng của vầng hào quang của nó. Tia sáng đầu tiên tỏa ra một cách bằng nhau theo mọi hướng lên tất cả mọi người trong nhà thờ; thực sự, nó xuyên qua các bức tường của nhà thờ như thể chúng không có ở đó, và ảnh hưởng đến một phần đáng kể của vùng nông thôn xung quanh.

This force was of the nature of a strong stimulus and, its action was strongest of all in the intuitional world, though it was also exceedingly powerful in the three higher subdivisions of the mental world. Its activity was marked in the first, second and third subdivisions of the astral also, but this was a reflection of the mental, or perhaps an effect produced by sympathetic vibration. Its effect upon the people who came within the range of its influence was proportionate to their development. In a very few cases (where there was some slight intuitional development) it acted as a powerful stimulant, doubling or trebling for a time the amount of activity in those intuitional bodies and the radiance which they were capable of emitting. But forasmuch as in most people the intuitional matter was as yet almost entirely dormant, its chief effect was produced upon the causal bodies of the inhabitants.

Mãnh lực này mang tính chất của một sự kích thích mạnh mẽ và tác động của nó mạnh nhất trong thế giới trực giác, mặc dù nó cũng cực kỳ mạnh mẽ trong ba phân khu cao hơn cõi trí. Hoạt động của nó cũng được ghi nhận trong phân khu thứ nhất, thứ hai và thứ ba của thể cảm xúc, nhưng đây là sự phản chiếu của trí tuệ, hoặc có lẽ là một hiệu ứng được tạo ra bởi sự rung động đồng cảm. Ảnh hưởng của nó đối với những người nằm trong phạm vi ảnh hưởng của nó tỷ lệ thuận với sự phát triển của họ. Trong một số rất ít trường hợp (nơi có một chút phát triển trực giác), nó hoạt động như một chất kích thích mạnh mẽ, tăng gấp đôi hoặc gấp ba trong một thời gian lượng hoạt động trong các thể trực giác đó và sự rạng rỡ mà chúng có khả năng phát ra. Nhưng vì ở hầu hết mọi người, vật chất trực giác cho đến nay vẫn gần như hoàn toàn không hoạt động, nên tác dụng chính của nó được tạo ra trên các thể nguyên nhân của cư dân.

Most of them, again, were awake and partially responsive only as far as the matter of the third subdivision of the mental world was concerned, and therefore they missed much of the advantage that they might have gained if the

Một lần nữa, hầu hết trong số họ chỉ thức tỉnh và đáp lại một phần cho đến khi vật chất của phân khu thứ ba cõi trí có liên quan, và do đó, họ đã bỏ lỡ nhiều lợi thế mà họ có thể đạt được nếu các phần cao hơn của thể nguyên nhân của họ đã

higher parts of their causal bodies had been in full activity. But at any rate every ego within reach, without exception, received a distinct impetus and a distinct benefit from that act of consecration, little though he knew or recked of what was being done.

hoạt động hết công suất. Nhưng dù sao đi nữa, mọi chân ngã trong tầm với, không có ngoại lệ, đều nhận được một động mãnh lực rõ ràng và một lợi ích rõ ràng từ hành động thánh hiến đó, mặc dù y biết rất ít hoặc không quan tâm đến những gì đang được thực hiện.

The astral vibrations also, though much fainter, produced a far-reaching effect, for at least the astral bodies, of the Sicilians are usually thoroughly well-developed so that it is not difficult to stir their emotions. Many people far away from the church, walking along the village street or pursuing their various avocations upon the lonely hill-sides, felt for a moment a thrill of affection or devotion, as this great wave of spiritual peace and strength passed over the country-side, though assuredly they never dreamt of connecting it with the Mass which was being celebrated in their little cathedral.

Những rung động cảm xúc, mặc dù yếu hơn nhiều, cũng tạo ra một hiệu ứng sâu rộng, bởi vì ít nhất là các thể cảm xúc của người Sicily thường phát triển rất tốt nên không khó để khuấy động cảm xúc của họ. Nhiều người ở xa nhà thờ, đi bộ dọc theo con phố làng hoặc theo đuổi nhiều công việc khác nhau của họ trên sườn đồi vắng vẻ, trong giây lát cảm thấy một cảm giác xúc động hoặc sùng kính, khi làn sóng hòa bình và sức mạnh tinh thần vĩ đại này đi qua vùng nông thôn, mặc dù chắc chắn họ không bao giờ mơ tưởng đến việc kết nối nó với Thánh lễ đang được cử hành trong nhà thờ nhỏ của họ.

It at once becomes evident that we are here in the presence of a grand and far-reaching scheme. Clearly one of the great objects, perhaps the principal object, of the daily celebration of the Mass is that every one within reach of it shall receive at least once each day one of these electric shocks which are so well calculated to promote any growth of which he is capable. Such an outpouring of force brings to each person whatever he has made himself capable of receiving; but even the quite undeveloped and ignorant cannot but be somewhat the better for the passing touch of a noble emotion, while for the few more advanced it means a spiritual uplifting the value of which it would be difficult to exaggerate.

Ngay lập tức, người ta thấy rõ rằng chúng ta đang ở đây trước sự hiện diện của một kế hoạch vĩ đại và sâu rộng. Rõ ràng là một trong những mục tiêu lớn, có lẽ là mục tiêu chính, của việc cử hành Thánh lễ hàng ngày là mọi người trong tầm với của nó sẽ nhận được ít nhất một lần mỗi ngày một trong những cú sốc điện này, những cú sốc được tính toán rất tốt để thúc đẩy bất kỳ sự phát triển nào mà y có khả năng. Sự tuôn trào mãnh lực như vậy mang lại cho mỗi người bất cứ điều gì y đã tự mình có khả năng tiếp nhận; nhưng ngay cả những người kém phát triển và thiếu hiểu biết cũng không thể không tốt hơn một chút vì sự đụng chạm thoáng qua của một cảm xúc cao quý, trong khi đối với một số ít người tiên tiến hơn, nó có nghĩa là một sự nâng cao tinh thần mà giá trị của nó sẽ rất khó để phóng đại.

I said that there was a second effect, which I compared to the streamers of the sun's corona. The light which I have just described poured forth impartially upon all, the just and the unjust, the believers and the scoffers. But this second force was called into activity only in response to a strong feeling of devotion on the part of an individual. At the elevation of the Host all members of the congregation duly prostrated themselves—some apparently as a mere matter of habit, but some also with a strong upwelling of deep devotional feeling.

Tôi đã nói rằng có một hiệu ứng thứ hai, mà tôi đã so sánh với các tia sáng của vầng hào quang của mặt trời. Ánh sáng mà tôi vừa mô tả đã tuôn ra một cách công bằng lên tất cả mọi người, người công chính và kẻ bất công, người tin tưởng và kẻ chế giễu. Nhưng mãnh lực thứ hai này chỉ được kích hoạt để đáp lại một cảm xúc sùng kính mạnh mẽ từ phía một cá nhân. Khi Mình Thánh Chúa được nâng lên, tất cả các thành viên của giáo đoàn đều cúi đầu—một số người dường như chỉ là do thói quen, nhưng một số người khác cũng với một cảm xúc sùng kính sâu sắc dâng trào mạnh mẽ.

The effect as seen by clairvoyant sight was most striking and profoundly impressive, for to each of these latter there darted from the uplifted Host a ray of fire, which set the higher part of the astral body of the recipient glowing with the most intense ecstasy. Through the astral body, by reason of its close relation with it, the intuitional vehicle was also strongly affected; and although in none of these peasants could it be said to be in any way awakened, its growth within its shell was unquestionably distinctly stimulated, and its capability of instinctively influencing the astral was enhanced. For while the awakened intuition can consciously mould and direct the astral, there is a great storehouse of force in even the most undeveloped intuitional vehicle, and this shines out upon and through the astral body, even though it be unconsciously and automatically.

Hiệu ứng khi được nhìn thấy bằng thị lực thông nhãn là nổi bật nhất và gây ấn tượng sâu sắc, bởi vì đối với mỗi người sau này, một tia lửa bắn ra từ Mình Thánh Chúa được nâng lên, làm cho phần cao hơn của thể cảm xúc của người nhận phát sáng với sự ngây ngất mãnh liệt nhất. Thông qua thể cảm xúc, do mối quan hệ chặt chẽ của nó với nó, phương tiện trực giác cũng bị ảnh hưởng mạnh mẽ; và mặc dù không thể nói rằng nó được đánh thức theo bất kỳ cách nào ở những người nông dân này, nhưng sự phát triển của nó trong lớp vỏ của nó chắc chắn đã được kích thích rõ ràng, và khả năng ảnh hưởng một cách bản năng đến thể cảm xúc của nó đã được tăng cường. Bởi vì trong khi trực giác được đánh thức có thể có tâm thức định hình và điều khiển thể cảm xúc, thì ngay cả trong phương tiện trực giác kém phát triển nhất cũng có một kho dự trữ mãnh lực lớn, và điều này tỏa sáng trên và xuyên qua thể cảm xúc, ngay cả khi nó là vô thức và tự động.

I was naturally intensely interested in this phenomenon, and I made a point of attending various functions at different churches in order to learn whether what I had seen on this occasion was invariable, or, if it varied, when and under what conditions. I found that at every celebration the same results were produced, and the two forces which I have tried to describe were always in evidence—the first apparently without any appreciable variation, but the display of the second depending upon the number of really devotional people who formed part of the congregation.

Đương nhiên, tôi vô cùng quan tâm đến hiện tượng này, và tôi đã coi trọng việc tham dự nhiều buổi lễ khác nhau tại các nhà thờ khác nhau để tìm hiểu xem những gì tôi đã thấy trong dịp này có phải là bất biến hay không, hoặc nếu nó thay đổi, thì khi nào và trong điều kiện nào. Tôi thấy rằng ở mỗi buổi cử hành, các kết quả tương tự đều được tạo ra, và hai mãnh lực mà tôi đã cố gắng mô tả luôn hiển hiện—mãnh lực thứ nhất dường như không có bất kỳ biến thể đáng kể nào, nhưng sự hiển thị của mãnh lực thứ hai phụ thuộc vào số lượng người thực sự sùng đạo tạo thành một phần của giáo đoàn.

The elevation of the Host immediately after its consecration was not the only occasion upon which this display of force took place. When the benediction was given with the Blessed Sacrament exactly the same thing happened. On several occasions I followed the procession of the Host through the streets, and every time that a halt was made at some half-ruined church and the benediction was given from its steps, precisely the same double phenomenon was produced. I observed that the reserved Host upon the altar of the church was all day long steadily pouring forth the former of the two influences, though not so strongly as at the moment of elevation or benediction. One might say that the light glowed upon the altar without ceasing, but shone forth as a sun at those moments of special

Việc nâng Mình Thánh Chúa lên ngay sau khi thánh hiến không phải là dịp duy nhất mà sự thể hiện sức mạnh này diễn ra. Khi ban phép lành với Mình Thánh Chúa, điều tương tự cũng xảy ra. Trong một số dịp, tôi đã theo đám rước Mình Thánh Chúa qua các đường phố, và mỗi khi dừng lại ở một nhà thờ đổ nát và ban phép lành từ các bậc thềm của nó, thì hiện tượng kép tương tự cũng được tạo ra. Tôi quan sát thấy rằng Mình Thánh Chúa được lưu giữ trên bàn thờ của nhà thờ cả ngày dài đều tuôn ra ảnh hưởng thứ nhất trong hai ảnh hưởng, mặc dù không mạnh bằng lúc được nâng lên hoặc ban phép lành. Người ta có thể nói rằng ánh sáng phát sáng trên bàn thờ không ngừng nghỉ, nhưng tỏa sáng như mặt trời vào những thời điểm nỗ lực đặc biệt đó. Tác động của các mãnh lực thứ hai, tia sáng thứ hai, cũng

effort. The action of the second forces, the second ray of light, could also be evoked from the reserved Sacrament upon the altar, apparently at any time, though it seemed to me somewhat less vivid than the outpouring immediately after the consecration.

có thể được gợi lên từ Mình Thánh Chúa được lưu giữ trên bàn thờ, dường như vào bất kỳ lúc nào, mặc dù đối với tôi, nó có vẻ kém sống động hơn một chút so với dòng chảy ngay sau khi thánh hiến.

Everything connected with the Host—the tabernacle, the monstrance, the altar itself, the priest's vestments, the insulating humeral veil, the chalice and paten—all were strongly charged with this tremendous magnetism, and all were radiating it forth, each in its degree.

Mọi thứ liên quan đến Mình Thánh Chúa—nhà tạm, bình thánh, chính bàn thờ, lễ phục của linh mục, khăn choàng vai cách điện, chén thánh và đĩa thánh—tất cả đều được tích điện mạnh mẽ với từ mãnh lực to lớn này, và tất cả đều đang tỏa ra nó, mỗi thứ theo mức độ của nó.

A third effect is that which is produced upon the communicant. He who receives into his body a part of that dazzling centre, from which flow the light and the fire, becomes himself for the time a similar centre, and radiates power in his turn. The tremendous waves of force which he has thus drawn into the closest possible association with himself cannot but seriously influence his higher bodies. For the time these waves raise his vibrations into harmony with themselves, thus producing a feeling of intense exaltation. This, however, is a considerable strain upon his various vehicles, which naturally tend gradually to fall back again to their normal rates. For a long time the indescribably vivid higher influence struggles against this tendency to slow down, but the dead weight of the comparatively enormous mass of the man's own ordinary undulations acts as a drag upon even its tremendous energy, and gradually brings it and themselves down to the common level. But undoubtedly every such experience draws the man just an infinitesimal fraction higher than he was before. He has been for a few moments or even for a few hours in direct contact with the forces of a world far higher than any that he himself can otherwise touch.

Hiệu ứng thứ ba là hiệu ứng được tạo ra đối với người rước lễ. Người nhận vào cơ thể mình một phần của trung tâm chói lọi đó, nơi mà ánh sáng và lửa tuôn ra, sẽ tự mình trở thành một trung tâm tương tự trong thời gian đó, và đến lượt mình sẽ tỏa ra sức mạnh. Những làn sóng mãnh lực to lớn mà y đã thu hút vào sự kết hợp gần gũi nhất có thể với bản thân mình chắc chắn sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến các thể cao hơn của y. Trong thời gian đó, những làn sóng này nâng cao những rung động của y vào sự hài hòa với chính chúng, do đó tạo ra một cảm giác thăng hoa mãnh liệt. Tuy nhiên, đây là một sự căng thẳng đáng kể đối với nhiều thể khác nhau của y, theo lẽ tự nhiên có xu hướng dần dần quay trở lại tốc độ bình thường của chúng. Trong một thời gian dài, ảnh hưởng cao hơn sống động không thể diễn tả được đã đấu tranh chống lại xu hướng chậm lại này, nhưng sức nặng của khối lượng tương đối khổng lồ của những dao động thông thường của chính con người hoạt động như một mãnh lực cản ngay cả đối với năng lượng to lớn của nó, và dần dần đưa nó và bản thân chúng xuống mức chung. Nhưng chắc chắn rằng mọi trải nghiệm như vậy đều kéo con người lên cao hơn một chút so với trước đây. Y đã có trong vài phút hoặc thậm chí vài giờ tiếp xúc trực tiếp với các mãnh lực của một thế giới cao hơn nhiều so với bất kỳ thế giới nào mà bản thân y có thể chạm tới.

Naturally, having watched all this, I then proceeded to make further investigations as to how far this outflowing of force was affected by the character, the knowledge or the intention of the priest. I may sum up briefly the results of the examination of a large number of cases in the form of two or three axioms, which will no doubt at first sight seem surprising to many of my

Đương nhiên, sau khi quan sát tất cả những điều này, tôi đã tiến hành nghiên cứu thêm về việc dòng chảy mãnh lực này bị ảnh hưởng như thế nào bởi tính cách, kiến thức hoặc ý định của linh mục. Tôi có thể tóm tắt ngắn gọn kết quả kiểm tra một số lượng lớn các trường hợp dưới dạng hai hoặc ba tiên đề, điều này chắc chắn thoạt nhìn sẽ gây ngạc nhiên cho nhiều độc giả của tôi.

readers.

ORDINATION

First, only those priests who have been lawfully ordained, and have the apostolic succession, can produce this effect at all. Other men, not being part of this definite organisation, cannot perform this feat, no matter how devoted or good or saintly they may be. Secondly, neither the character of the priest, nor his knowledge, nor ignorance as to what he is really doing, affects the result in any way whatever.

If one thinks of it, neither of these statements ought to seem to us in any way astonishing, since it is obviously a question of being able to perform a certain action, and only those who have passed through a certain ceremony have received the gift of the ability to perform it. Just in the same way, in order to be able to speak to a certain set of people one must know their language, and a man who does not know that language cannot communicate with them, no matter how good and earnest and devoted he may be. Also, his ability to communicate with them is not affected by his private character, but only by the one fact that he has, or has not, the power to speak to them which is conferred by a knowledge of their language. I do not for a moment say that these other considerations are without their due effect; I shall speak of that later, but what I do say is that no one can draw upon this particular reservoir unless he has received the power to do so which comes from a due appointment given according to the direction left by the Christ.

I think that we can see a very good reason why precisely this arrangement has been made. Some plan was needed which should put a splendid outpouring of force within the reach of every one simultaneously in thousands of churches all over the world. I do not say that it might not be possible for a man of most exceptional power and holiness to call down through the strength of his devotion an amount of higher force commensurate with that obtained through the rites which I have described. But men of such exceptional power are always excessively rare,

PHONG CHỨC

Trước hết, chỉ những linh mục đã được phong chức hợp pháp và có sự kế vị tông đồ mới có thể tạo ra hiệu ứng này. Những người khác, không phải là một phần của tổ chức xác định này, không thể thực hiện kỳ công này, bất kể họ có tận tụy, tốt bụng hay thánh thiện đến đâu. Thứ hai, cả tính cách của linh mục, cũng như kiến thức của y, cũng như sự thiếu hiểu biết về những gì y thực sự đang làm, đều không ảnh hưởng đến kết quả theo bất kỳ cách nào.

Nếu người ta nghĩ về nó, thì không có tuyên bố nào trong số này gây ngạc nhiên cho chúng ta theo bất kỳ cách nào, vì rõ ràng đó là vấn đề có thể thực hiện một hành động nhất định hay không, và chỉ những người đã trải qua một nghi lễ nhất định mới nhận được năng khiếu có khả năng thực hiện nó. Cũng giống như vậy, để có thể nói chuyện với một nhóm người nhất định, người ta phải biết ngôn ngữ của họ, và một người không biết ngôn ngữ đó không thể giao tiếp với họ, bất kể y có tốt bụng, tha thiết và tận tụy đến đâu. Ngoài ra, khả năng giao tiếp của y với họ không bị ảnh hưởng bởi tính cách riêng tư của y, mà chỉ bởi một thực tế là y có, hoặc không có, khả năng nói chuyện với họ, khả năng này được ban cho bởi kiến thức về ngôn ngữ của họ. Tôi không hề nói rằng những xem xét khác này không có tác dụng thích đáng của chúng; Tôi sẽ nói về điều đó sau, nhưng điều tôi nói là không ai có thể khai thác kho dự trữ cụ thể này trừ khi y đã nhận được sức mạnh để làm như vậy, sức mạnh này đến từ sự bổ nhiệm thích đáng được đưa ra theo chỉ dẫn của Đức Christ.

Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể thấy một lý do rất chính đáng tại sao sự sắp xếp này lại được thực hiện chính xác. Cần có một kế hoạch nào đó để đưa một dòng chảy mãnh lực tuyệt vời đến trong tầm tay của mọi người cùng một lúc trong hàng nghìn nhà thờ trên khắp thế giới. Tôi không nói rằng một người có sức mạnh và sự thánh thiện đặc biệt nhất có thể không thể kêu gọi thông qua sức mạnh của lòng sùng kính của mình một lượng mãnh lực cao hơn tương xứng với lượng mãnh lực thu được thông qua các nghi lễ mà tôi đã mô tả. Nhưng những người có sức mạnh đặc

and it could never at any time of the world's history have been possible to find enough of them simultaneously to fill even one thousandth part of the places where they are needed. But here is a plan whose arrangement is to a certain extent mechanical; it is ordained that a certain act when duly performed shall be the recognised method of bringing down the force; and this can be done with comparatively little training by any one upon whom the power is conferred. A strong man is needed to pump up water, but any child can turn on a tap. It needs a strong man to make a door and to hang it in its place, but when it is once on its hinges any child can open it.

biệt như vậy luôn cực kỳ hiếm, và không bao giờ có thể trong bất kỳ thời điểm nào trong lịch sử thế giới có thể tìm thấy đủ số lượng người như vậy cùng một lúc để lấp đầy ngay cả một phần nghìn số địa điểm mà họ cần thiết. Nhưng đây là một kế hoạch mà sự sắp xếp của nó ở một mức độ nhất định là mang tính cơ học; người ta quy định rằng một hành động nhất định khi được thực hiện đúng cách sẽ là phương pháp được công nhận để mang mãnh lực xuống; và điều này có thể được thực hiện với tương đối ít đào tạo bởi bất kỳ ai được ban cho sức mạnh. Cần một người khỏe mạnh để bơm nước lên, nhưng bất kỳ đứa trẻ nào cũng có thể mở vòi. Cần một người khỏe mạnh để làm một cánh cửa và treo nó vào đúng vị trí, nhưng khi nó đã ở trên bản lề, thì bất kỳ đứa trẻ nào cũng có thể mở nó ra.

Having myself been a priest of the Church of England, and knowing how keen are the disputes as to whether that Church really has the apostolic succession or not, I was naturally interested in discovering whether its priests possessed this power. I was much pleased to find that they did, and I suppose we may take that as definitely settling the much-disputed Parker question, and with it the whole controversy as to the authenticity of the Orders of the Church of England. I soon found by examination that ministers of what are commonly called dissenting sects did not possess this power, no matter how good and earnest they might be. Their goodness and earnestness produced plenty of other effects which I shall presently describe, but their efforts did *not* draw upon the particular reservoir to which I have referred.

Bản thân tôi từng là một linh mục của Giáo hội Anh, và biết được những tranh chấp gay gắt về việc liệu Giáo hội đó có thực sự có sự kế vị tông đồ hay không, nên tôi đương nhiên quan tâm đến việc khám phá xem liệu các linh mục của nó có sở hữu sức mạnh này hay không. Tôi rất vui khi thấy rằng họ đã làm được, và tôi cho rằng chúng ta có thể coi đó là giải quyết dứt khoát câu hỏi Parker gây tranh cãi, và cùng với đó là toàn bộ cuộc tranh cãi về tính xác thực của các Dòng tu của Giáo hội Anh. Tôi sớm phát hiện ra bằng cách kiểm tra rằng các mục sư của những gì thường được gọi là các giáo phái bất đồng chính kiến không sở hữu sức mạnh này, bất kể họ có tốt bụng và tha thiết đến đâu. Lòng tốt và sự tha thiết của họ đã tạo ra nhiều hiệu ứng khác mà tôi sẽ mô tả ngay sau đây, nhưng những nỗ lực của họ đã không khai thác được kho dự trữ cụ thể mà tôi đã đề cập.

I was especially interested in the case of one such minister whom I knew personally to be a good and devout man, and also a well-read Theosophist. Here was a man who knew much more about the real meaning of the act of consecration than nine hundred and ninety-nine out of a thousand of the priests who constantly perform it; and yet I am bound to admit that his best effort did not produce this particular effect, while the others as unquestionably did. (Once more, of course he produced other things which they did not—of which more anon.) That at first somewhat surprised me, but I soon saw that it

Tôi đặc biệt quan tâm đến trường hợp của một mục sư như vậy mà cá nhân tôi biết là một người tốt bụng và sùng đạo, và cũng là một nhà Thông Thiên Học uyên bác. Đây là một người biết nhiều hơn về ý nghĩa thực sự của hành động thánh hiến so với chín trăm chín mươi chín trên một nghìn linh mục thường xuyên thực hiện nó; tuy nhiên, tôi buộc phải thừa nhận rằng nỗ lực tốt nhất của y đã không tạo ra hiệu ứng cụ thể này, trong khi những người khác chắc chắn đã làm được. (Một lần nữa, tất nhiên y đã tạo ra những thứ khác mà họ không tạo ra—sẽ nói thêm về điều này sau.) Điều đó lúc đầu khiến tôi hơi ngạc nhiên, nhưng

could not have been otherwise. Suppose, for example, that a certain sum of money is left by a rich Freemason for distribution among his poorer brethren, the law would never sanction the division of that money among any others than the Freemasons for whom it was intended; and the fact that other poor people outside the Masonic body might be more devout or more deserving would not weigh with it in the slightest degree.

Another point which interested me greatly was the endeavour to discover to what extent, if at all, the intention of the priest affected the result produced. In the Roman Church I found many priests who went through the ceremony somewhat mechanically, and as a matter of daily duty, without any decided thought on the subject; but whether from ingrained reverence or from long habit, they always seemed to recover themselves just before the moment of consecration and to perform that act with a definite intention.

THE ANGLICAN CHURCH

I turned then to what is called the Low Church division of the Anglican community to see what would happen with them, because I knew that many of them would reject altogether the name of priest, and though they might follow the rubric in performing the act of consecration, their intention in doing it would be exactly the same as that of ministers of various denominations outside the Church. Yet I found that the Low Churchman could and did produce the effect, and that the others outside did not. Hence I infer that the 'intention' which is always said to be required must be no more than the intention to do whatever the Church means, without reference to the private opinion of the particular priest as to what that meaning is. I have no doubt that many people will think that all this ought to be quite differently arranged, but I can only report faithfully what my investigations have shown me to be the fact.

I must not for a moment be understood as saying that the devotion and earnestness, the knowledge and the good character of the officiant make no difference. They make a great difference; but they do not affect the power to

tôi sớm nhận ra rằng nó không thể khác được. Ví dụ, giả sử rằng một khoản tiền nhất định được để lại bởi một Hội Tam Điểm giàu có để phân phát cho những huynh đệ nghèo hơn của y, thì luật pháp sẽ không bao giờ chấp thuận việc phân chia số tiền đó cho bất kỳ ai khác ngoài những Hội Tam Điểm mà nó được dành cho; và thực tế rằng những người nghèo khác bên ngoài cơ quan Hội Tam Điểm có thể sùng đạo hơn hoặc xứng đáng hơn sẽ không ảnh hưởng đến nó dù chỉ một chút.

Một điểm khác mà tôi rất quan tâm là nỗ lực khám phá xem ý định của linh mục ảnh hưởng đến kết quả được tạo ra ở mức độ nào, nếu có. Trong Giáo hội La Mã, tôi thấy nhiều linh mục thực hiện nghi lễ có phần máy móc, và như một nhiệm vụ hàng ngày, mà không có bất kỳ suy nghĩ dứt khoát nào về chủ đề này; nhưng dù là do sự tôn kính ăn sâu hay do thói quen lâu đời, họ dường như luôn lấy lại bình tĩnh ngay trước thời điểm thánh hiến và thực hiện hành động đó với một ý định rõ ràng.

GIÁO HỘI ANH GIÁO

Sau đó, tôi chuyển sang cái được gọi là nhánh Giáo hội Thấp của cộng đồng Anh giáo để xem điều gì sẽ xảy ra với họ, bởi vì tôi biết rằng nhiều người trong số họ sẽ hoàn toàn bác bỏ tên gọi linh mục, và mặc dù họ có thể làm theo quy tắc trong khi thực hiện hành động thánh hiến, nhưng ý định của họ khi làm điều đó sẽ giống hệt với ý định của các mục sư của nhiều giáo phái khác nhau bên ngoài Giáo hội. Tuy nhiên, tôi thấy rằng người thuộc Giáo hội Thấp có thể và đã tạo ra hiệu ứng, và những người khác bên ngoài thì không. Do đó, tôi suy ra rằng 'ý định' mà người ta luôn nói là cần thiết phải không gì khác hơn là ý định làm bất cứ điều gì Giáo hội muốn, mà không liên quan đến ý kiến riêng của linh mục cụ thể về ý nghĩa đó là gì. Tôi không nghi ngờ gì rằng nhiều người sẽ nghĩ rằng tất cả những điều này nên được sắp xếp hoàn toàn khác, nhưng tôi chỉ có thể báo cáo trung thực những gì mà các cuộc nghiên cứu của tôi đã cho tôi thấy là sự thật.

Tôi không hề nói rằng sự tận tâm và tha thiết, kiến thức và phẩm chất tốt của người cử hành không tạo ra sự khác biệt. Chúng tạo ra một sự khác biệt lớn; nhưng chúng không ảnh hưởng đến sức mạnh để khai thác kho dự trữ cụ thể đó.

draw from that particular reservoir. When the priest is earnest and devoted his whole feeling radiates out upon his people and calls forth similar feelings in such of them as are capable of expressing them. Also his devotion calls down its inevitable response, as shown in the illustration in *Thought-Forms,* and the down-pouring of force thus evoked benefits his congregation as well as himself; so that a priest who throws his heart and soul into the work which he does may be said to bring a double blessing upon his people, though the second class of influence can scarcely be considered as being of the same order of magnitude as the first. This second outpouring, which is drawn down by devotion itself, is of course to be found just as often outside the Church as within it.

Khi linh mục tha thiết và tận tâm, toàn bộ cảm xúc của y sẽ tỏa ra trên giáo dân của mình và khơi dậy những cảm xúc tương tự ở những người có khả năng thể hiện chúng. Ngoài ra, sự tận tâm của y sẽ kêu gọi sự đáp lại không thể tránh khỏi của nó, như được hiển thị trong hình minh họa trong Hình Tư Tưởng, và dòng chảy mãnh lực được gợi lên do đó sẽ mang lại lợi ích cho giáo đoàn của y cũng như cho chính y; do đó, một linh mục dồn hết tâm sức vào công việc mà y làm có thể nói là mang lại phước lành gấp đôi cho giáo dân của mình, mặc dù loại ảnh hưởng thứ hai khó có thể được coi là cùng một bậc với loại thứ nhất. Dòng chảy thứ hai này, được thu hút bởi chính sự tận tâm, tất nhiên là có thể được tìm thấy thường xuyên bên ngoài Giáo hội cũng như bên trong nó.

Another factor to be taken into account is the feeling of the congregation. If their feeling is devout and reverent it is of immense help to their teacher, and it enormously increases the amount of spiritual energy poured down as a response to devotion. The average intellectual level of the congregation is also a matter to be considered, for a man who is intelligent as well as pious has within him a devotion of a higher order than his more ignorant brother, and is therefore able to evoke a fuller response. On the other hand in many places of worship where much is made of the exercise of the intellectual faculties—where for example the sermon and not the service is thought of as the principal feature—there is scarcely any real devotion, but instead of it a horrible spirit of criticism and of spiritual pride which effectually prevents the unfortunate audience from obtaining any good results at all from what they regard as their spiritual exercises.

Một yếu tố khác cần được tính đến là cảm xúc của giáo đoàn. Nếu cảm xúc của họ là sùng đạo và tôn kính, thì đó là sự giúp đỡ to lớn cho người thầy của họ, và nó làm tăng lên rất nhiều lượng năng lượng tinh thần được tuôn ra như một sự đáp lại lòng sùng kính. Trình độ trí tuệ trung bình của giáo đoàn cũng là một vấn đề cần được xem xét, bởi vì một người vừa thông minh vừa ngoan đạo sẽ có trong mình lòng sùng kính ở mức độ cao hơn so với người huynh đệ thiếu hiểu biết hơn của mình, và do đó có thể khơi dậy một sự đáp lại trọn vẹn hơn. Mặt khác, ở nhiều nơi thờ cúng, nơi mà việc sử dụng các năng mãnh lực trí tuệ được coi trọng—ví dụ, bài giảng chứ không phải buổi lễ được coi là đặc điểm chính—thì hầu như không có sự sùng kính thực sự nào, mà thay vào đó là một tinh thần phê phán và tự hào về tinh thần khủng khiếp, điều này ngăn cản một cách hiệu quả những khán giả kém may mắn đó thu được bất kỳ kết quả tốt đẹp nào từ những gì họ coi là bài tập tinh thần của mình.

Devotional feeling or carelessness, belief or scepticism on the part of the congregation make no difference whatever to the downflow from on high when there is a priest in charge who has the requisite qualifications to draw from the appointed reservoir. But naturally these factors make a difference as to the number of rays sent out from the consecrated Host, and so to the general atmosphere of the Church.

Cảm xúc sùng kính hoặc sự bất cẩn, niềm tin hoặc sự hoài nghi từ phía giáo đoàn không tạo ra bất kỳ sự khác biệt nào đối với dòng chảy từ trên cao khi có một linh mục phụ trách có đủ phẩm chất để khai thác kho dự trữ được chỉ định. Nhưng đương nhiên, những yếu tố này tạo ra sự khác biệt về số lượng tia sáng được gửi đi từ Mình Thánh Chúa đã được thánh hiến, và do đó, đối với bầu không khí chung của Giáo hội.

THE MUSIC

Another very important factor in the effect produced is the music which is used in the course of the service. Those who have read *Thought-Forms* will remember the striking drawings that are there given of the enormous and splendid mental, astral and etheric erections which are built up by the influence of sound. The general action of sound is a question which I shall take up in another chapter, touching here only upon that side of it which belongs to the services of the Church.

Here is another direction, unsuspected by the majority of those who participate in them, in which these services are capable of producing a wonderful and powerful effect. The devotion of the Church has always centred principally round the offering of the Mass as an act of the highest and purest adoration possible, and consequently the most exalted efforts of its greatest composers have been in connection with this service also. Here we may see one more example of the wisdom with which the arrangements were originally made, and of the crass ineptitude of those who have so blunderingly endeavoured to improve them.

THE THOUGHT-FORMS

Each of the great services of the Church (and more especially the celebration of the Eucharist) was originally designed to build up a mighty ordered form, expressing and surrounding a central idea—a form which would facilitate and direct the radiation of the influence upon the entire village which was grouped round the church. The idea of the service may be said to be a double one: to receive and distribute the great outpouring of spiritual force, and to gather up the devotion of the people, and offer it before the throne of God.

In the case of the Mass as celebrated by the Roman or the Greek Church, the different parts of the service are grouped round the central act of consecration distinctly with a view to the symmetry of the great form produced, as well as to their direct effect upon the worshippers. The alterations made in the English Prayer Book in 1552 were evidently the work of people who

ÂM NHẠC

Một yếu tố rất quan trọng khác trong hiệu ứng được tạo ra là âm nhạc được sử dụng trong quá trình cử hành buổi lễ. Những ai đã đọc Hình Tư Tưởng sẽ nhớ những bức vẽ ấn tượng được đưa ra ở đó về những công trình trí tuệ, cảm xúc và dĩ thái khổng lồ và lộng lẫy được xây dựng bởi ảnh hưởng của âm thanh. Tác động chung của âm thanh là một câu hỏi mà tôi sẽ đề cập trong một chương khác, ở đây chỉ đề cập đến khía cạnh của nó thuộc về các buổi lễ của Giáo hội.

Đây là một hướng khác, không được phần lớn những người tham gia nghi ngờ, mà các buổi lễ này có khả năng tạo ra một hiệu ứng tuyệt vời và mạnh mẽ. Lòng sùng kính của Giáo hội luôn tập trung chủ yếu vào việc dâng Thánh lễ như một hành động thờ phượng cao nhất và thuần khiết nhất có thể, và do đó, những nỗ lực cao cả nhất của các nhà soạn nhạc vĩ đại nhất của nó cũng liên quan đến buổi lễ này. Ở đây, chúng ta có thể thấy một ví dụ nữa về sự khôn ngoan mà các sắp xếp ban đầu được thực hiện, và sự vụng về của những người đã cố gắng cải thiện chúng một cách ngu ngốc.

CÁC HÌNH TƯ TƯỞNG

Mỗi buổi lễ lớn của Giáo hội (và đặc biệt là việc cử hành Bí tích Thánh Thể) ban đầu được thiết kế để xây dựng một hình thức có trật tự hùng mạnh, thể hiện và bao quanh một ý tưởng trung tâm—một hình thức sẽ tạo điều kiện thuận lợi và định hướng cho sự lan tỏa của ảnh hưởng đối với toàn bộ ngôi làng được tập hợp xung quanh nhà thờ. Có thể nói ý tưởng của buổi lễ là hai mặt: tiếp nhận và phân phối dòng chảy mãnh lực tinh thần vĩ đại, và tập hợp lòng sùng kính của người dân, và dâng nó lên trước ngai vàng của Thượng Đế.

Trong trường hợp Thánh lễ được cử hành bởi Giáo hội La Mã hoặc Giáo hội Hy Lạp, các phần khác nhau của buổi lễ được tập hợp xung quanh hành động thánh hiến trung tâm rõ ràng với mục đích hướng đến sự đối xứng của hình dạng vĩ đại được tạo ra, cũng như tác động trực tiếp của chúng đối với những người thờ phượng. Những thay đổi được thực hiện trong Sách Cầu nguyện

were ignorant of this side of the question, for they altogether disturbed that symmetry—which is one reason why it is an eminently desirable thing for the Church of England that it should as speedily as possible so arrange its affairs as to obtain permission to use as an alternative the Mass of King Edward VI according to the Prayer Book of

tiếng Anh năm 1552 rõ ràng là công việc của những người không biết gì về khía cạnh này của vấn đề, bởi vì họ hoàn toàn làm xáo trộn sự đối xứng đó—đó là một lý do tại sao điều đó là điều rất mong muốn đối với Giáo hội Anh là nó nên càng sớm càng tốt sắp xếp các công việc của mình để được phép sử dụng Thánh lễ của Vua Edward VI như một sự thay thế theo Sách Cầu nguyện năm 1549.

One of the most important effects of the Church Service, both upon the immediate congregation and upon the surrounding district, has always been the creation of these beautiful and devotional thought-forms, through which the downpouring of life and strength from higher worlds can more readily take effect. These are better made and their efficiency enhanced when a considerable portion of those who take part in the service do so with intelligent comprehension, yet even when the devotion is ignorant the result is still beautiful and uplifting.

Một trong những tác động quan trọng nhất của Buổi lễ Giáo hội, đối với cả giáo đoàn trực tiếp và đối với khu vực xung quanh, luôn là việc tạo ra những hình tư tưởng đẹp đẽ và sùng đạo này, thông qua đó dòng chảy sự sống và sức mạnh từ các thế giới cao hơn có thể dễ dàng có hiệu mãnh lực hơn. Những thứ này được tạo ra tốt hơn và hiệu quả của chúng được nâng cao khi một phần đáng kể những người tham gia buổi lễ làm như vậy với sự hiểu biết thông minh, nhưng ngay cả khi lòng sùng kính là thiếu hiểu biết thì kết quả vẫn đẹp đẽ và nâng cao tinh thần.

Most of the sects, which unhappily broke away from the Church, entirely lost sight of this inner and more important side of public worship. The idea of the service offered to God almost disappeared, and its place was largely taken by the fanatical preaching of narrow theological dogmas which were always unimportant and frequently ridiculous. Readers have sometimes expressed surprise that those who write from the occult standpoint should seem so decidedly to favour the practices of the Church, rather than those of the various sects whose thought is in many ways more liberal. The reason is shown precisely in this consideration of the inner side of things on which we are now engaged.

Hầu hết các giáo phái, những giáo phái không may đã tách khỏi Giáo hội, hoàn toàn không nhìn thấy khía cạnh bên trong và quan trọng hơn này của việc thờ phượng công khai. Ý tưởng về buổi lễ dâng lên Thượng Đế gần như biến mất, và vị trí của nó phần lớn được thay thế bằng việc thuyết giảng cuồng tín những giáo điều thần học hạn hẹp, những giáo điều luôn không quan trọng và thường lố bịch. Độc giả đôi khi bày tỏ sự ngạc nhiên rằng những người viết từ quan điểm huyền bí học dường như ủng hộ một cách rõ ràng các tập tục của Giáo hội, hơn là các tập tục của nhiều giáo phái khác nhau có tư tưởng tự do hơn về nhiều mặt. Lý do được thể hiện chính xác trong sự xem xét này về mặt bên trong của sự vật mà chúng ta hiện đang thực hiện.

The occult student recognises most fully the value of the effort which made liberty of conscience and of thought possible; yet he cannot but see that those who cast aside the splendid old forms and services of the Church lost in that very act almost the whole of the occult side of their religion, and made of it essentially a selfish and limited thing—a question chiefly of “personal salvation” for the individual, instead of the grateful offering of worship to God, which is in itself the never-failing channel through which the Divine Love is

Người nghiên cứu huyền bí học nhận ra một cách đầy đủ nhất giá trị của nỗ lực đã tạo ra sự tự do về lương tâm và tư tưởng; tuy nhiên, y không thể không thấy rằng những người gạt bỏ các hình thức và nghi lễ cổ xưa tuyệt vời của Giáo hội đã đánh mất gần như toàn bộ khía cạnh huyền bí học của tôn giáo của họ trong chính hành động đó, và biến nó thành một điều ích kỷ và hạn hẹp —một câu hỏi chủ yếu về "sự cứu rỗi cá nhân" cho cá nhân, thay vì lòng biết ơn dâng lên Thượng Đế, bản thân điều này là kênh không bao giờ cạn mà qua đó Tình yêu Thiêng liêng được tuôn ra cho tất

poured forth upon all.

The attainment of mental freedom was a necessary step in the process of human evolution; the clumsy and brutal manner in which it was obtained, and the foolishness of the excesses into which gross ignorance led its champions, are responsible for many of the deplorable results which we see at the present day. The same savage, senseless lust for wanton destruction that moved Cromwell's brutal soldiers to break priceless statues and irreplaceable stained glass, has deprived us also of the valuable effect produced in higher worlds by perpetual prayers for the dead, and by the practically universal devotion of the common people to the saints and angels. Then the great mass of the people was religious—even though ignorantly religious; now it is frankly and even boastfully irreligious. Perhaps this transitory stage is a necessary one, but it can hardly be considered in itself either beautiful or satisfactory.

THE EFFECT OF DEVOTION

No other service has an effect at all comparable to that of the celebration of the Mass, but the great musical forms may of course appear at any service where music is used. In all the other services (except indeed the Catholic Benediction of the Blessed Sacrament) the thought-forms developed and the general good which is done depend to a great extent upon the devotion of the people. Now devotion, whether individual or collective, varies much in quality. The devotion of the primitive savage, for example, is usually greatly mingled with fear, and the chief idea in his mind in connection with it is to appease a deity who might otherwise prove vindictive. But little better than this is much of the devotion of men who consider themselves civilised, for it is a kind of unholy bargain—the offering to the Deity of a certain amount of devotion if He on His side will extend a certain amount of protection or assistance.

Such devotion, being entirely selfish and grasping in its nature, produces results only in the lower types of astral matter, and exceedingly

cả.

Việc đạt được tự do trí tuệ là một bước cần thiết trong quá trình tiến hóa của con người; cách thức vụng về và tàn bạo mà nó có được, và sự ngu xuẩn của những hành vi thái quá mà sự thiếu hiểu biết thô thiển đã dẫn dắt những người ủng hộ nó, phải chịu trách nhiệm cho nhiều kết quả đáng tiếc mà chúng ta thấy ngày nay. Cùng một ham muốn man rợ, vô cảm đối với sự phá hủy bừa bãi đã thúc đẩy những người lính tàn bạo của Cromwell phá vỡ những bức tượng vô giá và kính màu không thể thay thế, cũng đã tước đoạt của chúng ta hiệu ứng quý giá được tạo ra trong các thế giới cao hơn bởi những lời cầu nguyện vĩnh viễn cho người chết, và bởi sự tận tâm thực tế phổ biến của những người bình thường đối với các vị thánh và thiên thần. Khi đó, đại đa số người dân đều sùng đạo—ngay cả khi sùng đạo một cách thiếu hiểu biết; bây giờ nó công khai và thậm chí khoe khoang là không sùng đạo. Có lẽ giai đoạn chuyển tiếp này là một giai đoạn cần thiết, nhưng bản thân nó khó có thể được coi là đẹp đẽ hoặc thỏa đáng.

HIỆU ỨNG CỦA LÒNG SÙNG KÍNH

Không có buổi lễ nào có tác dụng hoàn toàn giống với việc cử hành Thánh lễ, nhưng các hình thức âm nhạc tuyệt vời tất nhiên có thể xuất hiện ở bất kỳ buổi lễ nào sử dụng âm nhạc. Trong tất cả các buổi lễ khác (thực sự ngoại trừ Phép lành Bí tích Thánh Thể của Công giáo), các hình tư tưởng được phát triển và lợi ích chung đạt được phụ thuộc phần lớn vào lòng sùng kính của người dân. Bây giờ, lòng sùng kính, dù là cá nhân hay tập thể, đều khác nhau rất nhiều về chất lượng. Ví dụ, lòng sùng kính của người man rợ nguyên thủy thường bị trộn lẫn rất nhiều với nỗi sợ hãi, và ý tưởng chính trong tâm trí y liên quan đến nó là xoa dịu một vị thần mà nếu không có thể sẽ trở nên thù hận. Nhưng tốt hơn một chút so với điều này là phần lớn lòng sùng kính của những người tự coi mình là văn minh, bởi vì đó là một kiểu thỏa thuận không thiêng liêng—việc dâng lên Thượng Đế một lượng lòng sùng kính nhất định nếu Ngài về phía mình sẽ dành một lượng bảo vệ hoặc hỗ trợ nhất định.

Sự sùng kính như vậy, hoàn toàn ích kỷ và tham lam về bản chất của nó, chỉ tạo ra kết quả trong các loại vật chất cảm xúc thấp kém hơn, và trong

unpleasant-looking results they are in many cases. The thought-forms which they create are often shaped like grappling-hooks, and their forces move always in closed curves, reacting only upon the man who sends them forth, and bringing back to him whatever small result they may be able to achieve. The true, pure, unselfish devotion is an outrush of feeling which never returns to the man who gave it forth, but constitutes itself in very truth a cosmic force producing widespread results in higher worlds.

nhiều trường hợp, chúng là những kết quả trông cực kỳ khó chịu. Các hình tư tưởng mà chúng tạo ra thường có hình dạng giống như những chiếc móc vật lộn, và các mãnh lực của chúng luôn di chuyển theo các đường cong khép kín, chỉ phản ứng lại với người gửi chúng đi, và mang lại cho y bất kỳ kết quả nhỏ nào mà chúng có thể đạt được. Lòng sùng kính vị tha, thuần khiết, chân chính là một dòng cảm xúc tuôn trào không bao giờ quay trở lại với người đã ban phát nó, mà tự tạo thành một mãnh lực vũ trụ tạo ra những kết quả lan rộng trong các thế giới cao hơn.

Though the force itself never returns, the man who originates it becomes the centre of a downpour of divine energy which comes in response, and so in his act of devotion he has truly blessed himself, even though at the same time he has also blessed many others as well, and in addition to that has had the unequalled honour of contributing to the mighty reservoir of the Nirmanakaya. Anyone who possesses the book *Thought-Forms* may see in it an attempt to represent the splendid blue spire made by devotion of this type as it rushes upwards, and he will readily understand how it opens a way for a definite outpouring of the divine force of the Solar Deity.

Mặc dù bản thân mãnh lực không bao giờ quay trở lại, nhưng người tạo ra nó sẽ trở thành trung tâm của dòng chảy năng lượng thiêng liêng đến để đáp lại, và do đó, trong hành động sùng kính của mình, y đã thực sự ban phước cho chính mình, ngay cả khi đồng thời y cũng ban phước cho nhiều người khác, và ngoài ra còn có vinh dự vô song là đóng góp vào kho dự trữ to lớn của Nirmanakaya. Bất kỳ ai sở hữu cuốn sách *Hình Tư Tưởng* đều có thể thấy trong đó một nỗ lực để thể hiện ngọn tháp màu xanh lộng lẫy được tạo ra bởi lòng sùng kính thuộc loại này khi nó vươn lên, và y sẽ dễ dàng hiểu cách nó mở đường cho một dòng chảy xác định của mãnh lực thiêng liêng của Thái dương Thượng đế.

He is pouring forth His wonderful vital energy on every level in every world, and naturally the outpouring belonging to a higher world is stronger and fuller and less restricted than that upon the world below. Normally, each wave of this great force acts in its own world alone, and cannot or does not move transversely from one world to another; but it is precisely by means of unselfish thought and feeling, whether it be of devotion or of affection, that a temporary channel is provided through which the force normally belonging to a higher world *may* descend to a lower, and may produce there results which, without it, could never have come to pass.

Ngài đang tuôn trào năng lượng sống tuyệt vời của mình trên mọi cấp độ trong mọi thế giới, và đương nhiên dòng chảy thuộc về một thế giới cao hơn sẽ mạnh mẽ hơn, đầy đủ hơn và ít bị hạn chế hơn so với dòng chảy trên thế giới bên dưới. Thông thường, mỗi làn sóng của mãnh lực vĩ đại này chỉ hoạt động trong thế giới của chính nó, và không thể hoặc không di chuyển theo chiều ngang từ thế giới này sang thế giới khác; nhưng chính bằng phương tiện của suy nghĩ và cảm xúc vị tha, cho dù đó là lòng sùng kính hay tình cảm, mà một kênh tạm thời được cung cấp, thông qua đó mãnh lực thường thuộc về một thế giới cao hơn có thể giáng xuống một thế giới thấp hơn, và có thể tạo ra ở đó những kết quả mà nếu không có nó thì sẽ không bao giờ có thể xảy ra.

Every man who is truly unselfish frequently makes himself such a channel, though of course on a comparatively small scale; but the mighty act of devotion of a whole vast congregation, where it is really united, and utterly without

Mọi người thực sự vị tha thường xuyên biến mình thành một kênh như vậy, mặc dù tất nhiên ở quy mô tương đối nhỏ; nhưng hành động sùng kính to lớn của cả một giáo đoàn rộng lớn, nơi mà nó thực sự hợp nhất, và hoàn toàn không nghĩ đến

thought of self, produces the same result on an enormously greater scale. Sometimes though rarely, this occult side of religious services may be seen in full activity, and no one who has even once had the privilege of seeing such a splendid manifestation as this can for a moment doubt the hidden side of a Church service is of an importance infinitely greater than anything purely physical.

bản thân, sẽ tạo ra kết quả tương tự trên quy mô lớn hơn rất nhiều. Đôi khi, mặc dù hiếm khi, khía cạnh huyền bí học này của các buổi lễ tôn giáo có thể được nhìn thấy đang hoạt động hết công suất, và không ai đã từng có đặc ân nhìn thấy một biểu hiện tuyệt vời như thế này có thể nghi ngờ trong giây lát rằng mặt ẩn giấu của một buổi lễ Giáo hội có tầm quan trọng lớn hơn vô hạn so với bất cứ thứ gì hoàn toàn thuộc về vật lý.

Such an one would see the dazzling blue spiral or dome of the highest type of astral matter rushing upwards into the sky, far above the image of it in stone which sometimes crowns the physical edifice in which the worshippers are gathered; he would see the blinding glory which pours down through it and spreads out like a great flood of living light over all the surrounding region. Naturally, the diameter and the height of the spire of devotion determine the opening made for the descent of the higher life, while the force which expresses itself in the rate at which the devotional energy rushes upwards has its relation to the rate at which the corresponding down-pouring can take place. The sight is indeed a wonderful one, and he who sees it can never doubt again that the unseen influences are more than the seen, nor can he fail to realise that the world which goes on its way heedless of the devotional man, or perhaps even scornful of him, owes to him all the time far more than it knows.

Người như vậy sẽ nhìn thấy hình xoắn ốc hoặc mái vòm màu xanh chói lọi của loại vật chất cảm xúc cao nhất vươn lên bầu trời, cao hơn nhiều so với hình ảnh của nó bằng đá đôi khi bao quanh tòa nhà vật lý mà những người thờ phượng đang tụ tập; y sẽ nhìn thấy vinh quang chói lọi tuôn xuống qua nó và lan rộng ra như một trận lụt lớn của ánh sáng sống động trên toàn bộ khu vực xung quanh. Đương nhiên, đường kính và chiều cao của ngọn tháp sùng kính quyết định lỗ hở được tạo ra cho sự giáng hạ của sự sống cao hơn, trong khi mãnh lực thể hiện trong tốc độ mà năng lượng sùng kính vươn lên có mối quan hệ với tốc độ mà dòng chảy tương ứng có thể diễn ra. Quang cảnh thực sự là một điều tuyệt vời, và người nhìn thấy nó không bao giờ có thể nghi ngờ lại rằng những ảnh hưởng vô hình còn nhiều hơn những ảnh hưởng hữu hình, cũng như y không thể không nhận ra rằng thế giới đang tiếp tục trên con đường của nó mà không quan tâm đến người sùng đạo, hoặc thậm chí có lẽ còn khinh thường y, nhưng y luôn nợ y nhiều hơn những gì nó biết.

The power of the ordained priest is a reality in other ceremonies than the celebration of the eucharist. The consecration of the water in the rite of baptism, or of the holy water which is to be distributed to the faithful or kept at the entrance of the church, pours into it a strong influence, which enables it in each case to perform the part assigned to it. The same is true of other consecrations and benedictions which come in the course of the regular work of the priest, though in many of these it seems that a somewhat larger proportion of the effect is produced by the direct magnetism of the priest himself, and the amount of that of course depends upon the energy and earnestness with which he performs his part of the ceremony.

Sức mạnh của linh mục được phong chức là một thực tế trong các nghi lễ khác ngoài việc cử hành bí tích thánh thể. Việc thánh hiến nước trong nghi lễ rửa tội, hoặc nước thánh sẽ được phân phát cho các tín đồ hoặc được giữ ở lối vào nhà thờ, sẽ đổ vào đó một ảnh hưởng mạnh mẽ, cho phép nó trong mỗi trường hợp thực hiện vai trò được giao. Điều tương tự cũng đúng với các lễ thánh hiến và ban phép lành khác xảy ra trong quá trình công việc thường xuyên của linh mục, mặc dù trong nhiều nghi lễ này, dường như một tỷ lệ tương đối lớn hơn của hiệu ứng được tạo ra bởi từ mãnh lực trực tiếp của chính linh mục, và lượng từ mãnh lực đó tất nhiên phụ thuộc vào năng lượng và sự tha thiết mà y thực hiện vai trò của mình trong nghi lễ.

HOLY WATER

We shall find it interesting to study the hidden side of some of these minor services of the Church, and the work done by her priests. Into the making of holy water, for example, the mesmeric element enters very strongly. The priest first takes clean water and clean salt, and then proceeds to demagnetise them, to remove from them any casual exterior influences with which they may have been permeated. Having done this very thoroughly, he then charges them with spiritual power, each separately and with many earnest repetitions, and then finally with further fervent adjurations he casts the salt into the water in the form of a cross, and the operation is finished.

If this ceremony be properly and carefully performed the water becomes a highly effective talisman for the special purposes for which it is charged—that it shall drive away from the man who uses it all worldly and warring thought, and shall turn him in the direction of purity and devotion. The student of occultism will readily comprehend how this must be so, and when he sees with astral sight the discharge of the higher force which takes place when anyone uses or sprinkles this holy water, he will have no difficulty in realising that it must be a powerful factor in driving away undesirable thought and feeling, and quelling all irregular vibrations of the astral and mental bodies.

In every case where the priest does his work the spiritual force flows through, but he may add greatly to it by the fervour of his own devotion, and the vividness with which he realises what he is doing.

BAPTISM

The sacrament of baptism, as originally administered, had a real and beautiful hidden side. In those older days the water was magnetised with a special view to the effect of its vibrations upon the higher vehicles, so that all the germs of good qualities in the unformed astral and mental bodies of the child might thereby receive a strong stimulus, while at the same time the germs of evil might be isolated and deadened. The central idea no doubt was to take

NƯỚC THÁNH

Chúng ta sẽ thấy thú vị khi nghiên cứu mặt ẩn giấu của một số buổi lễ nhỏ này của Giáo hội, và công việc do các linh mục của nó thực hiện. Ví dụ, trong việc tạo ra nước thánh, yếu tố thôi miên đi vào rất mạnh mẽ. Linh mục trước tiên lấy nước sạch và muối sạch, và sau đó tiến hành khử từ cho chúng, để loại bỏ khỏi chúng bất kỳ ảnh hưởng bên ngoài ngẫu nhiên nào mà chúng có thể đã bị thấm nhuần. Sau khi đã làm điều này một cách kỹ lưỡng, y sau đó nạp vào chúng sức mạnh tinh thần, mỗi thứ riêng biệt và với nhiều lần lặp lại tha thiết, và cuối cùng, với những lời cầu khẩn tha thiết hơn nữa, y ném muối vào nước dưới dạng cây thánh giá, và thao tác hoàn tất.

Nếu nghi lễ này được thực hiện đúng cách và cẩn thận, nước sẽ trở thành một lá bùa hộ mệnh rất hiệu quả cho các mục đích đặc biệt mà nó được nạp—rằng nó sẽ xua đuổi khỏi người sử dụng nó tất cả những suy nghĩ trần tục và gây chiến, và sẽ hướng y đến sự thuần khiết và sùng kính. Người nghiên cứu huyền bí học sẽ dễ dàng hiểu tại sao điều này phải như vậy, và khi y nhìn thấy bằng thị lực cảm xúc sự phóng thích mãnh lực cao hơn diễn ra khi bất kỳ ai sử dụng hoặc rắc nước thánh này, y sẽ không gặp khó khăn gì khi nhận ra rằng nó phải là một yếu tố mạnh mẽ trong việc xua đuổi suy nghĩ và cảm xúc không mong muốn, và dập tắt tất cả những rung động không đều của thể cảm xúc và thể trí.

Trong mọi trường hợp mà linh mục làm công việc của mình, mãnh lực tinh thần đều tuôn chảy qua, nhưng y có thể bổ sung rất nhiều vào nó bằng lòng nhiệt thành của chính mình, và sự sống động mà y nhận ra những gì mình đang làm.

LỄ RỬA TỘI

Bí tích rửa tội, như được thực hiện ban đầu, có một mặt ẩn giấu thực sự và đẹp đẽ. Vào những ngày xa xưa đó, nước được từ hóa với mục đích đặc biệt là tác động của những rung động của nó lên các thể cao hơn, để tất cả những mầm mống của những phẩm chất tốt đẹp trong các thể cảm xúc và thể trí chưa thành hình của đứa trẻ có thể nhận được sự kích thích mạnh mẽ, đồng thời thời gian, mầm mống của cái ác có thể bị cô lập và làm tê liệt. Không nghi ngờ gì nữa, ý tưởng trung tâm

this early opportunity of fostering the growth of the good germs, in order that their development might precede that of the evil—in order that when at a later period the latter germs begin to bear their fruit, the good might already be so far evolved that the control of the evil would be a comparatively easy matter.

This is one side of the baptismal ceremony; it has also another aspect, as typical of the Initiation towards which it is hoped that the young member of the Church will direct his steps as he grows up. It is a consecration and a setting apart of the new set of vehicles to the true expression of the soul within, and to the service of the Great White Brotherhood; yet is also has its occult side with regard to these new vehicles themselves, and when the ceremony is properly and intelligently performed there can be no doubt that its effect is a powerful one.

UNION IS STRENGTH

The economy and efficiency of the whole scheme of the Lord Maitreya depend upon the fact that much greater powers can easily be arranged for a small body of men, who are spiritually prepared to receive them, than could possibly be universally distributed without a waste of energy which could not be contemplated for a moment. In the Hindu scheme, for example, every man is a priest for his own household, and therefore we have to deal with millions of such priests of all possible varieties of temperament, and not in any way specially prepared. The scheme of the ordination of priests gives a certain greater power to a limited number, who have by that very ordination been specially set apart for the work.

Carrying the same principle a little further, a set of still higher powers are given to a still smaller number—the bishops. They are made channels for the force which confers ordination, and for the much smaller manifestation of the same force which accompanies the rite of confirmation. The hidden side of these ceremonies is always one of great interest to the student of the realities of life. There are many cases now, unfortunately, where all these things are mere matters of form, and though that does

là tận dụng cơ hội sớm này để thúc đẩy sự phát triển của những mầm mống tốt, để sự phát triển của chúng có thể đi trước sự phát triển của cái ác—để khi ở giai đoạn sau, những mầm mống sau này bắt đầu sinh hoa kết trái, thì cái thiện có thể đã được tiến hóa đến mức việc kiểm soát cái ác sẽ là một vấn đề tương đối dễ dàng.

Đây là một mặt của nghi lễ rửa tội; nó cũng có một khía cạnh khác, như điển hình của Điểm đạo mà người ta hy vọng rằng thành viên trẻ tuổi của Giáo hội sẽ hướng các bước của mình đến khi y lớn lên. Đó là một sự thánh hiến và một sự dành riêng của tập hợp các thể mới cho sự thể hiện thực sự của linh hồn bên trong, và cho sự phụng sự Huynh đệ Đoàn Chánh đạo Vĩ đại; tuy nhiên, nó cũng có mặt huyền bí học của nó liên quan đến chính những thể mới này, và khi nghi lễ được thực hiện đúng cách và thông minh, chắc chắn rằng hiệu quả của nó là rất mạnh mẽ.

HỢP NHẤT LÀ SỨC MẠNH

Tính kinh tế và hiệu quả của toàn bộ kế hoạch của Đức Maitreya phụ thuộc vào thực tế là sức mạnh lớn hơn nhiều có thể dễ dàng được sắp xếp cho một nhóm nhỏ người, những người được chuẩn bị về mặt tinh thần để tiếp nhận chúng, so với những gì có thể được phân phối một cách phổ quát mà không lãng phí năng lượng, điều này không thể được nghĩ đến trong giây lát. Ví dụ, trong kế hoạch của Hindu, mỗi con người đều là linh mục cho gia đình của chính mình, và do đó, chúng ta phải đối phó với hàng triệu linh mục như vậy thuộc tất cả các loại tính khí có thể có, và không được chuẩn bị đặc biệt theo bất kỳ cách nào. Kế hoạch phong chức các linh mục mang lại một sức mạnh lớn hơn nhất định cho một số lượng hạn chế, những người đã được phong chức đặc biệt để làm công việc đó.

Thực hiện nguyên tắc tương tự xa hơn một chút, một tập hợp các quyền năng cao hơn nữa được trao cho một số lượng nhỏ hơn nữa—các giám mục. Họ được tạo thành những kênh dẫn cho mãnh lực ban ra sự phong chức, và cho biểu hiện nhỏ hơn nhiều của cùng một mãnh lực đi kèm với nghi thức xác nhận. Mặt ẩn giấu của những nghi lễ này luôn là điều thú vị đối với người nghiên cứu thực tại của cuộc sống. Thật không may, hiện nay có nhiều trường hợp mà tất cả những điều này chỉ là hình thức, và mặc dù điều đó không ngăn cản

not prevent their result, it does minimise it; but where the old forms are used as they were meant to be used, the unseen effect is out of all proportion to anything that is visible in the physical world.

kết quả của chúng, nhưng nó lại giảm thiểu nó; nhưng khi các hình thức cũ được sử dụng như chúng được dự định sử dụng, thì hiệu ứng vô hình sẽ vượt xa bất cứ thứ gì có thể nhìn thấy trong thế giới vật lý.

CONSECRATION

To the bishop also is restricted the power of consecrating a church or a churchyard, and the occult side of this is a really pretty sight. It is interesting to watch the growth of the sort of fortification which the officiant builds as he marches round uttering the prescribed prayers and verses; to note the expulsion of any ordinary thought-forms which may happen to have been there, and the substitution for them of the orderly and devotional forms to which henceforth this building is supposed to be dedicated.

THÁNH HIẾN

Giám mục cũng bị hạn chế quyền thánh hiến một nhà thờ hoặc một nghĩa trang, và mặt huyền bí học của điều này thực sự là một cảnh tượng đẹp mắt. Thật thú vị khi quan sát sự phát triển của loại pháo đài mà người cử hành xây dựng khi y đi vòng quanh đọc những lời cầu nguyện và câu thơ đã được quy định; để ý việc trục xuất bất kỳ hình tư tưởng thông thường nào có thể tình cờ ở đó, và thay thế chúng bằng những hình dạng có trật tự và sùng đạo mà từ đó về sau, tòa nhà này được cho là dành riêng cho.

THE BELLS

There are many minor consecrations which are of great interest—the blessing of bells, for example. The ringing of bells has a distinct part in the scheme of the Church,, which in these days seems but little understood. The modern theory appears to be that they are meant to call people together at the time when the service is about to be performed, and there is no doubt that in the Middle Ages, when there were no clocks or watches, they were put to precisely this use. From this restricted view of the intention of the bell has grown the idea that anything which makes a noise will serve the purpose, and in most towns of England Sunday morning is made into a purgatory by the simultaneous but discordant clanging of a number of unmusical lumps of metal.

CHUÔNG

Có nhiều lễ thánh hiến nhỏ rất thú vị—ví dụ như ban phước cho chuông. Việc rung chuông có một vai trò riêng biệt trong kế hoạch của Giáo hội, điều mà ngày nay dường như ít được hiểu. Lý thuyết hiện đại dường như cho rằng chúng có nghĩa là để gọi mọi người lại với nhau vào thời điểm mà buổi lễ sắp được thực hiện, và chắc chắn rằng vào thời Trung cổ, khi không có đồng hồ hoặc đồng hồ đeo tay, chúng đã được sử dụng chính xác cho mục đích này. Từ quan điểm hạn hẹp này về ý định của chiếc chuông đã nảy sinh ý tưởng rằng bất cứ thứ gì tạo ra tiếng ồn đều sẽ phục vụ mục đích, và ở hầu hết các thị trấn của Anh, sáng Chủ nhật được biến thành luyện ngục bởi tiếng leng keng đồng thời nhưng lạc lõng của một số cục kim loại không có âm nhạc.

At intervals we recognise the true use of the bells, as when we employ them on great festivals or on occasions of public rejoicing; for a peal of musical bells, sounding harmonious notes, is the only thing which was contemplated by the original plan, and these were intended to have a double influence. Some remnant of this still remains, though but half understood, in the science of campanology, and those who know the delights of the proper performance of a trip-bob-major or a grandsire-bob-cator will perhaps be prepared to

Theo định kỳ, chúng ta nhận ra công dụng thực sự của chuông, chẳng hạn như khi chúng ta sử dụng chúng trong các lễ hội lớn hoặc trong các dịp vui chơi công cộng; bởi vì một hồi chuông nhạc, phát ra những nốt nhạc du dương, là thứ duy nhất được nghĩ đến trong kế hoạch ban đầu, và những thứ này được dự định sẽ có ảnh hưởng kép. Một số tàn dư của điều này vẫn còn, mặc dù chỉ được hiểu một nửa, trong khoa học về chuông, và những người biết đến niềm vui của việc biểu diễn đúng một bản trip-bob-major hoặc

hear how singularly perfect and magnificent are the forms which are made by them.

một bản grandsire-bob-cator có lẽ sẽ sẵn sàng nghe về cách thức mà các hình thức được tạo ra bởi chúng hoàn hảo và tráng lệ một cách kỳ lạ.

This then was one of the effects which the ordered ringing of the bells was intended to produce. It was to throw out a stream of musical forms repeated over and over again, in precisely the same way, and for precisely the same purpose, as the Christian monk repeats hundreds of *Ave Marias* or the northern Buddhist spends much of his life in reiterating the mystic syllables *Om Mani Padme Hum,* or many a Hindu makes a background to his life by reciting the name Sita Ram.

Vậy thì, đây là một trong những hiệu ứng mà việc rung chuông có trật tự nhằm mục đích tạo ra. Đó là để ném ra một dòng các hình thức âm nhạc được lặp đi lặp lại nhiều lần, theo cách chính xác tương tự, và cho mục đích chính xác tương tự, như nhà sư Cơ đốc giáo lặp lại hàng trăm Ave Maria hoặc Phật tử phương bắc dành phần lớn cuộc đời của mình để lặp lại các âm tiết huyền bí Om Mani Padme Hum, hoặc nhiều người theo đạo Hindu tạo ra một nền tảng cho cuộc sống của họ bằng cách đọc thuộc lòng cái tên Sita Ram.

A particular thought-form and its meaning were in this way impressed over and over again upon all the astral bodies within hearing. The blessing of the bells was intended to add an additional quality to these undulations, of whatever kind they may have been. The ringing of the bells in different order would naturally produce different forms; but whatever the forms may be, they are produced by the vibration of the same bells, and if these bells are, to begin with, strongly charged with a certain type of magnetism, every form made by them will bear with it something of that influence. It is as though the wind which wafts to us snatches of music should at the same time bear with it a subtle perfume. So the bishop who blesses the bells charges them with much the same intent as he would bless holy water—with the intention that, wherever this sound shall go, all evil thought and feeling shall be banished and harmony and devotion shall prevail—a real exercise of magic, and quite effective when the magician does his work properly.

Một hình tư tưởng cụ thể và ý nghĩa của nó đã được in dấu theo cách này lặp đi lặp lại trên tất cả các thể cảm dục trong phạm vi nghe được. Phép ban phước cho những chiếc chuông nhằm mục đích thêm một phẩm chất bổ sung vào những làn sóng này, bất kể chúng thuộc loại nào. Việc rung chuông theo thứ tự khác nhau đương nhiên sẽ tạo ra các hình dạng khác nhau; nhưng dù hình dạng có thể là gì, chúng đều được tạo ra bởi sự rung động của cùng một chiếc chuông, và nếu những chiếc chuông này, ngay từ đầu, được truyền mạnh mẽ một loại từ tính nhất định, thì mọi hình dạng được tạo ra bởi chúng sẽ mang theo một phần ảnh hưởng đó. Giống như ngọn gió đưa đến cho chúng ta những đoạn nhạc thì đồng thời cũng mang theo một mùi hương tinh tế. Vì vậy, vị giám mục ban phước cho những chiếc chuông đã truyền vào chúng với ý định giống như người đó ban phước cho nước thánh — với ý định rằng, bất cứ nơi nào âm thanh này vang đến, mọi suy nghĩ và cảm xúc xấu xa sẽ bị xua đuổi và sự hài hòa và lòng sùng kính sẽ ngự trị — một bài tập huyền thuật thực sự, và khá hiệu quả khi nhà huyền thuật thực hiện công việc của mình một cách chính xác.

The sacring bell, which is rung inside the church, at the moment of the reciting of the *Tersanctus* or the elevation of the Host, has a different intention. In the huge cathedrals which mediaeval piety erected, it was impossible for all the worshippers to hear what the priest was saying in the recitation of the Mass, even before the present system of what is called "recitation in secret" was adopted. And therefore the server,

Chiếc chuông thánh, được rung lên bên trong nhà thờ, vào thời điểm đọc kinh Tersanctus hoặc nâng cao Bánh Thánh, có một ý định khác. Trong những nhà thờ lớn mà lòng mộ đạo thời trung cổ đã dựng lên, tất cả những người thờ phượng không thể nghe thấy những gì linh mục đang nói trong khi đọc kinh thánh lễ, ngay cả trước khi hệ thống hiện tại được gọi là "đọc kinh trong bí mật" được áp dụng. Và do đó, người phục vụ, người ở

who is close to the altar and follows the movements of the priest, has it among his duties to announce in this way to the congregation when these critical points of the service are reached.

gần bàn thờ và theo dõi các chuyển động của linh mục, có nhiệm vụ thông báo theo cách này cho hội chúng khi những điểm quan trọng của buổi lễ được thực hiện.

The bell which is often rung in Hindu or Buddhist temples has yet another intention. The original thought here was a beautiful and altruistic one. When some one had just uttered an act of devotion or made an offering, there came down in reply to that a certain outpouring of spiritual force. This charged the bell among other objects, and the idea of the man who struck it was that by so doing he would spread abroad, as far as the sound of the bell could reach, the vibration of this higher influence while it was still fresh and strong. Now it is to be feared that the true signification has been so far forgotten that there are actually some who believe it necessary in order to attract the attention of their deity!

Chiếc chuông thường được rung lên trong các ngôi đền Hindu hoặc Phật giáo lại có một ý định khác. Suy nghĩ ban đầu ở đây là một suy nghĩ đẹp đẽ và vị tha. Khi ai đó vừa thốt ra một hành động sùng kính hoặc dâng lễ vật, thì để đáp lại điều đó, một nguồn năng lượng tinh thần nhất định sẽ tuôn trào. Điều này đã truyền vào chiếc chuông cùng với các vật thể khác, và ý tưởng của người đánh chuông là bằng cách đó, người đó sẽ lan truyền ra, xa đến mức âm thanh của chuông có thể vang tới, rung động của ảnh hưởng cao hơn này khi nó vẫn còn tươi mới và mạnh mẽ. Giờ đây, người ta lo sợ rằng ý nghĩa thực sự đã bị lãng quên đến mức thực sự có một số người tin rằng điều đó là cần thiết để thu hút sự chú ý của vị thần của họ!

INCENSE

HƯƠNG

The same idea carried out in a different way shows itself to us in the blessing of the incense before it is burned. For the incense has always a dual significance. It ascends before God as a symbol of the prayers of the people; but also it spreads through the church as a symbol of the sweet savour of the blessing of God, and so once more the priest pours into it a holy influence with the idea that wherever its scent may penetrate, wherever the smallest particle of that which has been blessed may pass, it shall bear with it a feeling of peace and of purity, and shall chase away all inharmonious thoughts and sensations.

Cùng một ý tưởng được thực hiện theo một cách khác thể hiện rõ với chúng ta trong việc ban phước cho hương trước khi đốt. Vì hương luôn có ý nghĩa kép. Nó bay lên trước Chúa như một biểu tượng cho những lời cầu nguyện của mọi người; nhưng nó cũng lan tỏa khắp nhà thờ như một biểu tượng cho hương thơm ngọt ngào của phước lành của Chúa, và một lần nữa linh mục đổ vào đó một ảnh hưởng thiêng liêng với ý tưởng rằng bất cứ nơi nào mùi hương của nó có thể thấm vào, bất cứ nơi nào hạt nhỏ nhất của thứ đã được ban phước có thể đi qua, nó sẽ mang theo một cảm giác bình yên và thanh khiết, và sẽ xua đuổi tất cả những suy nghĩ và cảm giác bất hòa.

Even apart from the blessing, its influence is good, for it is carefully compounded from gums the undulation-rate of which harmonises perfectly with spiritual and devotional vibrations, but is distinctly hostile to almost all others. The magnetisation may merely intensify its natural characteristics, or may add to it other special oscillations, but in any case its use in connection with religious ceremonies is always good. The scent of sandalwood has many of the same characteristics; and the scent of pure attar of roses, though utterly different in character, has also a good effect.

Ngay cả khi không có phép ban phước, ảnh hưởng của nó cũng tốt, vì nó được pha chế cẩn thận từ các loại nhựa cây có tốc độ sóng hài hòa hoàn hảo với các rung động tinh thần và sùng đạo, nhưng rõ ràng là thù địch với hầu hết tất cả các loại rung động khác. Từ hóa có thể chỉ đơn thuần là tăng cường các đặc tính tự nhiên của nó, hoặc có thể thêm vào nó các dao động đặc biệt khác, nhưng trong mọi trường hợp, việc sử dụng nó liên quan đến các nghi lễ tôn giáo luôn là tốt. Mùi hương của gỗ đàn hương có nhiều đặc điểm giống nhau; và mùi hương của tinh dầu hoa hồng nguyên chất, mặc dù có đặc điểm hoàn toàn khác, nhưng cũng

có tác dụng tốt.

Another point which is to a large extent new in the scheme prepared by its Founder for the Christian Church is the utilisation of the enormous force which exists in united synchronous action. In Hindu or Buddhist temples each man comes when he chooses, makes his little offering or utters his few words of prayer and praise, and then retires. Result follows each such effort in proportion to the energy of real feeling put into it, and in this way a fairly constant stream of tiny consequences is achieved; but we never get the massive effect produced by the simultaneous efforts of a congregation of hundreds or thousands of people, or the heart-stirring vibrations which accompany the singing of some well known processional hymn.

Một điểm khác phần lớn là mới trong kế hoạch do Đấng Sáng Lập chuẩn bị cho Giáo hội Cơ đốc là việc sử dụng sức mạnh to lớn tồn tại trong hành động đồng bộ thống nhất. Trong các ngôi đền Hindu hoặc Phật giáo, mỗi người đến khi họ muốn, dâng lễ vật nhỏ hoặc thốt ra vài lời cầu nguyện và ca ngợi, rồi lui ra. Kết quả theo sau mỗi nỗ lực như vậy tỷ lệ thuận với năng lượng của cảm xúc thực sự được đưa vào đó, và theo cách này, một dòng hậu quả nhỏ bé khá ổn định sẽ đạt được; nhưng chúng ta không bao giờ có được hiệu ứng lớn do những nỗ lực đồng thời của một hội chúng gồm hàng trăm hoặc hàng nghìn người tạo ra, hoặc những rung động khuấy động trái tim đi kèm với việc hát một bài thánh ca hành lễ nổi tiếng nào đó.

By thus working together at a service we obtain four separate objects. (1) Whatever is the aim of the invocatory part of the service, a large number of people join in asking for it, and so send out a huge thought-form. (2) A correspondingly large amount of force flows in and stimulates the spiritual faculties of the people. (3) The simultaneous effort synchronises the undulations of their bodies, and so makes them more receptive. (4) Their attention being directed to the same object, they work together and thus stimulate one another.

Bằng cách cùng nhau làm việc trong một buổi lễ, chúng ta đạt được bốn mục tiêu riêng biệt. (1) Bất kể mục tiêu của phần cầu khẩn của buổi lễ là gì, một số lượng lớn người cùng nhau yêu cầu điều đó, và do đó gửi ra một hình tư tưởng khổng lồ. (2) Một lượng mãnh lực tương ứng chảy vào và kích thích các năng mãnh lực tinh thần của con người. (3) Nỗ lực đồng thời đồng bộ hóa các sóng của cơ thể họ, và do đó làm cho họ dễ tiếp thu hơn. (4) Sự chú ý của họ được hướng vào cùng một đối tượng, họ làm việc cùng nhau và do đó kích thích lẫn nhau.

SERVICES FOR THE DEAD

CÁC BUỔI LỄ CHO NGƯỜI CHẾT

What I have said in the earlier part of this chapter will explain a feature which is often misunderstood by those who ridicule the Church —the offering of a Mass with a certain intention, or on behalf of a certain dead person. The idea is that that person shall benefit by the downpouring of force which comes on that particular occasion, and undoubtedly he does so benefit, for the strong thought about him cannot but attract his attention, and when he is in that way drawn to the church he takes part in the ceremony and enjoys a large share of its result. Even if he is still in a condition of unconsciousness, as sometime happens to the newly-dead, the exertion of the priest's will (or his earnest prayer, which is the same thing) directs the stream of force towards the person for

Những gì tôi đã nói trong phần đầu của chương này sẽ giải thích một đặc điểm thường bị những người chế giễu Giáo hội hiểu lầm — việc dâng thánh lễ với một ý định nhất định, hoặc thay mặt cho một người chết nhất định. Ý tưởng là người đó sẽ được hưởng lợi từ dòng năng lượng tuôn trào trong dịp cụ thể đó, và chắc chắn người đó sẽ được hưởng lợi như vậy, bởi vì suy nghĩ mạnh mẽ về người đó không thể không thu hút sự chú ý của người đó, và khi người đó bị thu hút đến nhà thờ theo cách đó, người đó sẽ tham gia vào buổi lễ và tận hưởng một phần lớn kết quả của nó. Ngay cả khi người đó vẫn đang trong trạng thái bất tỉnh, như đôi khi xảy ra với người mới chết, thì nỗ lực ý chí của linh mục (hoặc lời cầu nguyện tha thiết của người đó, cũng giống như vậy) sẽ hướng dòng năng lượng đến người mà nó dành cho. Nỗ lực

whom it is intended. Such an effort is a perfectly legitimate act of invocatory magic; unfortunately an entirely illegitimate and evil element is often imported into the transaction by the exaction of a fee for the exercise of this occult power—a thing which is always inadmissible.

như vậy là một hành động hoàn toàn hợp pháp của huyền thuật cầu khẩn; thật không may, một yếu tố hoàn toàn bất hợp pháp và xấu xa thường được đưa vào giao dịch bằng cách đòi hỏi một khoản phí cho việc thực hiện sức mạnh huyền bí học này — một điều luôn luôn không thể chấp nhận được.

OTHER RELIGIONS

CÁC TÔN GIÁO KHÁC

I have been trying to expound something of the inner meaning of the ceremonies of the Christian Church—taking that, in the first place because it is with that that I am most familiar, and in the second place because it presents some interesting features which in their present form may be said to be new ideas imported into the scheme of things by our present Bodhisattva. I do not wish it to be supposed that I have expounded the Christian ceremonies because I regard that religion as in any way the best expression of universal truth; the fact that I, who am one of its priests, have publicly proclaimed myself a Buddhist, shows clearly that that is not my opinion.

Tôi đã cố gắng trình bày một số ý nghĩa bên trong của các nghi lễ của Giáo hội Cơ đốc giáo—lấy điều đó, trước hết vì đó là điều mà tôi quen thuộc nhất, và thứ hai là vì nó trình bày một số đặc điểm thú vị mà ở dạng hiện tại của chúng có thể nói là những ý tưởng mới được đưa vào kế hoạch của sự vật bởi Bồ Tát hiện tại của chúng ta. Tôi không muốn người ta cho rằng tôi đã trình bày các nghi lễ Cơ đốc giáo vì tôi coi tôn giáo đó là biểu hiện tốt nhất của chân lý phổ quát theo bất kỳ cách nào; thực tế là tôi, một trong những linh mục của nó, đã công khai tuyên bố mình là một Phật tử, cho thấy rõ ràng rằng đó không phải là ý kiến của tôi.

So far as its teaching goes, Christianity is probably more defective than any other of the great religions, with perhaps the doubtful exception of Muhammadanism; but that is not because of any neglect on the part of the original Founder to make His system a perfectly arranged exposition of the truth, but because most unfortunately the ignorant majority of the early Christians cast out from among themselves the great Gnostic Doctors, and thereby left themselves with a sadly mutilated doctrine. The Founder may perhaps have foreseen this failure, for He supplied His Church with a system of magic which would continue to work mechanically, even though His people should forget much of the early meaning of what He had taught them; and it is precisely the force which has lain behind this mechanical working which explains the remarkable hold so long maintained by a Church which intellectually has nothing to give to its followers.

Theo như giáo lý của nó, Cơ đốc giáo có lẽ có nhiều khiếm khuyết hơn bất kỳ tôn giáo lớn nào khác, có lẽ ngoại trừ Hồi giáo; nhưng đó không phải là do sự thờ ơ từ phía Đấng Sáng Lập ban đầu trong việc biến hệ thống của Ngài thành một bài trình bày được sắp xếp hoàn hảo về sự thật, mà bởi vì thật không may, phần lớn những người Cơ đốc giáo sơ khai thiếu hiểu biết đã loại bỏ khỏi họ các Bậc thầy Ngộ đạo vĩ đại, và do đó để lại cho họ một học thuyết bị cắt xén một cách đáng buồn. Đấng Sáng Lập có lẽ đã thấy trước được sự thất bại này, vì Ngài đã cung cấp cho Giáo hội của Ngài một hệ thống phép thuật sẽ tiếp tục hoạt động một cách máy móc, ngay cả khi người dân của Ngài quên đi nhiều ý nghĩa ban đầu của những gì Ngài đã dạy họ; và chính xác là mãnh lực đã đứng sau hoạt động máy móc này đã giải thích sức ảnh hưởng đáng kể được duy trì lâu dài bởi một Giáo hội mà về mặt trí tuệ không có gì để cung cấp cho những người theo nó.

Those who profess other religions must not then suppose that I mean any disrespect to their faiths because I have chosen for exposition that with which I am most familiar. The general principles

Những người theo các tôn giáo khác không nên cho rằng tôi có ý thiếu tôn trọng đối với tín ngưỡng của họ vì tôi đã chọn trình bày điều mà tôi quen thuộc nhất. Các nguyên tắc chung của

of the action of ceremonial magic which I have laid down are equally true for all religions, and each must apply them for himself.

THE ORDERS OF CLERGY

Perhaps I ought to explain, for the benefit of our Indian readers, that there are three orders among the Christian clergy—bishops, priests and deacons. When a man is first ordained he is admitted as a deacon, which means, practically, a kind of apprentice or assistant priest. He has not yet the power to consecrate the sacrament, to bless the people or to forgive their sins; he can, however, baptise children, but even a layman is permitted to do that in case of emergency. After a year in the diaconate he is eligible for ordination as a priest, and it is this second ordination which confers upon him the power to draw forth the force from the reservoir of which I have spoken. To him is then given the power to consecrate the Host and also various other objects, to bless the people in the name of the Christ, and to pronounce the forgiveness of their sins. In addition to all these powers, the bishop has that of ordaining other priests, and so carrying on the apostolic succession. He alone has the right to administer the rite of confirmation, and to consecrate a church, that is to say, to set it apart for the service of God. These three are the only orders which mean definite grades, separated from one another by ordinations which confer different powers. You may hear many titles applied to the Christian clergy, such as those of archbishop, archdeacon, dean or canon, but these are only the titles of offices, and involve differences of duty, but not of grade in the sense of spiritual power.

tác động của phép thuật nghi lễ mà tôi đã đặt ra đều đúng như nhau đối với tất cả các tôn giáo, và mỗi người phải tự áp dụng chúng cho mình.

CÁC CẤP BẬC CỦA GIÁO SĨ

Có lẽ tôi nên giải thích, vì lợi ích của độc giả Ấn Độ của chúng ta, rằng có ba cấp bậc giữa các giáo sĩ Cơ đốc giáo—giám mục, linh mục và phó tế. Khi một người mới được phong chức, y được nhận vào làm phó tế, điều này trên thực tế có nghĩa là một loại người học việc hoặc trợ lý linh mục. Y vẫn chưa có quyền thánh hiến bí tích, ban phước cho giáo dân hoặc tha thứ tội lỗi của họ; tuy nhiên, y có thể rửa tội cho trẻ em, nhưng ngay cả một giáo dân cũng được phép làm điều đó trong trường hợp khẩn cấp. Sau một năm làm phó tế, y đủ điều kiện để được phong chức linh mục, và chính sự phong chức thứ hai này đã ban cho y sức mạnh để rút ra mãnh lực từ kho dự trữ mà tôi đã nói đến. Sau đó, y được trao quyền thánh hiến Mình Thánh Chúa và nhiều vật thể khác, ban phước cho giáo dân nhân danh Đức Christ, và tuyên bố sự tha thứ cho tội lỗi của họ. Ngoài tất cả những quyền hạn này, giám mục còn có quyền phong chức cho các linh mục khác, và do đó tiếp tục sự kế vị tông đồ. Chỉ có y mới có quyền thực hiện nghi thức xác nhận, và thánh hiến một nhà thờ, nghĩa là dành riêng nó cho việc phụng sự Thượng Đế. Đây là ba cấp bậc duy nhất có nghĩa là các cấp bậc xác định, được phân biệt với nhau bằng các lễ phong chức ban cho các quyền hạn khác nhau. Bạn có thể nghe thấy nhiều danh hiệu được áp dụng cho các giáo sĩ Cơ đốc giáo, chẳng hạn như tổng giám mục, tổng phó tế, trưởng khoa hoặc giáo luật, nhưng đây chỉ là danh hiệu của các chức vụ, và liên quan đến sự khác biệt về nhiệm vụ, nhưng không phải về cấp bậc theo nghĩa của sức mạnh tinh thần.

CHAPTER IX -BY SOUNDS—BỞI ÂM THANH

SOUND, COLOUR AND FORM

WE have considered the influences radiating from the walls of our churches, and the effect of the ceremonies performed within them; it still remains for us to mention the hidden side of the music of their services.

There are many people who realise that sound always generates colour—that every note which is played or sung has overtones which produce the effect of light when seen by an eye even slightly clairvoyant. Not every one, however, knows that sounds also build form just as thoughts do. Yet this is nevertheless the case. It was long ago shown that sound gives rise to form in the physical world by singing a certain note into a tube across the end of which was stretched a membrane upon which fine sand or lycopodium powder had been cast.

In this way it was proved that each sound threw the sand into a certain definite shape, and that the same note always produced the same shape. It is not, however, with forms caused in this way that we are dealing just now, but with those built up in etheric, astral and mental matter, which persist and continue in vigorous action long after the sound itself has died away, so far as physical ears are concerned.

ÂM THANH, MÀU SẮC VÀ HÌNH DẠNG

Chúng ta đã xem xét những ảnh hưởng tỏa ra từ các bức tường của nhà thờ và ảnh hưởng của các nghi lễ được thực hiện bên trong chúng; chúng ta vẫn còn phải đề cập đến khía cạnh ẩn giấu của âm nhạc trong các buổi lễ của họ.

Có nhiều người nhận ra rằng âm thanh luôn tạo ra màu sắc — rằng mọi nốt nhạc được chơi hoặc hát đều có âm bội tạo ra hiệu ứng ánh sáng khi được nhìn thấy bằng con mắt dù chỉ hơi thông nhãn. Tuy nhiên, không phải ai cũng biết rằng âm thanh cũng tạo hình dạng giống như suy nghĩ. Tuy nhiên, nó là như thế. Cách đây rất lâu, người ta đã chứng minh rằng âm thanh tạo ra hình dạng trong thế giới vật chất bằng cách hát một nốt nhạc nhất định vào một ống, ở đầu kia của ống được căng một lớp màng mà trên đó người ta rắc cát mịn hoặc bột thạch tùng.

Theo cách này, người ta đã chứng minh rằng mỗi âm thanh đều ném cát vào một hình dạng nhất định, và cùng một nốt nhạc luôn tạo ra cùng một hình dạng. Tuy nhiên, bây giờ chúng ta không đề cập đến các hình dạng được tạo ra theo cách này, mà là các hình dạng được tạo ra trong vật chất dĩ thái, cảm xúc và trí tuệ, tồn tại và tiếp tục hoạt động mạnh mẽ rất lâu sau khi bản thân âm thanh đã biến mất, đối với tai vật lý.

RELIGIOUS MUSIC

Let us take, for example, the hidden side of the performance of a piece of music—say the playing of a voluntary upon a church organ. This has its effect in the physical world upon those of the worshippers who have an ear for music—who have educated themselves to understand and to appreciate it. But many people who do not understand it and have no technical knowledge of the subject are yet conscious of a very decided effect which it produces upon them.

The clairvoyant student is in no way surprised at this, for he sees that each piece of music as it is performed upon the organ builds up gradually an enormous edifice in etheric, astral and mental matter, extending away above the organ and far

ÂM NHẠC TÔN GIÁO

Chúng ta hãy lấy ví dụ, khía cạnh ẩn giấu của việc biểu diễn một bản nhạc — chẳng hạn như chơi một bản nhạc tự nguyện trên đàn organ nhà thờ. Điều này có ảnh hưởng của nó trong thế giới vật chất đối với những người thờ phượng có tai nghe nhạc — những người đã tự giáo dục bản thân để hiểu và đánh giá cao nó. Nhưng nhiều người không hiểu nó và không có kiến thức chuyên môn về chủ đề này vẫn nhận thức được một tác động rất rõ ràng mà nó tạo ra đối với họ.

Học viên thông nhãn không hề ngạc nhiên về điều này, bởi vì họ thấy rằng mỗi bản nhạc khi được biểu diễn trên đàn organ sẽ dần dần tạo nên một cấu trúc khổng lồ trong vật chất dĩ thái, cảm xúc và trí tuệ, mở rộng ra phía trên đàn organ và

through the roof of the church like a kind of castellated mountain-range, all composed of glorious flashing colours coruscating and blazing in a most marvellous manner, like the aurora borealis in the arctic regions. The nature of this differs very much in the case of different composers. An overture by Wagner makes always a magnificent whole with splendid splashes of vivid colour, as though he built with mountains of flame for stones; one of Bach's fugues builds up a mighty ordered form, bold yet precise, rugged but symmetrical, with parallel rivulets of silver or gold or ruby running through it, marking the successive appearances of *motif*; one of Mendelssohn's *Lieder ohne Worte* makes a lovely airy erection—a sort of castle of filigree work in frosted silver.

xuyên qua mái nhà thờ như một loại dãy núi có hình dạng như lâu đài, tất cả đều được cấu tạo từ những màu sắc rực rỡ lấp lánh và rực sáng một cách kỳ diệu nhất, giống như cực quang ở các vùng cực. Bản chất của cấu trúc này khác nhau rất nhiều trong trường hợp của các nhà soạn nhạc khác nhau. Khúc dạo đầu của Wagner luôn tạo nên một tổng thể tráng lệ với những mảng màu sống động tuyệt đẹp, như thể ông ấy xây dựng bằng những ngọn núi lửa làm đá; một trong những bản fugue của Bach tạo nên một hình dạng có trật tự hùng mạnh, táo bạo nhưng chính xác, gồ ghề nhưng đối xứng, với những dòng suối bạc, vàng hoặc hồng ngọc song song chạy qua nó, đánh dấu sự xuất hiện liên tiếp của *mô-típ*; một trong những bản *Lieder ohne Worte* của Mendelssohn tạo nên một công trình kiến trúc thoáng đãng đáng yêu — một kiểu lâu đài làm bằng đồ bạc chạm filigree.

In the book called *Thought-Forms* will be found three illustrations in colour, in which we have endeavoured to depict the forms built by pieces of music by Mendelssohn, Gounod and Wagner respectively, and I would refer the reader to these, for this is one of the cases in which it is quite impossible to imagine the appearance of the form without actually seeing it or some representation of it. It may some day be possible to issue a book containing studies of a number of such forms, for the purpose of careful examination and comparison. It is evident that the study of such sound forms would be a science in itself, and one of surpassing interest.

Trong cuốn sách có tên là *Hình tư tưởng*, bạn sẽ tìm thấy ba hình minh họa màu, trong đó chúng tôi đã cố gắng mô tả các hình dạng được xây dựng bởi các bản nhạc của Mendelssohn, Gounod và Wagner, và tôi muốn giới thiệu những hình minh họa này cho người đọc, vì đây là một trong những trường hợp mà người ta hoàn toàn không thể tưởng tượng ra hình dạng mà không thực sự nhìn thấy nó hoặc một số biểu diễn của nó. Một ngày nào đó có thể sẽ có một cuốn sách chứa các nghiên cứu về một số hình dạng như vậy, với mục đích kiểm tra và so sánh cẩn thận. Rõ ràng là nghiên cứu về các hình dạng âm thanh như vậy sẽ là một khoa học, và là một trong những điều thú vị vượt trội.

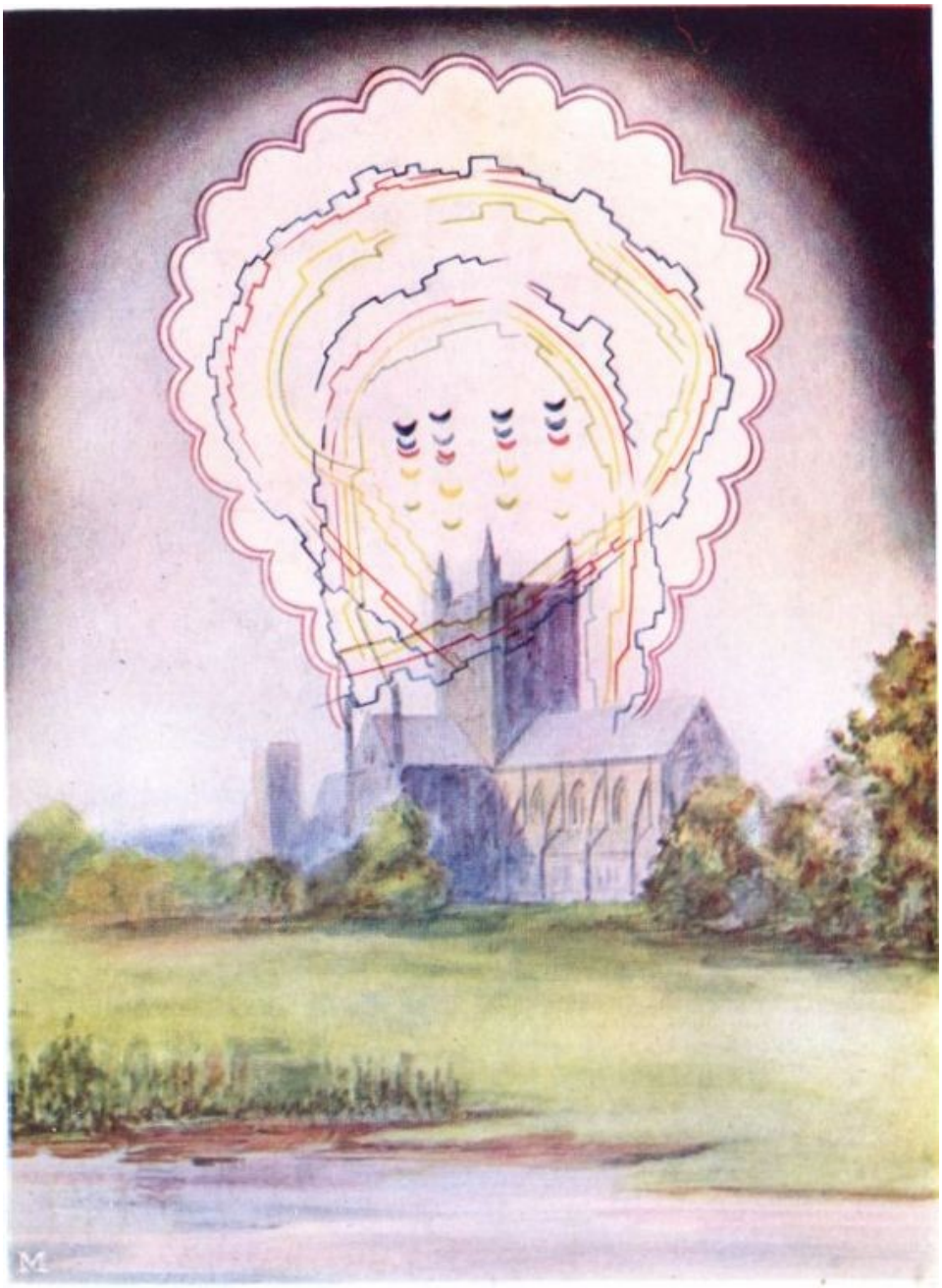


PLATE M. MUSIC OF MENDELSSOHN

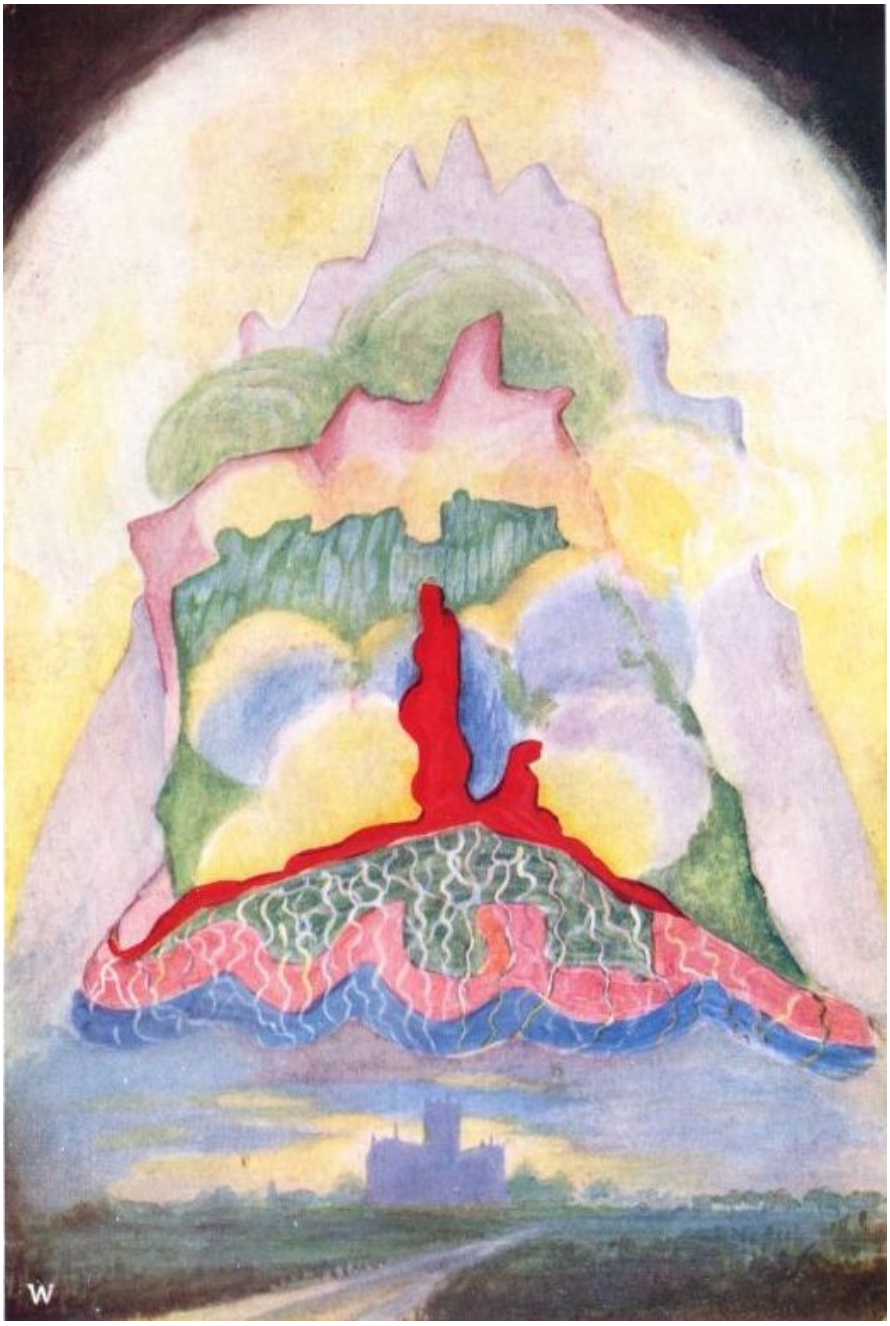


PLATE W. MUSIC OF WAGNER



PLATE G. MUSIC OF GOUNOD

These forms, created by the performers of the music, must not be confounded with the magnificent thought-form which the composer himself made as the expression of his own music in the higher worlds. This is a production worthy of the great mind from which it emanated, and often persists for many years—some times even over centuries, if the composer is so far understood and appreciated that his original conception is strengthened by the thoughts of his admirers. In the same manner, though with

Những hình dạng này, được tạo ra bởi những người biểu diễn âm nhạc, không được nhầm lẫn với hình tư tưởng tuyệt vời mà chính nhà soạn nhạc đã tạo ra như là sự thể hiện âm nhạc của chính họ trong các thế giới cao hơn. Đây là một sản phẩm xứng đáng với bộ óc vĩ đại mà nó phát ra, và thường tồn tại trong nhiều năm — đôi khi thậm chí qua nhiều thế kỷ, nếu nhà soạn nhạc được hiểu và đánh giá cao đến mức quan niệm ban đầu của họ được củng cố bởi suy nghĩ của những người ngưỡng mộ họ. Theo cách tương tự,

wide difference of type, magnificent erections are constructed in higher worlds by a great poet's idea of his epic, or a great writer's idea of the subject which he means to put before his readers —such, for example, as Wagner's immortal trilogy of *The Ring,* Dante's grand representation of purgatory and paradise, and Ruskin's conception of what art ought to be and of what he desired to make it.

mặc dù có sự khác biệt lớn về loại hình, các công trình kiến trúc tráng lệ được xây dựng trong các thế giới cao hơn bởi ý tưởng của một nhà thơ vĩ đại về thiên sử thi của họ, hoặc ý tưởng của một nhà văn vĩ đại về chủ đề mà họ muốn trình bày trước độc giả của mình — chẳng hạn như bộ ba bất hủ *The Ring* của Wagner, đại diện tuyệt vời của Dante về luyện ngục và thiên đường, và quan niệm của Ruskin về nghệ thuật nên như thế nào và ông ấy mong muốn biến nó thành cái gì.

The forms made by the performance of the music persist for a considerable space of time, varying from one hour to three or four, and all the time they are sending out radiations which assuredly influence for good every soul within a radius of half a mile or more. Not that the soul necessarily knows it, nor that the influence is at all equal in all cases. The sensitive person is greatly uplifted, while the dull and preoccupied man is but little affected. Still, however unconsciously, each person must be a little the better for coming under such an influence. Naturally the undulations extend much farther than the distance named, but beyond that they grow rapidly weaker, and in a great city they are soon drowned in the rush of swirling currents which fill the astral world in such places. In the quiet country amidst the fields and the trees the edifice lasts proportionately much longer, and its influence has a wider area. Sometimes in such a case those who can, may see crowds of beautiful nature-spirits admiring the splendid forms built by the music, and bathing with delight in the waves of influence which they send forth. It is surely a beautiful thought that every organist who does his work well, and throws his whole soul into what he plays, is thus doing far more good than he knows, and helping many whom perhaps he never saw and never will know in this life.

Các hình dạng được tạo ra bởi màn trình diễn âm nhạc tồn tại trong một khoảng thời gian đáng kể, từ một giờ đến ba hoặc bốn giờ, và trong suốt thời gian đó, chúng gửi ra các bức xạ chắc chắn ảnh hưởng tốt đến mọi linh hồn trong bán kính nửa dặm hoặc hơn. Linh hồn không nhất thiết phải biết điều đó, cũng như ảnh hưởng không hề giống nhau trong mọi trường hợp. Người nhạy cảm được nâng cao rất nhiều, trong khi người đần độn và bận bịu ít bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, dù vô thức đến đâu, mỗi người chắc chắn cũng phải tốt hơn một chút vì chịu ảnh hưởng đó. Đương nhiên, những gợn sóng mở rộng xa hơn nhiều so với khoảng cách đã nêu, nhưng ngoài khoảng cách đó, chúng yếu đi nhanh chóng, và trong một thành phố lớn, chúng sớm bị nhấn chìm trong dòng chảy xoáy cuồn cuộn lấp đầy cõi cảm dục ở những nơi như vậy. Ở vùng nông thôn yên tĩnh giữa những cánh đồng và cây cối, công trình kiến trúc tồn tại lâu hơn tương ứng, và ảnh hưởng của nó có diện tích rộng hơn. Đôi khi trong trường hợp như vậy, những người có thể nhìn thấy đám đông các tinh linh thiên nhiên xinh đẹp chiêm ngưỡng những hình dạng tuyệt đẹp được xây dựng bởi âm nhạc, và tắm mình trong sự thích thú với những làn sóng ảnh hưởng mà chúng gửi ra. Chắc chắn đó là một suy nghĩ đẹp đẽ rằng mọi nghệ sĩ organ nào làm tốt công việc của mình, và dồn hết tâm hồn vào những gì họ chơi, đều đang làm được nhiều điều tốt đẹp hơn họ biết, và giúp đỡ nhiều người mà có lẽ họ chưa bao giờ gặp và sẽ không bao giờ biết trong đời này.

Another point which is interesting in this connection is the difference between the edifices built by the same music when rendered upon different instruments—as, for example, the difference in appearance of the form built by a certain piece when played upon a church organ and the same piece executed by an orchestra or by a violin quartet, or played on a piano. In these

Một điểm thú vị khác liên quan đến điều này là sự khác biệt giữa các công trình kiến trúc được xây dựng bởi cùng một bản nhạc khi được thể hiện trên các nhạc cụ khác nhau — ví dụ, sự khác biệt về hình dạng được xây dựng bởi một bản nhạc nhất định khi được chơi trên đàn organ nhà thờ và cùng một bản nhạc đó được thực hiện bởi một dàn nhạc hoặc bởi một tứ tấu đàn vĩ cầm, hoặc

cases the form is identical if the music be equally well rendered, but the whole texture is different; and naturally, in the case of the violin quartet, the size of the form is far less, because the volume of sound is so much less. The form built by the piano is often somewhat larger than that of the violins, but is not so accurate in detail, and its proportions are less perfect. Again, a decided difference in texture is visible between the effect of a violin solo and the same solo played upon the flute.

chơi trên đàn piano. Trong những trường hợp này, hình dạng là giống hệt nhau nếu âm nhạc được thể hiện tốt như nhau, nhưng toàn bộ kết cấu là khác nhau; và đương nhiên, trong trường hợp của tứ tấu đàn vĩ cầm, kích thước của hình dạng nhỏ hơn nhiều, bởi vì âm lượng nhỏ hơn nhiều. Hình dạng được xây dựng bởi đàn piano thường lớn hơn một chút so với hình dạng của đàn vĩ cầm, nhưng không chính xác về chi tiết và tỷ lệ của nó kém hoàn hảo hơn. Một lần nữa, sự khác biệt rõ rệt về kết cấu có thể nhìn thấy giữa hiệu ứng của một bản độc tấu vĩ cầm và cùng một bản độc tấu đó được chơi trên sáo.

Surrounding and blending with these forms, although perfectly distinct from them, are the forms of thought and feeling produced by human beings under the influence of the music. The size and vividness of these depend upon the appreciativeness of the audience and the extent to which they are affected. Sometimes the form built by the sublime conception of a master of harmony stands alone in its beauty, unattended and unnoticed, because such mental faculties as the congregation may possess are entirely absorbed in millinery or the calculations of the money-market; while on the other hand the chain of simple forms built by the force of some well-known hymn may in some cases be almost hidden by great blue clouds of devotional feeling evoked from the hearts of the singers.

Bao quanh và hòa trộn với những hình dạng này, mặc dù hoàn toàn khác biệt với chúng, là những hình dạng của tư tưởng và cảm xúc được tạo ra bởi con người dưới ảnh hưởng của âm nhạc. Kích thước và độ sống động của chúng phụ thuộc vào khả năng đánh giá cao của khán giả và mức độ ảnh hưởng của chúng. Đôi khi hình dạng được xây dựng bởi quan niệm siêu phàm của một bậc thầy về hòa âm đứng một mình trong vẻ đẹp của nó, không được chú ý và không được chú ý, bởi vì những năng mãnh lực trí tuệ mà hội thánh có thể sở hữu hoàn toàn bị cuốn hút vào đồ nữ trang hoặc tính toán của thị trường tiền tệ; mặt khác, chuỗi các hình dạng đơn giản được xây dựng bởi sức mạnh của một số bài thánh ca nổi tiếng trong một số trường hợp gần như bị che khuất bởi những đám mây màu xanh to lớn của cảm giác sùng đạo được gợi lên từ trái tim của những người hát.

Another factor which determines the appearance of the edifice constructed by a piece of music is the quality of the performance. The thought-form left hanging over a church after the performance of the Hallelujah Chorus infallibly and distinctly shows, for example, if the bass solo has been flat, or if any of the parts have been noticeably weaker than the others, as in either case there is an obvious failure in the symmetry and clearness of the form. Naturally there are types of music whose forms are anything but lovely, though even these have their interest as objects of study. The curious broken shapes which surround an academy for young ladies at the pupils' practising hour are at least remarkable and instructive, if not beautiful; and the chains thrown out in lasso-like loops and curves by the child who is industriously playing

Một yếu tố khác quyết định sự xuất hiện của cấu trúc được xây dựng bởi một bản nhạc là chất lượng của màn trình diễn. Hình tư tưởng còn lưu lại trên một nhà thờ sau khi biểu diễn bản "Hallelujah Chorus" chắc chắn và rõ ràng cho thấy, ví dụ, nếu giọng nam trầm bị phẳng, hoặc nếu bất kỳ phần nào bị yếu hơn đáng kể so với các phần khác, vì trong cả hai trường hợp đều có sự thất bại rõ ràng về tính đối xứng và sự rõ ràng của hình thức. Đương nhiên có những loại âm nhạc có hình thức không hề đáng yêu, mặc dù ngay cả những loại này cũng có điểm thú vị để nghiên cứu. Các hình dạng gãy kỳ lạ bao quanh một học viện dành cho các thiếu nữ vào giờ luyện tập của học sinh ít nhất cũng đáng chú ý và có tính hướng dẫn, nếu không muốn nói là đẹp; và các chuỗi được ném ra thành các vòng lặp và đường cong giống như dây thòng lọng bởi đứa trẻ đang chăm

scales or arpeggios are by no means without their charm, when there are no broken or missing links.

chỉ chơi các gam hoặc hợp âm rải không phải là không có sức hấp dẫn, khi không có liên kết nào bị hỏng hoặc thiếu.

SINGING

A song with a chorus constructs a form in which a number of beads are strung at equal distances upon a silver thread of melody, the size of the beads of course depending upon the strength of the chorus, just as the luminosity and beauty of the connecting thread depend upon the voice and expression of the solo singer, while the form into which the thread is plaited depends upon the character of the melody. Of great interest also are the variations in metallic texture produced by different qualities of voice—the contrast between the soprano and the tenor, the alto and the bass, and again the difference between a boy's voice and a woman's. Very beautiful also is the intertwining of these four threads (quite unlike in colour and in texture) in the singing of a glee or a part-song, or their ordered and yet constantly varied march side by side in the singing of a hymn.

CA HÁT

Một bài hát có điệp khúc tạo nên một hình dạng trong đó một số hạt được xâu thành chuỗi ở khoảng cách bằng nhau trên một sợi dây bạc của giai điệu, tất nhiên kích thước của các hạt phụ thuộc vào sức mạnh của điệp khúc, giống như độ sáng và vẻ đẹp của sợi dây kết nối phụ thuộc vào giọng hát và sự thể hiện của ca sĩ hát đơn, trong khi hình dạng mà sợi dây được tết thành phụ thuộc vào đặc điểm của giai điệu. Sự thay đổi về kết cấu kim loại do chất lượng giọng hát khác nhau tạo ra cũng rất thú vị — sự tương phản giữa giọng nữ cao và giọng nam cao, giọng nữ trung và giọng nam trầm, và sự khác biệt giữa giọng của nam và giọng của nữ. Sự đan xen của bốn sợi dây này (khá khác nhau về màu sắc và kết cấu) trong khi hát một bài hát vui vẻ hoặc một bài hát nhiều bè, hoặc sự diễu hành có trật tự nhưng luôn thay đổi của chúng cạnh nhau trong khi hát một bài thánh ca cũng rất đẹp.

A processional hymn builds a series of rectangular forms drawn with mathematical precision, following one another in definite order like the links of some mighty chain—or still more (unpoetical though it sounds) like the carriages of some huge train belonging to the astral world. Very striking also is the difference in ecclesiastical music, between the broken though glittering fragments of the Anglican chant, and the splendid glowing uniformity of the Gregorian tone. Not unlike the latter is the effect produced by the monotonous chanting of Sanskrit verses by pandits in India.

Một bài thánh ca rước tạo nên một loạt các hình dạng hình chữ nhật được vẽ với độ chính xác toán học, nối tiếp nhau theo thứ tự xác định giống như các mắt xích của một chuỗi mắt xích hùng mạnh — hoặc thậm chí còn hơn thế nữa (nghe có vẻ không thơ mộng) giống như các toa tàu của một đoàn tàu khổng lồ nào đó thuộc về cõi cảm dục. Sự khác biệt trong âm nhạc giáo hội, giữa những mảnh vỡ lấp lánh của thánh ca Anh giáo, và sự đồng nhất rực rỡ tuyệt đẹp của âm điệu Gregorian cũng rất nổi bật. Hiệu ứng được tạo ra bởi giọng tụng kinh đơn điệu của các câu thơ tiếng Phạn của các học giả ở Ấn Độ cũng tương tự như vậy.

It may be asked here how far the feeling of the musician himself affects the form which is built by his efforts. His feelings do not, strictly speaking, affect the musical structure at all. If the delicacy and brilliancy of his execution remain the same, it makes no difference to that musical form whether he himself feels happy or miserable, whether his musings are grave or gay. His emotions naturally produce vibrant forms in astral matter, just as do those of his audience, but these merely surround the great shape built by

Ở đây, người ta có thể hỏi cảm xúc của chính nhạc sĩ ảnh hưởng đến hình dạng được xây dựng bởi nỗ lực của họ đến mức nào. Nói một cách chính xác, cảm xúc của họ hoàn toàn không ảnh hưởng đến cấu trúc âm nhạc. Nếu độ tinh tế và rực rỡ trong cách thể hiện của họ vẫn giữ nguyên, thì hình dạng âm nhạc đó không có gì khác biệt cho dù bản thân họ cảm thấy hạnh phúc hay đau khổ, cho dù suy tư của họ là nghiêm túc hay vui vẻ. Cảm xúc của họ đương nhiên tạo ra những hình dạng rung động trong vật chất cảm xúc, giống

the music, and in no way interfere with it. His comprehension of the music, and the skill of his rendering of it, show themselves in the edifice which he constructs. A poor and merely mechanical performance erects a structure which, though it may be accurate in form, is deficient in colour and luminosity—a form which, as compared with the work of a real musician, gives a curios impression of being constructed of cheap materials. To obtain really grand results the performer must forget all about himself, must lose himself utterly in the music as only a genius may dare to do.

như cảm xúc của khán giả của họ, nhưng những hình dạng này chỉ bao quanh hình dạng to lớn được xây dựng bởi âm nhạc, và không can thiệp vào nó theo bất kỳ cách nào. Sự hiểu biết của họ về âm nhạc, và kỹ năng thể hiện nó, thể hiện trong công trình kiến trúc mà họ xây dựng. Một màn trình diễn kém cỏi và chỉ máy móc sẽ tạo ra một cấu trúc mà, mặc dù có thể chính xác về hình thức, nhưng lại thiếu màu sắc và độ sáng — một hình dạng mà, so với tác phẩm của một nhạc sĩ thực thụ, tạo ra ấn tượng kỳ lạ rằng nó được xây dựng bằng vật liệu rẻ tiền. Để có được kết quả thực sự tuyệt vời, người biểu diễn phải quên đi tất cả về bản thân, phải hoàn toàn đắm mình vào âm nhạc như chỉ một thiên tài mới dám làm.

MILITARY MUSIC

QUÂN NHẠC

The powerful and inspiring effect produced by military music is readily comprehensible to the clairvoyant who is able to see the long stream of rhythmically vibrating forms which is left behind by the band as it marches along at the head of the column. Not only does the regular beat of these undulations tend to strengthen those of the astral bodies of the soldiers, thus training them to move more strongly and in unison, but the very forms which are created themselves radiate strength and courage and material ardour, so that a body of men which before seemed to be hopelessly disorganised by fatigue, may in this way be pulled together again and endowed with a considerable accession of strength.

Hiệu ứng mạnh mẽ và đầy cảm hứng được tạo ra bởi âm nhạc quân đội rất dễ hiểu đối với nhà thông nhãn, người có thể nhìn thấy dòng chảy dài của các hình dạng rung động nhịp nhàng được để lại bởi ban nhạc khi nó diễu hành ở đầu đội hình. Nhịp điệu đều đặn của những gợn sóng này không chỉ có xu hướng củng cố những gợn sóng của thể cảm xúc của những người lính, do đó huấn luyện họ di chuyển mạnh mẽ hơn và đồng bộ hơn, mà chính những hình dạng được tạo ra cũng tỏa ra sức mạnh, lòng dũng cảm và nhiệt huyết vật chất, để một nhóm người mà trước đây dường như bị mất tổ chức một cách vô vọng do mệt mỏi, theo cách này có thể được tập hợp lại với nhau và được ban tặng một sự gia tăng sức mạnh đáng kể.

It is instructive to watch the mechanism of this change. A man who is utterly exhausted has to a great extent lost the power of co-ordination; the central will can no longer hold together and govern as it should the different parts of the body; every physical cell is complaining—raising its own separate cry of pain and remonstrance; and the effect upon all the vehicles—etheric, astral and mental—is that a vast number of small separate vortices are set up, each quivering at its own rate, so that all the bodies are losing their cohesion and their power to do their work, to bear their part in the life of the man. Carried to its ultimate extreme this would mean death, but short of that it means utter disorganisation and the loss of the power to make the muscles obey the will. When upon the astral body in this

Thật hữu ích khi xem xét cơ chế của sự thay đổi này. Một người hoàn toàn kiệt sức ở một mức độ lớn đã mất khả năng phối hợp; ý chí trung tâm không còn có thể giữ vững và điều khiển các bộ phận khác nhau của cơ thể như bình thường; mọi tế bào vật lý đều đang phàn nàn — cất lên tiếng kêu đau đớn và phản đối riêng biệt của nó; và ảnh hưởng đối với tất cả các thể — dĩ thái, cảm xúc và trí tuệ — là một số lượng lớn các xoáy nhỏ riêng biệt được thiết lập, mỗi xoáy rung động với tốc độ riêng của nó, do đó tất cả các thể đều mất đi sự gắn kết và sức mạnh của chúng để làm công việc của mình, để chịu trách nhiệm một phần trong cuộc sống của con người. Đưa đến cực điểm cuối cùng của nó, điều này có nghĩa là cái chết, nhưng không đạt đến mức đó, nó có nghĩa là sự mất tổ chức hoàn toàn và mất khả năng làm cho các cơ

condition there comes the impact of a succession of steady and powerful oscillations, that impact supplies for the time the place of the will-force which has so sorely slackened. The bodies are once more brought into synchronous vibration and are held so by the sweep of the music, thus giving the will-power an opportunity to recover itself and take again the command which it had so nearly abandoned.

bắp tuân theo ý chí. Khi thể cảm xúc trong tình trạng này chịu tác động của một loạt các dao động ổn định và mạnh mẽ, thì tác động đó sẽ thay thế tạm thời cho mãnh lực ý chí đã suy yếu rất nhiều. Một lần nữa, các thể được đưa vào trạng thái rung động đồng bộ và được giữ như vậy bởi sự cuốn hút của âm nhạc, do đó tạo cơ hội cho mãnh lực ý chí tự phục hồi và nắm lại quyền chỉ huy mà nó đã gần như từ bỏ.

So marked and powerful are the waves sent forth by good military music that a sensation of positive pleasure is produced in those who move in obedience to them, just as effective dance-music arouses the desire for synchronous movement in all who hear it. The type of the instruments employed in military bands is also of a nature which adds greatly to this effect, the strength and sharpness of the vibration being obviously of far greater importance for those purposes than its delicacy or its power to express the finer emotions.

Những làn sóng được gửi ra bởi một âm nhạc quân đội hay sẽ mạnh mẽ và rõ rệt đến mức tạo ra cảm giác thích thú thực sự ở những người di chuyển theo chúng, giống như nhạc khiêu vũ hiệu quả khơi dậy mong muốn chuyển động đồng bộ ở tất cả những ai nghe thấy nó. Loại nhạc cụ được sử dụng trong các ban nhạc quân đội cũng có bản chất làm tăng thêm hiệu ứng này, sức mạnh và độ sắc nét của rung động rõ ràng là quan trọng hơn nhiều đối với những mục đích đó so với độ tinh tế hoặc khả năng thể hiện những cảm xúc tinh tế hơn của nó.

SOUNDS IN NATURE

ÂM THANH TRONG THIÊN NHIÊN

It is not only the ordered arrangement of sound which we call music which produces definite form. Every sound in nature has its effect, and in some cases these effects are of the most remarkable character. The majestic roll of a thunderstorm creates usually a vast flowing band of colour, while the deafening crash often calls into temporary existence an arrangement of irregular radiations from a centre suggestive of an exploded bomb; or sometimes a huge irregular sphere with great spikes projecting from it in all directions. The never-ceasing beating of the sea upon the land fringes all earth's coasts with an eternal canopy of wavy yet parallel lines of lovely changing colour, rising into tremendous mountain ranges when the sea is lashed by a storm. The rustling of the wind among the leaves of the forest covers it with a beautiful iridescent network, ever rising and falling with gentle wave-like movement, like the passing of the wind across a field of wheat.

Không chỉ sự sắp xếp có trật tự của âm thanh mà chúng ta gọi là âm nhạc mới tạo ra hình dạng xác định. Mọi âm thanh trong tự nhiên đều có tác dụng của nó, và trong một số trường hợp, những tác dụng này có đặc điểm đáng chú ý nhất. Tiếng cuộn hùng vĩ của một cơn giông bão thường tạo ra một dải màu chảy rộng lớn, trong khi tiếng nổ chói tai thường tạo ra sự tồn tại tạm thời của một sự sắp xếp các bức xạ không đều từ một trung tâm gợi ý về một quả bom phát nổ; hoặc đôi khi là một khối cầu khổng lồ không đều với những chiếc gai lớn nhô ra từ nó theo mọi hướng. Tiếng sóng biển vỗ vào đất liền không ngừng nghỉ tạo nên tất cả các đường bờ biển của trái đất với một tán cây vĩnh cửu gồm những đường thẳng lượn sóng nhưng song song với màu sắc thay đổi đáng yêu, vươn lên thành những dãy núi hùng vĩ khi biển bị bão quật. Tiếng gió xào xạc giữa những tán lá của khu rừng bao phủ nó bằng một mạng lưới óng ánh tuyệt đẹp, luôn nhấp nhô với chuyển động nhẹ nhàng như sóng, giống như gió thổi qua một cánh đồng lúa mì.

Sometimes this hovering cloud is pierced by curving lines and loops of light, representing the song of the birds, like fragments of a silver chain cast forth and ringing melodiously in the air. Of

Đôi khi đám mây lơ lửng này bị xuyên thủng bởi những đường cong và vòng ánh sáng, đại diện cho tiếng hót của loài chim, giống như những mảnh vỡ của một sợi dây chuyền bạc được ném

these there is an almost infinite variety, from the beautiful golden globes produced by the notes of the campanero, to the amorphous and coarsely-coloured mass which is the result of the scream of a parrot or of a macaw. The roar of the lion may be seen as well as heard by those whose eyes are opened; indeed, it is by no means impossible that some of the wild creatures possess this much of clairvoyance, and that the terrifying effect which is alleged to be produced by this sound may be largely owing to the radiations poured forth from the form to which it gives birth.

ra và ngân vang du dương trong không khí. Trong số này có vô số loại, từ những quả cầu vàng tuyệt đẹp được tạo ra bởi những nốt nhạc của chim *campanero*[2], đến khối vô định hình và có màu sắc thô thiển là kết quả của tiếng kêu của một con vẹt hoặc một con vẹt đuôi dài. Tiếng gầm của sư tử có thể được nhìn thấy cũng như nghe thấy bởi những người có đôi mắt mở; thật vậy, không phải là không thể xảy ra rằng một số sinh vật hoang dã sở hữu khả năng thông nhãn này, và hiệu ứng đáng sợ được cho là do âm thanh này tạo ra có thể phần lớn là do các bức xạ phát ra từ hình dạng mà nó tạo ra.

IN DOMESTIC LIFE

TRONG CUỘC SỐNG GIA ĐÌNH

In more domestic life similar effects are observed; the purring cat surrounds himself with concentric rosy cloud-films which expand constantly outward until they dissipate, shedding an influence of drowsy contentment and well-being which tends to reproduce itself in the human beings about him. The barking dog, on the other hand, shoots forth well defined sharp-pointed projectiles which strike with a severe shock upon the astral bodies of those in his neighbourhood; and this is the reason of the extreme nervous irritation which this constantly repeated sound often produces in sensitive persons. The sharp, spiteful yap of the terrier discharges a series of forms not unlike the modern rifle bullet, which pierce the astral body in various directions, and seriously disturb its economy; while the deep bay of a bloodhound throws off beads like ostrich-eggs or footballs which are slower in motion and far less calculated to injure. Some of these canine missiles pierce like sword-thrusts, while some are duller and heavier, like the blows of a club, and they vary greatly in strength, but all alike are evil in their action upon the mental and astral bodies.

Trong cuộc sống gia đình hơn, người ta quan sát thấy những hiệu ứng tương tự; con mèo đang kêu rừ rừ bao quanh mình bằng những lớp mây mù màu hồng đồng tâm liên tục nở ra ngoài cho đến khi chúng tan biến, tỏa ra ảnh hưởng của sự hài lòng và hạnh phúc ru ngủ có xu hướng tự tái tạo trong những con người xung quanh nó. Mặt khác, con chó đang sủa bắn ra những viên đạn nhọn được xác định rõ ràng, tấn công với một cú sốc mạnh vào thể cảm xúc của những người ở gần nó; và đây là lý do của sự kích thích thần kinh cực độ mà âm thanh lặp đi lặp lại liên tục này thường tạo ra ở những người nhạy cảm. Tiếng sủa sắc bén, ác ý của chó sục phóng ra một loạt các hình dạng không giống như viên đạn súng trường hiện đại, xuyên qua thể cảm xúc theo nhiều hướng khác nhau, và làm xáo trộn nghiêm trọng sự cân bằng của nó; trong khi tiếng sủa trầm của con chó săn bắn ra những hạt giống như trứng đà điểu hoặc bóng đá chuyển động chậm hơn và ít có khả năng gây thương tích hơn. Một số tên lửa do tiếng sủa của chó xuyên qua như những nhát kiếm, trong khi một số tên lửa khác xỉn màu và nặng hơn, giống như những cú đánh bằng gậy, và sức mạnh của chúng rất khác nhau, nhưng tất cả đều có tác dụng xấu đối với thể trí và thể cảm xúc.

The colour of these projectiles is usually some shade of red or brown, varying with the emotion of the animal and the key in which his voice is pitched. It is instructive to contrast with these the blunt-ended, clumsy shapes produced by the

Màu sắc của những viên đạn này thường là một số sắc thái của màu đỏ hoặc nâu, thay đổi theo cảm xúc của con vật và tông giọng của nó. Thật hữu ích khi so sánh những thứ này với những hình dạng vụng về, đầu cùn được tạo ra bởi tiếng

[2] "Campanero" là một tên gọi trong tiếng Tây Ban Nha được dùng để chỉ một loài chim gọi là Bellbird (tên khoa học: Procnias). Loài chim này nổi tiếng vì tiếng kêu đặc trưng, vang vọng giống như tiếng chuông. Chúng thuộc họ Cotingidae và sinh sống chủ yếu ở các khu rừng nhiệt đới ở Trung và Nam Mỹ.

lowing of a cow—forms which have often somewhat the appearance of logs of wood or fragments of a tree-trunk. A flock of sheep frequently surrounds itself with a many-pointed yet amorphous cloud of sound which is by no means unlike the physical dust-cloud which it raises as it moves along. The cooing of a pair of doves throws off a constant succession of graceful curved forms like the letter S reversed.

kêu của một con bò — những hình dạng thường có hình dạng giống như khúc gỗ hoặc mảnh vỡ của thân cây. Một đàn cừu thường bao quanh mình bằng một đám mây âm thanh nhiều điểm nhưng vô định hình, không khác gì đám mây bụi vật lý mà nó tạo ra khi di chuyển. Tiếng chim bồ câu gù tạo ra một chuỗi liên tục các hình dạng cong duyên dáng giống như chữ S bị đảo ngược.

The tones of the human voice also produce their results—results which often endure long after the sounds which made them have died away. An angry ejaculation throws itself forth like a scarlet spear, and many a woman surrounds herself with an intricate network of hard, brown-grey metallic lines by the stream of silly meaningless chatter which she ceaselessly babbles forth. Such a network permits the passage of vibration only at its own low level; it is an almost perfect barrier against the impact of any of the higher and more beautiful thoughts and feelings. A glimpse of the astral body of a garrulous person is thus a striking object-lesson to the student of occultism, and it teaches him the virtue of speaking only when it is necessary, or when he has something pleasant and useful to say.

Âm sắc của giọng nói con người cũng tạo ra kết quả của chúng — những kết quả thường tồn tại rất lâu sau khi âm thanh tạo ra chúng đã biến mất. Một lời nói giận dữ phóng ra như một ngọn giáo đỏ tươi, và nhiều phụ nữ bao quanh mình bằng một mạng lưới phức tạp gồm những đường kim loại cứng màu nâu xám bởi dòng chảy của những lời nói vô nghĩa ngớ ngẩn mà họ không ngừng nói ra. Một mạng lưới như vậy chỉ cho phép rung động đi qua ở mức độ thấp của chính nó; nó gần như là một rào cản hoàn hảo chống lại tác động của bất kỳ suy nghĩ và cảm xúc cao hơn và đẹp đẽ hơn nào. Do đó, cái nhìn thoáng qua về thể cảm xúc của một người nói nhiều là một bài học trực quan ấn tượng cho học viên huyền bí học, và nó dạy họ đức tính chỉ nói khi cần thiết, hoặc khi họ có điều gì đó dễ chịu và hữu ích để nói.

Another instructive comparison is that between the forms produced by different kinds of laughter. The happy laughter of a child bubbles forth in rosy curves, making a kind of scalloped balloon shape—an epicycloid of mirth. The ceaseless guffaw of the empty-minded causes an explosive effect in an irregular mass, usually brown or dirty green in colour—according to the pre-dominant tint of the aura from which it emanates. The sneering laugh throws out a shapeless projectile of a dull red colour, usually flecked with brownish green and bristling with thorny-looking points. The constantly repeated cachinnations of the self-conscious create a very unpleasant result, surrounding them with what in appearance and colour resembles the surface of a pool of boiling mud. The nervous giggles of a school-girl often involve her in an unpleasant seaweed-like tangle of lines of brown and dull yellow, while the jolly-hearted, kindly laugh of genuine amusement usually billows out in rounded forms of gold and green. The consequences flowing from the bad habit of

Một so sánh mang tính hướng dẫn khác là so sánh giữa các hình dạng được tạo ra bởi các loại tiếng cười khác nhau. Tiếng cười hạnh phúc của một đứa trẻ tuôn ra thành những đường cong màu hồng, tạo nên một loại hình dạng quả bóng bay có hình vỏ sò — một hình tròn ngoại tiếp của niềm vui. Tiếng cười hô hố không ngớt của kẻ đầu óc trống rỗng gây ra hiệu ứng nổ trong một khối không đều, thường có màu nâu hoặc xanh bẩn — tùy theo màu sắc chủ đạo của hào quang mà nó phát ra. Tiếng cười chế nhạo ném ra một viên đạn vô hình có màu đỏ xỉn, thường lốm đốm màu xanh lục nâu và tua tủa những điểm trông giống như gai. Tiếng cười khúc khích lặp đi lặp lại liên tục của người tự ti tạo ra một kết quả rất khó chịu, bao quanh họ bằng thứ có hình dạng và màu sắc giống như bề mặt của một vũng bùn sôi. Tiếng cười khúc khích lo lắng của một nữ sinh thường khiến cô ấy vướng vào một mớ dây leo khó chịu gồm những đường màu nâu và vàng xỉn, trong khi tiếng cười vui vẻ, tử tế của sự thích thú thực sự thường cuồn cuộn thành những hình dạng tròn trịa màu vàng và xanh lá cây. Hậu quả của

whistling are usually decidedly unpleasant. If it be soft and really musical it produces an effect not unlike that of a small flute, but sharper and more metallic: but the ordinary tuneless horror of the London street-boy sends out a series of small and piercing projectiles of dirty brown.

thói quen xấu là huýt sáo thường khá khó chịu. Nếu nó nhẹ nhàng và thực sự du dương, nó tạo ra hiệu ứng không khác gì một cây sáo nhỏ, nhưng sắc nét hơn và kim loại hơn: nhưng nỗi kinh hoàng thông thường không có giai điệu của cậu bé đường phố London gửi ra một loạt các viên đạn nhỏ và xuyên thấu màu nâu bẩn.

NOISES

TIẾNG ỒN

An enormous number of artificial noises (most of them transcendently hideous) are constantly being produced all about us, for our so-called civilisation is surely the noisiest with which earth has ever yet been cursed. These also have their unseen side, though it is rarely one which is pleasant to contemplate. The strident screech of a railway engine makes a far more penetrating and powerful projectile than even the barking of a dog; indeed, it is surpassed in horror only by the scream of the steam siren which is sometimes employed to call together the hands at a factory, or by the report of heavy artillery at close quarters. The railway whistle blows forth a veritable sword, with the added disintegrating power of a serious electrical shock, and its effect upon the astral body which is unfortunate enough to be within its reach is quite comparable to that of a sword-thrust upon the physical body. Fortunately for us, astral matter possesses many of the properties of a fluid, so that the wound heals after a few minutes have passed; but the effect of the shock upon the astral organism disappears by no means so readily.

Vô số tiếng ồn nhân tạo (hầu hết chúng đều rất khủng khiếp) liên tục được tạo ra xung quanh chúng ta, vì cái được gôi là nền văn minh của chúng ta chắc chắn là nền văn minh ồn ào nhất mà trái đất từng bị nguyền rủa. Những thứ này cũng có mặt vô hình của chúng, mặc dù nó hiếm khi là thứ dễ chịu để chiêm ngưỡng. Tiếng rít chói tai của một đầu máy xe lửa tạo ra một viên đạn xuyên thấu và mạnh mẽ hơn cả tiếng chó sủa; thực sự, nó chỉ bị vượt qua về sự kinh hoàng bởi tiếng còi hơi nước đôi khi được sử dụng để gọi những người làm việc tại một nhà máy, hoặc bởi tiếng súng của pháo hạng nặng ở cự ly gần. Còi xe lửa thổi ra một thanh kiếm thực sự, với sức mạnh phân hủy được bổ sung của một cú sốc điện nghiêm trọng, và tác động của nó đối với thể cảm xúc không may nằm trong tầm với của nó hoàn toàn có thể so sánh với tác động của một nhát kiếm đối với thể xác. May mắn thay cho chúng ta, vật chất cảm xúc sở hữu nhiều đặc tính của chất lỏng, do đó vết thương sẽ lành lại sau vài phút; nhưng ảnh hưởng của cú sốc đối với cơ thể cảm xúc không hề biến mất dễ dàng như vậy.

The flight through the landscape of a train which is not screaming is not wholly unbeautiful, for the heavy parallel lines which are drawn by the sound of its onward rush are as it were embroidered by the intermittent spheres or ovals caused by the puffing of the engine: so that a train seen in the distance crossing the landscape leaves behind it a temporary appearance of a strip of Brobdingnagian ribbon with a scalloped edging.

Chuyến bay xuyên qua cảnh quan của một đoàn tàu hoả không rú lên hoàn toàn không phải là không đẹp, vì những đường thẳng song song nặng nề được vẽ bởi âm thanh của sự lao tới của nó như được thêu lên bởi những hình cầu hoặc hình bầu dục ngắt quãng được tạo ra bởi tiếng phì phò của động cơ: do đó, một đoàn tàu nhìn từ xa băng qua cảnh quan để lại một vẻ ngoài tạm thời như một dải ruy băng khổng lồ của vùng đất Brobdingnag với viền xếp hình vỏ sò.

The discharge of one of the great modern cannons is an explosion of sound just as surely as of gun-powder, and the tremendous radiation of impacts which it throws out to the radius of a mile or so is calculated to have a very serious effect upon astral currents and astral bodies. The

Việc bắn một trong những khẩu đại bác hiện đại là một vụ nổ âm thanh cũng giống như vụ nổ thuốc súng, và lượng bức xạ va chạm khủng khiếp mà nó phát ra trong bán kính một dặm hoặc hơn được tính toán là có ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến các dòng chảy cảm xúc và thể

rattle of rifle or pistol fire throws out a sheaf of small needles, which are also eminently undesirable in their effect.

cảm xúc. Tiếng súng trường hoặc súng lục bắn ra một bó kim nhỏ, cũng rất không mong muốn về tác dụng của chúng.

It is abundantly clear that all loud, sharp or sudden sounds should, as far as possible, be avoided by anyone who wishes to keep his astral and mental vehicles in good order. This is one among the many reasons which make the life of the busy city one to be avoided by the occult student, for its perpetual roar means the ceaseless beating of disintegrating vibrations upon each of his vehicles, and this is, of course, quite apart from the even more serious play of sordid passions and emotions which make dwelling in a main street like living beside an open sewer.

Rõ ràng là tất cả những âm thanh lớn, sắc nhọn hoặc đột ngột nên, càng nhiều càng tốt, được tránh bởi bất kỳ ai muốn giữ cho thể cảm xúc và thể trí của họ trong tình trạng tốt. Đây là một trong nhiều lý do khiến cuộc sống ở thành phố bận rộn là điều mà học viên huyền bí học nên tránh, bởi vì tiếng ồn ào vĩnh viễn của nó đồng nghĩa với việc các rung động phân rã liên tục tác động lên mỗi thể của họ, và tất nhiên, điều này hoàn toàn tách biệt với trò chơi thậm chí còn nghiêm trọng hơn của những đam mê và cảm xúc xấu xa khiến việc sống trên một con phố chính giống như sống bên cạnh một cống lộ thiên.

No one who watches the effect of these repeated sound-forms upon the sensitive astral body can doubt that there must follow from them a serious permanent result which cannot fail to be to some extent communicated to the physical nerves. So serious and so certain is this, that I believe that if it were possible to obtain accurate statistics on such a point, we should find the length of life much shorter and the percentage of nervous breakdown and insanity appreciably higher among the inhabitants of a street paved with granite, than among those who have advantage of asphalt. The value and even the necessity of quiet is by no means sufficiently appreciated in our modern life. Specially do we ignore the disastrous effect upon the plastic astral and mental bodies of children of all this ceaseless, unnecessary noise; yet that is largely responsible for evils of many kinds and for weaknesses which show themselves with fatal effect in later life.

Không ai quan sát tác động của những hình dạng âm thanh lặp đi lặp lại này đối với thể cảm xúc nhạy cảm có thể nghi ngờ rằng chắc chắn sẽ có một kết quả lâu dài nghiêm trọng từ chúng, không thể không được truyền đến các dây thần kinh vật lý ở một mức độ nào đó. Điều này nghiêm trọng và chắc chắn đến mức tôi tin rằng nếu có thể có được số liệu thống kê chính xác về điểm này, chúng ta sẽ thấy tuổi thọ ngắn hơn nhiều và tỷ lệ suy nhược thần kinh và bệnh tâm thần cao hơn đáng kể ở những người sống trên đường phố lát đá granit, so với những người có lợi thế là nhựa đường. Giá trị và thậm chí là sự cần thiết của sự yên tĩnh không được đánh giá cao đầy đủ trong cuộc sống hiện đại của chúng ta. Chúng ta đặc biệt phớt lờ tác động tai hại đối với thể cảm xúc và thể trí dễ uốn nắn của trẻ em của tất cả những tiếng ồn không ngừng nghỉ, không cần thiết này; tuy nhiên, điều đó phần lớn là nguyên nhân gây ra nhiều loại bệnh tật và điểm yếu bộc lộ với tác động chết người trong cuộc sống sau này.

There is a yet higher point of view from which all the sounds of nature blend themselves into one mighty tone—that which the Chinese authors have called the KUNG; and this also has its form —an inexpressible compound or synthesis of all forms, vast and changeful as the sea, and yet through it all upholding an average level, just as the sea does, all-penetrating yet all embracing, the note which represents our earth in the music of the spheres—the form which is our petal when the solar system is regarded from that plane

Có một quan điểm cao hơn nữa mà từ đó tất cả âm thanh của tự nhiên hòa quyện vào nhau thành một âm điệu hùng mạnh — thứ mà các tác giả Trung Quốc gọi là KUNG (Cung?); và điều này cũng có hình dạng của nó — một hợp chất hoặc sự tổng hợp không thể diễn tả được của tất cả các hình dạng, rộng lớn và thay đổi như biển cả, nhưng trong đó vẫn duy trì một mức trung bình, giống như biển cả, vừa bao trùm vừa thâm nhập tất cả, nốt nhạc đại diện cho trái đất của chúng ta trong bản nhạc của các thiên thể — hình dạng là

where it is seen all spread out like a lotus.

cánh hoa của chúng ta khi hệ mặt trời được nhìn từ cõi mà nó được nhìn thấy trải rộng ra như một bông sen.

CHAPTER X - BY PUBLIC OPINION—BỞI Ý KIẾN CÔNG CHÚNG

RACE PREJUDICE

WHEN anything occurs to prevent us from doing or saying exactly what we should like to do, we are in the habit of congratulating ourselves that thought at least is free. But this is only another of the many popular delusions. For the average man thought is by no means free; on the contrary it is conditioned by a large number of powerful limitations. It is bound by the prejudices of the nation, the religion, the class to which he happens to belong, and it is only by a determined and long-continued effort that he can shake himself free from all these influences, and really think for himself.

These restrictions operate on him in two ways; they modify his opinion about facts and about actions. Taking the former first, he sees nothing as it really is, but only as his fellow-countrymen, his co-religionists, or the members of his caste think it to be. When we come to know more of other races we shake off our preconceptions concerning them. But we have only to look back a century to the time of Napoleon, and we shall at once perceive that no Englishman then could possibly have formed an impartial opinion as to the character of that remarkable man. Public opinion in England had erected him into a kind of bogey; nothing was too terrible or too wicked to be believed of him, and indeed it is doubtful whether the common people really considered him as a human being at all.

The prepossession against everything French was then so strong that to say that a man was a Frenchman was to believe him capable of any villainy; and one cannot but admit that those who had fresh in their minds the unspeakable crimes of the French Revolution had some justification for such an attitude. They were too near to the events to be able to see them in proportion; and because the offscourings of the streets of Paris had contrived to seize upon the government and to steep themselves in orgies of blood and crime, they thought that these represented the people of France. It is easy to see

ĐỊNH KIẾN CHỦNG TỘC

Khi có điều gì đó xảy ra ngăn cản chúng ta làm hoặc nói chính xác những gì chúng ta muốn làm, chúng ta có thói quen tự chúc mừng bản thân rằng ít nhất suy nghĩ là tự do. Nhưng đây chỉ là một trong nhiều ảo tưởng phổ biến khác. Đối với người bình thường, suy nghĩ hoàn toàn không tự do; ngược lại, nó bị điều kiện hóa bởi một số lượng lớn những hạn chế mạnh mẽ. Nó bị ràng buộc bởi những định kiến của quốc gia, tôn giáo, giai cấp mà y tình cờ thuộc về, và chỉ bằng một nỗ lực kiên quyết và lâu dài, y mới có thể tự giải thoát khỏi tất cả những ảnh hưởng này, và thực sự tự mình suy nghĩ.

Những hạn chế này tác động đến y theo hai cách; chúng sửa đổi ý kiến của y về sự kiện và về hành động. Lấy điều trước tiên, y không nhìn thấy bất cứ điều gì như nó thực sự là, mà chỉ nhìn thấy những gì đồng bào của y, những người đồng tôn giáo của y, hoặc các thành viên trong đẳng cấp của y nghĩ về nó. Khi chúng ta hiểu biết nhiều hơn về các chủng tộc khác, chúng ta sẽ rũ bỏ những định kiến của mình về họ. Nhưng chúng ta chỉ cần nhìn lại một thế kỷ trước vào thời Napoleon, và chúng ta sẽ ngay lập tức nhận thấy rằng không một người Anh nào khi đó có thể hình thành một ý kiến khách quan về tính cách của con người phi thường đó. Dư luận ở Anh đã dựng y thành một loại ma cà rồng; không có gì quá khủng khiếp hoặc quá xấu xa để người ta tin về y, và thực sự người ta nghi ngờ liệu những người bình thường có thực sự coi y là một con người hay không.

Ác cảm đối với mọi thứ thuộc về Pháp khi đó mạnh mẽ đến mức nói rằng một người là người Pháp đồng nghĩa với việc tin rằng y có khả năng làm bất kỳ điều xấu xa nào; và người ta không thể không thừa nhận rằng những người còn nhớ rõ những tội ác không thể diễn tả được của Cách mạng Pháp đã có một số biện minh cho thái độ như vậy. Họ đã quá gần với các sự kiện để có thể nhìn thấy chúng một cách cân đối; và bởi vì những kẻ cặn bã của đường phố Paris đã xoay sở để nắm quyền chính phủ và chìm đắm trong những cuộc ăn chơi đẫm máu và tội ác, họ nghĩ rằng những điều này đại diện cho người dân

how far from the truth must have been the conception of the Frenchman in the mind of the average English peasant of that period.

Among our higher classes the century which has passed since then has produced an entire revolution of feeling, and now we cordially admire our neighbours across the Channel, because now we know so much more of them. Yet even now it is not impossible that there may be remote country places in which something of that old and strongly established prejudice still survives. For the leading countries of the world are in reality as yet only partially civilised, and while everywhere the more cultured classes are prepared to receive foreigners politely, the same can hardly be said of the mill-hands or the colliers. And there are still parts of Europe where the Jew is hardly regarded as a human being.

Pháp. Thật dễ dàng để thấy quan niệm về người Pháp trong tâm trí của người nông dân Anh bình thường thời kỳ đó đã xa rời sự thật đến mức nào.

Trong các tầng lớp cao hơn của chúng ta, thế kỷ đã trôi qua kể từ đó đã tạo ra một cuộc cách mạng hoàn toàn về cảm xúc, và bây giờ chúng ta hết lòng ngưỡng mộ những người hàng xóm của mình bên kia Kênh đào, bởi vì bây giờ chúng ta biết nhiều hơn về họ. Tuy nhiên, ngay cả bây giờ, không phải là không thể có những vùng nông thôn xa xôi mà một số định kiến cũ và đã ăn sâu đó vẫn còn tồn tại. Đối với các quốc gia hàng đầu trên thế giới, trên thực tế, cho đến nay mới chỉ được văn minh một phần, và trong khi ở khắp mọi nơi, các tầng lớp có văn hóa hơn sẵn sàng tiếp đón người nước ngoài một cách lịch sự, thì điều tương tự khó có thể nói đối với công nhân nhà máy hoặc thợ mỏ. Và vẫn còn những vùng ở châu Âu mà người Do Thái hầu như không được coi là con người.

POPULAR PREJUDICE

ĐỊNH KIẾN PHỔ BIẾN

It needs little argument to show that everywhere among the less cultured people prejudgments are still strong and utterly unreasonable; but we who think ourselves above them—even we need to be careful, lest unconsciously we allow them to influence us. To stand against a strong popular bias is no easy matter, and the student of occultism will at once see why this is so. The whole atmosphere is full of thought-forms and currents of thought, and these are ceaselessly acting and reacting upon every one of us. The tendency of any thought-form is to reproduce itself. It is charged with a certain rate of vibration, and its nature is to influence every mental and astral body with which it comes into contact in the direction of the same vibration.

Không cần nhiều lập luận để chỉ ra rằng ở khắp mọi nơi giữa những người kém văn hóa, những định kiến vẫn còn mạnh mẽ và hoàn toàn phi lý; nhưng chúng ta, những người tự cho mình là cao hơn họ—ngay cả chúng ta cũng cần phải cẩn thận, kẻo vô tình chúng ta để chúng ảnh hưởng đến mình. Chống lại một thành kiến phổ biến mạnh mẽ không phải là điều dễ dàng, và người nghiên cứu huyền bí học sẽ ngay lập tức hiểu tại sao lại như vậy. Toàn bộ bầu khí quyển chứa đầy những hình tư tưởng và những dòng chảy tư tưởng, và những thứ này liên tục tác động và phản ứng lẫn nhau đối với mỗi chúng ta. Xu hướng của bất kỳ hình tư tưởng nào là tự tái tạo chính nó. Nó được nạp một tốc độ rung động nhất định, và bản chất của nó là ảnh hưởng đến mọi thể trí và thể cảm xúc mà nó tiếp xúc theo hướng của cùng một rung động.

There are many matters about which opinion is reasonably equally divided, as (for example) the angle at which one should wear one's hat, or whether one should be a Liberal or a Conservative. Consequently the general average of thought on these matters is no stronger in one direction than in another; and about them and other such matters it may be said that thought is comparatively free. But there are other subjects

Có nhiều vấn đề mà ý kiến được chia đều một cách hợp lý, chẳng hạn như (ví dụ) góc độ mà người ta nên đội mũ, hoặc người ta nên theo Đảng Tự do hay Đảng Bảo thủ. Do đó, mức trung bình chung của suy nghĩ về những vấn đề này không mạnh hơn theo hướng này so với hướng khác; và về chúng và những vấn đề khác như vậy, có thể nói rằng suy nghĩ tương đối tự do. Nhưng có những chủ đề khác mà có sự đồng thuận áp đảo

upon which there is an overwhelming consensus of public opinion in one direction, and that amounts to so strong a pressure of a certain set of undulations connected with that subject upon the mental body, that unless a man is unusually strong and determined he will be swept into the general current. Even if he is strong enough to resist it, and is upon his guard against it, the pressure is still there, and its action is still continued, and if at any time he relaxes his vigilance for a moment, he may find himself unconsciously warped by it.

của dư luận theo một hướng, và điều đó tạo ra một áp lực mạnh mẽ của một tập hợp các dao động nhất định liên quan đến chủ đề đó đối với thể trí, đến nỗi trừ khi một người khác thường mạnh mẽ và quyết tâm, nếu không y sẽ bị cuốn vào dòng chảy chung. Ngay cả khi y đủ mạnh để chống lại nó, và đang cảnh giác trước nó, thì áp lực vẫn còn đó, và tác động của nó vẫn tiếp tục, và nếu vào bất kỳ lúc nào y lơ là cảnh giác trong giây lát, y có thể thấy mình vô thức bị bóp méo bởi nó.

I have explained in the second volume of *The Inner Life* that a man who allows himself to contract a prejudice of this kind on any subject causes a hardening of the matter of the mental body in the part of it through which the oscillations relating to that subject would naturally pass. This acts upon him in two ways; first, he is unable to see that subject as it really is, for the vibrations which would otherwise convey an impression of it come against this callosity of the mental body, and either they cannot penetrate it at all, or they are so distorted in their passage through it that they convey no real information. Secondly, the man cannot think truly with regard to that subject, because the very part of this mental body which he would use in such an effort is already so hardened as to be entirely inefficient, so that the only way to overcome the unfairness is to perform a surgical operation upon that wart in the mental body, and excise it altogether, and to keep for a long time a close watch upon it to see that it is not growing again. If that watch be not kept, the steady pressure of the thought-waves of thousands of other people will reproduce it, and it will be necessary to perform the operation all over again.

Tôi đã giải thích trong tập thứ hai của Đời Sống Nội Tâm rằng một người cho phép mình mắc phải định kiến thuộc loại này về bất kỳ chủ đề nào sẽ gây ra sự cứng lại của vật chất của thể trí trong phần mà những dao động liên quan đến chủ đề đó thường sẽ đi qua. Điều này tác động đến y theo hai cách; trước hết, y không thể nhìn thấy chủ đề đó như nó thực sự là, bởi vì những rung động mà nếu không sẽ truyền tải ấn tượng về nó lại va vào vết chai này của thể trí, và hoặc chúng không thể xuyên qua nó, hoặc chúng bị bóp méo đến mức khi đi qua nó, chúng không truyền tải thông tin thực sự. Thứ hai, con người không thể suy nghĩ đúng đắn về chủ đề đó, bởi vì chính phần của thể trí này mà y sẽ sử dụng trong nỗ lực như vậy đã quá cứng đến mức hoàn toàn không hiệu quả, do đó, cách duy nhất để vượt qua sự không công bằng là thực hiện phẫu thuật trên mụn cóc đó trong thể trí, và cắt bỏ nó hoàn toàn, và theo dõi chặt chẽ nó trong một thời gian dài để xem nó có mọc lại không. Nếu không được theo dõi, thì áp lực ổn định của những làn sóng tư tưởng của hàng nghìn người khác sẽ tái tạo nó, và sẽ cần phải thực hiện lại ca phẫu thuật đó.

POLITICAL PREJUDICE

ĐỊNH KIẾN CHÍNH TRỊ

In many parts of the country there is a vast amount of bitter political bias. The majority of the people in a district hold one view or the other (it matters little which), and they find it difficult to imagine that the members of the opposite party are ordinary human beings at all. They are so sure of their own point of view that they appear to think that every one else must really

Ở nhiều nơi trên đất nước, có rất nhiều thành kiến chính trị gay gắt. Phần lớn người dân trong một quận đều có quan điểm này hay quan điểm khác (không quan trọng là quan điểm nào), và họ cảm thấy khó tưởng tượng rằng các thành viên của đảng đối lập hoàn toàn là những người bình thường. Họ chắc chắn về quan điểm của mình đến mức họ dường như nghĩ rằng mọi người khác

hold it also, and that it is only out of malice prepense that their opponents are pretending to hold an entirely different view. Yet their own ideas are usually not arrived at by any process of thought or of weighing two lines of policy, but are hereditary, precisely as are most men's religious opinions. There is so much excitement and unpleasant feeling connected with politics in almost every country that the wisest course for the student of occultism is to have as little as possible to do with the whole matter. Not that, if he happens to reside in a country where he has a vote, he should refuse to use it, as many good people have done, because of the mass of corruption which sometimes surrounds political activity of the lower kind. If there is much that is evil in connection with such affairs, that is all the more reason why every good citizen should use the power that the system has vested in him (however foolish in itself that system may be) in favour of what seems to him the right and noble course.

cũng phải thực sự có quan điểm đó, và rằng chỉ vì ác ý cố tình mà đối thủ của họ đang giả vờ có quan điểm hoàn toàn khác. Tuy nhiên, những ý tưởng của riêng họ thường không đạt được bằng bất kỳ quá trình suy nghĩ hoặc xem xét hai đường lối chính sách nào, mà là do di truyền, giống như ý kiến tôn giáo của hầu hết mọi người. Có quá nhiều sự phấn khích và cảm xúc khó chịu liên quan đến chính trị ở hầu hết mọi quốc gia đến nỗi cách khôn ngoan nhất đối với người nghiên cứu huyền bí học là càng ít liên quan đến toàn bộ vấn đề càng tốt. Không phải là, nếu y tình cờ cư trú ở một quốc gia mà y có quyền bầu cử, thì y nên từ chối sử dụng nó, như nhiều người tốt đã làm, vì khối lượng tham nhũng đôi khi bao quanh hoạt động chính trị thuộc loại thấp kém hơn. Nếu có nhiều điều xấu xa liên quan đến những vấn đề như vậy, thì đó càng là lý do tại sao mọi công dân tốt nên sử dụng quyền mãnh lực mà hệ thống đã trao cho y (dù bản thân hệ thống đó có thể ngu ngốc đến đâu) để ủng hộ những gì y cho là đúng đắn và cao quý.

GOVERNMENT

CHÍNH PHỦ

The occult theory of government, of the politics of the State, is preeminently the common-sense view. The management of a country is as much a matter of business as the management of a factory or a school. The country has many points of similarity to a great public school. It exists primarily for the benefit of its people, and the people are put there in order to learn. The head of the country makes whatever regulations he considers necessary to secure its efficiency, and there must be discipline and order and prompt obedience to those regulations, or there can be no progress. The king is the headmaster. His work is to exercise sleepless vigilance over the welfare of the school, to employ all methods in his power to make it the best of schools. Our business is not to criticise him, but to obey him, and loyally to give our heartiest co-operation in carrying out whatever he thinks best for the good of the country as a whole. The business of a government is to govern; the business of its people is to be good, loyal, law-abiding citizens so as to make that task of government easy.

Lý thuyết huyền bí học về chính phủ, về chính trị của Nhà nước, trước hết là quan điểm thông thường. Việc quản lý một quốc gia cũng giống như việc quản lý một nhà máy hoặc một trường học. Quốc gia có nhiều điểm tương đồng với một trường công lập lớn. Nó tồn tại chủ yếu vì lợi ích của người dân, và người dân được đặt ở đó để học hỏi. Người đứng đầu đất nước đưa ra bất kỳ quy định nào mà y cho là cần thiết để đảm bảo hiệu quả của nó, và phải có kỷ luật và trật tự và sự tuân theo ngay lập tức các quy định đó, nếu không sẽ không có tiến bộ. Nhà vua là hiệu trưởng. Công việc của y là thực hiện sự cảnh giác không ngừng đối với phúc lợi của trường học, sử dụng mọi phương pháp trong khả năng của mình để biến nó thành trường học tốt nhất. Nhiệm vụ của chúng ta không phải là chỉ trích y, mà là tuân theo y, và trung thành hợp tác hết mình để thực hiện bất cứ điều gì y cho là tốt nhất cho lợi ích của đất nước nói chung. Nhiệm vụ của một chính phủ là cai trị; nhiệm vụ của người dân là trở thành những công dân tốt, trung thành, tuân thủ pháp luật để làm cho nhiệm vụ của chính phủ trở nên dễ dàng.

A king who thinks of or works for fancied private interests of his own, instead of acting only for his

Một vị vua nghĩ về hoặc làm việc vì những lợi ích cá nhân tưởng tượng của riêng mình, thay vì chỉ

country, is obviously failing to do his work; but remember that any subject who in politics thinks of or works for supposed private interests of his own, and not for the good of the country as a whole, is also equally failing to do *his* duty as a good citizen. As to the outer form of a government, almost any form can be made to work satisfactorily if the people co-operate loyally and unselfishly, forgetting themselves as units and regarding the country as their unit; but no form of government, however excellent, can be successful and satisfactory if its people are selfish and refractory.

hành động vì đất nước của mình, rõ ràng là không làm tròn công việc của mình; nhưng hãy nhớ rằng bất kỳ thần dân nào trong chính trị nghĩ về hoặc làm việc vì những lợi ích cá nhân được cho là của riêng mình, chứ không phải vì lợi ích của đất nước nói chung, cũng không làm tròn nghĩa vụ của mình như một công dân tốt. Về hình thức bên ngoài của một chính phủ, hầu hết mọi hình thức đều có thể hoạt động một cách thỏa đáng nếu người dân hợp tác một cách trung thành và vị tha, quên đi bản thân mình như những đơn vị và coi đất nước là đơn vị của họ; nhưng không có hình thức chính phủ nào, dù xuất sắc đến đâu, có thể thành công và thỏa đáng nếu người dân của nó ích kỷ và cứng đầu.

RELIGIOUS PREJUDICE

ĐỊNH KIẾN TÔN GIÁO

All that I have said of race prejudice is also true of religious prejudice, which is indeed in many ways even worse than the other. Few men choose their religion; most people are born into a religion, exactly as they are born into a race, and they have no valid reason for preferring it to any other form of faith; but because it happens to be theirs, they arrogantly assume that it must be better than any other, and despise other people whose karma has led them into a slightly different environment. Precisely because this partiality is thus in the air, and because the ordinary man cannot see the pressure of public opinion, the unfairness steals in upon him unobserved and seems to him quite natural, and indistinguishable from an opinion which he has formed for himself on some reasonable grounds.

Tất cả những gì tôi đã nói về định kiến chủng tộc cũng đúng với định kiến tôn giáo, mà thực sự về nhiều mặt còn tồi tệ hơn cả định kiến chủng tộc. Ít người chọn tôn giáo của họ; hầu hết mọi người được sinh ra trong một tôn giáo, giống như họ được sinh ra trong một chủng tộc, và họ không có lý do chính đáng nào để thích nó hơn bất kỳ hình thức tín ngưỡng nào khác; nhưng bởi vì nó tình cờ là của họ, nên họ kiêu ngạo cho rằng nó phải tốt hơn bất kỳ tôn giáo nào khác, và coi thường những người khác mà nghiệp quả đã đưa họ vào một môi trường hơi khác. Chính xác là vì sự thiên vị này đang tràn ngập trong không khí, và vì người bình thường không thể nhìn thấy áp lực của dư luận, nên sự không công bằng len lỏi vào y một cách không được chú ý và đối với y dường như hoàn toàn tự nhiên, và không thể phân biệt được với ý kiến mà y đã tự hình thành trên một số cơ sở hợp lý.

It is necessary that we should constantly pull ourselves up, and examine our reasons for the opinions we hold. It is so fatally easy to go with the current and to accept other men's ready-made thoughts, instead of thinking for ourselves. "Almost every one does this, so why should not I?" That is the feeling of the average man, and yet if we would be just to all, as a student of occultism must be—if we seek to know the truth on all subjects, as a student of occultism should know it—then we must at all costs root out these prejudices, and keep a lynx-like watch against their return. We shall find

Chúng ta cần phải liên tục tự kiểm chế và xem xét lý do của mình đối với những ý kiến mà chúng ta nắm giữ. Thật dễ dàng để đi theo dòng chảy và chấp nhận những suy nghĩ có sẵn của người khác, thay vì tự mình suy nghĩ. "Hầu như ai cũng làm điều này, vậy tại sao tôi lại không?" Đó là cảm giác của người bình thường, nhưng nếu chúng ta muốn công bằng với tất cả mọi người, như một người nghiên cứu huyền bí học phải làm—nếu chúng ta tìm kiếm sự thật về mọi chủ đề, như một người nghiên cứu huyền bí học nên biết—thì chúng ta phải bằng mọi giá loại bỏ những định kiến này, và theo dõi sự trở lại của chúng một

ourselves in many ways differing from the majority, because the opinions of the majority are often unjust, ill-conceived, unreliable; but that after all we must expect, for we are setting before us a high ideal, which as yet does not appeal to that majority. If we think on all points as it thinks, and act in all ways as it acts, in what way have we raised ourselves above it, and how can we be drawing nearer to our goal?

cách cảnh giác. Chúng ta sẽ thấy mình khác biệt với đa số theo nhiều cách, bởi vì ý kiến của đa số thường không công bằng, sai lầm, không đáng tin cậy; nhưng xét cho cùng thì chúng ta phải mong đợi điều đó, bởi vì chúng ta đang đặt ra trước mắt mình một lý tưởng cao đẹp, mà cho đến nay vẫn chưa hấp dẫn được đa số đó. Nếu chúng ta suy nghĩ về mọi điểm như nó suy nghĩ, và hành động theo mọi cách như nó hành động, thì bằng cách nào chúng ta đã nâng cao bản thân mình lên trên nó, và làm thế nào chúng ta có thể tiến gần hơn đến mục tiêu của mình?

CLASS PREJUDICE

ĐỊNH KIẾN GIAI CẤP

More insidious still perhaps is the class or caste bias. It is so comforting to feel that we are somehow inherently and generically superior to everybody else—that no good feeling or good action can be expected from the other man, *because* he is a bloated aristocrat or a member of the proletariat, as the case may be. Here again, as with all the other misconceptions, the study of the hidden side of the matter shows us that what is needed is more knowledge and more charity. The occultist sees a prejudice to be a congestion of thought; what is necessary therefore is to stir up the thought, to get to know the people and try to comprehend them, and we shall soon find that fundamentally there is little difference between us and them.

Có lẽ còn nguy hiểm hơn nữa là thành kiến giai cấp hoặc đẳng cấp. Thật an ủi khi cảm thấy rằng bằng cách nào đó chúng ta vốn dĩ và về cơ bản là vượt trội hơn tất cả mọi người khác—rằng không thể mong đợi cảm xúc tốt đẹp hoặc hành động tốt đẹp nào từ người kia, bởi vì y là một quý tộc kiêu ngạo hoặc một thành viên của giai cấp vô sản, tùy từng trường hợp. Ở đây, một lần nữa, cũng như với tất cả những quan niệm sai lầm khác, nghiên cứu về mặt ẩn giấu của vấn đề cho chúng ta thấy rằng điều cần thiết là phải có thêm kiến thức và thêm lòng bác ái. Nhà huyền bí học coi định kiến là một sự tắc nghẽn của suy nghĩ; do đó, điều cần thiết là phải khuấy động suy nghĩ, tìm hiểu mọi người và cố gắng hiểu họ, và chúng ta sẽ sớm thấy rằng về cơ bản không có nhiều sự khác biệt giữa chúng ta và họ.

That there are classes of egos, that some are older and some are younger, and that some are consequently more ignorant than others, it is impossible to deny, for that is a fact in nature, as has been shown by our study of the order in which different divisions of mankind arrived from the moon-chain upon the earth-chain. But there is a common humanity which underlies all the classes, and to this we may always appeal with the certainty of obtaining some response.

Rằng có các lớp chân ngã, rằng một số già hơn và một số trẻ hơn, và rằng do đó, một số thiếu hiểu biết hơn những người khác, thì không thể phủ nhận, bởi vì đó là một sự thật trong tự nhiên, như đã được chỉ ra bởi nghiên cứu của chúng ta về thứ tự mà các bộ phận khác nhau của nhân loại đến từ chuỗi mặt trăng trên chuỗi trái đất. Nhưng có một nhân loại chung làm nền tảng cho tất cả các giai cấp, và đối với điều này, chúng ta luôn có thể kêu gọi với sự chắc chắn rằng sẽ nhận được một số phản hồi.

Those who feel sure that they belong to the higher class of egos must prove their nobility by great tolerance and charity towards the less fortunate younger members of the human race;

Những người cảm thấy chắc chắn rằng họ thuộc về tầng lớp chân ngã cao hơn phải chứng minh sự cao quý của mình bằng lòng khoan dung và bác ái to lớn đối với những thành viên trẻ tuổi kém

noblesse oblige, and if they are the nobility they must act accordingly. A prejudice is usually so transparently foolish that when a man has freed himself from it he cannot believe that he ever really felt it, cannot understand how any of his fellow-creatures who have any pretence to reasoning powers can be subject to it. So there is a certain danger that he himself may become intolerant in turn—intolerant of intolerance. The occultist, however, who sees the mighty combined thought-form and understands the almost irresistible power, and yet the curious insidiousness of its action, understands very well the difficulty of resisting it—the difficulty even of escaping sufficiently from its thraldom to realise that there is anything to resist.

may mắn hơn của loài người; noblesse oblige, và nếu họ là quý tộc thì họ phải hành động cho phù hợp. Định kiến thường là ngu ngốc một cách rõ ràng đến mức khi một người đã tự giải thoát khỏi nó, y không thể tin rằng mình đã thực sự cảm thấy nó, không thể hiểu nổi làm thế nào mà bất kỳ người nào trong số những người đồng loại của y có bất kỳ lý do gì với sức mạnh lý luận lại có thể chịu sự chi phối của nó. Vì vậy, có một nguy cơ nhất định là bản thân y cũng có thể trở nên cố chấp—cố chấp với sự cố chấp. Tuy nhiên, nhà huyền bí học, người nhìn thấy hình tư tưởng kết hợp hùng mạnh và hiểu được sức mạnh gần như không thể cưỡng lại được, nhưng vẫn có sự xảo quyệt kỳ lạ trong hành động của nó, hiểu rất rõ khó khăn khi chống lại nó—thậm chí là khó khăn khi thoát khỏi sự ràng buộc của nó một cách đầy đủ để nhận ra rằng có điều gì đó để chống lại.

PUBLIC STANDARDS

Fortunately this almost irresistible pressure of public opinion is not always wrong. In certain directions it is founded not upon the cumulative ignorance of the race but on its cumulative knowledge—on the experience of generations that have gone before us. Public opinion is undoubtedly in the right when it condemns murder or robbery; and countries in which public opinion has not yet advanced so far as to express itself clearly on these points are universally admitted to be in the rearguard of civilisation. There are still in the world communities in which law and order are only beginning to exist, and violence is still the deciding factor in all disputes; but those countries are universally recognised as undesirable places of habitation and as lagging behind the progress of the world.

TIÊU CHUẨN CÔNG CỘNG

May mắn thay, áp lực gần như không thể cưỡng lại này của dư luận không phải lúc nào cũng sai. Theo một số hướng nhất định, nó không dựa trên sự thiếu hiểu biết tích lũy của chủng tộc mà dựa trên kiến thức tích lũy của nó—trên kinh nghiệm của nhiều thế hệ đã qua trước chúng ta. Dư luận chắc chắn đúng khi nó lên án giết người hoặc cướp bóc; và các quốc gia mà dư luận vẫn chưa tiến bộ đến mức tự thể hiện rõ ràng về những điểm này đều được thừa nhận là đang ở phía sau của nền văn minh. Vẫn còn những cộng đồng trên thế giới mà luật pháp và trật tự mới chỉ bắt đầu tồn tại, và bạo mãnh lực vẫn là yếu tố quyết định trong mọi tranh chấp; nhưng những quốc gia đó đều được công nhận là những nơi không mong muốn để sinh sống và đang tụt hậu so với sự tiến bộ của thế giới.

There are other crimes besides robbery and murder which are universally condemned in all civilised countries, and in all these directions the pressure exerted by public opinion is a pressure in the right direction, tending to restrain those erratic spirits who might otherwise think only of their own desires and not at all of the welfare of the community.

Có những tội ác khác ngoài cướp bóc và giết người bị lên án một cách phổ biến ở tất cả các quốc gia văn minh, và theo tất cả những hướng này, áp lực do dư luận tạo ra là áp lực theo đúng hướng, có xu hướng kiềm chế những linh hồn thất thường mà nếu không có thể chỉ nghĩ đến ham muốn của bản thân và hoàn toàn không nghĩ đến phúc lợi của cộng đồng.

The occultist, seeing so much more of what is really happening, establishes for himself a far

Nhà huyền bí học, khi nhìn thấy nhiều hơn những gì thực sự đang xảy ra, sẽ tự thiết lập cho

more exacting code of morals than does the ordinary man. Many things which the ordinary man would do, and constantly does do, without thinking twice about them, the occultist would not permit himself to do under any consideration, because he sees their effects in other worlds, which are hidden from the less developed man. This is a general rule, though here and there we meet with exceptions in which the occultist, who understands the case, will take steps which the ordinary man would fear to take. This is because his action is based upon knowledge, because he sees what he is doing, while the other man is acting only according to custom.

mình một bộ quy tắc đạo đức khắt khe hơn nhiều so với người bình thường. Nhiều điều mà người bình thường sẽ làm, và liên tục làm, mà không cần suy nghĩ kỹ về chúng, thì nhà huyền bí học sẽ không cho phép mình làm dưới bất kỳ hình thức nào, bởi vì y nhìn thấy tác động của chúng trong các thế giới khác, những điều bị ẩn giấu đối với người kém phát triển hơn. Đây là một quy luật chung, mặc dù ở đây và ở đó, chúng ta gặp phải những ngoại lệ mà nhà huyền bí học, người hiểu rõ trường hợp này, sẽ thực hiện các bước mà người bình thường sẽ sợ thực hiện. Điều này là do hành động của y dựa trên kiến thức, bởi vì y nhìn thấy những gì mình đang làm, trong khi người kia chỉ hành động theo phong tục.

The great laws of morality are universal, but temporary and local customs are often only ridiculous. There are still many people to whom it is a heinous crime to go for a walk on a Sunday or to play a game of cards. At such restrictions the occultist smiles, though he is careful not to hurt the feelings of those to whom such quaint and unnatural regulations seem matters of primary importance. In many cases, too, the superior knowledge gained by occult study enables him to see the real meaning of regulations which are misunderstood by others.

Các quy luật đạo đức vĩ đại là phổ quát, nhưng phong tục tạm thời và địa phương thường chỉ là lố bịch. Vẫn còn nhiều người mà đối với họ, việc đi dạo vào Chủ nhật hoặc chơi bài là một tội ác tàn bạo. Nhà huyền bí học mỉm cười trước những hạn chế như vậy, mặc dù y cẩn thận không làm tổn thương cảm xúc của những người mà những quy định kỳ lạ và không tự nhiên như vậy dường như là những vấn đề tối quan trọng. Trong nhiều trường hợp, kiến thức vượt trội có được nhờ nghiên cứu huyền bí học cũng cho phép y nhìn thấy ý nghĩa thực sự của các quy định mà người khác hiểu lầm.

CASTE PREJUDICE

ĐỊNH KIẾN ĐẲNG CẤP

A good example of this is to be seen in regard to the caste regulations of India. These were established some ten thousand years ago by the Manu in charge of the fifth root-race, when He had moved down the main stock of that race from Central Asia to the plains of India. This was after the sub-races had been sent out to do their colonising work, and the remnant of the main stock of His race was but small as compared to the teeming millions of Hindustan. Wave after wave of immigration had swept into the country, and mingled freely with the ruling race among its previous inhabitants, and He saw that, unless some definite command was given, the Aryan type, which had been established with so much trouble, would run great risk of being entirely lost. He therefore issued instructions that a certain division of His people should be made, and that the members of the three great types which He thus set apart should remain as they

Một ví dụ điển hình về điều này có thể thấy rõ trong các quy định về đẳng cấp của Ấn Độ. Những điều này được thiết lập khoảng mười nghìn năm trước bởi Manu phụ trách chủng tộc gốc thứ năm, khi Ngài chuyển phần lớn chủng tộc đó từ Trung Á xuống đồng bằng Ấn Độ. Điều này xảy ra sau khi các phân chủng tộc được cử đi làm công việc thuộc địa hóa của họ, và số lượng còn lại của phần lớn chủng tộc của Ngài chỉ là nhỏ so với hàng triệu người ở Hindustan. Làn sóng nhập cư này đến làn sóng nhập cư khác đã tràn vào đất nước, và hòa lẫn tự do với chủng tộc cầm quyền giữa những cư dân trước đó của nó, và Ngài thấy rằng, trừ khi có một số mệnh lệnh rõ ràng được đưa ra, nếu không kiểu người Aryan, vốn đã được thiết lập với rất nhiều khó khăn, sẽ có nguy cơ bị mất hoàn toàn. Do đó, Ngài đã ban hành chỉ thị rằng một bộ phận nhất định trong dân tộc của Ngài sẽ được tạo ra, và các thành viên của ba loại hình vĩ đại mà Ngài đã dành riêng như vậy sẽ vẫn giữ

were, that they should not intermarry with one another or with the subject races.

This was the only restriction that was laid upon them. Yet this very simple and harmless regulation has been expanded into a system of iron rigidity which at the present time interferes at every step and in every direction with the progress of India as a nation. The command not to intermarry has been distorted into an order to hold no fellowship with the members of another caste, not to eat with them, not to accept food from them. Not only that, but the great race divisions made by the Manu have been again divided and subdivided until we are now in the presence of not three castes but a great multitude of sub-castes, all looking down upon one another, all foreign to one another, all restricted from intermarrying or from eating together. And all this in spite of the fact, well-known to all, that within the written laws of Manu (though they contain much which the Manu himself certainly did not say) it is stated quite definitely that the man of higher caste *may* eat with one of the lowest caste whom he knows to be living in a rational and cleanly manner, and that in the *Mahabharata* caste is declared to depend not upon birth but upon character. For example,

One's own ploughman, an old friend of the family, one's own cowherd, one's own servant, one's own barber, and whosoever else may come for refuge and offer service—from the hands of all such shudras may food be taken. *(Manusmriti, iv,)*

After doubt and debate, the Gods decided that the food-gift of the money-lending shudra who was generous of heart was equal in quality to the food-gift of the Shrotriya brahmana who knew all the Vedas, but was small of heart. But the Lord of all creatures came to them and said: Make ye not that equal which is unequal. The food-gift of that shudra is purified by the generous heart, while that of the Shrotriya brahmana is befoulded wholly by the lack of goodwill. *(Manusmriti, iv, 224, 225)*

nguyên như cũ, rằng họ sẽ không kết hôn với nhau hoặc với các chủng tộc thần dân.

Đây là hạn chế duy nhất được đặt ra đối với họ. Tuy nhiên, quy định rất đơn giản và vô hại này đã được mở rộng thành một hệ thống cứng nhắc, hệ thống này hiện tại đang can thiệp vào mọi bước và mọi hướng đối với sự tiến bộ của Ấn Độ với tư cách là một quốc gia. Mệnh lệnh không được kết hôn đã bị bóp méo thành mệnh lệnh không được giao du với các thành viên của một đẳng cấp khác, không được ăn chung với họ, không được nhận thức ăn từ họ. Không chỉ vậy, các phân chia chủng tộc lớn do Manu tạo ra đã lại được chia và chia nhỏ cho đến khi chúng ta hiện đang có mặt không phải ba đẳng cấp mà là vô số phân đẳng cấp, tất cả đều coi thường lẫn nhau, tất cả đều xa lạ với nhau, tất cả đều bị hạn chế kết hôn hoặc ăn uống cùng nhau. Và tất cả những điều này bất chấp thực tế, được tất cả mọi người biết rõ, rằng trong các luật thành văn của Manu (mặc dù chúng chứa đựng nhiều điều mà bản thân Manu chắc chắn đã không nói) người ta nói khá rõ ràng rằng người thuộc đẳng cấp cao hơn có thể ăn chung với một người thuộc đẳng cấp thấp nhất mà y biết là đang sống một cách hợp lý và sạch sẽ, và rằng trong Mahabharata, đẳng cấp được tuyên bố là không phụ thuộc vào sinh ra mà phụ thuộc vào tính cách. Ví dụ,

Người cày ruộng của chính mình, một người bạn cũ của gia đình, người chăn bò của chính mình, người hầu của chính mình, người thợ cắt tóc của chính mình, và bất cứ ai khác có thể đến để xin tị nạn và phục vụ—từ tay của tất cả những người shudra như vậy đều có thể lấy thức ăn. (Manusmriti, iv, 253)

Sau khi nghi ngờ và tranh luận, các vị Thần quyết định rằng món quà thức ăn của người shudra cho vay nặng lãi có tấm lòng rộng lượng bằng với món quà thức ăn của Shrotriya brahmana biết tất cả các Veda, nhưng có tấm lòng nhỏ bé. Nhưng Chúa tể của tất cả các sinh vật đến với họ và nói: Đừng biến điều bình đẳng thành không bình đẳng. Món quà thức ăn của người shudra đó được thanh lọc bởi tấm lòng rộng lượng, trong khi món quà thức ăn của Shrotriya brahmana hoàn toàn bị vấy bẩn bởi sự thiếu thiện chí. (Manusmriti, iv, 224, 225)

Not birth, nor sacraments, nor study, nor ancestry, can decide whether a person is twice-born (and to which of the three types of the twice-born he belongs). Character and conduct only can decide. *(Mahabharata,* Vanaparvan, cccxiii, 108).

Không phải sinh ra, cũng không phải bí tích, cũng không phải học tập, cũng không phải tổ tiên, có thể quyết định liệu một người có được tái sinh hai lần hay không (và y thuộc về loại nào trong ba loại được tái sinh hai lần). Chỉ có tính cách và hành vi mới có thể quyết định. (Mahabharata, Vanaparvan, 108)

Yet obvious as all this is, and well known as are the texts to which I have referred, there are yet thousands of otherwise intelligent people to whom the regulations made *(not* by religion but by custom only) are rules as strict as that of any savage with his taboo. All readily agree as to the absurdity of the taboo imposed in a savage tribe, whose members believe that to touch a certain body or to mention a certain name will bring down upon them the wrath of their deity. Yet all do not realise that the extraordinary taboo which many otherwise sensible Christians erect round one of the days of the week is in every respect as utterly irrational. Nor do our Indian friends realise that they have erected a taboo, exactly similar and quite as unreasonable, about a whole race of their fellow men, whom they actually label as untouchable, and treat as though they were scarcely human beings at all. Each race or religion is ready enough to ridicule the superstitions of others, and yet fails to comprehend the fact that it has equally foolish superstitions itself.

Tuy nhiên, rõ ràng là tất cả những điều này, và các văn bản mà tôi đã đề cập đều được biết đến nhiều, nhưng vẫn có hàng nghìn người thông minh khác mà đối với họ, các quy định được tạo ra (không phải bởi tôn giáo mà chỉ bởi phong tục) là những quy tắc nghiêm ngặt như quy tắc của bất kỳ người man rợ nào với điều cấm kỵ của y. Tất cả đều dễ dàng đồng ý về sự phi lý của điều cấm kỵ được áp đặt trong một bộ lạc man rợ, mà các thành viên của họ tin rằng việc chạm vào một xác chết nhất định hoặc đề cập đến một cái tên nhất định sẽ giáng xuống họ cơn thịnh nộ của thần thánh của họ. Tuy nhiên, không phải ai cũng nhận ra rằng điều cấm kỵ phi thường mà nhiều Cơ đốc nhân có lý trí khác dựng lên xung quanh một trong những ngày trong tuần về mọi mặt cũng hoàn toàn phi lý. Những người bạn Ấn Độ của chúng ta cũng không nhận ra rằng họ đã dựng lên một điều cấm kỵ, hoàn toàn giống và cũng phi lý không kém, về cả một chủng tộc đồng loại của họ, mà họ thực sự gán nhãn là không thể chạm tới, và đối xử như thể họ hầu như không phải là con người. Mỗi chủng tộc hoặc tôn giáo đều sẵn sàng chế giễu sự mê tín của những người khác, nhưng vẫn không hiểu được sự thật rằng nó cũng có những sự mê tín ngu ngốc không kém.

These very superstitions have done irreparable harm to the cause of religion, for naturally enough those who oppose the religious idea fasten upon these weak points and emphasise and exaggerate them out of all proportion, averring that religion is synonymous with superstition; whereas the truth is that there is a great body of truth which is common to all the religions, which is entirely unmarred by superstition, and of the greatest value to the world, as is clearly proved by Mrs. Besant's *Universal Text Book of Religion and Morals.* This body of teaching is the important part of every religion, and if the professors of all these faiths could be induced to recognise that and,—we will

Chính những sự mê tín này đã gây ra tác hại không thể khắc phục được cho sự nghiệp của tôn giáo, bởi vì đương nhiên là những người phản đối ý tưởng tôn giáo sẽ bám vào những điểm yếu này và nhấn mạnh và phóng đại chúng một cách quá mức, khẳng định rằng tôn giáo đồng nghĩa với mê tín; trong khi sự thật là có một khối lượng sự thật lớn chung cho tất cả các tôn giáo, hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi mê tín, và có giá trị lớn nhất đối với thế giới, như đã được chứng minh rõ ràng bởi Sách Giáo Khoa Phổ Thông về Tôn Giáo và Đạo Đức của bà Besant. Phần giáo lý này là phần quan trọng của mọi tôn giáo, và nếu những người theo tất cả các tín ngưỡng này có thể bị thuyết phục để nhận ra điều đó và—chúng ta sẽ

not say to abandon their private superstitions, but at least to recognise them as not binding upon any but themselves, there would be no difficulty whatever in arriving at a perfect agreement. Each person has an inalienable right to believe what he chooses, however foolish it may appear to others; but he can under no circumstances have any possible right to endeavour to force his particular delusion upon those others, or to persecute them in any way for declining to accept it.

không nói là từ bỏ những sự mê tín riêng tư của họ, mà ít nhất là nhận ra chúng là không ràng buộc đối với bất kỳ ai ngoài bản thân họ, thì sẽ không có khó khăn gì trong việc đạt được một thỏa thuận hoàn hảo. Mỗi người đều có quyền không thể chuyển nhượng được để tin vào những gì mình chọn, dù điều đó có vẻ ngu ngốc đối với người khác đến đâu; nhưng trong mọi trường hợp, y không thể có bất kỳ quyền nào để cố gắng ép buộc ảo tưởng cụ thể của mình lên những người khác, hoặc bức hại họ theo bất kỳ cách nào vì từ chối chấp nhận nó.

THE DUTY OF FREEDOM

BỔN PHẬN CỦA TỰ DO

It therefore becomes the duty of every student of occultism to examine carefully the religious belief of his country and his period, in order that he may decide for himself what of it is based upon reason and what is merely a superstitious accretion. Most men never make any such effort at discrimination, for they cannot shake themselves free from the influence of the great crowd of thought-forms which constitute public opinion; and because of those they never really see the truth at all, nor even know of its existence, being satisfied to accept instead of it this gigantic thought-form. For the occultist the first necessity is to attain a clear and unprejudiced view of everything—to see it as it is, and not as a number of other people suppose it to be.

Do đó, nhiệm vụ của mỗi người nghiên cứu huyền bí học là kiểm tra cẩn thận tín ngưỡng tôn giáo của đất nước và thời đại của mình, để y có thể tự mình quyết định điều gì trong đó dựa trên lý trí và điều gì chỉ đơn thuần là sự tích tụ mê tín. Hầu hết mọi người không bao giờ thực hiện bất kỳ nỗ lực phân biệt nào như vậy, bởi vì họ không thể tự giải thoát khỏi ảnh hưởng của đám đông hình tư tưởng tạo thành dư luận; và bởi vì những điều đó, họ không bao giờ thực sự nhìn thấy sự thật, thậm chí không biết đến sự tồn tại của nó, mà bằng lòng chấp nhận hình tư tưởng khổng lồ này thay vì nó. Đối với nhà huyền bí học, điều cần thiết đầu tiên là đạt được cái nhìn rõ ràng và không có thành kiến về mọi thứ—nhìn thấy nó như nó vốn có, chứ không phải như một số người khác tưởng tượng về nó.

In order to secure this clearness of vision, unceasing vigilance is necessary. For the pressure of the great hovering thought-cloud upon us is by no means relaxed because we have once detected and defied its influence. Its pressure is ever present, and quite unconsciously we shall find ourselves yielding to it in all sorts of minor matters, even though we keep ourselves clear from it with regard to the greater points. We were born under its pressure, just as we were born under the pressure of the atmosphere, and we are just as unconscious of one as of the other. As we have never seen anything except through its distorted medium, we find a great difficulty in learning to see clearly, and even in recognising the truth when we finally come face to face with it; but at least it will gradually help us in our search for truth to know of this hidden side of

Để đảm bảo sự rõ ràng này của tầm nhìn, cần phải có sự cảnh giác không ngừng. Bởi vì áp lực của đám mây tư tưởng lớn đang lơ lửng đối với chúng ta không hề giảm bớt vì chúng ta đã từng phát hiện và thách thức ảnh hưởng của nó. Áp lực của nó luôn hiện hữu, và chúng ta sẽ hoàn toàn vô thức thấy mình đang nhượng bộ nó trong đủ loại vấn đề nhỏ nhặt, ngay cả khi chúng ta tránh xa nó đối với những điểm lớn hơn. Chúng ta được sinh ra dưới áp lực của nó, giống như chúng ta được sinh ra dưới áp lực của khí quyển, và chúng ta cũng không ý thức được điều này cũng như điều kia. Vì chúng ta chưa bao giờ nhìn thấy bất cứ thứ gì ngoại trừ thông qua phương tiện bị bóp méo của nó, nên chúng ta gặp rất nhiều khó khăn trong việc học cách nhìn rõ ràng, và thậm chí trong việc nhận ra sự thật khi cuối cùng chúng ta đối mặt với nó; nhưng ít nhất, nó sẽ dần dần giúp

public opinion, so that we may be on our guard against its constant and insidious pressure.

chúng ta trong việc tìm kiếm sự thật để biết về mặt ẩn giấu này của dư luận, để chúng ta có thể cảnh giác trước áp lực liên tục và xảo quyệt của nó.

BUSINESS METHODS

PHƯƠNG PHÁP KINH DOANH

For example, this public opinion is at a very low level with regard to what are called business methods.

Ví dụ, dư luận này đang ở mức rất thấp so với những gì được gọi là phương thức kinh doanh.

In these days of keen competition, things are done and methods are adopted in business that would have astonished our forefathers. Many of these actions and methods are perfectly legitimate, and mean nothing more than the application of shrewder thought and greater cleverness to the work which has to be done; but unquestionably the boundary of what is legitimate and honourable is not infrequently overstepped, and means are employed to which the honest merchant of an earlier age would never have descended.

Trong thời đại cạnh tranh gay gắt này, những điều được thực hiện và các phương pháp được áp dụng trong kinh doanh sẽ khiến tổ tiên của chúng ta kinh ngạc. Nhiều hành động và phương pháp trong số này hoàn toàn hợp pháp, và không có nghĩa gì hơn là áp dụng suy nghĩ sắc sảo hơn và sự khéo léo hơn vào công việc phải làm; nhưng chắc chắn rằng ranh giới của những gì hợp pháp và danh dự không thường xuyên bị vượt qua, và các phương tiện được sử dụng mà nhà buôn trung thực của thời đại trước sẽ không bao giờ hạ mình xuống.

Indeed, there has come to be a sort of tacit understanding that business has a morality of its own, and that ordinary standards of integrity are not to be applied to it. A man at the head of a large mercantile house once said to me: “If I tried to do business according to the Golden Rule—’Do unto others as ye would that they should do unto you’—I should simply starve; I should be bankrupt in a month. The form in which it runs in business matters is much nearer to that immortalised by David Harum: ‘Do unto the other man as he would like to do unto you, and *do it first.* ‘ “ And many others to whom this remark was quoted frankly agreed with him. Men who in all other respects are good and honest and honourable feel themselves bound in such matters to do as others do. “Business is business,” they say, “and the moralist who objects does not know its conditions,” and under this excuse they treat one another in business as they would never dream of treating a friend in private life, and make statements which they know to be false, even though outside of their trade they may be truthful men.

Thật vậy, đã có một kiểu hiểu biết ngầm rằng kinh doanh có đạo đức riêng của nó, và các tiêu chuẩn liêm chính thông thường không được áp dụng cho nó. Một người đứng đầu một công ty buôn bán lớn đã từng nói với tôi: “Nếu tôi cố gắng kinh doanh theo Quy tắc vàng—'Hãy làm cho người khác những gì bạn muốn họ làm cho mình'—thì tôi chỉ đơn giản là chết đói; Tôi sẽ phá sản trong một tháng. Hình thức mà nó diễn ra trong các vấn đề kinh doanh gần giống với hình thức được David Harum bất tử hóa: 'Hãy làm cho người khác những gì y muốn làm cho bạn, và hãy làm điều đó trước.' "Và nhiều người khác mà nhận xét này được trích dẫn đã thẳng thắn đồng ý với y. Những con người mà về mọi mặt khác đều tốt bụng, trung thực và danh dự cảm thấy mình bị ràng buộc trong những vấn đề như vậy phải làm như những người khác. “Kinh doanh là kinh doanh,” họ nói, “và nhà đạo đức học phản đối không biết các điều kiện của nó,” và với lời bào chữa này, họ đối xử với nhau trong kinh doanh theo cách mà họ không bao giờ mơ tưởng đến việc đối xử với một người bạn trong cuộc sống riêng tư, và đưa ra những tuyên bố mà họ biết là sai sự thật, ngay cả khi bên ngoài công việc kinh doanh của họ, họ có thể là những người trung thực.

All our virtues need widening out so that they will cover a greater area. At first man is frankly selfish, and takes care only of himself. Then he widens his circle of affection, and loves his family in addition to himself. Later on he extends a modified form of affection to his neighbours and his tribe, so that he will no longer rob them, though he is quite willing to join with them in robbing some other tribe or nation. Even thousands of years ago, if a dispute arose within a family the head of the family would act as arbitrator and settle it. We have now extended this as far as our neighbours or our fellow-citizens in the same State. If we have a dispute with any of them, a magistrate acts as an arbitrator, in the name of the law of the land. But we have not yet reached a sufficient state of civilisation to apply the same idea to national quarrels, though we are just beginning to talk about doing so, and one or two of the most advanced nations have already settled some difficulties in this way.

Tất cả các đức tính của chúng ta cần được mở rộng để chúng bao phủ một khu vực rộng lớn hơn. Lúc đầu, con người công khai ích kỷ, và chỉ chăm sóc bản thân. Sau đó, y mở rộng vòng tròn tình cảm của mình, và yêu thương gia đình mình ngoài bản thân. Sau đó, y mở rộng một hình thức tình cảm được sửa đổi cho những người hàng xóm và bộ lạc của mình, để y không còn cướp bóc họ nữa, mặc dù y hoàn toàn sẵn sàng tham gia cùng họ để cướp bóc một số bộ lạc hoặc quốc gia khác. Ngay cả hàng nghìn năm trước, nếu một cuộc tranh chấp phát sinh trong một gia đình, thì người đứng đầu gia đình sẽ đóng vai trò là trọng tài và giải quyết nó. Bây giờ chúng ta đã mở rộng điều này đến hàng xóm hoặc đồng bào của chúng ta trong cùng một Tiểu bang. Nếu chúng ta có tranh chấp với bất kỳ ai trong số họ, thì thẩm phán sẽ đóng vai trò là trọng tài, nhân danh luật pháp của đất nước. Nhưng chúng ta vẫn chưa đạt đến trạng thái văn minh đầy đủ để áp dụng ý tưởng tương tự cho các cuộc cãi vã quốc gia, mặc dù chúng ta mới chỉ bắt đầu nói về việc làm như vậy, và một hoặc hai quốc gia tiên tiến nhất đã giải quyết một số khó khăn theo cách này.

In the same way the brothers of a family stand together; in dealing with one another they will not take advantage, or state what is untrue; but we have not yet reached the level on which they will be equally honest and open with those outside of the family, in what they call business. Perhaps if a man meets another in private life or at a friend's house, and enters into conversation with him, he would scorn to tell him a falsehood; yet let the same man enter his shop or place of business, and his ideas of what is honourable or lawful for him at once undergo a sad deterioration.

Theo cách tương tự, các huynh đệ trong một gia đình sát cánh cùng nhau; khi đối phó với nhau, họ sẽ không lợi dụng, hoặc nói những điều không đúng sự thật; nhưng chúng ta vẫn chưa đạt đến cấp độ mà họ sẽ trung thực và cởi mở như nhau với những người bên ngoài gia đình, trong cái mà họ gọi là kinh doanh. Có lẽ nếu một người gặp một người khác trong cuộc sống riêng tư hoặc tại nhà của một người bạn, và bắt đầu trò chuyện với y, thì y sẽ khinh thường việc nói dối y; tuy nhiên, hãy để cùng một người đó bước vào cửa hàng hoặc nơi kinh doanh của mình, và những ý tưởng của y về những gì là danh dự hoặc hợp pháp đối với y ngay lập tức sẽ bị suy thoái một cách đáng buồn.

Undoubtedly, people who manage their affairs along the lines of sharp practice sometimes acquire large fortunes thereby; and those who regard life superficially, envy them for what they consider their success. But those who have accustomed themselves to look a little deeper into the underlying realities, recognise that it is not success at all—that in truth there has been no profit in such a transaction, but a very serious loss.

Không nghi ngờ gì nữa, những người quản lý công việc của họ theo đường lối thực hành sắc bén đôi khi thu được khối tài sản lớn nhờ đó; và những người coi cuộc sống một cách hời hợt, ghen tị với họ vì những gì họ coi là thành công của họ. Nhưng những người đã quen nhìn sâu hơn một chút vào thực tại tiềm ẩn, nhận ra rằng đó hoàn toàn không phải là thành công—rằng trên thực tế, không có lợi nhuận nào trong giao dịch đó, mà là một khoản lỗ rất nghiêm trọng.

If man is a soul in process of evolution towards perfection, temporarily stationed here on earth in order to learn certain lessons and to achieve a certain stage of his progress, it is obvious that the only thing that matters is to learn those lessons and to make that progress. If man be in truth, as many of us know he is, a soul that lives forever, the true interest of the man is the interest of that soul, not of the body, which is nothing but its temporary vesture; and anything that hinders the progress of that soul is emphatically a bad thing for the man, no matter how advantageous it may appear for his body.

Nếu con người là một linh hồn đang trong quá trình tiến hóa hướng tới sự hoàn thiện, tạm thời đóng quân ở đây trên trái đất để học một số bài học nhất định và đạt được một giai đoạn tiến bộ nhất định của mình, thì rõ ràng là điều duy nhất quan trọng là học những bài học đó và đạt được sự tiến bộ đó. Nếu con người thực sự, như nhiều người trong chúng ta biết, là một linh hồn sống mãi mãi, thì điều thực sự quan tâm của con người là điều quan tâm của linh hồn đó, chứ không phải của thể xác, thứ chẳng là gì ngoài lớp áo tạm thời của nó; và bất cứ điều gì cản trở sự tiến bộ của linh hồn đó rõ ràng là một điều xấu đối với con người, bất kể nó có vẻ có lợi cho thể xác của y đến đâu.

The soul is acting through and advancing by means of his vehicles, and the physical body is only one of these, and that the lowest. Manifestly, therefore, before we are able to pronounce whether any course of action is really good or bad for us, we must know how it affects all of these vehicles, and not only one of them.

Linh hồn đang hoạt động thông qua và tiến bộ bằng phương tiện của các thể của y, và thể xác chỉ là một trong số này, và đó là thể thấp nhất. Do đó, rõ ràng là trước khi chúng ta có thể tuyên bố liệu một hành động nào đó thực sự tốt hay xấu đối với chúng ta, chúng ta phải biết nó ảnh hưởng đến tất cả các thể này như thế nào, chứ không chỉ một trong số chúng.

Suppose that one man overreaches another in some transaction, and boasts blatantly of his success and the profit which it has brought him. The student of the inner side of nature will tell him that there has been in reality no gain, but a heavy loss instead. The trickster chinks his money in his hand, and in his shortsightedness triumphantly cries: “See, here is the best of proof; here are the golden sovereigns that I have won; how can you say that I have not gained?”

Giả sử rằng một người vượt mặt người khác trong một số giao dịch, và khoe khoang một cách trắng trợn về thành công của mình và lợi nhuận mà nó đã mang lại cho y. Người nghiên cứu mặt bên trong của tự nhiên sẽ nói với y rằng trên thực tế không có lợi ích gì, mà thay vào đó là một khoản lỗ nặng nề. Kẻ lừa đảo đếm tiền trong tay, và trong sự thiển cận của mình, y đắc thắng kêu lên: “Này, đây là bằng chứng rõ ràng nhất; đây là những đồng vàng mà tôi đã giành được; làm sao bạn có thể nói rằng tôi đã không đạt được lợi ích? "

The occultist will reply that the gold may do him a little good or a little harm, according to the way in which he uses it; but that a consideration of far greater importance is the effect of the transaction upon higher levels. Let us put aside altogether, for the moment, the injury done to the victim of the fraud—though, since humanity is truly a vast brotherhood, that is a factor by no means to be ignored; but let us restrict ourselves now exclusively to the selfish aspect of the action, and see what harm the dishonest merchant has done to himself.

Nhà huyền bí học sẽ trả lời rằng vàng có thể làm y có một chút lợi hoặc một chút hại, tùy thuộc vào cách y sử dụng nó; nhưng điều quan trọng hơn nhiều cần xem xét là ảnh hưởng của giao dịch trên các cấp độ cao hơn. Hãy gạt bỏ hoàn toàn, trong giây lát, thiệt hại gây ra cho nạn nhân của hành vi gian lận—mặc dù, vì nhân loại thực sự là một tình huynh đệ rộng lớn, nên đó là một yếu tố không được phép bỏ qua; nhưng bây giờ chúng ta hãy tự giới hạn mình hoàn toàn ở khía cạnh ích kỷ của hành động, và xem xét người buôn bán không trung thực đã tự gây hại cho mình như thế nào.

THE RESULTS OF DECEIT

Two facts stand out prominently to clairvoyant sight. First, the deceiver has had to think out his scheme of imposture; he has made a mental effort, and the result of that effort is a thought-form. Because the thought which gave it birth was guileful and ill-intentioned, that thought-form is one which cramps and sears the mental body, hindering its growth and intensifying its lower vibrations—a disaster in itself far more than counter-balancing anything whatever that could possibly happen in the physical world. But that is not all.

Secondly, this duplicity has set up a habit in the mental body. It is represented therein by a certain type of vibration, and since this vibration has been set strongly in motion it has created a tendency towards its own repetition. Next time the man's thoughts turn towards any commercial transaction, it will be a little easier than before for him to adopt some knavish plan, a little more difficult than before for him to be manly, open and honest. So that this one act of double-dealing may have produced results in the mental body which it will take years of patient striving to eliminate.

Clearly, therefore, even from the most selfish point of view, the speculation has been a bad one; the loss enormously outweighs the gain. This is a certainty—a matter not of sentiment or imagination, but of fact; and it is only because so many are still blind to the wider life, that all men do not at once see this. But even those of us whose sight is not yet open to higher worlds, should be capable of bringing logic and common sense to bear upon what our seers tell us—sufficiently at least to comprehend that these things must be so, and to take timely warning, to realise that a transaction may appear to be profitable in one direction and yet be a ruinous loss in another, and that all the factors must be taken into account before the question of profit or loss is decided.

It is clear that a student of the occult who has to engage in business must needs watch closely what are called business methods, lest the pressure of public opinion on this matter should

KẾT QUẢ CỦA SỰ LỪA DỐI

Hai sự thật nổi bật đối với tầm nhìn thông nhãn. Thứ nhất, kẻ lừa dối phải nghĩ ra kế hoạch lừa đảo của mình; y đã nỗ lực về trí tuệ, và kết quả của nỗ lực đó là một hình tư tưởng. Bởi vì suy nghĩ sinh ra nó là xảo quyệt và có ý xấu, nên hình tư tưởng đó là thứ làm chuột rút và thiêu đốt thể trí, cản trở sự phát triển của nó và tăng cường những rung động thấp kém hơn của nó—một thảm họa trong bản thân nó còn hơn cả việc bù đắp cho bất cứ điều gì có thể xảy ra trong thế giới vật lý. Nhưng đó chưa phải là tất cả.

Thứ hai, sự hai mặt này đã tạo ra một thói quen trong thể trí. Nó được thể hiện trong đó bằng một loại rung động nhất định, và vì rung động này đã được thiết lập mạnh mẽ chuyển động nên nó đã tạo ra một xu hướng lặp lại chính nó. Lần sau, khi suy nghĩ của con người hướng về bất kỳ giao dịch thương mại nào, y sẽ dễ dàng hơn một chút so với trước đây để áp dụng một số kế hoạch xấu xa, khó khăn hơn một chút so với trước đây để y trở nên nam tính, cởi mở và trung thực. Do đó, hành động hai mặt này có thể đã tạo ra những kết quả trong thể trí mà phải mất nhiều năm kiên trì phấn đấu mới có thể loại bỏ được.

Rõ ràng, do đó, ngay cả khi nhìn từ quan điểm ích kỷ nhất, thì đầu cơ là một điều xấu; thua lỗ vượt xa lợi nhuận. Đây là điều chắc chắn—không phải là vấn đề của tình cảm hay trí tưởng tượng, mà là của thực tế; và chỉ vì có quá nhiều người vẫn còn mù quáng trước cuộc sống rộng lớn hơn, nên không phải ai cũng nhìn thấy điều này ngay lập tức. Nhưng ngay cả những người trong chúng ta mà thị lực vẫn chưa mở ra với các thế giới cao hơn, cũng nên có khả năng vận dụng logic và lẽ thường để xem xét những gì mà những người thông nhãn của chúng ta nói với chúng ta—ít nhất là đủ để hiểu rằng những điều này phải như vậy, và để kịp thời cảnh báo, để nhận ra rằng một giao dịch có vẻ có lợi theo hướng này nhưng lại là một khoản lỗ tai hại theo hướng khác, và rằng tất cả các yếu tố phải được tính đến trước khi quyết định vấn đề lợi nhuận hoặc thua lỗ.

Rõ ràng là một người nghiên cứu huyền bí học phải tham gia kinh doanh cần phải theo dõi chặt chẽ những gì được gọi là phương thức kinh doanh, kẻo áp lực của dư luận về vấn đề này sẽ

lead him to perform or to condone actions not perfectly straightforward or consistent with true brotherhood.

khiến y thực hiện hoặc bỏ qua những hành động không hoàn toàn thẳng thắn hoặc phù hợp với tình huynh đệ thực sự.

PREJUDICE AGAINST PERSONS

This applies also in the case of public opinion about a particular person. There is an old proverb which says: “Give a dog a bad name and you may as well hang him at once.” The truth which it expresses in so homely a manner is a real one, for if the community has a bad opinion of any given person, however utterly unfounded that opinion may be, the thought-form of it exists in the atmosphere of the place, and any stranger who comes will be likely to be influenced by it. The newcomer, knowing nothing of the victim of evil report, is unlikely to begin his acquaintance with him by charging him with specific crimes; but he may find himself predisposed to think ill of him, without being able to account for it, and may have a tendency to place a sinister interpretation upon the simplest of his actions. If we are trying to follow the truth we must be on our guard against these influences also; we must learn to judge for ourselves in such cases and not to accept a ready-made public judgment, which is just as truly a superstition as though it were connected with religious subjects.

ĐỊNH KIẾN CHỐNG LẠI CÁ NHÂN

Điều này cũng áp dụng trong trường hợp dư luận về một người cụ thể. Có một câu tục ngữ cổ nói rằng: "Hãy đặt cho một con chó một cái tên xấu và bạn cũng có thể treo cổ nó ngay lập tức." Sự thật mà nó thể hiện một cách giản dị như vậy là một sự thật có thật, bởi vì nếu cộng đồng có ý kiến xấu về bất kỳ người nào, dù ý kiến đó hoàn toàn vô căn cứ, thì hình tư tưởng của nó vẫn tồn tại trong bầu không khí của nơi đó, và bất kỳ người lạ nào đến cũng có thể sẽ bị ảnh hưởng bởi nó. Người mới đến, không biết gì về nạn nhân của báo cáo xấu xa, không chắc sẽ bắt đầu làm quen với y bằng cách buộc tội y phạm những tội ác cụ thể; nhưng y có thể thấy mình có xu hướng nghĩ xấu về y, mà không thể giải thích được, và có thể có xu hướng giải thích một cách nham hiểm những hành động đơn giản nhất của y. Nếu chúng ta đang cố gắng đi theo sự thật, chúng ta cũng phải cảnh giác trước những ảnh hưởng này; chúng ta phải học cách tự mình phán xét trong những trường hợp như vậy và không chấp nhận một phán xét công khai có sẵn, điều này thực sự là một sự mê tín cũng giống như khi nó liên quan đến các chủ đề tôn giáo.

THE INFLUENCE OF FRIENDS

An influence which often bears a very large part in a man’s life is that of his friends. This is recognised in a popular proverb which says that a man may be known by his friends. I take that to mean that the man usually chooses his friends from men of a certain type or a certain class, and that that in turn means that he finds himself in sympathy with the ideas of that type or that class, and so is likely to reproduce them himself; but it also means much more than this. When a man is with a friend whom he loves, he is in the most receptive attitude. He throws himself open to the influence of his friend, and whatever characteristics are strongly developed in that friend will tend to produce themselves in him also.

ẢNH HƯỞNG CỦA BẠN BÈ

Một ảnh hưởng thường đóng một vai trò rất lớn trong cuộc sống của một người là ảnh hưởng của bạn bè của y. Điều này được công nhận trong một câu tục ngữ phổ biến nói rằng một người có thể được biết đến bởi bạn bè của y. Tôi hiểu điều đó có nghĩa là con người thường chọn bạn bè của mình từ những con người thuộc một loại nhất định hoặc một tầng lớp nhất định, và điều đó đến lượt nó có nghĩa là y thấy mình đồng cảm với những ý tưởng của loại người hoặc tầng lớp đó, và do đó có khả năng tự mình tái tạo chúng; nhưng nó cũng có nghĩa nhiều hơn thế này. Khi một người ở bên một người bạn mà y yêu thương, y sẽ ở trong trạng thái dễ tiếp thu nhất. Y mở lòng mình trước ảnh hưởng của người bạn của mình, và bất kỳ đặc điểm nào được phát triển mạnh mẽ ở người bạn đó cũng sẽ có xu hướng tự tạo ra ở y.

Even in the physical world the belief of a friend

Ngay cả trong thế giới vật lý, niềm tin của một

commends itself to us merely because it is belief. It comes to us with a recommendation which assures for it our most favourable consideration. The hidden side of this is in truth merely an extension of the idea to a higher level. We open ourselves out towards our friends, and in doing so put ourselves in a condition of sympathetic vibration with them. We receive and enfold their thought-waves; whatever is definite in them cannot but impress itself upon our higher bodies, and these undulations come to us enwrapped in those of affection; an appeal is made to our feelings, and therefore to a certain extent our judgment is for the time less alert. On the one side, this may imply a certain danger that an influence may be accepted without sufficient consideration; on the other hand, it has its advantage in securing for that opinion a thoroughly sympathetic reception and examination. The path of wisdom will be to receive every new opinion as sympathetically as though it came from our best friend, and yet to scrutinise it as carefully as though it had reached us from a hostile source.

người bạn cũng được chúng ta ủng hộ chỉ vì đó là niềm tin. Nó đến với chúng ta với một lời giới thiệu đảm bảo cho nó sự xem xét thuận lợi nhất của chúng ta. Mặt ẩn giấu của điều này trên thực tế chỉ đơn thuần là sự mở rộng của ý tưởng đến một cấp độ cao hơn. Chúng ta mở lòng mình đối với bạn bè của mình, và khi làm như vậy, chúng ta đặt mình vào trạng thái rung động đồng cảm với họ. Chúng ta tiếp nhận và bao bọc những làn sóng tư tưởng của họ; bất cứ điều gì xác định trong họ chắc chắn sẽ tự ghi dấu ấn lên các thể cao hơn của chúng ta, và những dao động này đến với chúng ta được bao bọc trong những dao động của tình cảm; một lời kêu gọi được gửi đến cảm xúc của chúng ta, và do đó, ở một mức độ nhất định, phán đoán của chúng ta trong thời gian đó kém tỉnh táo hơn. Một mặt, điều này có thể ngụ ý một nguy cơ nhất định rằng một ảnh hưởng có thể được chấp nhận mà không được xem xét kỹ lưỡng; mặt khác, nó có lợi thế trong việc đảm bảo cho ý kiến đó sự tiếp nhận và kiểm tra hoàn toàn đồng cảm. Con đường của trí tuệ sẽ là tiếp nhận mọi ý kiến mới một cách đồng cảm như thể nó đến từ người bạn thân nhất của chúng ta, nhưng vẫn xem xét kỹ lưỡng nó như thể nó đến từ một nguồn thù địch.

POPULAR SUPERSTITIONS

It must be remembered that superstition is by no means confined to religious matters. Most travelled Englishmen are aware that in certain parts of the Continent there exists a very decided superstition against the admission of fresh air into a room or a railway carriage, even though science teaches us that fresh air is a necessity of life. We know without a shadow of doubt, from scientific teaching, that sunlight destroys many disease germs, and vitalises the atmosphere; so it is impossible to question that it ought to be admitted to our houses as freely as possible, more especially in those unfortunate countries where we see so little of it. Yet instead of accepting this blessing and exulting in it, many a housewife makes determined efforts to shut it out when it appears, because of a superstition connected with the colours of curtains and carpets. It is not to be denied that sunlight causes certain colours to fade, but the curious lack of proportion of the ignorant mind is shown in the fact that faded colours are regarded as of greater importance than the physical health and cleanliness which

NHỮNG MÊ TÍN PHỔ BIẾN

Phải nhớ rằng mê tín không chỉ giới hạn trong các vấn đề tôn giáo. Hầu hết những người Anh đi du lịch đều biết rằng ở một số vùng nhất định trên Lục địa, có một sự mê tín rất rõ ràng đối với việc đưa không khí trong lành vào phòng hoặc toa tàu, ngay cả khi khoa học dạy chúng ta rằng không khí trong lành là điều cần thiết cho sự sống. Chúng ta biết chắc chắn, từ giáo lý khoa học, rằng ánh sáng mặt trời tiêu diệt nhiều mầm bệnh và tiếp thêm sinh lực cho bầu khí quyển; vì vậy, không thể nghi ngờ rằng nó nên được đưa vào nhà của chúng ta một cách tự do nhất có thể, đặc biệt là ở những quốc gia kém may mắn mà chúng ta ít thấy nó. Tuy nhiên, thay vì chấp nhận phước lành này và hân hoan trong đó, nhiều bà nội trợ đã nỗ lực hết sức để ngăn chặn nó khi nó xuất hiện, vì một sự mê tín liên quan đến màu sắc của rèm cửa và thảm. Không thể phủ nhận rằng ánh sáng mặt trời làm cho một số màu nhất định bị phai, nhưng sự thiếu cân đối kỳ lạ của tâm trí thiếu hiểu biết được thể hiện ở chỗ màu sắc bị phai được coi là quan trọng hơn sức khỏe thể chất và sự sạch sẽ mà ánh sáng mặt trời mang lại. Nền

the admission of the sunlight brings. Civilisation is gradually spreading, but there are still many towns and villages in which the superstitious following of the customs of our unscientific forefathers prevents the adoption of modern methods of sanitation.

văn minh đang dần lan rộng, nhưng vẫn còn nhiều thị trấn và làng mạc mà việc mê tín tuân theo phong tục của tổ tiên phi khoa học của chúng ta ngăn cản việc áp dụng các phương pháp vệ sinh hiện đại.

Even among people who think themselves advanced, curious little fragments of primeval superstition still survive. There are still many among us who will not commence a new undertaking on a Friday, nor form one of a party of thirteen. There are many who regard certain days of the week or of the month as fortunate for them and others as unfortunate, and allow their lives to be governed accordingly. I am not prepared to deny that a larger number of instances than could reasonably be accounted for by coincidence can be adduced to show that certain numbers are always connected in some way with the destiny of certain persons or families. I do not yet fully understand all that is involved in this, but it would be silly to deny the fact because we have not immediately at hand an adequate explanation of it. Those who are interested in pursuing this question further will find some of the instances to which I am referring in the appendix to Baring Gould's *Curious Myths of the Middle Ages.*

Ngay cả trong số những người tự cho mình là tiến bộ, những mảnh nhỏ kỳ lạ của sự mê tín nguyên thủy vẫn còn tồn tại. Vẫn còn nhiều người trong chúng ta sẽ không bắt đầu một công việc mới vào thứ Sáu, cũng như không tham gia vào một nhóm mười ba người. Có nhiều người coi một số ngày nhất định trong tuần hoặc trong tháng là may mắn đối với họ và những ngày khác là không may mắn, và để cuộc sống của họ bị chi phối theo đó. Tôi không sẵn sàng phủ nhận rằng có thể đưa ra nhiều trường hợp hơn so với những gì có thể được giải thích một cách hợp lý bằng sự trùng hợp ngẫu nhiên để chỉ ra rằng một số con số nhất định luôn được kết nối theo một cách nào đó với vận mệnh của một số người hoặc gia đình nhất định. Tôi vẫn chưa hiểu hết tất cả những gì liên quan đến điều này, nhưng sẽ thật ngu ngốc nếu phủ nhận sự thật vì chúng ta không có lời giải thích thỏa đáng ngay lập tức. Những ai quan tâm đến việc theo đuổi câu hỏi này hơn nữa sẽ tìm thấy một số trường hợp mà tôi đang đề cập trong phụ lục của Thần thoại gây tò mò thời Trung cổ của Baring Gould.

I do not doubt the existence of what are commonly called planetary influences, for I have already explained the hidden side of them; but I say that, while these influences may make it easier or more difficult to do a certain thing on a certain day, there is nothing whatever in any of them, or all of them combined, that can prevent a man of determined will from ordering his life precisely as he thinks best. As has been said, the wise man rules his stars, the fool obeys them. To let oneself become a slave to such influences is to make a superstition of them.

Tôi không nghi ngờ gì về sự tồn tại của cái thường được gọi là ảnh hưởng của hành tinh, bởi vì tôi đã giải thích mặt ẩn giấu của chúng; nhưng tôi nói rằng, trong khi những ảnh hưởng này có thể làm cho việc thực hiện một việc nhất định vào một ngày nhất định trở nên dễ dàng hơn hoặc khó khăn hơn, thì không có gì trong bất kỳ ảnh hưởng nào trong số chúng, hoặc tất cả chúng kết hợp lại, có thể ngăn cản một người có ý chí quyết tâm sắp xếp cuộc sống của mình chính xác như y cho là tốt nhất. Như đã nói, người khôn ngoan cai trị các vì sao của mình, kẻ ngu ngốc tuân theo chúng. Để bản thân trở thành nô lệ cho những ảnh hưởng như vậy là biến chúng thành mê tín.

THE FEAR OF GOSSIP

SỢ HÀI NHỮNG LỜI ĐỒN ĐẠI

Perhaps the greatest and most disastrous of all the taboos that we erect for ourselves is the fear of what our neighbours will say. There are many

Có lẽ điều cấm kỵ lớn nhất và tai hại nhất trong tất cả những điều cấm kỵ mà chúng ta tự dựng lên cho mình là nỗi sợ hãi về những gì mà hàng

men and women who appear to live only in order that they may be talked about; at least that is what one must infer from the way in which they bring everything to this as to a touchstone. The one and only criterion which they apply with regard to any course of action is the impression which it will make upon their neighbours. They never ask themselves: “Is it right or wrong for me to do this?” but: “What will Mrs. Jones say if I do this?”

This is perhaps the most terrible form of slavery under which a human being can suffer, and yet to obtain freedom from it, it is only necessary to assert it. What other people say can make to us only such difference as we ourselves choose to allow it to make. We have but to realise within ourselves that it does not in the least matter what anybody says, and at once we are perfectly free. This is a lesson which the occultist must learn at an early stage of his progress. He lives upon a higher level, and he can allow himself to be influenced only by higher considerations. He takes into account the hidden side of things of which most people know nothing; and, basing his judgment upon that, he decides for himself what is right and what is wrong, and (having decided) he troubles himself no more as to what other people say of him than we trouble ourselves as to the flies that circle round our heads. It never matters in the least to us what anyone else says, but it matters much to us what we ourselves say.

A BETTER ASPECT

Happily this mighty power of thought can be used for good as well as for evil, and, in some ways, the pressure of public opinion is occasionally on the side of truth and righteousness. Public opinion, after all, represents the opinion of the majority, and therefore the pressure which it exercises is all to the good when it is applied to those who are below the level of the majority. It is indeed only the existence of this mass of opinion which renders social and civilised life possible; otherwise we should be at the mercy of the strongest and the most unscrupulous among us. But the student of occultism is trying to raise himself to a level much *above* the majority, and

xóm của chúng ta sẽ nói. Có nhiều con người và phụ nữ dường như chỉ sống để họ được người khác nói đến; ít nhất đó là điều mà người ta phải suy ra từ cách họ mang mọi thứ đến điều này như một phép thử. Tiêu chí duy nhất mà họ áp dụng đối với bất kỳ hành động nào là ấn tượng mà nó sẽ tạo ra đối với hàng xóm của họ. Họ không bao giờ tự hỏi mình: "Tôi làm điều này là đúng hay sai?" mà là: "Bà Jones sẽ nói gì nếu tôi làm điều này?"

Đây có lẽ là hình thức nô lệ khủng khiếp nhất mà một con người có thể phải chịu đựng, nhưng để có được tự do khỏi nó, chỉ cần khẳng định nó. Những gì người khác nói chỉ có thể tạo ra sự khác biệt đối với chúng ta mà bản thân chúng ta chọn để cho phép nó tạo ra. Chúng ta chỉ cần nhận ra trong chính mình rằng những gì người khác nói hoàn toàn không quan trọng, và ngay lập tức chúng ta hoàn toàn tự do. Đây là một bài học mà nhà huyền bí học phải học ở giai đoạn đầu của sự tiến bộ của mình. Y sống ở một cấp độ cao hơn, và y chỉ có thể cho phép mình bị ảnh hưởng bởi những xem xét cao hơn. Y tính đến mặt ẩn giấu của sự vật mà hầu hết mọi người không biết gì; và, dựa trên phán đoán của mình về điều đó, y tự mình quyết định điều gì là đúng và điều gì là sai, và (sau khi đã quyết định) y không còn bận tâm đến những gì người khác nói về mình nữa, cũng như chúng ta không bận tâm đến những con ruồi bay quanh đầu mình. Những gì người khác nói hoàn toàn không quan trọng đối với chúng ta, nhưng những gì chúng ta tự nói lại rất quan trọng đối với chúng ta.

MỘT KHÍA CẠNH TỐT HƠN

Thật may mắn, sức mạnh tư tưởng to lớn này có thể được sử dụng cho mục đích tốt cũng như xấu, và theo một số cách, áp lực của dư luận đôi khi đứng về phía sự thật và chính nghĩa. Xét cho cùng, dư luận đại diện cho ý kiến của đa số, và do đó, áp lực mà nó tạo ra là hoàn toàn tốt khi nó được áp dụng cho những người ở dưới mức của đa số. Thật vậy, chỉ có sự tồn tại của khối lượng ý kiến này mới làm cho đời sống xã hội và văn minh trở nên khả thi; nếu không, chúng ta sẽ bị ảnh hưởng bởi những người mạnh nhất và vô liêm sỉ nhất trong chúng ta. Nhưng người nghiên cứu huyền bí học đang cố gắng nâng cao bản thân lên một mức độ cao hơn nhiều so với đa số, và vì mục đích đó, y cần phải học cách tự mình suy nghĩ, và

for that purpose it is necessary that he should learn to think for himself, and not to accept ready-made opinions without examining them. This much at least may be said—that, if public opinion does not yet exact a very high level of conduct, at least the public ideal is a high one, and it never fails to respond to the noble and the heroic when that is put before it. Class feeling and *esprit de corps* do harm when they lead men to despise others; but they do good when they establish a standard below which the man feels that he cannot fall.

In England we have a way of attributing our morals to our religion, whereas the truth seems to be that there is little real connection between them. It must be admitted that large numbers of the cultured classes in almost any European country have no real effective belief in religion at all. Perhaps to a certain extent they take a few general dogmas for granted, because they have never really thought about them or weighed them in their minds, but it would be an error to suppose that religious considerations direct their actions or bear any large part in their life.

They are, however, greatly influenced, and influenced always for good, by another body of ideas which is equally intangible—the sense of honour. The gentleman in every race has a code of honour of his own; there are certain things which he must not do, which he cannot do because he is a gentleman. To do any of those things would lower him in his own estimation, would destroy his feeling of self-respect; but in fact he has never even the temptation to do them, because he regards them as impossible for him. To tell an untruth, to do a mean or dishonourable action, to be disrespectful to a lady; these and such as these, he will tell you, are things which are *not done* in his rank of life. The pressure of such class feeling as this is all to the good, and is by all means to be encouraged. The same thing is to be found in a minor degree in the tradition of our great schools or colleges, and many a boy who has been strongly tempted to escape from some difficulty by an act of dishonour has said to himself: "I cannot do that, for the sake of the old school; it shall never be said that one of its

không chấp nhận những ý kiến có sẵn mà không xem xét chúng. Ít nhất có thể nói điều này—rằng, nếu dư luận vẫn chưa đòi hỏi một mức độ ứng xử rất cao, thì ít nhất lý tưởng của công chúng cũng là một lý tưởng cao đẹp, và nó không bao giờ không đáp lại sự cao quý và anh hùng khi điều đó được đặt ra trước nó. Tình cảm giai cấp và tinh thần đồng đội gây hại khi chúng khiến con người coi thường người khác; nhưng chúng làm điều tốt khi chúng thiết lập một tiêu chuẩn mà con người cảm thấy rằng mình không thể rơi xuống dưới nó.

Ở Anh, chúng ta có cách gán đạo đức của mình cho tôn giáo của mình, trong khi sự thật dường như là có rất ít mối liên hệ thực sự giữa chúng. Phải thừa nhận rằng một số lượng lớn các tầng lớp có văn hóa ở hầu hết mọi quốc gia châu Âu hoàn toàn không có niềm tin hiệu quả thực sự nào vào tôn giáo. Có lẽ ở một mức độ nhất định, họ coi một số giáo điều chung là điều hiển nhiên, bởi vì họ chưa bao giờ thực sự nghĩ về chúng hoặc xem xét chúng trong đầu, nhưng sẽ là sai lầm nếu cho rằng những xem xét về tôn giáo chi phối hành động của họ hoặc đóng bất kỳ vai trò quan trọng nào trong cuộc sống của họ.

Tuy nhiên, họ bị ảnh hưởng rất nhiều, và luôn bị ảnh hưởng vì điều tốt đẹp, bởi một tập hợp các ý tưởng khác cũng vô hình không kém—tâm thức về danh dự. Người quân tử trong mọi chủng tộc đều có quy tắc danh dự riêng của mình; có những điều nhất định mà y không được làm, mà y không thể làm vì y là một người quân tử. Làm bất kỳ điều gì trong số đó sẽ hạ thấp y trong sự đánh giá của chính mình, sẽ phá hủy cảm giác tự trọng của y; nhưng trên thực tế, y thậm chí không bao giờ có ý định làm chúng, bởi vì y coi chúng là không thể đối với mình. Nói dối, làm một hành động xấu xa hoặc không danh dự, thiếu tôn trọng một phụ nữ; những điều này và những điều tương tự, y sẽ nói với bạn, là những điều không được làm trong tầng lớp của y. Áp lực của cảm giác giai cấp như thế này là hoàn toàn tốt, và bằng mọi cách phải được khuyến khích. Điều tương tự cũng có thể được tìm thấy ở mức độ thấp hơn trong truyền thống của các trường học hoặc trường đại học lớn của chúng ta, và nhiều cậu bé đã bị cám dỗ mạnh mẽ để thoát khỏi một số khó khăn bằng một hành động không danh dự đã tự nhủ: "Tôi không thể

members descended to such an action." So there is a good side as well as a bad one to this matter of public opinion, and our business is to use always the great virtue of discrimination, so that we may separate the desirable from the undesirable.

làm điều đó, vì lợi ích của ngôi trường cũ; sẽ không bao giờ được nói rằng một trong những thành viên của nó đã hạ mình xuống để làm một hành động như vậy. " Vì vậy, có mặt tốt cũng như mặt xấu đối với vấn đề dư luận này, và nhiệm vụ của chúng ta là luôn sử dụng đức tính phân biệt tuyệt vời, để chúng ta có thể tách biệt điều mong muốn khỏi điều không mong muốn.

Another point worth remembering is that this great, clumsy, stupid force of public opinion can itself be slowly and gradually moulded and influenced. We ourselves are members of the public, and under the universal law our views must to some extent affect others. The wonderful change, which during the last thirty years has come over modern thought in connection with the subjects which we study, is largely due to the persistent work of our Society. Through all those years we have steadily continued to speak, to write, and above all to think sanely and rationally about these questions. In doing so we have been pouring out vibrations, and their effect is plainly visible in a great modification of the thought of our day. Only those men who are fully ready can be brought as far as Theosophy, but thousands more may be brought half-way—into New Thought, into Spiritualism, into liberal Christianity. In this case, as in every other, to know the law is to be able to wield its forces.

Một điểm khác đáng nhớ là mãnh lực dư luận to lớn, vụng về, ngu ngốc này có thể tự nó được định hình và ảnh hưởng một cách chậm chạp và dần dần. Bản thân chúng ta là thành viên của công chúng, và theo luật phổ quát, quan điểm của chúng ta phải ở một mức độ nào đó ảnh hưởng đến những người khác. Sự thay đổi tuyệt vời mà trong ba mươi năm qua đã đến với tư tưởng hiện đại liên quan đến các chủ đề mà chúng ta nghiên cứu, phần lớn là do công việc bền bỉ của Hội chúng ta. Trong suốt những năm đó, chúng ta đã kiên định tiếp tục nói, viết, và trên hết là suy nghĩ một cách tỉnh táo và hợp lý về những câu hỏi này. Khi làm như vậy, chúng ta đã tuôn ra những rung động, và hiệu quả của chúng thể hiện rõ ràng trong sự thay đổi lớn lao của tư tưởng thời đại chúng ta. Chỉ những con người đã hoàn toàn sẵn sàng mới có thể được đưa đến Thông Thiên Học, nhưng hàng nghìn người khác có thể được đưa đến nửa chừng—vào Tư tưởng Mới, vào Chủ nghĩa Tinh thần, vào Cơ đốc giáo tự do. Trong trường hợp này, cũng như trong mọi trường hợp khác, biết luật là có thể sử dụng các mãnh lực của nó.

CHAPTER XI - BY OCCASIONAL EVENTS—BỞI CÁC SỰ KIỆN THỈNH THOẢNG

A FUNERAL

SO far we have been considering chiefly the influences which, whether emanating from nature or from humanity around us, are steadily exercising upon us a fairly constant pressure, of which we are usually ignorant precisely because it is constant. It will now be well to mention the hidden side of such occurrences as come only occasionally into our lives, as, for example, when we attend a funeral, when we undergo a surgical operation, when we attend a lecture, a political meeting, or a spiritualistic séance, when there is a religious revival in our neighbourhood, when a great national festival is celebrated, or when there is a war, an earthquake, an eruption or some great calamity in the world.

First, then, how is a man affected by the hidden side of a funeral? I do not mean how is a man affected by his own funeral, though that also is a question of interest, for it affects some people to an extraordinary extent. No person of philosophical temperament would trouble himself as to what was done with his body, which is after all only a wornout garment; but there are many people in the world who are not philosophical, and to them it is sometimes a matter of great moment.

All classical history assures us that the ancient Greek, when he died, was exceedingly anxious that his body should receive what he considered decent sepulture—mainly because he laboured under the illusion that unless this was done he would not be free to pursue the even tenor of his way after death. Most of the ghost stories of ancient Greece related to people who came back to arrange for the due disposal of their bodies.

The poorer classes among the modern Irish seem to share this extraordinary anxiety about the disposal of their bodies, for on several occasions I have come across Irish women whose one thought after death was not in the least for the welfare or progress of their souls, but that the number of carriages following their funeral

MỘT ĐÁM TANG

Cho đến nay, chúng ta chủ yếu xem xét những ảnh hưởng mà, dù phát ra từ thiên nhiên hay từ nhân loại xung quanh chúng ta, đều tác động lên chúng ta một áp lực khá liên tục, mà chúng ta thường không biết chính xác vì nó liên tục. Bây giờ sẽ rất tốt để đề cập đến khía cạnh ẩn giấu của những sự kiện chỉ thỉnh thoảng xảy ra trong cuộc sống của chúng ta, chẳng hạn như khi chúng ta tham dự một đám tang, khi chúng ta trải qua một cuộc phẫu thuật, khi chúng ta tham dự một bài giảng, một cuộc họp chính trị, hoặc một buổi gọi hồn, khi có một sự phục hưng tôn giáo ở vùng lân cận của chúng ta, khi một lễ hội quốc gia lớn được tổ chức, hoặc khi có chiến tranh, động đất, núi lửa phun trào hoặc một số thảm họa lớn trên thế giới.

Trước hết, vậy thì, một người bị ảnh hưởng như thế nào bởi khía cạnh ẩn giấu của một đám tang? Ý tôi không phải là một người bị ảnh hưởng như thế nào bởi đám tang của chính họ, mặc dù đó cũng là một câu hỏi thú vị, bởi vì nó ảnh hưởng đến một số người ở mức độ phi thường. Không một người có tính cách triết học nào lại bận tâm đến việc thi thể của họ sẽ được xử lý như thế nào, xét cho cùng thì đó cũng chỉ là một bộ quần áo cũ kỹ; nhưng có nhiều người trên thế giới không theo chủ nghĩa triết học, và đối với họ, đôi khi đó là một vấn đề rất quan trọng.

Tất cả lịch sử cổ điển đảm bảo với chúng ta rằng người Hy Lạp cổ đại, khi chết, vô cùng lo lắng rằng thi thể của họ phải được chôn cất một cách tử tế — chủ yếu là vì họ lao động dưới ảo tưởng rằng trừ khi điều này được thực hiện, họ sẽ không được tự do theo đuổi con đường của mình sau khi chết. Hầu hết các câu chuyện ma của Hy Lạp cổ đại đều liên quan đến những người quay lại để sắp xếp việc xử lý thi thể của họ.

Những tầng lớp nghèo hơn trong số những người Ireland hiện đại dường như cũng có chung nỗi lo lắng kỳ lạ này về việc xử lý thi thể của họ, bởi vì trong một số trường hợp, tôi đã gặp những phụ nữ Ireland mà suy nghĩ duy nhất của họ sau khi chết không phải là vì hạnh phúc hay sự tiến bộ của linh hồn họ, mà là số lượng xe ngựa đi theo

procession should not fall below a certain number, or that the coffin provided for the body should not be in any respect inferior to that which Mrs. So-and-So had had a few weeks before.

đám tang của họ không được giảm xuống dưới một số nhất định, hoặc quan tài dành cho thi thể không được thua kém về bất kỳ phương diện nào so với quan tài mà bà So-and-So đã có cách đây vài tuần.

This, however, is a mere digression, and what we have to consider is the effect of a funeral upon the survivors, and not upon the dead man (who, nevertheless, is usually present, and regards the proceedings from various points of view, according to his temperament).

Tuy nhiên, đây chỉ là một sự lạc đề, và điều chúng ta phải xem xét là ảnh hưởng của một đám tang đối với những người sống sót, chứ không phải đối với người chết (người mà, tuy nhiên, thường có mặt, và xem xét các thủ tục tố tụng từ nhiều quan điểm khác nhau, tùy theo tính cách của họ).

A funeral is distinctly a function to be avoided by the occultist; but sometimes he may find himself in circumstances where his refusal to attend might be misconstrued by ignorant and uncomprehending relations. In such a case he should exert his will, and put himself into a determined and positive attitude, so that he may on no account be affected by the influences around him, and at the same time be in a position powerfully to affect others.

Một đám tang rõ ràng là một chức năng mà nhà huyền bí học nên tránh; nhưng đôi khi họ có thể thấy mình trong hoàn cảnh mà việc họ từ chối tham dự có thể bị những người thân thiếu hiểu biết và không hiểu biết hiểu lầm. Trong trường hợp như vậy, họ nên vận dụng ý chí của mình, và đặt mình vào một thái độ kiên quyết và tích cực, để họ không bị ảnh hưởng bởi những ảnh hưởng xung quanh mình, và đồng thời có thể ảnh hưởng mạnh mẽ đến người khác.

He should think first of the dead man (who will most likely be present) with strong, friendly interest and affection, and with a determined will for his peace and advancement. He should adopt also a positive attitude of mind in his thought towards the mourners, endeavouring strongly to impress upon them that they must not grieve, because the man whom they mourn as dead is in reality, still living, and their grief will hinder him in his new condition. He must try mentally to hold them firmly in hand, and to prevent them from relaxing into hysterics and helplessness.

Họ nên nghĩ trước hết đến người chết (người rất có thể sẽ có mặt) với sự quan tâm và tình cảm mạnh mẽ, thân thiện, và với ý chí kiên quyết vì sự bình yên và tiến bộ của họ. Họ cũng nên áp dụng một thái độ tích cực trong suy nghĩ của mình đối với những người đưa tang, cố gắng hết sức để ghi nhớ cho họ rằng họ không được đau buồn, bởi vì người mà họ thương tiếc khi chết thực ra vẫn còn sống, và nỗi đau buồn của họ sẽ cản trở họ trong điều kiện mới của họ. Họ phải cố gắng kiểm soát họ bằng trí tuệ, và ngăn họ không rơi vào trạng thái kích động và bất mãnh lực.

The modern funeral is far from ideal. It seems to be an established convention that there must be some kind of ceremony connected with the disposal of the discarded clothing of the liberated ego; but surely something better might be devised than what is usually done at present. The funeral in the village church is not without a certain amount of appropriateness—even a certain consolation; the mourners are in a building which has for them holy and elevating associations of all sorts, and the service appointed by the Church of England is beautiful, though here and there one would like to infuse into it a note of more enthusiastic certainty.

Đám tang hiện đại khác xa với lý tưởng. Dường như có một quy ước đã được thiết lập rằng phải có một số loại nghi lễ liên quan đến việc xử lý quần áo bị loại bỏ của bản ngã được giải phóng; nhưng chắc chắn có thể nghĩ ra điều gì đó tốt hơn những gì thường được thực hiện hiện nay. Đám tang trong nhà thờ làng không phải là không có một số điểm thích hợp — thậm chí là một sự an ủi nhất định; những người đưa tang đang ở trong một tòa nhà mà đối với họ, có những sự liên tưởng thiêng liêng và cao cả thuộc mọi loại, và buổi lễ do Giáo hội Anh quy định rất đẹp, mặc dù ở đây và ở đó, người ta muốn truyền vào đó một nốt nhạc chắc chắn hơn, nhiệt tình hơn.

But for the service performed in a cemetery chapel there is nothing whatever to be said. The place is never used for any other purpose than a funeral, and its whole atmosphere is pervaded with hopeless grief. Everything is usually as bare and as gloomy as possible; the very walls reek of the charnel-house. We must remember that, for one person who understands the truth about death and takes an intelligently hopeful view of it, there are hundreds who have nothing but the most irrational and gruesome ideas. Such a place as that, therefore, is filled with the blackest despair and the most poignant mental suffering; and it is consequently of all places the most undesirable into which to take those who have experienced what seems to them to be a bereavement.

Nhưng đối với buổi lễ được thực hiện trong nhà nguyện nghĩa trang, thì không có gì để nói cả. Nơi này không bao giờ được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài đám tang, và toàn bộ bầu không khí của nó tràn ngập nỗi đau buồn vô vọng. Mọi thứ thường càng trần trụi và ảm đạm càng tốt; chính những bức tường bốc mùi nhà xác. Chúng ta phải nhớ rằng, đối với một người hiểu sự thật về cái chết và có cái nhìn đầy hy vọng một cách thông minh về nó, thì có hàng trăm người không có gì khác ngoài những ý tưởng phi lý và khủng khiếp nhất. Do đó, một nơi như vậy tràn ngập sự tuyệt vọng đen tối nhất và nỗi đau khổ trí tuệ tột cùng; và do đó, trong số tất cả các nơi, nơi không mong muốn nhất để đưa những người đã trải qua những gì đối với họ dường như là một mất mát.

THE DISPOSAL OF THE DEAD BODY

CÁCH XỬ LÝ THI THỂ

No one who has the faintest glimpse of the hidden side of things can approve of our present barbarous method of disposing of the bodies of the dead. Even on the physical earth there is no single point in its favour, and there are many weighty considerations against it. From the sentimental point of view alone, it is impossible to understand how any person can reconcile himself to the idea that the cast-off garment of one whom he loves should be left to a slow and loathsome decay under conditions from which imagination shrinks with horror; and when to this we add the dreadful danger of disease to the living from the unspeakable pollution of air and of water, we begin to understand that our funeral customs are one of the many indications that our boasted civilisation is, after all only a veneer.

Không ai có cái nhìn thoáng qua về khía cạnh ẩn giấu của sự vật có thể tán thành phương pháp man rợ hiện tại của chúng ta trong việc xử lý thi thể của người chết. Ngay cả trên trái đất vật chất, không có một điểm nào ủng hộ nó, và có nhiều xem xét quan trọng chống lại nó. Chỉ riêng từ quan điểm tình cảm, không thể hiểu nổi làm thế nào một người có thể chấp nhận ý tưởng rằng bộ quần áo bị bỏ đi của người mà họ yêu thương lại bị bỏ mặc cho sự phân hủy chậm chạp và ghê tởm trong điều kiện mà trí tưởng tượng co rúm lại trong kinh hoàng; và khi chúng ta thêm vào đó mối nguy hiểm khủng khiếp của bệnh tật đối với người sống do ô nhiễm không khí và nước không thể diễn tả được, chúng ta bắt đầu hiểu rằng phong tục tang lễ của chúng ta là một trong nhiều dấu hiệu cho thấy nền văn minh mà chúng ta tự hào, xét cho cùng chỉ là một lớp vỏ bọc.

Still more decidedly is this impression confirmed when we gain an insight into that side of these matters which is as yet unknown to the majority. We become aware then what kind of entity it is that is attracted by the process of slow putrefaction, and we see that in this way also terrible, unnecessary harm is being done to the survivors.

Ấn tượng này càng được khẳng định chắc chắn hơn khi chúng ta hiểu rõ khía cạnh của những vấn đề này mà đa số vẫn chưa biết đến. Sau đó, chúng ta nhận thức được loại thực thể nào bị thu hút bởi quá trình thối rữa chậm chạp, và chúng ta thấy rằng theo cách này, những tác hại khủng khiếp, không cần thiết cũng đang được thực hiện đối với những người sống sót.

For the dead man, if he is wise, it matters little what becomes of the worn-out garment; but it should be remembered that all dead men are not necessarily wise, and that for some of them (who

Đối với người chết, nếu họ khôn ngoan, thì việc gì xảy ra với bộ quần áo cũ kỹ cũng không quan trọng; nhưng cần nhớ rằng không phải tất cả những người chết đều nhất thiết phải khôn

know no better) this abominable custom of ours makes possible a serious mistake, which under proper conditions could not be committed.

ngoan, và đối với một số người trong số họ (những người không biết gì hơn), phong tục ghê tởm này của chúng ta tạo ra khả năng xảy ra một sai lầm nghiêm trọng, điều mà trong điều kiện thích hợp thì không thể xảy ra.

The average man in his ordinary thinking is not in the habit of separating himself into body and soul as definitely as does the student of occultism. True, the dead man has finally left his physical vehicle, and it is practically impossible for him again to take possession of it; but he is intimately acquainted with it, and its rates of vibration are familiar and sympathetic to him. Under all normal and clean and proper conditions he has done with it entirely; but there are those who, having had no ideas, no conceptions of any sort beyond the physical during life, become crazy with fear when they find themselves altogether cut adrift from it. Such men sometimes make frantic efforts to return into some sort of touch with physical life. Most do not succeed; but when any of them do succeed to some limited extent, it can be only by means of their own physical bodies.

Con người bình thường trong suy nghĩ thông thường của họ không có thói quen tách mình thành thể xác và linh hồn một cách dứt khoát như học viên huyền bí học. Đúng vậy, người chết cuối cùng đã rời khỏi thể xác của họ, và họ thực tế không thể chiếm hữu lại nó; nhưng họ quen thuộc với nó, và tốc độ rung động của nó quen thuộc và đồng cảm với họ. Trong mọi điều kiện bình thường, sạch sẽ và thích hợp, họ đã hoàn toàn từ bỏ nó; nhưng có những người, khi sống không có ý tưởng, không có quan niệm nào vượt ra ngoài thể xác, trở nên phát điên vì sợ hãi khi thấy mình hoàn toàn bị cắt đứt khỏi nó. Những người như vậy đôi khi nỗ lực điên cuồng để trở lại một kiểu tiếp xúc nào đó với cuộc sống vật chất. Hầu hết đều không thành công; nhưng khi bất kỳ ai trong số họ thành công ở một mức độ hạn chế nào đó, thì đó chỉ có thể là nhờ vào thể xác của chính họ.

Such *Rapport* as they still retain with the decaying vestures sometimes enables them to draw from them the basis of an imperfect and unnatural half-materialisation—not nearly enough to bring them back into touch with the physical world, but yet sufficient to tear them for the time from healthy astral life. Such people make for themselves for awhile—fortunately only for awhile—a dim, grey world of horror in which they see physical happenings as in a glass darkly—as through a world of mist in which they wander, lost and helpless.

Mối quan hệ mà họ vẫn duy trì với lớp vỏ đang phân hủy đôi khi cho phép họ rút ra từ đó cơ sở của một sự vật chất hóa không hoàn hảo và không tự nhiên — không đủ để đưa họ trở lại tiếp xúc với thế giới vật chất, nhưng đủ để tạm thời tách họ khỏi cuộc sống cảm dục lành mạnh. Những người như vậy tạo ra cho mình một thời gian — may mắn thay chỉ là một thời gian — một thế giới kinh hoàng mờ mịt, xám xịt, nơi họ nhìn thấy những sự kiện vật lý như trong một tấm gương mờ tối — như qua một thế giới sương mù mà họ lang thang, lạc lõng và bất mãnh lực.

They cannot get back entirely into the dense bodies; a man who did would become a vampire. But they do get hold of the etheric matter of their discarded vehicles, and drag it about with them, and this is the cause of all their suffering; and until they can get rid of this entanglement, until they can plunge through the grayness and get into the light, there can be no rest for them. There are unpleasant forms of black magic, too, known in oriental countries and to those who have studied the methods of the Voodoo or the Obeah, which depend for their success upon the decaying physical body; though this is happily

Họ không thể trở lại hoàn toàn vào các thể đặc; một người làm vậy sẽ trở thành ma cà rồng. Nhưng họ nắm giữ được vật chất dĩ thái của lớp vỏ bị loại bỏ của họ, và kéo nó theo họ, và đây là nguyên nhân của mọi đau khổ của họ; và cho đến khi họ có thể thoát khỏi sự vướng víu này, cho đến khi họ có thể lao qua bóng tối và bước ra ánh sáng, thì họ mới có thể yên nghỉ. Cũng có những hình thức ma hắc thuật khó chịu, được biết đến ở các nước phương Đông và đối với những người đã nghiên cứu các phương pháp của Voodoo hoặc Obeah, mà sự thành công của chúng phụ thuộc vào thể xác đang phân hủy; mặc dù may mắn

not a consideration of practical importance to those who live among communities unversed in such evil lore.

thay, đây không phải là điều cần xem xét thực tế đối với những người sống trong cộng đồng không thông thạo những kiến thức xấu xa đó.

But at least this is clear—that all possibilities of evil, both for the dead and for the living, are avoided by the rational disposal of the discarded vesture of flesh. When we return to the custom of cremation, practised by the Hindus, the Greeks and the Romans, we reduce the physical vehicle as rapidly as possible to its constituent elements in a manner which is at once clean, decent, and wholly satisfactory to the aesthetic sentiment as well as to the rational view of the man of sense.

Nhưng ít nhất điều này là rõ ràng — rằng tất cả những khả năng xấu xa, cả đối với người chết và người sống, đều được tránh bằng cách xử lý hợp lý lớp vỏ bọc bằng xương bằng thịt bị loại bỏ. Khi chúng ta quay trở lại phong tục hỏa táng, được người Hindu, người Hy Lạp và người La Mã thực hiện, chúng ta sẽ đưa thể xác trở lại các nguyên tố cấu thành của nó càng nhanh càng tốt theo cách vừa sạch sẽ, vừa đứng đắn, vừa hoàn toàn thỏa mãn tình cảm thẩm mỹ cũng như quan điểm hợp lý của con người có lý trí.

Some people have feared the possibility that, especially in the cases of sudden death, the dead man might feel the flame—might be in some way not yet fully separated from his body, and so might suffer when that body was burned. Even if the death be sudden, so long as it *is* death, the astral and etheric matter have been completely separated from the denser physical, and it would be quite impossible that the dead man could under any circumstances feel what was done to the physical body. I mean that he could not *really* feel it, because the connection through which he feels is definitely broken; what is perhaps possible is that, seeing the cremation, he might have a certain fear lest he should feel it—the idea that he ought to be feeling it, as it were; and so imagination might come into play to some extent.

Một số người lo ngại khả năng, đặc biệt là trong trường hợp chết đột ngột, người chết có thể cảm thấy ngọn lửa — có thể bằng cách nào đó vẫn chưa hoàn toàn tách rời khỏi cơ thể của họ, và do đó có thể đau khổ khi cơ thể đó bị thiêu. Ngay cả khi cái chết đến đột ngột, miễn là đó là cái chết, thì vật chất cảm xúc và dĩ thái đã được tách hoàn toàn khỏi thể xác đặc hơn, và người chết hoàn toàn không thể cảm nhận được những gì đã xảy ra với thể xác trong bất kỳ trường hợp nào. Ý tôi là họ không thể thực sự cảm nhận được nó, bởi vì kết nối mà họ cảm nhận đã bị phá vỡ hoàn toàn; điều có lẽ có thể xảy ra là, khi nhìn thấy hỏa táng, họ có thể có một nỗi sợ hãi nhất định rằng họ sẽ cảm thấy nó — ý tưởng rằng họ nên cảm thấy nó, như người ta vẫn nói; và do đó, trí tưởng tượng có thể phát huy tác dụng ở một mức độ nào đó.

I have never seen such a case in connection with cremation; but I remember hearing on good authority of a young man whose teeth were all drawn after his death by a dishonest undertaker, in order that they might be sold as artificial teeth. The young man appeared to his father with blood flowing from his mouth, exclaiming in great indignation that they had tortured him by drawing his teeth. The body was exhumed, and it was found that his story was correct. In this case, if the man was really dead, it is quite impossible that he could have felt any pain; but he became aware of what was being done, and was very angry about it; and no doubt he may have thought of himself as really injured, because during life the idea of tooth-drawing had been

Tôi chưa bao giờ thấy trường hợp nào như vậy liên quan đến hỏa táng; nhưng tôi nhớ đã nghe từ một nguồn đáng tin cậy về một chàng trai trẻ mà tất cả răng của anh ta đã bị một người làm dịch vụ tang lễ không trung thực nhổ sau khi anh ta chết, để chúng có thể được bán dưới dạng răng giả. Chàng trai trẻ hiện ra trước mặt cha mình với máu chảy ra từ miệng, kêu lên phẫn nộ rằng họ đã tra tấn anh ta bằng cách nhổ răng. Thi thể được khai quật, và người ta thấy rằng câu chuyện của anh ta là đúng. Trong trường hợp này, nếu con người thực sự đã chết, thì hoàn toàn không thể xảy ra việc anh ta có thể cảm thấy đau đớn; nhưng anh ta đã nhận thức được những gì đang được thực hiện, và rất tức giận về điều đó; và chắc chắn anh ta có thể đã nghĩ rằng mình thực sự bị

associated with great pain.

tổn thương, bởi vì trong cuộc sống, ý tưởng nhổ răng gắn liền với nỗi đau lớn.

The difference which the knowledge of the hidden side of things makes in the consideration of the whole subject of death is very aptly shown by two of the figures reproduced in the book on *Thought-Forms* —those which illustrate the thought-images created by two men standing side by side at a funeral. There it is seen that the man who had lived in the ordinary blank ignorance with regard to death, had no thought in connection with it but selfish fear and depression; whereas the man who understood the facts was entirely free from any suggestion of those feelings, for the only sentiments evoked in him were those of sympathy and affection for the mourners, and of devotion and high aspiration.

Sự khác biệt mà kiến thức về khía cạnh ẩn giấu của sự vật tạo ra khi xem xét toàn bộ chủ đề về cái chết được thể hiện rất khéo léo qua hai hình vẽ được tái hiện trong cuốn sách về Hình tư tưởng — những hình vẽ minh họa hình ảnh tư tưởng được tạo ra bởi hai con người đứng cạnh nhau tại một đám tang. Ở đó, người ta thấy rằng con người sống trong sự ngu dốt trống rỗng thông thường về cái chết, không có suy nghĩ nào liên quan đến nó ngoài nỗi sợ hãi và chán nản ích kỷ; trong khi con người hiểu sự thật hoàn toàn không có bất kỳ gợi ý nào về những cảm xúc đó, bởi vì những tình cảm duy nhất được gợi lên trong anh ta là sự đồng cảm và tình cảm dành cho những người đưa tang, và sự tận tâm và khát vọng cao cả.

Indeed, knowledge of the hidden side of life entirely changes a man's attitude towards death, for it shows him instantly that instead of being the end of all things, as is often ignorantly supposed, it is simply the passage from this stage of life to another which is freer and pleasanter than the physical, and that consequently it is to be desired rather than to be feared. He sees at once how utterly a delusion is the theory that those who cast aside their physical bodies are lost to us, for he knows that they remain near us just as before, and that all that we have lost is the power to see them. To the consciousness of the man who possesses even astral sight, the so-called dead are just as definitely present as the so-called living, and since he sees how readily they are affected by the vibrations which we send out to them, he understands how harmful is the attitude of mourning and grief so often unfortunately adopted by the friends who still retain their physical bodies.

Thật vậy, kiến thức về khía cạnh ẩn giấu của cuộc sống hoàn toàn thay đổi thái độ của một người đối với cái chết, bởi vì nó cho họ thấy ngay lập tức rằng thay vì là kết thúc của vạn vật, như thường bị cho là do thiếu hiểu biết, nó chỉ đơn giản là sự chuyển đổi từ giai đoạn này sang giai đoạn khác của cuộc sống tự do hơn và dễ chịu hơn so với thể xác, và do đó, nó là điều đáng mong muốn hơn là đáng sợ. Họ thấy ngay lập tức lý thuyết cho rằng những người từ bỏ thể xác của họ sẽ mất tích đối với chúng ta là một ảo tưởng hoàn toàn như thế nào, bởi vì họ biết rằng họ vẫn ở gần chúng ta như trước, và tất cả những gì chúng ta đã mất là khả năng nhìn thấy họ. Đối với tâm thức của người thậm chí có thị lực cảm xúc, người được gọi là đã chết cũng hiện diện rõ ràng như người được gọi là còn sống, và vì họ thấy họ dễ bị ảnh hưởng bởi những rung động mà chúng ta gửi đến họ như thế nào, họ hiểu thái độ thương tiếc và đau buồn thường được những người bạn vẫn giữ thể xác của họ áp dụng một cách không may là có hại như thế nào.

A knowledge of the hidden side of life by no means teaches us to forget our dead, but it makes us exceedingly careful as to how we think of them; it warns us that we must adopt a resolutely unselfish attitude, that we must forget all about ourselves, and the pain of the apparent separation, and think of them neither with grief nor with longing, but always with strong affectionate wishes for their happiness and their

Hiểu biết về khía cạnh ẩn giấu của cuộc sống không có nghĩa là dạy chúng ta quên đi người chết của mình, nhưng nó khiến chúng ta cực kỳ cẩn thận về cách chúng ta nghĩ về họ; nó cảnh báo chúng ta rằng chúng ta phải áp dụng một thái độ vị tha một cách kiên quyết, rằng chúng ta phải quên đi tất cả về bản thân, và nỗi đau của sự chia ly rõ ràng, và không nghĩ về họ với nỗi đau buồn hay khao khát, mà luôn với những mong muốn

progress.

The clairvoyant sees exactly in what manner such wishes affect them, and at once perceives the truth which underlies the teaching of the Catholic Church with regard to the advisability of prayers for the dead. By these both the living and the dead are helped; for the former, instead of being thrown back upon his grief with a hopeless feeling that now he can do nothing, since there is a great gulf between himself and his loved one, is encouraged to turn his affectionate thought into definite action which promotes the happiness and advancement of him who has passed from his sight in the physical world. Of all this and much more I have written fully in the book called *The Other Side Of Death,* so here I will only thus far touch upon the subject, and refer to that volume any who wish for more detailed information.

A SURGICAL OPERATION

In these days of the triumph of surgery it not infrequently happens that a man has to submit himself to an operation. There is less of a hidden side to this than to many other events, because the use of anaesthetics drives the man away from his physical body altogether. But in that very absence much that is of interest to him takes place, and it is well to endeavour to note and remember as far as may be what occurs. This is a difficult thing to do; more difficult than the bringing through of the memory from the astral world, because what is driven out by the anaesthetic is the etheric part of the physical man, and as the etheric double is only a portion of the physical body, and in no sense a perfect vehicle in itself, a man cannot usually bring through a clear memory.

I remember a case of this nature which I was asked by the victim to attend. He was much interested in the occult side of the affair, and anxious to remember all that he could. He was placed upon the operating table, and the anaesthetic was administered. Almost immediately the man sprang out in his astral body, recognised me, and started down the room

trìu mến mạnh mẽ về hạnh phúc và sự tiến bộ của họ.

Nhà thông nhãn nhìn thấy chính xác những mong muốn như vậy ảnh hưởng đến họ như thế nào, và ngay lập tức nhận thức được sự thật làm nền tảng cho giáo lý của Giáo hội Công giáo về sự khôn ngoan của những lời cầu nguyện cho người chết. Nhờ những điều này, cả người sống và người chết đều được giúp đỡ; đối với người trước, thay vì bị ném trở lại nỗi đau buồn của mình với cảm giác vô vọng rằng bây giờ họ không thể làm gì được nữa, vì có một khoảng cách lớn giữa họ và người thân yêu của họ, họ được khuyến khích biến suy nghĩ trìu mến của mình thành hành động cụ thể thúc đẩy hạnh phúc và sự tiến bộ của người đã khuất khỏi tầm mắt của họ trong thế giới vật chất. Tôi đã viết đầy đủ về tất cả những điều này và nhiều điều khác nữa trong cuốn sách có tên là Mặt kia của cái chết, vì vậy ở đây tôi sẽ chỉ đề cập đến chủ đề này, và giới thiệu tập đó cho bất kỳ ai muốn biết thông tin chi tiết hơn.

MỘT CA PHẪU THUẬT

Trong thời đại chiến thắng của phẫu thuật này, không có gì lạ khi một người phải tự mình trải qua một cuộc phẫu thuật. Điều này ít có khía cạnh ẩn giấu hơn nhiều sự kiện khác, bởi vì việc sử dụng thuốc gây mê khiến người đó hoàn toàn rời khỏi thể xác của mình. Nhưng chính trong sự vắng mặt đó, nhiều điều thú vị đối với họ đã diễn ra, và rất tốt để cố gắng ghi chú và ghi nhớ càng nhiều càng tốt những gì xảy ra. Đây là một điều khó thực hiện; khó hơn việc mang theo ký ức từ cõi cảm dục, bởi vì thứ bị thuốc mê đẩy ra ngoài là phần dĩ thái của con người vật lý, và vì thể dĩ thái kép chỉ là một phần của thể xác, và không có nghĩa là một thể hoàn hảo, nên một người thường không thể mang theo một ký ức rõ ràng.

Tôi nhớ một trường hợp thuộc loại này mà nạn nhân yêu cầu tôi tham dự. Anh ấy rất quan tâm đến khía cạnh huyền bí của sự việc, và lo lắng muốn nhớ tất cả những gì có thể. Anh ta được đặt lên bàn mổ, và thuốc mê được sử dụng. Gần như ngay lập tức, con người bật ra khỏi thể cảm xúc của mình, nhận ra tôi, và bắt đầu đi xuống phòng về phía tôi với vẻ mặt vô cùng vui mừng, rõ ràng

towards me with an expression of vivid delight upon his face, evidently overjoyed at finding himself fully conscious in the astral world. But in a moment came pouring forth from the physical body a great cloud of etheric matter which was forced out by the anaesthetic. This cloud immediately wrapped itself round him, and I could see the intelligence fade out of his face until it became a mere mask.

là vui mừng khôn xiết khi thấy mình hoàn toàn tỉnh táo trong cõi cảm dục. Nhưng ngay lập tức, từ thể xác tuôn ra một đám mây vật chất dĩ thái lớn bị thuốc mê ép ra ngoài. Đám mây này ngay lập tức bao trùm lấy anh ta, và tôi có thể thấy sự thông minh biến mất khỏi khuôn mặt anh ta cho đến khi nó trở thành một chiếc mặt nạ.

When I was permitted to see him again two days afterwards, his memory of what had happened tallied exactly with that I had seen. He remembered the rush out of his body; he recollected clearly seeing me at the other end of the room, and feeling greatly delighted that everything seemed so real. Then he started down the room towards me, but somehow he never arrived, and knew nothing more until he came back into the body an hour later when the whole operation was over. I felt on that occasion what an advantage the possession of clairvoyance would have been to the two doctors engaged. They gave the patient too much of the anaesthetic, and came within an ace of finally driving out the whole of his etheric double, instead of only part of it as they intended. As my clairvoyant companion forcibly remarked, they left hardly enough of it to cover half-a-crown, and the consequence was that the patient came perilously near to death, and they had to pump oxygen into his lungs for ten minutes in order to bring him back to life at all.

Khi tôi được phép gặp lại anh ấy hai ngày sau đó, ký ức của anh ấy về những gì đã xảy ra hoàn toàn trùng khớp với những gì tôi đã thấy. Anh ấy nhớ lại việc lao ra khỏi cơ thể mình; anh ấy nhớ rõ ràng đã nhìn thấy tôi ở đầu kia của căn phòng, và cảm thấy rất vui mừng vì mọi thứ dường như rất chân thực. Sau đó, anh ấy bắt đầu đi xuống phòng về phía tôi, nhưng bằng cách nào đó anh ấy không bao giờ đến nơi, và không biết gì nữa cho đến khi anh ấy trở lại cơ thể một giờ sau đó khi toàn bộ ca phẫu thuật đã kết thúc. Vào dịp đó, tôi cảm thấy việc sở hữu khả năng thông nhãn sẽ là một lợi thế như thế nào đối với hai bác sĩ tham gia. Họ đã cho bệnh nhân quá nhiều thuốc mê, và suýt chút nữa đã đẩy toàn bộ thể dĩ thái kép của anh ta ra ngoài, thay vì chỉ một phần của nó như họ dự định. Như người bạn đồng hành thông nhãn của tôi đã nhận xét một cách mạnh mẽ, họ gần như không để lại đủ để che nửa vương miện, và hậu quả là bệnh nhân đã đến gần với cái chết một cách nguy hiểm, và họ phải bơm oxy vào phổi của anh ta trong mười phút để đưa anh ta trở lại cuộc sống.

A few years ago a visit to the dentist frequently meant a minor operation, in which the patient passed through a somewhat similar but much shorter experience, owing to the administration of nitrous oxide, and many curious phenomena have shown themselves in connection with that. An example in point will be found in my book on *Dreams* (page 38). In these days of local anaesthetics the dentist is usually able to do his work without the administration of gas, and consequently the experiences connected with his operation are of a less occult nature.

Cách đây vài năm, việc đến gặp nha sĩ thường đồng nghĩa với một cuộc tiểu phẫu, trong đó bệnh nhân trải qua một trải nghiệm tương tự nhưng ngắn hơn nhiều, do được sử dụng oxit nitơ, và nhiều hiện tượng kỳ lạ đã xuất hiện liên quan đến điều đó. Một ví dụ điển hình sẽ được tìm thấy trong cuốn sách của tôi về Giấc mơ (trang 38). Trong thời đại của thuốc gây tê cục bộ này, nha sĩ thường có thể thực hiện công việc của mình mà không cần sử dụng khí gây mê, và do đó, những trải nghiệm liên quan đến ca phẫu thuật của họ ít mang tính chất huyền bí hơn.

A LECTURE

MỘT BÀI GIẢNG

We have in a previous chapter considered the consequences which attend upon the action of going to church; let us now consider the inner

Trong chương trước, chúng ta đã xem xét những hậu quả của việc đi nhà thờ; bây giờ chúng ta hãy xem xét khía cạnh nội tâm của việc tham dự một

side of attending a lecture, a political meeting, a spiritualistic séance, or a religious revival.

bài giảng, một cuộc họp chính trị, một buổi gọi hồn, hoặc một buổi phục hưng tôn giáo.

Of these forms of excitement the lecture is usually the mildest, though even that to some extent depends upon its subject. There is generally much less uniformity about the audience at a lecture than about a congregation in a church. There are often many and rather decisive points of likeness between those who adopt the same religious belief, whereas the people who are interested in a lecture upon some particular subject may come from many different folds, and be of all sorts of quite different types. Still, for the time being there is a link between them, the link of interest in a particular subject: and therefore, however different their minds may be, the same portion of the mind is for the moment being brought into activity in all of them, and that creates a certain superficial harmony.

Trong số những hình thức phấn khích này, bài giảng thường là nhẹ nhàng nhất, mặc dù ngay cả điều đó ở một mức độ nào đó cũng phụ thuộc vào chủ đề của nó. Nói chung, khán giả tại một bài giảng ít đồng nhất hơn so với hội thánh trong một nhà thờ. Thường có nhiều điểm giống nhau khá rõ rệt giữa những người có cùng niềm tin tôn giáo, trong khi những người quan tâm đến một bài giảng về một chủ đề cụ thể nào đó có thể đến từ nhiều tầng lớp khác nhau, và thuộc đủ loại hoàn toàn khác nhau. Tuy nhiên, trong thời điểm hiện tại, có một mối liên kết giữa họ, mối liên kết của sự quan tâm đến một chủ đề cụ thể: và do đó, dù tâm trí của họ có khác nhau đến đâu, thì cùng một phần của tâm trí vào lúc này đang được đưa vào hoạt động trong tất cả họ, và điều đó tạo ra một sự hài hòa hời hợt nhất định.

Since the Theosophical student frequently has to deliver lectures as well as to endure them, it is perhaps well not entirely to neglect that side of the subject, but to note that, if the lecturer wishes to act effectively upon the mind-bodies of his audience, he must first of all have a clearly defined idea expressing itself through his own mind-body. As he thinks earnestly of the different parts of his subject and tries to put them before his people, he is making a series of thought-forms—unusually strong thought-forms because of the effort.

Vì học viên Thông Thiên Học thường xuyên phải thuyết trình cũng như chịu đựng chúng, nên có lẽ tốt hơn hết là không nên bỏ qua hoàn toàn khía cạnh đó của chủ đề, mà nên lưu ý rằng, nếu người thuyết trình muốn tác động hiệu quả đến thể trí của khán giả, trước hết họ phải có một ý tưởng được xác định rõ ràng thể hiện thông qua thể trí của chính họ. Khi họ suy nghĩ một cách nghiêm túc về các phần khác nhau của chủ đề của mình và cố gắng trình bày chúng trước mọi người, họ đang tạo ra một loạt các hình tư tưởng — những hình tư tưởng khác thường mạnh mẽ vì nỗ lực đó.

He has a fine opportunity, because his audience is necessarily to a great extent in a receptive condition. They have taken the trouble to come in order to hear about this particular subject, and therefore we must suppose that they are in a condition of readiness to hear. If under these favourable conditions he fails to make them understand him, it must be because his own thought upon the subject is not sufficiently clearcut. A clumsy and indefinite thought-form makes but a slight impression, and even that with much difficulty. A clearly-cut one forces the mental bodies in the audience to try to reproduce it. Their reflections of it will almost invariably be less definite and less satisfactory than it is, but still, if its edges are sharp enough, they will convey the idea to some extent; but if that from

Họ có một cơ hội tốt, bởi vì khán giả của họ nhất thiết phải ở trong tình trạng tiếp thu ở một mức độ lớn. Họ đã không ngại đến để nghe về chủ đề cụ thể này, và do đó, chúng ta phải cho rằng họ đang trong tình trạng sẵn sàng lắng nghe. Nếu trong những điều kiện thuận lợi này mà họ không làm cho khán giả hiểu được mình, thì đó chắc hẳn là do suy nghĩ của chính họ về chủ đề này chưa đủ rõ ràng. Một hình tư tưởng vụng về và không rõ ràng chỉ tạo ra một ấn tượng nhỏ, và thậm chí điều đó cũng rất khó khăn. Một hình dạng rõ ràng buộc các thể trí trong khán giả phải cố gắng tái tạo nó. Sự phản chiếu của họ về nó gần như luôn kém rõ ràng và kém thỏa mãn hơn so với nó, nhưng, nếu các cạnh của nó đủ sắc nét, chúng sẽ truyền tải ý tưởng ở một mức độ nào đó; nhưng nếu thứ mà họ phải sao chép tự nó bị mờ,

which they have to copy is itself blurred, it is eminently probable that the reproductions will prove entirely unrecognisable.

thì rất có thể các bản sao sẽ hoàn toàn không thể nhận ra.

Sometimes the lecturer receives unexpected assistance. The fact that he is engaged in thinking strongly of one particular subject attracts the attention of disembodied entities who happen to be interested in that subject, and the audience often includes a greater number of people in astral than in physical bodies. Many of these come simply to hear, as do their brothers in the physical world, but sometimes it happens that one of those who are attracted knows more about the subject than the lecturer. In that case he sometimes assists by suggestions or illustrations. These may come to the lecturer in various ways. If he is clairvoyant he may see his assistant, and the new ideas or illustrations will be materialised in subtler matter before him. If he is not clairvoyant, it will probably be necessary for the helper to impress the ideas upon his brain, and in such a case he may well suppose them to be his own. Sometimes the assistant is not disembodied, or rather only temporarily disembodied; for this is one of the pieces of work frequently taken in hand by the invisible helpers.

Đôi khi người thuyết trình nhận được sự hỗ trợ bất ngờ. Việc họ đang dồn hết tâm sức suy nghĩ về một chủ đề cụ thể nào đó thu hút sự chú ý của các thực thể vô hình tình cờ quan tâm đến chủ đề đó, và khán giả thường bao gồm nhiều người trong thể cảm xúc hơn là trong thể xác. Nhiều người trong số này đến chỉ đơn giản là để nghe, như những người huynh đệ của họ trong thế giới vật chất, nhưng đôi khi xảy ra trường hợp một trong những người bị thu hút biết nhiều hơn về chủ đề này so với người thuyết trình. Trong trường hợp đó, họ đôi khi hỗ trợ bằng các gợi ý hoặc minh họa. Những điều này có thể đến với người thuyết trình theo nhiều cách khác nhau. Nếu họ có khả năng thông nhãn, họ có thể nhìn thấy người trợ lý của mình, và những ý tưởng hoặc hình minh họa mới sẽ được vật chất hóa thành vật chất tinh tế hơn trước mặt họ. Nếu họ không có khả năng thông nhãn, thì người trợ giúp có lẽ sẽ cần phải ghi nhớ những ý tưởng đó vào não của họ, và trong trường hợp như vậy, họ cũng có thể cho rằng đó là ý tưởng của riêng mình. Đôi khi người trợ lý không phải là vô hình, hay đúng hơn là chỉ vô hình tạm thời; vì đây là một trong những công việc thường xuyên được những người trợ giúp vô hình đảm nhận.

In some cases the ego of the lecturer manifests himself in some curious exterior way. For example, I have heard the greatest orator now living say that, while she is speaking one sentence of a lecture, she habitually sees the next sentence actually materialise in the air before her, in three different forms, from which she consciously selects that one which she thinks the best. This must be the work of the ego, though it is a little difficult to see why he takes that method of communication, since after all it is he who is delivering the lecture through the physical organs. At first blush it seems that it would be as easy for him—or perhaps even easier—to select a form himself, and impress only that one upon lower matter; and even then it might as well come directly to the brain as be materialised in the air before it.

Trong một số trường hợp, chân ngã của người thuyết trình tự biểu lộ theo một cách kỳ lạ nào đó. Ví dụ, tôi đã nghe nhà hùng biện vĩ đại nhất hiện nay nói rằng, trong khi bà ấy đang nói một câu trong bài giảng, bà ấy thường xuyên nhìn thấy câu tiếp theo thực sự hiện ra trong không khí trước mặt bà ấy, dưới ba hình thức khác nhau, từ đó bà ấy có tâm thức chọn một hình thức mà bà ấy cho là tốt nhất. Đây chắc hẳn là công việc của chân ngã, mặc dù hơi khó hiểu tại sao nó lại chọn phương thức giao tiếp đó, vì xét cho cùng thì chính nó là người đang thuyết trình thông qua các cơ quan vật lý. Thoạt nhìn, có vẻ như nó sẽ dễ dàng đối với nó — hoặc có lẽ thậm chí còn dễ dàng hơn — để tự chọn một hình thức, và chỉ ghi nhớ hình thức đó vào vật chất thấp hơn; và ngay cả khi đó, nó cũng có thể đến trực tiếp với não cũng như được vật chất hóa trong không khí trước nó.

Returning from the lecturer to his audience, we may note that it is possible for his hearers to give

Trở lại từ người thuyết trình đến khán giả của họ, chúng ta có thể lưu ý rằng khán giả của họ có thể

him great assistance in his work. Older members of a branch have sometimes been heard to say that they did not feel it necessary to go down to the lodge meeting on a certain occasion, as the lecture was about a subject with which they were already thoroughly acquainted. Apart from the large assumption involved in the statement that one can ever be *fully* acquainted with any Theosophical teaching, it is not accurate to say that a man's presence is useless because he knows the subject. Exactly the opposite remark would have much more truth in it; because he knows the subject thoroughly he also can make strong and clear thought-forms of the different illustrations required, and in that way he can greatly assist the lecturer in impressing on the audience what he wishes to convey to them.

hỗ trợ rất nhiều cho công việc của họ. Các thành viên lớn tuổi của một chi nhánh đôi khi được nghe nói rằng họ không cảm thấy cần phải đến cuộc họp của chi nhánh vào một dịp nhất định, vì bài giảng nói về một chủ đề mà họ đã thông thạo. Ngoài giả định lớn liên quan đến tuyên bố rằng người ta không bao giờ có thể hoàn toàn quen thuộc với bất kỳ giáo lý Thông Thiên Học nào, thì việc nói rằng sự hiện diện của một người là vô ích vì họ biết chủ đề này là không chính xác. Nhận xét hoàn toàn ngược lại sẽ có nhiều sự thật hơn trong đó; bởi vì họ hiểu rõ chủ đề này, họ cũng có thể tạo ra những hình tư tưởng mạnh mẽ và rõ ràng về các minh họa khác nhau cần thiết, và theo cách đó, họ có thể hỗ trợ rất nhiều cho người thuyết trình trong việc ghi nhớ cho khán giả những gì họ muốn truyền tải đến họ.

The greater the number of people present at a lecture who thoroughly understand its subject, the easier will it be for all those to whom it is new to obtain a clear conception of it. The lecturer, therefore, is distinctly helped by the presence of those who can fully comprehend him. He also may be much helped or hindered by the general attitude of his audience. In the main that is usually friendly, since the majority of people who come to a lecture come because they are interested in the subject and wish to learn something about it. Sometimes, however, one or two appear whose main desire is to criticise, and their presence is anything but helpful.

Càng nhiều người có mặt tại một bài giảng hiểu rõ chủ đề của nó, thì tất cả những người mới tiếp xúc với nó càng dễ dàng hiểu rõ về nó. Do đó, người thuyết trình rõ ràng được hỗ trợ bởi sự hiện diện của những người có thể hiểu đầy đủ họ. Họ cũng có thể được hỗ trợ hoặc cản trở rất nhiều bởi thái độ chung của khán giả. Nhìn chung, điều đó thường là thân thiện, vì đa số những người đến nghe một bài giảng đều đến vì họ quan tâm đến chủ đề đó và muốn tìm hiểu điều gì đó về nó. Tuy nhiên, đôi khi có một hoặc hai người xuất hiện mà mong muốn chính của họ là chỉ trích, và sự hiện diện của họ không hề hữu ích.

A POLITICAL MEETING

MỘT CUỘC HỌP CHÍNH TRỊ

This latter effect is much more in evidence at a political meeting, for there it seems to be the rule that, while some people go for the purpose of supporting the speaker, others go merely for the purpose of challenging and interrupting him. Consequently the feelings to be experienced, and the thought-forms to be seen, at political meetings are not easy to predict beforehand. But one often sees cases in which forms composed entirely or principally of the thoughts of the adherents of one party make huge waves of enthusiasm, which rush over the audience, surround the speaker and work him up into a corresponding condition of enthusiasm.

Hiệu ứng thứ hai này rõ ràng hơn nhiều tại một cuộc họp chính trị, bởi vì ở đó dường như có quy luật rằng, trong khi một số người đến với mục đích ủng hộ người nói, thì những người khác đến chỉ với mục đích thách thức và làm gián đoạn họ. Do đó, những cảm xúc sẽ được trải nghiệm, và những hình tư tưởng sẽ được nhìn thấy, tại các cuộc họp chính trị không dễ dự đoán trước. Nhưng người ta thường thấy những trường hợp mà các hình dạng được cấu tạo hoàn toàn hoặc chủ yếu bởi suy nghĩ của những người ủng hộ một đảng phái tạo nên những làn sóng nhiệt tình khổng lồ, ập đến khán giả, bao vây người nói và đưa họ vào trạng thái nhiệt tình tương ứng.

Many years ago I remember attending a meeting

Nhiều năm trước, tôi nhớ đã tham dự một cuộc

of this description, and being much struck by the effect produced by getting all the people to join together in singing. Some great gun of the party was to speak, and consequently the huge hall was crowded to suffocation a couple of hours before the advertised time; but the organisers of the meeting were wise in their generation, and they employed that time most efficiently by working up that vast heterogeneous crowd into a condition of loyal enthusiasm. All sorts of patriotic songs followed one another in quick succession, and though few really knew the tunes, and still fewer the words, there was at least no lack of enthusiastic good feeling. The two hours of waiting passed like an entertainment, and I think most people were surprised to find how quickly time had fled.

The occult side of the average political meeting, however, is far from attractive, for from the astral world it not unfrequently bears a strong general resemblance to an exceedingly violent thunderstorm. There is often much warring feeling, and even a good deal of personal enmity. On the whole we have usually a preponderance of a sort of rough and perhaps rather coarse, good-humoured jollity, often pierced, however, by spears of anxious feeling from the promoters. Unless duty actually calls one to such gatherings it is generally better to avoid them, for on such occasions there is always a clash of astral currents that cannot but induce great fatigue in anyone who is in the least sensitive.

CROWDS

It is also desirable to avoid as far as possible the mixing of magnetism which comes from too close contact with a promiscuous crowd. Not that we must assume for a moment that the persons composing the crowd are necessarily lower or worse than ourselves. It would be most undesirable that the student should become self-conscious, self-conceited or self-righteous. It is probably true that the aims and objects of the majority of people in any crowd, taken at random, are of more worldly type than those of the Theosophical student; but it would be both wrong and foolish to despise the people on that account. The point to bear in mind is, not that we are better than they, but that there is a difference

họp thuộc loại này, và rất ấn tượng bởi hiệu ứng được tạo ra khi tất cả mọi người cùng nhau hát. Một nhân vật quan trọng nào đó của đảng phái sẽ phát biểu, và do đó, hội trường lớn chật cứng người đến nghẹt thở vài giờ trước thời gian được quảng cáo; nhưng những người tổ chức cuộc họp đã khôn ngoan trong thế hệ của họ, và họ đã sử dụng thời gian đó một cách hiệu quả nhất bằng cách đưa đám đông hỗn tạp khổng lồ đó vào trạng thái nhiệt tình trung thành. Tất cả các loại bài hát yêu nước nối tiếp nhau một cách nhanh chóng, và mặc dù ít người thực sự biết giai điệu, và thậm chí còn ít người biết lời hơn, nhưng ít nhất cũng không thiếu cảm xúc nhiệt tình tốt đẹp. Hai giờ chờ đợi trôi qua như một trò giải trí, và tôi nghĩ hầu hết mọi người đều ngạc nhiên khi thấy thời gian trôi qua nhanh như thế nào.

Tuy nhiên, khía cạnh huyền bí của một cuộc họp chính trị trung bình không hề hấp dẫn, bởi vì từ cõi cảm dục, nó thường giống với một cơn giông bão cực kỳ dữ dội. Thường có nhiều cảm xúc xung đột, và thậm chí là rất nhiều thù hận cá nhân. Nhìn chung, chúng ta thường có một sự vượt trội của một loại vui vẻ thô thiển và có lẽ hơi thô tục, tuy nhiên, thường bị xuyên thủng bởi những ngọn giáo của cảm giác lo lắng từ những người quảng bá. Trừ khi nhiệm vụ thực sự kêu gọi người ta đến những cuộc tụ họp như vậy, thì nhìn chung tốt hơn hết là nên tránh chúng, bởi vì trong những dịp như vậy, luôn có sự xung đột của các dòng chảy cảm xúc không thể không gây ra sự mệt mỏi lớn cho bất kỳ ai có một chút nhạy cảm.

ĐÁM ĐÔNG

Cũng nên tránh càng nhiều càng tốt việc trộn lẫn từ tính đến từ việc tiếp xúc quá gần gũi với đám đông hỗn tạp. Không phải chúng ta phải cho rằng những người tạo nên đám đông nhất thiết phải thấp kém hơn hoặc tồi tệ hơn chúng ta. Sẽ rất không mong muốn nếu người học trở nên tự tâm thức, tự phụ hoặc tự cho mình là đúng. Có lẽ đúng là mục tiêu của đa số mọi người trong bất kỳ đám đông nào, được lấy ngẫu nhiên, đều thuộc loại trần tục hơn so với mục tiêu của học viên Thông Thiên Học; nhưng sẽ là sai lầm và ngu ngốc khi coi thường mọi người vì lý do đó. Điểm cần ghi nhớ là, không phải chúng ta tốt hơn họ, mà là có sự khác biệt về tốc độ rung động, và do đó, việc tiếp xúc liên tục với người khác gây ra sự xáo trộn

in the rates of vibration, and that consequently to be in constant contact with others causes disturbance in the various vehicles, which it is better to avoid.

trong các thể khác nhau, điều mà tốt hơn hết là nên tránh.

Nevertheless, when duty renders it necessary or desirable that the student should enter a crowd, there are at his disposal various means by which he can protect himself. The most usual is the making of a shell, either etheric, astral or mental; but the best protection of all is a radiant goodwill and purity. I shall presently devote a chapter to the consideration of this question of protection.

Tuy nhiên, khi nhiệm vụ khiến người học cần thiết hoặc mong muốn phải bước vào đám đông, thì họ có thể sử dụng nhiều phương tiện khác nhau để bảo vệ bản thân. Thông thường nhất là tạo ra một lớp vỏ, dĩ thái, cảm xúc hoặc trí tuệ; nhưng sự bảo vệ tốt nhất trong tất cả là thiện chí và sự thuần khiết tỏa sáng. Tôi sẽ sớm dành một chương để xem xét vấn đề bảo vệ này.

A SÉANCE

MỘT BUỔI GỌI HỒN

Of all forms of meeting one of the most interesting from the occult point of view is the spiritualistic séance, though of this there are so many different types that hardly anything can be said which would apply equally to all of them—except perhaps that one almost invariable characteristic is an atmosphere of joyousness and hopefulness. The circles to which outsiders are often introduced, those of which we hear and of which we may occasionally read in the newspapers—these are after all the few, and behind them, forming the real block of spiritualism, are two other variants of which we hear very little.

Trong số tất cả các hình thức gặp gỡ, một trong những điều thú vị nhất từ quan điểm huyền bí học là buổi gọi hồn, mặc dù có rất nhiều loại khác nhau đến mức khó có thể nói điều gì áp dụng như nhau cho tất cả chúng — ngoại trừ có lẽ một đặc điểm gần như bất biến là bầu không khí vui vẻ và hy vọng. Các nhóm mà người ngoài thường được giới thiệu, những nhóm mà chúng ta nghe nói đến và đôi khi chúng ta có thể đọc được trên báo — xét cho cùng thì đây là số ít, và đằng sau chúng, tạo thành khối tinh thần thực sự, là hai biến thể khác mà chúng ta rất ít nghe nói đến.

There is the ordinary séance, quite among the poor, with a medium probably of the stout washer-woman type, where no sensational phenomena take place, where the spirits are frequently ungrammatical. Thousands of such séances are being held all over the world, and there is a strong family likeness between them. To a visitor their proceedings would appear profoundly uninteresting. Usually the medium gives a kind of fourth-rate ethical address—or perhaps it is really given *through* the medium—but in any case it usually faithfully reproduces all her favourite errors in grammar and in pronounciation. Then as a general rule a few words are said specially to each of the persons present, often taking the form of a description of their surroundings or of the spirits which are supposed to be hovering about them. Such descriptions are usually vague and uncertain to the last degree, but now and again striking

Có buổi gọi hồn thông thường, hoàn toàn trong số những người nghèo, với một đồng tử có lẽ thuộc loại phụ nữ giặt đồ mập mạp, nơi không có hiện tượng giật gân nào xảy ra, nơi các linh hồn thường xuyên nói năng không đúng ngữ pháp. Hàng nghìn buổi gọi hồn như vậy đang được tổ chức trên khắp thế giới, và có một sự giống nhau rõ rệt giữa chúng. Đối với một du khách, diễn tiến của họ sẽ có vẻ cực kỳ không thú vị. Thông thường, nhà ngoại cảm đưa ra một kiểu bài phát biểu đạo đức hạng tư — hoặc có lẽ nó thực sự được đưa ra thông qua đồng tử — nhưng trong mọi trường hợp, nó thường tái hiện một cách trung thực tất cả các lỗi ngữ pháp và phát âm yêu thích của họ. Sau đó, theo quy luật chung, một vài từ được nói dành riêng cho mỗi người có mặt, thường ở dạng mô tả môi trường xung quanh họ hoặc các linh hồn được cho là đang lơ lửng xung quanh họ. Những mô tả như vậy thường mơ hồ và không chắc chắn đến mức cùng cực, nhưng đôi

identifications are made—far too many to be explicable on any theory of mere coincidence. And however dull all this may seem to the outsider, it does undoubtedly carry peace and conviction to the members of the circle, and gives them a real living knowledge and certainty with regard to the continued existence of man after death, which puts to shame the faith of the fashionable churches.

khi có những nhận dạng nổi bật được thực hiện — quá nhiều để có thể giải thích bằng bất kỳ lý thuyết nào về sự trùng hợp ngẫu nhiên. Và cho dù tất cả những điều này có vẻ nhàm chán đối với người ngoài cuộc đến đâu, thì nó chắc chắn mang lại sự bình yên và niềm tin cho các thành viên trong nhóm, và mang lại cho họ kiến thức sống thực sự và sự chắc chắn về sự tồn tại liên tục của con người sau khi chết, điều này khiến đức tin của các nhà thờ thời thượng phải xấu hổ.

The hidden side of a séance such as this has often something pathetic about it. Behind the medium there is usually what is called a spirit-guide—a dead person, sometimes of the medium's own class in life, sometimes of a decidedly higher type —a dead person who has by much patient effort learned how to influence with a reasonable amount of certainty the clumsy organism of the medium, which, however unsuitable it may be in most other respects, at least possesses the invaluable faculty that it *can* be influenced and that communications can in some way or other be got through. The patience with which this entity deals with the poor souls that come to him from both sides of the veil is admirable; for he has to try to bring into harmony not only the tearful inconsequence of scores of sorrowing relations on this side, but also the feverish and clamorous excitement of a crowd who are trying to rush into manifestation from the other. With his class and in his way such an entity does a great deal of good, and his life of unnoticed toil in some obscure district adds more to the sum total of human happiness than many far more showy efforts which receive greater credit in the eyes of the public. Even such a séance as this, when examined with astral sight, is seen to be a centre of a kind of vortex. the departed rushing in from all directions, desiring either themselves to manifest or to watch the manifestation.

Khía cạnh ẩn giấu của một buổi gọi hồn như thế này thường có điều gì đó cảm động về nó. Đằng sau nhà ngoại cảm thường có cái được gọi là người hướng dẫn tinh thần — một người đã chết, đôi khi thuộc cùng tầng lớp trong cuộc sống với nhà ngoại cảm, đôi khi thuộc loại cao hơn hẳn — một người đã chết, người đã bằng nhiều nỗ lực kiên nhẫn học được cách ảnh hưởng với một lượng chắc chắn hợp lý đối với cơ thể vụng về của nhà ngoại cảm, thứ mà, dù có thể không phù hợp ở hầu hết các khía cạnh khác, nhưng ít nhất cũng sở hữu khả năng vô giá là nó có thể bị ảnh hưởng và giao tiếp có thể bằng cách nào đó được thực hiện. Sự kiên nhẫn mà thực thể này đối xử với những linh hồn đáng thương đến với họ từ cả hai phía của bức màn che là điều đáng ngưỡng mộ; bởi vì họ phải cố gắng hòa hợp không chỉ sự phi logic đầy nước mắt của hàng chục người thân đau buồn ở phía bên này, mà còn cả sự phấn khích cuồng nhiệt và ồn ào của đám đông đang cố gắng lao vào biểu lộ từ phía bên kia. Với tầng lớp của mình và theo cách của mình, một thực thể như vậy làm được rất nhiều điều tốt đẹp, và cuộc sống lao động không được chú ý của họ ở một số vùng tối tăm góp phần vào tổng số hạnh phúc của con người nhiều hơn nhiều nỗ lực phô trương hơn nhận được nhiều sự tín nhiệm hơn trong mắt công chúng. Ngay cả một buổi gọi hồn như thế này, khi được kiểm tra bằng thị lực cảm xúc, cũng được coi là trung tâm của một loại xoáy nước. Người đã khuất lao vào từ mọi hướng, mong muốn tự mình biểu lộ hoặc xem sự biểu lộ.

There is another variety of séance of which few know anything—the private family circle to which no outsider is ever admitted. This is infinitely the most satisfactory side of spiritualism, for through it many thousands of families communicate day by day with friends or

Có một loại hình gọi hồn khác mà ít người biết đến — nhóm gia đình riêng tư mà không người ngoài nào được phép vào. Đây là khía cạnh thỏa mãn nhất của thuyết tinh thần, bởi vì thông qua đó, hàng nghìn gia đình hàng ngày giao tiếp với bạn bè hoặc người thân đã qua đời khỏi thế giới

relations who have passed from the physical world, and in this way not only learn a number of interesting facts but are kept constantly in touch with spiritual subjects and at a high level of thought with regard to them. Most commonly the central figure at these private séances is some departed member of the family, and the communications ordinarily are affectionate little sermonettes of a devotional character, often somewhat rhapsodical.

vật chất, và theo cách này, không chỉ tìm hiểu một số sự thật thú vị mà còn liên tục được tiếp xúc với các chủ đề tinh thần và ở mức độ tư duy cao liên quan đến chúng. Thông thường nhất, nhân vật trung tâm tại các buổi gọi hồn riêng tư này là một thành viên đã khuất của gia đình, và các thông tin liên lạc thường là những bài thuyết giảng nhỏ mang tính chất tình cảm và sùng đạo, thường hơi cường điệu.

Occasionally, however, where the departed relation happens to be a man of original thought or of a scientific turn of mind, a great volume of definite information is gradually gathered together. There are far more of these private revelations in existence than is generally suspected, for hardly one in a hundred of those who receive them is prepared to face an exposure to public ridicule of what to him is above all things a holy thing, in the hope of so improbable a result as the conversion of some sceptical stranger.

Tuy nhiên, đôi khi, khi người thân đã khuất tình cờ là người có tư tưởng độc đáo hoặc có khuynh hướng khoa học, thì một khối lượng lớn thông tin xác định sẽ dần dần được thu thập lại với nhau. Có nhiều tiết lộ riêng tư như vậy tồn tại hơn người ta thường nghi ngờ, bởi vì hầu như cứ một trăm người nhận được chúng thì không có ai sẵn sàng đối mặt với sự chế giễu công khai về những gì đối với họ là điều thiêng liêng trên hết, với hy vọng về một kết quả khó xảy ra như sự chuyển đổi của một số người lạ hoài nghi.

At such séances as these, remarkable phenomena are not infrequent, and materialisations of the most startling kind are sometimes part of the daily programme. Often the so-called dead are just as much part of the daily life of the family as the living, as was the case, for example, with the phenomena which took place at the house of Mr. Morel Theobald, at Haslemere. The séances described by Mr. Robert Dale Owen are largely of this character, and they represent the highest possible kind of spiritualism, though in the very nature of the case it is hardly ever available to the ordinary enquirer.

Tại các buổi gọi hồn như thế này, các hiện tượng đáng chú ý không phải là hiếm, và sự vật chất hóa thuộc loại đáng kinh ngạc nhất đôi khi là một phần của chương trình hàng ngày. Thông thường, người được gọi là đã chết cũng là một phần của cuộc sống hàng ngày của gia đình giống như người sống, chẳng hạn như trường hợp của các hiện tượng xảy ra tại nhà của ông Morel Theobald, ở Haslemere. Các buổi gọi hồn do ông Robert Dale Owen mô tả phần lớn mang tính chất này, và chúng đại diện cho loại hình tinh thần cao nhất có thể, mặc dù về bản chất của vấn đề, nó hầu như không bao giờ có sẵn cho người hỏi thông thường.

The hidden side of such séances as these is truly magnificent, for they form points of habitual contact between the astral and physical worlds—vortices again, but this time only of the higher and nobler varieties of astral life. The thought-forms surrounding them are of the religious or the scientific type according to the nature of the manifestations, but they are always good thought-forms, calculated to raise the mental or spiritual level of the district in which they are to be found.

Khía cạnh ẩn giấu của các buổi gọi hồn như thế này thực sự rất tuyệt vời, bởi vì chúng tạo thành điểm tiếp xúc thường xuyên giữa cõi cảm dục và thế giới vật chất — một lần nữa là các xoáy nước, nhưng lần này chỉ là các loại hình cao hơn và cao quý hơn của sự sống cảm xúc. Các hình tư tưởng xung quanh chúng thuộc loại tôn giáo hoặc khoa học tùy theo bản chất của các biểu hiện, nhưng chúng luôn là những hình tư tưởng tốt, được tính toán để nâng cao mức độ trí tuệ hoặc tinh thần của khu vực mà chúng được tìm thấy.

Putting aside these two large classes, we have

Gạt sang một bên hai lớp lớn này, tiếp theo chúng

next the smaller group of public séances which to most outsiders represent the whole of spiritualism. All sorts of people are admitted to these, usually, on payment of a small sum of money, and the entities who appear on the astral side are just as curious a conglomerate as those who attend on the physical. Here also there is almost always a spirit-guide in charge. The highest astral types are not to be found among the habitués of such séances as these, but there is usually a sprinkling of dead people who have devoted themselves to the idea of being useful to those still on the physical earth, by the exhibition of phenomena and the giving of various small tests.

ta có nhóm nhỏ hơn gồm các buổi gọi hồn công cộng mà đối với hầu hết những người ngoài cuộc đại diện cho toàn bộ thuyết tinh thần. Mọi loại người đều được nhận vào các buổi gọi hồn này, thông thường, khi trả một khoản tiền nhỏ, và các thực thể xuất hiện ở phía cảm xúc cũng là một tập hợp kỳ lạ giống như những người tham dự ở phía vật chất. Ở đây cũng gần như luôn có một người hướng dẫn tinh thần phụ trách. Các loại hình cảm xúc cao nhất không được tìm thấy trong số những người thường xuyên lui tới các buổi gọi hồn như thế này, nhưng thường có một số người đã chết dành hết tâm sức cho ý tưởng trở nên hữu ích cho những người vẫn còn trên trái đất vật chất, bằng cách thể hiện các hiện tượng và đưa ra các bài kiểm tra nhỏ khác nhau.

The aura of such a séance is usually on the whole somewhat unpleasant, for it attracts a great deal of attention in the astral world as well as in the physical, and consequently round every one of them is always a clamorous crowd of the most undesirable entities, who are restrained only by force from pushing in and seizing upon the medium. Among the dangers attending these séances is the possibility that one of these desperate creatures may seize upon any sensitive sitter and obsess him; worse still, that he may follow him home, and seize upon his wife or daughter. There have been many such cases, and usually it is almost impossible to get rid of an entity which has thus obsessed the body of a living human being.

Hào quang của một buổi gọi hồn như vậy nhìn chung thường hơi khó chịu, bởi vì nó thu hút rất nhiều sự chú ý trong cõi cảm dục cũng như trong thế giới vật chất, và do đó, xung quanh mỗi buổi gọi hồn luôn có một đám đông ồn ào gồm những thực thể không mong muốn nhất, những thực thể chỉ bị kiềm chế bằng vũ mãnh lực để không xông vào và chiếm đoạt nhà ngoại cảm. Trong số những nguy hiểm khi tham dự các buổi gọi hồn này là khả năng một trong những sinh vật tuyệt vọng này có thể chiếm đoạt bất kỳ người ngồi nào nhạy cảm và ám ảnh họ; tệ hơn nữa, nó có thể theo họ về nhà, và chiếm đoạt vợ hoặc con gái của họ. Đã có nhiều trường hợp như vậy, và thông thường gần như không thể loại bỏ một thực thể đã ám ảnh cơ thể của một người sống như vậy.

The hidden side of such a séance is generally a confused network of cross-currents, some good and some bad, but none very good and some very bad. The clairvoyant attending such a séance may obtain a certain amount of instruction from watching the various methods by which the phenomena are produced, which are sometimes exceedingly ingenious. He will be astonished at the cleverness of the personations, and at the amazing facility with which those who know nothing of this side of life can be deceived.

Khía cạnh ẩn giấu của một buổi gọi hồn như vậy thường là một mạng lưới hỗn độn của các dòng chảy chéo, một số tốt và một số xấu, nhưng không có cái nào tốt lắm và một số rất xấu. Nhà thông nhãn tham dự một buổi gọi hồn như vậy có thể thu được một số kiến thức nhất định từ việc quan sát các phương pháp khác nhau mà các hiện tượng được tạo ra, đôi khi cực kỳ khéo léo. Họ sẽ ngạc nhiên trước sự thông minh của các nhân vật, và khả năng đáng kinh ngạc mà những người không biết gì về khía cạnh này của cuộc sống có thể bị lừa dối.

A RELIGIOUS REVIVAL

MỘT SỰ PHỤC HƯNG TÔN GIÁO

From the point of view of the student of the inner worlds one of the most remarkable phenomena of our day is what is called a religious revival. A

Từ quan điểm của người nghiên cứu các thế giới nội tâm, một trong những hiện tượng đáng chú ý nhất của thời đại chúng ta là cái được gọi là sự

religious revival, as seen from the physical world, usually means a gathering of people of the lower classes whose feelings are inflamed by highly emotional and often lurid appeals from some fanatical exponent of the gospel of a particular sect. Day after day these meetings take place, and they are often accompanied by the most extraordinary phenomena of nervous excitement.

phục hưng tôn giáo. Một sự phục hưng tôn giáo, khi được nhìn từ thế giới vật chất, thường có nghĩa là một cuộc tụ họp của những người thuộc tầng lớp thấp hơn, những người có cảm xúc bị kích động bởi những lời kêu gọi đầy cảm xúc và thường là ghê rợn từ một số người cuồng tín của phúc âm của một giáo phái cụ thể. Ngày này qua ngày khác, những cuộc gặp gỡ này diễn ra, và chúng thường đi kèm với những hiện tượng phi thường nhất của sự phấn khích thần kinh.

People work themselves up into some sort of hysterical condition in which they feel themselves to be saved, as they call it—to have escaped forever from the bondage of the ordinary life of the world, and to have become members of a spiritual community whose aims are of the highest description. Often they are moved to confess in public what they consider to have been their misdeeds, and they are apt to do this with a wealth of emotion and repentance entirely out of proportion to anything that they have to confess. The wave of nervous excitement spreads like an infectious disease, and usually it lasts for some weeks, though often towards the end of that time symptoms of universal exhaustion appear and the whole thing somewhat shamefacedly dies down into commonplace life again.

Mọi người tự đưa mình vào một kiểu trạng thái kích động mà họ cảm thấy mình được cứu rỗi, như họ vẫn gọi — thoát khỏi sự ràng buộc của cuộc sống trần tục mãi mãi, và trở thành thành viên của một cộng đồng tinh thần có mục tiêu thuộc loại cao nhất. Thông thường, họ bị thôi thúc phải thú nhận công khai những gì họ cho là hành vi sai trái của mình, và họ có xu hướng làm điều này với vô số cảm xúc và sự ăn năn hoàn toàn không tương xứng với bất cứ điều gì họ phải thú nhận. Làn sóng phấn khích thần kinh lan rộng như một căn bệnh truyền nhiễm, và thường kéo dài trong vài tuần, mặc dù thường vào cuối thời gian đó, các triệu chứng kiệt quệ phổ biến xuất hiện và toàn bộ sự việc dần dần lắng xuống cuộc sống bình thường trở lại.

In a small percentage of the cases the spiritual elevation appears to be maintained, and the victims continue to live a life at a distinctly higher level than that which had been theirs previously; but by far the greater number of the cases relapse either suddenly and dramatically, or by slow and gradual stages, into much the same kind of life as they had led before the excitement came. Statistics show that the culmination of this emotional excitement is accompanied by great sexual disturbance, and that the number of illegitimate unions of all sorts is temporarily greatly increased. There are certain sects which take as part of their regular system a much modified form of this excitement, and consider it necessary for their junior members to pass through a crisis which is sometimes described as “being convinced of sin,” and in other cases simply as “getting religion”.

Trong một tỷ lệ nhỏ các trường hợp, sự thăng hoa tinh thần dường như được duy trì, và các nạn nhân tiếp tục sống một cuộc sống ở mức độ cao hơn rõ rệt so với trước đây; nhưng phần lớn các trường hợp tái phát đột ngột và đáng kể, hoặc theo từng giai đoạn chậm chạp và dần dần, trở lại với kiểu sống gần giống như họ đã sống trước khi sự phấn khích đến. Thống kê cho thấy rằng đỉnh điểm của sự phấn khích cảm xúc này đi kèm với sự xáo trộn lớn về tình dục, và số lượng các cuộc hôn nhân bất hợp pháp thuộc mọi loại tạm thời tăng lên rất nhiều. Có một số giáo phái coi một phần trong hệ thống thông thường của họ là một hình thức phấn khích được sửa đổi nhiều, và cho rằng các thành viên cấp dưới của họ cần phải trải qua một cuộc khủng hoảng đôi khi được mô tả là “bị thuyết phục về tội lỗi”, và trong các trường hợp khác chỉ đơn giản là “có được tôn giáo”.

Such a revival as this is seen in its most extravagant form among the negroes of America,

Một sự phục hưng như thế này được nhìn thấy ở dạng thái quá nhất của nó trong số những người

among whom it reaches a level of frenzy not commonly attained by the white races. The negroes find it necessary to relieve their feelings by dances and leaps and contortions of the wildest kind, and these are often carried on for hours together, accompanied by yells and groans of a truly alarming character.

da đen ở Mỹ, trong số đó, nó đạt đến mức độ điên cuồng mà các chủng tộc da trắng thường không đạt được. Những người da đen thấy cần phải giải tỏa cảm xúc của mình bằng những điệu nhảy, bước nhảy và những động tác méo mó thuộc loại hoang dã nhất, và những điều này thường được thực hiện liên tục trong nhiều giờ, kèm theo những tiếng la hét và rên rỉ thực sự đáng báo động.

That this sort of thing should take place in the twentieth century, and among people who think themselves civilised is surely a most remarkable phenomenon, and one deserving careful consideration from a student of the inner side of things. For one who possesses astral vision such an outburst is a wonderful but unpleasant sight. The missioner or revivalist preacher who first commences such a movement is usually animated by the highest motives. He becomes impressed with the overflowing love of God, or with the wickedness of a particular section of the community, and he feels that the spirit moves him to proclaim the one and to rebuke the other. He works himself up into a condition of tremendous emotional excitement, and sets his astral body swinging far beyond the degree of safety.

Việc loại hình này xảy ra vào thế kỷ XX, và giữa những người tự cho mình là văn minh chắc chắn là một hiện tượng rất đáng chú ý, và đáng được người nghiên cứu khía cạnh nội tâm của sự vật xem xét cẩn thận. Đối với người có thị lực cảm xúc, một sự bùng nổ như vậy là một cảnh tượng tuyệt vời nhưng khó chịu. Người truyền giáo hoặc nhà thuyết giáo phục hưng, người đầu tiên bắt đầu một phong trào như vậy, thường được thúc đẩy bởi những động cơ cao cả nhất. Họ bị ấn tượng bởi tình yêu thương tràn đầy của Thượng đế, hoặc bởi sự xấu xa của một bộ phận cụ thể trong cộng đồng, và họ cảm thấy rằng tinh thần thúc đẩy họ tuyên bố điều này và khiển trách điều kia. Họ tự đưa mình vào trạng thái phấn khích cảm xúc tột độ, và khiến thể cảm xúc của mình dao động vượt quá mức độ an toàn.

For a man may yield himself to emotion up to a certain point, and yet recover himself, just as a ship may roll to a certain extent and yet swing back again to her normal position; but just as the ship capsizes if she rolls beyond that point of safety, so if the man lets his astral body entirely escape from control, he dies, or becomes insane or is obsessed. Such an obsession need not necessarily be what we should call an evil one, though the truth is that all obsession is evil; but I mean that we need not credit the obsessing entity with anything but good intentions, though he usually takes advantage of such an opportunity more for the sake of the excitement and the feeling which he himself gets out of it than from any altruistic motive.

Bởi vì một người có thể đầu hàng cảm xúc cho đến một điểm nhất định, nhưng vẫn có thể kiểm soát lại bản thân, giống như một con tàu có thể lắc lư ở một mức độ nhất định nhưng vẫn có thể quay trở lại vị trí bình thường của nó; nhưng giống như con tàu bị lật úp nếu nó lắc lư vượt quá điểm an toàn đó, thì nếu người đó để cho thể cảm xúc của mình hoàn toàn thoát khỏi tầm kiểm soát, họ sẽ chết, hoặc trở nên mất trí hoặc bị ám ảnh. Sự ám ảnh như vậy không nhất thiết phải là thứ mà chúng ta nên gọi là xấu xa, mặc dù sự thật là tất cả sự ám ảnh đều xấu xa; nhưng ý tôi là chúng ta không cần phải tin rằng thực thể ám ảnh có bất cứ điều gì ngoài ý định tốt, mặc dù họ thường lợi dụng cơ hội như vậy vì sự phấn khích và cảm giác mà chính họ có được từ đó hơn là vì bất kỳ động cơ vị tha nào.

In many cases, however, the obsessing entity is a departed preacher of the same religion, style and type as the man obsessed, and thus we have temporarily two souls working through one body. The double force thus gained is poured out

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, thực thể ám ảnh là một nhà thuyết giáo đã khuất của cùng một tôn giáo, phong cách và loại hình với người bị ám ảnh, và do đó, chúng ta tạm thời có hai linh hồn hoạt động thông qua một cơ thể. Mãnh lực

recklessly upon any audience that can be gathered together. The tremendous swinging energy of these hysterical excesses is contagious, and since such revivals are usually set on foot among people whose emotions are not under the control of a strongly developed intellect, the preacher soon finds others who can be reduced by sympathetic vibration to a condition as unbalanced as his own.

nhân đôi thu được theo cách này được đổ ra một cách liều lĩnh lên bất kỳ khán giả nào có thể tập hợp lại với nhau. Năng lượng dao động khủng khiếp của những hành vi kích động này rất dễ lây lan, và vì những sự phục hưng như vậy thường được bắt đầu trong số những người có cảm xúc không nằm dưới sự kiểm soát của trí tuệ phát triển mạnh mẽ, nên nhà thuyết giáo sớm tìm thấy những người khác có thể bị rung động đồng cảm đưa vào trạng thái mất cân bằng như của chính họ.

Everyone who swings over the safety point adds to the strength of these exaggerated vibrations, and soon an astral disturbance is set up of the nature of a gigantic whirlpool. Towards this from all sides pour astral entities whose one desire is for sensation—no longer merely or even chiefly human beings, but all kinds of nature-spirits who delight in and bathe in the vibrations of wild excitement just as children play in the surf. It is they who supply and constantly reinforce the energy which is expended with such terrible recklessness. It is they who try to keep up the level of the excitement, so long as they can find any human beings who can be dragged into the vortex and induced to give them the pleasurable sensations which they desire.

Mọi người vượt qua điểm an toàn đều làm tăng thêm sức mạnh của những rung động phóng đại này, và chẳng mấy chốc, một sự xáo trộn cảm xúc được thiết lập giống như một cơn lốc khổng lồ. Về phía này từ mọi phía, các thực thể cảm xúc đổ vào mà mong muốn duy nhất của họ là cảm giác — không còn chỉ là hoặc thậm chí chủ yếu là con người, mà là tất cả các loại tinh linh thiên nhiên thích thú và đắm mình trong những rung động của sự phấn khích hoang dã giống như trẻ em chơi đùa trong sóng biển. Chính họ là người cung cấp và liên tục củng cố năng lượng bị tiêu hao một cách liều lĩnh khủng khiếp như vậy. Chính họ là những người cố gắng duy trì mức độ phấn khích, miễn là họ có thể tìm thấy bất kỳ con người nào có thể bị kéo vào vòng xoáy và bị xui khiến mang lại cho họ những cảm giác thú vị mà họ mong muốn.

The emotion, remember, is emphatically not of a high type, for it is intensely personal. It is always motived by an exalted egoism, the desire to save one's own soul; so that the dominant idea is a selfish one. That defines the kind of matter which is set in motion in these tremendous swirlings, and that again limits the nature-spirits who enjoy it to such types as find themselves in tune with that kind of matter. These are naturally by no means the highest types; they are usually creatures without much intelligence or comprehension, understanding nothing about their human victims; and quite unable to save them from the consequences of their mad excitement, even if they could be supposed to care to do so.

Hãy nhớ rằng, cảm xúc rõ ràng không phải là loại cao, bởi vì nó mang tính cá nhân mãnh liệt. Nó luôn được thúc đẩy bởi chủ nghĩa vị kỷ cao cả, mong muốn cứu lấy linh hồn của chính mình; để ý tưởng chi phối là một ý tưởng ích kỷ. Điều đó xác định loại vật chất được thiết lập chuyển động trong những vòng xoáy khủng khiếp này, và điều đó một lần nữa giới hạn các tinh linh thiên nhiên thích thú với nó đối với những loại hình thấy mình hòa hợp với loại vật chất đó. Đây đương nhiên không phải là những loại hình cao nhất; chúng thường là những sinh vật không có nhiều trí thông minh hoặc sự hiểu biết, không hiểu gì về nạn nhân là con người của chúng; và hoàn toàn không thể cứu họ khỏi hậu quả của sự phấn khích điên cuồng của họ, ngay cả khi có thể cho rằng họ quan tâm đến việc làm như vậy.

This then is the hidden side of such a movement; this is what the clairvoyant sees when he watches one of these most astonishing meetings.

Vậy thì đây là khía cạnh ẩn giấu của một phong trào như vậy; đây là những gì nhà thông nhãn nhìn thấy khi họ quan sát một trong những cuộc

He sees a number of human beings who are taken out of themselves, whose higher vehicles are for the time being no longer their own, but are being used to supply this torrent of energy. All these people are pouring out their emotions in order to make a vast astral whirlpool into which these great nature-spirits throw themselves with intense delight, plunging and flying through it again and again in wild abandonment of utter pleasure. For they can abandon themselves to pleasure with a thoroughness of which the heavier human being knows nothing. Their whole life for the time is one wild paroxysm, and this feeling reacts upon the human beings who unconsciously minister to their pleasures, and gives them also a sensation of intense exultation.

gặFp gỡ đáng kinh ngạc nhất này. Họ nhìn thấy một số người bị đưa ra khỏi chính họ, những thể cao hơn của họ trong thời gian đó không còn là của riêng họ nữa, mà đang được sử dụng để cung cấp dòng năng lượng này. Tất cả những người này đang trút hết cảm xúc của mình để tạo ra một cơn lốc cảm xúc rộng lớn mà các tinh linh thiên nhiênvĩ đại này lao vào với niềm vui tột độ, lao mình và bay lượn qua nó hết lần này đến lần khác trong sự đắm chìm hoang dại của niềm vui tột cùng. Bởi vì chúng có thể đắm mình vào niềm vui với sự tận tâm mà con người nặng nề hơn không hề biết đến. Toàn bộ cuộc sống của chúng trong thời gian đó là một cơn cực khoái hoang dã, và cảm giác này tác động trở lại những con người vô thức phục vụ cho thú vui của chúng, và cũng mang lại cho họ cảm giác hân hoan tột độ.

Here we see the explanation of the passional side of these extraordinary displays. All that the nature-spirits desire is intense emotion of one kind or other on the part of their human slaves. It is nothing to them whether that emotion be religious or sexual; probably they do not even know the difference. Certainly they cannot know whether either is helpful or harmful to the evolution of the human beings concerned. The whole thing is a wild, mad orgie of non-human entities, precisely the same thing as the mediaeval witches' sabbath, but provoked in this case by an emotion which many consider as belonging to the good side instead of to the evil side of life. But to these nature-spirits all that makes no difference. They know nothing of good or evil; what they enjoy is the tremendous excitement which they can gain only by swaying masses of human beings simultaneously into a condition imminently dangerous to the sanity of their victims. No one man alone could reach so dangerous a level of excitement. There must be a great number reacting upon and, as it were, encouraging and strengthening one another. Indeed, I should advise the student not to attend revival meetings, because, unless he is in good health and well poised, there is definite danger that even he may be swept off his feet.

Ở đây chúng ta thấy lời giải thích cho khía cạnh đam mê của những màn thể hiện phi thường này. Tất cả những gì các tinh linh thiên nhiên mong muốn là cảm xúc mãnh liệt thuộc loại này hay loại khác từ phía những nô lệ là con người của chúng. Đối với chúng, cảm xúc đó là tôn giáo hay tình dục không quan trọng; có lẽ họ thậm chí không biết sự khác biệt. Chắc chắn họ không thể biết liệu một trong hai điều đó có ích hay có hại cho sự tiến hóa của những con người liên quan hay không. Toàn bộ sự việc là một cuộc truy hoan hoang dã, điên cuồng của các thực thể phi nhân loại, chính xác là điều tương tự như ngày Sa-bát của các phù thủy thời trung cổ, nhưng trong trường hợp này được khơi dậy bởi một cảm xúc mà nhiều người coi là thuộc về mặt tốt thay vì mặt xấu của cuộc sống. Nhưng đối với những tinh linh thiên nhiên này, tất cả những điều đó không tạo ra sự khác biệt. Chúng không biết gì về thiện hay ác; điều chúng thích thú là sự phấn khích tột độ mà chúng chỉ có thể đạt được bằng cách đồng thời lắc lư đám đông con người vào một trạng thái cực kỳ nguy hiểm cho sự tỉnh táo của các nạn nhân. Không một người nào có thể đạt đến mức độ phấn khích nguy hiểm như vậy. Phải có một số lượng lớn tác động lẫn nhau và, như người ta vẫn nói, khuyến khích và củng cố lẫn nhau. Thật vậy, tôi khuyên người học không nên tham dự các buổi gặp mặt phục hưng, bởi vì, trừ khi họ có sức khỏe tốt và cân bằng tốt, thì chắc chắn có nguy cơ rằng ngay cả họ cũng có thể bị cuốn theo.

I wish it to be distinctly understood that in what

Tôi muốn mọi người hiểu rõ ràng rằng trong

I have written I am in no way denying the great fact that what is called “sudden conversion” does sometimes take place, and that the man to whom it happens is ever after the better for it. The word ‘conversion’ is a noble one, if we can only dissociate it from such undignified surroundings as those that I have been describing. It means “to turn along with,” and its implication is that the man, who has hitherto been working along his own selfish road, realises for the first time the mighty truth that God has a plan for man, and that it is within his power to adapt himself intelligently to this plan and fulfill the part in it which is destined for him. When he realises this, he turns round and “goes together with” the divine Will, instead of ignorantly working against it; and after he has once done this, although he may become what the Christians call a backslider, although his vehicles may run away with him, and carry him into all sorts of excesses, he can never again sin without feeling remorse—without knowing that he has fallen, and regretting the fall.

This knowledge of the great facts of life is called in the East “the acquirement of discrimination” or sometimes “the opening of the doors of the mind”. Usually it is a gradual process, or at least one which comes as the result of continual thought or reasoning. Sometimes, however, the final conviction is borne in upon the man in an instant, and that is a case of what is called “sudden conversion”. If the man to whom that instantaneous flash of conviction comes has previously reasoned the thing out with himself (perhaps in other lives) and has almost persuaded himself, so that he needs merely a final touch of illumination to make him quite certain—then the effect of such a conversion is permanent. Not that, even then, the man may not frequently fall back, but he will always recover from such falls, and will on the whole make steady progress.

As has been described, the emotional effect of a great revival meeting is very powerful. Not only will it give the little additional touch which is needed for the ‘conversion’ of a man who is nearly ready for that process, but it will sometimes seize upon a man who is as yet by no means ready, and it may be powerful enough to

những gì tôi đã viết, tôi không hề phủ nhận sự thật to lớn rằng cái được gọi là “sự chuyển đổi đột ngột” đôi khi xảy ra, và người mà nó xảy ra sẽ luôn tốt hơn vì nó. Từ 'chuyển đổi' là một từ cao quý, nếu chúng ta chỉ có thể tách nó ra khỏi môi trường xung quanh không xứng đáng như những gì tôi đã mô tả. Nó có nghĩa là “quay đầu cùng với”, và hàm ý của nó là con người, cho đến nay vẫn đang làm việc trên con đường ích kỷ của chính mình, lần đầu tiên nhận ra sự thật hùng mạnh rằng Thượng đế có một kế hoạch cho con người, và họ có quyền tự điều chỉnh một cách thông minh với kế hoạch này và hoàn thành vai trò của mình trong đó. Khi họ nhận ra điều này, họ quay đầu lại và “cùng đi với” Thiên Ý, thay vì thiếu hiểu biết mà chống lại nó; và sau khi họ đã làm điều này một lần, mặc dù họ có thể trở thành thứ mà những người theo đạo Cơ đốc gọi là kẻ bội giáo, mặc dù thể xác của họ có thể bỏ chạy theo họ và đưa họ vào đủ loại thái quá, nhưng họ không bao giờ có thể phạm tội mà không cảm thấy hối hận — mà không biết rằng họ đã sa ngã, và hối tiếc về sự sa ngã đó.

Kiến thức về những sự thật to lớn của cuộc sống này ở phương Đông được gọi là “sự đạt được phân biệt” hoặc đôi khi là “việc mở ra cánh cửa của tâm trí”. Thông thường, đó là một quá trình dần dần, hoặc ít nhất là một quá trình đến như là kết quả của tư duy hoặc lý luận liên tục. Tuy nhiên, đôi khi, niềm tin cuối cùng được ghi nhớ vào con người trong một khoảnh khắc, và đó là trường hợp của cái được gọi là “sự chuyển đổi đột ngột”. Nếu người mà tia sáng của niềm tin tức thời đó đến trước đó đã tự mình lý luận về điều đó (có lẽ trong các kiếp sống khác) và gần như đã tự thuyết phục mình, đến mức họ chỉ cần một chút soi sáng cuối cùng để khiến họ hoàn toàn chắc chắn — thì tác động của sự chuyển đổi như vậy là vĩnh viễn. Không phải là, ngay cả khi đó, người đó có thể không thường xuyên vấp ngã, nhưng họ sẽ luôn hồi phục sau những lần vấp ngã đó, và nhìn chung sẽ có những bước tiến vững chắc.

Như đã được mô tả, tác động cảm xúc của một cuộc họp phục hưng lớn là rất mạnh mẽ. Nó không chỉ mang lại một chút bổ sung cần thiết cho 'sự chuyển đổi' của một người gần như đã sẵn sàng cho quá trình đó, mà đôi khi nó còn chiếm lấy một người chưa sẵn sàng, và nó có thể đủ mạnh để đưa họ vượt qua ranh giới, và khiến họ

swing him over the dividing line, and make him profess himself for the moment (and quite honestly) as heartily converted as the other. But the permanent effect is by no means the same. In this latter case, the man is not really ready; there is a vast amount of force still uncontrolled in the lower part of his nature, and although that was for the time dominated by the forces present at the revival meeting, when that is over it reasserts itself, and the man inevitably falls back again into his former courses. We must not blame him for that; the strength which is needed for the permanent control of the lower nature grows very slowly, and it would be unreasonable to expect that it can ever be developed in a moment of enthusiasm. The cases in which it appears to be so developed are simply those in which the force has been secretly gathering itself for a long time previously.

tự nhận mình trong khoảnh khắc đó (và hoàn toàn trung thực) là đã được chuyển đổi một cách nhiệt thành như những người khác. Nhưng hiệu quả lâu dài không giống nhau. Trong trường hợp thứ hai này, người đó chưa thực sự sẵn sàng; vẫn còn một lượng lớn mãnh lực không được kiểm soát ở phần thấp hơn trong bản chất của họ, và mặc dù điều đó đã bị chi phối trong thời gian đó bởi các mãnh lực hiện diện tại cuộc họp phục hưng, nhưng khi điều đó kết thúc, nó sẽ tự khẳng định lại, và người đó chắc chắn sẽ quay trở lại con đường cũ của mình. Chúng ta không được đổ lỗi cho họ về điều đó; sức mạnh cần thiết để kiểm soát lâu dài bản chất thấp hơn phát triển rất chậm, và sẽ là không hợp lý khi mong đợi rằng nó có thể được phát triển trong một khoảnh khắc nhiệt tình. Các trường hợp mà nó dường như được phát triển như vậy chỉ đơn giản là những trường hợp mà mãnh lực đã bí mật tự tập hợp trong một thời gian dài trước đó.

Therefore I say again that I do not for a moment deny the occasional reality of sudden conversions; I do not deny that a certain amount of good must follow from all the devotional enthusiasm which is thrown into a religious revival. But I also say that every word that I have written above as to the general effect of such gatherings, and the part taken in them by non-human entities, is absolutely true; and for that reason I cannot but think that such excitement should be avoided by the student of occultism.

Do đó, tôi xin nhắc lại rằng tôi không hề phủ nhận thực tế đôi khi xảy ra của những sự chuyển đổi đột ngột; Tôi không phủ nhận rằng một lượng tốt nhất định phải đến từ tất cả sự nhiệt tình sùng đạo được đưa vào một sự phục hưng tôn giáo. Nhưng tôi cũng nói rằng mọi lời tôi đã viết ở trên về tác động chung của những cuộc tụ họp như vậy, và vai trò của các thực thể phi nhân loại trong đó, là hoàn toàn đúng; và vì lý do đó, tôi không thể không nghĩ rằng sự phấn khích như vậy nên được học viên huyền bí học tránh.

In the rare cases where a vast crowd is moved by a dominant idea which is wholly unselfish, quite a different order of entities comes into play—the astral angels, who have an active delight in good. Under such guidance as theirs, the excessive temporary vibration is safe and even helpful, for these beings understand humanity and know how to bring it back again safely into its ordinary condition.

Trong những trường hợp hiếm hoi mà một đám đông lớn bị chi phối bởi một ý tưởng hoàn toàn vị tha, thì một loại thực thể hoàn toàn khác sẽ xuất hiện — các thiên thần cảm xúc, những người có niềm vui thích tích cực trong điều thiện. Dưới sự hướng dẫn như của họ, rung động tạm thời quá mức là an toàn và thậm chí còn hữu ích, bởi vì những sinh vật này hiểu nhân loại và biết cách đưa nó trở lại trạng thái bình thường một cách an toàn.

Some years ago I happened to see a remarkable instance of this which I will presently describe, but I must first say a few words as to the virtue which caused the outburst. For the whole difference is in the motive: in the case previously described it was fundamentally selfish, but in this it was unselfish; in that it was the hope of personal salvation, in this it was loyalty and

Cách đây vài năm, tôi tình cờ thấy một ví dụ đáng chú ý về điều này mà tôi sẽ mô tả ngay sau đây, nhưng trước tiên tôi phải nói vài lời về đức tính đã gây ra sự bùng nổ này. Vì toàn bộ sự khác biệt nằm ở động cơ: trong trường hợp được mô tả trước đó, nó về cơ bản là ích kỷ, nhưng trong trường hợp này, nó là vị tha; trong trường hợp đó là hy vọng về sự cứu rỗi cá nhân, trong trường

patriotism.

A WAVE OF PATRIOTISM

Patriotism is a virtue upon which in these days it is very necessary to insist. But we must be sure of what we mean by the term. It is not prejudice, nor is it ill-mannered boasting. There are those who can see no good in any country but their own, who are constantly vaunting with offensive swagger what they consider its superlative excellencies, and disparaging all others. These are not patriots, but mere braggarts: they exhibit not the strength of their loyalty, but the depth of their ignorance.

True patriotism is the very antithesis of all this; it recognises that each country has its advantages and its disadvantages, that each nation has its excellencies, but also always its deficiencies, since no political or social scheme is yet perfect, and there is a good deal of human nature everywhere. Nevertheless it also sees that just as man owes consideration to the parents who have tended him and to the family of which he finds himself a part, so does he also owe something to the country into which he is born, for that birth is not a matter of chance but of karma. He is put there because these are the surroundings that he has deserved, and they are also those best suited to help onward his evolution. He is put there not to receive only, but to give; for man learns best by service. Thus he should be prepared when called upon to work for his country; he should acquiesce cheerfully in such measures as may be necessary for the general good, even though they may bring loss to him individually; he should forget for his country's sake his private interests and desires, and when the opportunity arises he should give himself unsparingly to her service.

I am aware that, among students of what is called advanced thought, there are those who sneer at patriotism as a virtue which is half a vice—as an evidence of a low stage of development. But that is a mistaken view: as well might one rail at family affection for exactly the same reasons. Truly both love for family and love for country

hợp này là lòng trung thành và lòng yêu nước.

MỘT LÀN SÓNG YÊU NƯỚC

Lòng yêu nước là một đức tính mà ngày nay người ta rất cần phải nhấn mạnh. Nhưng chúng ta phải chắc chắn về ý nghĩa của thuật ngữ này. Nó không phải là định kiến, cũng không phải là khoe khoang khiếm nhã. Có những người không thể nhìn thấy điều gì tốt đẹp ở bất kỳ quốc gia nào ngoài quốc gia của họ, những người liên tục khoe khoang với vẻ vênh váo khó chịu về những gì họ cho là những phẩm chất tuyệt vời của nó, và chê bai tất cả những người khác. Đây không phải là những người yêu nước, mà chỉ là những kẻ khoác lác: họ không thể hiện sức mạnh của lòng trung thành của mình, mà là thể hiện sự thiếu hiểu biết sâu sắc của họ.

Lòng yêu nước thực sự hoàn toàn trái ngược với tất cả những điều này; nó nhận ra rằng mỗi quốc gia đều có những ưu điểm và nhược điểm của nó, rằng mỗi quốc gia đều có những điểm xuất sắc, nhưng cũng luôn có những thiếu sót của nó, vì chưa có kế hoạch chính trị hay xã hội nào hoàn hảo, và ở đâu cũng có rất nhiều bản chất con người. Tuy nhiên, nó cũng thấy rằng giống như con người phải biết ơn cha mẹ đã nuôi nấng mình và gia đình mà mình là một phần của nó, thì họ cũng phải có nghĩa vụ với đất nước mà mình sinh ra, vì sự ra đời đó không phải là ngẫu nhiên mà là nghiệp. Họ được đưa đến đó bởi vì đây là môi trường xung quanh mà họ xứng đáng có được, và chúng cũng là những môi trường phù hợp nhất để giúp họ tiến hóa. Họ được đưa đến đó không chỉ để nhận, mà còn để cho đi; vì con người học hỏi tốt nhất bằng cách phục vụ. Do đó, họ nên sẵn sàng khi được kêu gọi làm việc cho đất nước của mình; họ nên vui vẻ chấp nhận các biện pháp cần thiết vì lợi ích chung, ngay cả khi chúng có thể mang lại thiệt hại cho cá nhân họ; họ nên quên đi lợi ích và mong muốn cá nhân vì đất nước của mình, và khi có cơ hội, họ nên cống hiến hết mình cho sự nghiệp phục vụ đất nước.

Tôi biết rằng, trong số những người nghiên cứu cái được gọi là tư tưởng tiên tiến, có những người chế giễu lòng yêu nước như một đức tính nửa vời — như một bằng chứng của giai đoạn phát triển thấp kém. Nhưng đó là một quan điểm sai lầm: cũng có thể người ta chỉ trích tình cảm gia đình vì chính xác những lý do tương tự. Thực sự, cả

are more limited than universal love, but they are nevertheless stages on the way to it. If primitive man thinks only for himself, it is an advance for him to extend his love to that wider self which we call the family, and to learn to feel and to think for his nation is but a further step on the same road. Later still he will learn to think and to feel for humanity as a whole, and then he will come to see that the animal and the plant are our brothers, even though they may be younger brothers, and that all life is the divine Life, and so the love which was once confined to himself, to his family, to his clan, to his nation, has become wide as the shoreless sea of the divine Love.

tình yêu dành cho gia đình và tình yêu dành cho đất nước đều bị hạn chế hơn tình yêu phổ quát, nhưng chúng vẫn là những giai đoạn trên con đường dẫn đến nó. Nếu con người nguyên thủy chỉ nghĩ cho bản thân, thì việc mở rộng tình yêu của mình đến cái tôi rộng lớn hơn mà chúng ta gọi là gia đình là một bước tiến đối với họ, và học cách cảm nhận và suy nghĩ cho quốc gia của mình chỉ là một bước tiến xa hơn trên con đường đó. Sau đó, họ sẽ học cách suy nghĩ và cảm nhận cho toàn thể nhân loại, và sau đó họ sẽ thấy rằng động vật và thực vật là huynh đệ của chúng ta, mặc dù chúng có thể là những người em, và tất cả sự sống đều là Sự sống thiêng liêng, và do đó, tình yêu thương mà trước đây chỉ dành cho bản thân họ, cho gia đình họ, cho thị tộc của họ, cho quốc gia của họ, đã trở nên rộng lớn như biển cả vô bờ bến của Tình yêu thương thiêng liêng.

But a very necessary stage on the way to this goal is that patriotism which leads a man to forego his own ease and comfort, to put aside his private opportunities of gain, nay, to sacrifice his very life, in order to serve his country. Naturally also he personifies his country in the person of her ruler, and so is developed the other virtue of loyalty, and his character is thereby greatly elevated and purified. That individual kings have in the past often been unworthy of this high feeling is a sad fact, but it does not interfere with the other fact of the benefit which accrues to those in whom such feeling is evoked. When it fortunately happens that the sovereign is all that a ruler should be, we have a collocation of circumstances in which loyalty can work with its greatest effect, and splendid results may be achieved both for the King and his people.

Nhưng một giai đoạn rất cần thiết trên con đường dẫn đến mục tiêu này là lòng yêu nước, thứ dẫn dắt một người từ bỏ sự an nhàn và thoải mái của chính mình, gạt sang một bên cơ hội kiếm lời cá nhân của mình, hơn nữa, hy sinh mạng sống của chính mình, để phục vụ đất nước của mình. Đương nhiên, họ cũng nhân cách hóa đất nước của mình trong con người của người cai trị, và do đó, đức tính khác của lòng trung thành được phát triển, và tính cách của họ nhờ đó được nâng cao và thanh lọc rất nhiều. Thực tế đáng buồn là các vị vua cá nhân trong quá khứ thường không xứng đáng với tình cảm cao cả này, nhưng điều đó không ảnh hưởng đến thực tế khác về lợi ích mà những người có tình cảm như vậy được hưởng. Khi may mắn thay, quốc vương là tất cả những gì mà một người cai trị nên có, chúng ta có một sự kết hợp của các hoàn cảnh mà lòng trung thành có thể phát huy tác dụng lớn nhất, và những kết quả tuyệt vời có thể đạt được cho cả Nhà vua và người dân của ông ta.

A remarkable instance of this was seen in the enthusiasm evoked by the celebration of the Diamond Jubilee of the late Queen Victoria. For those who could see it, the inner side of the proceedings of that day was a spectacle never to be forgotten.

Một ví dụ đáng chú ý về điều này đã được nhìn thấy trong sự nhiệt tình được khơi dậy bởi lễ kỷ niệm Đại lễ Kim cương của cố Nữ hoàng Victoria. Đối với những người có thể nhìn thấy nó, khía cạnh nội tâm của các thủ tục tố tụng trong ngày hôm đó là một cảnh tượng không bao giờ quên.

It happened that on that occasion I had, through the kindness of a friend, a seat at one of the office-windows in the City on the route of the great procession. Even from the physical point of view,

Tình cờ vào dịp đó, nhờ lòng tốt của một người bạn, tôi đã có một chỗ ngồi tại một trong những cửa sổ văn phòng ở Thành phố trên tuyến đường của đoàn diễu hành lớn. Ngay cả từ quan điểm vật

the decorations had transformed the gloomy London streets. The whole of the fronts of the tall houses on both sides of the dingy street were covered with a sort of scaffolding which formed temporary balconies to each of the windows, and all these were closely packed with men, women and children, so that the grim house-fronts were like cliffs lined with faces, rising tier above tier, and the procession wound its way at the foot, as along a gorge whose sides were built of human bodies.

lý, các đồ trang trí đã biến đổi những con phố ảm đạm của London. Toàn bộ mặt tiền của những ngôi nhà cao tầng ở cả hai bên con phố tối tăm được bao phủ bởi một loại giàn giáo tạo thành ban công tạm thời cho mỗi cửa sổ, và tất cả những thứ này đều chật cứng đàn ông, phụ nữ và trẻ em, do đó, những mặt tiền nhà ảm đạm giống như những vách đá với những khuôn mặt xếp lớp, tầng tầng lớp lớp, và đám rước diễu hành len lỏi ở phía dưới, như dọc theo một hẻm núi mà hai bên được xây dựng bằng cơ thể con người.

Mostly the people were business men with their wives and families, and country friends; and these latter introduced an element of gaiety and curiosity to which those stern, dark City streets are unaccustomed, for as a rule the people gave themselves up to the enjoyment of the occasion, and to the criticising of their neighbours' toilets. The City men themselves were in the majority of cases unable to shake off their anxieties, and were to be seen still surrounded by thought-forms of prices and percentages. Occasionally a privileged carriage would dash by, or a regiment of soldiers on its way to take part in the pageant; but those rarely claimed more than a moment's attention from these business men, who collapsed almost immediately into their calculations again. Even when at last the great procession itself appeared, their interest in it was but half-hearted, and they saw it against a background of stocks and shares and financial anxiety.

Hầu hết mọi người là doanh nhân với vợ và gia đình, và bạn bè ở quê; và những người sau này đã giới thiệu một yếu tố vui tươi và tò mò mà những con phố Thành phố khắc nghiệt, tối tăm đó không quen thuộc, bởi vì theo quy luật, mọi người đều tận hưởng dịp này, và chỉ trích trang phục của những người hàng xóm. Bản thân những con người Thành phố trong phần lớn các trường hợp không thể rũ bỏ nỗi lo lắng của họ, và người ta thấy họ vẫn bị bao vây bởi những hình tư tưởng về giá cả và tỷ lệ phần trăm. Thỉnh thoảng, một chiếc xe ngựa đặc quyền sẽ lao qua, hoặc một trung đoàn lính trên đường tham gia cuộc diễu hành; nhưng những thứ đó hiếm khi thu hút sự chú ý của những doanh nhân này quá một phút, những người gần như ngay lập tức lại chìm vào tính toán của họ. Ngay cả khi cuối cùng thì đoàn diễu hành lớn cũng xuất hiện, sự quan tâm của họ đối với nó cũng chỉ là nửa vời, và họ nhìn thấy nó trên nền tảng của cổ phiếu, cổ phần và lo lắng tài chính.

Now and again some specially popular visitor received a little ovation, but on the whole the astral appearance of that huge crowd differed little at that period from that of other similar gatherings. The delight of the children at so unusual a holiday showed itself in many a flash and coruscation of colour, while their fathers' thoughts frequently offered the unfavourable contrast of dark and leaden patches, blots upon the variegated brilliancy of the scene, for they were but little affected by the waves of excitement which were beginning to leap across from side to side of the street. But the vibration of feeling grew stronger and stronger, and when the splendour of that marvellous pageant culminated in the approach of the Queen herself, a startling change took place, for all the thousands of little local flashes and vortices of

Thỉnh thoảng, một số du khách đặc biệt nổi tiếng nhận được một chút hoan hô, nhưng nhìn chung, diện mạo cảm xúc của đám đông khổng lồ đó vào thời điểm đó không khác nhiều so với các cuộc tụ họp tương tự khác. Niềm vui của những đứa trẻ trong một kỳ nghỉ khác thường như vậy thể hiện qua nhiều tia sáng và màu sắc lấp lánh, trong khi những suy nghĩ của cha chúng thường tạo ra sự tương phản bất lợi của những mảng tối và xám xịt, những vết nhơ trên sự rực rỡ đa dạng của khung cảnh, vì chúng ít bị ảnh hưởng bởi những làn sóng phấn khích đang bắt đầu nhảy qua lại hai bên đường. Nhưng rung động của cảm xúc ngày càng mạnh mẽ hơn, và khi sự lộng lẫy của cuộc diễu hành kỳ diệu đó lên đến đỉnh điểm khi chính Nữ hoàng đến gần, một sự thay đổi đáng kinh ngạc đã diễn ra, vì tất cả hàng nghìn tia sáng và xoáy nước nhỏ bé của màu sắc đã biến mất

colour disappeared utterly, overwhelmed in the tremendous cataract of mingled blue and rose and violet, which was pouring like a veritable Niagara down both sides of that living valley of faces.

hoàn toàn, bị nhấn chìm trong dòng thác khủng khiếp của màu xanh lam, hồng và tím pha trộn, đang tuôn trào như một thác Niagara thực sự xuống cả hai bên thung lũng sống động của những khuôn mặt.

Literally the only comparison possible for it was that smooth, resistless rush which is so impressive as one looks up from below at the greatest waterfall of the world, but here it was combined with a wealth of indescribably glorious colour far beyond any conception on the physical plane. No words can give any idea of the effect of that tremendous outburst of simultaneous enthusiasm, that coruscating cascade of love and loyalty and veneration, all converging upon the carriage in which the Royal Lady sat, unrestrainedly weeping in sympathy with the overflowing emotion of her subjects. Yes, and her subjects wept also—wept for pure joy and depth of feeling—and those hard-headed business men forgot their calculations and their anxieties, forgot themselves and their sordid financial considerations utterly for the time, and were transported into a higher world, lifted clear out of themselves, up to a plane of thought and feeling which many of them had not touched since early days of innocent childhood.

Theo nghĩa đen, sự so sánh duy nhất có thể đối với nó là dòng chảy êm đềm, không thể cưỡng lại đó thật ấn tượng khi người ta nhìn lên từ bên dưới thác nước lớn nhất thế giới, nhưng ở đây nó được kết hợp với vô số màu sắc rực rỡ không thể diễn tả được vượt xa bất kỳ quan niệm nào trên cõi trần. Không từ ngữ nào có thể diễn tả được tác động của sự bùng nổ đồng thời khủng khiếp đó của sự nhiệt tình, dòng thác lấp lánh của tình yêu thương, lòng trung thành và sự tôn kính, tất cả đều hội tụ về phía vận cụ mà Đức vua đang ngồi, khóc không ngừng vì đồng cảm với cảm xúc tràn đầy của thần dân của mình. Vâng, và thần dân của ông ta cũng khóc — khóc vì niềm vui thuần khiết và cảm xúc sâu sắc — và những doanh nhân cứng đầu đó đã quên đi những tính toán và lo lắng của họ, quên đi bản thân và những xem xét tài chính bẩn thỉu của họ hoàn toàn trong thời gian đó, và được đưa đến một thế giới cao hơn, được nâng lên khỏi chính họ, lên đến một cõi tư tưởng và cảm xúc mà nhiều người trong số họ đã không chạm tới kể từ những ngày đầu thơ ấu ngây thơ.

An unique experience, not easily to be had in prosaic times like these, but a most salutary one, which could not but leave a beneficial impression upon everyone who passed through it. That strong soul-shaking was transient, no doubt, yet every heart had for the moment been stirred to its profoundest depths by noble, unselfish emotion, and every heart was the better for it.

Một trải nghiệm độc đáo, không dễ có được trong thời kỳ thực tế như thế này, nhưng là một trải nghiệm rất bổ ích, không thể không để lại ấn tượng tốt đẹp cho tất cả những ai trải qua nó. Sự rung chuyển tâm hồn mạnh mẽ đó chỉ là thoáng qua, không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng mọi trái tim trong khoảnh khắc đó đều bị khuấy động đến tận cùng bởi cảm xúc cao quý, vị tha, và mọi trái tim đều tốt hơn vì nó.

A similar and even more splendid exhibition of unselfish emotion has taken place recently at the Coronation of His Majesty King George V. I had not myself the privilege of seeing that in the physical body; but an account from those clairvoyants who did see it shows that it must have surpassed even that other demonstration.

Một màn thể hiện cảm xúc vị tha tương tự và thậm chí còn lộng lẫy hơn đã diễn ra gần đây tại Lễ đăng quang của Đức vua George V. Bản thân tôi không có đặc ân được chứng kiến điều đó trong thể xác; nhưng một lời kể từ những nhà thông nhãn đã nhìn thấy nó cho thấy rằng nó chắc hẳn đã vượt qua cả minh chứng kia.

WAR

CHIẾN TRANH

Another occasional event—happily very occasional and growing rarer and rarer—which

Một sự kiện không thường xuyên khác — rất may là rất không thường xuyên và ngày càng hiếm

profoundly stirs the hearts of the people, is war. Now I suppose that few at the present day would venture to deny that war is an absurd and atrocious anachronism. If we pause for a moment to think, we all know perfectly well that the result of a battle does not in the least decide the original question at issue. It may show which army has the cleverest general or the greatest weight of artillery; it certainly does *not* show which side is in the right in the quarrel, if there be any right. So far as individuals are concerned, all except the very lowest classes have passed beyond the stage of attempting to decide personal disputes by ordeal of battle; when our convictions as to a boundary line differ pronouncedly from our neighbour's, we no longer assemble our servants and try to argue the matter with rifles or bludgeons, but we refer the case instead to a tribunal in whose impartiality we both have reasonable confidence.

hơn — điều làm rung động sâu sắc trái tim của người dân, là chiến tranh. Bây giờ tôi cho rằng ít người trong thời đại ngày nay dám phủ nhận rằng chiến tranh là một sự lỗi thời vô lý và tàn bạo. Nếu chúng ta dừng lại một chút để suy nghĩ, tất cả chúng ta đều biết rất rõ rằng kết quả của một trận chiến hoàn toàn không quyết định câu hỏi ban đầu đang được tranh luận. Nó có thể cho thấy quân đội nào có vị tướng tài giỏi nhất hoặc trọng lượng pháo binh lớn nhất; nó chắc chắn không cho thấy bên nào đúng trong cuộc tranh cãi, nếu có đúng. Xét về các cá nhân, tất cả trừ những tầng lớp thấp nhất đã vượt qua giai đoạn cố gắng giải quyết các tranh chấp cá nhân bằng cách thử thách chiến đấu; khi niềm tin của chúng ta về đường biên giới khác biệt rõ rệt với niềm tin của hàng xóm, chúng ta không còn tập hợp những người hầu của mình và cố gắng tranh luận vấn đề bằng súng trường hoặc dùi cui nữa, mà thay vào đó, chúng ta chuyển vụ việc đến một tòa án mà cả hai chúng ta đều tin tưởng một cách hợp lý vào sự công bằng của nó.

As nations, however, we are not yet at the level of evolution which we have reached as individuals; we are willing (some of us) to submit comparatively unimportant matters of dispute to arbitration, but there is as yet no court in which the races of the world have sufficient trust to accept its decision in a question vital to their existence. So the irrational appeal to brute force still remains as a possibility hovering ever in the background of national life like a menacing thundercloud.

Tuy nhiên, với tư cách là các quốc gia, chúng ta vẫn chưa đạt đến cấp độ tiến hóa mà chúng ta đã đạt được với tư cách cá nhân; chúng ta sẵn sàng (một số người trong chúng ta) đưa ra những vấn đề tranh chấp tương đối không quan trọng để phân xử, nhưng vẫn chưa có tòa án nào mà các chủng tộc trên thế giới đủ tin tưởng để chấp nhận quyết định của nó trong một vấn đề sống còn đối với sự tồn tại của họ. Vì vậy, lời kêu gọi phi lý đối với vũ mãnh lực vẫn còn là một khả năng luôn lơ lửng trong bối cảnh của cuộc sống quốc gia như một đám mây giông bão đầy đe dọa.

Poets have sung of the glories of war, but the legions of the Red Cross, who go forth not to hurt but to help, who come upon the battle-field after the rifle and the cannon have done their work—these can tell us something of the true meaning of war, and of all the ghastly horrors involved in the gallant defence or the successful charge. War may still be sometimes a necessity—the lesser of two evils; but it is so only because our boasted civilisation is still lamentably deficient. Yet, horrible and senseless though it be, it is capable in a certain way of utilisation; it has its part to play at an early stage of evolution.

Các nhà thơ đã ca ngợi về vinh quang của chiến tranh, nhưng các quân đoàn của Hội Chữ thập đỏ, những người ra đi không phải để làm hại mà là để giúp đỡ, những người đến chiến trường sau khi súng trường và đại bác đã hoàn thành công việc của họ — những người này có thể cho chúng ta biết điều gì đó về ý nghĩa thực sự của chiến tranh, và về tất cả những nỗi kinh hoàng khủng khiếp liên quan đến sự phòng thủ dũng cảm hoặc cuộc tấn công thành công. Chiến tranh đôi khi vẫn có thể là một điều cần thiết — điều ác ít hơn trong hai điều ác; nhưng chỉ như vậy là bởi vì nền văn minh mà chúng ta tự hào vẫn còn thiếu sót một cách đáng tiếc. Tuy nhiên, dù khủng khiếp và vô nghĩa, nhưng nó có khả năng được sử dụng theo

một cách nhất định; nó có vai trò của mình trong giai đoạn đầu của quá trình tiến hóa.

Unquestionably the egos incarnated in the Zulu hordes, that did not hesitate to march to certain death at the command of Chaka or Cetewayo, acquired in that way qualities of obedience, self-control and self-sacrifice which will be valuable to them in later births amid surroundings where they can be put to more rational use; and it is to the Zulu level of development that war properly belongs. The same lessons, however, are needed by many who obtain birth in higher races than the Zulu; and without abating one jot of our horror of the ghastly cruelty and senselessness of war, we may yet admit that such devotion to the abstract idea of patriotism as will lead a man to be ready to die for it, means a distinct advance upon the normal attitude of the class from which our common soldiers are chiefly drawn. Those who are closely acquainted with our agricultural population cannot have failed also to observe the difference which military or naval training makes in the young man—how, from being slow of speech and comprehension, he becomes alert, dexterous, resourceful and self-respecting. Unfortunately he sometimes picks up other and less desirable habits at the same time, but at least he is less bovine and more human.

Chắc chắn, những chân ngã nhập thể trong đám đông Zulu, những người không ngần ngại hành quân đến cái chết chắc chắn theo lệnh của Chaka hoặc Cetewayo, đã đạt được theo cách đó những phẩm chất của sự vâng lời, tự chủ và hy sinh bản thân sẽ có giá trị đối với họ trong những lần sinh sau giữa môi trường xung quanh, nơi chúng có thể được sử dụng hợp lý hơn; và chiến tranh đúng ra thuộc về cấp độ phát triển của người Zulu. Tuy nhiên, nhiều người sinh ra trong các chủng tộc cao hơn người Zulu cũng cần những bài học tương tự; và không hề giảm bớt nỗi kinh hoàng của chúng ta về sự tàn ác khủng khiếp và sự vô nghĩa của chiến tranh, chúng ta vẫn có thể thừa nhận rằng sự tận tâm như vậy với ý tưởng trừu tượng về lòng yêu nước sẽ dẫn dắt một người sẵn sàng chết vì nó, có nghĩa là một bước tiến rõ rệt so với thái độ bình thường của tầng lớp mà những người lính bình thường của chúng ta chủ yếu được rút ra. Những người quen thuộc với dân số nông nghiệp của chúng ta cũng không thể không nhận thấy sự khác biệt mà huấn luyện quân sự hoặc hải quân tạo ra ở những con người trẻ tuổi — làm thế nào, từ chỗ nói năng và hiểu biết chậm chạp, họ trở nên tỉnh táo, khéo léo, tháo vát và tự trọng. Thật không may, họ đôi khi cũng nhiễm phải những thói quen khác và kém hấp dẫn hơn cùng một lúc, nhưng ít nhất họ cũng ít giống bò hơn và giống người hơn.

There is, however, no reason why an excellent system of physical training should not be universally adopted even when peace reigns supreme, so that we might gain all the benefit which is at present derived by those who are trained in the army and navy, without the sinful and ridiculous waste of life and money in actual warfare. A step in this direction is already being taken by the admirable organisation called the Boy Scouts, and it is fervently to be hoped that this may spread over the whole world, so that its benefits may be shared by all.

Tuy nhiên, không có lý do gì mà một hệ thống rèn luyện thể chất tuyệt vời không được áp dụng rộng rãi ngay cả khi hòa bình ngự trị tối cao, để chúng ta có thể đạt được tất cả lợi ích mà hiện tại những người được huấn luyện trong quân đội và hải quân có được, mà không có sự lãng phí sinh mạng và tiền bạc tội lỗi và lố bịch trong chiến tranh thực tế. Một bước đi theo hướng này đã được thực hiện bởi tổ chức đáng ngưỡng mộ có tên là Hướng đạo sinh, và người ta tha thiết hy vọng rằng điều này có thể lan rộng ra toàn thế giới, để tất cả mọi người đều có thể chia sẻ lợi ích của nó.

Terrible and wicked though it be, war, when it does occur (that is, when it cannot longer be prevented), is always utilised and turned to at least some sort of compensatory good by the Authorities who stand behind. It is sometimes

Dù khủng khiếp và xấu xa, nhưng chiến tranh, khi nó xảy ra (nghĩa là khi nó không còn có thể ngăn chặn được nữa), luôn được các Nhà chức trách đứng sau sử dụng và biến thành ít nhất một loại lợi ích bù đắp nào đó. Đôi khi nó cũng được sử

employed also as an alternative to something still worse, or a smaller war is permitted in order to avoid a more disastrous one.

dụng như một giải pháp thay thế cho một điều gì đó còn tồi tệ hơn, hoặc một cuộc chiến tranh nhỏ hơn được cho phép để tránh một cuộc chiến tranh thảm khốc hơn.

I have been told that if the war which England recently waged in South Africa had not taken place, a colossal and terrible European war would have been inevitable, which would have involved far more widespread destruction. It is also certain that that war was utilised to bind more closely together the different parts of the British Empire, so that in standing side by side upon the battle-field men might learn to become more brotherly and to understand one another better. Indeed, that is an effect which has often followed upon war, that the factions within a country have agreed to forget their differences in the face of the common enemy. The attack of Italy upon Tripoli may or may not be in the abstract justifiable; but no one who has lived in the country can doubt that it has had its value in bringing the somewhat heterogeneous population of Italy into a closer unity than ever before—into a realisation of its solidarity as a nation.

Tôi được biết rằng nếu cuộc chiến mà Anh gần đây tiến hành ở Nam Phi không diễn ra, thì một cuộc chiến tranh châu Âu khổng lồ và khủng khiếp sẽ là điều không thể tránh khỏi, điều này sẽ gây ra sự tàn phá trên diện rộng hơn nhiều. Chắc chắn rằng cuộc chiến đó đã được sử dụng để gắn kết chặt chẽ hơn các bộ phận khác nhau của Đế quốc Anh, để khi sát cánh bên nhau trên chiến trường, những con người có thể học cách trở nên huynh đệ hơn và hiểu nhau hơn. Thật vậy, đó là một hiệu ứng thường xảy ra sau chiến tranh, rằng các phe phái trong một quốc gia đã đồng ý quên đi sự khác biệt của họ khi đối mặt với kẻ thù chung. Cuộc tấn công của Ý vào Tripoli có thể đúng hoặc không đúng về mặt trừu tượng; nhưng không ai sống ở đất nước này có thể nghi ngờ rằng nó có giá trị trong việc đưa dân số có phần không đồng nhất của Ý vào một khối thống nhất chặt chẽ hơn bao giờ hết — để nhận ra sự đoàn kết của nó như một quốc gia.

The hidden side of the actual fighting is perhaps less remarkable than might be expected. The sound-forms produced by the discharge of artillery and by the ceaseless rattling of the rifles are naturally of a striking nature, but as far as the astral world is concerned, a surging mass of confusion is the principal characteristic in the neighbourhood of the battle-field.

Khía cạnh ẩn giấu của cuộc chiến thực tế có lẽ ít đáng chú ý hơn người ta tưởng. Các hình dạng âm thanh được tạo ra bởi tiếng đại bác bắn phá và tiếng súng trường rít không ngừng nghỉ đương nhiên có bản chất nổi bật, nhưng xét về cõi cảm dục, một khối hỗn loạn dâng trào là đặc điểm chính trong vùng lân cận của chiến trường.

There is inevitably a certain amount of fear coming from those who are new to the ghastly work; but there is usually comparatively little of actual hatred. The pain and grief of the wounded are terrible enough, yet even then there is in most cases little of hatred or personality. There is generally a strong sense of order, obedience, determination, coming perhaps principally from the officers and the older soldiers. But unless the spectator senses the thought-forms of the generals, it is difficult to get any coherent idea of the scene as a whole.

Chắc chắn có một số lượng sợ hãi nhất định đến từ những người mới làm công việc khủng khiếp này; nhưng thường có tương đối ít sự thù hận thực sự. Nỗi đau và nỗi buồn của những người bị thương là quá khủng khiếp, nhưng ngay cả khi đó, trong hầu hết các trường hợp, cũng có rất ít sự thù hận hoặc cá nhân. Nói chung, có một tâm thức mạnh mẽ về trật tự, sự vâng lời, quyết tâm, có lẽ chủ yếu đến từ các sĩ quan và những người lính lớn tuổi. Nhưng trừ khi người xem cảm nhận được hình tư tưởng của các vị tướng, thì khó có thể có được bất kỳ ý tưởng mạch lạc nào về toàn bộ khung cảnh.

Many invisible helpers are brought together during a battle, to receive the dead and extend to

Nhiều người trợ giúp vô hình được tập hợp lại với nhau trong một trận chiến, để tiếp nhận người

them any assistance of which they may be in need. But, taking it as a whole, there is far more feeling excited about war in the minds of countrymen and relations than in those of the soldiers themselves who actually take part in it.

chết và hỗ trợ họ bất kỳ sự giúp đỡ nào mà họ có thể cần. Nhưng, nhìn chung, có nhiều cảm xúc bị kích động về chiến tranh trong tâm trí của đồng bào và người thân hơn là trong tâm trí của chính những người lính thực sự tham gia vào nó.

CATASTROPHES

THẢM HỌA

Sometimes great catastrophes other than war overtake the world. Two hundred thousand people perished suddenly in an earthquake at Messina; what is the occult side of such a happening as that? The inner sight helps us to look more understandingly on such events as this, and while we pity the sufferers no less, we yet avoid the feeling of overwhelming horror and dismay which paralyses many at the thought of such an occurrence. Let us think calmly, analytically, what really happened in that case. Two hundred thousand people were suddenly released from the burden of the flesh. Surely we have no need to pity *them.* We cannot speak of them as sufferers, for they have been lifted suddenly and painlessly into a higher and happier life, and in such a catastrophe as this there is really less of suffering than in connection with many isolated cases of death.

Đôi khi những thảm họa lớn khác ngoài chiến tranh ập đến thế giới. Hai trăm nghìn người chết đột ngột trong trận động đất ở Messina; khía cạnh huyền bí học của một sự kiện như vậy là gì? Thị lực nội tâm giúp chúng ta nhìn nhận những sự kiện như thế này một cách thấu hiểu hơn, và trong khi chúng ta không hề thương hại những người đau khổ, nhưng chúng ta vẫn tránh cảm giác kinh hoàng và mất tinh thần tột độ khiến nhiều người tê liệt khi nghĩ đến một sự kiện như vậy. Chúng ta hãy suy nghĩ một cách bình tĩnh, phân tích, điều gì đã thực sự xảy ra trong trường hợp đó. Hai trăm nghìn người đột nhiên được giải thoát khỏi gánh nặng của xác thịt. Chắc chắn chúng ta không cần phải thương hại họ. Chúng ta không thể nói về họ như những người đau khổ, bởi vì họ đã được nâng lên một cách đột ngột và không đau đớn vào một cuộc sống cao hơn và hạnh phúc hơn, và trong một thảm họa như thế này, thực sự có ít đau khổ hơn so với nhiều trường hợp tử vong riêng lẻ.

The suffering caused by sudden death is never to the dead man, but to the relations who, not understanding the facts of death, suppose themselves to have lost him. But precisely in a great catastrophe of this nature, few are left to mourn for the others, since the families within a certain area are almost all destroyed. The direct relations in most cases die together, and those who are left to mourn are more distant relations settled in far-away districts.

Nỗi đau do cái chết đột ngột gây ra không bao giờ là đối với người chết, mà là đối với những người thân, những người không hiểu sự thật về cái chết, cho rằng mình đã mất họ. Nhưng chính xác là trong một thảm họa lớn thuộc loại này, ít người còn lại để thương tiếc cho những người khác, vì các gia đình trong một khu vực nhất định gần như bị tiêu diệt hoàn toàn. Trong hầu hết các trường hợp, những người thân trực tiếp chết cùng nhau, và những người còn lại để thương tiếc là những người thân xa hơn định cư ở những vùng xa xôi.

Some there were beyond doubt who suffered terribly—men who were wounded and left for days awaiting succour; others who were shut in beneath heaps of ruins and suffocated or starved to death. Towards these indeed our keenest sympathy may well go forth. Yet remember that they can have been at most but few, a smaller number than those who die of starvation every

Chắc chắn đã có một số người phải chịu đựng khủng khiếp — những người bị thương và bị bỏ rơi nhiều ngày chờ đợi sự cứu giúp; những người khác bị nhốt dưới đống đổ nát và chết ngạt hoặc chết đói. Đối với những người này, sự đồng cảm sâu sắc nhất của chúng ta có thể được gửi đến. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng họ có thể chỉ là số ít, ít hơn số người chết vì đói mỗi tuần ở thủ đô

week in our capital city of London, for starvation is not merely absolute lack of food for a certain number of days. A man who has insufficient food, or bad food containing insufficient nourishment, for a period of years, is starving to death quite as surely as the man who for a few days has no food at all, and there is far more prolonged suffering in the former case than in the latter.

London của chúng ta, vì đói không chỉ đơn thuần là thiếu thức ăn hoàn toàn trong một số ngày nhất định. Một người không có đủ thức ăn, hoặc thức ăn kém chất lượng chứa không đủ chất dinh dưỡng trong nhiều năm, chắc chắn sẽ chết đói cũng giống như người không có thức ăn trong vài ngày, và trường hợp trước có nhiều đau khổ kéo dài hơn trường hợp sau.

But again, it may be said, in the earthquake there was a vast amount of suffering, because many people were rendered homeless, and because they were bereft of their ordinary supplies of food. That again is true, and to those also our heartiest sympathy must be extended. Indeed, we know that the whole world did so extend it, and from the occult view by far the most important effect of that earthquake was the great wave of sympathy and pity which came rolling in upon the place from every part of the habitable globe to which the news had been carried.

Nhưng một lần nữa, người ta có thể nói, trong trận động đất đã có rất nhiều đau khổ, bởi vì nhiều người trở nên vô gia cư, và bởi vì họ bị tước đoạt nguồn cung cấp thực phẩm thông thường của họ. Điều đó một lần nữa là đúng, và chúng ta cũng phải dành sự đồng cảm chân thành nhất cho những người đó. Thật vậy, chúng ta biết rằng cả thế giới đã làm như vậy, và từ quan điểm huyền bí học, tác động quan trọng nhất của trận động đất đó là làn sóng đồng cảm và thương hại lớn ập đến nơi này từ mọi nơi trên địa cầu mà tin tức đã được truyền đến.

It is not death which we should regard as an evil fate; our Theosophical knowledge has at least taught us that. It is never the dead whom we should pity, but the living who still suffer under all the cramping restrictions of this strange physical plane. For those whose consciousness knows no other world, it seems terrible to have to quit this; a man whose sight ranges over the higher worlds knows, with a vivid certainty that nothing can shake, that, if one is to consider happiness alone, the happiest moment for every man is that in which he escapes from this world into the wider and more real life above.

Không phải cái chết mà chúng ta nên coi là một số phận xấu xa; kiến thức Thông Thiên Học của chúng ta ít nhất đã dạy chúng ta điều đó. Không bao giờ là người chết mà chúng ta nên thương hại, mà là người sống vẫn còn đau khổ dưới mọi sự ràng buộc chật chội của cõi trần kỳ lạ này. Đối với những người có tâm thức không biết đến thế giới nào khác, thì việc phải rời khỏi thế giới này dường như thật khủng khiếp; một người có tầm nhìn bao quát các thế giới cao hơn biết, với một sự chắc chắn sinh động mà không gì có thể lay chuyển được rằng, nếu chỉ xét riêng hạnh phúc, thì khoảnh khắc hạnh phúc nhất đối với mỗi người là khoảnh khắc họ thoát khỏi thế giới này để đến với cuộc sống rộng lớn hơn và thực hơn ở trên.

Granted that our life here is a necessity, that we have development to make which can be made only under these hard conditions; it is for that reason that our physical life is necessary, and so we come forth into it as a man goes forth from his home to some unpleasant task which nevertheless he knows must be done. Pity by all means the poor fellow who is exiled from that higher life, but do not waste your sorrow upon those who have gone home again to the glory, the beauty and the rest.

Giả sử rằng cuộc sống của chúng ta ở đây là một điều cần thiết, rằng chúng ta phải phát triển mà chỉ có thể thực hiện trong những điều kiện khắc nghiệt này; chính vì lý do đó mà cuộc sống vật chất của chúng ta là cần thiết, và do đó, chúng ta bước ra ngoài đó như một người rời khỏi nhà của mình để làm một công việc khó chịu nào đó mà họ biết là phải làm. Hãy thương hại người bạn đáng thương bị đày khỏi cuộc sống cao hơn đó, nhưng đừng lãng phí nỗi buồn của bạn cho những người đã trở về nhà trong vinh quang, vẻ đẹp và sự yên nghỉ.

Seen from the physical world everything is distorted, because we see only so tiny a part of it, and then with strange stupidity insist upon taking that for the whole. Occultism teaches us a finer proportion, and brings our life into perspective for us, and so, while we lack nothing of sympathy for all who suffer, we yet learn that those who most need our sympathy are not those upon whom the undiscerning world showers it most freely.

Nhìn từ thế giới vật chất, mọi thứ đều bị bóp méo, bởi vì chúng ta chỉ nhìn thấy một phần rất nhỏ của nó, và sau đó với sự ngu ngốc kỳ lạ, cứ khăng khăng coi đó là toàn bộ. Huyền bí học dạy chúng ta một tỷ lệ tốt hơn, và đưa cuộc sống của chúng ta vào viễn cảnh cho chúng ta, và do đó, trong khi chúng ta không thiếu sự đồng cảm với tất cả những ai đau khổ, nhưng chúng ta vẫn học được rằng những người cần sự đồng cảm của chúng ta nhất không phải là những người mà thế giới không sáng suốt dành cho họ một cách tự do nhất.

All worlds alike are part of the great Solar Deity; in Him “we live and move and have our being,” and since we cannot fall away from His presence nor escape His guiding hand, what matters all the rest?

Tất cả các thế giới đều là một phần của Thái dương Thượng đế vĩ đại; trong Ngài, “chúng ta sống, chuyển động và tồn tại”, và vì chúng ta không thể rời xa sự hiện diện của Ngài cũng như không thể thoát khỏi bàn tay dẫn dắt của Ngài, thì tất cả những thứ còn lại có ý nghĩa gì?

CHAPTER XII -BY UNSEEN BEINGS—BỞI NHỮNG THỰC THỂ VÔ HÌNH

SENSITIVE PEOPLE

THE occasional events to which we have hitherto referred have been such as might come into the life of almost anyone. There is another class of occasional events which usually come only to a certain type of people; but upon those people they exercise an influence so great that it cannot readily be measured—great enough often to alter the whole current of a life. There are those among us who are more sensitive than the majority of men, who dream dreams and see visions; and to these people their visions are the most important fact of life. Naturally also, such people are attracted to the study of occultism, so that the proportion of them among our readers is likely to be far greater than in the world which cares for none of these things. To these visions also there is a hidden side, one which it is of great importance to study.

Visions are of many kinds—some trivial and unimportant, others profoundly interesting and productive of far-reaching effects to those who experience them. In some cases their genesis is obvious; in others curious and unexpected associations play their part, and a number of quite separate causes may combine to produce what seems to be a single story.

As I have written several books upon the conditions of the astral world, it not unfrequently happens that persons who have had psychic experiences or visions which they have not fully comprehended, send me accounts of them and ask me whether my experience along these lines suggests any explanation. Such letters are not always easy to answer—not that there is usually any difficulty in formulating a hypothesis which will fit the facts, but because there are too many such hypotheses. Almost every experience described might equally easily have been produced in any one of half-a-dozen ways, and without undertaking a special and detailed investigation it is often impossible to

NHỮNG NGƯỜI NHẠY CẢM

Những sự kiện không thường xuyên mà chúng ta đã đề cập đến cho đến nay là những sự kiện có thể xảy ra trong cuộc sống của hầu hết mọi người. Có một loại sự kiện không thường xuyên khác thường chỉ xảy ra với một kiểu người nhất định; nhưng đối với những người đó, chúng tạo ra một ảnh hưởng lớn đến mức khó có thể đo lường được — thường đủ lớn để thay đổi toàn bộ dòng chảy của một cuộc đời. Có những người trong chúng ta nhạy cảm hơn đa số mọi người, những người mơ thấy giấc mơ và nhìn thấy hình ảnh; và đối với những người này, hình ảnh của họ là sự thật quan trọng nhất của cuộc sống. Đương nhiên, những người như vậy cũng bị thu hút bởi việc nghiên cứu huyền bí học, do đó tỷ lệ của họ trong số độc giả của chúng ta có thể lớn hơn nhiều so với thế giới không quan tâm đến những điều này. Đối với những hình ảnh này cũng có một khía cạnh ẩn giấu, một khía cạnh rất quan trọng cần nghiên cứu.

Hình ảnh có nhiều loại — một số tầm thường và không quan trọng, một số khác cực kỳ thú vị và tạo ra những hiệu ứng sâu rộng đối với những người trải nghiệm chúng. Trong một số trường hợp, nguồn gốc của chúng là rõ ràng; trong những trường hợp khác, các liên tưởng kỳ lạ và bất ngờ đóng vai trò của chúng, và một số nguyên nhân hoàn toàn riêng biệt có thể kết hợp với nhau để tạo ra thứ dường như là một câu chuyện duy nhất.

Vì tôi đã viết một số cuốn sách về điều kiện của cõi cảm dục (cõi trung giới), nên không có gì lạ khi những người đã có kinh nghiệm tâm linh hoặc hình ảnh mà họ chưa hiểu đầy đủ, gửi cho tôi lời kể về chúng và hỏi tôi liệu kinh nghiệm của tôi về những điều này có gợi ý nào không. giải thích. Những bức thư như vậy không phải lúc nào cũng dễ trả lời — không phải vì thường có bất kỳ khó khăn nào trong việc hình thành một giả thuyết phù hợp với sự thật, mà vì có quá nhiều giả thuyết như vậy. Hầu hết mọi trải nghiệm được mô tả đều có thể dễ dàng được tạo ra theo một trong nửa tá cách, và nếu không thực hiện một cuộc nghiên cứu đặc biệt và chi tiết, thì thường không thể nói phương pháp nào trong số này đã được sử dụng

say which of these methods was employed in a particular case. Naturally, but few of the hundreds of cases submitted are of sufficient general interest to warrant such expenditure of time and force; but occasionally one is encountered which is specially characteristic—so good an example of its type that an analysis of it might conceivably be of use to many others to whom similar experiences have come.

trong một trường hợp cụ thể. Đương nhiên, chỉ có một số ít trong số hàng trăm trường hợp được gửi đến có đủ sự quan tâm chung để đảm bảo chi phí thời gian và sức mãnh lực như vậy; nhưng đôi khi người ta gặp phải một trường hợp đặc biệt đặc trưng — một ví dụ điển hình về loại hình của nó đến mức việc phân tích nó có thể hữu ích cho nhiều người khác đã trải qua những trải nghiệm tương tự.

A REMARKABLE CASE

Such an one came to me recently from a lady—an account of a long and complicated vision or series of visions, coupled with impressive experiences, which had left behind them a permanent result. In order to understand what had really happened a certain amount of investigation was necessary, in course of which it became evident that several distinct factors had come into play to produce the curious effects described. Each of these factors had to be followed up separately and traced to its source, and I think that students can hardly fail to be interested in an examination of the way in which these independent and disconnected causes worked to bring forth a somewhat startling whole.

MỘT TRƯỜNG HỢP ĐÁNG CHÚ Ý

Gần đây, tôi đã nhận được một trường hợp như vậy từ một phụ nữ — lời kể về một hình ảnh hoặc một loạt hình ảnh dài dòng và phức tạp, cùng với những trải nghiệm ấn tượng, đã để lại kết quả lâu dài. Để hiểu điều gì đã thực sự xảy ra, cần phải nghiên cứu một lượng nhất định, trong quá trình đó, rõ ràng là một số yếu tố khác biệt đã cùng tác động để tạo ra những hiệu ứng kỳ lạ được mô tả. Mỗi yếu tố này phải được theo dõi riêng biệt và truy tìm nguồn gốc của nó, và tôi nghĩ rằng các học viên khó có thể không quan tâm đến việc kiểm tra cách thức mà những nguyên nhân độc lập và không liên quan này hoạt động để tạo ra một tổng thể có phần đáng kinh ngạc.

I give here an epitome of the story as sent to me, using in many cases the exact words of the narrator, but condensing as much as I can without losing the spirit and style of the original. It should be premised that the lady had become dissatisfied with the religious doctrines of her childhood, and had commenced the study of comparative religion, reading several Theosophical books—among others *The Secret Doctrine.* She was very earnestly desirous to know the truth and to make whatever progress might be possible for her. In the course of her reading she came across Swami Vivekananda's book on *Raja Yoga,* and practised the breathing exercises therein recommended. The result was that she rapidly developed a certain kind of clairvoyance and began to write automatically. For some five days she indulged her astral controls, writing all day long whatever they wished.

Tôi đưa ra ở đây một bản tóm tắt của câu chuyện được gửi cho tôi, trong nhiều trường hợp sử dụng chính xác từ ngữ của người kể chuyện, nhưng cô đọng nhất có thể mà không làm mất đi tinh thần và phong cách của bản gốc. Cần phải nói trước rằng người phụ nữ này đã trở nên không hài lòng với các giáo lý tôn giáo thời thơ ấu của mình, và đã bắt đầu nghiên cứu tôn giáo so sánh, đọc một số cuốn sách Thông Thiên Học — trong số đó có Giáo Lý Bí Truyền. Bà rất tha thiết muốn biết sự thật và đạt được bất kỳ tiến bộ nào có thể đối với bà. Trong quá trình đọc sách, cô tình cờ đọc được cuốn sách của Swami Vivekananda về Raja Yoga, và thực hành các bài tập thở được khuyến nghị trong đó. Kết quả là bà nhanh chóng phát triển một loại thông nhãn nhất định và bắt đầu viết một cách tự động. Trong khoảng năm ngày, bà nuông chiều sự kiểm soát cảm xúc của mình, viết suốt ngày bất cứ điều gì họ muốn.

It seems that she was strongly opposed to the

Dường như bà rất phản đối ý tưởng về án tử hình,

idea of capital punishment, and had felt great sympathy and pity for a murderer who had recently been executed in her neighbourhood. Among other entities this dead murderer came and communicated, and brought with him other men of the same stamp. She made the most earnest efforts to help these people, trying in every way to give them hope and comfort and to teach them as much of Theosophy as she knew. She soon found, however, that the murderer dominated and obsessed her, and that she was unable to eject him. Her case became rapidly worse, and her life and reason hung in the balance. For a long time no suggestion, no effort, mitigated her sufferings, though she prayed continually with all the power of her soul.

và đã cảm thấy rất thông cảm và thương hại cho một kẻ giết người gần đây đã bị hành quyết ở vùng lân cận của bà. Trong số các thực thể khác, kẻ giết người đã chết này đến và giao tiếp, và mang theo những con người khác cùng loại. Bà đã nỗ lực hết mình để giúp đỡ những người này, cố gắng bằng mọi cách để mang lại cho họ hy vọng, sự an ủi và dạy họ càng nhiều về Thông Thiên Học càng tốt. Tuy nhiên, bà sớm nhận thấy rằng kẻ giết người đã thống trị và ám ảnh bà, và bà không thể đuổi hắn ta đi. Trường hợp của bà nhanh chóng trở nên tồi tệ hơn, và mạng sống và lý trí của bà bị đe dọa. Trong một thời gian dài, không có gợi ý nào, không có nỗ lực nào làm giảm bớt nỗi đau của bà, mặc dù bà liên tục cầu nguyện với tất cả sức mạnh của linh hồn mình.

At last one day she became conscious of the presence of another being who brought her relief. He told her that the prayer of her spirit had been recognised, that he had been appointed as her 'guide,' and that because of her spiritual development and the power which she had shown in prayer, she was considered especially hopeful and was about to be the recipient of most unusual favours. In fact, he said so much about her remarkable position and the recognition which she had gained, that she asked wonderingly:

Cuối cùng vào một ngày, bà nhận thức được sự hiện diện của một sinh mệnh khác mang lại sự khuây khỏa cho cô. Anh ta nói với bà rằng lời cầu nguyện của tinh thần bà đã được công nhận, rằng anh ta đã được chỉ định làm 'người hướng dẫn' cho bà, và bởi vì sự phát triển tinh thần của bà và sức mạnh mà bà đã thể hiện trong lời cầu nguyện, bà được coi là đặc biệt đầy hy vọng và sắp trở thành người nhận được những ân huệ khác thường nhất. Trên thực tế, anh ta đã nói rất nhiều về vị trí đáng chú ý của bà và sự công nhận mà bà đã đạt được, đến nỗi bà tự hỏi:

"Who then am I?"

"Vậy thì tôi là ai?"

"You are Buddha," was the startling reply.

"Cô là Đức Phật," là câu trả lời đáng kinh ngạc.

"And who are *you*? " she asked.

"Và anh là ai?" bà hỏi.

"I am the Christ," he answered, "and I will now take charge of you."

"Tôi là Đức Christ," anh ta trả lời, "và bây giờ tôi sẽ chăm sóc cô."

Our correspondent here showed her commonsense and her great superiority over the majority of those who receive such communications by absolutely refusing to believe these astonishing statements, but she nevertheless accepted the guidance (and the teaching upon other points) of the entity who made these astounding claims.

Người viết thư của chúng ta ở đây đã thể hiện sự thông minh và sự vượt trội của bà so với đa số những người nhận được thông tin liên lạc như vậy bằng cách hoàn toàn từ chối tin vào những tuyên bố đáng kinh ngạc này, nhưng bà vẫn chấp nhận sự hướng dẫn (và sự dạy dỗ về các điểm khác) của thực thể đưa ra những tuyên bố đáng kinh ngạc này.

He then told her that she was to pass through an initiation, and that if she succeeded she would be admitted to the "council of heaven," which had been called together to decide whether the world

Sau đó, anh ta nói với bà rằng bà sẽ phải trải qua một buổi điểm đạo, và nếu bà thành công, bà sẽ được nhận vào "hội đồng thiên đường", nơi đã được triệu tập để quyết định xem thế giới có nên

should now be destroyed, or whether yet another effort for its salvation should be made. He urged her to hasten to qualify herself to attend this meeting while the fate of the world still hung in the balance, so that she might give her voice in favour of salvation. Her attitude of mind was rather curious; she certainly did not accept these extravagant claims, but still she half-believed that there was some great work to be done, and she was willing to continue the experiment and submit herself to the guidance of the entity who had saved her from obsession.

bị hủy diệt hay không, hoặc liệu có nên thực hiện một nỗ lực khác để cứu rỗi nó hay không. Anh ta thúc giục bà nhanh chóng tự mình đủ điều kiện để tham dự cuộc họp này trong khi số phận của thế giới vẫn đang bị đe dọa, để bà có thể lên tiếng ủng hộ sự cứu rỗi. Thái độ của bà khá kỳ lạ; bà chắc chắn không chấp nhận những tuyên bố thái quá này, nhưng bà vẫn nửa tin rằng có một số công việc lớn cần phải làm, và bà sẵn sàng tiếp tục thử nghiệm và tuân theo sự hướng dẫn của thực thể đã cứu bà khỏi sự ám ảnh.

As a preliminary to the initiation she was directed to have a bed put into a room where she could lock the door, to lie down upon it and make herself comfortable. The guide then instructed her to breathe the yoga breath as taught by Vivekananda. He told her that her previous efforts had raised the serpent-fire to the solar plexus, and that now she must raise it to the brain—a process in which he would help and direct her.

Để chuẩn bị cho buổi điểm đạo, bà được hướng dẫn đặt một chiếc giường vào một căn phòng nơi bà có thể khóa cửa, nằm xuống đó và tự làm cho mình thoải mái. Người hướng dẫn sau đó hướng dẫn bà thở theo cách yoga như Vivekananda đã dạy. Anh ta nói với bà rằng những nỗ lực trước đây của bà đã nâng lửa rắn lên tùng thái dương, và bây giờ bà phải nâng nó lên não — một quá trình mà anh ta sẽ giúp đỡ và hướng dẫn bà.

She describes the sensations which followed as exactly resembling the travail of a woman in labour, except that the pain was along the spine, and it seemed that the birth was to take place in the brain. Many times her sufferings were so excruciating that she grew desperate and was about to abandon the struggle, but the guide seemed most anxious and always implored her not to yield, but to carry through the ordeal to the end. He hovered over her like an attendant physician or nurse, encouraging, directing, helping, doing everything that he could to assist the birth. At last she prevailed, and she asserts that the birth appeared to her just as definite and real a thing as that of one of her own children. When it had taken place the guide was greatly relieved, and exclaimed: "Thank God it is over."

Bà mô tả những cảm giác sau đó giống hệt như sự đau đớn của một người phụ nữ chuyển dạ, ngoại trừ việc cơn đau dọc theo cột sống, và dường như sự ra đời sẽ diễn ra trong não. Nhiều lần nỗi đau của bà tồi tệ đến mức bà trở nên tuyệt vọng và sắp từ bỏ cuộc đấu tranh, nhưng người hướng dẫn dường như rất lo lắng và luôn cầu xin bà đừng bỏ cuộc, mà hãy vượt qua thử thách đến cùng. Anh ta lượn lờ trên bà như một bác sĩ hoặc y tá chăm sóc, khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ, làm mọi thứ có thể để hỗ trợ sự ra đời. Cuối cùng, bà đã chiến thắng, và bà khẳng định rằng sự ra đời dường như đối với bà là một điều chắc chắn và có thật giống như sự ra đời của một trong những đứa con của chính bà. Khi nó đã diễn ra, người hướng dẫn cảm thấy nhẹ nhõm hơn rất nhiều, và kêu lên: "Cảm ơn Chúa, nó đã kết thúc."

This extraordinary experience was, however, only the prelude to a long series of marvellous visions, lasting altogether through twelve days of our physical time. These visions were partly of a directly personal character, and partly of the nature of general instruction—often incoherent and indescribable, yet always interesting and impressive. The personal part consisted of her relation with the so-called "council of heaven" and the result of her dealings with it, and also

Tuy nhiên, trải nghiệm phi thường này chỉ là khúc dạo đầu cho một loạt hình ảnh kỳ diệu kéo dài, kéo dài tổng cộng mười hai ngày theo thời gian vật lý của chúng ta. Những hình ảnh này một phần mang tính chất cá nhân trực tiếp, và một phần mang tính chất hướng dẫn chung — thường không mạch lạc và không thể diễn tả được, nhưng luôn thú vị và ấn tượng. Phần cá nhân bao gồm mối quan hệ của bà với cái gọi là "hội đồng thiên đường" và kết quả của việc bà đối

included some curious symbolical visions in which persons well known to her in physical life seemed to play the part of the world which she was trying to save and of the arch-enemy Satan, a fallen angel who resisted her. She pertinently remarks that this was all the more strange since for many years she had quite outgrown any belief in a personal devil or in the necessity of what is ordinarily called 'salvation'.

phó với nó, và cũng bao gồm một số hình ảnh tượng trưng kỳ lạ mà những người bà biết rõ trong cuộc sống vật lý dường như đóng vai trò của thế giới mà bà đang cố gắng cứu vớt và của kẻ thù không đội trời chung Sa-tan, một thiên thần sa ngã đã chống lại bà. Bà nhận xét một cách thích đáng rằng điều này càng kỳ lạ hơn vì trong nhiều năm, bà đã hoàn toàn không còn tin vào ma quỷ cá nhân hoặc vào sự cần thiết của cái mà người ta thường gọi là 'sự cứu rỗi'.

The general instruction was broadly Theosophical in its character, and referred chiefly to the stages of creation and the evolution of the various root-races. She describes the first stage of this as follows:

Phần hướng dẫn chung mang tính chất Thông Thiên Học rộng rãi, và chủ yếu đề cập đến các giai đoạn sáng tạo và sự tiến hóa của các chủng tộc gốc khác nhau. Bà mô tả giai đoạn đầu tiên của điều này như sau:

"I then beheld a wonderful vision. At first in the midst of darkness I saw a vast Darkness which seemed to brood and brood for ages. Then a slight movement began, as if it might be the faintest *dream* in this great darkness. Little by little the movement increased, until at last a definite *thought* seemed to evolve. Little by little constantly changing forms appeared. All was chaos. Even the forms were in the midst of chaos, and the travail of the Universe was terrible. All was one. It seemed as if the effort to evolve order and to make of so many forms a unit, demonstrated beyond doubt that all was made by One Great Being, and that the pain and responsibility were felt by Him alone. This continued for a long time, with another expression of birth-giving, with enlarging results and unchanging solemnity.

"Sau đó, tôi đã nhìn thấy một hình ảnh tuyệt vời. Lúc đầu, giữa bóng tối, tôi nhìn thấy một Bóng tối bao la dường như ấp ủ và ấp ủ trong nhiều năm. Sau đó, một chuyển động nhẹ bắt đầu, như thể đó có thể là giấc mơ mờ nhạt nhất trong bóng tối bao la này. Dần dần, chuyển động tăng lên, cho đến khi cuối cùng một ý nghĩ xác định dường như phát triển. Dần dần, những hình dạng luôn thay đổi xuất hiện. Tất cả đều hỗn loạn. Ngay cả các hình dạng cũng ở giữa sự hỗn loạn, và sự đau đớn của Vũ trụ thật khủng khiếp. Tất cả là một. Dường như nỗ lực phát triển trật tự và tạo ra một đơn vị từ rất nhiều hình dạng, đã chứng minh ngoài nghi ngờ rằng tất cả đều được tạo ra bởi Một Sinh mệnh Vĩ đại, và chỉ một mình Ngài cảm nhận được nỗi đau và trách nhiệm. Điều này tiếp tục trong một thời gian dài, với một biểu hiện khác của việc sinh nở, với kết quả mở rộng và sự trang nghiêm không thay đổi.

"I do not know when I first began to see *souls*. It must have been early in the wonderful exhibition; for I remember very distinctly how thickly they lay everywhere in the midst of chaos, and in the midst of forms. In the continual vibration of this marvellous evolution these souls were swallowed up in forms, which forms again changed to souls. These souls were egg-shaped and of all sizes, from tiny ones to larger ones, but none so large as I saw later in a wonderful sequel.

"Tôi không biết khi nào tôi bắt đầu nhìn thấy các linh hồn. Chắc hẳn là vào đầu buổi triển lãm tuyệt vời; vì tôi nhớ rất rõ ràng chúng nằm dày đặc ở khắp mọi nơi giữa sự hỗn loạn và giữa các hình dạng như thế nào. Trong sự rung động liên tục của quá trình tiến hóa kỳ diệu này, những linh hồn này bị nuốt chửng trong các hình dạng, mà các hình dạng này lại biến thành linh hồn. Những linh hồn này có hình quả trứng và đủ mọi kích cỡ, từ nhỏ đến lớn, nhưng không có cái nào lớn như tôi đã thấy sau này trong phần tiếp theo tuyệt vời.

"After a time the panorama of marvels changed

"Sau một thời gian, bức tranh toàn cảnh của

and the world assumed a shape familiar to my mode of thought. Symbol upon symbol passed, including all history and mythology. Thousands of pictures passed in review, as if revealing the whole of Cosmos and of history. I can recall but few now, but one will serve as an illustration.

những điều kỳ diệu đã thay đổi và thế giới mang một hình dạng quen thuộc với cách suy nghĩ của tôi. Biểu tượng này đến biểu tượng khác trôi qua, bao gồm tất cả lịch sử và thần thoại. Hàng nghìn bức tranh trôi qua trong sự xem xét, như thể tiết lộ toàn bộ Vũ trụ và lịch sử. Bây giờ tôi chỉ có thể nhớ lại một số ít, nhưng một bức tranh sẽ được dùng làm minh họa.

"I saw a cow of immense proportions—almost as large as one of our mountains. A ladder was placed against her, and a man crept slowly and laboriously up the ladder, round by round. He represented Humanity. When at last he reached her back, he stretched forward and grasped both her horns. Humanity claimed the products and bounty of the earth for all, not for a few only. My guide called the cow 'The cow of Demeter'. My reading of the classics had taught me that Demeter represented the earth."

"Tôi nhìn thấy một con bò có kích thước khổng lồ — gần bằng một trong những ngọn núi của chúng ta. Một cái thang được đặt dựa vào nó, và một người bò lên chiếc thang một cách chậm chạp và vất vả, hết vòng này đến vòng khác. Anh ta đại diện cho Nhân loại. Cuối cùng khi anh ta lên đến lưng nó, anh ta vươn người về phía trước và nắm lấy cả hai chiếc sừng của nó. Nhân loại tuyên bố các sản phẩm và tiền thưởng của trái đất cho tất cả mọi người, không chỉ cho một số ít. Người hướng dẫn của tôi gọi con bò là 'Con bò của Demeter'. Việc tôi đọc các tác phẩm kinh điển đã dạy tôi rằng Demeter đại diện cho trái đất."

It was apparently at this stage that she was introduced to the "council of heaven". She found it to consist of a small number of colossal figures seated in a semicircle. The members seemed impatient with the world and determined that it should be destroyed, but she begged most earnestly that another chance should be given to humanity, saying that she had lived and died many times for the world, and was quite ready to devote herself once more to its service. Her guide told her afterwards that she had no idea in the physical world how eloquent she had been in her pleadings on that occasion. There seems to have been some difference of opinion in the council, but eventually the majority yielded to her prayer, and promised to send help to her and to her guide in order that they might work for the world. (An examination into the truth lying behind this remarkable vision of the "council of heaven" was one of the most interesting features of the investigation, of which I shall write later.) After this the semi-theosophical visions were resumed. Once more I quote the words of her letter:

Rõ ràng là ở giai đoạn này, bà đã được giới thiệu với "hội đồng thiên đường". Bà thấy nó bao gồm một số ít những nhân vật khổng lồ ngồi theo hình bán nguyệt. Các thành viên dường như mất kiên nhẫn với thế giới và quyết tâm rằng nó phải bị hủy diệt, nhưng bà đã cầu xin một cách tha thiết nhất rằng nhân loại nên được trao thêm một cơ hội nữa, nói rằng bà đã sống và chết nhiều lần vì thế giới, và hoàn toàn sẵn sàng cống hiến hết mình một lần nữa để phục vụ nó. Người hướng dẫn của bà sau đó nói với bà rằng bà không biết mình đã hùng hồn như thế nào trong lời cầu xin của mình vào dịp đó trong thế giới vật chất. Dường như đã có một số ý kiến khác nhau trong hội đồng, nhưng cuối cùng đa số đã chấp nhận lời cầu xin của bà, và hứa sẽ gửi sự giúp đỡ đến bà và người hướng dẫn của bà để họ có thể làm việc vì thế giới. (Việc xem xét sự thật đằng sau hình ảnh đáng chú ý này về "hội đồng thiên đường" là một trong những đặc điểm thú vị nhất của cuộc nghiên cứu, mà tôi sẽ viết sau.) Sau đó, các hình ảnh bán Thông Thiên Học được tiếp tục. Một lần nữa tôi xin trích lời trong bức thư của bà:

"That night other visions succeeded, but the story of symbology changed. I saw a valley in which lay the human race, and over it hovered a swarm of beings clad in white, but the whiteness

"Đêm đó, những hình ảnh khác nối tiếp nhau, nhưng câu chuyện về biểu tượng đã thay đổi. Tôi nhìn thấy một thung lũng nơi loài người sinh sống, và trên đó lơ lửng một bầy sinh vật mặc áo

radiated no light. Humanity was dark and shadowed. I rushed to awaken them, but at my approach the white-clad figures rushed into strong, determined and powerful groups to prevent my accomplishing my purpose. I recognised that they were deceiving spirits, self-appointed teachers and preachers of the earth, and that they resolutely beat down and held down the dazed and shadowed humanity. But even as I looked I saw here and there an awakening soul among the human multitude. As this soul awoke it grew luminous as with a light from within, and at the same time it arose from its prone position and began to move about over the sleeping world, trying to arouse others. I seemed to stand on a distant mountain, but could distinctly see whenever a soul began to awaken and to shine, and before the vision passed, many of these radiant lights seemed to burst out here and there, and even a golden light of sun-rays began to gild the tops of the surrounding mountains, and the whiterobed figures fled as this golden radiance increased. They, however, continued to exercise themselves in strenuous endeavours to counteract and oppose my efforts to help the world or to live my life.

trắng, nhưng màu trắng không tỏa ra ánh sáng. Nhân loại tối tăm và đầy bóng tối. Tôi lao đến để đánh thức họ, nhưng khi tôi đến gần, những nhân vật mặc áo trắng lao vào những nhóm mạnh mẽ, kiên quyết và hùng mạnh để ngăn tôi hoàn thành mục đích của mình. Tôi nhận ra rằng họ là những linh hồn lừa dối, những người tự xưng là giáo viên và nhà thuyết giáo của trái đất, và họ kiên quyết đánh gục và giữ chặt loài người đang choáng váng và đầy bóng tối. Nhưng ngay cả khi tôi nhìn, tôi vẫn thấy ở đây đó một linh hồn đang thức tỉnh giữa đám đông loài người. Khi linh hồn này thức tỉnh, nó trở nên sáng lên như thể có ánh sáng từ bên trong, và đồng thời nó đứng dậy khỏi tư thế nằm sấp và bắt đầu di chuyển khắp thế giới đang ngủ yên, cố gắng đánh thức những người khác. Tôi dường như đứng trên một ngọn núi xa xôi, nhưng có thể nhìn thấy rõ ràng bất cứ khi nào một linh hồn bắt đầu thức tỉnh và tỏa sáng, và trước khi hình ảnh biến mất, nhiều ánh sáng rực rỡ này dường như bùng phát ở khắp nơi, và thậm chí một ánh sáng vàng của tia nắng mặt trời bắt đầu dát vàng lên đỉnh của những ngọn núi xung quanh, và những nhân vật mặc áo trắng bỏ chạy khi ánh sáng vàng này tăng lên. Tuy nhiên, họ vẫn tiếp tục nỗ lực hết mình để chống lại và phản đối những nỗ lực của tôi trong việc giúp đỡ thế giới hoặc sống cuộc sống của mình.

"All night the visions continued, but those towards morning were vague. My guide awoke me and told me to get up and get a cup of coffee and to gather myself together, as I was so much in the spirit as to be about to depart from the body altogether. When I had obeyed I found myself dazed. All the time in which I was endeavouring to make a fire and to prepare the cup of coffee, my guide was present and I was conscious of a most wonderful condition. Angels seemed to surround me and to sing hymns of thanksgiving. It was Thanksgiving morning, and the former inclemency of the weather had given place to balminess. I opened the door and turned my face to the south-west. I felt myself surrounded by supernal Beings, and sang with them a wonderful hymn of praise and thanksgiving. It resembled the Assumption of the Virgin-mother, the immaculate conception, the birth and presence of the wonderful Child at once. A peculiarly refreshing but unfamiliar odour permeated the atmosphere. My guide said

"Suốt đêm, những hình ảnh vẫn tiếp diễn, nhưng những hình ảnh về phía sáng thì mơ hồ. Người hướng dẫn của tôi đánh thức tôi và bảo tôi dậy pha một tách cà phê và tự trấn tĩnh lại, vì tôi đã quá nhập tâm đến mức sắp rời khỏi cơ thể hoàn toàn. Khi tôi đã tuân theo, tôi thấy mình choáng váng. Trong suốt thời gian tôi đang cố gắng nhóm lửa và pha một tách cà phê, người hướng dẫn của tôi đã có mặt và tôi đã nhận thức được một trạng thái tuyệt vời nhất. Các thiên thần dường như vây quanh tôi và hát những bài thánh ca tạ ơn. Đó là buổi sáng Lễ Tạ ơn, và thời tiết khắc nghiệt trước đây đã được thay thế bằng sự êm dịu. Tôi mở cửa và quay mặt về phía tây nam. Tôi cảm thấy mình được bao quanh bởi những Sinh mệnh siêu phàm, và hát cùng họ một bài thánh ca ca ngợi và tạ ơn tuyệt vời. Nó giống như Đức Mẹ đồng trinh thăng thiên, sự thụ thai tinh khiết, sự ra đời và sự hiện diện của Đứa trẻ tuyệt vời cùng một lúc. Một mùi hương đặc biệt tươi mát nhưng xa lạ tỏa khắp bầu không khí. Người hướng dẫn của tôi nói rằng các thiên thần đang đốt hương

that the angels were burning frankincense. Later in the day my guide again told me to go to bed.

trầm. Cuối ngày hôm đó, người hướng dẫn của tôi lại bảo tôi đi ngủ.

"The vision was most wonderful. Again I beheld Creation, but this time it was different. I saw the races in the aggregate. As the races appeared and vanished, my guide said solemnly: 'And the evening and the morning were the first day,' 'And the evening and the morning were the second day,' etc. Somehow, though I cannot now explain it, although I felt that I understood it at the time, the fifth race was born in the fourth day, and seemed to be of special importance. To that birth my special attention was called, as the full-fledged fifth-race man lay stretched on the hands of a great Being, and was held out to me to observe. In this vision I saw that, up to the fifth race, mankind was all sorts. Some were large and some were small. Chaos prevailed, and there was little order anywhere in the human universe. But after the birth of the fifth race man I saw that all had become equal and all worked in perfect harmony. I saw also, at this time, that the race took solid form, like a phalanx—the form, however, being circular—and that a band was slipped around the whole mass, passing from man to man, and that no man could get outside of that binding band. The passing of the race was marked by the whole human race being suddenly transformed into the soul form—egg-shaped.

"Thị kiến thật kỳ diệu. Một lần nữa, tôi lại được chứng kiến Sự Sáng Tạo, nhưng lần này nó khác biệt. Tôi thấy các giống dân tổng thể. Khi các giống dân xuất hiện và biến mất, người hướng dẫn của tôi nói với vẻ trang nghiêm: 'Và buổi chiều và buổi sáng là ngày thứ nhất,' 'Và buổi chiều và buổi sáng là ngày thứ hai,' v.v. Bằng cách nào đó, mặc dù tôi không thể giải thích bây giờ, nhưng khi đó tôi cảm thấy rằng mình hiểu rằng giống dân thứ năm được sinh ra vào ngày thứ tư và dường như mang tầm quan trọng đặc biệt. Tôi được kêu gọi chú ý đặc biệt đến sự sinh ra đó, khi một con người thuộc giống dân thứ năm hoàn thiện nằm trên tay của Một Đấng Vĩ Đại và được đưa ra để tôi quan sát. Trong hình ảnh này, tôi thấy rằng cho đến giống dân thứ năm, nhân loại ở trong trạng thái hỗn độn. Một số lớn, một số nhỏ, và trật tự rất ít tồn tại trong vũ trụ con người. Nhưng sau khi con người thuộc giống dân thứ năm ra đời, tôi thấy rằng tất cả đã trở nên bình đẳng và tất cả làm việc trong sự hòa hợp hoàn hảo. Tôi cũng thấy rằng vào thời điểm đó, giống dân đã có hình dạng vững chắc, giống như một đội hình; mặc dù hình dạng này mang tính vòng tròn, một dải băng được quấn quanh toàn bộ khối người, nối từ người này sang người khác, và không một ai có thể vượt ra ngoài dải băng đó. Sự qua đi của giống dân được đánh dấu bằng việc toàn bộ nhân loại đột nhiên biến thành hình dạng linh hồn—hình trứng.

"In the sixth race the development was very marked indeed. The individuals were equal, but much larger than in the fifth race. The tendency of the whole race was much more upward, and the movement had become greatly accelerated. At some time towards the close of the fifth or the beginning of the sixth—I cannot accurately recall just when—I saw sunlight again gilding the peaks. The race emerged from shadow into sunlight, and the onward and upward tendency became swifter and swifter. Then, the hour having once more struck, the eggs lay together just as do the eggs in a nest, but their number was countless.

"Trong chủng tộc thứ sáu, sự phát triển thực sự rất rõ rệt. Các cá nhân đều bình đẳng, nhưng lớn hơn nhiều so với chủng tộc thứ năm. Xu hướng của toàn bộ chủng tộc hướng lên trên nhiều hơn, và chuyển động đã được tăng tốc rất nhiều. Vào một thời điểm nào đó gần cuối chủng tộc thứ năm hoặc đầu chủng tộc thứ sáu — tôi không thể nhớ chính xác khi nào — tôi lại thấy ánh sáng mặt trời dát vàng lên các đỉnh núi. Chủng tộc này thoát ra khỏi bóng tối để bước ra ánh sáng mặt trời, và xu hướng tiến lên và hướng lên trên ngày càng nhanh hơn. Sau đó, khi giờ đã điểm một lần nữa, những quả trứng nằm cạnh nhau giống như những quả trứng trong tổ, nhưng số lượng của chúng là vô số.

"My guide left me here. He said he could not go on with me, that I must go on alone and interpret for

"Người hướng dẫn của tôi đã bỏ tôi lại ở đây. Anh ta nói rằng anh ta không thể tiếp tục với tôi, rằng

myself the meaning of my visions. He warned me to be careful not to give up my life; for upon my going through successfully and not giving up my life would depend my success and the salvation of the world, for which all this that we had seen had been done. In other words, I believed myself to be passing through a terrible ordeal for the salvation of the world.

tôi phải tự mình tiếp tục và tự mình giải thích ý nghĩa của những hình ảnh của mình. Anh ta cảnh báo tôi phải cẩn thận để không từ bỏ mạng sống của mình; bởi vì việc tôi vượt qua thành công và không từ bỏ mạng sống của mình sẽ phụ thuộc vào thành công của tôi và sự cứu rỗi của thế giới, mà tất cả những gì chúng tôi đã thấy đã được thực hiện. Nói cách khác, tôi tin rằng mình đang trải qua một thử thách khủng khiếp vì sự cứu rỗi của thế giới.

"As I beheld the development of the seventh race I seemed to go to unimaginable altitudes indeed. The band that I first saw binding the fifth race was strongly encompassing the sixth and seventh races. It became unbreakable. And as I looked into the faces of the men of the seventh race, I saw that gradually they shone more and more brightly with an inner light. Their radiance no longer came from without, but each was shining, living, dazzling light.

"Khi tôi nhìn thấy sự phát triển của chủng tộc thứ bảy, tôi dường như thực sự đạt đến độ cao không thể tưởng tượng được. Dải băng mà tôi nhìn thấy lần đầu tiên ràng buộc chủng tộc thứ năm đang bao bọc mạnh mẽ chủng tộc thứ sáu và thứ bảy. Nó trở nên không thể phá vỡ. Và khi tôi nhìn vào khuôn mặt của những con người thuộc chủng tộc thứ bảy, tôi thấy rằng dần dần họ tỏa sáng ngày càng rực rỡ hơn với ánh sáng nội tâm. Ánh sáng của họ không còn đến từ bên ngoài nữa, mà mỗi người đều tỏa sáng, sống động, ánh sáng chói lòa.

"My body was now very weary, and when evening came I begged for rest. But this was not given. I was put through many trials. Many were terrible, and it required the utmost exertion of my powers to enable me to endure. What was the nature of this I do not know. I know only that I promised to deliver God's message under any and all conditions, no matter what they might be, if He should require it. But the trials were awful. At one time I refused the visions, though they were becoming more and more beautiful. They then ceased, and I seemed to find myself in the power of Satan. (All these orthodox terms I personally had long disclaimed but they became real again in the visions.)

"Cơ thể tôi bây giờ rất mệt mỏi, và khi màn đêm buông xuống, tôi cầu xin được nghỉ ngơi. Nhưng điều này đã không được ban cho. Tôi đã phải trải qua nhiều thử thách. Nhiều thử thách thật khủng khiếp, và nó đòi hỏi tôi phải vận dụng hết sức mãnh lực của mình mới có thể chịu đựng được. Tôi không biết bản chất của điều này là gì. Tôi chỉ biết rằng tôi đã hứa sẽ truyền tải thông điệp của Thượng đế trong bất kỳ và tất cả các điều kiện, cho dù chúng có là gì đi chăng nữa, nếu Ngài yêu cầu. Nhưng những thử thách thật khủng khiếp. Có lúc tôi đã từ chối những hình ảnh, mặc dù chúng ngày càng trở nên đẹp hơn. Sau đó, chúng ngừng lại, và tôi dường như thấy mình đang nằm trong quyền mãnh lực của Sa-tan. (Tất cả những thuật ngữ chính thống này mà cá nhân tôi đã từ bỏ từ lâu nhưng chúng lại trở nên có thật trong những hình ảnh.)

"For a time I believed that as a punishment for my perverseness, or rather as a result of this mistake, I had lost all. The awful crisis had passed. The world was lost as a result of my failure; and now it seemed to be not only *this* world, but the Universe. How I prayed and struggled then! Before all could be restored I promised not only to give up my life but the lives of my children and even the very *life of my soul,* if need be for the salvation of the world.

"Trong một thời gian, tôi tin rằng như một hình phạt cho sự ngang bướng của mình, hay đúng hơn là do sai lầm này, tôi đã mất tất cả. Cuộc khủng hoảng khủng khiếp đã qua đi. Thế giới đã mất đi do sự thất bại của tôi; và bây giờ dường như không chỉ thế giới này, mà cả Vũ trụ. Tôi đã cầu nguyện và đấu tranh như thế nào lúc đó! Trước khi tất cả có thể được khôi phục, tôi đã hứa không chỉ từ bỏ mạng sống của mình mà còn cả mạng sống của các con tôi và thậm chí cả mạng

sống của chính linh hồn tôi, nếu cần thiết cho sự cứu rỗi của thế giới.

"I cannot linger here. Towards morning a wonderful breath came into my body, going up and down the spine as if there were absolutely no physical obstruction in my body, and as it breathed or flowed through me, it sang a wonderful, divine anthem, and ended in a marvellous union, in which I felt myself fully united with God. That was a condition it were folly to attempt to describe.

"Tôi không thể nán lại đây. Về sáng, một hơi thở kỳ diệu đi vào cơ thể tôi, đi lên xuống cột sống như thể hoàn toàn không có vật cản nào trong cơ thể tôi, và khi nó thở hoặc chảy qua tôi, nó hát một bài thánh ca tuyệt vời, thiêng liêng, và kết thúc trong một sự kết hợp kỳ diệu, trong đó tôi cảm thấy mình hoàn toàn hợp nhất với Thượng đế. Đó là một trạng thái mà thật là ngu ngốc khi cố gắng mô tả.

"During this time I beheld a new series of visions —all of glory. There were no forms that I can recall, but glory after glory of *colour,* each brighter and grander than the last. At last it was a wonderful violet, and as it shone upon me in unspeakable glory, I was told that I might go on and see God if I would. I asked if from there I might return, and was told that if I went on I could not return. I then said once more, as I had done in a hundred other trials: 'I must live to save the world.' And as I said that and refused to go on, the sun rose in the world, where I was then conscious, and I looked up at my beautiful vision, thinking how dull the sun was, and then gradually the vision faded.

"Trong thời gian này, tôi đã nhìn thấy một loạt hình ảnh mới — tất cả đều là vinh quang. Không có hình dạng nào mà tôi có thể nhớ lại, nhưng hết vinh quang này đến vinh quang khác của màu sắc, mỗi cái đều sáng hơn và tráng lệ hơn cái trước. Cuối cùng, đó là một màu tím tuyệt vời, và khi nó chiếu sáng tôi trong vinh quang không thể diễn tả được, tôi được cho biết rằng tôi có thể tiếp tục và nhìn thấy Thượng đế nếu tôi muốn. Tôi hỏi liệu từ đó tôi có thể quay lại hay không, và được cho biết rằng nếu tôi tiếp tục, tôi sẽ không thể quay lại. Sau đó, tôi lại nói một lần nữa, như tôi đã làm trong hàng trăm thử thách khác: 'Tôi phải sống để cứu thế giới.' Và khi tôi nói điều đó và từ chối tiếp tục, mặt trời đã mọc trên thế giới, nơi tôi đang có tâm thức lúc đó, và tôi nhìn lên hình ảnh tuyệt đẹp của mình, nghĩ rằng mặt trời thật buồn tẻ biết bao, và rồi dần dần hình ảnh mờ dần.

"Just when, I cannot say, but about this time, I was laid on a cross during the night, placed in a sepulchre, and believed my body was dead. My physical heart, as I thought, was arrested, and the pain which I endured was excruciating. But the bliss of my soul in the higher visions was as great as was the pain in the body in the sacrificial trials.

"Chính xác khi nào, tôi không thể nói, nhưng vào khoảng thời gian này, tôi đã bị đặt trên cây thánh giá trong đêm, được đặt trong một ngôi mộ, và tin rằng cơ thể mình đã chết. Trái tim vật lý của tôi, như tôi nghĩ, đã ngừng đập, và nỗi đau mà tôi phải chịu đựng thật khủng khiếp. Nhưng niềm hạnh phúc của linh hồn tôi trong những hình ảnh cao hơn cũng lớn như nỗi đau trong cơ thể trong những thử thách hy sinh.

"After this I must desist from any effort at description. I really cannot tell the strange things that befell me, nor are they clear in my memory. One of the ideas was that I was put through preparation for the work I was to do; another, I seemed to hear, and be a part of, involution as well as evolution. Perhaps it represented the experiences of the soul preparing for incarnation.

"When at last I came out of it all, I found my sorrow-stricken family around my bed. They had thought that I was dying. From the beginning of my abnormal condition to the final close had been twelve days, and for five days and nights I had not slept. On the last day, I had believed myself that after all I was not to live longer in this world, and when I awoke to full and normal consciousness, the voice that I had heard so mysteriously gradually faded away, as did the visions, and neither have appeared to me since.

"But since then, I have been conscious of a new spiritual life, and in meditation I reach a blissful condition, and I feel sure that some wonderful thing has happened to me."

"Sau này, tôi phải từ bỏ mọi nỗ lực mô tả. Tôi thực sự không thể kể những điều kỳ lạ đã xảy ra với mình, và chúng cũng không rõ ràng trong ký ức của tôi. Một trong những ý tưởng là tôi đã được chuẩn bị cho công việc mà tôi phải làm; một ý tưởng khác, tôi dường như nghe thấy, và là một phần của, sự tiến hóa cũng như tiến hóa. Có lẽ nó đại diện cho những trải nghiệm của linh hồn đang chuẩn bị cho việc nhập thể.

"Cuối cùng khi tôi thoát ra khỏi tất cả, tôi thấy gia đình đau buồn của mình vây quanh giường tôi. Họ đã nghĩ rằng tôi sắp chết. Từ khi bắt đầu tình trạng bất thường của tôi cho đến khi kết thúc cuối cùng là mười hai ngày, và trong năm ngày đêm tôi đã không ngủ. Vào ngày cuối cùng, bản thân tôi đã tin rằng xét cho cùng, tôi sẽ không sống lâu hơn trên thế giới này, và khi tôi tỉnh dậy với tâm thức đầy đủ và bình thường, giọng nói mà tôi đã nghe thấy một cách bí ẩn dần dần mờ dần, cũng như những hình ảnh, và cả hai đều không xuất hiện với tôi kể từ đó.

"Nhưng kể từ đó, tôi đã nhận thức được một đời sống tinh thần mới, và trong thiền định, tôi đạt đến trạng thái hạnh phúc, và tôi cảm thấy chắc chắn rằng một điều kỳ diệu nào đó đã xảy ra với tôi."

THE VISION INVESTIGATED

It must be understood that the extracts given above are only a small part of the visions described by our correspondent, but I think that I have given a fair sample of them, and have not omitted any point of special interest.

Anyone who is accustomed to analyse psychic phenomena will at once see that there are in the account several features which differentiate it from the average. Many visions, even though quite elaborate and detailed, and intensely realistic to the seer, prove on examination to be entirely self-created. I mean that a man first thinks out a subject himself along certain lines, thereby creating a series of thought-forms; and then he proceeds to pass out of his body in sleep or trance, sees his own thought-forms without recognising them as his, and supposes them to be actualities instead of imperfect reflections. Thus he is strongly confirmed in his particular belief or

HÌNH ẢNH ĐƯỢC NGHIÊN CỨU

Phải hiểu rằng những đoạn trích được đưa ra ở trên chỉ là một phần nhỏ trong số những hình ảnh được mô tả bởi người viết thư của chúng ta, nhưng tôi nghĩ rằng tôi đã đưa ra một ví dụ điển hình về chúng, và không bỏ sót bất kỳ điểm nào đặc biệt thú vị.

Bất kỳ ai quen phân tích các hiện tượng tâm linh sẽ ngay lập tức nhận ra rằng trong câu chuyện này có một số đặc điểm phân biệt nó với những trường hợp trung bình. Nhiều hình ảnh, dù rất phức tạp, chi tiết và mang tính hiện thực mãnh liệt đối với người nhìn thấy, khi được xem xét kỹ lưỡng lại chứng tỏ hoàn toàn do chính họ tạo ra. Ý tôi là, một người đầu tiên nghĩ về một chủ đề nào đó theo một hướng nhất định, qua đó tạo ra một loạt hình tư tưởng; sau đó y rời khỏi cơ thể trong giấc ngủ hoặc trạng thái xuất thần, nhìn thấy các hình tư tưởng của chính mình mà không nhận ra chúng là của y, và cho rằng chúng là thực tế thay vì những phản ánh không hoàn chỉnh.

superstition, whatever it happens to be, because he himself has seen it in a vision which he is sure to regard as celestial. Such a man is of course perfectly honest in his conviction, and even perfectly right in saying that he has seen certain things; the weak point is that he has not the training which would enable him to distinguish the nature of what he has seen. In the case now before us, however, there are various little touches, which are extremely unlikely to have been the thoughts of the seer, and there is considerable evidence that a mind differing much from hers must have been responsible for a great deal of what was seen.

Nhờ vậy, y càng được củng cố mạnh mẽ hơn trong niềm tin hoặc mê tín của mình, bất kể đó là gì, bởi vì y tự tin rằng mình đã nhìn thấy nó trong một hình ảnh mà y chắc chắn coi là đến từ thiên giới. Một người như vậy dĩ nhiên hoàn toàn chân thật trong niềm tin của mình, và thậm chí hoàn toàn đúng khi nói rằng y đã nhìn thấy những điều nhất định; điểm yếu nằm ở chỗ y không có sự rèn luyện để có thể phân biệt được bản chất của những gì mình đã thấy. Tuy nhiên, trong trường hợp trước mắt chúng ta, có nhiều chi tiết nhỏ rất khó có khả năng là những ý tưởng của người nhìn thấy, và có bằng chứng đáng kể cho thấy một trí tuệ khác biệt rất nhiều với trí tuệ của bà ấy phải chịu trách nhiệm cho phần lớn những gì đã được nhìn thấy.

As our correspondent was anxious to understand the genesis of her visions, and as their history gave promise of somewhat unusual features, it seemed worthwhile to make a definite investigation into the matter.

Vì người viết thư của chúng ta rất muốn hiểu nguồn gốc của những hình ảnh của mình, và vì lịch sử của chúng hứa hẹn những đặc điểm có phần khác thường, nên dường như đáng để thực hiện một cuộc nghiên cứu rõ ràng về vấn đề này.

A *rapport* was therefore obtained with the lady, and it was further found necessary to examine the astral and mental records connected with her, and thus ascertain what had really happened to her. It was soon obvious that many distinct factors entered into the matter, and it was only by patiently disentangling the threads and following each one up to its origin that all the causes could be clearly seen. To put the case briefly:

Do đó, một mối quan hệ đã được thiết lập với người phụ nữ này, và người ta thấy cần phải kiểm tra thêm các hồ sơ cảm xúc và trí tuệ liên quan đến bà, và do đó xác định điều gì đã thực sự xảy ra với bà. Rõ ràng là có nhiều yếu tố khác biệt đã tham gia vào vấn đề này, và chỉ bằng cách kiên nhẫn gỡ rối các sợi dây và lần theo từng sợi dây đến tận gốc của nó thì mới có thể nhìn thấy rõ ràng tất cả các nguyên nhân. Tóm tắt lại trường hợp:

The lady, as hundreds of other people have done, had got herself into serious trouble by an unwise use of breathing exercises. Her desperate efforts to escape from the result of these exercises attracted the attention of a dead man who was strong enough to be of some use to her. But this man had objects of his own to gain—objects not consciously selfish, but belonging to a curious personal delusion of his—and as he helped her he realised that he had here what might be a powerful instrument for the furtherance of his plans. He promptly modified his scheme, gave her a prominent part in it, and pushed her on into experiences which without him she would probably not have had for several incarnations yet.

Người phụ nữ này, giống như hàng trăm người khác, đã tự đẩy mình vào rắc rối nghiêm trọng do sử dụng không khôn ngoan các bài tập thở. Những nỗ lực tuyệt vọng của bà nhằm thoát khỏi hậu quả của các bài tập này đã thu hút sự chú ý của một người đã khuất đủ mạnh mẽ để giúp đỡ bà. Tuy nhiên, người đàn ông này có những mục tiêu riêng cần đạt được—những mục tiêu không cố ý mang tính ích kỷ, nhưng lại thuộc về một sự ảo tưởng cá nhân kỳ lạ của ông ta. Trong khi giúp đỡ bà, ông nhận ra rằng bà có thể trở thành một công cụ mạnh mẽ để thúc đẩy các kế hoạch của mình. Ngay lập tức, ông ta điều chỉnh kế hoạch, giao cho bà một vai trò quan trọng trong đó và đẩy bà vào những trải nghiệm mà nếu không có ông ta, có lẽ bà sẽ chưa gặp phải trong vài kiếp nữa.

Much of what resulted was evidently not at all what he had expected, though he tried bravely to turn it all to account. Eventually he dropped her, partly because he was alarmed at the turn which matters were taking, and partly because he began to see that he could not use her quite as he had hoped. The outcome of the whole adventure, so far as our correspondent is concerned, has been good, but this is a piece of good fortune for which she cannot be too thankful, since the risks were enormous, and by any ordinary calculations there was scarcely the barest possibility that she would escape with her life and with reason unimpaired from such an experience.

Rõ ràng là phần lớn những gì xảy ra sau đó hoàn toàn không phải là điều ông ta mong đợi, mặc dù ông ta đã cố gắng hết sức để biến tất cả thành có lợi. Cuối cùng, ông ta đã bỏ rơi bà, một phần vì ông ta lo lắng về chiều hướng mà sự việc đang diễn ra, và một phần vì ông ta bắt đầu thấy rằng mình không thể sử dụng bà hoàn toàn như ông ta đã hy vọng. Kết quả của toàn bộ cuộc phiêu lưu, đối với người viết thư của chúng ta, là tốt đẹp, nhưng đây là một may mắn mà bà không thể không biết ơn, vì những rủi ro là rất lớn, và bằng bất kỳ tính toán thông thường nào, hầu như không có khả năng nhỏ nhoi nhất là bà sẽ thoát khỏi với mạng sống của mình và với lý trí không bị suy giảm sau trải nghiệm như vậy.

In order to comprehend all that occurred we must first try to understand what manner of man was this 'guide,' and how he came to be what he was. During physical life he had been a small farmer, a kindly but ignorant man, fanatically religious in a narrow protestant way. His only literature was the Christian Bible, over which he pored during the long winter evenings until his whole life became saturated with his conception of its teachings. Needless to say, his conceptions were usually misconceptions, often so grossly material as to be ludicrous, yet the man was so thoroughly in earnest that it was impossible to laugh at him.

Để hiểu tất cả những gì đã xảy ra, trước tiên chúng ta phải cố gắng hiểu con người này là người như thế nào, và làm thế nào ông ta trở thành như vậy. Trong cuộc sống vật lý, ông là một nông dân nhỏ, một người tử tế nhưng thiếu hiểu biết, sùng đạo một cách cuồng tín theo kiểu Tin lành hạn hẹp. Tài liệu duy nhất của ông là Kinh thánh Cơ đốc giáo, thứ mà ông nghiền ngẫm trong những buổi tối mùa đông dài cho đến khi toàn bộ cuộc sống của ông trở nên bão hòa với quan niệm của ông về những lời dạy của nó. Khỏi phải nói, những quan niệm của ông thường là những quan niệm sai lầm, thường quá duy vật đến mức lố bịch, nhưng con người này lại nghiêm túc đến mức không thể cười nhạo ông ta.

He lived in a thinly populated part of the country, and as he found his few neighbours out of sympathy with his religious views he became more and more a recluse as years rolled by, living frugally on the produce of a small part of his farm, and devoting himself with increasing ardour to the study of his one book. This constant brooding over one idea brought him eventually into a condition of religious monomania, in which he came to believe himself the chosen saviour of the world, the Christ who was destined to offer to it once more the opportunity of salvation which two thousand years ago it had received only very partially. A prominent feature in his scheme was the rescue from its false belief of the vast mass of non-Christian humanity, and his idea was that this should be done not along ordinary missionary lines but through the influence of its own great leaders. It was this part of his programme which induced him to take so

Ông sống trong một khu vực thưa dân cư, và khi nhận thấy những người láng giềng ít ỏi của mình không đồng cảm với quan điểm tôn giáo của mình, ông ngày càng trở nên ẩn dật theo thời gian. Ông sống đạm bạc dựa vào sản phẩm của một phần nhỏ trang trại và dồn hết tâm sức vào việc nghiên cứu quyển sách duy nhất của mình với lòng nhiệt thành ngày càng tăng. Việc liên tục trầm tư về một ý tưởng duy nhất cuối cùng đã đưa ông vào một trạng thái cuồng tín tôn giáo, trong đó ông tin rằng mình là vị cứu tinh được chọn của thế giới, là Đức Christ, người được định sẵn sẽ một lần nữa mang đến cơ hội cứu rỗi cho nhân loại, điều mà cách đây hai nghìn năm chỉ được đón nhận một cách rất hạn chế. Một đặc điểm nổi bật trong kế hoạch của ông là cứu vớt đám đông nhân loại không phải Cơ Đốc giáo khỏi niềm tin sai lầm của họ. Ý tưởng của ông là điều này không nên được thực hiện theo cách truyền giáo thông thường mà thông qua ảnh hưởng của

keen an interest in our correspondent, as we shall see later.

những nhà lãnh đạo vĩ đại của chính họ. Chính phần này trong chương trình của ông đã thúc đẩy ông đặc biệt quan tâm đến người phụ nữ mà chúng ta đang đề cập, như sẽ được thấy rõ sau này.

While still fully possessed by these religious delusions the worthy farmer died. Naturally enough, his astral life was simply a continuation of the physical, raised as it were to a higher power. He soon found himself amidst the crude thought-forms of the golden Jerusalem, a special corner of which he seems to have modelled for himself to suit his idiosyncrasies. The result of his efforts to visualise the descriptions given in the Apocalypse were sometimes really ingenious and original. I noticed specially his image of the four and twenty elders bowing perpetually in adoration before the throne, and casting at the feet of the deity their golden crowns, which immediately rose from the ground and fluttered back automatically on to their heads, only to be cast down again. His "sea of glass mingled with fire" was not altogether successful, and looked rather like some unusually weird product of a volcanic eruption. His image of the All-Father was quite conventional—a stern-looking old man with a long white beard. In the earlier part of his physical life he had evidently had a thought-image of the Christ—the usual impossible combination of a crucifix and a lamb bearing a flag; but during the later period, when he was persuaded that he himself was the Christ, this figure had not been strengthened, and it was consequently inconspicuous and inactive.

Khi vẫn còn chìm sâu trong những ảo tưởng tôn giáo của mình, người nông dân đáng kính này qua đời. Một cách tự nhiên, cuộc sống cõi cảm dục của ông chỉ là sự tiếp nối của đời sống vật chất, nhưng được nâng lên một mức độ cao hơn. Ông nhanh chóng thấy mình ở giữa những hình tư tưởng thô sơ về thành Jerusalem bằng vàng, một góc đặc biệt dường như được ông mô phỏng riêng theo sở thích cá nhân. Kết quả của những nỗ lực trực quan hóa các mô tả trong sách Khải Huyền đôi khi thực sự khéo léo và độc đáo.

Tôi đặc biệt chú ý đến hình ảnh của ông về hai mươi bốn trưởng lão cúi mình thờ lạy trước ngai vàng, và ném những chiếc vương miện vàng của họ xuống chân Thượng Đế, những chiếc vương miện này ngay lập tức bay lên khỏi mặt đất và tự động trở lại trên đầu họ, chỉ để tiếp tục được ném xuống lần nữa. Hình ảnh "biển pha lê hòa lẫn với lửa" của ông không hoàn toàn thành công, trông giống như một sản phẩm kỳ lạ của một vụ phun trào núi lửa hơn. Hình tượng của ông về Đấng Cha Toàn Năng khá truyền thống—một ông lão nghiêm nghị với bộ râu dài màu trắng. Trong giai đoạn đầu của cuộc đời trần gian, ông rõ ràng đã có một hình tư tưởng về Đức Christ—một hình ảnh kết hợp phi lý giữa một cây thập tự và một con chiên mang cờ. Nhưng trong giai đoạn sau, khi ông tin rằng mình chính là Đức Christ, hình ảnh này không được củng cố thêm, do đó trở nên mờ nhạt và không hoạt động.

It is among these thought-forms of his that we have to seek for the "council of heaven" which plays a part in our correspondent's vision, and the constitution of that council proved to be both interesting and instructive. The idea seems originally to have been that the council was a sort of selection of about ten of the more important biblical characters (Elijah, Moses, Peter, etc.) represented by colossal figures seated in a semicircle on uncomfortable-looking high-backed golden chairs, which, though supposed to be celestial thrones, were manifestly derived from an imperfect recollection of the sedillia in

Chính giữa những hình tư tưởng của ông, chúng ta phải tìm kiếm "hội đồng thiên đàng" đóng vai trò trong hình ảnh của người phụ nữ mà chúng ta đang đề cập. Cấu trúc của hội đồng này hóa ra vừa thú vị vừa mang tính giáo dục. Ý tưởng ban đầu dường như là hội đồng này gồm một nhóm khoảng mười nhân vật kinh thánh quan trọng (Elijah, Moses, Peter, v.v.) được đại diện bởi những hình tượng khổng lồ ngồi thành hình bán nguyệt trên những chiếc ghế vàng cao lưng cứng, trông không mấy thoải mái. Mặc dù được cho là ngai thiên đường, những chiếc ghế này rõ ràng bắt nguồn từ ký ức không hoàn chỉnh về các ghế

some Gothic cathedral. The deity himself presided over their deliberations.

dài dành cho giáo sĩ trong một nhà thờ Gothic nào đó. Đấng Thượng Đế đích thân chủ trì các cuộc thảo luận của họ.

Originally the members of this council had obviously been nothing but thought-forms; but at the time when cur enquiries brought us into contact with them, several of them had been seized and ensouled by living entities, and this ensoulment introduced some new and interesting factors. Two of these entities were dead men, both of them religious people, each working from his own point of view. One of them was a man of German extraction, who during earth-life had been a shoe-maker—a simple and uninstructed man not altogether unlike the former. He too had studied the Bible diligently; he too was a dreamer of vague, mystical dreams; he too felt that he had a special revelation or interpretation to offer to the world—something far more rational than the farmer's. He had come to feel that the essential truth of Christianity lay in the mystical union of Christ and his heavenly bride, the Church. To him the Christ was far less the historical personality of the Gospels than the living spirit of the Church, and the task of the true Christian was to awaken within himself the Christ-spirit. The message which humanity needed, he thought, was that every man could and should become a Christ—a message which seemed to him so clear and simple that it needed only to be delivered to command instant attention, and thus to save the world from sin and lift it at once into the light of truth. He had begun preaching to this effect while still on the physical earth, but had died before he had done much towards the conversion of humanity.

Ban đầu, các thành viên của hội đồng này rõ ràng chỉ là những hình tư tưởng; nhưng vào thời điểm các cuộc điều tra của chúng tôi tiếp xúc với họ, một số trong số họ đã bị chiếm giữ và được thấm nhuần bởi các thực thể sống, và sự thấm nhuần này đã mang lại một số yếu tố mới mẻ và thú vị. Hai trong số các thực thể này là những người đã qua đời, cả hai đều là những người sùng đạo, mỗi người làm việc theo quan điểm của riêng mình. Một trong số đó là một người gốc Đức, người mà trong cuộc đời vật lý từng là một thợ đóng giày—một người đơn giản và thiếu hiểu biết, không hoàn toàn khác với người nông dân trước đó. Ông ta cũng đã nghiên cứu Kinh Thánh một cách cần mẫn; ông cũng là một người mơ mộng với những giấc mơ mơ hồ và mang tính thần bí; và ông cũng cảm thấy rằng mình có một sự mặc khải hoặc một cách diễn giải đặc biệt để trình bày cho thế giới—một điều gì đó hợp lý hơn nhiều so với quan điểm của người nông dân. Ông đã nhận thấy rằng chân lý cốt lõi của Cơ Đốc giáo nằm ở sự hợp nhất thần bí giữa Christ và cô dâu thiên đường của Ngài, tức là Giáo hội. Đối với ông, Đức Christ không còn là nhân vật lịch sử trong các sách Phúc Âm, mà là linh hồn sống động của Giáo hội, và nhiệm vụ của một tín đồ Cơ Đốc chân chính là đánh thức tinh thần Christ bên trong chính mình. Ông tin rằng thông điệp mà nhân loại cần là mỗi người đều có thể và nên trở thành một Christ—một thông điệp dường như rõ ràng và đơn giản đến mức chỉ cần được truyền đạt là sẽ ngay lập tức thu hút sự chú ý, qua đó cứu nhân loại khỏi tội lỗi và đưa họ ngay lập tức vào ánh sáng của chân lý. Ông đã bắt đầu rao giảng thông điệp này khi còn sống trên cõi trần, nhưng đã qua đời trước khi thực hiện được nhiều điều để chuyển hóa nhân loại.

Arriving in the astral world, he was still as eager as ever to spread his views, and having met the farmer he struck up a friendship with him. They had much in common, and each felt that the other might be helpful to him in the prosecution of his scheme. The shoemaker did not recognise the farmer as the sole Christ, but he did apply his theory to him, and consider him as a person in whom the Christ-spirit was exceptionally developed. The farmer understood only vaguely

Khi đến cõi cảm dục, ông vẫn háo hức truyền bá quan điểm của mình như trước, và khi gặp người nông dân, ông đã kết bạn với ông ta. Họ có nhiều điểm chung, và mỗi người đều cảm thấy rằng người kia có thể giúp ích cho mình trong việc thực hiện kế hoạch của mình. Người thợ đóng giày không công nhận người nông dân là Đức Christ duy nhất, nhưng ông đã áp dụng lý thuyết của mình cho ông ta, và coi ông ta như một người mà tinh thần của Đức Christ được phát triển một

the shoe-maker's central idea, but he realised that he had found someone who was willing to co-operate in saving the world. Each regarded the other as somewhat eccentric, but still each with a simple cunning thought that he could make use of the other for his own purposes.

cách đặc biệt. Người nông dân chỉ mơ hồ hiểu được ý tưởng trung tâm của người thợ đóng giày, nhưng ông nhận ra rằng mình đã tìm được người sẵn sàng hợp tác để cứu thế giới. Mỗi người coi người kia có phần lập dị, nhưng vẫn với một sự xảo quyệt đơn giản, mỗi người nghĩ rằng họ có thể sử dụng người kia cho mục đích riêng của mình.

Between them they had conceived this curious idea of a "council of heaven" of which they were both members; or possibly they may have found a thought-form of this kind made by someone else, and may simply have adopted it and joined themselves to it. The thought-forms as viewed by trained vision were clumsy and imperfect, though no doubt quite satisfactory to their makers. Moses, for example, was seriously incomplete. He sat, stiff and rigid, as though glued to his uncomfortable golden throne, but in reality he was only a face and front projecting from the chair, and had never been properly finished off behind. In this respect be resembled many of the thought-forms found in the Summerland, where it is not infrequent to see mothers fondling children which are defective in exactly the same way. The creators of such forms are always completely happy with them and never perceive their imperfections, for though there is no life in such dolls except the thought which is put into them, that thought will always respond to its generator and do exactly what it is expected to do. Peter was another very inefficient person on this council—quite insignificant-looking; but at least he carried a large bunch of keys, the jingling of which was his principle contribution to the deliberations.

Giữa họ, hai người đã hình thành ý tưởng kỳ lạ về một "hội đồng thiên đàng" mà cả hai đều là thành viên; hoặc cũng có thể họ đã tìm thấy một hình tư tưởng kiểu này được tạo ra bởi ai đó khác và đơn giản là họ đã chấp nhận nó và hòa nhập vào đó. Các hình tư tưởng khi được quan sát bởi thị giác được rèn luyện tỏ ra vụng về và không hoàn hảo, mặc dù chắc chắn chúng hoàn toàn thỏa mãn đối với những người tạo ra chúng. Ví dụ, Moses rõ ràng không hoàn chỉnh. Ông ngồi, cứng nhắc và bất động, như thể bị dán chặt vào chiếc ngai vàng vàng óng ánh không thoải mái của mình, nhưng thực tế chỉ là một khuôn mặt và phần trước được chiếu ra từ chiếc ghế, và chưa bao giờ được hoàn thiện đúng cách ở phía sau. Về mặt này, ông giống với nhiều hình tư tưởng được tìm thấy trong "Miền Hạ Giới" (Summerland), nơi không hiếm khi thấy các bà mẹ âu yếm những đứa trẻ bị khiếm khuyết theo cách tương tự. Những người tạo ra các hình thức như vậy luôn hoàn toàn hài lòng với chúng và không bao giờ nhận ra sự không hoàn chỉnh của chúng, bởi vì mặc dù những hình nhân này không có sự sống ngoại trừ ý tưởng được truyền vào, ý tưởng đó luôn đáp ứng với người tạo ra nó và làm đúng những gì được kỳ vọng. Peter là một nhân vật khác khá kém hiệu quả trong hội đồng này—trông rất mờ nhạt và không có gì nổi bật; nhưng ít nhất ông ta mang theo một chùm chìa khóa lớn, và tiếng leng keng của chúng là đóng góp chính của ông vào các cuộc thảo luận.

While the majority of this council was of the type just described, the thought-forms of the deity, of S. Paul (the image chosen for occupation by the shoemaker) and of the prophet Elijah were much more definite and original. The latter indeed quite surprised us by his activity, and on examination it was found that he, too, was being occupied (for at least used as a kind of mouthpiece) by another dead man, a Welshman, who at some early period in his earth-life had gone through the experience called 'conversion,'

Trong khi phần lớn các thành viên của hội đồng này thuộc loại hình vừa được mô tả, thì các hình tư tưởng về Thượng Đế, Thánh Paul (hình tượng được thợ đóng giày chiếm lĩnh), và nhà tiên tri Elijah lại rõ ràng và độc đáo hơn nhiều. Đặc biệt, nhà tiên tri Elijah khiến chúng tôi khá ngạc nhiên bởi sự năng động của ông, và khi xem xét kỹ, chúng tôi phát hiện rằng ông cũng đang bị chiếm lĩnh (hoặc ít nhất được sử dụng như một công cụ truyền tải) bởi một người đã khuất khác. Người này là một người xứ Wales, người từng trải qua

and had later on emigrated to America, where he had lived for some years and eventually died. During his physical life he had always been seeking religious experiences of the emotional type; for instance, he had attended some of the negro revival meetings, and had there witnessed and taken part in the celebrated "Jerusalem jump." Intermingled with his religion were curious socialistic proclivities, and his dream was of a golden millennium which was half irrational, emotional Chiristianity and half materialistic Socialism.

kinh nghiệm gọi là "chuyển hóa tâm linh" vào một thời điểm sớm trong cuộc đời vật lý, và sau đó di cư sang Mỹ, nơi ông sống nhiều năm và cuối cùng qua đời. Trong cuộc đời vật lý, ông luôn tìm kiếm những trải nghiệm tôn giáo mang tính cảm xúc; ví dụ, ông đã tham dự một số buổi nhóm hồi sinh của người da đen và ở đó đã chứng kiến và tham gia vào hiện tượng nổi tiếng gọi là "cú nhảy Jerusalem." Xen lẫn với tôn giáo của ông là những khuynh hướng xã hội chủ nghĩa kỳ lạ, và giấc mơ của ông là về một kỷ nguyên hoàng kim, nơi mà nửa phần là Cơ Đốc giáo đầy cảm xúc và phi lý, nửa phần là Chủ nghĩa Xã hội vật chất.

He had grasped rather more than the others the relation between the physical and astral worlds, and the possibilities of the latter, and he understood that before he could hope to influence the physical world he must somehow or other get into touch with it. He was not thinking of reincarnation, for he had never heard of such an idea; but he knew that he had passed from the physical world into the astral, and therefore he thought there must be some way of passing back again. His attention was much occupied with this problem, and when he became aware that the farmer had found a medium through whom he could come to some extent into touch with the physical world, he decided to make use of both in any way that he could. This seemed a possible first step in the direction of gaining his ends, and it occurred to him to enter the thought-form of Elijah in the "council of heaven" as a means of presently introducing himself on such a footing as would at once ensure respect from the others. I do not think he was in any way self-seeking or self-conceited in doing this; it was to him simply a means to an end, providentially put in his way.

Ông ta hiểu rõ mối quan hệ giữa thế giới vật lý và thế giới cảm dục hơn những người khác, cũng như các khả năng của thế giới cảm dục, và nhận ra rằng trước khi có thể hy vọng tác động đến thế giới vật lý, ông cần phải tìm cách nào đó để kết nối lại với nó. Ông không nghĩ đến tái sinh, vì ông chưa bao giờ nghe nói về khái niệm này; nhưng ông biết rằng mình đã rời khỏi thế giới vật lý để bước vào thế giới cảm dục, và do đó, ông tin rằng phải có cách nào đó để quay trở lại. Vấn đề này đã chiếm phần lớn sự chú ý của ông, và khi nhận thấy rằng người nông dân đã tìm được một đồng tử qua đó ông ta có thể phần nào kết nối với thế giới vật lý, ông quyết định tận dụng cả hai người này theo bất kỳ cách nào có thể. Điều này dường như là một bước khởi đầu khả thi để đạt được mục tiêu của ông, và ông nảy ra ý định nhập vào hình tư tưởng của Elijah trong "hội đồng thiên đàng" như một phương tiện để giới thiệu bản thân trên một nền tảng mà ông tin rằng sẽ ngay lập tức nhận được sự tôn trọng từ những người khác. Tôi không nghĩ rằng ông ta làm điều này vì tư lợi hay kiêu ngạo; đối với ông, đây đơn giản chỉ là một phương tiện để đạt được mục đích, được sự an bài mà ông cho là đã sắp đặt trên con đường của mình.

But now ensued an unexpected result. Masquerading thus as Elijah, he tried to bear himself as he thought the prophet would have done, and to impart an Old-Testament flavour to his impersonation. This reacted upon his ordinary astral life; he began to live all the while in the character, and by degrees to wonder whether he was not really Elijah! He is literally in process of transforming himself, and will assuredly soon be a confirmed monomaniac. At the time of our investigation he still knew that he

Nhưng bây giờ một kết quả bất ngờ xảy ra sau đó. Giả dạng thành Elijah, ông cố gắng cư xử như ông nghĩ rằng nhà tiên tri sẽ làm, và truyền tải hương vị Cựu Ước vào màn đóng giả của mình. Điều này tác động trở lại cuộc sống cảm dục thông thường của ông; ông bắt đầu sống trong nhân vật đó, và dần dần tự hỏi liệu mình có thực sự là Elijah hay không! Ông ấy thực sự đang trong quá trình biến đổi bản thân, và chắc chắn sẽ sớm trở thành một người hoang tưởng được xác nhận. Vào thời điểm chúng tôi nghiên cứu, ông vẫn biết rằng mình là

was a Welshman who occasionally impersonated Elijah; but I feel certain that in the near future he will pass beyond that stage, and will be as sure that he is really Elijah as the farmer is that he is the Christ.

một người xứ Wales thỉnh thoảng đóng giả Elijah; nhưng tôi cảm thấy chắc chắn rằng trong tương lai gần, ông sẽ vượt qua giai đoạn đó, và sẽ chắc chắn rằng mình thực sự là Elijah như người nông dân chắc chắn rằng mình là Đức Christ.

Meantime he had not yet introduced himself as the Welshman to the other human members of the council, but flattered himself that as Elijah he was inspiring great respect and in fact directing their decisions. We have, therefore, the astonishing spectacle of a council whose only effective members were three dead men, each one of whom thought that he was manipulating the others for the furtherance of his own objects; and yet none of those objects was selfish, and all the men concerned were religious, well-meaning and honest in intention. Only in the astral world would such an extraordinary combination be possible; yet the most astounding and the most characteristic fact still remains to be told.

Trong khi đó, ông vẫn chưa giới thiệu mình là người xứ Wales với các thành viên là con người khác trong hội đồng, nhưng tự tâng bốc mình rằng với tư cách là Elijah, ông đã truyền cảm hứng cho sự tôn trọng to lớn và trên thực tế là chỉ đạo các quyết định của họ. Do đó, chúng ta có một cảnh tượng đáng kinh ngạc về một hội đồng mà các thành viên hiệu quả duy nhất là ba con người đã chết, mỗi người trong số họ đều nghĩ rằng mình đang thao túng những người khác để thúc đẩy mục tiêu của chính mình; nhưng không có mục tiêu nào trong số đó là ích kỷ, và tất cả những con người liên quan đều sùng đạo, có ý tốt và trung thực trong ý định. Chỉ trong cõi cảm dục, sự kết hợp phi thường như vậy mới có thể xảy ra; tuy nhiên, sự thật đáng kinh ngạc nhất và đặc trưng nhất vẫn còn phải kể.

It has been already mentioned that the All-Father himself was supposed to preside over the meetings of the council. He was of course a thought-form like all the rest, but he occasionally manifested a spasmodic and inappropriate activity which showed the presence of some exterior force, different in quality from the others. Careful investigation showed that just as the form of Elijah was ensouled by the Welshman, so was this form of the deity ensouled by—a frolicsome nature-spirit!

Người ta đã đề cập rằng chính Đức Chúa Cha được cho là chủ trì các cuộc họp của hội đồng. Tất nhiên, ông cũng là một hình tư tưởng giống như tất cả những người còn lại, nhưng đôi khi ông lại thể hiện một hoạt động không phù hợp và co giật cho thấy sự hiện diện của một mãnh lực bên ngoài nào đó, khác biệt về chất lượng so với những mãnh lực khác. Nghiên cứu cẩn thận cho thấy rằng giống như hình dạng của Elijah được tiếp thêm linh hồn bởi người xứ Wales, thì hình dạng này của Thượng đế cũng được tiếp thêm linh hồn bởi một tinh linh thiên nhiên vui tươi!

I have already described some of the characteristics of this delightful kingdom of Nature. It may be remembered what a keen pleasure some of such creatures take in theatrical performances among themselves, in any sort of masquerade (most especially if thereby they can gain the triumph of deceiving or frightening a member of the superior human evolution), and also how they enjoy telling some enthralling tale to their fellows. Bearing this in mind, we shall at once see that, from the point of view of a tricksy nature-spirit, here was an absolutely unique opportunity. He could (and did) play a joke on the most colossal scale conceivable upon three human beings, and we may readily imagine what

Tôi đã mô tả một số đặc điểm của vương quốc tự nhiên tuyệt vời này. Có thể nhớ rằng một số sinh vật trong số này rất thích thú với các buổi biểu diễn sân khấu của riêng chúng, bất kỳ loại hóa trang nào (đặc biệt nếu nhờ đó chúng có thể giành chiến thắng trong việc lừa dối hoặc làm sợ hãi một thành viên của sự tiến hóa nhân loại cao cấp hơn), và cũng rất thích kể một câu chuyện hấp dẫn cho đồng loại của chúng. Ghi nhớ điều này, chúng ta ngay lập tức thấy rằng, từ góc nhìn của một tinh linh tự nhiên láu lỉnh, đây là một cơ hội hoàn toàn độc nhất vô nhị. Y có thể (và đã) chơi một trò đùa ở quy mô khổng lồ nhất có thể tưởng tượng lên ba con người, và chúng ta có thể dễ dàng hình dung câu chuyện làm thỏa mãn tâm

a soul-satisfying story he had to tell afterwards to his admiring fellows. Needless to say, he had not the faintest idea of irreverence; he would probably be no more capable of such a conception than a fly would; to him the whole thing was nothing but an unequalled opportunity for a really gorgeous hoax, and he did his very best with it.

hồn mà y đã kể sau đó cho những đồng loại ngưỡng mộ y. Không cần nói, y không có một chút ý niệm nào về sự bất kính; có lẽ y không thể nghĩ ra một khái niệm như vậy hơn một con ruồi có thể làm được; với y, toàn bộ sự việc chỉ là một cơ hội vô song để thực hiện một trò đùa tinh nghịch thật sự tuyệt vời, và y đã làm hết sức mình với điều đó.

Of course he could neither understand nor join in the deliberations, so for the most part he preserved a cryptic silence which was very effective. He had somehow acquired a small number of biblical phrases appropriate to his part, and he emptied these out upon the council at intervals as a parrot might, apparently having no conception of their meaning. “Thus saith the Lord”; “Amen, so be it”; “I am the Lord thy God; thou shalt have none other Gods but me”; “I will smite the earth with a curse”—these were some of the gems of his collection, the specimens of his unconscious eloquence. Now and again the joke became too much for him, or perhaps the restraint was irksome, and he abandoned the thought-form for a few moments in order to relieve his overstrained feelings by wild dancing and outbursts of laughter, somewhere out of sight of his council. When this happened it was most interesting to see how the thought-form collapsed from alertness to stolidity, and the unfortunate human members of the council immediately supposed that something had occurred to provoke that divine wrath which is always so prominent a part of this type of religion.

Tất nhiên, nó không thể hiểu cũng như không thể tham gia vào các cuộc thảo luận, vì vậy phần lớn nó giữ im lặng một cách bí ẩn, điều này rất hiệu quả. Bằng cách nào đó, nó đã có được một số ít cụm từ trong Kinh thánh phù hợp với vai diễn của mình, và nó thỉnh thoảng lại nói ra những cụm từ này trước hội đồng như một con vẹt, dường như không hiểu ý nghĩa của chúng. “Chúa phán như vậy”; “A-men, vậy hãy để nó được như vậy”; “Ta là Chúa, Thiên Chúa của ngươi; ngươi sẽ không có thần nào khác ngoài ta”; “Ta sẽ đánh trái đất bằng một lời nguyền” — đây là một số viên ngọc trong bộ sưu tập của nó, những mẫu vật hùng biện vô thức của nó. Thỉnh thoảng, trò đùa trở nên quá sức đối với nó, hoặc có lẽ sự kiềm chế là điều khó chịu, và nó từ bỏ hình tư tưởng trong một vài khoảnh khắc để giải tỏa cảm xúc căng thẳng của mình bằng những điệu nhảy hoang dã và những tràng cười sảng khoái, ở đâu đó khuất tầm nhìn của hội đồng của nó. Khi điều này xảy ra, thật thú vị khi thấy hình tư tưởng sụp đổ từ sự tỉnh táo sang sự đờ đẫn như thế nào, và các thành viên là con người bất hạnh của hội đồng ngay lập tức cho rằng có điều gì đó đã xảy ra để kích động cơn thịnh nộ thiêng liêng luôn là một phần nổi bật của loại tôn giáo này.

This, then, was the reality behind the awe-inspiring “council of heaven” before which our correspondent pleaded so earnestly. It will be understood that only the dead men could really contribute to whatever discussion may have taken place; the other members of the council could not originate anything, though they may have had enough vitality to give a formal assent to a proposition.

Vậy thì, đây là thực tế đằng sau “hội đồng thiên đường” đầy cảm hứng mà người viết thư của chúng ta đã cầu xin một cách tha thiết trước đó. Người ta sẽ hiểu rằng chỉ những người đã chết mới có thể thực sự đóng góp vào bất kỳ cuộc thảo luận nào có thể đã diễn ra; các thành viên khác của hội đồng không thể tạo ra bất cứ điều gì, mặc dù họ có thể có đủ sinh lực để chính thức đồng ý với một đề xuất.

To understand the part played in the vision by the Theosophical thought-forms we must glance at the history and mental condition of our correspondent. Falling away from a rather materialistic form of Christianity, she became

Để hiểu vai trò của các hình tư tưởng Thông Thiên Học trong hình ảnh, chúng ta phải xem xét lịch sử và tình trạng trí tuệ của người viết thư của chúng ta. Rời bỏ một hình thức Cơ đốc giáo khá duy vật, bà thực tế trở thành một người vô thần.

practically an atheist. Then she lost a beloved child; and in such a nature these various experiences naturally produced deep emotions, each of which had its part in the moulding of her temperament. At this period she came into contact with Theosophy, and commenced its study with no less formidable a book than *The Secret Doctrine.* Undaunted by its difficulties she applied herself to it diligently and strove to grasp its teaching, to make mental pictures of what is described in the Stanzas of Dzyan. Certain of its ideas had a special attraction for her. The thought of initiation with its mysterious and dangerous ordeals was one of them; another was the succession of the races, coupled with the great question as to who shall and who shall not pass the final test and reach in safety the further shore. All this was inevitably to some extent coloured by earlier Christian conceptions about "conversion" and 'salvation,' even though at the same time the splendid horizons of the great oriental religions opened before her.

Sau đó, bà mất một đứa con yêu quý; và trong một bản chất như vậy, những trải nghiệm khác nhau này đương nhiên tạo ra những cảm xúc sâu sắc, mỗi cảm xúc đều góp phần vào việc hình thành tính khí của bà. Vào thời kỳ này, bà đã tiếp xúc với Thông Thiên Học, và bắt đầu nghiên cứu nó với một cuốn sách không kém phần ghê gớm là Giáo Lý Bí Truyền. Không nản lòng trước những khó khăn của nó, bà đã siêng năng áp dụng nó và cố gắng nắm bắt giáo lý của nó, để tạo ra những bức tranh trí tuệ về những gì được mô tả trong các Bài Kệ của Dzyan. Một số ý tưởng nhất định của nó có sức hấp dẫn đặc biệt đối với bà. Suy nghĩ về điểm đạo với những thử thách bí ẩn và nguy hiểm là một trong số đó; một điều khác là sự kế thừa của các chủng tộc, cùng với câu hỏi lớn về việc ai sẽ và ai sẽ không vượt qua bài kiểm tra cuối cùng và đến đích an toàn ở bờ bên kia. Tất cả những điều này chắc chắn ở một mức độ nào đó bị ảnh hưởng bởi những quan niệm của Cơ đốc giáo trước đó về "sự chuyển đổi" và 'sự cứu rỗi', mặc dù đồng thời, những chân trời tuyệt vời của các tôn giáo phương Đông vĩ đại đã mở ra trước mắt bà.

Thus it came about that she surrounded herself with a great mass of strong thought-forms of a more or less Theosophical character, and by the very fact of doing so unconsciously set in motion certain occult laws. In the higher worlds, like attracts like, and her thought-forms soon drew to themselves others of similar nature. Some hundreds of miles from where she lived there was an earnest Theosophical Lodge, which among other activities maintained a *Secret Doctrine* class. A vast mass of thought-forms and speculations had been thrown off by this class, and our correspondent was soon in touch with this astral storehouse. How the first contact was made I did not observe. Perhaps when travelling in the astral body our correspondent may have been attracted by the presentations of subject in which she was so deeply interested; or on the other hand some member of the class may have astrally noticed her thoughts and tried to add to them; or it may have been simply that sympathetic vibrations attracted one another, as they invariably do, without human interference. However that may have been, the fact remains that she was surrounded by an enormous body of thought-forms of a particular type, she herself

Do đó, bà đã bao quanh mình bằng một khối lượng lớn các hình tư tưởng mạnh mẽ mang tính chất Thông Thiên Học ít nhiều, và chính bằng hành động đó, bà đã vô thức thiết lập chuyển động một số luật huyền bí học nhất định. Trong các thế giới cao hơn, giống nhau thì sẽ hút nhau, và hình tư tưởng của bà sớm thu hút những hình dạng khác có bản chất tương tự. Cách nơi bà sống vài trăm dặm, có một Hội quán Thông Thiên Học nghiêm túc, trong số các hoạt động khác, có duy trì một lớp học Giáo Lý Bí Truyền. Một khối lượng lớn các hình tư tưởng và suy đoán đã bị lớp học này ném ra ngoài, và người viết thư của chúng ta đã sớm tiếp xúc với kho chứa cảm xúc này. Tôi đã không quan sát thấy cách thức mà lần tiếp xúc đầu tiên được thực hiện. Có lẽ khi du hành trong thể cảm xúc, người viết thư của chúng ta có thể đã bị thu hút bởi các bài thuyết trình về chủ đề mà bà rất quan tâm; hoặc mặt khác, một số thành viên của lớp học có thể đã nhận thấy suy nghĩ của bà về mặt cảm xúc và cố gắng bổ sung vào chúng; hoặc có thể chỉ đơn giản là những rung động đồng cảm đã thu hút lẫn nhau, như chúng luôn làm, mà không có sự can thiệp của con người. Dù thế nào đi nữa, sự thật vẫn là bà đã bị bao vây bởi một lượng lớn các hình tư tưởng thuộc một loại

being at the very same time precisely in the condition to be most deeply affected by them.

hình cụ thể, bản thân bà đồng thời chính xác là trong tình trạng bị ảnh hưởng sâu sắc nhất bởi chúng.

At this period she began to practise breathing exercises, and by that means laid herself open to astral influences. Her keen sympathy with suffering caused her to seek the dead murderer, or perhaps brought him to her, and the automatic writing and the obsession followed in the natural course of events. The murderer put forth all his power to maintain the advantage which he had gained, and she struggled desperately to protect and free herself, making herself for the time quite a conspicuous object in the astral world by the vehemence of her efforts and the amount of energy which she put forth.

Vào thời kỳ này, bà bắt đầu thực hành các bài tập thở, và bằng cách đó, bà đã tự mở ra với những ảnh hưởng cảm xúc. Sự đồng cảm sâu sắc của bà với nỗi đau khổ đã khiến bà tìm kiếm kẻ giết người đã chết, hoặc có lẽ đã đưa hắn ta đến với bà, và việc viết tự động và sự ám ảnh diễn ra theo tiến trình tự nhiên của sự kiện. Kẻ giết người đã dốc hết sức mãnh lực của mình để duy trì lợi thế mà hắn ta đã đạt được, và bà đã phải vật lộn một cách tuyệt vọng để bảo vệ và giải thoát cho bản thân, khiến bản thân bà trong thời gian đó trở thành một đối tượng khá nổi bật trong cõi cảm dục bởi sự mãnh liệt trong những nỗ lực của bà và lượng năng lượng mà bà đã bỏ ra.

As the farmer wandered about, the affray attracted his attention, and in his character as the Christ he felt it his duty to interfere and expel the murderer. He had never before encountered so brilliant an astral body, nor had he seen such impressive surrounding as those of the person whom he had rescued—a mass of forms at once so unusual in type (connected as it was with cosmic processes considered from the oriental point of view) and at the same time so far larger in quantity than any one person normally carries with him. Here were the forms of oriental Gods, of the founders of religions, of Masters, Adepts, Angels, and all sorts of magnificent but unfamiliar conceptions. If we remember that the farmer could not know that these were only thought-forms, but must inevitably have taken them as actual living beings, we shall see that it is small wonder that with his ignorance on all such matters and his constant expectation of celestial assistance in his appointed work, he should feel that he had been specially guided by providence to help one who could help him in return—a person of importance in the oriental world commensurate with that which he arrogated to himself for the occident. At once he seized his opportunity; he proclaimed himself as the appointed guide and proceeded to take charge of the lady's further development.

Khi người nông dân lang thang xung quanh, cuộc ẩu đả đã thu hút sự chú ý của ông ta, và với tư cách là Đức Christ, ông ta cảm thấy mình có nhiệm vụ phải can thiệp và trục xuất kẻ giết người. Ông ta chưa bao giờ gặp một thể cảm xúc nào rực rỡ như vậy, cũng như chưa từng thấy môi trường xung quanh ấn tượng như vậy của người mà ông ta đã giải cứu — một khối hình dạng vừa khác thường về loại hình (liên quan đến các quá trình vũ trụ được xem xét từ quan điểm phương Đông) và đồng thời có số lượng lớn hơn nhiều so với bất kỳ người nào thường mang theo bên mình. Đây là những hình dạng của các vị Thần phương Đông, của những Đấng Sáng Lập ra các tôn giáo, của các Chân Sư, các Chân Nhân, các Thiên Thần, và tất cả các loại quan niệm tráng lệ nhưng xa lạ. Nếu chúng ta nhớ rằng người nông dân không thể biết rằng đây chỉ là những hình tư tưởng, mà chắc chắn phải coi chúng là những sinh mệnh sống thực sự, chúng ta sẽ thấy rằng không có gì ngạc nhiên khi với sự thiếu hiểu biết của mình về tất cả những vấn đề như vậy và sự mong đợi liên tục của ông ta về sự hỗ trợ của thiên đàng trong công việc được giao phó của mình, ông ta nên cảm thấy rằng mình đã được quan phòng hướng dẫn đặc biệt để giúp đỡ một người có thể giúp đỡ ông ta để đáp lại — một người có tầm quan trọng trong thế giới phương Đông tương xứng với người mà ông ta tự cho mình là của phương Tây. Ông ta ngay lập tức nắm lấy cơ hội của mình; ông ta tự xưng là người hướng dẫn được chỉ định và tiến hành phụ trách sự phát triển hơn nữa của người phụ nữ.

A curious fact noticed here was that, though he posed as guide, he was largely influenced by the thoughts of our correspondent, and in many cases simply gave her back those thoughts in other language. He knew nothing of the serpent fire, but he thought of it as some form of divine afflatus; he saw that some process of awakening was being performed by its aid: and he did his best to help and encourage this. Their joint efforts succeeded in arousing what may be called the upper layers of that mysterious force, though fortunately for the lady, from ignorance as to what is really needed for full achievement, they were not able to stir it to its depths, otherwise her body would surely have been destroyed. Further, they evidently did not know through what centres it must be sent in order to bring continuous consciousness, and so they missed their aim. But the description given of the sufferings endured is accurate as far as it goes, and some of the expressions used are strikingly suggestive. How dangerous their experiments were may be seen from the lady's account of these sufferings, and from her family's testimony as to the condition in which she had been. The whole story gives a most impressive warning against the risk of attempting premature development along such lines.

Một sự thật gây tò mò được nhận thấy ở đây là, mặc dù ông ta đóng vai trò là người hướng dẫn, nhưng ông ta phần lớn bị ảnh hưởng bởi suy nghĩ của người viết thư của chúng ta, và trong nhiều trường hợp chỉ đơn giản là nói lại những suy nghĩ đó bằng ngôn ngữ khác. Ông ta không biết gì về hoả xà, nhưng ông ta nghĩ về nó như một dạng linh cảm thiêng liêng; ông ta thấy rằng một số quá trình thức tỉnh đang được thực hiện với sự trợ giúp của nó: và ông ta đã cố gắng hết sức để giúp đỡ và khuyến khích điều này. Những nỗ lực chung của họ đã thành công trong việc đánh thức cái mà người ta có thể gọi là các lớp trên của mãnh lực bí ẩn đó, mặc dù may mắn cho người phụ nữ, do thiếu hiểu biết về những gì thực sự cần thiết để đạt được thành tựu trọn vẹn, họ đã không thể khuấy động nó đến tận cùng, nếu không thì cơ thể của bà chắc chắn đã bị hủy hoại. Hơn nữa, họ rõ ràng không biết nó phải được gửi qua trung tâm nào để mang lại tâm thức liên tục, và do đó, họ đã bỏ lỡ mục tiêu của mình. Nhưng mô tả được đưa ra về những đau khổ phải chịu đựng là chính xác cho đến nay, và một số cách diễn đạt được sử dụng rất gợi ý. Những thí nghiệm của họ nguy hiểm như thế nào có thể thấy được từ lời kể của người phụ nữ về những đau khổ này, và từ lời khai của gia đình bà về tình trạng mà bà đã ở. Toàn bộ câu chuyện đưa ra một lời cảnh báo ấn tượng nhất về nguy cơ cố gắng phát triển sớm theo những cách như vậy.

It is useless to criticise in detail what may be called the Theosophical part of the vision; wonderful, uplifting, awe-inspiring as it no doubt was to the seer, it after all represents not the actual occurrences of evolution, but the combination and synthesis of a number of thought-images. Parts of the symbology are interesting and illuminative, while others obviously require modification. Certain features, such as the chanting of the angels, are clearly due to the influence of the Christian stream of thought in the mind of the guide. He watched the unfolding of the vision along with our correspondent, but being ignorant of oriental teaching he understood but little of it. For example, he seems to have confused the successive races with the various tribes of Israel, and tried to fit in what he saw with the story of the sealing of the 144,

Vô ích khi chỉ trích chi tiết cái mà người ta có thể gọi là phần Thông Thiên Học của hình ảnh; tuyệt vời, nâng cao tinh thần, đầy cảm hứng như chắc chắn đối với người nhìn thấy, nhưng xét cho cùng, nó không đại diện cho các sự kiện tiến hóa thực tế, mà là sự kết hợp và tổng hợp của một số hình ảnh tư tưởng. Các phần của biểu tượng rất thú vị và soi sáng, trong khi những phần khác rõ ràng cần sửa đổi. Một số đặc điểm nhất định, chẳng hạn như tiếng hát của các thiên thần, rõ ràng là do ảnh hưởng của dòng tư tưởng Cơ đốc giáo trong tâm trí của người hướng dẫn. Ông ta đã theo dõi sự mở ra của hình ảnh cùng với người viết thư của chúng ta, nhưng do không biết về giáo lý phương Đông nên ông ta chỉ hiểu được một chút về nó. Ví dụ, ông ta dường như đã nhầm lẫn các chủng tộc kế tiếp với các bộ lạc khác nhau của Israel, và cố gắng khớp những gì ông ta nhìn thấy với câu chuyện về việc niêm phong 144.000

người,

It is in the monomania of the guide that we must seek for the cause of the weighty feeling of responsibility which overshadowed the whole vision, the conviction that upon our correspondent's success depended the salvation of the world. This sort of naïve self-conceit or megalomania is one of the commonest characteristics of communications from the astral plane. It seems to be one of the most ordinary illusions of a dead man that, if he can only get some lady to act as a medium for him, he can revolutionise the entire thought of the planet by a simple statement of a few self-evident facts. But in this case there was rather more than the usual excuse for the attitude adopted. The poor farmer was deeply impressed with the thought that unless the world accepted him this time it would lose its final chance of salvation, and he propounded this theory one day to the deity in council at a moment when the nature-spirit happened to be in charge. It is little likely that the nature-spirit had any clear conception of the purport of the question, but at least he understood that his assent was being asked to some proposition or other, so he gave it in his most pompous manner; and this naturally enough confirmed the farmer in his delusion, and made it the one dominating thought of his life. Apart from his influence no such impression would ever have come into the mind of the lady, whose view of her own position and powers was much saner and more modest.

Chính trong chứng cuồng tín của người hướng dẫn mà chúng ta phải tìm kiếm nguyên nhân của cảm giác trách nhiệm nặng nề bao trùm toàn bộ hình ảnh, niềm tin rằng sự cứu rỗi của thế giới phụ thuộc vào thành công của người viết thư của chúng ta. Kiểu tự phụ ngây thơ hoặc chứng hoang tưởng vĩ cuồng này là một trong những đặc điểm phổ biến nhất của các thông tin liên lạc từ cõi cảm xúc. Dường như một trong những ảo tưởng phổ biến nhất của một người chết là, nếu họ chỉ có thể nhờ một phụ nữ nào đó làm trung gian cho mình, thì họ có thể cách mạng hóa toàn bộ suy nghĩ của hành tinh bằng một tuyên bố đơn giản về một vài sự thật hiển nhiên. Nhưng trong trường hợp này, có nhiều hơn lời bào chữa thông thường cho thái độ được áp dụng. Người nông dân đáng thương đã bị ấn tượng sâu sắc bởi suy nghĩ rằng trừ khi thế giới chấp nhận ông ta lần này, nếu không nó sẽ mất cơ hội cứu rỗi cuối cùng của mình, và ông ta đã đề xuất lý thuyết này một ngày nào đó với Thượng đế trong hội đồng vào lúc mà tinh linh thiên nhiên tình cờ phụ trách. Ít có khả năng tinh linh thiên nhiên có bất kỳ quan niệm rõ ràng nào về mục đích của câu hỏi, nhưng ít nhất nó cũng hiểu rằng sự đồng ý của nó đang được yêu cầu đối với đề xuất này hay đề xuất khác, vì vậy nó đã đưa ra nó theo cách tự phụ nhất của mình; và điều này đương nhiên đã củng cố người nông dân trong ảo tưởng của mình, và biến nó thành suy nghĩ chi phối duy nhất trong cuộc đời ông ta. Ngoài ảnh hưởng của ông ta, không có ấn tượng nào như vậy từng xuất hiện trong tâm trí của người phụ nữ, người có quan điểm về vị trí và quyền mãnh lực của chính mình lành mạnh hơn và khiêm tốn hơn nhiều.

The personification of the world and the devil in human forms is also due to the thought of the guide, for the lady herself knew much better than to believe in the exploded superstition of a personal Satan. This seems to have come at a period of the experience when she was much exhausted, and therefore more fully under the domination of the guide's mind, and less able to exercise her own natural power of discrimination. The nervous tension attendant upon the conditions through which she passed must have been indescribable; indeed, it brought her perilously near to the possibility of physical hallucination. She writes of certain acts of

Việc nhân cách hóa thế giới và ma quỷ dưới hình dạng con người cũng là do suy nghĩ của người hướng dẫn, vì bản thân người phụ nữ biết rõ hơn nhiều so với việc tin vào sự mê tín dị đoan đã bị bác bỏ về một Sa-tan cá nhân. Điều này dường như đã xảy ra vào thời kỳ mà bà đã kiệt sức, và do đó chịu sự chi phối của tâm trí người hướng dẫn nhiều hơn, và ít có khả năng sử dụng sức mạnh phân biệt tự nhiên của chính mình. Sự căng thẳng thần kinh đi kèm với các điều kiện mà bà đã trải qua chắc hẳn là không thể diễn tả được; thực sự, nó đã đưa bà đến gần một cách nguy hiểm với khả năng ảo giác về thể chất. Bà viết về một số hành động tôn kính nhất định được thực

reverence made to her on the physical earth by animals, but investigation does not confirm this, showing the actions of the animals to have been quite normal and dictated by their ordinary instinct, though the lady in her overstrained condition gave them a different interpretation.

hiện đối với bà trên trái đất vật chất bởi các loài động vật, nhưng cuộc nghiên cứu không xác nhận điều này, cho thấy hành động của các loài động vật là hoàn toàn bình thường và được quyết định bởi bản năng thông thường của chúng, mặc dù người phụ nữ trong tình trạng quá sức của mình đã đưa ra một cách giải thích khác.

The special interest of the case to those who examined it was the manner in which a number of independent and quite ordinary astral factors combined to produce a dramatic and imposing whole. The ruling force was the will of the guide, and the strength of his extraordinary delusion; yet this would have been ineffective, or at least would have worked quite differently, but for the action of our correspondent in rashly laying herself open to astral influence. *The Secret Doctrine* class and its thought-forms, the other dead men on the council, the sportive nature-spirit—all these played their part, and if any one of them had been absent the picture would have been less complete, or the plot must have worked itself out on other lines.

Điều đặc biệt thú vị của trường hợp này đối với những người đã kiểm tra nó là cách thức mà một số yếu tố cảm xúc độc lập và khá bình thường kết hợp với nhau để tạo ra một tổng thể ấn tượng và kịch tính. Mãnh lực chi phối là ý chí của người hướng dẫn, và sức mạnh của ảo tưởng phi thường của ông ta; tuy nhiên, điều này sẽ không hiệu quả, hoặc ít nhất sẽ hoạt động hoàn toàn khác, nếu không có hành động của người viết thư của chúng ta trong việc thiếu thận trọng khiến bản thân bà dễ bị ảnh hưởng bởi cảm xúc. Lớp học Giáo Lý Bí Truyền và các hình tư tưởng của nó, những con người đã chết khác trong hội đồng, tinh linh thiên nhiên vui tươi — tất cả đều đóng vai trò của mình, và nếu bất kỳ ai trong số họ vắng mặt, bức tranh sẽ kém hoàn chỉnh hơn, hoặc cốt truyện chắc hẳn đã tự diễn ra theo những cách khác.

It seems to me that the story has its value as showing the astonishing fertility and abundance of the resources of the astral world, and the imperative necessity of that full knowledge which is only to be gained by thorough occult training. All through it we see really good and well-intentioned people deceiving themselves quite pitiably for want of this knowledge—putting themselves often into such positions that one cannot wonder that they were deluded. One must presume that it was needful for them to learn in the hard school of experience, and it is also well to remember that no trial of this nature ever comes to any one without an adequate opportunity of preparation. No one who had studied the Bible as closely as the guide had done could have failed to remark the warnings therein contained as to possible deception by false Christs and lying prophets, and even in the book of Svami Vivekananda there is to be found an earnest adjuration against the premature or promiscuous use of his instructions. Unfortunately people never will take these cautions to themselves, but invariably apply

Đối với tôi, dường như câu chuyện có giá trị của nó khi cho thấy sự phong phú và đa dạng đáng kinh ngạc của các nguồn mãnh lực của cõi cảm dục, và sự cần thiết cấp thiết của kiến thức đầy đủ mà chỉ có thể đạt được thông qua đào tạo huyền bí học kỹ lưỡng. Xuyên suốt nó, chúng ta thấy những người thực sự tốt và có ý tốt đã tự lừa dối mình một cách đáng thương vì thiếu kiến thức này — thường tự đặt mình vào những vị trí mà người ta không thể không tự hỏi rằng họ đã bị lừa dối. Người ta phải cho rằng họ cần phải học hỏi trong trường đời khắc nghiệt của kinh nghiệm, và cũng nên nhớ rằng không có thử thách nào thuộc loại này từng đến với bất kỳ ai mà không có cơ hội chuẩn bị đầy đủ. Không ai đã nghiên cứu Kinh thánh kỹ lưỡng như người hướng dẫn đã làm mà không thể không nhận thấy những lời cảnh báo trong đó về khả năng bị lừa dối bởi những Đức Christ giả và những nhà tiên tri dối trá, và ngay cả trong cuốn sách của Swami Vivekananda, người ta cũng tìm thấy một lời khuyên nhủ tha thiết chống lại việc sử dụng sớm hoặc bừa bãi các hướng dẫn của ông. Thật không may, mọi người không bao giờ tự mình lưu ý đến

them to their neighbours or opponents.

Yet it should be noticed that for our correspondent the outcome was good. The forms seen were largely illusory, but the high emotions awakened, the awe and the rapture—all these produced permanent results which cannot but have in them much of good. The boundless enthusiasm for spiritual things, the unselfish desire to help even at the cost of any sacrifice—these are in themselves mighty forces, and when generated they evoke a response from worlds far higher than any which are actually reached by the consciousness in the vision itself. The feeling is genuine, however imperfectly conceived may be that which occasions it; and so while we congratulate our correspondent on having come safely through perils more tremendous than she can readily realise, we may be permitted to hope that the peace and uplifting which she gained through them may prove a permanent heritage. The deep sense of union with the divine which brought with it such bliss was unquestionably a true touch of the lower fringe of the intuitional world, and to have attained this is no doubt worth all the suffering through which the patient passed. But the student knows that all that (and much more) could have been obtained without the pain and without the awful risk, by the investment of the same amount of energy in the more ordinary methods which have approved themselves to the wisdom of the ages. To force one's way into unknown realms without the guidance of one who really knows, is to court disaster; and it is a danger to which none need expose himself, for the old paths are always open, and the old saying still remains true: "When the pupil is ready the Master appears."

IN WRITING A BOOK

Many of us are constantly being influenced by unseen entities in a great many ways of which we have not the slightest idea. We have spoken of pride of race and caste. This often exists in an even more intense form as pride of family, and in that case not infrequently it is largely due to the

những lời cảnh báo này, mà luôn áp dụng chúng cho hàng xóm hoặc đối thủ của họ.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đối với người viết thư của chúng ta, kết quả là tốt đẹp. Các hình dạng được nhìn thấy phần lớn là ảo tưởng, nhưng những cảm xúc cao cả được đánh thức, sự kính sợ và sự ngây ngất — tất cả những điều này tạo ra những kết quả lâu dài mà không thể không có nhiều điều tốt đẹp trong đó. Sự nhiệt tình vô bờ bến đối với những điều tinh thần, mong muốn vị tha giúp đỡ ngay cả khi phải trả giá bằng bất kỳ sự hy sinh nào — bản thân những điều này là những mãnh lực hùng mạnh, và khi được tạo ra, chúng sẽ gợi lên phản hồi từ những thế giới cao hơn nhiều so với bất kỳ thế giới nào thực sự đạt được bởi tâm thức trong chính hình ảnh. Cảm xúc là chân thật, dù cho điều tạo ra nó có thể được hình thành một cách không hoàn hảo đến đâu; và do đó, trong khi chúng tôi chúc mừng người viết thư của chúng ta đã vượt qua những hiểm nguy khủng khiếp hơn những gì bà có thể dễ dàng nhận ra, chúng tôi có thể được phép hy vọng rằng sự bình yên và sự nâng cao tinh thần mà bà đạt được thông qua chúng có thể chứng tỏ là một di sản vĩnh viễn. Cảm giác hợp nhất sâu sắc với thần thánh mang lại niềm hạnh phúc như vậy chắc chắn là một sự tiếp xúc thực sự của rìa thấp hơn của thế giới trực giác, và việc đạt được điều này chắc chắn đáng giá tất cả những đau khổ mà bệnh nhân đã trải qua. Nhưng người học biết rằng tất cả những điều đó (và nhiều hơn thế nữa) có thể đạt được mà không cần đau đớn và không có rủi ro khủng khiếp, bằng cách đầu tư cùng một lượng năng lượng vào các phương pháp thông thường hơn đã được sự khôn ngoan của các thời đại chứng minh. Tự mình xông vào những cõi giới chưa biết mà không có sự hướng dẫn của người thực sự biết là tự chuốc lấy thảm họa; và đó là một mối nguy hiểm mà không ai cần phải tự mình đối mặt, bởi vì những con đường cũ luôn rộng mở, và câu nói cũ vẫn đúng: "Khi học trò sẵn sàng, Thầy sẽ xuất hiện."

KHI VIẾT MỘT CUỐN SÁCH

Nhiều người trong chúng ta liên tục bị ảnh hưởng bởi các thực thể vô hình theo nhiều cách mà chúng ta không hề hay biết. Chúng ta đã nói về niềm tự hào về chủng tộc và đẳng cấp. Điều này thường tồn tại ở một dạng thậm chí còn mãnh liệt hơn là niềm tự hào về gia đình, và trong trường

influence of our ancestors. I have known several cases in which a man contrived to keep himself for a long time in the astral world in order that he might hover over his descendants and try to induce them to keep up the pride of their race. The late Queen Elizabeth, for example, had so intense a love for her country that it is only quite recently that she has lapsed into the heaven-world, having spent the whole intervening time in endeavouring, and until recently almost entirely without success, to impress her successors with her ideas of what ought to be done for England. Hers is perhaps an extreme case, but in several other royal families the continuity of tradition which has been maintained has been in the same way largely due to constant pressure, intentionally exercised, by older members of the family, from the astral world.

hợp đó, thường thì nó phần lớn là do ảnh hưởng của tổ tiên chúng ta. Tôi đã biết một số trường hợp mà một người đã cố gắng giữ mình trong một thời gian dài trong cõi cảm dục để có thể bay lượn trên những hậu duệ của mình và cố gắng thuyết phục họ giữ vững niềm tự hào về dòng tộc của họ. Ví dụ, cố Nữ hoàng Elizabeth, có tình yêu mãnh liệt với đất nước của mình đến mức chỉ gần đây bà mới bước vào cõi thiên đường, đã dành toàn bộ thời gian can thiệp, và cho đến gần đây gần như hoàn toàn không thành công, để tạo ấn tượng cho những người kế vị bà những ý tưởng của bà về những gì nên làm cho nước Anh. Trường hợp của bà có lẽ là một trường hợp cực đoan, nhưng trong một số gia đình hoàng gia khác, sự liên tục của truyền thống đã được duy trì cũng phần lớn là do áp lực liên tục, được thực hiện một cách có chủ ý, bởi các thành viên lớn tuổi hơn trong gia đình, từ cõi cảm dục.

It is by no means uncommon for fathers and mothers who have set their hearts upon some particular alliance for their sons or daughters to endeavour even after death to bring about the fulfillment of their wishes. In rarer cases they have been able to show themselves as apparitions in order to emphasise their commands. More often they exercise an insidious because unsuspected influence, by constantly keeping their thought upon the matter before the mind of the person whom they wish to influence—a steady pressure which the ordinary man is likely to take for his own sub-conscious desire.

Việc các bậc cha mẹ, những người đã đặt cả tâm huyết vào một mối liên kết cụ thể cho con trai hoặc con gái của mình, cố gắng thực hiện mong muốn đó ngay cả sau khi qua đời không phải là điều hiếm gặp. Trong những trường hợp hiếm hoi hơn, họ có thể hiện ra như những hình bóng để nhấn mạnh mệnh lệnh của mình. Thường thì họ tác động một cách tinh vi, vì không ai ngờ tới, bằng cách liên tục giữ suy nghĩ về vấn đề đó trong tâm trí của người mà họ muốn ảnh hưởng—một áp lực ổn định mà người bình thường có thể nhầm lẫn là mong muốn tiềm thức của chính mình.

Cases in which the dead have constituted themselves guardian angels to the living are exceedingly numerous, and in this way mothers often protect their sons, and deceased husbands their widows, for many years. Sometimes such influence is not of a protective character, but is exercised in order that the dead man may find a means of expressing some ideas which he is anxious to put before the world. The person upon whom the impression is made is sometimes conscious of it, and sometimes entirely unconscious. A certain distinguished novelist has told me that the wonderful plots of his stories invariably come to him as though by a kind of inspiration, that he writes them without knowing beforehand how they will work out—that in fact, as he puts it, they are actually

Những trường hợp người chết tự nhận làm thiên thần hộ mệnh cho người sống vô cùng nhiều, và theo cách này, các bà mẹ thường bảo vệ con trai mình, và những người chồng quá cố bảo vệ các quả phụ của họ trong nhiều năm. Đôi khi, ảnh hưởng như vậy không mang tính chất bảo vệ mà được thực hiện để người đã khuất tìm cách biểu đạt một số ý tưởng mà họ tha thiết muốn đưa ra trước thế giới. Người nhận được ấn tượng này đôi khi nhận thức được điều đó, và đôi khi hoàn toàn không biết. Một tiểu thuyết gia nổi tiếng đã kể với tôi rằng những cốt truyện kỳ diệu của các tác phẩm của ông luôn đến với ông như thể bằng một loại cảm hứng, rằng ông viết chúng mà không biết trước chúng sẽ phát triển thế nào—thực tế, như ông nói, chúng thực sự được viết thông qua ông. Thường xuyên hơn chúng ta nghĩ, các tác giả

written through him. Far more often than we think, authors and musical composers are influenced in this way, so that many books credited to the living are really the work of the dead.

và nhà soạn nhạc bị ảnh hưởng theo cách này, vì vậy nhiều cuốn sách được ghi nhận là của người sống thực chất lại là tác phẩm của người chết.

In some cases the dead man desires to announce his authorship, so that books confessedly written by the dead are becoming quite a feature of modern literature; or perhaps a better way to express it would be that many of us are gradually coming to recognise that there is no such thing as death in the old, bad sense of the word, and that though a man who has laid aside his physical body may find a certain difficulty in writing a book with his own hand, he is quite as capable of dictating one as any living author. Sometimes such books are moral or metaphysical treatises, but sometimes also they are novels, and in this latter shape they undoubtedly do good, for they reach many who are quite unlikely to encounter a more serious essay on occult matters, and would be still less likely to take the trouble to read it if they did encounter it.

Trong một số trường hợp, người đã khuất muốn tuyên bố quyền tác giả của mình, vì vậy những cuốn sách được thừa nhận là viết bởi người đã khuất đang trở thành một đặc điểm đáng chú ý của văn học hiện đại; hoặc có lẽ cách diễn đạt tốt hơn là nhiều người trong chúng ta dần dần nhận ra rằng không có cái gọi là cái chết theo nghĩa cũ, tiêu cực của từ này, và rằng mặc dù một người đã rời bỏ thể xác vật lý của mình có thể gặp khó khăn nhất định khi tự tay viết một cuốn sách, y vẫn hoàn toàn có khả năng đọc cho người khác viết giống như bất kỳ tác giả còn sống nào. Đôi khi, những cuốn sách như vậy là các luận thuyết đạo đức hoặc siêu hình học, nhưng cũng đôi khi chúng là tiểu thuyết, và dưới hình thức sau, chúng chắc chắn mang lại lợi ích, vì chúng tiếp cận được nhiều người vốn không có khả năng tiếp cận một bài tiểu luận nghiêm túc hơn về các vấn đề huyền bí, và lại càng ít có khả năng chịu khó đọc chúng nếu họ tình cờ gặp.

A good specimen of this class (and it is a class which is becoming more numerous year by year) is *The Strange Story of Ahrinziman*—a book which was brought to my notice some years ago. Let me take it as an example and explain what it is and how it came to be written. I know that the first impulse of those who are dozing in the comfortable haze which surrounds the average intelligence and cushions it against the real facts of life, will naturally, be to proclaim that the whole thing must be nonsense, on the crude theory that when a man is dead he *is* dead, and it is therefore quite impossible that he should dictate anything; and even those who know better than that may be tempted to suspect that to assign the authorship to a man out of the body is nothing but a novel form of advertisement—a trick of the trade, as it were. So perhaps I had better begin by saying that I have trustworthy assurance that this book is at least a genuine dictation from the astral world, though naturally that by no means guarantees that it is in all other respects what it claims to be.

Một mẫu vật tốt của lớp này (và đó là một lớp ngày càng trở nên nhiều hơn theo từng năm) là *Câu chuyện kỳ lạ về Ahrinziman* — một cuốn sách đã được chú ý cách đây vài năm. Hãy để tôi lấy nó làm ví dụ và giải thích nó là gì và nó được viết như thế nào. Tôi biết rằng động mãnh lực đầu tiên của những người đang ngủ quên trong làn sương mù thoải mái bao quanh trí thông minh trung bình và bảo vệ nó khỏi những sự thật thực sự của cuộc sống, đương nhiên sẽ là tuyên bố rằng toàn bộ sự việc chắc hẳn là vô nghĩa, dựa trên lý thuyết thô thiển rằng khi một người chết là chết, và do đó hoàn toàn không thể xảy ra việc họ đọc chính tả bất cứ điều gì; và ngay cả những người biết rõ hơn điều đó cũng có thể bị cám dỗ để nghi ngờ rằng việc gán quyền tác giả cho một người ngoài cơ thể không là gì khác ngoài một hình thức quảng cáo mới lạ — một mánh khóe của nghề nghiệp, như người ta vẫn nói. Vì vậy, có lẽ tốt hơn hết là tôi nên bắt đầu bằng cách nói rằng tôi có sự đảm bảo đáng tin cậy rằng cuốn sách này ít nhất là một bản đọc chính tả thực sự từ cõi cảm dục, mặc dù điều đó đương nhiên không có nghĩa là đảm bảo rằng nó đúng với những gì nó tuyên bố ở tất cả

các khía cạnh khác.

People who are unacquainted with the conditions of life among those whom we are in the habit of miscalling "the dead," seem to find it impossible to realise how natural in all respects that life is, or to understand that human nature may and does exhibit all its varied aspects just as quaintly on the other side of the grave as on this. The dead man has not necessarily been canonised, nor has he suddenly become grave and reverend; he is exactly the same man as before, just as susceptible to the influence of vanity or jealousy, just as capable of making mistakes.

Những người không quen thuộc với điều kiện sống của những người mà chúng ta thường gọi sai là "người chết", dường như thấy không thể nhận ra cuộc sống đó tự nhiên như thế nào về mọi mặt, hoặc hiểu rằng bản chất con người có thể và thực sự thể hiện tất cả các khía cạnh đa dạng của nó cũng kỳ lạ như ở bên kia ngôi mộ như ở bên này. Người chết không nhất thiết phải được phong thánh, cũng không phải họ đột nhiên trở nên nghiêm nghị và đáng kính; họ hoàn toàn giống như trước đây, cũng dễ bị ảnh hưởng bởi sự phù phiếm hoặc ghen tị, cũng như có khả năng mắc sai lầm.

An astral author may employ the same literary machinery as a physical author, and may cast his tale into any form that pleases him. When we find Mr. Rider Haggard writing in the first person under the name of Allan Quartermain of Ludwig Horace Holly, we do not necessarily assume that he is relating personal experiences of his own, nor even that Quartermain or Holly had a historical existence. In exactly the same way we must realise that when a dead man dictates in the first person *The Story of Ahrinziman,* he may be trying to give us a more or less modified autobiography, or he may simply be casting an allegory or a problem-novel into an attractive and striking form; and this suggestion must no more be considered a reflection upon the *bona fides* of the dead author than was the previous sentence a reflection upon that of Mr. Haggard.

Một tác giả trung giới có thể sử dụng cùng một bộ máy văn học như một tác giả vật lý, và có thể chuyển câu chuyện của mình thành bất kỳ hình thức nào mà họ muốn. Khi chúng ta thấy ông Rider Haggard viết ở ngôi thứ nhất dưới cái tên Allan Quartermain của *Ludwig Horace Holly*[3], chúng ta không nhất thiết phải cho rằng ông ấy đang kể lại những trải nghiệm cá nhân của chính mình, thậm chí cũng không phải Quartermain hoặc Holly có tồn tại trong lịch sử. Theo cách chính xác tương tự, chúng ta phải nhận ra rằng khi một người chết đọc chính tả ở ngôi thứ nhất *Câu chuyện về Ahrinziman*, họ có thể đang cố gắng cung cấp cho chúng ta một cuốn tự truyện ít nhiều được sửa đổi, hoặc họ có thể chỉ đơn giản là chuyển một câu chuyện ngụ ngôn hoặc một cuốn tiểu thuyết về vấn đề thành một hình thức hấp dẫn và nổi bật; và gợi ý này không được coi là phản ánh về thiện chí của tác giả đã chết cũng như câu trước không phải là phản ánh về thiện chí của ông Haggard.

Be this as it may, Ahrinziman tells us a good story —a story which is thoroughly oriental in its setting. He describes himself as the illegitimate son of a Persian king. His mother, a Greek vestal virgin captured in some Persian foray, is murdered by the rightful queen in a fit of jealousy, and to avoid further unpleasant expression of this same consuming jealousy, the child is brought up by a peasant among the

Dù thế nào đi nữa, Ahrinziman kể cho chúng ta một câu chuyện hay — một câu chuyện hoàn toàn mang bối cảnh phương Đông. Ông tự mô tả mình là con trai ngoài giá thú của một vị vua Ba Tư. Mẹ của ông, một nữ tu sĩ đồng trinh Hy Lạp bị bắt trong một cuộc tấn công của người Ba Tư, bị hoàng hậu hợp pháp sát hại trong cơn ghen tuông, và để tránh những biểu hiện khó chịu hơn nữa của sự ghen tuông dữ dội này, đứa trẻ được

[3] **Ludwig Horace Holly** là nhân vật chính trong tiểu thuyết *She* của Haggard. Holly là một học giả và nhà thám hiểm, người tham gia vào những cuộc phiêu lưu kỳ thú dẫn đến việc khám phá một nền văn minh cổ đại và gặp nhân vật Ayesha (She-Who-Must-Be-Obeyed).

mountains in a distant corner of the empire. The boy is by nature clairvoyant to a certain extent, able to see the nature-spirits which surround him, and also his dead mother. Presently he comes into contact with some priests, learns much from them, and is eventually taken into the temple and becomes a medium for them. Discontent seizes him, and he absconds and joins a band of robbers in the mountains, but after a few years abandons them in turn. He then meets with a practitioner of the darker magic, and attaches himself to him as a pupil; but the master dies in the performance of one of his enchantments, and the student is saved from sharing his fate only by the interference of his dead mother.

một người nông dân nuôi dưỡng giữa vùng núi ở một góc xa xôi của đế chế. Cậu bé về bản chất có khả năng thông nhãn ở một mức độ nhất định, có thể nhìn thấy các tinh linh thiên nhiên xung quanh mình, và cả người mẹ đã chết của mình. Hiện tại, ông đã tiếp xúc với một số linh mục, học hỏi được nhiều điều từ họ, và cuối cùng được đưa vào đền thờ và trở thành đồng tử cho họ. Sự bất mãn chiếm lấy ông, và ông bỏ trốn và gia nhập một băng cướp trên núi, nhưng sau một vài năm, ông lại bỏ rơi họ. Sau đó, ông gặp một người thực hành ma thuật hắc ám hơn, và tự coi mình là học trò của ông ta; nhưng người thầy đã chết khi thực hiện một trong những phép thuật của mình, và người học trò đã thoát khỏi việc phải chịu chung số phận với ông ta chỉ nhờ sự can thiệp của người mẹ đã chết của mình.

During further wanderings he meets the prince, who is in reality his step-brother (the son of the queen who murdered his mother), and is enabled by his clairvoyant power to cure him of an obsession. This prince in due course comes to the throne and raises our hero to a position of honour, knowing nothing, however, of the real relationship between them. By this time Ahrinziman is married, unfortunately to an entirely unworthy woman who never really appreciates him, and is false to him without hesitation when she finds that she has attracted the favourable regards of the king. Through his partial clairvoyance Ahrinziman becomes aware of this, and in his jealous rage causes the death of the king by astral means. He himself succeeds to the throne (having declared his parentage), but after a short reign is slain by another claimant.

Trong những chuyến lang thang tiếp theo, ông gặp hoàng tử, người thực sự là anh kế của mình (con trai của hoàng hậu đã sát hại mẹ ông), và nhờ khả năng thông nhãn của mình, ông có thể chữa khỏi cho ông ta khỏi sự ám ảnh. Vị hoàng tử này đến lượt mình lên ngôi và đưa anh hùng của chúng ta lên vị trí danh dự, tuy nhiên, không biết gì về mối quan hệ thực sự giữa họ. Vào thời điểm này, Ahrinziman đã kết hôn, thật không may, với một người phụ nữ hoàn toàn không xứng đáng, người chưa bao giờ thực sự đánh giá cao ông, và đã phản bội ông mà không do dự khi cô ta thấy rằng mình đã thu hút được sự quan tâm của nhà vua. Thông qua khả năng thông nhãn một phần của mình, Ahrinziman nhận thức được điều này, và trong cơn ghen tuông, ông đã gây ra cái chết của nhà vua bằng những phương tiện cõi trung giới. Chính ông đã kế vị ngai vàng (sau khi tuyên bố huyết thống của mình), Ông ta tự mình kế vị ngai vàng (sau khi tuyên bố về dòng dõi của mình), nhưng sau một thời gian trị vì ngắn ngủi, bị sát hại bởi một người khác cũng đòi quyền kế vị.

The rest of the book is devoted to a description of his experiences in the astral world. He is represented as, at first, filled with jealousy and hatred, and consequently mating with all sorts of horrible entities in order through them to achieve revenge; but gradually the good within him asserts itself, and he begins to try to aid instead of to injure, and so through a long and toilsome upward progress he at last attains to perfect bliss.

Phần còn lại của cuốn sách dành để mô tả những trải nghiệm của ông trong cõi cảm dục. Ông được miêu tả là lúc đầu đầy ghen tị và thù hận, và do đó giao phối với đủ loại thực thể khủng khiếp để thông qua chúng để trả thù; nhưng dần dần, cái thiện bên trong ông tự khẳng định mình, và ông bắt đầu cố gắng giúp đỡ thay vì làm hại, và do đó, thông qua một quá trình tiến bộ hướng lên trên gian khổ và lâu dài, cuối cùng ông đã đạt được hạnh phúc hoàn hảo.

How far is it possible that all this can be true? May we take it wholly or partly as the autobiography which it professes to be, or must we regard it as a romance? Certainly of much of it we may say: *"Se non è vero, è ben trovato."* As to the physical part of the story, we have but meagre records of what took place in Persia in the fifth century before the Christian era, but as far as it goes, our fragmentary history of that period seems to fit in fairly accurately with what Ahrinziman writes. The interest of the student of the hidden side of nature will naturally be centred chiefly on the astral experiences, for the sake of which mainly the book is put forth, and he will desire to know how far these can be confirmed from the point of view of such occult knowledge as has reached our western world.

Làm thế nào mà tất cả những điều này có thể là sự thật? Chúng ta có thể coi nó hoàn toàn hoặc một phần là cuốn tự truyện mà nó tự xưng hay không, hay chúng ta phải coi nó như một câu chuyện lãng mạn? Chắc chắn về phần lớn trong số đó, chúng ta có thể nói: "Se non è vero, è ben trovato." ("Nếu điều đó không đúng, thì nó được bịa ra một cách khéo léo.") Về phần thuộc trần gian của câu chuyện, chúng ta chỉ có những ghi chép sơ sài về những gì đã xảy ra ở Ba Tư vào thế kỷ thứ năm trước Công nguyên, nhưng cho đến nay, lịch sử rời rạc của chúng ta về thời kỳ đó dường như phù hợp khá chính xác với những gì Ahrinziman viết. Sự quan tâm của người nghiên cứu khía cạnh ẩn giấu của tự nhiên đương nhiên sẽ tập trung chủ yếu vào các trải nghiệm cõi cảm dục, vì lợi ích mà cuốn sách chủ yếu được đưa ra, và họ sẽ muốn biết những điều này có thể được xác nhận ở mức độ nào từ quan điểm của kiến thức huyền bí học như đã đến với thế giới phương Tây của chúng ta.

Those who have studied most deeply will be the first to admit that in this splendid science of the soul we are as yet but picking up pebbles on the shore of the great ocean of knowledge, that our fullest information is as yet far from exhaustive, and that the marvellous variety and adaptability of astral conditions are so great that it would be rash to say that anything is impossible. Still, certain broad rules are well established, and some of these seem to be violated by Ahrinziman's story, if we are to take it literally, though all falls readily into place if we allow for certain limitations upon his part. If the whole thing is simply a parable, well and good; but it is interesting to see how Ahrinziman may be perfectly honest in his narration, even though some points in it are contrary to accepted facts.

Những người đã nghiên cứu sâu sắc nhất sẽ là những người đầu tiên thừa nhận rằng trong khoa học tuyệt vời về linh hồn này, chúng ta vẫn chỉ đang nhặt những viên sỏi trên bờ biển kiến thức bao la, rằng thông tin đầy đủ nhất của chúng ta cho đến nay vẫn còn lâu mới đầy đủ, và sự đa dạng và khả năng thích ứng kỳ diệu của các điều kiện cảm xúc là rất lớn đến mức sẽ là liều lĩnh khi nói rằng không có gì là không thể. Tuy nhiên, một số quy tắc rộng nhất định đã được thiết lập tốt, và một số quy tắc này dường như đã bị vi phạm bởi câu chuyện của Ahrinziman, nếu chúng ta hiểu theo nghĩa đen, mặc dù tất cả đều dễ dàng phù hợp nếu chúng ta cho phép một số hạn chế nhất định từ phía ông ấy. Nếu toàn bộ sự việc chỉ đơn giản là một câu chuyện ngụ ngôn, thì tốt thôi; nhưng điều thú vị là thấy Ahrinziman có thể hoàn toàn trung thực trong lời kể của mình như thế nào, ngay cả khi một số điểm trong đó trái ngược với sự thật đã được chấp nhận.

The first great question is whether a stay of anything like such a period as two thousand three hundred years in the astral world is at all possible, since we know that twenty or thirty years is a fair average for ordinary persons. It is true that a man of unusual will-power may greatly prolong his astral life by intensifying his passions and desires, and throwing all his

Câu hỏi lớn đầu tiên là liệu việc ở lại bất kỳ khoảng thời gian nào giống như hai nghìn ba trăm năm trong cõi cảm dục có hoàn toàn khả thi hay không, vì chúng ta biết rằng hai mươi hoặc ba mươi năm là mức trung bình khá đối với những người bình thường. Đúng là một người có sức mạnh ý chí khác thường có thể kéo dài đáng kể cuộc sống cảm dục của mình bằng cách tăng

strength into the lower rather than the higher side of himself; and this is exactly what Ahrinziman represents himself to have done. I have read of a case in Germany where an erring priest was earth-bound for four hundred years, and I have myself known one where ambition and a determined will detained a person in astral life for three hundred; but such instances are infrequent, and none of them even approach the vista of centuries claimed by Ahrinziman. It is clear, too, that he does not consider himself by any means as a special case, for he speaks of many friends and contemporaries as still with him, some in advance of him in progress, and some behind him. If, therefore, we are to accept his story as genuine, it becomes more probable if we regard it rather as an attempt to describe conditions through which he passed during the first century after his death than as indicating anything at present existing.

cường đam mê và ham muốn của mình, và dồn hết sức mãnh lực của mình vào mặt thấp hơn thay vì mặt cao hơn của bản thân; và đây chính xác là những gì Ahrinziman tự nhận mình đã làm. Tôi đã đọc về một trường hợp ở Đức, nơi một linh mục lầm lỗi bị ràng buộc với trái đất trong bốn trăm năm, và bản thân tôi đã biết một trường hợp mà tham vọng và ý chí kiên quyết đã giữ một người trong cuộc sống cảm dục trong ba trăm năm; nhưng những trường hợp như vậy không thường xuyên, và không có trường hợp nào trong số chúng thậm chí tiếp cận được viễn cảnh hàng thế kỷ mà Ahrinziman tuyên bố. Cũng rõ ràng là ông ấy không hề coi mình là một trường hợp đặc biệt, bởi vì ông ấy nói về nhiều người bạn và người cùng thời vẫn còn với ông ấy, một số tiến bộ hơn ông ấy, và một số tụt hậu hơn ông ấy. Do đó, nếu chúng ta chấp nhận câu chuyện của ông ấy là thật, thì nó sẽ trở nên có nhiều khả năng hơn nếu chúng ta coi nó như một nỗ lực để mô tả các điều kiện mà ông ấy đã trải qua trong thế kỷ đầu tiên sau khi chết hơn là chỉ ra bất cứ điều gì hiện đang tồn tại.

Though eager for occult knowledge, he did not show much attraction towards spirituality, except in childhood; his actions were chiefly the result of ambition, passion and revenge, and he died by violence in the prime of life. Considering all these factors we should expect a protracted and stormy astral existence, the earlier part of which would probably be extremely unpleasant; we should expect also that gradually the passions would wear themselves out, that the better side of his nature would assert itself, and that opportunities would be offered for progress.

Mặc dù háo hức với kiến thức huyền bí học, nhưng ông không thể hiện nhiều sức hấp dẫn đối với tinh thần, ngoại trừ thời thơ ấu; hành động của ông chủ yếu là kết quả của tham vọng, đam mê và trả thù, và ông đã chết một cách dữ dội khi đang ở thời kỳ sung sức nhất của cuộc đời. Xét tất cả những yếu tố này, chúng ta nên mong đợi một sự tồn tại cảm xúc kéo dài và hỗn loạn, phần đầu của nó có thể sẽ cực kỳ khó chịu; chúng ta cũng nên mong đợi rằng dần dần những đam mê sẽ tự biến mất, mặt tốt hơn trong bản chất của ông sẽ tự khẳng định mình, và cơ hội để tiến bộ sẽ được trao.

All this is what Ahrinziman describes, but he surrounds it with a wealth of allegory that may easily be misunderstood, and he spreads over two thousand three hundred years what may well have occupied forty or fifty. We must not forget that in the astral world none of our ordinary methods of time-measurement are available, and that if, even in physical life, a few hours of suffering or anxiety seem to us almost interminable, this characteristic is exaggerated a hundredfold in an existence of which feelings and passions are the very essence. While it is scarcely conceivable that Ahrinziman can really

Tất cả những điều này là những gì Ahrinziman mô tả, nhưng ông ấy bao quanh nó bằng vô số câu chuyện ngụ ngôn có thể dễ bị hiểu lầm, và ông ấy trải dài hai nghìn ba trăm năm những gì có thể chỉ chiếm bốn mươi hoặc năm mươi năm. Chúng ta không được quên rằng trong cõi cảm dục, không có phương pháp đo thời gian thông thường nào của chúng ta có sẵn, và rằng nếu, ngay cả trong cuộc sống vật chất, một vài giờ đau khổ hoặc lo lắng dường như đối với chúng ta gần như vô tận, thì đặc điểm này còn bị phóng đại gấp trăm lần trong một sự tồn tại mà cảm xúc và đam mê là bản chất của nó. Mặc dù khó có thể tin được

have spent two thousand years in the astral world, it is easy to believe that his sojourn there *seemed* to him an eternity.

rằng Ahrinziman thực sự đã dành hai nghìn năm trong cõi cảm dục, nhưng thật dễ dàng để tin rằng khoảng thời gian ông ấy ở đó dường như là một cõi vĩnh hằng đối với ông ấy.

Still the fact remains that, if he is to be credited as to the physical part of his life, about that length of time has passed since his assassination; what then has he been doing during all these years? I have no personal acquaintance with him, and no right to make impertinent enquiries, but a case somewhat parallel to his which I recently investigated may suggest to us a possible explanation.

Tuy nhiên, sự thật vẫn là, nếu ông ấy đáng tin về phần trần gian trong cuộc đời mình, thì khoảng thời gian đó đã trôi qua kể từ khi ông ấy bị ám sát; vậy thì ông ấy đã làm gì trong suốt những năm này? Tôi không quen biết cá nhân ông ấy, và không có quyền hỏi những câu hỏi khiếm nhã, nhưng một trường hợp gần giống với trường hợp của ông ấy mà tôi gần đây đã nghiên cứu có thể gợi ý cho chúng ta một lời giải thích khả dĩ.

I was consulted by a lady who stated that her "spirit guide" was a priest of ancient Egypt; and as the advice which he gave was good, and his teaching accurate, it seemed worth while to inquire into his reasons for making so extraordinary a claim, as it appeared scarcely likely that so dignified and upright a man would stoop to the common and petty device of impersonation. On meeting him I saw at once that he had unquestionably been initiated up to a certain level into the Mysteries according to the Egyptian Rite, and naturally I wondered how it could be that he was still active in the astral world. Upon examination I found that since his life as an Egyptian priest he had had another incarnation, which he had spent wearily and unsatisfactorily within the walls of a monastery, devoting it apparently to the working out of some accumulations of karma; but after his death certain circumstances (it *seemed* a mere accident) brought him into touch with the thought-current of his old Egyptian surroundings.

Tôi đã được một phụ nữ hỏi ý kiến, người nói rằng "người hướng dẫn tinh thần" của bà là một linh mục của Ai Cập cổ đại; và vì lời khuyên mà ông ấy đưa ra là đúng, và lời dạy của ông ấy chính xác, nên dường như đáng để hỏi về lý do của ông ấy khi đưa ra tuyên bố phi thường như vậy, vì dường như khó có khả năng một người ngay thẳng và đáng kính như vậy lại hạ mình xuống mánh khóe đóng giả phổ biến và nhỏ nhen. Khi gặp ông ấy, tôi ngay lập tức thấy rằng ông ấy chắc chắn đã được điểm đạo đến một cấp độ nhất định trong các Bí ẩn theo Nghi lễ Ai Cập, và đương nhiên tôi tự hỏi làm thế nào mà ông ấy vẫn còn hoạt động trong cõi cảm dục. Qua quá trình kiểm tra, tôi phát hiện rằng, kể từ kiếp sống của ông như một tu sĩ Ai Cập, ông đã có một kiếp sống khác, trong đó ông đã sống một cách mệt mỏi và không thỏa mãn trong các bức tường của một tu viện, dường như dành kiếp sống đó để hóa giải một số nghiệp quả tích lũy. Tuy nhiên, sau khi ông qua đời, một số hoàn cảnh nhất định (*dường như* chỉ là một sự tình cờ) đã đưa ông tiếp xúc trở lại với dòng tư tưởng của môi trường Ai Cập cổ xưa mà ông từng thuộc về.

Instantly the memory of that previous life flashed into his consciousness (I think it had always been hovering upon the threshold, and he had always been hungering, though he did not know for what), and it was so much more vivid and real than the dull monastic round, that the latter became to him a mere evil dream. He soon forgot it altogether, or regarded it as nothing more than a wearisome part of his astral punishment, and so he was really quite honest in

Ngay lập tức, ký ức về kiếp sống trước đó lóe lên trong tâm thức của ông (tôi nghĩ rằng nó luôn lởn vởn bên ngưỡng cửa tâm trí, và ông luôn khao khát, dù không biết mình khao khát điều gì), và ký ức này sống động, thực tế hơn nhiều so với cuộc sống đơn điệu trong tu viện, đến mức cuộc sống tu hành đó trở thành một giấc mơ xấu xa đối với ông. Ông sớm quên hẳn nó, hoặc chỉ xem nó như một phần nhàm chán trong sự trừng phạt thuộc cõi cảm dục, và do đó ông thực sự rất thành

his statement that he *was* that Egyptian priest—the powerful personality with which he had identified himself up to the close of his last life in the heaven-world, just before his descent into the comparatively recent incarnation in which he became a monk. I do not assert that Ahrinziman's case is similar, but it is at least possible that it may be.

thật khi tuyên bố rằng mình chính là tu sĩ Ai Cập đó—nhân cách mạnh mẽ mà ông đã tự đồng nhất hóa cho đến khi kết thúc kiếp sống cuối cùng của mình trong cõi thiên đường, ngay trước khi ông giáng sinh vào kiếp sống tương đối gần đây, nơi ông trở thành một tu sĩ. Tôi không khẳng định rằng trường hợp của Ahrinziman cũng tương tự, nhưng ít nhất điều đó có thể xảy ra.

Naturally Ahrinziman writes as a man of his day, and uses the terminology to which he is accustomed, much of which sounds odd in our ears to-day, especially as he constantly confounds his symbols with material facts. Of course it is not actually true, as he supposes, that men are divided into three great groups, having at their heads angels bearing respectively white, red, and golden stars, any more than it is actually true that Phoebus drives his chariot daily across the sky from east to west, or that the Sun God is newly born at Christmas when the days begin to grow longer. But it *is* true that some ancient religions adopted a system of symbology closely allied to that which this book puts forth, and that a man passing into astral life with his mind filled with such preconceived ideas might go on for a long time interpreting everything in accordance with them, and ignoring facts which they did not cover.

Tự nhiên, Ahrinziman viết như một con người của thời đại ông, sử dụng thuật ngữ mà ông quen thuộc, nhiều trong số đó nghe có vẻ kỳ lạ đối với chúng ta ngày nay, đặc biệt vì ông thường xuyên nhầm lẫn giữa các biểu tượng của mình và các sự kiện vật chất. Tất nhiên, điều mà ông giả định rằng loài người được chia thành ba nhóm lớn, đứng đầu mỗi nhóm là các thiên thần mang theo lần lượt các ngôi sao màu trắng, đỏ và vàng, không thực sự đúng, cũng giống như việc Phoebus hàng ngày lái cỗ xe của mình băng qua bầu trời từ đông sang tây, hoặc Thần Mặt Trời tái sinh vào dịp Giáng sinh khi ngày bắt đầu dài hơn. Tuy nhiên, sự thật là một số tôn giáo cổ xưa đã áp dụng một hệ thống biểu tượng học gần gũi với những gì cuốn sách này đề xuất, và một người khi bước vào cõi cảm dục với tâm trí đầy những ý tưởng định kiến như vậy có thể tiếp tục trong một thời gian dài diễn giải mọi thứ theo các ý tưởng đó, và phớt lờ những sự kiện mà chúng không bao quát được.

It is true also that mighty spirits exist whose method of evolution is so entirely different from our own, that *for us* it would be evil; but with them we do not normally come into contact, nor is it of them that Ahrinziman speaks, for he himself admits that his angels of light and darkness are after all human beings who have lived their life on earth. He describes vividly the stupendous thought-edifices reared by man's passions, though he often fails to distinguish the temporary thought-images from the more permanent realities of the world. He gives us a horrible description of a kind of astral battle in which the plain is strewn with the *disjecta membra* of the combatants—a gruesome detail which could not really occur, as will at once be manifest to anyone who comprehends the fluidic nature of the astral body.

Cũng là sự thật rằng có những linh hồn vĩ đại tồn tại với phương pháp tiến hóa hoàn toàn khác biệt với chúng ta đến mức, đối với chúng ta, nó có thể được coi là tà ác; nhưng thông thường chúng ta không tiếp xúc với những linh hồn này, và cũng không phải về họ mà Ahrinziman đề cập, vì chính ông thừa nhận rằng các thiên thần ánh sáng và bóng tối của ông thực chất chỉ là những con người đã từng sống trên Trái Đất. Ông miêu tả sinh động những công trình tư tưởng vĩ đại được xây dựng bởi các đam mê của con người, mặc dù ông thường không phân biệt được rõ ràng giữa các hình tư tưởng tạm thời và các thực tại lâu dài hơn của thế giới. Ông mang đến cho chúng ta một mô tả khủng khiếp về một loại trận chiến cảm dục, nơi chiến trường rải rác với các mảnh vỡ của những người tham chiến—một chi tiết rùng rợn không thể thực sự xảy ra, như sẽ ngay lập tức rõ ràng đối với bất kỳ ai hiểu được bản chất lưu động

của thể cảm dục.

Indeed, if his remarks are really to be taken as representing the ancient Persian knowledge with regard to things astral, we are compelled to recognise that that presentation was less definitely scientific, as well as less comprehensive, than that which is put before students of the occult at the present day. For example, Ahrinziman does not seem to have any clear grasp of the great central fact of reincarnation, or perhaps regards it as an occasional possibility, instead of recognising it as the appointed means of evolution for humanity.

Thật vậy, nếu những nhận xét của ông ấy thực sự được coi là đại diện cho kiến thức của người Ba Tư cổ đại về những thứ thuộc về cõi cảm dục, thì chúng ta buộc phải thừa nhận rằng bài thuyết trình đó kém khoa học hơn, cũng như kém toàn diện hơn so với bài thuyết trình được đưa ra cho các học viên huyền bí học ngày nay. Ví dụ, Ahrinziman dường như không nắm bắt rõ ràng sự thật trung tâm to lớn của sự tái sinh, hoặc có lẽ coi nó như một khả năng không thường xuyên, thay vì công nhận nó như một phương tiện tiến hóa được chỉ định cho nhân loại.

His use of terms is somewhat perplexing until one becomes accustomed to it, for it is fairly evident that he gives the name of "spiritual body" to what we now call the astral vehicle, and that his "astral body" is nothing more than the etheric double—as may be seen when he describes the latter as slightly larger than the physical, and as capable of being influenced by powerful acids; remarks which are true of the etheric double, but would be inaccurate if they referred to what is now termed the astral body. He has also a confusing habit of speaking of unpleasant astral conditions as below the earth-plane, and pleasant ones as above it, though he describes them both as less material than our earth. He has probably been misled by the fact that the denser astral matter does interpenetrate our physical globe, and that those who are confined to the least desirable subdivision may often find themselves actually within the crust of the earth. In addition to this there is, no doubt, a world lower than the physical—one with which normal humanity has happily no connection; but it is more, and not less, material than the world which we think we know.

Cách sử dụng thuật ngữ của ông có phần khó hiểu cho đến khi người ta quen với nó, bởi vì khá rõ ràng là ông ấy đặt tên "thể tinh thần" cho thứ mà bây giờ chúng ta gọi là thể cảm xúc, và "thể cảm xúc" của ông ấy không là gì khác ngoài thể dĩ thái kép — như có thể thấy khi ông ấy mô tả cái sau lớn hơn một chút so với thể xác, và có khả năng bị ảnh hưởng bởi axit mạnh; những nhận xét đúng với thể dĩ thái kép, nhưng sẽ không chính xác nếu chúng đề cập đến thứ mà ngày nay được gọi là thể cảm xúc. Ông ấy cũng có một thói quen khó hiểu là nói về các điều kiện cảm xúc khó chịu là ở dưới cõi trần, và các điều kiện dễ chịu là ở trên nó, mặc dù ông ấy mô tả cả hai đều ít vật chất hơn trái đất của chúng ta. Ông ấy có lẽ đã bị đánh lừa bởi thực tế là vật chất cảm xúc đặc hơn thực sự thâm nhập vào địa cầu vật lý của chúng ta, và những người bị giới hạn trong phân khu ít được mong muốn nhất thường có thể thấy mình thực sự nằm trong lớp vỏ của trái đất. Ngoài ra, chắc chắn có một thế giới thấp hơn thế giới vật chất — một thế giới mà nhân loại bình thường may mắn thay không có mối liên hệ nào; nhưng nó nhiều hơn, chứ không phải ít hơn, vật chất so với thế giới mà chúng ta nghĩ rằng chúng ta biết.

Quite frequently he describes something in language which at once convinces the student that he has unquestionably seen that of which he writes; and then he proceeds to disappoint us by accounting for it in an involved and unscientific manner, or by treating poetic symbols as though they were material facts. Once or twice he shows his conceptions to be tainted by the twin-soul theory—a line of thought to be sedulously avoided by all who wish to make any real advance in occult study.

Khá thường xuyên, ông ấy mô tả điều gì đó bằng ngôn ngữ ngay lập tức thuyết phục người học rằng ông ấy chắc chắn đã nhìn thấy những gì ông ấy viết; và sau đó ông ấy tiếp tục làm chúng ta thất vọng bằng cách giải thích nó theo cách phức tạp và phi khoa học, hoặc bằng cách coi các biểu tượng thơ ca như thể chúng là sự thật vật chất. Một hoặc hai lần, ông ấy cho thấy quan niệm của mình bị vấy bẩn bởi lý thuyết về linh hồn sinh đôi — một dòng suy nghĩ cần được tất cả những ai muốn thực sự tiến bộ trong nghiên cứu huyền bí

học tránh xa.

He is in error when he speaks of mediumship as a necessity for spiritual evolution—though perhaps this is once more merely a question of terminology, as he may be using the word in the sense of psychic sensitiveness. He is, however, clearly wrong when he says that it is impossible for a man, still possessing a physical body fully to comprehend or to control astral forces and beings, or to have perfect spiritual sight. What he no doubt means, or at least ought to mean, is that a man who is still *confined* to his physical body cannot possess these higher powers, for he has not realised that a man may learn during life how to leave his physical body as completely as at death, and may yet return to it when he wishes. Also he shows ignorance of the Oriental teaching when he stigmatises it as selfish, and opines that by it "the eager hunger of the starving many for light is left unsatisfied". On the whole, however, his teaching is commendably free from sectarianism.

Ông đã sai lầm khi nói rằng đồng cốt là một điều cần thiết cho sự tiến hóa tinh thần—mặc dù có lẽ điều này một lần nữa chỉ là vấn đề thuật ngữ, vì ông có thể đang sử dụng từ này theo nghĩa của sự nhạy cảm tâm linh. Tuy nhiên, ông rõ ràng sai lầm khi cho rằng một người vẫn còn sở hữu thể xác không thể hoàn toàn hiểu hoặc kiểm soát được các lực và thực thể thuộc cõi cảm dục, hoặc không thể có thị giác tinh thần hoàn hảo. Điều mà ông chắc chắn muốn nói, hoặc ít nhất là nên muốn nói, là một người vẫn *bị giới hạn* trong thể xác không thể sở hữu những năng lực cao cấp này, vì ông chưa nhận ra rằng một người trong cuộc sống có thể học cách rời khỏi thể xác hoàn toàn như khi chết, và vẫn có thể trở lại khi họ mong muốn. Ngoài ra, ông thể hiện sự thiếu hiểu biết về giáo lý phương Đông khi coi đó là ích kỷ, và cho rằng giáo lý này "để cho cơn đói khát ánh sáng của số đông vẫn không được thỏa mãn". Tuy nhiên, nhìn chung, giáo lý của ông đáng khen ngợi vì tránh được sự bè phái.

Though the student of occultism thus finds himself compelled to differ from Ahrinziman on certain points, I hasten to add that there are many upon which we must all most thoroughly agree with him. To take at random a few of the many gems which may be found, his criticisms on war and conquest, and on the history of religions, are admirable. We are all with him when he writes:

Mặc dù người nghiên cứu huyền bí học thấy mình buộc phải khác biệt với Ahrinziman về một số điểm nhất định, nhưng tôi xin nói thêm rằng có nhiều điểm mà tất cả chúng ta phải hoàn toàn đồng ý với ông ấy. Lấy ngẫu nhiên một vài trong số nhiều viên ngọc quý có thể được tìm thấy, những lời chỉ trích của ông ấy về chiến tranh và chinh phục, và về lịch sử của các tôn giáo, là rất đáng ngưỡng mộ. Tất cả chúng ta đều đồng tình với ông ấy khi ông ấy viết:

I hold that truth and error, good and evil, are to be found everywhere and in all religions and amongst all peoples; and no matter how pure the original doctrines of any form of faith may be, it is impossible to prevent the ambitions and the lusts, the greed and the cruelty of the undeveloped human soul from perverting the purity of the teachings and turning them to the basest purposes and overlaying them with the grossest errors... The absurd ordinances, the horrible sacrifices, the revolting practices, the grotesque beliefs, the fantastic theories, that had crept into the teaching of this religion, were all excrescences fastened one by one upon the simple purity of the teaching of its founder.

Tôi cho rằng sự thật và sai lầm, thiện và ác, được tìm thấy ở khắp mọi nơi và trong tất cả các tôn giáo và giữa tất cả các dân tộc; và cho dù giáo lý ban đầu của bất kỳ hình thức tín ngưỡng nào có thuần khiết đến đâu, thì cũng không thể ngăn cản tham vọng và dục vọng, lòng tham và sự tàn ác của linh hồn con người chưa phát triển làm sai lệch sự thuần khiết của giáo lý và biến chúng thành những mục đích thấp hèn nhất và phủ lên chúng những sai lầm lớn nhất... Những quy định vô lý, những hy sinh khủng khiếp, những tập tục ghê tởm, những niềm tin kỳ quặc, những lý thuyết kỳ quái, đã len lỏi vào giáo lý của tôn giáo này, tất cả đều là những thứ thừa thãi được gắn từng cái một vào sự thuần khiết đơn giản của giáo lý của Đấng Sáng Lập ra nó.

His terminology is perhaps not the best possible, yet there is much truth in his thought that all evil is a perversion of some good quality, into which it will one day be transmuted. Many of his ideas as to spiritual development are also greatly to be commended. The dangers of mediumship and hypnotism could hardly be better expressed than in this solemn warning:

Thuật ngữ của ông ấy có lẽ không phải là tốt nhất có thể, nhưng có nhiều sự thật trong suy nghĩ của ông ấy rằng mọi điều ác đều là sự xuyên tạc của một phẩm chất tốt nào đó, mà một ngày nào đó nó sẽ được chuyển hóa thành. Nhiều ý tưởng của ông ấy về sự phát triển tinh thần cũng rất đáng khen ngợi. Những nguy hiểm của khả năng ngoại cảm và thôi miên khó có thể được thể hiện tốt hơn lời cảnh báo long trọng này:

Let no one ever resign the sovereignty of himself, his mind or body, into the hands of another, be he priest or layman. For a man's freedom is his divine prerogative, and he who yields it to another is more abject than the lowest slave.

Đừng bao giờ từ bỏ chủ quyền của bản thân, tâm trí hoặc cơ thể của mình vào tay người khác, dù họ là linh mục hay giáo dân. Bởi vì sự tự do của một người là đặc quyền thiêng liêng của họ, và người nào từ bỏ nó cho người khác còn hèn hạ hơn cả nô lệ thấp hèn nhất.

Again it is explained in one of the notes:

Một lần nữa, nó được giải thích trong một trong các ghi chú:

A perfect trance should be the conscious flight of the soul into a superior condition, from which it ought to return strengthened and refreshed and capable of wider thoughts and nobler and freer actions, and a stronger and more perfect possession of its own individuality. To apply the word 'trance' to those exhibitions of semi-conscious mental aberration of persons whose sensitiveness lays them open to the mesmeric control of either incarnate or excarnate minds, is to propagate an error which ought long ago to have been exploded. With the spread of mediumistic development, all and every variety and degree of sub-conscious conditions have come to be classed as 'trances,' yet they bear no more resemblance to the true trance of the developed mystic of the older occult faiths than does the sleep which is produced by the use of powerful narcotic drugs resemble that of healthy, tired nature. The hypnotically-induced trance is as pernicious to the soul as would be the habitual use of narcotics to the body. Whether the magnetiser be in the flesh or out of it, the results are the same; an habitual use of magnetism to induce sleep or 'trance' is an evil.

Xuất thần hoàn hảo nên là chuyến bay có tâm thức của linh hồn đến một trạng thái cao cấp hơn, mà từ đó nó nên trở lại được củng cố, được làm mới và có khả năng suy nghĩ rộng hơn, hành động cao quý hơn và tự do hơn, và sở hữu cá tính của chính mình một cách hoàn hảo và mạnh mẽ hơn. Áp dụng từ 'xuất thần' cho những biểu hiện của sự lệch lạc trí tuệ bán tâm thức của những người có sự nhạy cảm khiến họ dễ bị kiểm soát thôi miên bởi những tâm trí nhập thể hoặc xuất thể, là tuyên truyền một sai lầm đáng lẽ phải bị bác bỏ từ lâu. Với sự lan rộng của sự phát triển ngoại cảm, tất cả và mọi loại và mức độ của các trạng thái tiềm thức đã được xếp vào loại 'xuất thần', nhưng chúng không giống với trạng thái xuất thần thực sự của nhà huyền bí học phát triển của các tín ngưỡng huyền bí học cũ hơn là giấc ngủ được tạo ra bằng cách sử dụng các loại thuốc gây mê mạnh giống với giấc ngủ của bản chất mệt mỏi, khỏe mạnh. Trạng thái xuất thần do thôi miên gây ra cũng tai hại cho linh hồn như việc sử dụng ma túy thường xuyên đối với cơ thể. Cho dù người thôi miên có ở trong xác thịt hay ngoài xác thịt, thì kết quả cũng như nhau; việc sử dụng từ tính thường xuyên để gây ngủ hoặc 'xuất thần' là một điều xấu.

He describes accurately how the lower dead crowd to séances, and how the so-called guides are by no means always strong enough to keep off evil influences. Clearly also does he warn us how readily the ideas of the earthly enquirers mingle with the revelations of the magnetised medium, so that by such a method of

Ông ấy mô tả một cách chính xác cách mà người chết cấp thấp đổ xô đến các buổi gọi hồn, và cách mà những người được gọi là người hướng dẫn không phải lúc nào cũng đủ mạnh để chống lại những ảnh hưởng xấu xa. Ông ấy cũng cảnh báo chúng ta một cách rõ ràng rằng những ý tưởng của những người hỏi trên trần gian dễ dàng hòa

investigation a man usually receives such information or counsel as he desires or expects. He understands that asceticism *as such* is useless and often harmful, and that the physical body must be in perfect health and power if visions are to be reliable. He realises, too, something of the difficulties of the way:

lẫn với những điều mặc khải của nhà ngoại cảm bị thôi miên như thế nào, do đó, bằng phương pháp nghiên cứu như vậy, một người thường nhận được thông tin hoặc lời khuyên mà họ mong muốn hoặc mong đợi. Ông ấy hiểu rằng khổ hạnh tự nó là vô ích và thường có hại, và thể xác phải có sức khỏe và sức mạnh hoàn hảo nếu muốn hình ảnh đáng tin cậy. Ông ấy cũng nhận ra một số khó khăn của con đường:

Few, very few, who possess the needful clearness of sight ever learn how to use it successfully; still fewer have the indomitable will and the unquenchable thirst for knowledge which will carry them through all the dangers and trials and disappointments, and the infinite toil and labour involved in these studies.

Ít người, rất ít người, sở hữu thị lực rõ ràng cần thiết từng học cách sử dụng nó thành công; thậm chí còn ít người hơn có ý chí kiên cường và khát khao kiến thức không thể dập tắt sẽ đưa họ vượt qua tất cả những nguy hiểm, thử thách và thất vọng, và sự lao động và công sức vô hạn có liên quan đến những nghiên cứu này.

He has all history on his side when he tells us that those who develop the highest degrees of power will do well entirely to withdraw themselves from active life in the physical world, and his strange congeries of characters is gradually brought to understand that only through unselfishness is real progress possible.

Ông ấy có tất cả lịch sử về phía mình khi ông ấy nói với chúng ta rằng những người phát triển sức mạnh ở mức độ cao nhất sẽ làm tốt việc hoàn toàn rút lui khỏi cuộc sống năng động trong thế giới vật chất, và tập hợp các nhân vật kỳ lạ của ông ấy dần dần hiểu ra rằng chỉ thông qua sự vị tha thì sự tiến bộ thực sự mới có thể xảy ra.

Again and again little touches of knowledge leap to the eyes of the student, showing that things have been rightly seen, even though the expression may be confused for want of more definite classification of the facts. Ahrinziman understands the making of talismans and potions; he sees how a single action or thought of revenge opens the door to evil influences which may cling to its author for years to come; he describes how the presence of the dead causes the living to think of them, even though not sufficiently developed to perceive them.

Hết lần này đến lần khác, những kiến thức nhỏ bé hiện ra trước mắt người học, cho thấy rằng mọi thứ đã được nhìn nhận một cách chính xác, ngay cả khi cách diễn đạt có thể bị nhầm lẫn vì thiếu sự phân loại rõ ràng hơn về các sự kiện. Ahrinziman hiểu cách tạo ra bùa hộ mệnh và thuốc tiên; ông ấy thấy cách mà một hành động hoặc suy nghĩ trả thù duy nhất mở ra cánh cửa cho những ảnh hưởng xấu xa có thể đeo bám tác giả của nó trong nhiều năm tới; ông ấy mô tả cách sự hiện diện của người chết khiến người sống nghĩ về họ như thế nào, ngay cả khi chưa đủ phát triển để nhận thức được họ.

In writing of astral life, he gives us a fine description of the wicked queen surrounded after death by evil thoughts and memories, which to her were as actual events; and a grimly realistic touch is the account of the slave who spends his time in crawling ever backwards and forwards through the secret passage in the making of which he was murdered. He tells us of the dead who have a confused impression that they are still in their earthly bodies, and of those others who, having realised their separation, try to use the earthly bodies of living men as

Khi viết về cuộc sống cảm dục, ông ấy đưa ra cho chúng ta một mô tả hay về hoàng hậu độc ác bị bao vây sau khi chết bởi những suy nghĩ và ký ức xấu xa, mà đối với bà ta là những sự kiện có thật; và một nét chân thực nghiệt ngã là lời kể về người nô lệ dành thời gian của mình để bò lùi và tiến về phía trước qua lối đi bí mật mà ông ta đã bị sát hại khi tạo ra nó. Ông ấy kể cho chúng ta nghe về những người chết có ấn tượng mơ hồ rằng họ vẫn đang ở trong thể xác trần gian của mình, và về những người khác, sau khi nhận ra sự chia cắt của mình, cố gắng sử dụng thể xác trần gian của

mediums for the gratification of their passion. He comprehends, too, how men who stand side by side, as far as space is concerned, may yet be absolutely unconscious of one another; he knows the glorious truth that no evil can be eternal, that however far from the Path the erring soul may wander, at long, long last it also will find its homeward way.

những người sống như những phương tiện để thỏa mãn đam mê của họ. Ông ấy cũng hiểu cách mà những người đứng cạnh nhau, xét về không gian, nhưng vẫn hoàn toàn không ý thức được về nhau; ông ấy biết sự thật vinh quang rằng không có điều ác nào có thể tồn tại vĩnh cửu, rằng dù linh hồn lầm lạc có đi lang thang xa Con Đường đến đâu, thì cuối cùng, rất lâu sau đó, nó cũng sẽ tìm được đường về nhà.

He ends with a hope which we all may echo—that, as the barriers of ignorance which so long have divided nation from nation are gradually wearing thinner before the radiating force of knowledge, and the light of brotherhood is beginning faintly to shine through, so the same wider knowledge and clearer insight may, by degrees, set at naught the imaginary barrier which we have misnamed death, showing us that there is in truth no separation after all, since whether at the moment we happen to have physical bodies, or not, we are all members of the same great fraternity, all moving towards the same goal, all enveloped in the sunlight of the same Eternal Love.

Ông ấy kết thúc với một hy vọng mà tất cả chúng ta có thể lặp lại — rằng, khi những rào cản của sự thiếu hiểu biết đã chia cắt các quốc gia với nhau từ lâu dần dần trở nên mỏng hơn trước mãnh lực tỏa sáng của tri thức, và ánh sáng của tình huynh đệ bắt đầu le lói, thì kiến thức rộng lớn hơn và cái nhìn sâu sắc rõ ràng hơn cũng có thể dần dần xóa bỏ rào cản tưởng tượng mà chúng ta đã gọi sai là cái chết, cho chúng ta thấy rằng trên thực tế không hề có sự chia cắt, vì dù hiện tại chúng ta có thể có thể xác hay không, tất cả chúng ta đều là thành viên của cùng một hội ái hữu vĩ đại, tất cả đều hướng tới cùng một mục tiêu, tất cả đều được bao bọc trong ánh sáng mặt trời của cùng một Tình yêu thương vĩnh cửu.

CHAPTER XIII - OUR ATTITUDE TOWARDS THESE INFLUENCES

PROTECTIVE SHELLS

WE have considered specimens of the various kinds of influences which are coming in upon us from all sides, and we find that among such influences are many which are disturbing and undesirable; so a question naturally arises as to how we can best avoid or neutralise these. It is an easy matter to form round oneself when necessary a sort of temporary suit of armour of higher matter—what is commonly called by students a protective shell. But is this the best way to meet the difficulty? An authority on the subject once remarked that, as far as self-protection is concerned, the best thing to do with a shell is not to form it in the first place, and if one has formed it, to break it up as speedily as possible! There is certainly a good deal of truth in these words, for in the majority of cases (at least among all but the most elementary students) all that can be achieved by the formation of a shell round oneself can also be done more effectively and with less danger in other ways, as we shall see later. Exact knowledge as to the formation of shells of various kinds is sometimes useful; but, like most other knowledge, it may be abused, so before directing one's energies along these lines it is desirable to know exactly what one wishes to do and how it is to be achieved.

The first great principle to bear in mind is that a shell should be used far more frequently for the protection of others than for oneself. The Invisible Helpers, for example, frequently find it desirable to make such a defence for some of those whom they are trying to save from evil influences of various sorts. But the average enquirer has more often in mind the idea of protecting himself against various outer influences, and he usually asks how he may form a shell for that purpose. There are occasions in which such action is allowable, and we may perhaps group these under three heads corresponding to the etheric, the astral and the mental vehicles.

LỚP VỎ BẢO VỆ

Chúng ta đã xem xét các mẫu vật của các loại ảnh hưởng khác nhau đang tác động đến chúng ta từ mọi phía, và chúng ta thấy rằng trong số những ảnh hưởng đó có nhiều ảnh hưởng gây xáo trộn và không mong muốn; vì vậy, một câu hỏi tự nhiên được đặt ra là làm thế nào chúng ta có thể tránh hoặc trung hòa những điều này một cách tốt nhất. Thật dễ dàng để tạo ra xung quanh mình khi cần thiết một loại áo giáp tạm thời bằng vật chất cao hơn — thứ thường được các học viên gọi là lớp vỏ bảo vệ. Nhưng đây có phải là cách tốt nhất để giải quyết khó khăn không? Một chuyên gia về chủ đề này đã từng nhận xét rằng, xét về khả năng tự bảo vệ, điều tốt nhất nên làm với một lớp vỏ là không nên hình thành nó ngay từ đầu, và nếu đã hình thành nó, hãy phá vỡ nó càng nhanh càng tốt! Chắc chắn có rất nhiều sự thật trong những lời này, bởi vì trong phần lớn các trường hợp (ít nhất là trong số tất cả trừ những học viên cơ bản nhất), tất cả những gì có thể đạt được bằng cách hình thành một lớp vỏ xung quanh bản thân cũng có thể được thực hiện hiệu quả hơn và ít nguy hiểm hơn theo những cách khác, như chúng ta sẽ thấy sau này. Kiến thức chính xác về cách hình thành các loại vỏ đôi khi rất hữu ích; nhưng, giống như hầu hết các kiến thức khác, nó có thể bị lạm dụng, vì vậy trước khi hướng năng lượng của một người theo những cách này, người ta nên biết chính xác mình muốn làm gì và làm thế nào để đạt được điều đó.

Nguyên tắc quan trọng đầu tiên cần ghi nhớ là một lớp vỏ nên được sử dụng thường xuyên hơn để bảo vệ người khác hơn là cho bản thân. Ví dụ, những Người trợ giúp vô hình thường thấy cần thiết phải tạo ra sự bảo vệ như vậy cho một số người mà họ đang cố gắng cứu khỏi những ảnh hưởng xấu xa thuộc nhiều loại khác nhau. Nhưng người hỏi trung bình thường nghĩ đến ý tưởng bảo vệ bản thân trước những ảnh hưởng bên ngoài khác nhau, và họ thường hỏi làm thế nào họ có thể tạo thành một lớp vỏ cho mục đích đó. Có những trường hợp mà hành động như vậy được cho phép, và có lẽ chúng ta có thể nhóm chúng thành ba loại tương ứng với thể dĩ thái, thể cảm xúc và thể trí.

In all cases alike these shells are constructed by the power of the will, but before exercising that power it is well to know of what kind of matter the shell is to be built and what it is desired to keep out. The directions usually given are that the student should think of his aura as surrounding him in ovoid form, should concentrate strongly upon the outer surface of that aura, and should then exert his will to harden it so that it may become impervious to any influences from without. These directions are good, and a fairly strong shell can be made in that way; but the effort will be at the same time much less laborious and much more effective if the man understands exactly what he is doing and why, and so can send forth the energy of his will in the right direction only, instead of flooding the whole neighbourhood with a stream of ill-directed force. Let us then consider the three varieties somewhat in detail, and see for what purpose each is appropriate.

Trong mọi trường hợp, những lớp vỏ này đều được xây dựng bởi sức mạnh của ý chí, nhưng trước khi sử dụng sức mạnh đó, tốt hơn hết là nên biết lớp vỏ đó được tạo ra từ loại vật chất nào và người ta muốn ngăn chặn điều gì. Các hướng dẫn thường được đưa ra là người học nên nghĩ về hào quang của mình như bao quanh mình ở dạng hình trứng, nên tập trung mạnh vào bề mặt bên ngoài của hào quang đó, và sau đó nên vận dụng ý chí của mình để làm cứng nó để nó có thể trở nên không thấm vào bất kỳ ảnh hưởng nào từ bên ngoài. Những hướng dẫn này là tốt, và một lớp vỏ khá chắc chắn có thể được tạo ra theo cách đó; nhưng đồng thời, nỗ lực này sẽ ít tốn công sức hơn và hiệu quả hơn nhiều nếu người đó hiểu chính xác mình đang làm gì và tại sao, và do đó có thể gửi năng lượng ý chí của mình theo đúng hướng, thay vì tràn ngập toàn bộ vùng lân cận với một dòng chảy của mãnh lực được định hướng sai. Vậy thì chúng ta hãy xem xét ba loại này một cách chi tiết, và xem xét mục đích mà mỗi loại phù hợp.

THE DĨ THÁIIC SHELL

LỚP VỎ DĨ THÁI

We will take first that which is intended to protect the physical body (including the etheric double) from various dangers to which it may be liable. The more common uses of such a shell are three—to protect a sensitive man when in a crowd; to shield the physical body at night when the man leaves it in sleep; and to prevent the danger of physical infection on some occasion when the student has in the course of his duty to subject himself to it. In all these cases it is obvious that the shell must be of etheric matter and of etheric matter only, if it is to be effective for its purpose, although it may sometimes be desirable to create other shells in other worlds simultaneously to afford protection from other classes of dangers.

Chúng ta sẽ xem xét trước tiên lớp vỏ nhằm bảo vệ thể xác (bao gồm cả thể dĩ thái kép) khỏi những nguy hiểm khác nhau mà nó có thể gặp phải. Các công dụng phổ biến hơn của lớp vỏ như vậy là ba — để bảo vệ một người nhạy cảm khi ở trong đám đông; để che chắn cho thể xác vào ban đêm khi người đó rời khỏi nó trong giấc ngủ; và để ngăn ngừa nguy cơ lây nhiễm thể chất trong một số trường hợp mà người học phải tự mình đối mặt với nó trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong tất cả những trường hợp này, rõ ràng là lớp vỏ phải được làm bằng vật chất dĩ thái và chỉ bằng vật chất dĩ thái, nếu nó muốn có hiệu quả cho mục đích của mình, mặc dù đôi khi có thể người ta muốn tạo ra các lớp vỏ khác trong các thế giới khác đồng thời để bảo vệ khỏi các loại nguy hiểm khác.

The object of a shell in a crowd is usually twofold. In a mixed multitude of ordinary people there will almost certainly be a great deal of physical magnetism of a kind distasteful to the student and even prejudicial to him, and part of his object in shelling himself is to defend himself against that. It is also probable that in any large crowd there may be a certain number of those unfortunate persons who, being themselves in

Mục đích của một lớp vỏ trong đám đông thường là hai mặt. Trong một đám đông hỗn hợp gồm những người bình thường, gần như chắc chắn sẽ có rất nhiều từ tính vật lý thuộc loại mà người học không thích và thậm chí gây bất lợi cho họ, và một phần mục tiêu của họ khi tự bao bọc mình là để tự bảo vệ mình trước điều đó. Cũng có khả năng là trong bất kỳ đám đông lớn nào cũng có thể có một số người không may, bản thân họ yếu

some way physically weak, are constantly drawing large amounts of vitality from others. Such absorption often takes place entirely without the knowledge of the person temporarily benefited by it, so that he may be regarded as a kind of unconscious etheric kleptomaniac.

đuối về mặt thể chất, liên tục hút một lượng lớn sinh lực từ người khác. Sự hấp thụ như vậy thường diễn ra hoàn toàn mà người được hưởng lợi tạm thời từ nó không hề hay biết, do đó, họ có thể được coi là một kiểu người kleptomaniac dĩ thái vô thức.

One who has thus the misfortune to be an unconscious vampire may be compared to a gigantic sponge, always ready to absorb any amount of specialised vitality which it can obtain. If he confines himself to seizing upon the bluish-white radiations, which every normal person throws out, he will do no harm, for the matter of which these are composed has already been received and dealt with by the person from whose aura it is taken. But usually this is not all that he takes, for on the approach of the vampire this outpouring is greatly stimulated by his drawing force, so that not only the already-utilised bluish-white fluid is lost, but by intense suction the whole circulation of the vitality through the body of the victim is so hastened that the rose-coloured matter is drawn out with the refuse through all the pores of the body, and the unfortunate original owner has not time to assimilate it; so that a capable vampire can drain a person of the whole of his strength in a visit of a few minutes.

Một người không may trở thành ma cà rồng vô thức như vậy có thể được so sánh với một miếng bọt biển khổng lồ, luôn sẵn sàng hấp thụ bất kỳ lượng sinh lực chuyên biệt nào mà nó có thể thu được. Nếu họ chỉ giới hạn trong việc nắm bắt các bức xạ màu trắng xanh mà mọi người bình thường đều phát ra, thì họ sẽ không gây hại gì, vì vật chất mà chúng được tạo thành đã được người có hào quang tiếp nhận và xử lý. nó được lấy từ. Nhưng thông thường, đây không phải là tất cả những gì họ lấy, bởi vì khi ma cà rồng đến gần, dòng chảy ra này bị kích thích rất nhiều bởi mãnh lực hút của nó, do đó không chỉ chất lỏng màu trắng xanh đã được sử dụng bị mất đi, mà bằng cách hút mạnh, toàn bộ quá trình tuần hoàn sinh lực trong cơ thể nạn nhân bị thúc đẩy đến mức vật chất màu hồng bị hút ra cùng với chất thải qua tất cả các lỗ chân lông trên cơ thể, và người chủ sở hữu ban đầu không may không có thời gian để đồng hóa nó; do đó, một ma cà rồng có năng mãnh lực có thể hút cạn toàn bộ sức mãnh lực của một người trong một chuyến thăm kéo dài vài phút.

Such an unconscious vampire is assuredly always an object of pity; yet it would be a great mistake if, because of that pity, any victim voluntarily allowed himself to be depleted, with the idea that he was thereby serving and helping one in sore need. The vampire invariably wastes the substance which he thus nefariously acquires. It rushes through him and is dissipated again without proper assimilation, so that his ever-present thirst is never satiated, and to endeavour by abundant self-sacrifice to fill him up is exactly, to use an expressive Indian proverb, like pouring water into a bag with a hole in it.

Một ma cà rồng vô thức như vậy chắc chắn luôn là đối tượng đáng thương hại; tuy nhiên, sẽ là một sai lầm lớn nếu, vì lòng thương hại đó, bất kỳ nạn nhân nào tự nguyện để cho mình bị rút cạn, với ý nghĩ rằng bằng cách đó, họ đang phục vụ và giúp đỡ một người đang rất cần. Ma cà rồng luôn lãng phí chất mà nó thu được một cách bất chính như vậy. Nó chạy qua nó và bị tiêu tan một lần nữa mà không được đồng hóa thích hợp, do đó cơn khát luôn hiện hữu của nó không bao giờ được thỏa mãn, và nỗ lực bằng cách hy sinh bản thân dồi dào để lấp đầy nó chính xác là, sử dụng một câu tục ngữ Ấn Độ đầy biểu cảm, giống như đổ nước vào một chiếc túi có lỗ thủng.

The only thing that can really be done to help a confirmed unconscious vampire is to supply the vitality for which he craves in strictly limited quantities, while endeavouring, by mesmeric action, to restore the elasticity of the etheric

Điều duy nhất thực sự có thể làm để giúp đỡ một ma cà rồng vô thức đã được xác nhận là cung cấp sinh lực mà họ khao khát với số lượng hạn chế nghiêm ngặt, đồng thời cố gắng, bằng hành động thôi miên, khôi phục độ đàn hồi của thể dĩ thái

double, so that the perpetual suction and corresponding leakage shall no longer take place. Such a leakage invariably flows through every pore of the body on account of this lack of etheric elasticity—not through a sort of tear or wound in the etheric body, as some students have supposed; indeed, the idea of anything in the nature of a permanent tear or wound is incompatible with the conditions of etheric matter and the constitution of the etheric double.

kép, để sự hút liên tục và sự rò rỉ tương ứng sẽ không còn diễn ra nữa. Sự rò rỉ như vậy luôn chảy qua mọi lỗ chân lông trên cơ thể do thiếu độ đàn hồi của dĩ thái — không phải thông qua một loại vết rách hoặc vết thương trên thể dĩ thái, như một số học viên đã giả định; thật vậy, ý tưởng về bất cứ điều gì thuộc loại vết rách hoặc vết thương vĩnh viễn đều không phù hợp với các điều kiện của vật chất dĩ thái và cấu tạo của thể dĩ thái kép.

A strong shell is one way of guarding oneself against such vampirism, and there are many people for whom at present it may be the only way open.

Một lớp vỏ chắc chắn là một cách để bảo vệ bản thân trước ma cà rồng như vậy, và có nhiều người mà hiện tại đó có thể là cách duy nhất để mở.

In the case of normal and healthy people there is usually no trouble with the physical body which is left behind when the man himself moves away in sleep or in trance, for in the improbable event of any sort of attack being made upon it the body would instantly recall the wandering soul, so that the whole man would be at hand to defend himself if necessary. The physical body has a consciousness of its own, quite apart from that of the man who inhabits it—a vague consciousness truly, but still capable of knowing when its vehicle is in danger, and of instinctively taking whatever steps are in its power to protect it. I have myself seen that consciousness manifest itself when the owner of the body had been driven out of it by a dentist's administration of laughing gas—manifest itself in a vague outcry and an inefficient attempt at protesting action when the tooth was extracted, though the man himself afterwards reported that he had been absolutely unconscious of the operation.

Trong trường hợp những người bình thường và khỏe mạnh, thường không có rắc rối gì với thể xác bị bỏ lại phía sau khi chính người đó di chuyển trong giấc ngủ hoặc trong trạng thái xuất thần, bởi vì trong trường hợp không chắc xảy ra bất kỳ loại tấn công nào đối với nó, cơ thể sẽ ngay lập tức gọi lại linh hồn đang lang thang, để toàn bộ con người sẽ có mặt để tự vệ nếu cần thiết. Thể xác có tâm thức riêng của nó, hoàn toàn tách biệt với tâm thức của người cư ngụ trong nó — một tâm thức mơ hồ thực sự, nhưng vẫn có khả năng biết khi nào thể xác của nó gặp nguy hiểm, và theo bản năng thực hiện bất kỳ bước nào trong khả năng của nó để bảo vệ nó. Bản thân tôi đã thấy tâm thức đó tự biểu lộ khi chủ nhân của cơ thể bị nha sĩ sử dụng khí gây cười đuổi ra khỏi nó — tự biểu lộ bằng một tiếng kêu mơ hồ và một nỗ lực kém hiệu quả trong hành động phản đối khi chiếc răng bị nhổ, mặc dù bản thân con người sau đó báo cáo rằng ông ta hoàn toàn không biết gì về ca phẫu thuật.

As the physical body always remains intimately attached by sympathetic vibration to the astral, even when the latter is far away from it, any disturbance which threatens the physical is almost sure to be communicated instantly to the ego, who promptly returns to investigate.

Vì thể xác luôn gắn bó mật thiết với thể cảm xúc bằng rung động đồng cảm, ngay cả khi thể cảm xúc ở rất xa nó, nên bất kỳ sự xáo trộn nào đe dọa thể xác cũng gần như chắc chắn sẽ được truyền ngay lập tức đến bản ngã, người sẽ nhanh chóng quay trở lại để nghiên cứu.

There are, however, abnormal and unfortunate people who are subject to the attacks of certain entities who desire to seize upon and obsess their bodies, and such people sometimes find it necessary to take strong measures to retain possession of their personal property. Or again,

Tuy nhiên, có những người bất thường và không may mắn phải chịu sự tấn công của một số thực thể muốn chiếm đoạt và ám ảnh cơ thể của họ, và những người như vậy đôi khi thấy cần phải thực hiện các biện pháp mạnh mẽ để giữ quyền sở hữu tài sản cá nhân của họ. Hoặc một lần nữa, có lẽ

perhaps circumstances may compel the student to sleep in exceedingly undesirable surroundings —as, for example, in a railway carriage in close physical contact with people of the vampirising type or of coarse and forbidding emanations. In either of these cases a strong etheric shell might be the best way of meeting the difficulty, though the student has the alternative of making a strong thought-form animated with the purpose of guarding the body. Such a thought-form may be made even more effective and vivid if a nature-spirit of appropriate type can be induced to enter into it and take a delight in carrying out its object.

hoàn cảnh có thể buộc người học phải ngủ trong môi trường xung quanh cực kỳ không mong muốn — chẳng hạn như trong một toa tàu hỏa tiếp xúc gần gũi về mặt thể chất với những người thuộc loại ma cà rồng hoặc có khí chất thô thiển và đáng sợ. Trong cả hai trường hợp này, một lớp vỏ dĩ thái chắc chắn có thể là cách tốt nhất để giải quyết khó khăn, mặc dù người học có thể lựa chọn tạo ra một hình tư tưởng mạnh mẽ với mục đích bảo vệ cơ thể. Một hình tư tưởng như vậy có thể được tạo ra hiệu quả và sống động hơn nữa nếu một tinh linh thiên nhiên thuộc loại thích hợp có thể được đưa vào nó và thích thú thực hiện mục tiêu của nó.

The idea of protection from infection is sufficiently obvious to need no special comment. Such infection can enter only by means of physical germs of some sort, and against these a dense wall of etheric matter is a sure protection. It must never be forgotten, however, that a shell which keeps *out* matter of a certain type must also keep it *in*; so that in guarding ourselves against germs which may bring contagion we are also keeping in close contact with the physical body a great mass of its own emanations, many of which are distinctly poisonous in character.

Ý tưởng bảo vệ khỏi bị nhiễm trùng đủ rõ ràng để không cần bình luận đặc biệt. Sự lây nhiễm như vậy chỉ có thể xâm nhập bằng các loại vi trùng vật lý nào đó, và một bức tường dày đặc bằng vật chất dĩ thái là một biện pháp bảo vệ chắc chắn chống lại chúng. Tuy nhiên, không bao giờ được quên rằng một lớp vỏ ngăn chặn vật chất thuộc một loại nhất định cũng phải giữ nó lại; do đó, khi tự bảo vệ mình trước vi trùng có thể mang lại sự lây nhiễm, chúng ta cũng đang giữ cho thể xác tiếp xúc gần gũi với một khối lượng lớn khí thải của chính nó, nhiều loại trong số đó có đặc điểm độc hại rõ rệt.

In the cases above mentioned the shell to be made is of etheric matter only, and the man who wishes to make it must recollect that his etheric body is by no means coterminous with the astral or mental. Both of the latter adopt the shape and size of that ovoid section of the causal body, which alone of its characteristics can manifest in the lower worlds. The etheric body, however, is of the shape of the physical, and projects slightly from its surface in all directions—perhaps a quarter of an inch or so. If, therefore, the plan of densifying the periphery of the aura is to be adopted, the man, who tries the experiment must recollect where that periphery lies, and direct his will-power accordingly.

Trong các trường hợp đã đề cập ở trên, lớp vỏ được tạo ra chỉ bằng vật chất dĩ thái, và người muốn tạo ra nó phải nhớ rằng thể dĩ thái của họ không có nghĩa là trùng với thể cảm xúc hoặc thể trí. Cả hai loại thứ hai đều có hình dạng và kích thước của phần hình trứng của thể nguyên nhân, mà chỉ có các đặc điểm của nó mới có thể biểu lộ trong các thế giới thấp hơn. Tuy nhiên, thể dĩ thái có hình dạng của thể xác, và nhô ra khỏi bề mặt của nó một chút theo mọi hướng — có lẽ khoảng một phần tư inch hoặc hơn. Do đó, nếu kế hoạch làm đặc chu vi của hào quang được áp dụng, thì người thử nghiệm phải nhớ chu vi đó nằm ở đâu và định hướng sức mạnh ý chí của mình cho phù hợp.

He has, however, the alternative of making an ovoid shell of etheric matter drawn from the surrounding atmosphere. That course is in many ways preferable, but demands a far greater exertion of the will and a much more definite knowledge of the way in which physical matter is moulded by it. Such a shell as has been

Tuy nhiên, họ có thể lựa chọn tạo ra một lớp vỏ hình trứng bằng vật chất dĩ thái được rút ra từ bầu khí quyển xung quanh. Cách này ở nhiều khía cạnh là tốt hơn, nhưng đòi hỏi phải vận dụng ý chí nhiều hơn và kiến thức rõ ràng hơn về cách vật chất vật lý được định hình bởi nó. Một lớp vỏ như đã được mô tả, mặc dù vô hình đối với tầm

described, though invisible to ordinary sight, is purely in the physical world, and therefore guards its creator only against definitely physical emanations. It does not in the least affect the entrance of wandering thoughts or of astral vibrations tending to produce passions and emotions of various kinds.

nhìn thông thường, nhưng hoàn toàn nằm trong thế giới vật lý, và do đó chỉ bảo vệ người tạo ra nó khỏi các khí thải rõ ràng về mặt vật lý. Nó không hề ảnh hưởng đến sự xâm nhập của những suy nghĩ lang thang hoặc những rung động cảm xúc có xu hướng tạo ra những đam mê và cảm xúc thuộc nhiều loại khác nhau.

Some sensitive people find it impossible to come near those suffering from any weakness or disease without immediately reproducing in their own physical bodies the symptoms of the sufferers. In such cases an etheric shell may be useful, as without it the sensitive man is largely precluded by this abnormal keenness of sympathy from assisting such people.

Một số người nhạy cảm thấy không thể đến gần những người mắc bất kỳ bệnh tật hoặc điểm yếu nào mà không ngay lập tức tái tạo các triệu chứng của người bệnh trong chính thể xác của họ. Trong những trường hợp như vậy, một lớp vỏ dĩ thái có thể hữu ích, vì nếu không có nó, người nhạy cảm phần lớn sẽ bị loại trừ bởi sự đồng cảm nhạy bén bất thường này khỏi việc giúp đỡ những người như vậy.

Again, for those whose business makes it necessary for them to live and move in the midst of the horrible din of our modern civilisation such a shell may sometimes prove useful, as giving the tired and harassed nerves at least something of an opportunity for recovery, by protecting them for a while from the otherwise incessant hammering of all the multiplex vibrations which constitute modern life.

Một lần nữa, đối với những người mà công việc của họ khiến họ phải sống và di chuyển giữa tiếng ồn ào khủng khiếp của nền văn minh hiện đại của chúng ta, thì một lớp vỏ như vậy đôi khi có thể hữu ích, vì nó mang lại cho các dây thần kinh mệt mỏi và bị quấy rối ít nhất một cơ hội để phục hồi, bằng cách bảo vệ chúng trong một thời gian khỏi sự tấn công không ngừng nghỉ của tất cả các rung động đa dạng cấu thành cuộc sống hiện đại.

SHIELDS

CÁC LỚP VỎ

In some cases what is called for is not a shell surrounding the whole body, but simply a small local shield to guard oneself against some special temporary contact. All sensitive people are aware that the western custom of shaking hands often brings with it positive torment, lasting not infrequently for some hours after the moment of contact. Often to go out of one's way to avoid shaking hands may cause offence, or may give an impression of pride or of an assumption of superiority. The difficulty may usually be obviated by making an effort of the will which covers the right hand with a strong temporary shield of etheric matter, so that the sensitive may endure the unpleasant contact without allowing a single particle charged with undesirable magnetism to enter his body.

Trong một số trường hợp, điều được yêu cầu không phải là một lớp vỏ bao quanh toàn bộ cơ thể, mà chỉ đơn giản là một tấm chắn nhỏ cục bộ để bảo vệ bản thân khỏi một số tiếp xúc tạm thời đặc biệt. Tất cả những người nhạy cảm đều nhận thức được rằng phong tục bắt tay của phương Tây thường mang đến sự đau khổ thực sự, thường kéo dài trong vài giờ sau thời điểm tiếp xúc. Thông thường, việc cố gắng tránh bắt tay có thể gây khó chịu, hoặc có thể tạo ấn tượng về sự kiêu ngạo hoặc giả định về sự vượt trội. Khó khăn này thường có thể được khắc phục bằng cách nỗ lực ý chí bao phủ bàn tay phải bằng một tấm chắn tạm thời chắc chắn bằng vật chất dĩ thái, để người nhạy cảm có thể chịu đựng sự tiếp xúc khó chịu mà không cho phép một hạt nào mang từ tính không mong muốn đi vào cơ thể của họ.

Of the same nature as this, though requiring for their successful manipulation a far greater knowledge of practical magic, are the shells which are sometimes used as a protection

Cùng bản chất với điều này, mặc dù đòi hỏi kiến thức về huyền thuật thực hành cao hơn nhiều để thao tác thành công, là những lớp vỏ đôi khi được sử dụng như một biện pháp bảo vệ chống lại lửa.

against fire. I have myself had such a shell of etheric matter made over the palm of my hand at a spiritualistic séance—made so effectively that, although it was too thin to be observable by the senses, it yet enabled me to hold in my hand for several minutes a glowing coal, from which, while I held it, I was able to light a piece of paper. A still more extended application of the same idea is the much larger shield spread over the glowing ashes, or over the feet of the participants, in the fire-walking experiment which has been so often described.

Bản thân tôi đã có một lớp vỏ vật chất dĩ thái như vậy được tạo ra trên lòng bàn tay của mình tại một buổi gọi hồn — được tạo ra hiệu quả đến mức, mặc dù nó quá mỏng để có thể quan sát được bằng các giác quan, nhưng nó vẫn cho phép tôi cầm trên tay trong vài phút một cục than đang cháy, mà từ đó, trong khi tôi cầm nó, tôi đã có thể châm lửa một mảnh giấy. Một ứng dụng mở rộng hơn nữa của cùng một ý tưởng là tấm chắn lớn hơn nhiều trải rộng trên đống tro tàn, hoặc trên bàn chân của những người tham gia, trong thí nghiệm đi trên lửa đã được mô tả rất nhiều lần.

A WARNING

Students wishing for some reason to guard their physical bodies during sleep may be warned not to repeat the mistake made some time ago by a worthy friend who took a great deal of trouble to surround himself with a specially impenetrable shell on a certain occasion, but made it of astral instead of etheric matter, and consequently took it away with him when he left his physical body! Naturally the result was that his physical body was left entirely unprotected, while he himself floated about all night enclosed in triple armour, absolutely incapable of sending out a single vibration to help anybody, or of being helped or beneficially influenced by any loving thoughts which may have been directed towards him by teachers or friends.

LỜI CẢNH BÁO

Học viên vì lý do nào đó muốn bảo vệ thể xác của mình trong khi ngủ có thể được cảnh báo không nên lặp lại sai lầm mà một người bạn đáng kính đã mắc phải cách đây một thời gian, người đã rất vất vả để bao quanh mình bằng một lớp vỏ đặc biệt không thể xuyên thủng vào một dịp nhất định, nhưng lại làm bằng vật chất cảm xúc thay vì vật chất dĩ thái, và do đó đã mang nó theo khi họ rời khỏi thể xác của mình! Đương nhiên, kết quả là thể xác của họ bị bỏ mặc hoàn toàn không được bảo vệ, trong khi bản thân họ trôi nổi suốt đêm trong bộ giáp ba lớp, hoàn toàn không thể gửi ra một rung động nào để giúp đỡ bất kỳ ai, hoặc được giúp đỡ hoặc bị ảnh hưởng bởi bất kỳ suy nghĩ yêu thương nào có thể được các giáo viên hoặc bạn bè hướng đến họ.

THE ASTRAL SHELL

The objects aimed at in making an astral shell are naturally of an entirely different type, since they must be connected only with passions and emotions. Most of them also fall under three heads. A shell may be formed round the astral body, first, to keep out emotional vibrations intentionally directed by others at the student, such as those of anger, envy or hatred; secondly, to keep out casual vibrations of low type (such as those evoking sensuality) which are not intentionally directed at the student, but are to be found floating in the surrounding atmosphere, and impinge upon him as it were by accident in the course of ordinary life; thirdly, a student may find it useful to surround his astral body with a special shell during the time which he devotes to meditation, if he has been troubled

LỚP VỎ CẢM XÚC

Các mục tiêu nhắm đến khi tạo ra một lớp vỏ cảm xúc đương nhiên thuộc loại hoàn toàn khác, vì chúng chỉ phải liên quan đến đam mê và cảm xúc. Hầu hết chúng cũng được chia thành ba loại. Một lớp vỏ có thể được hình thành xung quanh thể cảm xúc, thứ nhất, để ngăn chặn những rung động cảm xúc do người khác cố tình hướng vào người học, chẳng hạn như những rung động của sự tức giận, ghen tị hoặc thù hận; thứ hai, để ngăn chặn những rung động ngẫu nhiên thuộc loại thấp kém (chẳng hạn như những rung động gợi lên nhục dục) không cố ý hướng vào người học, nhưng được tìm thấy trôi nổi trong bầu khí quyển xung quanh, và va vào họ như thể do tai nạn trong cuộc sống bình thường; thứ ba, người học có thể thấy hữu ích khi bao quanh thể cảm xúc của mình bằng một lớp vỏ đặc biệt trong thời

with the intrusion of thoughts of a low type, which bring with them astral matter and are calculated to provoke undesirable emotion.

gian họ dành cho thiền định, nếu họ gặp rắc rối với sự xâm nhập của những suy nghĩ thuộc loại thấp kém, mang theo vật chất cảm xúc và có khả năng kích động cảm xúc không mong muốn.

In any or all of these cases the effort of the will should be directed to the surface of the astral body—not to that counterpart of denser astral matter which is exactly the shape and size of the physical vehicle, but the egg of surrounding aura, as depicted in the illustrations in *Man Visible and Invisible*. In this, and in all other cases of forming shell, a clear mental picture must be made, and the whole of the person's will-power must be concentrated for at least some minutes upon the definite effort to create the necessary shape. It must also be remembered that such densifications are to a certain extent unnatural; that is to say, they are an arrangement of matter which is not that, normally contemplated in the scheme of things, and consequently there is a constant tendency in the vehicle concerned to resume its normal condition, which, of course, means a constant tendency to disintegration in the shell. The effort of will, therefore, must make a definite impression, sufficient to resist for at least some hours this gentle but persistent effort at disintegration, otherwise the shell will gradually become pervious and ragged, and so fail to fulfil its object. A shell which is required for any length of time should be frequently renewed, as without that process it will soon collapse.

Trong bất kỳ hoặc tất cả các trường hợp này, nỗ lực của ý chí nên được hướng vào bề mặt của thể cảm xúc — không phải đối với vật chất cảm xúc đặc hơn tương ứng chính xác với hình dạng và kích thước của thể xác, mà là hình dạng quả trứng của hào quang xung quanh, như được mô tả trong các hình minh họa trong *Con Người Hữu Hình và Vô Hình*. Trong trường hợp này, và trong tất cả các trường hợp khác của việc hình thành lớp vỏ, một bức tranh trí tuệ rõ ràng phải được tạo ra, và toàn bộ sức mạnh ý chí của người đó phải được tập trung trong ít nhất vài phút vào nỗ lực rõ ràng để tạo ra hình dạng cần thiết. Cũng phải nhớ rằng sự đặc quánh như vậy ở một mức độ nào đó là không tự nhiên; nghĩa là, chúng là một sự sắp xếp vật chất không phải là sự sắp xếp thường được dự tính trong sơ đồ của sự vật, và do đó, có một xu hướng liên tục trong thể có liên quan để tiếp tục trạng thái bình thường của nó, mà tất nhiên, có nghĩa là một xu hướng liên tục đối với sự tan rã trong lớp vỏ. Do đó, nỗ lực ý chí phải tạo ra một ấn tượng rõ ràng, đủ để chống lại ít nhất vài giờ với nỗ lực nhẹ nhàng nhưng dai dẳng này để tan rã, nếu không thì lớp vỏ sẽ dần dần trở nên dễ thấm và xơ xác, và do đó không đạt được mục tiêu của nó. Một lớp vỏ được yêu cầu trong bất kỳ khoảng thời gian nào cũng nên được làm mới thường xuyên, vì nếu không có quá trình đó, nó sẽ sớm sụp đổ.

In connection with the astral body we must bear in mind the same consideration to which I referred in the case of the etheric body—that if a shell will keep out vibrations it will also keep them in. The student who makes an astral shell round himself should therefore be careful to build it only of the material of the lower sub-divisions of the astral, as it is exclusively this matter which responds to the low and undesirable vibrations connected with sensuality, malice, hatred, envy and all other such ignoble passions. The finer emotions, on the contrary, always express themselves through the matter of the higher subdivision. It is unnecessary that any matter of this kind should be used in a shell. Indeed, the effects if such

Liên quan đến thể cảm xúc, chúng ta phải ghi nhớ điều tương tự mà tôi đã đề cập trong trường hợp của thể dĩ thái — rằng nếu một lớp vỏ ngăn chặn các rung động thì nó cũng sẽ giữ chúng lại. Do đó, người học tạo ra một lớp vỏ cảm xúc xung quanh mình nên cẩn thận chỉ xây dựng nó bằng vật chất của các phân khu thấp hơn của cõi cảm xúc, vì đó chỉ là vật chất này phản ứng với những rung động thấp kém và không mong muốn liên quan đến nhục dục, ác ý, thù hận, ghen tị và tất cả những đam mê thấp hèn khác như vậy. Ngược lại, những cảm xúc tinh tế hơn luôn tự thể hiện thông qua vật chất của phân khu cao hơn. Không cần thiết phải sử dụng bất kỳ vật chất nào thuộc loại này trong một lớp vỏ. Thật vậy, nếu sử dụng vật chất như vậy, hiệu ứng sẽ rất không thỏa đáng, vì, thứ

matter were used would be eminently unsatisfactory, as, first, a man would keep away from himself any currents of friendly feeling which might be sent to him, and secondly, he would render himself for the time incapable of sending out similar currents of affectionate feeling to others.

nhất, một người sẽ tránh xa khỏi bản thân bất kỳ dòng chảy cảm xúc thân thiện nào có thể được gửi đến họ, và thứ hai, họ sẽ tự khiến bản thân trong thời gian đó không thể gửi ra những dòng chảy tương tự của cảm xúc trìu mến đến người khác.

It may be asked how it is possible for the ordinary man or even for the younger student to know what kind of astral matter he is employing in the making of his shell. The answer is that that is after all no more difficult than the conception of making a shell at all. If he is to make the shell of astral matter he must first think of the limits of his aura, and then proceed to densify the matter at all those points. The process may therefore be described as an intelligent use of the imagination; and this imagination may just as well be directed with a little more trouble to the conception that the astral body consists of seven degrees of matter, differing in density. The will should be directed to sorting out these, selecting only the material of (let us say) the three lower sub-planes, and forming the shell exclusively of that; and though the student may be unable to see clairvoyantly the result of his effort, he need not doubt that it will produce its effect, and that no types of matter but those of which he thinks will be directly influenced by the currents which he is enabled to send forth.

Người ta có thể hỏi làm thế nào mà người bình thường hoặc thậm chí là học viên trẻ tuổi có thể biết loại vật chất cảm xúc nào họ đang sử dụng để tạo ra lớp vỏ của mình. Câu trả lời là xét cho cùng, điều đó không khó hơn quan niệm về việc tạo ra một lớp vỏ. Nếu họ muốn tạo ra lớp vỏ bằng vật chất cảm xúc, trước tiên họ phải nghĩ đến giới hạn của hào quang của mình, và sau đó tiến hành làm đặc vật chất tại tất cả những điểm đó. Do đó, quá trình này có thể được mô tả như một cách sử dụng trí tưởng tượng một cách thông minh; và trí tưởng tượng này cũng có thể được hướng dẫn với một chút khó khăn hơn đến quan niệm rằng thể cảm xúc bao gồm bảy bậc vật chất, khác nhau về mật độ. Ý chí nên được hướng đến việc phân loại chúng, chỉ chọn vật chất của (chúng ta hãy nói) ba cõi phụ thấp hơn, và hình thành lớp vỏ dành riêng cho điều đó; và mặc dù người học có thể không thể nhìn thấy bằng thông nhãn kết quả của nỗ lực của mình, nhưng họ không cần phải nghi ngờ rằng nó sẽ tạo ra hiệu ứng của nó, và không có loại vật chất nào khác ngoài những loại mà họ nghĩ đến sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các dòng chảy mà họ có thể gửi ra.

THE MENTAL SHELL

LỚP VỎ TRÍ TUỆ

The shell made round the mental body differs from that in the astral world in that the object is no longer to prevent undesirable emotion, but undesirable thought. Once more, there are three principal occasions on which such a shell may be useful: first, in meditation; secondly, when sleep is approaching; thirdly, under special conditions where without its help lower thoughts would be likely to obtrude themselves.

Lớp vỏ được tạo ra xung quanh thể trí khác với lớp vỏ trong cõi cảm dục ở chỗ mục tiêu không còn là để ngăn chặn cảm xúc không mong muốn, mà là suy nghĩ không mong muốn. Một lần nữa, có ba trường hợp chính mà lớp vỏ như vậy có thể hữu ích: thứ nhất, trong thiền định; thứ hai, khi giấc ngủ đang đến gần; thứ ba, trong những điều kiện đặc biệt mà nếu không có sự trợ giúp của nó, những suy nghĩ thấp kém sẽ có khả năng tự chen vào.

The office of the mental shell in meditation is to exclude the mass of lower thought which is perpetually playing about in the atmosphere. No shell can prevent wandering thoughts from arising within the man's own mind; but most of our thought-wandering is caused by the impact

Chức năng của lớp vỏ trí tuệ trong thiền định là loại trừ khối lượng suy nghĩ thấp kém liên tục phát ra trong bầu khí quyển. Không có lớp vỏ nào có thể ngăn chặn những suy nghĩ lang thang phát sinh trong tâm trí của chính con người; nhưng hầu hết những suy nghĩ lang thang của chúng ta

from without of casual floating thoughts which have been left about by other people, and the intrusion of these at least can be prevented by a shell. But here again it is advisable that only the lower mental matter should be employed in the making of such a shell, as otherwise helpful thought might be kept out, or the man's own thought might be hampered as he poured it forth towards the Master.

là do tác động từ bên ngoài của những suy nghĩ trôi nổi ngẫu nhiên do người khác để lại, và ít nhất sự xâm nhập của những suy nghĩ này có thể được ngăn chặn bởi một lớp vỏ. Nhưng ở đây, một lần nữa, người ta khuyên rằng chỉ nên sử dụng vật chất trí tuệ thấp hơn trong việc tạo ra một lớp vỏ như vậy, vì nếu không, suy nghĩ hữu ích có thể bị ngăn chặn, hoặc suy nghĩ của chính con người có thể bị cản trở khi họ tuôn ra đối với Chân Sư.

Many people find themselves troubled with streams of wandering thought when they are trying to fall asleep; a mental shell will deliver them from such of these thoughts as come from without. Such a shell need only be temporary, since all that is required is peace for an interval sufficient to allow the man to fall asleep. The man will carry away with him this shell of mental matter when he leaves his physical body, but its work will then be accomplished, since the whole object of making it is to permit him to leave that body. The stream of idle thoughts or mental worry will probably reassert itself when the shell breaks up, but as the man will then be away from his physical brain this will not interfere with the repose of the body. So long as he is in his physical body the mental action will affect the particles of the brain and produce there such activity as may easily make it impossible for the man to quit the physical vehicle; but when once he is away from the latter, the same worry or wandering thought will not bring him back to it.

Nhiều người thấy mình gặp rắc rối với những dòng suy nghĩ lang thang khi họ đang cố gắng chìm vào giấc ngủ; một lớp vỏ trí tuệ sẽ giải thoát họ khỏi những suy nghĩ như vậy đến từ bên ngoài. Một lớp vỏ như vậy chỉ cần mang tính chất tạm thời, vì tất cả những gì cần thiết là sự bình yên trong một khoảng thời gian đủ để người đó chìm vào giấc ngủ. Người đó sẽ mang theo lớp vỏ vật chất trí tuệ này khi họ rời khỏi thể xác của mình, nhưng công việc của nó khi đó sẽ được hoàn thành, vì toàn bộ mục tiêu của việc tạo ra nó là cho phép họ rời khỏi thể xác đó. Dòng chảy của những suy nghĩ nhàn rỗi hoặc lo lắng về tinh thần có thể sẽ tự khẳng định lại khi lớp vỏ vỡ ra, nhưng vì người đó khi đó sẽ rời xa bộ não vật lý của mình, nên điều này sẽ không ảnh hưởng đến sự nghỉ ngơi của cơ thể. Miễn là họ ở trong thể xác của mình, thì hành động trí tuệ sẽ ảnh hưởng đến các hạt của não và tạo ra hoạt động ở đó đến mức có thể dễ dàng khiến người đó không thể rời khỏi thể xác; nhưng một khi họ đã rời xa thể xác, thì chính sự lo lắng hoặc suy nghĩ lang thang đó sẽ không đưa họ trở lại nó.

The third case to which reference has been made is less simple. It occurs not infrequently that certain groups of thought, some wholly desirable, and some equally undesirable, are closely linked together. To take the first example which comes: it is well known that deep devotion and a certain form of sensuality are frequently almost inextricably mingled. A man who finds himself troubled by this unpleasant conjunction may reap the benefit of the devotion without suffering from the ill effects of the sensuality, by surrounding his mental body with a rigid shell so far as its lower subdivisions are concerned, for in this way he will effectually shut out the lower influences while still allowing the higher to play upon him unhindered. This is but one example of a phenomenon of which there are many varieties in the mental world.

Trường hợp thứ ba được đề cập đến thì ít đơn giản hơn. Không có gì lạ khi một số nhóm suy nghĩ nhất định, một số hoàn toàn mong muốn, và một số không mong muốn như nhau, được liên kết chặt chẽ với nhau. Lấy ví dụ đầu tiên xuất hiện: người ta biết rõ rằng lòng sùng đạo sâu sắc và một hình thức nhục dục nhất định thường gần như gắn bó chặt chẽ với nhau. Một người thấy mình gặp rắc rối bởi sự kết hợp khó chịu này có thể gặt hái lợi ích của sự sùng đạo mà không phải chịu những ảnh hưởng xấu của nhục dục, bằng cách bao quanh thể trí của mình bằng một lớp vỏ cứng nhắc đối với các phân khu thấp hơn của nó, vì theo cách này, họ sẽ loại bỏ một cách hiệu quả những ảnh hưởng thấp kém hơn trong khi vẫn cho phép những ảnh hưởng cao hơn tác động lên họ mà không bị cản trở. Đây chỉ là một ví dụ về một hiện tượng có nhiều biến thể trong thế giới

THE BEST USE OF A SHELL

When a shell has to be made, the method which I have indicated above is probably the easiest by which to make it, but there still remains a further consideration—the question as to whether on the whole the shell is an undesirable thing. It has its uses—indeed it is eminently necessary as applied to other people. The Invisible Helper frequently finds it invaluable when he is trying to relieve some poor harassed soul who has not as yet the strength to protect himself, either against definite and intentional attacks from without, or against the ever-present swirl of the wearisome wandering thought. But to think of using a shell for oneself is to a certain extent a confession of weakness or of defect, for there seems little doubt that, if we were all that we ought to be, we should need no protection of this nature.

A BEAUTIFUL STORY

A beautiful little story from the traditions of the Christian Church illustrates this very happily. It is recorded that somewhere in the desert at the back of Alexandria there was once a monastery whose abbot possessed the power of clairvoyance. Among his monks there were two young men who had an especial reputation for purity and holiness—qualities which ought to be common to all monks, but sometimes are not. One day when they were singing in the choir it occurred to the abbot to turn his clairvoyant faculty upon these two young men, in the endeavour to discover how they contrived to preserve this especial purity amidst the temptations of daily life. So he looked at the first young man and saw that he had surrounded himself with a shell as of glittering crystal, and that when the tempting demons (impure thought-forms we should call them) came rushing at him, they struck against this shell, and fell back without injuring him, so that he remained inside his shell, calm and cold and pure. Then the abbot looked at the second young monk, and he saw that he had built no shell round himself, but that his heart was so full of

trí tuệ.

CÁCH SỬ DỤNG LỚP VỎ TỐT NHẤT

Khi phải tạo ra một lớp vỏ, phương pháp mà tôi đã chỉ ra ở trên có lẽ là cách dễ nhất để tạo ra nó, nhưng vẫn còn một điều cần xem xét nữa — câu hỏi liệu nhìn chung lớp vỏ có phải là một thứ không mong muốn hay không. Nó có công dụng của nó — thực sự nó rất cần thiết khi áp dụng cho người khác. Người trợ giúp vô hình thường thấy nó vô giá khi họ đang cố gắng giải thoát cho một linh hồn đáng thương nào đó vẫn chưa có đủ sức mạnh để tự bảo vệ mình, trước những cuộc tấn công rõ ràng và có chủ ý từ bên ngoài, hoặc trước sự tấn công luôn hiện hữu. vòng xoáy của những suy nghĩ lang thang mệt mỏi. Nhưng nghĩ đến việc sử dụng một lớp vỏ cho bản thân ở một mức độ nào đó là một lời thú nhận về điểm yếu hoặc khuyết điểm, bởi vì dường như không có gì nghi ngờ rằng, nếu tất cả chúng ta đều như những gì chúng ta nên có, thì chúng ta sẽ không cần sự bảo vệ thuộc loại này.

MỘT CÂU CHUYỆN ĐẸP

Một câu chuyện nhỏ hay trong truyền thống của Giáo hội Cơ đốc giáo minh họa điều này rất hay. Người ta ghi chép rằng ở đâu đó trên sa mạc phía sau Alexandria đã từng có một tu viện mà vị trụ trì của nó sở hữu sức mạnh thông nhãn. Trong số các nhà sư của ông, có hai thanh niên đặc biệt nổi tiếng về sự thuần khiết và thánh thiện — những phẩm chất đáng lẽ phải phổ biến đối với tất cả các nhà sư, nhưng đôi khi lại không. Một ngày nọ, khi họ đang hát trong dàn hợp xướng, vị trụ trì chợt nảy ra ý định sử dụng khả năng thông nhãn của mình đối với hai thanh niên này, để cố gắng khám phá ra cách họ xoay sở để giữ gìn sự thuần khiết đặc biệt này giữa những cám dỗ của cuộc sống hàng ngày. Vì vậy, ông ấy nhìn vào chàng trai trẻ đầu tiên và thấy rằng anh ta đã bao quanh mình bằng một lớp vỏ như pha lê lấp lánh, và khi những con quỷ cám dỗ (chúng ta sẽ gọi chúng là hình tư tưởng không thuần khiết) lao vào anh ta, chúng va vào lớp vỏ này, và rơi trở lại mà không làm anh ta bị thương, vì vậy anh ta vẫn ở bên trong lớp vỏ của mình, bình tĩnh, lạnh lùng và thuần khiết. Sau đó, vị trụ trì nhìn vào nhà sư trẻ thứ hai, và ông thấy rằng anh ta không tạo ra lớp vỏ nào xung quanh mình, nhưng trái tim anh ta

the love of God that it was perpetually radiating from him in all directions in the shape of torrents of love for his fellow men, so that when the tempting demons sprang at him with fell intent they were all washed away in that mighty outpouring stream, and so he also remained pure and undefiled. And it is recorded that the abbot said that the second monk was nearer to the kingdom of heaven than the first.

tràn đầy tình yêu thương của Thượng đế đến nỗi nó liên tục tỏa ra từ anh ta theo mọi hướng dưới hình dạng những dòng thác tình yêu thương dành cho đồng loại của mình, do đó, khi những con quỷ cám dỗ lao vào anh ta với ý định xấu xa, tất cả chúng đều bị cuốn trôi trong dòng chảy tuôn trào mạnh mẽ đó, và do đó, anh ta cũng vẫn thuần khiết và không bị vấy bẩn. Và người ta ghi lại rằng vị trụ trì đã nói rằng nhà sư thứ hai gần với vương quốc thiên đường hơn người thứ nhất.

THE BETTER WAY

CÁCH TỐT HƠN

It may be that many of us have not yet reached the level of this second young monk; but at least the story sets before us a higher ideal than that of mere self-protection, and we may learn something of a lesson from him. We must, however, carefully guard ourselves against the feeling of superiority or separateness. We must avoid the danger of thinking too much about the self. We must keep ourselves constantly in a condition of outpouring; we must be active, not passive. When we meet a person our attitude surely should be not: "How can I guard myself against you?" but rather: "What can I do for you?" It is this latter attitude which calls into play the higher forces, because it reflects the attitude of the Solar Deity. It is when we give that we become fit to receive, that we are channels of the mighty force of the Deity Himself.

Có thể nhiều người trong chúng ta vẫn chưa đạt đến trình độ của nhà sư trẻ thứ hai này; nhưng ít nhất câu chuyện cũng đặt ra cho chúng ta một lý tưởng cao hơn lý tưởng chỉ đơn thuần là tự bảo vệ mình, và chúng ta có thể học hỏi được điều gì đó từ anh ấy. Tuy nhiên, chúng ta phải cẩn thận bảo vệ bản thân trước cảm giác vượt trội hoặc tách biệt. Chúng ta phải tránh nguy cơ nghĩ quá nhiều về bản thân. Chúng ta phải liên tục giữ cho mình ở trong trạng thái tuôn trào; chúng ta phải chủ động, không thụ động. Khi gặp một người, thái độ của chúng ta chắc chắn không nên là: "Làm thế nào tôi có thể tự bảo vệ mình trước bạn?" mà là: "Tôi có thể làm gì cho bạn?" Chính thái độ thứ hai này đã phát huy những năng mãnh lực cao hơn, bởi vì nó phản ánh thái độ của Thái dương Thượng đế. Chính khi chúng ta cho đi, chúng ta mới trở nên phù hợp để nhận lại, chúng ta mới là kênh dẫn của sức mạnh to lớn của chính Vị Thần.

We need not even think too much about personal progress. It is possible to be so exclusively occupied with the idea: "How can I get on?" as to forget the even more important question: "What can I do to help?" And there are some good brothers, even among the best that we have, who are so perpetually examining themselves as to their progress as to remind one forcibly of those children who, when special plots of garden-ground are given to them, are constantly pulling up their plants to see how the roots are growing. This over-anxiety is a real danger; I know many who, while doing the most beautiful altruistic actions, can yet never feel quite sure that their intentions are truly unselfish, since they always doubt whether it is not perhaps a selfish desire to avoid the discomfort caused by seeing pain in others which moves them to action!

Chúng ta thậm chí không cần phải nghĩ quá nhiều về sự tiến bộ cá nhân. Có thể quá bận tâm với ý tưởng: "Làm thế nào tôi có thể tiếp tục?" đến mức quên đi câu hỏi thậm chí còn quan trọng hơn: "Tôi có thể làm gì để giúp đỡ?" Và có một số người huynh đệ tốt, ngay cả trong số những người giỏi nhất mà chúng ta có, những người luôn tự kiểm tra bản thân về sự tiến bộ của mình đến mức khiến người ta nhớ đến những đứa trẻ mà, khi được giao những mảnh đất vườn đặc biệt, thì lại liên tục nhổ cây của mình để xem rễ đang phát triển như thế nào. Sự lo lắng thái quá này là một mối nguy hiểm thực sự; Tôi biết nhiều người, trong khi thực hiện những hành động vị tha đẹp nhất, nhưng vẫn không bao giờ cảm thấy hoàn toàn chắc chắn rằng ý định của họ thực sự là vị tha, vì họ luôn nghi ngờ liệu có phải là mong muốn ích kỷ để tránh sự khó chịu khi nhìn thấy

nỗi đau ở người khác đã thúc đẩy họ hành động hay không!

Such brothers should remember that self-examination may degenerate into morbid introspection, and that the main object is that they should point themselves in the right direction and then simply go ahead and do the best they can—that, to quote our Christian story, they should first fill their hearts with the love of God and then (without spending all their time in weighing that love, to see whether it is increasing or diminishing) should turn their whole attention to the practical expression of it in love of their fellow men. Not only is such outpouring of love a better defence than any number of shells, but it is also an investment producing stupendous results. For the man who thinks nothing of result is precisely he who is producing the greatest of all results.

Những người huynh đệ như vậy nên nhớ rằng việc tự kiểm tra có thể biến thành sự tự vấn bệnh hoạn, và mục tiêu chính là họ nên tự định hướng theo đúng hướng và sau đó chỉ cần tiến lên và làm hết sức mình — rằng, để trích dẫn câu chuyện Cơ đốc giáo của chúng ta, trước tiên họ nên lấp đầy trái tim mình bằng tình yêu thương của Thượng đế và sau đó (mà không dành toàn bộ thời gian để xem xét tình yêu thương đó, để xem liệu nó đang tăng hay giảm) nên chuyển toàn bộ sự chú ý của mình vào việc thể hiện thực tế nó trong tình yêu thương đối với đồng loại của họ. Sự tuôn trào tình yêu thương như vậy không chỉ là một biện pháp bảo vệ tốt hơn bất kỳ số lượng lớp vỏ nào, mà nó còn là một khoản đầu tư tạo ra những kết quả to lớn. Bởi vì người không nghĩ gì đến kết quả chính xác là người đang tạo ra kết quả lớn nhất trong tất cả.

We have read of the splendid self-sacrifice of the Nirmanakayas, who, having won the right to untold ages of rest in bliss unspeakable, yet have chosen to remain within touch of earth, in order that they may spend their time in the generation of incalculable streams of spiritual force, which are poured into a mighty reservoir, to be spent in helping on the evolution of their less developed fellows. The great Hierarchy of Adepts is entrusted with the dispensing of this force for the good of the "great orphan" humanity, and it is upon this that They (and even Their pupils, under Their direction) draw when necessity arises.

Chúng ta đã đọc về sự hy sinh bản thân tuyệt vời của các Vị Phật Nirmanakaya, những người, sau khi giành được quyền nghỉ ngơi trong vô số kiếp trong hạnh phúc không thể diễn tả được, nhưng vẫn chọn ở lại trong sự tiếp xúc của trái đất, để có thể dành thời gian của mình để tạo ra những dòng chảy tinh thần khổng lồ không thể tính toán được, được đổ vào một bể chứa hùng mạnh, để dành cho việc giúp đỡ sự tiến hóa của những người đồng loại kém phát triển hơn của họ. Huyền Giai vĩ đại của các Chân Sư được giao phó việc phân phối mãnh lực này vì lợi ích của nhân loại "mồ côi vĩ đại", và chính trên mãnh lực này mà Họ (và thậm chí cả các học trò của Họ, dưới sự chỉ đạo của Họ) rút ra khi cần thiết.

Needless to say, nothing that we can do can come within measurable distance of the marvellous achievement of the Nirmanakaya; yet it is in the power of every one of us to add some tiny drops at least to the contents of that mighty reservoir, for whenever we pour out from ourselves love or devotion which is utterly without thought of self, we produce results which lie far beyond our ken.

Khỏi phải nói, không có gì mà chúng ta có thể làm có thể đạt được thành tựu kỳ diệu của các Vị Phật Nirmanakaya; tuy nhiên, mỗi người trong chúng ta đều có quyền thêm ít nhất một vài giọt nhỏ vào nội dung của bể chứa hùng mạnh đó, bởi vì bất cứ khi nào chúng ta tuôn ra từ bản thân tình yêu thương hoặc lòng sùng kính hoàn toàn không nghĩ đến bản thân, chúng ta sẽ tạo ra những kết quả nằm ngoài tầm hiểu biết của chúng ta.

All affection or devotion, however noble, which has in it the least thought of self (as in the case of one who desires the return of his affection, or a reward of protection or salvation for his devotion

Tất cả tình cảm hoặc lòng sùng kính, dù cao quý đến đâu, mà trong đó có chút ít suy nghĩ về bản thân (như trong trường hợp một người mong muốn được đáp lại tình cảm của mình, hoặc phần

—one who thinks not: "How much I love so-and-so!" but: "I wonder how much so-and-so loves *me* ")—all such affection or devotion sends its force in closed curves which return upon those who generated it, and the karma which such force makes binds a man and brings him back to birth, that he may receive the result of it, just as surely as if the karma were evil.

thưởng bảo vệ hoặc cứu rỗi cho lòng sùng kính của mình — một người không nghĩ: "Tôi yêu người đó biết bao!" mà là: "Tôi tự hỏi người đó yêu tôi bao nhiêu") — tất cả những tình cảm hoặc lòng sùng kính như vậy đều gửi sức mạnh của nó theo những đường cong khép kín quay trở lại những người đã tạo ra nó, và nghiệp mà sức mạnh đó tạo ra sẽ ràng buộc một người và đưa họ trở lại sự sống, để họ có thể nhận được kết quả của nó, cũng giống như khi nghiệp là xấu xa.

But when self has been absolutely forgotten, when such thought has neither part nor lot in the stream which is outpoured, when the curve is no longer closed but open, then the karma does *not* bind the man nor bring him back to earth. Yet the effect is produced—an effect far transcending any imagination of ours, for that open curve reaches up to the Solar Deity Himself, and it is from Him that the response comes; and though that response inevitably brings as its result something of advancement to the man whose love and devotion have called it into existence, yet it also at the same time pours spiritual force into the great reservoir of the Adepts. So it comes to pass that every thought, which has no slightest taint of self in it, is a thought which directly helps the world, and thus the outpouring of love is a better defence than the strongest of shells, and the man who is filled with the powers of that Divine Love needs no protection, because he lives within the heart of God Himself.

Nhưng khi bản thân đã hoàn toàn bị lãng quên, khi suy nghĩ như vậy không có phần nào trong dòng chảy được tuôn ra, khi đường cong không còn khép kín mà mở, thì nghiệp không ràng buộc con người cũng như không đưa họ trở lại trái đất. Tuy nhiên, hiệu ứng được tạo ra — một hiệu ứng vượt xa bất kỳ trí tưởng tượng nào của chúng ta, bởi vì đường cong mở đó vươn tới chính Thái dương Thượng đế, và chính từ Ngài mà phản hồi đến; và mặc dù phản hồi đó chắc chắn mang lại kết quả là một sự tiến bộ nào đó cho người mà tình yêu thương và lòng sùng kính của họ đã tạo ra nó, nhưng đồng thời nó cũng đổ sức mạnh tinh thần vào bể chứa vĩ đại của các Chân Sư. Vì vậy, mọi suy nghĩ, không có chút vẩn đục nào của bản thân trong đó, là một suy nghĩ trực tiếp giúp ích cho thế giới, và do đó, sự tuôn trào của tình yêu thương là một biện pháp bảo vệ tốt hơn so với lớp vỏ mạnh nhất, và người tràn đầy sức mạnh của Tình yêu thương thiêng liêng đó không cần sự bảo vệ, bởi vì họ sống trong trái tim của chính Thượng đế.

THIRD SECTION—PHẦN III

HOW WE INFLUENCE OURSELVES—
CHÚNG TA ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHÚNG TA NHƯ THẾ NÀO

CHAPTER XIV - BY OUR HABITS—BỞI THÓI QUEN

FOOD

A SAYING is attributed to the Christ to the effect that not what is put into the mouth but what comes out of the mouth really defiles a man. Whether He ever made that remark or not, there can be no possible question that a man may be most decidedly defiled by what he puts into his mouth.

The food which we eat is taken into the body and we actually make it part of ourselves, so it is clearly evident that the magnetism with which it is charged is a matter of great moment to us. Both its physical and its magnetic purity are important, yet some people neglect one and some the other. In India, for example, great weight is attached to magnetic purity, and a man will not eat food which has been subjected to the magnetism of some one of lower caste. On the other hand he is much less careful than we are in the West as to the physical cleanliness of the preparations, forgetting that nothing which is physically dirty can ever be magnetically pure. We are usually particular as to the physical cleanliness, but we never think of the question of magnetic purity.

The fact which most seriously affects the magnetism of food is that it is touched so much by the hands of the cook in the course of its preparation. Now the special magnetism of a person flows out most strongly through the hands, and consequently food which is touched by the hands cannot but be highly charged with that magnetism. This is specially true in the case of pastry and bread, which are kneaded by hand in countries which are too backward to have learnt the use of machinery for these purposes. All food made in that way would be absolutely unfit to be eaten at all, were it not for the fact that fortunately the action of fire in the baking or the cooking removes the traces of most kinds of physical magnetism. Still it is eminently desirable that the cook should touch the food as little as possible, and so ladles and spoons, which can readily be demagnetised, should always be used in cooking and serving everything; and they should be kept rigorously clean.

THỨC ĂN

Có câu nói được cho là của Đức Christ đại ý rằng không phải những gì đưa vào miệng mà là những gì từ miệng nói ra mới thực sự làm ô uế con người. Cho dù Ngài có từng nói câu đó hay không, thì chắc chắn không có gì phải bàn cãi rằng con người có thể bị ô uế rõ ràng nhất bởi những gì họ đưa vào miệng.

Thức ăn chúng ta ăn được đưa vào cơ thể và chúng ta thực sự biến nó thành một phần của chính mình, vì vậy rõ ràng là từ tính mà nó mang theo là một vấn đề rất quan trọng đối với chúng ta. Cả độ tinh khiết về mặt vật lý lẫn từ tính của nó đều quan trọng, nhưng một số người lại bỏ bê cái này và một số người lại bỏ bê cái kia. Ví dụ, ở Ấn Độ, người ta rất coi trọng độ tinh khiết từ tính, và một người sẽ không ăn thức ăn đã bị ảnh hưởng bởi từ tính của người thuộc tầng lớp thấp hơn. Mặt khác, họ ít cẩn thận hơn chúng ta ở phương Tây về độ sạch sẽ vật lý của các món ăn, quên rằng không có gì ô uế về mặt vật lý mà có thể tinh khiết về mặt từ tính. Chúng ta thường chú trọng đến sự sạch sẽ về mặt vật lý, nhưng chúng ta không bao giờ nghĩ đến vấn đề về độ tinh khiết từ tính.

Thực tế ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đến từ tính của thức ăn là nó bị tay người nấu chạm vào quá nhiều trong quá trình chế biến. Từ tính đặc biệt của một người phát ra mạnh mẽ nhất qua bàn tay, và do đó, thức ăn bị tay chạm vào chắc chắn sẽ bị nhiễm từ tính đó. Điều này đặc biệt đúng với bánh ngọt và bánh mì, được nhào bằng tay ở những quốc gia quá lạc hậu để biết sử dụng máy móc cho những mục đích này. Tất cả thức ăn được làm theo cách đó sẽ hoàn toàn không thích hợp để ăn, nếu không có thực tế là may mắn thay, tác động của lửa trong quá trình nướng hoặc nấu đã loại bỏ dấu vết của hầu hết các loại từ tính vật lý. Tuy nhiên, điều mong muốn nhất là người nấu nên chạm vào thức ăn càng ít càng tốt, và vì vậy nên luôn sử dụng muôi và thìa, những thứ có thể dễ dàng khử từ, trong việc nấu nướng và phục vụ mọi thứ; và chúng nên được giữ sạch sẽ tuyệt đối.

In order to prevent any avoidable mixture of magnetism many an occult student insists upon always using his own private cup and spoon. Madame Blavatsky strongly advised this, and said that when it could not be done the cup and the spoon that were used should be demagnetised before each meal. The ordinary man pays no attention whatever to matters such as these, but the student of occultism who is trying to enter upon the Path must be more careful. It is possible to demagnetise food by a firm effort of the will, and with a little practice a mere wave of the hand coupled with a strong thought will do the thing almost instantaneously. But it must be remembered that demagnetisation removes neither physical dirt nor its astral counterpart, though it may take away other astral influence; and therefore every precaution must be taken to see that cleanliness is perfect in all culinary arrangements.

Để ngăn chặn bất kỳ sự pha trộn từ tính nào có thể tránh được, nhiều học viên huyền bí học luôn khăng khăng sử dụng cốc và thìa riêng của mình. Bà Blavatsky đặc biệt khuyên nên làm điều này, và nói rằng khi không thể làm được điều đó thì cốc và thìa đã sử dụng nên được khử từ trước mỗi bữa ăn. Người bình thường không hề chú ý đến những vấn đề như thế này, nhưng người học huyền bí học đang cố gắng bước vào Con Đường phải cẩn thận hơn. Có thể khử từ thức ăn bằng một nỗ lực ý chí kiên định, và với một chút luyện tập, chỉ cần một cái vẫy tay kết hợp với một ý nghĩ mạnh mẽ sẽ thực hiện điều đó gần như ngay lập tức. Nhưng phải nhớ rằng việc khử từ không loại bỏ được bụi bẩn vật lý cũng như bản sao thể cảm dục của nó, mặc dù nó có thể loại bỏ ảnh hưởng thể cảm dục khác; và do đó, mọi biện pháp phòng ngừa phải được thực hiện để đảm bảo rằng sự sạch sẽ là hoàn hảo trong tất cả các khâu chế biến.

Food also absorbs the magnetism of those who are in close proximity to us when we are eating. It is for that reason that in India a man prefers to eat alone, and must not be seen eating by one of lower caste. The mixture which arises from eating in public amidst a crowd of strangers, as in a restaurant, is always undesirable, and should be avoided as much as possible. The magnetism of one's own family is usually more sympathetic, and at any rate one is accustomed to it, so that it is much less likely to be harmful than the sudden introduction of a combination of entirely strange vibrations, many of which are most likely quite out of harmony with our own.

Thức ăn cũng hấp thụ từ tính của những người ở gần chúng ta khi chúng ta đang ăn. Đó là lý do tại sao ở Ấn Độ, một người thích ăn một mình và không được để người thuộc tầng lớp thấp hơn nhìn thấy mình đang ăn. Sự pha trộn phát sinh từ việc ăn uống nơi công cộng giữa đám đông người lạ, như trong nhà hàng, luôn là điều không mong muốn và nên tránh càng nhiều càng tốt. Từ tính của gia đình mình thường đồng cảm hơn, và dù sao thì mình cũng đã quen với nó, nên ít có khả năng gây hại hơn nhiều so với việc đột ngột du nhập một sự kết hợp của những rung động hoàn toàn xa lạ, mà nhiều rung động trong số đó rất có thể không phù hợp với rung động của chính chúng ta.

There are, however, always two kinds of magnetism in every article of food—the internal and the external—the former belonging to its own character, the latter impressed upon it from without. The magnetism of the merchant who sells it and of the cook are both of the latter kind, and can therefore be removed by the action of the fire; but the magnetism which is inherent in it is not at all affected by that action. No amount of cooking of dead flesh, for example, can take away from it its inherently objectionable character, nor all the feelings of pain and horror and hatred with which it is saturated. No person who can see that magnetism and the vibrations which it sets up can possibly eat meat.

Tuy nhiên, luôn có hai loại từ tính trong mỗi loại thực phẩm — từ tính bên trong và từ tính bên ngoài — loại trước thuộc về đặc tính của chính nó, loại sau được in dấu từ bên ngoài vào nó. Từ tính của người bán nó và của người nấu đều thuộc loại thứ hai, và do đó có thể bị loại bỏ bởi tác động của lửa; nhưng từ tính vốn có trong nó hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi tác động đó. Ví dụ, không có lượng thịt chết nào được nấu nướng có thể lấy đi đặc tính vốn có của nó, cũng như tất cả những cảm giác đau đớn, kinh hoàng và thù hận mà nó bị bão hòa. Không ai có thể nhìn thấy từ tính đó và những rung động mà nó tạo ra lại có thể ăn thịt.

INTOXICATING LIQUORS

Indeed, many of the pernicious habits of life of the ignorant would become instantly impossible for them if they could see the hidden side of their selfish indulgences. Even the undeveloped specimens of humanity who cluster round the bar of a public-house would surely shrink back with terror, if they could see the class of entities by which they are surrounded—the lowest and most brutal types of a rudimentary evolution, a bloated, livid fungus growth of indescribable horror; and far worse even than they, because they are degraded from something that should be so much better, are the ghastly crowds of dead drunkards—drink-sodden dregs of humanity, who have drowned the divine image in depths of direful debauchery and now cluster round their successors, urging them on to wilder carousals with hideous leers and mocking laughter, yet with a loathly lust awful to behold.

All this is entirely apart from the unquestionable deterioration which is brought about in both astral and mental bodies by the indulgence in intoxicating liquors. The man who is eagerly seeking for excuses for the gratification of ignoble cravings frequently asserts that food and drink, belonging as they do purely to the physical world, can have but little effect upon a man's inner development. This statement is obviously not in accordance with common sense, for the physical matter in man is in exceedingly close touch with the astral and mental—so much so, that each is to a great extent a counterpart of the other, and coarseness and grossness in the physical body imply a similar condition in the higher vehicles.

There are many types and degrees of density of astral matter, so that it is possible for one man to have an astral body built of exceedingly coarse and gross particles, while another may have one which is much more delicate and refined. As the astral body is the vehicle of the emotions and passions, it follows that a man whose astral body is of the ruder type will be chiefly amenable to the lower and rougher varieties of passion and emotion; whereas a man who has a finer astral

ĐỒ UỐNG CÓ CỒN

Thật vậy, nhiều thói quen tai hại trong cuộc sống của những người thiếu hiểu biết sẽ ngay lập tức trở nên không thể đối với họ nếu họ có thể nhìn thấy mặt khuất của những thú vui ích kỷ của mình. Ngay cả những mẫu người kém phát triển tụ tập quanh quầy bar của một quán rượu chắc chắn cũng sẽ co rúm lại vì kinh hãi, nếu họ có thể nhìn thấy loại thực thể mà họ đang bị bao quanh — những loại thấp kém và tàn bạo nhất của một sự tiến hóa thô sơ, một loại nấm mốc phồng rộp, xanh xao, kinh khủng không thể tả; và thậm chí còn tồi tệ hơn họ, bởi vì chúng bị suy thoái từ thứ gì đó đáng lẽ phải tốt hơn rất nhiều, là đám đông ma quái của những người say rượu chết — cặn bã say xỉn của nhân loại, những kẻ đã nhấn chìm hình ảnh thần thánh trong vực sâu của sự trụy lạc khủng khiếp và giờ tụ tập xung quanh những người kế vị họ, thúc giục họ tham gia vào những cuộc vui chơi hoang dã hơn với những cái nhìn hau háu gớm ghiếc và những tiếng cười chế nhạo, nhưng với một sự thèm muốn kinh tởm thật khủng khiếp khi nhìn thấy.

Tất cả những điều này hoàn toàn tách biệt với sự suy thoái chắc chắn xảy ra ở cả thể cảm dục và thể trí do việc thưởng thức đồ uống có cồn. Người đang háo hức tìm kiếm lý do để bào chữa cho việc thỏa mãn những ham muốn tầm thường thường khẳng định rằng thức ăn và đồ uống, vốn thuộc về thế giới vật chất thuần túy, chỉ có thể ảnh hưởng rất ít đến sự phát triển nội tâm của một người. Rõ ràng là tuyên bố này không phù hợp với lẽ thường, bởi vì vật chất trong con người tiếp xúc cực kỳ gần gũi với thể cảm dục và thể trí — đến mức mỗi thứ phần lớn là bản sao của nhau, và sự thô thiển và cục mịch trong thể xác ngụ ý một tình trạng tương tự ở các thể cao hơn.

Có nhiều loại và mức độ đậm đặc của vật chất thể cảm dục, do đó, một người có thể có thể cảm dục được cấu tạo từ các hạt cực kỳ thô và đặc, trong khi người khác có thể có một thể cảm dục tinh tế và thanh lọc hơn nhiều. Vì thể cảm dục là phương tiện của cảm xúc và đam mê, nên một người có thể cảm dục thuộc loại thô hơn sẽ chủ yếu dễ bị ảnh hưởng bởi các loại đam mê và cảm xúc thấp kém và thô ráp hơn; trong khi một người có thể cảm dục tốt hơn sẽ thấy rằng các hạt của nó dễ

body will find that its particles most readily vibrate in response to higher and more refined emotions and aspirations. Thus a man who is building for himself a gross and impure physical body is building for himself at the same time coarse and unclean astral and mental bodies as well. This effect is visible at once to the eye of the trained clairvoyant, and he will readily distinguish between a man who feeds his physical vehicle with pure food and another who contaminates it by intoxicating drink or decaying flesh.

dàng rung động nhất để đáp ứng với những cảm xúc và khát vọng cao hơn và tinh tế hơn. Do đó, một người đang xây dựng cho mình một thể xác thô thiển và không trong sạch đồng thời cũng đang xây dựng cho mình thể cảm dục và thể trí thô thiển và không trong sạch. Hiệu ứng này có thể nhìn thấy ngay lập tức bằng con mắt của nhà thông nhãn được đào tạo, và người đó sẽ dễ dàng phân biệt giữa một người nuôi dưỡng thể xác của mình bằng thức ăn tinh khiết với một người làm ô nhiễm nó bằng đồ uống có cồn hoặc thịt đang phân hủy.

There can be no question that it is the duty of every man to develop all his vehicles as far as possible in order to make them perfect instruments for the use of the soul, which in itself is being trained to be a fit instrument in the hands of the Solar Deity, and a perfect channel for the divine love. The first step towards this is that the man himself should learn thoroughly to control the lower bodies, so that there shall be in them no thought or feeling except those he approves.

Chắc chắn rằng nhiệm vụ của mỗi người là phát triển tất cả các thể của mình càng nhiều càng tốt để biến chúng thành những công cụ hoàn hảo cho linh hồn sử dụng, bản thân linh hồn đang được rèn luyện để trở thành một công cụ phù hợp trong tay của Thái dương Thượng đế, và một kênh hoàn hảo cho tình yêu thương thiêng liêng. Bước đầu tiên hướng tới điều này là bản thân con người phải học cách kiểm soát hoàn toàn các thể thấp hơn, để trong đó không có suy nghĩ hay cảm xúc nào ngoại trừ những suy nghĩ và cảm xúc mà họ tán thành.

All these vehicles, therefore, must be in the highest possible condition of efficiency; they must be pure and clean and free from taint; and it is obvious that this can never be, so long as the man puts into the physical body undesirable constituents. Even the physical vehicle and its sense perceptions can never be at their best unless the food is pure, and the same thing is true to a much greater extent with regard to the higher bodies. Their senses also cannot be clear if impure or coarse matter is drawn into them; anything of this nature clogs and dulls them, so that it becomes far more difficult for the soul to use them. Indulgence in alcohol or carnivorous diet is absolutely fatal to anything like real development, and those who adopt these habits are putting serious and utterly unnecessary difficulties in their own way.

Do đó, tất cả các thể này phải ở trong điều kiện hiệu quả cao nhất có thể; chúng phải thuần khiết, sạch sẽ và không bị vấy bẩn; và rõ ràng là điều này không bao giờ có thể xảy ra, chừng nào con người còn đưa vào thể xác những thành phần không mong muốn. Ngay cả thể xác và nhận thức giác quan của nó cũng không bao giờ có thể ở trạng thái tốt nhất trừ khi thức ăn tinh khiết, và điều tương tự cũng đúng ở mức độ lớn hơn nhiều đối với các thể cao hơn. Các giác quan của chúng cũng không thể rõ ràng nếu vật chất không tinh khiết hoặc thô thiển bị hút vào chúng; bất cứ thứ gì thuộc loại này đều làm tắc nghẽn và làm mờ chúng, khiến linh hồn khó sử dụng chúng hơn rất nhiều. Việc nghiện rượu hoặc chế độ ăn thịt động vật hoàn toàn gây tử vong cho bất cứ điều gì giống như sự phát triển thực sự, và những người áp dụng những thói quen này đang tự đặt ra những khó khăn nghiêm trọng và hoàn toàn không cần thiết trên con đường của chính họ.

Nor is the effect during physical life the only point which is to be borne in mind in connection with this matter. If, through introducing impure particles into his physical body, the man builds himself an unseemly and unclean astral body, we

Và ảnh hưởng trong suốt cuộc sống vật lý không phải là điểm duy nhất cần ghi nhớ liên quan đến vấn đề này. Nếu, thông qua việc đưa các hạt không tinh khiết vào thể xác của mình, con người tự xây dựng cho mình một thể cảm dục khó coi

must not forget that it is in this degraded vehicle that he will have to spend the first part of his life after death. Just as, here in the physical world, his coarseness draws into association with him all sorts of undesirable entities who, like parasites, make his vehicles their home, and find a ready response within him to their lower passions, so also will he suffer acutely from similar companionship after death, and from the working out in astral life of the conditions which he has here set in motion.

và không trong sạch, chúng ta không được quên rằng chính trong phương tiện suy thoái này, họ sẽ phải trải qua phần đầu tiên của cuộc sống sau khi chết. Cũng giống như, ở đây trong thế giới vật chất, sự thô thiển của người đó thu hút tất cả các loại thực thể không mong muốn, giống như ký sinh trùng, biến các thể của người đó thành nhà của chúng, và tìm thấy sự đáp ứng sẵn sàng trong người đó đối với những đam mê thấp kém của chúng, thì người đó cũng sẽ phải chịu đựng sâu sắc từ sự đồng hành tương tự sau khi chết, và từ việc vận hành trong cuộc sống thể cảm dục của những điều kiện mà người đó đã khởi động ở đây.

FLESH-EATING

All this applies not only to indulgence in intoxicating liquor, but also to the prevalent practice of feeding upon corpses. This habit also, like the other, produces a consistent effect; this also, like the other, draws round its votaries all kinds of undesirable entities—horrible gaping red mouths, such as those that gather round the shambles to absorb the aroma of blood. It is indeed strange and pitiable to a clairvoyant to see a lady, thinking herself dainty and refined *(truly* refined and dainty she cannot be, or she would not be there) surrounded by an incongruous nightmare of such strange forms in a butcher's shop, where she goes to examine the corpses left by the grim, ceaseless slaughter on the battle-field between man's bestial, tigerish lust for blood and the divine Life incarnated in the animal kingdom. Little she realises that there will come a time when those who by their support make possible this ghastly blot on the record of humanity, this daily hecatomb of savage, useless murder of the forms through which the Deity is patiently trying to manifest, will find themselves face to face with His ineffable Majesty, and hear from the Voice that called the worlds into existence the appalling truth: "Inasmuch as you have done this unto one of the least of these My little ones, you have done it unto Me."

ĂN THỊT

Tất cả những điều này không chỉ áp dụng cho việc nghiện rượu, mà còn đối với thói quen phổ biến là ăn xác chết. Thói quen này cũng giống như thói quen kia, tạo ra một hiệu ứng nhất quán; điều này cũng giống như điều kia, thu hút xung quanh những người sùng bái nó tất cả các loại thực thể không mong muốn — những cái miệng đỏ ngoác đáng sợ, chẳng hạn như những cái miệng tụ tập xung quanh lò mổ để hấp thụ mùi máu. Thật kỳ lạ và đáng thương cho một nhà thông nhãn khi nhìn thấy một quý bà, tự cho mình là thanh nhã và tao nhã (thực sự tao nhã và thanh nhã thì bà ấy không thể, nếu không thì bà ấy đã không ở đó) bị bao quanh bởi một cơn ác mộng phi lý của những hình thù kỳ lạ như vậy trong một cửa hàng bán thịt, nơi bà ấy đến để xem xét những xác chết còn sót lại bởi cuộc tàn sát ảm đạm, không ngừng nghỉ trên chiến trường giữa cơn khát máu thú tính, giống hổ của con người và Sự sống thiêng liêng được thể hiện trong giới động vật. Bà ấy ít nhận ra rằng sẽ đến lúc những người bằng sự ủng hộ của họ đã tạo điều kiện cho vết nhơ khủng khiếp này trên hồ sơ của nhân loại, cuộc tàn sát hàng ngày man rợ, vô ích này đối với những hình tướng mà qua đó Thượng đế đang kiên nhẫn cố gắng biểu hiện, sẽ thấy mình đối mặt với sự uy nghi khôn tả của Ngài, và nghe từ Tiếng nói đã kêu gọi thế giới tồn tại sự thật kinh hoàng: "Vì các ngươi đã làm điều này cho một trong những kẻ bé mọn nhất trong những đứa con bé nhỏ của Ta, tức là các ngươi đã làm điều đó cho Ta."

Surely it is time, with all our boasted advance, that this foul stain upon our so-called civilisation

Chắc chắn đã đến lúc, với tất cả những tiến bộ mà chúng ta tự hào, vết nhơ hôi hám này trên nền

should be removed. Even if it were only for selfish reasons, for the sake of our own interests, this should be so. Remember that every one of these murdered creatures is a definite entity—not a permanent reincarnating individual, but still an entity that has its life in the astral world. Remember that every one of these remains there for a considerable time, to pour out a feeling of indignation and horror at all the injustice and torment which have been inflicted; and perhaps in that way it may be possible faintly to realise something of the terrible atmosphere which hangs over a slaughter-house and a butcher's shop, and how it all reacts at many points upon the human race.

văn minh được gọi là của chúng ta nên được loại bỏ. Ngay cả khi chỉ vì những lý do ích kỷ, vì lợi ích của chính chúng ta, thì điều này cũng nên như vậy. Hãy nhớ rằng mỗi sinh vật bị sát hại này là một thực thể xác định — không phải là một cá thể đầu thai vĩnh viễn, mà vẫn là một thực thể có sự sống trong thế giới thể cảm dục. Hãy nhớ rằng mỗi người trong số họ ở đó trong một khoảng thời gian đáng kể, để trút ra cảm giác phẫn nộ và kinh hoàng trước tất cả những bất công và đau khổ đã phải gánh chịu; và có lẽ theo cách đó, có thể nhận ra một cách mờ nhạt điều gì đó về bầu không khí khủng khiếp bao trùm một lò mổ và một cửa hàng bán thịt, và tất cả những điều đó tác động trở lại như thế nào đến loài người ở nhiều khía cạnh.

Most of all, these horrors react upon those who are least able to resist them—upon the children, who are more delicate and sensitive than the hardened adult; and so for them there are constant feelings of causeless terror in the air—terror of the dark, or of being alone for a few moments. All the time there are playing about us tremendous forces of awful strength, which only the occult student can understand. The whole creation is so closely interrelated that we cannot do horrible murder in this way upon our younger brothers without feeling the effect upon our own innocent children.

Hơn hết, những điều kinh hoàng này tác động trở lại những người ít có khả năng chống lại chúng nhất — những đứa trẻ, những người mỏng manh và nhạy cảm hơn người lớn cứng rắn; và vì vậy đối với họ, luôn có những cảm giác kinh hãi vô cớ trong không khí — sợ bóng tối, hoặc sợ ở một mình trong giây lát. Mọi lúc đều có những mãnh lực to lớn với sức mạnh khủng khiếp đang tác động xung quanh chúng ta, mà chỉ có học viên huyền bí học mới có thể hiểu được. Toàn bộ tạo vật có mối quan hệ mật thiết với nhau đến mức chúng ta không thể thực hiện những vụ giết người kinh hoàng theo cách này đối với những người em của mình mà không cảm thấy ảnh hưởng đến những đứa con ngây thơ của chính chúng ta.

The pitiable thing about it is that a lady is actually *able* to enter a butcher's shop—that because of the indulgence of her forefathers in this shocking form of food, her various vehicles have become so coarsened that she can stand amidst those bleeding carcasses without being overcome by loathing and repulsion, and can be in the midst of the most ghastly astral abominations without being in the slightest degree conscious of it. If we take into such a place any person who has never corrupted himself with such carrion, there is no doubt that he will shrink in disgust from the loathsome, bleeding masses of physical flesh, and will also feel stifled by the actively and militantly-evil astral entities which swarm there. Yet here we have the sad spectacle of a lady who ought, by her very

Điều đáng thương về nó là một quý bà thực sự có thể bước vào một cửa hàng bán thịt — đó là vì sự nuông chiều của tổ tiên bà ấy đối với hình thức thức ăn gây sốc này, các thể của bà ấy đã trở nên thô ráp đến mức bà ấy có thể đứng giữa những xác thịt đang chảy máu đó mà không bị choáng ngợp bởi sự ghê tởm và kinh tởm, và có thể ở giữa những điều gớm ghiếc nhất của thể cảm dục mà không hề ý thức được điều đó. Nếu chúng ta đưa bất kỳ người nào chưa bao giờ tự làm hư hỏng bản thân bằng xác thối đó vào một nơi như vậy, chắc chắn rằng họ sẽ co rúm lại vì ghê tởm trước những khối thịt vật lý ghê tởm, đang chảy máu, và cũng sẽ cảm thấy ngột ngạt bởi những thực thể thể cảm dục xấu xa đang hoạt động và hiếu chiến ở đó. Tuy nhiên, ở đây chúng ta có cảnh tượng đáng buồn về một quý bà đáng lẽ phải

birthright, to be delicate and sensitive, whose physical and astral fibre is so coarsened that she neither observes the visible nor senses the invisible horrors which surround her.

thanh nhã và nhạy cảm, người có thể chất và thể cảm dục thô ráp đến mức bà ấy không quan sát thấy những điều kinh hoàng hữu hình cũng như không cảm nhận được những điều kinh hoàng vô hình xung quanh mình.

The pity of it is, too, that all the vast amount of evil which people bring upon themselves by these pernicious habits might so easily be avoided. No man needs either flesh or alcohol. It has been demonstrated over and again that he is better without them. This is a case in which actually all the arguments are on one side and there is nothing whatever to be said on the other, except the man's assertion: "I will do these horrible things, because I like them."

Điều đáng tiếc là tất cả lượng lớn tội ác mà mọi người tự chuốc lấy do những thói quen tai hại này có thể dễ dàng tránh được. Không ai cần thịt hay rượu. Nó đã được chứng minh hết lần này đến lần khác rằng con người sẽ tốt hơn nếu không có chúng. Đây là một trường hợp mà trên thực tế tất cả các lập luận đều nghiêng về một phía và không có gì để nói ở phía bên kia, ngoại trừ lời khẳng định của con người: "Tôi sẽ làm những điều khủng khiếp này, bởi vì tôi thích chúng."

With regard to flesh-eating, for example, it cannot be questioned that: (1) the right kind of vegetables contain more nutriment than an equal amount of dead flesh; (2) many serious diseases come from this loathsome habit of devouring dead bodies; (3) man is not naturally made to be carnivorous and therefore this abominable food is not suited to him; (4) men are stronger and better on a vegetable diet; (5) the eating of dead bodies leads to indulgence in drink and increases animal passions in man; (6) the vegetable diet is in every way cheaper as well as better than flesh; (7) many more men can be supported by a certain number of acres of land which are devoted to the growing of wheat than by the same amount of land which is laid out in pasture; (8) in the former case healthy work upon the land can be found for many more men than in the latter; (9) men who eat flesh are responsible for the sin and degradation caused in the slaughter-men; (10) carnivorous diet is fatal to real development, and produces the most undesirable results on both astral and mental bodies; (11) man's duty towards the animal kingdom is not to slaughter it recklessly, but to assist in its evolution.

Ví dụ, liên quan đến việc ăn thịt, không thể nghi ngờ rằng: (1) đúng loại rau chứa nhiều chất dinh dưỡng hơn một lượng thịt chết tương đương; (2) nhiều bệnh nghiêm trọng đến từ thói quen ăn xác chết kinh tởm này; (3) con người không được tạo ra một cách tự nhiên để ăn thịt và do đó loại thức ăn ghê tởm này không phù hợp với họ; (4) con người khỏe mạnh và tốt hơn khi ăn chay; (5) việc ăn xác chết dẫn đến việc ham mê rượu chè và làm tăng dục vọng động vật ở con người; (6) chế độ ăn chay về mọi mặt đều rẻ hơn cũng như tốt hơn thịt; (7) nhiều người hơn có thể được nuôi sống bởi một số lượng mẫu đất nhất định dành cho việc trồng lúa mì hơn là cùng một lượng đất được bố trí trong đồng cỏ; (8) trong trường hợp trước, công việc lành mạnh trên đất có thể được tìm thấy cho nhiều người hơn so với trường hợp sau; (9) những người ăn thịt phải chịu trách nhiệm về tội lỗi và sự suy thoái gây ra cho những người làm nghề giết mổ; (10) chế độ ăn thịt động vật gây tử vong cho sự phát triển thực sự và tạo ra những kết quả không mong muốn nhất trên cả thể cảm dục và thể trí; (11) bổn phận của con người đối với giới động vật không phải là tàn sát bừa bãi mà là hỗ trợ sự tiến hóa của nó.

These are not points about which there can be any question; the fullest evidence in support of each of them will be found in my book, *Some Glimpses of Occultism.* No man needs these things, and to take them is just a matter of selfish indulgence. Most men commit this act in ignorance of the harm that it is doing; but remember, to continue to commit it when the

Đây không phải là những điểm có thể nghi ngờ; bằng chứng đầy đủ nhất để hỗ trợ cho mỗi điểm trong số chúng sẽ được tìm thấy trong cuốn sách của tôi, *Vài Cái Nhìn Thoáng Qua về Huyền Bí Học.* Không ai cần những thứ này, và lấy chúng chỉ là vấn đề nuông chiều bản thân. Hầu hết mọi người đều phạm phải hành động này trong sự thiếu hiểu biết về tác hại mà nó đang gây ra;

truth is known is a crime. Widely spread as they are, these are nothing but evil habits, and with a little effort they can be laid aside like any other habit.

nhưng hãy nhớ rằng, tiếp tục phạm phải nó khi sự thật đã được biết đến là một tội ác. Mặc dù lan rộng, nhưng chúng chẳng qua chỉ là những thói quen xấu, và với một chút nỗ lực, chúng có thể bị loại bỏ giống như bất kỳ thói quen nào khác.

SMOKING

Another custom, also pernicious and equally widely spread, is that of smoking. In this, as in so many other cases, a man at once resents any suggestions that he should give up his bad habits, and says: “Why should I not do as I like in these matters?” With regard to flesh-diet the answer to this is perfectly clear, for that is a practice which not only seriously injures the man who adopts it, but also involves terrible crime and cruelty in the provision of the food. In the case of alcohol also a clear answer can be given, quite apart from the effect upon the drinker himself, for by buying this noxious fluid he is encouraging a pernicious trade, helping to create a demand for a liquor which tempts thousands of his fellow-creatures to excess and lures them to their own destruction. No man who buys alcohol for drinking purposes can escape his share in the responsibility of that.

HÚT THUỐC

Một tập tục khác, cũng tai hại và phổ biến không kém, đó là hút thuốc. Trong trường hợp này, cũng như trong nhiều trường hợp khác, một người ngay lập tức phản đối bất kỳ gợi ý nào rằng họ nên từ bỏ thói quen xấu của mình và nói: "Tại sao tôi không được làm những gì tôi thích trong những vấn đề này?" Liên quan đến chế độ ăn thịt, câu trả lời cho điều này hoàn toàn rõ ràng, vì đó là một thói quen không chỉ gây tổn hại nghiêm trọng cho người áp dụng nó mà còn liên quan đến tội ác và sự tàn ác khủng khiếp trong việc cung cấp thực phẩm. Trong trường hợp rượu, cũng có thể đưa ra câu trả lời rõ ràng, hoàn toàn tách biệt với ảnh hưởng đến chính người uống, vì bằng cách mua chất lỏng độc hại này, họ đang khuyến khích một ngành kinh doanh tai hại, góp phần tạo ra nhu cầu về một loại rượu khiến hàng nghìn người đồng loại của họ. -những sinh vật vượt quá giới hạn và dụ dỗ họ đến sự hủy diệt của chính họ. Không ai mua rượu để uống mà có thể trốn tránh trách nhiệm của mình trong việc đó.

It may be said that with regard to smoking the position is somewhat different, since no cruelty is necessary in obtaining tobacco, nor are lives destroyed by it as by alcohol. This is true, and if the smoker can entirely shut himself away from any contact with his fellow-men, and if he has no desire to make anything in the nature of occult progress, his argument may, so, far, hold good. If, not being actually a hermit, he has sometimes at least to come into touch with his fellowmen, he can have no possible right to make himself a nuisance to them. There are many people who, being deeply steeped in the same pollution themselves, have no objection to the nauseating odour of tobacco; but all who have kept themselves pure from this thing know how strong is the disgust which its coarse and fetid emanations inevitably arouse. Yet the smoker cares little for that. As I have said elsewhere, this is the only thing that a gentleman will deliberately do when he knows it to be offensive to others; but the hold which this noxious habit

Có thể nói rằng đối với việc hút thuốc, vị trí có phần khác, vì không cần phải tàn ác khi lấy thuốc lá, cũng như không có sinh mạng nào bị hủy hoại bởi nó như rượu. Điều này đúng, và nếu người hút thuốc có thể hoàn toàn tự tách mình khỏi bất kỳ sự tiếp xúc nào với đồng loại của mình, và nếu họ không có mong muốn tạo ra bất cứ điều gì thuộc loại tiến bộ huyền bí học, thì lập luận của họ có thể, cho đến nay, vẫn đúng. Nếu, không thực sự là một ẩn sĩ, đôi khi ít nhất họ phải tiếp xúc với đồng loại của mình, thì họ không thể có quyền biến mình thành mối phiền toái cho họ. Có rất nhiều người, bản thân họ đã chìm sâu trong sự ô nhiễm tương tự, không phản đối mùi thuốc lá buồn nôn; nhưng tất cả những ai đã giữ mình trong sạch khỏi điều này đều biết rằng sự ghê tởm mà mùi hôi thối và thô thiển của nó gây ra chắc chắn mạnh mẽ đến mức nào. Tuy nhiên, người hút thuốc ít quan tâm đến điều đó. Như tôi đã nói ở những nơi khác, đây là điều duy nhất mà một quý ông sẽ cố tình làm khi biết rằng điều đó gây khó chịu cho người khác; nhưng sự kìm kẹp mà

gains upon its slaves appears to be so great that they are utterly incapable of resisting it, and all their gentlemanly instincts are forgotten in this mad and hateful selfishness.

thói quen độc hại này dành cho những kẻ nô lệ của nó dường như lớn đến mức họ hoàn toàn không thể cưỡng lại nó, và tất cả bản năng quý ông của họ đều bị lãng quên trong sự ích kỷ điên cuồng và đáng ghét này.

Anything which can produce such an effect as that upon a man's character is a thing that all wise men will avoid. The impurity of it is so great and so penetrating that the man who habitually uses it is absolutely soaked in it, and is most offensive to the sense of smell of the purer person. For this purely physical reason no one who comes into contact with his fellows should indulge in this most objectionable practice, and, if he does, he thereby brands himself as one who thinks only of his own selfish enjoyment and is willing in taking it to inflict much suffering upon his fellow-creatures. And all this is quite apart from the deadening effect which it produces, and from the various diseases—smoker's throat, smoker's heart, cancer in the mouth, indigestion and others—which it brings in its train. For nicotine, as is well known, is a deadly poison, and the effect of even small quantities of it can never be good.

Bất cứ thứ gì có thể tạo ra ảnh hưởng như vậy đối với tính cách của một người là thứ mà tất cả những người thông thái sẽ tránh. Sự không tinh khiết của nó lớn đến mức và thấm sâu đến mức người thường xuyên sử dụng nó hoàn toàn bị ngấm vào nó, và gây khó chịu nhất cho khứu giác của người tinh khiết hơn. Chỉ vì lý do vật lý thuần túy này, không ai tiếp xúc với đồng loại của mình nên nuông chiều thói quen khó chịu nhất này, và nếu họ làm vậy, họ sẽ tự cho mình là người chỉ nghĩ đến thú vui ích kỷ của bản thân và sẵn sàng chịu đựng nhiều đau khổ cho đồng loại của mình. Và tất cả những điều này hoàn toàn tách biệt với tác dụng làm tê liệt mà nó tạo ra, và từ các bệnh khác nhau — viêm họng do hút thuốc, bệnh tim do hút thuốc, ung thư miệng, khó tiêu và những bệnh khác — mà nó mang lại. Vì nicotine, như đã biết, là một chất độc chết người, và tác dụng của ngay cả một lượng nhỏ nó cũng không bao giờ tốt.

Why should any man adopt a custom which produces all these unpleasant results? To this there is absolutely no answer except that he has taught himself to like it; for it cannot be pretended that it is in any way necessary or useful. I believe it to be quite true that in certain circumstances it soothes the nerves; that is part of its deadening effect as a poison, but that result can be equally well achieved by other and far less objectionable means. It is always evil for a man to adopt a habit to which he becomes a slave—evil for himself, I mean; it is doubly evil when that habit brings with it the bad karma of inflicting constant annoyance upon others.

Tại sao bất kỳ ai cũng nên áp dụng một tập tục tạo ra tất cả những kết quả khó chịu này? Hoàn toàn không có câu trả lời nào cho điều này ngoại trừ việc người đó đã tự dạy mình thích nó; vì không thể giả vờ rằng nó cần thiết hoặc hữu ích theo bất kỳ cách nào. Tôi tin rằng hoàn toàn đúng là trong một số trường hợp nhất định, nó làm dịu thần kinh; đó là một phần tác dụng làm tê liệt của nó như một chất độc, nhưng kết quả đó có thể đạt được tốt như nhau bằng các phương tiện khác và ít gây khó chịu hơn nhiều. Luôn là xấu xa đối với một người khi áp dụng một thói quen mà anh ta trở thành nô lệ — tôi muốn nói là xấu xa đối với chính anh ta; nó xấu xa gấp đôi khi thói quen đó mang theo nghiệp xấu gây phiền toái liên tục cho người khác.

No child by nature likes the loathsome taste of this evil weed but, because others older than himself indulge in it, he struggles painfully through the natural nausea which it causes him at first—the protest of his healthy young body against the introduction of this polluting matter—and so gradually he forces himself to endure it, and eventually becomes a slave to it, like his

Không đứa trẻ nào tự nhiên thích mùi vị kinh tởm của loại cỏ dại độc hại này, nhưng vì những người lớn tuổi hơn nó nuông chiều nó, nên nó phải vật lộn một cách đau đớn với cảm giác buồn nôn tự nhiên mà nó gây ra lúc đầu — sự phản kháng của cơ thể trẻ khỏe mạnh của nó chống lại sự xâm nhập của chất gây ô nhiễm này — và vì vậy dần dần nó buộc mình phải chịu đựng nó, và

elders. It stunts his growth; it leads him into bad company; but what of that? He has asserted his dawning manhood by proving himself capable of a 'manly' vice. I know that parents frequently advise their children not to smoke; perhaps if they set them the example of abstention, their sage counsels would produce a greater effect. This is another habit with evil results which could so easily be avoided—all that is needed being simply not to do it.

cuối cùng trở thành nô lệ của nó, giống như những người lớn tuổi của nó. Nó kìm hãm sự phát triển của nó; nó dẫn nó vào nhóm bạn xấu; nhưng điều đó thì sao? Nó đã khẳng định sự trưởng thành của mình bằng cách chứng tỏ mình có khả năng phạm tội 'nam tính'. Tôi biết rằng các bậc cha mẹ thường khuyên con cái họ không nên hút thuốc; có lẽ nếu họ làm gương cho họ về việc kiêng khem, thì những lời khuyên sáng suốt của họ sẽ tạo ra hiệu quả lớn hơn. Đây là một thói quen khác với những kết quả xấu có thể dễ dàng tránh được — tất cả những gì cần thiết chỉ đơn giản là không làm điều đó.

The impurity produced by this obscene practice is not only physical. It may be taken as an axiom that physical filth of any sort always implies astral filth as well, for the counterpart of that which is impure cannot itself be pure. Just as the physical nerve-vibrations are deadened by the poison, so are both astral and mental undulations. For occult progress a man needs to have his vehicles as finely strung as possible, so that they may be ready at any moment to respond in sympathy to any kind of vibration. Therefore he does not want to have his thought-waves deadened and his astral body weighed down with foul and poisonous particles. Many who call themselves students still cling to this unpleasant habit, and try to find all sorts of weak excuses to cover the fact that they have not the strength to break away from its tyranny; but facts remain facts, for all that, and no one who can see the effects on the higher vehicles of this disastrous custom can avoid the realisation that it does serious harm.

Sự không tinh khiết do thói quen tục tĩu này tạo ra không chỉ là thể chất. Có thể coi đó là một tiên đề rằng sự ô uế về thể chất dưới bất kỳ hình thức nào cũng luôn ngụ ý sự ô uế của thể cảm dục là tốt, bởi vì đối trọng của thứ không tinh khiết thì bản thân nó không thể tinh khiết được. Cũng giống như các rung động thần kinh thể chất bị chất độc làm tê liệt, thì cả các gợn sóng thể cảm dục và thể trí cũng vậy. Để đạt được tiến bộ huyền bí học, một người cần phải có các thể của mình được căng ra càng tốt càng tốt, để chúng có thể sẵn sàng đáp ứng đồng cảm với bất kỳ loại rung động nào vào bất kỳ lúc nào. Do đó, người đó không muốn sóng tư tưởng của mình bị dập tắt và thể cảm dục của mình bị đè nặng bởi các hạt độc hại và hôi hám. Nhiều người tự xưng là học viên vẫn bám lấy thói quen khó chịu này, và cố gắng tìm đủ mọi lời bào chữa yếu ớt để che đậy sự thật rằng họ không có sức mạnh để thoát khỏi sự chuyên chế của nó; nhưng sự thật vẫn là sự thật, vì tất cả những điều đó, và không ai có thể nhìn thấy ảnh hưởng của tập tục tai hại này đối với các thể cao hơn mà có thể tránh được việc nhận ra rằng nó gây ra tác hại nghiêm trọng.

Its effect in the astral world after death is a remarkable one. The man has so filled his astral body with poison that it has stiffened under its influence, and has become unable to work properly or to move freely. For a long period the man is as though he were paralysed—able to speak, yet debarred from movement, and almost entirely cut off from all higher influences. In process of time he emerges from this unpleasant predicament, when the part of his astral body which is affected by this poison has gradually worn away.

Tác dụng của nó trong thế giới thể cảm dục sau khi chết là một điều đáng chú ý. Con người đã đổ đầy chất độc vào thể cảm dục của mình đến mức nó cứng lại dưới ảnh hưởng của nó, và không thể hoạt động bình thường hoặc di chuyển tự do. Trong một thời gian dài, con người như thể bị tê liệt — có thể nói, nhưng không thể di chuyển, và gần như hoàn toàn bị cắt khỏi mọi ảnh hưởng cao hơn. Theo thời gian, anh ta thoát khỏi tình trạng khó chịu này, khi phần thể cảm dục của anh ta bị ảnh hưởng bởi chất độc này dần dần biến mất.

DRUGS

The taking of opium or cocaine, though happily less common, is equally disastrous, for from the occult point of view it is entirely ruinous and fatal to progress. These drugs are sometimes a necessity in order to relieve great pain; but they should be taken as sparingly as possible, and on no account be allowed to degenerate into a habit. One who knows how to do it, however, can remove the evil effect of the opium from the astral and mental bodies after it has done its work upon the physical.

Nearly all drugs produce a deleterious effect upon the higher vehicles, and they are therefore to be avoided as much as possible. There are definite cases in which they are clearly required, when they are really specifics for certain diseases; but these are few, and in far the greater number of cases nature herself will work a rapid cure if the surroundings are pure and healthy.

With regard to the treatment of the body, prevention emphatically better than cure, and those who live rationally will rarely need the services of a doctor. Under all circumstances animal serums and products in any way connected with or obtained by means of vivisection should be absolutely avoided. It should be remembered that tea and coffee contain as their essence drugs called respectively theine and caffeine, which are poisonous, so that an excess of these beverages is a bad thing, especially for growing children; indeed, I incline to the opinion that, while in moderation they do no serious harm, those who find themselves able to avoid them are all the better for it.

CLEANLINESS

Doctors are usually agreed as to the necessity for physical cleanliness, but the requirements of occultism are far more stringent than theirs. The waste matter which is constantly being thrown off by the body in the shape of imperceptible perspiration is rejected because it is poisonous and decaying refuse, and the astral and mental counterparts of its particles are of the most undesirable character. Dirt is often more objectionable in the higher worlds than in the

MA TÚY

Việc sử dụng thuốc phiện hoặc cocaine, mặc dù rất may là ít phổ biến hơn, nhưng cũng tai hại không kém, bởi vì từ quan điểm huyền bí học, nó hoàn toàn hủy hoại và gây tử vong cho sự tiến bộ. Những loại thuốc này đôi khi là điều cần thiết để giảm bớt cơn đau lớn; nhưng chúng nên được dùng càng ít càng tốt, và không nên để chúng trở thành thói quen. Tuy nhiên, người biết cách làm có thể loại bỏ tác dụng xấu của thuốc phiện khỏi thể cảm dục và thể trí sau khi nó đã hoàn thành công việc của mình trên thể xác.

Gần như tất cả các loại thuốc đều tạo ra tác dụng có hại đối với các thể cao hơn, và do đó chúng cần được tránh càng nhiều càng tốt. Có những trường hợp xác định mà chúng rõ ràng là cần thiết, khi chúng thực sự là thuốc đặc trị cho một số bệnh nhất định; nhưng những trường hợp này rất ít, và trong số rất nhiều trường hợp, bản thân tự nhiên sẽ chữa khỏi nhanh chóng nếu môi trường xung quanh trong lành và lành mạnh.

Liên quan đến việc điều trị cơ thể, phòng bệnh chắc chắn tốt hơn chữa bệnh, và những người sống hợp lý sẽ hiếm khi cần đến dịch vụ của bác sĩ. Trong mọi trường hợp, huyết thanh động vật và các sản phẩm có liên quan đến hoặc thu được bằng phương pháp mổ xẻ sống nên được tránh tuyệt đối. Cần nhớ rằng trà và cà phê có chứa các loại thuốc được gọi là theine và caffeine, là những chất độc, vì vậy việc uống quá nhiều những loại đồ uống này là một điều xấu, đặc biệt là đối với trẻ em đang lớn; thực sự, tôi nghiêng về ý kiến cho rằng, mặc dù ở mức độ vừa phải, chúng không gây hại nghiêm trọng, nhưng những người thấy mình có thể tránh chúng thì càng tốt.

SỰ SẠCH SẼ

Các bác sĩ thường đồng ý về sự cần thiết của việc sạch sẽ về thể chất, nhưng các yêu cầu của huyền bí học nghiêm ngặt hơn nhiều so với yêu cầu của họ. Chất thải liên tục bị cơ thể thải ra dưới dạng mồ hôi không thể nhận thấy được bị loại bỏ vì nó là chất độc và chất thải đang phân hủy, và các đối phần cảm dục và trí tuệ của các hạt của nó có đặc tính không mong muốn nhất. Bụi bẩn thường khó chịu hơn ở các thế giới cao hơn so với thế giới vật chất, và cũng giống như trong thế giới vật

physical, and, just as in the physical world, it is not only foul and poisonous in itself but it also inevitably breeds dangerous microbes, so in these higher worlds it attracts low-class nature-spirits of a kind distinctly prejudicial to man. Yet many people habitually carry a coating of filth about with them, and so ensure for themselves the possession of an unpleasant retinue of astral and etheric creatures.

chất, nó không chỉ hôi hám và độc hại mà còn chắc chắn sinh ra các vi khuẩn nguy hiểm, vì vậy ở những thế giới cao hơn này, nó thu hút các loại thấp kém. -tinh linh tự nhiên thuộc loại có hại rõ rệt cho con người. Tuy nhiên, nhiều người thường xuyên mang theo một lớp bụi bẩn trên người, và do đó đảm bảo cho bản thân họ sở hữu một đoàn tùy tùng khó chịu gồm các sinh vật thể cảm dục và thể dĩ thái.

The thorough daily bath, therefore, is even more an occult than a hygienic necessity, and purity of mind and feeling cannot exist without purity of body also. The physical emanations of dirt are unpleasant, but those in the astral and mental worlds are much more than merely unpleasant; they are deleterious to the last degree, and dangerous not only to the man himself, but to others. It is through the pores of the body that the magnetism of the person rushes out, bearing with it what remains of the vital force. If therefore these pores are clogged with filth, the magnetism is poisoned on its way out, and will produce a pernicious effect upon all those around.

Do đó, việc tắm rửa kỹ lưỡng hàng ngày thậm chí còn là một điều cần thiết về huyền bí học hơn là một điều cần thiết về vệ sinh, và sự thuần khiết của tâm trí và cảm xúc không thể tồn tại nếu không có sự thuần khiết của cơ thể. Sự tỏa ra thể chất của bụi bẩn là khó chịu, nhưng những thứ trong cõi cảm dục và cõi trí không chỉ đơn thuần là khó chịu; chúng có hại đến mức độ cuối cùng, và nguy hiểm không chỉ đối với bản thân con người mà còn đối với những người khác. Chính thông qua các lỗ chân lông trên cơ thể mà từ tính của con người tuôn ra, mang theo những gì còn lại của sinh lực. Do đó, nếu các lỗ chân lông này bị tắc nghẽn bởi bụi bẩn, thì từ tính sẽ bị nhiễm độc trên đường thoát ra ngoài và sẽ tạo ra tác dụng tai hại đối với tất cả những người xung quanh.

We must remember that we are constantly interchanging the particles of our bodies with those about us, and that our bodies therefore are not wholly our own; we cannot do just as we like with them, because of the fact that they thus constantly influence those of our brothers, the children of our common Father. A comprehension of the most rudimentary idea of brotherhood shows us that it is an absolute duty to others to keep our bodies healthy, pure and clean. If the person be perfectly clean, his emanations will carry health and strength, and so when we make ourselves purer we are helping others also.

Chúng ta phải nhớ rằng chúng ta liên tục trao đổi các hạt của cơ thể mình với những người xung quanh, và do đó, cơ thể của chúng ta không hoàn toàn thuộc về chúng ta; chúng ta không thể làm những gì chúng ta thích với chúng, bởi vì thực tế là chúng liên tục ảnh hưởng đến các huynh đệ của chúng ta, những đứa con của Cha chung của chúng ta. Hiểu được ý tưởng sơ đẳng nhất về tình huynh đệ cho chúng ta thấy rằng đó là nghĩa vụ tuyệt đối đối với người khác để giữ cho cơ thể của chúng ta khỏe mạnh, thuần khiết và sạch sẽ. Nếu người đó hoàn toàn sạch sẽ, thì sự tỏa ra của họ sẽ mang lại sức khỏe và sức mạnh, và vì vậy khi chúng ta làm cho bản thân mình thuần khiết hơn, chúng ta cũng đang giúp đỡ người khác.

OCCULT HYGIENE

VỆ SINH HUYỀN BÍ HỌC

This radiation is strongest of all from the ends of the fingers and toes, so that even more than usual care should constantly be lavished upon the strictest cleanliness in the case of these channels of influence. A careless person who allows filth to accumulate under his finger-nails is all the time pouring forth from the ends of his fingers what

Sự bức xạ này mạnh nhất từ các đầu ngón tay và ngón chân, vì vậy cần phải thường xuyên chăm sóc kỹ lưỡng hơn nữa để đảm bảo sự sạch sẽ nghiêm ngặt nhất trong trường hợp các kênh ảnh hưởng này. Một người bất cẩn để bụi bẩn tích tụ dưới móng tay của họ luôn tuôn ra từ đầu ngón tay của họ thứ gì đó trong thế giới thể cảm dục

in the astral world exactly corresponds to a torrent of peculiarly noisome sewage in the physical—an effect which makes his neighbourhood exceedingly unpleasant to any sensitive person, and causes him to do harm in many cases where, but for that, he might be doing good.

tương ứng chính xác với một dòng nước thải đặc biệt khó chịu trong thế giới vật chất — một hiệu ứng khiến khu vực lân cận của họ trở nên vô cùng khó chịu đối với bất kỳ người nhạy cảm nào, và khiến họ làm hại trong nhiều trường hợp mà nếu không có điều đó, họ có thể làm điều tốt.

For a similar reason special care of the feet is desirable. They should never be encased in boots too tight for them, and thick, heavy walking boots should never be worn an instant longer than is absolutely necessary, but should be replaced by something soft, loose and easy. Indeed it is far better that whenever possible the feet should be left uncovered altogether, or when that is considered impossible, that a light sandal should be used without stockings or socks. This plan could hardly be adopted out-of-doors amidst the horrible filth of our large towns, but it surely ought to be possible in country houses and at the seaside. It could be done indoors everywhere, and would be healthier and more comfortable physically, as well as correct from the occult point of view. But while we are all such slaves of fashion that any man who lived and dressed rationally would probably be regarded as insane, I suppose that it is hopeless to expect people to have sufficient strength of mind to do what is obviously best for them.

Vì lý do tương tự, nên chăm sóc đặc biệt cho bàn chân. Chúng không bao giờ được bọc trong những đôi bốt quá chật, và những đôi bốt đi bộ dày, nặng không bao giờ được đi quá lâu hơn mức cần thiết, mà nên được thay thế bằng thứ gì đó mềm mại, rộng rãi và thoải mái. Thật vậy, tốt hơn hết là bất cứ khi nào có thể, bàn chân nên được để trần hoàn toàn, hoặc khi điều đó được coi là không thể, thì nên sử dụng một đôi dép nhẹ mà không có tất hoặc vớ. Kế hoạch này khó có thể được áp dụng ngoài trời giữa sự ô uế khủng khiếp của các thị trấn lớn của chúng ta, nhưng chắc chắn nó phải có thể thực hiện được ở các vùng nông thôn và ven biển. Nó có thể được thực hiện trong nhà ở mọi nơi, và sẽ lành mạnh hơn và thoải mái hơn về mặt thể chất, cũng như đúng đắn từ quan điểm huyền bí học. Nhưng trong khi tất cả chúng ta đều là nô lệ của thời trang đến mức bất kỳ ai sống và ăn mặc hợp lý có thể sẽ bị coi là mất trí, tôi cho rằng không có hy vọng mong đợi mọi người có đủ sức mạnh tinh thần để làm những gì rõ ràng là tốt nhất cho họ.

From the point of view of occult hygiene great care should be taken also with regard to the head, which should be left uncovered whenever possible, and never allowed to get hot. A hat is an utterly unnecessary article of clothing, and people would be much better in every way without it; but here again probably the foolishness of fashion will, as usual, stand in the way of common sense. The folly of wearing a hat becomes immediately obvious when we remember that even in the coldest weather we habitually leave the face entirely uncovered, even though there is usually but little hair on it, whereas we are careful to put a considerable and most insanitary weight upon the upper part of the head, which nature has already abundantly covered with hair! Think, too, how much money might be saved by discarding all unnecessary and positively harmful articles of dress—hats, boots, stockings, collars, cuffs, corsets.

Từ quan điểm của vệ sinh huyền bí học, cũng nên hết sức cẩn thận đối với đầu, nên để đầu trần bất cứ khi nào có thể và không bao giờ để đầu bị nóng. Mũ là một vật dụng hoàn toàn không cần thiết trong trang phục, và mọi người sẽ tốt hơn nhiều về mọi mặt nếu không có nó; nhưng ở đây một lần nữa có lẽ sự ngu ngốc của thời trang sẽ, như thường lệ, cản trở lẽ thường. Sự ngu ngốc của việc đội mũ trở nên rõ ràng ngay lập tức khi chúng ta nhớ rằng ngay cả trong thời tiết lạnh nhất, chúng ta thường để mặt hoàn toàn không được che chắn, mặc dù thường có rất ít tóc trên đó, trong khi chúng ta cẩn thận đặt một trọng lượng đáng kể và mất vệ sinh nhất lên trên. phần đầu, nơi mà tự nhiên đã bao phủ đầy tóc! Cũng hãy nghĩ xem, có bao nhiêu tiền có thể được tiết kiệm bằng cách loại bỏ tất cả các vật dụng không cần thiết và thực sự có hại trong trang phục — mũ, bốt, tất, cổ áo, còng tay áo, áo nịt ngực.

But people never use their own brains with regard to such matters; they think only of what some one else is doing, and they never realise that their boasted liberty is the merest sham, since they do not feel themselves free to follow the plainest dictates of their reason, even with regard to a matter which is so clearly their own private business as the clothing that they shall wear. Future and more enlightened generations will look back with wonder and pity upon the dreary monotony of ugliness to which this senseless thraldom condemns us.

Nhưng mọi người không bao giờ sử dụng bộ não của chính họ đối với những vấn đề như vậy; họ chỉ nghĩ về những gì người khác đang làm, và họ không bao giờ nhận ra rằng sự tự do mà họ tự hào chỉ là giả tạo nhất, vì họ không cảm thấy mình tự do làm theo những mệnh lệnh rõ ràng nhất của lý trí, ngay cả đối với vấn đề rõ ràng là việc riêng của họ. kinh doanh như quần áo mà họ sẽ mặc. Các thế hệ tương lai và khai sáng hơn sẽ nhìn lại với sự ngạc nhiên và thương hại trước sự đơn điệu ảm đạm của sự xấu xí mà sự nô lệ vô nghĩa này đã kết án chúng ta.

Another of the objectionable customs of our modern civilisation is that of hair-cutting. It is outrageous that we should be expected to submit to have our heads pawed about for a quarter of an hour or so by a person who is not usually of the higher classes, who generally smells offensively of tobacco or onions or pomatum, who breathes in our faces and worries us with a stream of inane chatter—and in any case has been promiscuously pawing the heads of a score of others of His Majesty's lieges without any intermediate process of purification. Considering the fact that the head is precisely the part of the human body where unpleasant alien magnetism will produce the greatest effect, and that it is through the hands that magnetism flows most easily, one sees at once what a peculiarly unscientific abomination this is. I do not suggest that every man should let his hair grow to its full length; that is a matter entirely for his private taste; but I do say that the person who cuts it should be his wife or his mother, his brother or his sister, or at least somebody of the same family or in close friendship, whose magnetism is likely to be on the whole harmonious and reasonably pure. It may be that until we all have had a certain amount of practice, the hair would not be quite so well cut as by the professional person; but we should be far more than compensated by freedom from headache, from unpleasant smells and from foreign influences.

Một trong những tập tục khó chịu khác của nền văn minh hiện đại của chúng ta là cắt tóc. Thật là xúc phạm khi chúng ta phải cúi đầu khoảng mười lăm phút hoặc lâu hơn bởi một người thường không thuộc tầng lớp cao hơn, người thường có mùi thuốc lá, hành tây hoặc dầu bôi tóc khó chịu, người thở vào mặt chúng ta và làm phiền chúng ta bằng một dòng trò chuyện ngớ ngẩn — và trong mọi trường hợp, đã mò mẫm bừa bãi đầu của hàng chục người khác trong số những người trung thành của Quốc vương mà không có bất kỳ quá trình thanh lọc trung gian nào. Xét thực tế rằng đầu chính xác là bộ phận trên cơ thể con người, nơi mà từ tính xa lạ khó chịu sẽ tạo ra tác động lớn nhất, và từ tính dễ dàng chảy qua bàn tay nhất, người ta sẽ thấy ngay đây là một điều ghê tởm đặc biệt phi khoa học. Tôi không đề xuất rằng mọi con người nên để tóc dài hết mức có thể; đó hoàn toàn là vấn đề sở thích cá nhân của họ; nhưng tôi có nói rằng người cắt tóc nên là vợ hoặc mẹ, anh trai hoặc em gái của họ, hoặc ít nhất là ai đó trong cùng gia đình hoặc có quan hệ bạn bè thân thiết, có từ tính nhìn chung hài hòa và hợp lý. thuần khiết. Có thể cho đến khi tất cả chúng ta đã có một số lượng thực hành nhất định, thì tóc sẽ không được cắt tỉa đẹp như người chuyên nghiệp; nhưng chúng ta sẽ được đền bù nhiều hơn bằng cách không bị đau đầu, không bị mùi khó chịu và không bị ảnh hưởng từ nước ngoài.

PHYSICAL EXISTENCE

SỰ HIỆN HỮU VẬT CHẤT

In order that its reaction upon higher vehicles should be satisfactory, it is necessary that the physical body should be regularly exercised. This, which doctors tell us is so desirable from

Để phản ứng của nó đối với các thể cao hơn được thỏa đáng, điều cần thiết là thể xác phải được vận động thường xuyên. Điều này, mà các bác sĩ nói với chúng ta là rất đáng mong muốn từ quan

the point of view of physical health, is still more desirable from the point of view of health in other worlds. Not only do unused muscles deteriorate and become feeble, but their condition produces a congestion of magnetism, a check to its proper and healthy flow; and that means a weak spot in the etheric double, through which a hostile influence can easily penetrate. A man who keeps his physical body thoroughly well exercised also keeps his etheric body in good order, which means in the first place that he is far less liable to the penetration of unpleasant physical germs, such as those of infection, for example. And in the second, because of the reaction of this upon the astral and mental bodies, thoughts of depression or of animal passion will find it almost impossible to seize upon him. Therefore we see that due and regular physical exercise has great importance from the occult standpoint; indeed we may say that all such practices as have been found by experiment to promote the health of the physical body are also found to react favourably upon the higher vehicles.

điểm của sức khỏe thể chất, thậm chí còn đáng mong muốn hơn từ quan điểm của sức khỏe ở các thế giới khác. Các cơ không được sử dụng không chỉ bị thoái hóa và trở nên yếu ớt, mà tình trạng của chúng còn tạo ra sự tắc nghẽn từ tính, cản trở dòng chảy thích hợp và lành mạnh của nó; và điều đó có nghĩa là một điểm yếu trong thể dĩ thái, nơi mà ảnh hưởng thù địch có thể dễ dàng xâm nhập. Một người giữ cho thể xác của mình được vận động kỹ lưỡng cũng giữ cho thể dĩ thái của mình ở trạng thái tốt, điều đó có nghĩa là trước hết, họ ít bị xâm nhập bởi các vi trùng vật lý khó chịu, chẳng hạn như các vi trùng lây nhiễm. Và thứ hai, do phản ứng của điều này đối với thể cảm dục và thể trí, những suy nghĩ chán nản hoặc đam mê xác thịt sẽ gần như không thể chiếm lấy họ. Do đó, chúng ta thấy rằng việc tập thể dục thể chất thường xuyên và hợp lý có tầm quan trọng lớn từ quan điểm huyền bí học; thực sự chúng ta có thể nói rằng tất cả những thực hành như vậy đã được thực nghiệm thấy là có tác dụng tăng cường sức khỏe của thể xác cũng được thấy là có phản ứng thuận lợi đối với các thể cao hơn.

READING AND STUDY

There is an occult side to ever act of daily life, and it often happens that if we know this occult side we can perform these daily actions more perfectly or more usefully. Take, for example, the case of reading. Broadly speaking, we read for two purposes, for study and for amusement. If one watches with clairvoyant vision a person who is reading for the purpose of study, one is often surprised to see how little the real meaning of what is written penetrates into the mind of the reader. In a book that is carefully written, in order that it may be studied, each sentence or paragraph usually contains a clear statement of a certain definite idea. That idea expresses itself as a thought-form, the shape or size of which varies according to the subject. But whether it is small or large, whether it is simple or complicated, it is at least clear and definite of its kind. It is usually surrounded with various subsidiary forms, which are the expressions of corollaries or necessary deductions from the statement. Now an exact duplicate of this, which is the author's thought-form, should build itself up in the reader's mind, perhaps immediately, perhaps only by degrees. Whether the forms indicating

ĐỌC VÀ HỌC

Có một khía cạnh huyền bí học đối với mọi hành động của cuộc sống hàng ngày, và thường xảy ra rằng nếu chúng ta biết khía cạnh huyền bí học này, chúng ta có thể thực hiện các hành động hàng ngày này một cách hoàn hảo hoặc hữu ích hơn. Lấy ví dụ, trường hợp đọc. Nói chung, chúng ta đọc cho hai mục đích, để học tập và để giải trí. Nếu một người quan sát bằng tầm nhìn thông nhãn một người đang đọc để nghiên cứu, người ta thường ngạc nhiên khi thấy ý nghĩa thực sự của những gì được viết thấm vào tâm trí người đọc ít như thế nào. Trong một cuốn sách được viết cẩn thận, để có thể nghiên cứu, mỗi câu hoặc đoạn văn thường chứa một tuyên bố rõ ràng về một ý tưởng xác định nhất định. Ý tưởng đó tự biểu hiện dưới dạng một hình tư tưởng, hình dạng hoặc kích thước của nó thay đổi tùy theo chủ đề. Nhưng dù nó nhỏ hay lớn, dù nó đơn giản hay phức tạp, thì ít nhất nó cũng rõ ràng và xác định theo loại của nó. Nó thường được bao quanh bởi các dạng phụ trợ khác nhau, là biểu hiện của các hệ quả hoặc suy luận cần thiết từ tuyên bố. Bây giờ, một bản sao chính xác của điều này, là hình tư tưởng của tác giả, sẽ tự xây dựng trong tâm trí người đọc, có thể ngay lập tức, có thể chỉ từng

corollaries also appear; depends upon the nature of the student's mind—whether he is or is not quick to see in a moment all that follows from a certain statement.

chút một. Việc các hình thức biểu thị hệ quả có xuất hiện hay không phụ thuộc vào bản chất tâm trí của người học — liệu họ có nhanh chóng nhìn thấy tất cả những gì theo sau một tuyên bố nhất định hay không.

As a general rule, with a good student the image of the central idea will reproduce itself fairly accurately at once, and the surrounding images will come into being one by one as the students revolves the central idea in his mind. But unfortunately with many people even the central idea is by no means properly represented. Less developed mentally, they cannot make a clear reflection at all, and they create a sort of amorphous, incorrect mass instead of a geometrical form. Others manufacture something, which is indeed recognisable as the same form, but with blunted edges and angles, or with one part of it entirely out of proportion to the rest—a badly drawn representation, in fact.

Như một quy luật chung, với một học viên giỏi, hình ảnh của ý tưởng trung tâm sẽ tự tái tạo lại một cách chính xác ngay lập tức, và các hình ảnh xung quanh sẽ lần lượt xuất hiện khi học viên xoay chuyển ý tưởng trung tâm trong tâm trí của mình. Nhưng thật không may, đối với nhiều người, ngay cả ý tưởng trung tâm cũng không được thể hiện đúng cách. Kém phát triển về mặt trí tuệ, họ hoàn toàn không thể tạo ra một hình ảnh phản chiếu rõ ràng, và họ tạo ra một loại khối lượng vô định hình, không chính xác thay vì một hình dạng hình học. Những người khác chế tạo ra thứ gì đó, thực sự có thể nhận ra là cùng một hình thức, nhưng với các cạnh và góc bị cùn, hoặc với một phần của nó hoàn toàn không cân đối với phần còn lại — trên thực tế, đó là một hình ảnh được vẽ xấu.

Others succeed in making a kind of skeleton of it, which means that they have grasped the outline of the idea, but are as yet quite unable to make it living to themselves, or to fill in any of its detail. Others—perhaps the most numerous class—touch one side of the idea and not the other, and so build only half the form. Others seize one point in it and neglect all the rest, and so generate a figure which may be accurate as far as it goes, but is not recognisable as a copy of that given in the book. Yet these people will all assert that they have studied the book in question, though if they were asked to reproduce its contents from memory, the resulting essays would have little in common.

Những người khác thành công trong việc tạo ra một loại khung xương của nó, điều đó có nghĩa là họ đã nắm bắt được đường nét của ý tưởng, nhưng vẫn chưa thể làm cho nó sống động với chính họ, hoặc điền vào bất kỳ chi tiết nào của nó. Những người khác — có lẽ là lớp đông đảo nhất — chạm vào mặt này của ý tưởng chứ không phải mặt kia, và do đó chỉ xây dựng được một nửa hình thức. Những người khác nắm bắt một điểm trong đó và bỏ qua tất cả những điểm còn lại, và do đó tạo ra một hình có thể chính xác cho đến nay, nhưng không thể nhận ra là bản sao của hình được đưa ra trong sách. Tuy nhiên, tất cả những người này sẽ khẳng định rằng họ đã nghiên cứu cuốn sách được đề cập, mặc dù nếu họ được yêu cầu tái tạo lại nội dung của nó từ trí nhớ, thì các bài luận kết quả sẽ có rất ít điểm chung.

This means in the first place a lack of attention. These people presumably read the words, but the ideas expressed by those words do not affect a lodgment in their minds. Often it is easy for the clairvoyant to see the reason for this, for if he watches the mental body of the student he sees it to be occupied with half a dozen subjects simultaneously. Household cares, business worries, thoughts of some recent pleasure or expectations of an approaching one, a feeling of

Điều này có nghĩa là trước hết là thiếu chú ý. Những người này có lẽ đọc các từ, nhưng ý tưởng được thể hiện bằng những từ đó không ảnh hưởng đến nơi cư trú trong tâm trí của họ. Thông thường, nhà thông nhãn có thể dễ dàng nhận ra lý do của điều này, bởi vì nếu người đó quan sát thể trí của học viên, người đó sẽ thấy nó đang bận tâm đến nửa tá chủ đề cùng một lúc. Mối bận tâm của gia đình, những lo lắng trong công việc, những suy nghĩ về niềm vui gần đây hoặc những

weariness and repulsion at having to study and a longing for the time when the half-hour of study shall be over; all such feelings as these are seething in the man's brain, and occupying between them nine-tenths of the matter of his mental body, while the poor remaining tenth is making a despairing effort to get hold of the thought-form which he is supposed to be assimilating from the book. Under these circumstances, naturally enough, it is hopeless to expect any real benefit, and it would probably, on the whole, be better for such a man of he did not attempt to study at all.

kỳ vọng về một điều sắp xảy ra, cảm giác mệt mỏi và chán ghét khi phải học và khao khát đến thời điểm nửa giờ học sẽ kết thúc; tất cả những cảm xúc như thế này đang sôi sục trong não con người, và chiếm giữ chín phần mười vật chất của thể trí của anh ta, trong khi phần mười còn lại đáng thương đang nỗ lực một cách tuyệt vọng để nắm bắt hình tư tưởng mà anh ta được cho là đang đồng hóa từ cuốn sách. Trong những trường hợp này, một cách tự nhiên, không có hy vọng mong đợi bất kỳ lợi ích thực sự nào, và nhìn chung, có lẽ sẽ tốt hơn cho một người như vậy nếu anh ta không cố gắng học tập.

From the examination of this hidden side of study, then, certain definite rules emerge which it would be well for the intending student to follow. First, he must begin by emptying his mind of all other thoughts and must see to it that they are not permitted to return until his time of study is over. He must free his mind from all cares and perplexities, and then he must concentrate it wholly on the matter in hand. He should read through his paragraph slowly and carefully, and then pause to see whether the image is clear in his mind. Then he should read the passage over again with equal care, and see whether any additional features have been added to his mental image; and he should repeat this until he feels that he has a thorough grasp of the subject, and that no new idea upon it will immediately suggest itself. When that is done he may usefully see whether he can pick out any of the corollaries, whether he can surround his central thought-form with planets depending on it.

Từ việc xem xét mặt ẩn này của việc học, sau đó, một số quy tắc xác định xuất hiện mà người học dự định nên tuân theo. Đầu tiên, họ phải bắt đầu bằng cách dọn sạch tâm trí của mình khỏi tất cả những suy nghĩ khác và phải đảm bảo rằng chúng không được phép quay trở lại cho đến khi thời gian học của họ kết thúc. Họ phải giải phóng tâm trí của mình khỏi mọi lo lắng và bối rối, và sau đó họ phải tập trung hoàn toàn vào vấn đề đang làm. Họ nên đọc kỹ đoạn văn của mình một cách chậm rãi và cẩn thận, sau đó dừng lại để xem hình ảnh có rõ ràng trong tâm trí của họ hay không. Sau đó, họ nên đọc lại đoạn văn đó với sự cẩn thận như nhau và xem liệu có thêm bất kỳ đặc điểm nào được thêm vào hình ảnh trí tuệ của họ hay không; và họ nên lặp lại điều này cho đến khi họ cảm thấy rằng họ đã nắm bắt được chủ đề một cách thấu đáo, và không có ý tưởng mới nào về nó sẽ tự gợi ý ngay lập tức. Khi điều đó được thực hiện, họ có thể hữu ích xem liệu họ có thể chọn ra bất kỳ hệ quả nào hay không, liệu họ có thể bao quanh hình tư tưởng trung tâm của họ bằng các hành tinh phụ thuộc vào nó hay không.

All this while, a mass of other thoughts will have been clamouring for admission; but if our student is worthy of the name he will sternly refuse them and keep his mind fixed exclusively on the question in hand. The original thought-form which I have described represents the author's conception as he wrote, and it is always possible by earnest study to get thus into touch with the mind of the author. Often through his thought-form he himself may be reached, and additional information may be obtained or light may be gained on difficult points. Usually the student, unless highly developed, cannot come

Trong khi đó, rất nhiều suy nghĩ khác sẽ ồn ào đòi được thừa nhận; nhưng nếu học viên của chúng ta xứng đáng với cái tên đó, thì họ sẽ nghiêm khắc từ chối chúng và chỉ tập trung vào câu hỏi đang làm. Hình tư tưởng ban đầu mà tôi đã mô tả đại diện cho quan niệm của tác giả khi ông ấy viết, và luôn có thể bằng cách nghiên cứu nghiêm túc để tiếp xúc với tâm trí của tác giả theo cách này. Thông thường thông qua hình tư tưởng của mình, bản thân ông ấy có thể được tiếp cận, và có thể thu được thông tin bổ sung hoặc có thể thu được ánh sáng về những điểm khó khăn. Thông thường, học viên, trừ khi được phát triển cao,

into *conscious* touch with the author, so as actually to interchange ideas with him; any new thought will probably appear to the student as his own, because it always comes into his physical brain from above, just as much when it is suggested from outside as when it originates in his own mental body; but that matters little so long as he gets a clear conception of his object.

không thể tiếp xúc có tâm thức với tác giả, để thực sự trao đổi ý kiến với ông ấy; bất kỳ suy nghĩ mới nào có thể sẽ xuất hiện với học viên như của chính họ, bởi vì nó luôn đi vào não bộ vật lý của họ từ trên cao, cũng giống như khi nó được gợi ý từ bên ngoài cũng như khi nó bắt nguồn từ thể trí của chính họ; nhưng điều đó không quan trọng miễn là họ có được quan niệm rõ ràng về mục tiêu của mình.

SYSTEM AND THOROUGHNESS

All this the occult student does as a matter of course, and he does it daily with the most exemplary regularity, for he recognises its importance, first because he knows the necessity of systematic work or training, and secondly because one of the duties most strongly impressed upon him is that of thoroughness. His motto must be: “Whatsoever thy hand findeth to do, do it with thy might.” He knows that whatever he does he ought to do better than the man of the world does it, that nothing will suffice but the best that is possible to him, and that he must try ceaselessly to attain perfection in all his work, developing all his vehicles to the utmost, in order that he nay gain that perfection.

HỆ THỐNG VÀ SỰ KỸ LƯỠNG

Tất cả những điều này, người học huyền bí học đều làm một cách đương nhiên, và người đó thực hiện hàng ngày với sự đều đặn mẫu mực nhất, vì người đó nhận ra tầm quan trọng của nó, trước hết vì người đó biết sự cần thiết của việc làm việc hoặc rèn luyện có hệ thống, và thứ hai là vì một trong những nhiệm vụ được ghi nhớ sâu sắc nhất đối với người đó là sự kỹ lưỡng. Phương châm của người đó phải là: "Tay ngươi làm việc gì, hãy hết sức mà làm." Người đó biết rằng bất cứ điều gì mình làm, mình phải làm tốt hơn người đời làm, rằng không có gì là đủ ngoại trừ điều tốt nhất có thể đối với mình, và rằng mình phải không ngừng cố gắng để đạt được sự hoàn hảo trong mọi công việc của mình, phát triển tất cả các thể của mình đến mức tối đa, để người đó có thể đạt được sự hoàn hảo đó.

NOVEL AND NEWSPAPER-READING

Even when we read for amusement it is still eminently desirable that we should form a habit of concentration upon what is read. After much study or hard mental labour of any kind, it is often a great relief to turn to a good novel, and there is no harm whatever in doing so, so long as moderation is observed. The person who gives up his whole life to novel-reading is yielding to mental dissipation, and if he continues to treat his mind in that way he will probably soon find that it is of little use to him as an instrument for serious study. But, as I have said, occasional novel-reading for relief is harmless and even beneficial.

ĐỌC TIỂU THUYẾT VÀ BÁO CHÍ

Ngay cả khi chúng ta đọc để giải trí, thì điều vẫn rất đáng mong muốn là chúng ta nên hình thành thói quen tập trung vào những gì đang đọc. Sau khi học tập nhiều hoặc lao động trí óc vất vả dưới bất kỳ hình thức nào, thường thì việc chuyển sang một cuốn tiểu thuyết hay sẽ là một sự giải tỏa tuyệt vời, và không có gì là sai trái khi làm như vậy, miễn là sự điều độ được tuân thủ. Người dành cả cuộc đời mình để đọc tiểu thuyết đang đầu hàng sự tiêu hao trí tuệ, và nếu người đó tiếp tục đối xử với tâm trí của mình theo cách đó, có lẽ họ sẽ sớm nhận ra rằng nó chẳng ích lợi gì cho họ như một công cụ để học tập nghiêm túc. Nhưng, như tôi đã nói, thỉnh thoảng đọc tiểu thuyết để giải tỏa là vô hại và thậm chí có lợi.

Even then it is well not to read carelessly, but to try to form a clear conception of each character, to make the people live and move before one. When the author wrote his story he made such a

Ngay cả khi đó, cũng không nên đọc một cách cẩu thả, mà hãy cố gắng hình thành một quan niệm rõ ràng về từng nhân vật, để con người sống và vận động trước mắt. Khi tác giả viết câu chuyện

series of thought-forms. Many other readers since have come into touch with them and strengthened them, (though some prefer to construct a fresh set of their own), and it is frequently possible to see with the mind the author's original set, and so to follow his story exactly as he meant it.

của mình, ông ấy đã tạo ra một loạt hình tư tưởng như vậy. Nhiều độc giả khác kể từ đó đã tiếp xúc với họ và củng cố họ, (mặc dù một số người thích tự xây dựng một bộ mới) và thường có thể nhìn thấy bằng tâm trí bộ ban đầu của tác giả, và do đó theo dõi câu chuyện của ông ấy chính xác như ông ấy có ý nghĩa.

Of some well-known stories there are many renderings in the mental and astral worlds. Of the biblical stories, for example, each nation has usually its special presentation, and generally with the characters all dressed in its particular national garb. Children have vivid and capable imaginations, so books much read by them are sure to be well represented in the world of thought-forms; we find many excellent and life-like portraits of such people as Sherlock Holmes, Captain Kettle, John Silver, or Dr. Nikola.

Trong số một số câu chuyện nổi tiếng, có nhiều cách diễn giải trong cõi trí và cõi cảm dục. Ví dụ, về các câu chuyện trong Kinh thánh, mỗi quốc gia thường có cách trình bày đặc biệt của riêng mình, và thường với các nhân vật đều mặc trang phục dân tộc đặc biệt của mình. Trẻ em có trí tưởng tượng sống động và có khả năng, vì vậy những cuốn sách được chúng đọc nhiều chắc chắn sẽ được thể hiện rõ trong thế giới của các hình tư tưởng; chúng tôi tìm thấy nhiều bức chân dung xuất sắc và sống động như thật của những người như Sherlock Holmes, Thuyền trưởng Kettle, John Silver hoặc Tiến sĩ Nikola.

On the whole, however, the thought-forms evoked from the novels of to-day are by no means so clear as those which our forefathers made of Robinson Crusoe or of the characters in Shakespeare's plays. That comes largely from the fact that we rarely give more than half our attention to anything, even to a good story, and that in turn is the consequence of the curious literary conditions of our modern life. In the older days, if a man read at all, he read earnestly and fixed his mind upon what he was doing. If he took up any subject, he read serious books upon that subject. In these days a large number of people dependent for almost all the information they possess upon newspapers and magazines. The magazine or newspaper article conveys in a handy form for easy assimilation a certain amount of superficial information upon its subject, whatever that may be; it gives enough to enable a man to talk lightly about the matter at a dinner-table, but not enough to tax his intellect or to give him a sense of mental effort. It is an age of information by snippets, and the ultimate expression of its spirit is shown by the enormous circulation of such papers as *Tit-Bits* and *Answers*. The mind which gains its information in this way has no real grasp of any subject—no solid foundation; and because it has accustomed itself to feeding upon highly-spiced fragments it

Tuy nhiên, nhìn chung, các hình tư tưởng được gợi lên từ các tiểu thuyết ngày nay không rõ ràng bằng các hình tư tưởng mà tổ tiên chúng ta đã tạo ra về Robinson Crusoe hoặc các nhân vật trong các vở kịch của Shakespeare. Điều đó phần lớn xuất phát từ thực tế là chúng ta hiếm khi dành hơn một nửa sự chú ý của mình cho bất cứ điều gì, ngay cả đối với một câu chuyện hay, và điều đó đến lượt nó là hậu quả của điều kiện văn học kỳ lạ trong cuộc sống hiện đại của chúng ta. Ngày xưa, nếu một người đọc sách, thì người đó đọc một cách nghiêm túc và tập trung vào những gì mình đang làm. Nếu người đó đề cập đến bất kỳ chủ đề nào, thì người đó sẽ đọc những cuốn sách nghiêm túc về chủ đề đó. Ngày nay, một số lượng lớn người phụ thuộc vào hầu hết mọi thông tin mà họ sở hữu trên báo chí và tạp chí. Bài báo trên tạp chí hoặc báo chí truyền tải một cách tiện dụng để dễ dàng tiếp thu một lượng thông tin hời hợt nhất định về chủ đề của nó, bất kể chủ đề đó là gì; nó cung cấp đủ để cho phép một người nói chuyện nhẹ nhàng về vấn đề đó trên bàn ăn, nhưng không đủ để đánh thuế trí tuệ của họ hoặc để cho họ cảm giác nỗ lực trí tuệ. Đó là thời đại của thông tin theo kiểu cắt xén, và biểu hiện cuối cùng của tinh thần của nó được thể hiện qua số lượng phát hành khổng lồ của các tờ báo như *Tit-Bits* và *Answers*. Tâm trí thu thập thông tin theo cách này không thực sự nắm bắt được bất kỳ chủ đề

finds itself incapable of digesting a more satisfying meal.

nào — không có nền tảng vững chắc; và bởi vì nó đã quen với việc ăn những mảnh vụn được tẩm gia vị cao nên nó thấy mình không có khả năng tiêu hóa một bữa ăn thỏa mãn hơn.

An unpleasant feature of the newspaper press of the present day is the great prominence given to murders and divorce cases, and the wealth of sickening detail about them which is put before the public, day after day. This is bad enough from any point of view, but when, we add to ordinary considerations those which are shown to us by the study of the hidden side of all these things, we are fairly appalled. The result of this prurient publicity is that all over the country great masses of vivid and most objectionable thought-forms are constantly being generated; people picture the horrible details of the murder, or gloat libidinously over suggestive facts or remarks connected with the divorce case, and the resulting thought-forms in the first case are of a terrifying character to any nervous person who can be influenced by them, and in the second case constitute a distinct temptation towards evil thought and action for those who have in them germs of sensuality. This is no mere supposition as to what must occur—it is a definite chronicle of what constantly *does* occur. No clairvoyant can avoid noticing the great increase in unpleasant thought-forms during the progress of any of these sensational cases.

Một đặc điểm khó chịu của báo chí ngày nay là sự nổi bật quá mức dành cho các vụ giết người và ly hôn, và vô số chi tiết kinh tởm về chúng được đưa ra trước công chúng ngày này qua ngày khác. Điều này là đủ tệ từ bất kỳ quan điểm nào, nhưng khi chúng ta thêm vào những xem xét thông thường những điều được thể hiện cho chúng ta bằng cách nghiên cứu mặt bí ẩn của tất cả những điều này, chúng ta thực sự kinh hoàng. Kết quả của sự công khai khiêu dâm này là trên khắp đất nước, rất nhiều hình tư tưởng sống động và khó chịu nhất đang liên tục được tạo ra; mọi người hình dung ra những chi tiết khủng khiếp của vụ giết người, hoặc hả hê một cách dâm dục về những sự thật hoặc nhận xét gợi ý liên quan đến vụ án ly hôn, và các hình tư tưởng kết quả trong trường hợp đầu tiên có tính chất đáng sợ đối với bất kỳ người lo lắng nào có thể bị chúng ảnh hưởng., và trong trường hợp thứ hai, tạo thành một cám dỗ rõ ràng đối với suy nghĩ và hành động xấu xa đối với những người có mầm mống của nhục dục trong họ. Đây không chỉ là giả định về những gì phải xảy ra — đó là một bản ghi chép xác định về những gì liên tục xảy ra. Không nhà thông nhãn nào có thể không nhận thấy sự gia tăng lớn về các hình tư tưởng khó chịu trong quá trình diễn ra bất kỳ trường hợp giật gân nào trong số này.

On the other hand, it is only fair to remember that the curious fragmentary literature of to-day reaches a multitude of people who in the old days did not read at all. A man who is at heart and by disposition a reality serious student still studies just as of old. A certain number of people who in the older days might have studied seriously, are now diverted from doing so by the facility with which they can obtain superficial information in small doses; but a much greater number of people who would never under any circumstances have taken up serious study are now beguiled into acquiring at least a certain amount of information by the ease with which it can be done. Many a man buys a magazine on a railway-journey, for the purpose of reading the stories in it; finishing them before the journey is

Mặt khác, công bằng mà nói, cần nhớ rằng nền văn học rời rạc kỳ lạ ngày nay đã tiếp cận được vô số người mà ngày xưa không hề đọc. Một người thực sự là một học viên nghiêm túc trong thâm tâm và theo khuynh hướng vẫn học tập như xưa. Một số người nhất định mà ngày xưa có thể đã học tập nghiêm túc, thì giờ đây lại bị phân tâm khỏi việc đó bởi sự dễ dàng mà họ có thể thu được thông tin hời hợt với liều lượng nhỏ; nhưng một số lượng lớn hơn nhiều những người mà trong bất kỳ trường hợp nào cũng sẽ không bao giờ tham gia vào việc học nghiêm túc, thì giờ đây lại bị lôi kéo vào việc tiếp thu ít nhất một lượng thông tin nhất định bởi sự dễ dàng mà nó có thể được thực hiện. Nhiều con người mua tạp chí trên hành trình đường sắt, với mục đích đọc những câu chuyện trong đó; hoàn thành chúng trước

over, he fills up his time by imbibing the other contents of his periodical, and in that way learns many things which he did not know before, and may even have his attention attracted to some subject which appeals to him—in which presently he will learn to take serious interest.

khi hành trình kết thúc, anh ta lấp đầy thời gian của mình bằng cách tiếp thu những nội dung khác của tạp chí định kỳ của mình, và theo cách đó, anh ta học được nhiều điều mà trước đây anh ta không biết, và thậm chí có thể thu hút sự chú ý của anh ta đến một số chủ đề mà anh ta quan tâm — trong đó hiện tại anh ta sẽ học cách quan tâm nghiêm túc.

So these curious basketfuls of miscellaneous information may be said to do good as well as harm, for though the taste for desultory reading and bad jokes may not in itself be a great gain to the errand-boy or the shop assistant, it is nevertheless for him the beginning of literature, and it occupies a certain amount of his time which might easily be worse spent in public-houses or in doubtful company. In days before the school-board, the place of the cheap magazine was largely taken by the spoken story, and it is to be feared that many of the stories told by young men when they were alone together were often of a nature that would certainly not be admitted into our weekly papers. So we must not altogether despise these things, though the serious student does well to avoid them, just because they fill the mental body with a mass of little unconnected thought-forms like pebbles, instead of building up in it an orderly edifice.

Vì vậy, những giỏ thông tin hỗn hợp kỳ lạ này có thể được cho là vừa có lợi vừa có hại, vì mặc dù sở thích đọc lướt và những câu chuyện cười tồi có thể không phải là một lợi ích lớn đối với cậu bé chạy việc vặt hoặc trợ lý cửa hàng, nhưng đối với họ, đó là khởi đầu của văn học, và nó chiếm một khoảng thời gian nhất định của họ, điều này có thể dễ dàng bị lãng phí hơn ở các quán rượu hoặc trong những nhóm bạn bè đáng ngờ. Vào những ngày trước khi có hội đồng nhà trường, vị trí của tạp chí rẻ tiền phần lớn được thay thế bằng câu chuyện được nói ra, và đáng sợ là nhiều câu chuyện do những người trẻ tuổi kể khi họ ở một mình cùng nhau thường có bản chất chắc chắn sẽ không được đưa vào báo chí hàng tuần của chúng ta. Vì vậy, chúng ta không nên hoàn toàn coi thường những điều này, mặc dù người học nghiêm túc nên tránh chúng, chỉ vì chúng lấp đầy thể trí bằng một khối lượng nhỏ các hình tư tưởng không liên quan như những viên sỏi, thay vì xây dựng trong đó một cấu trúc có trật tự.

SPEECH

LỜI NÓI

It is emphatically necessary to remember that speech must be absolutely true. Accuracy in speech is a quality rarely shown in these days, and careless exaggeration is painfully common. Many people are habitually so loose in their statements that they lose all sense of the meaning of words; they constantly say ‘awfully’ when they mean ‘very,’ or describe something as ‘killing’ when they are trying to convey the idea that it is mildly amusing. The occultist must not be led away by custom in this matter, but must be meticulously exact in all that he says. There are people who consider it allowable to tell a falsehood by way of what they call a joke, in order to deceive another and then to laugh at his credulity—a credulity which is surely in no way blameworthy, since the victim has simply given the narrator credit for being enough of a gentleman to speak the truth! I need hardly say

Cần đặc biệt nhớ rằng lời nói phải hoàn toàn đúng sự thật. Sự chính xác trong lời nói là một phẩm chất hiếm thấy trong thời đại ngày nay, và sự phóng đại cẩu thả là điều phổ biến một cách đau đớn. Nhiều người thường xuyên nói năng quá lỏng lẻo đến mức họ mất hết ý thức về ý nghĩa của từ ngữ; họ liên tục nói 'kinh khủng' khi họ có nghĩa là 'rất', hoặc mô tả điều gì đó là 'giết người' khi họ đang cố gắng truyền đạt ý tưởng rằng nó hơi buồn cười. Người theo huyền bí học không được để tập tục lôi kéo vào vấn đề này, mà phải chính xác một cách tỉ mỉ trong tất cả những gì mình nói. Có những người cho rằng việc nói dối để làm trò cười là điều có thể chấp nhận được, để lừa dối người khác rồi cười nhạo sự cả tin của họ — sự cả tin chắc chắn không đáng trách, vì nạn nhân chỉ đơn giản là tin rằng người kể chuyện đủ tư cách một quý ông để nói sự thật! Tôi hầu như không cần phải nói rằng sự giả dối như vậy là

that such falsehood is absolutely unpermissible. There can never under any circumstances be anything amusing in telling a lie or deceiving anyone, and the word or the action is just as definitely a wicked thing when spoken or done for that purpose as for any other.

hoàn toàn không thể chấp nhận được. Không bao giờ có thể có bất cứ điều gì thú vị trong việc nói dối hoặc lừa dối bất cứ ai, và lời nói hoặc hành động đó chắc chắn là một điều xấu xa khi được nói ra hoặc thực hiện cho mục đích đó cũng như cho bất kỳ mục đích nào khác.

The wise man will never argue. Each man has a certain amount of force, and is responsible for using it to the best possible advantage. One of the most foolish ways in which to fritter it away is to waste it in argument. People sometimes come to me and want to argue about Theosophy. I invariably decline. I tell them that I have certain information that I can give, certain testimony that I can offer as to what I have myself seen and experienced. If this testimony is of value to them, they are more than welcome to it, and I am glad to give it to them, as indeed I have done over and over again in this and in other books; but I have not time to argue the matter with people who do not believe me. They have the full right to their own opinion, and are at perfect liberty to believe or disbelieve as they choose. I have no quarrel with those who cannot accept my testimony; but I have also no time to waste over them, for that time may be far better occupied with those who are prepared to accept such message as I have to give.

Người khôn ngoan sẽ không bao giờ tranh cãi. Mỗi người đều có một lượng mãnh lực nhất định và có trách nhiệm sử dụng nó một cách hiệu quả nhất có thể. Một trong những cách ngu ngốc nhất để phung phí nó là lãng phí nó vào việc tranh cãi. Đôi khi mọi người đến gặp tôi và muốn tranh luận về Thông Thiên Học. Tôi luôn luôn từ chối. Tôi nói với họ rằng tôi có một số thông tin nhất định mà tôi có thể cung cấp, một số lời chứng nhất định mà tôi có thể đưa ra về những gì tôi đã tận mắt nhìn thấy và trải nghiệm. Nếu lời chứng này có giá trị đối với họ, thì họ rất hoan nghênh nó, và tôi rất vui khi trao nó cho họ, như tôi đã làm đi làm lại nhiều lần trong cuốn sách này và trong các cuốn sách khác; nhưng tôi không có thời gian để tranh luận vấn đề này với những người không tin tôi. Họ có toàn quyền về ý kiến của riêng mình, và hoàn toàn tự do tin hay không tin tùy ý họ. Tôi không có thù oán với những người không thể chấp nhận lời chứng của tôi; nhưng tôi cũng không có thời gian để lãng phí cho họ, vì thời gian đó có thể được sử dụng tốt hơn nhiều cho những người sẵn sàng chấp nhận thông điệp mà tôi phải đưa ra.

Whistler is credited with having once remarked in the course of a conversation on art: “I am not arguing with you; I am telling you the facts.” It seems to me that that is the wisest position for the Theosophical student. We have studied certain things; so far as we have gone we know them to be true, and we are willing to explain them; if people are not yet prepared to accept them, that is exclusively their affair, and we wish them good speed in whatever line of investigation they wish to take. Argument leads constantly to heated feelings and to a sense of hostility—both things by all means to be avoided. When it is necessary to discuss any subject in all its bearings, in order to decide upon a course of action, let it be done always gently and temperately, and let each man state his own case kindly and deliberately, and listen with all politeness and deference to the opinions of others.

Whistler được cho là đã từng nhận xét trong một cuộc trò chuyện về nghệ thuật: "Tôi không tranh luận với bạn; Tôi đang nói với bạn sự thật. " Đối với tôi, đó có vẻ là vị trí khôn ngoan nhất đối với người học Thông Thiên Học. Chúng tôi đã nghiên cứu một số điều nhất định; cho đến nay chúng tôi đã đi, chúng tôi biết chúng là sự thật, và chúng tôi sẵn sàng giải thích chúng; nếu mọi người chưa sẵn sàng chấp nhận chúng, thì đó hoàn toàn là việc của họ, và chúng tôi chúc họ may mắn trên bất kỳ con đường nghiên cứu nào họ muốn thực hiện. Tranh luận liên tục dẫn đến những cảm xúc nóng nảy và cảm giác thù địch — cả hai điều bằng mọi cách cần phải tránh. Khi cần thiết phải thảo luận về bất kỳ chủ đề nào trong tất cả các khía cạnh của nó, để quyết định một hành động, hãy luôn làm điều đó một cách nhẹ nhàng và điều độ, và để mỗi người trình bày trường hợp của mình một cách tử tế và thận trọng, đồng thời lắng nghe với tất cả sự lịch sự và tôn trọng ý kiến của những

người khác.

MEDITATION

Just as a man who wishes to be strong finds it advisable to use definite, prescribed exercises to develop his physical body, so the student of occultism uses definite and prescribed exercises to develop his astral and mental vehicles. This is best done by meditation. Of this there are many kinds, and each teacher enjoins that which he thinks most suitable. All the religions recommend it, and its desirability has been recognised by every school of philosophy. This is not the place to suggest any particular system; those who belong to the Theosophical Society know that within it there is a school for such practices, and those who wish for further information are referred to it.

THIỀN ĐỊNH

Cũng giống như một người muốn trở nên mạnh mẽ thấy rằng nên sử dụng các bài tập xác định, được quy định để phát triển thể chất của mình, thì người học huyền bí học cũng sử dụng các bài tập xác định và được quy định để phát triển thể cảm dục và thể trí của mình. Điều này được thực hiện tốt nhất bằng cách thiền định. Có rất nhiều loại thiền định, và mỗi người thầy đều ra lệnh cho loại mà họ cho là phù hợp nhất. Tất cả các tôn giáo đều khuyến khích nó, và sự mong muốn của nó đã được mọi trường phái triết học công nhận. Đây không phải là nơi để đề xuất bất kỳ hệ thống cụ thể nào; những người thuộc Hội Thông Thiên Học đều biết rằng trong đó có một trường học dành cho những thực hành như vậy, và những người muốn biết thêm thông tin sẽ được giới thiệu đến đó.

All systems alike set before themselves certain objects, which are not difficult to comprehend. They all direct that a man should spend a certain time each day in thinking steadily and exclusively of holy things, and their objects in doing so are: first, to ensure that at least once each day a man shall think of such things, that his thoughts shall at least once in twenty-four hours be taken away from the petty round of daily life, from its frivolities and its troubles; secondly, to accustom the man to think of such matters, so that after a time they may be present always at the back of his mind, as a kind of background to his daily life—something to which his mind returns with pleasure when it is released from the immediate demands of his business; thirdly, as I began by saying, as a kind of astral and mental gymnastics, to preserve these higher bodies in health, and to keep the stream of divine life flowing through them (and for these purposes it should be remembered that the *regularity* of the exercises is of the first importance); fourthly, because this is the way, even though it be only the first halting step upon the way, which leads to higher development and wider knowledge, the gate of the road which through many a struggle and many an effort leads to the attainment of clairvoyance, and eventually into the higher life beyond this world

Tất cả các hệ thống đều đặt ra cho mình những mục tiêu nhất định, không khó để hiểu. Tất cả đều chỉ đạo rằng một người nên dành một khoảng thời gian nhất định mỗi ngày để suy nghĩ đều đặn và dành riêng cho những điều thánh thiện, và mục tiêu của họ khi làm như vậy là: thứ nhất, để đảm bảo rằng ít nhất mỗi ngày một lần, một người sẽ nghĩ về những điều như vậy, rằng suy nghĩ của họ ít nhất một lần trong 24 giờ sẽ được đưa ra khỏi vòng quay nhỏ nhặt của cuộc sống hàng ngày, khỏi những phù phiếm và những rắc rối của nó; thứ hai, để tập cho con người suy nghĩ về những vấn đề như vậy, để sau một thời gian, chúng có thể luôn hiện diện trong tâm trí họ, như một loại nền tảng cho cuộc sống hàng ngày của họ — điều mà tâm trí họ trở lại với niềm vui khi nó được giải phóng khỏi những yêu cầu trước mắt của công việc kinh doanh của họ; thứ ba, như tôi đã nói lúc đầu, như một loại thể dục thể chất và trí tuệ, để bảo vệ những cơ thể cao hơn này khỏe mạnh, và để giữ cho dòng chảy của sự sống thiêng liêng chảy qua chúng (và vì những mục đích này, cần nhớ rằng sự đều đặn của các bài tập là điều quan trọng hàng đầu); thứ tư, bởi vì đây là con đường, ngay cả khi nó chỉ là bước đầu tiên tạm dừng trên con đường, dẫn đến sự phát triển cao hơn và kiến thức rộng hơn, cánh cổng của con đường mà qua nhiều cuộc đấu tranh và nhiều nỗ lực dẫn đến việc đạt được khả năng

altogether.

Although the man in his daily meditation may see but little progress, and it may seem to him that his efforts are altogether unsatisfactory and without result, a clairvoyant watching him will see exactly how the astral and mental bodies are slowly coming out of chaos into order, slowly expanding and gradually learning to respond to higher and higher vibrations. He can see, though the experimenter cannot, how each effort is gradually thinning the veil that divides him from that other world of direct knowledge. He can see how the man's thought-forms grow day by day more definite, so that the life poured into them from above becomes fuller and fuller, and reacts more and more strongly upon their originator, even though that originator may be entirely unconscious of it; and so, speaking from his knowledge of the hidden side of things, the clairvoyant advises all aspirants to meditate, to meditate regularly, and to continue their meditation with the certain conviction that (quite irrespective of their own feelings) they are producing results, and steadily drawing nearer and nearer to their goal.

Old Dr. Watts is alleged to have perpetrated a hymn which said that "Satan finds some mischief still for idle hands to do". He probably referred exclusively to the physical world; but the wise man knows that that is true at any rate with regard to the mind. The time when an evil thought springs up in the mind is the time when it is lying fallow and unoccupied. Therefore the surest way to avoid temptation is to keep steadily at work, and since even the most indefatigable of mortals cannot work always, it is well that for those dangerous moments of leisure he should have a safeguard in the shape of a definite subject upon which his mind always instinctively falls back when not otherwise occupied. Most men have some such background, but often its nature is trivial or even undesirable. There are men who have impure thoughts at the back of their minds all the time, and others have jealousy or hatred. Many mothers are thinking all the time of their children, and the man in love usually has a portrait of his charmer always on view, often

thông nhãn, và cuối cùng là bước vào cuộc sống cao hơn vượt ra ngoài thế giới này hoàn toàn.

Mặc dù con người trong thiền định hàng ngày của mình có thể thấy rất ít tiến bộ, và có vẻ như những nỗ lực của họ hoàn toàn không đạt yêu cầu và không có kết quả, nhưng một nhà thông nhãn quan sát họ sẽ thấy chính xác cách mà thể cảm dục và thể trí đang dần dần thoát ra khỏi hỗn loạn để đi vào trật tự, từ từ mở rộng và dần dần học cách phản ứng với những rung động ngày càng cao hơn. Người đó có thể nhìn thấy, mặc dù người thử nghiệm không thể, cách mà mỗi nỗ lực đang dần dần làm mỏng bức màn ngăn cách họ với thế giới khác của tri thức trực tiếp đó. Người đó có thể thấy các hình tư tưởng của con người phát triển rõ ràng hơn như thế nào từng ngày, để sự sống được đổ vào chúng từ trên cao trở nên viên mãn hơn và viên mãn hơn, và phản ứng mạnh mẽ hơn đối với người khởi tạo chúng, ngay cả khi người khởi tạo đó có thể hoàn toàn không ý thức về nó; và vì vậy, nói từ kiến thức của mình về mặt khuất của vạn vật, nhà thông nhãn khuyên tất cả những người có nguyện vọng nên thiền định, thiền định thường xuyên và tiếp tục thiền định với niềm tin chắc chắn rằng (hoàn toàn không phụ thuộc vào cảm xúc của chính họ) họ đang tạo ra kết quả, và liên tục tiến gần hơn và gần hơn đến mục tiêu của họ.

Bác sĩ Watts già được cho là đã sáng tác một bài thánh ca nói rằng "Satan luôn tìm thấy một số điều tai quái cho những bàn tay nhàn rỗi làm." Có lẽ ông ấy chỉ đề cập đến thế giới vật chất; nhưng người khôn ngoan biết rằng điều đó đúng ít nhất là liên quan đến tâm trí. Thời điểm mà một ý nghĩ xấu xa nảy sinh trong tâm trí chính là lúc nó đang bị bỏ hoang và không có người ở. Do đó, cách chắc chắn nhất để tránh cám dỗ là tiếp tục làm việc đều đặn, và vì ngay cả những người phàm trần không biết mệt mỏi nhất cũng không thể làm việc mãi, nên đối với những khoảnh khắc nhàn rỗi nguy hiểm đó, họ nên có một biện pháp bảo vệ dưới hình thức một chủ đề xác định mà tâm trí họ luôn theo bản năng. rơi trở lại khi không bị chiếm đóng khác. Hầu hết đàn ông đều có một số nền tảng như vậy, nhưng thường thì bản chất của nó là tầm thường hoặc thậm chí không mong muốn. Có những con người luôn có những suy nghĩ không trong sáng trong tâm trí, và những người khác có lòng ghen tị hoặc thù hận. Nhiều bà mẹ luôn nghĩ về con cái của họ, và con người đang

indeed occupying the foreground as well as the background of his mind.

yêu thường có một bức chân dung người mình yêu luôn được trưng bày, thực sự thường chiếm vị trí tiền cảnh cũng như hậu cảnh trong tâm trí của họ.

When a man has attained to the dignity of having the right sort of background to his life, he is in a position of far greater security. For some natures religion provides such a background; but these natures are rare. For most men only the study of the great truths of nature can provide it—only that knowledge of the scheme of things which in these modern days we call Theosophy. When that great plan is once grasped, the mind and the higher emotions are both engaged on it, and the man's whole nature is so filled with it that no other thought, no other attitude is possible to him but that of the intense desire to throw himself and all that he has into that mighty plan, and to become, as far as in him lies, a fellow-worker together with the Deity who conceived it.

Khi một người đã đạt đến phẩm giá có được nền tảng đúng đắn cho cuộc sống của mình, thì người đó đang ở trong một vị thế an toàn hơn rất nhiều. Đối với một số bản chất, tôn giáo cung cấp một nền tảng như vậy; nhưng những bản chất này rất hiếm. Đối với hầu hết đàn ông, chỉ có nghiên cứu những sự thật vĩ đại của tự nhiên mới có thể cung cấp điều đó — chỉ có kiến thức về sơ đồ của vạn vật mà trong thời hiện đại này, chúng ta gọi là Thông Thiên Học. Một khi kế hoạch vĩ đại đó được nắm bắt, thì cả tâm trí và những cảm xúc cao hơn đều tham gia vào nó, và toàn bộ bản chất của con người tràn ngập nó đến mức không còn suy nghĩ nào khác, không còn thái độ nào khác có thể xảy ra với họ ngoài mong muốn mãnh liệt được ném mình và tất cả những gì mình có vào kế hoạch vĩ đại đó, và trở thành, trong chừng mực có thể, một người đồng nghiệp cùng với Thượng đế đã hình thành nên nó.

So this becomes the background of his mind—the dominating thought from which he has to turn away in order to attend to the details of outer life —to which he gladly and instantly returns when his duty to those details is done. When he can attain to this condition he is in a position of far greater safety from evil thought, and he need have no fear that this constant preoccupation with higher things will in any way mar his efficiency down here. He will do his daily work better, not worse, because he is constantly going behind it to something far greater and more permanent; for it is precisely the men with this higher stimulus for a background who have been the most efficient workers of the world.

Vì vậy, điều này trở thành nền tảng trong tâm trí của người đó — suy nghĩ chi phối mà người đó phải quay lưng lại để chú ý đến các chi tiết của cuộc sống bên ngoài — điều mà người đó vui vẻ và ngay lập tức quay trở lại khi nhiệm vụ của họ đối với những chi tiết đó đã hoàn thành. Khi người đó có thể đạt được trạng thái này, thì người đó đang ở trong một vị thế an toàn hơn rất nhiều trước những suy nghĩ xấu xa, và người đó không cần phải lo sợ rằng sự bận tâm thường xuyên này với những điều cao cả sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả của họ ở đây. Người đó sẽ làm công việc hàng ngày của mình tốt hơn, chứ không phải tệ hơn, bởi vì người đó liên tục đi sau nó đến một thứ gì đó lớn hơn và lâu dài hơn nhiều; bởi vì chính những con người có động mãnh lực cao hơn này làm nền tảng đã là những người làm việc hiệu quả nhất trên thế giới.

As Keble puts it

Như Keble đã nói,

There are, in this loud stunning tide
Of human care and crime,
With whom the melodies abide
Of the everlasting chime.

Có, trong dòng thủy triều ồn ào náo động này
Của sự quan tâm và tội ác của con người,
Với những người mà giai điệu vẫn còn
Của tiếng chuông vĩnh cửu.

And then he speaks of them as	Và sau đó Ông nói về họ như
Plying their daily task with busier feet	*Thực hiện nhiệm vụ hàng ngày của họ với đôi chân bận rộn hơn*
Because their secret souls a holy strain repeat.	*Bởi vì tâm hồn bí mật của họ lặp lại một giai điệu thánh thiện.*

CHAPTER XV -BY PHYSICAL ENVIRONMENT—BỞI MÔI TRƯỜNG TRẦN GIAN

HOUSES

IT is the fashion, and not unreasonably, to attach great importance to the influence of environment. When that expression is used people generally mean an environment into which they are born, or one which is imposed upon them from without and is in no way dependent upon their own will. There is, however, another environment which is often forgotten: that which we create for ourselves—the great influence produced upon us in daily life by the place in which we choose to live and the objects with which we voluntarily surround ourselves. One may often judge from the outside of a house something of the disposition of those who inhabit it, and a man's room is to a certain extent an expression of him, for it shows his taste in books, pictures, statues, furniture, wall-paper and flowers; and every one of all these things is constantly reacting upon him, even though he never thinks of it.

One who is a student of occultism will be guided in choosing a house for himself by a number of considerations which would not be likely to occur to the ordinary man, who probably bases his decision principally on such facts as the size and the rent of the house, whether its drains are in order, and how far it is from the tramway or railway station. Such points as these naturally define the area of his choice; the study of the hidden side of things, while not interfering with these, suggests some additional considerations. From our point of view it is material to have as much room as possible about the house—to have it as far removed as possible from its neighbours. Once more, this means no reflection upon the neighbours. They may be all that can possibly be desired, yet it is always better to avoid the mixture of varying vibrations. One may earnestly wish sometimes for the society of one's neighbour, and when that happens it is always possible to visit him or to invite him to call. But to be always in such close proximity to him as to feel every change in his aura—that is a condition

NHÀ Ở

Người ta thường coi trọng ảnh hưởng của môi trường, và điều đó không phải là không có lý. Khi sử dụng cách diễn đạt đó, mọi người thường có nghĩa là một môi trường mà họ được sinh ra, hoặc một môi trường bị áp đặt từ bên ngoài và không phụ thuộc vào ý chí của chính họ. Tuy nhiên, có một môi trường khác thường bị lãng quên: môi trường mà chúng ta tạo ra cho chính mình — ảnh hưởng lớn đến chúng ta trong cuộc sống hàng ngày bởi nơi chúng ta chọn sống và những đồ vật mà chúng ta tự nguyện bao quanh mình. Người ta thường có thể đánh giá từ bên ngoài ngôi nhà một phần nào đó về tính cách của những người sống trong đó, và phòng của một người ở một mức độ nào đó là biểu hiện của anh ta, vì nó thể hiện sở thích của anh ta về sách, tranh ảnh, tượng, đồ nội thất, giấy dán tường và hoa; và mọi thứ trong số này đều liên tục phản ứng với anh ta, ngay cả khi anh ta không bao giờ nghĩ đến điều đó.

Một người học huyền bí học sẽ được hướng dẫn trong việc chọn nhà cho mình bằng một số xem xét mà người bình thường khó có thể nghĩ đến, người có thể dựa trên quyết định của mình chủ yếu vào các yếu tố như kích thước và tiền thuê nhà., liệu hệ thống thoát nước của nó có theo thứ tự hay không, và nó cách ga tàu điện hoặc đường sắt bao xa. Những điểm như thế này tự nhiên xác định khu vực lựa chọn của người đó; nghiên cứu về mặt khuất của vạn vật, trong khi không can thiệp vào những điều này, gợi ý một số xem xét bổ sung. Theo quan điểm của chúng tôi, điều quan trọng là phải có càng nhiều phòng càng tốt xung quanh ngôi nhà — để nó càng xa càng tốt so với những người hàng xóm của nó. Một lần nữa, điều này không có nghĩa là phản ánh về những người hàng xóm. Họ có thể là tất cả những gì có thể mong muốn, nhưng luôn tốt hơn là tránh sự pha trộn của các rung động khác nhau. Đôi khi người ta có thể tha thiết mong muốn có được sự đồng hành của người hàng xóm, và khi điều đó xảy ra, luôn có thể đến thăm người đó hoặc mời người đó đến chơi. Nhưng luôn ở gần

of affairs which ought never to exist, although unfortunately it too often does.

người đó đến mức cảm nhận được mọi thay đổi trong hào quang của họ — đó là một tình trạng không bao giờ nên tồn tại, mặc dù thật không may là nó quá thường xuyên xảy ra.

In all those long lines of houses which are so common in our great towns, it is impossible, from the occult point of view, to escape from one's neighbour. Whenever he walks up to the dividing wall, his aura must project through it, and it will be seen that, with a neighbour in close contact on each side, we are practically in the room with two families, whose tastes and interests may be absolutely different from our own, who may have all sorts of thoughts and aspirations which clash entirely with those to which we wish to devote ourselves. Even a semi-detached house is better than these, for at least in that we share our quarters with only one family, but the truth is that there ought to be no houses but detached houses, however valuable the ground may be. Certainly no one who understands the power of the unseen influences would take a house which is one of a row, if he could by any possibility avoid it. The same difficulty occurs with our modern flats and apartment houses. They may have many advantages and their fittings may be all that can be desired, but they are always open to this most serious objection. If, however, a man's circumstances are such that he *must* thus live in common with others, he will at least do all that lies in his power to secure that these others shall be reasonably harmonious.

Trong tất cả những dãy nhà dài rất phổ biến ở các thị trấn lớn của chúng ta, theo quan điểm huyền bí học, không thể thoát khỏi người hàng xóm của mình. Bất cứ khi nào người đó đi đến bức tường ngăn cách, hào quang của người đó chắc chắn sẽ chiếu xuyên qua nó, và người ta sẽ thấy rằng, với một người hàng xóm tiếp xúc gần gũi ở mỗi bên, chúng ta thực tế đang ở trong phòng với hai gia đình, có sở thích và mối quan tâm có thể hoàn toàn khác với chúng ta, những người có thể có đủ loại suy nghĩ và khát vọng hoàn toàn trái ngược với những gì chúng ta muốn cống hiến hết mình. Ngay cả một ngôi nhà bán biệt lập cũng tốt hơn những ngôi nhà này, bởi vì ít nhất là trong đó, chúng ta chỉ chia sẻ chỗ ở của mình với một gia đình, nhưng sự thật là không nên có nhà nào khác ngoài nhà biệt lập, dù đất có giá trị đến đâu. Chắc chắn không ai hiểu được sức mạnh của những ảnh hưởng vô hình sẽ lấy một ngôi nhà trong một dãy, nếu họ có thể tránh được bằng mọi cách. Cùng một khó khăn xảy ra với các căn hộ và chung cư hiện đại của chúng ta. Chúng có thể có nhiều ưu điểm và phụ kiện của chúng có thể là tất cả những gì có thể mong muốn, nhưng chúng luôn luôn có thể bị phản đối nghiêm trọng nhất này. Tuy nhiên, nếu hoàn cảnh của một người đến mức anh ta phải sống chung với những người khác, thì ít nhất anh ta sẽ làm tất cả những gì có thể để đảm bảo rằng những người khác này sẽ hài hòa một cách hợp lý.

Another weighty matter from the occult point of view is the aspect of the house. Considerations of physical health prescribe that a sunny rather than a dark house should be chosen, and these are emphatically reinforced when we think of the higher worlds. I have already said something as to the imperious necessity of sunshine and of all that it brings with it. Not only physical disease, but irritability and depression fly before the direct rays of the sun; so plenty of sunlight and fresh air are the first and most prominent desiderata.

Một vấn đề quan trọng khác từ quan điểm huyền bí học là khía cạnh của ngôi nhà. Các xem xét về sức khỏe thể chất quy định rằng nên chọn một ngôi nhà đầy nắng hơn là một ngôi nhà tối tăm, và những điều này được củng cố một cách mạnh mẽ khi chúng ta nghĩ về các thế giới cao hơn. Tôi đã nói điều gì đó về sự cần thiết cấp bách của ánh sáng mặt trời và tất cả những gì nó mang lại. Không chỉ bệnh tật về thể chất, mà sự cáu kỉnh và chán nản đều biến mất trước những tia nắng trực tiếp; rất nhiều ánh sáng mặt trời và không khí trong lành là những mong muốn đầu tiên và nổi bật nhất.

The influences of the immediate neighbourhood must also be taken into account. Under no circumstances whatever ought a man to take a house which is near to a public-house, a slaughter-house, a prison, or a butcher's shop. It is also eminently undesirable to be in close proximity to the office of a pawnbroker or a moneylender, or to any place where violent and acrimonious debates and arguments are frequently held—in the latter case because of the wearing effect of constant jarring and angry vibrations, and in the case of the usurer because radiations of sorrow and despair are always connected with his business, and often there is bitter hatred as well. A club, too, should be avoided, if it permits gambling.

Ảnh hưởng của khu vực lân cận cũng phải được tính đến. Trong bất kỳ trường hợp nào, một người không nên lấy một ngôi nhà gần quán rượu, lò mổ, nhà tù hoặc cửa hàng bán thịt. Cũng rất không nên ở gần văn phòng của người cầm đồ hoặc người cho vay nặng lãi, hoặc bất kỳ nơi nào thường xuyên diễn ra các cuộc tranh luận và tranh cãi gay gắt và gay gắt — trong trường hợp sau là do tác động hao mòn của sự chói tai liên tục và rung động tức giận, và trong trường hợp của kẻ cho vay nặng lãi bởi vì sự tỏa ra của nỗi buồn và sự tuyệt vọng luôn gắn liền với công việc kinh doanh của người đó, và thường có cả sự thù hận cay đắng. Một câu lạc bộ cũng nên tránh, nếu nó cho phép cờ bạc.

The type of the previous tenants may make a great difference in the comfort of a house. If they have been spendthrifts, if they have been quarrelsome, or if they have suffered deeply from long-continued depression, the place may be so impregnated with thought-forms of those varied types as to be a dwelling quite unsuitable for any sensitive family. This difficulty, however, can be overcome by an elaborate demagnetisation, if the student knows how to do it.

Loại người thuê trước đó có thể tạo ra sự khác biệt lớn về sự thoải mái của ngôi nhà. Nếu họ là những người hoang phí, nếu họ hay cãi vã, hoặc nếu họ phải chịu đựng sâu sắc sự chán nản kéo dài, thì nơi đó có thể bị ám ảnh bởi những hình tư tưởng thuộc nhiều loại khác nhau đến mức trở thành một nơi ở khá không phù hợp với bất kỳ gia đình nhạy cảm nào. Tuy nhiên, khó khăn này có thể được khắc phục bằng cách khử từ phức tạp, nếu học viên biết cách thực hiện.

Not only the aspect of the house, as regards the points of the compass, but its aspect in the other sense of the word is also worth noticing. No one should take a house which is ugly, gloomy-looking, or depressing in appearance—not only because of its effect upon himself when he looks at it, but because it is constantly surrounded by a cloud of thought-forms made by neighbours or passing strangers who are disgusted with its appearance. Even though the house outside be pretty, if there is squalid ugliness in the immediate neighbourhood, it is unsuitable. Above all things to be avoided are those long and monotonous lines of mean and sordid-looking houses which one may see in some London suburbs. A garden of some sort is a most valuable asset. In fact, a little cottage in the midst of a large garden is better than the most magnificent house which stands close upon the road in the midst of a row of others.

Không chỉ khía cạnh của ngôi nhà, liên quan đến các điểm la bàn, mà khía cạnh của nó theo nghĩa khác của từ này cũng đáng chú ý. Không ai nên lấy một ngôi nhà xấu xí, trông ảm đạm hoặc có vẻ ngoài chán nản — không chỉ vì ảnh hưởng của nó đối với bản thân họ khi họ nhìn vào nó, mà còn vì nó liên tục bị bao quanh bởi một đám mây hình tư tưởng do những người hàng xóm hoặc người lạ đi ngang qua tạo ra. những người ghê tởm vẻ bề ngoài của nó. Ngay cả khi bên ngoài ngôi nhà đẹp, nhưng nếu có sự xấu xí bẩn thỉu ở khu vực lân cận, thì nó không phù hợp. Trên hết, cần tránh những dãy nhà dài đơn điệu, trông xấu xí và bẩn thỉu mà người ta có thể thấy ở một số vùng ngoại ô London. Một khu vườn nào đó là một tài sản rất quý giá. Trên thực tế, một ngôi nhà nhỏ giữa một khu vườn rộng lớn còn tốt hơn một ngôi nhà nguy nga tráng lệ nhất nằm sát đường giữa một dãy nhà khác.

STREETS

If the house be in a street, the nature of that street is a matter of great importance. If the road be paved with granite blocks or in any other way conducive to noise, it should be avoided at all costs; whereas a quieter form of paving, such as asphalt or wood, would count much in its favour. A street infested by yelling fiends in the shape of hawkers is also unfit for the habitation of anyone possessing the usual allowance of nerves—so long as our government neglects to protect us against so flagrant a nuisance. It goes without saying that one should avoid a street in which there is constant heavy traffic or one in the immediate neighbourhood of a railway or tram line—near enough, I mean, to suffer from the noise; for noise, as I have already explained, is one of the greatest defects of our defective civilisation.

Although after a time a man gets used to the noise, and hardly notices it, nevertheless every fresh outburst is a blow to his astral and mental bodies, and the effect of this is precisely that of constantly repeated blows upon the physical body—each one may be no great matter, but after a time the cumulative effect hurts exceedingly. In the physical body this would mean pain, and we should at once understand it and refer it to its source; in the case of the astral body it means irritability; and in the case of the mental body a feeling of fatigue and inability to think clearly. But when these supervene we do not so readily understand them, nor do we always assign them to their true cause. Consequently the neighbourhood of any building which is either noisy or noisome with smoke or chemicals (as a factory might be) is to be sedulously avoided.

Many of my readers may be so situated that it is impossible for them to take all these recommendations into consideration, and I offer them only as a guide to what is desirable when it can be had. If a man who is entirely unfettered is about to choose a house or a site for a house, I should advise him to be governed in his selection by what I have said above; but I know well that

ĐƯỜNG PHỐ

Nếu ngôi nhà nằm trên một con phố, thì bản chất của con phố đó là một vấn đề rất quan trọng. Nếu con đường được lát bằng các khối đá granit hoặc theo bất kỳ cách nào khác dẫn đến tiếng ồn, thì nên tránh bằng mọi giá; trong khi một hình thức lát đường yên tĩnh hơn, chẳng hạn như nhựa đường hoặc gỗ, sẽ có lợi hơn nhiều. Một con phố bị lũ quỷ la hét dưới hình dạng những người bán hàng rong cũng không thích hợp để ở đối với bất kỳ ai sở hữu số lượng dây thần kinh thông thường — miễn là chính phủ của chúng ta bỏ bê việc bảo vệ chúng ta khỏi một mối phiền toái trắng trợn như vậy. Rõ ràng là người ta nên tránh một con phố có lưu lượng giao thông lớn liên tục hoặc một con phố ở ngay gần đường sắt hoặc đường xe điện — ý tôi là đủ gần để chịu đựng tiếng ồn; vì tiếng ồn, như tôi đã giải thích, là một trong những khiếm khuyết lớn nhất của nền văn minh khiếm khuyết của chúng ta.

Mặc dù sau một thời gian, một người quen với tiếng ồn và hầu như không nhận thấy nó, nhưng mỗi đợt bùng phát mới đều là một cú đánh vào thể cảm dục và thể trí của họ, và tác dụng của điều này chính xác là tác dụng của những cú đánh liên tục lặp đi lặp lại vào thể xác — mỗi cú đánh có thể không lớn, nhưng sau một thời gian, hiệu ứng tích lũy sẽ gây tổn thương cực kỳ. Trong thể xác, điều này có nghĩa là đau đớn, và chúng ta sẽ ngay lập tức hiểu nó và quy nó về nguồn gốc của nó; trong trường hợp của thể cảm dục nó có nghĩa là cáu kỉnh; và trong trường hợp của thể trí là cảm giác mệt mỏi và không có khả năng suy nghĩ rõ ràng. Nhưng khi những điều này xảy ra, chúng ta không dễ hiểu chúng, và chúng ta cũng không phải lúc nào cũng gán chúng cho nguyên nhân thực sự của chúng. Do đó, nên tránh xa khu vực lân cận của bất kỳ tòa nhà nào ồn ào hoặc khó chịu với khói hoặc hóa chất (như nhà máy).

Nhiều độc giả của tôi có thể ở trong tình huống mà họ không thể xem xét tất cả các khuyến nghị này, và tôi chỉ đưa ra chúng như một hướng dẫn về những gì mong muốn khi có thể có được. Nếu một người hoàn toàn không bị ràng buộc sắp chọn một ngôi nhà hoặc một địa điểm cho một ngôi nhà, tôi sẽ khuyên anh ta nên lựa chọn theo những gì tôi đã nói ở trên; nhưng tôi biết rõ rằng

most people are practically limited as to the range of their choice by the question of rent, convenient access to their work, and a number of other personal reasons. In such cases a man must simply balance the advantages and disadvantages, and do the best that he can, taking it as the result of his own actions in the past that he cannot do better.

hầu hết mọi người trên thực tế bị giới hạn về phạm vi lựa chọn bởi vấn đề tiền thuê nhà, dễ dàng tiếp cận công việc của họ và một số lý do cá nhân khác. Trong những trường hợp như vậy, một người chỉ đơn giản là phải cân bằng những thuận lợi và khó khăn, và làm hết sức mình, coi đó là kết quả của những hành động của chính mình trong quá khứ mà anh ta không thể làm tốt hơn.

PICTURES

TRANH ẢNH

A matter in which a man has usually much greater liberty is the decoration of his room, and it is one of considerable importance to him. For example, the pictures which we hang on the walls of our homes are exercising all the while an unnoticed influence upon us, not only because they keep the expression of certain ideas constantly before our eyes, but also because the artist puts a great deal of himself, of his inmost thought and feeling, into his work, and the effect of all that thought and feeling inheres in the picture and radiates from it just as surely as scent inheres in and radiates from a rose. There is a hidden side to every picture—the conception which was in the artist's mind and heart. That conception, when he formed it, expressed itself clearly in astral and mental matter, even though he may have succeeded but partially in bringing his idea down to the physical world.

Một vấn đề mà một người thường có nhiều tự do hơn là trang trí phòng của mình, và đó là một vấn đề rất quan trọng đối với anh ta. Ví dụ, những bức tranh mà chúng ta treo trên tường nhà mình luôn tác động một ảnh hưởng không được chú ý đến chúng ta, không chỉ vì chúng khiến biểu hiện của một số ý tưởng nhất định luôn hiện diện trước mắt chúng ta, mà còn bởi vì người nghệ sĩ đặt rất nhiều về bản thân, về suy nghĩ và cảm xúc sâu kín nhất của họ, vào tác phẩm của họ, và tác dụng của tất cả những suy nghĩ và cảm xúc đó vốn có trong bức tranh và tỏa ra từ nó cũng giống như mùi hương vốn có và tỏa ra từ hoa hồng. Có một mặt khuất trong mỗi bức tranh — quan niệm nằm trong tâm trí và trái tim của người nghệ sĩ. Quan niệm đó, khi người đó hình thành nên nó, đã tự biểu hiện rõ ràng trong vật chất thể cảm dục và thể trí, ngay cả khi người đó có thể chỉ thành công một phần trong việc đưa ý tưởng của mình xuống thế giới vật chất.

Every true artist will acknowledge that, however excellent his work may be, it invariably falls short of what he intended and expected. Yet the conception, as he thought it out, exists really and vividly in the mental world, and the feelings and emotions which he endeavoured to express exist in the astral realm, and these, which we may call the unseen counterparts of the picture, are always radiating vibrations of their own character, whatever that may be, and are therefore producing a never-ceasing effect upon those who live within their influence.

Mọi nghệ sĩ chân chính sẽ thừa nhận rằng, dù tác phẩm của họ có xuất sắc đến đâu, thì nó luôn luôn thua kém những gì họ dự định và mong đợi. Tuy nhiên, quan niệm, khi người đó nghĩ ra, tồn tại một cách thực sự và sống động trong cõi trí, và những cảm xúc mà người đó cố gắng thể hiện tồn tại trong cõi cảm dục, và những thứ này, mà chúng ta có thể gọi là những đối trọng vô hình của bức tranh, luôn tỏa ra những rung động của đặc điểm riêng của chúng, bất kể đặc điểm đó là gì, và do đó tạo ra tác động không ngừng đối với những người sống trong tầm ảnh hưởng của chúng.

Manifestly, therefore, it behoves us to be careful as to the nature of the objects of art which we gather around us. We must avoid all pictures

Rõ ràng, do đó, chúng ta phải cẩn thận về bản chất của các đối tượng nghệ thuật mà chúng ta tập hợp xung quanh mình. Chúng ta phải tránh

whose subjects are mean, sordid or terrible, however accurately or powerfully those subjects may be delineated. It is well also to avoid even those which, though harmless in themselves, are likely to suggest impure thought to undeveloped minds, because such thought-forms will hang about the picture and act as a constant and baneful influence. The modern craze for inane representations of the female face and figure is from this point of view distinctly to be deprecated. So also is that form of artistic realism which sees only the darkest side of life, and recognises nothing as natural unless it be decadent and depraved.

tất cả những bức tranh có chủ đề xấu xa, bẩn thỉu hoặc khủng khiếp, cho dù những chủ đề đó có được mô tả chính xác hoặc mạnh mẽ đến đâu. Cũng nên tránh ngay cả những bức tranh mà bản thân chúng vô hại, nhưng có khả năng gợi ý những suy nghĩ không trong sáng cho những tâm trí kém phát triển, bởi vì những hình tư tưởng như vậy sẽ lảng vảng quanh bức tranh và hoạt động như một ảnh hưởng liên tục và tai hại. Cơn sốt hiện đại đối với những hình ảnh ngớ ngẩn về khuôn mặt và hình dáng phụ nữ, theo quan điểm này, rõ ràng là điều đáng chê trách. Cũng vậy với hình thức chủ nghĩa hiện thực nghệ thuật chỉ nhìn thấy mặt tối của cuộc sống, và không công nhận bất cứ điều gì là tự nhiên trừ khi nó suy đồi và trụy lạc.

Pictures of sordid scenes of low life, of peasants drinking in an ale-house, of battle scenes or of huntsmen gathered together to slaughter an unfortunate fox: all these will be avoided by the wise man. He will be careful to surround himself only with such pictures as are ennobling, soothing, helpful, those which shed upon him and his an influence tending ever to happiness and peace. Beautiful landscapes and sea-views are usually best of all; pictures also of grand old cathedrals—magnificent buildings with peaceful associations; sometimes a portrait or imaginary figure, if the face be really a fine one, but never under any circumstances one which suggests sorrow, anger or pain.

Những bức tranh về những cảnh bẩn thỉu của cuộc sống thấp kém, của những người nông dân uống rượu trong quán rượu, của những cảnh chiến đấu hoặc của những người thợ săn tụ tập lại để tàn sát một con cáo bất hạnh: tất cả những điều này sẽ bị người khôn ngoan tránh. Người đó sẽ cẩn thận chỉ bao quanh mình bằng những bức tranh cao quý, nhẹ nhàng, hữu ích, những bức tranh tỏa ra cho người đó và người thân của họ một ảnh hưởng luôn hướng tới hạnh phúc và bình yên. Phong cảnh đẹp và cảnh biển thường là tốt nhất; những bức tranh cũng về những nhà thờ lớn cổ kính — những tòa nhà nguy nga tráng lệ với những liên tưởng yên bình; đôi khi là một bức chân dung hoặc hình ảnh tưởng tượng, nếu khuôn mặt thực sự đẹp, nhưng không bao giờ trong bất kỳ trường hợp nào gợi lên nỗi buồn, sự tức giận hoặc nỗi đau.

In religious pictures, for example, the crucifixion, and the garden of Gethsemane must never appear, but the risen and radiant Christ or a reasonably attractive presentment of the Virgin and Child are admissible. In the same way with statues; only those should find a place which are of exquisite beauty, in connection with which there could never be the least thought of impurity. A man should think not only of himself, but of servants and possible visitors. No decent person could have thoughts other than the purest in connection with any picture or statue whatever; but if such a thing hangs or stands where others may see it, it is useless to

Ví dụ, trong các bức tranh tôn giáo, sự đóng đinh và vườn Gethsemane không bao giờ được xuất hiện, nhưng Đức Christ phục sinh và rạng rỡ hoặc hình ảnh Đức mẹ Đồng trinh và Chúa hài đồng hợp lý hấp dẫn đều được chấp nhận. Tương tự với các bức tượng; chỉ những bức tượng có vẻ đẹp tinh tế mới nên có một vị trí mà không bao giờ có thể có ý nghĩ thấp kém nhất. Một người nên nghĩ không chỉ cho bản thân mà còn cho những người hầu và những vị khách có thể đến thăm. Không một người tử tế nào có thể có những suy nghĩ nào khác ngoài những suy nghĩ thuần khiết nhất liên quan đến bất kỳ bức tranh hoặc bức tượng nào; nhưng nếu một thứ như vậy treo hoặc đứng ở nơi

ignore the fact that low-class minds will form low-class images, and so an object which to us is noble and beautiful may come to radiate abominable influences.

người khác có thể nhìn thấy, thì việc bỏ qua sự thật rằng những tâm trí thấp kém sẽ hình thành những hình ảnh thấp kém là vô ích, và do đó, một vật thể đối với chúng ta cao quý và xinh đẹp có thể tỏa ra những ảnh hưởng ghê tởm.

Care must be exercised with regard to photographs. Private friends are of course admissible, or a public man whom one admires; but on no account should the figures of actresses be introduced, as they always attract the most undesirable thought-forms from hosts of impure-minded people. A praiseworthy custom is to have in a prominent position the best available portrait of the ruler of the country, and to surround it constantly with waves of affectionate and loyal thought, for in this way it will radiate an influence of loyalty and devotion upon all who enter the room.

Cần phải cẩn thận đối với các bức ảnh. Những người bạn riêng tư tất nhiên được chấp nhận, hoặc một người của công chúng mà người ta ngưỡng mộ; nhưng không nên đưa vào hình ảnh của các nữ diễn viên, vì họ luôn thu hút những hình tư tưởng không mong muốn nhất từ vô số người có đầu óc không trong sáng. Một phong tục đáng khen ngợi là đặt ở vị trí nổi bật bức chân dung đẹp nhất của người cai trị đất nước, và liên tục bao quanh nó bằng những làn sóng tư tưởng trìu mến và trung thành, vì bằng cách này, nó sẽ tỏa ra ảnh hưởng của lòng trung thành và sự tận tâm đối với tất cả những ai bước vào phòng.

CURIOSITIES

ĐỒ CỔ

Many people like to surround themselves with all sorts of curious little objects—figures, pieces of pottery, carvings in ivory and ebony and so on. Most of these things are harmless enough, though it means a great deal of trouble to keep them scrupulously clean, and unless they are so kept, they become a nuisance of an aggravated type. But with regard to some of these little mementos a certain amount of caution is desirable. Many of such things are old, and some of them have a history attached to them—sometimes a terrible history. It is widely known, for example, that a lady in London had in her house for some time an Egyptian mummy-case, the influences connected with which were of so serious a character that she was speedily forced to get rid of it altogether, because of a series of disasters which overtook all who came into contact with it. That is an extreme case, but other kinds of curiosities also have undesirable or mischievous auras.

Nhiều người thích bao quanh mình bằng đủ loại đồ vật nhỏ kỳ lạ — hình người, đồ gốm, đồ chạm khắc bằng ngà voi và gỗ mun, v.v. Hầu hết những thứ này đều khá vô hại, mặc dù phải mất rất nhiều công sức để giữ cho chúng sạch sẽ một cách kỹ lưỡng, và trừ khi chúng được giữ như vậy, chúng sẽ trở thành một mối phiền toái thuộc loại trầm trọng hơn. Nhưng đối với một số kỷ vật nhỏ này, cần phải có một số thận trọng nhất định. Nhiều thứ như vậy đã cũ, và một số trong số chúng có một lịch sử gắn liền với chúng — đôi khi là một lịch sử khủng khiếp. Ví dụ, người ta biết rộng rãi rằng một phụ nữ ở London đã có trong nhà mình một thời gian là một chiếc quan tài Ai Cập, những ảnh hưởng liên quan đến nó có tính chất nghiêm trọng đến mức bà ấy nhanh chóng buộc phải loại bỏ nó hoàn toàn, vì một loạt các thảm họa đã xảy ra với tất cả những ai tiếp xúc với nó. Đó là một trường hợp cực đoan, nhưng các loại đồ cổ khác cũng có hào quang không mong muốn hoặc tinh quái.

Many such objects tell their own story, though the owner is often unaware of it. A sensitive person sometimes finds landscapes which are entirely unknown to him or scenes from some foreign land starting up unbidden in his mind. These may come from various sources. They may

Nhiều đồ vật như vậy kể câu chuyện của riêng chúng, mặc dù chủ sở hữu thường không biết điều đó. Một người nhạy cảm đôi khi thấy những phong cảnh hoàn toàn xa lạ với họ hoặc những cảnh từ một vùng đất xa lạ nào đó bất ngờ hiện lên trong tâm trí họ. Những điều này có thể đến

be mere pictures formed by the imagination, his own or that of some other person in the neighbourhood, either dead or living; they may be examples of casual clairvoyance at a distance; but they may be, and often are, instances of unintentional psychometry, and can be traced to some object in the room.

từ nhiều nguồn khác nhau. Chúng có thể chỉ là những bức tranh được hình thành bởi trí tưởng tượng, của chính họ hoặc của một người nào khác trong khu vực lân cận, đã chết hoặc còn sống; chúng có thể là những ví dụ về khả năng thông nhãn ngẫu nhiên ở khoảng cách xa; nhưng chúng có thể là, và thường là, những trường hợp của phép đo tinh thần vô ý, và có thể được bắt nguồn từ một số vật thể trong phòng.

For every body, of whatever nature it may be, carries within it the power of showing, to those who can see, pictures of its past history, and sometimes these come to the surface unexpectedly. Some are good and some are bad; some are harmless and others are actively unpleasant. When a man acquires some ancient object of unknown history, he has usually no means of telling immediately whether it will prove helpful, harmful or negative, but if he watches carefully he will soon see. Certain types of curiosities are obviously undesirable from the outset—such things, for example, as spears, swords, daggers, or anything which may have been connected with bloodshed.

Vì mọi vật thể, dù có bản chất gì đi chăng nữa, đều mang trong mình sức mạnh thể hiện, cho những ai có thể nhìn thấy, những bức tranh về lịch sử quá khứ của nó, và đôi khi những điều này bất ngờ xuất hiện trên bề mặt. Một số tốt và một số xấu; một số vô hại và một số khác tích cực khó chịu. Khi một người có được một số vật thể cổ xưa có lịch sử không rõ nguồn gốc, họ thường không có cách nào để biết ngay lập tức liệu nó sẽ hữu ích, có hại hay trung tính, nhưng nếu họ quan sát kỹ, họ sẽ sớm thấy. Một số loại đồ cổ rõ ràng là không mong muốn ngay từ đầu — chẳng hạn như giáo, kiếm, dao găm hoặc bất cứ thứ gì có thể liên quan đến đổ máu.

BOOKS

SÁCH

To a discerning eye a man shows his nature in his choice of books—a choice which is of great importance to him. A man reads a book; he lays it aside and perhaps forgets it; but nevertheless it lies there on his table or his book-shelf and it continues to pour upon him a steady influence, whether for good or for evil. Many books, it is true, have no pronounced influence, and may therefore be considered as neutral. But if a book has done us good, its influence will usually continue to be for good, unless indeed it happens that we outgrow it altogether, and in that case its influence might possibly be a kind of retardation.

Đối với con mắt sáng suốt, một người thể hiện bản chất của mình trong việc lựa chọn sách — một sự lựa chọn rất quan trọng đối với anh ta. Một người đọc một cuốn sách; người đó đặt nó sang một bên và có lẽ quên nó đi; nhưng dù sao nó vẫn nằm đó trên bàn hoặc giá sách của người đó và nó tiếp tục đổ lên người đó một ảnh hưởng ổn định, dù tốt hay xấu. Tuy nhiên, nhiều cuốn sách không có ảnh hưởng rõ rệt, và do đó có thể được coi là trung tính. Nhưng nếu một cuốn sách đã làm điều tốt cho chúng ta, thì ảnh hưởng của nó thường sẽ tiếp tục tốt đẹp, trừ khi chúng ta hoàn toàn phát triển vượt bậc so với nó, và trong trường hợp đó, ảnh hưởng của nó có thể là một loại cản trở.

The main thing is to avoid definitely evil books—horrible, neurotic studies of characters which are better left unstudied, tales of unnatural and most unpleasant women who are always hovering as near as they dare to the edge of impropriety of some sort, stories of doubtful morality, of shady

Điều chính là tránh những cuốn sách xấu xa rõ ràng — những nghiên cứu kinh khủng, loạn thần kinh về các nhân vật tốt hơn hết là không nên nghiên cứu, những câu chuyện về những người phụ nữ không tự nhiên và khó chịu nhất, những người luôn lảng vảng gần nhất có thể đến bờ vực

transactions, or of blank inanity. All these are things for which a sensible man will spare no room on his book-shelves, because they are not worth reading in the first place, and they certainly radiate an impure and unwholesome influence in the second. The great criterion in the formation of a library is that only sane and healthy books should be admitted, for books are specially strong centres of thought-forms, and their unnoticed influence in a man's life is often a powerful one. They should be not too many, but emphatically good of their kind.

của sự không đứng đắn dưới một số hình thức, những câu chuyện về đạo đức đáng ngờ, của các giao dịch mờ ám, hoặc trống rỗng. Tất cả những điều này là những thứ mà một người khôn ngoan sẽ không dành chỗ trên giá sách của mình, bởi vì trước hết chúng không đáng đọc, và thứ hai, chúng chắc chắn tỏa ra ảnh hưởng không trong sáng và không lành mạnh. Tiêu chí lớn trong việc hình thành một thư viện là chỉ những cuốn sách lành mạnh và lành mạnh mới được chấp nhận, vì sách là trung tâm đặc biệt mạnh mẽ của các hình tư tưởng, và ảnh hưởng không được chú ý của chúng trong cuộc sống của một người thường rất mạnh mẽ. Chúng không nên quá nhiều, nhưng chắc chắn phải tốt theo loại của chúng.

FURNISHING

There is hidden side to even so homely a question as that of furniture and colour decoration, since every colour has its own special rate of vibration, and some of these rates are helpful to man, while others are distinctly a hindrance. Broadly speaking, light and delicate tints are good, while heavy, coarse and dark colours are usually to be avoided. Some consideration should also be given to the purpose for which the room is intended; for example, certain shades of red might be not out of place in a dining-room, but would be far from desirable in a room consecrated to sleep or to meditation.

NỘI THẤT

Có mặt khuất ngay cả đối với một câu hỏi gần gũi như vậy về đồ nội thất và trang trí màu sắc, vì mỗi màu sắc đều có tốc độ rung động đặc biệt của riêng nó, và một số tốc độ này hữu ích cho con người, trong khi những màu khác rõ ràng là cản trở. Nói chung, các sắc thái sáng và tinh tế là tốt, trong khi các màu nặng, thô và tối thường nên tránh. Cũng nên xem xét một số mục đích mà căn phòng được thiết kế; ví dụ, một số sắc thái của màu đỏ có thể không lạc lõng trong phòng ăn, nhưng sẽ không được ưa chuộng trong phòng dành riêng cho việc ngủ hoặc thiền định.

JEWELLERY

Another adjunct of ordinary life, in which the hidden side is of great importance, is jewellery. On the whole, the wearing of jewellery is to be discouraged, because, though every stone has its own special property and influence, the most prominent effect of nearly all of them is to excite bitter envy and covetousness in the hearts of others. Quite a number of women seem to be unable to contemplate a jewel without becoming filled with an inordinate greed to possess it, so that there is scarcely a stone of any beauty or value which is not the centre for many converging streams of jealous longing.

TRANG SỨC

Một phụ kiện khác của cuộc sống thông thường, trong đó mặt khuất có tầm quan trọng rất lớn, là đồ trang sức. Nhìn chung, việc đeo đồ trang sức là điều không nên khuyến khích, bởi vì mặc dù mỗi viên đá đều có đặc tính và ảnh hưởng riêng, nhưng tác dụng nổi bật nhất của hầu hết chúng là khơi dậy sự đố kỵ và thèm muốn cay đắng trong lòng người khác. Khá nhiều phụ nữ dường như không thể chiêm ngưỡng một viên ngọc mà không bị lòng tham vô độ chiếm hữu nó, do đó, hầu như không có viên đá nào có vẻ đẹp hay giá trị mà không phải là trung tâm của nhiều dòng chảy thèm muốn đố kỵ hội tụ.

In the case of the great historical jewels we have the additional complication that all kinds of

Trong trường hợp của những viên ngọc lịch sử vĩ đại, chúng ta có thêm sự phức tạp là tất cả các loại

ghastly crimes have been committed in connection with them, and they are therefore usually objects of horror rather than of beauty to any sensitive person. The jewel represents the highest development of the mineral kingdom, and consequently its power of receiving and retaining impressions is much greater than is the case with almost any other object. The Gnostic gems employed in initiation ceremonies two thousand years ago still remain vigorous centres of magnetic influence, as may be seen and felt by any sensitive person who will take the trouble to examine some of those in the British Museum.

tội ác khủng khiếp đã được thực hiện liên quan đến chúng, và do đó, chúng thường là đối tượng của sự kinh hoàng hơn là vẻ đẹp đối với bất kỳ người nhạy cảm nào. Viên ngọc đại diện cho sự phát triển cao nhất của giới khoáng vật, và do đó, sức mạnh tiếp nhận và lưu giữ ấn tượng của nó lớn hơn nhiều so với hầu hết các vật thể khác. Các loại đá quý Ngộ đạo được sử dụng trong các nghi lễ điểm đạo cách đây hai nghìn năm vẫn là trung tâm mạnh mẽ của ảnh hưởng từ tính, như bất kỳ người nhạy cảm nào chịu khó kiểm tra một số viên đá quý đó trong Bảo tàng Anh đều có thể nhìn thấy và cảm nhận được.

At the spot where any great crime has been committed, or where vivid emotions of fear, anger, hatred or revenge have been in action, an astral impression is made which is immediately obvious in its full horror to the clairvoyant, and is frequently sensed to some extent even by persons in whom the higher senses are entirely undeveloped. This is true to a still greater extent of a jewel which has been the cause of many crimes, has been present at them and has absorbed the effect of all the passions which prompted them. Such a jewel retains these impressions with unimpaired clearness for thousands of years, and continues to radiate out from itself the vibrations appropriate to them; and the psychometer sees around it all these pictures of indescribable horror. The wearer of the jewel frequently does not see them, but nevertheless their pernicious effect is constantly exercised upon her.

Tại nơi đã xảy ra bất kỳ tội ác lớn nào, hoặc nơi những cảm xúc sống động của sự sợ hãi, tức giận, thù hận hoặc trả thù đã hoạt động, một ấn tượng thể cảm dục được tạo ra, điều này rõ ràng ngay lập tức trong toàn bộ sự kinh hoàng của nó đối với nhà thông nhãn, và thường được cảm nhận ở một mức độ nào đó ngay cả bởi những người mà các giác quan cao hơn hoàn toàn chưa phát triển. Điều này thậm chí còn đúng hơn đối với một viên ngọc đã là nguyên nhân của nhiều tội ác, đã hiện diện tại đó và đã hấp thụ tác động của tất cả những đam mê thúc đẩy chúng. Một viên ngọc như vậy lưu giữ những ấn tượng này với độ rõ nét không suy giảm trong hàng nghìn năm, và tiếp tục tỏa ra từ chính nó những rung động phù hợp với chúng; và nhà đo tinh thần nhìn thấy xung quanh nó tất cả những hình ảnh kinh hoàng không thể tả này. Người đeo viên ngọc thường không nhìn thấy chúng, nhưng dù sao thì tác dụng tai hại của chúng vẫn liên tục tác động đến người đó.

It is not only in connection with great historical gems that this unpleasantness exists, for I have come across several instances in which ordinary stones have been the occasion of a terrible crime among the miners who discovered them. I know of one such, in which the finder was murdered by another man, but lived long enough to attach a fearful curse to the gem for the sake of which he had lost his life. This curse was acting so definitely upon various wearers of the jewel fifty years later, that it seemed the safest and best course to throw the stone into the sea—which was accordingly done.

Không chỉ liên quan đến những viên ngọc lịch sử vĩ đại mà sự khó chịu này tồn tại, vì tôi đã bắt gặp một số trường hợp mà những viên đá bình thường là nguyên nhân của một tội ác khủng khiếp giữa những người thợ mỏ đã phát hiện ra chúng. Tôi biết một trường hợp như vậy, trong đó người tìm thấy đã bị một người khác sát hại, nhưng sống đủ lâu để gắn một lời nguyền đáng sợ vào viên ngọc mà vì nó anh ta đã mất mạng. Lời nguyền này đã tác động rõ ràng đến những người đeo viên ngọc khác nhau năm mươi năm sau, đến mức dường như cách an toàn và tốt nhất là ném viên đá xuống biển — điều này đã được thực hiện.

In a general way, therefore, the occultist avoids all jewellery, and he certainly never wears it for the sake of show. At the same time the fact that a precious stone will retain magnetism so perfectly for so long a time, and will store so much power in such a small compass, makes it a convenient object when a talisman is required for any purpose. For a talisman is not, as is often supposed, a mere relic of mediaeval superstition; it may be a definite and very effective agent in daily life. It is some small object, strongly charged with magnetism for a particular purpose by someone who knows how to do it, and when properly made it continues to radiate this magnetism with unimpaired strength for many years. The purposes to which such things can be applied are almost infinite in number.

For example, many a student at the beginning of his career is much troubled by impure thoughts. Naturally he sets himself to struggle against them, and maintains a constant watch against their advance; but nevertheless thought-forms of an objectionable nature are numerous and insidious, and sometimes one of them contrives to obtain a lodgment in his mind and causes him much trouble before be can finally shake it off. He may perhaps have been in the habit of yielding himself to such thoughts in the past without realising the evil of it, and if that is so, his thought has acquired a momentum in that direction which is not easy to overcome. A talisman, strongly charged with the powerful magnetism of thoughts of purity, may be an invaluable help to him in his efforts.

The rationale of its action is not difficult to understand. An impure thought expresses itself as a certain definite set of undulations in the astral and lower mental bodies, and it can find entrance into a man's vehicles only when they are either comparatively at rest or vibrating so feebly that its impact can readily overpower the existing rate of motion, and take its place. The

Nhìn chung, do đó, người theo huyền bí học tránh tất cả các loại trang sức, và người đó chắc chắn không bao giờ đeo nó vì mục đích khoe khoang. Đồng thời, thực tế là một viên đá quý sẽ giữ được từ tính một cách hoàn hảo trong một thời gian dài như vậy, và sẽ tích trữ rất nhiều năng lượng trong một phạm vi nhỏ như vậy, khiến nó trở thành một vật thể tiện lợi khi cần một lá bùa hộ mệnh cho bất kỳ mục đích nào. Vì bùa hộ mệnh không phải, như người ta thường nghĩ, chỉ là di tích của sự mê tín thời trung cổ; nó có thể là một tác nhân xác định và rất hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày. Nó là một vật thể nhỏ nào đó, được nạp đầy từ tính cho một mục đích cụ thể bởi một người nào đó biết cách thực hiện, và khi được chế tạo đúng cách, nó sẽ tiếp tục tỏa ra từ tính này với sức mạnh không suy giảm trong nhiều năm. Các mục đích mà những thứ như vậy có thể được áp dụng là gần như vô hạn về số lượng.

Ví dụ, nhiều học viên khi mới bắt đầu sự nghiệp thường bị những suy nghĩ không trong sáng làm phiền. Đương nhiên, người đó tự mình đấu tranh chống lại chúng, và liên tục canh chừng sự tiến bộ của chúng; nhưng dù sao thì những hình tư tưởng có bản chất khó chịu vẫn rất nhiều và quỷ quyệt, và đôi khi một trong số chúng tìm cách chiếm lấy một vị trí trong tâm trí người đó và gây ra nhiều rắc rối cho người đó trước khi người đó có thể rũ bỏ nó hoàn toàn. Có lẽ người đó đã từng có thói quen đầu hàng những suy nghĩ như vậy trong quá khứ mà không nhận ra sự xấu xa của nó, và nếu như vậy, suy nghĩ của họ đã có được động mãnh lực theo hướng đó mà không dễ gì vượt qua. Một lá bùa hộ mệnh, được nạp đầy từ tính mạnh mẽ của những suy nghĩ về sự thuần khiết, có thể là một sự trợ giúp vô giá đối với họ trong những nỗ lực của họ.

Cơ sở lý luận của hành động của nó không khó hiểu. Một suy nghĩ không trong sáng tự biểu hiện dưới dạng một tập hợp các gợn sóng xác định trong thể cảm dục và thể trí thấp hơn, và nó chỉ có thể xâm nhập vào thể của một người khi chúng tương đối ở trạng thái nghỉ ngơi hoặc rung động yếu đến mức tác động của nó có thể dễ dàng chế ngự tốc độ chuyển động hiện có, và thay thế vị trí

talisman is heavily charged with an exactly contrary rate of oscillation, and the two cannot co-exist. One of them must overpower the other and bring it into harmony with itself. The impure thought has probably been made by some casual person, not usually with any definite intent; it is generally simply a suggestion or reminiscence of lower passions. It is not therefore a thing of great power in itself; but it is likely to produce an effect quite out of proportion to its intrinsic strength, because of the readiness with which the average person accepts it and responds to it.

của nó. Lá bùa hộ mệnh được nạp đầy một tốc độ dao động hoàn toàn trái ngược, và hai thứ không thể cùng tồn tại. Một trong số chúng phải chế ngự cái kia và đưa nó vào sự hài hòa với chính nó. Suy nghĩ không trong sáng có thể đã được tạo ra bởi một người nào đó tình cờ, thường không có ý định xác định; nó thường chỉ đơn giản là một gợi ý hoặc hồi tưởng về những đam mê thấp kém hơn. Do đó, bản thân nó không phải là một thứ có sức mạnh to lớn; nhưng nó có khả năng tạo ra một hiệu ứng hoàn toàn không cân xứng với sức mạnh nội tại của nó, bởi vì người bình thường sẵn sàng chấp nhận và đáp ứng nó.

The talisman, on the other hand, has been intentionally charged for a definite purpose by some one who knows how to think; and this is a matter in which definite training makes so much difference that the lightest thought of a man who has learnt how to think is far more powerful than a whole day's desultory musings on the part of an ordinary man. So, when the two streams of thought come into contact, there is not the slightest doubt as to which will vanquish the other. If we can suppose that the wearer of the amulet forgot his good resolutions, and actually wished for a time for the impure thought, no doubt he could attract it in spite of the talisman, but he would be conscious all the time of great discomfort arising from the discord between the two sets of vibrations.

Mặt khác, lá bùa hộ mệnh đã được cố ý nạp cho một mục đích xác định bởi một người nào đó biết cách suy nghĩ; và đây là vấn đề mà việc rèn luyện bài bản tạo ra sự khác biệt lớn đến mức suy nghĩ nhẹ nhàng nhất của một người đã học cách suy nghĩ mạnh hơn nhiều so với cả ngày suy nghĩ rời rạc của một người bình thường. Vì vậy, khi hai dòng suy nghĩ tiếp xúc với nhau, không có chút nghi ngờ nào về việc dòng nào sẽ chiến thắng dòng kia. Nếu chúng ta có thể cho rằng người đeo bùa hộ mệnh đã quên những quyết tâm tốt đẹp của mình, và thực sự mong muốn một thời gian cho những suy nghĩ không trong sáng, thì chắc chắn người đó có thể thu hút nó bất chấp lá bùa hộ mệnh, nhưng người đó sẽ luôn tâm thức được sự khó chịu lớn phát sinh từ sự bất hòa giữa hai tập hợp rung động.

In most cases the man who is really trying to do better falls only because he is taken off his guard. The impure thought creeps in insidiously and has seized upon him before he is aware of it, and then he quickly reaches the condition in which for the moment he does not even wish to resist. The value of the talisman is that it gives him time to recollect himself. The disharmony between its undulations and those of the wandering thought, cannot but attract the man's attention, and thus while he wears it he cannot be taken unawares, so that if he falls he falls deliberately.

Trong hầu hết các trường hợp, người thực sự cố gắng làm tốt hơn chỉ thất bại vì người đó mất cảnh giác. Suy nghĩ không trong sáng len lỏi vào một cách quỷ quyệt và chiếm lấy người đó trước khi người đó nhận ra điều đó, và sau đó người đó nhanh chóng đạt đến trạng thái mà trong giây lát người đó thậm chí không muốn kháng cự. Giá trị của bùa hộ mệnh là nó cho người đó thời gian để nhớ lại bản thân. Sự mất hài hòa giữa các gợn sóng của nó và các gợn sóng của suy nghĩ lang thang, chắc chắn sẽ thu hút sự chú ý của con người, và do đó, khi đeo nó, người đó không thể bị bất ngờ, vì vậy nếu người đó ngã, người đó sẽ ngã một cách có chủ ý.

Again, some people suffer much from apparently causeless fear. Often they are quite unable to give any reason for their feelings; but at certain times,

Một lần nữa, một số người phải chịu đựng nhiều nỗi sợ hãi dường như vô cớ. Thông thường họ hoàn toàn không thể đưa ra bất kỳ lý do nào cho

and especially when alone at night, they are liable to be attacked by extreme nervousness, which may gradually increase to positive terror. There may be various explanations for this. Perhaps the commonest is the presence of some hostile astral entity who is persecuting the victim—sometimes in the hope of obtaining through him some sensations which he desires, sometimes in the endeavour to obtain control over him and obsess him, sometimes for sheer mischief and impish love of demonstrating his power over a human being. Here again is a case in which the mediaeval remedy has a distinct practical value. Naturally, the talisman against impurity would not avail in this case, for quite a different sort of motion is required. What is wanted in this case is a centre strongly charged with vibrations expressive of courage and self-reliance—or, if the wearer is of the devotional type, with thoughts of the protective power of his special deity.

cảm xúc của mình; nhưng vào những thời điểm nhất định, và đặc biệt là khi ở một mình vào ban đêm, họ dễ bị tấn công bởi sự căng thẳng cực độ, điều này có thể dần dần tăng lên thành nỗi sợ hãi thực sự. Có thể có nhiều cách giải thích cho điều này. Có lẽ phổ biến nhất là sự hiện diện của một số thực thể thể cảm dục thù địch đang bức hại nạn nhân — đôi khi với hy vọng có được thông qua người đó một số cảm giác mà người đó mong muốn, đôi khi trong nỗ lực giành quyền kiểm soát người đó và ám ảnh người đó, đôi khi chỉ vì mục đích nghịch ngợm và yêu thích việc thể hiện sức mạnh của mình đối với con người. Đây lại là một trường hợp mà phương thuốc thời trung cổ có giá trị thực tế rõ rệt. Đương nhiên, bùa hộ mệnh chống lại sự ô uế sẽ không có tác dụng trong trường hợp này, vì cần một loại chuyển động hoàn toàn khác. Điều cần thiết trong trường hợp này là một trung tâm được nạp đầy những rung động thể hiện sự can đảm và tự mãnh lực — hoặc, nếu người đeo thuộc loại sùng đạo, với những suy nghĩ về sức mạnh bảo vệ của vị thần đặc biệt của họ.

For an amulet has a double action. Not only does it operate directly by means of the waves which it radiates, as we have just described in the case of impurity, but also the knowledge of its presence usually awakens the faith and courage of the wearer. In the case of a talisman against fear, such as we are now considering, the two lines of action will be clearly marked. Courage expresses itself in the mental and astral bodies by the strength and steadiness of their striations, and by the calm, steadfast shining of the colours indicating the various higher qualities. When fear overpowers a person all these colours are dimmed and overwhelmed by a livid grey mist, and the striations are lost in a quivering mass of palpitating jelly; the man has for the time quite lost the power of guiding and controlling his vehicles.

Vì một lá bùa hộ mệnh có tác dụng kép. Nó không chỉ hoạt động trực tiếp bằng các sóng mà nó tỏa ra, như chúng ta vừa mô tả trong trường hợp ô uế, mà kiến thức về sự hiện diện của nó thường đánh thức niềm tin và lòng can đảm của người đeo. Trong trường hợp bùa hộ mệnh chống lại nỗi sợ hãi, chẳng hạn như chúng ta đang xem xét, hai dòng hành động sẽ được đánh dấu rõ ràng. Lòng can đảm tự biểu hiện trong thể trí và thể cảm dục bằng sức mạnh và sự ổn định của các vân của chúng, và bằng ánh sáng bình tĩnh, kiên định của các màu sắc biểu thị các phẩm chất cao hơn khác nhau. Khi nỗi sợ hãi chế ngự một người, tất cả những màu sắc này sẽ bị mờ đi và bị che lấp bởi một màn sương xám xịt, và các vân sẽ biến mất trong một khối run rẩy của thạch rung động; con người trong thời gian đó đã hoàn toàn mất khả năng dẫn dắt và kiểm soát các thể của mình.

The vibrations of strength and courage steadily radiating from the talisman are quite unaffected by the feelings of the wearer, and when the first tremblings of fear begin to manifest themselves they find a difficulty in their way. If unopposed, they would steadily increase, each augmenting and strengthening the other until their power

Những rung động của sức mạnh và lòng can đảm liên tục tỏa ra từ lá bùa hộ mệnh hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi cảm xúc của người đeo, và khi những cơn run rẩy đầu tiên của nỗi sợ hãi bắt đầu biểu hiện, chúng sẽ gặp khó khăn trên đường đi của mình. Nếu không bị phản đối, chúng sẽ tăng lên đều đặn, mỗi lần tăng lên và củng cố lẫn nhau

became irresistible. What the talisman does is to prevent them from reaching this condition of irresistible velocity. It deals with them at the commencement, while they are still weak. The resistance which it opposes to them is precisely the same in kind as that which a gyroscope opposes to any effort to turn it aside from its line. It is so determinedly set in motion in one direction that it will sooner fly to pieces than allow itself to be turned into any other. Suddenly to bring such a power as this into conflict with unreasoning panic would probably result in the complete shattering of the astral body concerned; but if the gyroscopic force of the talisman is already working before the alarm is felt, its determined persistence along its own lines checks the first beginnings of fear, and so makes it impossible for the person ever to reach the later stages of panic terror.

cho đến khi sức mạnh của chúng trở nên không thể cưỡng lại. Lá bùa hộ mệnh làm gì là ngăn không cho chúng đạt đến trạng thái vận tốc không thể cưỡng lại này. Nó xử lý chúng ngay từ đầu, khi chúng còn yếu. Sức cản mà nó chống lại chúng chính xác giống với sức cản mà con quay hồi chuyển chống lại bất kỳ nỗ lực nào để xoay nó ra khỏi đường thẳng của nó. Nó được thiết lập chuyển động theo một hướng một cách kiên định đến mức nó sẽ sớm vỡ tan thành từng mảnh hơn là để cho mình bị xoay theo bất kỳ hướng nào khác. Đột nhiên đưa một sức mạnh như thế này vào xung đột với sự hoảng sợ phi lý có thể dẫn đến việc phá hủy hoàn toàn thể cảm dục có liên quan; nhưng nếu mãnh lực con quay hồi chuyển của bùa hộ mệnh đã hoạt động trước khi cảm thấy báo động, thì sự kiên trì của nó dọc theo các đường thẳng của chính nó sẽ kiểm tra những khởi đầu đầu tiên của nỗi sợ hãi, và do đó khiến người đó không bao giờ có thể đạt đến các giai đoạn sau của sự hoảng sợ kinh hoàng.

That is its direct operation; but it works also indirectly upon the mind of the wearer. When he feels the first beginnings of fear stirring within him he probably recollects the amulet and clutches at it, and then there arises within him the feeling: “Why should I fear so long as I have with me this strong centre of magnetism?” And so, instead of yielding to the vibrations and allowing them to lengthen themselves until they become unmanageable, he calls up the reserve strength of his own will and asserts himself as master of his vehicles, which is in truth all that is necessary.

Đó là hoạt động trực tiếp của nó; nhưng nó cũng hoạt động gián tiếp trên tâm trí của người đeo. Khi người đó cảm thấy những khởi đầu đầu tiên của nỗi sợ hãi khuấy động trong mình, người đó có thể nhớ lại lá bùa hộ mệnh và nắm lấy nó, và sau đó trong người đó nảy sinh cảm giác: "Tại sao tôi phải sợ hãi khi tôi mang theo trung tâm từ tính mạnh mẽ này?" Và do đó, thay vì đầu hàng những rung động và để chúng tự kéo dài ra cho đến khi chúng trở nên khó kiểm soát, người đó sẽ kêu gọi sức mạnh dự trữ của ý chí của chính mình và khẳng định mình là chủ nhân của các thể của mình, đó thực sự là tất cả những gì cần thiết.

There is a third possibility in connection with a talisman, which is in some cases even more powerful than the other two. The object, whatever it may be, has been strongly magnetised by some individual, by the hypothesis a person of power and development, and therefore also probably highly sensitive. That being so, the talisman is a link with its creator, and through it his attention may be attracted. Under ordinary conditions its connection with its originator is of the slightest, but when the wearer is in desperate circumstances he sometimes actually calls upon the maker, much in the way in which the

Có một khả năng thứ ba liên quan đến bùa hộ mệnh, trong một số trường hợp thậm chí còn mạnh hơn hai khả năng còn lại. Vật thể, bất kể nó là gì, đã bị một cá nhân nào đó từ hóa mạnh mẽ, theo giả thuyết là một người có quyền mãnh lực và sự phát triển, và do đó có lẽ cũng rất nhạy cảm. Vì vậy, bùa hộ mệnh là mối liên kết với người tạo ra nó, và thông qua nó, sự chú ý của người đó có thể bị thu hút. Trong điều kiện bình thường, mối liên hệ của nó với người khởi tạo là rất nhỏ, nhưng khi người đeo ở trong hoàn cảnh tuyệt vọng, đôi khi người đó thực sự kêu gọi người tạo ra nó, giống như cách mà người sùng đạo thời trung cổ khi gặp khó khăn đã cầu khẩn sự giúp đỡ

mediaeval devotee when in difficulties invoked the assistance of his patron saint; and that call will unquestionably reach the maker of the amulet and evoke a response from him. If he is still living in the physical world, he may or may not be conscious of the appeal in his physical brain; but in any case his ego will be conscious, and will respond by reinforcing the vibration of the talisman by a strong wave of his own more powerful thought, bearing with it strength and comfort.

của vị thánh bảo trợ của họ; và lời kêu gọi đó chắc chắn sẽ đến tai người làm bùa hộ mệnh và gợi lên sự đáp lại từ người đó. Nếu người đó vẫn đang sống trong thế giới vật chất, người đó có thể có tâm thức hoặc không có ý thức về lời kêu gọi trong não bộ vật chất của mình; nhưng trong mọi trường hợp, bản ngã của người đó sẽ có tâm thức, và sẽ đáp lại bằng cách củng cố sự rung động của bùa hộ mệnh bằng một làn sóng mạnh mẽ từ chính suy nghĩ mạnh mẽ hơn của người đó, mang theo sức mạnh và sự an ủi.

Many ignorant men would scoff at such an idea as relic of mediaeval superstition, yet it is an actual scientific fact which has been demonstrated on hundreds of occasions. So far as its direct action goes, a talisman will work only in the direction in which it is made to work; but its indirect action on the faith of the possessor may sometimes take unexpected forms. I remember once making a charm for a certain noble lady, in order to protect her against spasms of extreme nervousness and even positive fear which occasionally swept over her when alone at night. She told me afterwards that this amulet had been of the greatest assistance to her in an emergency which I certainly did not contemplate when I made it.

Nhiều người thiếu hiểu biết sẽ chế giễu một ý tưởng như vậy như một di tích của sự mê tín thời trung cổ, nhưng đó là một sự thật khoa học thực tế đã được chứng minh trong hàng trăm trường hợp. Theo như hành động trực tiếp của nó, bùa hộ mệnh sẽ chỉ hoạt động theo hướng mà nó được tạo ra để hoạt động; nhưng tác động gián tiếp của nó đối với niềm tin của người sở hữu đôi khi có thể có những hình thức không ngờ tới. Tôi nhớ có lần đã làm một lá bùa cho một quý bà quý tộc nào đó, để bảo vệ bà ấy khỏi những cơn co thắt cực độ và thậm chí là nỗi sợ hãi tích cực thỉnh thoảng ập đến khi bà ấy ở một mình vào ban đêm. Sau đó, bà ấy nói với tôi rằng lá bùa hộ mệnh này đã giúp ích rất nhiều cho bà ấy trong trường hợp khẩn cấp mà tôi chắc chắn đã không nghĩ đến khi làm ra nó.

It appears that on a certain occasion she was driving an exceptionally spirited horse (I believe that her husband made it a sort of boast that he never used horses which anybody else could drive) in a dog-cart, through a forest. The horse took fright at something or other, got the bit between its teeth and dashed madly off the road, and started at a wild gallop among the tree trunks. The groom on the back seat was so certain that they were all destined to immediate death that he threw himself off as best he could, and was sorely injured by the fall; but the lady declares that her thought at once flew to the charm which she was then wearing, and she says that she knew absolutely that she could not be killed while, as she expresses it, under its protection. This utter certainty kept her perfectly cool and collected, and she steered that dog-cart through the forest with consummate skill. She declares that on the whole she was

Hình như trong một dịp nhất định, bà ấy đang lái một con ngựa đặc biệt hăng hái (tôi tin rằng chồng bà ấy đã khoe khoang rằng ông ấy không bao giờ sử dụng những con ngựa mà người khác có thể lái) trên một chiếc xe ngựa, băng qua một khu rừng. Con ngựa sợ hãi điều gì đó, cắn chặt hàm thiếc và lao ra khỏi đường một cách điên cuồng, và bắt đầu phi nước đại giữa những thân cây. Người hầu trên ghế sau chắc chắn rằng tất cả họ đều phải chết ngay lập tức nên anh ta đã tự mình nhảy ra ngoài hết mức có thể, và bị thương nặng do cú ngã; nhưng người phụ nữ tuyên bố rằng suy nghĩ của bà ấy ngay lập tức bay đến lá bùa mà bà ấy đang đeo, và bà ấy nói rằng bà ấy hoàn toàn biết rằng mình không thể bị giết trong khi, như bà ấy nói, dưới sự bảo vệ của nó. Sự chắc chắn tuyệt đối này khiến bà ấy hoàn toàn bình tĩnh và tự chủ, và bà ấy đã điều khiển chiếc xe ngựa đó băng qua khu rừng với kỹ năng điêu luyện. Bà ấy tuyên bố rằng nhìn chung, bà ấy

certainly in the air more often than on the ground as the wheels bounded over roots and crashed through the bushes. But nevertheless she held on bravely until the horse became tired, and she was able to regain control of it. She thanked me enthusiastically for saving her life by means of the charm; but the truth is that it was not the direct action of the talisman, but the strength of her faith in it, which enabled her to gain so splendid a victory. That was undoubtedly the main factor; there may have been a certain amount of direct action also, because the stilling effect of the strong vibration of the talisman would catch any dawning feeling of fear and calm it, though I had prepared it to deal rather with first symptoms gradually arising than with so sudden an emergency as that.

chắc chắn ở trên không nhiều hơn là ở trên mặt đất khi các bánh xe lao qua rễ cây và đâm xuyên qua bụi rậm. Nhưng dù sao bà ấy vẫn dũng cảm bám trụ cho đến khi con ngựa mệt mỏi và bà ấy có thể kiểm soát lại được nó. Bà ấy đã cảm ơn tôi một cách nhiệt tình vì đã cứu mạng bà ấy bằng lá bùa; nhưng sự thật là không phải tác dụng trực tiếp của bùa hộ mệnh, mà là sức mạnh của niềm tin của bà ấy vào nó, đã giúp bà ấy giành được chiến thắng tuyệt vời như vậy. Đó chắc chắn là yếu tố chính; cũng có thể có một số hành động trực tiếp nhất định, bởi vì tác dụng làm dịu của sự rung động mạnh mẽ của bùa hộ mệnh sẽ nắm bắt bất kỳ cảm giác sợ hãi nào đang ló dạng và làm dịu nó, mặc dù tôi đã chuẩn bị nó để đối phó với các triệu chứng đầu tiên phát sinh dần dần hơn là với một trường hợp khẩn cấp đột ngột như vậy.

There are various articles which are to a large extent natural amulets. All precious stones may be said to belong to this category, for each has a distinct influence which can be utilised in two ways. First, the influence necessarily attracts to it elemental essence of a certain kind, and also all such thoughts and desires as naturally express themselves through that essence; and secondly, the fact that it has these natural peculiarities makes it a fit vehicle for magnetism which is intended to work along the same line as those thoughts or emotions. Suppose, for example, it is desired to drive away impure thought. Impure thought means usually a complex set of vibrations, but set on the whole in a certain definite key. In order to resist them a stone should be chosen whose natural undulations are inharmonious with that key, so that they may offer to the impure impulses the greatest possible obstacle. If it is intended to make a talisman against those impure thoughts, a stone which naturally offers resistance to them is the vehicle which can most easily be loaded with the opposing influence.

Có nhiều bài báo khác nhau ở một mức độ lớn là bùa hộ mệnh tự nhiên. Tất cả các loại đá quý có thể được cho là thuộc loại này, vì mỗi loại đều có ảnh hưởng riêng biệt có thể được sử dụng theo hai cách. Thứ nhất, ảnh hưởng nhất thiết phải thu hút tinh chất hành khí của một loại nhất định, và cũng thu hút tất cả những suy nghĩ và mong muốn tự nhiên biểu hiện thông qua bản chất đó; và thứ hai, thực tế là nó có những đặc thù tự nhiên này khiến nó trở thành phương tiện phù hợp cho từ tính nhằm hoạt động cùng dòng với những suy nghĩ hoặc cảm xúc đó. Ví dụ, giả sử người ta muốn xua đuổi những suy nghĩ không trong sáng. Suy nghĩ không trong sáng thường có nghĩa là một tập hợp các rung động phức tạp, nhưng nhìn chung được đặt trong một khóa xác định. Để chống lại chúng, nên chọn một loại đá có gợn sóng tự nhiên không hài hòa với khóa đó, để chúng có thể tạo ra chướng ngại vật lớn nhất có thể đối với các xung mãnh lực không tinh khiết. Nếu có ý định làm bùa hộ mệnh chống lại những suy nghĩ không trong sáng đó, thì một loại đá tự nhiên có khả năng chống lại chúng là phương tiện dễ dàng nhất để nạp ảnh hưởng đối lập.

The vibrations of the particles of the stone are on the physical level, while those of the emotions are on the astral level, several octaves higher; but a stone, the particles of which move naturally on the physical plane in a key which is identical at this level with the key of purity on higher levels, will itself, even without magnetisation, operate

Các rung động của các hạt của đá ở cấp độ vật lý, trong khi các rung động của cảm xúc ở cấp độ thể cảm dục, cao hơn vài quãng tám; nhưng một viên đá, mà các hạt của nó chuyển động tự nhiên trên cõi vật lý trong một âm giống hệt với âm của sự thuần khiết ở các cấp độ cao hơn, thì bản thân nó, ngay cả khi không bị từ hóa, cũng hoạt động như

as a check upon impure thought or feeling by virtue of its overtones; and furthermore, it can be readily charged at astral or mental levels with the undulations of pure thought or feeling which are set in the same key.

một sự kiểm tra đối với suy nghĩ hoặc cảm xúc không thuần khiết nhờ vào các âm bội của nó; và hơn nữa, nó có thể dễ dàng được nạp ở cấp độ thể cảm dục hoặc thể trí với những gợn sóng của suy nghĩ hoặc cảm xúc thuần khiết được đặt trong cùng một âm.

There are instances of decided magnetism of this kind in the vegetable kingdom also. A good example of this is the rudraksha berry, of which necklaces are so frequently made in India. The oscillations connected with it, especially in its small and undeveloped state, render it specially suitable for magnetisation where sustained holy thought or meditation is required, and where all disturbing influences are to be kept away. The beads made from the tulsi plant are another example, although the influence which they give is of a somewhat different character.

Cũng có những trường hợp từ tính rõ ràng thuộc loại này trong giới thực vật. Một ví dụ điển hình về điều này là quả rudraksha, mà vòng cổ thường được làm bằng nó ở Ấn Độ. Các dao động kết nối với nó, đặc biệt là ở trạng thái nhỏ và chưa phát triển, khiến nó đặc biệt thích hợp để từ hóa khi cần suy nghĩ hoặc thiền định thánh thiện bền vững, và khi tất cả các ảnh hưởng gây nhiễu đều phải được tránh xa. Các hạt làm từ cây tulsi là một ví dụ khác, mặc dù ảnh hưởng mà chúng mang lại có phần khác biệt về đặc điểm.

An interesting set of natural talismans are those objects which produce strong scents. It has already been mentioned that incense produces a strong effect along these lines, the gums of which it is composed being specially chosen because the radiations which they give forth are favourable to spiritual and devotional thought, and do not harmonise with any form of disturbance or worry. It is possible so to combine ingredients as to make an incense which will have the opposite effect; this was sometimes done by the mediaeval witches, and is done to-day in Luciferian ceremonies. On the whole, it is generally desirable to avoid coarse and heavy scents, such as that of musk or of sachet powder, as many of them are closely in tune with sensual feelings of various kinds.

Một bộ bùa hộ mệnh tự nhiên thú vị là những vật thể tạo ra mùi hương mạnh. Người ta đã đề cập rằng hương tạo ra một tác động mạnh mẽ theo những cách này, nhựa cây mà nó được tạo thành được chọn đặc biệt bởi vì các bức xạ mà chúng phát ra có lợi cho suy nghĩ tinh thần và sùng đạo, và không hài hòa với bất kỳ hình thức xáo trộn hoặc lo lắng nào. Có thể kết hợp các thành phần để tạo ra một loại hương có tác dụng ngược lại; điều này đôi khi được thực hiện bởi các phù thủy thời trung cổ, và được thực hiện ngày nay trong các nghi lễ Luciferian. Nhìn chung, nhìn chung nên tránh những mùi hương thô và nặng, chẳng hạn như xạ hương hoặc bột thơm, vì nhiều loại trong số chúng rất phù hợp với các loại cảm giác xác thịt.

An object not intentionally charged for that purpose may sometimes have the force of a talisman. A present received from some loved one, if it be of a nature that can be worn or carried about by the recipient, constantly serves to him as a reminder of the donor, and often so far gives the sense of the donor's presence as to prevent him from doing things that he would not do if that donor were looking on. I have heard of more than one case in which a man, wearing a ring or a chain given to him by his mother, was thereby saved from committing some

Một vật thể không được cố ý nạp cho mục đích đó đôi khi có thể có sức mạnh của bùa hộ mệnh. Một món quà nhận được từ một người thân yêu, nếu nó có bản chất có thể được người nhận đeo hoặc mang theo bên mình, sẽ liên tục nhắc nhở người đó về người tặng, và thường mang lại cảm giác về sự hiện diện của người tặng đến mức ngăn cản người đó làm những điều mà người đó sẽ không làm nếu người tặng đó đang xem. Tôi đã nghe nói về nhiều trường hợp mà một người, đeo một chiếc nhẫn hoặc một sợi dây chuyền do mẹ anh ta tặng, nhờ đó đã được cứu khỏi việc thực hiện một

questionable act, or indulging in some improper pleasure, because, just as he was about to yield to the temptation, his glance fell upon the object, and that brought to him so strongly the thought of his mother and of what she would feel if she could see him, that he at once abandoned his project. A letter carried about in the pocket has been known to serve the same purpose, for a man feels: "How can I do this thing with her very letter in my pocket—how can I take that into surroundings where I should be ashamed that she should see me?" I remember one case in which such a struggle ended in the man tearing up the letter and throwing it away in order that he might be able to indulge himself; but usually the opposite result is produced.

số hành vi đáng ngờ, hoặc nuông chiều một số thú vui không đứng đắn, bởi vì, ngay khi anh ta sắp đầu hàng trước cám dỗ, thì ánh mắt của anh ta rơi vào đồ vật, và điều đó mang đến cho anh ta một cách mạnh mẽ suy nghĩ về mẹ mình và về những gì bà ấy sẽ cảm thấy nếu bà ấy có thể nhìn thấy anh ta, đến nỗi anh ta ngay lập tức từ bỏ dự án của mình. Một bức thư mang theo trong túi được biết là có tác dụng tương tự, vì một người cảm thấy: "Làm sao tôi có thể làm điều này với chính bức thư của cô ấy trong túi — làm sao tôi có thể mang nó vào môi trường mà tôi xấu hổ khi cô ấy nhìn thấy tôi?" Tôi nhớ một trường hợp mà một cuộc đấu tranh như vậy kết thúc bằng việc con người xé bức thư và ném nó đi để anh ta có thể nuông chiều bản thân; nhưng thường thì kết quả ngược lại được tạo ra.

THINGS WE CARRY ABOUT

Thus it will be seen that the objects which we carry about with us in our pockets may have decided influence upon us. A man's watch, for example which he has always with him, becomes strongly charged with his magnetism, and if after wearing it for some years he gives it or lends it to another, that other person, if he be at all sensitive, will be constantly reminded of his friend, and conscious of a feeling as though he were present. I remember that a prominent member of the Theosophical Society, long since dead, used often to make presents of watches to those disciples in whom he was specially interested, charging them strongly before he gave them with whatever quality he thought that the recipient most needed. As his young friends naturally wore those watches, he succeeded in several cases in effecting in them considerable changes of character.

NHỮNG THỨ CHÚNG TA MANG THEO

Như vậy, chúng ta sẽ thấy rằng những vật dụng mà chúng ta mang theo bên mình trong túi có thể có ảnh hưởng nhất định đến chúng ta. Ví dụ, đồng hồ của một người mà anh ta luôn mang theo bên mình, sẽ bị nhiễm từ tính mạnh mẽ, và nếu sau khi đeo nó vài năm, anh ta tặng hoặc cho người khác mượn, thì người đó, nếu nhạy cảm, sẽ liên tục nhớ đến bạn mình, và có ý thức về một cảm giác như thể người đó đang hiện diện. Tôi nhớ rằng một thành viên nổi bật của Hội Thông Thiên Học, đã chết từ lâu, thường tặng đồng hồ cho những đệ tử mà ông đặc biệt quan tâm, trước khi tặng họ, ông đã nạp đầy vào đó bất kỳ phẩm chất nào mà ông cho rằng người nhận cần nhất. Vì những người bạn trẻ của ông ấy đương nhiên đeo những chiếc đồng hồ đó, nên trong một số trường hợp, ông ấy đã thành công trong việc tạo ra những thay đổi đáng kể về tính cách của họ.

MONEY

One unpleasant thing (from one point of view) which we all have to carry about with us is money. It will naturally occur to the humorist to say at this point that he could do with a good deal of that kind of unpleasantness. I quite understand that point of view, and I recognise that in our present civilisation it is desirable to possess a certain amount of filthy lucre, and even

TIỀN

Một điều khó chịu (theo một quan điểm) mà tất cả chúng ta phải mang theo bên mình là tiền. Người hài hước sẽ tự nhiên nói ra điều này rằng người đó có thể đối phó với rất nhiều điều khó chịu đó. Tôi hoàn toàn hiểu quan điểm đó, và tôi nhận ra rằng trong nền văn minh hiện tại của chúng ta, việc sở hữu một lượng tiền nhất định là điều mong muốn, và thậm chí cần thiết phải

necessary to carry at least a little of it about with one, so as to be prepared for unexpected emergencies. Nevertheless, the fact remains that while money in the abstract is no doubt a good thing to have if one knows how to use it wisely, money in the concrete form of coins and notes is frequently charged with the worst possible magnetism. New notes and new coins are harmless enough, but after they have been in circulation for a little time they acquire not only all sorts of physical dirt but also many varieties of influences, nearly all of them exceedingly unpleasant.

mang theo một ít bên mình, để chuẩn bị cho những trường hợp khẩn cấp bất ngờ. Tuy nhiên, thực tế vẫn là trong khi tiền bạc nói chung chắc chắn là một thứ tốt để có nếu người ta biết cách sử dụng nó một cách khôn ngoan, thì tiền bạc dưới dạng cụ thể là tiền xu và tiền giấy thường bị nhiễm từ tính xấu nhất có thể. Tiền giấy và tiền xu mới đủ vô hại, nhưng sau khi chúng được lưu hành một thời gian ngắn, chúng không chỉ thu được tất cả các loại bụi bẩn vật lý mà còn thu được nhiều loại ảnh hưởng, gần như tất cả đều cực kỳ khó chịu.

The reason for this is not difficult to understand, for the magnetism surrounding the coin is produced by the thoughts and feelings of those who have handled it or carried it. First and as a general principle, without taking any special feeling into consideration, any coin which has been handled and carried by a large number of people must inevitably be charged with a great mixture of different kinds of magnetism. It is, therefore, from the point of view of vibrations, a centre of discord around which all kinds of warring influence are boiling up in the wildest confusion. The influence of such a thing as this is disturbing and irritating, and it has, though to a much stronger degree, exactly the same effect upon the astral and mental bodies as has the continued bombardment of radium emanations upon the physical body.

Lý do cho điều này không khó hiểu, bởi vì từ tính bao quanh đồng tiền được tạo ra bởi suy nghĩ và cảm xúc của những người đã xử lý hoặc mang nó. Đầu tiên và như một nguyên tắc chung, không tính đến bất kỳ cảm giác đặc biệt nào, bất kỳ đồng xu nào đã được xử lý và mang theo bởi một số lượng lớn người chắc chắn sẽ bị nhiễm một hỗn hợp lớn các loại từ tính khác nhau. Do đó, theo quan điểm của các rung động, nó là một trung tâm của sự bất hòa xung quanh đó tất cả các loại ảnh hưởng chiến tranh đang sôi sục trong sự hỗn loạn hoang dã nhất. Ảnh hưởng của một thứ như thế này gây xáo trộn và khó chịu, và mặc dù ở mức độ mạnh hơn nhiều, nó có tác dụng chính xác giống như sự bắn phá liên tục của các tia bức xạ radium đối với thể xác.

Several scientific people have discovered by painful experience that to carry a fragment of radium in one's waistcoat pocket presently produces a peculiarly obstinate sore upon the skin underneath it; just like that, but larger in proportion, is the effect produced on the higher vehicles by the presence of a much-used coin. Copper and bronze coins are in this respect the worst of all—except perhaps old and dirty bank-notes. Gold and silver coins absorb the influences which surround them, but their qualities make them somewhat less receptive to the worst characteristics. From all this it emerges that it is better not perpetually to have in one's pocket more money than is actually necessary. I have known students who partially met the difficulty by carrying copper or bronze coins only in a

Một số nhà khoa học đã phát hiện ra bằng kinh nghiệm đau đớn rằng việc mang một mảnh radium trong túi áo khoác sẽ tạo ra một vết loét cứng đầu đặc biệt trên da bên dưới nó; giống như vậy, nhưng tỷ lệ lớn hơn, là ảnh hưởng tạo ra đối với các thể cao hơn do sự hiện diện của một đồng xu được sử dụng nhiều. Tiền xu bằng đồng và đồng thau về mặt này là tồi tệ nhất trong tất cả — ngoại trừ có lẽ là tiền giấy cũ và bẩn. Tiền xu bằng vàng và bạc hấp thụ những ảnh hưởng xung quanh chúng, nhưng phẩm chất của chúng khiến chúng ít tiếp thu những đặc điểm xấu nhất. Từ tất cả những điều này, người ta thấy rằng tốt hơn hết là không nên liên tục để trong túi nhiều tiền hơn mức thực sự cần thiết. Tôi biết những học viên đã giải quyết được phần nào khó khăn bằng cách chỉ mang tiền xu bằng đồng hoặc đồng thau

purse so strongly magnetised as to be practically impervious to the unpleasant vibrations. Many countries have realised the unsuitability of those metals for daily use, and are adopting nickel as a substitute; and nickel, while not so 'noble' a metal as gold or silver, is much less receptive to evil influence than copper. A noble metal, in alchemical parlance, is one which answers readily to the wave-lengths of the higher thought, but is resistant towards the lower kinds.

trong ví được từ hóa mạnh đến mức thực tế không thấm vào các rung động khó chịu. Nhiều quốc gia đã nhận ra sự không phù hợp của những kim loại đó để sử dụng hàng ngày, và đang sử dụng niken để thay thế; và niken, mặc dù không phải là kim loại 'quý tộc' như vàng hay bạc, nhưng ít tiếp thu ảnh hưởng xấu hơn nhiều so với đồng. Một kim loại quý tộc, theo cách nói của thuật giả kim, là một kim loại phản ứng dễ dàng với bước sóng của tư tưởng cao hơn, nhưng có khả năng chống lại các loại thấp hơn.

CLOTHING

QUẦN ÁO

We come now to a subject upon which all the considerations dictated by the sight of the higher worlds, and the additional knowledge which occultism gives, are in direct contradiction in nearly every way to the fashions at present prevailing in the West. In a course of researches, extending over many years, it has happened to me to see clairvoyantly a large number of the civilisations of the world, in all parts of it and at widely diverging periods, and it has also come within my duty to examine the inhabitants of at least two other planets. The various races have differed widely in customs and costumes, but never in any of them at any time have I seen anything approaching in hideousness the dress which is at present the fashion in Europe for males.

Bây giờ chúng ta đến với một chủ đề mà tất cả các xem xét được quyết định bởi tầm nhìn của các thế giới cao hơn, và kiến thức bổ sung mà huyền bí học mang lại, gần như mâu thuẫn trực tiếp với các mốt đang thịnh hành ở phương Tây. Trong một quá trình nghiên cứu, kéo dài trong nhiều năm, tôi đã tình cờ nhìn thấy một cách thông nhãn một số lượng lớn các nền văn minh trên thế giới, ở tất cả các khu vực trên thế giới và ở những thời kỳ khác nhau rất xa, và cũng nằm trong nhiệm vụ của tôi là kiểm tra cư dân của ít nhất hai hành tinh khác. Các chủng tộc khác nhau rất khác nhau về phong tục và trang phục, nhưng chưa bao giờ trong bất kỳ chủng tộc nào trong số họ vào bất kỳ thời điểm nào tôi thấy bất cứ thứ gì gần với sự xấu xí của trang phục hiện đang là mốt ở Châu Âu dành cho nam giới.

It is supremely ugly, ungainly and unhealthy, and the only point (so far as I can see) which can be urged in its favour is a certain measure of practical convenience. It is tight-fitting, whereas all clothing ought to be loose. It is made principally of materials which are from the inner point of view most undesirable, and the only colours (or lack of colours) which custom permits are precisely the worst that could possibly be chosen. Our outer garments are black, or brown, or grey (and one has only to study *Man Visible and Invisible* in order to see what those hues signify), or if a shade of blue is sometimes permitted, it is so dark that one can scarcely distinguish that it is blue at all.

Nó cực kỳ xấu xí, khó coi và không lành mạnh, và điểm duy nhất (theo như tôi có thể thấy) có thể được thúc giục có lợi cho nó là một mức độ tiện lợi thiết thực nhất định. Nó bó sát, trong khi tất cả quần áo phải rộng rãi. Nó được làm chủ yếu từ các vật liệu mà từ quan điểm bên trong là không mong muốn nhất, và màu sắc duy nhất (hoặc thiếu màu sắc) mà phong tục cho phép chính xác là điều tồi tệ nhất có thể được chọn. Quần áo bên ngoài của chúng ta có màu đen, nâu hoặc xám (và người ta chỉ cần nghiên cứu *Con người hữu hình và vô hình* để xem những màu sắc đó biểu thị điều gì), hoặc nếu đôi khi cho phép một sắc thái xanh lam, thì nó tối đến mức người ta khó có thể phân biệt được đó là màu xanh lam.

There are certain practical reasons for all these unpleasant features. Our clothes are tight-fitting

Có những lý do thực tế nhất định cho tất cả những đặc điểm khó chịu này. Quần áo của

because we wish to be ready at any moment to exhibit activity in running, jumping or riding. They are made of heavy woollen materials in order to keep out the cold; and they are made in these ugly dark colours in order to disguise the dirt which accumulates upon them after even a single day's wear, owing to the facts that we are not yet sufficiently civilised to make all kinds of fires consume their own smoke, and that we have not yet learnt to make a road that shall be free from dust and mud. If anyone desires to know what a load of unspeakable filth he is carrying about with him, let him take any old coat or other outside garment which he has discarded, and wash it thoroughly in a tub of water, as underclothing is washed; the colour of the water will be a revelation to him.

chúng ta bó sát vì chúng ta muốn sẵn sàng hoạt động chạy, nhảy hoặc cưỡi ngựa bất cứ lúc nào. Chúng được làm bằng chất liệu len dày để giữ ấm; và chúng được làm bằng những màu tối xấu xí này để che đi bụi bẩn tích tụ trên chúng sau một ngày mặc, do thực tế là chúng ta chưa đủ văn minh để làm cho tất cả các loại lửa tự tiêu thụ khói của chúng, và chúng ta vẫn chưa học được cách làm một con đường không có bụi và bùn. Nếu ai đó muốn biết mình đang mang theo một đống rác rưởi không thể diễn tả được, hãy lấy bất kỳ chiếc áo khoác cũ hoặc quần áo bên ngoài nào khác mà người đó đã bỏ đi, và giặt kỹ trong chậu nước, như giặt đồ lót; màu nước sẽ là một điều mặc khải cho người đó.

From the occult point of view nothing will justify a man for existing in such a condition of filth. Clothing which is not only washable but frequently washed is absolutely the only kind that is permissible from the standpoint of the thinker. I know quite well that, as things stand in Europe or America, it is practically impossible for the most earnest student to do in this respect what he knows he ought to do; for the slavery of custom is so absolute that a man cannot live among his fellows unless he follows it. It is strange that this should be so, and it is most discreditable to those nations; it absolutely disposes of their claim to be considered liberal or free-minded people; but so it is. Information as to what ought to be done in these matters is therefore unfortunately useless to our Western brothers, because they simply cannot do it; but fortunately there are other countries in the world which, though perhaps equally under the slavery of custom along other lines, happen to have a better custom in regard to this particular matter, and so information about it may be of use to their inhabitants.

Theo quan điểm huyền bí học, không có gì có thể biện minh cho một người tồn tại trong tình trạng ô uế như vậy. Quần áo không chỉ có thể giặt được mà còn được giặt thường xuyên là loại duy nhất được phép theo quan điểm của nhà tư tưởng. Tôi biết rất rõ rằng, như tình hình ở Châu Âu hoặc Châu Mỹ, thực tế không thể cho người học viên nhiệt tình nhất làm điều mà họ biết mình nên làm; vì chế độ nô lệ của tập quán tuyệt đối đến mức một người không thể sống giữa những người đồng loại của mình trừ khi anh ta làm theo nó. Thật kỳ lạ là điều này lại xảy ra như vậy, và điều đó gây mất uy tín nhất cho các quốc gia đó; nó hoàn toàn bác bỏ tuyên bố của họ là những người tự do hoặc cởi mở; nhưng nó là như vậy. Do đó, thông tin về những gì nên làm trong những vấn đề này thật không may là vô ích đối với các huynh đệ phương Tây của chúng ta, bởi vì họ đơn giản là không thể làm được; nhưng may mắn thay, có những quốc gia khác trên thế giới, mặc dù có lẽ cũng chịu sự ràng buộc của tập quán theo những đường lối khác, nhưng lại có tập quán tốt hơn đối với vấn đề cụ thể này, và do đó, thông tin về nó có thể hữu ích cho cư dân của họ.

A man dresses primarily for decency and for the sake of his own comfort; but he ought surely also to consider the aspect which he presents to his fellow-creatures, and even for that reason alone the superlative ugliness of our present costume is a positive sin.

Một người ăn mặc chủ yếu vì sự đứng đắn và vì sự thoải mái của chính mình; nhưng chắc chắn anh ta cũng nên xem xét khía cạnh mà anh ta thể hiện với đồng loại của mình, và thậm chí chỉ vì lý do đó, sự xấu xí tuyệt vời của trang phục hiện tại của chúng ta là một tội lỗi thực sự.

I am aware then that, for the Westerner at least, I am suggesting counsels of perfection which cannot be followed, when I say what occultism prescribes in the matter of dress. I am not speaking of the customs of any race or religion, or of what any man or set of men happens to approve. I am simply prescribing what is dictated by a scientific consideration of the higher side of life and the unseen elements which are all the time entering into it. The prescription then is as follows:

Tôi biết rằng, ít nhất là đối với người phương Tây, tôi đang đề xuất những lời khuyên về sự hoàn hảo mà không thể tuân theo, khi tôi nói những gì huyền bí học quy định trong vấn đề trang phục. Tôi không nói về phong tục của bất kỳ chủng tộc hay tôn giáo nào, hoặc về những gì bất kỳ con người hay nhóm con người nào tình cờ tán thành. Tôi chỉ đơn giản là quy định những gì được quyết định bởi sự xem xét khoa học về mặt cao hơn của cuộc sống và các yếu tố vô hình luôn đi vào nó. Sau đó, đơn thuốc như sau:

All dress should be loose and flowing, never under any circumstances exercising pressure upon any part of the body, and no part of it which touches the skin should ever be composed of wool or leather. How then are we to keep ourselves warm? Well, the Chinese, who at least in the North of their country suffer under a most appalling climate, contrive to solve the difficulty by using garments of padded silk or cotton, something like eiderdown quilts; and it is quite certain that it is within the resources of science to supply us with a number of efficient substitutes for wool, if there were only a demand for them. Old-fashioned doctors in England used to have a craze for recommending the wearing of wool next to the skin—the very last thing that ever ought to be allowed to touch it; for, as has been well said by a doctor: “It is an animal product which can never be properly cleaned; it creates unnatural heat; it becomes felted and chokes the pores; it absorbs moisture very slowly and dries very slowly, therefore retaining the moisture of the body; it enervates and enfeebles the system, encourages chills and colds, and promotes rheumatism; it often causes (and always irritates) rashes and other skin diseases; it cannot be boiled without destroying the fabric, and it always shrinks.” From the occult point of view the condemnation of it is even more emphatic, and includes various other reasons.

Tất cả trang phục phải rộng rãi và thoải mái, không bao giờ trong bất kỳ trường hợp nào gây áp lực lên bất kỳ bộ phận nào của cơ thể, và không có bộ phận nào của nó tiếp xúc với da bao giờ được làm bằng len hoặc da. Vậy thì làm thế nào để chúng ta giữ ấm cho mình? Vâng, người Trung Quốc, những người ít nhất là ở miền Bắc đất nước của họ phải chịu đựng một khí hậu khắc nghiệt nhất, đã xoay sở để giải quyết khó khăn bằng cách sử dụng quần áo bằng lụa hoặc bông độn, giống như chăn lông vịt; và chắc chắn rằng trong khả năng của khoa học để cung cấp cho chúng ta một số chất thay thế hiệu quả cho len, nếu chỉ có nhu cầu về chúng. Các bác sĩ lỗi thời ở Anh từng có xu hướng khuyên nên mặc len sát da — điều cuối cùng không bao giờ được phép chạm vào da; vì, như một bác sĩ đã nói rất hay: “Đó là một sản phẩm động vật không bao giờ có thể được làm sạch đúng cách; nó tạo ra sức nóng không tự nhiên; nó trở nên giống như nỉ và làm tắc nghẽn lỗ chân lông; nó hấp thụ độ ẩm rất chậm và khô rất chậm, do đó giữ lại độ ẩm của cơ thể; nó làm suy nhược và làm suy yếu hệ thống, khuyến khích ớn lạnh và cảm lạnh, và thúc đẩy bệnh thấp khớp; nó thường gây ra (và luôn gây kích ứng) phát ban và các bệnh ngoài da khác; nó không thể được luộc mà không phá hủy vải, và nó luôn co lại. " Theo quan điểm huyền bí học, sự lên án đối với nó thậm chí còn gay gắt hơn, và bao gồm nhiều lý do khác.

Clothes ought to be of brilliant colours, not only for the sake of giving pleasure to the eyes of our neighbours, but also because of the effect of the colours upon ourselves. The present system of dressing entirely in subfusc hues is undoubtedly productive of a vast amount of depression and

Quần áo phải có màu sắc rực rỡ, không chỉ để làm vui mắt những người hàng xóm của chúng ta, mà còn vì tác dụng của màu sắc đối với chính chúng ta. Hệ thống ăn mặc hoàn toàn bằng màu sắc tối tăm hiện tại chắc chắn tạo ra một lượng lớn sự chán nản và trì trệ trong suy nghĩ, và bởi nó,

stagnation of thought, and by it we entirely lose the different effects which may be produced upon the disposition by the wearing of different colours. When we have advanced sufficiently for a reasonable costume to become possible, it will be of interest to discuss the qualities of the colours, and which are most suitable for particular types of people; at present it would be of little use.

chúng ta hoàn toàn mất đi những tác động khác nhau có thể tạo ra đối với tính cách bằng cách mặc các màu sắc khác nhau. Khi chúng ta đã tiến bộ đủ để có một bộ trang phục hợp lý trở nên khả thi, thì sẽ rất thú vị khi thảo luận về chất lượng của màu sắc, và màu nào phù hợp nhất với từng kiểu người cụ thể; hiện tại nó sẽ không có ích gì nhiều.

In many oriental countries the customs in these matters are far more rational. In Burma, for example, when lecturing on a festival day at the Great Golden Pagoda in Rangoon, I have seen my audience stretch before me glowing like a splendid flower-bed with variegated colours. The delicately-coloured satins worn by the Chinese there on festive occasions produce in the glowing tropical sunlight an effect not easy to be surpassed, and one cannot but wonder how it is that we, who certainly belong to a later race than these people, and may not unreasonably claim to have advanced distinctly beyond them in many of the departments of civilisation, should yet have fallen so utterly and lamentably behind them in this particular of dress.

Ở nhiều nước phương Đông, các phong tục về những vấn đề này hợp lý hơn nhiều. Ví dụ, ở Miến Điện, khi thuyết trình vào một ngày lễ hội tại Chùa Vàng Lớn ở Rangoon, tôi đã thấy khán giả của mình trải dài trước mặt tôi rực rỡ như một luống hoa tuyệt đẹp với nhiều màu sắc khác nhau. Lụa satin màu sắc tinh tế được người Trung Quốc mặc ở đó vào những dịp lễ hội tạo ra trong ánh sáng mặt trời nhiệt đới rực rỡ một hiệu ứng không dễ gì vượt qua, và người ta không khỏi tự hỏi làm thế nào mà chúng ta, những người chắc chắn thuộc về một chủng tộc muộn hơn những người này, và có thể không có lý do gì để tuyên bố đã tiến bộ rõ rệt hơn họ trong nhiều lĩnh vực của nền văn minh, nhưng lại tụt hậu hoàn toàn và đáng tiếc như vậy so với họ về trang phục cụ thể này.

The worst features of it are really quite recent. I myself can remember in my childhood seeing a few survivals of the ordinary costume of a century ago, when brilliant colours were still worn by gentlemen on other occasions than in the hunting-field. It has really taken us only about a century to reach the lowest possible level in these matters; how long will it take us to rise again to beauty and gracefulness and dignity?

Những đặc điểm tồi tệ nhất của nó thực sự khá gần đây. Bản thân tôi có thể nhớ lại thời thơ ấu của mình khi nhìn thấy một số tàn tích của trang phục thông thường cách đây một thế kỷ, khi những màu sắc rực rỡ vẫn được các quý ông mặc trong những dịp khác ngoài lĩnh vực săn bắn. Thực sự chúng ta chỉ mất khoảng một thế kỷ để đạt đến mức thấp nhất có thể trong những vấn đề này; chúng ta sẽ mất bao lâu để vươn lên một lần nữa đến vẻ đẹp, sự duyên dáng và phẩm giá?

The subject of clothing leads us to bed-clothing; but there is not much to be said upon this, save that from the occult standpoint feather-beds or thick and heavy mattresses are always undesirable, and that if it be necessary that wool should form part of the covering, at any rate precautions should be taken that it does not touch the skin of the sleeper; for if at other times it is inexpedient to bring into close contact with ourselves that which is saturated with animal influences, and is indeed animal in its very

Chủ đề quần áo dẫn chúng ta đến chủ đề chăn ga gối đệm; nhưng không có nhiều điều để nói về điều này, ngoại trừ việc từ quan điểm huyền bí học, giường lông vũ hoặc nệm dày và nặng luôn là điều không mong muốn, và nếu cần thiết phải có len để làm một phần của lớp phủ, thì ít nhất cũng nên thực hiện các biện pháp phòng ngừa để nó không chạm vào da của người ngủ; vì nếu vào những thời điểm khác, việc tiếp xúc gần gũi với bản thân chúng ta những thứ bão hòa với ảnh hưởng của động vật, và thực sự là động vật trong

essence, it is a thousandfold more serious to do this when the body is asleep and so specially amenable to such influences. A bed made of interlaced webbing, such as is commonly used at Adyar, is one of the best from the occult point of view.

chính bản chất của nó, là điều không nên, thì việc làm điều này khi cơ thể đang ngủ và do đó đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi những ảnh hưởng như vậy lại nghiêm trọng hơn gấp nghìn lần. Một chiếc giường được làm bằng vải lưới đan xen, chẳng hạn như loại thường được sử dụng ở Adyar, là một trong những loại giường tốt nhất theo quan điểm huyền bí học.

CHAPTER XVI - BY MENTAL CONDITIONS—BỞI CÁC ĐIỀU KIỆN TRÍ TUỆ

THOUGHT-FORMS

MAN clothes himself in other worlds than this, though in a somewhat different way. For in the astral world he draws round himself a veritable garment of the feelings which are habitual to him, and in the mental world a similar garment of the thoughts in which he commonly indulges. I should like to make it thoroughly clear that in saying this I am not speaking symbolically, but am describing an objective fact—objective as far as those higher levels are concerned. It has been repeatedly explained that our feelings and thoughts generate definite forms in the matter which they respectively affect, and that these forms follow the thoughts and feelings which made them. When those thoughts and feelings are directed towards another person, the forms actually move through space to that person and impinge upon his aura, and in many cases blend themselves with it. When, however, the thoughts and feelings are self-centred (as I fear we must admit that the majority of many people's are) the forms do not pass away, but remain clustering round the man who has given birth to them.

Thus we find that every man has built for himself a shell of such thought-forms, a veritable clothing at their level; thus all this thought and feeling is constantly reacting upon the man himself. He gave it birth; he made it out of himself; and now it is external to him and capable of reacting upon him, though he knows nothing of its propinquity and its power. Floating thus around him, the forces which it radiates seem to him to come altogether from without, and he often regards as a temptation from some external source, a thought which is in reality only a reflection of one of his own of yesterday or of yesterweek. "As a man thinketh, so is he." And this is largely because his own thoughts are the nearest to him and are constantly playing upon him, so that they have a better opportunity than any others to act upon him.

HÌNH TƯ TƯỞNG

Con người tự mặc quần áo cho mình trong những thế giới khác ngoài thế giới này, mặc dù theo một cách hơi khác. Vì trong thế giới thể cảm dục, người đó khoác lên mình một bộ quần áo thực sự của những cảm xúc quen thuộc với người đó, và trong cõi trí, một bộ quần áo tương tự của những suy nghĩ mà người đó thường đắm chìm. Tôi muốn nói rõ rằng khi nói điều này, tôi không nói một cách tượng trưng, mà đang mô tả một sự thật khách quan — khách quan đối với những cấp độ cao hơn đó. Người ta đã nhiều lần giải thích rằng cảm xúc và suy nghĩ của chúng ta tạo ra những hình dạng xác định trong vật chất mà chúng ảnh hưởng tương ứng, và những hình dạng này đi theo những suy nghĩ và cảm xúc đã tạo ra chúng. Khi những suy nghĩ và cảm xúc đó hướng về người khác, các hình dạng thực sự di chuyển trong không gian đến người đó và tác động đến hào quang của người đó, và trong nhiều trường hợp hòa vào làm một với nó. Tuy nhiên, khi những suy nghĩ và cảm xúc đó chỉ tập trung vào bản thân (như tôi e rằng chúng ta phải thừa nhận rằng phần lớn của nhiều người là như vậy) thì các hình dạng đó không biến mất, mà vẫn bám lấy người đã sinh ra chúng.

Vì vậy, chúng ta thấy rằng mỗi người đã tự xây dựng cho mình một lớp vỏ của những hình tư tưởng như vậy, một lớp áo thực sự ở cấp độ của họ; do đó, tất cả những suy nghĩ và cảm xúc này liên tục phản ứng với chính con người. Người đó đã sinh ra nó; người đó đã tạo ra nó từ chính mình; và bây giờ nó nằm ngoài người đó và có khả năng phản ứng với người đó, mặc dù người đó không biết gì về sự gần gũi và sức mạnh của nó. Lơ lửng xung quanh người đó như vậy, các mãnh lực mà nó tỏa ra dường như đến từ bên ngoài, và người đó thường coi như một cám dỗ từ một nguồn bên ngoài nào đó, một suy nghĩ thực ra chỉ là sự phản ánh của một trong những suy nghĩ của chính người đó ngày hôm qua hoặc ngày hôm trước. "Con người suy nghĩ như thế nào, thì người đó sẽ như thế ấy." Và điều này phần lớn là do những suy nghĩ của chính người đó gần gũi nhất với người đó và liên tục tác động đến người đó, do

đó chúng có cơ hội tốt hơn bất kỳ người nào khác để tác động đến người đó.

The constant radiations which pour forth from his thought-forms impregnate the inanimate objects round him, so that even the walls and furniture of his room reflect upon him the thoughts and feelings to which he is accustomed. If a man sitting in a certain chair in a certain room devotes himself for many days to some train or type of thought, he fills the surrounding objects, the chair, the desk, the very walls of the room, with vibrations which express that type of thought. He unconsciously magnetises these physical objects, so that they possess the power of suggesting thoughts of the same type to any other person who puts himself in the way of their influence. Many striking instances of this may be found among the collections of stories which refer to such matters. I have already given one of a number of persons committing suicide, one after another, in the same prison-cell, because the place was reeking with that idea, and they felt it acting upon them as a force from without, which they thought themselves compelled to obey.

Các bức xạ liên tục phát ra từ các hình tư tưởng của người đó thấm vào các vật thể vô tri vô giác xung quanh người đó, do đó ngay cả các bức tường và đồ nội thất trong phòng của người đó cũng phản ánh những suy nghĩ và cảm xúc mà người đó đã quen. Nếu một người ngồi trên một chiếc ghế nhất định trong một căn phòng nhất định dành nhiều ngày cho một chuỗi hoặc một kiểu suy nghĩ nào đó, thì người đó sẽ lấp đầy các đồ vật xung quanh, chiếc ghế, bàn làm việc, chính những bức tường của căn phòng, bằng những rung động thể hiện kiểu suy nghĩ đó. Người đó vô thức từ hóa những vật thể này, để chúng có sức mạnh gợi ý những suy nghĩ cùng loại cho bất kỳ người nào khác đặt mình vào con đường ảnh hưởng của chúng. Nhiều trường hợp nổi bật về điều này có thể được tìm thấy trong số các bộ sưu tập câu chuyện đề cập đến những vấn đề như vậy. Tôi đã đưa ra một trong số những người tự sát, người này đến người khác, trong cùng một phòng giam, bởi vì nơi đó đầy rẫy ý tưởng đó, và họ cảm thấy nó tác động lên họ như một thế mãnh lực từ bên ngoài, mà họ nghĩ rằng mình buộc phải tuân theo.

From these considerations emerge two main ideas on the subject of our feelings, which at first sight appear absolutely contradictory: first, that we must be most careful about our feelings; secondly, that they do not matter at all. But when we come to seek for the explanation of this apparent contradiction, we see that it lies in the fact that we are not using the word ‘feelings’ in quite the same sense in the two statements. We must be careful what feelings we allow to arise within us; we need pay no attention to the feelings which press upon us from outside. True; but in the first case we mean original feelings—*thought* -feelings which emanate from our own minds; in the second case we mean moods, which come without any volition on our part. These latter we can afford to disregard utterly. The mood is the result of our thought of yesterday, and we cannot alter that thought or affect it in any way; our business is with the original thought of to-day, for that thought is within our control, and when it suggests itself we can

Từ những xem xét này, hai ý tưởng chính về chủ đề cảm xúc của chúng ta xuất hiện, thoạt nhìn có vẻ hoàn toàn mâu thuẫn: thứ nhất, chúng ta phải hết sức cẩn thận về cảm xúc của mình; thứ hai, chúng không quan trọng chút nào. Nhưng khi chúng ta đi tìm lời giải thích cho sự mâu thuẫn rõ ràng này, chúng ta thấy rằng nó nằm ở chỗ chúng ta không sử dụng từ 'cảm xúc' theo cùng một nghĩa trong hai câu nói. Chúng ta phải cẩn thận những cảm xúc mà chúng ta cho phép nảy sinh trong mình; chúng ta không cần chú ý đến những cảm xúc đè nén chúng ta từ bên ngoài. Đúng; nhưng trong trường hợp đầu tiên, chúng ta muốn nói đến những cảm xúc ban đầu — những cảm xúc suy nghĩ xuất phát từ tâm trí của chính chúng ta; trong trường hợp thứ hai, chúng ta muốn nói đến tâm trạng, đến mà không có bất kỳ sự tự nguyện nào từ phía chúng ta. Sau này chúng ta có thể hoàn toàn không quan tâm. Tâm trạng là kết quả của suy nghĩ của chúng ta ngày hôm qua, và chúng ta không thể thay đổi suy nghĩ đó hoặc ảnh hưởng đến nó theo bất kỳ cách

receive it and adopt it, or we can reject it. And the same is true with our feelings. You say you cannot help your feelings; that is what the ordinary uncomprehending person thinks, but it is not in the least true. You *can* help them and control them if you will.

nào; công việc của chúng ta là với suy nghĩ ban đầu của ngày hôm nay, vì suy nghĩ đó nằm trong tầm kiểm soát của chúng ta, và khi nó gợi ý, chúng ta có thể tiếp nhận và áp dụng nó, hoặc chúng ta có thể từ chối nó. Và điều tương tự cũng đúng với cảm xúc của chúng ta. Bạn nói rằng bạn không thể kiểm soát cảm xúc của mình; đó là điều mà người bình thường không hiểu biết nghĩ, nhưng điều đó không đúng sự thật. Bạn có thể giúp đỡ họ và kiểm soát họ nếu bạn muốn.

MOODS

TÂM TRẠNG

We have all had the experience of feeling moods of different sorts coming over us. On one occasion we feel joyful without knowing why, and on another occasion depressed and pessimistic. There may be many reasons for this latter feeling; indigestion in some shape or other is the commonest. It comes often, too, from lack of exercise, lack of sunlight, lack of open air; and too much night-work; but also sometimes it is simply the reaction upon us of previous thoughts of our own—and sometimes of the previous thoughts of someone else. It may be due to the presence of an astral entity who is in a condition of depression, and contrives to communicate his vibration to our astral bodies. But whatever may be its cause, the depression must be thrown aside, and we must endeavour to go on with our work precisely as though it did not exist.

Tất cả chúng ta đều có kinh nghiệm cảm thấy nhiều loại tâm trạng khác nhau đến với mình. Có những lúc chúng ta cảm thấy vui vẻ mà không biết tại sao, và có những lúc lại chán nản và bi quan. Có thể có nhiều lý do cho cảm giác thứ hai này; khó tiêu ở dạng này hay dạng khác là phổ biến nhất. Nó cũng thường đến từ việc thiếu tập thể dục, thiếu ánh sáng mặt trời, thiếu không khí trong lành; và làm việc ban đêm quá nhiều; nhưng đôi khi nó chỉ đơn giản là phản ứng của chúng ta đối với những suy nghĩ trước đây của chính chúng ta — và đôi khi là những suy nghĩ trước đây của người khác. Nó có thể là do sự hiện diện của một thực thể thể cảm dục đang trong tình trạng chán nản, và tìm cách truyền rung động của người đó đến thể cảm dục của chúng ta. Nhưng dù nguyên nhân là gì, sự chán nản phải được gạt bỏ sang một bên, và chúng ta phải cố gắng tiếp tục công việc của mình như thể nó không tồn tại.

This is largely a matter of feeling, and that makes it difficult to take a coldly scientific view of it; yet it is precisely that which we must endeavour to do. These moods of ours make no difference whatever to the facts of life. Why therefore should we allow them to influence us? Our future destiny lies before us, and is entirely unaffected by the fact that we take at one time an optimistic and at another a pessimistic view of it. Why then should we allow ourselves to be worried to-day merely because we were worried yesterday, or because some astral entity feels worried? The hidden side of all these moods shows them to come from various causes; but it also shows us clearly that, whatever the causes may be, our duty is to go on with our work, and pay

Điều này phần lớn là vấn đề của cảm xúc, và điều đó khiến chúng ta khó có thể nhìn nhận nó một cách lạnh lùng khoa học; tuy nhiên, đó chính xác là điều chúng ta phải cố gắng làm. Những tâm trạng này của chúng ta không tạo ra bất kỳ sự khác biệt nào đối với sự thật của cuộc sống. Vậy tại sao chúng ta nên để chúng ảnh hưởng đến mình? Vận mệnh tương lai của chúng ta nằm ở phía trước, và hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi thực tế là chúng ta có lúc nhìn nhận nó một cách lạc quan và có lúc lại bi quan. Vậy tại sao chúng ta lại để bản thân lo lắng ngày hôm nay chỉ vì chúng ta đã lo lắng ngày hôm qua, hay vì một thực thể thể cảm dục nào đó cảm thấy lo lắng? Mặt khuất của tất cả những tâm trạng này cho thấy chúng đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau; nhưng nó

absolutely no attention to them.

cũng cho chúng ta thấy rõ ràng rằng, dù nguyên nhân là gì, nhiệm vụ của chúng ta là tiếp tục công việc của mình, và hoàn toàn không chú ý đến chúng.

RECURRENT THOUGHTS

In yet another way, too, we must carefully watch the action of recurring thoughts. What at first was merely an unfounded suspicion—perhaps an unworthy suspicion—may presently solidify itself into a prejudice; not because there is any additional evidence for it, but simply by virtue of its own recurrence. We adopt, often without due reason, a certain attitude towards some person or thing, and then, merely because we have taken it up, we persist in it; and even though we may be quite aware that at first it was nothing but the merest suspicion, by virtue of having thought it over and over again we believe it to be well-founded, and proceed to reason from it as though it were a fact. Thus often prejudices are born, and we have already explained that prejudices are fatal to progress.

NHỮNG SUY NGHĨ LẶP ĐI LẶP LẠI

Ngoài ra, chúng ta cũng phải theo dõi cẩn thận hành động của những suy nghĩ lặp đi lặp lại. Điều ban đầu chỉ là một sự nghi ngờ vô căn cứ — có lẽ là một sự nghi ngờ không xứng đáng — hiện có thể tự củng cố thành định kiến; không phải vì có thêm bất kỳ bằng chứng nào cho nó, mà chỉ đơn giản là do sự lặp lại của chính nó. Chúng ta thường áp dụng một thái độ nhất định đối với một người hoặc một sự vật nào đó mà không có lý do chính đáng, và sau đó, chỉ vì chúng ta đã chấp nhận nó, nên chúng ta kiên trì với nó; và ngay cả khi chúng ta có thể hoàn toàn nhận thức được rằng ban đầu nó chẳng qua chỉ là sự nghi ngờ, nhưng do đã nghĩ đi nghĩ lại nhiều lần nên chúng ta tin rằng nó có cơ sở, và tiếp tục lý luận từ nó như thể nó là một sự thật. Do đó, định kiến thường được sinh ra, và chúng ta đã giải thích rằng định kiến gây tử vong cho sự tiến bộ.

Again, this reaction of thought-forms tends to set up in us certain qualities. Many a man has begun by being, quite rightly, careful as to the expenditure of his money; but the anxious thought which he has devoted to the consideration as to how he should economise has reacted upon him again and again until it has become the dominant idea in his mind—until it has generated within him the quality of avarice. It is not only inward upon its maker that the thought-form pours its influence; it is also radiating outwards. And the effect of that outward vibration is to attract other similar thought-forms which strengthen the action of the original. It is therefore necessary for us to be on our guard in these matters, to watch carefully the thoughts and feelings which arise within us, and to distinguish between those which come from above, from the ego, and those which merely flow in at lower levels.

Một lần nữa, phản ứng này của các hình tư tưởng có xu hướng thiết lập trong chúng ta những phẩm chất nhất định. Nhiều con người ban đầu đã rất đúng khi cẩn thận trong việc chi tiêu tiền bạc của mình; nhưng suy nghĩ lo lắng mà người đó đã dành để suy nghĩ về cách tiết kiệm đã phản ứng lại với người đó nhiều lần cho đến khi nó trở thành ý tưởng chi phối trong tâm trí người đó — cho đến khi nó tạo ra trong người đó phẩm chất keo kiệt. Hình tư tưởng không chỉ đổ ảnh hưởng của nó vào bên trong người tạo ra nó; nó cũng đang tỏa ra bên ngoài. Và tác dụng của sự rung động ra bên ngoài đó là thu hút các hình tư tưởng tương tự khác, làm tăng cường tác động của bản gốc. Do đó, chúng ta cần phải cảnh giác trong những vấn đề này, theo dõi cẩn thận những suy nghĩ và cảm xúc nảy sinh trong mình, và phân biệt những suy nghĩ đến từ cấp độ cao hơn, từ bản ngã, với những suy nghĩ chỉ chảy vào ở cấp độ thấp hơn.

FALLING IN LOVE

Another instance of the repeated action of a

PHẢI LÒNG

Một ví dụ khác về hành động lặp đi lặp lại của

thought-form is what is commonly called falling in love. Of this there are at least two clearly marked varieties, which are commonly defined by novelists as “gradually growing into love” and as “falling in love at first sight”. This latter phenomenon (if it ever really occurs, as I am inclined to think that it does) must mean the recognition by the ego of one who was well known in previous incarnations; but the former and more ordinary variety is usually due to the intensified action of repeated thought.

hình tư tưởng là cái thường được gọi là phải lòng. Trong số này có ít nhất hai loại được đánh dấu rõ ràng, thường được các tiểu thuyết gia định nghĩa là "dần dần phát triển thành tình yêu" và "yêu từ cái nhìn đầu tiên". Hiện tượng thứ hai này (nếu nó thực sự xảy ra, như tôi có xu hướng nghĩ rằng nó xảy ra) phải có nghĩa là sự công nhận của bản ngã về một người đã được biết đến nhiều trong các kiếp trước; nhưng loại thứ nhất và phổ biến hơn thường là do hành động mạnh mẽ của suy nghĩ lặp đi lặp lại.

To speak with any degree of common sense on this subject is likely to render one unpopular, because each man regards his lady-love as the only woman in the world who is really an epitome of all the virtues, and is prepared to maintain that proposition at the sword-point if necessary. Yet if it were possible for him to take an unimpassioned and reasonable view of the matter (which of course it is not), he would have to admit that, while she is all this to *him,* there are other ladies in the world who appear to occupy the same position in the minds of other people—people who are, in the abstract, just as intelligent and as capable of forming an opinion on such a matter as he himself is.

Nói chuyện với bất kỳ mức độ thông thường nào về chủ đề này có thể khiến người ta trở nên mất lòng, bởi vì mỗi con người đều coi người phụ nữ mình yêu là người phụ nữ duy nhất trên thế giới thực sự là hình ảnh thu nhỏ của tất cả các đức tính, và sẵn sàng bảo vệ luận điểm đó bằng thanh kiếm nếu cần thiết. Tuy nhiên, nếu người đó có thể nhìn nhận vấn đề một cách không cảm xúc và hợp lý (tất nhiên là không), thì người đó sẽ phải thừa nhận rằng, trong khi cô ấy là tất cả những điều đó đối với người đó, thì có những người phụ nữ khác trên thế giới dường như chiếm giữ vị trí tương tự trong tâm trí của những người khác — những người, về mặt trừu tượng, cũng thông minh và có khả năng hình thành ý kiến về một vấn đề như chính người đó.

Why then, where there is no question of a tie formed in a previous incarnation, should he select a certain young woman out of all the rest of the world, to be for him an embodiment of all that is noble and beautiful? The truth is unromantic; it is largely a question of propinquity. The normal young man, thrown by circumstances into close relations with the normal young woman, is likely to fall in love with her; and though be would never believe it, if he had been thrown into similar intimate relations with any one of a hundred other equally normal young women, he would have fallen in love with that other just as easily!

Vậy thì, khi không có câu hỏi về mối quan hệ được hình thành trong kiếp trước, tại sao người đó lại chọn một phụ nữ trẻ nào đó trong số tất cả những người còn lại trên thế giới, để trở thành hiện thân của tất cả những gì cao quý và xinh đẹp đối với người đó? Sự thật không lãng mạn; nó phần lớn là một câu hỏi về sự gần gũi. Một chàng trai trẻ bình thường, bị hoàn cảnh đưa đẩy vào mối quan hệ gần gũi với một cô gái trẻ bình thường, có khả năng sẽ yêu cô ấy; và mặc dù người đó sẽ không bao giờ tin điều đó, nhưng nếu người đó đã bị đẩy vào mối quan hệ thân thiết tương tự với bất kỳ ai trong số hàng trăm cô gái trẻ bình thường khác, thì người đó cũng sẽ dễ dàng yêu người kia như vậy!

In the first place a young lady makes upon him an agreeable passing impression; if he did not meet her again, it is probable that after a few days he would cease to think of her; but if he sees her often, his thought-form of her becomes

Trước hết, một phụ nữ trẻ tạo ấn tượng thoáng qua dễ chịu đối với người đó; nếu người đó không gặp lại cô ấy, có lẽ sau một vài ngày, người đó sẽ ngừng nghĩ về cô ấy; nhưng nếu người đó gặp cô ấy thường xuyên, thì hình tư tưởng của người đó

strengthened and he begins, though he does not know it, to see more deeply into her than he did at first. And this process continues until he learns to see in her the divine reality which lies behind us all. It lies behind all equally, but he has learnt to see it only in her, and therefore for him it takes her form; and when once he has seen it through that form, to him at any rate it can take no other. And so he dowers her in his imagination with all sorts of virtues and all splendid qualities—which *are* in her, as they are in us all, yet may not be manifested through her to other eyes than his. They are in her, because her ego, like all others, is a spark of the Divine Fire; and in Him these qualities inhere and exist in perfection. The manifestation of them in this physical world may be no greater in her than in a hundred others, but he sees them in her because it was through her that he first learnt to realise them at all.

về cô ấy sẽ trở nên mạnh mẽ hơn và người đó bắt đầu, mặc dù người đó không biết điều đó, nhìn sâu hơn vào cô ấy so với lúc đầu. Và quá trình này tiếp tục cho đến khi người đó học được cách nhìn thấy trong cô ấy thực tại thiêng liêng ẩn sau tất cả chúng ta. Nó nằm sau tất cả một cách bình đẳng, nhưng người đó đã học được cách nhìn thấy nó chỉ ở cô ấy, và do đó đối với người đó, nó mang hình dạng của cô ấy; và một khi người đó đã nhìn thấy nó qua hình dạng đó, thì đối với người đó, nó không thể có hình dạng nào khác. Và vì vậy, người đó ban tặng cho cô ấy trong trí tưởng tượng của mình tất cả các loại đức tính và tất cả những phẩm chất tuyệt vời — vốn có ở cô ấy, như chúng có ở tất cả chúng ta, nhưng có thể không được biểu hiện qua cô ấy đối với những con mắt khác ngoài mắt của người đó. Chúng có ở cô ấy, bởi vì bản ngã của cô ấy, giống như tất cả những người khác, là một tia lửa của Lửa Thần thánh; và trong Ngài, những phẩm chất này vốn có và tồn tại một cách hoàn hảo. Sự biểu hiện của chúng trong thế giới vật chất này có thể không lớn hơn ở cô ấy so với hàng trăm người khác, nhưng người đó nhìn thấy chúng ở cô ấy bởi vì chính thông qua cô ấy mà người đó lần đầu tiên học được cách nhận ra chúng.

And so in truth, from the occultist's point of view the rhapsodies of thousands of lovers about the respective objects of their adoration are all true, even though they seem mutually exclusive; for the truth is that that which they all love is One, though for each It manifests through a different vehicle, and because they with their partial vision cannot separate the One from Its manifestation, they endow that special manifestation with qualities which belong not to it but to That which shines through. So all are right in the qualities which they see, and wrong only in claiming exclusive manifestation through the form through which they have learnt to see them.

Và vì vậy, trên thực tế, theo quan điểm của người theo huyền bí học, những lời tán dương của hàng nghìn người yêu nhau về đối tượng mà họ tôn thờ đều đúng, ngay cả khi chúng có vẻ loại trừ lẫn nhau; vì sự thật là thứ mà tất cả họ yêu là Một, mặc dù đối với mỗi người, Nó biểu hiện thông qua một phương tiện khác nhau, và bởi vì họ với tầm nhìn hạn hẹp của mình không thể tách rời cái Một khỏi sự biểu hiện của Nó, nên họ ban tặng cho sự biểu hiện đặc biệt đó những phẩm chất không thuộc về nó mà thuộc về Thứ tỏa sáng. Vì vậy, tất cả đều đúng về những phẩm chất mà họ nhìn thấy, và chỉ sai khi tuyên bố biểu hiện độc quyền thông qua hình thức mà họ đã học cách nhìn thấy chúng.

Often the impartial outsider finds it difficult to understand, looking at it from the point of view of the physical world, what a certain man saw in a certain woman to induce him to desire to make her his wife. The answer is that the husband saw in her something which is not visible on the physical level; something which is

Thông thường, người ngoài cuộc khách quan thấy khó hiểu, khi nhìn nhận nó từ quan điểm của thế giới vật chất, điều gì mà một người nào đó nhìn thấy ở một người phụ nữ nào đó khiến anh ta mong muốn biến cô ấy thành vợ mình. Câu trả lời là người chồng đã nhìn thấy ở cô ấy một điều gì đó không thể nhìn thấy trên cõi vật chất; một

to be discerned only by looking much deeper than that, and his attraction to her was that it was through her that that aspect of the Divine was revealed to him.

cái gì đó chỉ có thể được nhận thức bằng cách nhìn sâu hơn nhiều so với thế, và sự hấp dẫn của anh ấy đối với cô ấy là chính thông qua cô ấy mà khía cạnh đó của Thần thánh đã được tiết lộ cho anh ấy.

People often say that the lover's imagination gives to his prospective bride qualities which in truth she does not possess. The occultist would say that the lover is right; she does possess them, because God, of whom she is a part, possesses them. And for her lover she is a channel through which he can see Him. But others for whom she is not the channel cannot see those qualities through her, but may at the same time be seeing them through someone else.

Người ta thường nói rằng trí tưởng tượng của người yêu mang lại cho người vợ tương lai của mình những phẩm chất mà trên thực tế cô ấy không sở hữu. Người theo huyền bí học sẽ nói rằng người yêu đã đúng; cô ấy sở hữu chúng, bởi vì Thượng đế, người mà cô ấy là một phần của, sở hữu chúng. Và đối với người yêu của cô ấy, cô ấy là một kênh mà qua đó người đó có thể nhìn thấy Ngài. Nhưng những người khác mà cô ấy không phải là kênh thì không thể nhìn thấy những phẩm chất đó thông qua cô ấy, nhưng đồng thời có thể nhìn thấy chúng thông qua người khác.

One great advantage of this is that, if the woman be a good woman, she tries to live up to the level of her lover's thought-form of her. She is fully conscious that he is idealising her, that he endows her with qualities which she does not believe herself to possess; but in order that he may not be disappointed, in order that she may be worthy of his love and trust, she tries hard to develop these qualities in herself—to be what he thinks her to be. And because in essence she *is* what he thinks her, because in the Monad behind her those qualities *do* exist, she is often successful, at least to some extent, in bringing them down into manifestation, and thus the confidence of the lover is justified, and his faith in her brings forth her higher self and helps her on the path of evolution.

Một lợi thế lớn của điều này là, nếu người phụ nữ là một người phụ nữ tốt, cô ấy sẽ cố gắng sống theo cấp độ hình tư tưởng của người yêu về cô ấy. Cô ấy hoàn toàn tâm thức được rằng anh ấy đang lý tưởng hóa cô ấy, rằng anh ấy ban tặng cho cô ấy những phẩm chất mà cô ấy không tin rằng mình sở hữu; nhưng để anh ấy không thất vọng, để cô ấy xứng đáng với tình yêu và sự tin tưởng của anh ấy, cô ấy cố gắng hết sức để phát triển những phẩm chất này trong chính mình — để trở thành con người mà anh ấy nghĩ cô ấy. Và bởi vì về bản chất, cô ấy là con người mà anh ấy nghĩ, bởi vì trong Chân thần đằng sau cô ấy, những phẩm chất đó thực sự tồn tại, nên cô ấy thường thành công, ít nhất là ở một mức độ nào đó, trong việc đưa chúng xuống để biểu hiện, và do đó, sự tự tin của người yêu là chính đáng, và niềm tin của anh ấy vào cô ấy đã mang lại con người cao hơn của cô ấy và giúp cô ấy trên con đường tiến hóa.

All this, be it observed, works both ways, and the woman tries to find her ideal through a man just as does a man through a woman. The human being as at present constituted usually finds his ideal most readily through some one of the opposite sex, but this is not invariably so. Sometimes a younger man adores an elder one, and through his admiration and affection for him obtains his glimpse of that true world which we call the ideal; and sometimes the same feeling

Tất cả những điều này, cần lưu ý, hoạt động theo cả hai chiều, và người phụ nữ cố gắng tìm ra lý tưởng của mình thông qua một người cũng giống như một người thông qua một người phụ nữ. Con người như hiện tại được cấu tạo thường tìm thấy lý tưởng của mình dễ dàng nhất thông qua một người nào đó thuộc giới tính khác, nhưng điều này không phải lúc nào cũng vậy. Đôi khi một người trẻ tuổi tôn thờ một người lớn tuổi hơn, và thông qua sự ngưỡng mộ và tình cảm của mình

exists between a younger woman and an experienced matron.

dành cho người đó, người đó có được cái nhìn thoáng qua về thế giới thực sự mà chúng ta gọi là lý tưởng; và đôi khi cũng có cảm giác tương tự giữa một phụ nữ trẻ tuổi và một người phụ nữ từng trải.

Since that real ideal is behind us all alike, the mystic who lives wrapped in solitary contemplation may find it just as perfectly within himself. It is the tendency of every man to seek it, whether through his own self or through another, and the feeling which moves him to seek it is the divinely implanted force of evolution, the desire to find and to return to the Divine from whom we came. For the force which at this early stage can only manifest itself in this way is the very same that later on will bring the man to final union. As Saint Augustine beautifully put it: “God, Thou hast made us for Thyself, and our hearts are ever restless till they find their rest in Thee.”

Vì lý tưởng thực sự đó giống nhau ở tất cả chúng ta, nên nhà thần bí sống ẩn mình trong sự chiêm nghiệm cô độc có thể thấy nó hoàn hảo trong chính mình. Mọi người đều có xu hướng tìm kiếm nó, dù thông qua bản thân hay thông qua người khác, và cảm giác thúc đẩy người đó tìm kiếm nó chính là sức mạnh tiến hóa được thần thánh gieo vào, mong muốn tìm kiếm và trở về với Thần thánh mà chúng ta đã đến. Vì sức mạnh mà ở giai đoạn đầu này chỉ có thể biểu hiện theo cách này cũng chính là sức mạnh mà sau này sẽ đưa con người đến sự hợp nhất cuối cùng. Như Thánh Augustine đã nói một cách tuyệt đẹp: “Thượng đế, Ngài đã tạo ra chúng con cho chính Ngài, và trái tim chúng con luôn bồn chồn cho đến khi chúng tìm thấy sự bình yên trong Ngài.”

UNSET BLOSSOM

HOA CHƯA NỞ

A beautiful variant of this, which is often misunderstood, is the “falling in love” of children. Unsympathetic adults often ridicule it, because they know that in nine cases out of ten its object is quite unsuitable, it does not last, and it comes to nothing. All that is true, yet in essence it is the same feeling as that which comes in later life, and it is usually a far purer and more unselfish form of it. If you could penetrate the secret heart of a young lover of ten or twelve, you would find that often he does not even dream of marrying his prospective bride and settling down comfortably to be happy for ever after; his idea is rather to sacrifice himself for her, to exhibit splendid heroism in her defence, and die at her feet. Absurdly romantic, no doubt, yet not without its good effect upon that young heart—indeed, upon both the young hearts concerned.

Một biến thể tuyệt đẹp của điều này, thường bị hiểu lầm, là "phải lòng" của trẻ em. Những người lớn thiếu đồng cảm thường chế giễu nó, bởi vì họ biết rằng trong chín trên mười trường hợp, đối tượng của nó là khá không phù hợp, nó không tồn tại lâu dài và nó chẳng đi đến đâu. Tất cả những điều đó đều đúng, nhưng về bản chất, nó cũng giống như cảm giác đến trong cuộc sống sau này, và nó thường là một hình thức thuần khiết hơn và ít ích kỷ hơn. Nếu bạn có thể xâm nhập vào trái tim bí mật của một người yêu trẻ mười hoặc mười hai tuổi, bạn sẽ thấy rằng thường thì người đó thậm chí không mơ đến việc kết hôn với người vợ tương lai của mình và ổn định cuộc sống một cách thoải mái để hạnh phúc mãi mãi về sau; ý tưởng của người đó là hy sinh bản thân vì cô ấy, thể hiện chủ nghĩa anh hùng tuyệt vời để bảo vệ cô ấy, và chết dưới chân cô ấy. Lãng mạn một cách vô lý, chắc chắn rồi, nhưng không phải là không có tác dụng tốt đối với trái tim trẻ đó — thực sự là đối với cả hai trái tim trẻ có liên quan.

To pour out such thought-forms as these is indeed well, both for their creator and their recipient, and they are preparing both for the

Việc tuôn ra những hình tư tưởng như thế này thực sự tốt cho cả người tạo ra chúng và người nhận chúng, và chúng đang chuẩn bị cho cả hai

maturer but not more beautiful feeling which comes in later life. Have you ever seen the vast amount of unset blossom on our cherry-trees or plum-trees? One might think of all that as a useless waste of Nature's energy, because it never comes to fruit. Yet the botanist tells us that it is by no means useless—that it has an important purpose to serve in drawing up the sap and thereby strengthening the tree, and so preparing the way for finer fruit in the autumn than could have existed without it. These innocent young love-affairs of childhood have precisely the same effect; they strengthen the nature and prepare it for the fuller development which comes later.

cảm giác trưởng thành hơn nhưng không đẹp hơn đến trong cuộc sống sau này. Bạn đã bao giờ nhìn thấy lượng lớn hoa chưa nở trên cây anh đào hoặc cây mận của chúng ta chưa? Người ta có thể nghĩ tất cả những điều đó là sự lãng phí năng lượng vô ích của tự nhiên, bởi vì nó không bao giờ kết trái. Tuy nhiên, các nhà thực vật học nói với chúng ta rằng nó không phải là vô ích — nó có một mục đích quan trọng là hút nhựa cây và do đó làm cho cây khỏe hơn, và do đó chuẩn bị con đường cho quả ngon hơn vào mùa thu so với những gì có thể tồn tại nếu không có nó. Những mối tình trẻ con ngây thơ thời thơ ấu này cũng có tác dụng tương tự; chúng củng cố bản chất và chuẩn bị cho nó sự phát triển đầy đủ hơn sẽ đến sau này.

OCCULTISM AND MARRIAGE

HUYỀN BÍ HỌC VÀ HÔN NHÂN

Yet in spite of all that I have said above—in spite of the beauty and exaltation of the love affair—can we from the point of view of occultism advise our students to marry? I think the best answer is to be found in the words of our great founder, Madame Blavatsky:

Tuy nhiên, bất chấp tất cả những gì tôi đã nói ở trên — bất chấp vẻ đẹp và sự thăng hoa của tình yêu — liệu chúng ta, từ quan điểm của huyền bí học, có thể khuyên các học viên của mình nên kết hôn không? Tôi nghĩ câu trả lời hay nhất được tìm thấy trong lời của Đấng Sáng Lập vĩ đại của chúng ta, bà Blavatsky:

It depends on the kind of man you mean. If you refer to one who intends to live *in* the world—one who, even though a good, earnest Theosophist and an ardent worker for our cause, still has ties and wishes which bind him to the world—who, in short, does not feel that he has done for ever with what men call life, and that he desires one thing and one thing only—to know the truth, and to be able to help others—then for such a one I say there is no reason why he should not marry, if he likes to take the risk of that lottery where there are so many more blanks than prizes. (*The Key to Theosophy,* Section xiii, "Theosophy and Marriage".)

Nó phụ thuộc vào loại người mà bạn muốn nói đến. Nếu bạn đề cập đến một người có ý định sống trên thế giới — một người, ngay cả khi là một Thông Thiên Học tốt, nghiêm túc và là một người làm việc nhiệt tình cho sự nghiệp của chúng ta, vẫn có những ràng buộc và mong muốn ràng buộc người đó với thế giới — người mà, tóm lại, không cảm thấy rằng người đó đã làm mãi mãi với những gì đàn ông gọi là cuộc sống, và rằng người đó mong muốn một điều và chỉ một điều duy nhất — để biết sự thật và có thể giúp đỡ người khác — thì đối với một người như vậy, tôi nói rằng không có lý do gì người đó không nên kết hôn, nếu người đó thích chấp nhận rủi ro của trò xổ số đó, nơi có quá nhiều chỗ trống hơn là giải thưởng. (*Chìa khóa dẫn đến Thông Thiên Học,* Mục xiii, "Thông Thiên Học và Hôn nhân".)

But if the man means to be more than this, if he intends to devote his whole life to Theosophical work, and aspires to become a pupil of one of the great Masters of the Wisdom, then we cannot advise him to divide his attention between that

Nhưng nếu con người muốn có nhiều hơn thế này, nếu người đó dự định cống hiến cả cuộc đời mình cho công việc Thông Thiên Học, và khao khát trở thành học trò của một trong những bậc thầy vĩ đại của Minh Triết Ngàn Đời, thì chúng tôi

world and this. Again Madame Blavatsky tells us:

không thể khuyên người đó nên phân chia sự chú ý của mình giữa thế giới đó và thế giới này. Một lần nữa, bà Blavatsky nói với chúng ta:

Practical occultism is far too serious and dangerous a study for a man to take up, unless he is in the most deadly earnest, and ready to sacrifice *all*, *himself first of all*, to gain his end. I am only referring to those who are determined to tread the path of discipleship which leads to the highest goal. (*Ibid., Section xiii.*)

Huyền bí học thực hành là một nghiên cứu quá nghiêm trọng và nguy hiểm đối với một người, trừ khi người đó nghiêm túc nhất và sẵn sàng hy sinh tất cả, trước hết là bản thân mình, để đạt được mục đích của mình. Tôi chỉ đề cập đến những người quyết tâm đi trên con đường đệ tử dẫn đến mục tiêu cao nhất. (Sđd., Mục xiii.)

There is nothing to prevent a man from loving his ideal as much as he will; the mistake is in the desire for sole possession, in the animal passion which prevents him from being satisfied to worship at a distance, in the jealousy which is annoyed that others should love and worship also. The student who wishes to devote himself even to the uttermost must keep himself free from all entanglement—free for the work; and let him not, as has been the case with many, be deceived by the specious reasoning of his passion, and fall under the delusion that he can work better in chains. But, remember once more, this is only for the man who is absolutely determined to go on to the end. Short of such high resolve, there is a vast amount of good work that may be done—and even of progress that may be made—by taking advantage of the troubles and trials of the ordinary worldly life, and endeavouring to live one's highest, even though it be in chains.

Không có gì ngăn cản một người yêu lý tưởng của mình nhiều như người đó muốn; sai lầm nằm ở mong muốn sở hữu duy nhất, trong đam mê xác thịt ngăn cản người đó thỏa mãn với việc thờ phượng từ xa, trong sự ghen tuông khó chịu rằng người khác cũng nên yêu và thờ phượng. Người học viên muốn cống hiến hết mình cho đến cùng cực cũng phải giữ cho mình không bị vướng mắc — tự do cho công việc; và đừng để người đó, như trường hợp của nhiều người, bị lừa dối bởi lý luận hợp lý của niềm đam mê của mình, và rơi vào ảo tưởng rằng người đó có thể làm việc tốt hơn trong xiềng xích. Nhưng, hãy nhớ lại một lần nữa, điều này chỉ dành cho con người hoàn toàn quyết tâm đi đến cùng. Thiếu quyết tâm cao như vậy, có rất nhiều công việc tốt có thể được thực hiện — và thậm chí cả sự tiến bộ có thể đạt được — bằng cách tận dụng những rắc rối và thử thách của cuộc sống trần tục thông thường, và cố gắng sống theo cách cao nhất của một người, ngay cả khi nó đang bị xiềng xích.

Another excuse which is sometimes put forward is that it is necessary that bodies should be provided for the high-class in-coming egos who will be needed to do the work; it is argued that students can surely provide these better than the good people of the outer world. This is probably so, and therefore in certain rare cases students have been ordered to marry for this very purpose; but it is surely wisest to wait for such an order from a source that cannot be questioned. Meanwhile we have plenty of good married members who are perfectly capable of providing bodies for the occult workers of the future. Truly there can be no greater honour than to be selected by the karmic Deities to provide those, except the still greater honour of training them

Một lời bào chữa khác đôi khi được đưa ra là cần phải cung cấp thể xác cho những bản ngã cao cấp sắp đầu thai, những người sẽ cần thiết để thực hiện công việc; người ta lập luận rằng chắc chắn các học viên có thể cung cấp những thứ này tốt hơn những người tốt ở thế giới bên ngoài. Điều này có lẽ đúng, và do đó, trong một số trường hợp hiếm hoi, các học viên đã được lệnh kết hôn vì mục đích này; nhưng chắc chắn là khôn ngoan nhất nên chờ đợi một mệnh lệnh như vậy từ một nguồn không thể bị nghi ngờ. Trong khi đó, chúng tôi có rất nhiều thành viên đã kết hôn tốt, những người hoàn toàn có khả năng cung cấp thể xác cho những người làm công tác huyền bí học trong tương lai. Thật vậy, không có vinh dự nào lớn hơn là được các Vị thần nghiệp quả chọn để

when they are provided. Let it be the work then of the student who still retains his ties with the world to provide those bodies, and let those who feel themselves capable of the higher life help in their training. For verily no man can serve two masters, and the path of occultism demands the whole energies of body, soul and spirit.

cung cấp những thứ đó, ngoại trừ vinh dự lớn hơn nữa là đào tạo họ khi họ được cung cấp. Vậy thì hãy để công việc của người học viên vẫn giữ mối quan hệ với thế giới là cung cấp những thể xác đó, và để những người cảm thấy mình có khả năng sống một cuộc sống cao hơn giúp đỡ trong việc đào tạo họ. Vì thật sự không ai có thể phụng sự hai chủ, và con đường huyền bí học đòi hỏi toàn bộ năng lượng của thể xác, linh hồn và tinh thần.

CHANGES IN CONSCIOUSNESS

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TÂM THỨC

The human consciousness has wonderful possibilities, and what we commonly call by that name is only the fragment of it which we can use for the moment. We may perhaps take an analogy from the action of our physical senses. There is an enormous gamut of possible vibrations. One little group of those at a certain level appeals to us as light; another little group at a much lower level appeals to us as sound. We are conscious in various ways of other intermediate groups. But we are fully aware from our knowledge of science that the gamut extends at both ends far beyond our possibilities of dealing with it.

Tâm thức con người có những khả năng tuyệt vời, và cái mà chúng ta thường gọi bằng cái tên đó chỉ là một phần nhỏ của nó mà chúng ta có thể sử dụng vào lúc này. Chúng ta có thể lấy một phép loại suy từ hành động của các giác quan vật lý của chúng ta. Có một gam rung động có thể có rất lớn. Một nhóm nhỏ trong số đó ở một mức độ nhất định hấp dẫn chúng ta như ánh sáng; một nhóm nhỏ khác ở cấp độ thấp hơn nhiều lại thu hút chúng ta như âm thanh. Chúng ta có tâm thức theo nhiều cách khác nhau về các nhóm trung gian khác. Nhưng chúng ta hoàn toàn nhận thức được từ kiến thức khoa học của mình rằng gam màu mở rộng ở cả hai đầu vượt xa khả năng xử lý của chúng ta.

We may suppose the human consciousness to be like that gamut, and the part of it now in action in the physical brain to correspond, let us say, to the block of oscillations which we call sound. Following out the same analogy, we might suppose our block of astral consciousness to be equivalent to the wave-lengths which we call light; but here again there are many undulations capable of carrying light which we cannot see—undulations both below and above our limit of vision. In just the same way, below our physical consciousness and above it, and below our astral consciousness and above that, are further sets of vibrations to which our consciousness might be adapted, but is not.

Chúng ta có thể cho rằng tâm thức con người giống như gam màu đó, và phần của nó hiện đang hoạt động trong não vật lý tương ứng, giả sử, với khối dao động mà chúng ta gọi là âm thanh. Theo cùng một phép loại suy, chúng ta có thể cho rằng khối tâm thức thể cảm dục của chúng ta tương đương với bước sóng mà chúng ta gọi là ánh sáng; nhưng ở đây một lần nữa có nhiều gợn sóng có khả năng mang ánh sáng mà chúng ta không thể nhìn thấy — những gợn sóng ở cả bên dưới và bên trên giới hạn tầm nhìn của chúng ta. Cũng giống như vậy, bên dưới tâm thức vật lý của chúng ta và bên trên nó, và bên dưới tâm thức thể cảm dục của chúng ta và bên trên nó, là những tập hợp rung động khác mà tâm thức của chúng ta có thể thích nghi, nhưng không phải vậy.

There are two ways in which it can be adapted; permanently and intentionally, by the development of that consciousness so that it can receive more of those waves which are above and below its normal possibilities; or temporarily, by

Có hai cách để nó có thể thích nghi; vĩnh viễn và có chủ ý, bằng cách phát triển tâm thức đó để nó có thể tiếp nhận nhiều hơn những sóng ở trên và dưới khả năng bình thường của nó; hoặc tạm thời, do một số bệnh hoặc bất thường nào đó làm

some disease or abnormality which shifts our octave of consciousness either upwards or downwards. An example of the first way is the development of psychic powers of all sorts. But it is unnecessary for me to take up the consideration of those here, as I have already done it in other books—*Clairvoyance, The Other Side of Death* and *Some Glimpses of Occultism.* Various drugs have the power of temporarily changing or widening the scope of consciousness, and therefore they enable us to see things normally unseen by us, sometimes at the sacrifice of our ordinary power of vision for the time, and sometimes without robbing us of that.

dịch chuyển quãng tám tâm thức của chúng ta lên trên hoặc xuống dưới. Một ví dụ về cách đầu tiên là sự phát triển của các năng mãnh lực tinh thần thuộc mọi loại. Nhưng tôi không cần phải xem xét những điều đó ở đây, vì tôi đã làm điều đó trong các cuốn sách khác — *Thông nhãn, Phía bên kia của cái chết* và *Một số cái nhìn thoáng qua về huyền bí học.* Các loại thuốc khác nhau có khả năng thay đổi hoặc mở rộng phạm vi tâm thức tạm thời, và do đó chúng cho phép chúng ta nhìn thấy những thứ thường không nhìn thấy được đối với chúng ta, đôi khi phải hy sinh sức mạnh thị lực thông thường của chúng ta trong thời gian đó, và đôi khi không lấy đi sức mạnh đó của chúng ta.

What we call our physical consciousness is not a fixed and determinate amount which has always been the same. It has gradually grown to be what it is, and many things which were formerly within its purview have now passed below it—or more accurately, it has so developed itself as to rise above them. Its level is gradually rising; our descendants will be able to see colours which at present are invisible to us—higher, purer and more delicate colours. Whether they will at the same time lose the possibility of appreciating some of the coarsest of the colours which we now know, is uncertain.

Cái mà chúng ta gọi là tâm thức vật lý của chúng ta không phải là một lượng cố định và xác định mà luôn luôn giống nhau. Nó dần dần phát triển thành như hiện tại, và nhiều thứ trước đây nằm trong tầm nhìn của nó giờ đã đi xuống dưới nó — hay nói chính xác hơn, nó đã tự phát triển để vươn lên trên chúng. Cấp độ của nó đang dần dần tăng lên; con cháu của chúng ta sẽ có thể nhìn thấy những màu sắc mà hiện tại chúng ta không nhìn thấy được — những màu sắc cao hơn, thuần khiết hơn và tinh tế hơn. Liệu họ có đồng thời mất khả năng đánh giá cao một số màu sắc thô nhất mà chúng ta biết bây giờ hay không vẫn chưa chắc chắn.

Delirium shifts the place of this consciousness, and often altogether shuts out from us the everyday world which we know, giving us sometimes in its place memories of our past—not only of the past of this life but of the longer-forgotten part of the human race. Such sight as delirium gives often includes the power to see the sufferer's own thought-forms, or those of others, and sometimes also to see the astral and etheric creatures which are around him. In the case of delirium-tremens, for example, the snakes and other horrors are almost invariably creatures of low type which are feasting upon the fumes of alcohol exuding from the body of the drunkard.

Sự mê sảng làm thay đổi vị trí của tâm thức này, và thường hoàn toàn ngăn cản chúng ta khỏi thế giới hàng ngày mà chúng ta biết, đôi khi mang lại cho chúng ta những ký ức về quá khứ của chúng ta — không chỉ về quá khứ của cuộc đời này mà còn về phần bị lãng quên lâu hơn của loài người. Tầm nhìn mà mê sảng mang lại thường bao gồm khả năng nhìn thấy các hình tư tưởng của chính người bệnh, hoặc của những người khác, và đôi khi cũng có thể nhìn thấy các sinh vật thể cảm dục và thể dĩ thái xung quanh người đó. Ví dụ, trong trường hợp run rẩy do mê sảng, rắn và những nỗi kinh hoàng khác gần như luôn là những sinh vật thuộc loại thấp đang ăn mừng những làn khói rượu tỏa ra từ cơ thể người say rượu.

CHAPTER XVII -BY OUR AMUSEMENTS— BỞI NHỮNG TRÒ TIÊU KHIỂN CỦA CHÚNG TA

CHILDREN's GAMES

THERE is a hidden side even to a thing usually considered so unimportant as the games of children. If the parents think of these at all, it is probably chiefly from the physical point of view. They either disapprove of games in a general way as causing destruction of clothes or enticing the boy away from his school work, or they grant them a qualified approval as at any rate keeping the boy out of their way for a certain number of hours, or as affording him physical exercise which they recognise as a necessity for the development of his body. Sometimes also they are particular as to his associations from a social point of view, and occasionally also from a religious or moral standpoint; but it is probable that most parents regard play as a sort of necessary evil.

They do not in the least realise that a game, if played as all games ought to be, is a lesson whose value can hardly be overestimated, for it inculcates as nothing else can the virtues of honour, unselfishness and chivalry. Honour first, because of the necessity of abiding with uttermost loyalty by the rules of the game, because of the realisation that a seeming success gained by an infringement of them, no matter how slight, would be dishonestly gained, and so would be no success at all, but the deepest disgrace, whether the delinquency were known to others or only seared into the memory of the culprit himself. Unselfishness, because for success in many games it is absolutely necessary that the unit shall be subordinated to the whole, and that each player shall seek not his own glorification, but the benefit of the side upon which he plays. No one who watches the instant, unhesitating obedience so willingly given in any good school to the captain of an eleven at cricket, or to the coach of a boat's crew, can fail to perceive that this is a most valuable discipline, teaching each to accept loyally and to perform thoroughly the duty assigned to him, looking to the good of the club rather than to his personal desires. Chivalry, because of the rule, invariable among all gentlemanly boys, of giving the

TRÒ CHƠI CỦA TRẺ EM

Thậm chí có một mặt khuất đối với một thứ thường bị coi là không quan trọng như trò chơi của trẻ em. Nếu các bậc cha mẹ nghĩ đến những điều này, thì có lẽ chủ yếu là từ quan điểm vật chất. Họ không tán thành các trò chơi nói chung vì chúng làm hỏng quần áo hoặc lôi kéo cậu bé khỏi việc học ở trường, hoặc họ chấp thuận một cách hạn chế vì ít nhất là để cậu bé tránh xa họ trong một số giờ nhất định, hoặc để cho cậu bé tập thể dục mà họ công nhận là điều cần thiết cho sự phát triển thể chất của cậu bé. Đôi khi họ cũng đặc biệt về các mối quan hệ của cậu bé từ quan điểm xã hội, và đôi khi cũng từ quan điểm tôn giáo hoặc đạo đức; nhưng có lẽ hầu hết các bậc cha mẹ đều coi việc chơi đùa như một loại điều xấu cần thiết.

Họ hoàn toàn không nhận ra rằng một trò chơi, nếu được chơi như tất cả các trò chơi nên có, là một bài học có giá trị khó có thể đánh giá quá cao, vì nó thấm nhuần những đức tính của danh dự, lòng vị tha và tinh thần hiệp sĩ mà không có gì khác có thể làm được. Danh dự trước tiên, bởi vì sự cần thiết phải tuân thủ một cách trung thành nhất các quy tắc của trò chơi, bởi vì nhận ra rằng một thành công dường như đạt được bằng cách vi phạm chúng, dù nhỏ đến đâu, cũng sẽ là gian dối, và do đó sẽ không phải là thành công, mà là sự ô nhục sâu sắc nhất, cho dù sự phạm lỗi đó có được người khác biết đến hay chỉ in sâu vào ký ức của chính thủ phạm. Vị tha, bởi vì để thành công trong nhiều trò chơi, điều tối quan trọng là đơn vị phải được đặt dưới toàn thể, và mỗi người chơi không nên tìm kiếm sự tôn vinh của riêng mình, mà là lợi ích của phe mà người đó chơi. Không ai quan sát sự vâng lời ngay lập tức, không do dự được đưa ra một cách sẵn sàng trong bất kỳ trường học tốt nào đối với đội trưởng của một đội mười một người trong môn cricket, hoặc đối với huấn luyện viên của một đội thuyền, mà không thể nhận thấy rằng đây là một kỷ luật rất có giá trị, dạy cho mỗi người phải trung thành chấp nhận và thực hiện một cách triệt để nhiệm vụ được giao, hướng tới lợi ích của câu lạc bộ hơn là mong muốn cá nhân của họ. Tinh thần hiệp sĩ,

opponent the benefit of any doubtful point, and of declining to profit by an accidental advantage. Evil indeed is it for a country when such honour, such unselfishness, such chivalry are not to be found among its children, for the child is father to the man, and as the twig is bent so the tree inclines.

bởi vì quy tắc, bất biến trong số tất cả những cậu bé lịch lãm, là dành cho đối thủ lợi ích của bất kỳ điểm nghi ngờ nào, và từ chối hưởng lợi từ một lợi thế tình cờ. Thật là xấu xa cho một đất nước khi danh dự, lòng vị tha, tinh thần hiệp sĩ như vậy không được tìm thấy ở trẻ em của đất nước đó, bởi vì trẻ em là cha của người lớn, và cây non uốn thế nào thì cây già uốn theo.

The great thing to impress upon the child is that though he must always do his best for his own side, in reality it does not matter who wins, as the exercise obtained and the pleasure of the game are the same in any case. It should be explained to him that he must act not only fairly, but also graciously and hospitably in his play; that he must always be ready to applaud good play on the other side, that he must never exult over those who are defeated, but must always endeavour to find excuses for them and minimise the disappointment which they will naturally feel.

Điều quan trọng cần ghi nhớ đối với trẻ là mặc dù trẻ phải luôn cố gắng hết sức cho đội của mình, nhưng thực tế thì ai thắng cũng không quan trọng, vì bài tập thu được và niềm vui của trò chơi đều giống nhau trong mọi trường hợp. Cần giải thích cho trẻ rằng trẻ phải hành động không chỉ công bằng mà còn phải ân cần và hiếu khách trong khi chơi; rằng trẻ phải luôn sẵn sàng hoan nghênh lối chơi hay của đối phương, rằng trẻ không bao giờ được hả hê trước những người thua cuộc, mà phải luôn cố gắng tìm ra lời bào chữa cho họ và giảm thiểu sự thất vọng mà họ sẽ cảm thấy một cách tự nhiên.

True, others will not always do this for *him,* but he need not be in any way disturbed or annoyed by that, since it simply shows that they have not yet reached the level at which they can put themselves mentally in the place of their opponents. It is natural that a boy should take pleasure in the victory of his school or his side, but he must learn not so to show that pleasure as to hurt in any way the feelings of another.

Đúng vậy, những người khác sẽ không phải lúc nào cũng làm điều này cho trẻ, nhưng trẻ không cần phải lo lắng hay khó chịu về điều đó, vì điều đó chỉ đơn giản cho thấy rằng họ vẫn chưa đạt đến cấp độ mà họ có thể tự đặt mình vào vị trí của đối thủ. Đương nhiên, một cậu bé sẽ cảm thấy vui khi trường học hoặc đội của mình giành chiến thắng, nhưng cậu bé phải học cách không thể hiện niềm vui đó để làm tổn thương đến cảm xúc của người khác.

Never for a moment must he find pleasure or amusement in anything that hurts or annoys another living creature, whether it be a school-fellow or an animal. The tendency which some ill-taught children show to tease an animal or another child is a manifestation of cruelty, and it must be explained to the child that cruelty of any sort is one of the worst of crimes. The child must remember always to put himself in thought in the place of the other, and so to manifest the uttermost brotherhood, kindliness and love, to be willing always to put aside what he wants in order to give pleasure to other children, and to do what they like.

Đừng bao giờ, dù chỉ một khoảnh khắc, trẻ được tìm thấy niềm vui hoặc sự thích thú trong bất cứ điều gì làm tổn thương hoặc làm phiền một sinh vật sống khác, dù đó là bạn học hay động vật. Khuynh hướng mà một số trẻ em được dạy dỗ kém thể hiện khi trêu chọc một con vật hoặc một đứa trẻ khác là biểu hiện của sự tàn ác, và cần phải giải thích cho trẻ rằng sự tàn ác dưới bất kỳ hình thức nào là một trong những tội ác tồi tệ nhất. Trẻ phải luôn nhớ đặt mình vào suy nghĩ của người khác, và do đó thể hiện tình huynh đệ, lòng tốt và tình yêu thương tột độ, luôn sẵn sàng gạt bỏ những gì mình muốn sang một bên để mang lại niềm vui cho những đứa trẻ khác, và làm những gì chúng thích.

I noticed an interesting example of chivalry some time ago when attending the College boat-races

Cách đây một thời gian, tôi đã nhận thấy một ví dụ thú vị về tinh thần hiệp sĩ khi tham dự các

at one of our great Universities. A certain College had held unquestioned for some years the chief place in aquatic affairs, but on this occasion another College succeeded in gaining several places and finally attained the coveted position of Head of the River, defeating its previous holders. Naturally there was great rejoicing, and a triumphal procession was formed in which not only the banner of the winning boat, but also its oars and rudder were carried home in exultant ovation. In their jubilant march the crowd of undergraduates of the victorious College had to pass along the river and in front of the long line of boat-houses, and suddenly I observed that the cheering mob fell silent, furled its flag and lowered its oars and obviously endeavoured to efface itself and hastily assume as unobtrusive a demeanour as possible. Asking what was the matter, I was told that they were approaching the boat-house of the College which had so long held supremacy, and that it would of course be in bad taste to seem to glory over them by parading the conquest before them. Therefore our victors for the time tried to look as much as possible like ordinary students going quietly home; but their magnanimous attempt was at least partially defeated, for before they could steal past they were observed by the defeated crew and their fellow-members, who immediately rushed out from their boat-house to cheer them lustily, while the captain of the defeated boat ran to the great flagstaff of the boat-house and hauled down his College flag in token of cheerful submission to fate. As a spontaneous expression of good feeling on the part of these young fellows just fresh from school, this pleased me greatly, and I could not but see that the public opinion among them was a healthy and enviable one.

cuộc đua thuyền của trường đại học tại một trong những trường đại học lớn của chúng tôi. Một trường đại học nào đó đã giữ vững vị trí hàng đầu trong các vấn đề dưới nước trong một số năm mà không bị nghi ngờ, nhưng trong dịp này, một trường đại học khác đã thành công trong việc giành được một số vị trí và cuối cùng đạt được vị trí thèm muốn là Người đứng đầu dòng sông, đánh bại những người nắm giữ trước đó của nó. Đương nhiên, có rất nhiều sự vui mừng, và một đám rước chiến thắng được hình thành, trong đó không chỉ có biểu ngữ của chiếc thuyền chiến thắng, mà cả mái chèo và bánh lái của nó cũng được mang về nhà trong sự hân hoan hân hoan. Trong cuộc hành quân vui vẻ của mình, đám đông sinh viên đại học của trường đại học chiến thắng phải đi dọc theo sông và trước hàng dài các nhà thuyền, và đột nhiên tôi quan sát thấy đám đông cổ vũ im lặng, cuộn cờ lại và hạ thấp mái chèo của họ và rõ ràng là cố gắng tự xóa mình đi và vội vàng giả định một thái độ kín đáo nhất có thể. Khi hỏi có chuyện gì, tôi được cho biết rằng họ đang đến gần nhà thuyền của trường đại học từ lâu đã giữ vị trí tối cao, và tất nhiên sẽ là không lịch sự khi tỏ ra vinh quang trước họ bằng cách diễu hành cuộc chinh phục trước mặt họ. Vì vậy, những người chiến thắng của chúng ta trong thời gian đó đã cố gắng trông giống như những sinh viên bình thường đang lặng lẽ trở về nhà càng nhiều càng tốt; nhưng nỗ lực cao cả của họ ít nhất đã bị đánh bại một phần, vì trước khi họ có thể lẻn qua, họ đã bị đội thua cuộc và các thành viên của họ quan sát thấy, những người này ngay lập tức lao ra khỏi nhà thuyền của họ để cổ vũ nhiệt tình cho họ, trong khi đội trưởng của đội thua cuộc chạy đến cột cờ lớn của nhà thuyền và kéo cờ đại học của mình xuống để làm bằng chứng cho thấy sự phục tùng vui vẻ trước số phận. Là một biểu hiện tự phát của thiện chí từ phía những người bạn trẻ này vừa mới rời ghế nhà trường, điều này làm tôi rất hài lòng, và tôi không khỏi nhận thấy rằng dư luận giữa họ là một điều lành mạnh và đáng ghen tị.

SPORT

Unfortunately the amusements of adults are not always as harmless and wholesome as those of children. There is nothing to be said against cricket or golf; and rowing and swimming are always admirable, as bringing the etheric, astral and mental bodies into closer contact with the

THỂ THAO

Thật không may, những thú vui của người lớn không phải lúc nào cũng vô hại và lành mạnh như những thú vui của trẻ em. Không có gì để nói chống lại môn cricket hoặc gôn; và chèo thuyền và bơi lội luôn rất đáng ngưỡng mộ, vì nó đưa thể dĩ thái, thể cảm dục và thể trí tiếp xúc gần hơn với

nature-spirits of the water and their influences, which make an agreeable contrast with those to be found upon land. Still more is this true if the swimming is done in the sea, for the variety there is greater. Such change of impressions is always good, as it sets in vibration new parts of the various bodies, and so adds greatly to their general health.

các tinh linh tự nhiên của nước và ảnh hưởng của chúng, tạo nên sự tương phản thú vị với những thứ được tìm thấy trên đất liền. Điều này càng đúng hơn nếu việc bơi lội được thực hiện trên biển, vì sự đa dạng ở đó lớn hơn. Sự thay đổi ấn tượng như vậy luôn tốt, vì nó tạo ra sự rung động cho các bộ phận mới của các thể khác nhau, và do đó làm tăng thêm sức khỏe tổng thể của chúng.

But it is impossible to reprobate too strongly the revolting cruelty that is sometimes misnamed sport. Needless to say, the crime connected with the murder of defenceless animals far outweighs any benefit that may be incidentally derived from fresh air and exercise. The whole thing is horrible beyond words, and it is difficult to understand how it is possible for civilised and otherwise kind-hearted people to take part in such abomination—and not only to take part in them, but even apparently to enjoy the bloodshed and the cruelty, and to vie with one another in the diabolical work of destruction. No country in which such things happen can claim to be really civilised, and we cannot doubt that when our descendants look back on this period they will find it incredible that we actually indulged in such wholesale and gratuitous barbarities.

Nhưng không thể trách cứ quá mạnh mẽ sự tàn ác ghê tởm mà đôi khi bị gọi sai là thể thao. Không cần phải nói, tội ác liên quan đến việc sát hại các loài động vật không có khả năng tự vệ lớn hơn nhiều so với bất kỳ lợi ích nào có thể có được từ không khí trong lành và tập thể dục. Toàn bộ sự việc thật kinh khủng không thể diễn tả được, và thật khó hiểu làm sao những người văn minh và tốt bụng lại có thể tham gia vào sự ghê tởm như vậy — và không chỉ tham gia vào chúng, mà thậm chí còn có vẻ thích thú với cảnh đổ máu và sự tàn ác, và ganh đua với nhau trong công việc hủy diệt ma quỷ. Không một quốc gia nào mà những điều như vậy xảy ra có thể tuyên bố là thực sự văn minh, và chúng ta không thể nghi ngờ rằng khi con cháu chúng ta nhìn lại thời kỳ này, chúng sẽ thấy thật khó tin rằng chúng ta thực sự đã đắm chìm trong sự man rợ hàng loạt và vô cớ như vậy.

All forms of hunting incur similar reprobation. Even apart from the pain, misery and death inflicted upon the fox, the deer, the hare, or the otter, there is the whole question of the wickedness incurred in the training of dogs for such purposes. The dog is one of the domestic animals which are given into man's care in order that he may advance their evolution. He does not help it, but fatally hinders it, when he trains the animal to be more ferocious than the wolf or the tiger—when he teaches it to kill not for food, as do the wild beasts, but for the mere lust and pleasure of killing. This wanton destruction of the wonderful gift of life, "which all can take but none can give," will surely bring a heavy retribution on the individuals who take part in it, and on the country whose public opinion permits it.

Tất cả các hình thức săn bắn đều phải chịu sự chỉ trích tương tự. Ngay cả khi không tính đến nỗi đau, đau khổ và cái chết gây ra cho cáo, hươu, thỏ rừng hoặc rái cá, thì vẫn còn toàn bộ câu hỏi về sự độc ác trong việc huấn luyện chó cho những mục đích như vậy. Chó là một trong những loài động vật được giao cho con người chăm sóc để người đó có thể thúc đẩy sự tiến hóa của chúng. Người đó không giúp ích gì cho nó, mà còn cản trở nó một cách tai hại, khi người đó huấn luyện con vật trở nên hung dữ hơn sói hoặc hổ — khi người đó dạy nó giết không phải vì thức ăn, như các loài thú hoang, mà chỉ vì sự thèm muốn và thú vui giết chóc. Sự hủy diệt bừa bãi này đối với món quà tuyệt vời của sự sống, "mà tất cả đều có thể lấy đi nhưng không ai có thể ban tặng", chắc chắn sẽ mang lại một sự báo ứng nặng nề cho những cá nhân tham gia vào nó, và cho đất nước mà dư luận cho phép nó.

One terrible thing connected with this is that our children imitate our thoughtless cruelty, and so young souls who would naturally be kind and

Một điều khủng khiếp liên quan đến điều này là con cái chúng ta bắt chước sự tàn ác thiếu suy nghĩ của chúng ta, và do đó, những tâm hồn trẻ

helpful are led into the commission of these crimes. We can hardly wonder that a boy fishes or hunts, or sets his dog to kill some living creature, when he constantly sees his father doing the same thing. We so engrain cruelty into the young that even after their death it persists in the astral world, and we find the same tendency in the dead boy as in the living—to hunt something about, and to cause it pain and terror. True, unless the shameful example set before him has made him thoroughly wicked, it is easier in the astral world to invoke the boy's good feelings than it is on the physical, because there we can show him in a moment exactly what is the real sensation of the hunted creature, for it is apparent in changings and flashings of colour. So we can appeal directly to the boy's better nature by showing him precisely what he has been doing. In the astral world we have also the advantage that we can deflect the cruel hunting instinct and the passion for destruction into the safe and useful channel of breaking up horrible thought-forms, such as those of devils, which are made by the unfortunate people who suffer under the curse of Calvinistic or similarly blasphemous religious teaching. These thought-forms, though not dangerous when understood, are often a source of great terror to the ignorant, and as they have no real evolving life in them, there is no sin involved in destroying them. Such work develops both chivalry and courage in the boy, inducing him to go about as a knight-errant, helping and protecting the weak, and facing for their sake what appear to him the most formidable odds.

tuổi vốn dĩ tốt bụng và hay giúp đỡ bị dẫn dắt vào việc thực hiện những tội ác này. Chúng ta khó có thể ngạc nhiên khi một cậu bé câu cá hoặc săn bắn, hoặc sai con chó của mình giết một sinh vật sống nào đó, khi cậu bé liên tục nhìn thấy cha mình làm điều tương tự. Chúng ta ăn sâu sự tàn ác vào những người trẻ tuổi đến nỗi ngay cả sau khi họ chết, nó vẫn tồn tại trong thế giới thể cảm dục, và chúng ta thấy xu hướng tương tự ở cậu bé đã chết như ở người đang sống — săn lùng thứ gì đó xung quanh và gây ra cho nó đau đớn và sợ hãi. Đúng vậy, trừ khi tấm gương xấu hổ được đặt trước cậu bé đã khiến cậu bé trở nên hoàn toàn xấu xa, thì việc khơi gợi những cảm xúc tốt đẹp của cậu bé trong thế giới thể cảm dục dễ dàng hơn so với trên cõi vật chất, bởi vì ở đó chúng ta có thể cho cậu bé thấy chính xác cảm giác thực sự của sinh vật bị săn đuổi là gì, vì nó thể hiện rõ ràng trong sự thay đổi và lóe sáng của màu sắc. Vì vậy, chúng ta có thể tác động trực tiếp đến bản chất tốt đẹp hơn của cậu bé bằng cách cho cậu bé thấy chính xác những gì cậu bé đã làm. Trong thế giới thể cảm dục, chúng ta cũng có lợi thế là chúng ta có thể chuyển hướng bản năng săn mồi tàn ác và niềm đam mê hủy diệt vào kênh an toàn và hữu ích là phá vỡ các hình tư tưởng khủng khiếp, chẳng hạn như các hình tư tưởng của ma quỷ, được tạo ra bởi những người không may mắn phải chịu đựng lời nguyền của giáo lý Calvin hoặc những giáo lý tôn giáo báng bổ tương tự. Những hình tư tưởng này, mặc dù không nguy hiểm khi được hiểu, nhưng thường là nguồn gốc của nỗi kinh hoàng lớn đối với những người thiếu hiểu biết, và vì chúng không có sự sống tiến hóa thực sự trong đó, nên không có tội lỗi nào liên quan đến việc phá hủy chúng. Công việc như vậy phát triển cả tinh thần hiệp sĩ và lòng dũng cảm ở cậu bé, khiến cậu bé đi khắp nơi như một hiệp sĩ lang thang, giúp đỡ và bảo vệ kẻ yếu, và đối mặt với những gì có vẻ như là tỷ lệ cược ghê gớm nhất đối với họ.

FISHING

Fishing is another manifestation of the lust for slaughter, and many people indulge in this who would recoil from other forms of enjoyment in which the bloodshed is more obvious, for here, instead of killing or crippling a bird by a shot, they only take the creature out of its element and leave it to die slowly by suffocation. Difficult though it is to understand how it can be so, I

CÂU CÁ

Câu cá là một biểu hiện khác của sự thèm muốn giết chóc, và nhiều người đam mê điều này sẽ chùn bước trước những hình thức hưởng thụ khác mà ở đó cảnh đổ máu rõ ràng hơn, bởi vì ở đây, thay vì giết hoặc làm què một con chim bằng một phát súng, họ chỉ cần bắt sinh vật ra khỏi môi trường của nó và để nó chết dần chết mòn vì ngạt thở. Mặc dù khó hiểu tại sao lại như vậy, nhưng

really believe that most of this atrocious cruelty is simple thoughtlessness, and the baneful effect of the collective thought-forms clustering round a custom which has come down to us from the barbarous times of the Dark Ages.

tôi thực sự tin rằng phần lớn sự tàn ác kinh hoàng này chỉ đơn giản là sự thiếu suy nghĩ, và tác động tai hại của các hình tư tưởng tập thể bám lấy một phong tục đã truyền lại cho chúng ta từ thời man rợ của Thời kỳ đen tối.

HORSE-RACING

Horse-racing, again, is another so-called sport for which there can be nothing but condemnation. The mere running of horses against one another, if they are not struck or otherwise ill-treated, is no more objectionable than a race between boys, or men; but as matters stand now, the whole mass of ideas which cluster round the turf is objectionable to the highest degree, and from the occult point of view the atmosphere of a race-course is a veritable hell. All the cheating and trickery, all the mad anxiety and avarice, all the hatred and deliberate falsehood, make the whole scene an indescribable nightmare of horrors. Yet decent men will show themselves in such a place and, even worse still, will subject their wives and daughters to its appallingly evil magnetism. Ignorance again, of course, and thoughtlessness; in intention nothing worse than that; but the results are serious nevertheless.

ĐUA NGỰA

Một lần nữa, đua ngựa là một môn thể thao được gọi là khác mà không có gì ngoài sự lên án. Việc ngựa chạy đua với nhau, nếu chúng không bị đánh hoặc ngược đãi, cũng không có gì phản cảm hơn một cuộc đua giữa các chàng trai, hoặc đàn ông; nhưng như vấn đề hiện nay, toàn bộ khối lượng ý tưởng bám lấy thảm cỏ là điều phản đối ở mức độ cao nhất, và từ quan điểm huyền bí học, bầu không khí của trường đua thực sự là một địa ngục. Tất cả sự gian lận và lừa lọc, tất cả sự lo lắng và tham lam điên cuồng, tất cả sự thù hận và dối trá có chủ ý, khiến toàn bộ khung cảnh trở thành một cơn ác mộng kinh hoàng không thể tả. Tuy nhiên, những con người tử tế sẽ xuất hiện ở một nơi như vậy và thậm chí còn tồi tệ hơn, sẽ khiến vợ và con gái của họ phải chịu từ tính xấu xa đến kinh ngạc của nó. Tất nhiên, sự thiếu hiểu biết một lần nữa, và sự thiếu suy nghĩ; trong ý định không có gì tệ hơn thế; nhưng dù sao thì kết quả cũng rất nghiêm trọng.

GAMBLING

Everyone who takes part in horse-racing has his share of the responsibility of all the wickedness of the gambling connected with it, and of the ruin to thousands which it brings in its train. Even on the physical level the evils of gambling and of betting are surely obvious enough; but with the added sight of higher worlds they are a hundred times more objectionable. Men plunge into this foolishness presumably for excitement; but this is a form of excitement which arouses all the worst passions of men, and can do nothing but harm to them, for the moral effect on the man who wins is usually at least as evil as upon him who loses.

Readers of *Thought-Forms* will remember the awful pictures there given of the thought-forms of the winner and of the loser; those who can see such things for themselves will need no one to inform them of the evils of gambling. It can never be anything but evil in any of its forms; but, if one

CỜ BẠC

Mọi người tham gia đua ngựa đều phải chịu trách nhiệm về tất cả những điều xấu xa của việc đánh bạc liên quan đến nó, và về sự hủy hoại đối với hàng nghìn người mà nó mang lại. Ngay cả trên cõi vật chất, tệ nạn cờ bạc và cá cược chắc chắn đã quá rõ ràng; nhưng với tầm nhìn bổ sung của các thế giới cao hơn, chúng còn khó chịu hơn gấp trăm lần. Đàn ông lao vào sự ngu ngốc này có lẽ là vì sự phấn khích; nhưng đây là một hình thức phấn khích khơi dậy tất cả những đam mê tồi tệ nhất của con người, và không thể làm gì khác ngoài việc gây hại cho họ, vì ảnh hưởng về mặt đạo đức đối với người thắng thường ít nhất cũng xấu xa như đối với người thua cuộc.

Độc giả của *Hình tư tưởng* sẽ nhớ những bức tranh khủng khiếp được đưa ra ở đó về hình tư tưởng của người thắng và người thua; những người có thể tự mình nhìn thấy những điều như vậy sẽ không cần ai thông báo cho họ về tệ nạn cờ bạc. Nó không bao giờ có thể là bất cứ điều gì khác

must pronounce between them, the kind which is pursued at the notorious Casino of Monte Carlo is decidedly the less objectionable of the two, for there the gambling is at least fair, and the victim knows his chances beforehand; also, he wins or loses to an impersonal entity—the bank, and, so does not obviously and intentionally ruin his fellow-men.

ngoài tội ác dưới mọi hình thức của nó; nhưng, nếu người ta phải phát biểu giữa chúng, thì loại được theo đuổi tại Sòng bạc khét tiếng ở Monte Carlo chắc chắn là ít gây khó chịu hơn trong hai loại, vì ở đó, ít nhất việc đánh bạc là công bằng, và nạn nhân biết trước cơ hội của mình; ngoài ra, người đó thắng hoặc thua một thực thể phi cá nhân — ngân hàng, và do đó, không rõ ràng và cố ý hủy hoại đồng loại của mình.

From the occult point of view, betting, alcohol-drinking, corpse-eating and the slaughter of living creatures in sport, are the great blots upon the fair fame of the English nation. If those could be removed we should have made several long steps on the way towards civilisation.

Theo quan điểm huyền bí học, cá cược, uống rượu, ăn xác chết và giết hại các sinh vật sống trong thể thao là những vết nhơ lớn trên danh tiếng của quốc gia Anh. Nếu những điều đó có thể được loại bỏ, chúng ta sẽ tiến được một số bước dài trên con đường hướng tới nền văn minh.

Although occultism has nothing but unequivocal condemnation for all forms of so-called sport, which in any way whatever injure any living creature, it has not a vestige of the puritan point of view that everything which gives pleasure is necessarily wrong. On the contrary, the promotion of pleasure ranks in the mind of the occultist next to the promotion of progress. It is good to give pleasure to anyone; it is far better still to help him on the path of progress; but it is best of all when it is possible to combine the two. So the occultist welcomes harmless amusement; his only proviso is that it *shall* be harmless—that it shall not involve pain or suffering or even discomfort or ridicule for any living being.

Mặc dù huyền bí học không có gì ngoài sự lên án rõ ràng đối với tất cả các hình thức được gọi là thể thao, gây tổn hại cho bất kỳ sinh vật sống nào dưới bất kỳ hình thức nào, nhưng nó không có chút dấu vết nào của quan điểm thanh giáo rằng mọi thứ mang lại niềm vui nhất thiết đều sai trái. Ngược lại, việc thúc đẩy niềm vui được xếp hạng trong tâm trí của người theo huyền bí học bên cạnh việc thúc đẩy sự tiến bộ. Mang lại niềm vui cho bất kỳ ai là điều tốt; còn tốt hơn nữa là giúp người đó trên con đường tiến bộ; nhưng tốt nhất là khi có thể kết hợp cả hai. Vì vậy, người theo huyền bí học hoan nghênh những trò giải trí vô hại; điều kiện duy nhất của người đó là nó phải vô hại — rằng nó sẽ không gây ra đau đớn hoặc đau khổ hoặc thậm chí là khó chịu hoặc chế giễu đối với bất kỳ sinh vật sống nào.

THE THEATRE

NHÀ HÁT

The hidden side of a performance at the theatre depends entirely upon the nature of the performance. The passions portrayed by the actors, not being in any sense real, produce practically no effect on higher matter, but unfortunately there seems to be not infrequently a great deal of conceit connected with acting, and a great deal of jealousy of other actors. So far as these exist they represent undesirable influences. The principal effect to be seen at a theatre is the result of the feelings excited in the audience, and these again depend upon the character of the play.

Mặt khuất của một buổi biểu diễn tại nhà hát hoàn toàn phụ thuộc vào bản chất của buổi biểu diễn. Những đam mê do các diễn viên thể hiện, không có ý nghĩa thực sự, thực tế không tạo ra tác động nào đến vật chất cao hơn, nhưng thật không may, dường như không thường xuyên có rất nhiều sự tự phụ liên quan đến diễn xuất, và rất nhiều sự ghen tị với các diễn viên khác. Theo như những điều này tồn tại, chúng đại diện cho những ảnh hưởng không mong muốn. Hiệu ứng chính có thể thấy tại một nhà hát là kết quả của những cảm xúc bị kích động trong khán giả, và những điều này lại phụ thuộc vào tính cách của vở kịch.

There seems almost always to be an undercurrent of sensuality directed towards the principal actresses, but the people who make-up the majority of the audience usually follow the plot of the play and feel a mild amount of hatred for the villain and a sort of gentle pleasure when the hero succeeds in over-throwing his machinations. There are some ingenuous people who really throw themselves heart and soul into the play—to whom it is for the time exactly like real life. These send out strong emotions of various kinds as the play progresses, but usually their number is not sufficient to count for much in the general aura of the theatre. There are unfortunately many modern plays which are in themselves of a highly objectionable nature, and the thought-forms of those who patronise them are naturally unpleasant in character.

Dường như hầu như luôn có một dòng chảy ngầm của nhục dục hướng về các nữ diễn viên chính, nhưng những người tạo nên phần lớn khán giả thường theo dõi cốt truyện của vở kịch và cảm thấy một chút thù hận đối với nhân vật phản diện và một loại nhẹ nhàng. niềm vui khi người anh hùng thành công trong việc lật đổ âm mưu của mình. Có một số người ngây thơ thực sự dồn hết tâm sức vào vở kịch — đối với họ, nó giống hệt như cuộc sống thực. Những người này gửi ra những cảm xúc mạnh mẽ thuộc nhiều loại khác nhau khi vở kịch diễn ra, nhưng thường thì số lượng của họ không đủ để tính đến nhiều trong hào quang chung của nhà hát. Thật không may, có rất nhiều vở kịch hiện đại có bản chất rất khó chịu, và các hình tư tưởng của những người bảo trợ cho chúng đương nhiên có tính cách khó chịu.

One may sum up the matter by saying that to many people a visit to the theatre is like the reading of a novel, but it presents the different characters to them in a manner which makes them more real to them. There are others, on the other hand (perhaps more imaginative people), who when they read a story make for themselves thought-forms of all the characters, and these forms seem to them far more vivid and suitable than any representation in the theatre can be. Such people are always disappointed when they go to see a dramatised representation of one of their favourite stories.

Người ta có thể tóm tắt vấn đề bằng cách nói rằng đối với nhiều người, việc đến nhà hát giống như việc đọc một cuốn tiểu thuyết, nhưng nó thể hiện các nhân vật khác nhau với họ theo cách khiến họ trở nên chân thực hơn đối với họ. Mặt khác, có những người khác (có lẽ là những người giàu trí tưởng tượng hơn), khi họ đọc một câu chuyện, họ tự tạo ra các hình tư tưởng cho tất cả các nhân vật, và những hình thức này đối với họ có vẻ sống động và phù hợp hơn bất kỳ sự thể hiện nào trong rạp hát. Những người như vậy luôn thất vọng khi họ đi xem một vở kịch được dựng thành phim của một trong những câu chuyện yêu thích của họ.

Others who have not the power of imagination to clothe the characters with definite forms for themselves are very glad to have this done for them by the dramatist's art. For these—and they are the majority of theatre-goers—a visit to the theatre is no more harmful than the reading of a novel, except for the necessary unpleasant surroundings—the tinge of sensuality in the audience, and of conceit and jealousy in the actors, to which I have previously referred, and the spending of a couple of hours in a vitiated atmosphere and in the midst of a more or less excited crowd. From the occult point of view these latter considerations usually rather outweigh the advantage of any possible enjoyment that may be obtained from the performance.

Những người khác không có sức mạnh của trí tưởng tượng để khoác lên các nhân vật những hình thức xác định cho chính họ thì rất vui khi được nghệ thuật của nhà viết kịch làm điều này cho họ. Đối với những người này — và họ là phần lớn những người đi xem kịch — việc đến nhà hát cũng không có hại gì hơn việc đọc một cuốn tiểu thuyết, ngoại trừ môi trường xung quanh khó chịu cần thiết — sắc thái của nhục dục trong khán giả, và của sự tự phụ và ghen tị trong các diễn viên, mà tôi đã đề cập trước đó, và việc dành một vài giờ trong một bầu không khí ô uế và giữa một đám đông ít nhiều phấn khích. Theo quan điểm huyền bí học, những xem xét sau này thường lớn hơn lợi thế của bất kỳ sự hưởng thụ nào có thể có được từ buổi biểu diễn.

FOURTH SECTION—PHẦN IV

HOW WE INFLUENCE OTHERS—CHÚNG TA ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGƯỜI KHÁC NHƯ THẾ NÀO

CHAPTER XVIII - BY WHAT WE ARE— BỞI NHỮNG GÌ CHÚNG TA LÀ

THE INTERRELATION OF MEN

WE have been examining the influences to which we are liable, and we have also considered how, by reactions which we do not notice, we are constantly influencing ourselves. Now we come to the third great branch of our subject, the question of how we influence others. What has been already said is sufficient to show us that invariably we must influence them, whether we wish to do so or not; for if, as we have already seen, all these varied influences are constantly playing upon and affecting us, it is quite clear that what we do in our turn must be part of the influence which is acting on those near us. We are all so closely interrelated that no man can live his life to himself alone, and every thought or action is producing its result on others—not only because people see our actions in the physical world and imitate them, but because they are affected by the unseen radiation of the vibrations of our thoughts and feelings.

We influence people in three ways: by what we are; by what we think and desire; by what we say and do. First by what we are; because what we are expresses itself in our various vehicles, and they are constantly pouring out waves of influence which tend to reproduce themselves—that is, to infect other people. So whatever we wish other people to be, we ourselves must be first of all. What then is the idea which we should set before ourselves in this matter? Many would say "To be good," and of course that is the first consideration; but surely we may take that for granted. Anyone who has got so far as even to think about the duty of influencing the world, must by the hypothesis be trying his best to live a good life. Let us then assume the good intention and the earnest endeavour, and let us see what we can do to improve the world around us by our example. I think the first point is the duty of happiness and peace.

SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA CON NGƯỜI

Chúng ta đã xem xét những ảnh hưởng mà chúng ta có thể gặp phải, và chúng ta cũng đã xem xét cách thức, bằng những phản ứng mà chúng ta không nhận thấy, chúng ta liên tục tự ảnh hưởng đến bản thân. Bây giờ chúng ta đến với nhánh thứ ba của chủ đề, câu hỏi về cách chúng ta ảnh hưởng đến người khác. Những gì đã nói là đủ để cho chúng ta thấy rằng chắc chắn chúng ta phải ảnh hưởng đến họ, cho dù chúng ta có muốn hay không; bởi vì nếu, như chúng ta đã thấy, tất cả những ảnh hưởng đa dạng này liên tục tác động và ảnh hưởng đến chúng ta, thì rõ ràng là những gì chúng ta làm đến lượt mình phải là một phần của ảnh hưởng đang tác động đến những người gần chúng ta. Tất cả chúng ta đều có mối quan hệ mật thiết với nhau đến nỗi không ai có thể sống cuộc sống của riêng mình, và mọi suy nghĩ hoặc hành động đều tạo ra kết quả của nó đối với người khác—không chỉ vì mọi người nhìn thấy hành động của chúng ta trong thế giới vật chất và bắt chước chúng, mà còn vì họ bị ảnh hưởng bởi sự bức xạ vô hình của những rung động từ suy nghĩ và cảm xúc của chúng ta.

Chúng ta ảnh hưởng đến mọi người theo ba cách: bằng con người của chúng ta; bằng những gì chúng ta nghĩ và mong muốn; bằng những gì chúng ta nói và làm. Đầu tiên bằng con người của chúng ta; bởi vì con người của chúng ta thể hiện trong các phương tiện khác nhau của chúng ta, và chúng liên tục tuôn ra những làn sóng ảnh hưởng có xu hướng tự tái tạo—nghĩa là lây nhiễm sang người khác. Vì vậy, bất cứ điều gì chúng ta muốn người khác trở thành, trước hết chúng ta phải trở thành điều đó. Vậy thì ý tưởng mà chúng ta nên đặt ra cho bản thân trong vấn đề này là gì? Nhiều người sẽ nói "Trở nên tốt đẹp," và tất nhiên đó là điều cần xem xét đầu tiên; nhưng chắc chắn chúng ta có thể coi đó là điều hiển nhiên. Bất cứ ai đã đi xa đến mức thậm chí nghĩ về nhiệm vụ ảnh hưởng đến thế giới, theo giả thuyết, phải cố gắng hết sức để sống một cuộc sống tốt đẹp. Vậy thì chúng ta hãy giả định ý định tốt và nỗ lực nghiêm túc, và chúng ta hãy xem những gì chúng ta có thể làm để cải thiện thế giới xung quanh bằng tấm gương của mình. Tôi nghĩ điểm đầu tiên là nhiệm vụ của hạnh phúc và hòa bình.

THE DUTY OF HAPPINESS

Let us take happiness first. Unquestionably the Deity means man to be happy. Happiness is a duty; I do not mean merely philosophical calm, though assuredly that is a good thing; I mean active happiness. It is a duty, not only to the Divine Power and to ourselves, but also to others, as I shall presently show; and it is a duty not difficult of accomplishment, if we will only exercise the inestimable faculty of common sense. Yet the majority of men and women are obviously often unhappy; why?

Unhappiness is a mental condition, so the suffering which comes from sickness or accident is not strictly part of our subject, yet there is often a mental side even to that, which may be greatly minimised by the application of reason. Eternal Justice rules the world, and therefore nothing can, by any possibility, happen to us that we have not deserved; and as that eternal Justice is also eternal Love, everything that happens to us is intended to help us forward in our development, and is capable of doing so, if we will only take it in the right way and try to learn the lesson which it is meant to teach. Since this is true—and those who have probed most deeply into the mysteries of life and death know that it is—to grumble or to repine at suffering is manifestly not only to waste much force uselessly, but also to take an entirely inaccurate and foolish view of life, and to lose what is designed as an opportunity.

Let us consider some of the more frequent causes of this prevalent unhappiness, in order to see how it can be avoided. Man has displayed exceeding ingenuity in inverting reasons for being miserable, but most of them can be classed under one or other of four heads—desire, regret, fear and worry.

Desire —Much unhappiness arises because people are perpetually yearning for what they have not—for riches, for fame, for power, for social position, for success in all sorts of

NHIỆM VỤ CỦA HẠNH PHÚC

Trước hết chúng ta hãy nói về hạnh phúc. Chắc chắn Thượng đế muốn con người được hạnh phúc. Hạnh phúc là một nhiệm vụ; Tôi không chỉ có ý nói đến sự bình tĩnh triết học, mặc dù chắc chắn đó là một điều tốt; Tôi muốn nói đến hạnh phúc tích cực. Đó là một nhiệm vụ, không chỉ đối với Quyền năng Thiêng liêng và đối với bản thân chúng ta, mà còn đối với những người khác, như tôi sẽ trình bày ngay sau đây; và đó là một nhiệm vụ không khó để hoàn thành, nếu chúng ta chỉ vận dụng năng mãnh lực vô giá của lương tri. Tuy nhiên, phần lớn những con người và phụ nữ rõ ràng thường không hạnh phúc; tại sao?

Bất hạnh là một trạng thái tinh thần, vì vậy đau khổ đến từ bệnh tật hoặc tai nạn không hẳn là một phần trong chủ đề của chúng ta, tuy nhiên thường có một mặt tinh thần ngay cả đối với điều đó, điều này có thể được giảm thiểu rất nhiều bằng cách áp dụng lý trí. Công lý Vĩnh cửu cai trị thế giới, và do đó không có gì, bằng bất kỳ khả năng nào, có thể xảy ra với chúng ta mà chúng ta không đáng phải chịu; và vì Công lý vĩnh cửu đó cũng là Tình yêu thương vĩnh cửu, nên mọi thứ xảy ra với chúng ta đều nhằm mục đích giúp chúng ta tiến lên trong quá trình phát triển của mình, và có khả năng làm như vậy, nếu chúng ta chỉ đón nhận nó theo cách đúng đắn và cố gắng học bài học mà nó muốn dạy. Vì điều này là đúng —và những người đã dò xét sâu nhất vào những bí ẩn của sự sống và cái chết đều biết rằng đó là— thì việc càu nhàu hoặc phàn nàn về đau khổ rõ ràng là không chỉ lãng phí rất nhiều năng lượng một cách vô ích, mà còn có một cái nhìn hoàn toàn không chính xác và ngu ngốc về cuộc sống, và đánh mất những gì được thiết kế như một cơ hội.

Chúng ta hãy xem xét một số nguyên nhân thường gặp hơn của tình trạng bất hạnh phổ biến này, để xem làm thế nào để tránh nó. Con người đã thể hiện sự khéo léo tột bậc trong việc đảo ngược lý do để trở nên khốn khổ, nhưng hầu hết chúng đều có thể được xếp vào một trong bốn loại —khao khát, hối tiếc, sợ hãi và lo lắng.

Khao khát—Nhiều nỗi bất hạnh nảy sinh vì mọi người không ngừng khao khát những gì họ không có—của cải, danh vọng, quyền mãnh lực, địa vị xã hội, thành công trong tất cả các loại công việc. Tôi

undertakings. I do not forget that contentment may sometimes denote stagnation, and that what has been called "divine discontent" is a prerequisite to progress. That we should unceasingly endeavour to improve ourselves, to better our position, to augment our power of helpfulness to others—all this is good and estimable, and tends to our evolution; but most of our discontent is anything but divine, because it is not a desire for improvement and usefulness, but rather a mere selfish craving for the personal enjoyment that we expect to derive from riches or from the exercise of power; and that is why so much misery results from it. Press forward, indeed, as ardently as you will; but be happy in your pressing, be cheery under failure, and never be too busy to hold out a helping hand to your fellow-pilgrim.

không quên rằng sự bằng lòng đôi khi có thể biểu thị sự trì trệ, và cái được gọi là "sự bất mãn thiêng liêng" là điều kiện tiên quyết để tiến bộ. Rằng chúng ta nên không ngừng nỗ lực để cải thiện bản thân, cải thiện vị trí của mình, tăng cường sức mạnh giúp đỡ người khác—tất cả những điều này đều tốt đẹp và đáng quý, và có xu hướng tiến hóa của chúng ta; nhưng hầu hết sự bất mãn của chúng ta đều không phải là thần thánh, bởi vì nó không phải là mong muốn cải thiện và hữu ích, mà đúng hơn là một khao khát ích kỷ về sự hưởng thụ cá nhân mà chúng ta mong đợi có được từ sự giàu có hoặc từ việc thực thi quyền mãnh lực; và đó là lý do tại sao rất nhiều đau khổ là kết quả của nó. Thật vậy, hãy tiến về phía trước một cách hăng hái nhất có thể; nhưng hãy hạnh phúc trong sự thúc ép của bạn, hãy vui vẻ khi thất bại và đừng bao giờ quá bận rộn để chìa một tay giúp đỡ người bạn đồng hành của mình.

Among the most poisonous of the manifold forms of this great weed desire, are those called envy and jealousy. If men would only learn to mind their own business and leave other people alone, many fertile sources of unhappiness would disappear. What is it to you that another man has more money or a larger house, that he keeps more servants or owns better horses, or that his wife is able to indulge in more astonishing vagaries of millinery and dressmaking? All these things afford him a certain kind of opportunity—a test of his capacity for using them aright; he may be succeeding or he may be failing, but in any case you are not his judge, and your business is clearly not to waste your time in criticising and envying him, but to be quite sure that you yourself are fulfilling to the uttermost the duties which appertain to your own state of life.

Trong số nhiều dạng độc hại nhất của loài cỏ dại khao khát này, có những thứ được gọi là ghen tị và đố kỵ. Nếu con người chỉ học cách lo việc của mình và để người khác yên, thì nhiều nguồn gốc sinh ra bất hạnh sẽ biến mất. Việc một người khác có nhiều tiền hơn hoặc một ngôi nhà lớn hơn, rằng họ có nhiều người hầu hơn hoặc sở hữu những con ngựa tốt hơn, hoặc rằng vợ của họ có thể tận hưởng nhiều điều kỳ lạ hơn về đồ may mặc và may vá thì có liên quan gì đến bạn? Tất cả những điều này mang lại cho họ một loại cơ hội nhất định—một bài kiểm tra về khả năng sử dụng chúng đúng cách của họ; họ có thể đang thành công hoặc có thể đang thất bại, nhưng dù sao thì bạn cũng không phải là người phán xét họ, và rõ ràng công việc của bạn không phải là lãng phí thời gian để chỉ trích và ghen tị với họ, mà là phải hoàn toàn chắc chắn rằng bản thân bạn đang hoàn thành một cách trọn vẹn nhất những nhiệm vụ thuộc về trạng thái cuộc sống của chính bạn.

Perhaps of all the passions which poor human nature cherishes, jealousy is the most ridiculous. It pretends to love fervently, and yet objects that any other should share its devotion; whereas unselfish affection but rejoices the more when it finds the object of its adoration universally appreciated. Jealousy loathes, above all things, to see evidence of the fondness of for its idol, and yet it is always eagerly watching for

Có lẽ trong tất cả những đam mê mà bản chất con người tội nghiệp ấp ủ, thì ghen tuông là điều nực cười nhất. Nó giả vờ yêu tha thiết, nhưng lại phản đối việc bất kỳ ai khác chia sẻ sự tận tâm của nó; trong khi tình cảm vị tha chỉ vui mừng hơn khi thấy đối tượng mà nó tôn thờ được mọi người đánh giá cao. Ghen tuông ghét nhất là nhìn thấy bằng chứng về sự yêu thích dành cho thần tượng của nó, nhưng nó luôn háo hức theo dõi để xác

confirmation of its suspicions, and will take any amount of trouble to prove to itself the existence of what most it hates! See then how much utterly unnecessary unhappiness is escaped by the man who is strong enough and sensible enough to mind his own business, and refuses absolutely to be drawn into the meshes either of envy or jealousy.

nhận những nghi ngờ của mình, và sẽ không ngại khó khăn để tự chứng minh sự tồn tại của thứ mà nó ghét nhất! Vậy thì hãy xem có bao nhiêu nỗi bất hạnh hoàn toàn không cần thiết đã thoát khỏi người đủ mạnh mẽ và đủ tỉnh táo để lo việc của mình, và hoàn toàn từ chối bị cuốn vào lưới của sự ghen tị hoặc đố kỵ.

Curb desire and cultivate contentment; let your wants be few and simple and your ambitions for progress and usefulness rather than for possessions; and you will find that you have eliminated one of the most fruitful and potent causes of misery.

Hãy kiềm chế ham muốn và trau dồi sự bằng lòng; hãy để cho những nhu cầu của bạn ít và đơn giản và tham vọng của bạn hướng đến sự tiến bộ và hữu ích hơn là hướng đến của cải; và bạn sẽ thấy rằng bạn đã loại bỏ một trong những nguyên nhân gây ra đau khổ hiệu quả và mạnh mẽ nhất.

Regret —It is pitiable to think how many thousands every day are suffering needless, hopeless, useless agonies of regret. You had money perhaps, and it is gone; you had a position, and you have lost it. That is no reason why you should squander your strength and your time in unavailing lamentation. Start at once to earn more money, to make for yourself another position. "Let the dead past bury its dead," and turn your thought to the future.

Hối tiếc—Thật đáng thương khi nghĩ rằng mỗi ngày có hàng ngàn người đang phải chịu đựng những nỗi đau hối tiếc không cần thiết, vô vọng, vô ích. Có lẽ bạn đã có tiền, và nó đã biến mất; bạn đã có một vị trí, và bạn đã mất nó. Đó không phải là lý do tại sao bạn nên phung phí sức mãnh lực và thời gian của mình vào những lời than thở vô ích. Hãy bắt đầu ngay lập tức để kiếm thêm tiền, để tạo cho mình một vị trí khác. "Hãy để quá khứ chết chôn vùi người chết của nó," và hướng suy nghĩ của bạn đến tương lai.

Yes, and this is true even though the loss has been caused by your own fault, even though that which you regret be a sin. You may have failed, as many a man before you has failed, but you have no time to waste in remorse. If you have fallen, do not lie mourning in the mud, but get up at once, and go on your way more circumspectly. Set your face forward, and push resolutely ahead. If you fall a thousand times—well, get up a thousand times and go on again; it is absolutely useless to sink discouraged by the way. There is just as much reason for the thousandth attempt as there was for the first, and if you persevere success is certain, for your strength grows by repeated effort. A Master once said: "The only repentance which is of the slightest value is determination not to commit the same sin again." The wise man is not he who never makes mistakes, but he who never makes the same mistake twice.

Vâng, và điều này đúng ngay cả khi mất mát là do lỗi của chính bạn, ngay cả khi điều mà bạn hối tiếc là một tội lỗi. Bạn có thể đã thất bại, như nhiều người trước bạn đã thất bại, nhưng bạn không có thời gian để lãng phí vào sự hối hận. Nếu bạn đã ngã xuống, đừng nằm than khóc trong bùn, mà hãy đứng dậy ngay lập tức và tiếp tục con đường của mình một cách thận trọng hơn. Hãy hướng mặt về phía trước và kiên quyết tiến lên. Nếu bạn ngã một nghìn lần—thì sao, hãy đứng dậy một nghìn lần và tiếp tục; việc chìm đắm trong sự chán nản bên đường là hoàn toàn vô ích. Nỗ lực lần thứ một nghìn cũng có lý do chính đáng như nỗ lực lần đầu tiên, và nếu bạn kiên trì thì chắc chắn sẽ thành công, vì sức mạnh của bạn tăng lên nhờ nỗ lực lặp đi lặp lại. Một Chân sư đã từng nói: "Sự ăn năn duy nhất có giá trị dù chỉ là nhỏ nhất là quyết tâm không tái phạm cùng một tội lỗi." Người thông thái không phải là người không bao giờ mắc sai lầm, mà là người không bao giờ mắc cùng một sai lầm hai lần.

The greatest of all regrets, I know full well, is that for "the touch of a vanished hand, and the sound of a voice that is still". Yet even that most sacred of sorrows may be dispelled, if we are willing to take the trouble to understand. When those whom we love pass from the sight of our physical eyes, we are no longer left gazing at a blank wall, clinging with desperate faith to nebulous uncertainty, hoping against hope for some far distant reunion, as were so many of our forefathers.

Tôi biết rất rõ, nỗi hối tiếc lớn nhất trong tất cả những nỗi hối tiếc là nỗi hối tiếc về "cái chạm của bàn tay đã biến mất và âm thanh của giọng nói vẫn còn đó". Tuy nhiên, ngay cả nỗi buồn thiêng liêng nhất đó cũng có thể được xua tan, nếu chúng ta sẵn sàng chịu khó để hiểu. Khi những người chúng ta yêu thương khuất bóng khỏi tầm mắt của chúng ta, chúng ta không còn nhìn chằm chằm vào một bức tường trống, bám víu với niềm tin tuyệt vọng vào sự không chắc chắn mơ hồ, hy vọng chống lại hy vọng về một cuộc đoàn tụ ở xa trong tương lai, như rất nhiều người trong số tổ tiên của chúng ta.

Science now treads where ignorance once resigned, and anyone who is ready to examine the available evidence may convince himself that death is but the stepping from one room into another, the gate of a higher and fuller life, and that we have not in any sense *lost* our friends, as we so often erroneously say, but have only lost for the time the power to see them. A little patient study of the facts soon enables us to turn from a selfish contemplation of this illusion of our bereavement to the glorious certainty which opens out before those who are so much dearer to us than ourselves; and thus one of the saddest of all forms of unhappiness is at least greatly mitigated, even when not entirely removed.

Khoa học giờ đây đang bước đi trên con đường mà sự ngu dốt đã từng từ bỏ, và bất kỳ ai sẵn sàng xem xét các bằng chứng sẵn có đều có thể tự thuyết phục bản thân rằng cái chết chỉ là bước từ phòng này sang phòng khác, là cánh cổng của một cuộc sống cao hơn và viên mãn hơn, và rằng chúng ta không hề mất đi bạn bè của mình theo bất kỳ nghĩa nào, như chúng ta thường nói một cách sai lầm, mà chỉ mất đi sức mạnh để nhìn thấy họ trong thời gian này. Một chút nghiên cứu kiên nhẫn về các sự kiện sẽ sớm cho phép chúng ta chuyển từ việc chiêm nghiệm một cách ích kỷ về ảo tưởng về sự mất mát của mình sang sự chắc chắn vinh quang mở ra trước những người thân yêu hơn chính chúng ta; và do đó, một trong những hình thức bất hạnh đáng buồn nhất được giảm thiểu rất nhiều, ngay cả khi không được loại bỏ hoàn toàn.

Fear —I suppose that only those who, like some of the clergy, have had special opportunities of knowing the inner side of men's lives, can be aware of the extent to which humanity suffers from the fear of death. Many a man who shows a brave front to the world, and laughs and smiles with the best, is yet groaning inwardly all the while under the oppression of a secret horror, knowing that death must come, dreading lest the sword should fall. Yet all this is quite unnecessary, and comes only from ignorance, as indeed does all fear; for those who comprehend death feel no dismay at its approach. They know that man does *not* die, but simply lays aside his body as one lays aside a worn-out suit of clothes; and to them one process is no more terrible than the other. The man who in this twentieth century does not yet know the facts about death,

Sợ hãi—Tôi cho rằng chỉ những người, giống như một số giáo sĩ, có cơ hội đặc biệt để biết mặt trong cuộc sống của con người, mới có thể nhận thức được mức độ mà nhân loại phải chịu đựng nỗi sợ hãi cái chết. Nhiều con người thể hiện một mặt trận dũng cảm trước thế giới, cười nói vui vẻ với những người giỏi nhất, nhưng vẫn rên rỉ trong lòng trước sự áp bức của nỗi kinh hoàng bí mật, biết rằng cái chết chắc chắn sẽ đến, sợ hãi rằng thanh kiếm sẽ rơi xuống. Tuy nhiên, tất cả những điều này là hoàn toàn không cần thiết, và chỉ đến từ sự thiếu hiểu biết, thực sự là tất cả nỗi sợ hãi; đối với những người hiểu cái chết không cảm thấy mất tinh thần khi nó đến gần. Họ biết rằng con người không chết, mà chỉ đơn giản là cởi bỏ thể xác của mình như người ta cởi bỏ một bộ quần áo cũ kỹ; và đối với họ, quá trình này không khủng khiếp hơn quá trình kia. Con người trong

is merely the man who has not taken the pains to look into the matter, and if he suffers from fear of that which does not exist, he has only himself to blame.

thế kỷ XX này vẫn chưa biết sự thật về cái chết, chỉ đơn giản là con người đã không chịu khó tìm hiểu vấn đề, và nếu họ phải chịu đựng nỗi sợ hãi về điều không tồn tại, thì họ chỉ có thể tự trách mình.

Many are haunted by the apprehension of loss of property, of lapsing into poverty. There are thousands who just manage to live upon such income as they can earn, but they feel that if through sickness or from any other cause supplies should fail them, they would at once be plunged into direct distress. Even when this danger is real, nothing is gained by brooding over it; this ever-present anxiety in no way helps them; they are no whit the safer because this terror hovers over them and darkens all their day.

Nhiều người bị ám ảnh bởi nỗi lo sợ mất tài sản, sa vào cảnh nghèo đói. Có hàng ngàn người chỉ xoay sở để sống bằng số tiền mà họ có thể kiếm được, nhưng họ cảm thấy rằng nếu vì bệnh tật hoặc vì bất kỳ lý do nào khác mà nguồn cung cấp bị cắt giảm, thì họ sẽ ngay lập tức rơi vào cảnh khốn cùng. Ngay cả khi mối nguy hiểm này là có thật, thì việc ấp ủ nó cũng chẳng thu được gì; sự lo lắng thường trực này không giúp ích gì cho họ; họ không an toàn hơn chút nào vì nỗi kinh hoàng này lơ lửng trên đầu họ và làm tối tăm cả ngày của họ.

These poor souls also should try to understand life, to grasp the purport of this great scheme of evolution of which they find themselves a part; for when once they comprehend a little of its plan they will realise that nothing comes by chance, but that truly all things work together for good, and so pain and trouble and sorrow cannot come unless they are needed, unless they have their part to play in the development that is to be. So they will look forward with hope instead of with fear, knowing that if they loyally do the best they can with each day as it passes, they will have nothing wherewith to reproach themselves, whatever the future may bring forth.

Những linh hồn đáng thương này cũng nên cố gắng hiểu cuộc sống, nắm bắt ý nghĩa của kế hoạch tiến hóa vĩ đại này mà họ thấy mình là một phần của nó; bởi vì một khi họ hiểu được một chút về kế hoạch của nó, họ sẽ nhận ra rằng không có gì xảy ra một cách tình cờ, mà thực sự tất cả mọi thứ đều hoạt động cùng nhau vì điều tốt đẹp, và do đó nỗi đau, rắc rối và buồn phiền không thể đến trừ khi chúng cần thiết, trừ khi chúng có vai trò của mình trong sự phát triển sắp xảy ra. Vì vậy, họ sẽ hướng về phía trước với hy vọng thay vì sợ hãi, biết rằng nếu họ trung thành làm hết sức mình với mỗi ngày trôi qua, thì họ sẽ không có gì phải tự trách mình, bất kể tương lai có ra sao.

Worry —The same considerations show us the futility of worry and grumbling. If the world be in God's hands, and if we are all working under His immutable laws, manifestly our business is to do our duty in our corner, and to try to move intelligently along with the mighty stream of advancement; but to grumble at the way in which it is working, or to worry as to how matters will turn out, is obviously the height of folly. How often we hear men say: "If it were not for the unfortunate circumstances which surround me, I should be a very fine fellow indeed; I would soon show you what I could do along this line or along that; but, cramped as I am, how can you expect anything from me?"

Lo lắng—Cùng một sự xem xét cho chúng ta thấy sự phù phiếm của việc lo lắng và càu nhàu. Nếu thế giới nằm trong tay của Thượng đế, và nếu tất cả chúng ta đều đang hoạt động theo những quy luật bất biến của Ngài, thì rõ ràng công việc của chúng ta là làm tròn bổn phận của mình trong góc của mình, và cố gắng di chuyển một cách thông minh cùng với dòng chảy tiến bộ hùng mạnh; nhưng việc càu nhàu về cách thức hoạt động của nó, hoặc lo lắng về việc mọi thứ sẽ diễn ra như thế nào, rõ ràng là đỉnh cao của sự ngu ngốc. Chúng ta thường nghe người ta nói: "Nếu không phải vì hoàn cảnh không may xung quanh tôi, thì tôi thực sự sẽ là một người rất tốt; Tôi sẽ sớm cho bạn thấy những gì tôi có thể làm theo hướng này hoặc theo hướng kia; nhưng, bị bó

buộc như tôi, làm sao bạn có thể mong đợi điều gì từ tôi?"

Now the man who talks in that way has no conception of the meaning of life. What each man would like best, no doubt, would be a set of circumstances which would give him a chance of using such powers as he already possesses, of showing what he can do. But we must remember that Nature wants to develop us in all directions, not in one only; and to that end we often find ourselves thrown into conditions where we *must* do the very thing that we would say we cannot do, in order that we may learn that lesson and unfold that power, which at present lies latent within us.

Bây giờ, người nói theo cách đó không có quan niệm về ý nghĩa của cuộc sống. Không nghi ngờ gì nữa, điều mà mỗi người muốn nhất là một tập hợp các hoàn cảnh sẽ cho họ cơ hội sử dụng những sức mạnh mà họ đã sở hữu, thể hiện những gì họ có thể làm. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng Tự nhiên muốn phát triển chúng ta theo mọi hướng, chứ không chỉ theo một hướng; và để đạt được điều đó, chúng ta thường thấy mình bị ném vào những điều kiện mà chúng ta phải làm chính xác điều mà chúng ta sẽ nói rằng chúng ta không thể làm, để chúng ta có thể học bài học đó và khai mở sức mạnh đó, mà hiện tại đang tiềm ẩn bên trong chúng ta.

So instead of sitting down and grumbling that we are under the control of adverse circumstances, our business is to get up and control the circumstances for ourselves. The weak man is the slave of his environment; the strong man learns how to dominate it, which is precisely what he is intended to do.

Vì vậy, thay vì ngồi xuống và càu nhàu rằng chúng ta đang bị kiểm soát bởi những hoàn cảnh bất lợi, thì công việc của chúng ta là đứng dậy và tự kiểm soát hoàn cảnh. Kẻ yếu là nô lệ của môi trường của mình; người mạnh mẽ học cách thống trị nó, chính xác là những gì họ muốn làm.

Then again, see how we worry ourselves about what others think of us, forgetting that what we do is no affair of theirs, so long as it does not interfere with them, and that their opinion is, after all, not of the slightest consequence. Our endeavour must be to do our duty as we see it, and to try to help our fellows whenever occasion presents itself; if your conscience approves your action, no other criticism need trouble you. It is to your Father in Heaven that you are responsible for your deeds, not to Mrs. So-and-so, who is peeping through the blind next door.

Sau đó, một lần nữa, hãy xem cách chúng ta lo lắng về những gì người khác nghĩ về mình, quên rằng những gì chúng ta làm không phải là việc của họ, miễn là nó không can thiệp vào họ, và suy cho cùng thì ý kiến của họ không phải là điều gì. Nỗ lực của chúng ta phải là làm tròn bổn phận của mình như chúng ta thấy, và cố gắng giúp đỡ đồng loại của mình bất cứ khi nào có dịp; nếu lương tâm của bạn chấp thuận hành động của bạn, thì không cần phải bận tâm đến bất kỳ lời chỉ trích nào khác. Bạn phải chịu trách nhiệm trước Cha của bạn trên Thiên đàng về những việc làm của mình, chứ không phải trước bà So-and-so, người đang nhìn trộm qua tấm rèm bên cạnh.

Perhaps the same worthy lady says something spiteful about you, and half-a-dozen kind friends take care to repeat and exaggerate it. If you are foolish you are mightily offended, and a feud is set on foot which may last for months and involve a host of innocent people; and then you actually try to throw the responsibility for all this silly unpleasantness on the shoulders of the neighbour at whose remark you chose to take offence! Use plain common sense for a moment,

Có lẽ cùng một người phụ nữ đáng kính đó nói điều gì đó ác ý về bạn, và nửa tá người bạn tốt bụng quan tâm đến việc lặp lại và phóng đại nó. Nếu bạn là một kẻ ngu ngốc, bạn sẽ bị xúc phạm ghê gớm, và một mối thù hận được hình thành có thể kéo dài hàng tháng trời và liên lụy đến rất nhiều người vô tội; và sau đó bạn thực sự cố gắng đổ trách nhiệm cho tất cả những điều khó chịu ngớ ngẩn này lên vai người hàng xóm mà bạn đã chọn để xúc phạm! Hãy sử dụng lương tri đơn

and just think how ridiculous that is.

giản trong giây lát, và chỉ cần nghĩ xem điều đó nực cười như thế nào.

In the first place, in nine cases out of ten, your neighbour didn' t say it at all, or didn' t mean it in the sense in which you take it, so that you are probably doing her a gross injustice. Even in the tenth case, when she really did say it and meant it, there was most likely some exasperating cause of which you know nothing; she may have been kept awake all night by a toothache or a restless baby! Surely it is neither kind nor dignified to take notice of a hasty word uttered under the influence of irritation. Of course it was quite wrong of her, and she ought to have exhibited the same angelic charity that you yourself always show; I am not defending her in the least; I am only suggesting that because she has done one foolish thing there is no real reason why you should do another.

Trước hết, trong chín trên mười trường hợp, hàng xóm của bạn hoàn toàn không nói điều đó, hoặc không có ý đó theo nghĩa mà bạn hiểu, do đó bạn có thể đang làm điều bất công lớn đối với cô ấy. Ngay cả trong trường hợp thứ mười, khi cô ấy thực sự nói điều đó và có ý đó, thì rất có thể có một số nguyên nhân gây khó chịu mà bạn không biết; cô ấy có thể đã bị đau răng hoặc một đứa trẻ quấy khóc khiến thức cả đêm! Chắc chắn là không tử tế cũng không có phẩm giá khi chú ý đến một lời nói vội vàng được thốt ra dưới ảnh hưởng của sự cáu kỉnh. Tất nhiên là cô ấy đã hoàn toàn sai, và đáng lẽ ra cô ấy phải thể hiện lòng bác ái giống như thiên thần mà bản thân bạn luôn thể hiện; Tôi hoàn toàn không bênh vực cô ấy; Tôi chỉ gợi ý rằng bởi vì cô ấy đã làm một điều ngu ngốc nên không có lý do thực sự nào để bạn làm điều ngu ngốc khác.

After all, what harm has she done you? It is *not* she who is responsible for your annoyance, but your own want of thought. What are her words but a mere vibration of the air? If you had not heard of them you would not have felt offended, and yet *her* part of the action would have been just the same. Therefore, the feeling of anger is *your* fault and not hers; you have unnecessarily allowed yourself to be violently excited by something which in reality is powerless to affect you. It is your own pride which has stirred up your passion, not her idle words. Think, and you will see that this is so. Simple, plain common sense, and nothing more; and yet how few people see clearly enough to take it in that way! And how much unhappiness might be avoided if we only used our brains more and our tongues less!

Xét cho cùng, cô ấy đã làm hại gì bạn? Không phải cô ấy là người chịu trách nhiệm cho sự khó chịu của bạn, mà là do chính bạn thiếu suy nghĩ. Lời nói của cô ấy chẳng qua chỉ là sự rung động của không khí? Nếu bạn chưa nghe nói về chúng, bạn sẽ không cảm thấy bị xúc phạm, nhưng phần hành động của cô ấy sẽ vẫn như vậy. Do đó, cảm giác tức giận là lỗi của bạn chứ không phải của cô ấy; bạn đã không cần thiết cho phép bản thân bị kích động dữ dội bởi một thứ mà trên thực tế không có sức mạnh để ảnh hưởng đến bạn. Chính lòng kiêu hãnh của bạn đã khơi dậy niềm đam mê của bạn, chứ không phải những lời nói nhàn rỗi của cô ấy. Hãy suy nghĩ, và bạn sẽ thấy rằng điều này là như vậy. Đơn giản, lương tri đơn giản, không hơn không kém; nhưng có bao nhiêu người nhìn thấy đủ rõ ràng để tiếp thu nó theo cách đó! Và biết bao nhiêu nỗi bất hạnh có thể tránh được nếu chúng ta chỉ sử dụng bộ não của mình nhiều hơn và lưỡi của mình ít hơn!

These considerations show us that the clouds of unhappiness can be dispelled by knowledge and reason; and it is unquestionably both our interest and our duty instantly and vigorously to set about that dispersion. It is our interest, since when that is done our lives will be longer and more fruitful; “a merry heart goes all the day; a sad one tires in a mile.” Make the best of

Những xem xét này cho chúng ta thấy rằng những đám mây bất hạnh có thể được xua tan bởi kiến thức và lý trí; và chắc chắn rằng cả lợi ích và nghĩa vụ của chúng ta là ngay lập tức và mạnh mẽ bắt tay vào việc phân tán đó. Đó là lợi ích của chúng ta, vì khi điều đó được thực hiện, cuộc sống của chúng ta sẽ dài hơn và hiệu quả hơn; “một trái tim vui vẻ sẽ đi được cả ngày; một trái tim buồn

everything, not the worst; watch for the good in the world, and not for the evil. Let your criticism be of that happy kind which pounces upon a pearl as eagerly as the average atrabilious critic flies at a flaw; and you have no idea how much easier and pleasanter your life will become. There is a beauty everywhere in Nature, if we will only look for it; there is always plenty of reason for gladness, if we will but search for it instead of trying to hunt out causes for grumbling.

bã sẽ mệt mỏi trong một dặm." Hãy làm cho mọi thứ trở nên tốt nhất, chứ không phải tồi tệ nhất; hãy quan sát những điều tốt đẹp trên thế giới, chứ không phải những điều xấu xa. Hãy để cho lời chỉ trích của bạn thuộc loại hạnh phúc, loại chỉ trích vồ lấy một viên ngọc trai một cách háo hức như nhà phê bình atrabilious trung bình vồ lấy một sai sót; và bạn không biết cuộc sống của bạn sẽ trở nên dễ dàng và dễ chịu hơn bao nhiêu. Có một vẻ đẹp ở khắp mọi nơi trong Tự nhiên, nếu chúng ta chỉ tìm kiếm nó; luôn có nhiều lý do để vui mừng, nếu chúng ta chỉ tìm kiếm nó thay vì cố gắng tìm ra nguyên nhân để càu nhàu.

It is our duty, for it is thoroughly well established that both happiness and misery are infectious. All who have studied these matters know that these waves of matter, finer than we can see, which are continually radiating from us in every direction, carry with them to those around us our feelings of joy or of sorrow. So if you allow yourself to give way to sadness and despondency, you are actually radiating gloom—darkening God's sunlight for your neighbours, and making your brother's burden heavier for him to bear; and you have no right to do this.

Đó là nhiệm vụ của chúng ta, vì nó đã được thiết lập rất rõ ràng rằng cả hạnh phúc và đau khổ đều có tính lây nhiễm. Tất cả những ai đã nghiên cứu những vấn đề này đều biết rằng những làn sóng vật chất này, tinh tế hơn những gì chúng ta có thể nhìn thấy, liên tục tỏa ra từ chúng ta theo mọi hướng, mang theo đến những người xung quanh chúng ta cảm giác vui mừng hoặc buồn phiền của chúng ta. Vì vậy, nếu bạn cho phép bản thân nhượng bộ trước nỗi buồn và sự chán nản, thì bạn thực sự đang tỏa ra u ám—che khuất ánh sáng mặt trời của Thượng đế cho những người hàng xóm của bạn và khiến gánh nặng của huynh đệ bạn trở nên nặng nề hơn để họ gánh chịu; và bạn không có quyền làm điều này.

On the other hand, if you are yourself full of happiness, that radiant joy is poured upon all who come near you, and you become a veritable sun, showering life and light and love in your small circle on the earth, even as the Deity Himself floods them forth through all the universe; and so in your tiny way you are a fellow-worker together with Him.

Mặt khác, nếu bản thân bạn tràn đầy hạnh phúc, thì niềm vui rạng rỡ đó sẽ tuôn trào trên tất cả những ai đến gần bạn, và bạn trở thành một mặt trời thực sự, gieo rắc sự sống, ánh sáng và tình yêu thương trong vòng tròn nhỏ bé của bạn trên trái đất, ngay cả khi chính Thượng đế ban phát chúng ra khắp vũ trụ; và vì vậy, theo cách nhỏ bé của bạn, bạn là một người đồng nghiệp cùng với Ngài.

PEACE

HÒA BÌNH

Behind the active happiness there must be an abiding peace, and this also we must try to radiate. The lack of peace is one of the most lamentable characteristics of our age. There never was a time when man needed more sorely the sage advice of S. Peter: "Seek peace and ensue it," but the majority know not even in what direction to begin the search, and so they decide that peace is unattainable on earth, and resign

Đằng sau hạnh phúc tích cực phải có một sự bình an bền vững, và điều này chúng ta cũng phải cố gắng tỏa ra. Thiếu hòa bình là một trong những đặc điểm đáng tiếc nhất của thời đại chúng ta. Chưa bao giờ con người cần đến lời khuyên sáng suốt của Thánh Peter hơn lúc này: "Hãy tìm kiếm hòa bình và theo đuổi nó," nhưng đa số thậm chí còn không biết bắt đầu tìm kiếm theo hướng nào, và vì vậy họ quyết định rằng hòa bình là không

themselves to discomfort.

thể đạt được trên trái đất, và cam chịu sự khó chịu.

Man is living simultaneously in three worlds, the physical, the astral or emotional, and the mental, and he has in each of these a body or vehicle through which he expresses himself. At all these levels, in all these vehicles, there should be peace; yet with most of us that is very far from being the case.

Con người đang sống đồng thời trong ba thế giới, thế giới vật chất, thế giới cảm dục hay tình cảm, và thế giới trí tuệ, và trong mỗi thế giới này, họ có một thể xác hay phương tiện để thể hiện bản thân. Ở tất cả các cấp độ này, trong tất cả các phương tiện này, cần phải có hòa bình; tuy nhiên với hầu hết chúng ta, điều đó còn lâu mới xảy ra.

On the physical earth, there is hardly a person who is not complaining of something, who is not frequently ill in some way. One man's digestion is out of order, another has constant headaches, a third finds his nerves breaking down, and so on. In the world of emotion matters are no better, for people are constantly allowing themselves to be shaken and torn by violent feelings, sorrow, anger, jealousy, envy; and so they are quite unnecessarily miserable. Nor are they at peace mentally, for they are perpetually rushing from one line of thought to another, full of worry and hurry, always desiring new things before they have understood or utilised the old.

Trên trái đất vật chất, hầu như không có người nào không phàn nàn về điều gì đó, không thường xuyên bị ốm theo cách nào đó. Người này bị rối loạn tiêu hóa, người kia thường xuyên đau đầu, người thứ ba thấy thần kinh của mình suy nhược, v.v. Trong thế giới của cảm xúc, mọi thứ cũng không khá hơn, bởi vì mọi người liên tục cho phép bản thân bị rung động và giằng xé bởi những cảm xúc mãnh liệt, buồn phiền, tức giận, ghen tuông, đố kỵ; và vì vậy họ đau khổ một cách không cần thiết. Họ cũng không bình yên về mặt tinh thần, bởi vì họ liên tục lao từ dòng suy nghĩ này sang dòng suy nghĩ khác, đầy lo lắng và vội vàng, luôn mong muốn những điều mới trước khi họ hiểu hoặc sử dụng những điều cũ.

The causes of this universal unrest are three—ignorance, desire, and selfishness. Therefore, the path to peace consists in conquering these hindrances, and replacing them by their opposites—in gaining knowledge, self-control and unselfishness. Men often think that the causes of their disquiet are exterior to themselves, that sorrow and trouble press upon them from without, not realising that nothing outside can affect them unless they themselves permit it to do so. None but ourselves can ever hurt us or hinder us, just as no one else can make our progress for us. As has been beautifully said in the East, the path lies within us. If we take the trouble to consider it, we shall see that this is so.

Nguyên nhân của tình trạng bất ổn phổ biến này là ba điều—ngu dốt, ham muốn và ích kỷ. Do đó, con đường dẫn đến hòa bình bao gồm việc chinh phục những trở ngại này và thay thế chúng bằng những điều ngược lại—có được kiến thức, tự chủ và vị tha. Con người thường nghĩ rằng nguyên nhân của sự bất an của họ nằm ngoài bản thân họ, rằng nỗi buồn và rắc rối đè nặng lên họ từ bên ngoài, không nhận ra rằng không có gì bên ngoài có thể ảnh hưởng đến họ trừ khi chính họ cho phép điều đó xảy ra. Không ai ngoài bản thân chúng ta có thể làm tổn thương hoặc cản trở chúng ta, cũng như không ai khác có thể tạo ra sự tiến bộ cho chúng ta. Như đã được nói một cách tuyệt đẹp ở phương Đông, con đường nằm trong chúng ta. Nếu chúng ta chịu khó xem xét nó, chúng ta sẽ thấy rằng điều này là như vậy.

To gain peace we must first gain knowledge—knowledge of the laws under which evolution is working. When we are ignorant of these laws, we are constantly breaking them, constantly pushing aside from the path of the progress of the race in pursuit of some fancied private and personal advantage or pleasure. The steady

Để có được hòa bình, trước hết chúng ta phải có được kiến thức—kiến thức về các quy luật mà sự tiến hóa đang hoạt động. Khi chúng ta không biết những quy luật này, chúng ta liên tục vi phạm chúng, liên tục đẩy mình ra khỏi con đường tiến bộ của chủng tộc để theo đuổi một số lợi ích hoặc thú vui tưởng tượng riêng tư và cá nhân. Áp lực

pressure of the law of evolution forces us back, for our own good, into the path which we have left, we are restless; we struggle against it; we complain of the pain and the trouble as though they had come upon us by mere chance, when all the time it is our own resistance to the guidance of the law that causes us to feel its constraining power.

ổn định của quy luật tiến hóa buộc chúng ta phải quay trở lại, vì lợi ích của chính mình, con đường mà chúng ta đã rời bỏ, chúng ta bồn chồn; chúng ta đấu tranh chống lại nó; chúng ta phàn nàn về nỗi đau và rắc rối như thể chúng ập đến với chúng ta một cách tình cờ, trong khi đó chính sự kháng cự của chúng ta đối với sự hướng dẫn của quy luật khiến chúng ta cảm thấy sức mạnh ràng buộc của nó.

Our health suffers because we so often live unhealthily; we eat the wrong food, we wear unsuitable clothing, we ignore ventilation and exercise, we pass our lives amidst unsanitary conditions, and then we wonder why our heads ache or why our nerves and digestion fail us. The man who knows the laws of hygiene and takes the trouble to obey them avoids these evils.

Sức khỏe của chúng ta bị ảnh hưởng vì chúng ta thường xuyên sống không lành mạnh; chúng ta ăn thức ăn sai, chúng ta mặc quần áo không phù hợp, chúng ta bỏ qua việc thông gió và tập thể dục, chúng ta sống giữa những điều kiện mất vệ sinh, và sau đó chúng ta tự hỏi tại sao đầu mình đau hoặc tại sao thần kinh và hệ tiêu hóa của chúng ta lại gặp trục trặc. Người biết các quy luật vệ sinh và chịu khó tuân theo chúng sẽ tránh được những điều xấu này.

Precisely the same is true with regard to the worlds of thought and emotion; these have their natural laws, and to break those laws means suffering. Unfortunately, many people have the idea that all rules relating to these realms of thought and emotion are arbitrary; religious teachers have made the disastrous mistake of talking about the imposition of *punishment* for the breach of them, and so have obscured the plain fact that they are just as much laws of nature as those with which we are familiar in physical life, and that what follows upon any infraction of them is *not* punishment, but merely the natural *result.* If a man seizes a red-hot bar of iron with the naked hand, he will be burnt; but it would not occur to us to describe the burn as a punishment for taking hold of the bar. Yet we often do so describe results which are just as natural and just as inevitable.

Điều tương tự cũng đúng với thế giới tư tưởng và cảm xúc; chúng có những quy luật tự nhiên của chúng, và vi phạm những quy luật đó đồng nghĩa với đau khổ. Thật không may, nhiều người có quan niệm rằng tất cả các quy tắc liên quan đến những cõi giới tư tưởng và cảm xúc này đều là tùy tiện; các nhà lãnh đạo tôn giáo đã mắc sai lầm tai hại khi nói về việc áp đặt hình phạt đối với việc vi phạm chúng, và do đó đã che khuất sự thật rõ ràng rằng chúng cũng là những quy luật tự nhiên giống như những quy luật mà chúng ta quen thuộc trong cuộc sống vật chất, và những gì xảy ra sau bất kỳ sự vi phạm nào đối với chúng không phải là hình phạt, mà chỉ đơn giản là kết quả tự nhiên. Nếu một người nắm lấy một thanh sắt nung đỏ bằng tay không, thì họ sẽ bị bỏng; nhưng chúng ta sẽ không nghĩ đến việc mô tả vết bỏng như một hình phạt vì đã cầm lấy thanh sắt. Tuy nhiên, chúng ta thường mô tả kết quả một cách tự nhiên và chắc chắn như vậy.

Knowledge of the great scheme of evolution and its laws not only shows us how to live so as to earn peace in the future; it also gives us peace here and now in the present, because it enables us to understand the object of life, to see the unity through all its diversity, the glorious final triumph through the mist of apparently hopeless misery and confusion. For when once the scheme is comprehended, its end is no longer a matter of blind faith, but of mathematical certainty; and

Kiến thức về kế hoạch tiến hóa vĩ đại và các quy luật của nó không chỉ cho chúng ta thấy cách sống để có được hòa bình trong tương lai; nó cũng mang lại cho chúng ta hòa bình ở đây và bây giờ trong hiện tại, bởi vì nó cho phép chúng ta hiểu được mục tiêu của cuộc sống, nhìn thấy sự thống nhất thông qua tất cả sự đa dạng của nó, chiến thắng cuối cùng vinh quang qua màn sương của sự khốn khổ và hỗn loạn dường như vô vọng. Bởi vì một khi kế hoạch được hiểu, thì kết thúc của nó

from that certainty comes peace.

không còn là vấn đề của niềm tin mù quáng, mà là của sự chắc chắn toán học; và từ sự chắc chắn đó sẽ có được hòa bình.

To our knowledge we must add self-control—control, not merely of actions and words, but of desires, emotions and thoughts.

Đối với kiến thức của chúng ta, chúng ta phải thêm vào sự tự chủ—kiểm soát, không chỉ hành động và lời nói, mà còn cả ham muốn, cảm xúc và suy nghĩ.

For all thoughts and emotions show themselves as waves in the matter of the mental and astral bodies respectively; and in both cases the evil or selfish thoughts are always comparatively slow vibrations of the coarser matter, while the good unselfish thoughts are the more rapid undulations which play only in the finer matter. But a sudden rush of anger or envy or fear overwhelms for a moment the whole of the astral body, and forces it all to swing for that moment at a special rate. This soon calms down, and the body returns to its normal rates of oscillation. But ever after it is a little more ready to respond to the particular rate which expresses that evil passion.

Vì tất cả những suy nghĩ và cảm xúc đều thể hiện dưới dạng sóng trong vật chất của thể trí và thể cảm dục tương ứng; và trong cả hai trường hợp, những suy nghĩ xấu xa hoặc ích kỷ luôn là những rung động tương đối chậm của vật chất thô hơn, trong khi những suy nghĩ vị tha tốt đẹp là những gợn sóng nhanh hơn chỉ diễn ra trong vật chất tinh tế hơn. Nhưng một cơn giận dữ, ghen tị hoặc sợ hãi đột ngột ập đến sẽ áp đảo toàn bộ thể cảm dục trong giây lát, và buộc tất cả phải dao động trong khoảnh khắc đó với một tốc độ đặc biệt. Điều này sớm dịu xuống, và cơ thể trở lại tốc độ dao động bình thường của nó. Nhưng sau đó, nó sẵn sàng đáp ứng hơn một chút với tốc độ cụ thể thể hiện niềm đam mê xấu xa đó.

Long ago the great Lord Buddha taught His followers that the life of the ordinary man is full of sorrow, because he attaches himself to earthly things that decay and pass away. He desires wealth and power or position, and he is discontented because he does not gain them, or because, having gained them, he finds them slipping from him. Even to his friends he attaches himself wrongly, for he loves the physical body which must change and fade, instead of the real man who lives on through the ages, and so when his friend lays aside the outer vehicle he mourns him as 'dead' and thinks that he has lost him.

Cách đây rất lâu, Đức Phật vĩ đại đã dạy các đệ tử của Ngài rằng cuộc sống của người bình thường đầy đau khổ, bởi vì họ gắn bó với những thứ trần tục sẽ mục nát và qua đi. Họ khao khát sự giàu có, quyền mãnh lực hoặc địa vị, và họ bất mãn vì không đạt được chúng, hoặc vì đã đạt được chúng, họ thấy chúng đang tuột khỏi mình. Ngay cả với bạn bè của mình, họ cũng gắn bó một cách sai lầm, bởi vì họ yêu thể xác phải thay đổi và tàn phai, thay vì con người thật sống qua nhiều thời đại, và do đó, khi bạn của họ từ bỏ lớp vỏ bọc bên ngoài, họ thương tiếc họ là 'đã chết' và nghĩ rằng họ đã mất họ.

The whole tendency of our civilisation is to increase desire, to multiply our requirements. Things which were regarded as luxuries by one generation are considered necessities of life by the next, and our desire is ever reaching out in new directions. If we wish for peace; we must learn to limit these desires, to live a simpler life, to be satisfied with comfort without longing for luxury, we must distinguish necessities from superfluities. It is better to decrease our wants and leave ourselves time to rest, rather than to work ourselves to death in the desperate effort to

Toàn bộ xu hướng của nền văn minh chúng ta là gia tăng ham muốn, nhân lên nhu cầu của chúng ta. Những thứ được coi là xa xỉ phẩm của thế hệ này được coi là nhu cầu thiết yếu của thế hệ tiếp theo, và ham muốn của chúng ta không ngừng vươn ra theo những hướng mới. Nếu chúng ta mong muốn hòa bình; chúng ta phải học cách hạn chế những ham muốn này, sống một cuộc sống đơn giản hơn, bằng lòng với sự thoải mái mà không khao khát sự xa hoa, chúng ta phải phân biệt nhu cầu thiết yếu với những thứ phù phiếm. Tốt hơn là giảm bớt nhu cầu của chúng ta và dành

satisfy constantly increasing wants. If we are to have peace, we must certainly control desire.

thời gian cho bản thân để nghỉ ngơi, hơn là tự ép mình đến chết trong nỗ lực tuyệt vọng để thỏa mãn những nhu cầu ngày càng tăng. Nếu chúng ta muốn có hòa bình, chúng ta chắc chắn phải kiểm soát ham muốn.

Another fertile source of disquiet is the habit that we have of interfering with other people—of perpetually trying to make them see and do things as we see and do them. Many of us seem quite unable to hold a conviction on any subject, social, political or religious, without immediately quarrelling with every one whose convictions happen to be different, and getting up a heated argument about the matter. When we learn ungrudgingly to allow others the same freedom of opinion on every subject that we so unhesitatingly claim for ourselves, when we learn to refrain from criticising them because they differ from us, we shall have advanced far along the path which leads to peace.

Một nguồn gốc khác của sự bất an là thói quen can thiệp vào người khác—không ngừng cố gắng khiến họ nhìn nhận và làm mọi việc như cách chúng ta nhìn nhận và làm. Nhiều người trong chúng ta dường như hoàn toàn không thể giữ vững niềm tin vào bất kỳ chủ đề nào, xã hội, chính trị hay tôn giáo, mà không ngay lập tức tranh cãi với bất kỳ ai có niềm tin khác biệt, và đưa ra một cuộc tranh luận gay gắt về vấn đề đó. Khi chúng ta học cách hào phóng cho phép người khác có quyền tự do ý kiến như nhau về mọi chủ đề mà chúng ta tự cho mình là đương nhiên, khi chúng ta học cách kiềm chế không chỉ trích họ vì họ khác với chúng ta, thì chúng ta sẽ tiến xa trên con đường dẫn đến hòa bình.

Most of all is it necessary for peace that we should cast aside the personality and acquire unselfishness. So long as we are self-centred, so long as the 'I' is the pivot round which all our universe turns, we insensibly but inevitably expect that it shall be the centre for others as well, and when we find that they are acting without reference to us—without recognising our paramount claims to consideration—we become irritable and self assertive, and peace flies far from us.

Hơn hết, điều cần thiết cho hòa bình là chúng ta phải gạt bỏ tính cách cá nhân và có được sự vị tha. Chừng nào chúng ta còn tự cho mình là trung tâm, chừng nào cái 'Tôi' còn là trục xoay quanh mà cả vũ trụ của chúng ta xoay chuyển, thì chúng ta sẽ vô tình nhưng chắc chắn mong đợi rằng nó cũng sẽ là trung tâm cho những người khác, và khi chúng ta thấy rằng họ đang hành động mà không liên quan đến chúng ta—không thừa nhận những yêu cầu tối quan trọng của chúng ta để xem xét—chúng ta trở nên cáu kỉnh và tự cho mình là đúng, và hòa bình sẽ rời xa chúng ta.

We must realise that we are souls and not bodies; if we identify ourselves (as men usually do) with the physical vehicle, we cannot avoid giving altogether undue importance to what happens to it, and we become, to a large extent, slaves to it and its perpetually changing feelings. It is to avoid such bondage that the Oriental adopts the habit of thought which leads him to substitute for our ordinary phrases: "I am hungry, I am tired," the more exact statement: "My body is hungry, my body is tired."

Chúng ta phải nhận ra rằng chúng ta là linh hồn chứ không phải thể xác; nếu chúng ta đồng nhất bản thân (như con người thường làm) với phương tiện vật chất, chúng ta không thể tránh khỏi việc coi trọng quá mức những gì xảy ra với nó, và ở một mức độ lớn, chúng ta trở thành nô lệ cho nó và những cảm xúc luôn thay đổi của nó. Để tránh sự ràng buộc như vậy mà người phương Đông áp dụng thói quen suy nghĩ khiến họ thay thế các cụm từ thông thường của chúng ta: "Tôi đói, tôi mệt," bằng câu nói chính xác hơn: "Cơ thể tôi đói, cơ thể tôi mệt."

It is only one step farther to see that we are equally in error when we say: "I am angry, I am jealous." The true 'I' is the self behind or within all these vehicles, and that self cannot be angry

Chỉ cần tiến thêm một bước nữa để thấy rằng chúng ta cũng sai lầm tương tự khi nói: "Tôi tức giận, tôi ghen tị." Cái 'Tôi' thực sự là cái tôi đằng sau hoặc bên trong tất cả những phương tiện này,

or jealous, though its astral body may; but it is just as much a mistake for a man to identify himself with the astral vehicle as with the physical. He must not be the slave of any of his bodies mental, astral or physical; these three together make up his personality, the temporary and partial expression of him, but they are not *he,* any more than the clothes are the man.

và cái tôi đó không thể tức giận hoặc ghen tị, mặc dù thể cảm dục của nó có thể; nhưng việc một người đồng nhất mình với phương tiện cảm dục cũng là một sai lầm giống như với phương tiện vật chất. Họ không được làm nô lệ cho bất kỳ thể xác nào của mình, dù là thể trí, thể cảm dục hay thể xác; ba điều này cùng nhau tạo nên tính cách của họ, biểu hiện tạm thời và một phần của họ, nhưng chúng không phải là họ, cũng giống như quần áo không phải là con người.

These four steps, then, must be taken. We must acquire knowledge by study, and having acquired it, we must put it into practice; we must learn to limit our desires and control our emotions, and we must eliminate the lower personality, and identify ourselves as the self behind. We must substitute altruism for egoism; we must realise the God within us before we can attain "the peace of God which passeth all understanding".

Vậy thì, bốn bước này phải được thực hiện. Chúng ta phải có được kiến thức bằng cách học tập, và sau khi có được kiến thức, chúng ta phải đưa nó vào thực hành; chúng ta phải học cách hạn chế ham muốn và kiểm soát cảm xúc của mình, đồng thời chúng ta phải loại bỏ tính cách thấp kém hơn và đồng nhất bản thân mình với cái tôi đằng sau. Chúng ta phải thay thế lòng vị tha cho chủ nghĩa vị kỷ; chúng ta phải nhận ra Thượng đế bên trong chúng ta trước khi chúng ta có thể đạt được "sự bình an của Thượng đế vượt trên mọi sự hiểu biết".

That is the path to peace. May that peace rest upon us all.

Đó là con đường dẫn đến hòa bình. Cầu mong sự bình an đó đến với tất cả chúng ta.

CHAPTER XIX - BY WHAT WE THINK—BỞI NHỮNG GÌ CHÚNG TA NGHĨ

THE REALM OF THOUGHT

A STUDENT of occultism trains himself in the art of thinking, and consequently his thought is much more powerful than that of the untrained man, and is likely to influence a wider circle and to produce a much greater effect. This happens quite outside of his own consciousness, without his making any effort in the matter. But precisely because he has learnt the mighty power of thought it becomes his duty to use it for the helping of others. In order to do this effectively he must understand exactly how it acts.

One of the most striking characteristics of the unseen world which lies all about us is the ready response of the finer type of matter of which it is constructed to the influences of human thought and emotion. It is difficult for those who have not studied the subject to grasp the absolute reality of these forces—to understand that their action is in every respect as definite upon the finer type of matter as is that of steam or electricity upon physical matter.

Every one knows that a man who has at his disposal a large amount of steam-power or electrical power can do useful work and produce definite results; but few people know that every man has at his disposal a certain amount of this other and higher power, and that with that he can produce results just as definite and just as real.

As matters stand at present in the physical world, only a few men can have at their disposal any large amount of its forces, and so only a few can become rich by their means; but it is a prominent feature of the vivid interest of the unseen side of life that every human being, rich or poor, old or young, has already at his disposal no inconsiderable proportion of its forces, and therefore the riches of these higher worlds, which are obtained by the right use of these powers, are within the reach of all.

Here, then, is a power possessed by all, but

CÕI GIỚI TƯ TƯỞNG

Người học huyền bí học rèn luyện bản thân trong nghệ thuật tư duy, và do đó tư tưởng của họ mạnh mẽ hơn nhiều so với người không được đào tạo, và có khả năng ảnh hưởng đến một vòng tròn rộng lớn hơn và tạo ra hiệu ứng lớn hơn nhiều. Điều này xảy ra hoàn toàn bên ngoài tâm thức của chính họ, mà không cần họ phải nỗ lực trong vấn đề này. Nhưng chính vì họ đã học được sức mạnh to lớn của tư tưởng nên việc sử dụng nó để giúp đỡ người khác trở thành nhiệm vụ của họ. Để làm được điều này một cách hiệu quả, họ phải hiểu chính xác cách thức hoạt động của nó.

Một trong những đặc điểm nổi bật nhất của thế giới vô hình nằm xung quanh tất cả chúng ta là sự đáp ứng sẵn sàng của loại vật chất tinh tế hơn mà nó được cấu tạo để đáp ứng những ảnh hưởng của tư tưởng và cảm xúc của con người. Những người chưa nghiên cứu chủ đề này khó có thể nắm bắt được thực tế tuyệt đối của những mãnh lực này—để hiểu rằng hành động của chúng về mọi mặt đều rõ ràng đối với loại vật chất tinh tế hơn giống như tác động của hơi nước hoặc điện đối với vật chất vật lý.

Mọi người đều biết rằng một người có quyền sử dụng một lượng lớn năng lượng hơi nước hoặc năng lượng điện có thể làm công việc hữu ích và tạo ra kết quả rõ ràng; nhưng ít người biết rằng mỗi người đều có quyền sử dụng một lượng sức mạnh khác và cao hơn này, và với sức mạnh đó, họ có thể tạo ra những kết quả rõ ràng và thực tế như vậy.

Theo tình hình hiện tại trong thế giới vật chất, chỉ có một số ít người có thể sử dụng bất kỳ lượng lớn mãnh lực nào của nó, và do đó chỉ có một số ít người có thể trở nên giàu có bằng phương tiện của họ; nhưng đó là một đặc điểm nổi bật của sự quan tâm sâu sắc đến mặt vô hình của cuộc sống mà mỗi con người, giàu hay nghèo, già hay trẻ, đều đã có sẵn một tỷ lệ đáng kể các mãnh lực của nó, và do đó sự giàu có của những thế giới cao hơn này, thu được bằng cách sử dụng đúng những sức mạnh này, nằm trong tầm tay của tất cả mọi người.

Vậy thì, đây là một sức mạnh mà tất cả mọi người

intelligently used as yet by few; it is surely well worth our while to take up the matter, to enquire into it and try to comprehend it. Indeed, there is even more reason for so doing than has yet been mentioned, for the truth is that to some extent we are all already unconsciously making use of this power, and because of our ignorance we are employing it wrongly, and doing harm with it instead of good. The possession of power always means responsibility, so in order to avoid doing harm unintentionally, and in order to utilise thoroughly these magnificent possibilities, it will clearly be well for us to learn all that we can on this subject.

đều sở hữu, nhưng cho đến nay chỉ có một số ít người sử dụng một cách thông minh; chắc chắn chúng ta nên dành thời gian để giải quyết vấn đề này, tìm hiểu về nó và cố gắng hiểu nó. Thật vậy, thậm chí còn có nhiều lý do hơn để làm như vậy so với những gì đã được đề cập, bởi vì sự thật là ở một mức độ nào đó, tất cả chúng ta đều đang vô thức sử dụng sức mạnh này, và vì sự thiếu hiểu biết của mình, chúng ta đang sử dụng nó sai cách và làm hại với nó thay vì làm điều tốt. Sở hữu sức mạnh luôn đồng nghĩa với trách nhiệm, vì vậy để tránh vô tình làm hại, và để tận dụng triệt để những khả năng tuyệt vời này, rõ ràng chúng ta nên tìm hiểu tất cả những gì có thể về chủ đề này.

THE EFFECTS OF THOUGHT

NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA TƯ TƯỞNG

What then is thought, and how does it show itself? It is in the mental body that it first manifests itself to the sight of the clairvoyant, and it appears as a vibration of its matter—a vibration which is found to produce various effects, all of them quite in line with what scientific experience in the physical world would lead us to expect.

Vậy tư tưởng là gì, và nó thể hiện như thế nào? Chính trong thể trí mà nó lần đầu tiên biểu hiện trước mắt người thông nhãn, và nó xuất hiện dưới dạng rung động của vật chất của nó—một rung động được phát hiện là tạo ra nhiều hiệu ứng khác nhau, tất cả chúng đều phù hợp với những gì kinh nghiệm khoa học trong thế giới vật chất sẽ khiến chúng ta mong đợi.

There is the effect produced upon the mental body itself, and we find that to be of the nature of setting up a habit. There are many different types of matter in the mental body, and each of them appears to have its own special rate of undulation, to which it seems most accustomed, so that it readily responds to it and tends to return to it as soon as possible when it has been forced away from it by some strong rush of thought or feeling. A sufficiently strong thought may for the moment set all the particles of one division of the mental body swinging at the same rate; and every time that that happens it is a little easier for it to happen again. A habit of moving at that rate is being set up in these particles of the mental body, so that the man will readily repeat that particular thought.

Có tác động được tạo ra đối với chính thể trí, và chúng ta thấy rằng đó là bản chất của việc hình thành thói quen. Có nhiều loại vật chất khác nhau trong thể trí, và mỗi loại dường như có tốc độ gợn sóng đặc biệt của riêng mình, mà nó dường như quen thuộc nhất, do đó nó dễ dàng đáp ứng với nó và có xu hướng quay trở lại nó càng sớm càng tốt khi nó bị một số dòng suy nghĩ hoặc cảm xúc mạnh mẽ nào đó ép buộc rời khỏi nó. Một suy nghĩ đủ mạnh có thể trong giây lát khiến tất cả các hạt của một bộ phận của thể trí dao động với cùng tốc độ; và mỗi khi điều đó xảy ra, nó sẽ dễ dàng xảy ra hơn một chút. Một thói quen di chuyển với tốc độ đó đang được hình thành trong những hạt này của thể trí, do đó con người sẽ dễ dàng lặp lại suy nghĩ cụ thể đó.

There is the effect produced upon the other vehicles of the man, which are above and below the mental body in degree of density. We know that physical disturbances in one type of matter are readily communicated to another type—that, for example, an earthquake (which is a movement in solid matter) will produce a mighty wave in the sea (which is liquid matter), and

Có tác động được tạo ra đối với các phương tiện khác của con người, ở trên và dưới thể trí về mức độ dày đặc. Chúng ta biết rằng những xáo trộn vật lý trong một loại vật chất dễ dàng được truyền sang một loại vật chất khác—ví dụ, một trận động đất (là chuyển động trong vật chất rắn) sẽ tạo ra một con sóng lớn trên biển (là vật chất lỏng), và một lần nữa từ phía bên kia rằng sự xáo

again from the other side that the disturbance of the air (which is gaseous matter) by a storm will immediately produce ripples, and shortly great waves in the ocean beneath it.

trộn của không khí (là vật chất khí) do bão sẽ ngay lập tức tạo ra những gợn sóng, và chẳng bao lâu nữa sẽ tạo ra những con sóng lớn trong đại dương bên dưới nó.

In just the same way a disturbance in a man's astral body (which we commonly call an emotion) will set up vibrations in the mental body, and cause thoughts which correspond to the emotion. Conversely, the waves in the mental body affect the astral body, if they be of a type which can affect it, which means that certain types of thought readily provoke emotion. Just as the wave in mental matter acts upon the astral substance, which is denser than it is, so also does it inevitably act upon the matter of the casual body, which is finer than it; and thus the habitual thought of the man builds up qualities in the ego himself.

Cũng giống như vậy, một sự xáo trộn trong thể cảm dục của một người (mà chúng ta thường gọi là cảm xúc) sẽ tạo ra những rung động trong thể trí, và gây ra những suy nghĩ tương ứng với cảm xúc đó. Ngược lại, những con sóng trong thể trí ảnh hưởng đến thể cảm dục, nếu chúng thuộc loại có thể ảnh hưởng đến nó, điều đó có nghĩa là một số loại suy nghĩ nhất định dễ dàng khơi dậy cảm xúc. Giống như con sóng trong vật chất trí tuệ tác động lên chất cảm dục, đậm đặc hơn nó, thì nó cũng chắc chắn tác động lên vật chất của thể nhân quả, tinh tế hơn nó; và do đó, suy nghĩ theo thói quen của con người sẽ xây dựng phẩm chất trong chính bản ngã.

So far we have been dealing with the effect of the man's thought upon himself; and we see that in the first place it tends to repeat itself, and that in the second it acts not only upon his emotions, but also permanently upon the man himself. Now let us turn to the effects which it produces outside of himself—that is, upon the sea of mental matter which surrounds us all just as does the atmosphere.

Cho đến nay, chúng ta đã đề cập đến ảnh hưởng của tư tưởng của con người đối với chính họ; và chúng ta thấy rằng trước hết nó có xu hướng tự lặp lại, và thứ hai là nó không chỉ tác động đến cảm xúc của họ, mà còn tác động lâu dài đến chính con người họ. Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang những tác động mà nó tạo ra bên ngoài bản thân họ—nghĩa là, đối với biển vật chất trí tuệ bao quanh tất cả chúng ta giống như bầu khí quyển.

Every thought produces a radiating undulation, which may be either simple or complex according to the nature of the thought which gives it birth. These vibrations may under certain conditions be confined to the mental world, but more frequently they produce an effect in worlds above and below. If the thought be purely intellectual and impersonal—if, for example, the thinker is considering a philosophical system, or attempting to solve a problem in algebra or geometry—the thought-wave will affect merely the mental matter. If the thought be of a spiritual nature, if it be tinged with love or aspiration or with deep unselfish feeling, it will rise upwards into the realm of the higher mental, and may even borrow some of the splendour and glory of the intuitional level—a combination which renders it exceedingly powerful. If on the other hand the thought is tinged with something of self or of personal desire, its oscillations at once draw downwards and expend most of their force in the astral

Mỗi tư tưởng tạo ra một gợn sóng bức xạ, có thể đơn giản hoặc phức tạp tùy theo bản chất của tư tưởng sinh ra nó. Những rung động này trong những điều kiện nhất định có thể bị giới hạn trong thế giới trí tuệ, nhưng thường xuyên hơn chúng tạo ra hiệu ứng trong các thế giới ở trên và dưới. Nếu tư tưởng hoàn toàn là trí tuệ và khách quan—ví dụ, nếu người suy nghĩ đang xem xét một hệ thống triết học, hoặc cố gắng giải một bài toán đại số hoặc hình học—thì sóng tư tưởng sẽ chỉ ảnh hưởng đến vật chất trí tuệ. Nếu tư tưởng mang tính chất tinh thần, nếu nó được tô điểm bằng tình yêu thương hoặc khát vọng hoặc với cảm xúc vị tha sâu sắc, thì nó sẽ vươn lên cõi giới trí tuệ cao hơn, và thậm chí có thể vay mượn một phần sự lộng lẫy và vinh quang của cấp độ trực giác—một sự kết hợp khiến nó trở nên mạnh mẽ lạ thường. Mặt khác, nếu tư tưởng được tô điểm bằng một thứ gì đó của bản thân hoặc của ham muốn cá nhân, thì các dao động của nó sẽ ngay lập tức kéo xuống dưới và tiêu hao hầu hết sức mạnh của chúng trong thế giới cảm dục.

world.

All these thought-waves act upon their respective levels just as does a wave of light or sound here on the physical. They radiate out in all directions, becoming less powerful in proportion to their distance from their source. The radiation not only affects the sea of mental matter which surrounds us, but also acts upon other mental bodies moving within that sea. We are all familiar with the experiment in which a note struck on a piano or a string sounded on a violin will set the corresponding note sounding upon another instrument of the same kind which has been tuned exactly to the same pitch. Just as the vibration set up in one instrument is conveyed through the air and acts upon the other instrument, so is the thought-vibration set up in one mental body conveyed by the surrounding mental matter and reproduced in another mental body—which, stated from another point of view, means that thought is infectious. We will return to this consideration later.

Tất cả những sóng tư tưởng này hoạt động trên các cấp độ tương ứng của chúng giống như sóng ánh sáng hoặc âm thanh ở đây trên thế giới vật chất. Chúng tỏa ra theo mọi hướng, trở nên kém mạnh hơn theo tỷ lệ thuận với khoảng cách của chúng so với nguồn của chúng. Bức xạ không chỉ ảnh hưởng đến biển vật chất trí tuệ bao quanh chúng ta, mà còn tác động đến các thể trí khác đang chuyển động trong biển đó. Tất cả chúng ta đều quen thuộc với thí nghiệm trong đó một nốt nhạc được đánh trên đàn piano hoặc một dây đàn được đánh trên đàn vĩ cầm sẽ khiến nốt nhạc tương ứng phát ra âm thanh trên một nhạc cụ khác cùng loại đã được điều chỉnh chính xác đến cùng một cao độ. Giống như rung động được thiết lập trong một nhạc cụ được truyền qua không khí và tác động lên nhạc cụ kia, thì rung động tư tưởng được thiết lập trong một thể trí cũng được truyền bởi vật chất trí tuệ xung quanh và được tái tạo trong một thể trí khác—điều này, được trình bày từ một quan điểm khác, có nghĩa là tư tưởng có tính lây nhiễm. Chúng ta sẽ quay lại xem xét này sau.

Every thought produces not only a wave but a form—a definite, separate object which is endowed with force and vitality of a certain kind, and in many cases behaves not at all unlike a temporary living creature. This form, like the wave, may be in the mental realm only; but much more frequently it descends to the astral level and produces its principal effect in the world of emotions. The study of these thought-forms is of exceeding interest; a detailed account of many of them, with coloured illustrations of their appearance, will be found in the book *Thought-Forms*. At the moment we are concerned less with their appearance than with their effects and with the way in which they can be utilised.

Mỗi tư tưởng không chỉ tạo ra một con sóng mà còn tạo ra một hình dạng—một vật thể xác định, riêng biệt được ban tặng sức mạnh và sinh lực của một loại nhất định, và trong nhiều trường hợp, nó hoạt động không khác gì một sinh vật sống tạm thời. Hình dạng này, giống như con sóng, có thể chỉ ở trong cõi giới trí tuệ; nhưng thường xuyên hơn nhiều, nó đi xuống cấp độ cảm dục và tạo ra hiệu ứng chính của nó trong thế giới của cảm xúc. Việc nghiên cứu những hình tư tưởng này vô cùng thú vị; một bản tường trình chi tiết về nhiều hình dạng trong số chúng, với hình ảnh minh họa màu về sự xuất hiện của chúng, sẽ được tìm thấy trong cuốn sách Hình tư tưởng. Hiện tại, chúng ta ít quan tâm đến sự xuất hiện của chúng hơn là đến ảnh hưởng của chúng và cách chúng có thể được sử dụng.

Let us consider separately the action of these two manifestations of thought-power. The wave may be simple or it may be complex, according to the character of the thought; but its strength is poured out chiefly upon some one of the four levels of mental matter—the four subdivisions which constitute the lower part of the mental

Chúng ta hãy xem xét riêng biệt tác động của hai biểu hiện này của sức mạnh tư tưởng. Sóng có thể đơn giản hoặc phức tạp, tùy theo đặc điểm của tư tưởng; nhưng sức mạnh của nó được đổ ra chủ yếu trên một trong bốn cấp độ của vật chất trí tuệ—bốn phân khu cấu thành phần dưới cõi trí. Hầu hết những suy nghĩ của người bình thường đều

world. Most of the thoughts of the ordinary man centre round himself, his desires and his emotions, and they therefore produce waves in the lowest subdivision of the mental matter; indeed, the part of the mental body built of that kind of matter is the only one which is as yet fully evolved and active in the great majority of mankind.

tập trung quanh bản thân họ, ham muốn và cảm xúc của họ, và do đó chúng tạo ra những con sóng trong phân khu thấp nhất của vật chất trí tuệ; thật vậy, phần của thể trí được tạo ra từ loại vật chất đó là phần duy nhất cho đến nay đã phát triển đầy đủ và hoạt động trong đại đa số nhân loại.

In this respect the condition of the mental body is quite different from that of the astral vehicle. In the ordinary cultured man of our race the astral body is as fully developed as the physical, and the man is perfectly capable of using it as a vehicle of consciousness. He is not yet much in the habit of so using it, and is consequently shy about it and distrustful of his powers; but the astral powers are there, and it is only a question of becoming accustomed to their use. When he finds himself functioning in the astral world, either during sleep or after death, he is fully capable of sight and hearing, and can move about whithersoever he will.

Về mặt này, tình trạng của thể trí hoàn toàn khác với tình trạng của phương tiện cảm dục. Ở người văn minh bình thường trong chủng tộc của chúng ta, thể cảm dục phát triển đầy đủ như thể xác, và người đó hoàn toàn có khả năng sử dụng nó như một phương tiện của tâm thức. Họ vẫn chưa có thói quen sử dụng nó như vậy, và do đó ngại ngùng về nó và không tin tưởng vào sức mạnh của mình; nhưng sức mạnh cảm dục vẫn ở đó, và chỉ là vấn đề làm quen với việc sử dụng chúng. Khi thấy mình đang hoạt động trong thế giới cảm dục, dù là trong khi ngủ hay sau khi chết, họ hoàn toàn có khả năng nhìn và nghe, đồng thời có thể di chuyển đến bất cứ nơi nào họ muốn.

In the heaven-world, however, he finds himself under very different conditions, for the mental body is as yet by no means fully developed, that being the part of its evolution upon which the human race is at the present moment engaged. The mental body can be employed as a vehicle only by those who have been specially trained in its use under teachers belonging to the Great Brotherhood of Initiates; in the average man its powers are only partially unfolded, and it cannot be employed as a separate vehicle of consciousness. In the majority of men the higher portions of the mental body are as yet quite dormant, even when the lower portions are in vigorous activity. This necessarily implies that while the whole mental atmosphere is surging with thought-waves belonging to the lowest subdivision, there is as yet comparatively little activity on the higher sub-divisions—a fact which we shall need to have clearly in mind when we come to consider presently the practical possibility of the use of thought-power. It has also an important bearing upon the distance to which a thought-wave may penetrate.

Tuy nhiên, trong thế giới thiên đàng, họ thấy mình đang ở trong những điều kiện rất khác, bởi vì thể trí cho đến nay vẫn chưa phát triển đầy đủ, đó là phần tiến hóa của nó mà loài người hiện đang tham gia. Thể trí chỉ có thể được sử dụng như một phương tiện bởi những người đã được đào tạo đặc biệt về cách sử dụng nó dưới sự hướng dẫn của các huấn sư thuộc Huynh đệ Điểm đạo Vĩ đại; ở người bình thường, sức mạnh của nó chỉ được khai mở một phần, và nó không thể được sử dụng như một phương tiện tâm thức riêng biệt. Ở đa số mọi người, các phần cao hơn của thể trí vẫn còn khá im lìm, ngay cả khi các phần thấp hơn đang hoạt động mạnh mẽ. Điều này nhất thiết hàm ý rằng trong khi toàn bộ bầu khí quyển trí tuệ đang dâng trào những làn sóng tư tưởng thuộc phân khu thấp nhất, thì cho đến nay vẫn có tương đối ít hoạt động trên các phân khu cao hơn —một thực tế mà chúng ta sẽ cần phải ghi nhớ rõ ràng khi chúng ta xem xét khả năng thực tế của việc sử dụng sức mạnh tư tưởng. Nó cũng có một ý nghĩa quan trọng đối với khoảng cách mà sóng tư tưởng có thể xuyên qua.

To help us to understand this we may take an

Để giúp chúng ta hiểu điều này, chúng ta có thể

analogy from the action of the voice of a public speaker. He can make himself heard to a certain distance—a distance which depends upon the power of his voice. In the case of a thought-form that power corresponds to the strength of the vibrations. But the distance to which a speaker can be *understood* is quite another matter, and depends often more upon the clearness of his enunciation than the strength of his voice. That clearness of enunciation is represented in the case of a thought-form by definiteness, clearness of outline.

lấy một phép loại suy từ hành động của giọng nói của một diễn giả trước công chúng. Họ có thể tự khiến mình được nghe thấy trong một khoảng cách nhất định—khoảng cách phụ thuộc vào sức mạnh của giọng nói của họ. Trong trường hợp của một hình tư tưởng, sức mạnh đó tương ứng với sức mạnh của các rung động. Nhưng khoảng cách mà người nói có thể được hiểu là một vấn đề hoàn toàn khác, và thường phụ thuộc vào sự rõ ràng của lời nói của họ hơn là sức mạnh của giọng nói của họ. Sự rõ ràng của lời nói đó được thể hiện trong trường hợp của một hình tư tưởng bằng sự xác định, rõ ràng về đường nét.

Many a man who is not trained in the art of public speaking might send forth a shout which would penetrate to a considerable distance, but would be quite unintelligible. Just in the same way a man who feels strongly, but is not trained in the art of thinking, may send forth a powerful thought-form which conveys strongly enough the feeling which inspires it—a feeling of joy, of terror or of surprise; and yet it may be so vaguely outlined as to impart no idea of the nature or the cause of the emotion. Evidently, therefore, dearness of thought is at least as necessary as strength of thought.

Nhiều người không được đào tạo về nghệ thuật nói trước công chúng có thể phát ra một tiếng hét có thể xuyên qua một khoảng cách đáng kể, nhưng sẽ hoàn toàn không thể hiểu được. Cũng giống như vậy, một người có cảm xúc mạnh mẽ, nhưng không được đào tạo về nghệ thuật tư duy, có thể gửi đi một hình tư tưởng mạnh mẽ truyền tải đủ mạnh cảm xúc truyền cảm hứng cho nó—cảm xúc vui vẻ, kinh hoàng hoặc ngạc nhiên; tuy nhiên, nó có thể được phác thảo một cách mơ hồ đến mức không truyền đạt được ý tưởng về bản chất hoặc nguyên nhân của cảm xúc. Rõ ràng, do đó, sự rõ ràng của tư tưởng ít nhất cũng cần thiết như sức mạnh của tư tưởng.

Again, the speaker's voice may be clear and strong, and his words may be perfectly audible at the place where an auditor is standing; yet the words convey no meaning to that auditor if he is so preoccupied with some other matter that he is not paying attention. This also has its exact correspondence in the world of thought. One may send out a clear, strong thought, and even aim it definitely at another person, but if that man's mind is entirely preoccupied with his own affairs, the thought-form can produce no impression upon his mental body. Often men in a wild panic do not even hear the advice or orders shouted to them; under the same influence they are equally impervious to thought-forms.

Một lần nữa, giọng nói của người nói có thể rõ ràng và mạnh mẽ, và lời nói của họ có thể hoàn toàn nghe được ở nơi người nghe đang đứng; tuy nhiên, những lời nói đó không truyền tải ý nghĩa gì đến người nghe đó nếu họ đang bận tâm đến một vấn đề nào khác đến mức không chú ý. Điều này cũng có sự tương ứng chính xác của nó trong thế giới tư tưởng. Người ta có thể gửi đi một suy nghĩ rõ ràng, mạnh mẽ, và thậm chí nhắm nó một cách chắc chắn vào một người khác, nhưng nếu tâm trí của người đó hoàn toàn bận tâm với công việc của chính họ, thì hình tư tưởng không thể tạo ra ấn tượng nào trên thể trí của họ. Thông thường, những người trong cơn hoảng loạn hoang dã thậm chí không nghe thấy lời khuyên hoặc mệnh lệnh hét vào mặt họ; dưới cùng một ảnh hưởng, họ cũng không tiếp thu được các hình tư tưởng.

The majority of mankind do not know how to think at all, and even those who are a little more advanced than that, rarely think definitely and strongly, except during the moments in which

Phần lớn nhân loại hoàn toàn không biết cách suy nghĩ, và ngay cả những người tiến bộ hơn một chút, hiếm khi suy nghĩ một cách chắc chắn và mạnh mẽ, ngoại trừ trong những khoảnh khắc

they are actually engaged in some piece of business which demands their whole attention. Consequently, large numbers of minds are always lying fallow all about us, ready to receive whatever seed we may sow in them.

mà họ thực sự tham gia vào một số công việc kinh doanh nào đó đòi hỏi toàn bộ sự chú ý của họ. Do đó, một số lượng lớn tâm trí luôn nằm im xung quanh chúng ta, sẵn sàng tiếp nhận bất kỳ hạt giống nào chúng ta có thể gieo vào đó.

THE THOUGHT-WAVE

SÓNG TƯ TƯỞNG

The action of the thought-vibration is eminently adaptable. It may exactly reproduce itself, if it finds a mental body which readily responds to it in every particular; but when this is not the case, it may nevertheless produce a marked effect along lines broadly similar to its own. Suppose, for example, that a Catholic kneels in devotion before an image of the Blessed Virgin. He sends rippling out from him in all directions strong, devotional thought-waves; if they strike upon the mental of astral body of another Catholic, they arouse in him a thought and feeling identical with the original; but if they strike upon a Christian of some other sect, to whom the image of the Blessed Virgin is unfamiliar, they still awaken in him the sentiment of devotion, but that will follow along its accustomed channel, and be directed towards the Christ.

Tác động của rung động tư tưởng có khả năng thích ứng cao. Nó có thể tự tái tạo chính xác, nếu nó tìm thấy một thể trí dễ dàng đáp ứng với nó trong mọi chi tiết; nhưng khi không phải như vậy, nó vẫn có thể tạo ra một hiệu ứng rõ rệt dọc theo các đường nét tương tự như đường nét của chính nó. Ví dụ, giả sử một người Công giáo quỳ gối cầu nguyện trước hình ảnh Đức Trinh Nữ Maria. Họ gửi đi từ mình theo mọi hướng những làn sóng tư tưởng mạnh mẽ, sùng đạo; nếu chúng va vào thể trí hoặc thể cảm dục của một người Công giáo khác, chúng sẽ khơi dậy trong họ một suy nghĩ và cảm xúc giống hệt với bản gốc; nhưng nếu chúng va vào một Cơ đốc nhân thuộc một giáo phái nào khác, người mà hình ảnh Đức Trinh Nữ Maria không quen thuộc, thì chúng vẫn đánh thức trong họ tình cảm sùng đạo, nhưng điều đó sẽ đi theo kênh quen thuộc của nó và hướng về Chúa Kitô.

If they touch a Muhammadan they arouse in him devotion to Allah, while in the case of a Hindu the object may be Krishna, and in the case of a Parsi Ahuramazda. They excite devotion of some sort wherever there is a possibility of response to that idea. If this thought-wave touches the mental body of a materialist, to whom the very idea of devotion in any form is unknown, even there it produces an elevating effect; it cannot at once create a type of undulation to which the man is wholly unaccustomed, but its tendency is to stir a higher part of his mental body into some sort of activity, and the effect, though less permanent than in the case of the sympathetic recipient, cannot fail to be good.

Nếu chúng chạm vào một người Hồi giáo, chúng sẽ khơi dậy trong họ sự sùng kính Allah, trong khi đối với một người theo đạo Hindu, đối tượng có thể là Krishna, và đối với một người Parsi là Ahuramazda. Chúng khơi dậy sự sùng kính nào đó bất cứ nơi nào có khả năng đáp ứng ý tưởng đó. Nếu sóng tư tưởng này chạm vào thể trí của một người theo chủ nghĩa duy vật, người mà ý tưởng về sự sùng kính dưới bất kỳ hình thức nào đều xa lạ, thì ngay cả ở đó nó cũng tạo ra một hiệu ứng nâng cao; nó không thể ngay lập tức tạo ra một loại gợn sóng mà người đó hoàn toàn không quen thuộc, nhưng xu hướng của nó là kích thích một phần cao hơn của thể trí của họ hoạt động theo một cách nào đó, và hiệu ứng, mặc dù kém bền vững hơn so với trường hợp của người tiếp nhận có thiện cảm, nhưng chắc chắn là tốt.

The action of an evil or impure thought is governed by the same laws. A man who is so foolish as to allow himself to think of another with hatred or envy, radiates a thought-wave tending to provoke similar passions in others, and though his feeling of hatred is for some one

Tác động của một suy nghĩ xấu xa hoặc không trong sáng cũng bị chi phối bởi các quy luật tương tự. Một người ngu ngốc đến mức cho phép bản thân nghĩ về người khác với lòng căm thù hoặc ghen tị, sẽ tỏa ra một làn sóng tư tưởng có xu hướng khơi dậy những đam mê tương tự ở người

quite unknown to these others, and so it is impossible that they should share his feeling, yet the wave will stir in them an emotion of the same nature towards a totally different person.

khác, và mặc dù cảm giác căm thù của họ dành cho một người nào đó hoàn toàn xa lạ với những người khác này, và do đó họ không thể chia sẻ cảm giác của họ, nhưng làn sóng đó sẽ khơi dậy trong họ một cảm xúc có cùng bản chất đối với một người hoàn toàn khác.

THE THOUGHT-FORM

HÌNH TƯ TƯỞNG

The work of the thought-form is more limited, but much more precise than that of the wave. It cannot reach so many persons—indeed, it cannot act upon a person at all unless he has in him something which is harmonious with the vibrant energy which ensouls it. The powers and possibilities of these thought-forms will perhaps be clearer to us if we attempt to classify them. Let us consider first the thought which is definitely directed towards another person.

Công việc của hình tư tưởng bị hạn chế hơn, nhưng chính xác hơn nhiều so với công việc của sóng. Nó không thể tiếp cận được nhiều người—thật vậy, nó hoàn toàn không thể tác động lên một người trừ khi trong họ có điều gì đó hài hòa với năng lượng rung động hun đúc nên nó. Sức mạnh và khả năng của những hình tư tưởng này có lẽ sẽ rõ ràng hơn đối với chúng ta nếu chúng ta cố gắng phân loại chúng. Trước hết chúng ta hãy xem xét tư tưởng chắc chắn hướng đến một người khác.

When a man sends forth from himself a thought of affection or of gratitude (or unfortunately it may be sometimes of envy or jealousy) towards some one else such a thought produces radiating waves precisely as would any other, and therefore tends to reproduce its general character in the minds of those within the sphere of its influence. But the thought-form which it creates is imbued with definite intention, and as soon as it breaks away from the mental and astral bodies of the thinker, it goes straight towards the person to whom it is directed and fastens itself upon him.

Khi một người gửi đi từ bản thân một suy nghĩ về tình cảm hoặc lòng biết ơn (hoặc thật không may, đôi khi có thể là sự ghen tị hoặc đố kỵ) đối với người khác, thì một suy nghĩ như vậy sẽ tạo ra những con sóng bức xạ giống như bất kỳ suy nghĩ nào khác, và do đó có xu hướng tái tạo đặc điểm chung của nó trong tâm trí của những người nằm trong phạm vi ảnh hưởng của nó. Nhưng hình tư tưởng mà nó tạo ra được thấm nhuần ý định xác định, và ngay khi nó thoát ra khỏi thể trí và thể cảm dục của người suy nghĩ, nó sẽ đi thẳng đến người mà nó hướng đến và bám vào họ.

If he happens at the moment to be thinking of nothing in particular, and is consequently in a passive condition, it at once penetrates his mental and astral bodies and is lost in them, just as a comet might fall into the sun. It tends to arouse in them vibrations similar to its own—which means that the man will begin to think upon that particular subject, whatever it may be. If he is in a condition of mental activity, and any part of that activity is of the same nature as the arriving thought-form, it enters his mental body through that part of it which is expressing the sympathetic thought, and adds its strength to that thought. If the recipient's mind is so preoccupied that the thought-form cannot find entrance, it will hover about him until he is sufficiently disengaged to give it an opportunity

Nếu vào lúc đó, họ tình cờ không nghĩ đến điều gì cụ thể và do đó ở trạng thái thụ động, thì nó sẽ ngay lập tức xuyên qua thể trí và thể cảm dục của họ và biến mất trong đó, giống như một sao chổi có thể rơi vào mặt trời. Nó có xu hướng khơi dậy trong họ những rung động tương tự như rung động của chính nó—có nghĩa là người đó sẽ bắt đầu suy nghĩ về chủ đề cụ thể đó, bất kể nó là gì. Nếu họ đang ở trong trạng thái hoạt động trí óc, và bất kỳ phần nào của hoạt động đó có cùng bản chất với hình tư tưởng đang đến, thì nó sẽ đi vào thể trí của họ thông qua phần đó của nó đang thể hiện suy nghĩ đồng cảm, và thêm sức mạnh của nó vào suy nghĩ đó. Nếu tâm trí của người nhận đang bận tâm đến mức hình tư tưởng không thể tìm thấy lối vào, thì nó sẽ lơ lửng xung quanh họ cho đến khi họ đủ tách rời để tạo cơ hội cho nó đạt

to gain its object.

In the case of a thought which is not directed to some other person, but is connected chiefly with the thinker himself (as indeed are the majority of men's thoughts) the wave spreads in all directions as usual, but the thought-form floats in the immediate neighbourhood of its creator, and its tendency is constantly to react upon him. As long as his mind is fully occupied with business, or with a thought of some other type, the floating form waits, biding its time; but when his train of thought is exhausted, or his mind for a moment lies fallow, it has an opportunity to react upon him, and it immediately begins to repeat itself—to stir up in him a repetition of the thought to which he has previously yielded himself. Many a man is surrounded by a shell of such thought-forms, and he frequently feels their pressure upon him—a constant suggestion from without of certain thoughts; and if the thought be evil he may believe himself to be tempted by the devil, whereas the truth is that he is his own tempter and that the evil thoughts are entirely his own creation.

There is the class of thought which is neither centred round the thinker nor specially aimed at any person. The thought-form generated in this case does not hang about the thinker, nor has it any special attraction towards another man, so it remains idly floating at the place where it was called into existence. Each man, as he moves through life, is thus producing three classes of thought-forms:

Those which shoot straight out away from him, aiming at a definite objective.

Those which hover round him and follow him wherever he goes.

Those which he leaves behind him as a sort of trail which marks his route.

The whole atmosphere is filled with thoughts of this third type, vague and indeterminate; as we walk along we are picking our way through vast masses of them, and if our minds are not already definitely occupied, these vague, wandering fragments of other people's thoughts often

được mục tiêu của mình.

Trong trường hợp một suy nghĩ không hướng đến một người nào khác, mà chủ yếu liên quan đến chính người suy nghĩ (thực sự là phần lớn suy nghĩ của con người) thì sóng lan truyền theo mọi hướng như thường lệ, nhưng hình tư tưởng trôi nổi trong vùng lân cận ngay lập tức của người tạo ra nó, và xu hướng của nó là liên tục phản ứng lại họ. Chừng nào tâm trí của họ còn bận rộn với công việc kinh doanh, hoặc với một suy nghĩ thuộc loại khác, thì hình dạng trôi nổi sẽ chờ đợi, chờ đợi thời điểm của nó; nhưng khi dòng suy nghĩ của họ cạn kiệt, hoặc tâm trí của họ trong giây lát nằm im, thì nó có cơ hội để phản ứng lại họ, và nó ngay lập tức bắt đầu tự lặp lại—để khơi dậy trong họ sự lặp lại của suy nghĩ mà trước đây họ đã đầu hàng. Nhiều người bị bao quanh bởi một lớp vỏ của những hình tư tưởng như vậy, và họ thường xuyên cảm thấy áp lực của chúng đối với mình—một sự gợi ý liên tục từ bên ngoài về những suy nghĩ nhất định; và nếu suy nghĩ đó là xấu xa, họ có thể tin rằng mình đang bị ma quỷ cám dỗ, trong khi sự thật là họ là người cám dỗ chính mình và những suy nghĩ xấu xa đó hoàn toàn là do họ tạo ra.

Có một loại tư tưởng không tập trung quanh người suy nghĩ cũng không nhắm đặc biệt vào bất kỳ người nào. Hình tư tưởng được tạo ra trong trường hợp này không bám quanh người suy nghĩ, cũng không có sức hút đặc biệt nào đối với người khác, vì vậy nó vẫn trôi nổi một cách nhàn rỗi ở nơi nó được tạo ra. Mỗi người, khi di chuyển trong cuộc sống, do đó tạo ra ba loại hình tư tưởng:

Những hình tư tưởng phóng thẳng ra khỏi y, nhắm vào một mục tiêu xác định.

Những hình tư tưởng lơ lửng quanh y và đi theo y đến bất cứ nơi nào y đến.

Những hình tư tưởng mà y bỏ lại phía sau như một loại dấu vết đánh dấu lộ trình của y.

Toàn bộ bầu khí quyển chứa đầy những tư tưởng thuộc loại thứ ba này, mơ hồ và không xác định; khi chúng ta bước đi, chúng ta đang chọn đường đi qua vô số những tư tưởng này, và nếu tâm trí chúng ta chưa thực sự bị chiếm đóng, những mảnh vỡ mơ hồ, lang thang này của tư tưởng của

seriously affect us. They sweep through the mind which is lying idle, and probably most of them do not arouse in it any especial interest; but now and then comes one which attracts attention, and the mind fastens upon it, entertains it for a moment or two, and dismisses it a little stronger than it was on arrival.

người khác thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến chúng ta. Chúng quét qua tâm trí đang nằm im lìm, và có lẽ hầu hết chúng không khơi dậy bất kỳ sự quan tâm đặc biệt nào trong đó; nhưng thỉnh thoảng lại có một điều thu hút sự chú ý, và tâm trí bám vào nó, tiếp nhận nó trong một hoặc hai khoảnh khắc, và loại bỏ nó mạnh mẽ hơn một chút so với khi nó đến.

Naturally this mixture of thoughts from many sources has no definite coherence; though any one of them may start a line of associate ideas, and so set the mind thinking on its own account. If a man pulls himself up suddenly as he walks along the street, and asks himself:

Đương nhiên, sự pha trộn tư tưởng này từ nhiều nguồn không có sự kết hợp chặt chẽ xác định; mặc dù bất kỳ tư tưởng nào trong số chúng cũng có thể bắt đầu một dòng ý tưởng liên kết, và do đó khiến tâm trí tự suy nghĩ. Nếu một người đột nhiên dừng lại khi đang đi bộ trên đường và tự hỏi:

"What am I thinking about, and why? how did I reach this particular point in my train of thought?" and if he tries to follow back the line of his thoughts for the last ten minutes, he will probably be quite surprised to discover how many idle and useless fancies have passed through his mind in that space of time. Not one-fourth of them are his own thoughts; they are simply fragments which he has picked up as he passed along. In most cases they are quite useless, and their general tendency is more likely to be evil than good.

"Tôi đang nghĩ gì, và tại sao? Làm thế nào tôi đạt đến điểm cụ thể này trong dòng suy nghĩ của mình?" và nếu y cố gắng lần theo dòng suy nghĩ của mình trong mười phút qua, y có thể sẽ khá ngạc nhiên khi phát hiện ra có bao nhiêu ý tưởng nhàn rỗi và vô ích đã đi qua tâm trí y trong khoảng thời gian đó. Không đến một phần tư trong số đó là những suy nghĩ của riêng y; chúng chỉ đơn giản là những mảnh vỡ mà y đã nhặt được khi đi ngang qua. Trong hầu hết các trường hợp, chúng hoàn toàn vô dụng, và xu hướng chung của chúng có nhiều khả năng là xấu xa hơn là tốt đẹp.

WHAT WE CAN DO BY THOUGHT

NHỮNG GÌ CHÚNG TA CÓ THỂ LÀM BẰNG TƯ TƯỞNG

Now that we understand to some extent the action of thought, let us see what use it is possible to make of this knowledge, and what practical considerations emerge from it. Knowing these things, what can we do to forward our own evolution, and what can we do to help others? Obviously, a scientific consideration of the way in which thought works, exhibits it as a matter of far greater importance, not only for our own evolution but also for that of others, than is ordinarily supposed.

Bây giờ chúng ta đã hiểu ở một mức độ nào đó về tác động của tư tưởng, chúng ta hãy xem xét việc sử dụng kiến thức này như thế nào là có thể, và những xem xét thực tế nào xuất hiện từ đó. Biết được những điều này, chúng ta có thể làm gì để thúc đẩy sự tiến hóa của chính mình, và chúng ta có thể làm gì để giúp đỡ người khác? Rõ ràng, việc xem xét một cách khoa học về cách thức tư tưởng hoạt động cho thấy nó là một vấn đề quan trọng hơn nhiều, không chỉ đối với sự tiến hóa của chính chúng ta mà còn đối với sự tiến hóa của những người khác, so với những gì thường được cho là.

When we look at this question of thought with regard to its effects upon others, we find ourselves brought back again from this different point of view to every one of the considerations

Khi chúng ta xem xét vấn đề tư tưởng này liên quan đến ảnh hưởng của nó đối với người khác, chúng ta thấy mình lại được đưa trở lại từ quan điểm khác biệt này đến từng xem xét mà chúng

which we have already emphasised when speaking of the reaction of this force upon ourselves. This is natural, for what tends to our progress must tend also to that of others. So we must touch these subjects again, though but in passing.

ta đã nhấn mạnh khi nói về phản ứng của mãnh lực này đối với chính chúng ta. Điều này là tự nhiên, vì điều gì có xu hướng thúc đẩy sự tiến bộ của chúng ta thì cũng phải có xu hướng thúc đẩy sự tiến bộ của những người khác. Vì vậy, chúng ta phải đề cập lại những chủ đề này, mặc dù chỉ là thoáng qua.

Since every thought or emotion produces a permanent effect by strengthening or weakening a tendency, and since furthermore every thought-wave and thought-form must not only react upon the thinker, but also influence many other people, the greatest care must be exercised as to the thought or emotion which a man permits within himself. The ordinary man rarely thinks of attempting to check an emotion; when he feels it surging within him he yields himself to it and considers it merely natural. One who studies scientifically the action of these forces realises that it is his interest as well as his duty to check every such upwelling, and consider, before he allows it to sway him, whether it is or is not prejudicial to his evolution and to that of his neighbours.

Vì mỗi tư tưởng hoặc cảm xúc tạo ra một hiệu ứng lâu dài bằng cách củng cố hoặc làm suy yếu một xu hướng, và hơn nữa, mỗi làn sóng tư tưởng và hình tư tưởng không chỉ phải phản ứng lại người suy nghĩ mà còn ảnh hưởng đến nhiều người khác, nên cần phải hết sức cẩn thận về tư tưởng hoặc cảm xúc mà một người cho phép tồn tại trong mình. Người bình thường hiếm khi nghĩ đến việc cố gắng kiểm soát một cảm xúc; khi y cảm thấy nó dâng trào trong mình, y đầu hàng nó và coi đó chỉ là điều tự nhiên. Người nghiên cứu một cách khoa học về tác động của những mãnh lực này nhận ra rằng đó là lợi ích cũng như nghĩa vụ của y để kiểm tra mọi sự dâng trào như vậy, và xem xét, trước khi cho phép nó chi phối mình, liệu nó có gây bất lợi cho sự tiến hóa của y và của những người xung quanh hay không.

Instead of allowing his emotions to run away with him he must have them absolutely under control; and since the stage of evolution at which we have arrived is the development of the mental body, he must take this matter seriously in hand and see what can be done to assist that development. Instead of allowing the mind to indulge in its vagaries he should endeavour to assert control over it, recognising that the mind is not the man, but is an instrument which the man must learn to use. It must not be left to lie fallow; it must not be allowed to remain idle, so that any passing thought-form can drift in upon it and impress it. The first step towards control of the mind is to keep it usefully occupied—to have (as has already been said) some definite, good and useful set of thoughts as a background to the mind's operation—something upon which it shall always fall back when there is no immediate need for its activity in connection with duty to be done.

Thay vì để cảm xúc của mình lấn át, y phải kiểm soát chúng một cách tuyệt đối; và vì giai đoạn tiến hóa mà chúng ta đã đạt đến là sự phát triển của thể trí, y phải nghiêm túc thực hiện vấn đề này và xem xét những gì có thể làm để hỗ trợ sự phát triển đó. Thay vì để tâm trí nuông chiều những ý nghĩ bất chợt, y nên cố gắng khẳng định quyền kiểm soát đối với nó, nhận ra rằng tâm trí không phải là con người, mà là một công cụ mà con người phải học cách sử dụng. Nó không được bỏ hoang; nó không được phép để nhàn rỗi, để bất kỳ hình tư tưởng nào đi ngang qua cũng có thể trôi dạt vào đó và gây ấn tượng với nó. Bước đầu tiên để kiểm soát tâm trí là giữ cho nó hoạt động hữu ích—có (như đã nói) một tập hợp những tư tưởng xác định, tốt đẹp và hữu ích làm nền tảng cho hoạt động của tâm trí—một điều gì đó mà nó sẽ luôn dựa vào khi không có nhu cầu tức thời cho hoạt động của nó liên quan đến nhiệm vụ phải làm.

Another necessary point in its training is that it shall be taught to do thoroughly that which it has to do—in other words, that the power of

Một điểm cần thiết khác trong việc rèn luyện tâm trí là nó phải được dạy để làm một cách triệt để những gì nó phải làm—nói cách khác, phải đạt

concentration shall be acquired. This is no light task, as any unpractised person will find who endeavours to keep his mind absolutely upon one point even for five minutes. He will find that there is an active tendency to wander—that all kinds of other thoughts thrust themselves in; the first effort to fix the mind on one subject for five minutes is likely to resolve itself into spending five minutes in bringing the mind back again and again from various side-issues which it has followed.

được sức mạnh tập trung. Đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng, như bất kỳ người nào chưa được thực hành sẽ thấy khi cố gắng giữ tâm trí mình hoàn toàn vào một điểm, ngay cả trong năm phút. Y sẽ thấy rằng có một xu hướng chủ động để lang thang—rằng tất cả các loại suy nghĩ khác chen vào; nỗ lực đầu tiên để cố định tâm trí vào một chủ đề trong năm phút có thể sẽ dẫn đến việc dành năm phút để đưa tâm trí trở lại hết lần này đến lần khác từ những vấn đề phụ khác nhau mà nó đã theo đuổi.

Fortunately, though concentration itself is no easy thing, there are plenty of opportunities for attempting it, and its acquisition is of great use in our daily life. We should learn then, whatever we are doing, to focus our attention upon it and to do it with all our might and as well as it can be done; if we write a letter, let that letter be well and accurately written, and let no carelessness in detail delay it or mar its effect; if we are reading a book, even though it be only a novel, let us read it with attention, trying to grasp the author's meaning, and to gain from it all that there is to be gained. The endeavour to be constantly learning something, to let no day pass without some definite exercise of the mind, is a most salutary one; for it is only by exercise that strength comes, and disuse means always weakness and eventual atrophy.

May mắn thay, mặc dù bản thân sự tập trung không phải là điều dễ dàng, nhưng có rất nhiều cơ hội để thử tập trung, và việc đạt được nó rất hữu ích trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Vậy thì chúng ta nên học, bất cứ điều gì chúng ta đang làm, hãy tập trung sự chú ý của mình vào đó và làm điều đó với tất cả sức mãnh lực của mình và làm tốt nhất có thể; nếu chúng ta viết một bức thư, hãy để bức thư đó được viết tốt và chính xác, và đừng để bất kỳ sự bất cẩn nào trong chi tiết làm chậm trễ hoặc làm hỏng hiệu quả của nó; nếu chúng ta đang đọc một cuốn sách, ngay cả khi đó chỉ là một cuốn tiểu thuyết, chúng ta hãy đọc nó một cách chú ý, cố gắng nắm bắt ý nghĩa của tác giả và thu được từ đó tất cả những gì có thể thu được. Nỗ lực không ngừng học hỏi điều gì đó, không để ngày nào trôi qua mà không có một bài tập trí óc xác định nào, là một điều rất có lợi; vì chỉ bằng cách luyện tập thì sức mạnh mới đến, và không sử dụng luôn có nghĩa là suy yếu và cuối cùng là teo tóp.

It is also of great importance that we should learn to husband our energy. Each man possesses only a certain amount of energy, and he is responsible for its utilisation to the best advantage. The ordinary man wastes his force in the most foolish manner. He is always frittering it away without a shadow of necessity or justification. Sometimes he is full of eager desire for something which is quite unnecessary; or he is full of worry about some fancied evil which he imagines may be impending. At another time he is deeply depressed, but does not know exactly why; but whatever he alleges as the ostensible cause, the fact remains that he is more or less in a condition of excitement and agitation, because he will not take things philosophically, and lay to heart the wise old maxim that, as regards what comes

Điều cũng có tầm quan trọng lớn là chúng ta nên học cách quản lý năng lượng của mình. Mỗi người chỉ sở hữu một lượng năng lượng nhất định, và y có trách nhiệm sử dụng nó sao cho có lợi nhất. Người bình thường lãng phí sức mãnh lực của mình một cách ngu xuẩn nhất. Y luôn phung phí nó mà không có một chút cần thiết hay biện minh nào. Đôi khi y tràn đầy khao khát về một điều gì đó hoàn toàn không cần thiết; hoặc y đầy lo lắng về một điều xấu xa tưởng tượng nào đó mà y tưởng tượng có thể sắp xảy ra. Vào một thời điểm khác, y chán nản sâu sắc, nhưng không biết chính xác tại sao; nhưng bất cứ điều gì y viện dẫn là nguyên nhân bề ngoài, sự thật vẫn là y ít nhiều ở trong trạng thái kích động và lo lắng, bởi vì y không chịu nhìn nhận sự việc một cách triết lý, và ghi nhớ câu châm ngôn cổ xưa khôn ngoan

upon us from the outer world, “nothing matters much, and most things don’ t matter at all.” The thoughts and emotions of an average crowd are like the inhabitants of a disturbed ant-hill, all rushing wildly and aimlessly about in different directions, but causing a vast amount of disorder and tumult; which is precisely why the occultist invariably avoids a crowd, unless duty takes him into it. It is especially necessary for the student of occultism to learn to avoid this dissipation of his energies.

rằng, liên quan đến những gì đến với chúng ta từ thế giới bên ngoài, "không có gì quan trọng nhiều, và hầu hết mọi thứ đều không quan trọng chút nào." Những suy nghĩ và cảm xúc của một đám đông bình thường giống như những cư dân của một ổ kiến bị xáo trộn, tất cả đều lao đi một cách hoang dã và không mục đích theo những hướng khác nhau, nhưng gây ra một lượng lớn rối loạn và hỗn loạn; đó chính xác là lý do tại sao nhà huyền bí học luôn tránh đám đông, trừ khi nhiệm vụ đưa y vào đó. Đặc biệt cần thiết cho người nghiên cứu huyền bí học phải học cách tránh sự tiêu hao năng lượng này.

One way in which the average man wastes a great deal of force is by unnecessary argument. It appears to be impossible for him to hold any opinion, whether it be religious or political, or relating to some matter in ordinary life, without becoming a prey to an overmastering desire to force this opinion upon every one else, He seems quite incapable of grasping the rudimentary fact that what another man chooses to believe is no business of his, and that he is not commissioned by the authorities in charge of the world to go round and secure uniformity in thought and practice.

Một cách mà người bình thường lãng phí rất nhiều sức mãnh lực là tranh luận không cần thiết. Dường như y không thể giữ bất kỳ ý kiến nào, cho dù đó là tôn giáo hay chính trị, hoặc liên quan đến một vấn đề nào đó trong cuộc sống bình thường, mà không trở thành con mồi cho mong muốn áp đặt ý kiến này lên mọi người khác. Y dường như hoàn toàn không thể nắm bắt được sự thật sơ đẳng rằng những gì người khác chọn để tin tưởng không phải là việc của y, và y không được các nhà chức trách phụ trách thế giới ủy nhiệm đi khắp nơi để đảm bảo sự đồng nhất trong suy nghĩ và hành động.

The wise man realises that truth is a many-sided thing, not commonly held in its entirely by any one man, or by any one set of men; he knows that there is room for diversity of opinion upon almost any conceivable subject, and that therefore a man whose point of view is opposite to his own may nevertheless have something of reason and truth in his belief. He knows that most of the subjects over which men argue are not in the least worth the trouble of discussion, and that those who speak most loudly and most confidently about them are usually those who know least. The student of occultism will therefore decline to waste his time in argument; if he is asked for information he is willing to give it, but not to waste his time and strength in unprofitable wrangling.

Người khôn ngoan nhận ra rằng sự thật là một điều đa chiều, thường không được bất kỳ người nào hoặc bất kỳ nhóm người nào nắm giữ hoàn toàn; y biết rằng có chỗ cho sự đa dạng ý kiến về hầu hết mọi chủ đề có thể tưởng tượng được, và do đó, một người có quan điểm trái ngược với y vẫn có thể có điều gì đó hợp lý và đúng đắn trong niềm tin của mình. Y biết rằng hầu hết các chủ đề mà mọi người tranh luận đều không đáng để thảo luận, và những người nói to nhất và tự tin nhất về chúng thường là những người biết ít nhất. Do đó, người nghiên cứu huyền bí học sẽ từ chối lãng phí thời gian vào việc tranh luận; nếu y được yêu cầu cung cấp thông tin, y sẵn sàng cung cấp, nhưng không lãng phí thời gian và sức mãnh lực vào những cuộc tranh cãi vô bổ.

Another painfully common method of wasting strength is that worry of which I have already written as so serious an obstacle in the path of peace. Many men are constantly forecasting evil for themselves and for those whom they love—troubling themselves with the fear of death and

Một phương pháp lãng phí sức mãnh lực phổ biến và đau đớn khác là sự lo lắng mà tôi đã viết trước đây là một trở ngại nghiêm trọng trên con đường hòa bình. Nhiều con người liên tục dự báo điều xấu cho bản thân và cho những người mà họ yêu thương—lo lắng với nỗi sợ hãi về cái chết và

of what comes after it, with the fear of financial ruin or loss of social position. A vast amount of strength is frittered away along these unprofitable and unpleasant lines; but all such foolishness is swept aside for the man who realises that the world is governed by a law of absolute justice, that progress towards the highest is the Divine Will for him, that he cannot escape from that progress, that whatever comes in his way and whatever happens to him is meant to help him along that line, and that he himself is the only person who can delay that advance. He no longer troubles and fears about himself and about others; he simply goes on and does the duty that comes nearest in the best way that he can, confident that if he does that, all will be well for him. He knows that worry never yet helped any one, nor has it ever been of the slightest use, but that it has been responsible for an immense amount of evil and waste of force; and the wise man declines to spend his strength in ill-directed emotion.

những gì xảy ra sau đó, với nỗi sợ hãi về sự phá sản về tài chính hoặc mất địa vị xã hội. Một lượng lớn sức mãnh lực bị phung phí theo những hướng không mang lại lợi ích và khó chịu này; nhưng tất cả những điều ngu ngốc như vậy đều bị gạt sang một bên đối với người nhận ra rằng thế giới được cai trị bởi một quy luật công bằng tuyệt đối, rằng tiến bộ hướng tới điều cao nhất là Thiên Ý đối với y, rằng y không thể thoát khỏi sự tiến bộ đó, rằng bất cứ điều gì cản đường y và bất cứ điều gì xảy ra với y đều nhằm mục đích giúp y tiến lên trên con đường đó, và rằng bản thân y là người duy nhất có thể trì hoãn sự tiến bộ đó. Y không còn lo lắng và sợ hãi về bản thân và về người khác nữa; y chỉ cần tiếp tục và làm nhiệm vụ gần nhất theo cách tốt nhất mà y có thể, tin tưởng rằng nếu y làm điều đó, mọi thứ sẽ tốt đẹp cho y. Y biết rằng lo lắng chưa bao giờ giúp ích được ai, cũng chưa bao giờ có ích lợi gì, mà nó đã gây ra vô số điều xấu xa và lãng phí sức mãnh lực; và người khôn ngoan từ chối dành sức mãnh lực của mình cho những cảm xúc sai hướng.

So we see that if it is necessary for his own evolution that man should keep mind and emotion under control, and not foolishly waste his force, it is still more necessary from another point of view, because it is only by such care that he can enable himself to be of use to his fellow men, that he can avoid doing harm to them and can learn how to do good. If, for example, he lets himself feel angry, he naturally produces a grave effect upon himself, because he sets up an evil habit and makes it more difficult to resist the evil impulse next time it assails him. But he also acts seriously upon others around him, for inevitably the vibrations which radiate from him must affect them also.

Vì vậy, chúng ta thấy rằng nếu cần thiết cho sự tiến hóa của chính mình, con người nên kiểm soát tâm trí và cảm xúc, và không lãng phí sức mãnh lực một cách ngu ngốc, thì điều đó còn cần thiết hơn nữa từ một quan điểm khác, bởi vì chỉ bằng cách cẩn thận như vậy, y mới có thể giúp ích cho đồng loại của mình, y mới có thể tránh làm hại họ và có thể học cách làm điều tốt. Ví dụ, nếu y để mình cảm thấy tức giận, y đương nhiên sẽ tạo ra một ảnh hưởng nghiêm trọng đến bản thân, bởi vì y tạo ra một thói quen xấu và khiến việc chống lại sự thôi thúc xấu xa vào lần sau khi nó tấn công y trở nên khó khăn hơn. Nhưng y cũng tác động nghiêm trọng đến những người khác xung quanh mình, vì chắc chắn những rung động tỏa ra từ y cũng phải ảnh hưởng đến họ.

If he is making an effort to control his irritability, so perhaps are they, and his action will help or hinder them, even though he is not in the least thinking of them. Every time that he allows himself to send out a wave of anger, that tends to arouse a similar vibration in the mind or astral body of another—to arouse it if it has not previously existed and to intensify it if it is already present; and thus he makes his brother's work of self-development harder for him, and places a heavier burden upon his shoulders. On

Nếu y đang nỗ lực kiểm soát sự cáu kỉnh của mình, thì có lẽ họ cũng vậy, và hành động của y sẽ giúp đỡ hoặc cản trở họ, ngay cả khi y không hề nghĩ đến họ. Mỗi khi y cho phép mình gửi đi một làn sóng tức giận, điều đó có xu hướng khơi dậy một rung động tương tự trong tâm trí hoặc thể cảm xúc của người khác—khơi dậy nó nếu nó chưa từng tồn tại trước đây và tăng cường nó nếu nó đã hiện diện; và do đó, y khiến công việc tự phát triển của huynh đệ mình trở nên khó khăn hơn đối với y, và đặt một gánh nặng nặng nề hơn

the other hand, if he controls and represses the wave of anger, he radiates instead, calming and soothing influences which are distinctly helpful to all those near him who are engaged in the same struggle.

Few people realise their responsibilities in this matter. It is bad enough surely that any evil thought of ours should communicate itself to the minds of any persons within range of us who may happen to be idle and unoccupied. But the truth is much worse than that. In every man there lie germs or possibilities of evil which have come over from a previous life, but have not as yet been called into activity in this incarnation. If we send out an evil or impure thought, it may easily happen that it arouses into activity one of these germs, and so through our lack of self-control there comes into that man's life an evil of which otherwise he might have got rid. We revive in him the dormant tendency which was in the act of dying out, and thereby we delay him in his upward progress.

So long as that germ is dormant the quality is dying out, but when it is aroused again it may increase to any extent. It is like breaking a hole through a dyke and letting out the water. In fact, a man who sends out an evil thought cannot tell for what amount of evil he may make himself responsible; for a man who becomes wicked, in consequence of that thought, may in turn affect other people, and those yet others in turn; so it is actually true that because of one evil thought generations yet to come may suffer. Happily all this is true of good thoughts as well as of evil, and the man who understands this fact uses wisely the power which it gives him, and may have an influence for good which is beyond all calculation.

THE RESPONSIBILITY OF THOUGHT

Possessing this tremendous power, we must be careful how we exercise it. We must remember to think of a person as we wish him to be, for the image that we thus make of him will naturally act powerfully upon him, and tend to draw him gradually into harmony with itself. Let us fix our thoughts upon the good qualities of our friends,

lên vai y. Mặt khác, nếu y kiểm soát và kìm nén làn sóng tức giận, thay vào đó, y sẽ tỏa ra những ảnh hưởng làm dịu và xoa dịu, điều này rõ ràng hữu ích cho tất cả những người gần y đang tham gia vào cùng một cuộc đấu tranh.

Ít người nhận ra trách nhiệm của mình trong vấn đề này. Chắc chắn là đã đủ tồi tệ rồi khi bất kỳ suy nghĩ xấu xa nào của chúng ta lại truyền sang tâm trí của bất kỳ người nào trong phạm vi của chúng ta, những người có thể đang nhàn rỗi và không bận rộn. Nhưng sự thật còn tồi tệ hơn thế nhiều. Trong mỗi con người đều tồn tại mầm mống hoặc khả năng của cái ác đến từ kiếp trước, nhưng vẫn chưa được kích hoạt trong kiếp sống này. Nếu chúng ta gửi đi một suy nghĩ xấu xa hoặc không trong sạch, rất có thể nó sẽ khơi dậy một trong những mầm mống này, và do đó, do chúng ta thiếu tự chủ mà trong cuộc sống của người đó xuất hiện một điều xấu xa mà nếu không thì y đã có thể thoát khỏi. Chúng ta làm sống lại trong y xu hướng tiềm ẩn đang trên đà lụi tàn, và do đó chúng ta trì hoãn sự tiến bộ hướng lên của y.

Chừng nào mầm mống đó còn im lìm thì phẩm tính đó đang lụi tàn, nhưng khi nó được khơi dậy trở lại, nó có thể tăng lên đến mức độ nào đó. Nó giống như phá một lỗ trên con đê và để nước chảy ra. Trên thực tế, một người gửi đi một suy nghĩ xấu xa không thể biết được y phải chịu trách nhiệm cho bao nhiêu điều xấu xa; vì một người trở nên xấu xa, do suy nghĩ đó, đến lượt mình có thể ảnh hưởng đến những người khác, và những người khác đến lượt họ lại ảnh hưởng đến những người khác nữa; vì vậy, thực sự đúng là vì một suy nghĩ xấu xa mà các thế hệ sau này có thể phải gánh chịu. Thật hạnh phúc, tất cả những điều này đều đúng với những suy nghĩ tốt cũng như những suy nghĩ xấu, và người hiểu được sự thật này sẽ sử dụng một cách khôn ngoan sức mạnh mà nó mang lại cho y, và có thể có ảnh hưởng tốt đẹp vượt quá mọi tính toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA TƯ TƯỞNG

Sở hữu sức mạnh to lớn này, chúng ta phải cẩn thận cách sử dụng nó. Chúng ta phải nhớ nghĩ về một người như chúng ta mong muốn y trở thành, vì hình ảnh mà chúng ta tạo ra về y một cách tự nhiên sẽ tác động mạnh mẽ đến y, và có xu hướng dần dần kéo y vào sự hài hòa với chính nó. Chúng ta hãy tập trung suy nghĩ vào những phẩm chất

because in thinking of any quality we tend to strengthen its vibrations, and therefore to intensify it.

tốt đẹp của bạn bè mình, bởi vì khi nghĩ về bất kỳ phẩm chất nào, chúng ta có xu hướng củng cố những rung động của nó, và do đó tăng cường nó.

From this consideration it follows that the habit of gossip and scandal, in which many people thoughtlessly indulge themselves; is in reality heinous wickedness, in condemning which no expression can be too strong. When people are guilty of the impertinence of discussing others, it is not usually upon the good qualities that they most insist. We have therefore a number of people fixing their thought upon some alleged evil in another, and calling to that evil the attention of others who might perhaps not have observed it; and in this way, if that bad quality really exists in the person whom they are so improperly criticising, they distinctly increase it by strengthening the undulation which is its expression. If, as is usually the case, the depravity exists only in their own prurient imagination, and is not present in the person about whom they are gossiping, then they are doing the utmost in their power to create that evil quality in that person, and if there be any latent germ of it existing in their victim, their nefarious effect is only too likely to be successful.

Từ sự xem xét này, người ta rút ra kết luận rằng thói quen buôn chuyện và nói xấu, mà nhiều người vô tư nuông chiều bản thân, thực chất là sự xấu xa tàn bạo, không có từ ngữ nào có thể đủ mạnh để lên án. Khi mọi người phạm tội xâm phạm đến việc thảo luận về người khác, thì thường không phải là những phẩm chất tốt đẹp mà họ nhấn mạnh nhất. Do đó, chúng ta có một số người tập trung suy nghĩ vào một điều xấu xa nào đó bị cáo buộc ở người khác, và thu hút sự chú ý của những người khác, những người có thể chưa nhận thấy điều đó, đến điều xấu xa đó; và theo cách này, nếu phẩm chất xấu đó thực sự tồn tại ở người mà họ đang chỉ trích một cách không đúng đắn, thì họ rõ ràng sẽ làm tăng nó bằng cách củng cố làn sóng là biểu hiện của nó. Nếu, như thường lệ, sự suy đồi chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng dâm dục của chính họ, và không hiện diện ở người mà họ đang buôn chuyện, thì họ đang làm hết sức mình để tạo ra phẩm chất xấu xa đó ở người đó, và nếu có bất kỳ mầm mống tiềm ẩn nào của nó tồn tại trong nạn nhân của họ, thì tác động bất chính của họ rất có thể sẽ thành công.

We may think helpfully of those whom we love; we may hold before them in thought a high ideal of themselves, and wish strongly that they may presently be enabled to attain it; but if we know of certain defects or vices in a man's character, we should never under any circumstances let our thoughts dwell upon them and intensify them; our plan should be to formulate a strong thought of the contrary virtues, and then send out waves of that thought to the man who needs our help. The ordinary method is for one to say to another.

Chúng ta có thể suy nghĩ một cách hữu ích về những người mà chúng ta yêu thương; chúng ta có thể giữ trước họ trong suy nghĩ một lý tưởng cao đẹp về bản thân họ, và tha thiết mong muốn rằng họ có thể sớm đạt được nó; nhưng nếu chúng ta biết về những khuyết điểm hoặc tật xấu nào đó trong tính cách của một người, thì trong bất kỳ hoàn cảnh nào, chúng ta cũng không bao giờ nên để suy nghĩ của mình dừng lại ở những điều đó và tăng cường chúng; kế hoạch của chúng ta nên là hình thành một suy nghĩ mạnh mẽ về những đức tính trái ngược, và sau đó gửi những làn sóng suy nghĩ đó đến người cần sự giúp đỡ của chúng ta. Phương pháp thông thường là người này nói với người kia.

"O my dear, what a terrible thing it is that Mrs. So-and-So is so ill-tempered! Why, do you know, only yesterday she did this and that, and I have heard that she constantly, etc., etc. Isn' t it a terrible thing?"

"Ôi bạn thân mến, thật là kinh khủng khi bà So-and-So nóng tính như vậy! Bạn có biết không, chỉ hôm qua bà ấy đã làm điều này điều kia, và tôi nghe nói rằng bà ấy liên tục, v.v. Thật là kinh khủng phải không?"

And this is repeated by each person to her thirty or forty dearest friends, and in a few hours

Và điều này được mỗi người lặp lại với ba mươi hoặc bốn mươi người bạn thân nhất của họ, và

several hundred people are pouring converging streams of thought, all about anger and irritability, upon the unfortunate victim. Is it any wonder that she presently justifies their expectations, and gives them yet another example of ill-tempered over which they can gloat?

trong vài giờ, vài trăm người đang đổ những dòng suy nghĩ hội tụ, tất cả đều về sự tức giận và cáu kỉnh, lên nạn nhân bất hạnh. Có gì ngạc nhiên khi bà ấy sớm chứng minh cho những kỳ vọng của họ, và cho họ thêm một ví dụ về sự nóng nảy mà họ có thể hả hê?

A person wishing to help in such a case will be especially careful to avoid thinking about anger at all, but instead will think with force:

Một người muốn giúp đỡ trong trường hợp như vậy sẽ đặc biệt cẩn thận để tránh suy nghĩ về sự tức giận, mà thay vào đó sẽ suy nghĩ mạnh mẽ:

“I wish Mrs. So-and-So were calm and serene; she has the possibility of such self-control within her; let me try frequently to send her strong, calm, soothing thought-waves, such as will help her to realise the Divine possibility within her.”

"Tôi ước bà So-and-So bình tĩnh và thanh thản; bà ấy có khả năng tự chủ như vậy trong mình; hãy để tôi cố gắng thường xuyên gửi cho bà ấy những làn sóng tư tưởng mạnh mẽ, bình tĩnh, êm dịu, để giúp bà ấy nhận ra khả năng Thiêng liêng bên trong mình."

In the one case the thought is of anger; in the other it is of serenity; in both alike it will inevitably find its goal, and tend to reproduce itself in the mental and astral bodies of the recipient of the thought. By all means let us think frequently and lovingly of our friends, but let us think of their good points only, and try, by concentrating our attention upon those, to strengthen them and to help our friends by their means.

Trong trường hợp thứ nhất, suy nghĩ là về sự tức giận; trong trường hợp thứ hai, đó là sự thanh thản; trong cả hai trường hợp, nó chắc chắn sẽ tìm thấy mục tiêu của mình, và có xu hướng tái tạo chính nó trong thể trí và thể cảm xúc của người nhận suy nghĩ. Bằng mọi cách, chúng ta hãy thường xuyên và yêu thương nghĩ về bạn bè của mình, nhưng chúng ta hãy chỉ nghĩ về những điểm tốt của họ, và cố gắng, bằng cách tập trung sự chú ý của chúng ta vào những điểm đó, để củng cố chúng và giúp đỡ bạn bè của chúng ta bằng những phương tiện của họ.

A man often says that he cannot control his thoughts or his passions—that he has often tried to do so, but has consistently failed, and has therefore come to the conclusion that such effort is useless. This idea is wholly unscientific. If an evil quality or habit possesses a certain amount of strength within us, it is because in previous lives we have allowed that strength to accumulate—because we have not resisted it in the beginning when it could easily have been repressed, but have permitted it to gather the momentum which makes it difficult now to deal with it.

Một người thường nói rằng y không thể kiểm soát suy nghĩ hoặc đam mê của mình—rằng y đã thường cố gắng làm như vậy, nhưng luôn thất bại, và do đó đã đi đến kết luận rằng nỗ lực như vậy là vô ích. Ý tưởng này hoàn toàn không khoa học. Nếu một phẩm chất hoặc thói quen xấu xa sở hữu một sức mạnh nhất định bên trong chúng ta, thì đó là bởi vì trong những kiếp trước, chúng ta đã cho phép sức mạnh đó tích lũy—bởi vì chúng ta đã không chống lại nó ngay từ đầu khi nó có thể dễ dàng bị kìm nén, mà đã cho phép nó tích lũy động mãnh lực khiến bây giờ khó đối phó với nó.

We have, in fact, made it easy for ourselves to move along a certain line, and correspondingly difficult to move along another line—difficult, but not impossible. The amount of momentum or energy accumulated is necessarily a finite amount; even if we have devoted several lives

Trên thực tế, chúng ta đã tạo điều kiện dễ dàng cho bản thân di chuyển theo một đường nhất định, và tương ứng là khó khăn khi di chuyển theo một đường khác—khó khăn, nhưng không phải là không thể. Lượng động mãnh lực hoặc năng lượng tích lũy được nhất thiết là một lượng

entirely to storing up such energy (an unlikely supposition), still the time so occupied has been a limited time, and the results are necessarily finite.

hữu hạn; ngay cả khi chúng ta đã dành toàn bộ một số kiếp để tích trữ năng lượng như vậy (một giả định khó xảy ra), thì thời gian bị chiếm dụng như vậy vẫn là thời gian có hạn, và kết quả nhất thiết là hữu hạn.

If we have now realised the mistake we made, and are setting ourselves to control that habit and to neutralise that impetus, we shall find it necessary to put forth exactly as much strength in the opposite direction as we originally spent in setting up that momentum. Naturally we cannot instantly produce sufficient force entirely to counteract the work of many years, but every effort which we make will reduce the amount of force stored up. We ourselves as living souls can go on generating force indefinitely; we have an infinite store of strength on which to draw, and therefore it is absolutely certain that if we persevere we must eventually succeed. However often we may fail, each time something is withdrawn from that finite store of force, and it will be exhausted before we shall, so that our eventual success is simply a matter of mechanics.

Nếu bây giờ chúng ta đã nhận ra sai lầm mà mình đã mắc phải, và đang tự mình kiểm soát thói quen đó và trung hòa động mãnh lực đó, chúng ta sẽ thấy cần phải dồn chính xác lượng sức mạnh theo hướng ngược lại như chúng ta ban đầu đã dành để thiết lập động mãnh lực đó. Đương nhiên, chúng ta không thể ngay lập tức tạo ra đủ mãnh lực để chống lại hoàn toàn công việc của nhiều năm, nhưng mọi nỗ lực mà chúng ta thực hiện sẽ làm giảm lượng mãnh lực tích trữ được. Bản thân chúng ta, với tư cách là những linh hồn sống, có thể tiếp tục tạo ra mãnh lực vô thời hạn; chúng ta có một kho dự trữ sức mạnh vô hạn để khai thác, và do đó, điều chắc chắn tuyệt đối là nếu chúng ta kiên trì, cuối cùng chúng ta phải thành công. Cho dù chúng ta có thể thất bại bao nhiêu lần đi chăng nữa, thì mỗi lần một thứ gì đó được rút ra khỏi kho dự trữ mãnh lực hữu hạn đó, và nó sẽ cạn kiệt trước chúng ta, do đó, thành công cuối cùng của chúng ta chỉ đơn giản là vấn đề cơ học.

The knowledge of the use of these thought-currents makes it possible for us always to give assistance when we know of some case of sorrow or suffering. It often happens that we are unable to do anything for the sufferer physically; our bodily presence may not be helpful to him; his physical brain may be closed to our suggestions by prejudice or by religious bigotry. But his astral and mental bodies are far more easily impressible than the physical, and it is always open to us to approach these by a wave of helpful thought or of affection and soothing feeling.

Kiến thức về việc sử dụng các dòng tư tưởng này giúp chúng ta luôn có thể hỗ trợ khi chúng ta biết về một số trường hợp đau buồn hoặc đau khổ. Thông thường, chúng ta không thể làm bất cứ điều gì cho người đau khổ về mặt thể chất; sự hiện diện về thể xác của chúng ta có thể không hữu ích cho y; não bộ vật lý của y có thể bị đóng lại với những gợi ý của chúng ta do định kiến hoặc do sự cuồng tín tôn giáo. Nhưng thể cảm xúc và thể trí của y dễ bị ảnh hưởng hơn nhiều so với thể xác, và chúng ta luôn có thể tiếp cận những điều này bằng một làn sóng tư tưởng hữu ích hoặc tình cảm và cảm giác xoa dịu.

The law of cause and effect holds good just as certainly in finer matter as in denser, and consequently the energy which we pour forth must reach its goal and must produce it effect. There can be no question that the image or the idea which we wish to put before the man for his comfort or his help will reach him; whether it will present itself clearly to his mind when it arrives depends, first upon the definiteness of outline which we have been able to give to it, and secondly upon his mental condition at the time.

Định luật nhân quả cũng đúng trong chất liệu tinh tế hơn cũng như trong chất liệu đặc hơn, và do đó, năng lượng mà chúng ta đổ ra phải đạt được mục tiêu của nó và phải tạo ra hiệu quả của nó. Không còn nghi ngờ gì nữa, hình ảnh hoặc ý tưởng mà chúng ta muốn đặt trước mặt người đó để an ủi hoặc giúp đỡ y sẽ đến được với y; liệu nó có thể hiện rõ ràng trong tâm trí y khi nó đến hay không phụ thuộc, trước hết vào sự xác định rõ ràng về đường nét mà chúng ta có thể tạo ra cho nó, và thứ hai là vào trạng thái tinh thần của y

He may be so fully occupied with thoughts of his own trials and sufferings that there is little room for our idea to insert itself; but in that case our thought-form simply bides its time, and when at last his attention is diverted, or exhaustion forces him to suspend the activity of his own train of thought, ours will at once slip in and do its errand of mercy. There are so many cases where the best will in the world can do nothing physically; but there is no conceivable case in which either in the mental or the astral world some relief cannot be given by steady, concentrated, loving thought.

vào thời điểm đó. Y có thể quá bận tâm với những suy nghĩ về những thử thách và đau khổ của bản thân đến nỗi ý tưởng của chúng ta khó có thể chen vào; nhưng trong trường hợp đó, hình tư tưởng của chúng ta chỉ đơn giản là chờ đợi thời điểm thích hợp, và khi cuối cùng sự chú ý của y bị chuyển hướng, hoặc sự kiệt quệ buộc y phải tạm dừng hoạt động của dòng suy nghĩ của chính mình, thì ý tưởng của chúng ta sẽ ngay lập tức lọt vào và thực hiện sứ mệnh từ bi của nó. Có rất nhiều trường hợp mà ý chí tốt nhất trên thế giới cũng không thể làm được gì về mặt thể chất; nhưng không có trường hợp nào có thể tưởng tượng được mà trong cõi trí hoặc cảm xúc, một số sự khuây khỏa không thể được ban cho bằng tư tưởng vững chắc, tập trung và yêu thương.

The phenomena of mind-cure show how powerful thought may be even in the physical world, and since it acts so much more easily in astral and mental matter we may realise vividly how tremendous the power really is, if we will but exercise it. We should watch for every opportunity of being thus helpful; there is little doubt that plenty of cases will offer themselves. As we walk along the street, as we ride in a tram-car or railway train, we often see some one who is obviously suffering from depression or sadness; there is our opportunity, and we may immediately take advantage of it by trying to arouse and to help him.

Hiện tượng chữa lành tâm trí cho thấy tư tưởng có thể mạnh mẽ như thế nào ngay cả trong thế giới vật lý, và vì nó tác động dễ dàng hơn nhiều trong chất liệu cảm xúc và trí tuệ, nên chúng ta có thể nhận ra một cách sống động sức mạnh thực sự to lớn như thế nào, nếu chúng ta chỉ cần sử dụng nó. Chúng ta nên theo dõi mọi cơ hội để trở nên hữu ích như vậy; không nghi ngờ gì rằng sẽ có rất nhiều trường hợp tự xuất hiện. Khi chúng ta đi bộ trên đường, khi chúng ta đi xe điện hoặc tàu hỏa, chúng ta thường thấy ai đó rõ ràng đang bị trầm cảm hoặc buồn bã; đó là cơ hội của chúng ta, và chúng ta có thể ngay lập tức tận dụng nó bằng cách cố gắng khơi dậy và giúp đỡ y.

Let us try to send him strongly the feeling that, in spite of his personal sorrows and troubles, the sun still shines above all, and there is still much for which to be thankful, much that is good and beautiful in the world. Sometimes we may see the instant effect of our effort—we may actually watch the man brighten up under the influence of the thought which we have sent to him. We cannot always expect such immediate physical result; but if we understand the laws of nature we shall in every case be equally sure that some result is being produced.

Chúng ta hãy cố gắng gửi đến y một cách mạnh mẽ cảm giác rằng, bất chấp những nỗi buồn và rắc rối cá nhân của y, mặt trời vẫn chiếu sáng trên tất cả, và vẫn còn nhiều điều để biết ơn, nhiều điều tốt đẹp và tươi đẹp trên thế giới. Đôi khi chúng ta có thể thấy hiệu quả tức thì của nỗ lực của mình—chúng ta thực sự có thể thấy con người vui lên dưới ảnh hưởng của suy nghĩ mà chúng ta đã gửi đến y. Chúng ta không thể luôn mong đợi kết quả vật lý ngay lập tức như vậy; nhưng nếu chúng ta hiểu các quy luật của tự nhiên, thì trong mọi trường hợp, chúng ta sẽ luôn chắc chắn rằng một số kết quả đang được tạo ra.

It is often difficult for the man who is unaccustomed to these studies to believe that he is really affecting those at whom his thought is aimed; but experience in a great number of cases has shown us that anyone who makes a practice of such efforts will in time find evidence of his

Người không quen với những nghiên cứu này thường khó tin rằng y thực sự đang ảnh hưởng đến những người mà suy nghĩ của y nhắm đến; nhưng kinh nghiệm trong rất nhiều trường hợp đã cho chúng ta thấy rằng bất kỳ ai thực hành những nỗ lực như vậy, theo thời gian sẽ thấy

success accumulating until it is no longer possible for him to doubt. The man should make it part of his life thus to try to help all whom he knows and loves, whether they be living or what is commonly called dead; for naturally the possession or the absence of the physical body makes no difference whatever to the action of forces which are levelled at the mental and astral bodies. By steady, regular practice of this sort great good will be done, for we gain strength by practice, and so, while we are developing our own powers and insuring our progress, the world will be helped by our kindly efforts.

bằng chứng về sự thành công của mình tích lũy cho đến khi y không còn có thể nghi ngờ nữa. Con người nên biến việc cố gắng giúp đỡ tất cả những người mà y biết và yêu thương, cho dù họ đang sống hay cái thường được gọi là đã chết, thành một phần trong cuộc sống của mình; bởi vì đương nhiên là có hay không có thể xác cũng không tạo ra sự khác biệt nào đối với tác động của các mãnh lực nhắm vào thể trí và thể cảm xúc. Bằng cách thực hành đều đặn, thường xuyên loại này, điều tốt đẹp sẽ được thực hiện, bởi vì chúng ta đạt được sức mạnh bằng cách thực hành, và do đó, trong khi chúng ta đang phát triển sức mạnh của chính mình và đảm bảo sự tiến bộ của mình, thế giới sẽ được giúp đỡ bởi những nỗ lực tử tế của chúng ta.

Thus whatever is truly for our own interest is also for the interest of the world, and what is not good for the world can never in reality be for our interest either. For all true gain is gained for all. To many a man this may appear a strange statement, because we are accustomed to think that what one man gains another loses; yet it enshrines a great truth. Elsewhere I have shown that if one party to a transaction is unfairly treated, and therefore loses, there is no true gain for the other.

Do đó, bất cứ điều gì thực sự vì lợi ích của chính chúng ta cũng là vì lợi ích của thế giới, và điều gì không tốt cho thế giới thì trên thực tế không bao giờ có thể vì lợi ích của chúng ta. Vì tất cả lợi ích thực sự đều đạt được cho tất cả mọi người. Đối với nhiều người, đây có vẻ là một tuyên bố kỳ lạ, bởi vì chúng ta quen nghĩ rằng những gì người này đạt được thì người khác mất đi; tuy nhiên, nó chứa đựng một sự thật vĩ đại. Ở những nơi khác, tôi đã chỉ ra rằng nếu một bên trong một giao dịch bị đối xử không công bằng, và do đó bị thua lỗ, thì không có lợi ích thực sự cho bên kia.

A straightforward, honest piece of business means gain for both parties. A tradesman, let us suppose, buys his goods wholesale, and then, taking care to say of them only what is strictly true, disposes of them by retail at a reasonable profit. Here all parties gain, for the wholesale merchant and the tradesman make their living, while the purchasers are willing to pay the retail price in order to have the convenience of buying in small quantities. Each person gains what he wishes; no one loses; all are satisfied.

Một công việc kinh doanh thẳng thắn, trung thực có nghĩa là lợi ích cho cả hai bên. Ví dụ, một thương gia mua hàng hóa của mình với giá bán buôn, và sau đó, cẩn thận chỉ nói về chúng những gì đúng sự thật, bán lẻ chúng với mức lợi nhuận hợp lý. Ở đây, tất cả các bên đều có lợi, vì thương gia bán buôn và thương gia bán lẻ kiếm sống, trong khi người mua sẵn sàng trả giá bán lẻ để thuận tiện cho việc mua với số lượng nhỏ. Mỗi người đều đạt được những gì mình mong muốn; không ai thua lỗ; tất cả đều hài lòng.

This is merely a superficial example from the physical world; it is in the higher realms of thought that we may see most clearly how beautifully this rule works. Suppose that a man gains knowledge. He may impart his gain to a hundred others, yet he himself will have lost nothing. Not only so, but even others, to whom he does not impart it, will gain indirectly from his possession of it. Because he has this added knowledge, he is by so much a wiser and more useful man; his words should be the more

Đây chỉ là một ví dụ hời hợt từ thế giới vật lý; chính trong cõi tư tưởng cao hơn, chúng ta mới có thể thấy rõ ràng nhất quy luật này hoạt động tuyệt vời như thế nào. Giả sử rằng một người đạt được kiến thức. Y có thể truyền đạt lợi ích của mình cho một trăm người khác, nhưng bản thân y sẽ không mất gì. Không chỉ vậy, mà ngay cả những người khác, những người mà y không truyền đạt kiến thức đó, cũng sẽ gián tiếp được hưởng lợi từ việc y sở hữu nó. Bởi vì y có thêm kiến thức này, nên y trở thành một người khôn

weighty, his actions the more sagacious, and so others around him should be the better for his learning.

ngoan hơn và hữu ích hơn; lời nói của y sẽ có trọng lượng hơn, hành động của y sẽ khôn ngoan hơn, và do đó, những người xung quanh y sẽ tốt hơn nhờ sự học hỏi của y.

We may go deeper still. Since the man knows more, not only his words and action but his thoughts will be wiser than before. His thought-forms will be better, the waves flowing from his mental body higher and richer; and these must inevitably produce their result upon the mental bodies of others around him. Like all other waves in nature they tend to reproduce themselves, to provoke a similar rate of undulation in anything with which they come into contact. The same natural law, by the action of which in the physical world you are able to boil the water for your tea or to toast your bread at the fire, makes it absolutely certain that the good effects of additional wisdom will influence others, even though the possessor speaks never a word.

Chúng ta có thể đi sâu hơn nữa. Vì người đó biết nhiều hơn, nên không chỉ lời nói và hành động của y mà cả suy nghĩ của y cũng sẽ khôn ngoan hơn trước. Các hình tư tưởng của y sẽ tốt hơn, các làn sóng chảy ra từ thể trí của y cao hơn và phong phú hơn; và những điều này chắc chắn phải tạo ra kết quả của chúng trên thể trí của những người khác xung quanh y. Giống như tất cả các làn sóng khác trong tự nhiên, chúng có xu hướng tái tạo chính chúng, kích động tốc độ dao động tương tự trong bất cứ thứ gì mà chúng tiếp xúc. Cùng một quy luật tự nhiên, bằng tác động của nó trong thế giới vật lý, bạn có thể đun sôi nước để pha trà hoặc nướng bánh mì trên lửa, khiến cho chắc chắn tuyệt đối rằng những tác động tốt của trí tuệ bổ sung sẽ ảnh hưởng đến những người khác, ngay cả khi người sở hữu nó không bao giờ nói một lời.

That is why in all religions so much importance is attached to the company of the good, the wise, the pure. Human qualities are infectious, and it is of the greatest moment that we should be careful to which of them we subject ourselves.

Đó là lý do tại sao trong tất cả các tôn giáo, người ta rất coi trọng việc kết giao với những người tốt, người khôn ngoan, người thanh khiết. Những phẩm chất của con người có tính lây lan, và điều quan trọng nhất là chúng ta nên cẩn thận với những phẩm chất nào mà chúng ta tiếp xúc.

Take another instance. Suppose that you gain the valuable power of self-control. Perhaps you were formerly a passionate man, and now you have learnt to check that outpouring of force, and to hold it in subjection. Let us see how that affects others about you. In the physical world it is unquestionably pleasanter for them, but them, but let us consider the effect on their finer vehicles.

Lấy một ví dụ khác. Giả sử rằng bạn có được sức mạnh quý giá của sự tự chủ. Có lẽ trước đây bạn là một người dễ nổi nóng, và bây giờ bạn đã học được cách kiểm soát sự bộc phát sức mạnh đó, và giữ nó trong sự khuất phục. Chúng ta hãy xem điều đó ảnh hưởng đến những người khác xung quanh bạn như thế nào. Trong thế giới vật lý, điều đó chắc chắn dễ chịu hơn cho họ, nhưng chúng ta hãy xem xét ảnh hưởng của nó đối với các thể tinh tế hơn của họ.

When in earlier days you allowed yourself to get into a rage, great waves of strong wrath poured out from you in all directions. No one who has seen the illustration of such an outrush as that which appears in *Man Visible and Invisible*, will need to be told what disastrous effects such waves must have produced upon the astral bodies of those who were so unfortunate as to be near you. Perhaps one of those men was himself struggling the same evil habit. If so, the emanations of your fury stirred up similar

Khi xưa, khi bạn cho phép mình nổi cơn thịnh nộ, những làn sóng phẫn nộ mạnh mẽ đã tuôn ra từ bạn theo mọi hướng. Bất kỳ ai đã xem hình minh họa về sự bùng phát như vậy xuất hiện trong Con Người Hữu Hình và Vô Hình, sẽ không cần phải được cho biết những tác động tai hại mà những làn sóng như vậy phải tạo ra trên thể cảm xúc của những người không may ở gần bạn. Có lẽ một trong những người đó cũng đang đấu tranh với cùng một thói quen xấu xa đó. Nếu vậy, những phát xạ từ cơn thịnh nộ của bạn đã khuấy động

activity in his astral body, and so you strengthened that evil, you made your brother's task harder, and his burden heavier to bear than it otherwise would have been. And once more I must insist that you have no right to do that.

hoạt động tương tự trong thể cảm xúc của y, và do đó, bạn đã củng cố điều xấu xa đó, bạn đã khiến nhiệm vụ của huynh đệ mình trở nên khó khăn hơn, và gánh nặng của y nặng nề hơn so với những gì lẽ ra phải chịu đựng. Và một lần nữa, tôi phải nhấn mạnh rằng bạn không có quyền làm điều đó.

But now that you have gained self-control, all this is most happily changed. Still you radiate vibrations, for that is Nature's law, but now they are no longer the lurid flashes of anger, but the calm, measured sweep of the strong waves of love and peace. And these also impinge upon the astral body of your fellow man, and tend to reproduce themselves in him; and if he is fighting a battle against passion, their stately rhythm helps him and steadies him. Your force is being exerted on his side instead of against him, and so you lighten his burden, you aid him on his upward path. Is it not true then that in your gain he has gained also?

Nhưng bây giờ bạn đã đạt được sự tự chủ, tất cả những điều này đã thay đổi một cách hạnh phúc nhất. Bạn vẫn tỏa ra những rung động, vì đó là quy luật của Tự nhiên, nhưng bây giờ chúng không còn là những tia sáng giận dữ đáng sợ nữa, mà là sự quét qua êm đềm, có chừng mực của những làn sóng yêu thương và hòa bình mạnh mẽ. Và những điều này cũng tác động đến thể cảm xúc của đồng loại của bạn, và có xu hướng tái tạo chính chúng trong y; và nếu y đang chiến đấu với đam mê, nhịp điệu oai nghiêm của chúng sẽ giúp y và ổn định y. Sức mạnh của bạn đang được sử dụng về phía y thay vì chống lại y, và do đó, bạn làm nhẹ gánh nặng của y, bạn giúp y trên con đường tiến lên của y. Vậy chẳng phải là đúng khi nói rằng trong lợi ích của bạn, y cũng đã đạt được lợi ích sao?

Men are so inextricably linked together, humanity is so truly a unity amidst all its marvellous diversity, that no one can advance or recede without helping or hindering the progress of others. Wherefore it behoves us to take heed that we are among the helpers and not among the hinderers, and that no living being, whether man or animal, shall ever be the worse for any thought or word or deed of ours.

Con người được liên kết với nhau một cách phức tạp đến mức, nhân loại thực sự là một thể thống nhất giữa tất cả sự đa dạng kỳ diệu của nó, đến nỗi không ai có thể tiến lên hoặc lùi lại mà không giúp đỡ hoặc cản trở sự tiến bộ của những người khác. Vì vậy, chúng ta phải chú ý rằng chúng ta nằm trong số những người giúp đỡ chứ không phải trong số những người cản trở, và không một sinh vật sống nào, dù là con người hay động vật, sẽ trở nên tồi tệ hơn vì bất kỳ suy nghĩ, lời nói hay hành động nào của chúng ta.

CHAPTER XX - BY WHAT WE DO—BỞI NHỮNG GÌ CHÚNG TA LÀM

WORK FOR THE POOR

THE question of what we can do is one which it is impossible to treat fully, for the reason that each person has his own opportunities, and no two sets of opportunities are alike. We are often asked whether a Theosophist should undertake any of the ordinary charitable lines of work, which are not specially connected with the Theosophical Society. This is a question which each must answer for himself, because the answer to it depends on his special circumstances. I think that it may be laid down as a general rule that when there is specially Theosophical work that he can do, he should devote his time to that, because that is a kind of business that only he can do, whereas many other people can do the ordinary charitable labour as well as he.

Take for example a case of what is called slum work, the direct help of the poor by visiting them and carrying to them various small comforts. None can deny that this is a most excellent thing to do, and that it sadly needs doing; but if one is to choose between spending a certain time in this distinctly physical occupation and doing something in a higher world which will tend to bring nearer the time when slums shall no longer exist, then I say that the latter is the greater work to do and the better way of employing the time, for only one who has studied Theosophy can help to spread the Theosophical teaching, whereas any good and kind-hearted person, of whatever class, can undertake the task of carrying food and blankets to the poor.

It is good work, surely, to help to make a road, but we should not put to that task of road-making a man who has qualified himself as an engineer or a doctor. Any man who has a talent in a certain direction or has the knowledge necessary to enable him to work in a particular way, should be employed along his special line, for there are only a few who can do that, whereas anyone can do the unskilled labour of the world, and there are

CÔNG VIỆC CHO NGƯỜI NGHÈO

Câu hỏi chúng ta có thể làm gì là một câu hỏi không thể giải quyết trọn vẹn, vì lý do mỗi người đều có cơ hội của riêng mình, và không có hai bộ cơ hội nào giống nhau. Chúng tôi thường được hỏi liệu một Thông Thiên Học có nên đảm nhận bất kỳ công việc từ thiện thông thường nào không, những công việc không liên quan đặc biệt đến Hội Thông Thiên Học. Đây là câu hỏi mà mỗi người phải tự trả lời, bởi vì câu trả lời cho nó phụ thuộc vào hoàn cảnh đặc biệt của họ. Tôi nghĩ rằng có thể đưa ra một quy tắc chung rằng khi có công việc Thông Thiên Học đặc biệt mà người đó có thể làm, thì người đó nên dành thời gian cho việc đó, bởi vì đó là loại công việc mà chỉ người đó mới có thể làm được, trong khi nhiều người khác có thể làm công việc từ thiện thông thường cũng như người đó.

Lấy ví dụ trường hợp cái được gọi là công việc ở khu ổ chuột, sự giúp đỡ trực tiếp cho người nghèo bằng cách đến thăm họ và mang đến cho họ nhiều tiện nghi nhỏ. Không ai có thể phủ nhận rằng đây là một điều rất tuyệt vời để làm, và điều đó rất cần được thực hiện; nhưng nếu người ta phải lựa chọn giữa việc dành một khoảng thời gian nhất định trong công việc rõ ràng là thể chất này và làm điều gì đó trong một thế giới cao hơn, điều này sẽ có xu hướng đưa thời gian đến gần hơn khi các khu ổ chuột không còn tồn tại, thì tôi nói rằng điều thứ hai là công việc lớn hơn để làm và cách sử dụng thời gian tốt hơn, bởi vì chỉ những người đã nghiên cứu Thông Thiên Học mới có thể giúp truyền bá giáo lý Thông Thiên Học, trong khi bất kỳ người tốt bụng và nhân hậu nào, thuộc bất kỳ tầng lớp nào, đều có thể đảm nhận nhiệm vụ mang thức ăn và chăn cho người nghèo.

Đó chắc chắn là một công việc tốt, để giúp làm đường, nhưng chúng ta không nên giao nhiệm vụ làm đường đó cho một người đã đủ tiêu chuẩn làm kỹ sư hoặc bác sĩ. Bất kỳ người nào có tài năng theo một hướng nhất định hoặc có kiến thức cần thiết để cho phép họ làm việc theo một cách cụ thể, thì nên được tuyển dụng theo đúng chuyên môn của họ, bởi vì chỉ có một số ít người có thể làm được điều đó, trong khi bất kỳ ai cũng có thể

vast numbers who can do *only* that. Therefore it seems to me that when a Theosophist can employ his time in spreading and teaching Theosophy, he should not put this aside in order to take up a more ordinary kind of work for the world. But if he is so situated that he cannot do anything for the Theosophical propaganda which is his speciality, he ought certainly then to employ his spare time in the highest type of charitable labour within his reach.

làm những công việc phổ thông của thế giới, và có rất nhiều người chỉ có thể làm được điều đó. Do đó, đối với tôi, dường như khi một Thông Thiên Học có thể sử dụng thời gian của mình để truyền bá và giảng dạy Thông Thiên Học, thì người đó không nên gạt điều này sang một bên để đảm nhận một loại công việc thông thường hơn cho thế giới. Nhưng nếu người đó ở trong tình huống không thể làm bất cứ điều gì cho sự tuyên truyền Thông Thiên Học vốn là chuyên môn của mình, thì chắc chắn người đó nên sử dụng thời gian rảnh rỗi của mình vào loại hình lao động từ thiện cao nhất trong tầm tay của mình.

What is required is that he should cultivate a spirit of benevolence, that he should be eagerly watching all day long for opportunities of being helpful. Best of course if he can be useful in the highest way, is guiding people towards Theosophy, but when that is not for the moment possible, he should be helpful in a more ordinary manner. He should employ himself in sending out benevolent thoughts, or in making people happy in the physical world. He should import the idea of helpfulness into every little daily action. Each man must decide for himself how he can best do this, and his study of the hidden side of things will offer him many suggestions; for it makes daily life much more interesting, and enables us much more useful than we could be without it.

Điều cần thiết là người đó phải trau dồi tinh thần nhân ái, rằng người đó phải háo hức theo dõi cả ngày để tìm kiếm cơ hội giúp đỡ người khác. Tất nhiên, tốt nhất là nếu người đó có thể hữu ích theo cách cao nhất, là hướng dẫn mọi người đến với Thông Thiên Học, nhưng khi điều đó không thể thực hiện được trong lúc này, thì người đó nên giúp đỡ theo cách thông thường hơn. Người đó nên tự sử dụng bản thân để gửi đi những suy nghĩ nhân ái, hoặc làm cho mọi người hạnh phúc trong thế giới vật chất. Người đó nên đưa ý tưởng về sự hữu ích vào mọi hành động nhỏ nhặt hàng ngày. Mỗi người phải tự quyết định xem mình có thể làm điều này tốt nhất như thế nào, và việc nghiên cứu mặt khuất của vạn vật sẽ mang đến cho người đó nhiều gợi ý; vì nó làm cho cuộc sống hàng ngày trở nên thú vị hơn nhiều, và cho phép chúng ta hữu ích hơn nhiều so với việc không có nó.

It shows us that many apparently trivial actions reach further than we think, and therefore impresses strongly upon us the necessity for living carefully and recollectedly. It shows a man that every action has its effect upon those around him, even when it seems on the surface to concern himself alone; that for this effect on others he is responsible, and that it offers him a welcome opportunity for doing good. When this is once grasped, he realises that he must order his life from this new point of view—that it must be spent, even in small things, not for himself, but for others. Many a man lives for others in the sense that he regulates his life on what he imagines others are thinking about him; but our student's altruism will be of another sort. He will put before himself for his guidance two stringent

Nó cho chúng ta thấy rằng nhiều hành động tưởng chừng như tầm thường lại có tác dụng xa hơn chúng ta nghĩ, và do đó, nó ghi nhớ sâu sắc vào chúng ta sự cần thiết phải sống cẩn thận và nhớ lại. Nó cho một người thấy rằng mọi hành động đều có ảnh hưởng đến những người xung quanh anh ta, ngay cả khi bề ngoài nó chỉ liên quan đến bản thân anh ta; rằng đối với ảnh hưởng này đối với người khác, anh ta phải chịu trách nhiệm, và rằng nó mang đến cho anh ta một cơ hội đáng hoan nghênh để làm điều tốt. Khi đã nắm bắt được điều này, người đó nhận ra rằng mình phải sắp xếp cuộc sống của mình từ quan điểm mới này — rằng nó phải được sử dụng, ngay cả trong những việc nhỏ nhặt, không phải cho bản thân mà cho người khác. Nhiều con người sống vì người khác theo nghĩa là họ điều chỉnh

rules:

cuộc sống của mình dựa trên những gì họ tưởng tượng người khác đang nghĩ về họ; nhưng lòng vị tha của học viên của chúng ta sẽ thuộc loại khác. Người đó sẽ đặt ra trước mắt mình hai quy tắc nghiêm ngặt để hướng dẫn:

That everything shall be done unselfishly.

Rằng mọi thứ sẽ được thực hiện một cách vị tha.

That everything shall be done with definite purpose, and as perfectly as he can do it.

Rằng mọi thứ sẽ được thực hiện với mục đích xác định, và hoàn hảo nhất có thể.

THE FORCE OF THE MASTER

SỨC MẠNH CỦA CHÂN SƯ

If he does this, if he lives in this way, the Powers who rule the world will soon recognise him and use him, for by living thus he makes himself a ready channel for the power of the Master, a valuable instrument in His hands. Truly, the help of the Holy Ones is given chiefly upon higher planes; but it is not confined to them; it acts in the physical world as well, if we give it the opportunity. The Master will not waste His strength in *forcing* a stream of His energy down into the dense matter of this lower world, because to do that would not be good spiritual economics; it would not be utilising that amount of energy to the best advantage. But if a man already living in our lower world so arranges his life as to make himself a fit channel for that energy, the position is altered, and it becomes worth the Master's while to make an effort which would not otherwise have been remunerative.

Nếu người đó làm điều này, nếu người đó sống theo cách này, thì các Đấng Sức mạnh cai quản thế giới sẽ sớm nhận ra người đó và sử dụng người đó, bởi vì bằng cách sống như vậy, người đó biến mình thành một kênh sẵn sàng cho sức mạnh của Chân sư, một công cụ quý giá trong tay của Ngài. Thật vậy, sự giúp đỡ của các Đấng Thánh chủ yếu được đưa ra trên các cõi cao hơn; nhưng nó không giới hạn ở họ; nó cũng hoạt động trong thế giới vật chất, nếu chúng ta cho nó cơ hội. Chân sư sẽ không lãng phí sức mạnh của mình vào việc ép một dòng năng lượng của Ngài xuống vật chất dày đặc của thế giới thấp hơn này, bởi vì làm như vậy sẽ không phải là kinh tế tinh thần tốt; nó sẽ không sử dụng lượng năng lượng đó một cách hiệu quả nhất. Nhưng nếu một người đã sống trong thế giới thấp hơn của chúng ta sắp xếp cuộc sống của mình để biến mình thành một kênh phù hợp cho năng lượng đó, thì vị trí sẽ bị thay đổi, và Chân sư sẽ nỗ lực hơn, điều mà nếu không thì sẽ không được đền đáp.

We have to remember that a channel must be open at both ends, not at one end only. The higher end of our channel consists in the devotion and unselfishness of the man, in the very fact that he is anxious to be used, and is ordering his life for that purpose. The lower end is the man's physical body, through which the influence must pass out, and this also needs careful attention, in order that it may not befoul the stream which the Master sends.

Chúng ta phải nhớ rằng một kênh phải được mở ở cả hai đầu, không chỉ ở một đầu. Đầu cao hơn của kênh của chúng ta bao gồm sự tận tâm và lòng vị tha của con người, trong chính thực tế là người đó mong muốn được sử dụng và đang sắp xếp cuộc sống của mình cho mục đích đó. Đầu thấp hơn là thể xác của con người, nơi mà ảnh hưởng phải đi qua, và điều này cũng cần được chú ý cẩn thận, để nó không làm vấy bẩn dòng chảy mà Chân sư gửi đến.

Remember that we are dealing with no vague abstraction, but with a physical though invisible fluid, which permeates the matter of the body and exudes through the pores of the skin, or is projected from the hands or feet. Therefore that

Hãy nhớ rằng chúng ta đang đề cập đến không phải là một sự trừu tượng mơ hồ, mà là một chất lỏng vật lý mặc dù vô hình, thấm vào vật chất của cơ thể và tỏa ra qua các lỗ chân lông trên da, hoặc được phóng ra từ bàn tay hoặc bàn chân. Do đó,

body must be pure inside, uncontaminated by flesh-foods, alcohol or tobacco; and it must also be kept scrupulously clean outside by frequent and thorough ablutions, especial attention being paid to the hands and feet. Otherwise the fluid, transmuted with so much care from higher planes, will be polluted as it passes through man, and will fail to achieve the object for which it was sent.

cơ thể đó phải tinh khiết từ bên trong, không bị nhiễm bẩn bởi thức ăn từ thịt, rượu hoặc thuốc lá; và nó cũng phải được giữ sạch sẽ một cách tỉ mỉ bên ngoài bằng cách tắm rửa thường xuyên và kỹ lưỡng, đặc biệt chú ý đến bàn tay và bàn chân. Nếu không, chất lỏng, được chuyển hóa rất cẩn thận từ các cõi cao hơn, sẽ bị ô nhiễm khi đi qua con người, và sẽ không đạt được mục tiêu mà nó được gửi đến.

Although this force radiates from the worthy student at all times, he can also gather it up and pour it out with definite intention upon a particular object. In a previous chapter it was explained how the ordinary man can protect himself from evil influence when shaking hands, or when surrounded by a crowd; but the student, instead of protecting himself, will make out of these unpleasing occurrences opportunities to act upon others. When he shakes hands with a man, he will send the Master's power rushing through his extended arm. The beginner may ask: "How can I do that? And even if I try, how can I be certain that I have succeeded?"

Mặc dù mãnh lực này tỏa ra từ người học viên xứng đáng mọi lúc, nhưng người đó cũng có thể thu thập nó và đổ nó ra với ý định xác định vào một đối tượng cụ thể. Trong một chương trước, người ta đã giải thích cách người bình thường có thể tự bảo vệ mình khỏi ảnh hưởng xấu khi bắt tay hoặc khi bị đám đông bao vây; nhưng người học viên, thay vì tự bảo vệ mình, sẽ biến những sự việc khó chịu này thành cơ hội để tác động đến người khác. Khi bắt tay một người, người đó sẽ gửi sức mạnh của Chân sư chạy qua cánh tay dang rộng của mình. Người mới bắt đầu có thể hỏi: "Làm cách nào tôi có thể làm được điều đó? Và ngay cả khi tôi cố gắng, làm cách nào tôi có thể chắc chắn rằng mình đã thành công? "

All that is needed here is a firm conviction and an intense resolve—a conviction, based upon his study, that this is a thing that can be done, and the intense resolve to do it, which comes from his deep devotion to the Master and his earnest desire to do His will. Success in all magical efforts depends upon the absolute confidence of the operator; a man who doubts his own capacity has already failed. So that all that is necessary is that he should mingle with the hearty welcome which he extends to his visitor the strong thought: "I give you herewith the love of the Master." In the same way, when he finds himself in a crowd, he will spread among the people that same influence of the Master's love; and that outpouring will be for him a far better protection than any shell.

Tất cả những gì cần thiết ở đây là một niềm tin vững chắc và một quyết tâm mãnh liệt — một niềm tin, dựa trên nghiên cứu của người đó, rằng đây là điều có thể làm được, và quyết tâm mãnh liệt để làm điều đó, đến từ lòng sùng kính sâu sắc của người đó đối với Chân sư và mong muốn tha thiết của người đó để làm theo ý muốn của Ngài. Thành công trong mọi nỗ lực huyền diệu phụ thuộc vào sự tự tin tuyệt đối của người thực hiện; một người nghi ngờ khả năng của chính mình thì đã thất bại. Vì vậy, tất cả những gì cần thiết là người đó nên hòa lẫn với lời chào nồng nhiệt mà người đó dành cho khách của mình với ý nghĩ mạnh mẽ: "Tôi xin gửi đến bạn tình yêu thương của Chân sư." Theo cách tương tự, khi người đó thấy mình đang ở trong đám đông, người đó sẽ lan truyền ảnh hưởng của tình yêu thương của Chân sư đến mọi người; và sự tuôn trào đó sẽ là sự bảo vệ tốt hơn nhiều so với bất kỳ lớp vỏ nào.

THE MANUFACTURE OF TALISMANS

CHẾ TẠO BÙA HỘ MỆNH

Another use which can be made of this force is to charge certain objects with it, thereby converting them into talismans. I have written before of the effects producible by such charms; I speak now of

Một công dụng khác có thể được tạo ra từ mãnh lực này là nạp nó vào một số vật thể nhất định, do đó biến chúng thành bùa hộ mệnh. Tôi đã viết trước đây về những tác động có thể tạo ra bởi

the process of their manufacture. The more advanced branches of this art require definite knowledge, obtainable only by an extended course of study; but any earnest man can make a temporary talisman which will be of great use to one who needs help.

những lá bùa như vậy; Bây giờ tôi nói về quá trình sản xuất của họ. Các nhánh cao hơn của nghệ thuật này đòi hỏi kiến thức nhất định, chỉ có thể đạt được bằng một quá trình học tập mở rộng; nhưng bất kỳ con người nghiêm túc nào cũng có thể làm một lá bùa hộ mệnh tạm thời sẽ rất hữu ích cho người cần giúp đỡ.

One who is accustomed to the work can perform any ordinary process of magnetisation or demagnetisation practically instantaneously by the mere exertion of his will; but the beginner usually finds it necessary to help himself in the concentration of his will by thinking carefully of the various stages of the process and using the appropriate gestures. Suppose, for example, that it is desirable to magnetise some small body (such as a ring, a locket, a penholder) in order to make it an amulet against fear; what is the easiest method of procedure?

Một người đã quen với công việc có thể thực hiện bất kỳ quá trình từ hóa hoặc khử từ thông thường nào gần như ngay lập tức chỉ bằng cách vận dụng ý chí của mình; nhưng người mới bắt đầu thường thấy cần phải tự giúp mình tập trung ý chí bằng cách suy nghĩ cẩn thận về các giai đoạn khác nhau của quá trình và sử dụng các cử chỉ thích hợp. Ví dụ, giả sử rằng cần phải từ hóa một số vật thể nhỏ (chẳng hạn như nhẫn, mặt dây chuyền, bút) để biến nó thành bùa hộ mệnh chống lại nỗi sợ hãi; phương pháp thủ tục dễ dàng nhất là gì?

Realise first exactly what is wanted. We wish to load that body with etheric, astral and mental matter heavily charged with a particular set of undulations—those of courage and confidence. The trained occultist would gather together each of those levels such types of matter as will most easily receive and retain vibrations of just that character; the beginner, knowing nothing, of that, must use whatever material comes to hand and so will have to expend a greater amount of force than would be exerted by his more experienced brother.

Trước tiên, hãy nhận ra chính xác những gì bạn muốn. Chúng ta muốn nạp đầy vật thể đó bằng vật chất dĩ thái, thể cảm dục và thể trí được nạp đầy một tập hợp các gợn sóng cụ thể — các gợn sóng của lòng can đảm và sự tự tin. Người theo huyền bí học được đào tạo sẽ tập hợp từng cấp độ đó những loại vật chất dễ dàng tiếp nhận và giữ lại các rung động của chính đặc điểm đó nhất; người mới bắt đầu, không biết gì về điều đó, phải sử dụng bất kỳ vật liệu nào có sẵn và do đó sẽ phải tiêu tốn một lượng mãnh lực lớn hơn so với người huynh đệ có kinh nghiệm hơn của họ.

The making of an amulet may be likened to the writing of an inscription, and the acquisition of the right kind of matter corresponds to obtaining a perfect surface on which to write. The beginner, who cannot do this must write with greater labour and less perfection of result upon the surface that happens to be available. The first difficulty that confronts him is that his sheet is not even a blank one; his paper already bears an inscription, which must be removed before he can use it. If, the ring or locket has been worn by anyone, it is already full of the magnetism of that person—magnetism which may be better or may be worse than that of the student, but is at any rate different from it, and so is an obstacle—just as any kind of writing, however good, which already fills a sheet of paper, stands in the way of its use for further writing. Even if the ring or pen-

Việc làm một lá bùa hộ mệnh có thể được ví như việc viết một dòng chữ, và việc thu nhận đúng loại vật chất tương ứng với việc có được một bề mặt hoàn hảo để viết. Người mới bắt đầu, người không thể làm điều này, phải viết với nhiều công sức hơn và kết quả kém hoàn hảo hơn trên bề mặt có sẵn. Khó khăn đầu tiên mà người đó gặp phải là tờ giấy của người đó thậm chí không phải là một tờ giấy trắng; giấy của người đó đã có một dòng chữ, phải được xóa bỏ trước khi người đó có thể sử dụng nó. Nếu, chiếc nhẫn hoặc mặt dây chuyền đã được ai đó đeo, thì nó đã chứa đầy từ tính của người đó — từ tính có thể tốt hơn hoặc có thể tệ hơn so với từ tính của học viên, nhưng dù sao cũng khác với nó, và do đó là một trở ngại — giống như bất kỳ loại chữ viết nào, dù tốt đến đâu, đã lấp đầy một tờ giấy, cản trở việc sử dụng nó để viết thêm. Ngay cả khi chiếc nhẫn hoặc chiếc bút

holder be quite new, it is likely to contain something of the special magnetism either of the maker or of the seller; so in any case the first thing is to remove whatever may be there—to obtain a clear sheet for our inscription. There are various methods by which this may be done; let me describe a simple one.

là hoàn toàn mới, thì nó cũng có khả năng chứa một thứ gì đó từ tính đặc biệt của nhà sản xuất hoặc người bán; vì vậy, trong mọi trường hợp, điều đầu tiên là phải loại bỏ bất cứ thứ gì có thể có ở đó — để có được một tờ giấy sạch cho dòng chữ của chúng ta. Có nhiều phương pháp mà điều này có thể được thực hiện; hãy để tôi mô tả một phương pháp đơn giản.

Rest the tip of the forefinger of the right hand against the end of the thumb, so as to make a ring, and imagine a film of ether stretched across that ring like the head of a drum. *Will* strongly that such a film should be made, and remember that that very effort of the will *does* make it, although you cannot see it. Remember also that it is essential to the success of the experiment that you should be quite certain of this fact—that your previous study should have convinced you that the human will has the power to arrange subtle matter in this or any other way.

Đặt đầu ngón trỏ của bàn tay phải vào đầu ngón tay cái, sao cho tạo thành một vòng, và tưởng tượng một lớp màng dĩ thái căng ngang vòng đó như đầu trống. Hãy quyết tâm mạnh mẽ rằng một lớp màng như vậy sẽ được tạo ra, và hãy nhớ rằng chính nỗ lực của ý chí đó đã tạo ra nó, mặc dù bạn không thể nhìn thấy nó. Cũng nên nhớ rằng điều cần thiết cho sự thành công của thí nghiệm là bạn phải hoàn toàn chắc chắn về sự thật này — rằng nghiên cứu trước đây của bạn sẽ thuyết phục bạn rằng ý chí của con người có sức mạnh để sắp xếp vật chất tinh vi theo cách này hoặc bất kỳ cách nào khác.

Then, keeping your attention firmly fixed upon that film, so as to hold it quite rigid, pass slowly through it the object to be demagnetised, and by so doing you will cleanse it entirely of the etheric part of its previous magnetism. I do not mean that you will leave it without etheric matter, but that every particle of such matter will be swept out and replaced; just as, if a tube is filled with gas and one blows strongly into one end of it, all the gas is driven out; but the tube is not therefore empty, as the pressure of the surrounding air immediately refills it. So the specially charged ether is dredged out of the locket or pen-holder, and its place is taken by the ordinary ether which interpenetrates the surrounding atmosphere.

Sau đó, giữ sự chú ý của bạn tập trung vào lớp màng đó, để giữ cho nó hoàn toàn cứng, từ từ đưa vật thể cần khử từ qua nó, và bằng cách đó, bạn sẽ làm sạch hoàn toàn phần dĩ thái của từ tính trước đó của nó. Ý tôi không phải là bạn sẽ để nó không có vật chất dĩ thái, mà là mọi hạt của vật chất đó sẽ bị cuốn trôi và thay thế; giống như, nếu một ống được đổ đầy khí và người ta thổi mạnh vào một đầu của nó, tất cả khí sẽ bị đẩy ra ngoài; nhưng ống không phải vì thế mà trống rỗng, vì áp suất của không khí xung quanh sẽ lấp đầy nó ngay lập tức. Vì vậy, dĩ thái được nạp đặc biệt được nạo ra khỏi mặt dây chuyền hoặc bút, và vị trí của nó được thay thế bằng dĩ thái thông thường xen lẫn vào bầu khí quyển xung quanh.

The next step is to let the etheric film dissolve, and replace it by one of astral matter, through which the object is again passed. The process may be repeated with a film of mental matter, and we shall then have the object entirely free on all three planes from any sort of specialised magnetism—a clean sheet, in fact, upon which we can write what we will. After a certain amount of practice the student can make a combined film containing etheric, astral and mental matter, so as to perform the whole operation by passing the object once through the ring.

Bước tiếp theo là để lớp màng dĩ thái tan ra, và thay thế nó bằng một lớp vật chất thể cảm dục, vật thể lại được đưa qua đó. Quá trình này có thể được lặp lại với một lớp màng vật chất trí tuệ, và sau đó chúng ta sẽ có vật thể hoàn toàn tự do trên cả ba cõi khỏi bất kỳ loại từ tính chuyên biệt nào — trên thực tế, một tờ giấy sạch mà chúng ta có thể viết những gì chúng ta muốn. Sau một số lượng thực hành nhất định, học viên có thể tạo ra một lớp màng kết hợp có chứa vật chất dĩ thái, thể cảm dục và thể trí, để thực hiện toàn bộ thao tác bằng cách đưa vật thể một lần qua vòng.

The operator must then exercise all his strength to fill himself with the qualities which he wishes the amulet to convey (in this case fearlessness and self-reliance), excluding for the moment all thought of other attributes and becoming the living incarnation of these. Then, when he has thus wound himself up to his highest level of enthusiasm, let him take the object in his left hand, or lay it on the table in front of him, and pour magnetism on it through the fingers of his right hand, all the time willing with his utmost strength that it shall be filled with the very essence of valour, calmness and intrepidity.

Sau đó, người thực hiện phải vận dụng hết sức mãnh lực của mình để lấp đầy bản thân bằng những phẩm chất mà người đó muốn bùa hộ mệnh truyền tải (trong trường hợp này là sự không sợ hãi và tự mãnh lực cánh sinh), loại trừ trong giây lát mọi suy nghĩ về các thuộc tính khác và trở thành hiện thân sống động của những điều này. Sau đó, khi người đó đã tự nâng mình lên đến mức nhiệt tình cao nhất, hãy để người đó cầm vật thể bằng tay trái, hoặc đặt nó trên bàn trước mặt mình, và đổ từ tính lên nó qua các ngón tay của bàn tay phải, tất cả thời gian sẵn sàng với sức mạnh tối đa của mình rằng nó sẽ được lấp đầy với chính bản chất của lòng dũng cảm, sự bình tĩnh và gan dạ.

It will probably help him in concentration if, while doing this, he repeats to himself firmly again and again such words as: “Courage, confidence, in the Name of the Master,” “Where this object is, may no fear enter,” or any others expressing a similar idea. Let him do this for a few minutes, never allowing his attention to swerve for a moment, and he need have no shade of doubt that he has made a really effective talisman.

Nó có thể sẽ giúp người đó tập trung nếu, trong khi làm điều này, người đó tự lặp lại một cách chắc chắn với chính mình những từ như: “Can đảm, tự tin, nhân danh Chân sư,” “Nơi nào có vật thể này, đừng sợ hãi xâm nhập”, hoặc bất kỳ từ nào khác thể hiện ý tưởng tương tự. Hãy để người đó làm điều này trong vài phút, không bao giờ để sự chú ý của mình bị chệch hướng dù chỉ một giây phút, và người đó không cần phải nghi ngờ gì rằng mình đã tạo ra một lá bùa hộ mệnh thực sự hiệu quả.

This process will probably occupy the tyro for some time, but a man who is accustomed to it does it quickly and easily. The trained occultist makes constant use of this power as a means of helping those with whom he comes into contact; he never despatches a letter, or even a postcard, without thinking what good gift of refreshing, consoling or strengthening magnetism he can send with it. He has at his command many other ways of making a talisman besides that which I

Quá trình này có thể sẽ chiếm của người mới tập một khoảng thời gian, nhưng một người đã quen với nó sẽ làm điều đó một cách nhanh chóng và dễ dàng. Người theo huyền bí học được đào tạo liên tục sử dụng sức mạnh này như một phương tiện để giúp đỡ những người mà người đó tiếp xúc; người đó không bao giờ gửi một bức thư, hoặc thậm chí một tấm bưu thiếp, mà không nghĩ đến món quà tốt đẹp nào về sự tươi mới, an ủi hoặc củng cố từ tính mà người đó có thể gửi kèm

have described; perhaps it may help towards a fuller comprehension of the subject if I enumerate some of them, even though they are quite beyond the reach of the ordinary student.

theo đó. Người đó có trong tay nhiều cách khác để làm bùa hộ mệnh ngoài cách mà tôi đã mô tả; có lẽ nó có thể giúp hiểu đầy đủ hơn về chủ đề này nếu tôi liệt kê một số trong số chúng, ngay cả khi chúng nằm ngoài tầm với của người học viên bình thường.

VARIETIES OF TALISMANS

Amulets are of all sorts and kinds—literally many thousands of kinds—but they may be arranged for our purposes into four classes, which we will call respectively general, adapted, ensouled and linked.

CÁC LOẠI BÙA HỘ MỆNH

Bùa hộ mệnh có đủ loại — theo nghĩa đen là hàng nghìn loại — nhưng chúng có thể được sắp xếp cho mục đích của chúng ta thành bốn loại, mà chúng ta sẽ lần lượt gọi là chung, thích nghi, có linh hồn và được liên kết.

1. General. The method which I have suggested above produces a talisman of this description. The trained man naturally obtains with less labour a better result, not only because he knows how to use his will effectively, but because he has learnt to select the most suitable materials; consequently the influence of his amulet is stronger, and lasts for many years instead of perhaps for a few months. This form of talisman is quite simple; its business is to pour out a steady stream of undulations expressing the quality with which it is charged, and it will continue to do this with undiminished vigour for a period the length of which depends upon the force originally put into it.

Chung. Phương pháp mà tôi đã đề xuất ở trên tạo ra một lá bùa hộ mệnh thuộc loại này. Người được đào tạo một cách tự nhiên đạt được kết quả tốt hơn với ít công sức hơn, không chỉ vì người đó biết cách sử dụng ý chí của mình một cách hiệu quả, mà còn vì người đó đã học cách chọn những vật liệu phù hợp nhất; do đó, ảnh hưởng của bùa hộ mệnh của người đó mạnh hơn và kéo dài trong nhiều năm thay vì có lẽ chỉ trong vài tháng. Hình thức bùa hộ mệnh này khá đơn giản; công việc của nó là tuôn ra một dòng ổn định các gợn sóng thể hiện phẩm chất mà nó được nạp, và nó sẽ tiếp tục làm điều này với sinh lực không suy giảm trong một khoảng thời gian mà độ dài của nó phụ thuộc vào mãnh lực ban đầu được đưa vào nó.

2. *Adapted.* The adapted amulet is one that has been carefully prepared to fit a particular person. Its maker studies the man for whom it is intended, and notes carefully the deficiencies in his mental, astral and etheric bodies. Then he culls from the matter of the various planes the ingredients of his talisman, just as a physician selects the drugs to compound into a prescription, choosing a certain type of essence in order to repress an undesirable astral tendency, another in order to stimulate the sluggish action of some defective department of mental activity, and so on. Thus he produces an amulet accurately adapted to the needs of a particular person, and capable of doing for that person enormously more than a general talisman can do; but it would be of little use to anyone else but the man for whom it is intended. It is like a skillfully-made key with many wards, which exactly fits its lock, but will not open any other;

Thích nghi. Bùa hộ mệnh thích ứng là loại bùa hộ mệnh đã được chuẩn bị cẩn thận để phù hợp với một người cụ thể. Người làm ra nó nghiên cứu con người mà nó được thiết kế, và ghi chép cẩn thận những thiếu sót trong thể trí, thể cảm dục và thể dĩ thái của người đó. Sau đó, người đó chọn ra từ vật chất của các cõi khác nhau các thành phần của bùa hộ mệnh của mình, giống như một bác sĩ chọn các loại thuốc để kết hợp thành một đơn thuốc, chọn một loại tinh chất nhất định để ngăn chặn xu hướng thể cảm dục không mong muốn, một loại khác để kích thích hoạt động chậm chạp của một số bộ phận hoạt động trí óc bị khiếm khuyết, v.v. Do đó, người đó tạo ra một lá bùa hộ mệnh được điều chỉnh chính xác theo nhu cầu của một người cụ thể, và có khả năng làm cho người đó nhiều hơn rất nhiều so với một lá bùa hộ mệnh chung có thể làm được; nhưng nó sẽ không có ích gì nhiều cho bất kỳ ai khác ngoài con người mà nó được thiết kế. Nó giống như một chiếc chìa

while a general talisman may be compared to a skeleton key, which will open many inferior locks, but does not perfectly suit any.

khóa được chế tạo khéo léo với nhiều then, khớp chính xác với ổ khóa của nó, nhưng sẽ không mở ra bất kỳ ổ khóa nào khác; trong khi một lá bùa hộ mệnh chung có thể được so sánh với một chiếc chìa khóa vạn năng, có thể mở nhiều ổ khóa kém hơn, nhưng không hoàn toàn phù hợp với bất kỳ ổ khóa nào.

3. *Ensouled.* Sometimes it is desired to establish a centre of radiation which, instead of acting for a few score years at most, shall continue its outpouring through the centuries. In this case it is not enough to charge the selected object with a dose of magnetic force—for, however large that dose may be, it must some time be exhausted; to produce this more permanent result we must bring into play some form of life; and for this purpose one of two methods is usually adopted.

Có linh hồn. Đôi khi người ta muốn thiết lập một trung tâm bức xạ mà thay vì hoạt động trong nhiều chục năm, sẽ tiếp tục tuôn trào qua nhiều thế kỷ. Trong trường hợp này, việc nạp vào vật thể được chọn một liều mãnh lực từ tính là chưa đủ — vì cho dù liều lượng đó lớn đến đâu, thì nó cũng phải cạn kiệt vào một lúc nào đó; để tạo ra kết quả lâu dài hơn này, chúng ta phải đưa vào hoạt động một số dạng sống; và vì mục đích này, một trong hai phương pháp thường được áp dụng.

The first is to include in the physical charm a minute fragment of one of those higher minerals which are sufficiently alive to throw out a ceaseless stream of particles. When that is done, the store of force poured into the amulet will last almost indefinitely longer, for instead of radiating steadily in all directions on its own account, it remains self-contained, and charges only the particles which pass through it. The work of distribution is thus done by the mineral, and a vast economy of energy is thereby secured.

Cách đầu tiên là bao gồm trong bùa mê vật lý một mảnh nhỏ của một trong những khoáng chất cao hơn đó, đủ sống để phát ra một dòng hạt liên tục. Khi điều đó được thực hiện, kho năng lượng được đổ vào bùa hộ mệnh sẽ tồn tại gần như vô thời hạn, bởi vì thay vì tỏa ra đều đặn theo mọi hướng, nó vẫn tự chứa và chỉ tích điện cho các hạt đi qua nó. Do đó, công việc phân phối được thực hiện bởi khoáng chất, và do đó, một lượng lớn năng lượng được tiết kiệm.

The second plan is so to arrange the ingredients of the talisman as to make it a means of manifestation for any one of certain comparatively undeveloped orders of nature-spirits. There are tribes of these creatures which, though full of energy and strongly desirous to do something with it, cannot express themselves unless they can find some sort of outlet. It is possible so to magnetise an amulet as to make it precisely the kind of outlet required, and thus to ensure the steady outflow through it of a stream of energy at high pressure, which may last for thousands of years, to the intense delight of the nature-spirits and the great benefit of all who approach the magnetised centre.

Kế hoạch thứ hai là sắp xếp các thành phần của bùa hộ mệnh sao cho nó trở thành phương tiện biểu hiện cho bất kỳ ai trong số các bậc tinh linh tự nhiên tương đối kém phát triển nhất định. Có những bộ lạc của những sinh vật này, mặc dù tràn đầy năng lượng và rất mong muốn làm điều gì đó với nó, nhưng không thể tự thể hiện mình trừ khi chúng có thể tìm thấy một số loại lối thoát. Có thể từ hóa một lá bùa hộ mệnh sao cho nó chính xác là loại lối thoát cần thiết, và do đó đảm bảo dòng năng lượng chảy ra đều đặn qua nó ở áp suất cao, có thể kéo dài hàng nghìn năm, đến niềm vui tột độ của các tinh linh tự nhiên và lợi ích to lớn của tất cả những ai tiếp cận trung tâm từ hóa.

4.*Linked.* The linked talisman differs completely from the other kinds in one important particular. All those previously described are made and set

Liên kết. Bùa hộ mệnh được liên kết khác hoàn toàn với các loại khác ở một điểm quan trọng. Tất cả những thứ được mô tả trước đây đều được tạo

going by their creators, and then left to run their course and live their life, just as a clockmaker constructs a timepiece and then sells it to a customer and knows no more about it. But the clockmaker sometimes chooses to remain in touch with his masterpiece, and undertakes to keep it wound and in order; and this corresponds to the arrangement made in the case of a linked talisman. Instead of merely loading the object with influence of a certain type, the operator when he magnetises it brings it into close *rapport* with himself, so that it may become a kind of outpost of his consciousness, a sort of telephone-receiver always connected with him, through which he can reach the holder or be reached by him.

ra và thiết lập bởi những người tạo ra chúng, và sau đó được để cho chúng tự vận hành và sống cuộc sống của chúng, giống như một người thợ làm đồng hồ chế tạo một chiếc đồng hồ và sau đó bán nó cho một khách hàng và không biết gì thêm về nó. Nhưng người thợ làm đồng hồ đôi khi chọn cách giữ liên lạc với kiệt tác của mình, và cam kết giữ cho nó hoạt động và theo thứ tự; và điều này tương ứng với sự sắp xếp được thực hiện trong trường hợp bùa hộ mệnh được liên kết. Thay vì chỉ nạp vào vật thể ảnh hưởng của một loại nhất định, người thực hiện khi từ hóa nó sẽ đưa nó vào mối quan hệ gần gũi với chính mình, để nó có thể trở thành một loại tiền đồn của tâm thức của người đó, một loại ống nghe điện thoại luôn được kết nối với người đó, thông qua đó người đó có thể tiếp cận người nắm giữ hoặc được người đó tiếp cận.

An amulet of this type does not work mechanically upon the gyroscope principle, as the others do; or perhaps I should rather say it has a slight action of that sort, because it so strongly suggests the presence of it creator that it often acts as a deterrent, preventing the wearer from doing what he would not like the maker to see him do; but its principal action is of quite another kind. It makes a link through which the wearer can at a critical moment send a cry for help to its builder, who will instantly feel the appeal and respond by an outpouring of strength of whatever type may be required.

Một lá bùa hộ mệnh thuộc loại này không hoạt động một cách máy móc theo nguyên tắc con quay hồi chuyển, như những loại khác; hoặc có lẽ tôi nên nói rằng nó có một hành động nhỏ thuộc loại đó, bởi vì nó gợi ý rất mạnh mẽ về sự hiện diện của người tạo ra nó nên nó thường hoạt động như một sự ngăn cản, ngăn cản người đeo làm những gì người đó không muốn người tạo ra nhìn thấy mình làm; nhưng hành động chính của nó thuộc loại hoàn toàn khác. Nó tạo ra một liên kết mà thông qua đó người đeo có thể gửi lời kêu cứu đến người tạo ra nó vào thời điểm quan trọng, người đó sẽ ngay lập tức cảm nhận được lời kêu gọi và đáp lại bằng cách tuôn trào sức mạnh thuộc bất kỳ loại nào có thể được yêu cầu.

Its manufacturer can also use it as a channel through which he can send periodic waves of influence, and so administer a course of treatment—a kind of emotional or mental massage. Such a method of handling a case (I believe our Christian Science friends call it "absent treatment") may be undertaken without an amulet, merely by projecting astral and mental currents; but a talisman makes the work easier, and enables the operator to deal more readily with the etheric double of the subject.

Nhà sản xuất của nó cũng có thể sử dụng nó như một kênh mà qua đó người đó có thể gửi các sóng ảnh hưởng định kỳ, và do đó quản lý một liệu trình điều trị — một loại massage cảm xúc hoặc trí tuệ. Một phương pháp xử lý một trường hợp như vậy (tôi tin rằng những người bạn Khoa học Cơ đốc của chúng ta gọi nó là "điều trị vắng mặt") có thể được thực hiện mà không cần bùa hộ mệnh, chỉ đơn thuần bằng cách chiếu các dòng thể cảm dục và thể trí; nhưng bùa hộ mệnh giúp công việc dễ dàng hơn và cho phép người thực hiện xử lý dễ dàng hơn với thể dĩ thái của đối tượng.

Usually the link is made only in the physical, astral and lower mental worlds, and is therefore

Thông thường, liên kết chỉ được thực hiện trong thế giới vật chất, thể cảm dục và thể trí thấp hơn,

confined to the personality of its constructor; but there are instances when a Great One has chosen to link a physical talisman to Himself in His causal body, and then its influence lasts through the ages. This was done in the case of the physical objects buried at various points of future importance by Apollonius of Tyana.

và do đó bị giới hạn trong nhân cách của người tạo ra nó; nhưng có những trường hợp mà một Đấng Vĩ đại đã chọn liên kết một lá bùa hộ mệnh vật lý với Chính Ngài trong thể nguyên nhân của Ngài, và sau đó ảnh hưởng của nó kéo dài qua nhiều thời đại. Điều này đã được thực hiện trong trường hợp các vật thể bị chôn vùi tại các điểm quan trọng trong tương lai bởi Apollonius của Tyana.

DEMAGNETISATION

KHỬ TỪ

It not infrequently occurs that it is desirable to demagnetise objects which are larger than those instanced above. In such cases one may hold the two hands at the requisite distance apart, and imagine a broad band of etheric matter extending between them, with which the previous magnetism can be dredged out as before. Another plan is to hold the two hands one on each side of the object, and send a strong stream of etheric matter through it from one hand to the other, thus washing away the undesired influence. The same force can often be employed in the same way to relieve pain. A headache, for example, is usually either caused or accompanied by a congestion of etheric matter in the brain, and it can often be cured by that same plan of putting the hands one on each side of the sufferer's temples and washing away the congested matter by an effort of the will.

Không thường xuyên xảy ra rằng người ta muốn khử từ các vật thể lớn hơn các vật thể được nêu ở trên. Trong những trường hợp như vậy, người ta có thể giữ hai tay ở khoảng cách cần thiết, và tưởng tượng một dải rộng vật chất dĩ thái kéo dài giữa chúng, mà từ tính trước đó có thể được nạo ra như trước. Một kế hoạch khác là giữ hai tay ở hai bên của vật thể, và gửi một luồng vật chất dĩ thái mạnh xuyên qua nó từ tay này sang tay kia, do đó loại bỏ ảnh hưởng không mong muốn. Cùng một mãnh lực thường có thể được sử dụng theo cách tương tự để giảm đau. Ví dụ, đau đầu thường do tắc nghẽn vật chất dĩ thái trong não gây ra hoặc đi kèm với nó, và nó thường có thể được chữa khỏi bằng cách đặt hai tay vào hai bên thái dương của người bệnh và loại bỏ vật chất bị tắc nghẽn bằng một nỗ lực của ý chí.

Another use to which the power of demagnetisation can be put is to clear objectionable influences out of a room. One may have a visitor who leaves an unpleasant atmosphere behind him; or one may find uncomfortable astral conditions prevailing in one's apartment at a hotel; and if such an emergency arises, it is useful to know how to deal with it. One practised in these mild forms of magic would manage the business in a few moments by the exercise of his trained will; but the younger student will probably find it better to employ intermediate means, precisely as the Catholic Church does.

Một công dụng khác mà sức mạnh của sự khử từ có thể được sử dụng là để xóa bỏ những ảnh hưởng khó chịu ra khỏi phòng. Người ta có thể có một vị khách để lại bầu không khí khó chịu phía sau; hoặc người ta có thể thấy các điều kiện thể cảm dục không thoải mái đang thịnh hành trong căn hộ của mình tại một khách sạn; và nếu một trường hợp khẩn cấp như vậy phát sinh, sẽ rất hữu ích nếu biết cách xử lý nó. Một người thực hành các hình thức huyền thuật nhẹ nhàng này sẽ quản lý công việc kinh doanh trong vài phút bằng cách vận dụng ý chí được rèn luyện của mình; nhưng người học viên trẻ tuổi có lẽ sẽ thấy tốt hơn nên sử dụng các phương tiện trung gian, chính xác như Giáo hội Công giáo đã làm.

The cubic content of even a small room is too great for the employment of the dredging tactics previously recommended, so we must invoke the great principle of sympathy and antipathy, and

Dung tích khối ngay cả của một căn phòng nhỏ cũng quá lớn để sử dụng các chiến thuật nạo vét đã được khuyến nghị trước đó, vì vậy chúng ta phải viện dẫn nguyên tắc vĩ đại về thiện cảm và

set up within the room a series of vibrations so hostile to the evil influence that the latter is dominated or driven forth. To create such an undulation is not difficult; but means must be found for spreading it rapidly all over the room. One ready method is the burning of incense or pastilles; another is sprinkling of water; but both incense and water must first be passed through the process recommended for the making of a talisman. Their original magnetism must be removed, and they must be loaded with the thought of purity and peace. If that be thoroughly done, when the incense is burned, its particles (each bearing the desired influence) will quickly be disseminated through every cubic inch of air in the room; or if water be used and sprinkled about the chamber, each drop of it will at once become a centre of active radiation. A vaporiser is an even more effective method of distribution; and if rose-water be used instead of ordinary water, the work of the student will be considerably facilitated.

ác cảm, và thiết lập trong phòng một loạt các rung động thù địch với ảnh hưởng xấu đến mức sau này bị chi phối hoặc bị xua đuổi. Để tạo ra một gợn sóng như vậy không khó; nhưng phải tìm ra phương tiện để lan truyền nó nhanh chóng ra khắp phòng. Một phương pháp sẵn có là đốt hương hoặc viên nén; một cách khác là rắc nước; nhưng cả hương và nước trước tiên phải được thông qua quy trình được khuyến nghị để làm bùa hộ mệnh. Từ tính ban đầu của chúng phải được loại bỏ, và chúng phải được nạp đầy với suy nghĩ về sự thuần khiết và hòa bình. Nếu điều đó được thực hiện một cách triệt để, khi hương được đốt cháy, các hạt của nó (mỗi hạt mang ảnh hưởng mong muốn) sẽ nhanh chóng được khuếch tán qua từng inch khối không khí trong phòng; hoặc nếu sử dụng nước và rắc khắp phòng, mỗi giọt nước sẽ ngay lập tức trở thành một trung tâm bức xạ hoạt động. Máy phun sương thậm chí còn là một phương pháp phân phối hiệu quả hơn; và nếu sử dụng nước hoa hồng thay vì nước thông thường, công việc của học viên sẽ được tạo điều kiện thuận lợi hơn đáng kể.

The method of action of these etheric or astral disinfectants is obvious. The disturbing influence of which we desire to rid ourselves expresses itself in etheric and astral waves of a certain length. Our magnetic efforts fill the room with another set of waves, different in length and more powerful, because they have been intentionally set swinging, which probably the others were not. The two sets of inharmonious vibrations cannot co-exist, and so the stronger overpowers and extinguishes the weaker.

Phương thức hoạt động của các chất khử trùng dĩ thái hoặc thể cảm dục này là rõ ràng. Ảnh hưởng gây nhiễu mà chúng ta muốn loại bỏ tự biểu hiện trong các sóng dĩ thái và thể cảm dục có độ dài nhất định. Những nỗ lực từ tính của chúng ta lấp đầy căn phòng bằng một tập hợp các sóng khác, có độ dài khác nhau và mạnh mẽ hơn, bởi vì chúng đã được cố ý thiết lập để dao động, có lẽ những người khác thì không. Hai tập hợp rung động không hài hòa không thể cùng tồn tại, và do đó, cái mạnh hơn sẽ chế ngự và dập tắt cái yếu hơn.

These are some of the ways in which the force that dwells within man, the force that flows through man, may be used. In this case, as in every other, knowledge is power, in this case, as in every other, additional power means additional responsibility and additional opportunity. If you can readily develop this power, if you can do these things quickly and easily, so much the better for you, so long as you use this advantage unselfishly, and make the world by its means a little happier, a little better, a little cleaner as the result of your efforts.

Đây là một số cách mà mãnh lực cư trú bên trong con người, mãnh lực chảy qua con người, có thể được sử dụng. Trong trường hợp này, cũng như trong mọi trường hợp khác, kiến thức là sức mạnh, trong trường hợp này, cũng như trong mọi trường hợp khác, sức mạnh bổ sung có nghĩa là trách nhiệm bổ sung và cơ hội bổ sung. Nếu bạn có thể dễ dàng phát triển sức mạnh này, nếu bạn có thể làm những điều này một cách nhanh chóng và dễ dàng, thì càng tốt cho bạn, miễn là bạn sử dụng lợi thế này một cách vị tha, và nhờ đó mà làm cho thế giới hạnh phúc hơn một chút, tốt đẹp hơn một chút, sạch sẽ hơn một chút do kết quả của những nỗ lực của bạn.

DO LITTLE THINGS WELL

Remember the second maxim—that everything shall be done as perfectly as we can do it. Charge your letter with magnetism and make a talisman of it, by all means; you will do great good thereby; but do not forget that the mere physical handwriting must be perfect also—first, out of courtesy to the recipient, and secondly, because all work done for the Master must be done with the utmost care, even to the minutest detail. And as *all* our work is work for Him, executed in His name and to His glory, that means that nothing must ever be done carelessly. In this, too, unselfishness may be applied; no one has the right to cause trouble to another by illegible handwriting—to save a few moments of his own time by wasting many minutes of another's.

We must not think that because we know more of the hidden side of things than others, and so are able to add unexpected blessings to daily acts, we are thereby absolved from doing the ordinary part of those acts to the very best of our ability. Not worse but better than that of others must our work be, in every respect and from every point of view, for the honour of the Master whom we serve. *What* the work is that He gives us, matters little; that it should be nobly done matters supremely. And the man who, all his life through, does the small, daily details well and carefully, will not be found wanting when some day he suddenly finds himself face to face with a great opportunity.

The little things in life weigh more than the big things; there are so many of them, and it is so much more difficult to go on steadily doing them. Saint Augustine remarked: "Many there be who will die for Christ, but few there be who will live for Him." Many of us would instantly and gladly do some great thing for the Master; but He does not commonly ask for that. He asks us to live our daily life nobly, not for ourselves but for others; to forget ourselves, only to remember the good of

LÀM NHỮNG VIỆC NHỎ MỘT CÁCH TỐT

Hãy nhớ phương châm thứ hai — rằng mọi thứ sẽ được thực hiện một cách hoàn hảo nhất có thể. Hãy nạp đầy từ tính cho bức thư của bạn và biến nó thành bùa hộ mệnh bằng mọi cách; bạn sẽ làm được nhiều điều tốt đẹp nhờ đó; nhưng đừng quên rằng chỉ riêng chữ viết tay cũng phải hoàn hảo — trước hết, vì lịch sự với người nhận, và thứ hai, bởi vì tất cả công việc làm cho Chân sư phải được thực hiện hết sức cẩn thận, ngay cả những chi tiết nhỏ nhất. Và vì tất cả công việc của chúng ta đều là công việc cho Ngài, được thực hiện nhân danh Ngài và vì vinh quang của Ngài, điều đó có nghĩa là không có gì được phép làm một cách cẩu thả. Trong việc này, lòng vị tha cũng có thể được áp dụng; không ai có quyền gây rắc rối cho người khác bằng chữ viết tay khó đọc — để tiết kiệm một vài phút thời gian của mình bằng cách lãng phí nhiều phút của người khác.

Chúng ta không nên nghĩ rằng bởi vì chúng ta biết nhiều hơn về mặt khuất của vạn vật so với những người khác, và do đó có thể thêm những phước lành bất ngờ vào các hành động hàng ngày, nên chúng ta được miễn trừ khỏi việc thực hiện phần thông thường của những hành động đó một cách tốt nhất có thể. Công việc của chúng ta phải tốt hơn, chứ không phải tệ hơn so với những người khác, về mọi mặt và từ mọi quan điểm, vì danh dự của Chân sư mà chúng ta phụng sự. Công việc mà Ngài giao cho chúng ta là gì không quan trọng; rằng nó nên được thực hiện một cách cao quý là điều tối quan trọng. Và con người mà, trong suốt cuộc đời của mình, thực hiện các chi tiết nhỏ nhặt hàng ngày một cách tốt đẹp và cẩn thận, sẽ không bị phát hiện ra thiếu sót khi một ngày nào đó anh ta đột nhiên thấy mình đối mặt với một cơ hội lớn.

Những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống có sức nặng hơn những điều lớn lao; có rất nhiều thứ trong số chúng, và việc tiếp tục thực hiện chúng một cách đều đặn sẽ khó khăn hơn rất nhiều. Thánh Augustine nhận xét: "Có nhiều người sẽ chết vì Chúa Kitô, nhưng có ít người sẽ sống vì Ngài." Nhiều người trong chúng ta sẽ ngay lập tức và vui vẻ làm một điều gì đó to lớn cho Chân sư; nhưng Ngài thường không yêu cầu điều đó. Ngài yêu cầu chúng ta sống cuộc sống hàng ngày của

mankind. Let us then form the habit of helpfulness—for it soon becomes a habit, like everything else. It certainly makes life more interesting; and, above all, it brings us every day nearer to Him.

mình một cách cao quý, không phải vì bản thân chúng ta mà vì những người khác; quên mình đi, chỉ nhớ đến lợi ích của nhân loại. Vậy thì chúng ta hãy hình thành thói quen giúp đỡ — vì nó sẽ sớm trở thành thói quen, giống như mọi thứ khác. Nó chắc chắn làm cho cuộc sống thú vị hơn; và trên hết, nó đưa chúng ta đến gần Ngài hơn mỗi ngày.

WRITING A LETTER

VIẾT THƯ

I mentioned some pages back that an occultist never despatches a letter without putting into it something of strength and encouragement; but it does not need person of a great advancement to perform so elementary an act of magic as this. Anyone may do it with a little trouble, when be understands how these forces work.

Tôi đã đề cập ở một số trang trước rằng một người theo huyền bí học không bao giờ gửi một bức thư mà không đặt vào đó một điều gì đó về sức mạnh và sự khích lệ; nhưng không cần một người có trình độ cao để thực hiện một hành động huyền thuật cơ bản như thế này. Bất cứ ai cũng có thể làm được điều đó với một chút rắc rối, khi người đó hiểu cách các mãnh lực này hoạt động.

We all know that when a psychometrist takes a letter into his hand he can describe the personal appearance of the writer, the condition of his mind at the time of writing, the room in which he was sitting, any other people who happened to be present, and even the surrounding scenery.

Tất cả chúng ta đều biết rằng khi một nhà đo tinh thần cầm một bức thư trên tay, người đó có thể mô tả ngoại hình cá nhân của người viết, trạng thái tâm trí của người viết tại thời điểm viết, căn phòng mà người viết đang ngồi, bất kỳ người nào khác tình cờ có mặt, và thậm chí cả phong cảnh xung quanh.

It is manifest, therefore, that a letter brings with it much more than the message written in it, and though only one who is developed as a psychometrist may be able to sense this with sufficient clearness to reduce it to actual vision, yet an effect of some sort must obviously be produced even upon those who do not fully see. The vibrations upon which the psychometrist's observations are founded are there, whether there is or is not anyone present who can see by their means, and they must affect to some extent anyone with whom they come directly into contact. This being so, we see that here is an opportunity for the person who understands. The student can learn the operation of these forces, and can then direct them intelligently as he will.

Rõ ràng là một lá thư mang theo nhiều thứ hơn là thông điệp được viết trong đó, và mặc dù chỉ có người được phát triển như một nhà trắc tâm mới có thể cảm nhận được điều này với độ rõ ràng đủ để biến nó thành hình ảnh thực tế, nhưng rõ ràng là một số loại hiệu ứng phải được tạo ra ngay cả đối với những người không nhìn thấy đầy đủ. Các rung động mà các quan sát của nhà trắc tâm dựa vào đều ở đó, cho dù có hay không có bất kỳ ai hiện diện có thể nhìn thấy bằng phương tiện của họ, và chúng phải ảnh hưởng đến một mức độ nào đó đến bất kỳ ai mà chúng tiếp xúc trực tiếp. Điều này là như vậy, chúng ta thấy rằng đây là một cơ hội cho người hiểu biết. Người học viên có thể tìm hiểu hoạt động của các mãnh lực này, và sau đó có thể điều khiển chúng một cách thông minh theo ý muốn.

Suppose, for example, he wishes to write a letter of condolence and consolation to some friend who has, as we mistakenly phrase it, 'lost'some one near and dear to him. We all know the difficulty of writing such a letter. In attempting it we put upon the paper whatever of solace

Ví dụ, giả sử người đó muốn viết một lá thư chia buồn và an ủi một người bạn nào đó, người mà chúng ta thường nói theo cách nhầm lẫn là 'đã mất' một người thân yêu của mình. Tất cả chúng ta đều biết khó khăn khi viết một lá thư như vậy. Khi cố gắng viết nó, chúng ta viết lên giấy bất cứ

comes into our minds, and we try to express it as forcefully and sympathetically as we can, yet we are conscious all the while that words are impotent in such a case, and that they can bring but poor comfort to the bereaved one. We feel the futility and inefficiency of our communication, though we send it because we wish to express our commiseration, and we know that we ought to do something.

lời an ủi nào xuất hiện trong tâm trí, và chúng ta cố gắng thể hiện nó một cách mạnh mẽ và đồng cảm nhất có thể, nhưng chúng ta luôn tâm thức được rằng lời nói bất mãnh lực trong trường hợp như vậy, và chúng chỉ có thể mang lại sự an ủi ít ỏi cho người đã mất người thân. Chúng ta cảm thấy sự vô ích và kém hiệu quả của thông điệp của mình, mặc dù chúng ta gửi nó vì chúng ta muốn bày tỏ sự thương cảm của mình, và chúng ta biết rằng chúng ta nên làm điều gì đó.

Such a letter need not be fruitless and unavailing. On the contrary it may produce the most beneficent effect, and may lead to great alleviation of suffering. Words often fail us, but our thoughts do not; and in the writing of such a letter a man's heart may be filled with the strong wish to bring encouragement and help, however poorly the written lines may express it. If he exercises his will he may make that letter bear with it his thought and feeling, so that they shall react upon the mind and emotions of the recipient, while his eyes are perusing the manuscript.

Một lá thư như vậy không cần phải vô ích và không hiệu quả. Ngược lại, nó có thể tạo ra hiệu ứng có lợi nhất và có thể giúp giảm bớt đau khổ. Lời nói thường làm chúng ta thất bại, nhưng suy nghĩ của chúng ta thì không; và khi viết một lá thư như vậy, trái tim của một người có thể tràn ngập mong muốn mạnh mẽ mang lại sự khích lệ và giúp đỡ, cho dù những dòng chữ viết có thể hiện điều đó kém cỏi đến đâu. Nếu anh ta vận dụng ý chí của mình, anh ta có thể khiến lá thư đó mang theo suy nghĩ và cảm xúc của mình, để chúng tác động đến tâm trí và cảm xúc của người nhận, trong khi mắt anh ta đang đọc bản thảo.

We know that currents of thought and feeling can be sent to the mourner immediately and without the physical agency of a letter, and one who has no other pressing work could undoubtedly console and strengthen the sufferer by pouring upon him a steady stream of such thought and feeling. The writing of the letter by no means precludes the student from offering efficient help in that other way as well; but it usefully supplements such work, and carries it on while the student is otherwise engaged.

Chúng ta biết rằng dòng suy nghĩ và cảm xúc có thể được gửi đến người đưa tang ngay lập tức và không cần đến tác nhân vật lý của một lá thư, và người không có công việc cấp bách nào khác chắc chắn có thể an ủi và củng cố người đau khổ bằng cách đổ lên người đó một dòng suy nghĩ và cảm xúc ổn định như vậy. Việc viết thư không có nghĩa là ngăn cản người học viên đề nghị sự giúp đỡ hiệu quả theo cách khác; nhưng nó bổ sung hữu ích cho công việc đó và tiếp tục nó trong khi người học viên đang bận rộn với những việc khác.

Those who are trying on their small scale to help the world soon find that they have a multitude of cases upon their hands, and that they can work best by dividing their time between them. The more advanced student will leave with each such case a puissant thought-form, which will radiate invigoration and cheerfulness until he can again turn his attention to that case. But one who has not yet developed his powers to that extent may readily produce an effect almost equivalent, if he has a physical basis upon which to found the thought-form. A letter furnishes him with exactly such a basis, and into it he can pour healing and strengthening forces until it becomes a veritable talisman. If the writer thinks

Những người đang cố gắng giúp đỡ thế giới ở quy mô nhỏ của họ sớm nhận ra rằng họ có rất nhiều trường hợp trong tay và họ có thể làm việc tốt nhất bằng cách phân chia thời gian của mình giữa chúng. Người học viên cao cấp hơn sẽ để lại cho mỗi trường hợp như vậy một hình tư tưởng mạnh mẽ, nó sẽ tỏa ra sinh lực và sự vui vẻ cho đến khi người đó có thể chuyển sự chú ý của mình sang trường hợp đó một lần nữa. Nhưng người chưa phát triển sức mạnh của mình đến mức đó có thể dễ dàng tạo ra hiệu ứng gần như tương đương, nếu người đó có cơ sở vật chất để xây dựng hình tư tưởng. Một lá thư cung cấp cho người đó chính xác một cơ sở như vậy, và vào đó người đó có thể đổ các mãnh lực chữa lành và củng cố cho

strongly of his sympathy and affection, and wills earnestly to charge the letter with this thought and feeling, it will assuredly bear this message for him. When it reaches its destination the friend who opens it will naturally recognise the kindly intention of the sender, and by that very recognition will open himself towards the influence, and adopt unconsciously a recipient attitude. As he reads the written message, the helpful thoughts and feelings are playing all the while upon his mind and emotions, and the effect produced upon him will be out of all proportion to the mere physical words.

đến khi nó trở thành một lá bùa hộ mệnh thực sự. Nếu người viết nghĩ mạnh mẽ về sự đồng cảm và tình cảm của mình, và tha thiết muốn truyền vào lá thư này suy nghĩ và cảm xúc này, thì chắc chắn nó sẽ mang thông điệp này cho người đó. Khi đến đích, người bạn mở nó ra đương nhiên sẽ nhận ra ý định tốt của người gửi, và chính bằng sự nhận ra đó, người đó sẽ mở lòng mình với ảnh hưởng đó và vô thức chấp nhận một thái độ tiếp nhận. Khi người đó đọc thông điệp bằng văn bản, những suy nghĩ và cảm xúc hữu ích luôn tác động đến tâm trí và cảm xúc của người đó, và hiệu ứng tạo ra đối với người đó sẽ vượt xa những từ ngữ vật lý đơn thuần.

The action of the letter does not cease here. The recipient reads it, lays it aside and perhaps forgets it, but its vibrations are nevertheless steadily radiating, and they continue to influence him long after the letter itself has passed from his mind. If he happens to put the letter in his pocket and carry it about with him, its influence upon him will naturally be closer and stronger; but in any case such a letter of helpfulness and good intention will fill the whole room with peace and comfort, so that the mourner will feel its effect whenever he enters his chamber, however unconscious he may be as to its source.

Tác dụng của lá thư không dừng lại ở đây. Người nhận đọc nó, để nó sang một bên và có lẽ quên nó đi, nhưng tuy nhiên các rung động của nó vẫn tỏa ra đều đặn, và chúng tiếp tục ảnh hưởng đến người đó rất lâu sau khi bản thân lá thư đã biến mất khỏi tâm trí người đó. Nếu người đó tình cờ bỏ lá thư vào túi và mang theo bên mình, thì ảnh hưởng của nó đối với người đó đương nhiên sẽ gần gũi và mạnh mẽ hơn; nhưng trong mọi trường hợp, một lá thư hữu ích và có ý tốt như vậy sẽ lấp đầy cả căn phòng với sự bình yên và thoải mái, để người đưa tang sẽ cảm nhận được tác dụng của nó bất cứ khi nào người đó bước vào phòng của mình, dù người đó có vô thức về nguồn gốc của nó đến đâu.

Obviously it is not only for consolation that this power can be employed. A mother, who feels uneasy as to the temptations which may surround an absent son, may send him letters which will encompass him with a halo of purity and peace, and bear him unconscious and uncontaminated through many a scene of peril. A multitude of words is not necessary; even a humble postcard may bear its message of love and strength, and may be a real shield against evil thought, or an impulse in the direction of good.

Rõ ràng là sức mạnh này không chỉ có thể được sử dụng để an ủi. Một người mẹ cảm thấy lo lắng về những cám dỗ có thể vây quanh con trai mình khi vắng nhà, có thể gửi cho con trai những lá thư sẽ bao bọc con trai mình trong vầng hào quang của sự thuần khiết và bình yên, và giúp con trai mình vượt qua nhiều cảnh nguy hiểm một cách vô thức và không bị vấy bẩn. Không cần phải có nhiều từ; ngay cả một tấm bưu thiếp tầm thường cũng có thể mang thông điệp về tình yêu thương và sức mạnh, và có thể là một lá chắn thực sự chống lại suy nghĩ xấu xa, hoặc là một động mãnh lực theo hướng tốt.

It may occur to some readers that a letter is handled by so many persons before it reaches its destination that any magnetism that it might bring with it would necessarily be of mixed character. There is much truth in this; but the postmen, the sorters and the servants who handle it have no special interest in it, and

Một số độc giả có thể cho rằng một lá thư được xử lý bởi rất nhiều người trước khi đến đích nên bất kỳ từ tính nào mà nó có thể mang theo nhất thiết phải có đặc điểm hỗn hợp. Có nhiều sự thật trong điều này; nhưng những người đưa thư, người phân loại và những người hầu xử lý nó không có hứng thú đặc biệt nào với nó, và do đó, ảnh hưởng

consequently such influence as their thoughts may exercise upon it is of the most superficial character; whereas the writer has intentionally thrown into it a wealth of feeling which has thoroughly permeated it and is strong enough to overpower all casual connections of this sort.

của suy nghĩ của họ đối với nó là hời hợt nhất; trong khi người viết đã cố ý đưa vào đó vô số cảm xúc đã thấm nhuần nó và đủ mạnh để chế ngự tất cả các kết nối ngẫu nhiên thuộc loại này.

Incidentally this helps us to understand that there is always a responsibility attached to this action of writing a letter. We may charge our writing voluntarily with a great force for good, and that needs a special effort of the will; but even without any special effort, our mood when writing undoubtedly impresses itself upon the paper, though naturally not so strongly. If therefore a man be in a condition of irritation or depression when inditing a letter, these emotions of his will be faithfully mirrored in his work, and the letter will bear these vibrations with it and radiate them to the recipient, even though they are not at all intended for him, and the original annoyance or depression was in no way connected with him. If on the other hand the writer is serene and happy, a letter for him, even though it be nothing but a curt business communication, will contain within itself something of these qualities, and will spread a good influence around it.

Nhân tiện, điều này giúp chúng ta hiểu rằng luôn có một trách nhiệm gắn liền với hành động viết thư này. Chúng ta có thể tự nguyện truyền vào bài viết của mình một sức mạnh to lớn cho những điều tốt đẹp, và điều đó cần một nỗ lực đặc biệt của ý chí; nhưng ngay cả khi không có bất kỳ nỗ lực đặc biệt nào, tâm trạng của chúng ta khi viết chắc chắn sẽ tự in dấu lên giấy, mặc dù đương nhiên không mạnh mẽ như vậy. Do đó, nếu một người đang ở trong trạng thái cáu kỉnh hoặc chán nản khi viết một lá thư, thì những cảm xúc này của người đó sẽ được phản ánh một cách trung thực trong tác phẩm của người đó, và lá thư sẽ mang theo những rung động này và tỏa ra chúng đến người nhận, ngay cả khi chúng hoàn toàn không dành cho người đó, và sự khó chịu hoặc chán nản ban đầu không liên quan gì đến người đó. Mặt khác, nếu người viết thanh thản và hạnh phúc, thì một lá thư đối với người đó, ngay cả khi nó chỉ là một thông báo kinh doanh ngắn gọn, sẽ chứa đựng trong đó một số phẩm chất này và sẽ lan tỏa ảnh hưởng tốt đẹp xung quanh nó.

It is therefore exceedingly necessary that a person among whose duties it comes to write many letters should cultivate serenity and kindliness, and should endeavour to hold himself in a sympathetic and helpful frame of mind, in order that his letters should carry with them this good influence. One who is captious and critical, dictatorial and ill-tempered, is entirely unfit to hold any secretarial position, as he will inevitably distribute discomfort and dissension to all those who are so unfortunate as to have to correspond with him.

Do đó, điều cực kỳ cần thiết là một người có nhiệm vụ viết nhiều thư phải trau dồi sự thanh thản và lòng tốt, đồng thời cố gắng giữ cho mình trong tâm thế đồng cảm và hữu ích, để những lá thư của người đó mang theo ảnh hưởng tốt đẹp này. Một người hay bắt bẻ và chỉ trích, độc đoán và nóng tính, hoàn toàn không phù hợp để giữ bất kỳ vị trí thư ký nào, vì người đó chắc chắn sẽ gieo rắc sự khó chịu và bất hòa cho tất cả những người không may phải trao đổi thư từ với người đó.

The preference which many sentimental people feel for a letter written in manuscript, rather than for one produced by means of a typewriter, is due to the fact that in passing the hand again and again over the paper a much greater amount of personal magnetism is stored in the letter than when the hand does not come directly into contact with it; though a student of occultism who writes a letter in type charges it with

Sở thích của nhiều người đa cảm đối với một lá thư viết tay, hơn là một lá thư được tạo ra bằng máy đánh chữ, là do thực tế là khi đưa tay đi lặp đi lặp lại trên giấy, một lượng từ tính cá nhân lớn hơn nhiều được lưu trữ trong thư hơn là khi tay không tiếp xúc trực tiếp với nó; mặc dù một người học huyền bí học viết một lá thư bằng máy đánh chữ sẽ truyền từ tính vào nó bằng một nỗ lực ý chí duy nhất hiệu quả hơn nhiều so với việc nó

magnetism by a single effort of his will far more effectually than it is unconsciously charged when written by the hand of one who has not learnt these truths.

The occultist extends this idea in many other directions. Every present which he gives to a friend is made to produce a far more permanent result than the mere pleasure that is caused by its arrival. If he gives or lends a book to some one, he does not forget to add to the arguments of the author his own earnest desire that the reader's thoughts may be widened and liberalised. Let us all try to spread help and blessing in this way; assuredly our efforts will not fail to bring about their due effect. Every object about us must be a centre of influence, and we may make its action strong or weak, useful or detrimental. It is for us therefore to see that whenever we make a present to a friend its influence shall be powerful and definite, and always for good. These matters are little studied yet in the outer world, but they represent great truths for all that. Wise men will pay attention to them and govern their lives accordingly, and thereby make themselves both far happier and far more useful than those who are content to remain ignorant of the higher science.

WORK DURING SLEEP

One of the most pleasing of the subsidiary points revealed to us by Theosophical study is that of the possibility of usefully employing the hours during which the body is sleeping. I well remember in my younger days how fiercely I resented the necessity of spending time in sleep when there was such an overwhelming amount of work to be done, and how I consequently tried to minimise the time devoted to this. Being healthy and hardy, for some years I managed to exist on only four hours of sleep each night, and thought that I was thereby gaining time for the work which I had to do. Now that I know more about it, I realise that I was in error, how that I could actually have increased my usefulness if I had allowed myself to take an ordinary amount

được truyền một cách vô thức khi được viết bằng tay của một người chưa học được những sự thật này.

Nhà huyền bí học mở rộng ý tưởng này theo nhiều hướng khác. Mọi món quà mà người đó tặng cho một người bạn đều được tạo ra để tạo ra kết quả lâu dài hơn nhiều so với niềm vui đơn thuần do sự xuất hiện của nó gây ra. Nếu người đó tặng hoặc cho một người nào đó mượn một cuốn sách, người đó không quên thêm vào những lập luận của tác giả mong muốn tha thiết của chính mình rằng suy nghĩ của người đọc có thể được mở rộng và tự do hóa. Tất cả chúng ta hãy cố gắng lan tỏa sự giúp đỡ và ban phước theo cách này; chắc chắn những nỗ lực của chúng ta sẽ không thất bại trong việc mang lại hiệu quả do chúng. Mọi vật thể xung quanh chúng ta phải là một trung tâm ảnh hưởng, và chúng ta có thể làm cho tác động của nó mạnh hay yếu, hữu ích hay có hại. Do đó, chúng ta phải thấy rằng bất cứ khi nào chúng ta tặng quà cho một người bạn, ảnh hưởng của nó sẽ mạnh mẽ và rõ ràng, và luôn luôn vì những điều tốt đẹp. Những vấn đề này vẫn còn ít được nghiên cứu trong thế giới bên ngoài, nhưng chúng đại diện cho những sự thật to lớn cho tất cả những điều đó. Những người khôn ngoan sẽ chú ý đến chúng và điều chỉnh cuộc sống của họ cho phù hợp, và do đó làm cho bản thân họ vừa hạnh phúc hơn vừa hữu ích hơn nhiều so với những người bằng lòng với việc không biết gì về khoa học cao hơn.

CÔNG VIỆC TRONG GIẤC NGỦ

Một trong những điểm phụ thú vị nhất được tiết lộ cho chúng ta qua nghiên cứu Thông Thiên Học là khả năng sử dụng hữu ích những giờ mà cơ thể đang ngủ. Tôi nhớ rất rõ trong những ngày còn trẻ, tôi đã phản đối kịch liệt việc phải dành thời gian để ngủ khi có quá nhiều công việc phải làm, và do đó tôi đã cố gắng giảm thiểu thời gian dành cho việc này. Vì khỏe mạnh và cứng cáp, trong một số năm, tôi đã xoay sở để sống chỉ với bốn giờ ngủ mỗi đêm, và nghĩ rằng bằng cách đó tôi đã dành được thời gian cho công việc mà tôi phải làm. Giờ đây, khi đã hiểu biết nhiều hơn về nó, tôi nhận ra rằng mình đã sai lầm, rằng tôi thực sự có thể tăng thêm hiệu quả công việc nếu tôi cho phép bản thân nghỉ ngơi một lượng thời gian bình thường, bên cạnh việc tạo cho mình một cơ

of rest, besides providing myself with a still stronger body for the work of my later years. But it was indeed a comfort to me when I found from the Theosophical literature that only the body is insensible during sleep, and that the real man can continue his work and indeed do all the more of it, and do it better, because he is untrammelled by his physical vehicle.

thể thậm chí còn khỏe mạnh hơn cho công việc của những năm tháng sau này. Nhưng quả thực đó là một niềm an ủi đối với tôi khi tôi nhận thấy từ các tài liệu Thông Thiên Học rằng chỉ có cơ thể là bất động trong giấc ngủ, và con người thực sự có thể tiếp tục công việc của mình và thực sự làm được nhiều việc hơn, và làm tốt hơn, bởi vì người đó không bị ràng buộc bởi thể xác của mình.

Yet even Theosophical students, who are quite accustomed to think about the higher worlds and the possibility of activity in them, often do not realise how entirely *that* is the real life, and this in the physical world only an interlude in it. In our waking consciousness most of us always consider the diurnal life as real, and the nocturnal or dream life as unreal; but in truth the very reverse is the case, as may easily be seen if we remember that in *this* life most of us know nothing whatever of *that*, whereas in *that* life we remember the whole of this. *This* life, therefore, has long daily breaks in its continuity; *that* is continuous from the cradle to the grave and beyond it. Furthermore, because during that life the physical body is for the time laid aside, the ego can manifest much more of himself. The man in his astral body is much more nearly himself than this fettered representation of him which is all that we can see down here. When, later on in our evolution, further development takes place and the man can function in his mental body, we are another whole stage nearer to the reality; indeed, beyond that it is only one stage to the manifestation of the ego in his causal body, having a unified consciousness which extends through all the ages, from the time when long ago he rose from the animal kingdom to the infinity which lies before him.

Tuy nhiên, ngay cả những người học Thông Thiên Học, những người đã khá quen với việc suy nghĩ về các thế giới cao hơn và khả năng hoạt động trong đó, thường không nhận ra rằng đó hoàn toàn là cuộc sống thực, và cuộc sống trong thế giới vật chất này chỉ là một giai đoạn xen kẽ trong đó. Trong tâm thức tỉnh táo, hầu hết chúng ta luôn coi cuộc sống ban ngày là có thật, và cuộc sống ban đêm hay cuộc sống trong mơ là không có thật; nhưng sự thật thì hoàn toàn ngược lại, điều này có thể dễ dàng nhận thấy nếu chúng ta nhớ rằng trong cuộc sống này, hầu hết chúng ta không biết gì về điều đó, trong khi ở cuộc sống đó, chúng ta nhớ toàn bộ cuộc sống này. Do đó, cuộc sống này có những khoảng nghỉ dài hàng ngày trong tính liên tục của nó; điều đó là liên tục từ lúc sinh ra cho đến khi chết và sau đó. Hơn nữa, bởi vì trong suốt cuộc sống đó, thể xác tạm thời bị gạt sang một bên, nên Chân ngã có thể biểu lộ bản thân nhiều hơn. Con người trong thể cảm dục của mình gần giống với chính mình hơn nhiều so với hình ảnh đại diện bị ràng buộc này, đó là tất cả những gì chúng ta có thể nhìn thấy ở đây. Sau này trong quá trình tiến hóa của chúng ta, khi sự phát triển hơn nữa diễn ra và con người có thể hoạt động trong thể trí của mình, chúng ta sẽ tiến gần hơn một giai đoạn nữa đến thực tại; thực sự, ngoài điều đó ra, chỉ còn một giai đoạn nữa là Chân ngã biểu lộ trong thể nguyên nhân của mình, có một tâm thức thống nhất kéo dài qua mọi thời đại, từ thời xa xưa khi người đó vươn lên từ giới động vật đến vô tận nằm trước mắt người đó.

Let us see then what we can do with this life at night, while we leave our physical body to its rest. Many forms of activity open before us, and as I have written fully about them in the book called *Invisible Helpers* I will not repeat myself here. I may summarise by saying that during our waking hours we can help anyone whom we

Vậy thì chúng ta hãy xem những gì chúng ta có thể làm với cuộc sống này vào ban đêm, trong khi chúng ta để thể xác của mình nghỉ ngơi. Nhiều hình thức hoạt động mở ra trước mắt chúng ta, và vì tôi đã viết đầy đủ về chúng trong cuốn sách có tên Invisible Helpers nên tôi sẽ không lặp lại ở đây. Tôi có thể tóm tắt bằng cách nói rằng trong

know to be in sorrow or suffering, by sitting down and forming a clear strong thought-image of the sufferer, and then pouring out a stream of compassion, affection and strength; but during the night we can do more than this—we can carry this treatment further, because we can ourselves go in the astral body and stand by the bedside of the sufferer, so as to see exactly what is needed, and give whatever may be specially required by the particular case, instead of offering merely general comfort and consolation.

những giờ thức giấc, chúng ta có thể giúp đỡ bất kỳ ai mà chúng ta biết đang buồn phiền hoặc đau khổ, bằng cách ngồi xuống và hình thành một hình ảnh tư tưởng rõ ràng, mạnh mẽ về người đau khổ, và sau đó tuôn ra một dòng chảy của lòng trắc ẩn, tình cảm và sức mạnh; nhưng trong đêm, chúng ta có thể làm được nhiều hơn thế này — chúng ta có thể thực hiện phương pháp điều trị này xa hơn, bởi vì bản thân chúng ta có thể đi vào thể cảm dục và đứng cạnh giường của người đau khổ, để xem chính xác những gì cần thiết và đưa ra bất cứ điều gì có thể được yêu cầu đặc biệt bởi trường hợp cụ thể, thay vì chỉ đưa ra sự an ủi và động viên chung chung.

Help and encouragement, can be given not only to the living but also to the vast host of the dead, and they often seriously need it, owing partly to the false and wicked religious teaching which is so often given, and partly to the blank ignorance of other-world conditions which obtains among the general public on this side of the veil. In such work as this there is infinite variety, yet even this by no means exhausts the possibilities which open before us. In the astral world we can both give and receive instruction. From the anonymity of the astral world we can assist, inspire and advise all sorts of people who would be unlikely to listen to us physically. We can suggest good and liberal ideas to ministers and statesmen, to poets and preachers, and to all the many varieties of writers in books, magazines and newspapers. We can suggest alike plots to novelists and good ideas to philanthropists. We are free to range wherever we will and to do whatever work presents itself to us. Incidentally we can visit all the interesting spots of the world, and see all its most magnificent buildings and its most lovely scenery; its finest art and its grandest music are entirely at our disposal, without money and without price, to say nothing, of the far grander music and the far more splendid colouring of the astral world itself.

Sự giúp đỡ và khích lệ có thể được trao không chỉ cho người sống mà còn cho cả đám đông người chết, và họ thường rất cần điều đó, một phần do những lời dạy tôn giáo sai lầm và xấu xa thường được đưa ra, và một phần do sự thiếu hiểu biết về các điều kiện thế giới bên kia tồn tại trong công chúng nói chung ở phía bên này của bức màn che. Trong công việc như thế này, có vô số loại, nhưng ngay cả điều này cũng không làm cạn kiệt những khả năng mở ra trước mắt chúng ta. Trong thế giới thể cảm dục, chúng ta có thể vừa cho vừa nhận sự hướng dẫn. Từ thế giới thể cảm dục ẩn danh, chúng ta có thể hỗ trợ, truyền cảm hứng và tư vấn cho tất cả những người khó có thể lắng nghe chúng ta về mặt thể chất. Chúng ta có thể gợi ý những ý tưởng tốt đẹp và phóng khoáng cho các bộ trưởng và chính khách, cho các nhà thơ và nhà thuyết giáo, và cho tất cả nhiều loại nhà văn viết sách, tạp chí và báo chí. Chúng ta có thể gợi ý cốt truyện cho các tiểu thuyết gia và những ý tưởng hay cho các nhà từ thiện. Chúng ta được tự do đi đến bất cứ nơi nào chúng ta muốn và làm bất cứ công việc nào xuất hiện trước mắt chúng ta. Ngẫu nhiên, chúng ta có thể đến thăm tất cả những điểm thú vị trên thế giới, và xem tất cả những tòa nhà tráng lệ nhất và phong cảnh đẹp nhất của nó; nghệ thuật tuyệt vời nhất và âm nhạc hùng vĩ nhất của nó hoàn toàn tùy ý sử dụng, không cần tiền và không cần giá cả, chưa nói đến âm nhạc hùng vĩ hơn nhiều và màu sắc rực rỡ hơn nhiều của chính thế giới thể cảm dục.

What can a man do down here to prepare himself to take part in that higher work? Well, the life is a continuous life, and whatever characteristics a man shows here in his physical body he will

Một người có thể làm gì ở đây để chuẩn bị cho mình tham gia vào công việc cao hơn đó? Chà, cuộc sống là một cuộc sống liên tục, và bất kỳ đặc điểm nào mà một người thể hiện ở đây trong thể

assuredly also show in his astral body. If here he is full of cheerfulness and always anxious for an opportunity to do service—then, even though he may remember nothing of it, he may be quite confident that he is employing himself usefully to the utmost of his capacity in the astral realm also. Any limitations of character which show themselves down here, such as irritability, for example, are certainly contracting the sphere of his usefulness in the astral world. And so, if a man who does not bring through any recollection from that life wishes to make quite sure that he is well employed there and is doing his full duty, he can easily be certain of it by carefully making his life here such as he knows to be necessary for that purpose. There is no mystery as to the requirements. Single-mindedness, calmness, courage, knowledge and love will make a thoroughly useful astral worker, and all these qualifications are within reach of any man who will take the trouble to develop them in himself.

xác của mình thì chắc chắn người đó cũng sẽ thể hiện trong thể cảm dục của mình. Nếu ở đây người đó tràn đầy niềm vui và luôn khao khát có cơ hội để phụng sự — thì, ngay cả khi người đó có thể không nhớ gì về điều đó, người đó có thể hoàn toàn tin tưởng rằng mình đang sử dụng bản thân một cách hữu ích hết khả năng của mình trong cõi cảm dục. Bất kỳ hạn chế nào về tính cách thể hiện ở đây, chẳng hạn như tính dễ cáu kỉnh, chắc chắn đang thu hẹp phạm vi hữu ích của người đó trong thế giới thể cảm dục. Và vì vậy, nếu một người không mang theo bất kỳ ký ức nào từ cuộc sống đó muốn chắc chắn rằng mình được sử dụng tốt ở đó và đang làm tròn bổn phận của mình, thì người đó có thể dễ dàng chắc chắn về điều đó bằng cách cẩn thận làm cho cuộc sống của mình ở đây trở nên như người đó biết là cần thiết cho mục đích đó. Không có bí ẩn nào về các yêu cầu. Sự chuyên tâm, bình tĩnh, can đảm, kiến thức và tình yêu thương sẽ tạo nên một người làm việc thể cảm dục hữu ích toàn diện, và tất cả những phẩm chất này đều nằm trong tầm tay của bất kỳ ai chịu khó phát triển chúng trong chính mình.

It is not difficult to see why all these are necessary. A man cannot throw all his energy into such work as this unless the higher life is for him the one object. Knowledge of the astral world, its habitants and its characteristics he must have; otherwise he will constantly blunder, and will find himself helpless before every emergency which arises. Courage he obviously needs, just as does the man who plunges into unexplored jungles or trusts himself on the surface of the mighty deep. Calmness also he must have, for though it is a sufficiently serious matter for a man to loose his temper in the physical world, it is something infinitely more serious when there is no physical matter to prevent the full swing of the vibrations of anger. Any manifestations of irritability, excitement or impatience in the astral world at once make him a fearsome object, so that those whom he wishes to help fly from him in terror. Love of humanity, and the consequent earnest desire to help, he must possess in the fullest degree, for without that he can never have the patience to deal gently with the panic fear and the unreasoning stupidity which we so often find among the dead. For many of the cases with which we have to deal such exceeding gentleness and long-suffering are required that no man, however energetic and

Không khó để hiểu tại sao tất cả những điều này là cần thiết. Một người không thể dồn hết năng lượng của mình vào công việc như thế này trừ khi cuộc sống cao hơn là mục tiêu duy nhất của người đó. Người đó phải có kiến thức về thế giới thể cảm dục, cư dân của nó và đặc điểm của nó; nếu không, người đó sẽ liên tục mắc sai lầm và sẽ thấy mình bất mãnh lực trước mọi tình huống khẩn cấp phát sinh. Người đó rõ ràng cần có lòng can đảm, giống như người lao vào những khu rừng rậm chưa được khám phá hoặc tin tưởng bản thân trên bề mặt đại dương bao la. Người đó cũng phải có sự bình tĩnh, bởi vì mặc dù việc một người mất bình tĩnh trong thế giới vật chất là một vấn đề đủ nghiêm trọng, nhưng nó còn nghiêm trọng hơn vô hạn khi không có vật chất nào ngăn cản sự dao động của cơn giận. Bất kỳ biểu hiện nào của sự cáu kỉnh, phấn khích hoặc thiếu kiên nhẫn trong thế giới thể cảm dục ngay lập tức khiến người đó trở thành một đối tượng đáng sợ, đến nỗi những người mà người đó muốn giúp đỡ sẽ chạy trốn khỏi người đó trong kinh hãi. Người đó phải sở hữu tình yêu thương nhân loại và mong muốn tha thiết giúp đỡ ở mức độ cao nhất, bởi vì nếu không có điều đó, người đó sẽ không bao giờ có đủ kiên nhẫn để đối xử nhẹ nhàng với nỗi sợ hãi hoang mang và sự ngu ngốc vô lý mà chúng ta thường thấy ở những người chết. Đối với nhiều

earnest he may be, is of use in dealing with them unless he is full of real affection and has his vehicles perfectly under control.

trường hợp mà chúng ta phải giải quyết, cần có sự dịu dàng và nhẫn nại vượt bậc đến mức không người nào, dù có năng động và nhiệt tình đến đâu, cũng có ích trong việc giải quyết chúng trừ khi người đó tràn đầy tình cảm thực sự và có thể điều khiển hoàn toàn.

Much work is done in the astral world besides that in which we are most specially interested. Many physicians visit, during the sleep of the body, cases in which they are keenly interested or about which they feel anxious. In most cases the man in the physical body is not conscious of this, but any new information that he gains from his astral investigations, often comes through as a kind of intuition into the waking consciousness. I have known doctors who are able to do this intentionally and in full consciousness, and naturally this capacity gives them a great advantage over their colleagues. A doctor who dies, often continues after death to take an interest in his patients, and sometimes endeavours to cure them from the other side, or to suggest (to his successor in charge of the case) treatment which, with his newly acquired astral faculty, he sees would be useful. I knew one doctor (a member of our Society) who immediately after his death went round to collect all his patients who had passed over before him, and regularly preached Theosophy to them, so that he now goes about in the astral world with a large band of attendant disciples.

Nhiều công việc được thực hiện trong thế giới thể cảm dục ngoài những công việc mà chúng ta đặc biệt quan tâm. Nhiều bác sĩ, trong khi cơ thể đang ngủ, đến thăm các trường hợp mà họ rất quan tâm hoặc lo lắng. Trong hầu hết các trường hợp, người trong thể xác không ý thức được điều này, nhưng bất kỳ thông tin mới nào mà người đó thu được từ các cuộc nghiên cứu thể cảm dục của mình, thường đi vào tâm thức tỉnh táo như một loại trực giác. Tôi biết các bác sĩ có thể làm điều này một cách có chủ ý và trong trạng thái hoàn toàn tỉnh táo, và đương nhiên khả năng này mang lại cho họ một lợi thế lớn so với các đồng nghiệp của họ. Một bác sĩ qua đời, thường sau khi chết vẫn tiếp tục quan tâm đến bệnh nhân của mình, và đôi khi cố gắng chữa trị cho họ từ phía bên kia, hoặc gợi ý (cho người kế nhiệm phụ trách trường hợp) phương pháp điều trị mà với khả năng thể cảm dục mới có được, người đó thấy sẽ hữu ích. Tôi biết một bác sĩ (một thành viên của Hội chúng ta) ngay sau khi chết đã đi khắp nơi để tập hợp tất cả các bệnh nhân của mình đã qua đời trước mình, và thường xuyên thuyết giảng Thông Thiên Học cho họ, để bây giờ người đó đi khắp thế giới thể cảm dục với một nhóm đông đảo các đệ tử đi theo.

I have known many cases also of friendships formed in the astral world. It often happens, for example, that members of our Society who live at opposite sides of the world and have no opportunity of meeting physically, yet know one another well in their astral life. When they are actually on opposite sides of the world the day of one is the night of the other, but there is generally sufficient overlapping to make acquaintance possible. Those who are ready and effective lecturers in the physical world usually continue their activities in that line during sleep. Groups of students continue their meetings and, with the additional facilities which the astral world gives to them, are frequently able to solve problems which have presented difficulties down here.

Tôi cũng biết nhiều trường hợp về tình bạn được hình thành trong thế giới thể cảm dục. Ví dụ, thường xảy ra trường hợp các thành viên của Hội chúng ta sống ở hai phía đối diện của thế giới và không có cơ hội gặp gỡ nhau về mặt thể chất, nhưng lại biết rõ nhau trong cuộc sống thể cảm dục của họ. Khi họ thực sự ở hai phía đối diện của thế giới, ngày của người này là đêm của người kia, nhưng nhìn chung có đủ sự chồng chéo để có thể làm quen với nhau. Những người sẵn sàng và có năng mãnh lực thuyết trình trong thế giới vật chất thường tiếp tục các hoạt động của họ theo hướng đó trong khi ngủ. Các nhóm học viên tiếp tục các cuộc họp của họ và với các phương tiện bổ sung mà thế giới thể cảm dục mang lại cho họ, họ thường có thể giải quyết các vấn đề đã gặp khó khăn ở đây.

Not only dead friends but living friends from the other side of the world are round us all day long, although with our physical eyes we do not see them. We are never alone, and as in the astral world most thoughts are visible, it behoves us to bear that fact in mind, lest we should carelessly send out astral or mental vibrations which would cause pain to those whom we love.

Không chỉ những người bạn đã chết mà cả những người bạn đang sống từ phía bên kia thế giới cũng ở quanh chúng ta suốt ngày dài, mặc dù bằng mắt thường chúng ta không nhìn thấy họ. Chúng ta không bao giờ cô đơn, và vì trong thế giới thể cảm dục hầu hết các suy nghĩ đều hiển hiện, nên chúng ta phải ghi nhớ sự thật đó, kẻo chúng ta bất cẩn gửi ra những rung động thể cảm dục hoặc trí tuệ có thể gây đau đớn cho những người chúng ta yêu thương.

CHAPTER XXI - BY COLLECTIVE THOUGHT—BỞI SUY NGHĨ CHUNG

CHURCH HYMNS AND RITUALS

IN an earlier chapter I have explained how the congregation and the parishioners are affected by the ceremonies of the Church, and from what was then said it is not difficult to see how the priest from his side can influence those about him. He has chosen a position the responsibilities of which are great, and in order to discharge them properly it is important that he should know something of the hidden side of things, that he may understand the real meaning of the services of the Church to which he belongs, and how to order them aright.

Much exception has been taken by the ignorant to the statement always made by the Church that the celebration of the Eucharist is a daily repetition of the sacrifice of the Christ. But when we understand from the occult point of view that that sacrifice of the Christ means the descent into matter of the outpouring of the Second Aspect of Deity, we see that the symbolism is an accurate one, since the outflow of force evoked by the consecration has a special and intimate connection with that department of nature which is the expression of that divine Aspect.

The priest who comprehends this will not fail to assign to that service its due position, and will take care to surround its culminating point with whatever in the way of ritual and music will add to its effect and prepare the people to take part in it more receptively. Realising also of how tremendous a mystery he is here the custodian, he will approach its celebration with the utmost reverence and awe, for though his attitude towards it makes no difference to the central fact and to its effects, there is no doubt that his deep devotion, his comprehension and co-operation can bring down an additional influence which will be of the greatest help to his congregation and his parish. A priest who has the advantage of being also an occultist has a magnificent opportunity of widespread usefulness.

As a student of magic, he appreciates to the full, the effect produced by music, and knows how to utilise it so as to produce harmonious and

NHỮNG BÀI THÁNH CA VÀ NGHI LỄ CỦA GIÁO HỘI

Trong một chương trước, tôi đã giải thích cách mà giáo đoàn và giáo dân bị ảnh hưởng bởi các nghi lễ của Giáo hội, và từ những gì đã nói, không khó để thấy cách mà linh mục từ phía mình có thể ảnh hưởng đến những người xung quanh. Ngài đã chọn một vị trí có trách nhiệm lớn lao, và để thực hiện chúng một cách chính xác, điều quan trọng là Ngài phải biết một số điều về mặt ẩn giấu của sự vật, để Ngài có thể hiểu được ý nghĩa thực sự của các nghi lễ của Giáo hội mà Ngài thuộc về, và cách sắp xếp chúng cho đúng.

Nhiều người thiếu hiểu biết đã phản đối tuyên bố luôn được Giáo hội đưa ra rằng việc cử hành Bí tích Thánh Thể là sự lặp lại hàng ngày sự hy sinh của Đức Christ. Nhưng khi chúng ta hiểu từ quan điểm huyền bí học rằng sự hy sinh của Đức Christ có nghĩa là sự giáng trần vào vật chất của sự tuôn đổ của Khía cạnh thứ Hai của Thượng Đế, chúng ta thấy rằng biểu tượng đó là chính xác, vì dòng chảy của mãnh lực được gợi lên bởi sự thánh hiến có một mối liên hệ đặc biệt và mật thiết với bộ phận của tự nhiên là biểu hiện của Khía cạnh thiêng liêng đó.

Linh mục hiểu được điều này sẽ không quên gán cho nghi lễ đó vị trí thích hợp của nó, và sẽ cẩn thận bao quanh điểm cao trào của nó bằng bất cứ điều gì về nghi lễ và âm nhạc sẽ làm tăng thêm hiệu quả của nó và chuẩn bị cho mọi người tham gia vào nó một cách dễ tiếp thu hơn. Cũng nhận ra bí ẩn to lớn mà Ngài là người bảo vệ ở đây, Ngài sẽ tiếp cận việc cử hành nó với sự tôn kính và kính sợ tột độ, bởi vì mặc dù thái độ của Ngài đối với nó không tạo ra sự khác biệt đối với sự kiện trung tâm và đối với các hiệu ứng của nó, nhưng không nghi ngờ gì rằng sự tận tâm sâu sắc của Ngài, sự hiểu biết và hợp tác của Ngài có thể mang lại một ảnh hưởng bổ sung sẽ giúp ích rất nhiều cho giáo đoàn và giáo xứ của Ngài. Một linh mục có lợi thế là cũng là một nhà huyền bí học có cơ hội tuyệt vời để lan tỏa sự hữu ích.

Là một người nghiên cứu huyền thuật, Ngài đánh giá đầy đủ hiệu quả do âm nhạc tạo ra, và biết cách sử dụng nó để tạo ra các hình thức hài hòa

powerful forms. A great deal may be done by inducing the congregation as far as possible to join in the music of the church. It is impossible that they should do so in the production of the more elaborate and magnificent forms, which produce far-reaching effects at higher levels, but they themselves may be helped to an almost incalculable extent if they can be induced to join heartily in stirring and well-chosen hymns and chants.

và mạnh mẽ. Có thể làm được rất nhiều điều bằng cách khuyến khích giáo đoàn tham gia càng nhiều càng tốt vào âm nhạc của nhà thờ. Họ không thể làm như vậy trong việc tạo ra các hình thức phức tạp và tráng lệ hơn, tạo ra những hiệu ứng sâu rộng ở các cấp độ cao hơn, nhưng bản thân họ có thể được giúp đỡ ở mức độ gần như không thể tính toán được nếu họ có thể được khuyến khích tham gia hết lòng vào những bài thánh ca và thánh vịnh sôi động và được lựa chọn kỹ càng.

This has been more fully recognised by the English branch of the Catholic Church than by the Roman, and a corresponding advantage has been reaped. The powerful influence of the corresponding advantage has been reaped. The powerful influence of the processional hymn must not be neglected, for this operates usefully in all directions; first, by bringing the choir down among the congregation and moving them slowly through the different sections of it, the people are greatly encouraged and helped to throw themselves with vigour into the singing. Secondly, the splendid appearance of a well-organised procession, the colour and light, the rich banners and splendid vestments, all combine to fire the imagination, to raise the people's thoughts above the prosaic level of ordinary life, and to help their devotion and enthusiasm.

Điều này đã được nhánh Anh giáo của Giáo hội Công giáo công nhận đầy đủ hơn so với nhánh La Mã, và một lợi thế tương ứng đã được gặt hái. Không nên bỏ qua ảnh hưởng mạnh mẽ của bài thánh ca rước kiệu, vì điều này hoạt động hữu ích theo mọi hướng; trước hết, bằng cách đưa dàn hợp xướng xuống giữa giáo đoàn và di chuyển họ từ từ qua các khu vực khác nhau của nó, mọi người được khuyến khích và giúp đỡ rất nhiều để hăng hái tham gia vào việc ca hát. Thứ hai, sự xuất hiện lộng lẫy của một đám rước được tổ chức tốt, màu sắc và ánh sáng, những biểu ngữ phong phú và trang phục lộng lẫy, tất cả kết hợp lại để khơi dậy trí tưởng tượng, nâng cao suy nghĩ của mọi người lên trên mức độ tầm thường của cuộc sống bình thường, và giúp đỡ sự tận tâm và nhiệt tình của họ.

CONGREGATIONS

CÁC GIÁO ĐOÀN

Many of these considerations apply also to ministers of other denominations. Though they have not the power of the priest which brings them into touch with the reservoir of force arranged by the Christ for his Church, they may do a great deal for their congregations, first by their own devotion and secondly by evoking that of their people. The resources of congregational music are at their disposal, and if they can work their followers up to the required level, they also may produce the wonderful results which flow from the combined devotion of a large number of people.

Nhiều xem xét trong số này cũng áp dụng cho các mục sư của các giáo phái khác. Mặc dù họ không có quyền năng của linh mục để đưa họ tiếp xúc với kho dự trữ mãnh lực do Đức Christ sắp xếp cho Giáo hội của Ngài, nhưng họ có thể làm rất nhiều điều cho giáo đoàn của mình, trước hết bằng sự tận tâm của chính họ và thứ hai bằng cách khơi dậy sự tận tâm của giáo dân. Các nguồn mãnh lực của âm nhạc giáo đoàn tùy ý họ sử dụng, và nếu họ có thể đưa những người theo mình lên đến trình độ yêu cầu, thì họ cũng có thể tạo ra những kết quả tuyệt vời bắt nguồn từ sự tận tâm kết hợp của một số lượng lớn người dân.

A grand outpouring of force, and a magnificent and effective collective thought-form can thus be made by a gathering of men who join heartily in a service; but there is generally great difficulty in

Một sự tuôn trào mãnh lực lớn lao, và một hình tư tưởng tập thể tráng lệ và hiệu quả như vậy có thể được tạo ra bởi một nhóm người tham gia hết lòng vào một nghi lễ; nhưng nhìn chung rất khó

obtaining this result, because the members of the average congregation are entirely untrained in concentration, and consequently the collective thought-form is usually a broken and chaotic mass, instead of a splendid and organised whole. When it happens that a number of occult students belong to such an assembly, they can be of great use to their fellow-worshippers by consciously gathering together the scattered streams of devotion and welding them into one harmonious and mighty current. It is evident at once that every member of congregation has here a definite duty.

để đạt được kết quả này, bởi vì các thành viên của một giáo đoàn bình thường hoàn toàn không được đào tạo về sự tập trung, và do đó, hình tư tưởng tập thể thường là một khối hỗn loạn và rời rạc, thay vì là một tổng thể lộng lẫy và có tổ chức. Khi một số người nghiên cứu huyền bí học thuộc về một tập hợp như vậy, họ có thể rất hữu ích cho những người cùng thờ phượng bằng cách có tâm thức tập hợp các dòng suy nghĩ tận tâm rải rác và kết hợp chúng thành một dòng chảy hài hòa và hùng mạnh. Rõ ràng là ngay lập tức, mọi thành viên của giáo đoàn đều có một nhiệm vụ xác định ở đây.

MONASTERIES

CÁC TU VIỆN

Better results than those produced by an ordinary congregation are frequently obtained from the united devotions of a body of monks, because they have gradually trained themselves into something approaching to concentration, and are also well used to working together. The influence flowing from a monastery or nunnery of the contemplative order is often beautiful and most helpful to the whole country-side—a fact which shows clearly how foolish and short-sighted is the objection sometimes made by the Protestant that, while the active orders of monks are at least doing good work among the poor and the sick, those who adopt a contemplative line are merely dreaming away their lives in selfish isolation from the rest of the world.

Những kết quả tốt hơn so với những kết quả do một giáo đoàn bình thường tạo ra thường thu được từ sự tận tâm thống nhất của một nhóm tu sĩ, bởi vì họ đã dần dần rèn luyện bản thân thành một thứ gì đó gần giống với sự tập trung, và cũng rất quen với việc làm việc cùng nhau. Ảnh hưởng từ một tu viện nam hoặc tu viện nữ thuộc dòng chiêm niệm thường rất đẹp và hữu ích nhất cho toàn bộ vùng nông thôn—một thực tế cho thấy rõ ràng sự phản đối đôi khi được đưa ra bởi những người theo đạo Tin lành là ngu ngốc và thiển cận như thế nào, rằng trong khi các dòng tu sĩ hoạt động ít nhất đang làm công việc tốt giữa những người nghèo và bệnh tật, thì những người theo dòng chiêm niệm chỉ đơn giản là mơ mộng cuộc sống của họ trong sự cô lập ích kỷ khỏi phần còn lại của thế giới.

In most of such monasteries the hours of prayer are strictly observed, and the effect of this is a regular out-flow of force over the neighbourhood many times each day. There are some such institutions in which the scheme of perpetual adoration is carried out before the consecrated Host in the chapel of the monastery, and in such a case there is a steady and powerful stream always pouring out, both night and day, bringing to the surrounding country a benefit which can hardly be overestimated.

Trong hầu hết các tu viện như vậy, giờ cầu nguyện được tuân thủ nghiêm ngặt, và tác dụng của việc này là một dòng chảy mãnh lực đều đặn trên khu vực lân cận nhiều lần mỗi ngày. Có một số tổ chức như vậy, trong đó kế hoạch thờ phượng vĩnh viễn được thực hiện trước Mình Thánh Chúa trong nhà nguyện của tu viện, và trong trường hợp như vậy, có một dòng chảy ổn định và mạnh mẽ luôn tuôn ra, cả ngày lẫn đêm, mang lại cho vùng nông thôn xung quanh một lợi ích khó có thể đánh giá quá cao.

EFFECT UPON THE DEAD

ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐÃ KHUẤT

The effect produced in all these cases is far wider than the ordinary thinker realises. The young student of occultism, if he does not happen to be clairvoyant, sometimes finds it difficult to

Hiệu ứng được tạo ra trong tất cả những trường hợp này rộng hơn nhiều so với những gì người suy nghĩ thông thường nhận ra. Người nghiên cứu huyền bí học trẻ tuổi, nếu y không phải là

remember that the host of the unseen is so much greater than the number of the seen, and that therefore the people who benefit by church services or by outpourings of collective thought and feeling are not only the living but also the dead—not only human beings even, but great hosts of nature-spirits and of the lower orders of the angels. Naturally, whatever feeling may be aroused in them reacts upon us in turn, so that many different factors combine to strengthen us when we make any effort for good.

người có khả năng thông nhãn, đôi khi cảm thấy khó nhớ rằng số lượng người vô hình lớn hơn nhiều so với số lượng người hữu hình, và do đó, những người được hưởng lợi từ các nghi lễ của nhà thờ hoặc từ sự tuôn trào của tư tưởng và cảm xúc tập thể không chỉ là người sống mà còn là người chết—thậm chí không chỉ là con người, mà còn là vô số các tinh linh tự nhiên và các bậc thấp hơn của các thiên thần. Đương nhiên, bất cứ cảm xúc nào được khơi dậy trong họ cũng sẽ phản ứng lại với chúng ta, do đó, nhiều yếu tố khác nhau kết hợp lại để củng cố chúng ta khi chúng ta nỗ lực làm điều tốt.

The Christian Church directs some of her efforts intentionally towards her departed members, and prayers and masses for the dead are a great feature of the life in Catholic countries. A most useful feature certainly; for not only do the good wishes and the outpourings of force reach and help those at whom they are aimed, but also the formation of such prayers and wishes is a good and charitable undertaking for the living, besides providing them with a satisfactory and consolatory outlet for their feelings in the shape of doing something to help the departed instead of merely mourning for them.

Giáo hội Cơ đốc giáo hướng một số nỗ lực của mình một cách có chủ ý đến các thành viên đã khuất của mình, và những lời cầu nguyện và thánh lễ cho người chết là một nét đặc trưng lớn trong cuộc sống ở các quốc gia Công giáo. Một nét đặc trưng hữu ích nhất; bởi vì không chỉ những lời chúc tốt đẹp và sự tuôn trào của mãnh lực đến được và giúp đỡ những người mà họ nhắm đến, mà việc hình thành những lời cầu nguyện và mong muốn như vậy còn là một việc làm tốt đẹp và từ thiện cho người sống, bên cạnh đó còn cung cấp cho họ một lối thoát thỏa đáng và an ủi cho cảm xúc của họ dưới hình thức làm điều gì đó để giúp đỡ người đã khuất thay vì chỉ thương tiếc cho họ.

SAVING SOULS

CỨU RỖI LINH HỒN

Hundreds of good and earnest people are putting a great deal of strength and devotion into efforts (as they put it) to “save souls”—which to them generally means imprisoning people within the limits of some particularly narrow and uncharitable sect. Fortunately, their endeavours in this particular direction are not often successful. But we must not suppose that all their energy and thought for others is therefore necessarily wasted. It does not do half the good that it would if it were intelligently directed; but such as it is, it is unselfish and kindly meant, and so it brings down a certain amount of response from higher levels, which is poured upon both the petitioner and the object of his prayers. If the suppliant be earnest and free from conceit, Nature answers the spirit rather than the letter of such a request, and brings general good and advancement to its object without also inflicting upon him the curse of a narrow theology.

Hàng trăm người tốt bụng và nhiệt thành đang dồn rất nhiều sức mãnh lực và lòng tận tâm vào những nỗ lực (như họ nói) để "cứu rỗi linh hồn"—mà đối với họ thường có nghĩa là giam cầm mọi người trong giới hạn của một giáo phái đặc biệt hẹp hòi và thiếu từ thiện nào đó. May mắn thay, những nỗ lực của họ theo hướng cụ thể này thường không thành công. Nhưng chúng ta không nên cho rằng tất cả năng lượng và suy nghĩ của họ dành cho người khác nhất thiết là lãng phí. Nó không mang lại một nửa lợi ích mà nó có thể mang lại nếu nó được định hướng một cách thông minh; nhưng dù sao đi nữa, nó cũng là vị tha và có ý tốt, và do đó, nó mang lại một lượng phản hồi nhất định từ các cấp độ cao hơn, được đổ xuống cả người cầu xin và đối tượng của lời cầu nguyện của y. Nếu người cầu xin tha thiết và không tự phụ, Tự nhiên sẽ đáp ứng tinh thần hơn là lời lẽ của yêu cầu đó, và mang lại lợi ích chung và sự tiến bộ cho đối tượng của nó mà không gây

ra cho y lời nguyền của một nền thần học hẹp hòi.

PEOPLE WHO DISLIKE CEREMONIES

There are in the world many people so constituted that ceremonies of any sort do not appeal to them. It may be asked what kind of provision Nature makes for them, and how they are compensated for their inability to appreciate or to share in the benefits of these various lines of ecclesiastical influence of which I have written. First to a considerable extent they do share in the benefit of them, though they would probably be the last people to admit it. Perhaps they never enter churches; but I have already described how these influences radiate far beyond the mere buildings, and how the vibrations are sent out on all levels, and consequently have something which affects all varieties of people.

Still, it is clear that such men miss a good deal which the others may gain if they will; what sources then are open to them from which they may obtain corresponding advance? They cannot well gain the same uplifting—nor, I suppose, would they desire it; but they may gain a mental stimulus. Just as the thought of the great saint, radiating out all round him, arouses devotion in those who are capable of feeling it, so does the thought of the great man of science, or of anyone who is highly developed intellectually, radiate out upon the mental level and affect the minds of others, so far as they are capable of responding to it. Its action stimulates mental development, though it does not necessarily act so directly upon the character and disposition of the man as does the other influence.

Perfect knowledge must make for goodness of life as much as perfect devotion; but we are as yet so far from perfection that in practical life we have to deal rather with the intermediate or even elementary stages, and it seems clear that elementary knowledge is less likely on the whole to affect the character than elementary devotion. Both are necessary, and before Adeptship is reached both must be acquired in their entirety; but at present we are so partially developed that the vast majority of men are aiming at one and to some extent neglecting the other—I mean, of

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG THÍCH NGHI LỄ

Trên thế giới có nhiều người được tạo ra đến mức các nghi lễ thuộc bất kỳ loại nào cũng không hấp dẫn họ. Có thể hỏi Tự nhiên tạo ra loại sự cung cấp nào cho họ, và họ được bù đắp như thế nào cho việc họ không có khả năng đánh giá cao hoặc chia sẻ lợi ích của những dòng ảnh hưởng giáo hội khác nhau này mà tôi đã viết. Trước hết, ở một mức độ đáng kể, họ cũng chia sẻ lợi ích của chúng, mặc dù có lẽ họ sẽ là những người cuối cùng thừa nhận điều đó. Có lẽ họ không bao giờ vào nhà thờ; nhưng tôi đã mô tả cách những ảnh hưởng này lan tỏa ra ngoài các tòa nhà, và cách những rung động được gửi đi trên mọi cấp độ, và do đó có thứ gì đó ảnh hưởng đến tất cả các loại người.

Tuy nhiên, rõ ràng là những người như vậy bỏ lỡ rất nhiều điều mà những người khác có thể đạt được nếu họ muốn; vậy thì những nguồn nào mở ra cho họ để họ có thể đạt được sự tiến bộ tương ứng? Họ không thể đạt được sự nâng cao tinh thần giống nhau—và tôi cho rằng họ cũng không mong muốn điều đó; nhưng họ có thể đạt được sự kích thích tinh thần. Giống như suy nghĩ của một vị thánh vĩ đại, tỏa ra xung quanh Ngài, khơi dậy lòng sùng kính ở những người có khả năng cảm nhận nó, thì suy nghĩ của một nhà khoa học vĩ đại, hoặc của bất kỳ ai phát triển cao về trí tuệ, cũng tỏa ra trên bình diện tinh thần và ảnh hưởng đến tâm trí của những người khác, trong chừng mực họ có khả năng đáp lại nó. Tác động của nó kích thích sự phát triển tinh thần, mặc dù nó không nhất thiết tác động trực tiếp đến tính cách và tâm tính của con người như ảnh hưởng kia.

Kiến thức hoàn hảo phải tạo ra sự tốt đẹp cho cuộc sống cũng như lòng sùng kính hoàn hảo; nhưng chúng ta vẫn còn cách xa sự hoàn hảo đến mức trong cuộc sống thực tế, chúng ta phải đối phó với các giai đoạn trung gian hoặc thậm chí là sơ cấp, và rõ ràng là nhìn chung, kiến thức sơ cấp ít có khả năng ảnh hưởng đến tính cách hơn là lòng sùng kính sơ cấp. Cả hai đều cần thiết, và trước khi đạt đến Chân Sư, cả hai đều phải đạt được trọn vẹn; nhưng hiện tại, chúng ta đang phát triển một phần đến mức đại đa số mọi người đang nhắm đến cái này và ở một mức độ nào đó

course, the majority of those men who are trying at all, for the greater part of the world has not arrived as yet at recognising the necessity for either knowledge or devotion. The only organisation, in western countries at least, which fully meets and satisfies man's requirements along both these lines appears to me to be the Theosophical Society, and its meetings, small and unimportant though they may seem to an outsider, are capable when properly managed of radiating a powerful influence which will be exceedingly useful to the community.

bỏ bê cái kia—tất nhiên, ý tôi là, đa số những người đang cố gắng, vì phần lớn thế giới vẫn chưa nhận ra sự cần thiết của cả kiến thức lẫn lòng sùng kính. Tổ chức duy nhất, ít nhất là ở các nước phương Tây, đáp ứng đầy đủ và thỏa mãn các yêu cầu của con người trên cả hai phương diện này đối với tôi dường như là Hội Thông Thiên Học, và các cuộc họp của nó, dù có vẻ nhỏ bé và không quan trọng đối với người ngoài cuộc, nhưng khi được quản lý đúng cách, có khả năng tỏa ra một ảnh hưởng mạnh mẽ sẽ cực kỳ hữu ích cho cộng đồng.

THEOSOPHICAL MEETINGS

A meeting may produce most important results, not only for those who take part in it, but for their unconscious neighbours. But in order that it may do this, the members must understand the hidden side of their meeting, and must work with a view to produce the highest possible effects. Many members utterly overlook this most important part of their work, and have in consequence quite an unworthy idea of what the work of a Lodge is.

CÁC BUỔI HỌP THÔNG THIÊN HỌC

Một buổi họp có thể tạo ra những kết quả quan trọng nhất, không chỉ cho những người tham gia mà còn cho những người hàng xóm vô thức của họ. Nhưng để có thể làm được điều này, các thành viên phải hiểu được mặt ẩn giấu của buổi họp của họ, và phải làm việc với mục đích tạo ra những hiệu ứng cao nhất có thể. Nhiều thành viên hoàn toàn bỏ qua phần quan trọng nhất này trong công việc của họ, và do đó có một ý tưởng hoàn toàn không xứng đáng về công việc của một Hội quán là gì.

I have sometimes heard a member frankly confess that the Lodge meetings are often rather dull, and so he does not always attend them. A member who makes such a remark has not grasped the most rudimentary facts about the work of the Lodge; he evidently supposes that it exists for the purpose of amusing him, and if its meetings are not interesting to him he thinks that he is better off at home. The excuse for such an attitude (if there is an excuse) is that through many lives, and probably through the earlier part of this life, such a man has been looking at everything entirely from the outside and from the selfish point of view, and he is only now gradually accustoming himself to the true and higher standpoint—the common-sense attitude which takes account of all the factors, the higher as well as the lower and less important.

Đôi khi tôi nghe một thành viên thẳng thắn thú nhận rằng các buổi họp của Hội quán thường khá buồn tẻ, và vì vậy y không phải lúc nào cũng tham dự chúng. Một thành viên đưa ra nhận xét như vậy đã không nắm bắt được những sự thật sơ đẳng nhất về công việc của Hội quán; y rõ ràng cho rằng nó tồn tại với mục đích mua vui cho y, và nếu các buổi họp của nó không thú vị đối với y, y nghĩ rằng y sẽ thoải mái hơn ở nhà. Lời bào chữa cho thái độ như vậy (nếu có lời bào chữa) là trong nhiều kiếp sống, và có lẽ trong phần đầu của kiếp sống này, một người như vậy đã nhìn mọi thứ hoàn toàn từ bên ngoài và từ quan điểm ích kỷ, và y chỉ bây giờ mới dần làm quen với quan điểm đúng đắn và cao hơn—thái độ thông thường có tính đến tất cả các yếu tố, cả cao hơn cũng như thấp hơn và ít quan trọng hơn.

The person who attends a meeting for the sake of what he can get, or to be entertained there, is thinking of himself only and not of his Lodge or of the Society. We should join the Society not for anything that we get from it, but because, having

Người tham dự một buổi họp vì những gì y có thể nhận được, hoặc để được giải trí ở đó, chỉ đang nghĩ đến bản thân mình chứ không phải Hội quán của y hoặc Hội. Chúng ta nên tham gia Hội không phải vì bất cứ thứ gì chúng ta nhận được

satisfied ourselves of the truth of what it proclaims, we are anxious to spread that truth to others as far as possible. If we are merely selfish in regard to this matter, we can buy the Theosophical books and study them without belonging to the Society at all. We join it for the sake of spreading the teaching, and for the sake of understanding it better by discussing it with those who have spent years in trying to live it. We who belong to it do get a good deal from it, in the way of instruction and of help in understanding difficult points, of brotherly feeling and of kindly thought.

từ nó, mà bởi vì, sau khi tự mình tin chắc vào sự thật của những gì nó tuyên bố, chúng ta mong muốn truyền bá sự thật đó cho người khác càng xa càng tốt. Nếu chúng ta chỉ ích kỷ về vấn đề này, chúng ta có thể mua sách Thông Thiên Học và nghiên cứu chúng mà không cần tham gia Hội. Chúng ta tham gia nó vì mục đích truyền bá giáo lý, và vì mục đích hiểu rõ hơn về nó bằng cách thảo luận nó với những người đã dành nhiều năm để cố gắng sống theo nó. Chúng ta, những người thuộc về nó, thực sự nhận được rất nhiều điều từ nó, về mặt hướng dẫn và giúp đỡ trong việc hiểu những điểm khó khăn, về tình huynh đệ và suy nghĩ tử tế.

I know that I have received much of all these things during my thirty years of membership, but I am quite sure that if I had joined the Society with the idea of getting something out of it, I should not have gained half of what I have. In my experience of the Society I have seen over and over again that the person who comes in with the idea “What shall I get?” gains little, because so far as the flowing of higher forces goes he is a *cul-de-sac*; he is what plumbers call a “dead end,” out of which nothing is running. What can there be in the dead end of a pipe but a little stagnant water? But if the pipe be open and the water flows freely, then a vast amount may pass through.

Tôi biết rằng tôi đã nhận được rất nhiều trong số tất cả những điều này trong ba mươi năm làm hội viên, nhưng tôi hoàn toàn chắc chắn rằng nếu tôi tham gia Hội với ý tưởng nhận được điều gì đó từ nó, thì tôi đã không đạt được một nửa những gì tôi có. Theo kinh nghiệm của tôi về Hội, tôi đã thấy lặp đi lặp lại rằng người đến với ý tưởng "Tôi sẽ nhận được gì?" đạt được rất ít, bởi vì theo như dòng chảy của các mãnh lực cao hơn thì y là một ngõ cụt; y là thứ mà thợ sửa ống nước gọi là "đường cùng", không có gì chảy ra. Có thể có gì trong đường cùng của một đường ống ngoài một ít nước tù đọng? Nhưng nếu đường ống được mở và nước chảy tự do, thì một lượng lớn có thể đi qua.

In the same way, if members come to a meeting, thinking all the time about themselves, and how they like what is said or done, they assuredly gain but little good from it, compared to what they might gain if their attitude were more rational. No doubt such people have spasms of unselfishness; but that is insufficient. The whole life of a member ought to be devoted to trying to fill his place well, and to do his duty to the utmost of his power. Therefore, being a member of the Society and of a Lodge, he has his duty to do from that point of view also. If a member says that Lodge meetings are dull, one always feels inclined to begin by asking him: “What are you doing to allow them to be dull? You are there also and it is your business to see that things are kept going as far as may be.” If each individual member feels resting upon him the duty of trying to make each meeting a success, it will be much more likely to succeed than if he goes there

Theo cách tương tự, nếu các thành viên đến một buổi họp, luôn nghĩ về bản thân mình, và họ thích những gì được nói hoặc làm như thế nào, thì chắc chắn họ sẽ đạt được rất ít lợi ích từ đó, so với những gì họ có thể đạt được nếu thái độ của họ hợp lý hơn. Không nghi ngờ gì nữa, những người như vậy có những cơn co thắt của sự vị tha; nhưng điều đó là không đủ. Toàn bộ cuộc sống của một thành viên nên được dành để cố gắng lấp đầy vị trí của mình một cách tốt đẹp, và làm tròn nghĩa vụ của mình với tất cả khả năng của mình. Do đó, là thành viên của Hội và của một Hội quán, y cũng có nhiệm vụ phải làm từ quan điểm đó. Nếu một thành viên nói rằng các buổi họp của Hội quán thật buồn tẻ, người ta luôn muốn bắt đầu bằng cách hỏi y: "Bạn đang làm gì để cho phép chúng buồn tẻ? Bạn cũng ở đó và việc của bạn là đảm bảo rằng mọi thứ được tiếp tục trong chừng mực có thể." Nếu mỗi thành viên cá nhân cảm thấy mình có trách nhiệm cố gắng làm cho mỗi

just to be amused or even merely to be instructed.

buổi họp thành công, thì nó sẽ có nhiều khả năng thành công hơn là nếu y đến đó chỉ để được giải trí hoặc thậm chí chỉ để được hướng dẫn.

Let us consider then the hidden side of the meeting of a Theosophical Lodge.

Vậy thì chúng ta hãy xem xét mặt ẩn giấu của buổi họp của một Hội quán Thông Thiên Học.

For the purposes of our illustration I will take the ordinary weekly meetings, at which the Lodge is prosecuting its definite line of study. I am referring to the meetings of members of the Lodge only, for the occult effect which I wish to describe is impossible in connection with any meetings to which non-members are admitted.

Để minh họa, tôi sẽ lấy các buổi họp hàng tuần thông thường, tại đó Hội quán đang theo đuổi con đường học tập xác định của mình. Tôi đang đề cập đến các buổi họp chỉ dành cho các thành viên của Hội quán, vì hiệu ứng huyền bí học mà tôi muốn mô tả là không thể có trong bất kỳ buổi họp nào mà người không phải là thành viên được phép tham dự.

Naturally the work of every Lodge has its public side. There are lectures given to the public, and opportunities offered for their questions; all this is good and necessary. But every Lodge which is worthy of the name is also doing something far higher than any work in the physical world, and this higher work can only be done by virtue of its own private meetings. Furthermore, it can be done only if these private meetings are properly conducted and entirely harmonious. If the members are thinking of themselves in any way —if they have personal vanity, such as might show itself in the desire to shine or to take a prominent part in the proceeding; if they have other personal feelings, so that they would be capable of taking offence or of being affected by envy or jealousy—no useful occult effect can possibly be produced. But if they have forgotten themselves in the earnest endeavour to comprehend the subject appointed for study, a considerable and beneficial result, of which they usually have no conception, may readily be produced. Let me explain the reason of this.

Đương nhiên, công việc của mọi Hội quán đều có mặt công khai của nó. Có những bài giảng dành cho công chúng, và những cơ hội được đưa ra cho câu hỏi của họ; tất cả những điều này đều tốt và cần thiết. Nhưng mọi Hội quán xứng đáng với tên gọi cũng đang làm điều gì đó cao hơn nhiều so với bất kỳ công việc nào trong thế giới vật lý, và công việc cao hơn này chỉ có thể được thực hiện nhờ các buổi họp riêng của nó. Hơn nữa, nó chỉ có thể được thực hiện nếu các buổi họp riêng này được tiến hành đúng cách và hoàn toàn hài hòa. Nếu các thành viên đang nghĩ về bản thân mình theo bất kỳ cách nào—nếu họ có lòng kiêu hãnh cá nhân, chẳng hạn như thể hiện mong muốn tỏa sáng hoặc đóng một vai trò nổi bật trong quá trình tố tụng; nếu họ có những cảm xúc cá nhân khác, đến mức họ có thể bị xúc phạm hoặc bị ảnh hưởng bởi sự ghen tị hoặc đố kỵ—thì không thể tạo ra hiệu ứng huyền bí học hữu ích nào. Nhưng nếu họ quên mình trong nỗ lực nghiêm túc để hiểu chủ đề được chỉ định để học tập, thì một kết quả đáng kể và có lợi, mà họ thường không hình dung được, có thể dễ dàng được tạo ra. Hãy để tôi giải thích lý do của điều này.

We will assume a series of meetings at which a certain book is being used for study. Every member knows beforehand what paragraph or page will be taken at the approaching meeting, and it is expected that he shall take the trouble to prepare himself to bear his part in it intelligently. He must not be in the attitude of the young nestling, waiting with open mouth and expecting that someone else will feed him; on the contrary, every member should have an intelligent comprehension of the subject which

Chúng ta sẽ giả định một loạt các buổi họp, tại đó một cuốn sách nhất định đang được sử dụng để học tập. Mọi thành viên đều biết trước đoạn văn hoặc trang nào sẽ được lấy ra trong buổi họp sắp tới, và y được mong đợi sẽ dành thời gian để chuẩn bị cho mình để đóng vai trò của mình một cách thông minh. Y không được ở trong tư thế của một chú chim non, há miệng chờ đợi và mong đợi người khác sẽ cho y ăn; ngược lại, mọi thành viên nên có sự hiểu biết thông minh về chủ đề sẽ được xem xét, và nên sẵn sàng đóng góp phần thông

is to be considered, and should be prepared to contribute his share of information with regard to it.

tin của mình liên quan đến nó.

A good plan is for each member of the circle to make himself responsible for the examination of certain of our Theosophical books—one taking the first volume of *The Secret Doctrine,* let us say, another the second, another the third, another *The Ancient Wisdom,* another *Esoteric Buddhism,* and so on. Some of the members could easily take two or three of the smaller books, and on the other hand, if the Lodge be large enough, a volume of *The Secret Doctrine* might very well be divided among several members, each taking up a hundred or a hundred and fifty pages. The exact subject to be considered at the next meeting is announced at the previous one, and each member makes himself responsible for looking carefully through the book or books committed to his charge for any reference to it, so that when he comes to the meeting he is already possessed of any information about it which is contained in that particular book, and is prepared to contribute this when called upon. In this way every member has his work to do, and each is greatly helped to a full and clear comprehension of the matter under consideration, because all present are thus earnestly fixing their thought upon it. When the meeting opens, the chairman will first appoint some one to read the passage chosen for study, and will then ask each member in turn what, if anything, his book has to say which bears upon it. After all have thus borne their part, questions may be asked and any points which are not quite clear may be discussed. If any question arises which the older members present do not feel themselves fully competent to answer, it should be written out and sent to the Headquarters of the Society.

Một kế hoạch tốt là mỗi thành viên của nhóm tự chịu trách nhiệm kiểm tra một số cuốn sách Thông Thiên Học của chúng ta—ví dụ, một người lấy tập đầu tiên của Giáo Lý Bí Truyền, một người khác lấy tập thứ hai, một người khác lấy tập thứ ba, một người khác lấy Minh Triết Cổ Xưa, một người khác lấy Phật Giáo Huyền Bí, v.v. Một số thành viên có thể dễ dàng lấy hai hoặc ba cuốn sách nhỏ hơn, và mặt khác, nếu Hội quán đủ lớn, một tập của Giáo Lý Bí Truyền có thể được chia cho nhiều thành viên, mỗi người lấy một trăm hoặc một trăm năm mươi trang. Chủ đề chính xác sẽ được xem xét trong buổi họp tiếp theo được thông báo trong buổi họp trước đó, và mỗi thành viên tự chịu trách nhiệm xem xét cẩn thận cuốn sách hoặc những cuốn sách được giao cho y để tìm bất kỳ tài liệu tham khảo nào về nó, để khi y đến buổi họp, y đã có bất kỳ thông tin nào về nó có trong cuốn sách cụ thể đó, và sẵn sàng đóng góp điều này khi được yêu cầu. Bằng cách này, mọi thành viên đều có công việc phải làm, và mỗi người đều được hỗ trợ rất nhiều để hiểu đầy đủ và rõ ràng về vấn đề đang được xem xét, bởi vì tất cả những người có mặt đều đang nghiêm túc tập trung suy nghĩ vào nó. Khi buổi họp bắt đầu, chủ tọa trước tiên sẽ chỉ định ai đó đọc đoạn văn đã chọn để học tập, và sau đó sẽ lần lượt hỏi từng thành viên xem cuốn sách của họ có gì để nói liên quan đến nó hay không. Sau khi tất cả đã đóng góp phần của mình, các câu hỏi có thể được đặt ra và bất kỳ điểm nào chưa rõ ràng đều có thể được thảo luận. Nếu có bất kỳ câu hỏi nào phát sinh mà các thành viên lớn tuổi có mặt không cảm thấy mình đủ năng mãnh lực để trả lời, thì nó nên được viết ra và gửi đến Trụ sở chính của Hội.

If some such plan as that be adopted, no one will have reason to complain of the dullness of the meetings, for every member will exert himself to bear his own part in each of them. Each must go to the meeting in a spirit of helpfulness, thinking of what he can contribute and in what way he can be useful, for upon the attitude of mind much depends.

Nếu một kế hoạch nào đó như vậy được áp dụng, sẽ không ai có lý do gì để phàn nàn về sự buồn tẻ của các buổi họp, vì mọi thành viên sẽ tự mình nỗ lực để đóng góp phần của mình trong mỗi buổi họp. Mỗi người phải đến buổi họp với tinh thần giúp đỡ, nghĩ về những gì y có thể đóng góp và y có thể hữu ích theo cách nào, bởi vì thái độ tinh thần phụ thuộc rất nhiều vào điều đó.

Let us consider what effect such a meeting will produce upon the neighbourhood in which it is held. We have already noted that a Church service is a powerful centre of influence; how does a Theosophical meeting act in this respect?

Chúng ta hãy xem xét buổi họp như vậy sẽ tạo ra hiệu ứng gì đối với khu vực lân cận nơi nó được tổ chức. Chúng ta đã lưu ý rằng một buổi lễ của Nhà thờ là một trung tâm ảnh hưởng mạnh mẽ; một buổi họp Thông Thiên Học hoạt động như thế nào về mặt này?

To understand that, recall for a moment what has been said as to the action of thought. The thought-wave may be generated at various levels of the mental body. A selfish thought uses the lowest kind of mental matter, while an unselfish thought, or an attempt to comprehend some elevated idea, uses the higher kinds only. An intense effort at the realisation of the abstract—an attempt to comprehend what is meant by the fourth dimension or by the tabularity of a table—means, if successful, a dawning activity of the causal body; while if the thought is mingled with unselfish affection, with high aspiration or devotion, it is even possible that a vibration of the intuitional world may enter into it and multiply its power a hundredfold.

Để hiểu điều đó, hãy nhớ lại một chút những gì đã nói về tác động của tư tưởng. Làn sóng tư tưởng có thể được tạo ra ở nhiều cấp độ khác nhau của thể trí. Một suy nghĩ ích kỷ sử dụng loại vật chất trí tuệ thấp nhất, trong khi một suy nghĩ vị tha, hoặc một nỗ lực để hiểu một số ý tưởng cao siêu, chỉ sử dụng các loại cao hơn. Một nỗ lực mạnh mẽ để nhận ra sự trừu tượng—một nỗ lực để hiểu ý nghĩa của chiều kích thứ tư hoặc tính bảng của một cái bàn—nếu thành công, có nghĩa là một hoạt động sơ khai của thể nguyên nhân; trong khi nếu suy nghĩ được trộn lẫn với tình cảm vị tha, với khát vọng cao cả hoặc lòng sùng kính, thì thậm chí có thể một rung động của thế giới trực giác sẽ đi vào nó và nhân sức mạnh của nó lên gấp trăm lần.

The distance to which a thought-wave can radiate effectively, depends partly upon its nature and partly upon the opposition with which it meets. Waves in the lower types of astral matter are usually soon deflected or overwhelmed by a multitude of other vibrations at the same level, just as in the midst of the roar of a great city a soft sound is entirely drowned.

Khoảng cách mà một làn sóng tư tưởng có thể tỏa ra một cách hiệu quả phụ thuộc một phần vào bản chất của nó và một phần vào sự đối lập mà nó gặp phải. Các làn sóng trong các loại vật chất cảm xúc thấp hơn thường sớm bị lệch hướng hoặc bị áp đảo bởi vô số các rung động khác ở cùng cấp độ, giống như giữa tiếng ồn ào của một thành phố lớn, một âm thanh nhẹ nhàng bị át đi hoàn toàn.

For this reason the ordinary self-centred thought of the average man, which begins on the lowest of the mental levels, and instantly plunges down to correspondingly low levels of the astral, is comparatively ineffective. Its power in both the worlds is limited, because, however violent it may be, there is such an immense and turbulent sea of similar thought surging all around that its waves are inevitably soon lost and overpowered in that confusion. A thought generated at a higher level, however, has a much clearer field for its action, because at present the number of thoughts producing such waves is very small—indeed, Theosophical thought is almost a class by itself from this point of view. There are religious people whose thought is quite as elevated as ours, but never so precise and definite; there are large numbers of people whose thoughts on matters of business and money-making are as precise as

Vì lý do này, suy nghĩ tự cho mình là trung tâm thông thường của người bình thường, bắt đầu ở cấp độ thấp nhất của tinh thần, và ngay lập tức lao xuống các cấp độ tương ứng thấp của cảm xúc, là tương đối không hiệu quả. Sức mạnh của nó trong cả hai thế giới đều bị hạn chế, bởi vì, dù có dữ dội đến đâu, vẫn có một biển tư tưởng tương tự vô cùng lớn và hỗn loạn đang dâng trào xung quanh, nên những làn sóng của nó chắc chắn sẽ sớm bị lạc lõng và bị áp đảo trong sự hỗn loạn đó. Tuy nhiên, một suy nghĩ được tạo ra ở cấp độ cao hơn có một trường hoạt động rõ ràng hơn nhiều, bởi vì hiện tại số lượng suy nghĩ tạo ra những làn sóng như vậy là rất nhỏ—thực sự, suy nghĩ Thông Thiên Học gần như là một lớp riêng biệt từ quan điểm này. Có những người mộ đạo có suy nghĩ cao siêu như chúng ta, nhưng không bao giờ chính xác và rõ ràng như vậy; có một số lượng lớn người có suy nghĩ về kinh doanh và kiếm tiền

could be desired, but they are not elevated or altruistic. Even scientific thought is scarcely ever in the same class as that of the true Theosophist, so that our students have practically a field to themselves in the mental world.

chính xác như mong muốn, nhưng họ không cao siêu hoặc vị tha. Ngay cả tư duy khoa học cũng hiếm khi ở cùng đẳng cấp với tư duy của một nhà Thông Thiên Học thực thụ, vì vậy, những người học trò của chúng ta trên thực tế có một lĩnh vực dành riêng cho họ trong cõi trí.

The result of this is that when a man thinks on Theosophical subjects, he is sending out all round him a wave which is powerful because it is practically unopposed, like a sound in the midst of a vast silence, or a light shining forth on the darkest night. It sets in motion a level of mental matter which is as yet but rarely used, and the radiations which are caused by it impinge upon the mental body of the average man at a point where it is quite dormant. This gives to such thought its peculiar value, not only to the thinker but to others round him; for its tendency is to awaken and to bring into use an entirely new part of the thinking apparatus. Such a wave does not necessarily convey Theosophical thought to those who are ignorant of it; but in awakening this higher portion of the mental body, it tends to elevate and liberalise the man's thought as a whole, along whatever lines it may be in the habit of moving, and in this way produces an incalculable benefit.

Kết quả của điều này là khi một người suy nghĩ về các chủ đề Thông Thiên Học, y đang gửi đi xung quanh mình một làn sóng mạnh mẽ vì nó thực tế không bị phản đối, giống như một âm thanh giữa một sự im lặng bao la, hoặc một ánh sáng chiếu sáng trong đêm tối nhất. Nó làm cho một cấp độ vật chất trí tuệ, cho đến nay vẫn còn hiếm khi được sử dụng, chuyển động, và những bức xạ do nó gây ra tác động đến thể trí của người bình thường tại một điểm mà nó đang hoàn toàn không hoạt động. Điều này mang lại cho suy nghĩ đó giá trị đặc biệt của nó, không chỉ cho người suy nghĩ mà còn cho những người khác xung quanh y; bởi vì xu hướng của nó là đánh thức và đưa vào sử dụng một phần hoàn toàn mới của bộ máy tư duy. Một làn sóng như vậy không nhất thiết truyền tải suy nghĩ Thông Thiên Học đến những người không biết về nó; nhưng khi đánh thức phần cao hơn này của thể trí, nó có xu hướng nâng cao và giải phóng suy nghĩ của con người nói chung, theo bất kỳ hướng nào mà nó có thói quen di chuyển, và theo cách này tạo ra một lợi ích không thể tính toán được.

If the thought of a single man produces these results, the thought of twenty or thirty people directed to the same subject will achieve an effect enormously greater. The power of the united thought of a number of men is always far more than the sum of their separate thoughts; it would be much more nearly represented by their product. So it will be seen that, even from this point of view alone, it is an exceedingly good thing for any city or community that a Theosophical Lodge should be constantly meeting in its midst, for its proceedings, if they are conducted in a proper spirit, cannot but have a distinctly elevating and ennobling effect upon the thought of the surrounding population. Naturally there are many people whose minds cannot yet be awakened at all upon those higher levels; but even for them the constant beating of the waves of this more advanced thought at least brings nearer the time of their awakening.

Nếu suy nghĩ của một người tạo ra những kết quả này, thì suy nghĩ của hai mươi hoặc ba mươi người hướng vào cùng một chủ đề sẽ đạt được hiệu quả lớn hơn rất nhiều. Sức mạnh của tư tưởng thống nhất của một số người luôn lớn hơn nhiều so với tổng các suy nghĩ riêng lẻ của họ; nó sẽ được biểu thị gần như bằng tích của chúng. Vì vậy, người ta sẽ thấy rằng, ngay cả khi chỉ nhìn từ quan điểm này, thì việc một Hội quán Thông Thiên Học liên tục họp giữa một thành phố hoặc cộng đồng nào đó là một điều cực kỳ tốt, bởi vì các hoạt động của nó, nếu được tiến hành với tinh thần đúng đắn, chắc chắn sẽ có tác dụng nâng cao và làm tinh thần cao thượng rõ rệt đối với suy nghĩ của người dân xung quanh. Đương nhiên, có nhiều người có tâm trí vẫn chưa thể được đánh thức trên những cấp độ cao hơn đó; nhưng ngay cả đối với họ, nhịp đập liên tục của những làn sóng tư tưởng tiên tiến hơn này ít nhất cũng mang thời điểm thức tỉnh của họ đến gần hơn.

Nor must we forget the result produced by the formation of definite thought-forms. These also are radiated from the centre of activity, but they can affect only such minds as are already to some extent responsive to ideas of this nature. In these days, however, there are many such minds, and our members can attest the fact that after they have been discussing such a question as reincarnation it not infrequently happens that they are themselves asked for information upon that subject by persons whom they had not previously supposed to be interested in it. The thought-form is capable of conveying the exact nature of the thought to those who are somewhat prepared to receive it, whereas the thought-vibration, though it reaches a far wider circle, is much less definite in its action.

Chúng ta cũng không được quên kết quả do sự hình thành các hình tư tưởng xác định tạo ra. Những thứ này cũng được tỏa ra từ trung tâm hoạt động, nhưng chúng chỉ có thể ảnh hưởng đến những tâm trí đã ở một mức độ nào đó đáp ứng với những ý tưởng thuộc loại này. Tuy nhiên, trong thời đại này, có rất nhiều tâm trí như vậy, và các thành viên của chúng ta có thể chứng thực thực tế rằng sau khi họ thảo luận về một câu hỏi như luân hồi, không ít lần họ tự mình được hỏi thông tin về chủ đề đó bởi những người mà trước đây họ không cho là quan tâm đến nó. Hình tư tưởng có khả năng truyền tải bản chất chính xác của suy nghĩ đến những người đã phần nào sẵn sàng tiếp nhận nó, trong khi rung động tư tưởng, mặc dù nó đến được một vòng tròn rộng hơn nhiều, nhưng tác động của nó lại kém rõ ràng hơn nhiều.

Here is already a momentous effect upon the mental level, produced quite unintentionally by our members in the ordinary course of their study—something far greater in reality than their intentional efforts in the way of propaganda are ever likely to produce. But this is not all, for by far the most important part is yet to come. Every Lodge of this Society is a centre of interest to the Great Masters of the Wisdom, and when it works well and loyally Their thoughts and those of Their pupils are frequently turned towards it. In this way a force more exalted than our own may often shine out from our gatherings, and an influence of inestimable value may be focused where, so far as we know, it would not otherwise specially rest. This may indeed seem the ultimate limit which our work can attain; yet there is something beyond even this.

Đây đã là một hiệu ứng quan trọng trên bình diện tinh thần, được tạo ra một cách hoàn toàn không chủ ý bởi các thành viên của chúng ta trong quá trình học tập thông thường của họ—một thứ gì đó trên thực tế lớn hơn nhiều so với những nỗ lực cố ý của họ trong việc tuyên truyền có thể tạo ra. Nhưng đây chưa phải là tất cả, vì phần quan trọng nhất vẫn chưa đến. Mọi Hội quán của Hội này đều là một trung tâm thu hút sự quan tâm của các Chân Sư Minh Triết Vĩ đại, và khi nó hoạt động tốt và trung thành, thì những suy nghĩ của các Ngài và của các học trò của các Ngài thường xuyên hướng về nó. Bằng cách này, một mãnh lực cao siêu hơn mãnh lực của chúng ta thường có thể tỏa sáng từ các buổi tụ họp của chúng ta, và một ảnh hưởng có giá trị không thể đánh giá được có thể được tập trung vào nơi mà, theo như chúng ta biết, nếu không thì nó sẽ không đặc biệt dừng lại. Điều này thực sự có vẻ là giới hạn cuối cùng mà công việc của chúng ta có thể đạt được; tuy nhiên, có một thứ gì đó vượt ra ngoài cả điều này.

All students of the occult are aware that the Life and Light of the Deity flood the whole of His system—that in every world, at every level, is outpoured from Him that especial manifestation of His strength which is appropriate to it. Naturally, the higher the world, the less veiled is His glory, because as we ascend we are drawing nearer to its Source. Normally the force outpoured in each world is strictly limited to it; but it can descend into and illuminate a lower level if a special channel be prepared for it.

Tất cả những người nghiên cứu huyền bí học đều biết rằng Sự Sống và Ánh sáng của Thượng Đế tràn ngập toàn bộ hệ thống của Ngài—rằng trong mọi thế giới, ở mọi cấp độ, đều được tuôn ra từ Ngài biểu hiện đặc biệt về sức mạnh của Ngài phù hợp với nó. Đương nhiên, thế giới càng cao thì vinh quang của Ngài càng ít bị che khuất, bởi vì khi chúng ta đi lên, chúng ta đang tiến gần hơn đến Nguồn gốc của nó. Thông thường, mãnh lực được tuôn ra trong mỗi thế giới hoàn toàn bị giới hạn trong đó; nhưng nó có thể giáng xuống và

chiếu sáng một cấp độ thấp hơn nếu một kênh đặc biệt được chuẩn bị cho nó.

Such a channel is always provided whenever any thought or feeling has an entirely unselfish aspect. The selfish emotion moves in a closed curve, and so brings its own response on its own level; the utterly unselfish emotion is an outrush of energy which does not return, but in its upward movement provides a channel for a downpouring of divine Power from the level next above, which is the reality lying at the back of the old idea of the answer to prayer.

Một kênh như vậy luôn được cung cấp bất cứ khi nào bất kỳ suy nghĩ hoặc cảm xúc nào có khía cạnh hoàn toàn vị tha. Cảm xúc ích kỷ di chuyển theo một đường cong khép kín, và do đó mang lại phản hồi của chính nó trên cấp độ của chính nó; cảm xúc hoàn toàn vị tha là một sự bùng phát năng lượng không quay trở lại, nhưng trong chuyển động hướng lên của nó, nó cung cấp một kênh cho dòng chảy của Sức mạnh thiêng liêng từ cấp độ tiếp theo ở trên, đó là thực tại nằm phía sau ý tưởng cũ về câu trả lời cho lời cầu nguyện.

To a clairvoyant this channel is visible as a great vortex, a kind of gigantic cylinder or funnel. This is the nearest we can come to explaining it in the physical world, but it does not really give at all an adequate idea of its appearance, for as the force flows down through the channel it somehow makes itself one with the vortex, and issues from it coloured by it, and bearing with it distinctive characteristics which show through what channel it has come.

Đối với một người có khả năng thông nhãn, kênh này có thể nhìn thấy như một xoáy nước lớn, một loại hình trụ hoặc phễu khổng lồ. Đây là cách gần nhất mà chúng ta có thể giải thích nó trong thế giới vật lý, nhưng nó không thực sự đưa ra một ý tưởng đầy đủ về sự xuất hiện của nó, bởi vì khi mãnh lực chảy xuống qua kênh, bằng cách nào đó nó tự hòa làm một với xoáy nước, và phát ra từ nó được tô màu bởi nó, và mang theo những đặc điểm riêng biệt cho thấy nó đã đi qua kênh nào.

Such a channel can be made only if all the thought is earnest and harmonious. I do not mean that there must be no discussion at the meetings, but that all such discussion must invariably be of the most friendly character, and conducted with the fullest brotherly feeling. We must never suppose that a man differs from us is necessarily weak in thought or uncomprehending. There are always at least two sides to every question, so that the man who disagrees may often simply be seeing another side. If that is so, we may gather something from him and he something from us, and in that way we may do each other good; but if we become angry over a discussion we do each other harm and the harmony of the thought-waves is lost. One such thought as that so often spoils a beautiful effect. I have seen that happen many times—a number of people working along quite happily and building up a beautiful channel; suddenly some one of them will say something unkind or personal, and then in a moment the thing breaks up, and the opportunity to help is lost.

Một kênh như vậy chỉ có thể được tạo ra nếu tất cả suy nghĩ đều tha thiết và hài hòa. Ý tôi không phải là không được có thảo luận trong các buổi họp, mà là tất cả các cuộc thảo luận như vậy phải luôn mang tính chất thân thiện nhất, và được tiến hành với tình huynh đệ trọn vẹn nhất. Chúng ta không bao giờ được cho rằng một người khác biệt với chúng ta nhất thiết là suy nghĩ yếu kém hoặc không hiểu biết. Luôn có ít nhất hai mặt của mọi vấn đề, do đó, người không đồng ý thường có thể chỉ đơn giản là nhìn thấy một mặt khác. Nếu đúng như vậy, chúng ta có thể thu thập được điều gì đó từ y và y thu thập được điều gì đó từ chúng ta, và theo cách đó, chúng ta có thể làm điều tốt cho nhau; nhưng nếu chúng ta tức giận trong một cuộc thảo luận, chúng ta sẽ làm hại lẫn nhau và sự hài hòa của các làn sóng tư tưởng sẽ mất đi. Một suy nghĩ như vậy thường làm hỏng một hiệu ứng đẹp đẽ. Tôi đã thấy điều đó xảy ra nhiều lần—một số người làm việc cùng nhau khá vui vẻ và xây dựng một kênh tuyệt đẹp; đột nhiên, một người trong số họ sẽ nói điều gì đó không tử tế hoặc mang tính cá nhân, và sau đó ngay lập tức, mọi thứ tan vỡ, và cơ hội giúp đỡ bị mất đi.

Whenever anyone is speaking, or reading a paragraph, or trying to do anything helpful, try for the time to help him, and do not be everlastingly thinking how much better you could do it yourself. Do not criticise, but give him the aid of your thought. You may afterwards enquire as to any points that are not clear, but do not at the time send a hostile or critical thought against him, because if you do you may interfere with the sequence of his thought and spoil his lecture. Make a mental note of any point about which you wish to ask, but for the time try to see what good there is in what he says, as in that way you will strengthen him.

Bất cứ khi nào có ai đó đang nói, hoặc đọc một đoạn văn, hoặc cố gắng làm bất cứ điều gì hữu ích, hãy cố gắng giúp đỡ y trong thời gian đó, và đừng bao giờ nghĩ rằng bạn có thể làm điều đó tốt hơn như thế nào. Đừng chỉ trích, mà hãy hỗ trợ y bằng suy nghĩ của bạn. Sau đó, bạn có thể hỏi về bất kỳ điểm nào chưa rõ ràng, nhưng đừng gửi một suy nghĩ thù địch hoặc chỉ trích đến y vào thời điểm đó, bởi vì nếu bạn làm vậy, bạn có thể can thiệp vào chuỗi suy nghĩ của y và làm hỏng bài giảng của y. Hãy ghi nhớ bất kỳ điểm nào mà bạn muốn hỏi, nhưng trong thời gian đó, hãy cố gắng xem điều gì tốt đẹp trong những gì y nói, vì theo cách đó, bạn sẽ củng cố y.

A clairvoyant sees the current of thought flowing out from the lecturer, and other currents of comprehension and appreciation rising from the audience and joining with it; but critical thought meets it with an opposing rate of vibration, breaks up the stream, and throws it all into confusion. One who sees this influence in action will find these considerations so forcibly impressed upon him that he is little likely to forget them and act contrary to them. The helpful thoughts of members of his audience tend to make a lecturer's presentation clearer, and to impress it upon those to whom it is not familiar. For this reason members should be present even at public lectures upon the most elementary subjects delivered by their fellows, in order that they, who understand thoroughly, may help the lecturer by making clear thought-forms connected with his subject, which will impress themselves upon the minds of the public who are trying to understand.

Một người có khả năng thông nhãn nhìn thấy dòng suy nghĩ chảy ra từ người thuyết trình, và những dòng suy nghĩ thấu hiểu và đánh giá cao khác dâng lên từ khán giả và hòa vào nó; nhưng suy nghĩ chỉ trích gặp nó với tốc độ rung động đối nghịch, phá vỡ dòng chảy và khiến tất cả trở nên hỗn loạn. Người nhìn thấy ảnh hưởng này trong hành động sẽ thấy những xem xét này được ghi nhớ một cách mạnh mẽ đến mức y khó có thể quên chúng và hành động trái với chúng. Những suy nghĩ hữu ích của các thành viên trong khán giả có xu hướng làm cho bài thuyết trình của người thuyết trình rõ ràng hơn, và gây ấn tượng với những người chưa quen thuộc với nó. Vì lý do này, các thành viên nên có mặt ngay cả trong các bài giảng công khai về các chủ đề cơ bản nhất do đồng nghiệp của họ trình bày, để họ, những người hiểu rõ, có thể giúp đỡ người thuyết trình bằng cách tạo ra các hình tư tưởng rõ ràng liên quan đến chủ đề của y, điều này sẽ gây ấn tượng với tâm trí của công chúng đang cố gắng hiểu.

The man who is occupied in the earnest study of higher things is for the time lifted entirely out of himself, and generates a powerful thought-form in the mental world, which is immediately employed as a channel by the force hovering in the world next above. When a body of men join together in a thought of this nature, the channel which they make is out of all proportion larger in its capacity than the sum of their separate channels; and such a body of men is therefore an inestimable blessing to the community amidst which it works, for through them (even in their most ordinary meetings for study, when they are considering such subjects as rounds and races

Người đang bận rộn với việc nghiên cứu nghiêm túc những điều cao siêu hơn sẽ tạm thời thoát ra khỏi chính mình, và tạo ra một hình tư tưởng mạnh mẽ trong cõi trí, ngay lập tức được mãnh lực lơ lửng trong thế giới tiếp theo ở trên sử dụng làm kênh. Khi một nhóm người cùng nhau tham gia vào một suy nghĩ thuộc loại này, kênh mà họ tạo ra có sức chứa lớn hơn nhiều so với tổng các kênh riêng lẻ của họ; và do đó, một nhóm người như vậy là một điều may mắn vô giá đối với cộng đồng mà họ hoạt động, bởi vì thông qua họ (ngay cả trong các buổi họp học tập thông thường nhất của họ, khi họ đang xem xét các chủ đề như các vòng tuần hoàn và các chủng tộc và các dãy hành

and planetary chains) there may come an outpouring into the lower mental world of that force which is normally peculiar to the higher mental; while if they turn their attention to the higher side of the Theosophical teaching, and study such questions of ethics and of soul-development as we find in *At the Feet of the Master, Light on the Path, The Voice of the Silence* and our other devotional books, they may make a channel of more elevated thought through which the force of the intuitional world itself may descend into the mental, and thus radiate out an influence for good upon many a soul who would not be in the least open to the action of that force if it had remained on its original level.

tinh), có thể có một dòng chảy vào thế giới hạ trí của mãnh lực thường chỉ dành riêng cho thượng trí; trong khi nếu họ chuyển sự chú ý sang khía cạnh cao hơn của giáo lý Thông Thiên Học, và nghiên cứu các vấn đề về đạo đức và sự phát triển của linh hồn như chúng ta tìm thấy trong Dưới Chân Thầy, Ánh sáng trên Đường Đạo, Tiếng Nói của Im Lặng và các cuốn sách sùng đạo khác của chúng ta, họ có thể tạo ra một kênh tư tưởng cao siêu hơn, qua đó chính mãnh lực của thế giới trực giác có thể giáng xuống cõi trí, và do đó tỏa ra một ảnh hưởng tốt đẹp đối với nhiều linh hồn, những người sẽ không hề cởi mở với tác động của mãnh lực đó nếu nó vẫn ở cấp độ ban đầu của nó.

This is the real and the greatest function of a Lodge of the Theosophical Society—to furnish a channel for the distribution of the Divine Life; and thus we have another illustration to show us how far greater is the unseen than the seen. To the dim physical eye all that is visible is a small band of humble students meeting weekly in the earnest endeavour to learn and to qualify themselves to be of use to their fellow-men; but to those who can see more of the world, from this tiny root there springs a glorious flower, for no less than four mighty streams of influence are radiating from that seemingly insignificant centre—the stream of thought-waves, the cluster of thought-forms, the magnetism of the Masters of the Wisdom, and the mighty torrent of the Divine Energy.

Đây là chức năng thực sự và vĩ đại nhất của một Hội quán Thông Thiên Học—cung cấp một kênh để phân phối Sự Sống Thiêng liêng; và do đó, chúng ta có một minh họa khác để cho chúng ta thấy cái vô hình lớn hơn cái hữu hình biết bao. Đối với con mắt vật lý mờ ảo, tất cả những gì có thể nhìn thấy là một nhóm nhỏ những người học trò khiêm tốn họp hàng tuần với nỗ lực nghiêm túc để học hỏi và trau dồi bản thân để trở nên hữu ích cho đồng loại của họ; nhưng đối với những người có thể nhìn thấy nhiều hơn về thế giới, từ cái gốc nhỏ bé này mọc lên một bông hoa rực rỡ, vì không ít hơn bốn dòng ảnh hưởng mạnh mẽ đang tỏa ra từ trung tâm dường như không đáng kể đó—dòng sóng tư tưởng, cụm hình tư tưởng, từ mãnh lực của các Chân Sư Minh Triết, và dòng chảy mãnh liệt của Năng lượng Thiêng liêng.

Here also is an instance of the eminently practical importance of a knowledge of the unseen side of life. For lack of such knowledge many a member has been lax in the performance of his duty, careless as to his attendance at Lodge meetings; and thus he has lost the inestimable privilege of being part of a channel for the Divine Life. Such a man has not yet grasped the elementary fact that he joined not to receive but to give, not to be interested and amused, but to take his share in a mighty work for the good of mankind.

Đây cũng là một ví dụ về tầm quan trọng thực tế rõ rệt của kiến thức về mặt vô hình của cuộc sống. Vì thiếu kiến thức như vậy, nhiều thành viên đã lơ là trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, bất cẩn trong việc tham dự các buổi họp của Hội quán; và do đó, y đã đánh mất đặc ân vô giá là một phần của kênh dẫn đến Sự Sống Thiêng liêng. Một người như vậy vẫn chưa nắm bắt được sự thật sơ đẳng rằng y tham gia không phải để nhận mà là để cho, không phải để được quan tâm và giải trí, mà là để tham gia vào một công việc vĩ đại vì lợi ích của nhân loại.

CHAPTER XXII - BY OUR RELATION TO CHILDREN— BỞI MỐI QUAN HỆ CỦA CHÚNG TA VỚI TRẺ EM

FROM the Theosophic standpoint the subject of our relation to children is an exceedingly important and practical one. If we realise the purpose for which the ego descends into incarnation, and if we know to how great an extent its attainment of that purpose depends upon the training given to its various vehicles during their childhood and growth, we cannot but feel that a tremendous responsibility attaches to all who are in any way connected with children, whether as parents, elder relatives, or teachers. It is well, therefore, that we should consider what hints Theosophy can give us as to the way in which we can best discharge this responsibility.

Từ quan điểm Thông Thiên Học, chủ đề về mối quan hệ của chúng ta với trẻ em là một chủ đề cực kỳ quan trọng và thiết thực. Nếu chúng ta nhận ra mục đích mà chân ngã giáng trần, và nếu chúng ta biết mức độ đạt được mục đích đó phụ thuộc vào mức độ nào vào sự rèn luyện dành cho các thể khác nhau của nó trong thời thơ ấu và sự trưởng thành của chúng, thì chúng ta không thể không cảm thấy rằng một trách nhiệm to lớn gắn liền với tất cả những ai có liên quan đến trẻ em, dù là cha mẹ, họ hàng lớn tuổi hay giáo viên. Do đó, điều tốt là chúng ta nên xem xét những gợi ý nào mà Thông Thiên Học có thể cung cấp cho chúng ta về cách thức chúng ta có thể thực hiện tốt nhất trách nhiệm này.

What is the present condition of our relation to children—to boys, at any rate—here in the midst of our European civilisation? The practical result of nineteen centuries of ostensibly Christian teaching is that our boys live among us as an alien race, with laws and rules of life of their own, entirely different from ours, and with a code of morals of their own, also entirely different from that by which we consider ourselves bound. They regard grown-up people (in the mass) with scarcely veiled hostility, or, at the best, with a kind of armed neutrality, and always with deep distrust, as foreigners whose motives are incomprehensible to them, and whose actions are perpetually interfering in the most unwarrantable and apparently malicious manner with their right to enjoy themselves in their own way.

Tình trạng hiện tại của mối quan hệ của chúng ta với trẻ em—ít nhất là với các bé trai—ở đây, giữa nền văn minh châu Âu của chúng ta là gì? Kết quả thực tế của mười chín thế kỷ giảng dạy bề ngoài là Cơ đốc giáo là các bé trai của chúng ta sống giữa chúng ta như một chủng tộc xa lạ, với luật lệ và quy tắc sống riêng của chúng, hoàn toàn khác với chúng ta, và với một bộ quy tắc đạo đức riêng của chúng, cũng hoàn toàn khác với những gì chúng ta tự coi mình bị ràng buộc. Chúng coi những người lớn tuổi (trong đại chúng) với thái độ thù địch khó che giấu, hoặc, tốt nhất, với một kiểu trung lập vũ trang, và luôn với sự ngờ vực sâu sắc, như những người nước ngoài có động cơ không thể hiểu nổi đối với chúng, và những hành động của họ liên tục can thiệp vào quyền được hưởng thụ bản thân theo cách riêng của chúng một cách vô lý nhất và dường như là ác ý.

This may sound rather a startling statement to those who have never considered the matter, but any parent who has boys at one of our large schools will appreciate the truth of it; and if he can look back to his own school-days, and in thought realise once more the feelings and conditions of that period (which most of us have so entirely forgotten), he will recognise, perhaps with a start of surprise, that it is not an inaccurate description of what his own attitude once was.

Điều này nghe có vẻ hơi giật mình đối với những người chưa bao giờ xem xét vấn đề này, nhưng bất kỳ bậc cha mẹ nào có con trai ở một trong những ngôi trường lớn của chúng ta sẽ đánh giá cao sự thật của nó; và nếu y có thể nhìn lại những ngày đi học của chính mình, và trong suy nghĩ nhận ra một lần nữa những cảm xúc và điều kiện của thời kỳ đó (mà hầu hết chúng ta đã quên lãng hoàn toàn), y sẽ nhận ra, có lẽ với một sự ngạc nhiên, rằng đó không phải là một mô tả không chính xác về thái độ của chính y đã từng như thế nào.

Whenever the laws and customs of this race (living among us, yet not us) differ from ours, they are invariably a reversion to an earlier type, and tend in the direction of primitive savagery—a fact which might be cited in support of the Theosophical theory that in each incarnation, before the ego has acquired control of his vehicles, the earlier stages of our evolution are hurriedly run through once more. The only right recognised among them is the right of the strongest; the boy who rules their little State is not the best boy, nor the cleverest boy, but the one who can fight best; and their leadership is usually decided by combat, just as it is to this day among many a savage tribe.

Bất cứ khi nào luật lệ và phong tục của chủng tộc này (sống giữa chúng ta, nhưng không phải là chúng ta) khác với chúng ta, chúng luôn là sự trở lại với một kiểu hình trước đó, và có xu hướng theo hướng man rợ nguyên thủy—một thực tế có thể được viện dẫn để ủng hộ lý thuyết Thông Thiên Học rằng trong mỗi lần nhập thể, trước khi chân ngã có được quyền kiểm soát các thể của mình, các giai đoạn đầu của quá trình tiến hóa của chúng ta lại được trải qua một cách vội vàng một lần nữa. Quyền duy nhất được công nhận giữa chúng là quyền của kẻ mạnh nhất; cậu bé cai trị Tiểu bang nhỏ bé của chúng không phải là cậu bé ngoan nhất, cũng không phải là cậu bé thông minh nhất, mà là cậu bé có thể chiến đấu giỏi nhất; và vị trí lãnh đạo của chúng thường được quyết định bằng chiến đấu, giống như cho đến ngày nay giữa nhiều bộ lạc man rợ.

Their code of morals is distinctly their own, and though it cannot be so directly paralleled among primitive races as some of their other customs, it is decidedly on a lower level than even our own. To oppress and ill-treat the weak, and even torture them to the utmost limit of endurance, seems to be thought a comparatively innocent form of recreation, and it would be only an unusually severe case which would arouse even a passing manifestation of public opinion against the offender. The theft of money is, happily, regarded as contemptible, but the theft of fruit or jam is not; nor, indeed, would the stealing of anything eatable be considered criminal. Falsehood of the most outrageous kind is considered as not only allowable but amusing, when practised upon some too-credulous youngster; if restored to in order to conceal from an adult the misdeeds of a fellow-criminal, it is often looked upon as heroic and noble. But the most heinous crime of all—the very lowest abyss of turpitude—is to call in the intervention of a grown-up person to right even the most flagrant wrongs; and many a weak and nervous child endures agonies both physically and mentally from the barbarity of bullies without breathing a word of his sufferings either to parent or teacher—so deep is the distrust with which public opinion amongst boys regards the hostile race of adults.

Bộ quy tắc đạo đức của chúng rõ ràng là của riêng chúng, và mặc dù nó không thể được so sánh trực tiếp giữa các chủng tộc nguyên thủy như một số phong tục khác của chúng, nhưng nó rõ ràng ở mức độ thấp hơn ngay cả của chúng ta. Việc áp bức và ngược đãi kẻ yếu, và thậm chí tra tấn họ đến mức chịu đựng tối đa, dường như được coi là một hình thức giải trí tương đối vô hại, và sẽ chỉ là một trường hợp nghiêm trọng bất thường mới có thể khơi dậy ngay cả một biểu hiện thoáng qua của dư luận chống lại người phạm tội. May mắn thay, việc trộm cắp tiền bạc bị coi là đáng khinh, nhưng việc trộm cắp trái cây hoặc mứt thì không; thực sự, việc ăn cắp bất cứ thứ gì ăn được cũng sẽ không bị coi là tội phạm. Sự dối trá trắng trợn nhất được coi là không chỉ cho phép mà còn thú vị, khi được thực hiện đối với một số thanh niên cả tin; nếu được khôi phục để che giấu tội ác của một đồng phạm khỏi một người lớn, nó thường được coi là anh hùng và cao quý. Nhưng tội ác tàn bạo nhất trong tất cả—vực thẳm đồi bại nhất—là kêu gọi sự can thiệp của một người lớn để sửa chữa ngay cả những sai lầm trắng trợn nhất; và nhiều đứa trẻ yếu đuối và nhút nhát phải chịu đựng đau đớn cả về thể chất lẫn tinh thần do sự tàn bạo của những kẻ bắt nạt mà không hé răng nửa lời về sự đau khổ của mình cho cha mẹ hoặc giáo viên—sự ngờ vực mà dư luận trong giới trẻ em dành cho chủng tộc thù địch của người lớn sâu sắc đến vậy.

In spite of the terrible suffering which it frequently entails upon the weak and sensitive

Bất chấp những đau khổ khủng khiếp mà nó thường gây ra cho cậu bé yếu đuối và nhạy cảm,

boy, I am in no way blind to the good side of public-school life—to the courage and self-reliance, which it gives to the strong and hardy lad, and the training in the command of the others with which it provides the members of its higher forms. I suppose that England is the only country on earth where the maintenance of order in the small world of school life can be (and is) left practically in the hands of the boys themselves, and there is much in this to be highly commended; but I am at present concerned with the relations between boys as a class and adults as a class, and it can hardly be denied that on the whole these are somewhat strained, the distrust of which I have spoken on the one side being frequently met by dislike and entire want of comprehension on the other.

tôi không hề mù quáng trước mặt tốt của cuộc sống ở trường công lập—lòng dũng cảm và sự tự mãnh lực mà nó mang lại cho cậu bé mạnh mẽ và cứng rắn, và sự rèn luyện trong việc chỉ huy những người khác mà nó cung cấp cho các thành viên trong các hình thức cao hơn của nó. Tôi cho rằng Anh là quốc gia duy nhất trên trái đất mà việc duy trì trật tự trong thế giới nhỏ bé của đời sống học đường có thể (và đang) được giao thực tế vào tay chính lũ trẻ, và có nhiều điều trong số này rất đáng khen ngợi; nhưng hiện tại tôi quan tâm đến mối quan hệ giữa trẻ em như một tầng lớp và người lớn như một tầng lớp, và khó có thể phủ nhận rằng nhìn chung, những điều này có phần căng thẳng, sự ngờ vực mà tôi đã nói ở một bên thường gặp phải sự ghét bỏ và hoàn toàn không hiểu biết ở bên kia.

Many a man (or woman) thinks of boys only as noisy, dirty, greedy, clumsy, selfish and generally objectionable; and he never realises that there may be a good deal of selfishness in this point of view of his, and that if any part of his indictment is true, the fault is not so much in the boys themselves as in the unreasonable way in which they have been brought up; furthermore, that in any case his duty is not to widen the chasm between them and himself by adopting an attitude of dislike and distrust, but rather to endeavour to improve the position of affairs by judicious kindness and hearty, patient friendliness and sympathy.

Nhiều con người (hoặc phụ nữ) chỉ nghĩ về trẻ em là ồn ào, bẩn thỉu, tham lam, vụng về, ích kỷ và nhìn chung khó chịu; và y không bao giờ nhận ra rằng có thể có rất nhiều sự ích kỷ trong quan điểm này của y, và rằng nếu bất kỳ phần nào trong bản cáo trạng của y là đúng, thì lỗi không phải ở bản thân lũ trẻ mà là ở cách nuôi dạy vô lý mà chúng đã được nuôi dạy; hơn nữa, dù trong bất kỳ trường hợp nào, nhiệm vụ của y không phải là mở rộng khoảng cách giữa chúng và y bằng cách có thái độ ghét bỏ và ngờ vực, mà là cố gắng cải thiện tình hình bằng lòng tốt khôn ngoan và sự thân thiện, kiên nhẫn và đồng cảm chân thành.

Surely there is something wrong about such unsatisfactory relations; surely some improvement might be brought about in this unfortunate condition of mutual hostility and mistrust. There are honourable exceptions; there are boys who trust their masters, and masters who trust their boys, and I myself have never found any difficulty in winning the confidence of the juveniles by treating them properly; but in a sadly large number of instances the case is as I have described it.

Chắc chắn có điều gì đó không ổn trong những mối quan hệ không thỏa đáng như vậy; chắc chắn một số cải thiện có thể được thực hiện trong tình trạng thù địch và ngờ vực lẫn nhau đáng tiếc này. Có những ngoại lệ đáng kính; có những cậu bé tin tưởng chủ nhân của chúng, và những chủ nhân tin tưởng cậu bé của họ, và bản thân tôi chưa bao giờ gặp khó khăn trong việc giành được sự tin tưởng của trẻ vị thành niên bằng cách đối xử với chúng đúng mực; nhưng trong một số lượng lớn trường hợp đáng buồn, trường hợp này đúng như tôi đã mô tả.

That it need not be so is shown, not only by the exceptions mentioned above, but by the condition of affairs which we find existing in some Oriental lands. I have not yet had the pleasure of visiting the Empire of Japan, but I hear from those who have been there and have

Rằng điều đó không cần phải như vậy được thể hiện, không chỉ bởi những ngoại lệ đã đề cập ở trên, mà còn bởi tình trạng mà chúng ta thấy tồn tại ở một số vùng đất phương Đông. Tôi vẫn chưa có niềm vui được đến thăm Đế quốc Nhật Bản, nhưng tôi nghe nói từ những người đã từng đến

made some study of this question, that there is no country in the world where children are so well and so sensibly treated—where their relations with their elders are so completely satisfactory. Harshness, it is said, is entirely unknown, yet the children in no way presume upon the gentleness of the older people.

đó và đã nghiên cứu câu hỏi này, rằng không có quốc gia nào trên thế giới mà trẻ em được đối xử tốt và hợp lý như vậy—nơi mối quan hệ của chúng với những người lớn tuổi hoàn toàn thỏa đáng. Người ta nói rằng sự khắc nghiệt hoàn toàn không được biết đến, nhưng trẻ em không hề lạm dụng sự dịu dàng của những người lớn tuổi.

Indeed, no properly treated child ever does or ever would so presume in any country. If he could do so, it would be a clear indication that the adult had failed in his management. All harshness in the treatment of children is a relic of savagery; it may be that when we were at the level of the stone-age we knew no better, but in these days of supposed enlightenment it is simply criminal. The intentional infliction of pain upon any living creature is one of the most serious of sins, and the karma which follows upon it is of the most appalling character. The suggestion that it is intended to produce a good result is no excuse whatever; in this case, as in all others, it can never be right to do evil that good may come. And that quite apart from the fact that good never does come. Nothing but the most horrible evil results from the common delusion on this subject.

Thật vậy, không một đứa trẻ nào được đối xử đúng đắn lại từng hoặc sẽ từng lạm dụng như vậy ở bất kỳ quốc gia nào. Nếu nó có thể làm như vậy, thì đó sẽ là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy người lớn đã thất bại trong việc quản lý của mình. Tất cả sự khắc nghiệt trong cách đối xử với trẻ em đều là tàn dư của sự man rợ; có thể khi chúng ta ở trình độ của thời kỳ đồ đá, chúng ta không biết gì hơn, nhưng trong thời đại được cho là khai sáng này, điều đó đơn giản là tội ác. Việc cố ý gây đau đớn cho bất kỳ sinh vật sống nào là một trong những tội lỗi nghiêm trọng nhất, và nghiệp quả theo sau nó mang tính chất khủng khiếp nhất. Gợi ý rằng nó nhằm mục đích tạo ra một kết quả tốt không phải là lời bào chữa nào cả; trong trường hợp này, cũng như trong tất cả các trường hợp khác, không bao giờ có thể đúng khi làm điều ác để điều thiện có thể đến. Và điều đó hoàn toàn tách biệt với thực tế là điều thiện không bao giờ đến. Không có gì ngoài điều xấu xa khủng khiếp nhất là kết quả từ ảo tưởng phổ biến về chủ đề này.

The whole thing is an abomination which cries to heaven for a remedy, just as is the ghastly, ceaseless slaughter of animals in order that men may degrade themselves by putting into their bodies a peculiarly unsuitable and objectionable form of food. In both these case—the ill-treatment of children and the slaughter of animals—we, in England, are in a condition of absolute barbarism; and the men of the future, looking back upon this time, will find it impossible to understand how such utterly horrible practices could co-exist with the knowledge of philosophy, ethics and religion which we possess. Our eyes are blinded to the wickedness of these things by the glamour of custom; but anyone who studies the hidden side of things soon learns that custom is an entirely unreliable guide and that he must face the facts of nature as they are, and not as ignorant people suppose them to be.

Toàn bộ sự việc là một điều ghê tởm kêu gào đến tận trời xanh để được khắc phục, giống như việc giết mổ động vật kinh hoàng và không ngừng nghỉ để con người có thể tự hạ thấp bản thân bằng cách đưa vào cơ thể họ một dạng thức ăn đặc biệt không phù hợp và khó chịu. Trong cả hai trường hợp này—việc ngược đãi trẻ em và việc giết mổ động vật—chúng ta, ở Anh, đang ở trong tình trạng man rợ tuyệt đối; và con người của tương lai, khi nhìn lại thời điểm này, sẽ thấy không thể hiểu nổi làm thế nào những tập tục hoàn toàn khủng khiếp như vậy có thể cùng tồn tại với kiến thức về triết học, đạo đức và tôn giáo mà chúng ta sở hữu. Mắt chúng ta bị mù trước sự xấu xa của những điều này bởi ảo ảnh của phong tục; nhưng bất kỳ ai nghiên cứu mặt ẩn giấu của sự vật sẽ sớm biết rằng phong tục là một người hướng dẫn hoàn toàn không đáng tin cậy và y phải đối mặt với sự thật của tự nhiên như chúng vốn có, chứ không phải như những người thiếu hiểu biết tưởng tượng về chúng.

This almost universal cruelty to children is the reason for the lack of confidence between them and adults; if we treat them as savages we are doing our best to induce them to act as savages. The incompetent parent or teacher pretends that he intentionally injures a child with a view to correcting his faults; if he knew anything of the real facts of life he would be aware that the effect of such injury is in every case far worse than that of the fault which he imagines himself to be trying to correct. His method is so entirely irrational that it seems to the occultist like the crazy inconsequence of a nightmare—all the more so when we think of the vast mass of hatred, hostility and misunderstanding for which it is responsible.

Sự tàn ác gần như phổ biến này đối với trẻ em là lý do cho sự thiếu tin tưởng giữa chúng và người lớn; nếu chúng ta đối xử với chúng như những kẻ man rợ, chúng ta đang cố gắng hết sức để khiến chúng hành động như những kẻ man rợ. Bậc cha mẹ hoặc giáo viên kém cỏi giả vờ rằng y cố ý làm tổn thương một đứa trẻ với mục đích sửa chữa lỗi lầm của nó; nếu y biết bất cứ điều gì về sự thật của cuộc sống, y sẽ nhận thức được rằng tác động của việc làm tổn thương như vậy trong mọi trường hợp đều tồi tệ hơn nhiều so với lỗi lầm mà y tưởng tượng mình đang cố gắng sửa chữa. Phương pháp của y hoàn toàn phi lý đến mức đối với nhà huyền bí học, nó giống như sự phi logic điên rồ của một cơn ác mộng—hơn thế nữa khi chúng ta nghĩ đến khối lượng thù hận, thù địch và hiểu lầm to lớn mà nó phải chịu trách nhiệm.

But how, it may be asked, is it proposed that this position of mutual mistrust and misunderstanding should be improved? Well, it is evident that in cases where this breach already exists, it can only be bridged over by unwearying kindness, and by gradual, patient, but constant efforts to promote a better understanding by steadily showing unselfish affection and sympathy; in fact, by habitually putting ourselves in the child's place and trying to realise exactly how all these matters appear to him. If we, who are adults, had not so entirely forgotten our own childish days, we should make far greater allowances for the children of to-day, and should understand and get on with them much better.

Nhưng, có thể hỏi, làm thế nào để cải thiện tình trạng ngờ vực và hiểu lầm lẫn nhau này? Chà, rõ ràng là trong những trường hợp mà sự rạn nứt này đã tồn tại, nó chỉ có thể được khắc phục bằng lòng tốt không ngừng nghỉ, và bằng những nỗ lực dần dần, kiên nhẫn, nhưng liên tục để thúc đẩy sự hiểu biết tốt hơn bằng cách thể hiện tình cảm vị tha và sự đồng cảm; trên thực tế, bằng cách thường xuyên đặt mình vào vị trí của đứa trẻ và cố gắng nhận ra chính xác tất cả những vấn đề này xuất hiện với nó như thế nào. Nếu chúng ta, những người lớn, không hoàn toàn quên đi những ngày thơ ấu của mình, thì chúng ta sẽ dành nhiều sự quan tâm hơn cho trẻ em ngày nay, và sẽ hiểu và hòa hợp với chúng tốt hơn nhiều.

This is, however, emphatically one of the cases in which the old proverb holds good, which tells us that prevention is better than cure. If we will but take a little trouble to begin in the right way with our children from the first, we shall easily be able to avoid the undesirable state of affairs which we have been describing. And this is exactly where Theosophy has many a valuable hint to offer to those who are in earnest in wishing to do their duty by the young ones committed to their charge.

Tuy nhiên, đây rõ ràng là một trong những trường hợp mà câu tục ngữ cổ vẫn đúng, câu tục ngữ nói với chúng ta rằng phòng bệnh hơn chữa bệnh. Nếu chúng ta chỉ cần dành một chút công sức để bắt đầu theo đúng cách với con cái của mình ngay từ đầu, chúng ta sẽ dễ dàng tránh được tình trạng không mong muốn mà chúng ta đã mô tả. Và đây chính xác là nơi Thông Thiên Học có nhiều gợi ý quý giá để cung cấp cho những ai nghiêm túc mong muốn làm tròn nghĩa vụ của mình đối với những đứa trẻ được giao phó cho họ chăm sóc.

THE DUTY OF PARENTS

NHIỆM VỤ CỦA CHA MẸ

The absolute nature of this duty of parents and teachers towards children must first be

Trước hết, phải nhận ra bản chất tuyệt đối của nhiệm vụ này của cha mẹ và giáo viên đối với trẻ

recognised. It cannot be too strongly or too repeatedly insisted upon that parentage is an exceedingly heavy responsibility of a religious nature, however lightly and thoughtlessly it may often be undertaken. Those who bring a child into the world make themselves directly responsible to the law of karma for the opportunities of evolution which they ought to give to that ego, and heavy indeed will be their penalty if by their carelessness or selfishness they put hindrances in his path, or fail to render him all the help and guidance which he has a right to expect from them. Yet how often the modern parent entirely ignores this obvious responsibility; how often a child is to him nothing but a cause of fatuous vanity or an object of thoughtless neglect!

em. Không thể nhấn mạnh quá mạnh mẽ hoặc quá nhiều lần rằng việc làm cha mẹ là một trách nhiệm cực kỳ nặng nề mang tính chất tôn giáo, dù cho nó thường được thực hiện một cách nhẹ nhàng và thiếu suy nghĩ đến đâu. Những người sinh ra một đứa trẻ phải tự chịu trách nhiệm trực tiếp trước luật nhân quả về những cơ hội tiến hóa mà họ phải dành cho chân ngã đó, và hình phạt của họ sẽ thực sự nặng nề nếu do sự bất cẩn hoặc ích kỷ của họ mà họ đặt ra những trở ngại trên con đường của nó, hoặc không mang lại cho nó tất cả sự giúp đỡ và hướng dẫn mà nó có quyền mong đợi từ họ. Tuy nhiên, có bao nhiêu lần bậc cha mẹ hiện đại hoàn toàn phớt lờ trách nhiệm hiển nhiên này; có bao nhiêu lần một đứa trẻ đối với y chẳng là gì ngoài nguyên nhân của sự phù phiếm ngu ngốc hoặc đối tượng của sự thờ ơ thiếu suy nghĩ!

If we want to understand our duty towards the child we must first consider how he came to be what he is; we must trace him back in thought to his previous incarnation. Whatever may have been his outward circumstances at that time, he had a definite disposition of his own—a character containing various more or less developed qualities, some good and some bad.

Nếu chúng ta muốn hiểu nhiệm vụ của mình đối với đứa trẻ, trước hết chúng ta phải xem xét làm thế nào nó trở thành như vậy; chúng ta phải lần theo suy nghĩ của nó trở lại kiếp trước. Dù hoàn cảnh bên ngoài của nó vào thời điểm đó có ra sao, nó đều có một tâm tính xác định của riêng mình —một tính cách chứa đựng nhiều phẩm chất ít nhiều phát triển, một số tốt và một số xấu.

In due course of time that life of his came to an end; but whether that end came slowly by disease or old age, or swiftly by some accident or violence, its advent made no sudden change of any sort in his character. A curious delusion seems to prevail in many quarters that the mere fact of death at once turns a demon into a saint—that, whatever a man's life may have been, the moment he dies he becomes practically an angel of goodness. No idea could possibly be further from the truth, as those whose work lies in trying to help the departed know full well. The casting off of a man's physical body no more alters his disposition than does the casting off of his overcoat; he is precisely the same man the day after his death as he was the day before, with the same vices and the same virtues.

Đến thời điểm thích hợp, cuộc sống đó của nó kết thúc; nhưng dù cái kết đó đến từ từ do bệnh tật hoặc tuổi già, hay nhanh chóng do một tai nạn hoặc bạo mãnh lực nào đó, thì sự xuất hiện của nó cũng không tạo ra sự thay đổi đột ngột nào trong tính cách của nó. Một ảo tưởng kỳ lạ dường như phổ biến ở nhiều nơi rằng chỉ cái chết thôi cũng đủ biến một con quỷ thành một vị thánh—rằng, dù cuộc sống của một người có ra sao, thì ngay khi y chết đi, y thực tế sẽ trở thành một thiên thần của lòng tốt. Không có ý tưởng nào có thể xa rời sự thật hơn, như những người có công việc là cố gắng giúp đỡ người đã khuất biết rất rõ. Việc trút bỏ thể xác của một người không làm thay đổi tâm tính của y cũng giống như việc trút bỏ chiếc áo khoác ngoài của y; y chính xác là cùng một người vào ngày sau khi chết như y đã từng vào ngày hôm trước, với cùng những thói xấu và cùng những đức tính.

True, now that he is functioning only in the astral world he has not the same opportunities of displaying them; but though they may manifest themselves in the astral life in a different

Đúng vậy, bây giờ y chỉ hoạt động trong cõi cảm dục, y không có cùng cơ hội để thể hiện chúng; nhưng mặc dù chúng có thể biểu hiện trong đời sống cảm xúc theo một cách khác, nhưng chúng

manner, they are none the less still there, and the conditions and duration of that life are their result. In that world he must stay until the energy poured forth by his lower desires and emotions during physical life has worn itself out —until the astral body which he has made for himself, disintegrates; for only then can he leave it for the higher and more peaceful realm of the heaven-world. But though those particular passions are the time worn out and done with for him, the germs of the qualities in him, which made it possible for them to exist in his nature, are still there. They are latent and ineffective, certainly, because desire of that type requires astral matter for its manifestation; they are what Madame Blavatsky once called “privations of matter,” but they are quite ready to come into renewed activity, if stimulated, when the man again finds himself under conditions where they can act.

vẫn ở đó, và điều kiện và thời gian của đời sống đó là kết quả của chúng. Trong thế giới đó, y phải ở lại cho đến khi năng lượng được đổ ra bởi những ham muốn và cảm xúc thấp kém của y trong cuộc sống vật lý tự cạn kiệt—cho đến khi thể cảm xúc mà y đã tạo ra cho chính mình tan rã; bởi vì chỉ khi đó y mới có thể rời bỏ nó để đến cõi giới cao hơn và yên bình hơn của thế giới thiên đàng. Nhưng mặc dù những đam mê cụ thể đó đã cạn kiệt và chấm dứt đối với y, nhưng mầm mống của những phẩm chất trong y, những thứ đã tạo điều kiện cho chúng tồn tại trong bản chất của y, vẫn còn đó. Chắc chắn là chúng tiềm ẩn và không hiệu quả, bởi vì ham muốn thuộc loại đó cần vật chất cảm xúc để biểu hiện; chúng là thứ mà Madame Blavatsky đã từng gọi là "sự thiếu thốn vật chất", nhưng chúng hoàn toàn sẵn sàng hoạt động trở lại, nếu được kích thích, khi con người lại thấy mình trong điều kiện mà chúng có thể hoạt động.

An analogy may perhaps, if not pushed too far, be of use in helping us to grasp this idea. If a small bell be made to ring continuously in an air-tight vessel, and the air be then gradually withdrawn, the sound will grow fainter and fainter, until it becomes inaudible. The bell is still ringing as vigorously as ever, yet its vibration is no longer manifest to our ears, because the medium by means of which alone it can produce any effect upon them is absent. Admit the air to the vessel, and immediately you hear the sound of the bell once more just as before.

Có lẽ một sự tương tự, nếu không bị đẩy đi quá xa, có thể hữu ích trong việc giúp chúng ta nắm bắt ý tưởng này. Nếu một chiếc chuông nhỏ được rung liên tục trong một bình kín khí, và sau đó không khí dần dần được rút ra, thì âm thanh sẽ ngày càng nhỏ dần cho đến khi không thể nghe thấy được nữa. Chiếc chuông vẫn rung mạnh mẽ như mọi khi, nhưng rung động của nó không còn biểu hiện với tai chúng ta nữa, bởi vì môi trường mà nó chỉ có thể tạo ra bất kỳ tác động nào đối với chúng ta không còn nữa. Cho không khí vào bình, và ngay lập tức bạn sẽ nghe thấy tiếng chuông một lần nữa giống như trước đây.

Similarly, there are certain qualities in man’s nature which need astral matter for their manifestation, just as sound needs either air or some denser matter for its vehicle; and when, in the process of his withdrawal into himself after what we call death, he leaves the astral world for the mental, those qualities can no longer find expression, and must therefore perforce remain latent. But when, centuries later, on his downward course into reincarnation he re-enters the astral realm, these qualities which have remained latent for so long manifest themselves once more, and become the tendencies of the next personality.

Tương tự như vậy, có những phẩm chất nhất định trong bản chất của con người cần vật chất cảm xúc để biểu hiện, giống như âm thanh cần không khí hoặc một số vật chất đặc hơn để làm phương tiện; và khi, trong quá trình rút lui vào chính mình sau cái mà chúng ta gọi là cái chết, y rời khỏi cõi cảm dục để đến với cõi trí, thì những phẩm chất đó không còn có thể tìm thấy sự biểu hiện nữa, và do đó buộc phải tiềm ẩn. Nhưng khi, nhiều thế kỷ sau, trên con đường đi xuống của mình vào luân hồi, y quay trở lại cõi cảm xúc, thì những phẩm chất đã tiềm ẩn trong thời gian dài này lại biểu hiện một lần nữa, và trở thành những khuynh hướng của phàm ngã tiếp theo.

In the same way there are qualities of the mind which need for their expression the matter of the

Theo cách tương tự, có những phẩm chất của tâm trí cần vật chất của các cõi hạ trí để biểu hiện; và

lower mental levels; and when, after his long rest in the heaven-world, the consciousness of the man withdraws into the true ego upon the higher mental levels, these qualities also pass into latency.

khi, sau thời gian nghỉ ngơi dài trong thế giới thiên đàng, tâm thức của con người rút lui vào chân ngã thực sự trên các cõi thượng trí, thì những phẩm chất này cũng chuyển sang trạng thái tiềm ẩn.

But when the ego is about to reincarnate, he has to reverse this process of withdrawal—to pass downward through the very same worlds through which he came on his upward journey. When the time of his outflow comes, he puts himself down first on to the lower levels of his own world, and seeks to express himself there, as far as is possible in that less perfect and less plastic matter. In order that he may so express himself and function in that world, he must clothe himself in its matter.

Nhưng khi chân ngã sắp luân hồi, y phải đảo ngược quá trình rút lui này—đi xuống qua chính những thế giới mà y đã đi qua trong hành trình đi lên của mình. Khi thời điểm tuôn trào của y đến, y đặt mình xuống trước tiên trên các cõi thấp hơn của thế giới của chính mình, và tìm cách thể hiện bản thân ở đó, trong chừng mực có thể trong vật chất kém hoàn hảo và kém dẻo hơn đó. Để y có thể thể hiện bản thân và hoạt động trong thế giới đó, y phải khoác lên mình vật chất của nó.

Thus the ego aggregates around himself matter of the lower mental levels—the matter which will afterwards become his mind-body. But this matter is not selected at random; out of all the varied and inexhaustible store around him he attracts to himself just such a combination as is perfectly fitted to give expression to his latent mental qualities. In precisely the same way, when he makes the further descent to the astral world, the matter of that world which is by natural law attracted to him to serve as his vehicle is exactly that which will give expression to the desires which were his at the conclusion of his astral life. In point of fact, he resumes his life in each world just where he left it last time.

Do đó, chân ngã tập hợp xung quanh mình vật chất của các cõi hạ trí—vật chất mà sau này sẽ trở thành thể trí của y. Nhưng vật chất này không được chọn ngẫu nhiên; trong tất cả kho dự trữ đa dạng và vô tận xung quanh mình, y thu hút về mình chính xác sự kết hợp hoàn toàn phù hợp để biểu hiện những phẩm chất tinh thần tiềm ẩn của y. Theo cách chính xác tương tự, khi y tiếp tục đi xuống cõi cảm dục, vật chất của thế giới đó, theo quy luật tự nhiên bị thu hút về phía y để làm phương tiện cho y, chính xác là thứ sẽ biểu hiện những ham muốn của y khi kết thúc đời sống cảm xúc của y. Trên thực tế, y tiếp tục cuộc sống của mình trong mỗi thế giới ngay tại nơi y đã rời bỏ nó lần trước.

His qualities are not as yet in any way in action; they are simply the germs of qualities, and for the moment their only influence is to secure for themselves a possible field of manifestation by providing suitable matter for their expression in the various vehicles of the child. Whether they develop once more in this life into the same definite tendencies as in the last one, will depend largely upon the encouragement or otherwise given to them by the surroundings of the child during his early years. Any one of them, good or bad, may be readily stimulated into activity by encouragement, or, on the other hand, may be starved out for lack of that encouragement. If stimulated, it becomes a more powerful factor in the man's life this time than it was in his previous existence; if starved out, it remains merely as an unfructified germ, which presently

Những phẩm chất của y vẫn chưa hoạt động theo bất kỳ cách nào; chúng chỉ đơn giản là mầm mống của những phẩm chất, và hiện tại, ảnh hưởng duy nhất của chúng là đảm bảo cho bản thân một trường biểu hiện khả dĩ bằng cách cung cấp vật chất phù hợp để chúng biểu hiện trong các thể khác nhau của đứa trẻ. Liệu chúng có phát triển một lần nữa trong cuộc sống này thành những khuynh hướng xác định giống như trong kiếp trước hay không, sẽ phụ thuộc phần lớn vào việc chúng có được khuyến khích hay không bởi môi trường xung quanh của đứa trẻ trong những năm đầu đời của nó. Bất kỳ phẩm chất nào trong số chúng, tốt hay xấu, đều có thể dễ dàng được kích thích hoạt động bằng cách khuyến khích, hoặc, mặt khác, có thể bị bỏ đói vì thiếu sự khuyến khích đó. Nếu được kích thích, nó sẽ trở thành một yếu tố mạnh mẽ hơn trong cuộc sống

atrophies and dies out, and does not make its appearance in the succeeding incarnation at all.

của con người lần này so với kiếp trước; nếu bị bỏ đói, nó chỉ đơn giản là một mầm mống không được thụ tinh, cuối cùng sẽ teo đi và chết dần, và không xuất hiện trong lần nhập thể tiếp theo.

This, then, is the condition of the child when first he comes under his parents' care. He cannot be said to have as yet a definite mind-body or a definite astral body, but he has around and within him the matter out of which these are to be builded.

Vậy thì, đây là tình trạng của đứa trẻ khi lần đầu tiên nó được cha mẹ chăm sóc. Không thể nói rằng nó đã có một thể trí xác định hoặc một thể cảm xúc xác định, nhưng nó có xung quanh và bên trong nó vật chất mà từ đó những thứ này sẽ được xây dựng.

He possesses tendencies of all sorts, some of them good and some of them evil, and it is in accordance with the development of these tendencies that this building will be regulated. And this development in turn depends almost entirely upon the influences brought to bear upon him from outside during the first few years of his existence. During these years the ego has as yet but little hold over his vehicles, and he looks to the parents to help him to obtain a firmer grasp, and to provide him with suitable conditions; hence their responsibility.

Nó sở hữu đủ loại khuynh hướng, một số tốt và một số xấu, và việc xây dựng này sẽ được điều chỉnh theo sự phát triển của những khuynh hướng này. Và sự phát triển này đến lượt nó gần như hoàn toàn phụ thuộc vào những ảnh hưởng tác động đến nó từ bên ngoài trong vài năm đầu tiên của sự tồn tại của nó. Trong những năm này, chân ngã vẫn chưa kiểm soát được các thể của mình, và nó trông cậy vào cha mẹ để giúp nó có được sự nắm bắt vững chắc hơn, và cung cấp cho nó những điều kiện phù hợp; do đó là trách nhiệm của họ.

THE PLASTICITY OF CHILDHOOD

TÍNH DỄ UỐN NẮN CỦA THỜI THƠ ẤU

It is impossible to exaggerate the plasticity of these unformed vehicles. We know that the physical body of a child, if only its training be begun at a sufficiently early age, may be modified to a considerable extent. An acrobat, for example, will take a boy of five or six years old, whose bones and muscles are not yet as hardened and firmly set as ours are, and will gradually accustom his limbs and body to take readily and with comfort all sorts of positions which would be absolutely impossible for most of us now, even with any amount of training. Yet our own bodies at the same age differed in no essential respect from that boy's, and if they had been put through the same exercises they would have become as supple and elastic as his.

Không thể phóng đại tính dễ uốn nắn của những thể chưa thành hình này. Chúng ta biết rằng thể xác của một đứa trẻ, nếu việc rèn luyện của nó được bắt đầu ở độ tuổi đủ sớm, có thể được sửa đổi ở một mức độ đáng kể. Ví dụ, một người biểu diễn nhào lộn sẽ lấy một cậu bé năm hoặc sáu tuổi, có xương và cơ bắp chưa cứng và chắc chắn như chúng ta, và sẽ dần dần làm quen với các chi và cơ thể của cậu bé để dễ dàng và thoải mái thực hiện tất cả các loại tư thế mà bây giờ sẽ hoàn toàn không thể đối với hầu hết chúng ta, ngay cả với bất kỳ lượng rèn luyện nào. Tuy nhiên, cơ thể của chúng ta ở cùng độ tuổi không khác biệt về mặt thiết yếu nào so với cậu bé đó, và nếu chúng được thực hiện các bài tập tương tự, chúng sẽ trở nên dẻo dai và đàn hồi như cậu bé.

If the physical body of a child is thus plastic and readily impressible, his astral and mental vehicles are far more so. They thrill in response to every vibration which they encounter, and are eagerly receptive with regard to all influences, whether good or evil, which emanate from those around them. They resemble the physical body also in this other characteristic—that though in

Nếu thể xác của một đứa trẻ dễ uốn nắn và dễ bị ảnh hưởng như vậy, thì thể cảm xúc và thể trí của nó còn dễ bị ảnh hưởng hơn nhiều. Chúng rung động để đáp lại mọi rung động mà chúng gặp phải, và háo hức tiếp thu tất cả các ảnh hưởng, dù tốt hay xấu, phát ra từ những người xung quanh chúng. Chúng cũng giống với thể xác ở đặc điểm khác này—rằng mặc dù khi còn nhỏ, chúng rất dễ

early youth they are so susceptible and so easily moulded, they soon set and stiffen and acquire definite habits which, when once firmly established, can be altered only with great difficulty.

bị ảnh hưởng và dễ uốn nắn, nhưng chúng sẽ sớm ổn định và cứng lại và có được những thói quen nhất định, mà một khi đã được thiết lập vững chắc, thì chỉ có thể thay đổi với rất nhiều khó khăn.

When we realise this, we see at once the extreme importance of the surroundings in which a child passes his earliest years, and the heavy responsibility which rests upon every parent to see that the conditions of the child's development are as good as they can be made. The little creature is as clay in our hands to mould almost as we will; moment by moment the germs of good or evil quality brought over from the last birth are awakening into activity; moment by moment are being built up those vehicles which will condition the whole of his after-life; and it rests with us to awaken the germ of good, to starve out the germ of evil. To a far larger extent than is ever realised by even the fondest parents, the child's future is under their control.

Khi chúng ta nhận ra điều này, chúng ta sẽ thấy ngay tầm quan trọng đặc biệt của môi trường xung quanh mà đứa trẻ trải qua những năm đầu đời của mình, và trách nhiệm nặng nề đặt lên vai mọi bậc cha mẹ để đảm bảo rằng các điều kiện phát triển của đứa trẻ được tốt nhất có thể. Sinh vật nhỏ bé giống như đất sét trong tay chúng ta để nhào nặn gần như theo ý muốn; từng giây từng phút, mầm mống của phẩm chất tốt hoặc xấu được mang đến từ kiếp trước đang thức tỉnh hoạt động; từng giây từng phút đang được xây dựng những thể sẽ điều hòa toàn bộ cuộc sống sau này của nó; và chúng ta có trách nhiệm đánh thức mầm mống của cái thiện, bỏ đói mầm mống của cái ác. Ở một mức độ lớn hơn nhiều so với những gì ngay cả những bậc cha mẹ yêu thương nhất từng nhận ra, tương lai của đứa trẻ nằm trong tầm kiểm soát của họ.

Think of all the friends whom you know so well, and try to imagine what splendid specimens of humanity they would be if all their good qualities were enormously intensified, and all the less estimable features absolutely weeded out of their characters.

Hãy nghĩ về tất cả những người bạn mà bạn biết rõ, và cố gắng tưởng tượng họ sẽ là những mẫu người tuyệt vời như thế nào nếu tất cả những phẩm chất tốt đẹp của họ được tăng cường lên rất nhiều, và tất cả những đặc điểm kém hấp dẫn hơn hoàn toàn bị loại bỏ khỏi tính cách của họ.

That is the result which it is in your power to produce in your child, if you do your full duty by him; such a specimen of humanity you may make him if you will but take the trouble.

Đó là kết quả mà bạn có thể tạo ra ở con bạn, nếu bạn làm tròn nghĩa vụ của mình đối với nó; bạn có thể biến nó thành một mẫu người như vậy nếu bạn chịu khó.

THE INFLUENCE OF PARENTS

ẢNH HƯỞNG CỦA CHA MẸ

But how? you will say; by precept? by education? Yes, truly, much may be done in that way when the time comes; but another and far greater power than that is in your hands—a power which you may begin to wield from the very moment of the child's birth, and even before that; and that is the power of the influence of your own life.

Nhưng bằng cách nào? bạn sẽ nói; bằng lời dạy? bằng giáo dục? Vâng, thực sự, có thể làm được nhiều điều theo cách đó khi đến lúc; nhưng một sức mạnh khác và lớn hơn nhiều so với sức mạnh đó nằm trong tay bạn—một sức mạnh mà bạn có thể bắt đầu sử dụng ngay từ khi đứa trẻ chào đời, và thậm chí trước đó; và đó là sức mạnh của ảnh hưởng từ cuộc sống của chính bạn.

To some extent this is recognised, for most civilised people are careful of their words and actions in the presence of a child, and it would be an unusually depraved parent who would allow

Ở một mức độ nào đó, điều này đã được công nhận, vì hầu hết những người văn minh đều cẩn thận với lời nói và hành động của mình khi có mặt một đứa trẻ, và sẽ là một bậc cha mẹ suy đồi

his children to hear him use violent language, or to see him give away to a fit of passion; but what a man does not realise is that if he wishes to avoid doing the most serious harm to his little ones, he must learn to control not only his words and deeds, but also his *thoughts.* It is true that you cannot immediately see the pernicious effect of your evil thought or desire upon the mind of your child, but none the less it is there, and it is more real and more terrible, more insidious and more far-reaching than the harm which is obvious to the physical eye.

bất thường mới cho phép con cái mình nghe thấy y sử dụng ngôn ngữ bạo mãnh lực, hoặc nhìn thấy y nổi cơn thịnh nộ; nhưng điều mà một người không nhận ra là nếu y muốn tránh gây ra tác hại nghiêm trọng nhất cho con mình, y phải học cách kiểm soát không chỉ lời nói và hành động của mình mà còn cả suy nghĩ của mình. Đúng là bạn không thể ngay lập tức nhìn thấy tác động tai hại của suy nghĩ hoặc ham muốn xấu xa của bạn đối với tâm trí của con bạn, nhưng dù sao thì nó vẫn ở đó, và nó có thật hơn và khủng khiếp hơn, xảo quyệt hơn và sâu rộng hơn so với tác hại hiển nhiên đối với mắt thường.

If a parent allows himself to cherish feelings of anger or jealousy, of envy or avarice, of selfishness or pride, even though he may never give them outward expression, the waves of emotion which he thereby causes in his own desire-body are assuredly acting all the while upon the plastic astral body of his child, tuning its undulations to the same key, awakening into activity any germs of those sins that may have been brought over from his past life, and setting up in him also the same set of evil habits, which when they have once become definitely formed will be exceedingly difficult to correct. And this is exactly what is being done in the case of most of the children whom we see around us.

Nếu một bậc cha mẹ cho phép mình nuôi dưỡng những cảm xúc tức giận hoặc ghen tị, đố kỵ hoặc tham lam, ích kỷ hoặc kiêu hãnh, ngay cả khi y có thể không bao giờ thể hiện ra bên ngoài, thì những làn sóng cảm xúc mà y gây ra trong thể ham muốn của chính mình chắc chắn luôn tác động đến thể cảm xúc dễ uốn nắn của con y, điều chỉnh những dao động của nó theo cùng một nhịp điệu, đánh thức hoạt động bất kỳ mầm mống nào của những tội lỗi đó có thể đã được mang đến từ kiếp trước của nó, và thiết lập trong nó cùng một tập hợp những thói quen xấu, mà một khi đã được hình thành rõ ràng thì sẽ cực kỳ khó sửa chữa. Và đây chính xác là điều đang được thực hiện trong trường hợp của hầu hết những đứa trẻ mà chúng ta nhìn thấy xung quanh mình.

THE AURA OF A CHILD

HÀO QUANG CỦA MỘT ĐỨA TRẺ

As it presents itself to a clairvoyant, the subtle body of a child is often a most beautiful object—pure and bright in its colour, free, as yet, from the stains of sensuality and avarice, and from the dull cloud of ill-will and selfishness which so frequently darkens all the life of the adult. In it are to be seen lying latent all the germs and tendencies of which we have spoken—some of them evil, some of them good; and thus the possibilities of the child's future life lie plain before the eye of the watcher.

Như nó thể hiện với một người có khả năng thông nhãn, thể tinh tế của một đứa trẻ thường là một vật thể đẹp nhất—tinh khiết và sáng ngời về màu sắc, cho đến nay vẫn không có những vết bẩn của dục vọng và tham lam, và không có đám mây u ám của ác ý và ích kỷ thường làm tối đi tất cả cuộc sống của người lớn. Trong đó có thể nhìn thấy tất cả những mầm mống và khuynh hướng tiềm ẩn mà chúng ta đã nói đến—một số xấu, một số tốt; và do đó, những khả năng của cuộc sống tương lai của đứa trẻ nằm rõ ràng trước mắt người quan sát.

But how sad it is to see the change which almost invariably comes over that lovely child-aura as the years pass on—to note how persistently the evil tendencies are fostered and strengthened by his environment, and how entirely the good ones are neglected! And so incarnation after

Nhưng thật đáng buồn khi thấy sự thay đổi gần như luôn xảy ra trên hào quang đáng yêu của đứa trẻ đó khi năm tháng trôi qua—để ý xem những khuynh hướng xấu xa được nuôi dưỡng và củng cố bởi môi trường xung quanh của nó một cách dai dẳng như thế nào, và những khuynh hướng

incarnation is almost wasted, and a life which, with just a little more care and self-restraint on the part of parents and teachers, might have borne rich fruit of spiritual development, comes practically to nothing, and at its close leaves scarce any harvest to be garnered into the ego of which it has been so one-sided an expression.

tốt đẹp bị bỏ bê hoàn toàn như thế nào! Và cứ thế, kiếp này qua kiếp khác gần như bị lãng phí, và một cuộc sống mà, chỉ cần thêm một chút quan tâm và tự kiềm chế từ phía cha mẹ và giáo viên, có thể đã sinh ra những quả ngọt của sự phát triển tinh thần, thực tế chẳng đi đến đâu, và khi kết thúc, nó hầu như không để lại vụ mùa nào để thu hoạch vào chân ngã mà nó đã là một biểu hiện quá một chiều.

CARELESSNESS OF PARENTS

When one watches the criminal carelessness with which those who are responsible for the bringing-up of children allow them to be perpetually surrounded by all kinds of evil and worldly thoughts, one ceases to marvel at the extraordinary slowness of human evolution, and the almost imperceptible progress which is all that the ego has to show for life after life spent in the toil and struggle of this lower world. Yet with so little more trouble so vast an improvement might be introduced!

SỰ BẤT CẨN CỦA CHA MẸ

Khi người ta chứng kiến sự bất cẩn đến mức tội lỗi mà những người có trách nhiệm nuôi dạy trẻ em cho phép chúng liên tục bị bao quanh bởi đủ loại suy nghĩ xấu xa và trần tục, người ta không còn ngạc nhiên trước sự chậm chạp đến lạ thường của quá trình tiến hóa của loài người, và sự tiến bộ gần như không thể nhận thấy mà chân ngã phải thể hiện cho kiếp này qua kiếp khác dành cho sự lao động và đấu tranh của thế giới thấp kém này. Tuy nhiên, chỉ với một chút rắc rối hơn, một sự cải thiện to lớn như vậy có thể được đưa ra!

It needs no astral vision to see what a change would come over this weary old world if the majority, or even any large proportion of the next generation, were subjected to the process suggested above—if all their evil qualities were steadily repressed and atrophied for lack of nourishment, while all the good in them was assiduously cultivated and developed to the fullest possible extent. One has only to think what they in turn would do for *their* children, to realise that in two or three generations all the conditions of life would be different, and a true golden age would have begun. For the world at large age may still be distant, but surely we who are members of the Theosophical Society ought to be doing our best to hasten its advent: and though the influence of our example may not extend far, it is at least within our power to see that our own children have for their development every advantage which we can give them.

Không cần tầm nhìn cảm dục để thấy sự thay đổi sẽ đến với thế giới cũ mệt mỏi này nếu phần lớn, hoặc thậm chí bất kỳ tỷ lệ lớn nào của thế hệ tiếp theo, phải chịu quá trình được đề xuất ở trên—nếu tất cả những phẩm chất xấu xa của chúng bị kìm nén và teo đi một cách ổn định vì thiếu dinh dưỡng, trong khi tất cả những điều tốt đẹp trong chúng được siêng năng trau dồi và phát triển đến mức tối đa có thể. Người ta chỉ cần nghĩ đến những gì đến lượt họ sẽ làm cho con cái của họ, để nhận ra rằng trong hai hoặc ba thế hệ, tất cả các điều kiện của cuộc sống sẽ khác đi, và một thời đại hoàng kim thực sự sẽ bắt đầu. Đối với thế giới nói chung, thời đại đó có thể vẫn còn xa vời, nhưng chắc chắn chúng ta, những người là thành viên của Hội Thông Thiên Học, nên cố gắng hết sức để thúc đẩy sự xuất hiện của nó: và mặc dù ảnh hưởng của tấm gương của chúng ta có thể không lan rộng, nhưng ít nhất chúng ta có thể thấy rằng con cái của chúng ta có mọi lợi thế mà chúng ta có thể cung cấp cho sự phát triển của chúng.

The greatest care, then, ought to be taken as to the surroundings of children, and people who will persist in thinking coarse and unloving

Do đó, cần phải hết sức cẩn thận đến môi trường xung quanh của trẻ em, và những người cứ khăng khăng suy nghĩ những suy nghĩ thô thiển và

thoughts should at least learn that while they are doing so, they are unfit to come near the young, lest they infect them with a contagion more virulent than fever.

thiếu yêu thương ít nhất nên biết rằng trong khi họ làm như vậy, họ không thích hợp để đến gần trẻ nhỏ, kẻo họ lây nhiễm cho chúng một loại bệnh truyền nhiễm độc hại hơn cả sốt.

Much care is needed, for example, in the selection of the nurses to whom children must sometimes be committed; though it is surely obvious that the less they are left in the hands of servants the better. Nurses often develop the strongest affection for their charges, and treat them as though they were of their own flesh and blood; yet this is not invariably the case, and, even if it be, the servants are almost inevitably less educated and less refined than their mistresses. A child who is left too much to their companionship is therefore constantly subjected to the impact of thought which is likely to be of a less elevated order than even the average level of that of his parents. So that the mother who wishes her child to grow up into a refined and delicate-minded man should entrust him to the care of others as little as possible, and should, above all things, take good heed to her own thoughts while watching over him.

Ví dụ, cần phải rất cẩn thận trong việc lựa chọn những người vú em mà đôi khi trẻ em phải được giao phó; mặc dù chắc chắn điều hiển nhiên là chúng càng ít bị bỏ mặc trong tay người hầu thì càng tốt. Những người vú em thường dành tình cảm mãnh liệt nhất cho những đứa trẻ mà họ được giao phó, và đối xử với chúng như thể chúng là máu mủ của chính họ; tuy nhiên, điều này không phải lúc nào cũng đúng, và ngay cả khi đúng như vậy, những người hầu gần như chắc chắn ít được giáo dục và ít tinh tế hơn so với bà chủ của họ. Do đó, một đứa trẻ bị bỏ mặc quá nhiều cho sự đồng hành của họ sẽ liên tục phải chịu tác động của suy nghĩ có thể ở mức độ thấp hơn ngay cả mức trung bình của cha mẹ nó. Vì vậy, người mẹ muốn con mình lớn lên thành một người tinh tế và có đầu óc nhạy bén nên giao phó nó cho người khác chăm sóc càng ít càng tốt, và trên hết, nên chú ý đến suy nghĩ của chính mình trong khi trông nom nó.

Her great and cardinal rule should be to allow herself to harbour no thought and no desire which she does not wish to see reproduced in her son. Nor is this merely negative conquest over herself sufficient, for, happily, all that has been said about the influence and power of thought is true of good thoughts just as much as of evil ones, and so the parents' duty has a positive as well as a negative side. Not only must they abstain most carefully from fostering, by unworthy or selfish thoughts of their own, any evil tendency which may exist in their child, but it is also their duty to cultivate in themselves strong, unselfish affection, pure thoughts, high and noble aspirations, in order that all these may react upon their charge, quicken whatever of good is already latent in him, and create a tendency towards any good quality which is as yet unrepresented in his character.

Quy tắc quan trọng và chủ yếu của cô ấy nên là không cho phép bản thân nuôi dưỡng bất kỳ suy nghĩ và ham muốn nào mà cô ấy không muốn thấy được tái tạo ở con trai mình. Chiến thắng tiêu cực đối với bản thân cô ấy cũng không đủ, vì, thật hạnh phúc, tất cả những gì đã nói về ảnh hưởng và sức mạnh của tư tưởng đều đúng với những suy nghĩ tốt cũng như những suy nghĩ xấu, và do đó, nhiệm vụ của cha mẹ có mặt tích cực cũng như mặt tiêu cực. Họ không chỉ phải kiêng khem một cách cẩn thận nhất việc nuôi dưỡng, bằng những suy nghĩ không xứng đáng hoặc ích kỷ của chính họ, bất kỳ khuynh hướng xấu xa nào có thể tồn tại trong con mình, mà còn là nhiệm vụ của họ phải trau dồi trong chính họ tình cảm vị tha mạnh mẽ, những suy nghĩ trong sáng, những khát vọng cao cả và cao thượng, để tất cả những điều này có thể phản ứng lại với đứa trẻ mà họ được giao phó, khơi dậy bất cứ điều gì tốt đẹp đã tiềm ẩn trong nó, và tạo ra một xu hướng hướng tới bất kỳ phẩm chất tốt nào mà vẫn chưa được thể hiện trong tính cách của nó.

Nor need they have any fear that such effort on their part will fail in its effect, because they are unable to follow its action for lack of astral

Họ cũng không cần phải lo sợ rằng nỗ lực như vậy từ phía họ sẽ không có hiệu quả, bởi vì họ không thể theo dõi hành động của nó do thiếu tầm nhìn

vision. To the sight of a clairvoyant the whole transaction is obvious; he distinguishes the waves set up in the mind-body of the parent by the inception of the thought, sees it radiating forth, and notes the sympathetic undulations created by its impingement upon the mind-body of the child; and if he renews his observation at intervals during some considerable period, he discerns the gradual but permanent change produced in that mind-body by the constant repetition of the same stimulus to progress. If the parents themselves possess astral sight, it will, no doubt, be of great assistance to them in showing exactly what are the capabilities of their child, and in what directions he most needs development; but if they have not yet that advantage, there need not therefore be the slightest doubt or question about the result, for that must with mathematical certainty follow sustained effort, whether the process of its working be visible to them or not.

cảm dục. Đối với tầm nhìn của một người có khả năng thông nhãn, toàn bộ giao dịch là hiển nhiên; y phân biệt được những làn sóng được thiết lập trong thể trí của cha mẹ bởi sự khởi đầu của suy nghĩ, nhìn thấy nó tỏa ra, và lưu ý những dao động đồng cảm được tạo ra bởi sự va chạm của nó lên thể trí của đứa trẻ; và nếu y lặp lại quan sát của mình theo định kỳ trong một khoảng thời gian đáng kể, y sẽ nhận thấy sự thay đổi dần dần nhưng vĩnh viễn được tạo ra trong thể trí đó bởi sự lặp lại liên tục của cùng một kích thích đối với sự tiến bộ. Nếu bản thân cha mẹ sở hữu tầm nhìn cảm dục, thì chắc chắn điều đó sẽ hỗ trợ rất nhiều cho họ trong việc chỉ ra chính xác khả năng của con mình là gì, và nó cần phát triển theo những hướng nào nhất; nhưng nếu họ vẫn chưa có lợi thế đó, thì không cần phải có chút nghi ngờ hoặc câu hỏi nào về kết quả, bởi vì điều đó phải theo sau nỗ lực bền bỉ với độ chắc chắn toán học, cho dù quá trình hoạt động của nó có hiển thị với họ hay không.

With whatever care the parents may surround the child, it cannot but be (if he lives in the world at all) that he will some day encounter influences which will stimulate the germs of evil in his composition. But it makes all the difference in the world which germs are stimulated *first.* Usually the evil is thoroughly awakened into activity before the ego has any hold upon the vehicles, and so when he does grasp them he finds that he has to combat a strong predisposition to various evils. When the germs of good are tardily aroused they have to struggle to assert themselves against a set of inharmonious thought-wave which are already firmly established; and often they do not succeed. If, however, by exceeding care before birth and for several years after it the parents are fortunate enough to be able to excite only the good undulations, as the ego gains control he finds it naturally easy to express himself along those lines, and a decided habit is set up in that direction. Then when the evil excitation comes, as come it surely will some time or other, it finds a strong momentum in the direction of good, which it strives in vain to overcome.

Dù cha mẹ có bao bọc đứa trẻ bằng sự quan tâm như thế nào, thì nó cũng không thể không (nếu nó sống trong thế giới này) một ngày nào đó nó sẽ gặp phải những ảnh hưởng sẽ kích thích mầm mống của cái ác trong cấu tạo của nó. Nhưng điều đó tạo ra tất cả sự khác biệt trên thế giới, mầm mống nào được kích thích trước. Thông thường, cái ác được đánh thức triệt để hoạt động trước khi chân ngã có bất kỳ quyền kiểm soát nào đối với các thể, và do đó, khi y nắm bắt được chúng, y thấy rằng mình phải chống lại một khuynh hướng mạnh mẽ đối với nhiều điều xấu xa. Khi mầm mống của cái thiện được khơi dậy một cách chậm chạp, chúng phải đấu tranh để khẳng định mình trước một tập hợp các làn sóng tư tưởng không hài hòa đã được thiết lập vững chắc; và thường thì chúng không thành công. Tuy nhiên, nếu bằng cách hết sức cẩn thận trước khi sinh và trong vài năm sau đó, cha mẹ may mắn đủ để chỉ kích thích những dao động tốt, thì khi chân ngã có được quyền kiểm soát, y thấy rằng việc thể hiện bản thân theo những hướng đó một cách tự nhiên là dễ dàng, và một thói quen dứt khoát được thiết lập theo hướng đó. Sau đó, khi sự kích thích xấu xa đến, chắc chắn nó sẽ đến vào lúc này hay lúc khác, nó sẽ tìm thấy một động mãnh lực mạnh mẽ theo hướng tốt, mà nó cố gắng vượt qua trong vô vọng.

The command of the ego over this lower vehicles is often but small, unless he is unusually advanced; but his will is always for good, because his desire in connection with these vehicles is to evolve himself by their means, and such power as he is able to throw into the balance is therefore always on the right side. But with his at present somewhat uncertain grasp upon his astral and mental bodies, he is frequently unable to overcome a strong tendency in the direction of evil when that has been already established. If, however, he finds the strong tendency set up in the opposite direction, he is enable thereby to get hold of his vehicles more effectually; and after he has done that, the evil suggestion which comes later can only with difficulty succeed in obtaining an entrance. In the one case there is in the personality a taste for evil, a readiness to receive it and indulge in it; in the other there is a strong natural distaste for evil which makes the work of the ego much easier.

Sự kiểm soát của chân ngã đối với các thể thấp hơn này thường rất nhỏ, trừ khi y tiến bộ một cách bất thường; nhưng ý chí của y luôn hướng thiện, bởi vì mong muốn của y liên quan đến những thể này là tự phát triển bản thân bằng phương tiện của chúng, và sức mạnh mà y có thể sử dụng để cân bằng do đó luôn ở phía bên phải. Nhưng với việc hiện tại nắm bắt các thể cảm xúc và thể trí của mình có phần không chắc chắn, y thường không thể vượt qua một khuynh hướng mạnh mẽ theo hướng xấu xa khi điều đó đã được thiết lập. Tuy nhiên, nếu y thấy xu hướng mạnh mẽ được thiết lập theo hướng ngược lại, thì y có thể nắm bắt được các thể của mình một cách hiệu quả hơn; và sau khi y đã làm điều đó, thì sự gợi ý xấu xa đến sau đó chỉ có thể khó khăn lắm mới có thể thành công trong việc xâm nhập. Trong trường hợp thứ nhất, trong phàm ngã có một sở thích đối với cái ác, một sự sẵn sàng để tiếp nhận nó và chìm đắm trong nó; trong trường hợp thứ hai, có một sự ghê tởm tự nhiên mạnh mẽ đối với cái ác, điều này làm cho công việc của chân ngã trở nên dễ dàng hơn nhiều.

Not only should a parent watch his thoughts, but his moods also. A child is quick to notice and to resent injustice; and if he finds himself scolded at one time for an action which on another occasion caused only amusement, what wonder that his sense of the invariability of Nature's laws is outraged! Again, when trouble or sorrow comes upon the parent, as in this world it sometimes must, it is surely his duty to try, as far as possible, to prevent his load of grief from weighing upon his children as well as upon himself; at least when in their presence he should make a special effort to be cheerful and resigned, lest the dull, leaden hue of depression should extend itself from his astral body to theirs.

Cha mẹ không chỉ nên chú ý đến suy nghĩ của mình mà còn cả tâm trạng của mình nữa. Một đứa trẻ nhanh chóng nhận thấy và phẫn nộ trước sự bất công; và nếu nó thấy mình bị mắng mỏ vào một thời điểm vì một hành động mà trong một dịp khác chỉ gây ra sự thích thú, thì điều gì ngạc nhiên khi tâm thức của nó về tính bất biến của các quy luật của Tự nhiên bị xúc phạm! Một lần nữa, khi rắc rối hoặc nỗi buồn ập đến với cha mẹ, như trong thế giới này đôi khi phải xảy ra, thì chắc chắn là nhiệm vụ của y phải cố gắng, trong chừng mực có thể, để ngăn chặn gánh nặng đau buồn của mình đè nặng lên con cái cũng như lên chính mình; ít nhất là khi có mặt chúng, y nên nỗ lực đặc biệt để vui vẻ và cam chịu, kẻo màu sắc u ám, nặng nề của sự chán nản sẽ lan từ thể cảm xúc của y sang thể cảm xúc của chúng.

Many a well-meaning parent has an anxious and fussy nature—is always fidgeting about trifles, and worrying his children and himself about matters which are really quite unimportant. If he could but observe clairvoyantly the utter unrest and disquiet which he thus produces in his own higher bodies, and could further see how these disturbed waves introduce quite unnecessary agitation and irritation into the susceptible vehicles of his children, he would no longer be

Nhiều bậc cha mẹ có ý tốt có bản tính lo lắng và bồn chồn—luôn bồn chồn về những chuyện vặt vãnh, và làm phiền con cái và bản thân về những vấn đề thực sự không quan trọng. Nếu y có thể quan sát một cách thông nhãn sự bất an và bồn chồn tột độ mà y tạo ra trong các thể cao hơn của chính mình, và hơn nữa có thể thấy cách những làn sóng xáo trộn này đưa sự kích động và cáu kỉnh hoàn toàn không cần thiết vào các thể dễ bị ảnh hưởng của con cái y, thì y sẽ không còn ngạc

surprised at their occasional outbursts of petulance or nervous excitability, and would realise that in such a case he is often far more to blame than they. What he should contemplate and set before him as his object, is a restful, unruffled spirit—the peace which passeth all understanding—the perfect calm which comes from the confidence that all will at last be well.

nhiên trước những cơn cáu kỉnh hoặc kích động thần kinh thường xuyên của chúng, và sẽ nhận ra rằng trong trường hợp như vậy, y thường đáng trách hơn nhiều so với chúng. Điều mà y nên suy ngẫm và đặt trước mình làm mục tiêu, là một tinh thần yên tĩnh, không bị xáo trộn—sự bình an vượt qua mọi sự hiểu biết—sự bình tĩnh hoàn hảo đến từ sự tin tưởng rằng cuối cùng mọi thứ sẽ tốt đẹp.

Above all things must he strive to become an embodiment of the Divine Love, so that he may fully realise it in his own life, in order that he may flood with it the life of his child. The body must live in an atmosphere of love; he ought never to meet with a jarring vibration, never even to know in his young days that there is anything but love in this world. And when the time comes, as come it unhappily must, when he learns that in the outside world love is often sadly lacking—all the more let him feel that his home will never fail him, that there, at least, he may always count upon the uttermost love, the fullest comprehension.

Trên hết, y phải cố gắng trở thành hiện thân của Tình yêu Thiêng liêng, để y có thể nhận ra nó một cách trọn vẹn trong cuộc sống của chính mình, để y có thể tràn ngập nó trong cuộc sống của con mình. Đứa trẻ phải sống trong bầu không khí của tình yêu thương; nó không bao giờ nên gặp phải một rung động chói tai, thậm chí không bao giờ nên biết trong những ngày còn non trẻ của mình rằng có bất cứ điều gì ngoài tình yêu thương trong thế giới này. Và khi thời điểm đến, như điều không may phải đến, khi nó biết rằng trong thế giới bên ngoài, tình yêu thương thường rất thiếu thốn—thì hãy để nó càng cảm thấy rằng ngôi nhà của mình sẽ không bao giờ bỏ rơi nó, rằng ít nhất ở đó, nó luôn có thể tin tưởng vào tình yêu thương tột độ, sự thấu hiểu trọn vẹn nhất.

It is obvious that the training of the parents' character which is necessitated by these considerations is in every respect a splendid one, and that in thus helping on the evolution of their children they also benefit themselves to an extent which is absolutely incalculable, for the thoughts which at first have been summoned by conscious effort for the sake of the child will soon become natural and habitual, and will, in time, form the background of the parents' entire life.

Rõ ràng là việc rèn luyện tính cách của cha mẹ mà những xem xét này đòi hỏi là một điều tuyệt vời về mọi mặt, và rằng bằng cách giúp đỡ sự tiến hóa của con cái họ, họ cũng mang lại lợi ích cho bản thân ở một mức độ hoàn toàn không thể tính toán được, bởi vì những suy nghĩ lúc đầu được gợi lên bởi nỗ lực có tâm thức vì lợi ích của đứa trẻ sẽ sớm trở nên tự nhiên và thành thói quen, và theo thời gian, sẽ hình thành nên nền tảng của toàn bộ cuộc sống của cha mẹ.

It must not be supposed that these precautions may be relaxed as the child grows older, for though this extraordinary sensitiveness to the influence of his surroundings commences as soon as the ego descends upon the embryo, long before birth takes place, it continues, in most cases, up to about the period of maturity. If such influences as are above suggested have been brought to bear upon him during infancy and childhood, the body of twelve or fourteen will be far better equipped for the efforts which lie before him than his less fortunate companions, with whom no special trouble has been taken. But he is still far more impressionable than an

Không nên cho rằng những biện pháp phòng ngừa này có thể được nới lỏng khi đứa trẻ lớn lên, bởi vì mặc dù sự nhạy cảm đặc biệt này đối với ảnh hưởng của môi trường xung quanh của nó bắt đầu ngay khi chân ngã giáng xuống phôi thai, rất lâu trước khi sinh ra, nhưng trong hầu hết các trường hợp, nó vẫn tiếp tục cho đến khoảng thời kỳ trưởng thành. Nếu những ảnh hưởng như đã gợi ý ở trên được tác động đến nó trong thời thơ ấu và niên thiếu, thì đứa trẻ mười hai hoặc mười bốn tuổi sẽ được trang bị tốt hơn nhiều cho những nỗ lực trước mắt so với những người bạn kém may mắn hơn của nó, những người mà không có sự quan tâm đặc biệt nào. Nhưng nó vẫn

adult; he still needs to be surrounded by the same boundless sea of never-failing love; the same strong help and guidance upon the mental level must still be continued, in order that the good habits both of thought and of action may not yield before the newer temptations which are likely to assail him.

dễ bị ảnh hưởng hơn nhiều so với người lớn; nó vẫn cần được bao quanh bởi biển cả bao la không bao giờ cạn của tình yêu thương; sự giúp đỡ và hướng dẫn mạnh mẽ tương tự trên bình diện tinh thần vẫn phải được tiếp tục, để những thói quen tốt về cả suy nghĩ và hành động không bị khuất phục trước những cám dỗ mới có thể tấn công nó.

Although in his earlier years it was naturally chiefly to his parents that he had to look for such assistance, all that has been said of their duties applies equally to anyone who comes into contact with children in any capacity, and most especially to those who undertake the tremendous responsibilities of the teacher. This influence of a master for good or for evil over his pupils is one that cannot readily be measured, and (exactly as before) it depends not only upon what he says or what he does, but even more upon what he thinks. Many a master repeatedly reproves in his boys the exhibition of tendencies for the creation of which he is himself directly responsible; if his thought is selfish or impure, then he will find selfishness and impurity reflected all around him, nor does the evil caused by such a thought end with those whom it immediately affects.

Mặc dù trong những năm đầu đời, nó đương nhiên chủ yếu phải trông cậy vào cha mẹ để được hỗ trợ như vậy, nhưng tất cả những gì đã nói về nhiệm vụ của họ đều áp dụng như nhau cho bất kỳ ai tiếp xúc với trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào, và đặc biệt nhất là đối với những người gánh vác trách nhiệm to lớn của người thầy. Ảnh hưởng tốt hay xấu này của một người thầy đối với học trò của mình là điều không thể dễ dàng đo lường được, và (chính xác như trước đây) nó không chỉ phụ thuộc vào những gì y nói hoặc những gì y làm, mà thậm chí còn phụ thuộc vào những gì y nghĩ. Nhiều người thầy nhiều lần khiển trách những cậu bé của mình vì đã thể hiện những khuynh hướng mà chính y phải chịu trách nhiệm trực tiếp cho việc tạo ra chúng; nếu suy nghĩ của y ích kỷ hoặc không trong sáng, thì y sẽ thấy sự ích kỷ và không trong sáng phản ánh xung quanh mình, và điều xấu xa do suy nghĩ đó gây ra cũng không kết thúc với những người mà nó ảnh hưởng trực tiếp.

The young minds upon which it is reflected take it up and magnify and strengthen it, and thus it reacts upon others in turn and becomes an unholy tradition handed down from one generation of boys to another, and so stamps its peculiar character upon a particular school or a particular class. Happily, a good tradition may be set up almost as easily as a bad one—not quite as easily, because there are always undesirable external influences to be taken into account; but still a teacher who realises his responsibilities and manages his school upon the principles that have been suggested will soon find that his self-control and self-devotion have not been fruitless.

Những tâm trí trẻ tuổi mà nó phản ánh sẽ tiếp thu nó và phóng đại và củng cố nó, và do đó, nó phản ứng lại với những người khác và trở thành một truyền thống không thiêng liêng được truyền từ thế hệ trẻ em này sang thế hệ trẻ em khác, và do đó, nó in dấu ấn đặc biệt của nó lên một ngôi trường cụ thể hoặc một lớp học cụ thể. Thật hạnh phúc, một truyền thống tốt có thể được thiết lập gần như dễ dàng như một truyền thống xấu—không hoàn toàn dễ dàng, bởi vì luôn có những ảnh hưởng bên ngoài không mong muốn cần được tính đến; nhưng một người thầy nhận ra trách nhiệm của mình và quản lý trường học của mình theo các nguyên tắc đã được đề xuất sẽ sớm thấy rằng sự tự chủ và sự tận tâm của mình đã không phải là vô ích.

THE NECESSITY FOR LOVE

SỰ CẦN THIẾT CỦA TÌNH YÊU THƯƠNG

There is only one way in which either parent or teacher can really obtain effective influence over a child and draw out all the best that is in him—

Chỉ có một cách mà cha mẹ hoặc giáo viên có thể thực sự có được ảnh hưởng hiệu quả đối với một đứa trẻ và khơi gợi tất cả những điều tốt đẹp nhất

and that is by enfolding him in the pure fire of a warm, constant, personal love, and thereby winning his love and confidence in return. More than any other qualification is this insisted upon in Alcyone's wonderful book *Education as Service* —a book which every parent and teacher should read, for the sake of the sweet spirit which it breathes, and the valuable hints which it contains.

trong nó—và đó là bằng cách bao bọc nó trong ngọn lửa thuần khiết của một tình yêu thương ấm áp, liên tục, cá nhân, và do đó giành được tình yêu thương và sự tin tưởng của nó. Hơn bất kỳ phẩm chất nào khác, điều này được nhấn mạnh trong cuốn sách tuyệt vời Giáo dục như một sự Phụng sự của Alcyone—một cuốn sách mà mọi bậc cha mẹ và giáo viên nên đọc, vì tinh thần ngọt ngào mà nó truyền tải, và những gợi ý quý giá mà nó chứa đựng.

It is true that obedience may be extorted and discipline preserved by inspiring fear, but rules enforced by such a method are kept only so long as he who imposes them (or some one representing him) is present, and are invariably broken when there is no fear of detection; the child keeps them because he must, and not because he wishes to do so; and meantime the effect upon his character is of the most disastrous description.

Đúng là sự vâng lời có thể bị tước đoạt và kỷ luật được duy trì bằng cách gieo rắc nỗi sợ hãi, nhưng các quy tắc được thực thi bằng phương pháp như vậy chỉ được tuân thủ chừng nào người áp đặt chúng (hoặc ai đó đại diện cho y) còn hiện diện, và luôn bị phá vỡ khi không có sự sợ hãi bị phát hiện; đứa trẻ tuân thủ chúng vì nó phải làm vậy, chứ không phải vì nó muốn làm như vậy; và trong khi đó, ảnh hưởng đến tính cách của nó mang tính chất tai hại nhất.

If, on the other hand, his affection has been invoked, his will at once ranges itself on the side of the rule; he wishes to keep it, because he knows that in breaking it he would cause sorrow to one whom he loves; and if only this feeling be strong enough, it will enable him to rise superior to all temptation, and the rule will be binding, no matter who may be present or absent. Thus the object is attained not only much more thoroughly, but also much more easily and pleasantly both for teacher and pupil, and all the best side of the child's nature is called into activity, instead of all the worst. Instead of rousing the child's will into sullen and persistent opposition, the teacher arrays it on his own side in the contest against distractions or temptations; the danger of deceit and secretiveness is avoided, and thus results are achieved which could never be approached on the other system.

Mặt khác, nếu tình cảm của nó được khơi gợi, ý chí của nó sẽ ngay lập tức đứng về phía quy tắc; nó muốn tuân theo nó, bởi vì nó biết rằng nếu phá vỡ nó, nó sẽ gây ra nỗi buồn cho người mà nó yêu thương; và nếu chỉ cần cảm giác này đủ mạnh, nó sẽ cho phép nó vượt lên trên mọi cám dỗ, và quy tắc sẽ ràng buộc, bất kể ai có mặt hoặc vắng mặt. Do đó, mục tiêu đạt được không chỉ triệt để hơn nhiều mà còn dễ dàng và dễ chịu hơn nhiều cho cả giáo viên và học sinh, và tất cả mặt tốt nhất của bản chất đứa trẻ được khơi dậy hoạt động, thay vì tất cả những điều tồi tệ nhất. Thay vì khơi dậy ý chí của đứa trẻ vào sự đối lập ủ rũ và dai dẳng, người thầy sắp xếp nó về phía mình trong cuộc chiến chống lại sự xao nhãng hoặc cám dỗ; nguy cơ lừa dối và bí mật được tránh, và do đó đạt được kết quả mà hệ thống kia không bao giờ có thể đạt được.

It is of the utmost importance always to try to understand the child, and to make him feel certain that he has one's friendliness and sympathy. All appearance of harshness must be carefully avoided, and the reason of all instructions given to him should always be fully explained. It must indeed be made clear to him that sometimes sudden emergencies arise in which the older person has no time to explain his

Điều quan trọng nhất là luôn cố gắng hiểu đứa trẻ, và làm cho nó cảm thấy chắc chắn rằng nó có được sự thân thiện và đồng cảm của mình. Phải cẩn thận tránh mọi biểu hiện khắc nghiệt, và lý do của tất cả các chỉ dẫn dành cho nó phải luôn được giải thích đầy đủ. Thật vậy, phải nói rõ với nó rằng đôi khi những trường hợp khẩn cấp bất ngờ phát sinh, trong đó người lớn tuổi không có thời gian để giải thích các chỉ dẫn của mình, và nó

instructions, and he should understand that in such a case he should obey, even though he may not fully comprehend; but even then the explanation should be always given afterwards.

nên hiểu rằng trong trường hợp như vậy, nó nên tuân theo, ngay cả khi nó có thể không hiểu đầy đủ; nhưng ngay cả khi đó, lời giải thích phải luôn được đưa ra sau đó.

Unwise parents or teachers often make the mistake of habitually exacting obedience without understanding—a most unreasonable demand; indeed, they expect from the child at all times and under all conditions an angelic patience and saintliness which they are far indeed from possessing themselves. They have not yet realised that harshness towards a child is always not only wicked, but absolutely unreasonable and foolish as well, since it can never be the most effective way of obtaining from him what is desired.

Cha mẹ hoặc giáo viên thiếu khôn ngoan thường mắc sai lầm khi thường xuyên đòi hỏi sự vâng lời mà không hiểu—một yêu cầu vô cùng vô lý; thực sự, họ mong đợi đứa trẻ luôn luôn và trong mọi điều kiện phải có sự kiên nhẫn và thánh thiện như thiên thần mà bản thân họ còn lâu mới có được. Họ vẫn chưa nhận ra rằng sự khắc nghiệt đối với một đứa trẻ luôn không chỉ xấu xa mà còn hoàn toàn vô lý và ngu ngốc, vì nó không bao giờ có thể là cách hiệu quả nhất để đạt được điều mong muốn từ nó.

A child's faults are often the direct results of the unnatural way in which he is treated. Sensitive and nervous to a degree, he constantly finds himself misunderstood and scolded or ill-treated for offences whose turpitude he does not in the least comprehend; is it wonderful that, when the whole atmosphere about him reeks with the deceit and falsehood of his elders, his fears should sometimes drive him into untruthfulness also? In such a case the karma of the sin will fall most heavily upon those who by their criminal harshness have placed a weak and undeveloped being in a position where it was almost impossible for him to avoid it.

Những lỗi lầm của một đứa trẻ thường là kết quả trực tiếp của cách đối xử không tự nhiên mà nó phải chịu. Nhạy cảm và lo lắng đến cùng cực, nó liên tục thấy mình bị hiểu lầm và bị mắng mỏ hoặc bị đối xử tệ bạc vì những lỗi lầm mà nó không hề hiểu được sự xấu xa; có gì ngạc nhiên khi toàn bộ bầu không khí xung quanh nó bốc mùi lừa dối và giả dối của những người lớn tuổi, thì nỗi sợ hãi của nó đôi khi cũng khiến nó trở nên dối trá? Trong trường hợp như vậy, nghiệp quả của tội lỗi sẽ đổ xuống nặng nề nhất đối với những người mà do sự khắc nghiệt đến mức tội lỗi của họ đã đặt một sinh vật yếu đuối và chưa phát triển vào vị trí mà nó gần như không thể tránh khỏi nó.

If we expect truth from our children, we must first of all practise it ourselves; we must think truth as well as speak truth and act truth, before we can hope to be strong enough to save them from the sea of falsehood and deceit which surrounds us on every side. But if we treat them as reasonable beings—if we explain fully and patiently what we want from them, and show them that they have nothing to fear from us, because "perfect love casteth out fear"—then we shall find no difficulty about truthfulness.

Nếu chúng ta mong đợi sự thật từ con cái mình, trước hết chúng ta phải tự mình thực hành nó; chúng ta phải suy nghĩ sự thật cũng như nói sự thật và hành động sự thật, trước khi chúng ta có thể hy vọng đủ mạnh mẽ để cứu chúng khỏi biển cả giả dối và lừa dối bao quanh chúng ta ở mọi phía. Nhưng nếu chúng ta đối xử với chúng như những sinh vật có lý trí—nếu chúng ta giải thích đầy đủ và kiên nhẫn những gì chúng ta muốn từ chúng, và cho chúng thấy rằng chúng không có gì phải sợ hãi từ chúng ta, bởi vì "tình yêu thương hoàn hảo xua tan nỗi sợ hãi"—thì chúng ta sẽ không gặp khó khăn gì về sự trung thực.

A curious but not uncommon delusion—a relic, perhaps, of the terrible days when, for its sins, this unhappy country of England groaned under the ghastly tyranny of puritanism—is, that

Một ảo tưởng kỳ lạ nhưng không phải là hiếm—có lẽ là tàn dư của những ngày tháng khủng khiếp khi, vì tội lỗi của mình, đất nước Anh bất hạnh này rên xiết dưới sự chuyên chế khủng khiếp của

children can never be good unless they are unhappy, that they must be thwarted at every turn, and never by any chance allowed to have their own way in anything, because when they are enjoying themselves they must necessarily be in a condition of desperate wickedness! Absurd and atrocious as this doctrine is, various modifications of it are still widely prevalent, and it is responsible for a vast amount of cruelty and unnecessary misery, wantonly inflicted upon little creatures whose only crime is that they are natural and happy. Undoubtedly Nature intends that childhood shall be a happy time, and we ought to spare no efforts to make it so, for in that respect, as in all others, if we thwart Nature we do so at our peril. A hymn tells us:

chủ nghĩa Thanh giáo—là trẻ em không bao giờ có thể ngoan ngoãn trừ khi chúng không hạnh phúc, rằng chúng phải bị cản trở ở mọi ngã rẽ, và không bao giờ được phép theo ý mình trong bất cứ điều gì, bởi vì khi chúng đang tận hưởng bản thân, chúng nhất thiết phải ở trong tình trạng xấu xa tột độ! Vô lý và tàn bạo như học thuyết này, nhiều biến thể của nó vẫn còn phổ biến rộng rãi, và nó phải chịu trách nhiệm cho vô số sự tàn ác và đau khổ không cần thiết, cố ý gây ra cho những sinh vật nhỏ bé mà tội ác duy nhất của chúng là chúng tự nhiên và hạnh phúc. Không nghi ngờ gì nữa, Tự nhiên dự định rằng thời thơ ấu sẽ là một khoảng thời gian hạnh phúc, và chúng ta không nên tiếc công sức để biến nó thành hiện thực, bởi vì về mặt đó, cũng như trong tất cả các mặt khác, nếu chúng ta cản trở Tự nhiên, chúng ta sẽ làm như vậy với nguy hiểm của chính mình. Một bài thánh ca nói với chúng ta:

God would have us happy, happy all the day, and in this case as in all others it is our duty and our privilege to be fellow-workers together with Him.

Thượng Đế muốn chúng ta hạnh phúc, hạnh phúc suốt cả ngày dài, và trong trường hợp này cũng như trong tất cả các trường hợp khác, đó là nhiệm vụ và đặc ân của chúng ta là trở thành những người đồng lao động cùng với Ngài.

It will help us much in our dealings with children if we remember that they also are egos, that their small and feeble physical bodies are but the accident of the moment, and that in reality we are all about the same age; so that we owe them respect as well as affection, and we must not expect to impose our will or individuality upon theirs. Our business in training them is to develop only that in their lower vehicles which will co-operate with the ego—which will make them better channels for the ego to work through. Long ago, in the golden age of the old Atlantean civilisation, the importance of the office of the teacher of the children was so fully recognised that none was permitted to hold it except a trained clairvoyant, who could see all the latent qualities and capabilities of his charges, and could, therefore, work intelligently with each, so as to develop what was good in him and to amend what was evil.

Điều đó sẽ giúp chúng ta rất nhiều trong việc đối xử với trẻ em nếu chúng ta nhớ rằng chúng cũng là những chân ngã, rằng thể xác nhỏ bé và yếu ớt của chúng chỉ là sự tình cờ của khoảnh khắc, và trên thực tế, tất cả chúng ta đều ở cùng độ tuổi; do đó, chúng ta nợ chúng sự tôn trọng cũng như tình cảm, và chúng ta không được mong đợi áp đặt ý chí hoặc cá tính của mình lên ý chí hoặc cá tính của chúng. Nhiệm vụ của chúng ta trong việc đào tạo chúng là chỉ phát triển những gì trong các thể thấp hơn của chúng sẽ hợp tác với chân ngã—những gì sẽ biến chúng thành những kênh tốt hơn để chân ngã hoạt động. Cách đây rất lâu, trong thời đại hoàng kim của nền văn minh Atlantis cổ đại, tầm quan trọng của chức vụ người thầy giáo dục trẻ em đã được công nhận đầy đủ đến mức không ai được phép nắm giữ nó ngoại trừ một người có khả năng thông nhãn được đào tạo bài bản, người có thể nhìn thấy tất cả những phẩm chất và khả năng tiềm ẩn của những đứa trẻ được giao phó cho mình, và do đó, có thể làm việc một cách thông minh với từng đứa trẻ, để phát triển những gì tốt đẹp trong nó và sửa chữa những gì xấu xa.

In the distant future of the sixth root-race that will be so once more; but that time is, as yet, far away, and we have to do our best under less favourable conditions. Yet unselfish affection is a wonderful quickener of the intuition, and those who really love their children will rarely be at a loss to comprehend their needs; and keen and persistent observation will give them, though at the cost of much more trouble, some approach to the clearer insight of their Atlantean predecessors. At any rate, it is well worth the trying, for when once we realise our true responsibility in relation to children we shall assuredly think no labour too great which enables us to discharge it better. Love is not always wise, we know; but at least it is wiser than carelessness, and parents and teachers who truly love will be thereby spurred on to gain wisdom for the sake of the children.

Trong tương lai xa xôi của chủng tộc gốc thứ sáu, điều đó sẽ lại như vậy; nhưng thời điểm đó vẫn còn xa vời, và chúng ta phải cố gắng hết sức trong những điều kiện kém thuận lợi hơn. Tuy nhiên, tình cảm vị tha là một chất xúc tác tuyệt vời cho trực giác, và những người thực sự yêu thương con cái mình sẽ hiếm khi bối rối để hiểu được nhu cầu của chúng; và sự quan sát sắc bén và kiên trì sẽ mang lại cho họ, mặc dù phải trả giá bằng nhiều rắc rối hơn, một cách tiếp cận nào đó để hiểu rõ hơn về những người tiền nhiệm Atlantis của họ. Dù sao thì, điều đó cũng rất đáng để thử, bởi vì một khi chúng ta nhận ra trách nhiệm thực sự của mình liên quan đến trẻ em, chúng ta chắc chắn sẽ không cho rằng công việc nào là quá lớn để cho phép chúng ta thực hiện nó tốt hơn. Chúng ta biết rằng tình yêu thương không phải lúc nào cũng khôn ngoan; nhưng ít nhất nó cũng khôn ngoan hơn sự bất cẩn, và cha mẹ và giáo viên thực sự yêu thương sẽ nhờ đó được thúc đẩy để đạt được trí tuệ vì lợi ích của trẻ em.

RELIGIOUS TRAINING

RÈN LUYỆN TÔN GIÁO

Many members of our Society, while feeling that their children need something to take the place filled in ordinary education by the religious training, have yet found it almost impossible so to put Theosophy before them as to make it in any way intelligible to them. Some have even permitted their children to go through the ordinary routine of bible lessons, saying that they did not know what else to do, and that though much of the teaching was obviously untrue it could be corrected afterwards. This course is entirely indefensible; no child should ever waste his time in learning what he will have to unlearn afterwards. If the true inner meaning of Christianity can be taught to our children, that indeed is well, because that is pure Theosophy; but unfortunately that is not the form which religious instruction takes in ordinary schools.

Nhiều thành viên của Hội chúng ta, trong khi cảm thấy rằng con cái họ cần một thứ gì đó để thay thế vị trí được lấp đầy trong giáo dục thông thường bằng sự rèn luyện tôn giáo, nhưng vẫn thấy gần như không thể đặt Thông Thiên Học trước mặt chúng để làm cho nó trở nên dễ hiểu đối với chúng theo bất kỳ cách nào. Một số người thậm chí đã cho phép con cái mình trải qua các bài học kinh thánh thông thường, nói rằng họ không biết phải làm gì khác, và rằng mặc dù nhiều giáo lý rõ ràng là không đúng sự thật nhưng nó có thể được sửa chữa sau này. Cách làm này hoàn toàn không thể bào chữa được; không một đứa trẻ nào nên lãng phí thời gian để học những gì nó sẽ phải quên đi sau này. Nếu ý nghĩa bên trong thực sự của Cơ đốc giáo có thể được dạy cho con cái chúng ta, thì điều đó thực sự tốt, bởi vì đó là Thông Thiên Học thuần túy; nhưng thật không may, đó không phải là hình thức mà giáo dục tôn giáo diễn ra trong các trường học bình thường.

There is no real difficulty in putting the grand truths of Theosophy intelligibly before the minds of our children. It is useless to trouble them with rounds and races, with mulaprakriti and planetary chains; but then, however interesting and valuable all this information

Không có khó khăn thực sự nào trong việc đưa những sự thật lớn lao của Thông Thiên Học đến trước tâm trí con cái chúng ta một cách dễ hiểu. Thật vô ích khi làm phiền chúng với các vòng tuần hoàn và các chủng tộc, với mulaprakriti và các dãy hành tinh; nhưng sau đó, dù tất cả những

may be, it is of little importance in the practical regulation of conduct, whereas the great ethical truths upon which the whole system rests can, happily, be made clear even to the childish understanding. What could be simpler in essence than the three great truths which are given to Sensa in *The Idyll of the White Lotus*?

thông tin này có thú vị và quý giá đến đâu, thì nó cũng ít quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi thực tế, trong khi những sự thật đạo đức lớn lao mà toàn bộ hệ thống dựa vào, thật may mắn, có thể được làm rõ ngay cả đối với sự hiểu biết của trẻ em. Còn gì đơn giản hơn về bản chất so với ba sự thật vĩ đại được trao cho Sensa trong Truyện thơ về Bạch Liên Hoa?

The soul of man is immortal, and its future is the future of a thing whose growth and splendour have no limit. The principle which gives life dwells in us and without us, is undying and eternally beneficent, is not heard, nor seen, nor smelt, but is perceived by the man who desires perception. Each man is his own absolute lawgiver, the dispenser of glory or gloom to himself—the decreer of his life, his reward, his punishment. These truths, which are as great as is life, itself, are as simple as the simplest mind of man. Feed the hungry with them.

Linh hồn của con người là bất tử, và tương lai của nó là tương lai của một thứ mà sự tăng trưởng và vẻ đẹp của nó không có giới hạn. Nguyên lý ban sự sống ngự trị trong chúng ta và bên ngoài chúng ta, là bất diệt và vĩnh viễn nhân từ, không được nghe, không được nhìn thấy, không được ngửi thấy, mà được cảm nhận bởi người mong muốn cảm nhận. Mỗi người là người ban hành luật tuyệt đối cho chính mình, là người ban phát vinh quang hoặc u ám cho chính mình—là người quyết định cuộc sống của mình, phần thưởng của mình, hình phạt của mình. Những sự thật này, vĩ đại như chính cuộc sống, đơn giản như tâm trí đơn giản nhất của con người. Hãy nuôi dưỡng những người đói khát bằng chúng.

We might express these more tersely by saying: “Man is immortal; God is good; as we sow, so shall we reap.” Surely none of our children can fail to grasp these simple ideas in their broad outline, though as they grow older they may spend many a year in learning more and more of the immensity of their full meaning.

Chúng ta có thể diễn đạt những điều này ngắn gọn hơn bằng cách nói: "Con người là bất tử; Thượng Đế là thiện; gieo nhân nào gặt quả nấy." Chắc chắn không ai trong số con cái chúng ta có thể không nắm bắt được những ý tưởng đơn giản này trong đường nét rộng lớn của chúng, mặc dù khi chúng lớn lên, chúng có thể dành nhiều năm để học hỏi ngày càng nhiều về sự bao la của ý nghĩa đầy đủ của chúng.

Teach them the grand old formula that “death is the gate of life”—not a terrible fate to be feared, but simply a stage of progress to be welcomed with interest. Teach them to live, not for themselves, but for others—to go through the world as friends and helpers, earnest in loving reverence and care for all living things. Teach them to delight in seeing and in causing happiness in others, in animals and birds as well as in human beings; teach them that to cause pain to any living thing is always a wicked action, and can never have aught of interest or amusement for any right-thinking or civilised man. A child’s sympathies are so easily roused, and his delight in doing something is so great, that he responds at once to the idea that he should try to help, and should never harm, all the

Hãy dạy chúng công thức cổ xưa rằng "cái chết là cánh cổng của sự sống"—không phải là một số phận khủng khiếp cần phải sợ hãi, mà chỉ đơn giản là một giai đoạn tiến bộ cần được chào đón với sự quan tâm. Hãy dạy chúng sống không phải vì bản thân mà vì người khác—đi khắp thế giới như những người bạn và người giúp đỡ, tha thiết với lòng tôn kính yêu thương và quan tâm đến tất cả các sinh vật sống. Hãy dạy chúng thích thú khi nhìn thấy và mang lại hạnh phúc cho người khác, cho động vật và chim chóc cũng như cho con người; hãy dạy chúng rằng gây ra đau đớn cho bất kỳ sinh vật sống nào luôn là một hành động xấu xa, và không bao giờ có thể có bất cứ điều gì thú vị hoặc giải trí cho bất kỳ con người văn minh hoặc có suy nghĩ đúng đắn nào. Lòng trắc ẩn của một đứa trẻ rất dễ bị khơi dậy, và niềm vui khi làm

creatures around him. He should be taught to be observant, that he may see where help is needed, whether by man or by animal, and promptly to supply the want so far as lies in his power.

điều gì đó của nó lớn đến mức nó sẽ đáp lại ngay lập tức ý tưởng rằng nó nên cố gắng giúp đỡ, và không bao giờ làm hại, tất cả các sinh vật xung quanh mình. Nó nên được dạy phải biết quan sát, để nó có thể thấy nơi nào cần giúp đỡ, cho dù là con người hay động vật, và nhanh chóng đáp ứng nhu cầu đó trong chừng mực có thể.

A child likes to be loved, and he likes to protect, and both these feelings may be utilised in training him to be a friend of all creatures. He will readily learn to admire flowers as they grow, and not wish to pluck them heedlessly, casting them aside a few minutes later to wither on the roadside; those which he plucks he will pick carefully, avoiding injury to the plant; he will preserve and tend them, and his way through wood and field will never be traceable by fading blossoms and uprooted plants.

Một đứa trẻ thích được yêu thương, và nó thích bảo vệ, và cả hai cảm giác này đều có thể được sử dụng để rèn luyện nó trở thành bạn của tất cả các sinh vật. Nó sẽ dễ dàng học cách chiêm ngưỡng những bông hoa khi chúng lớn lên, và không muốn hái chúng một cách thiếu suy nghĩ, vứt chúng sang một bên vài phút sau đó để héo úa bên vệ đường; những bông hoa mà nó hái, nó sẽ hái cẩn thận, tránh làm tổn thương cây; nó sẽ bảo quản và chăm sóc chúng, và con đường của nó qua rừng và cánh đồng sẽ không bao giờ có thể theo dõi được bằng những bông hoa tàn lụi và những cây bị bật gốc.

PHYSICAL TRAINING

RÈN LUYỆN THỂ CHẤT

The physical training of the child is a matter of the greatest importance, for a strong, pure, healthy body is necessary for the full expression of the developing soul within. Teach him from the first the exceeding importance of physical purity, so that he may regard his daily bath as just as much an integral part of his life as his daily food. See to it that his body is never befouled with such filthy abominations of modern savagery as meat, alcohol or tobacco; see to it that he has always plenty of sunlight, of fresh air and of exercise.

Việc rèn luyện thể chất của đứa trẻ là một vấn đề có tầm quan trọng lớn lao, bởi vì một cơ thể khỏe mạnh, thuần khiết, mạnh mẽ là điều cần thiết cho sự thể hiện đầy đủ của linh hồn đang phát triển bên trong. Hãy dạy nó ngay từ đầu tầm quan trọng đặc biệt của sự thuần khiết về thể chất, để nó có thể coi việc tắm hàng ngày của mình cũng giống như một phần không thể thiếu trong cuộc sống của nó như thức ăn hàng ngày của nó. Hãy đảm bảo rằng cơ thể của nó không bao giờ bị vấy bẩn bởi những thứ ghê tởm bẩn thỉu của sự man rợ hiện đại như thịt, rượu hoặc thuốc lá; hãy đảm bảo rằng nó luôn có nhiều ánh sáng mặt trời, không khí trong lành và tập thể dục.

We have seen in an earlier chapter how horrible are the surroundings in a great town; and if these are evil in their influence on adults, they are ten times worse for the more sensitive children. The truth is that no children ought ever to be brought up in a town at all; and those whose evil karma compels them to work in such places should at least try if possible to live a little way outside of them for the sake of their children. It is far better for the children to be brought up in the country, even though it be in comparative poverty, than that, in order to amass money for them, the

Chúng ta đã thấy trong một chương trước môi trường xung quanh trong một thị trấn lớn khủng khiếp như thế nào; và nếu những điều này xấu xa trong ảnh hưởng của chúng đối với người lớn, thì chúng còn tồi tệ hơn gấp mười lần đối với những đứa trẻ nhạy cảm hơn. Sự thật là không một đứa trẻ nào nên được nuôi dạy trong một thị trấn; và những người mà nghiệp quả xấu xa buộc họ phải làm việc ở những nơi như vậy ít nhất nên cố gắng nếu có thể sống cách xa họ một chút vì lợi ích của con cái họ. Sẽ tốt hơn nhiều cho trẻ em được nuôi dạy ở nông thôn, ngay cả khi đó là trong cảnh

parents should allow them to grow up amidst all the noxious influences of a large town. Where the urban life is unfortunately unavoidable, they should at least be taken out of the city as often as possible, and kept out as long as possible.

nghèo khó tương đối, hơn là, để tích lũy tiền bạc cho chúng, cha mẹ lại cho phép chúng lớn lên giữa tất cả những ảnh hưởng độc hại của một thị trấn lớn. Khi cuộc sống đô thị thật không may là không thể tránh khỏi, thì ít nhất chúng nên được đưa ra khỏi thành phố càng thường xuyên càng tốt, và được giữ ở ngoài càng lâu càng tốt.

So shall your child grow up pure, healthy and happy; so shall you provide, for the soul entrusted to your care, a casket of which it need not be ashamed, a vehicle through which it shall receive only the highest and best that the physical world can give—which it can use as a fitting instrument for the noblest and the holiest work.

Như vậy, con bạn sẽ lớn lên trong sạch, khỏe mạnh và hạnh phúc; như vậy, bạn sẽ cung cấp cho linh hồn được giao phó cho bạn chăm sóc một chiếc hộp mà nó không cần phải xấu hổ, một phương tiện mà qua đó nó sẽ chỉ nhận được những gì cao quý và tốt đẹp nhất mà thế giới vật lý có thể cung cấp—mà nó có thể sử dụng như một công cụ phù hợp cho công việc cao quý và thánh thiện nhất.

As the parent teaches the child, he will also be obliged to set the example in this as in other things, and so the child will thus again civilise his elders as well as improve himself. Birds and butterflies, cats and dogs, all will be his friends, and he will delight in their beauty instead of longing to chase or destroy them. Children thus trained will grow up into men and women who recognise their place in evolution and their work in the world, and each will serve as a fresh centre of humanising force, gradually changing the direction of human influence on all lower things.

Khi cha mẹ dạy dỗ con cái, y cũng sẽ buộc phải làm gương trong việc này cũng như trong những việc khác, và do đó, đứa trẻ sẽ lại một lần nữa làm cho những người lớn tuổi của nó trở nên văn minh cũng như cải thiện bản thân nó. Chim chóc và bướm, mèo và chó, tất cả sẽ là bạn của nó, và nó sẽ thích thú với vẻ đẹp của chúng thay vì khao khát đuổi theo hoặc tiêu diệt chúng. Trẻ em được đào tạo như vậy sẽ lớn lên thành những con người và phụ nữ nhận ra vị trí của mình trong quá trình tiến hóa và công việc của họ trên thế giới, và mỗi người sẽ đóng vai trò như một trung tâm mới của mãnh lực nhân văn hóa, dần dần thay đổi hướng ảnh hưởng của con người đối với tất cả những điều thấp kém hơn.

If thus we train our children, if we are thus careful in our relations with them, we shall bear nobly our great responsibility, and in so doing we shall help on the grand work of evolution; we shall be doing our duty, not only to our children, but to the human race—not only to these particular egos, but to the many millions yet to come.

Nếu chúng ta đào tạo con cái mình như vậy, nếu chúng ta cẩn thận trong mối quan hệ với chúng như vậy, chúng ta sẽ gánh vác trách nhiệm to lớn của mình một cách cao quý, và khi làm như vậy, chúng ta sẽ giúp đỡ cho công việc tiến hóa vĩ đại; chúng ta sẽ làm tròn nghĩa vụ của mình, không chỉ đối với con cái chúng ta, mà còn đối với loài người—không chỉ đối với những chân ngã cụ thể này, mà còn đối với hàng triệu người khác sẽ đến.

CHAPTER XXIII - BY OUR RELATION TO LOWER KINGDOMS— BỞI MỐI QUAN HỆ CỦA CHÚNG TA VỚI CÁC GIỚI THẤP

DOMESTIC ANIMALS

WE have a responsibility which must not be forgotten towards the animals which we draw around us. This may be of two kinds, or rather of two degrees. A farmer in the course of his business has to deal with a large number of animals which may be described as semi-domesticated. His duty towards them is clearly to feed them well and to take all possible care to keep them in perfect health. He may sometimes attach to himself some one of these, but on the whole his relation towards them is in the mass only, and as they are yet far from the possibility of individualisation, it is not likely that his influence over them can go far, or be more than a general one. His relation with them is, in fact, a business relation, though he should look after them as carefully as though they were human.

The case is quite different with the really domestic animals which live in the house with us, and come into intimate personal relations with us. No one is obliged to keep a dog or a cat, but if he does so he incurs a much greater responsibility towards that animal than the farmer has towards any member of his flock. It would be unpardonable selfishness for anyone who keeps such an animal to think only of his own pleasure in connection with it, and not of the animal's development.

The domestic animal is in fact a kind of younger child—with this difference, that whereas the child is already an ego and has to be helped to control his new vehicles, the animal is not yet a separate ego and has to be helped to become one. The process of the individualisation of an animal has been often described; notes upon it may be found in *A Text-book of Theosophy*, *The Inner Life*, *Man Visible and Invisible* and *The Christian Creed*. A perusal of what is there written will show at once along what line our duties to the animals lie. We must endeavour to develop their affection and their intellect, and the principal factor in both those developments is the

ĐỘNG VẬT NUÔI TRONG NHÀ

Chúng ta có một trách nhiệm không được quên đối với những loài động vật mà chúng ta thu hút xung quanh mình. Điều này có thể thuộc hai loại, hay đúng hơn là hai cấp độ. Một người nông dân trong quá trình kinh doanh của mình phải đối phó với một số lượng lớn động vật có thể được mô tả là bán thuần hóa. Nghĩa vụ của y đối với chúng rõ ràng là cho chúng ăn đầy đủ và hết sức cẩn thận để giữ cho chúng hoàn toàn khỏe mạnh. Y đôi khi có thể gắn bó với một trong số chúng, nhưng nhìn chung, mối quan hệ của y với chúng chỉ là trong đại chúng, và vì chúng còn lâu mới có khả năng cá biệt hóa, nên không chắc ảnh hưởng của y đối với chúng có thể đi xa, hoặc chỉ là chung chung. Trên thực tế, mối quan hệ của y với chúng là mối quan hệ kinh doanh, mặc dù y nên chăm sóc chúng cẩn thận như thể chúng là con người.

Trường hợp hoàn toàn khác với những loài động vật thực sự được thuần hóa sống trong nhà với chúng ta, và có mối quan hệ cá nhân mật thiết với chúng ta. Không ai bị bắt buộc phải nuôi chó hoặc mèo, nhưng nếu y làm như vậy, y sẽ phải gánh chịu trách nhiệm lớn hơn nhiều đối với loài động vật đó so với người nông dân đối với bất kỳ thành viên nào trong đàn của mình. Sẽ là sự ích kỷ không thể tha thứ cho bất kỳ ai nuôi một loài động vật như vậy chỉ nghĩ đến niềm vui của bản thân mình liên quan đến nó, mà không nghĩ đến sự phát triển của loài động vật đó.

Trên thực tế, động vật nuôi trong nhà giống như một đứa trẻ nhỏ hơn—với điểm khác biệt này, trong khi đứa trẻ đã là một chân ngã và phải được giúp đỡ để kiểm soát các thể mới của mình, thì động vật vẫn chưa phải là một chân ngã riêng biệt và phải được giúp đỡ để trở thành một chân ngã. Quá trình cá biệt hóa của một loài động vật đã được mô tả nhiều lần; có thể tìm thấy ghi chú về nó trong Sách Giáo Khoa Thông Thiên Học, Nội Tâm, Con Người Hữu Hình và Vô Hình và Tín Điều Cơ Đốc Giáo. Đọc kỹ những gì được viết ở đó sẽ cho thấy ngay lập tức nhiệm vụ của chúng ta đối với động vật nằm ở đâu. Chúng ta phải cố gắng phát triển tình cảm và trí tuệ của chúng, và

affection which we feel for them.

yếu tố chính trong cả hai sự phát triển đó là tình cảm mà chúng ta dành cho chúng.

I have written at considerable length, in *The Inner Life*, Vol. ii, upon mistakes which are frequently made by men in their relation to domestic animals. All those mistakes are due to a selfish attitude with regard to the animal, an endeavour to employ him for the gratification of our own evil passions—as, for example, when a dog is trained to hunt, and made in that way to do vastly more harm than his forefathers ever did as wild beasts in the jungle. For the wild beast kills only for food, when impelled to do so by hunger; but the dog is trained to kill for the pleasure of killing, and is thereby degraded in the scale of evolution instead of being raised.

Tôi đã viết khá dài, trong Nội Tâm, Tập ii, về những sai lầm mà con người thường mắc phải trong mối quan hệ của họ với động vật nuôi trong nhà. Tất cả những sai lầm đó là do thái độ ích kỷ đối với động vật, một nỗ lực sử dụng nó để thỏa mãn những đam mê xấu xa của chính chúng ta—ví dụ, khi một con chó được huấn luyện để săn bắn, và theo cách đó, nó gây ra tác hại lớn hơn nhiều so với tổ tiên của nó từng làm khi là động vật hoang dã trong rừng rậm. Đối với động vật hoang dã, nó chỉ giết để làm thức ăn, khi bị thôi thúc làm như vậy bởi cơn đói; nhưng con chó được huấn luyện để giết vì niềm vui giết chóc, và do đó bị hạ thấp trong thang tiến hóa thay vì được nâng cao.

Between the two categories, of really domestic animals and farm animals, we may place the horse, for it comes into more individual relation with the rider than does the farm animal, and yet at the same time it is far from possessing the intelligence of the dog or the cat. It also must be treated intelligently, and above all with unvarying kindness. The rider should remember always that the horse does not exist solely to serve him, but has an evolution of its own which it is his duty to forward. There is no wrong in his utilising it to help him, because the association with him may develop its affection and intelligence; but he must treat it always as he would treat a human servant, and never forget its interest while he is making it serve his own.

Giữa hai loại, động vật thực sự được thuần hóa và động vật trang trại, chúng ta có thể xếp con ngựa, vì nó có mối quan hệ cá nhân nhiều hơn với người cưỡi so với động vật trang trại, nhưng đồng thời nó không sở hữu trí thông minh của chó hoặc mèo. Nó cũng phải được đối xử một cách thông minh, và trên hết là với lòng tốt không thay đổi. Người cưỡi nên luôn nhớ rằng con ngựa không tồn tại chỉ để phục vụ y, mà nó có sự tiến hóa riêng của mình mà y có nhiệm vụ thúc đẩy. Không có gì sai khi y sử dụng nó để giúp đỡ mình, bởi vì sự kết hợp với y có thể phát triển tình cảm và trí thông minh của nó; nhưng y phải luôn đối xử với nó như y đối xử với một người hầu là con người, và không bao giờ quên lợi ích của nó trong khi y đang bắt nó phục vụ lợi ích của mình.

BIRDS

CHIM CHÓC

A student of the hidden side of life cannot but deprecate the practice of keeping birds in cages. Perfect liberty and the sense of great open spaces are of the very essence of the life of a bird, and his misery at being imprisoned is often intense and most pathetic. This is always especially marked in the case of those birds which are natives of the country, and all such ought certainly at once to be set free.

Một người nghiên cứu mặt ẩn giấu của cuộc sống không thể không phản đối việc nhốt chim trong lồng. Sự tự do hoàn hảo và cảm giác về không gian rộng lớn là bản chất của cuộc sống của một con chim, và nỗi đau khổ của nó khi bị giam cầm thường rất dữ dội và đáng thương nhất. Điều này luôn đặc biệt rõ ràng trong trường hợp những loài chim là loài bản địa của đất nước, và tất cả những loài chim như vậy chắc chắn nên được thả tự do ngay lập tức.

Foreign birds, which can live happily only in other climates, come under a different category. They also spend most of the time in memories of

Những loài chim ngoại lai, những loài chỉ có thể sống hạnh phúc ở những vùng khí hậu khác, thuộc một loại khác. Chúng cũng dành phần lớn

splendid tropical scenes, and in longing for the home from which they have been taken—to which they ought to be sent back at the earliest possible moment. The sin there lies with those who originally caught them; and those who keep them now share in it only so far as that their action makes it profitable. A student who has already thoughtlessly acquired such birds as these, can hardly do other than keep them, unless he is in a position to return them to their native country; but he should provide them with the largest cages, and let them out of them to fly about the room as often as possible, while he certainly should not encourage a nefarious traffic by buying any more of such creatures.

thời gian để nhớ về những cảnh nhiệt đới tuyệt đẹp, và khao khát ngôi nhà mà chúng đã bị bắt đi—nơi mà chúng nên được gửi trả lại càng sớm càng tốt. Tội lỗi ở đó thuộc về những người ban đầu đã bắt chúng; và những người nuôi chúng bây giờ chỉ tham gia vào nó trong chừng mực hành động của họ làm cho nó có lợi. Một người nghiên cứu đã thiếu suy nghĩ mua những loài chim như thế này, khó có thể làm gì khác ngoài việc nuôi chúng, trừ khi y có thể đưa chúng trở về nước bản địa của chúng; nhưng y nên cung cấp cho chúng những chiếc lồng lớn nhất, và thả chúng ra khỏi lồng để bay xung quanh phòng càng thường xuyên càng tốt, trong khi y chắc chắn không nên khuyến khích việc buôn bán bất chính bằng cách mua thêm những sinh vật như vậy.

The only rational and useful relation that we can establish with birds is that which occasionally exists in country places—that food is regularly put out for the birds in a certain place and they come and take it, while remaining otherwise perfectly free. If a man wants to keep a bird, he should keep it precisely as he would keep a cat—provide it with plenty of food and an abiding place whenever it chooses to accept it, but leave it otherwise free to go where it will. The difficulty in the way is that the bird's intelligence is so much less developed than the cat's that it would be more difficult to get it to understand the conditions of the arrangement. By far the best plan is to have nothing to do with foreign birds, but to try to make friends of the wild birds of the neighbourhood.

Mối quan hệ hợp lý và hữu ích duy nhất mà chúng ta có thể thiết lập với chim chóc là mối quan hệ đôi khi tồn tại ở các vùng nông thôn—thức ăn thường xuyên được đặt cho chim chóc ở một nơi nhất định và chúng đến và lấy nó, trong khi vẫn hoàn toàn tự do. Nếu một người muốn nuôi một con chim, y nên nuôi nó chính xác như y nuôi một con mèo—cung cấp cho nó nhiều thức ăn và một nơi ở bất cứ khi nào nó muốn chấp nhận nó, nhưng nếu không thì để nó tự do đi bất cứ nơi nào nó muốn. Khó khăn trên con đường này là trí thông minh của loài chim kém phát triển hơn nhiều so với loài mèo nên sẽ khó khăn hơn để khiến nó hiểu được các điều kiện của sự sắp xếp. Kế hoạch tốt nhất cho đến nay là không liên quan gì đến các loài chim ngoại lai, mà cố gắng kết bạn với các loài chim hoang dã trong vùng lân cận.

Individualisation is not a possibility, as the bird is not developing along our line; when it transcends the bird evolution is passes directly into one of the higher orders of nature-spirits. Nevertheless, kindness shown to birds arouses gratitude and affection in them, and helps them forward in their evolution.

Cá biệt hóa là điều không thể, vì loài chim không phát triển theo con đường của chúng ta; khi nó vượt qua sự tiến hóa của loài chim, nó sẽ chuyển trực tiếp sang một trong những bậc cao hơn của các tinh linh tự nhiên. Tuy nhiên, lòng tốt dành cho chim chóc sẽ khơi dậy lòng biết ơn và tình cảm trong chúng, và giúp chúng tiến lên trong quá trình tiến hóa của mình.

PLANTS

THỰC VẬT

Another direction in which we may exercise a good deal of influence if we will, is upon the plants in our gardens. Plants, like animals, are quick to respond to wise and loving care, and are distinctly affected not only by what we do for

Một hướng khác mà chúng ta có thể tạo ra rất nhiều ảnh hưởng nếu chúng ta muốn, là đối với thực vật trong vườn của chúng ta. Thực vật, giống như động vật, nhanh chóng đáp lại sự chăm sóc khôn ngoan và yêu thương, và rõ ràng

them physically, but also by our feelings towards them. Anyone who possesses astral sight will be aware that flowers delight in and respond to a feeling of admiration. The feelings of the vegetable differ rather in degree than in kind from those of the animal or of the human being, and they bear somewhat the same relation to those of the animal as do those of the animal to those of the human being.

bị ảnh hưởng không chỉ bởi những gì chúng ta làm cho chúng về mặt thể chất, mà còn bởi cảm xúc của chúng ta đối với chúng. Bất kỳ ai sở hữu khả năng thông nhãn cảm dục sẽ nhận thức được rằng hoa thích thú và đáp lại cảm giác ngưỡng mộ. Cảm xúc của thực vật khác nhau về mức độ hơn là về loại so với cảm xúc của động vật hoặc của con người, và chúng có mối quan hệ gần giống với cảm xúc của động vật như cảm xúc của động vật đối với cảm xúc của con người.

The animal is less complex in his emotions than the human being, but he is capable of affection and hatred, of fear and pride, of jealousy or of shame. Some animals, too, seem to have a sense of humour; at any rate, they keenly enjoy playing tricks on one another, and they object greatly to being made to appear ridiculous or to being laughed at. There is nothing to show that these emotions are less in proportion in the animal than they are in us; but we may say that the animal has fewer emotions and that they are less complex, and his methods of expressing them are more limited.

Động vật ít phức tạp hơn trong cảm xúc của nó so với con người, nhưng nó có khả năng yêu thương và thù hận, sợ hãi và kiêu hãnh, ghen tị hoặc xấu hổ. Một số loài động vật dường như cũng có khiếu hài hước; ít nhất, chúng rất thích thú chơi khăm lẫn nhau, và chúng rất phản đối việc bị làm cho trông lố bịch hoặc bị cười nhạo. Không có gì cho thấy những cảm xúc này ở động vật ít hơn so với ở chúng ta; nhưng chúng ta có thể nói rằng động vật có ít cảm xúc hơn và chúng ít phức tạp hơn, và phương pháp thể hiện chúng của nó bị hạn chế hơn.

If we descend to the vegetable kingdom we find that the vegetable has scarcely any power of expression; but we shall be making a grave mistake if we therefore assume that there are no feelings to express. Emotion in the vegetable kingdom is again far less complex even than that of the animal, and it is altogether vaguer—a sort of blind instinctual feeling. The chief physical manifestation of it is the well-known fact that some people are always fortunate with plants, while others are always unfortunate, even when the physical measures adopted are precisely the same. This difference exists everywhere, but in India it has been specially noted, and certain people are described as having the lucky hand, and it is recognised that almost anything which those people plant will grow; even under quite unfavourable conditions, and that anything which they cultivate is sure to turn out well. When this influence is universal over the vegetable kingdom it is not a question of individual liking, but of certain characteristics in the person, and certain qualities in his astral and etheric vehicles which prove generally attractive, just as there are some people with whom all dogs will at once make friends, and others who without effort can manage the most

Nếu chúng ta đi xuống giới thực vật, chúng ta thấy rằng thực vật hầu như không có khả năng biểu hiện; nhưng chúng ta sẽ phạm một sai lầm nghiêm trọng nếu chúng ta cho rằng không có cảm xúc nào để thể hiện. Cảm xúc trong giới thực vật một lần nữa kém phức tạp hơn nhiều so với cảm xúc của động vật, và nó hoàn toàn mơ hồ hơn —một loại cảm giác bản năng mù quáng. Biểu hiện vật lý chính của nó là một thực tế nổi tiếng rằng một số người luôn may mắn với thực vật, trong khi những người khác luôn không may mắn, ngay cả khi các biện pháp vật lý được áp dụng là hoàn toàn giống nhau. Sự khác biệt này tồn tại ở khắp mọi nơi, nhưng ở Ấn Độ, nó đã được ghi nhận đặc biệt, và một số người được mô tả là có bàn tay may mắn, và người ta công nhận rằng hầu hết mọi thứ mà những người đó trồng đều sẽ phát triển; ngay cả trong điều kiện khá bất lợi, và bất cứ thứ gì họ trồng trọt chắc chắn sẽ sinh trưởng tốt. Khi ảnh hưởng này phổ biến trên toàn bộ giới thực vật, thì đó không phải là vấn đề về sở thích cá nhân, mà là về những đặc điểm nhất định ở người đó, và những phẩm chất nhất định trong thể cảm xúc và thể dĩ thái của y, những thứ thường hấp dẫn, giống như có một số người mà tất cả những con chó sẽ ngay lập tức kết bạn, và những người khác mà không cần nỗ lực có thể

recalcitrant horses.

quản lý những con ngựa cứng đầu nhất.

But plants are also capable of individual attachment, and when they get to know people well, they are pleased to see (or rather to feel) them near. A person who pours upon his flowers a stream of admiration and affection evokes in them a feeling of pleasure—first of a general pleasure in receiving admiration, which might be thought of as a sort of germ of pride, and then, secondly, a feeling of pleasure at the presence of the person who admires, which in the same way is the germ of love and gratitude. Plants are also capable of anger and dislike, though outwardly they have hardly any means of showing them.

Nhưng thực vật cũng có khả năng gắn bó cá nhân, và khi chúng hiểu rõ mọi người, chúng rất vui khi thấy (hay đúng hơn là cảm thấy) họ ở gần. Một người dành cho những bông hoa của mình dòng thác ngưỡng mộ và yêu thương sẽ khơi dậy trong chúng cảm giác thích thú—trước hết là niềm vui chung khi nhận được sự ngưỡng mộ, điều này có thể được coi là một loại mầm mống của sự kiêu hãnh, và sau đó, thứ hai, là cảm giác thích thú trước sự hiện diện của người ngưỡng mộ, điều này cũng giống như mầm mống của tình yêu thương và lòng biết ơn. Thực vật cũng có khả năng tức giận và ghét bỏ, mặc dù về mặt bên ngoài, chúng hầu như không có cách nào để thể hiện chúng.

An occultist who has a garden will make a point of seeing that it is in every way perfectly and carefully looked after, and more than this, he will himself make friends with the flowers and trees and shrubs, and will go sometimes to visit them and give each its due meed of admiration, and so in giving pleasure to these lowly organisms he will himself be surrounded by a vague feeling of affection.

Một nhà huyền bí học có một khu vườn sẽ coi trọng việc đảm bảo rằng nó được chăm sóc một cách hoàn hảo và cẩn thận về mọi mặt, và hơn thế nữa, bản thân y sẽ kết bạn với những bông hoa và cây cối và cây bụi, và đôi khi sẽ đến thăm chúng và dành cho mỗi loài sự ngưỡng mộ thích đáng, và do đó, khi mang lại niềm vui cho những sinh vật cấp thấp này, bản thân y sẽ được bao quanh bởi một cảm giác mơ hồ về tình cảm.

It may be said that the feeling of a vegetable can hardly be strong enough to be worth taking into account. It is true that the influence exerted by it upon a human being is less than would be produced by the feeling of an animal; but these influences do exist, and though the feeling of one plant may not seem important, the feeling of hundreds begins to be a recognisable factor, and if we wish to make the best possible conditions, we must not ignore our less developed brethren of the lower kingdoms. That much even from the purely selfish point of view; but the occultist naturally thinks first of the effect upon the plant.

Có thể nói rằng cảm xúc của một loài thực vật khó có thể đủ mạnh để đáng được tính đến. Đúng là ảnh hưởng của nó đối với con người ít hơn so với ảnh hưởng do cảm xúc của động vật tạo ra; nhưng những ảnh hưởng này thực sự tồn tại, và mặc dù cảm xúc của một loài thực vật có vẻ không quan trọng, nhưng cảm xúc của hàng trăm loài thực vật bắt đầu trở thành một yếu tố có thể nhận biết được, và nếu chúng ta muốn tạo ra những điều kiện tốt nhất có thể, chúng ta không được phép phớt lờ những người huynh đệ kém phát triển hơn của mình thuộc các giới thấp hơn. Ngay cả khi chỉ nhìn từ quan điểm hoàn toàn ích kỷ; nhưng nhà huyền bí học đương nhiên nghĩ trước tiên đến ảnh hưởng đối với thực vật.

When we form a garden we are drawing round us a number of members of the vegetable kingdom for our own pleasure; but at the same time this affords us an opportunity of helping them in their evolution, an opportunity which should not be neglected. Plants differ much in their power to receive and respond to human influences. A large tree, for example, with its

Khi chúng ta tạo ra một khu vườn, chúng ta đang thu hút xung quanh mình một số thành viên của giới thực vật vì niềm vui của chính mình; nhưng đồng thời, điều này mang lại cho chúng ta cơ hội giúp đỡ chúng trong quá trình tiến hóa của chúng, một cơ hội không nên bỏ qua. Thực vật rất khác nhau về khả năng tiếp nhận và đáp lại những ảnh hưởng của con người. Ví dụ, một cây

slow growth and its long life, is capable of forming a far stronger a attachment than anything which is merely annual. Such a tree comes to have a decided personality of its own, and is even sometimes able temporarily to externalise that personality, so that it can be seen by the clairvoyant. In such a case it usually takes upon itself human form for the time, as I have mentioned in *The Inner Life,* Vol. ii. Those who wish to understand how much more intelligence there is in the vegetable kingdom than we usually think, should read a delightful book called *The Sagacity and Morality of Plants* by J.E. Taylor.

lớn, với tốc độ sinh trưởng chậm và tuổi thọ cao, có khả năng hình thành sự gắn bó mạnh mẽ hơn nhiều so với bất cứ thứ gì chỉ là hàng năm. Một cái cây như vậy có được cá tính riêng biệt của nó, và thậm chí đôi khi có thể tạm thời thể hiện cá tính đó ra bên ngoài, để người có khả năng thông nhãn có thể nhìn thấy. Trong trường hợp như vậy, nó thường tự mình mang hình dạng con người trong thời gian đó, như tôi đã đề cập trong Nội Tâm, Tập ii. Những ai muốn hiểu giới thực vật có nhiều trí thông minh hơn chúng ta thường nghĩ, nên đọc một cuốn sách thú vị có tên là Sự Thông Minh và Đạo Đức của Thực Vật của J.E. Taylor.

NATURE-SPIRITS

TINH LINH TỰ NHIÊN

This wonderful evolution has been described in an earlier chapter, but from the point of view of its effect upon us, rather than of ours upon it. Here we must consider the outer side of that relation—the influence which we may exercise upon the nature-spirits of our neighbourhood, and the friendship which we may make with them. Many of their tribes are so beautiful and so interesting that their acquaintance would repay cultivation, and we may help to develop their intellect and affection, and so do them much good. Those of them who possess etheric bodies have the power to make themselves physically visible if they choose, so men who are happy enough to gain their friendship may occasionally be rewarded by a view of them even with ordinary sight. There is also a probability that such friends may be helped by these elves to attain flashes of temporary clairvoyance, in order that in that way they may see them.

Sự tiến hóa tuyệt vời này đã được mô tả trong một chương trước, nhưng từ quan điểm về ảnh hưởng của nó đối với chúng ta, hơn là ảnh hưởng của chúng ta đối với nó. Ở đây, chúng ta phải xem xét mặt ngoài của mối quan hệ đó—ảnh hưởng mà chúng ta có thể tạo ra đối với các tinh linh tự nhiên trong vùng lân cận của chúng ta, và tình bạn mà chúng ta có thể kết giao với chúng. Nhiều bộ lạc trong số chúng rất đẹp và thú vị đến mức việc làm quen với chúng sẽ được đền đáp bằng sự trau dồi, và chúng ta có thể giúp phát triển trí tuệ và tình cảm của chúng, và do đó làm cho chúng có nhiều lợi ích. Những tinh linh trong số chúng sở hữu thể dĩ thái có khả năng tự biến mình thành hữu hình nếu chúng muốn, vì vậy những người đủ hạnh phúc để có được tình bạn của chúng đôi khi có thể được thưởng bằng cách nhìn thấy chúng ngay cả bằng thị lực thông thường. Cũng có khả năng những người bạn như vậy có thể được những elf này giúp đỡ để đạt được những tia sáng thông nhãn tạm thời, để theo cách đó, họ có thể nhìn thấy chúng.

A fairy has many points of resemblance to a wild animal, and the method of making friends with him is much what we should have to adopt if we were trying to tame birds or deer. He is shy and distrustful towards man; how is this distrust to be overcome? One who wishes to study at first-hand the habits of a bird usually goes to the haunt of the creature, conceals himself, and remains perfectly quiet, in the hope that the bird will not see him, or if it does, will be reassured by his absolute stillness. The etheric sight of a nature-spirit pierces through walls or bushes, so

Một nàng tiên có nhiều điểm giống với một loài động vật hoang dã, và phương pháp kết bạn với nàng gần giống với những gì chúng ta phải áp dụng nếu chúng ta đang cố gắng thuần hóa chim chóc hoặc hươu nai. Nàng nhút nhát và ngờ vực đối với con người; làm thế nào để vượt qua sự ngờ vực này? Người muốn nghiên cứu tận mắt thói quen của một loài chim thường đến nơi ở của loài vật đó, ẩn mình và hoàn toàn im lặng, với hy vọng rằng con chim sẽ không nhìn thấy y, hoặc nếu có, sẽ yên tâm bởi sự bất động tuyệt đối của y. Thị lực dĩ thái của một tinh linh tự nhiên xuyên

it is hopeless to attempt to evade his observation; and for him the stillness which is important is not that of the physical body, but of the astral. He objects to the filthy physical emanations of the average man—of meat, of tobacco, of alcohol, and of general uncleanliness; obviously one who wishes to make friends with him must be free from all these. He objects, too, to storms of passion and impurity; so the man who seeks him must also be free from all low and selfish feelings, such as lust, anger, envy, jealousy, avarice or depression.

qua các bức tường hoặc bụi rậm, vì vậy, thật vô ích khi cố gắng trốn tránh sự quan sát của nàng; và đối với nàng, sự tĩnh lặng quan trọng không phải là sự tĩnh lặng của thể xác, mà là của thể cảm xúc. Nàng phản đối những phát xạ vật lý bẩn thỉu của người bình thường—của thịt, thuốc lá, rượu và sự thiếu sạch sẽ nói chung; rõ ràng là người muốn kết bạn với nàng phải không có tất cả những thứ này. Nàng cũng phản đối những cơn bão của đam mê và ô uế; vì vậy, người tìm kiếm nàng cũng phải không có tất cả những cảm xúc thấp hèn và ích kỷ, chẳng hạn như dục vọng, tức giận, ghen tị, đố kỵ, tham lam hoặc chán nản.

These negative qualifications being in order, can anything positive be done to invite the approach of so coy a visitor? Animals can often be attracted by the offer of food, but as a fairy does not eat, that particular allurement is not available in his case. The student can provide for him conditions which he is known to enjoy. Strong unselfish affection or devotion, or indeed any high feeling which burns steadily and without wild surgings, creates an atmosphere in which the nature-spirit delights to bathe.

Những phẩm chất tiêu cực này đã theo thứ tự, có thể làm gì tích cực để mời gọi sự tiếp cận của một vị khách nhút nhát như vậy? Động vật thường có thể bị thu hút bởi thức ăn, nhưng vì nàng tiên không ăn, nên sự dụ dỗ đặc biệt đó không có sẵn trong trường hợp của nàng. Người nghiên cứu có thể cung cấp cho nàng những điều kiện mà nàng được biết là thích thú. Tình cảm vị tha mạnh mẽ hoặc lòng sùng kính, hoặc thực sự là bất kỳ cảm xúc cao thượng nào cháy bỏng một cách ổn định và không có sự dâng trào dữ dội, đều tạo ra một bầu không khí mà tinh linh tự nhiên thích thú tắm mình trong đó.

The man—the right sort of man—who rests for a while in some lovely, lonely spot—in a wood perhaps, or by a stream or a waterfall—and revels in such thoughts as have been suggested, is quite likely to become aware of an unfamiliar presence, of something fascinating, yet strange and non-human; and perchance, if fortune greatly favours him, he may even see as well as feel, when the shy, wild creature becomes a little more accustomed to him, and gradually learns to trust and like him. But if the student remembers that to the nature-spirit this is an adventure such as it would be for a mouse to make friends with a cat, or for a man to endeavour to establish fraternal relations with a tiger in the jungle, he will learn to exercise unlimited patience, and not to expect immediate results.

Con người—kiểu con người đúng đắn—nghỉ ngơi một lúc ở một nơi nào đó đẹp đẽ, vắng vẻ—có lẽ trong rừng, hoặc bên bờ suối hoặc thác nước—và say sưa với những suy nghĩ như đã được gợi ý, rất có thể sẽ nhận thức được một sự hiện diện xa lạ, một điều gì đó hấp dẫn, nhưng kỳ lạ và không phải con người; và có lẽ, nếu vận may thực sự ủng hộ y, y thậm chí có thể nhìn thấy cũng như cảm nhận được, khi sinh vật nhút nhát, hoang dã trở nên quen thuộc với y hơn một chút, và dần dần học cách tin tưởng và yêu thích y. Nhưng nếu người nghiên cứu nhớ rằng đối với tinh linh tự nhiên, đây là một cuộc phiêu lưu giống như việc một con chuột kết bạn với một con mèo, hoặc việc một người cố gắng thiết lập mối quan hệ huynh đệ với một con hổ trong rừng, thì y sẽ học cách rèn luyện sự kiên nhẫn vô hạn, và không mong đợi kết quả ngay lập tức.

Almost all nature-spirits delight in music, and some are specially attracted by certain melodies; so if the experimenter happens to be a performer upon some portable instrument, such as the flute, it may increase his chances of success if he

Hầu như tất cả các tinh linh tự nhiên đều thích âm nhạc, và một số tinh linh đặc biệt bị thu hút bởi một số giai điệu nhất định; vì vậy, nếu người thử nghiệm tình cờ là người biểu diễn trên một số nhạc cụ di động nào đó, chẳng hạn như sáo, thì

plays upon it. I knew an elf in Italy who was so fascinated by a particular piece of music that when it was played on the piano, he would actually leave the wood in which he dwelt and come into the drawing-room to enjoy it and dance to it—or rather to bathe in its sound-waves, to pulsate and sway in harmony with them. But I never knew him to do this if there were more than two or three people in the room —and even those must be friends whom he had learned to trust.

nó có thể làm tăng cơ hội thành công của y nếu y chơi trên đó. Tôi biết một elf ở Ý, elf này say mê một bản nhạc cụ thể đến mức khi nó được chơi trên piano, nó thực sự sẽ rời khỏi khu rừng mà nó sinh sống và đi vào phòng khách để thưởng thức nó và nhảy theo nó—hay đúng hơn là tắm mình trong những làn sóng âm thanh của nó, để rung động và lắc lư hòa nhịp với chúng. Nhưng tôi chưa bao giờ biết nó làm điều này nếu có nhiều hơn hai hoặc ba người trong phòng—và ngay cả những người đó phải là bạn bè mà nó đã học cách tin tưởng.

More than once I have seen a shepherd-boy in Sicily, sitting in some lonely spot on the hillside, playing on his home-made double Pan-pipe like an ancient Greek, with an appreciative audience of fairies frisking round him of which he was probably blissfully unconscious, though no doubt their delight reacted upon him and added zest to his playing. Sometimes the peasants *do* see the nature-spirits, however; plenty of instances may be found in Mr. Wentz' *Fairy Faith in Celtic Countries.*

Nhiều hơn một lần, tôi đã thấy một cậu bé chăn cừu ở Sicily, ngồi ở một nơi nào đó vắng vẻ trên sườn đồi, chơi cây sáo Pan tự chế giống như một người Hy Lạp cổ đại, với một lượng khán giả đáng mến là những nàng tiên đang nhảy nhót xung quanh mà có lẽ cậu bé hoàn toàn không hề hay biết, mặc dù chắc chắn niềm vui của chúng đã phản ứng lại với cậu bé và tăng thêm sự thích thú cho màn trình diễn của cậu bé. Tuy nhiên, đôi khi những người nông dân cũng nhìn thấy các tinh linh tự nhiên; có thể tìm thấy nhiều ví dụ trong Niềm tin vào Tiên của các nước Celtic của ông Wentz.

INANIMATE SURROUNDINGS

MÔI TRƯỜNG VÔ TRI VÔ GIÁC

We are all the while exerting an influence even on what we commonly consider our inanimate surroundings. Some of these, by the way, are not quite so inanimate as we are apt to think. We all know that the Divine Life exists in the mineral kingdom as well as in those which are higher, and in that sense rocks, stones, and minerals may rightly be thought of as alive. But certain objects have a more vivid and special kind of life, the study of which is of great interest.

Chúng ta luôn tạo ra ảnh hưởng ngay cả đối với những gì chúng ta thường coi là môi trường vô tri vô giác của mình. Nhân tiện, một số thứ trong số này không hoàn toàn vô tri vô giác như chúng ta thường nghĩ. Tất cả chúng ta đều biết rằng Sự Sống Thiêng liêng tồn tại trong giới khoáng vật cũng như trong những giới cao hơn, và theo nghĩa đó, đá, sỏi và khoáng vật có thể được coi là sống. Nhưng một số vật thể có một loại sự sống sống động và đặc biệt hơn, việc nghiên cứu chúng rất thú vị.

To explain it we must revert for a moment to a familiar analogy. We know how the life of the elemental essence of the astral body gathers itself up into a kind of personality (which we call the desire elemental) and exists for the time as a separate being with definite desires and dislikes of its own, and with sufficient power to exercise a great effect in the course of its life on the man whose vehicle it informs. We know that the similar consciousness animating the cells of the physical body (including of course its etheric

Để giải thích điều đó, chúng ta phải quay trở lại một sự tương tự quen thuộc trong giây lát. Chúng ta biết cách sự sống của tinh chất hành khí của thể cảm xúc tự tập hợp lại thành một loại cá tính (mà chúng ta gọi là tinh linh ham muốn) và tồn tại trong thời gian đó như một sinh vật riêng biệt với những ham muốn và ghét bỏ xác định của riêng nó, và với đủ sức mạnh để tạo ra một ảnh hưởng lớn trong suốt cuộc đời của nó đối với con người mà nó thấm nhuần. Chúng ta biết rằng tâm thức tương tự làm sống động các tế bào của thể

part) manifests itself in certain instinctive movements. In a way analagous to this, the consciousness which animates the molecules of certain minerals will combine into a temporary whole when those molecules are welded together into a definite form; and especially is this the case when that form demands the presence and attention of man, as machinery does.

xác (tất nhiên bao gồm cả phần dĩ thái của nó) biểu hiện trong một số chuyển động bản năng nhất định. Theo một cách tương tự như thế này, tâm thức làm sống động các phân tử của một số khoáng chất nhất định sẽ kết hợp thành một tổng thể tạm thời khi những phân tử đó được kết hợp với nhau thành một dạng xác định; và đặc biệt là trường hợp khi dạng đó đòi hỏi sự hiện diện và chú ý của con người, như máy móc.

A SHIP

MỘT CON TÀU

The most perfect example of what I mean is to be found in a ship, for there we have a structure built of an enormous number of component parts, and usually of different substances. Kipling's story of *The Ship that Found Herself* is not mere fiction, but has a real and important truth behind it. When a ship is first built she is not thus conscious of herself as a unit, but is a mere aggregation of a number of separate sentiences. But the whole fabric *does* become in time a unit of consciousness or awareness—being to a certain extent aware of itself as a whole—however dim and vague its percipience may be as compared with our own.

Ví dụ hoàn hảo nhất về những gì tôi muốn nói có thể được tìm thấy trong một con tàu, bởi vì ở đó chúng ta có một cấu trúc được xây dựng từ một số lượng khổng lồ các bộ phận cấu thành, và thường là từ các chất khác nhau. Câu chuyện Con Tàu Tìm Thấy Chính Mình của Kipling không chỉ là hư cấu, mà còn có một sự thật thực sự và quan trọng đằng sau nó. Khi một con tàu mới được đóng, nó không ý thức được mình là một đơn vị, mà chỉ là sự tập hợp của một số thực thể riêng biệt. Nhưng toàn bộ cấu trúc theo thời gian sẽ trở thành một đơn vị của tâm thức hoặc nhận thức—ở một mức độ nhất định nhận thức được chính nó như một tổng thể—dù nhận thức của nó có mờ nhạt và mơ hồ đến đâu so với nhận thức của chúng ta.

And that consciousness has what we can hardly describe as otherwise than feelings, indistinct though they are as compared with anything to which we usually give that name. Such an obscure semi-entity certainly may (and often does) like one person better than another, so that one person can do with it what another cannot. This in no way modifies the other fact that some men are better seaman than others, and with a little practice can get out of any ship the best that is to be got. Just so, some men are splendid riders, and can almost immediately establish a friendly understanding with any horse; but quite apart from that, a horse may become attached to a certain man, and learn to understand his wishes far more readily than a stranger's. The same thing is true of the vaguer consciousness of the ship. I do not wish to be understood as suggesting by this term anything comparable, in definiteness or responsiveness, to the consciousness in man; but there certainly is a something, however loose and uncertain, which

Và tâm thức đó có thứ mà chúng ta khó có thể mô tả là gì khác ngoài cảm xúc, mặc dù chúng không rõ ràng so với bất cứ thứ gì mà chúng ta thường gọi bằng cái tên đó. Một bán thực thể tối nghĩa như vậy chắc chắn có thể (và thường) thích người này hơn người khác, để người này có thể làm với nó những gì người khác không thể. Điều này không sửa đổi sự thật khác rằng một số người là thủy thủ giỏi hơn những người khác, và với một chút thực hành, có thể nhận được điều tốt nhất từ bất kỳ con tàu nào. Cũng giống như vậy, một số người là những người cưỡi ngựa tuyệt vời, và gần như ngay lập tức có thể thiết lập sự hiểu biết thân thiện với bất kỳ con ngựa nào; nhưng hoàn toàn tách biệt với điều đó, một con ngựa có thể gắn bó với một người nhất định, và học cách hiểu mong muốn của y dễ dàng hơn nhiều so với một người lạ. Điều tương tự cũng đúng với tâm thức mơ hồ hơn của con tàu. Tôi không muốn bị hiểu là đang gợi ý bằng thuật ngữ này bất cứ điều gì có thể so sánh được, về sự xác định hoặc khả năng phản hồi, với tâm thức trong con người; nhưng

we cannot define by any other word.

chắc chắn có một thứ gì đó, dù lỏng lẻo và không chắc chắn đến đâu, mà chúng ta không thể định nghĩa bằng bất kỳ từ nào khác.

MACHINES

The same thing is true of a railway engine, of a motor-car or a bicycle. Just as the driver or rider becomes accustomed to his machine and learns to know exactly what it will do, and to humour its various little tricks, so the machine in its turn becomes used to the driver and will do more for him in various ways than for a stranger. The same must be true of many other sorts of machinery, though for that I have not had the benefit of personal observation.

Apart from the influence acquired by an individual over the blended consciousness of a machine, the mere blending itself produces an effect upon the molecules of the substance of which it is made. Iron which has formed part of a machine, and so has experienced what is for it this exaltation of consciousness, may be thought of as somewhat more developed than iron which has not been used in the building of a self-contained system. It has become capable of responding to additional and more complicated vibrations, and that for a mineral is evolution. It is more awake than other iron. This condition of greater vitality would be easily visible to a clairvoyant who had learnt its indications, but I do not know of any method by which it could be observed physically.

The additional power of response is not always of the same kind, and variants of it may be aroused in different ways. Wrought iron, for example, is much more alive than cast iron, and this result is produced by the frequent blows which it receives in the process of its working. The same thing may be observed to a greater degree with a horse-shoe, for not only has that been wrought in the first place, but it has been subjected to constant striking upon the road when it was worn by the horse. This long-continued process has awakened it in a certain way which makes it exceedingly repulsive to some of the lowest and most malignant types of the astral and etheric entities; and that is the reason for the old superstition, that when hung over the door it kept away evil and brought good fortune to its

MÁY MÓC

Điều tương tự cũng đúng với đầu máy xe lửa, ô tô hoặc xe đạp. Giống như người lái xe hoặc người lái xe quen với chiếc máy của mình và học cách biết chính xác nó sẽ làm gì, và chiều theo những thủ thuật nhỏ khác nhau của nó, thì chiếc máy đến lượt nó cũng quen với người lái và sẽ làm nhiều việc hơn cho y theo nhiều cách khác nhau so với một người lạ. Điều tương tự cũng phải đúng với nhiều loại máy móc khác, mặc dù đối với điều đó, tôi không có lợi ích từ việc quan sát cá nhân.

Ngoài ảnh hưởng do một cá nhân có được đối với tâm thức pha trộn của một cỗ máy, thì bản thân sự pha trộn chỉ tạo ra một hiệu ứng đối với các phân tử của chất mà nó được tạo ra. Sắt đã từng là một phần của cỗ máy, và do đó đã trải qua điều mà đối với nó là sự nâng cao tâm thức này, có thể được coi là phát triển hơn một chút so với sắt chưa được sử dụng trong việc xây dựng một hệ thống khép kín. Nó đã có khả năng đáp lại những rung động bổ sung và phức tạp hơn, và điều đó đối với một khoáng chất là sự tiến hóa. Nó tỉnh táo hơn những loại sắt khác. Tình trạng sinh lực lớn hơn này sẽ dễ dàng hiển thị với một người có khả năng thông nhãn đã học được các dấu hiệu của nó, nhưng tôi không biết bất kỳ phương pháp nào mà nó có thể được quan sát bằng phương pháp vật lý.

Khả năng phản hồi bổ sung không phải lúc nào cũng giống nhau, và các biến thể của nó có thể được khơi dậy theo những cách khác nhau. Ví dụ, sắt rèn sống động hơn nhiều so với gang, và kết quả này được tạo ra bởi những cú đánh thường xuyên mà nó nhận được trong quá trình hoạt động của nó. Điều tương tự có thể được quan sát ở mức độ lớn hơn với móng ngựa, bởi vì nó không chỉ được rèn ở nơi đầu tiên, mà còn phải chịu sự va đập liên tục trên đường khi nó được ngựa mang. Quá trình kéo dài này đã đánh thức nó theo một cách nhất định, khiến nó cực kỳ khó chịu đối với một số loại thực thể cảm xúc và dĩ thái thấp nhất và ác độc nhất; và đó là lý do cho sự mê tín cổ xưa rằng khi được treo trên cửa, nó sẽ xua đuổi tà ma và mang lại may mắn cho người sở hữu nó.

possessor.

Another interesting point with regard to this curious composite consciousness is that after a certain time it gets tired—a fact which has frequently been observed by those who have much to do with machinery. After a certain time a machine, though perfectly in order, gets into a condition in which it will not work properly, but becomes slack in its action. It often seems impossible to do anything to cure it, but if it is left alone for a time it presently recovers its tone and will go on working as before.

Một điểm thú vị khác liên quan đến tâm thức tổng hợp kỳ lạ này là sau một thời gian nhất định, nó sẽ cảm thấy mệt mỏi—một thực tế thường được quan sát bởi những người có nhiều việc phải làm với máy móc. Sau một thời gian nhất định, một cỗ máy, mặc dù hoàn toàn theo thứ tự, sẽ rơi vào tình trạng mà nó sẽ không hoạt động bình thường, mà trở nên chậm chạp trong hoạt động của nó. Thường có vẻ như không thể làm gì để chữa khỏi nó, nhưng nếu nó được để yên trong một thời gian, nó sẽ sớm phục hồi lại trạng thái của mình và sẽ tiếp tục hoạt động như trước.

Metals show plainly that they are subject to fatigue. A steel pen will sometimes scratch and write badly when it has been used continually for several hours, but the clerk who understands nature so far, will put the pen aside, instead of throwing it away, and maybe the next day will find it even better than it was at first. A barber often finds his razor refusing to take a keen edge, and it is quite customary for him to say that it is “getting tired” and to put it aside to rest. Some days later that same razor will be in perfect order, keen and sharp as ever.

Kim loại cho thấy rõ ràng rằng chúng dễ bị mệt mỏi. Một chiếc bút thép đôi khi sẽ bị xước và viết xấu khi nó được sử dụng liên tục trong vài giờ, nhưng người thư ký hiểu biết về tự nhiên ở mức độ đó, sẽ cất chiếc bút sang một bên, thay vì vứt nó đi, và có thể ngày hôm sau sẽ thấy nó thậm chí còn tốt hơn so với lúc ban đầu. Một người thợ cắt tóc thường thấy dao cạo của mình không chịu lấy một lưỡi dao sắc bén, và y thường nói rằng nó "đang mệt mỏi" và cất nó sang một bên để nghỉ ngơi. Vài ngày sau, chính chiếc dao cạo đó sẽ ở trong tình trạng hoàn hảo, sắc bén và sắc như mọi khi.

Railway engines are known to want regular rest, and after a certain amount of work are put into the shed, and allowed to cool; and so the engine has its rest just as regularly a human being. So we see that fatigue is one of the conditions possible to the mineral kingdom and may be felt by metals as well as by men in their physical bodies. (See *Response in the Living and Non-living*, by Professor J.C. Bose.) As a matter of fact fatigue is not felt anywhere except in the physical world.

Các đầu máy xe lửa được biết là cần nghỉ ngơi thường xuyên, và sau một khối lượng công việc nhất định, chúng được đưa vào nhà để xe và để nguội; và do đó, động cơ có thời gian nghỉ ngơi cũng giống như con người. Vì vậy, chúng ta thấy rằng sự mệt mỏi là một trong những điều kiện có thể có đối với giới khoáng vật và có thể được cảm nhận bởi kim loại cũng như bởi con người trong thể xác của họ. (Xem Phản hồi ở Sinh vật sống và Không sống, của Giáo sư J.C. Bose.) Trên thực tế, sự mệt mỏi không được cảm nhận ở bất kỳ đâu ngoại trừ trong thế giới vật lý.

There are men, but so far I know only few, who are unusually charged with electricity, and thus produce a special effect upon any metal with which they habitually come into contact. It is said, for example, that such people cause quite considerable deflections of a ship’s compass when they come near it; but this is physical, and hardly occult.

Có những người, nhưng cho đến nay tôi chỉ biết một số ít, những người mang điện tích bất thường, và do đó tạo ra một hiệu ứng đặc biệt đối với bất kỳ kim loại nào mà họ thường xuyên tiếp xúc. Ví dụ, người ta nói rằng những người như vậy gây ra sự lệch hướng đáng kể của la bàn tàu khi họ đến gần nó; nhưng đây là vật lý, và hầu như không phải là huyền bí học.

UNLUCKY SHIPS

A curious instance of the intervention of the hidden side in the ordinary affairs of life is furnished by the experience of practical men connected with such matters, that certain ships or engines are what is called unlucky—that accident after accident occurs in connection with them, without any obvious negligence to account for it. Naturally some machines are better made than others; some men are more careful than others; but I am not referring to cases into which either of these factors enters. In some cases where two ships or two engines are precisely similar, and the men who manage them are of equal capacity, one proves always fortunate, or meets with only an average proportion of accidents, while the other is perpetually in trouble for no obvious reason.

There is no question at all that this is so, and it offers an interesting problem to the occult student. I am inclined to think that various reasons may sometimes comes into play in producing the results. In one such case at least it appeared to be due to feelings of intense hatred nourished by all the men against the first captain of the vessel, who seems to have been a petty tyrant of the most objectionable description. A large number of men continually cursed the captain, the ship, and all that belonged to her, with all the will-power at their command; and the state of their feeling produced this evil result, that disaster after disaster overtook her. By the time that that captain was removed, the ship had acquired a definite reputation of being unlucky, and so her successive crews have surrounded her with thought-forms to that effect, which naturally enough justify themselves by continuing the series of misfortunes.

In other cases I think that ill-feeling directed towards the builder of the vessel has produced similar results. I doubt whether any such directions of evil force would in themselves be sufficient actually to cause serious misfortune. But in the life of every ship there are a great many occasions on which an accident is only just averted by vigilance and promptitude—in which

NHỮNG CON TÀU KHÔNG MAY MẮN

Một ví dụ gây tò mò về sự can thiệp của mặt ẩn giấu vào các công việc bình thường của cuộc sống được đưa ra bởi kinh nghiệm của những người thực tế liên quan đến những vấn đề như vậy, rằng một số con tàu hoặc động cơ nhất định là thứ được gọi là không may mắn—rằng tai nạn này đến tai nạn khác xảy ra liên quan đến chúng, mà không có sự sơ suất rõ ràng nào để giải thích cho điều đó. Đương nhiên, một số máy móc được chế tạo tốt hơn những máy móc khác; một số người cẩn thận hơn những người khác; nhưng tôi không đề cập đến những trường hợp mà một trong hai yếu tố này tham gia vào. Trong một số trường hợp, khi hai con tàu hoặc hai động cơ hoàn toàn giống nhau, và những người quản lý chúng có năng mãnh lực ngang nhau, thì chiếc này luôn tỏ ra may mắn, hoặc chỉ gặp phải một tỷ lệ tai nạn trung bình, trong khi chiếc kia luôn gặp rắc rối mà không có lý do rõ ràng.

Hoàn toàn không còn nghi ngờ gì nữa, điều này là như vậy, và nó đưa ra một vấn đề thú vị cho người nghiên cứu huyền bí học. Tôi có xu hướng nghĩ rằng nhiều lý do khác nhau đôi khi có thể cùng tác động để tạo ra kết quả. Ít nhất, trong một trường hợp như vậy, nó dường như là do cảm xúc thù hận dữ dội được nuôi dưỡng bởi tất cả những con người chống lại thuyền trưởng đầu tiên của con tàu, người dường như là một bạo chúa nhỏ mọn thuộc loại khó chịu nhất. Một số lượng lớn con người liên tục nguyền rủa thuyền trưởng, con tàu và tất cả những gì thuộc về nó, với tất cả sức mạnh ý chí mà họ có; và trạng thái cảm xúc của họ đã tạo ra kết quả xấu xa này, rằng thảm họa này đến thảm họa khác ập đến với nó. Vào thời điểm mà thuyền trưởng đó bị cách chức, con tàu đã có được danh tiếng rõ ràng là không may mắn, và do đó, các thủy thủ đoàn kế tiếp của nó đã bao quanh nó bằng những hình tư tưởng với hiệu ứng đó, điều này đương nhiên sẽ tự biện minh bằng cách tiếp tục chuỗi bất hạnh.

Trong các trường hợp khác, tôi nghĩ rằng ác cảm hướng vào người đóng tàu đã tạo ra những kết quả tương tự. Tôi nghi ngờ liệu bất kỳ sự định hướng nào của mãnh lực xấu xa như vậy có tự nó đủ để thực sự gây ra bất hạnh nghiêm trọng hay không. Nhưng trong cuộc đời của mỗi con tàu, có rất nhiều trường hợp mà một tai nạn chỉ vừa kịp được ngăn chặn bởi sự cảnh giác và nhanh chóng

a single moment's delay or slackness would be sufficient to precipitate a catastrophe. Such a mass of thought-forms as I have described would be amply sufficient to cause that momentary lack of vigilance or that momentary hesitation; and that would be the easiest line along which its malignity could work.

—trong đó chỉ cần chậm trễ hoặc lơ là một chút là đủ để gây ra thảm họa. Một khối lượng hình tư tưởng như tôi đã mô tả sẽ đủ để gây ra sự thiếu cảnh giác hoặc do dự trong giây lát đó; và đó sẽ là con đường dễ dàng nhất mà sự ác độc của nó có thể hoạt động.

STONE USED IN BUILDING

In speaking of our houses I have already mentioned the effect which we are constantly producing upon the walls which surround us and the articles of furniture in our rooms. It obviously follows that stone which has been used for a building is never afterwards in the same condition as the stone which is as yet unquarried. It has been permeated, probably for many years in succession, with influences of a certain kind, and that means that for ever after it is capable of responding to such influences more readily than is the unused stone.

ĐÁ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG XÂY DỰNG

Khi nói về ngôi nhà của chúng ta, tôi đã đề cập đến ảnh hưởng mà chúng ta liên tục tạo ra đối với các bức tường bao quanh chúng ta và các đồ nội thất trong phòng của chúng ta. Rõ ràng là đá đã được sử dụng để xây dựng không bao giờ còn ở trong tình trạng giống như đá chưa được khai thác. Nó đã bị thấm nhuần, có lẽ trong nhiều năm liên tiếp, bởi những ảnh hưởng thuộc một loại nhất định, và điều đó có nghĩa là mãi mãi sau này, nó có khả năng đáp lại những ảnh hưởng đó dễ dàng hơn so với đá chưa sử dụng.

We are therefore actually assisting in the evolution of the mineral kingdom when we use these various materials for our buildings. I have already explained how the different influences which we put into them react upon us; so that just as a church radiates devotion, and a prison radiates gloom, so each house in the business part of a city radiates anxiety and effort, too often coupled also with weariness and despair. There are instances in which a knowledge of these facts may prove useful in the prosaic matters of physical life.

Do đó, chúng ta thực sự đang hỗ trợ sự tiến hóa của giới khoáng vật khi chúng ta sử dụng những vật liệu khác nhau này cho các tòa nhà của mình. Tôi đã giải thích cách những ảnh hưởng khác nhau mà chúng ta đưa vào chúng phản ứng lại với chúng ta; do đó, giống như một nhà thờ tỏa ra lòng sùng kính, và một nhà tù tỏa ra sự u ám, thì mỗi ngôi nhà trong khu vực kinh doanh của một thành phố đều tỏa ra sự lo lắng và nỗ lực, thường đi kèm với sự mệt mỏi và tuyệt vọng. Có những trường hợp mà kiến thức về những sự thật này có thể hữu ích trong những vấn đề tầm thường của cuộc sống vật lý.

SEA-SICKNESS

We know, for example, that many sensitive ladies are often seized with the pangs of sickness as soon as they go on board a vessel, even though the sea may be perfectly smooth and there may be no physical excuse for the sensation. No doubt this is partially auto-suggestion, but most of it comes from outside. Many a cabin is so thoroughly loaded with this suggestion that it requires considerable mental force for a newcomer to resist it; so it is not only the physical consideration of fresh air which makes it desirable for anyone who is likely to suffer in this way to be on deck as much as possible.

SAY SÓNG

Ví dụ, chúng ta biết rằng nhiều phụ nữ nhạy cảm thường bị những cơn đau dữ dội ngay khi họ lên tàu, ngay cả khi biển hoàn toàn lặng và không có lý do vật lý nào cho cảm giác đó. Không nghi ngờ gì nữa, điều này một phần là do tự ám thị, nhưng hầu hết nó đến từ bên ngoài. Nhiều cabin chứa đầy sự ám thị này đến mức người mới đến cần phải có sức mạnh tinh thần đáng kể để chống lại nó; vì vậy, không chỉ xem xét về mặt thể chất của không khí trong lành khiến cho bất kỳ ai có khả năng bị ảnh hưởng theo cách này đều nên ở trên boong càng nhiều càng tốt.

FIFTH SECTION—PHẦN V

CONCLUSION—KẾT LUẬN

CHAPTER XXIV - THE RESULTS OF THE KNOWLEDGE— NHỮNG KẾT QUẢ CỦA KIẾN THỨC

A SUMMARY

TO know something of the hidden side of nature makes life far more interesting for us; interesting most of all, naturally, to the clairvoyant who can see it, or to the sensitive who can feel it, but interesting in a less degree even to those who cannot directly see or feel, and equally important to all, because all are influencing and being influenced, even though it be unconsciously to themselves so far as their physical brain is concerned.

In each case, as we have considered it, I have tries to indicate the lesson to be learnt from it, but I will summarise the results here. First and foremost we learn the duty of happiness, the necessity of casting away from us depression and sorrow, even under the circumstances which most readily produce it in those who do not know. Yet at the same time we learn that life must be taken seriously, and must be lived not for selfish enjoyment but for the helping of our fellow-men. We see that we must be on our guard against unsuspected influences, such, for example, as the prejudices connected with race, religion, or class, and the weight of public opinion, never allowing these to bias our judgment, but trying always to arrive at the truth and to weigh the facts for ourselves; that we must not yield ourselves unquestioningly even to presumed spiritual inspiration, but in that case also must “try the spirits” and use our common sense.

We learn desirability of systematic work or training; the futility of taking offence, of becoming angry, or of allowing our serenity to be disturbed in any way whatever, and the necessity of maintaining a ceaseless watch over our thoughts as well as our words and actions, lest they should draw round us unpleasant influences and act as temptations to our neighbours. And we see that from those influences which we have mentioned above and

TÓM TẮT

Biết một số điều về mặt ẩn giấu của tự nhiên làm cho cuộc sống trở nên thú vị hơn nhiều đối với chúng ta; thú vị nhất, đương nhiên, đối với người có khả năng thông nhãn có thể nhìn thấy nó, hoặc đối với người nhạy cảm có thể cảm nhận nó, nhưng thú vị ở mức độ thấp hơn ngay cả đối với những người không thể trực tiếp nhìn thấy hoặc cảm nhận, và quan trọng như nhau đối với tất cả mọi người, bởi vì tất cả đều ảnh hưởng và bị ảnh hưởng, ngay cả khi điều đó là vô thức đối với bản thân họ theo như não bộ vật lý của họ có liên quan.

Trong mỗi trường hợp, như chúng ta đã xem xét, tôi đã cố gắng chỉ ra bài học cần rút ra từ đó, nhưng tôi sẽ tóm tắt kết quả ở đây. Trước hết, chúng ta học được bổn phận của hạnh phúc, sự cần thiết phải xua đuổi khỏi chúng ta sự chán nản và buồn phiền, ngay cả trong những hoàn cảnh dễ dàng tạo ra nó nhất ở những người không biết. Tuy nhiên, đồng thời, chúng ta học được rằng cuộc sống phải được nhìn nhận một cách nghiêm túc, và phải được sống không phải để hưởng thụ ích kỷ mà là để giúp đỡ đồng loại của chúng ta. Chúng ta thấy rằng chúng ta phải cảnh giác trước những ảnh hưởng không ngờ tới, chẳng hạn như định kiến liên quan đến chủng tộc, tôn giáo hoặc giai cấp, và sức nặng của dư luận, không bao giờ cho phép những điều này làm sai lệch phán đoán của chúng ta, mà luôn cố gắng đi đến sự thật và tự mình xem xét các sự kiện; rằng chúng ta không được đầu hàng một cách vô điều kiện ngay cả trước nguồn cảm hứng tinh thần được cho là, mà trong trường hợp đó cũng phải "thử thách các linh hồn" và sử dụng lẽ thường của chúng ta.

Chúng ta học được sự mong muốn của công việc hoặc rèn luyện có hệ thống; sự vô ích của việc xúc phạm, tức giận, hoặc để sự thanh thản của chúng ta bị xáo trộn theo bất kỳ cách nào, và sự cần thiết phải duy trì sự giám sát không ngừng đối với suy nghĩ cũng như lời nói và hành động của chúng ta, kẻo chúng thu hút xung quanh chúng ta những ảnh hưởng khó chịu và đóng vai trò như những cám dỗ đối với những người hàng xóm của chúng ta. Và chúng ta thấy rằng từ những ảnh hưởng

from all others which are undesirable, we can readily protect ourselves by the formation of shells, though a better protection still is to be so full of the divine Love, that it is always pouring itself out from us in the shape of love to our fellow-men.

mà chúng ta đã đề cập ở trên và từ tất cả những ảnh hưởng không mong muốn khác, chúng ta có thể dễ dàng tự bảo vệ mình bằng cách hình thành các lớp vỏ, mặc dù một sự bảo vệ tốt hơn nữa là tràn đầy Tình yêu thiêng liêng, đến nỗi nó luôn tuôn ra từ chúng ta dưới hình thức tình yêu thương đối với đồng loại của chúng ta.

We learn the danger of becoming slaves to the alcohol, corpse-eating or tobacco habits; we learn to keep ourselves free from participation in the cruelties so-called sport; we realise that we must be careful of the situation and the decoration of our houses or rooms, avoiding harmful influences and taking care always to flood them with sunlight and fresh air; that our clothing should be dictated by considerations of health and common sense, and not merely by fashion; that those who have the good fortune to be specially in contact with children, should treat them with the uttermost love, gentleness and patience; that we should recognise the brotherhood of all forms of the Divine Life in our treatment of animals and plants; that we should never work unnecessary destruction upon anything, whether it be what we call animate or inanimate, since the occultist knows the Divine Life in everything, and respects it; that what we are, what we think and what we do are even more important in relation to their action upon others than upon ourselves; that we must preserve the uttermost truth in thought and speech, and utter no word that is not true, kind, pleasant and helpful; that every man possesses a certain amount of force and is responsible for making the best use of it. We learn that ignorance of the law is not accepted by Nature as an excuse, because it does not alter the effect of what we do; that evil is but the dark shadow of good, and is always temporary, while good is eternal; and that while, in everything human, good and evil are mixed, yet the powers behind always use to the utmost the good in everything and everybody.

Chúng ta học được sự nguy hiểm của việc trở thành nô lệ cho thói quen uống rượu, ăn xác chết hoặc hút thuốc; chúng ta học cách giữ cho mình không tham gia vào những hành vi tàn ác được gọi là thể thao; chúng ta nhận ra rằng chúng ta phải cẩn thận đến vị trí và cách trang trí nhà cửa hoặc phòng ốc của mình, tránh những ảnh hưởng có hại và luôn chú ý làm ngập chúng bằng ánh sáng mặt trời và không khí trong lành; rằng quần áo của chúng ta nên được quyết định bởi những xem xét về sức khỏe và lẽ thường, chứ không chỉ bởi thời trang; rằng những người có may mắn được tiếp xúc đặc biệt với trẻ em nên đối xử với chúng bằng tình yêu thương, sự dịu dàng và kiên nhẫn tột độ; rằng chúng ta nên nhận ra tình huynh đệ của tất cả các hình thức của Sự Sống Thiêng liêng trong cách đối xử của chúng ta với động vật và thực vật; rằng chúng ta không bao giờ nên phá hủy bất cứ thứ gì một cách không cần thiết, cho dù đó là thứ mà chúng ta gọi là hữu hình hay vô hình, vì nhà huyền bí học biết Sự Sống Thiêng liêng trong mọi thứ, và tôn trọng nó; rằng chúng ta là ai, chúng ta nghĩ gì và chúng ta làm gì thậm chí còn quan trọng hơn trong mối quan hệ với hành động của chúng đối với người khác so với đối với bản thân chúng ta; rằng chúng ta phải bảo tồn sự thật tột độ trong suy nghĩ và lời nói, và không nói bất kỳ lời nào không đúng sự thật, không tử tế, không dễ chịu và không hữu ích; rằng mỗi người đều sở hữu một lượng sức mạnh nhất định và có trách nhiệm sử dụng nó một cách tốt nhất. Chúng ta học được rằng sự thiếu hiểu biết về luật pháp không được Tự nhiên chấp nhận là một lời bào chữa, bởi vì nó không làm thay đổi hiệu quả của những gì chúng ta làm; rằng cái ác chỉ là bóng tối của cái thiện, và luôn luôn là tạm thời, trong khi cái thiện là vĩnh cửu; và rằng trong khi, trong mọi thứ thuộc về con người, cái thiện và cái ác được trộn lẫn với nhau, thì những sức mạnh đằng sau luôn sử dụng tối đa cái thiện trong mọi thứ và mọi người.

These points on which I have written are but specimens of a vast host, for to everything there

Những điểm mà tôi đã viết chỉ là những mẫu vật của một tập hợp khổng lồ, bởi vì mọi thứ đều có

is an unseen side, and to live the life of the occultist is to study this higher, hidden side of Nature, and then intelligently to adapt oneself to it. The occultist looks at the whole of each subject which is brought before him, instead of only at the lowest and least important part of it, and then orders his action according to what he sees, in obedience to the dictates of plain common sense, and to the Law of Love which guides the Universe. Those therefore who would study and practise occultism must develop within themselves these three priceless possessions—knowledge, common sense and love.

Such if the course of action suggested to us by a study of the hidden side of things. But remember that this hidden side will not always remain hidden, for every day more and more of our fellow-men learning to understand, because one by one, scattered here and there, more and more are learning to see it. Since it is obvious that this is the line of evolution and that the few who see now are only precursors of the many who will see hereafter, what in the light of these considerations may be predicted as the probable future of humanity?

THE FUTURE

Ingenious speculation upon this subject is a prominent feature of our modern fiction. It was attempted by Edward Bellamy in *Looking Backward,* and more recently by Mr. H. G. Wells in a number of quaintly interesting works. The line most usually taken is to pursue to a logical conclusion some of the many socialistic theories which are at present in the air, and to endeavour to calculate how these will work in practice among men as we know them. In one of the pleasantest of these books, *In the Days of the Comet,* Mr. Wells boldly introduces an entirely new factor—a change in the constitution of our atmosphere which suddenly inoculates mankind with common sense and fraternal feeling. When that is achieved, naturally many other obvious changes immediately follow: war becomes a ridiculous impossibility, our present social system is regarded with horror and amazement, our business methods are thrown aside as unworthy of human beings, and so on. For this much of common sense we may surely presently

một mặt vô hình, và sống cuộc sống của một nhà huyền bí học là nghiên cứu mặt cao hơn, ẩn giấu này của Tự nhiên, và sau đó điều chỉnh bản thân một cách thông minh với nó. Nhà huyền bí học nhìn vào toàn bộ mỗi chủ đề được đưa ra trước mặt y, thay vì chỉ nhìn vào phần thấp nhất và ít quan trọng nhất của nó, và sau đó sắp xếp hành động của mình theo những gì y nhìn thấy, tuân theo mệnh lệnh của lẽ thường đơn giản, và theo Quy luật Tình yêu thương dẫn dắt Vũ trụ. Do đó, những ai muốn nghiên cứu và thực hành huyền bí học phải phát triển trong chính họ ba tài sản vô giá này—kiến thức, lẽ thường và tình yêu thương.

Đó là cách hành động được gợi ý cho chúng ta bằng cách nghiên cứu mặt ẩn giấu của sự vật. Nhưng hãy nhớ rằng mặt ẩn giấu này sẽ không phải lúc nào cũng ẩn giấu, bởi vì ngày càng có nhiều đồng loại của chúng ta học cách hiểu, bởi vì từng người một, rải rác khắp nơi đây đó, ngày càng có nhiều người học cách nhìn thấy nó. Vì rõ ràng đây là con đường tiến hóa và số ít người nhìn thấy bây giờ chỉ là tiền thân của nhiều người sẽ nhìn thấy sau này, thì dưới ánh sáng của những xem xét này, điều gì có thể được dự đoán là tương lai có thể xảy ra của nhân loại?

TƯƠNG LAI

Sự suy đoán khéo léo về chủ đề này là một nét nổi bật của tiểu thuyết hiện đại của chúng ta. Edward Bellamy đã thử làm điều đó trong Nhìn Lại, và gần đây hơn là ông H. G. Wells trong một số tác phẩm thú vị kỳ lạ. Cách làm thường được thực hiện nhất là theo đuổi đến một kết luận hợp lý một số lý thuyết xã hội chủ nghĩa hiện đang phổ biến, và cố gắng tính toán cách thức chúng sẽ hoạt động trong thực tế giữa những con người như chúng ta biết. Trong một trong những cuốn sách thú vị nhất trong số này, Vào Những Ngày của Sao Chổi, ông Wells mạnh dạn giới thiệu một yếu tố hoàn toàn mới—một sự thay đổi trong thành phần bầu khí quyển của chúng ta, thứ đột nhiên tiêm nhiễm cho nhân loại lẽ thường và tình huynh đệ. Khi điều đó đạt được, đương nhiên nhiều thay đổi rõ ràng khác sẽ ngay lập tức theo sau: chiến tranh trở thành điều không thể một cách lố bịch, hệ thống xã hội hiện tại của chúng ta bị coi là kinh dị và kinh ngạc, các phương thức kinh doanh của chúng ta bị gạt sang một bên vì không xứng đáng với con người, v.v. Đối với lẽ

hope in real life, though it will probably come much more slowly than in Mr. Wells'story.

thường này, chúng ta chắc chắn có thể sớm hy vọng trong đời thực, mặc dù nó có thể sẽ đến chậm hơn nhiều so với trong câu chuyện của ông Wells.

It may be of interest to see what light is thrown upon the problem of the future by the higher extensions of human consciousness of which we have spoken elsewhere. We find that from this point of view the future divides itself into three parts—the immediate, the remote, and the ultimate; and, oddly enough, it is of that which is furthest from us that we are able to speak with the greatest certainty, because the plan of evolution is visible to the higher sight, and its goal is clear. Nothing can interfere with the attainment of that goal, but the stages that lead up to it may be largely modified by the free-will of the individuals concerned, and can, therefore, be foreseen only in their general outline.

Có thể sẽ rất thú vị khi xem xét ánh sáng nào được chiếu vào vấn đề của tương lai bởi sự mở rộng cao hơn của tâm thức con người mà chúng ta đã nói đến ở những nơi khác. Chúng ta thấy rằng từ quan điểm này, tương lai tự chia thành ba phần—tương lai trước mắt, tương lai xa và tương lai cuối cùng; và kỳ lạ thay, chính điều xa chúng ta nhất mà chúng ta có thể nói với độ chắc chắn lớn nhất, bởi vì kế hoạch tiến hóa có thể nhìn thấy bằng thị lực cao hơn, và mục tiêu của nó là rõ ràng. Không có gì có thể cản trở việc đạt được mục tiêu đó, nhưng các giai đoạn dẫn đến nó có thể được sửa đổi phần lớn bởi ý chí tự do của các cá nhân có liên quan, và do đó, chỉ có thể thấy trước trong đường nét chung của chúng.

The end, so far as this cycle is concerned, is the accomplishment of the perfection of man. Each individual is to become something much more than what we now mean by a great and good man, for he is to be perfect in intellect and capacity as well as spirituality. All the intellect of the greatest philosopher or man of science, and far more; all the devotion and spirituality of the greatest of saints, and far more; these are to be the possessions of every unit of humanity before our cycle ends.

Mục đích cuối cùng, theo như chu kỳ này có liên quan, là hoàn thành sự hoàn thiện của con người. Mỗi cá nhân sẽ trở thành một thứ gì đó lớn lao hơn nhiều so với những gì chúng ta hiện nay gọi là một người vĩ đại và tốt đẹp, bởi vì y sẽ hoàn hảo về trí tuệ và năng mãnh lực cũng như về mặt tinh thần. Tất cả trí tuệ của nhà triết học hoặc nhà khoa học vĩ đại nhất, và hơn thế nữa; tất cả lòng sùng kính và tinh thần của các vị thánh vĩ đại nhất, và hơn thế nữa; đây sẽ là tài sản của mọi đơn vị nhân loại trước khi chu kỳ của chúng ta kết thúc.

To understand how such a stupendous result can be possible, we must grasp the plan by which evolution works. Obviously, on the ordinary theory of one poor little life of seventy years, followed by an eternity of purposeless joy or suffering, nothing of this sort could ever be achieved; but when once we realise that what we commonly call our life is only one day in the real life, and that we may have just as many of such days as are necessary for our development, we see that the command of Christ: "Be ye perfect even as your Father in heaven is perfect," is no vain hyperbole, but a plain direction which we may reasonably expect to be able in due time to obey.

Để hiểu làm thế nào một kết quả to lớn như vậy có thể xảy ra, chúng ta phải nắm bắt kế hoạch mà sự tiến hóa hoạt động. Rõ ràng, theo lý thuyết thông thường về một cuộc đời nhỏ bé đáng thương dài bảy mươi năm, tiếp theo là sự vĩnh cửu của niềm vui hoặc đau khổ vô mục đích, thì không có gì thuộc loại này có thể đạt được; nhưng một khi chúng ta nhận ra rằng cái mà chúng ta thường gọi là cuộc sống của mình chỉ là một ngày trong cuộc sống thực, và rằng chúng ta có thể có bao nhiêu ngày như vậy là cần thiết cho sự phát triển của mình, thì chúng ta thấy rằng mệnh lệnh của Đức Christ: "Hãy nên hoàn thiện như Cha các ngươi trên trời là Đấng hoàn thiện", không phải là một phép cường điệu vô ích, mà là một chỉ dẫn rõ ràng mà chúng ta có thể mong đợi một cách hợp lý để có thể tuân theo đúng hạn.

The ultimate future, then, is perfection for every human being, no matter how low or undeveloped he may now be. Man will become more than man. This is what was meant in the early Church by the doctrine of 'deification' to which many of the Fathers refer. It is a matter not of pious opinion but of utter certainty to those who see the working of the scheme.

Vậy thì, tương lai cuối cùng là sự hoàn thiện cho mọi con người, bất kể bây giờ y có thấp kém hoặc kém phát triển đến đâu. Con người sẽ trở nên vĩ đại hơn con người. Đây là ý nghĩa trong Giáo hội sơ khai của học thuyết 'phong thần' mà nhiều Giáo phụ đề cập đến. Đó không phải là vấn đề của ý kiến sùng đạo mà là vấn đề hoàn toàn chắc chắn đối với những người nhìn thấy sự hoạt động của kế hoạch.

Obviously, however, we are yet very far from this attainment; a long upward path lies before us before we can reach that far-distant summit, and though on the whole it rises steadily, there must necessarily be many minor ups and downs in the future as there have been in the past. History shows us that hitherto the advancement mankind has been cyclic in its character.

Tuy nhiên, rõ ràng là chúng ta vẫn còn rất xa mới đạt được điều này; một con đường dài đi lên nằm trước mắt chúng ta trước khi chúng ta có thể đến được đỉnh cao xa xôi đó, và mặc dù nhìn chung nó đi lên một cách ổn định, nhưng chắc chắn phải có nhiều thăng trầm nhỏ trong tương lai cũng như đã từng có trong quá khứ. Lịch sử cho chúng ta thấy rằng cho đến nay, sự tiến bộ của nhân loại mang tính chu kỳ.

Each unit lives his long series of progressive lives, not in one race but in many successive races, in order that he may learn the special lessons which each has to teach. One can image a soul incarnating in ancient India to develop religious fervour, in classical Greece to gain artistic capacity, in the Rome of the Caesars to learn the immense power of discipline and order, among ourselves at the present day to acquire the scientific habit of mind, and so on.

Mỗi đơn vị sống chuỗi dài các kiếp sống tiến bộ của mình, không phải trong một chủng tộc mà là trong nhiều chủng tộc kế tiếp nhau, để y có thể học được những bài học đặc biệt mà mỗi chủng tộc phải dạy. Người ta có thể hình dung một linh hồn đầu thai ở Ấn Độ cổ đại để phát triển lòng nhiệt thành tôn giáo, ở Hy Lạp cổ điển để có được năng mãnh lực nghệ thuật, ở Rome của các hoàng đế Caesar để học được sức mạnh to lớn của kỷ luật và trật tự, giữa chúng ta ngày nay để có được thói quen tư duy khoa học, v.v.

The same great host of souls sweeps on through all ages, animating all these races in turn, and learning from all; but the races themselves arise, grow, decay and fall as they are needed. So when a nation loses its former glory and falls behind in the race (as, for example, modern Greece seems to have done in comparison with ancient Greece), it does not mean that a certain group of men is decadent, but that there are at the moment no souls who need precisely the type of training which that race at its best used to give, or that that training is now being given elsewhere.

Cùng một tập hợp linh hồn lớn lao quét qua mọi thời đại, lần lượt làm sống động tất cả các chủng tộc này, và học hỏi từ tất cả; nhưng bản thân các chủng tộc phát sinh, phát triển, suy tàn và sụp đổ khi chúng được cần đến. Vì vậy, khi một quốc gia đánh mất vinh quang trước đây của mình và tụt hậu trong cuộc đua (ví dụ, Hy Lạp hiện đại dường như đã làm như vậy so với Hy Lạp cổ đại), thì điều đó không có nghĩa là một nhóm người nào đó đang suy đồi, mà là hiện tại không có linh hồn nào cần chính xác loại hình đào tạo mà chủng tộc đó ở thời kỳ đỉnh cao của nó đã từng cung cấp, hoặc rằng loại hình đào tạo đó hiện đang được cung cấp ở nơi khác.

Consequently, the physical bodies of the descendants of those great men of old are now animated by souls of a lower type, while the great men themselves are now (as ever) in the forefront of evolution, but incarnated in some

Do đó, thể xác của con cháu của những vĩ nhân thời xưa hiện đang được những linh hồn thuộc loại thấp hơn làm sống động, trong khi bản thân những vĩ nhân đó hiện đang (như mọi khi) đi đầu trong quá trình tiến hóa, nhưng đầu thai vào một

other race in order to grow still greater by developing in new directions. A race dies precisely as a class at a university might die if there were no longer any students taking up that particular subject.

chủng tộc khác để phát triển hơn nữa bằng cách phát triển theo những hướng mới. Một chủng tộc chết đi giống như một lớp học ở một trường đại học có thể chết đi nếu không còn sinh viên nào theo học môn học cụ thể đó nữa.

Clairvoyance enables us to examine a much larger section of the earth's past history than can be reached along ordinary lines; and this fuller study of the past makes it possible, to some extent, to forecast by analogy some of the steps in the more immediate future. From such a study of the records it appears fairly certain that we are at the moment passing through a transition period, and that instead of representing, as we often fondly imagine, the highest development yet seen on earth, we are in reality in the trough between two waves of progress. The democratic tendency of which some of us are so proud does not represent, as is generally supposed, the ultimate achievement of human wisdom, but is an experiment which was tried thoroughly and carried out to its logical conclusion thousands of years ago, and then abandoned in universal disgust as irrational, unworkable, and leading to endless confusion. If we are to repeat the course of that experiment, it seems unpleasantly certain that we shall have to pass through a good deal of this confusion and suffering once again, before we arrive at the stage of common sense which Mr. Wells so happily describes in the story previously mentioned.

Khả năng thông nhãn cho phép chúng ta kiểm tra một phần lớn hơn lịch sử quá khứ của trái đất so với những gì có thể đạt được theo những cách thông thường; và nghiên cứu đầy đủ hơn về quá khứ này, ở một mức độ nào đó, có thể dự báo bằng cách tương tự một số bước trong tương lai trước mắt. Từ nghiên cứu như vậy về các ghi chép, dường như khá chắc chắn rằng hiện tại chúng ta đang trải qua giai đoạn chuyển tiếp, và rằng thay vì đại diện, như chúng ta thường tưởng tượng một cách trìu mến, sự phát triển cao nhất từng thấy trên trái đất, thì trên thực tế, chúng ta đang ở trong máng nước giữa hai làn sóng tiến bộ. Xu hướng dân chủ mà một số người trong chúng ta rất tự hào không đại diện, như thường được cho là, thành tựu cuối cùng của trí tuệ loài người, mà là một thí nghiệm đã được thử nghiệm kỹ lưỡng và được thực hiện đến kết luận hợp lý của nó hàng nghìn năm trước, và sau đó bị từ bỏ trong sự chán ghét phổ biến vì phi lý, không thể thực hiện được, và dẫn đến sự nhầm lẫn vô tận. Nếu chúng ta lặp lại quá trình của thí nghiệm đó, thì dường như chắc chắn một cách khó chịu rằng chúng ta sẽ phải trải qua rất nhiều sự nhầm lẫn và đau khổ này một lần nữa, trước khi chúng ta đến được giai đoạn lẽ thường mà ông Wells đã mô tả một cách hạnh phúc như vậy trong câu chuyện đã đề cập trước đó.

But when that madness is over and reason begins to reassert itself, it is manifest that there will be before us a period of far more rapid progress, in which we shall be able to avail ourselves of many aids which are not now at our disposal. The mere fact that the use of the higher faculties is slowly spreading among humanity, will presently make an almost incalculable difference in many directions.

Nhưng khi cơn điên rồ đó qua đi và lý trí bắt đầu khẳng định lại chính mình, thì rõ ràng là sẽ có trước mắt chúng ta một thời kỳ tiến bộ nhanh chóng hơn nhiều, trong đó chúng ta sẽ có thể tận dụng nhiều sự trợ giúp mà hiện tại chúng ta không có. Chỉ riêng thực tế là việc sử dụng các năng mãnh lực cao hơn đang dần lan rộng trong nhân loại, sẽ sớm tạo ra một sự khác biệt gần như không thể tính toán được theo nhiều hướng.

Imagine a condition in which all deception or fraud will be impossible, in which misunderstandings can no longer occur, because each man can read the thought of the other—in which no one will ever again be set to do work for which he is unfitted, because from the first, parents and tutors will be able to see exactly the

Hãy tưởng tượng một điều kiện mà mọi sự lừa dối hoặc gian lận sẽ không thể xảy ra, trong đó sự hiểu lầm không còn có thể xảy ra nữa, bởi vì mỗi người đều có thể đọc được suy nghĩ của người kia —trong đó sẽ không còn ai bị bắt làm những công việc mà y không phù hợp nữa, bởi vì ngay từ đầu, cha mẹ và gia sư sẽ có thể nhìn thấy chính xác

capacities of those committed to their care—in which a doctor cannot make mistakes, because he will see for himself exactly what is the matter with his patient, and can watch in detail the action of his remedies. Think what a difference it will make in our lives when death no longer separates us from those whom we love, because the astral world lies open to us just as does the physical; when it will be impossible for men any longer to doubt the reality of the Divine scheme, because its lower stages are visibly before their eyes. Art and music will be far grander then, for astral colours and harmonies will be at our command as well as those which we now know.

năng mãnh lực của những người được giao phó cho họ chăm sóc—trong đó một bác sĩ không thể mắc sai lầm, bởi vì y sẽ tự mình nhìn thấy chính xác bệnh nhân của mình bị làm sao, và có thể theo dõi chi tiết tác dụng của các phương thuốc của mình. Hãy nghĩ xem điều đó sẽ tạo ra sự khác biệt như thế nào trong cuộc sống của chúng ta khi cái chết không còn chia cắt chúng ta khỏi những người mà chúng ta yêu thương nữa, bởi vì cõi cảm dục mở ra cho chúng ta cũng giống như thế giới vật lý; khi con người không còn có thể nghi ngờ thực tế của kế hoạch Thiêng liêng nữa, bởi vì các giai đoạn thấp hơn của nó hiển hiện trước mắt họ. Nghệ thuật và âm nhạc khi đó sẽ trở nên tuyệt vời hơn nhiều, bởi vì màu sắc và sự hài hòa của cảm xúc sẽ nằm trong tầm tay chúng ta cũng như những thứ mà chúng ta hiện biết.

The problems of science will be solved, for the vast additions to human knowledge will blend all its branches into one perfect scheme. Geometry and mathematics will be far more satisfactory, because we shall then see what they really mean and what part they play in the splendid system of the worlds.

Các vấn đề của khoa học sẽ được giải quyết, bởi vì những bổ sung to lớn vào kiến thức của con người sẽ kết hợp tất cả các nhánh của nó thành một kế hoạch hoàn hảo. Hình học và toán học sẽ thỏa mãn hơn nhiều, bởi vì khi đó chúng ta sẽ thấy ý nghĩa thực sự của chúng và vai trò mà chúng đóng trong hệ thống tuyệt vời của các thế giới.

Geometry as we have it now is but a fragment; it is an exoteric preparation for the esoteric reality. Because we have lost the true sense of space, the first step towards that knowledge is the cognition of the fourth dimension. For example, there are five, and only five, possible regular solids—those which are sometimes called the Platonic Solids; to us, that is an interesting fact and no more, but the student who has been initiated into the Mysteries knows that, with a point at one end of the series and a sphere at the other, they make a set of seven which bears a mystic meaning, explaining the relations one to the other of the different types of matter in the seven planes of our Solar System, and the power of the forces that play through them. Treated only from the physical plane, studied as ends in themselves, instead of as means to an end, geometry and mathematics must always remain incomplete, like beautiful avenues that lead nowhere.

Hình học như chúng ta có hiện nay chỉ là một mảnh vỡ; nó là sự chuẩn bị ngoại môn cho thực tại nội môn. Bởi vì chúng ta đã đánh mất cảm nhận thực sự về không gian, nên bước đầu tiên để đạt được kiến thức đó là nhận thức về chiều kích thứ tư. Ví dụ, có năm, và chỉ năm, khối đa diện đều có thể có—những khối đa diện đôi khi được gọi là Khối Platon; đối với chúng ta, đó là một sự thật thú vị và không hơn, nhưng người nghiên cứu đã được điểm đạo vào các Bí ẩn biết rằng, với một điểm ở một đầu của chuỗi và một hình cầu ở đầu kia, chúng tạo thành một tập hợp bảy thứ mang ý nghĩa huyền bí, giải thích mối quan hệ giữa các loại vật chất khác nhau trong bảy cõi của Hệ Mặt trời của chúng ta, và sức mạnh của các mãnh lực hoạt động thông qua chúng. Chỉ được xử lý từ cõi vật lý, được nghiên cứu như những mục đích tự thân, thay vì như phương tiện để đạt được mục đích, hình học và toán học phải luôn luôn không đầy đủ, giống như những con đường tuyệt đẹp không dẫn đến đâu.

Every feature of life will be wider and fuller, because we shall see much more than we do now of the beautiful and wonderful world in which our lot is cast; understanding more, we cannot

Mọi đặc điểm của cuộc sống sẽ rộng lớn hơn và đầy đủ hơn, bởi vì chúng ta sẽ nhìn thấy nhiều hơn những gì chúng ta hiện thấy về thế giới tươi đẹp và tuyệt vời mà chúng ta đang sống; hiểu biết

but admire and love more, so we shall be infinitely happier, as we draw steadily nearer to that ultimate perfection which is absolute happiness, because it is union with the Eternal Love.

nhiều hơn, chúng ta không thể không ngưỡng mộ và yêu thương nhiều hơn, vì vậy chúng ta sẽ hạnh phúc hơn vô hạn, khi chúng ta tiến gần hơn đến sự hoàn thiện cuối cùng đó là hạnh phúc tuyệt đối, bởi vì nó là sự hợp nhất với Tình yêu thương Vĩnh cửu.

CHAPTER XXV - THE WAY TO SEERSHIP—CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN TIẾN TRI

I HAVE no doubt that many people will find it difficult to believe much of what I have written. I sympathize with them, because I realise quite well how fantastic much of it would have appeared to *me* before I had studied these matters or was able to see them for myself. I know also that, without throwing the slightest imputation upon my good faith, many people will inevitably doubt whether I have seen all these things clearly and reported them exactly. One quaint criticism was offered by a friend, who said:

Tôi không nghi ngờ gì rằng nhiều người sẽ cảm thấy khó tin phần lớn những gì tôi đã viết. Tôi thông cảm với họ, bởi vì tôi nhận thức rất rõ phần lớn những điều đó sẽ xuất hiện với tôi như thế nào trước khi tôi nghiên cứu những vấn đề này hoặc có thể tự mình nhìn thấy chúng. Tôi cũng biết rằng, mà không hề nghi ngờ gì về thiện chí của tôi, nhiều người chắc chắn sẽ nghi ngờ liệu tôi có nhìn thấy tất cả những điều này một cách rõ ràng và báo cáo chúng một cách chính xác hay không. Một lời chỉ trích kỳ lạ được đưa ra bởi một người bạn, người đã nói:

"It seems as though you had written this to justify your own peculiarities, for the things that you recommend here are just those in which you differ from many others."

"Dường như bạn đã viết điều này để biện minh cho những điều kỳ quặc của riêng bạn, bởi vì những điều bạn đề xuất ở đây chỉ là những điều mà bạn khác biệt với nhiều người khác."

The friend was confusing cause and effect; if I do, or try to do, these various things which I have prescribed, it is just because I have seen with regard to them what I have described in the book. If, however, there are those, as there well may be, who find these things hard to believe, I can only say to them that the best way to get corroboration of any of the Theosophical ideas is to take them for granted and work with them, for then it will soon be found that they prove themselves.

Người bạn đó đã nhầm lẫn giữa nguyên nhân và kết quả; nếu tôi làm, hoặc cố gắng làm, những điều khác nhau này mà tôi đã quy định, thì đó chỉ là vì tôi đã thấy liên quan đến chúng những gì tôi đã mô tả trong cuốn sách. Tuy nhiên, nếu có những người, như có thể có, những người cảm thấy những điều này khó tin, thì tôi chỉ có thể nói với họ rằng cách tốt nhất để có được sự chứng thực cho bất kỳ ý tưởng Thông Thiên Học nào là coi chúng là điều hiển nhiên và làm việc với chúng, bởi vì khi đó sẽ sớm thấy rằng chúng tự chứng minh.

It is within the power of every man to develop the faculties by which all this has been seen, nor is there any mystery as to the method by which such development is achieved. These faculties will inevitably come to everyone in the course of his evolution, but most men still stand a long way from the point at which they are likely to unfold, though sporadic flashes of clairvoyance are by no means uncommon, and many people have at least a certain amount of sensitiveness.

Mọi người đều có khả năng phát triển các năng mãnh lực mà nhờ đó tất cả những điều này đã được nhìn thấy, và cũng không có bí ẩn nào về phương pháp mà sự phát triển đó đạt được. Những năng mãnh lực này chắc chắn sẽ đến với mọi người trong quá trình tiến hóa của họ, nhưng hầu hết mọi người vẫn còn cách xa điểm mà chúng có khả năng mở ra, mặc dù những tia sáng lẻ tẻ của khả năng thông nhãn không phải là hiếm, và nhiều người ít nhất có một mức độ nhạy cảm nhất định.

Let me not be misunderstood when I say that the ordinary man is still far from the probability of possessing these senses. I do not mean because he is not good enough, for it is not a question of goodness at all—although it is certainly true that if a man of impure or cruel tendency should acquire such faculties he would do far more

Đừng hiểu lầm tôi khi tôi nói rằng người bình thường vẫn còn cách xa khả năng sở hữu những giác quan này. Ý tôi không phải là vì y không đủ tốt, vì đó hoàn toàn không phải là vấn đề về lòng tốt—mặc dù chắc chắn là đúng rằng nếu một người có khuynh hướng không trong sạch hoặc tàn nhẫn có được những năng mãnh lực như vậy,

harm than good with them, to himself and to everyone else. I mean that the whole trend of modern life and thought is unfavourable to such unfolding, and that the man who wishes to undertake it must to a great extent abstract himself from the life of the world and get himself into an entirely different atmosphere.

thì y sẽ làm hại nhiều hơn lợi với chúng, cho bản thân y và cho mọi người khác. Ý tôi là toàn bộ xu hướng của cuộc sống và suy nghĩ hiện đại không thuận lợi cho sự mở ra như vậy, và người muốn thực hiện nó phải ở một mức độ lớn tách mình ra khỏi cuộc sống của thế giới và đưa mình vào một bầu không khí hoàn toàn khác.

Such a life as I have prescribed on this book is precisely that which would put a man into a favourable position for the growth of these faculties; and it is not difficult to see how far from this is the ordinary life of the present day. That is why it seems unhopeful to suggest to the average person that he should undertake the task of opening out these powers. They are unquestionably within his reach; but to get himself into a position from which he could begin a real effort towards them means already much radical alteration in the life which he has been accustomed to live. And then, even when he has gradually eradicated from his body all the poisonous products of flesh, alcohol and tobacco, when he has raised his aspirations from the lower to the higher, when he has cast out from himself all traces of self-consciousness or impurity—even then the effort required is greater than many men could make.

Một cuộc sống như tôi đã quy định trong cuốn sách này chính xác là cuộc sống sẽ đưa một người vào vị trí thuận lợi cho sự phát triển của những năng mãnh lực này; và không khó để thấy cuộc sống bình thường của ngày nay cách xa điều này biết bao. Đó là lý do tại sao có vẻ như không có hy vọng khi đề nghị với người bình thường rằng y nên đảm nhận nhiệm vụ mở ra những sức mạnh này. Không nghi ngờ gì nữa, chúng nằm trong tầm tay của y; nhưng để đưa mình vào vị trí mà từ đó y có thể bắt đầu một nỗ lực thực sự hướng tới chúng đồng nghĩa với việc đã có nhiều thay đổi căn bản trong cuộc sống mà y đã quen sống. Và sau đó, ngay cả khi y đã dần dần loại bỏ khỏi cơ thể mình tất cả các sản phẩm độc hại của thịt, rượu và thuốc lá, khi y đã nâng cao khát vọng của mình từ thấp kém lên cao thượng, khi y đã loại bỏ khỏi bản thân mình tất cả dấu vết của sự tự ti hoặc ô uế—thì ngay cả khi đó, nỗ lực cần thiết cũng lớn hơn nhiều so với những gì nhiều người có thể thực hiện.

The eventual result is as certain as the working out of a problem in Euclid, but the time occupied may be long, and iron determination and an indomitable will are required for the work; and these are faculties which at present are the possession of but few. Nevertheless “what man has done man can do” if he will; I who write have succeeded in this thing, and I have known others who have succeeded; and all who have gained that prize feel it to be far more than worth all the efforts put forth in the course of its attainment. Let me then conclude my book by a plain statement, made as simply as possible, of what these powers are, by means of which it has been written, why they are desirable, and how they may be acquired.

Kết quả cuối cùng cũng chắc chắn như việc giải một bài toán trong Euclid, nhưng thời gian bị chiếm dụng có thể dài, và sự quyết tâm sắt đá và ý chí kiên cường là cần thiết cho công việc; và đây là những năng mãnh lực mà hiện tại chỉ có số ít người sở hữu. Tuy nhiên, "những gì con người đã làm thì con người có thể làm" nếu y muốn; tôi, người viết, đã thành công trong việc này, và tôi đã biết những người khác đã thành công; và tất cả những ai đã đạt được giải thưởng đó đều cảm thấy nó đáng giá hơn nhiều so với tất cả những nỗ lực đã bỏ ra trong quá trình đạt được nó. Vậy thì, hãy để tôi kết thúc cuốn sách của mình bằng một tuyên bố rõ ràng, được đưa ra một cách đơn giản nhất có thể, về những sức mạnh này là gì, bằng phương tiện nào mà nó đã được viết ra, tại sao chúng đáng mong muốn và làm thế nào để có được chúng.

A fish is a denizen of our world, just as a man is; but it is obvious that his conception of that world must be exceedingly imperfect. Confined as he is

Một con cá là cư dân của thế giới chúng ta, cũng giống như con người; nhưng rõ ràng là quan niệm của nó về thế giới đó phải cực kỳ không hoàn hảo.

to his one element, what can he know of the beauty of landscapes, of the glory of sunsets, of the far-reaching interests of our varied and complex human life? He lives on a globe of which he knows almost nothing; yet no doubt he is perfectly satisfied, and thinks that what he knows is all there is to know.

Bị giới hạn trong một nguyên tố của mình, nó có thể biết gì về vẻ đẹp của phong cảnh, về vẻ đẹp rực rỡ của hoàng hôn, về những điều thú vị sâu rộng của cuộc sống con người đa dạng và phức tạp của chúng ta? Nó sống trên một quả địa cầu mà nó hầu như không biết gì về nó; tuy nhiên, chắc chắn nó hoàn toàn hài lòng, và nghĩ rằng những gì nó biết là tất cả những gì cần biết.

It is not flattering to our self-conceit, yet it is an absolute fact, that the majority of mankind are precisely in the position of the fish. They are living in a world, only one small department of which is within their ken; yet they are quite content with that, and are usually blankly ignorant or fiercely incredulous as to the wider and grander life which surrounds them on every side.

Điều đó không làm hài lòng lòng tự ái của chúng ta, nhưng đó là một sự thật tuyệt đối, rằng phần lớn nhân loại chính xác đang ở vị trí của loài cá. Họ đang sống trong một thế giới mà chỉ có một bộ phận nhỏ nằm trong tầm hiểu biết của họ; tuy nhiên, họ hoàn toàn bằng lòng với điều đó, và thường hoàn toàn không biết gì hoặc ngờ vực một cách dữ dội về cuộc sống rộng lớn hơn và tuyệt vời hơn bao quanh họ ở mọi phía.

How do we know of this wider life? Not only by religious revelation, but because there are men who have learnt how to see, not indeed the whole of our world, but at least much more of it than is seen by most people. These are the men whom we call seers, or clairvoyants.

Làm thế nào chúng ta biết về cuộc sống rộng lớn hơn này? Không chỉ bằng sự mặc khải tôn giáo, mà còn bởi vì có những người đã học cách nhìn thấy, thực sự không phải là toàn bộ thế giới của chúng ta, mà ít nhất là nhiều hơn những gì hầu hết mọi người nhìn thấy. Đây là những người mà chúng ta gọi là những người tiên kiến, hoặc những người có khả năng thông nhãn.

How do they see more than others? By the opening of latent faculties—faculties which everyone possesses, but which few as yet know how to use. Every man has other vehicles of matter finer than the physical—what St. Paul calls a “spiritual body” as well as a “natural body”. Just as through the senses of the physical body we become aware of physical things, so through what may be called the senses of these finer bodies do we become aware of higher things.

Làm thế nào họ nhìn thấy nhiều hơn những người khác? Bằng cách mở ra những năng mãnh lực tiềm ẩn—những năng mãnh lực mà mọi người đều sở hữu, nhưng cho đến nay ít người biết cách sử dụng. Mọi người đều có những thể khác làm bằng vật chất tinh tế hơn vật chất—thứ mà Thánh Paul gọi là "thể trí" cũng như "thể tự nhiên". Giống như thông qua các giác quan của thể xác, chúng ta nhận thức được những thứ vật lý, thì thông qua cái mà chúng ta có thể gọi là các giác quan của những thể tinh tế hơn này, chúng ta nhận thức được những thứ cao siêu hơn.

The advantages of such sight are manifold. For its possessor most of the problems of life are solved; for him it is not a matter of belief but of knowledge that man survives what is called death, that eternal Justice rules the world, that there is no possibility of final failure for anyone, and that, however deceptive appearances may be, in reality all things are working together for good. The man who is a seer can not only learn much more than others; he can also be much more helpful to his fellows than others.

Những lợi thế của thị lực như vậy là rất nhiều. Đối với người sở hữu nó, hầu hết các vấn đề của cuộc sống đều được giải quyết; đối với y, đó không phải là vấn đề của niềm tin mà là vấn đề của kiến thức rằng con người tồn tại sau cái được gọi là cái chết, rằng Công lý vĩnh cửu cai trị thế giới, rằng không có khả năng thất bại cuối cùng cho bất kỳ ai, và rằng, dù vẻ bề ngoài có lừa dối đến đâu, thì trên thực tế, mọi thứ đang cùng nhau hoạt động vì điều tốt đẹp. Người là người tiên kiến không chỉ có thể học hỏi được nhiều hơn những người khác;

y cũng có thể hữu ích cho đồng loại của mình hơn những người khác.

Since this seership is so desirable, since it lies latent in every one of us, is it possible for us to develop it? Certainly it is possible, if we are willing to take the trouble; but for most men it is no light task, for it means self-control and self-denial, perseverance and single-mindedness. Other men have done it, so you can do it; but you cannot do it unless you are prepared to throw all your strength into the effort, with an iron determination to succeed.

Vì khả năng tiên tri này rất đáng mong muốn, vì nó tiềm ẩn trong mỗi chúng ta, liệu chúng ta có thể phát triển nó không? Chắc chắn là có thể, nếu chúng ta sẵn sàng chịu khó; nhưng đối với hầu hết mọi người, đó không phải là một nhiệm vụ dễ dàng, vì nó có nghĩa là tự chủ và quên mình, kiên trì và chuyên tâm. Những người khác đã làm được, vì vậy bạn cũng có thể làm được; nhưng bạn không thể làm được điều đó trừ khi bạn sẵn sàng dồn hết sức mãnh lực của mình vào nỗ lực đó, với quyết tâm sắt đá để thành công.

The motive too, must be pure and good. The man whose enquiry is prompted merely by curiosity, or by an ignoble desire to obtain advantage or wealth for himself, will do well to take warning in time, and leave any sort of occult training severely alone until mental and moral growth are further advanced. For added power and knowledge mean added responsibility, and the higher sight may be a curse instead of a blessing to a man who is not ready for it.

Động cơ cũng phải thuần khiết và tốt đẹp. Người mà câu hỏi của y chỉ được thúc đẩy bởi sự tò mò, hoặc bởi mong muốn hèn hạ để có được lợi thế hoặc của cải cho bản thân, sẽ làm tốt việc cảnh giác kịp thời, và tránh xa bất kỳ loại rèn luyện huyền bí học nào cho đến khi sự phát triển tinh thần và đạo đức được nâng cao hơn nữa. Bởi vì sức mạnh và kiến thức được bổ sung đồng nghĩa với trách nhiệm được bổ sung, và thị lực cao hơn có thể là một lời nguyền thay vì một điều may mắn đối với người chưa sẵn sàng cho nó.

There are many ways by which the inner sight may be opened, and most of them are full of danger, and decidedly to be avoided. It may be done by the use of certain drugs, by self-hypnotisation, or by mesmerism; but all these methods may bring with them evil results which far outweigh the gain. There is, however, one process which can by no possibility do harm, and that is the way of thought-control and meditation. I do not say that the undertaking is easy; on the contrary, it is excessively difficult; but I do say that it can be done by determined effort, because it *has* been done.

Có nhiều cách để mở ra thị lực bên trong, và hầu hết chúng đều đầy nguy hiểm, và chắc chắn nên tránh. Nó có thể được thực hiện bằng cách sử dụng một số loại thuốc nhất định, bằng cách tự thôi miên hoặc bằng cách thôi miên; nhưng tất cả những phương pháp này có thể mang lại những kết quả xấu xa vượt xa lợi ích. Tuy nhiên, có một quá trình không thể gây hại, và đó là con đường kiểm soát suy nghĩ và thiền định. Tôi không nói rằng việc thực hiện là dễ dàng; ngược lại, nó cực kỳ khó khăn; nhưng tôi nói rằng nó có thể được thực hiện bằng nỗ lực quyết tâm, bởi vì nó đã được thực hiện.

The man who wishes to attempt this must begin by acquiring control over his mind—a herculean task in itself. He must learn to concentrate himself upon whatever he may be doing, so that it shall be as well done as is possible for him to do it. He must learn to wield his mind as a skillful fencer wields his weapon, turning it at will in this direction or that, and able to hold it as firmly as he wishes. Try to keep your mind fixed on one definite subject for five minutes; before half the time has passed you will find that wandering

Người muốn thử điều này phải bắt đầu bằng cách có được quyền kiểm soát tâm trí của mình—một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn. Y phải học cách tập trung vào bất cứ điều gì y đang làm, để nó được thực hiện tốt nhất có thể đối với y. Y phải học cách sử dụng tâm trí của mình như một kiếm sĩ khéo léo sử dụng vũ khí của mình, tùy ý xoay chuyển nó theo hướng này hay hướng khác, và có thể giữ nó chắc chắn như y muốn. Cố gắng giữ cho tâm trí của bạn tập trung vào một chủ đề xác định trong năm phút; trước khi một nửa thời gian

thoughts have slipped in unawares, and that the mind has soared far away beyond the limits which you set for it. That means that it is not perfectly under your control, and to remedy this condition of affairs is our first step—by no means an easy one.

trôi qua, bạn sẽ thấy rằng những suy nghĩ lang thang đã len lỏi vào một cách không hay biết, và tâm trí đã bay xa khỏi giới hạn mà bạn đặt ra cho nó. Điều đó có nghĩa là nó không hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát của bạn, và khắc phục tình trạng này là bước đầu tiên của chúng ta—hoàn toàn không phải là một bước dễ dàng.

Nothing but steady practice will give you this power; but fortunately that practice can be had all day long, in business as well as during hours of leisure. If you are writing a letter, keep your mind on that letter, so that it may be written perfectly, clearly, quickly. If you are reading a book, keep your mind on that book, so that you may fully grasp the author's meaning, and gain from it all that he intended you to gain.

Không có gì ngoài sự luyện tập ổn định mới có thể mang lại cho bạn sức mạnh này; nhưng may mắn thay, sự luyện tập đó có thể có được cả ngày dài, trong kinh doanh cũng như trong giờ giải trí. Nếu bạn đang viết một bức thư, hãy tập trung vào bức thư đó, để nó được viết một cách hoàn hảo, rõ ràng, nhanh chóng. Nếu bạn đang đọc một cuốn sách, hãy tập trung vào cuốn sách đó, để bạn có thể nắm bắt đầy đủ ý nghĩa của tác giả, và thu được từ đó tất cả những gì tác giả dự định cho bạn thu được.

In addition to thus practising concentration in the ordinary course of life, it will help you greatly if you set apart a certain time each day for special effort along these lines. Early morning is the most suitable; but, at any rate, it should be at time when you can be sure of being undisturbed, and it should always be at the same hour, for regularity is of the essence of the prescription. Sit down quietly and get your mind perfectly calm; agitation or worry of any sort is absolutely fatal to success. Then turn the mind upon some subject selected beforehand, and consider it attentively and exhaustively, never allowing your thoughts to stray aside from it in the slightest degree, even for a moment. Of course at first they *will* stray; but each time you must drag them back again and start afresh. You will find it best to take concrete subjects at first; it is only after much practice that the more abstract can profitably be considered.

Ngoài việc luyện tập sự tập trung như vậy trong cuộc sống hàng ngày, nó sẽ giúp ích rất nhiều cho bạn nếu bạn dành riêng một khoảng thời gian nhất định mỗi ngày cho nỗ lực đặc biệt theo những hướng này. Sáng sớm là thời điểm thích hợp nhất; nhưng, dù sao đi nữa, đó nên là thời điểm mà bạn có thể chắc chắn rằng mình sẽ không bị làm phiền, và nó nên luôn luôn vào cùng một giờ, bởi vì sự đều đặn là điều cốt yếu của phương pháp này. Hãy ngồi xuống một cách yên tĩnh và làm cho tâm trí của bạn hoàn toàn bình tĩnh; sự kích động hoặc lo lắng thuộc bất kỳ loại nào cũng hoàn toàn tai hại cho sự thành công. Sau đó, chuyển tâm trí sang một chủ đề nào đó đã được chọn trước, và xem xét nó một cách chú ý và toàn diện, không bao giờ cho phép suy nghĩ của bạn đi lạc khỏi nó dù chỉ một chút, dù chỉ trong giây lát. Tất nhiên, lúc đầu chúng sẽ đi lạc; nhưng mỗi lần bạn phải kéo chúng trở lại và bắt đầu lại. Bạn sẽ thấy tốt nhất là nên lấy những chủ đề cụ thể lúc đầu; chỉ sau khi luyện tập nhiều thì mới có thể xem xét những điều trừu tượng hơn một cách có lợi.

When through long habitude all this has become thoroughly familiar to you, when you have attained the power of concentration, and when the mind is well under your control, another step may be taken. Begin now to choose for the subject of your morning meditation the highest ideal that you know. What the ideal is does not matter in the least, for we are dealing now with basic

Khi thông qua thói quen lâu dài, tất cả những điều này đã trở nên hoàn toàn quen thuộc với bạn, khi bạn đã đạt được sức mạnh tập trung, và khi tâm trí đã nằm trong tầm kiểm soát của bạn, thì có thể thực hiện bước tiếp theo. Bây giờ hãy bắt đầu chọn cho chủ đề thiền định buổi sáng của bạn lý tưởng cao nhất mà bạn biết. Lý tưởng đó là gì không quan trọng chút nào, bởi vì bây giờ

facts and not with outer forms. The Hindu may take Shri Krishna, the Muhammadan, Allah, the Parsi, Zoroaster, the Buddhist, the Lord BUDDHA, and the Christian, the Lord Christ, or if he be a Catholic, perhaps the Blessed Virgin or one of the Saints. It matters not at all, so long as the contemplation of that ideal arouses within the man all the ardour, devotion and reverence of which he is capable. Let him contemplate it with ecstasy, till his soul is filled with its glory and its beauty; and then, putting forth all the strength which his long practice of concentration had given him, let him make a determined effort to raise his consciousness to that ideal, to merge himself in it, to become one with it.

chúng ta đang đối phó với những sự thật cơ bản chứ không phải với những hình thức bên ngoài. Người theo đạo Hindu có thể lấy Shri Krishna, người theo đạo Hồi lấy Allah, người theo đạo Ba Tư lấy Zoroaster, người theo đạo Phật lấy Đức Phật, và người theo đạo Cơ đốc lấy Đức Christ, hoặc nếu y là người Công giáo, có lẽ là Đức Mẹ Đồng trinh hoặc một trong các Thánh. Điều đó không quan trọng chút nào, miễn là việc chiêm ngưỡng lý tưởng đó khơi dậy trong con người tất cả lòng nhiệt thành, sự tận tâm và lòng tôn kính mà y có khả năng. Hãy để y chiêm ngưỡng nó với sự ngây ngất, cho đến khi linh hồn của y tràn ngập vinh quang và vẻ đẹp của nó; và sau đó, sử dụng tất cả sức mạnh mà sự luyện tập tập trung lâu dài của y đã mang lại cho y, hãy để y nỗ lực quyết tâm để nâng cao tâm thức của mình đến lý tưởng đó, để hòa mình vào nó, để trở thành một với nó.

He may make that endeavour many times, and yet fail; but if he perseveres, and if his attempt is made in all truth and unselfishness, there will come a time when suddenly he knows that he has succeeded, when the blinding light of the higher life bursts upon him, and he realises that ideal a thousandfold more than ever before. Then he sinks back again into the light of common day; yet that one momentary glimpse can never be forgotten, and even if he goes no further, life will never look the same to him as it did before he saw.

Y có thể nỗ lực nhiều lần, nhưng vẫn thất bại; nhưng nếu y kiên trì, và nếu nỗ lực của y được thực hiện trong tất cả sự chân thật và vị tha, sẽ có lúc y đột nhiên biết rằng mình đã thành công, khi ánh sáng chói lòa của cuộc sống cao hơn ập đến với y, và y nhận ra lý tưởng đó gấp nghìn lần so với trước đây. Sau đó, y lại chìm vào ánh sáng của ngày thường; tuy nhiên, cái nhìn thoáng qua trong giây lát đó không bao giờ có thể bị lãng quên, và ngay cả khi y không tiến xa hơn nữa, thì cuộc sống sẽ không bao giờ giống như đối với y như trước khi y nhìn thấy.

But if he persists in his endeavour, that splendid flash of glory will come to him again and yet again, each time staying with him longer and longer, until at last he will find himself able to raise his consciousness to that higher level whenever he wishes—to observe, to examine and explore that phase of life just as he now does this; and thus he joins the ranks of those who *know,* instead of guessing or vaguely hoping, and he becomes a power for good in the world.

Nhưng nếu y kiên trì nỗ lực, thì tia sáng rực rỡ đó sẽ lại đến với y hết lần này đến lần khác, mỗi lần ở lại với y lâu hơn và lâu hơn, cho đến khi cuối cùng y sẽ thấy mình có thể nâng cao tâm thức của mình lên cấp độ cao hơn đó bất cứ khi nào y muốn —để quan sát, kiểm tra và khám phá giai đoạn đó của cuộc sống cũng giống như y hiện đang làm điều này; và do đó, y gia nhập hàng ngũ của những người biết, thay vì phỏng đoán hoặc hy vọng một cách mơ hồ, và y trở thành một sức mạnh cho điều thiện trên thế giới.
